

NEW YORK TIMES BESTSELLER

"Sopranos, watch
your backs!"
— *Entertainment Weekly*

The Godfather

RETURNS

A new novel based on
the Corleone Family characters created by

Mario Puzo

Mark Winegardner

Bố Già Trở Lại

Mark Winegardner

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Phân vai Nhân vật](#)

[PHẦN I](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[PHẦN II](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[PHẦN III](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[PHẦN IV](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[PHẦN V](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[PHẦN VI](#)

[Chương 21](#)

[PHẦN VII](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[PHẦN VIII](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[PHẦN IX](#)

[Chương 32](#)

[VỀ TÁC GIẢ](#)

Giới thiệu

35 năm về trước, Mario Puzo đã kể câu chuyện mafia hay nhất lịch sử. Đó là cuốn *The Godfather (Bố già)*. Nay, khi mà Puzo đã là người thiên cổ, thì *Bố già đã trở lại (The Godfather returns)*, phát hành tại Mỹ hôm 16 -11) qua ngòi bút của tiểu thuyết gia Mark Winegardner.

Chắc chắn tác phẩm của ông sẽ là một best -seller vì tất cả những gì hàng triệu độc giả và khán giả khắp thế giới không được thỏa mãn sau khi đọc *Bố già của Mario Puzo* và bộ 3 phim *Bố già của Francis Ford Coppola* (kịch bản đều của Mario Puzo) nay sẽ được Mark Winegardner giải tỏa.

Những nhân vật quen thuộc tái xuất giang hồ

Thời điểm là năm 1955. Sau khi đã toàn thắng trong cuộc chiến máu lửa với các gia đình tội ác ở New York, Bố già Michael Corleone ra sức củng cố quyền lực, cứu cuộc hôn nhân của mình với cô sinh viên Mỹ Kay Adams khỏi đổ vỡ và chuyển mọi hoạt động của gia đình sang phần bên này của biên giới pháp luật.

Nhưng để hoàn tất ba mục tiêu này, Michael còn phải đối phó với đối thủ nguy hiểm nhất là Nick Geraci, một cựu võ sĩ quyền Anh đã leo lên các nấc thang xã hội bằng việc học và tốt nghiệp nghề luật sư, dù lúc nào hắn cũng là một sát thủ kinh khủng nhất của cánh Corleone. Nếu so về trí mưu mô nham hiểm và dũng khí thì Michael Corleone tám lạng còn Nick Geraci nửa cân.

Cuộc chiến tranh lạnh giữa Michael với Nick kéo dài từ năm 1955 đến 1962, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt của các gia đình mafia mạnh nhất nước Mỹ. Trong cuộc chiến này, mọi người đều là nạn nhân. Đó là Tom Hagen, luật sư kiêm cố vấn riêng (*consigliere*) của gia đình Corleone nay cũng đã bước vào chính trường ở bang Nevada. Đó là Francesca, một trong hai cô con gái sinh đôi của Sonny, anh lớn quá cổ của bố già Michael, phát hiện “lý lịch” thật của dòng họ Corleone. Đó là Don Louie Russo, biệt danh Fuckface, một ông trùm của cánh mafia tại Chicago giả vờ là kẻ khù khờ để dễ bề âm mưu rút thăm dưới chân bố già Michael. Vì hắn chính là “đứa con tinh thần” của trùm gangster Al Capone.

Đó còn là Peter Clemenza, một cánh tay mặt của cánh Corleone, người biết nhiều chuyện thật của gia đình mafia hơn bất cứ ai; là Johnny Fontane, nam ca sĩ trữ tình nổi tiếng nhất thế giới đang gặt hái những thành công lớn và bắt đầu kết thân với các chính khách hàng đầu ở thủ đô Mỹ.

Trong *Bố già trở lại* cũng xuất hiện một vài nhân vật mới nổi bật, ngoài sát thủ Nick Geraci. Chẳng hạn như đại sứ M. Corbett Shea, một cựu trùm buôn lậu rượu thời cấm rượu ở Mỹ những năm 30. Hắn muốn cậy nhờ nhà Corleone để con trai trúng cử tổng thống Mỹ! Hoặc những nhân vật có thật trong lịch sử Mỹ nay được nhắc đến qua các từ viết tắt không ai không biết là J.F.K; R.F.K... và cả nghệ sĩ tài hoa Andy Warhol.

Độc giả nào từng thắc mắc chuyện gì đã xảy ra khiến bố già Michael phải ra lệnh cho thủ hạ bắn chết chính anh của mình là Fredo Corleone như thế nào sau khi xem phần kết phim *Bố già 2* sẽ được Mark Winegardner giải đáp. Thì ra người con trai thứ yếu đuối của ông Vito, tức bố già đầu tiên trong dòng Corleone, đã dính vào một chuỗi các sự kiện bi thương kinh hoàng mà điểm cùng tận là sự phản bội gia đình mình!

Một nhà phê bình văn học của tuần báo chuyên ngành Publishers Weekly viết rằng, “với chừng ấy nhân vật rất quen thuộc, nội dung câu chuyện lần lượt diễn ra tại New York, Washington, Las Vegas, La Habana... , *Bố già trở lại* sẽ làm vừa lòng mọi độc giả từng thích *Bố già*. Thậm chí

làm vừa lòng cả *Bố già* và Mario Puzo, nhưng không vì thế mà Mark Winegardner đánh mất nét riêng của mình. Ông ta không phải là ngòi bút nô lệ của Puzo!”.

Người tái tạo Bố già là ai?

Hai năm về trước, khi Nhà Xuất bản Random House mở cuộc thi tuyển chọn tài năng nổi tiếp Mario Puzo đem lại sức sống mới cho *Bố già* (đã tiêu thụ được hơn 20 triệu ấn bản và sản sinh ra phim đoạt nhiều giải Oscar, giúp Marlon Brando tỏa sáng và giúp những Robert de Niro, Al Pacino, Robert Duvall, Diane Keaton trở thành những siêu sao điện ảnh, hàng chục tiểu thuyết gia tài danh của làng văn Mỹ đã vào cuộc. Nhưng khi Random House loan báo đã tìm ra được người viết tiếp cuốn *Bố già* của Mario Puzo là tiểu thuyết gia Mark Winegardner, giới phê bình văn học Mỹ đã sững sờ. Vì Mark đã nổi tiếng với những tiểu thuyết thuộc dòng chảy chính chứ không nhánh hình sự và nhất là hình sự gangster, mafia dù cho ông đã tập bước vào lãnh vực này với cuốn *Crooked River burning*.

Nhưng rồi mọi người đều công nhận sự chọn lựa của nhà xuất bản là chính xác. Thậm chí có nhà phê bình của *The New York Times* cho rằng cả Mario Puzo đội mồ sống lại cũng phải ngả nón bái chào Mark!

Winegardner mất hai năm để hoàn tất *The Godfather returns*. “Trong khi mọi người bàn tán về khả năng của tôi thì tôi chỉ bận tâm với duy nhất một điều là có vực dậy nổi *Bố già* trong giới hạn thời gian cho phép hay không” - ông kể. Ông đã thức một đêm, ngủ một đêm, khóa kín cửa nhà để khỏi bị quấy rầy và cũng để không cho mình được tự do ra ngoài, ngoại trừ những lần cần đi đến những địa danh từng là nơi có những sự kiện quan trọng xảy ra trong cuộc đời của các thành viên trong cánh mafia Corleone.

Tiểu thuyết gia này kể rằng cái khó nhất là làm sao lộn ngược dòng thời gian để mô tả lại những hoạt động của bố già Michael Corleone do Mario Puzo tạo dựng trước đây. Không lâu trước ngày qua đời, Puzo đã nói với nhà làm phim Francis Ford Coppola rằng có khả năng ông sẽ viết thêm để có thêm một phim *Bố già* 4. Theo ý của Puzo, kịch bản cho phim thứ tư này về gia đình mafia Corleone chủ yếu xoay quanh thời trai trẻ của nhân vật Sonny cực kỳ nóng tính và hung hãn (được thể hiện bởi James Caan trong phim *Bố già* I).

Nhưng Winegardner lại chú ý nhiều đến những gì đáng lẽ đã phải xảy ra sau khi Michael Corleone triệt hạ được mọi đối thủ (phần kết cuốn *Bố già*) rồi mới dẫn đến các sự việc mà họ đã được xem trong hai phim *Bố già* tiếp theo sau đó (đều diễn bởi Al Pacino, Diane Keaton). “Quãng thời gian từ năm 1955 đến 1979 là một con số không trong lịch sử cánh Corleone. Tôi cho rằng nhiều người sẽ thích thú được biết chuyện gì đã xảy đến với gia đình này trong những năm ấy”.

Mark Winegardner tốt nghiệp ưu hạng Khoa Sáng tác văn học Đại học Miami ở Ohio, đã sớm được biết đến trong làng văn Mỹ khi mới ở tuổi 26 vì đã có sách bán chạy. Ông hiện là giáo sư môn văn chương Mỹ ở Đại học tiểu bang Florida và đã đoạt giải Teaching Award 2004 của trường này cùng lúc với cuốn *3X33: Short Fiction by 33 writers* của ông được ấn hành.

“Tôi đã theo nghề này được 20 năm. Ngày nào cũng viết trong suốt thời gian ấy và tuy không là người Sicile nhưng rất vinh dự được tiếp nối Mario Puzo để sáng tác cuốn tiểu thuyết được nhiều người trông đợi từ rất lâu” - ông tâm sự khi lên đường quảng bá *The Godfather returns* ở 20 thành phố Mỹ trong tháng 11 - 2004.

Phân vai Nhân vật

Gia đình Corleone

Vito Corleone, bố già đời thứ nhất của gia đình tội ác hùng mạnh nhất New York

Carmela Corleone, vợ Vito Corleone và mẹ của bốn đứa con chung

Sonny Corleone, con trưởng của Vito và Carmela Corleone

Sandra Corleone, vợ Sonny, hiện sống ở Florida

Francesca, Kathy, Frankie và Chip Corleone, những đứa con của Sonny và Sandra Corleone

Tom Hagen, *consigliere* (cố vấn kiêm tổng quản) và là con nuôi không chính thức

Theresa Hagen, vợ Tom và mẹ của ba đứa con chung Andrew, Frank và Gianna

Frederico “Fredo” Corleone, con thứ nhì của Vito và Carmela (phó tướng, 1955 -1959)

Deanna Dunn, nữ diễn viên được giải Oscar, vợ Fredo

Michael Corleone, cậu út của Vito và Carmela và là Ông Trùm đương quyền của Gia đình Corleone

Kay Adams Corleone, vợ thứ nhì của Michael

Anthony và Mary Corleone, con của Michael và Kay Corleone

Connie Corleone, con gái Vito và Carmela

Carlo Rizzi, chồng quá cố của Connie Corleone

Ed Federici, chồng thứ nhì của Connie Corleone

Tổ chức gia đình Corleone

Cosimo “Con gián Momo” Barone, *soldato* (thuộc hạ) của Geraci và cháu của Sally Tessio

Pete Clemenza, *caporegime* (đầu lĩnh/thủ lĩnh)

Fausto Dominich “Nick” Geraci, Jr. (biệt hiệu Ace Geraci), *soldato* của Tessio, về sau là *caporegime* và sau là ông chủ (boss)

Charlotte Geraci, vợ Nick

Barb và Bev Geraci, hai con gái của Nick và Charlotte

Rocco Lampone, *caporegime*

Carmine Marino, *soldato* của Geraci và anh em họ xa của Gia đình Boccicchio

Al Neri, Trưởng ban An ninh hệ thống khách sạn của Gia đình

Tommy Neri, *soldato* dưới quyền Lampone và là cháu của Al Neri

Richie “Hai Súng” Nobile, *soldato* dưới quyền Clemenza, về sau là *caporegime*

Eddie Paradise, *soldato* dưới quyền Geraci

Salvatore Tessio, *caporegime*

Các gia đình tội ác thù địch

Gussie Cicero, *soldato* dưới quyền Falcone và Ping-Pong, sở hữu chủ của Câu lạc bộ Bữa tối Los Angeles

Ottilio “Chàng bán sữa Leo” Cuneo, ông chủ, New York

Frank Falcone, ông chủ, Los Angeles

Vincent “tên Do thái” Forlanza, ông chủ, Cleveland

Fat Paulie Fortunato, ông chủ Gia đình Barzini, New York

Cesare Indelicato, *Capo di tutti capi* (Thủ lĩnh của mọi thủ lĩnh/Thống lĩnh), Sicily

Tony Molinari, ông chủ, San Francisco

Laughing Sal Narduci, *consigliere*, Cleveland

Ignazio “Jackie Ping-Pong” Pignatelli, phó tướng, về sau là ông chủ, Los Angeles

Louie “Mặt mẹt” Russo, ông chủ, Chicago

Antony “Tony Đen sì” Stracci, ông chủ New Jersey

Rico Tattaglia, ông chủ, New York (về sau do Osvaldo “Ozzie” Altobello tiếp quản)

Joe Zaluchi, ông chủ, Detroit

Bạn bè của Gia đình Corleone

Marguerite Duval, vũ công và diễn viên

Johnny Fontane, diễn viên thắng giải Oscar và có lẽ là ca sĩ nhạc thính phòng vĩ đại nhất từng có mặt trên đời

Buzz Fratello, nghệ sĩ nightclub (thường diễn cùng với vợ là Dotty Ames)

Fausto “Bác tài” Geraci, tài xế xe tải trong tổ chức Forlenza và bố của Nick Geraci

Joe Lucadello, bạn thời niên thiếu của Michael Corleone

Annie McGowan, ca sĩ, diễn viên, bà bầu đoàn múa rối *Jojo, Mrs Cheese & Annie*

Hal Mitchell, sĩ quan Thủy quân Lục chiến về hưu, phụ trách an ninh cho các casinos của Gia đình Corleone ở Las Vegas và Lake Tahoe

Jule Segal, Bác sĩ Trưởng khoa Phẫu thuật tại bệnh viện của Gia đình Corleone ở Las Vegas

M. Corbett "Mickey" Shea, cựu đối tác buôn bán whiskey lậu của Vito Corleone; cựu Đại sứ Mỹ ở Canada

James Kavanaugh Shea, Thống đốc bang New Jersey, con trai ông Đại sứ

Daniel Brendan Shea, phó tổng chưởng lý New York, con trai ông Đại sứ

Albert Soffet, Giám đốc CIA.

William Brewster "Billy" Van Arsdale III, thừa kế gia tài Van Arsdale Citrus

Chương 1

Vào một chiều xuân lạnh, thứ hai năm 1955, Michael Corleone gọi Nick Geraci về gặp ông ở Brooklyn. Khi Ông Trùm mới bước vào ngôi nhà của người cha quá cố ở Long Island để gọi điện thoại, hai thuộc hạ ăn mặc giống như những con khỉ dính đầy dầu mỡ đang ngồi xem sô-múa rối trên truyền hình, chờ kẻ phản bội của Michael đến nộp mạng và thích thú ngắm hai đầu núm vú của cô gái tóc vàng diển với các con rối.

Michael, đơn độc, đi vào căn phòng hơi cao hơn ở một góc mà người cha quá cố vẫn thường dùng làm văn phòng. Ông ngồi sau cái bàn xoay nhỏ trước đây là bàn làm việc của Tom Hagen. Bàn giấy của tay *consigliere*. Michael lẽ ra đã gọi điện thoại từ nhà riêng - Kay, vợ anh và mấy đứa nhỏ sáng nay đã rời nhà để về thăm bên ngoại ở New Hampshire - ngoại trừ chuyện điện thoại nhà của ông bị nghe lén. Đường dây khác trong nhà này cũng thế. Ông hành xử theo kiểu đó để đánh lạc hướng những thánh giả sỗ sàng. Nhưng cách đầu dây sáng tạo dẫn đến điện thoại nơi văn phòng này - và dây chuyền hồi lộ để bảo vệ nó - đủ sức cản trở cả một đạo binh cóm. Michael quay số. Ông không có sổ ghi địa chỉ và sổ điện thoại mà chỉ dựa vào sự khéo tay theo thói quen để nhớ các số cần liên lạc. Ngôi nhà lặng yên. Mẹ ông đang ở Las Vegas với em gái ông, Connie. Đến tiếng chuông reng lần thứ hai thì vợ Geraci trả lời. Ông chỉ biết sơ về cô ta nhưng vẫn gọi cô bằng tên (Charlotte) và hỏi thăm mấy con gái của cô. Thường thì Michael tránh dùng điện thoại và trước nay ông chưa từng gọi đến nhà cho Geraci. Theo thông lệ thì lệnh lạc đưa ra đều được đem qua ba lớp người truyền để bảo đảm chẳng có cái gì bị lẫn dấu cho đến Ông Trùm. Charlotte trả lời giọng run run đối với những câu hỏi lịch sự của Michael và đi gặp chồng.

Nick Geraci đã có một ngày thật là dài. Hai con tàu chở đầy heroin, mà không chiếc nào được dự báo sẽ đến từ Sicily, cho đến tuần tới. Thế mà đêm rồi chúng lại lù lù xuất hiện, một chiếc ở New Jersey, chiếc kia ở Jacksonville. Một kẻ kém cỏi hơn có lẽ giờ này đã phải nằm hộp, nhưng Geraci đã biết cách làm cho mọi chuyện trơn tru bằng cách tự tay trao một món quà tặng tiền mặt cho Quỹ trợ cấp của Hội Hữu nghị Quốc tế Tài xế Xe tải với con số hội viên đông đảo ở Florida, và bằng cách đến thăm (với một cống phẩm tầm cỡ!) cho vị đầu lĩnh thuộc Gia đình Stracci, người kiểm soát các bến tàu ở Bắc Jersey. Đến năm giờ, Geraci mệt lử nhưng đã về nhà ở East Islip, thanh thoi ngồi ở vườn sau chơi trò móng ngựa với hai đứa con gái của mình. Một bộ lịch sử hai quyển về chiến tranh thời Đế chế La mã mà chàng ta vừa mới bắt đầu đọc được để gần cái ghế dựa nơi phòng riêng để nghiền ngẫm tối nay. Khi điện thoại reo, Geraci đã lai rai vài ngụm ở ly Chivas pha xô đa thứ nhì. Chàng ta đang có mấy miếng sườn kêu xèo xèo trên vỉ nướng và một cặp Dodgers/Phillies để trên chiếc radio. Charlotte, trước đó đang ở trong bếp thu gom phần còn lại của bữa ăn, đi ra đến sân trong, mang theo chiếc điện thoại với sợi dây dài, bộ mặt thất sắc.

“Hello, Fausto.” Người duy nhất gọi Nick Geraci bằng tên chính, là Vincent Forlenza, người đứng ra làm cha đỡ đầu cho Geraci ở Cleveland. “Bố muốn con tham dự vào chuyện mà Tessio dàn xếp. Bảy giờ tối nay tại địa điểm này gọi Hai Toms, con biết chứ?”

Bầu trời xanh và không một vẩn mây, nhưng bất kỳ ai nhìn thấy Charlotte hồi hả chạy ủa vào để chặn dất hai con gái của nàng cũng nghĩ rằng chắc nàng vừa mới hay tin rằng một cơn bão đang đổ ập vào Long Island.

“Chắc chắn rồi”, Geraci đáp. “Con vẫn thường ăn ở đấy mà. Đó là một trải nghiệm. Hoặc là anh được giả định sẽ hỏi về *chuyện mà Tessio dàn xếp* hoặc là không. Geraci luôn luôn đạt điểm tốt ở những lần trải nghiệm. Cảm nhận bản năng của chàng là cần phải thành thật. “Nhưng con chẳng có chút ý tưởng nào về chuyện bố đang nói. Chuyện gì vậy bố?”

“Một vài nhân vật quan trọng đang đến từ Staten Island để dọn dẹp mọi chuyện”.

Staten Island nghĩa là đám Barzini, đã dọn dẹp chỗ ấy. Nhưng nếu Tessio đã dọn dẹp những cuộc hiệp thương hòa bình với Michael và Don Barzini, thì tại sao Geraci lại nghe chuyện đó từ Michael chứ không phải từ Tessio? Geraci nhìn trừng trừng vào ngọn lửa nơi lò quay barbecue. Thế rồi chàng chợt ngộ ra điều gì hẳn là đã xảy đến. Chàng gục gặt đầu và thầm chửi thề.

Tessio đã đi doang. Có lẽ với nhiều người khác.

Địa điểm gặp gỡ là một lời ám chỉ cảnh báo. Tessio thích chỗ ấy. Điều đó có nghĩa rằng hầu như chắc chắn là ông ta đã tiếp xúc với chính Barzini và rằng hoặc ông ta hoặc Barzini đã tính chơi khăm Michael một vở, điều mà Michael hẳn là đã tiên liệu.

Geraci chọc thủng miếng sườn với một cái bàn xẻng bằng thép dài. “Bố muốn con đến đó để bảo vệ, hay để có người chung bàn cho vui hay vì chuyện gì khác nữa?”, anh nói.

“Đó là cả một câu chuyện dài”

“Xin lỗi. Con còn phải nướng cho xong mấy miếng bít tết ở đây”

“Bố biết con đang lo lắng về chuyện gì, Fausto à, nhưng bố không biết lí do tại sao”

Phải chăng ông có ý cho rằng Geraci chẳng có gì mà phải lo lắng? Hay là ông ta đang thử hình dung chuyện gì sẽ xảy ra nếu như Geraci có thủ diễn một vai trò nào đấy trong sự phản bội của Tessio? “À, thế này”, Geraci trả lời, bằng giọng của một chiến binh cứng cỏi ngoan cường kiểu John Wayne, “Tôi chẳng bối rối gì lắm đâu vì chuyện gì phải đến thì sẽ đến thôi”

“Ồ, xin lỗi?”

Geraci thở ra. “Dầu cho trong thời gian thuận lợi nhất tôi vẫn là người hay lo mà”. Anh cảm thấy một cơn hài hước độc địa trào dâng trong lòng, mặc dầu anh nói một cách tỉnh rụi: “Vậy thì xử tôi đi”.

“Đó là lí do khiến chú mày thành đấu sĩ cừ khôi,” Michael phán. “Biết lo xa. Điều ấy khiến ta chăm chú mày”.

“Vậy là ông chủ sẽ thứ lỗi cho tôi nếu tôi chỉ ra điều hiển nhiên”, Geraci nói, “và gợi ý ông theo một con đường mà thường thì có lẽ ông không bao giờ theo”

“Tôi vẫn đang nghe đây”, Michael nói. “Và dĩ nhiên là anh được thứ lỗi”

“Về chuyện gì?”

“Về chuyện chỉ ra điều hiển nhiên”

Geraci nhắc mấy miếng bít tết khỏi vỉ nướng và đặt vào một đĩa to, nông. “Đó là món quà mà tôi sẵn có để hiến tặng ông chủ”

Một giờ sau Geraci đến nhà hàng Two Toms với bốn thuộc hạ và dặn bọn chúng ở bên ngoài. Anh chọn chỗ ngồi một mình và nhâm nhi ly cà phê espresso. Anh không sợ hãi. Michael Corleone, không giống như hai người anh của mình - Sonny cục cằn và Fredo đa cảm - đã thừa hưởng được cái bản chất chu đáo của ông già. Ông ta sẽ không ra lệnh xử một ai theo một thứ trực cảm mơ hồ. Ông ta muốn làm cái gì phải chắc cú, dầu cho có phải tốn nhiều thời gian. Dầu

bất cứ loại rắc rối nào xảy ra, dầu có phải bực mình hay bị xúc phạm đến mấy khi bị rắc rối bởi những sở thích bốc đồng khó lường của Michael Corleone, Nick Geraci cũng sẽ đáp ứng với sự trọng danh dự đúng mức. Anh tự tin là mình sẽ vượt qua sóng gió bình an vô sự.

Mặc dầu chưa từng nghe Salvatore nói xấu một lời nào về Michael song Geraci không nghi ngờ rằng Sally đã ngầm cầu kết với Barzini. Ông ta hẳn là phải tức giận về thói độc tài gia đình trị đã đưa một tay sừng còn non tơ như Michael lên địa vị Ông Trùm. Ông đã phải chứng kiến sự điên rồ dai dột của việc cắt đứt tổ chức khỏi những rễ sâu gốc bền lân cận ở Bồ Đông để “Tây tiến” và trở thành - cái gì? Geraci đã chứng kiến bao nhiêu sản nghiệp từng một thời thịnh vượng do những ông bố di dân thất học nhưng cần cù xây dựng lên để rồi bị phá sản bởi những đứa con sinh ra ở Mỹ với đầy bằng cấp về kinh doanh và những giấc mộng bành trướng.

Geraci nhìn đồng hồ, một tặng phẩm của Tessio nhân dịp anh tốt nghiệp cao đẳng. Hẳn là Michael không thừa hưởng cái tính đúng giờ đã trở thành huyền thoại của Ông Trùm quá cố. Geraci kêu một cà phê espresso thứ nhì.

Đã bao nhiêu lần Geraci từng chứng minh là thành viên trung thành của tổ chức Corleone và mới bước vào sinh nhật thứ bốn mươi, song có lẽ là người làm ra lợi nhuận nhiều nhất cho tổ chức. Có thời anh ta từng là một tay đấm hạng nặng thuộc hàng cao thủ thượng thặng với hỗn danh Geraci Con Át Chủ Bài (Ace -Geraci) và dưới nhiều biệt danh khác nữa (anh ta là dân gốc Sicily nhưng tóc vàng nên có thể cho là dân Ái Nhĩ Lan hay dân Đức). Anh ta từng đứng vững sáu hiệp khi đối đầu với một tay đấm mà chỉ mấy năm sau sẽ hạ “nóc -ao” tay vô địch hạng nặng thế giới. Nhưng Geraci đã từng vòng quanh các sân tập và sàn đấu quyền Anh từ khi hầy còn là một chú nhóc. Chàng ta đã thề sẽ không bao giờ trở thành một trong những kẻ say đòn vì đánh đấm và người toát ra mùi long não để chộp lấy những đồng tiền xương máu ít ỏi không xứng với tài sức của mình. Chàng chiến đấu vì tiền, không vì cái danh hão. Cha đỡ đầu của anh ở Cleveland (mà Geraci dần dần nhận ra, cũng là Bố già của lãnh địa Cleveland) đã gắn kết anh với Tessio, người điều hành hệ thống cờ bạc lớn nhất ở New York. Những trận đánh có qui định có nghĩa là ít phải nhận những cú đấm vào đầu hơn. Chẳng bao lâu sau đó Geraci được gọi thi hành mấy vụ đánh đấm ngõ sau (bắt đầu với vụ trị tội hai tên công tử côn đồ đã hiếp dâm con gái của Amerigo Bonasera, một tay nhà táng thuộc hàng bạn bè của Vito Corleone). Trận đó chàng đã “khoản đãi” hai tên khốn một chầu đáng kể khiến chúng mặt mày nát bét bầy nhầy nhìn hết ra! Và đã đem lại cho chàng đủ tiền để học lên Cao đẳng. Trước khi đến tuổi hai mươi lăm chàng đã tốt nghiệp, bỏ mọi việc khác để trở thành một... ngôi sao đang lên đầy hứa hẹn trong đế chế cờ bạc của Tessio. Anh chàng đã khởi nghiệp với một vài phẩm chất đáng ngờ - là kẻ duy nhất lui tới Câu lạc bộ Xã hội Patrick Henry mà không sinh ra ở Brooklyn hay ở Sicily; kẻ duy nhất có bằng Cao đẳng; một trong số ít không muốn mang vũ khí cũng không mần các em gái dĩ - mà nghĩ rằng con đường tốt nhất để thăng tiến là làm ra nhiều tiền để dâng lên các cấp trên, và Geraci là một tay kiếm tiền có năng khiếu đến độ chẳng bao lâu những tí vết ngoại lai của chàng ta được bỏ qua. Chiến thuật xuất sắc nhất của chàng ta là cường điệu số tiền thu được trên mọi vụ việc. Chàng ta cống nộp sáu mươi hoặc bảy mươi phần trăm thay vì năm mươi phần trăm như qui định. Chắc chắn là chàng ta chẳng khờ khạo hay chịu lép một cách vô ích mà chàng ta đã tính toán đầu vào đầu ra đầy đủ cả rồi. Số cống nạp vượt chỉ tiêu kia là một kiểu đầu tư khôn khéo cho hoạn lộ dễ thăng thang. Bởi càng mang về nhiều lợi nhuận hơn cho thượng cấp thì địa vị của chàng càng vững vàng hơn, càng an toàn hơn, và chàng càng thăng tiến nhanh hơn. Càng leo cao hơn trên nấc thang đẳng cấp thì càng có nhiều thuộc hạ dưới quyền hơn để cống nạp năm mươi phần trăm lợi nhuận kiếm được cho chàng. Và nếu có những kẻ khờ dại tham lam hở ra cơ hội cho chàng thì chàng luôn đủ khôn lanh nhạy bén để chộp lấy. Cả New York đều biết rõ rằng có sự khác biệt giữa việc lãnh đòn từ một tên cứng cựa nhất mà bạn chưa từng thử sức với việc hốc mắt bạn bị bệt ra thành một đồng bột nhão đầy máu me bởi cú đấm từ một tay cự võ sĩ hạng nặng tiếng tăm. Sự đe dọa về những gì mà Geraci có thể làm đã trở thành một phần của huyền thoại đường phố. Chẳng bao lâu sau chàng ta ít khi phải động thủ để kiếm tiền mà chỉ cần mở miệng đòi hỏi. Nếu không, thì... làm gì nhau? Được. Sẽ biết ngay thôi! Hăm dọa là một vũ khí còn lợi hại hơn cả nắm đấm hoặc khẩu súng.

Trong thời chiến Geraci kiểm soát chợ đen tem phiếu và giữ một địa vị dân sự được miễn dịch với tư cách thanh tra bến tàu lên hàng. Tessio đã giới thiệu cho chàng làm thành viên của Gia đình Corleone, và trong lễ kết nạp thì một ngón tay của chàng được chính Bố già Vito chặt đứt. Sau chiến tranh, Geraci khởi nghiệp công cuộc kinh doanh cho vay nặng lãi của riêng mình. Chàng ta chuyên nhắm đến các nhà thầu, những kẻ lúc đầu chẳng bao giờ nhận định đúng chi phí họ phải trang trải, và thường đánh giá thấp khó khăn, vào lúc hoàn tất công trình, làm sao cho những kẻ nợ tiền bạn chịu thanh toán sòng phẳng, đúng hạn cho bạn chứ không chây lì đến mức bạn phát điên lên (về chuyện này thì Geraci cũng có thể phục vụ đắc lực đấy!). Chàng ta cũng nhắm đến những nghiệp chủ máu mê cờ bạc hoặc có những đam mê khác khiến họ dễ “đổ tường” chẳng hạn đam mê tửu sắc quen thói bốc rời, sẵn sàng ngàn vàng mua lấy trận cười như chơi, hay khoái “đi mây về gió”, thích dùng những loại hàng độc giá mắc hơn vàng. Chẳng ba lâu Geraci đã có thể sử dụng việc kinh doanh này để rửa tiền và giúp cho những kẻ giáo quyết trong việc xin hoàn thuế lợi tức để giành lại những số tiền lẽ ra phải thuộc về ngân sách nhà nước. Để cho công việc trơn tru hẳn nhiên là phải có những phần quà đáng giá cho các bà vợ hay các nàng bồ nhí của quý vị quan chức, những giao dịch hữu hảo với các sếp cóm lớn nhỏ. Geraci không mấy thích chiến lược thô bạo nên chàng ta đã cố gắng theo học một khóa luật buổi tối, kiếm được một mảnh bằng và thay thế những vụ thanh toán dao súng bằng những thủ tục phá sản hoàn toàn hợp pháp. Chàng ta móc nối với mọi doanh nghiệp có vấn đề, tìm cách che chắn cho những phần tài sản cá nhân của sở hữu chủ. Nếu sở hữu chủ sòng phẳng, mã thượng, Geraci sẽ bỏ túi mớ tiền kha khá và ít đất đai ở Florida hay Nevada. Khi Michael Corleone lợi dụng tình trạng bán hưu trí của bố mình và lén lút dính líu vào ngành kinh doanh mai dâm và ma túy, những ngành mà Vito từ chối nhúng tay vào, ông đã giao Geraci phụ trách phần ma túy và cho phép chàng ta lấy một số quân từ cơ sở của Tessio và số quân mà Sonny để lại. Trong vòng mấy tháng, Geraci làm được một số việc - với Ông Trùm Thống lĩnh ở Sicily, Cesare Indelicato, với các thế lực đương quyền nơi các bến cảng New Jersey và Jacksonville, với các sân bay New York và miền Trung Tây, nơi chàng ta điều hành một số máy bay nhỏ thuộc sở hữu các công ty do người nhà Corleone kiểm soát nhưng không sở hữu trên giấy tờ. Những thành viên gia đình Corleone, mà đại đa số người trong tổ chức đều không biết mặt biết tên, cũng kiếm tiền từ ma túy nhiều chẳng kém bất kỳ ai ở Mỹ. Không có số tiền đó, họ chẳng bao giờ có thể gom góp một ngân sách chiến tranh đủ lớn để giành giật lãnh địa với các đại gia Barzinis và Tattaglias.

Cuối cùng, đúng sau chín giờ, Peter Clemenza và ba cận vệ bước vào Two Toms và ngồi vào bàn Geraci. Geraci coi đó là một dấu hiệu xấu khi Michael không đích thân đến, mà lại ủy thác cho tay *caporegime*, người qua nhiều năm luôn giám sát những trận đụng độ quan trọng nhất của gia đình.

“Ăn chút gì không?” Clemenza hỏi, thở khò khè do phải cố gắng đi từ xe đến bàn.

Geraci lắc đầu.

Nhưng Clemenza vẩy một cái vuốt núc ních những thịt để chỉ mùi thơm tỏa ra từ nhà hàng. “Làm sao mà nhịn thềm được? Chúng ta dùng chút gì đi. Tí tỉnh thôi mà”. Clemenza gọi và ngón ngấu món *antipasto crudo*, một đĩa caponata, hai giỏ bánh mì, một món tôm nướng chấm sốt. Là kẻ cuối cùng trong đám, Clemenza, hầu như theo sát nghĩa là thế - tay *capo* cuối cùng mà Michael thừa kế từ bố mình, khi giờ đây Tessio đã chết.

“Tessio chưa chết đâu”, Clemenza thì thầm với Geraci trên đường đi ra.

Bao tử của Geraci nhộn nhạo. Họ sắp bảo chàng ta tự tay lấy cò, để trải nghiệm lòng trung thành. Lòng tin chắc của Geraci là mình sẽ qua được kỳ kiểm tra chẳng hề giúp chàng khuây khỏa chút nào.

Bóng đêm đã buông xuống. Chàng ta ngồi vào ghế sau với Clemenza. Trên đường đi, Clemenza đốt điều xì gà và hỏi Geraci xem chàng ta đã biết gì và có đoán được gì không. Geraci nói ra sự thật. Chàng ta vẫn chưa biết, quả vậy, rằng sáng sớm ngày đó những cái đầu của các thành viên hai gia đình Barzini và Tattaglia đều đã bị bắn nát bét.

Chàng ta đã không thể biết rằng lí do mà Clemenza đến trễ là vì trước đó ông ta còn phải thắt cổ Carlo Rizzie, em rể của chính Michael Corleone. Mấy vụ này và nhiều vụ mưu sát chiến lược khác nữa tất cả đều được thực hiện làm sao để nhìn giống như là “công trình” của hoặc là bên Barzinis hoặc là bên Tattaglias. Geraci cũng không biết điều đó. Nhưng những chuyện mà Geraci đã cố thể ngờ ngợ phỏng đoán thì thực sự là đúng. Chàng ta cầm lấy điều xì gà mà Clemenza mời nhưng không đốt. Chàng ta nói để dành đó hút sau.

Chiếc xe đi vào một trạm Sinclair đóng cửa, vừa qua khỏi Đại lộ Flatbush. Geraci bước ra ngoài, và mọi người trong hai chiếc xe, một chiếc chở người của Clemenza, chiếc kia chở thủ hạ của Geraci, cùng bước ra. Clemenza và tài xế của ông ta ở lại trong xe. Khi Geraci xoay đầu lại và thấy họ ở đó, một luồng điện kinh hoàng chạy ngang người chàng ta. Chàng ta tìm xem những ai sẽ thủ tiêu mình. Thử đoán xem chuyện đó sẽ xảy ra như thế nào. Cố gắng hình dung tại sao những thuộc hạ của mình lại đứng yên như phỗng, thụ động chờ đợi. Tại sao bọn chúng lại phản bội mình.

Clemenza quay cửa xe xuống. “Không phải như thế đâu, nhóc à”, ông nói. “Tình huống ở đây thật là quá__” Ông ta đặt hai bàn tay lên bộ mặt phì phì của mình và xoa mặt nhanh, theo kiểu bạn chùi một vết bẩn. Ông buông ra một hơi thở dài. “Ta và Sally, chúng ta đã bất hòa nhau ta không muốn nghĩ đã bao lâu. Những điều mà một người không muốn thấy. Chú mày hiểu chứ?”

Geraci hiểu.

Lão mập khóc. Clemenza thút thít khe khẽ, rất ít gây ra tiếng động và hình như được giải tỏa nỗi lòng. Lão rời đi mà không nói thêm lời nào, phẩy tay ra hiệu cho tài xế, và vặn cửa xe lên, ngồi nhìn thẳng ra trước.

Geraci nhìn chùng đèn đuôi của xe Clemenza biến đi.

Bên trong, về phía sau của gian nhà dịch vụ đầu tiên, bốn thủ nhóp nháp, hai tử thi trong đồ lặn nằm thành một đồng, máu thâm đen của họ hòa lẫn vào nhau trên sàn nhà. Trong gian bên cạnh, là Salvatore Tessio, chỉ bị kèm theo bởi Al Neri, sát thủ cứng mỏi thu nhận của Michael và là một cựu cớm mà Geraci từng có chuyện dây dưa. Lão già ngồi lom khom, co ro trên mấy thùng dầu, nhìn trừng trừng xuống đôi giày mình giống như một vận động viên rời khỏi cuộc đấu mà mình đã thất bại thảm hại. Đôi môi ông mấp máy nhưng Geraci chẳng hiểu được chuyện gì. Ông run run nhưng là do ông bị chứng gì đó khiến ông run từ cả năm rồi. Chỉ có âm thanh từ những bước chân của chính Geraci và, thoảng đến từ một phòng khác, tiếng cười the thé, bị biến dạng, tiếng cười chỉ có thể đến từ một chiếc Tivi.

Neri gật đầu chào. Tessio không ngược nhìn lên. Neri đặt một bàn tay lên vai người cựu chiến binh và bóp nhẹ, một cử chỉ trấn an theo kiểu nghịch dị. Tessio khụy gối xuống, vẫn không ngược nhìn lên, đôi môi tiếp tục mấp máy.

Neri trao một khẩu súng ngắn cho Geraci, chìa bóng súng ra phía trước. Geraci không thiện nghệ mấy với súng đạn và cũng chẳng biết nhiều về chúng. Khẩu súng này nặng trịch và hơi dài - có vẻ quá mức cần thiết. Chàng ta cũng đã khá dạn dày trận mạc để biết rằng vũ khí thích hợp nhất trong chuyện này là một khẩu.22 với bộ hãm thanh - ba phát nhanh vào đầu (phát thứ nhì để cho chắc ăn, phát thứ ba để càng thêm chắc cú, và không có phát thứ tư bởi vì các bộ hãm thanh thường hóc khi bạn bắn quá nhiều và quá nhanh). Dầu đây là loại gì thì nó cũng lớn hơn một khẩu.22. Không hãm thanh. Chàng ta đang đứng trong cái garage tối tăm đó với Tessio,

người chàng yêu quý, và Neri, kẻ từng có lần còng tay chàng, xiềng chàng vào lò sưởi, đá vào hạ bộ chàng, và bỏ đi. Nick Geraci hít một hơi thở sâu. Chàng ta vẫn luôn là người làm theo cái đầu chứ không làm theo con tim. Con tim chính là một động cơ mạnh mẽ nhưng bất kham. Cái đầu nghĩa là điều khiển. Chàng ta vẫn luôn nghĩ rằng sẽ đến một thời, khi mình già và đã chán ganh đua, thì sẽ chuyển về thành phố biển Key West cùng Charlotte và đàn con và ung dung sống đời ngu si hưởng thái bình trong sự phong lưu dư dật.

Giờ đây, nhìn vào Tessio, chàng trực nhận rằng điều ấy sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Tessio lớn hơn Geraci khoảng chừng hai mươi tuổi, điều cho đến lúc này chừng như một khoảng thời gian khá dài. Tessio sinh ra trong thế kỉ trước. Và sẽ toi đời trong giây phút tới. Ông ta đã sống một đời được điều khiển bởi cái đầu chứ không bởi con tim, và điều đó đã đưa ông đến đâu.? Chỗ này đây! Một kẻ vốn yêu quý ông ta lại sắp sửa khử cái sọ dừa của ông ta thành một đồng máu me bầy hầy.

“Tôi xin lỗi”, Tessio lẩm bẩm, vẫn cúi gầm mặt xuống.

Câu này có thể là nhằm gửi đến Gia đình Corleones hoặc đến Geraci hoặc đến Chúa. Geraci hẳn là không muốn biết gửi cho ai. Chàng ta cầm chặt khẩu súng và đi vòng đằng sau Tessio mà cái đầu hói, chỉ được chiếu sáng bởi đèn đường, lấp lánh trong bóng tối.

“Không”, Neri nói. “Không phải theo kiểu đó. Đứng trước mặt. Nhìn thẳng vào mắt lão ta.”

“Chú mày đùa ta cái kiểu đó gì vậy?”

Hắn ta đằng hắng. “Ta không nghĩ là trông ta có vẻ như đang đùa chú mày”

“Thế ai có ý tưởng đó?” Geraci nói. Neri không có vũ khí nào cầm tay, nhưng chắc chắn Geraci không thể rời cái ga-ra chết tiệt này mà còn sống sót nếu chàng ta bắt bất kỳ ai khác ngoài Tessio. Từ văn phòng phía sau, chiếc Tivi phun trào ra một tràng hoan hô loảng xoảng.

“Đây không biết, cũng đéo cần biết” Neri cộc lốc. Rồi lại chuyển ngay sang giọng trịnh trọng pha đậm chất đều: “Đây chỉ là truyền lệnh sứ thôi, thưa *Ngài*”. Geraci động não quay cuồng. Cái tên dần này không có vẻ đủ thông minh để nói được một câu đùa về chuyện bắt truyền lệnh sứ. Nhưng hình như hắn đủ bạo dâm để làm cho cuộc giết chóc càng có vẻ tàn bạo thì càng thích thú. Còn *Ngài*? Hắn muốn ám chỉ gì đây? “Salvatore Tessio” Geraci lên tiếng, “cho dầu ông ấy đã phạm tội gì đi nữa, cũng đáng được tôn trọng hơn thế”.

“Đéo mẹ, cứ vẽ chuyện!” Tessio nói, lần này to tiếng, nhưng mắt vẫn nhìn xuống sàn nhà nhóp nhép.

“Ngược mắt lên, tên phản bội!” Neri ra lệnh cho Tessio.

Run rẩy đến thảm hại, ông già làm theo lệnh, mắt ráo hoảnh nhìn trừng trừng vào mắt Geraci nhưng đôi mắt ông ta đã lạc thần. Ông mấp máy một tràng những cái tên chẳng có nghĩa gì với Nick Geraci.

Geraci nâng khẩu súng lên, vừa buồn bã vừa thấy tội nghiệp khi nhìn vào bàn tay cứng cỏi của chính mình. Chàng ta ấn nòng súng chạm nhẹ vào cái trán mềm của lão già. Tessio bất động, không chớp mắt, ngay cả không còn run nữa. Da thịt ông lõm xuống quanh nòng súng. Trước đây Geraci chưa từng giết người nào bằng súng.

“Vì công việc thôi”, Tessio thì thầm.

Điều làm cho bố tôi trở thành vĩ đại, Michael Corleone đã trịnh trọng phát biểu trong bài diếu

văn ca ngợi bố mình, đó là ông quan niệm không có gì chỉ là công việc thôi. Mọi chuyện đều mang tính riêng tư. Bố tôi là một con người, cũng phải mang thân phận tử vong như bất kỳ ai khác. Nhưng ông là một con người vĩ đại, và hôm nay tôi không phải là người duy nhất ở đây nghĩ về ông như một vị thần giữa đám người trần.

“Còn chờ gì nữa” Tessio thì thầm. “Thằng khốn! Bắn tao đi. Đồ mặt lồ...”

Geraci bắn. Liền ba phát.

Thân người Tessio bật ngửa ra sau mạnh đến nỗi hai đầu gối ông ta đập vào nhau tạo nên một âm thanh kêu lách cách như ván ộp lộp trần vào một ngày nắng nóng nung người. Một làn sương mù xám hồng lan tỏa phủ đầy không khí. Một mảnh vỡ lớn từ sọ của Tessio bay văng ra trúng đốp vào mặt Neri rồi rớt bịch xuống sàn nhà. Mùi máu tanh nồng khi gặp không khí của Tessio hòa quyện với mùi cứt dái vãi ra từ người ông ta tạo nên hương vị đặc trưng của những cuộc “cạn chén li bôi” chốn giang hồ!

Nick Geraci xoa bóp vai mình - những phát súng như lời kinh chiêu hồn - và cảm nhận một luồng sóng phấn khích quét ngang người, xóa sạch tâm trạng do dự trước đây. Chàng ta không thấy hối hận, chẳng sợ hãi, chẳng ghê tởm, chẳng giận dữ gì cả. *Ta là sát thủ*, chàng ta nghĩ. *Sát thủ thì phải giết người thôi*. Chuyện đơn giản.

Chàng ta nện gót đi lòng vòng, cười lớn thành tiếng, không phải vì hóa rồ, mà vì thấy sướng, sướng đến tê dại, mãnh liệt hơn, đã hơn cả những lần phi heroin. Chàng ta biết điều gì vừa diễn ra. Đây không phải là người đầu tiên chàng ta giết. Nhiều khi chàng ta giết người mà chẳng cảm thấy gì, chỉ đứng đưng, nhưng ngay cả điều ấy cũng có thể là lời dối trá, chàng tự nhủ. Bởi vì sự thật trần trụi đó là việc giết người đem lại khoái cảm. Bất kỳ ai đã từng làm chuyện đó đều có thể nói với bạn như thế, nhưng chắc là họ sẽ không. Họ sẽ không nói thế đâu! Một quyển sách mà Geraci đã đọc về Đệ nhất Thế chiến đã dành nguyên cả một chương về đề tài này. Hiếm có ai nói về chuyện đó bởi vì với phần lớn người ta cái cảm thức ray rứt đến sau khoái cảm lúc đầu, sẽ khiến họ câm miệng. Hơn nữa, bất kỳ kẻ khờ khạo nào cũng đoán được về mọi chuyện sẽ xảy ra sau khi một ai đó tuyên bố rằng thật là khoái khi giết người và sau khi anh ta thuyết phục được những người nghe rằng mình nghiêm túc khi phát biểu điều đó, thì mọi chuyện sẽ đâm ra rắc rối và lẩn cấn ngay. Tuy thế. Khoái cảm là có thật. Thế mới chết người! Đúng là cái vòng lẩn quẩn trớ trêu, éo le và... chó đẻ! Một khoái cảm gần như khoái cảm tính dục (lại thêm một điều mà bất kỳ đầu óc khờ khạo nào cũng có thể đoán non đoán già nhưng lại khó mà chấp nhận công khai. Vì sao ư? Vì con người vốn vẫn sống với sự nguy tín - *la mauvaise foi* - như triết gia Sartre đã phân tích. Mà sống mãi trong trạng thái đó thì rồi nguy tín lại trở thành chân tín - *la mauvaise foi est foi* - Thỉnh thoảng triết lí vụn một tí cho vui, xin độc giả rộng lòng hỉ xả!). Bạn giết và bạn thấy mình đầy quyền năng còn kẻ bị giết thì yếu xìu. Bạn nhón nhờ sống còn hấn chết ngắt! Bạn đã làm điều mà mọi người trên trái đất này, vào một thời điểm nóng nào đó đều muốn làm nhưng phần lớn sẽ không bao giờ làm. Chứ làm thì... dễ ợt mà lại cho ta cảm giác *hùng* (It felt magnificent). Geraci thực tế là đã trượt qua cái sàn nhà có lớp văng cản bả của cái ga-ra chết tiệt kia, và tin chắc rằng, lần này cái cảm thức bút rút sẽ không đến sau đó. Sẽ chẳng còn có sau đó. Mọi sự sẽ luôn luôn là bi giờ. Mọi chuyện luôn luôn là bi giờ.

Mọi người khác đang ở đâu? Geraci muốn ôm chặt từng người và rót cho mỗi người một cốc rượu mạnh pha sô đa.

Nhưng chung quanh yên lặng.

Với Geraci, có vẻ như một yên lặng kéo dài, đáng sợ.

“Hey!” một người giọng the thé kêu lên, một trong những thuộc hạ của Geraci. “Tôi đã nhìn rõ

cảnh đó”.

Neri vỗ nhẹ vào lưng Geraci. Geraci trao khẩu súng cho hắn. Rồi mọi người bắt tay vào việc.

Đám thuộc hạ của Clemenza sử dụng một cái cưa xương để cưa thi thể của hai kẻ được phái đi giết Michel Corleone. Geraci ngồi trên mấy cái thùng dầu và quan sát, bị tràn ngập chất adrenaline khiến mọi sự trông lơ mờ như người đi đêm, cái gì trông cũng giống cái gì trong một vũ trụ tương đương không phân biệt.

Khi đám kia làm xong việc Neri trao cho Geraci cái cưa xương và chỉ vào đầu Tessio. Chung quanh vết thương, thịt của người chết đã lồi ra.

Tê cóng, chết điếng, Geraci cầm lấy cái cưa và khuy một chân xuống. Về sau chàng ta sẽ nhìn lại thời khắc đó lòng đầy giận dữ. Nhưng vào lúc đó Geraci có thể đã kiểm tra nồng độ pH trong mạch máu mình. Khi một người nhìn sự vật ở điểm cốt tủy nhất, để thấy việc cưa rời thủ cấp của ông bố đã chết khác xa thế nào với việc giật ra cái đùi gà béo ngậy từ thân con gà quay? Một khúc xương dày hơn, đúng vậy, nhưng một cái cưa xương vẫn là một công cụ được việc hơn là một con dao mà ông anh vợ tặng bạn như một món quà cưới.

Nick Geraci vuốt đôi mắt lồi ra của Tessio và rút cưa ra. Về sau đã đến - sớm hơn là chậm hơn - điều mà trong một thời điểm sáng suốt Geraci đã nhận ra như là con đường về sau.

Neri bầu vào cánh tay trước của Geraci và lấy lại cái cưa.

“Đây cũng là một mệnh lệnh”.

“Mệnh lệnh gì vậy?” Geraci hỏi.

“Xem chú mày muốn làm việc đó như thế nào”

Geraci biết nhiều hơn là hỏi trông mình có hết lòng không hoặc, tệ hơn, ai đã ra lệnh đó. Chàng ta chỉ đứng bất động, không nói gì, mặt trắng bệch ra và không biểu lộ điều gì. Chàng ta tiến về cái túi của chiếc áo jacket vấy máu của mình. Neri gật đầu. Geraci lấy ra điều xì - gà mà Clemenza đã mời anh, một điều xì - gà Cuba màu sôcôla sẫm và ngồi xuống trên mấy can dầu để thưởng thức dê mê những hơi khói thuốc thơm đậm.

Đám thuộc hạ của Clemenza lột trần truồng hai tên thích khách rồi nhồi quần áo cùng những phần thân thể bị cưa rời của chúng vào một chiếc vali to thùng. Riêng thi thể của Tessio bị bỏ lại.

Đúng lúc đó Geraci hình dung ra mọi việc.

Không cần gửi thông điệp đến cho nhà Barzini. Mọi kẻ dính líu đến sự phản bội của Tessio đều đã chết đứ đừ để còn có thể tìm thấy lợi ích nào từ những thông điệp. Và tất nhiên nhà Corleones muốn thân thể Tessio được tìm ra. Phần đất này của Brooklyn lâu nay vẫn được coi là lãnh địa của nhà Barzini. Bọn cóm sẽ giả định ai đã ra lệnh cuộc thanh toán. Các thám tử sẽ bối rối về những thi thể không nhận dạng được của hai thích khách, và không có kết luận nào họ rút ra lại liên quan đến nhà Corleones. Nhà Corleones cũng không cần làm phiền đến các vị thẩm phán hay người của họ ở Sở Cảnh sát New York. Cũng chẳng cần phải tốn gì để lôi đám báo chí vào cuộc. Họ diễn tuồng này đúng cái cách mà Michael Corleone muốn và diễn thật chẵn chu đến từng xăng - ti - mét!

Một cuộc dàn dựng xuất sắc, Geraci phải công nhận như thế.

Với một cái liếc mắt cuối cùng vào thi thể của người từng đỡ đầu cho mình trong hàng bao nhiêu năm, Geraci bước vào phía sau xe với Al Neri. Geraci không sợ cũng chẳng hề giận dữ. Vì giờ đây chàng chỉ là một người đang nhìn trừng trừng thẳng về phía trước và sẵn sàng đương đầu với bất kỳ điều gì xảy đến tiếp theo.

Trong những tuần theo sau mấy cuộc chém giết kia, Geraci làm việc sát cánh với Michael Corleone. Trong khi chứng kiến và phụ tá quản trị mọi chi tiết của cuộc chiến hiện hành, Geraci nhận ra mình đã lầm biết bao khi đánh giá thấp Ông Chủ mới, còn quá trẻ của mình. Nhưng với tay tuần kiệt thì bản lĩnh và giá trị đầu cần chờ tính theo con số năm tháng. Quạ già trăm tuổi cũng đâu sánh được đại bàng sơ sinh. Gia đình Corleones có những căn nhà an toàn tại mỗi quận nội thành và ở hàng chục huyện ngoại thành nên có thể ở xoay chuyển liên tục. Họ có những ga-ra ngầm đầy xe hơi và xe tải với đầy đủ giấy tờ nhưng hầu hết là giả. Một số được bọc thép và kính chống đạn và được trang bị những động cơ cực mạnh và cực tốt hoàn toàn có khả năng tham gia các cuộc đua ở tầm thế giới. Lại có những chiếc khác trông càn tàng một cách thảm hại có thể bị “pan” với một cú giạt nhanh của một công - tắc ẩn nhằm cản trở lưu thông, chặn đường những kẻ đuổi theo. Có những chiếc được dành để sẵn sàng cho banh xác hoặc đổ ùm xuống sông hay chui vào ao hồ sinh lầy. Rất nhiều chiếc là những bản sao giống hệt những chiếc xe dành cho các thành viên cao cấp của gia đình, nhằm đánh lạc hướng nhân chứng, kẻ thù và... cả cảnh sát nữa chứ! Họ có những kho vũ khí trên khắp thành phố: ở đằng sau dãy quần áo của một tiệm giặt ủi ở Đại lộ Belmont, bên dưới những bao đường và bao bột nơi các phòng sau của một tiệm làm bánh ở khu Carrol Gardens, bên trong những thùng gỗ tại một nhà kho quan tài ở Lindenhurst. Michael Corleone từng xuất ngoại để đạt sự kiểm soát chính trị hoàn toàn ở một bang (Nevada) và một xứ sở (Cuba), và Geraci càng tìm hiểu thì càng nhận thấy những chuyện ấy là khả thi, chứ không hề mơ hồ, hoang tưởng. Bởi nhà Corleones có trong tay nhiều nhân viên công lực ăn lương của họ hơn là FBI và họ nắm được những bức hình cho thấy vị giám đốc FBI đương nhiệm đang mút cu của tay phụ tá thân cận.

Kế hoạch tổng thể, nhưng khá rắc rối của Michael là thế này: bình định, phối hợp với bành trướng trên diện rộng và tái phân bố lãnh địa, tái tổ chức các gia đình tội ác xuyên suốt nước Mỹ sao cho có kỷ cương nghiêm túc hơn trước đây, trong khi đồng thời củng cố và mở rộng các mối quan hệ làm ăn với Sicily, tất cả đều trên con đường hướng đến tính hợp pháp, hoàn tất với việc kiểm soát toàn bộ Cuba rồi mon men đến Nhà Trắng và cả điện Vatican. Mọi công trình mới sẽ được xây dựng với tiền của người khác; “những khoản vay”, phần lớn từ các quỹ tương trợ của nhiều nghiệp đoàn. Đám tài xế xe tải, thợ điện, chủ các quán bar rẻ tiền và các nhà chứa sẽ nhận được phần lợi tức lớn hơn cả lợi tức khi đầu tư vào thị trường chứng khoán. Gia đình Corleones sẽ dựng lên nhiều lớp ngăn hơn giữa họ và bất kỳ cái gì giống như tội ác đường phố. Chẳng bao lâu nữa họ có thể ngưng sử dụng các vỏ bọc và hoạt động công khai, không phân biệt với bất kỳ tội phạm bậc thầy nào được cả và bành dân thiên hạ biết dưới tên danh “Fortune 500”.

Kế hoạch tổng thể này không phải là bất khả thi, Geraci nghĩ. Chỉ là không cần thiết. Họ đã ở trong công cuộc kinh doanh độc nhất trong lịch sử thế giới mà hàng năm vẫn mang về lợi nhuận chứ chưa hề lỗ lã. Nhưng chàng ta suy nghĩ tiếp. Trước mắt chàng ta không có lựa chọn nào khác. Nhưng trong trường kỳ, chàng không thể để thua. Nếu mọi việc diễn ra suông sẻ, chàng sẽ có được cái chàng thực sự muốn, đó là điều hành chuyên ngành trước đây của Tessio: một hoạt động truyền thống với gốc rễ bò lan sang nhiều lãnh thổ láng giềng. Nếu gia đình Corleones tự mở rộng ra quá mỏng và dàn trải phân tán, Geraci có thể chộp lấy phần chính đáng của mình từ đó.

Chàng ta tự buộc mình đừng nghĩ gì nữa về Tessio. Một võ sĩ học cách nhanh chóng xua đuổi mọi chuyện ra khỏi đầu óc mình. Nếu không hẳn chỉ là một cái túi đấm. Geraci từng rất ghét trò đánh đấm đá đập trong suốt thời gian chàng ta bắt buộc dĩ phải làm cái nghề “chịu đấm ăn xôi”, nhưng mười năm sau cuộc so găng cuối cùng chàng phải nhìn nhận rằng cái trò mặt hạng kia tuy thế cũng đã đem lại cho chàng lắm điều hay.

Xuyên suốt mùa hè năm ấy, Nick Geraci và Michael Corleone đã trở thành một thứ gì đó gần như là bạn bè. Giả sử có một vài việc diễn ra khác đi, có lẽ họ cũng vẫn như thế.

Chẳng hạn: Nếu phải chi Michael, vào hồi tháng tám, đã không quyết định phong cho anh mình, Fredo, làm phó tướng, một vị trí mà Gia đình Corleone chưa bao giờ đặt ra trước đó và Michael cũng định là chỉ có tính tượng trưng, một cách để phục hồi phẩm giá cho Fredo, một con người vụng về nhưng tốt tính. Nếu phải chi Michael đã hé lộ cho nhân vật chớp bu trong tổ chức của mình -cho riêng người ấy thôi và không cho ai khác -biết rằng đây chỉ là chuyện biểu tượng thôi.

Hoặc là: Nếu phải chi Geraci đã từ New York chứ không phải từ Cleveland. Nếu phải chi chàng ta không có những mối liên hệ như thế với Ông Trùm Forlenza. Nếu phải chi chàng ta ít tham vọng hơn. Nếu phải chi chàng ta đã không, khi nghe tin Michael bổ nhiệm Fredo làm *sotto capo*(phó tướng), cung kính hỏi Michael rằng ông chủ có điên không vậy. Nếu phải chi lời xin lỗi liền sau đó của chàng ta đã làm cho cái nhận xét hờ hênh của mình được xóa đi.

Nếu phải chi Fredo đã biết rằng cương vị mới của mình chỉ có tính tượng trưng, có lẽ anh ta đã không chơi ngông khi có một hành động hoàn toàn tự quyết. Có lẽ anh ta đã không thử tạo ra thành phố người chết của riêng mình trong những đầm lầy của khu New Jersey. Có lẽ anh ta đã còn sống để ăn mừng sinh nhật thứ bốn mươi tư của mình.

Nếu phải chi Tom Hagen dính líu nhiều hơn vào mọi phương diện kinh doanh của gia đình thay vì chỉ làm tư vấn pháp luật thôi, còn để dành tham vọng vào cái ghế Thống đốc bang Nevada.

Nếu phải chi, hai mươi năm trước ở Cleveland, sau khi Ông Trùm Forlenza bị đột quỵ tim lần thứ nhì nhưng trước lần đột quỵ đầu tiên, ông ta đã không phong cho một người bằng tuổi mình làm kẻ kế nhiệm. Nếu phải chi một trong những nỗi phiền muộn của Forlenza đã giết chết ông ta. Nếu phải chi Sal Narducci, một con người với tham vọng vừa phải, đã không phải tốn cả hai thập niên chuẩn bị sẵn sàng để bây giờ chớp lấy bất kỳ giây phút nào.

Nếu phải chi Vito Corleone không từng quan sát Narducci phục vụ trong tư cách *consigliere* trong hàng tá cuộc hội nghị Ủy ban. Nếu phải chi, không lâu trước khi Vito mất, ông đã không gợi ý cho con trai mình rằng nên đặt Narducci vào địa vị Ông Trùm, hơn là chờ diễn tiến tự nhiên của sự việc, sẽ loại trừ đồng minh lớn nhất của Gia đình Barzini ra khỏi New York.

Thay đổi một hay hai chuyện này, và - ai biết được? - có lẽ, Nick Geraci và Michael Corleone sẽ đi ra ngoài, một nơi nào đó, sánh bước bên nhau, hai lão già dê bên một hồ bơi ở Arizona, thưởng thức cuộc sống phong lưu đài các, lỗ mắt dòm lom lom mấy em đào tơ hơ hớ, lồ lộ hở hang, dú dợn tung tăng trên đàng và thế là hai chàng bèn tọng vào mấy viên Viagra để chuẩn bị tư thế sẵn sàng...

Lịch sử là bao nhiêu thứ chuyện, là đủ thứ các cái trên đời, nhưng có một điều lịch sử không là, đó là nó không thể tránh.

Vito Corleone thường nói rằng mỗi người chỉ có một phần số, một định mệnh riêng. Song chính cuộc đời ông lại là một mâu thuẫn mạnh mẽ đối với chính lời châm ưa thích đó của ông. Đúng là ông đã vù khỏi Sicily khi có người tìm giết ông. Đúng là năm xưa khi anh chàng láng giềng tên là Pete Clemenza yêu cầu ông giấu hộ hòm súng, thì Vito không còn lựa chọn nào khác hơn là đồng lõa. Và đúng vậy, khi Vito phạm tội lần đầu ở Mỹ - trộm một cái thảm thêu đắt tiền - vào lúc đó ông đã nghĩ rằng mình chỉ giúp Clemenza dời nó đi. Tất cả những chuyện này đã tìm đến ông. Điều này chẳng có gì bất thường. Những chuyện xui xẻo vẫn tìm đến với mọi người. Vài người có thể gọi đấy là số mệnh. Những người khác có thể gọi đấy là cơ hội. Họa

phúc khôn lường, hay chẳng bằng hên. Nhưng chuyện Vito dính líu vào những tội ác tiếp theo - cướp hàng trên các xe tải cùng với Clemenza và một tay đầu gấu trẻ khác tên là Tessio - đều là những hành động tự nguyện. Khi mấy tay kia rủ rê Vito nhập băng trộm của họ, ông ta có thể nói không. Còn nói vâng, chọn lựa trở thành tên tội phạm sẵn mồi, đã đẩy ông vào một con đường. Nói không có lẽ đã đưa ông vào con đường khác, có lẽ là chuyện làm ăn gia đình mà ba con trai ông có lẽ đã có thể tham gia mà không phải trước tiên trở thành những tên sát nhân.

Vito là một nhà toán học tài ba, do trực cảm -chứ ông chẳng học hành bao nhiêu - một người đánh giá xuất sắc về tính xác suất, và là một con người có tầm nhìn xa. Tin vào một chuyện gì vừa ngoại lí vừa phi tưởng như số mệnh là ngoài tính cách của ông.

Tuy thế, có con người nào thoát khỏi việc hợp lí hóa điều tồi tệ nhất mà mình từng làm? Ai trong chúng ta, nếu trực tiếp hoặc gián tiếp chịu trách nhiệm về việc chém giết hàng trăm người, kể cả một trong những đứa con của chính mình, lại không tìm cách dối lòng, điều mà, nếu không xét kỹ, có thể còn có vẻ sâu xa nữa chứ?

Cả hai Nick Geraci và Michael Corleone đều còn trẻ, thông minh, sáng tạo, cẩn trọng và cứng cỏi. Ai cũng có năng khiếu tái phát minh bản thân, biết cách thiết kế để được đánh giá thấp và rồi lợi dụng chuyện đó. Người ta vẫn thường nói rằng chiến tranh được tiến hành là để tạo ra hòa bình. Người ta vẫn thường nói rằng trái đất phẳng và rằng ma quỷ nói dối kiểu đó. Khôn ngoan là điều ít khi được nói ra (Vito Corleone quá cố vẫn thường nói) và càng ít khi được nghe theo.

Michael Corleone và Nick Geraci hẳn là đã có thể quyết định những chọn lựa khác. Những điều tốt đẹp hơn có thể đã dễ dàng xảy ra. Không có lí do gì mà họ lại được sinh ra để hủy diệt nhau.

Chương 2

Lò thiêu thuộc sở hữu của Amerigo Bonasera chứ không ai khác. Neri có chìa khóa riêng. Chàng ta và Geraci đi thẳng vào cửa trước, lột bỏ những bộ quần áo vấy máu và mặc vào bộ nào tốt nhất mà họ có thể kiếm được ở phòng sau. Cả hai đều cao to nhưng lại chỉ lực ra được hai bộ đồ kích cỡ quá nhỏ. Nhưng thôi, trong tình thế này thì được chẳng hay chớ chứ có điều kiện đâu mà kén cá chọn canh. Bonasera đã nghỉ hưu một nửa, sống phần lớn thời gian ở Miami Beach. Con rể ông ta đón lấy chiếc vali to tướng và đồng quần áo đầy máu me từ tay Neri và không nói tiếng nào.

Một trong những thuộc hạ của Geraci lái xe đưa chàng ta về nhà. Chưa đến nửa đêm. Charlotte vẫn còn thức, ngồi trong giường, chơi giải ô chữ trên tờ *Times*. Nàng giỏi giải ô chữ nhưng chỉ chơi trò này khi có chuyện gì đó làm nàng bối rối, bồn chồn.

Nick Geraci đứng ở chân giường. Chàng ta biết mình trông có vẻ thế nào trong bộ đồ cũn cỡn này. Chàng ngoẹo đầu sang bên này, sang bên kia, nhướn đôi lông mày theo một cách mà chàng ta hy vọng rằng có vẻ khôi hài, và vung đôi cánh tay ra theo kiểu một nghệ sĩ diễn tạp kỹ, đồng thời hô lên "Ta -da!"

Vợ chàng không cười, ngay cả cười mỉm cũng không. Những cuộc chém giết hung bạo theo kiểu miền đất găng - tơ giữa hai đại gia Phillip Tattaglia và Emilio Barzini vừa được Tivi đưa tin. Nàng gạt tờ *Times* sang bên.

"Chuyện dài lắm, để nói sau, Char nhé? Giờ ngủ đi". Geraci vỗ về vợ.

Chàng nhìn nàng đo kích cỡ mình. Chàng nhìn mặt nàng đang dần lờ mờ, nhìn nàng đang tự kiểm chế để không nói nàng đã không đi đâu, nhìn nàng nuốt xuống ước muốn đòi hỏi được nghe là chuyện gì. Nàng lặng im không một lời.

Nick Geraci cởi quần áo, ném bộ đồ lên chiếc ghế dựa. Trong lúc chàng đi tiểu, đánh răng súc miệng và mặc vào bộ đồ ngủ, Charlotte tìm cách cho bộ đồ quái gở kia biến đi (Geraci không bao giờ thấy lại cái của nợ đó nữa), tắt hết mọi ánh đèn, trở lên giường và làm bộ đã ngủ say.

Ở New Hampshire, nơi nhà bố mẹ mình, Kay Corleone nằm kế bên mấy đứa con đang ngủ trong chính cái giường đôi mà nàng vẫn ngủ từ thời con gái, cố gắng tập trung vào quyển tiểu thuyết của Dostoyevsky nơi đôi tay, đầu óc vẫn vướng víu với những câu hỏi mà nàng đã không hỏi, và nàng cũng biết rằng không thể hỏi, về lí do tại sao Michael không chỉ gợi ý cuộc viếng thăm này mà còn nhận những cuộc hẹn.

Tại Las Vegas, nơi một phòng khách sạn tối mờ ở tầng trên cùng của tòa nhà cao tầng đệ nhất ở Las Vegas - Lâu Đài Trên Cát (Castle in the Sand) - Connie Corleone Rizzi ôm chặt vào ngực mình đứa con sơ sinh mới được đặt tên thánh và nhìn trừng trừng ra ngoài qua những ánh đèn thành phố. Ánh sáng cuối ngày tắt đi ở sa mạc. Nàng đang hạnh phúc. Thường thì Connie không phải là người hạnh phúc. Nàng đã không có một ngày thoải mái cho lắm, phải dậy từ rất sớm cho kịp chuyến bay, phải chịu đựng cả quãng đường dài với cậu con sáu tuổi nghịch phá, ưa mè nheo đủ chuyện trong khi bà mẹ nàng, Carmela, chẳng chịu động đậy lấy một ngón tay để giúp đỡ mà chỉ nói huyền thuyên đủ thứ chuyện xưa nay. Nhưng đứa con sơ sinh - Michael Francis Rizzi, vừa được đặt tên thánh ngày hôm qua, lấy theo tên ông anh Mike của nàng, người đứng làm cha đỡ đầu cho đứa bé - thì đúng là một tiểu thiên thần đáng yêu, đang ngủ ngoan và rúc mũi vào ngực mẹ. Lúc phi cơ bay ngang rặng Rocky Mountains, lần đầu tiên, bé cười. Giờ đây mỗi lần nàng thối lên trán bé, bé lại cười. Đó là một dấu hiệu, nàng nghĩ. Trẻ thơ thường mang lại may mắn. Việc dời đến đây có thể là một khởi đầu mới cho mọi người. Carlo

sẽ thay đổi. Chàng đã thay đổi. Chàng không đánh đập nàng lần nào kể từ khi nàng mang bầu đứa bé này. Giờ đây Mike sắp giao cho Carlo nhiều trách nhiệm hơn trong công việc của gia đình. Carlo trước đây được tính là đi cùng chuyến bay để trông nom nhà cửa và giúp mua sắm những thứ cần thiết, nhưng đến phút cuối Mike bảo rằng anh cần Carlo ở lại. Vì công việc. Từ cha nàng cho đến các anh nàng trước nay chưa ai làm như thế, khiến cho Carlo cảm thấy như mình quan trọng hẳn lên. Nàng đổi con qua ngực bên kia và vuốt những sợi tóc mềm như tơ của bé. Bé cười. Nàng thổi lên trán bé. Bé cười thành tiếng và nàng cười theo.

Trong phòng kế bên Vincent bắt đầu nháy lên giường, điều mà cậu bé đã được bảo biết bao nhiêu lần là không được làm. Điện thoại reo. Connie tươi mặt lên. Có lẽ là Carlo. Nàng để Victor trả lời.

“Má ơi!” thằng bé kêu lên. “Bác To -om Hagen gọi”.

Connie đứng sững. Đứa bé bắt đầu la khóc.

Ở dưới phố, choàng tấm khăn đen dài, Carmela Corleone, đi ra từ khách sạn, đầu cúi thấp, che mắt khỏi ánh sáng chói của các ngọn đèn neon, lẩm bẩm bằng tiếng Ý. Bà bắt đầu đi xuống phố Strip. Đã sau chín giờ tối, quá trễ đối với mọi phụng vụ lễ nghi dầu bất kỳ đâu, nhất là vào một ngày thứ hai, nhưng nơi một thành phố với biết bao nhà nguyện làm lễ cưới như thế này, sẽ khó đến thế nào cho một góa phụ quả quyết đi tìm một linh mục? Hay ít nhất một người mặc áo nhà dòng? Nếu mọi chuyện khác đều hỏng, thì tìm một nơi chốn nào yên tĩnh và thiêng liêng để bà có thể thoát khỏi những luồng ánh sáng sặc sỡ chói mắt này và quì gối xuống, tìm kiếm sự phù hộ độ trì, nhân danh những linh hồn bị đọa, khiêm tốn cầu xin Trinh nữ Mary, như bà vẫn làm hàng ngày, như một người mẹ đau khổ đến với một bà mẹ đau khổ khác.

PHẦN II

Tháng chín 1955

Chương 3

Bốn tháng sau, vào một sáng sớm chủ nhật trùng với Lễ Lao động, Michael Corleone nằm trong giường nhà mình ở Las Vegas, vợ chàng nằm bên cạnh, hai đứa con ngay ở cuối phòng, đều có vẻ còn ngủ say. Hôm qua ở Detroit, vào dịp đám cưới ái nữ của ông bạn thân nhất của người cha quá cố, Michael đã chỉ gật đầu rất nhẹ về phía Sal Narducci, một người mà ông chỉ biết sơ qua, để khởi động một kế hoạch được thiết kế nhằm hủy diệt mọi đối thủ đáng gờm mà Gia đình Corleone còn phải đương đầu. Dầu cho có phải “đại khai sát giới” nhưng nếu kế hoạch vận hành trơn tru, Michael sẽ nổi lên mà không có lời chê bai nào. Nếu được thực hiện chẵn chu, kế hoạch này sẽ mang lại hòa bình lâu dài cho thế giới ngầm ở Hoa kỳ, và chiến thắng sau cùng - dầu cho có đẫm gió tanh mưa máu - để làm cho Gia đình Corleone “vạn niên trường trị, nhất thống giang hồ”, đang nằm trong tầm tay. Một thoáng nụ cười lướt nhẹ qua khuôn mặt đã được chỉnh sửa bằng phẫu thuật của Michael Corleone. Hơi thở chàng đều và sâu. Đầu óc chàng không vọng động, không nao núng, cũng chẳng ưu tư xao xuyến gì, trầm mình trong không khí mát lạnh của căn nhà mới, thụ hưởng giấc ngủ êm đềm của người... công chính! Ngoài kia, ngay cả trong ánh sáng ban mai còn nhạt nhòa, sa mạc Nevada đã bắt đầu nóng nung lên.

Gần bên bờ đầy dầu của con sông Detroit, hai con người chậm chạp mặc sơ-mi lụa ngắn tay - một người áo màu ngọc xanh biển, người kia áo màu cam đỏ tươi - đi ra từ căn chòi khách của một bất động sản thuộc về Joe Zaluchi, Ông Trùm của Detroit, con người đã từng cứu cho thành phố này khỏi bạo lực vô lối của Băng đảng Màu Tím (Purple Gang). Người mặc áo màu cam là Frank Falcone, trước đây ở Chicago và hiện nay là đầu sỏ của tội ác có tổ chức ở Los Angeles. Còn kẻ mặc áo lụa màu ngọc xanh biển là Tony Molinari, đối tác của tay kia ở San Francisco. Đằng sau họ, hai người mặc áo khoác đi theo, mỗi người xách hai chiếc va-li, mỗi chiếc đựng, trong số những đồ vật khác, một chiếc áo tuxedo (giống áo jacket) mặc vào dịp lễ cưới tối qua giữa hai nhà Clemenza và Zaluchi. Mặt nước đầy cá chết. Từ trong ga-ra, một chiếc limousine chạy trờ đến để đón họ. Khi chiếc limo vọt ra đường phố, một xe cảnh sát chạy theo sau. Tay cóm này lãnh lương của Zaluchi.

Tại Sân bay Thành phố Detroit, họ quẹo xuống một con đường nhánh và lái xe dọc theo một tường rào cho đến khi tới một cái cổng ghi chữ CHỈ XE KHẨN CẤP THÔI. Chiếc xe cảnh sát dừng lại. Chiếc limo tiếp tục chạy thẳng vào đường nhựa. Hai người mặt đồ lụa bước ra, hút cà phê từ mấy cái ly giấy. Các vệ sĩ của họ luyện mấy thế Karate.

Một chiếc máy bay lặn bánh về phía họ mang logo của một hãng đóng gói thực phẩm mà Michael Corleone có cổ phần ngầm nhưng kiểm soát. Logo mang hình mặt nghiêng của một sư tử. Tên trên giấy khai sinh của phi công là Fausto Dominick Geraci Jr., nhưng giấy đăng ký gắn nơi kính chiếu hậu lại ghi tên “Gerald O'Malley”. Kế hoạch bay vẫn để trống. Geraci có tay trong ở tháp kiểm soát không lưu. Tại mọi sân bay trên khắp nước Mỹ, Geraci được quyền sử dụng những máy bay mà trên giấy tờ không thuộc về chàng ta.

Dưới ghế ngồi của phi công là một bao đầy tiền mặt. Những đám mây báo bão phủ đầy bầu trời phía tây.

Bên kia dòng sông, cửa vào phòng 14 của Lữ quán Happy Wanderer mở ra. Ngồi trong đó là Fredo Corleone, người anh em mới được bổ nhiệm *sotto capo* của Michael. Anh ta đang nhìn ra hướng đến chỗ đậu xe. Anh ta không thấy có ai lảng vảng quanh đó. Anh ta chờ một chiếc xe cà tàng đỗ xích lại, phát ra tiếng xình xịch đủ to để đánh thức một người dậy. Fredo chợt nhận ra có gì nổi lên trên giường đằng sau anh, nhưng điều cuối cùng mà anh ta sắp làm là quay nhìn lại phía sau.

Cuối cùng, thấy đã đến lúc an toàn, không có nguy cơ bị phát hiện, Fredo kéo chiếc mũ chóp bằng vành cong sụp xuống tận mắt, khép cánh cửa lại đằng sau mình và chạy nhanh đến góc phố, xuống một con đê, băng qua một rạp hát đầy những ly giấy uống nước và những bịch đựng bắp rang vút ngổn ngang. Những bịch đựng bắp được trang trí bằng hình ảnh hề mập mặt đỏ màu xanh, đầu tóc dựng đứng, mặt méo mó thành những nụ cười ranh mãnh, tinh quái. Chiếc mũ không phải của chàng. Có lẽ nó thuộc về anh chàng trông phòng nọ hoặc là đến từ một trong những nơi dừng chân của Fredo tối qua. Và cũng có thể nó thuộc về một trong những cận vệ của chàng. Bọn họ là những người mới, còn xa lạ với chàng. Đầu óc chàng chao đảo. Chàng vỗ vào mọi túi áo, túi quần. Chàng đã bỏ lại thuốc lá trong phòng. Và cả bật lửa nữa. Chiếc bật lửa là một quà tặng từ Mike, được cẩn đá quý, xuất xứ từ Milan, và được chạm dòng chữ CHRISTMAS 1954, nhưng không ghi tên ai, dĩ nhiên rồi. Đừng bao giờ lưu lại tên bạn trên bất kỳ thứ gì, ông via của chàng ngày xưa vẫn thường dặn dò như thế. Trong lúc nghĩ lan man như vậy, Fredo vẫn không ngừng sải bước. Thôi bỏ đi, kệ mẹ nó. Chàng ta nhảy qua một rãnh nước đầy bùn sinh và chạy lúp xúp qua chỗ đậu xe của một tòa nhà cao tầng gồm nhiều căn hộ. Chàng đã dấu chiếc xe Lincoln mà Zaluchi cho chàng mượn khuất sau một lò thiêu rác. Chiếc áo khoác của chàng quần lại nơi ghế ngồi đằng sau cùng với một cái sơ-mi bằng sa-tanh màu vàng không phải của chàng và một chai whisky. Món này thì đúng là của chàng.

Chàng bước vào. Chàng vớ chai whisky, tợp mấy ngụm rồi ném chai rượu lên ghế hành khách kế bên. *Có lẽ, chàng nghĩ, đã đến lúc nên uống rượu tiêu sầu rồi đây.* Và còn điều kia nữa. Ôi lạy Chúa! Do đâu mà một chuyện bạn rất muốn làm như thế lại có vẻ kinh tởm đến thế ngay sau khi bạn mới vừa làm xong chuyện đó? Chàng cũng sẽ rũ sạch chuyện đó. Khá dễ dàng để bắt đầu hôm nay, về nhà ở Las Vegas, nơi chàng nổi tiếng là con người đào hoa, nịnh đầm rất khéo, đồn các em ngã như rạ, nơi mà thành phố quá nhỏ khiến chàng không thể có được điều kia. Chàng rờ ga và lái xe đi như thể chàng là một ông già ngoan đạo người Canada trên đường đi lễ nhà thờ. Mặc dầu tại một chỗ đèn dừng chàng đã vớ chai whisky và làm một hơi cạn sạch. Chàng nhấn hết ga và tăng tốc, chạy như bay đến Vega. Trời bắt đầu mưa. Chỉ khi bật cần gạt nước chàng mới nhận thấy có một tờ giấy nơi cửa ghế hành khách, có lẽ là một tờ bướm hay thứ gì đại loại như vậy.

Trở lại với bóng tối của phòng 14 Lữ quán Happy Wanderer, anh chàng trần truồng trên giường thức giấc. Anh ta là một nhân viên mai vụ cung cấp cho các nhà hàng khách sạn từ Dearborn, có vợ, hai con. Anh ta dờn chiếc gối ôm khỏi đống quần và đứng lên. Anh ta ngửi các đầu ngón tay. Anh ta dụi mắt. “Troy?” anh ta lên tiếng gọi. “Này, Troy? Ôi dào, cái gì thế này. Không làm lại nữa hả, Troy? Rồi anh ta thấy cái bật lửa. Anh ta thấy khẩu súng của Troy. Đó là một khẩu Colt 45. Anh chàng trần truồng này trước nay chưa từng đụng đến một khẩu súng thực bao giờ. Anh ta ngồi lại xuống giường. Anh ta thấy kiệt sức. Anh ta bị tiểu đường. Ở nơi nào đó hẳn là phải có những quả cam. Anh ta nhớ lại Troy đã cho người pha chế rượu 50 đô la để đi vào bếp và lấy ra một giỏ cam. Anh ta đã ăn hết ba quả cam ngay tại quầy bar, trong khi Troy đi đến cửa chính và nhìn ra ngoài phố chờ cho đến khi anh ta ăn xong và các vỏ cam được dọn đi. Anh ta không thể nhớ lại điều gì đã xảy ra cho phần còn lại của giỏ cam.

Tìm anh ta thót lại và mồ hôi túa ra. Anh gọi điện cho phòng tiếp tân và yêu cầu phục vụ buồng. “Ông nghĩ ông đang ở đâu?”, nhân viên tiếp tân hỏi. “Khách sạn Ritz hả?” Câu hỏi hay đấy. *Mình đang ở đâu nhỉ?* Anh ta muốn hỏi, nhưng trước tiên anh ta phải làm điều gì đó về số tiền của mình. Có đồ ăn thức uống gì không? Anh ta hỏi. Một máy bán hàng hay cái gì đó? Dầu sao anh ta có thể bảo nhân viên tiếp tân mang vào cho mình, ít ra là một miếng bánh, chẳng hạn thế? “Bộ chân ông gãy rồi sao?” anh chàng tiếp tân hỏi móc. Người bán hàng nói rằng mình sẽ trả năm đô để có một miếng bánh giao tận phòng. Anh chàng tiếp tân nói anh ta sẽ đến ngay.

Người bán hàng cần gọi vợ mình. Chuyện này từng xảy ra trước đây. Anh ta đã nói rằng đó là với một cô thư ký. Anh ta đã hứa với vợ sẽ không tái phạm. Anh ta bắt đầu quay số rồi nhận ra rằng mình cần đến nhân viên tiếp tân để tiếp cận đường dây gọi ra ngoài. Nhân viên tiếp tân hẳn đã đi ra ngoài để mua bánh.

Anh chàng này có một việc làm tốt, vợ hiền con ngoan, nhà cửa thơm tất. Anh ta lại mới được kết nạp vào Phù luân hội. Vậy mà anh ta lại ở đây, sau một đêm bù khú với mấy thành phần bất hảo đường phố, làm *những chuyện ấy*, rồi thức dậy vào một buổi sáng chủ nhật *trong một nơi chốn như thế này đây*.

Anh ta lại ngồi dậy đi tìm mấy quả cam. Thật không may. Anh ta thấy quần của mình nhưng lại không thấy cái áo sơ-mi màu vàng của mình ở đâu. Anh ta cũng không thể tìm ra cái mũ chóp bằng vành cong lên của mình. Anh ta không nhớ tên cái quán rượu nhếch nhác nơi mình đã để lại chiếc xe. Anh ta sẽ phải kêu taxi về nhà, không có áo sơ-mi, rồi nhờ vợ lái xe đưa mình chạy lòng vòng mấy khu lảng giềng lụp xụp đi tìm chiếc xe bỏ quên ở nơi nào không nhớ. Có khác nào mò kim đáy bể. Thế thì mua một chiếc xe mới có lẽ là dễ hơn.

Anh ta chộp lấy khẩu súng.

Khẩu Colt nặng hơn anh ta tưởng. Anh ta vuốt ngón tay dọc theo nòng súng. Anh ta há miệng. Anh ta để mũi súng lên lưỡi mình và giữ yên ở đó.

Anh ta nghe tiếng rít hãm lại của các bánh xe ở bên ngoài. Đó là một chiếc xe lớn, anh ta có thể khẳng định như thế từ âm thanh của cửa xe đóng sầm lại. Hẳn là Troy. Trở lại vì anh ta. Rồi cửa xe thứ nhì đóng lại.

Hai người.

Họ đều đến từ Chicago. Nhưng họ không đến vì anh ta, mặc dầu anh chàng trần truồng kia không biết điều đó. Họ đã theo dõi anh ta từ nhiều giờ rồi, điều này anh ta cũng không hề biết. Anh chàng trần truồng kéo khẩu Colt ra khỏi mồm, đứng lên và chĩa mũi súng vào cánh cửa. “Hen gặp nhau ở Địa ngục!” anh ta thì thầm. Anh đã nghe ai đó nói câu đó trong phim. Anh ta chẳng phải là một tên côn đồ hung bạo, nhưng với mấy ngón tay nắm vòng báng súng cần ngọc trai của khẩu súng sáu kia anh ta thấy thích mê nó.

Ở Hollywood, Florida, dưới chỗ đậu xe của ngôi nhà màu san hô, nơi cô gái đã sống từ khi cha cô, Sonny, chết vì tai nạn xe cộ (cô chẳng có lí do nào để tin bất kỳ điều gì khác hơn là những gì mà người thân đã nói cho cô), Francesca Corleone nhấn còi xe của mẹ cô liên tục cả mười giây. “Dừng đi”, Kathy, chị em sinh đôi của cô nói, vừa bò qua chỗ ngồi phía sau, đang đọc một quyển tiểu thuyết Pháp trong nguyên tác. Kathy đang hướng tới Đại học Barnard. Cô muốn trở thành bác sĩ giải phẫu. Francesca đang đến bang Florida, thủ phủ Tallahassee, với mong muốn cháy bỏng là thoát ra khỏi nhà để sống tự lập và tự chủ. Mặc dầu với mọi chuyện khủng khiếp đang diễn ra ở New York và làm thế nào mà khía cạnh đó của gia đình đã khiến cho tên tuổi gia đình cô phơi đầy trên các tờ báo, cho dầu tất cả có toàn là dối trá đi nữa, thì lúc này chẳng phải là thời điểm thuận lợi nhất để bắt đầu một cuộc sống mới. Kathy lại muốn vào đại học ở New York, một phần là để được gần mọi người trong gia đình ở đó. Giờ đây, dĩ nhiên, mọi người đã chuyển đi xa, trừ bà nội Carmela và cô Connie đáng sợ. Bề ngoài thì có vẻ như chú Carlo đơn giản là đã biến đi - một trong những anh chàng đi ra ngoài mua gói thuốc và chẳng hề quay lại: xử sự như thế quả là quá tệ, cho dầu với một con người đáng tởm như chú ấy, nhưng Francesca phải thừa nhận rằng bất kỳ ai lấy cô Connie cũng phải xem xét cẩn thận chuyện ấy. Kathy, đặc biệt là khi lên New York, có lẽ hàng ngày sẽ bị hạch hỏi, ngay cả bởi thầy cô của mình, rằng cô có liên hệ gì không với mấy ông gang-x-tơ nổi tiếng như còn của nhà Corleones đó. Nếu mấy tháng vừa qua ở Hollywood không có chỉ định nào, Francesca có lẽ cũng phải chuẩn bị tinh thần cho chuyện này, ngay cả ở Tallahassee.

Mẹ cô, một bà danh đá ưa kiểm soát chặt, đang lái xe chở cả hai cô con gái. *Cầm lái!* Đi New York! Tạ ơn Trời, Francesca sẽ xuống xe trước tiên. Cô lại bấm còi.

“Làm phiền quá!” Kathy cầu nhàu.

“Làm như cô em đang thực sự đọc quyển sách đó vậy”.

Kathy trả lời bằng tiếng Pháp, chẳng biết có chuẩn không hay là tiếng Tây... giả cầy.

Francesca chưa học ngoại ngữ nào và dự định tránh né vấn đề bằng cách chọn tiếng Ý - mà thực ra cô ta cũng chỉ biết rất lơ mơ. - hoặc định chọn ngành nào không đòi hỏi ngoại ngữ. “Chúng là là người gốc Ý”, Francesca nói. “Vậy tại sao em không học tiếng Ý?”

“*Sei una fregna per sicuro*” Kathy trả lời.

“Nhanh mồm nhạy miệng đấy!”

Kathy nhún vai.

“Cô em có thể chửi thề bằng tiếng Ý”, Francesca nói mỉa, “nhưng cô em lại không đọc được tiếng Ý”.

“Tôi chẳng đọc được gì trừ phi cô làm ơn cầm miệng giùm”.

Mẹ của chúng ở cửa kế bên nơi nhà của ông bà nội, và đã ở đó từ rất lâu đưa ra những khuyến cáo vào phút cuối về chuyện ăn ở, học hành cho hai cậu em của Francesca và Kathy là Frank, mười lăm tuổi và Chip, mười tuổi. Tên thực của Chip là Santino Jr. và cho đến khi cậu bé trở về nhà sau buổi tập bóng chày vào một ngày của mùa hè này và thông báo rằng từ nay cậu ta sẽ chỉ trả lời khi ai gọi “Chip”, thì cậu được gọi bằng cái tên “Tino”. Francesca có thể cũng sẽ làm như thế. Cô có thể vào đại học và lấy tên khác. *Fran Collins, Franny Taylor, Frances Wilson*, thí dụ thế. Cô có thể nhưng cô sẽ không làm như vậy. Họ đã Mỹ hóa cách phát âm từ *Cor-le-o-nay* thành *Cor-lee-own* rồi, và như thế là đã thay đổi đủ rồi. Cô gái tự hào về tên họ mình, tự hào là người Ý. Cô tự hào là bố mình từng nổi loạn chống lại ông bố và những người anh em gang-x-tơ của mình và đã trở thành một doanh nhân hợp pháp. Dầu sao thì tên của Francesca cũng sẽ thay đổi vào đúng thời điểm, khi cô tìm được tấm chồng ưng ý.

Francesca lại nhấn còi xe. Có chuyện gì mà ở trong đó lâu thế? Nonna và Poppa sẽ lờ đi mọi lời mà mẹ Francesca nói. Những tay đó bỏ đi xa với vụ giết người, nhất là Frankie, nhất là một khi trận đấu bắt đầu. Francesca lại nhấn còi một lần nữa. Kathy cầu nhàu: “Đừng làm mọi chuyện thêm rối, được không?” và Francesca giọng chịu đựng: “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi”. Kathy thở dài, theo kiểu chỉ một cô gái Mỹ mới có thể thở dài như thế. Một lát sau, cô dịu dàng mân mê đuôi tóc của Francesca. Hai chị em sinh đôi này suốt mười tám năm qua chưa từng có một đêm ngủ riêng.

Khách sạn và Casino “Lâu Đài Trên Cát” của Hal Mitchell không lúc nào đóng cửa. Trong những ngày này Johnny Fontane cũng bận rộn không ngừng, mỗi ngày hai sô và còn dành thời gian bù khú với những người thân thiết và cặp kè sát bên là hai em gà quốc tế loại chiến trông rất mượt. Một em là gà mái “gô-loa” tóc vàng từ Pháp sang chuyên nhảy “cuồng trời” theo giai điệu Tabù huyền bí, man rợ và mê hoặc của rừng thẳm Phi châu, từng xuất hiện trong một phim của Mickey Rooney quay ở đây năm rồi, bộ phim mà trong đó Mickey đóng vai người thăm dò khoáng sản trong sa mạc và rồi có một vụ thử bom khiến anh ta lãnh một liều lượng phóng xạ nhiều đến độ làm cho bất kỳ cái máy đánh bạc nào mà anh ta chạm đến cũng nhả tiền ra. Thế mà không có cảnh nào mà những tay đầu gấu “nặng” cho anh chàng này phải té đái vãi phân cả. Chuyện vô lí lãng xẹt như vậy mà thiên hạ vẫn khoái coi, kỳ thiệt! Nhưng nghĩ cho kỹ thì cũng chẳng có chi lạ. Vì chuyện phim này đã gãi ngứa đúng chỗ vào cái máu tham của con người luôn ao ước có được những đồng tiền dễ kiếm. Đơn giản là thế. Còn em kia là một nàng tóc nâu trông rất ngon xơi với đôi môi mọng bóng láng và ướm át, đôi mắt lấp cực kỳ và nụ

cười mời gọi mây mưa. Khi chàng Johnny mở lời, rất lịch sự tao nhã, hỏi xem có em nào cảm thấy có vấn đề khi lên giường không - Sao cơ? Cả ba chúng ta? - thì các em cười rúc rích và bắt đầu màn thoát y, sinh động và nhiệt tình. Em tóc nâu, tên là Eve, tỏ ra có năng khiếu nhạy bén về chuyện đó, biết chính xác khi nào thì đến lượt em tóc vàng mút cu cho anh Johnny (khi thấy kích cỡ của chú nhóc, cô nàng cười nhăn nhở và thì thầm, "Ồi chà, đã quá!") hay khi nào thì đến lượt em làm chuyện đó bên suối nước phun ở giữa phòng trong khi em tóc vàng dùng lược xoa mỏng chàng. Eve biết lựa đúng thời điểm đẩy Johnny nằm ngửa xuống và thu xếp cho em tóc vàng bập vào căn sổ chàng còn nàng bắt đầu vẽ các đầu vú của em tóc vàng và hôn nàng ta. Cảnh tượng này kích thích mạnh Johnny khiến chàng ta phóng ra ào ạt trong cơn cực khoái. Đó là một món quà của lòng ưu ái để tặng cho thần tượng. Nàng tóc vàng, tên Rita (gọi tắt của Marguerite); chàng không bao giờ quên tên các em vào sáng hôm sau - vẫn còn nằm ngủ ở đó, khi chàng rời phòng để lên hồ bơi trên sân thượng. Chàng ném chiếc áo khoác ra và nhảy xuống phía sâu của hồ. Khi cú sốc qua đi, chàng lặn sâu trở lại, giữ hơi thở và đếm đến hai trăm theo nhịp năm, mười, mười lăm, hai mươi...

Đầu chàng đập thỉnh thoảng, mà không phải vì ở sâu dưới nước. Chàng cũng không uống nhiều như người ta nghĩ. Bí quyết? Đi từ bàn này đến bàn kia, từ này đến từ khác, để lại những ly uống nửa chừng, mà không ai nhận ra, trong khi đồng thời nhận mọi ly mời, điều mà mọi người đều thấy. Bất kỳ tay bơm rượu háo thắng nào muốn đo sức ly chơi ly với chàng ta đều lãnh hậu quả là đổ gục nơi ghế sau taxi và được gọi về nhà, do sự ưu ái của Johnny Fontane! Chàng kiểm soát được việc nạp tửu lượng của mình. Chàng kiểm soát được việc mình làm và làm điều gì với ai.

Chàng trôi lên mặt nước. Chàng bơi mấy sải để khởi động, rồi hít vào một hơi dài và lặn xuống trở lại. Chàng lặp lại bài tập luyện này ba lần nữa và ra khỏi hồ nước. Ở đầu kia của mái che có một bảng thông báo: HÃY CHỪNG KIẾN TẬN MẮT! NHÌN THẤY RÕ BOM NGUYÊN TỬ NỔ TỪ LAS VEGAS! Bên dưới bức tranh một đám mây hình nấm màu cam đỏ tía, là thời điểm, bằng những con chữ chuyển động, ghi sáng ngày mai. *Sáng sớm ngày mai.* Johnny đã nghe là họ sắp xây một quán bar, một chỗ bán buffet điểm tâm với một loại bánh mì được đặt tên là Hoa Hậu Bom Nguyên Tử. Những ai sẽ chịu khó dậy thật sớm vào lúc rạng đông để nhìn xem một quả bom nổ cách đó sáu mươi dặm? Có lẽ là những kẻ nghĩ rằng nhờ đó mình sẽ sáng rực lên và điều khiển được những cái máy đánh bạc phải ới tiền ra cho mình tha hồ xài thỏa thích! Người ta muốn trả tiền để nhìn bom nguyên tử nổ, họ phải đi xem bộ phim mới rồi của Johnny. Chàng túm lấy chiếc áo khoác, bước xuống cầu thang hai bậc mỗi bước để trở về phòng.

Cô em Rita cũng đã đi đâu rồi. Một em mái tốt với chất sex tươm ra trên từng phân vuông cơ thể, thạo nghiệp vụ và nhiệt tình công tác. Đáng đồng tiền bát gạo! Căn phòng chừng như còn thoảng mùi whiskey, mùi thuốc lá và mùi... âm hộ của các em. Bức tượng mỹ nữ khỏa thân trong dòng suối với đôi tay giang rộng ra như muốn ôm ai đó. Chàng ta mặc quần áo và để chắc ăn rằng mình sẽ không ngủ gật trên đường đến Los Angeles, uống một trong những viên thuốc màu xanh lá cây mà bác sĩ Jules Segal đã kê toa.

Johnny Fontane bước vào vùng ánh sáng chói chan của bãi đỗ xe hạng VIP của khách sạn mà không hề ngần ngại gì. Chàng ta túm lấy các ve áo, duỗi thẳng chiếc áo jacket và leo vào chiếc xe mới, màu đỏ, hiệu Thunderbird (Chim Sấm sét). Đám cóm ở đây đều biết chiếc xe này của ai. Chàng cho con chim bay với tốc độ hơn một trăm ngay cả trước khi rời khỏi thành phố. Chàng liếc nhìn đồng hồ. Trong vòng mấy tiếng nữa đám nhạc công sẽ bắt đầu đi từ từ vào studio. Họ sẽ mất khoảng một giờ để chỉnh dây đàn và uống nước, nói chuyện phiếm và khoảng một giờ khác để Eddie Neils, người nhạc trưởng chỉ huy họ tổng diễn tập. Johnny sẽ làm điều đó đúng lúc. Để lại vài dấu vết ban đầu, đến sân bay lúc sáu giờ, nhảy vào chiếc máy bay thuê bao theo hợp đồng cùng với Falcone và Gussie Cicero, và trở lại đây vừa kịp lúc cho xô diễn riêng mà chàng ta bảo là sẽ làm cho Michael Corleone.

Mãi cho đến lúc bốn giờ sáng - sau khi anh ta đến, mệt lử, dấy phòng khách của Vista del Mar

Golf & Racquet Club - thì Tom Hagen mới nhận ra là mình đã để quên cái vợt ở nhà. Cửa hàng bán đồ thể thao không mở cửa cho đến chín giờ, cùng thời điểm mà Hagen dự kiến gặp gỡ Ngài Đại sứ ở Sân 14. Hagen không thể để trễ hẹn. Anh ta hỏi nhân viên tiếp tân xem mình có thể mượn một cái vợt không, và anh chàng tiếp tân nhìn anh ta cứ như thể anh vừa vấy bùn lên lớp nệm trắng tinh của khách sạn. Anh bảo người tiếp tân rằng sáng mai mình có hẹn chơi tennis sớm và hỏi xem có cách nào để ngay bây giờ đi vào shop chuyên bán đồ thể thao và anh chàng tiếp tân lắc đầu, bảo rằng mình không có chìa khóa. Hagen hỏi liệu có bất kỳ điều gì có thể làm, hoặc là ngay bây giờ hoặc là vào một thời điểm nào đó trước tám giờ rưỡi sáng mai, và anh chàng tiếp tân lại xin lỗi và nói không. Hagen bèn lấy ra hai tờ trăm đô la và năn nỉ anh chàng tiếp tân rằng mình sẽ biết ơn lắm lắm nếu có bất kỳ điều gì là khả thi trong sức người mà có thể làm được. Và thế là chàng ta bèn... cười rất điệu!

Hagen đã bắt đầu ngày hôm qua nơi giường của mình ở Las Vegas, rồi, trước bình minh, bay cùng với Michael Corleone đến Detroit, đầu tiên là để gặp Zaluchi nhân ngày cưới ái nữ của Ông Trùm này, sau đó dự đám cưới, xuất hiện ở quầy tiếp tân, và cuối cùng bay trở lại về Vegas. Mike có thể về nhà và đi ngủ. Hagen đến văn phòng, giải quyết giấy tờ trong một giờ và sau đó ghé thăm nhà trong chốc lát, thay quần áo và hôn cô con gái đang ngủ, Gianna, vừa mới lên hai, và hôn vợ chàng, Theresa, đã trở thành một nhà sưu tập nghệ thuật và rất phấn khởi về bộ sưu tập tranh Jackson Pollock vừa mới đến từ người phụ trách mãi vụ của nàng ở New York. Hai cậu con trai, các teenagers Frank và Andrew, mỗi cậu đang sau cánh cửa khép kín của phòng ngủ riêng vùi đầu vào những cuốn truyện khoa học viễn tưởng hoặc những đĩa nhạc Da đen. Giờ này không thể hôn chúng.

Trong lúc Tom Hagen gói dụng cụ chơi tennis, Theresa đi vòng quanh căn nhà mới của họ, nhìn ngắm bức tranh lộng lẫy đối diện mấy bức tường trắng. Nàng đã lợi dụng việc chuyển nhà đến Las Vegas và những vùng bề mặt còn trống để tiếp tục mua sắm lu bù. Những bức tranh đáng giá gấp nhiều lần hơn chính ngôi nhà. Chàng thích kết hôn với một phụ nữ có khiếu thưởng ngoạn nghệ thuật tinh tế. “Đem treo đối diện bức màu đỏ của Rothko ở trung tâm hành lang, anh thấy thế nào?” nàng gọi anh.

“Treo ở phòng ngủ được không?”

“Anh nghĩ vậy à?” nàng hỏi.

“Chỉ là ý nghĩ thoáng qua thôi”, chàng trả lời. Chàng gặp ánh mắt của nàng và nhướn mày lên để chỉ rằng không phải là chuyện chỗ treo bức tranh mà chàng đang nói đến.

Nàng thở dài. “Có lẽ anh nói đúng”. Nàng hạ bức tranh xuống và nắm tay chàng.

Chàng đã quá mệt mỏi, và mọi chuyện chẳng mấy suông sẻ.

Từ lâu rồi Hagen không còn là *consigliere* của nhà Corleone, nhưng với cái chết của Vito Corleone và Tessio cũng chết rồi và Clemenza đang trong tiến trình nắm lấy quyền lực, cát cứ ở New York, Michael cần một trợ thủ giàu kinh nghiệm. Ông Trùm đang chờ cho đến khi nào cảm thấy chắc chắn là cuộc chiến với nhà Barzinis và nhà Tattaglias đã dứt khoát qua đi mới thông báo một *consigliere* mới. Michael đã có một mưu đồ gì đó giấu nơi tay áo nhưng tất cả những gì mà Hagen có thể hình dung ra đó là kế hoạch đó có liên quan đến Cleveland. Trong khi chờ đợi, Hagen vẫn tiếp tục công việc cũ của mình và cũng cố gắng chuyển dịch đến chuyện tiếp theo. Anh ta đã bốn mươi lăm tuổi, còn lớn tuổi hơn cha mẹ anh ta khi mất đi và hẳn là đã quá già cho cái công việc quái quỷ này.

Giờ đây anh gọi cho phục vụ buồng để kêu thức uống trước khi đi ngủ. Anh uống cạn nhanh ly cà phê đầu tiên trước khi cánh cửa chính khép lại đằng sau người bồi phòng. Hagen tự tán thưởng mình vì đã đoán trước rằng mình sẽ cần đến hai bình nước. Anh cầm theo một bình và

đi ra ngoài ban-công. Tám giờ sáng, mặt trời mới vừa lên khỏi ngọn núi phía đông mà không khí đã nóng bức. Ai cần tắm hơi? Xin mời đến đây. Vào lúc Hagen cạn bình cà-phê đầu tiên - trong khoảng mười phút - cái áo anh mặc đã ướt đầm.

Hagen cạo râu, tắm rửa, mặc bộ đồ để đánh tennis, và đứng bên ngoài shop dụng cụ thể thao vào lúc tám giờ rưỡi, chờ ai đó đi đến. Sau những phút chờ đợi dài vô tận, anh trở lại quầy tiếp tân. Một nhân viên khác nói rằng người quản lý sẽ đến ngay bây giờ và sẽ gọi anh trên loa.

Hagen trở lại bên ngoài shop chuyên doanh kia. Cuộc chờ đợi căng thẳng đến nhức nhối. Nếu như có một điều mà anh đã học từ Vito Corleone - và có gì mà anh không học từ ông ấy? - thì đó là sự sốt sắng, sẵn sàng. Anh đi tới đi lui một cách bồn chồn và không dám đi vào phòng toa-lét vì sợ sẽ hụt gặp viên quản lý hay một nhân viên nào đó đang đi đến. Khi cuối cùng có ai đó đến mở cửa - một phụ nữ người Slave trông giống một cô mát -xa hơn là một quản lý hay cửa hàng trưởng -thì kim đồng hồ chỉ đúng chín giờ.

Hagen tóm ngay lấy một cây vợt, dẫn mạnh hai trăm đô-la xuống quầy tiếp tân và bảo cô cứ giữ lại chỗ tiền dư.

“Chúng tôi không nhận tiền mặt”, cô ta nói. “Ông phải kí tên vào biên nhận”.

“Tôi kí ở đâu?”

“Ông có phải là hội viên không? Tôi không nhận ra ông.”

“Tôi là khách mời của Ngài Đại sứ Shea”

“Chính ông ấy phải là người kí. Ông ấy hoặc một thành viên trong gia đình ông ấy hoặc là người hầu của ông ấy”. Cô ta gằn giọng mấy chữ ấy nghe như tiếng búa gỗ gõ lộp cộp lên bàn gỗ vậy.

Hagen bèn móc ra một tờ trăm đô-la nữa và nài nỉ cô ta mở lượng hải hà giải quyết cho qua cái sự vụ lẩn khuất này và chàng xin rất lấy làm đa tạ.

Cô ta nhìn chàng theo cái cách mà anh chàng tiếp tân hồi tối từng nhìn, ngạc nhiên tự hỏi cái anh chàng “cả quỳnh” này làm gì mà quỳnh quáng lên thế vì một cây vợt tennis. Nhưng được cái là cô cũng hạ cổ nhón lấy mấy tờ trăm đô và khê khàng cho vào túi. Trúng mảnh nhẹ nhàng, ngu gì không chộp. Rồi đi mua một cây vợt khác thế vào, chỉ với nửa số tiền ấy thôi. Chuyện dễ ợt mà!

Hagen tưởng chừng như cái bong bóng của mình sắp nổ tung, nhưng bây giờ đã là chín giờ năm phút. Chàng xé cái hộp giấy đựng cây vợt và lao vào một cuộc chạy đua nước rút tử thần. Những từ chính xác đó xảy đến với anh - *chạy đua nước rút tử thần*.

Khi anh đến Sân 14, trễ mười phút so với giờ hẹn, thì không thấy bóng dáng ai ở đó. Hiếm khi nào anh trễ hẹn nên anh không có ý tưởng phải xoay xở thế nào. Có phải ngài Đại sứ đã đến đây và không thấy chàng liền bỏ đi? Hay là ông ta cũng trễ? Mình nên chờ bao lâu đây? Hay là đi đái cái đã rồi sẽ quay lại chờ. Anh ta nhìn quanh. Nhiều bụi cây lắm, nhưng nơi đây đâu phải là chỗ mà người ta có thể tè bậy, nhất là khi người ta là một quý ông sang trọng, đứng đắn. Làm người sang trọng lắm khi cũng khổ thật! Vậy là chàng ta phải trăn mình chịu trận, hai chân kẹp chặt, ấn một bàn tay để chặn lại. Chắc chắn là ngài Đại sứ đã đến và đã bỏ đi. Cuối cùng, chịu hết nổi, chàng chạy bay đến phòng toa-lét gần nhất. Nhưng vì quá khẩn cấp, chàng không còn để ý gì nữa và chạy lộn vào chỗ dành cho quý bà! Song đã đến nước này thôi thì phải xả lảng đã, rồi tính sau. Cũng may mà không bị ai bắt gặp nên cũng đỡ ê mặt. Khi chàng trở lại Sân 14, một bức thư ngắn được ghim vào trên lưới. *Đại sứ Shea - không thể chơi tennis sáng nay. Bữa ăn sáng muộn? 2. Hồ bơi. Có người sẽ đón anh.*

Bức thư không nói ở đâu.

Kay Corleone chỉ tay ra sau về phía con đường đi tới sân bay Las Vegas. “Anh ấy đã lỡ hẹn với chúng ta”, nàng nói. “Michael, chúng ta đã chệch mục tiêu”.

Ngồi bên nàng ở ghế sau của chiếc Cadillac màu vàng mới sắm, Michael lắc đầu.

Kay nhú mày. “Có phải chúng ta đang lái xe về hướng Los Angeles? Anh có mất trí không đấy?”

Hôm đó là lễ kỉ niệm lần thứ năm ngày cưới của họ. Nàng và các con và cả mẹ nàng, cả mục sư Tẩy lễ đều đã sẵn sàng cho lễ Misa. Tối nay Michael bận việc, trước, trong khi và sau xô diễn riêng mà Johnny Fontane đang thực hiện như một món quà ưu ái cho Nghiệp đoàn Tài xế Xe tải. Nhưng chàng đã hứa với nàng rằng trọn ngày hôm nay cho đến lúc đó, sẽ là một cuộc hẹn hò yêu đương dài - giống như thời xưa, mà còn nồng nàn hơn nữa.

Michael lắc đầu. “Chúng ta không lái xe. Và chúng ta không đi đến Los Angeles”

Kay xoay vòng trong chỗ ngồi, nhìn lại sau về hướng con đường không đi theo, rồi quay về phía chồng nàng. Đột nhiên nàng cảm thấy có cái gì đấy giống như một khối nước đá trong gan ruột nàng. “Michael,” nàng nói, “Thứ lỗi cho em, nhưng em thấy cuộc hôn nhân này đã trải qua bao nhiêu chuyện ngạc nhiên đến độ -” Nàng lấy tay xoay thành những vòng tròn, giống như một huấn luyện viên thể thao ra hiệu rằng một động tác nào đó là không đúng.

Chàng mỉm cười. “Nhưng đây sẽ là một ngạc nhiên thú vị”, chàng nói. “Anh xin hứa”.

Chẳng mấy chốc họ đến Hồ Mead, gần một bến cảng với một chiếc thủy phi cơ bỏ neo ở cuối bến. Chiếc máy bay được đăng kí tên Công ty Điện ảnh của Johnny Fontane, mặc dầu cả Fontane lẫn những người làm việc nơi công ty đó chẳng một ai hay biết tí gì về chuyện này.

“Ngạc nhiên số một”, Michael nói, vừa chỉ tay vào chiếc máy bay.

“Ồ, anh cưng” nàng nói. “Số một?” Thế còn những số nào nữa, hử ông Giáo sư Toán học?”

Họ ra khỏi xe.

“Đơn giản mới chỉ là đếm số thôi, em yêu. Đừng nâng lên thành toán học, to tát quá!”. Chàng giang tay về phía bến tàu, nghiêng mình, cố tình làm ra kiểu phờng tuồng: “Xin mời nương tử”.

Kay muốn nói rằng nàng sợ nhưng rồi không nói, không thể nói. Nàng không có bất kỳ lí do gì để nghĩ rằng chàng có thể làm hại nàng.

“Ngạc nhiên số hai -”

“Michael”.

“- là chính anh sẽ lái chiếc máy bay này”.

Đôi mắt nàng mở to.

“Anh đã theo khóa huấn luyện phi công khi còn trong binh chủng Thủy quân lục chiến,” chàng nói, “trước khi anh... như em biết rồi đấy” *Được gửi đi chiến đấu trong cái nắng gay gắt nơi các đảo san hô đầy bùn và những thân người.* “Bay giúp anh thư giãn. Em yên tâm. Anh đã học bay

có bài bản, rất nghiêm túc. Chẳng kém phi công chuyên nghiệp tí nào đâu”.

Kay thở phào nhẹ nhõm. Nàng đã không nhận ra là nàng nín thở khá lâu. Nàng đã không nhận ra rằng trong tất cả những khoảng thời gian không được giải thích mấy tuần trước đây, nàng từng lo sợ là chàng có chuyện mờ ám nào đấy. *Điều đó không đúng*. Điều mà nàng lo sợ còn tệ hơn nhiều. “Nếu anh có thú tiêu khiển nào đó thì tốt quá” nàng gợi ý. “Ai cũng cần có thú tiêu khiển riêng. Bố anh có khu vườn của ông. Người khác thích chơi golf”.

“Golf ư?” chàng nói. “Thế còn em. Em không có thú tiêu khiển nào sao?”

“Em không có”

“Luôn luôn có golf đó”. Chàng đang mặc chiếc áo khoác thể thao và một sơ -mi trắng tinh, không thắt cà -vạt. Chàng không bôi trơn tóc. Một ngọn gió nhẹ làm rối tóc chàng.

“Nói thật nhé, anh sẽ nghĩ gì nếu em trở lại với việc dạy học?”

“Đó là một việc làm. Em đâu cần việc làm. Ai sẽ trông nom Mary và Anthony”.

“Em sẽ không bắt đầu cho đến khi chúng ta ổn định chỗ ở. Lúc đó mẹ anh sẽ ở đây và mẹ sẽ trông nom chúng. Em tin là mẹ sẽ rất vui khi được ở gần và chăm sóc các cháu. Mặc dầu Kay thực sự kinh sợ phải nghe những gì mẹ chồng sẽ nói về việc nàng đi làm ở ngoài nhà. Thực sự tất cả chuyện này chỉ là một thú tiêu khiển.”

“Em có muốn một việc làm không?” Michael hỏi.

Nàng nhìn lảng đi. Một việc làm chưa phải là điểm chính.

“Để anh suy nghĩ về chuyện đó đã.” Bố chàng có lẽ đã không chấp nhận, nhưng chàng không phải là bố chàng. Michael từng có lần, giống như bố chàng, kết hôn với một cô gái Ý ngoan hiền, nhưng Kay không biết chuyện đó và cũng không phải là cô gái đó. Điều Michael quan tâm là sự an nguy của gia đình, làm sao cho nguy cơ đối với vợ con nằm ở mức tối thiểu. Michael đặt một bàn tay lên cánh tay vợ, bóp nhẹ.

Kay đặt bàn tay lên đầu bàn tay chàng. Nàng hít một hơi sâu. “À, này” nàng nói. “Em không muốn dính vào guồng máy rắc rối đó. Ít nhất cho đến khi anh cho em biết chúng ta đang đi đâu”.

Michael nhún vai. “Tahoe”, chàng nói. Một nụ cười nhẹ thoáng qua khuôn mặt chàng. “Hồ Tahoe”. Chàng vung tay về phía chiếc thủy phi cơ. “Hẳn nhiên rồi”

Có lần nàng từng nói với chàng nàng rất thích đến nơi đó. Nhưng nàng không nghĩ là chàng quan tâm lắm.

Chàng mở cửa máy bay. Kay bước vào. Lúc đó cả hai vạt áo của nàng tóc lên, duỗi căng qua hông nàng. Michael cảm thấy một thôi thúc hoang dại thềm siết vào hông nàng từ phía sau nhưng kiềm chế lại và thay vì thế chỉ để cho đôi mắt la cà, nấn ná, lần lữa trên đôi hông căng tròn của nàng. Không có gì khoái hơn, gợi dục hơn là nhìn vào vợ mình giống như thế này mà nàng thì tuyệt nhiên không biết.

“Giờ đây, điều phiền duy nhất về các chiếc thủy phi cơ”, Michael nói trong lúc chàng bước vào buồng lái và bắt đầu nổ máy, “đó là đôi khi chúng bật tung lên”.

“Bật tung lên?” Kay hỏi.

“Rất hiếm khi” Chàng trề môi dưới ra, như thể muốn chỉ rằng một chuyện như thế quả là cực hiếm. “Và nếu một chiếc thủy phi cơ bật tung lên, đoán thử xem chuyện gì xảy ra? Nó vẫn nổi thôi. Yên tâm, cưng nhé.”

Kay nhìn chàng. “VẬY HAY QUÁ”

“Anh yêu em quá chừng. Em biết điều đó chứ?”

Nàng cố gắng để đạt cái nét không biểu cảm mà Michael đã làm chủ quá tốt. “Điều đó cũng hay quá”

Máy bay cất cánh thật êm khiến Kay cảm thấy mọi cơ bắp đều thư giãn. Nàng đã không ý thức rằng chúng co thắt lại. Nàng chẳng biết trong bao lâu.

Chương 4

Qua hồ ERIE, chiếc máy bay nhỏ bay vào nanh vuốt của một cơn bão giông. Buồng lái rất nóng nhưng điều này lại hợp với Nick Geraci. Những người khác trong máy bay cũng đầm đìa mồ hôi như chàng ta. Mấy tay vệ sĩ đã cầu nhau chửi bới cái nóng. Bọn vô lại. Chàng ta cũng từng là một trong số đó, một con bò lớn xác nhỏ đầu, chỉ biết ai sai đâu đánh đó.

“Tôi nghĩ cơn bão ở đằng sau chúng ta”, Frank Falcone, người mặt áo lụa màu cam phát biểu. Anh ta không biết viên phi công thực ra là ai.

“Bạn nói chính xác đấy”, người mặc áo lụa màu ngọc xanh biển, Tony Molinari, lên tiếng đồng tình. Người này biết rõ Nick.

Những cuộc gặp gỡ giữa mấy tay chớp bu của các nghiệp đoàn tội ác Barzini, Tattaglia, Corleone đã lôi cuốn sự chú ý của bộ máy thực thi pháp luật ở khắp nơi từ các sếp cóm địa phương cho đến FBI (mặc dầu ngài Giám đốc Cục Điều tra Liên bang, bị cho là vì nhà Corleones nắm được một bí mật đáng xấu hổ nào đó của ông ta, nên tiếp tục giữ lập trường cho rằng cái gọi là Mafia chỉ là một huyền thoại). Trong gần suốt mùa hè ngay cả những tay cho vay nặng lãi nơi các quán bar, nhà thổ cũng phải co cụm hoạt động lại. Hai Ông Trùm kia của New York, Ottilio “Leo Bán sữa” Cuneo và Anthony “Tony Mặt sắt Đen sì” Straccij, đã giám sát một cuộc ngưng bắn. Phải chăng điều này có nghĩa là chấm dứt chiến tranh thì chẳng ai biết được.

“Thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi muốn nói đến cơn bão thực sự kia”, Falcone nói. “Cơn bão đằng kia. Cơn bão chó đẻ”.

Molinari lắc đầu. “Ông bạn thân mến, hình như bạn không thích đùa”.

Mấy tay vệ sĩ của họ, giờ đây thấy rõ là xanh mặt hơn, nhìn xuống sàn máy bay. “Hiệu ứng hồ nước”, Geraci nói. “Nó tạo ra hiệu ứng là không khí và nước có nhiệt độ rất khác nhau”. Chàng ta cố lấy giọng như một phi công nhà nghề, trong một bộ phim mà phi công là người cầm đầu. Chàng buong chùng. “Đó là điều khiến bão giông có thể bất thành linh ập đến từ bất kỳ hướng nào. Quý vị vẫn có hứng thú theo dõi đấy chứ?”

Molinari đặt một tay lên vai Geraci. “Cám ơn Ông Khoa học ấm ó!”

“Xin hâu Ngài”, Geraci đáp tỉnh rụi.

Falcone từng là tay móc mối chớp bu ở Chicago - mua chuộc các chính trị gia, các thẩm phán, các sếp cóm - và giờ đây điều hành cơ ngơi riêng của mình ở Los Angeles. Molinari sở hữu một nhà hàng bốn sao cạnh bến cảng ở San Francisco, thêm vào một chút của bất kỳ cái gì nơi nào anh ta muốn xí phần. Theo bức thư ngắn mà Michael đã đưa cho Geraci thì Falcone và Molinari vẫn luôn có những bất đồng, đặc biệt là khi nhận định về các Đại gia ở New York. Falcone cho là họ thời thượng kiểu rơm đời còn Molinari thì lại cho là họ bao loạn vô tổ chức. Molinari cũng cảm thấy một tình cảm quyến luyến riêng tư đối với Bố Già quá cố Vito Corleone, điều mà Falcone không hề chia sẻ. Nhưng trong mấy năm vừa qua hai Ông Trùm của Bờ Tây đã thành lập một liên minh thận trọng và hữu hiệu, đặc biệt là trong việc tổ chức việc nhập khẩu và phân phối ma túy từ Philippines và Mexico (một lí do khác mà Michael đã không phải nói, để Geraci được gửi đến gặp họ). Cho đến khi Michael nắm quyền ở Gia đình Corleone, thì hai tay này là hai Ông Trùm trẻ nhất ở Mỹ.

“O’ Malley, thế à?” Falcone lẩm bẩm.

Geraci hướng mũi máy bay xuyên qua đầu sấm, để tìm không khí tốt hơn. Chàng ta biết Falcone có ý chỉ gì: tên trên bằng phi công của chàng. Chuyến bay hiển nhiên là đủ thách thức để Falcone chấp nhận chuyện Geraci làm thính, không trả lời mình để tập trung vào việc điều khiển máy bay. Có những điều đôi mắt chẳng nhìn thấy được gì đâu, mà phải nhờ đến cái đầu. Như Michael đã tiên đoán, Falcone đặt một cái tên Ái nhĩ Lan cùng với một anh chàng Sicily vai rộng, tóc vàng, một người mà anh ta tự nhiên giả định là làm việc cho chiến dịch Cleveland, và anh ta lại thấy một người Ái nhĩ Lan. Tại sao không? Cleveland làm việc với rất nhiều người Do thái, Ái nhĩ Lan và Da đen khiến dân ở đó gọi nó là Tổ hợp. Những người bên ngoài thì gọi Ông Trùm ở đó, Vincent Forlenza, là “Tên Do thái”.

Đó là một thủ đoạn cần thiết. Rattlesnake Island (Đảo Rắn Rung chuông) chẳng phải là nơi dễ đi vào. Falcone có thể không lên một chiếc máy bay của nhà Corleone. Don Forlenza đã hy vọng đến dự đám cưới nhưng sức khỏe không cho phép. Cuối cùng máy bay lên cao khỏi những đám mây. Mọi người được tắm trong ánh sáng chói lòa.

“Này, O’ Malley,” Falcone nói, “vậy là bạn đến từ Cleveland, phải không?”

“Vâng, thưa ngài, sinh ra và trưởng thành ở đó”. Đánh lạc hướng, nhưng mà đúng.

Molinari bắt đầu nói về việc xem Di Maggio chơi cho San Francisco Seals và ngay thời đó anh ta đã là một vị thần giữa con người như thế nào. Qua nhiều năm Molinari đã kiếm được bộn tiền từ việc đánh cá ở Seals, nhưng chưa có lần nào trong suốt thời gian Di Maggio ở đó. “Người ta vẫn có thành kiến với dân Ý, tôi nói đúng không, O’Malley?”

“Tôi không chắc là mình có thành kiến hay không, thưa ngài”

“Chúng ta gặp thứ *cacasanguie* rồi,” Falcone nói.

“Xin thứ lỗi?” Geraci nói, mặc dầu chàng ta biết quá rõ từ đó có nghĩa gì.

“Đồ láu cá”, một vệ sĩ của Falcone nói.

“*Kẻ raaaanh ma, hả?*” Geraci nói, nhại giọng Curly trong phim hoạt hình *Ba tên hề*.

Molinari và hai tên vệ sĩ cười phá lên. “Thôi, đủ rồi đấy!” Molinary nói. Geraci cố rặn ra một tiếng cười hòa, cho ra vẻ hòa đồng. Tiếng cười đó làm mọi người thấy vui, nhưng Falcone thì không.

Cuộc nói chuyện trở nên lác đác, rời rạc vì bị ngăn cản bởi chuyến bay luôn nhồi xóc và cả bởi cái tên của Geraci trên tấm bằng phi công. Họ nói một lúc về những nhà hàng khách sạn và sau đó về cuộc chiến giành tước hiệu ở Cleveland Armory mà họ định tham dự tối nay thay vì đến Vegas để nghe Fontane - một số chỉ dành cho khách mời, do nhã ý của Michael Corleone, để phá bỏ qui ước của Nghiệp đoàn Xe tải. Họ cũng nói về phim *The Untouchables* (Những kẻ không thể chạm đến), mà cả hai đều thích, mặc dầu có phần bối vì họ thấy nó khô cứng về những tay cóm đoan chính, liêm khiết đối đầu với những tay tội phạm Ý xảo quyệt, khát máu. Một kịch bản mang tính ước lệ, vụng về, nghe đã chán nhìn càng thấy tức. Cho nên chàng chẳng bao giờ thèm xem phim truyền hình. Chàng thích đọc sách để nghiền ngẫm hơn. Chàng đã thử sẽ không bao giờ sắm Tivi, nhưng năm rồi vì Charlotte và các con gái nài nỉ chàng phải nhượng bộ, song chàng luôn tìm cách né không xem phim truyền hình, chỉ xem những trận đấu thể thao ưa thích mà thôi.

Geraci hướng mũi máy bay chúc xuống những đám mây. “Chúng ta đang hạ dần cao độ”, chàng thông báo.

Máy bay nhảy chồm chồm như ngựa lồng. Hành khách ai nấy đều dán mắt vào từng mỗi thanh giằng, từng con bù-loong, từng con ốc vít, như thể họ chờ chúng sẽ bung ra, mỗi thứ một nơi.

Geraci cố gắng tin vào những công cụ của mình, chứ không tin vào mắt mình hay những nỗi lo ngại trong lòng mình. Chàng thở đều. Chẳng mấy chốc mặt hồ màu nâu hiện ra trong tầm mắt.

“Rattlesnake Island, đúng không?” Molinary vừa nói vừa lấy tay chỉ.

“Đúng rồi” Geraci đáp, trở lại giọng trịnh trọng. “Đây là phi công nói, thưa các bạn”

“Chúng ta sẽ đáp xuống đó?” Falcone hỏi. “Cái dải đất bé tí xiu như cái hăm kia?”

Hòn đảo chỉ rộng khoảng bốn mươi sào, chừng một phần mười lăm của Công viên Trung tâm của New York, và phần lớn diện tích của nó, nhìn từ trên không, hình như bị lấy đi bởi một sân golf và một rẻo đất để làm bãi đáp, nhỏ một cách... đáng báo động! Một cầu cảng dài từ Đảo Rắn Rung Chuông nhô ra hướng bắc thật xa đến độ thực tế là đã thuộc về lãnh hải Canada; và điều này, trong thời kỳ Cấm rượu, tất nhiên là có chỗ hữu dụng. Cái hòn đảo thuộc sở hữu tư nhân này là một phần của Hiệp chủng quốc theo cái kiểu lập lòe sớm nắng chiều mưa đến độ nó còn tự phát hành cả tem bưu chính riêng cho vùng lãnh thổ của mình nữa!

“Thật ra hòn đảo lớn hơn nhiều so với khi ta nhìn từ đây,” Geraci nói để trấn an mọi người, chứ *thật ra* chàng ta cũng không lấy gì làm chắc về chuyện đó. Không những chàng ta chưa bao giờ hạ cánh xuống hòn đảo này, cho dầu *nghĩa phụ* của chàng vì những ý đồ và những mục đích nào đó mà đã tiêu tốn số tiền lớn để sở hữu nó, Geraci còn chưa bao giờ đến đó.

Molinari vỗ vào tay Falcone: “Hãy thả lỏng, ông bạn à”.

Falcone gật đầu, ngồi lùi ra sau trong ghế của mình, và cố hút một ngụm cà-phê cuối cùng từ cốc của mình.

Mấy lần trước họ tưởng chừng sắp tiếp đất, nhưng máy bay lại bị một cơn gió hút như thể có một bàn tay khổng lồ vô mạnh vào cho nó tung ra giữa trời rồi đột ngột tụt nhanh xuống mặt hồ. Geraci có thể nhìn thấy bọt sóng sủi lên. Chàng kéo cần nâng độ cao, cố gắng kiểm soát, chỉnh thẳng bằng đôi cánh cho máy bay lướt tới.

“Oooo-kay,” Geraci thở phào, kéo mạnh cần ra sau. “Hãy thử lần nữa xem”

“Lạy chúa, này cậu bé”, Molinari nói, mặc dầu anh ta chỉ lớn hơn Geraci có mấy tuổi. Geraci khoe khê đọc bài Thánh vịnh thứ Hai mươi ba, bằng tiếng Latinh. Khi đọc đến phần nói về không sợ ma quỷ, thay vì đọc “vì có Chúa bên con”, chàng ta lại đọc thành, “vì con là cái thằng dẻo mẹ ngổ ngáo nhất, lì lợm nhất nơi thung lũng này”.

Falcone cười ngất. “chưa từng nghe câu đó trong tiếng Latinh”.

“Bạn biết tiếng Latinh à?” Molinari hỏi.

“Mình từng học ở chủng viện để ra làm thầy dòng mà”, Falcone đáp.

“Chắc là có, nhưng chỉ độ một vài tuần thôi. Đừng làm phi công chia trí nữa, Frank à”

Geraci ra dấu hiệu biểu lộ đồng tình.

Chàng tìm gặp một túi không khí dự và toan tính tiếp đất lần thứ nhì của chàng lại nhẹ nhàng

đến không ngờ. Một lát sau, mấy người mặt áo mưa dài, rộng màu vàng xuất hiện ở cuối đường bằng để đón họ.

Geraci hít không khí mát lạnh từ cửa sổ máy bay, và hành khách đi ra. Mấy người dưới đất mở dù che cho họ, đặt mấy cái nệm sau các bánh máy bay, buột chặt cánh, và mang mọi vali đi, trừ một cái. Một xe ngựa lớn màu đen, lót nhung đỏ, do những con ngựa trắng kéo, chờ họ trên bãi biển để chở họ lên những đỉnh đồi - cách đó khoảng một trăm yard.

Geraci nhìn mấy Ông Trùm và đám vệ sĩ của họ chạy ủa tới để chui vào trong xe ngựa. Một khi họ vào hết bên trong rồi, Geraci mới xách chiếc vali của mình đi lên đồi một mình, mở cánh cửa hầm chứa, và biến đi xuống các bậc thang, bước vào một nơi trước đây từng là một casino náo nhiệt, đi qua quầy băng đĩa và quán bar ổ nhện để đến phòng thay quần áo. Anh bật đèn lên. Tường phía sau làm bằng một thứ cửa thép trượt giống như mấy ga-ra ô-tô ở Brooklyn, nhưng ngoài ra căn phòng lại trông giống một phòng suite cao cấp ở Vegas: giường rộng khổ vua chúa (king-sized bed), nhưng đồ khắp nơi, bồn tắm rộng đủ để bạn nghịch nước cùng lúc với hai, ba em. Đằng sau cánh cửa thép là một căn phòng đầy đồ hộp, mặt nạ chống hơi độc, bình chứa oxy, máy phát điện, một hệ thống xử lý nước, một chiếc radio lớn, và một hầm chứa ngân hàng. Bên dưới, gắn dính vào tấm đá sàn, là một bồn chứa nhiên liệu khổng lồ và, có lẽ là những phòng khác và những tiếp liệu khác. Bao lâu mà ông trùm Forlenza chưa có bất kỳ cảnh báo nào, dầu bất kỳ chuyện gì xảy ra - cảnh sát bang tổ chức bố ráp đột kích, hay có người lạ muốn hành thích ông, hay ngay cả trường hợp Liên xô tấn công - ông vẫn có thể trú ẩn ở đây trong nhiều năm trời. Forlenza kiểm soát công đoàn làm việc nơi mỏ muối dưới hồ gần Cleveland; người ta đồn rằng có cả một đoàn công nhân chuyên nghiệp ngày đêm không làm việc gì khác hơn là đào những đường hầm đến và từ Đảo Rắn Rung Chuông. Geraci bật cười. Một tên nhãi nhép như chàng ta, con của một tài xế xe tải, lại đang đứng đây bên trong một nơi chốn mà một người bình thường ắt sẽ không bao giờ nghe nói đến. Chàng ta mang gói tiền vào phòng khác và đặt xuống trước hầm chứa.

Chàng ta đứng đó, nhìn trừng trừng vào gói tiền.

Tiền là một ảo tưởng. Cái túi da kia còn có giá trị cố hữu hơn là hàng vạn những tờ giấy nhỏ đựng bên trong. “Tiền” không là cái gì khác hơn là hàng vạn tờ giấy được in ấn theo những mẫu nào đó được ấn định bởi một chính quyền vốn, trên thực tế, không có khả năng chi trả cho một phần trăm mệnh giá lượng tiền được tung ra lưu hành trên thị trường. Còn chuyện này mới là... ngồi trên đầu trên cổ thiên hạ chứ: chính quyền muốn phát hành bao nhiêu tờ giấy bạc cứ tùy thích rồi thông qua những đạo luật để cho những tờ giấy kia không bao giờ bị triệu hồi. Theo chỗ Geraci ước đoán, những tờ giấy kia biểu thị giá trị một tháng hớt váng kem của một casino ở Las Vegas mà cả hai gia đình Corleones và Forlenza đều có phần hùn, cùng với một phần quà tầm cỡ đáp ứng lại lòng hiếu khách và ảnh hưởng của Ông Trùm Forlenza. Những bó tiền đó biểu thị công sức lao động của hàng trăm con người giản qui thành cổ phần bằng chứng khoán tạm thời, thành vỏ sò ốc dùng làm tiền, được trao đổi trong cuộc thương lượng quyền lực của một số ít người, những cổ phần cho một số người còn ít hơn. Những mảnh giấy chẳng có giá trị gì mấy mà Ông Trùm Forlenza sẽ chấp nhận không cần suy nghĩ. Chỉ là những tờ giấy in.

Minchionaggine, bố anh có lẽ sẽ nói thế, nếu biết anh đang chìm trong suy tư như thế. *Con suy nghĩ nhiều quá đấy.*

Fredo quay cửa xe xuống và chìa cho nhân viên hải quan bằng lái của anh. “Không có gì để khai báo cả”.

“Còn số cam kia?”

“Số cam nào?”

“Ở ghế ngồi sau. Trên sàn xe kia”.

Hắn rời, chúng ở đó: một giỏ mắt lưới cam hiệu Van Arsdale. Chúng không phải là cam của chàng. Fredo sẽ không thêm ăn một quả cam nào cho dầu đó có là mẫu thức ăn cuối cùng trên đời này. Dứt khoát là không thêm!

“Thưa ông, ông có thể cho xe về làn đường kia? Gần người mặc đồng phục trắng đó?”

“Anh có thể lấy số cam kia. Giữ lại hay ném đi tùy anh. Tôi không quan tâm. Chúng không phải của tôi”. Bố chàng đang mua cam vào cái ngày chàng thấy ông bị bắn chết. Một trong những viên đạn đã nghiền nát một quả cam trên đường phóng vào gan ruột ông già. Nhiều chuyện từ ngày ấy đã lờ mờ trong kí ức. Fredo nhớ lại mình lóng ngóng với cây súng. Anh nhớ lại mình trông theo đám sát thủ chạy đi, ngược Đại lộ Số Chín, bỏ lại Fredo không bị bắn, quá vô nghĩa cho cả một viên đạn lẻ. Anh nhớ lại quả cam ấy. Anh không nhớ là đã quên không kiểm tra xem bố đã chết chưa và thay vì thế cứ ngồi trên ghế mà khóc, mặc dầu vậy bức hình anh trong tư thế đó, trong những nét biểu cảm tự nhiên đó đã đem lại cho người nhiếp ảnh đủ loại giải thưởng. “Tôi quên mất là chúng vẫn còn đó”.

“Ông Frederik”. Anh chàng nhân viên công lực đang nghĩa kỹ để “*ngâm kiu*” bằng lái của Fredo. Bằng lái mang tên giả, Carl Frederick, nhưng là bằng thiết được chính Cục Xe Cơ Giới Nevada cấp. “Sáng nay ông đã uống bao nhiêu cồn vào người rồi?”

Fredo lắc đầu. “Lại đằng kia hở? Bên anh chàng đó?”

“Vâng, nếu ông vui lòng”.

Hai người ăn mặc giống như cớm ở Detroit đang đi về phía người mặc đồng phục trắng. Fredo kéo ra và với tay đến ghế ngồi sau tóm lấy chiếc sơ mi màu vàng và dùng nó phủ lên chai whiskey. Người mặc đồng phục trắng yêu cầu anh tránh xa khỏi chiếc xe.

Chuyện này ít nhiều giống như chuyện đã xảy ra với anh Sonny của chàng. Nếu đây là một trò dàn cảnh và nếu chúng đón lõng để giết anh, thì cơ may duy nhất anh có được là, *ngay bây giờ*, chop lấy khẩu súng dưới ghế ngồi, rồi vụt ra khỏi xe, bắn xối xả. Nhưng nếu như bọn họ là người thực của Sở Cảnh sát? Thì sự vụ sẽ ra sao đây? Trong trường hợp này có lẽ anh sẽ giết một hai tay cớm rồi chính mình cũng sẽ bị khử hoặc bởi súng đạn ngay tại chỗ hoặc là bị bắt rồi chờ ngày lên ghế điện. Mặc dầu Mike cũng từng rơi vào tình huống tương tự nhưng đã thoát hiểm chỉ trong đường tơ kẽ tóc. Nhưng là do chú ấy có mạng lớn.

Chàng động não quay cuồng.

“Thưa ông”, người áo trắng nói. “Giờ đây, xin vui lòng”

Nếu họ là người thật và nếu họ tìm thấy khẩu súng ở đó, anh sẽ bị bắt. Chuyện này sẽ có người, có thể là Zaluchi, sẽ dàn xếp được. Và chẳng giờ đây không còn cách nào thoát khỏi rắc rối với cái của nợ đó được nữa.

Fredo nắm lấy một trong các quả cam. Anh mở cửa xe và nhả nha đi ra. Không có những động tác bất ngờ. Anh tung quả cam trong tay cho người mặc đồng phục trắng và chuẩn bị tinh thần đón nhận cái chết. Người áo trắng chỉ bước xéo qua để tránh. Mấy tay cớm nắm lấy hai cánh tay của Fredo trước khi quả cam rơi xuống đất.

“Các anh là Cảnh sát kỵ binh Canada?”, đôi mắt Fredo chiếu thẳng, tìm kiếm mấy người mang súng tự động Tommy.

“Ông đang đi vào nước Mỹ đấy, thưa ông. Vui lòng theo lối này”.

“Các anh biết chiếc xe đó chứ?” Fredo nói. “Nó là của ông Joe Zaluchi, người mà chắc có lẽ các anh cũng biết, là một doanh nhân có vai vế ở xứ Detroit này”.

Nắm tay của họ chùng ra, nhưng cũng chỉ một tí thôi. Họ dẫn anh đến sau khu cao ốc hải quan. Trái tim của Fredo đập loạn nhịp. Anh tiếp tục nhìn quanh tìm kiếm mấy người mang súng, lắng nghe âm thanh của những tiếng búa hay những băng đạn được nạp vào súng. Anh định tự giải thoát và chạy đi. Ngay lúc anh sắp sửa làm điều đó, mấy người kia chỉ vào một tuyến đường trên mặt đất và yêu cầu anh bước vào.

Họ là người thực. Họ không sắp sửa giết mình đâu, anh nghĩ. Có lẽ thế.

“Ông Zaluchi hẳn là đang sốt ruột muốn lấy lại chiếc xe của ông ấy đấy” Fredo lên tiếng.

“Với đôi cánh tay ông giang ra như thế này, thưa ông”, một trong mấy tay cóm nói. Anh ta dùng giọng Canada để nói kiểu giễu nhại nghe cũng khá khôi hài.

“Chắc chắn anh không phải là Cảnh sát kỵ binh Canada đâu”, Fredo nói, nhưng anh vẫn làm như được bảo.

Theo như anh nghĩ, anh đã đi qua tuyến đường một cách hoàn hảo, nhưng mấy anh chàng thích đùa này chưa thấy ấn tượng. Họ bảo anh đọc ngược bảng chữ cái mà phải nhanh như đọc xuôi và anh cũng... hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc! Anh nhìn đồng hồ.

“Nếu các bạn cho mình biết tên”, anh nói, “Tôi chắc là Ngài Zaluchi sẽ rất vui lòng gửi món quà tặng vào quỹ hưu trí của bạn hay đại khái một khoản nào đó. Bất kỳ ông ta làm cái gì thì tôi cũng làm như thế”.

Họ ngẩng đầu lên, có vẻ muốn gây sự.

Không biết mắc chứng gì mà Fredo lại bỗng nhiên cười rúc rích.

“Có gì đáng buồn cười đâu, ông Frederik?”

Fredo lắc đầu. Bị chính những dây thần kinh của mình phản bội, anh cố gắng, nói đúng theo nghĩa đen, *quét nụ cười ra khỏi khuôn mặt mình*. Đúng, có cái quái gì đáng buồn cười đâu?

“Này, thưa Ngài, tôi xin lỗi nếu như tôi lỡ hiểu lầm”, một tay cóm nói giọng ngọt nhạt. “Có phải Ngài muốn ban tặng chúng em đây một ít... chất bôi trơn?”

Chàng nhú mày. “Chẳng phải chữ tôi đã dùng là *quà tặng*?”

“Đó là một từ chấp nhận được thôi,” tay kia nói. “Tôi cho rằng Bob đã nghĩ là anh đang đề xuất một vụ “bánh sáp đi, bánh qui lại” đấy mà.

Một tay cóm học một số dụng ngữ của luật sư, anh ta được ủy thác một nhiệm vụ kì kèo mặc cả ở biên giới. *Nhiệm vụ kì kèo mặc cả*: ý tưởng đó khiến anh ta nhếch mép, mặc dầu anh ta đang tự giận mình chứ chẳng phải vui thú gì. *Kì kèo mặc cả*. Không phải Fredo Corleone, kẻ đã làm cho một nửa các cô gái trình diễn ở Vegas mang bầu và đang trên đường quay trở lại đó để tiếp tục “nựng” nửa số còn lại. Anh lấy một hơi thở sâu. Anh không sắp sửa cười. “Tôi không muốn chuyện rắc rối. Tôi không muốn giả định bất kỳ điều gì, nhưng” - và đến đây anh lại phải chiến đấu chống lại cơn cười - “tôi đã qua được trắc nghiệm hay chưa?”

Họ trao đổi một cái nhìn. Người mặc đồng phục trắng đi đến quanh góc cao ốc. *Thôi bỏ mẹ rồi*, Fredo nghĩ. Nhưng anh ta không mang khẩu súng của Fredo. Thay vì thế, anh ta cầm một tờ giấy ướt nhep, gần như nát bét, trải nó ra trên tấm bảng có kẹp giữ giấy tờ, ấn nhẹ xuống đó với một cái khăn tay. “Ông Frederik?” anh ta lên tiếng. “Ông có thể giải thích chuyện này không?”

“Cái gì vậy?” Fredo nói. Đó là lúc anh nhớ lại: *hắn đã để lại khẩu súng trong phòng*.

“Tôi chưa bao giờ thấy cái đó”.

Người áo trắng kề mặt sát vào tờ thư ngắn. “Chữ kí cuối thư là, Tha lỗi cho tôi, Fredo”, anh ta đọc. “Ai là Fredo?”

Fredo phá ra cười lớn.

Những động tác làm ẩm mà bác sĩ đã chỉ định phải tập trong nửa tiếng thuộc loại được nghiên cứu kỹ, nhưng Johnny Fontane không còn đủ thời gian. Anh bắt đầu trong sa mạc, dừng lại ở Barstow uống một cốc trà nóng bốc khói pha mật và chanh và đi qua cả một đội quân những tiếng tru tréo, gào thét có lẽ đến lần thứ năm mươi khi anh phóng xe vượt đèn đỏ liên mấy dãy phố từ Tháp Ghi âm Quốc gia. Một xe mô-tô của Sở Cảnh sát Los Angeles đang đánh vòng đàng sau xe anh. Họ cùng đến một chỗ dừng, gần cửa sau của tòa cao ốc. Phil Orstein - chỉ huy phó ở Tháp Ghi âm Quốc gia - đứng một mình ở bục chỉ huy, vừa hút thuốc vừa đếm bước.

Johnny lấy mấy ngón tay vuốt chải đầu tóc lơ thơ của mình, tóm lấy cái mũ từ ghế ngồi bên cạnh, và ra khỏi xe. “Coi chừng cái này,” Johnny nói, chìa một ngón cái về phía anh cóm. “Mạnh khỏe, Philly?”

“Bình thường thôi”. Phill rút ra điều thuốc. “Chúng tôi nghĩ anh lái đến đây sau sô nửa đêm. Chúng tôi đã đặt phòng cho anh ở Khách sạn Ambassador và trả tiền trước luôn rồi nhưng anh chẳng thèm hạ cổ đến đây”.

Tay cóm dỡ mũ bảo hiểm ra. “Ông là Johnny Fontane, phải không?” anh ta hỏi.

Vẫn không ngừng sai bước, Johnny quay đầu lại, toe toét một nụ cười nhăn nhó đáng giá cả... triệu đô la, xếp mấy ngón tay thành khẩu súng sáu, nháy mắt và bắn mấy phát tưởng tượng vào anh cóm.

Phil, trên đường đi đến nói chuyện phải quấy với anh cóm, dừng lại, thở ra và lấy mấy ngón tay chải tóc.

“Bà xã và tôi đều thích bộ phim vừa rồi của ông lắm”

Đó là một phim cao bồi nhưng thuộc loại nhắm nhí thứ thiệt! Làm như bất kỳ ai cũng tin rằng một anh chàng dân chơi như Johnny lại sẵn sàng xả thân vào chốn gian nguy, cười ngửa ào ào như gió, nổ súng đi đùng vào bọn vong mạng để cứu khốn phò nguy cho dân lành. Một chàng hiệp sĩ anh hùng rơm trong một phim truyện loại... ba xu ruồi! Johnny hỉ hả tặng chữ kí cho chàng cóm ái mộ mình ngay sau tấm vé.

“Ông lại ghi âm mấy bài hát nữa, phải không?” anh cóm hỏi.

“Ờ, cũng đang định thế” Johnny đáp.”

“Bà nhà tôi vẫn luôn thích các đĩa hát của ông”

Đó là lí do tại sao không một hãng đĩa nào ở New York muốn kí hợp đồng với Johnny - không một ca sĩ nào từng nổi tiếng với phụ nữ hơn với đàn ông lại không từng tìm cách thay đổi điều đó. Phim ảnh thì cũng tốt thôi, mặc dầu ngay cả bây giờ, với hãng sản xuất phim của riêng mình và một giải thưởng của Hàn lâm viện Điện ảnh Hoa kỳ, những người điều hành công việc ở đây vẫn tiếp tục làm cho anh cảm thấy mình như là một tên Ý ngu khờ, kẻ phá bĩnh đám tiệc. Những lần chờ đợi quá lâu làm anh chán ngán đến ê ẩm và anh cũng đã ngán đến tận cổ chuyện nghe bọn con lừa làm mặt lạnh xưng tụng anh là Johnny Độc nhất Vô nhị! Ôi dào! Đây xin lạy cả nồn! Từ đây trở đi, nếu anh có thể lấy được đúng phần, thế thì tốt, nhưng anh đang hướng đến chân trời khác. Tâm anh không trụ ở đây. Thực ra anh không phải là diễn viên, không phải là vũ công chuyên nghiệp, không phải là thần tượng cho tuổi teen, càng không phải là ca sĩ nhạc sến. Anh là Johnny Fontane, ca sĩ thính phòng - đầy tài năng và, nếu như anh toàn tâm toàn ý vào đó, mà hợp đồng này với National đem lại cho anh cơ hội để thực hiện ước nguyện, có lẽ là một trong những ca sĩ thính phòng lỗi lạc nhất từng có mặt trên đời. Cũng có thể là giọng ca *tuyệt vời nhất*. Tại sao không? Quả là đáng chán khi con người mà bạn biết đó mới đúng là mình lại không phải là con người mà người ta thấy khi họ nhìn vào bạn. Không phải là anh sắp nói điều gì. Bạn không nói bất kỳ điều gì xấu với hoặc về bất kỳ ai trước nay vẫn trung thành với mình. “Tên bà xã anh bạn là gì?” Johnny hỏi.

“Irene”.

“Bạn và Irene chưa từng đến Vegas?”

Chàng cóm lắc đầu. “Chúng tôi có nói về chuyện đó”

“Bạn phải thấy tận mắt mới tin được. À, thế này nhé. Tôi ở Lâu Đài Trên Cát suốt tháng tới. Phòng thượng hạng. Nếu bạn muốn tới, tôi đưa bạn vào.”

Chàng cóm cảm ơn rồi rít: “Quý hóa quá! Ông chu đáo quá!”

“Đồ nỡm!” Johnny nói với Phill khi hai người ở trong thang máy đi lên studio. “Cá với anh là hẳn sẽ đi khoe tùm lum là đã quen anh và tôi. Cá với anh là hẳn tích lũy bộ sưu tập chữ kí đủ chất đầy một ga-ra đấy”.

“Anh bạn nói giọng kiêu bạc quá đấy, Fontane à”

“Thả lỏng đi, Philly à, anh bạn làm ra vẻ đạo mạo gớm!” Mặc dầu Johnny nhìn thấy cái cốc của anh trong những bức tường thép sáng loáng của thang máy và anh chẳng nhìn cái gì là nghiêm chỉnh cả. Anh dờ mủ ra, lấy tay chải tóc, rồi đội mũ lại. “Mọi thứ xong xuôi đâu đó cả rồi chứ?”

“Hơn một giờ rồi”, Phill nói. “Nhưng có điều này. Xin hãy nghe tôi nói cho hết đã, OK?”

Johnny làm mặt lạnh như tiền và đểch nói gì, nhưng có lẽ anh chịu nghe. Chính Phill Orstein là người đã - sau khi mọi nhãn hiệu lớn khác đã qua đi - thu xếp cho Johnny một hợp đồng bảy năm (dầu tiền thù lao hơi ẻo uột, nhưng đã sao nào? Tiền bạc không thành vấn đề. Cái chính là cơ hội thể hiện đúng giá trị đích thực của mình). Chính Phill Orstein đã nhấn mạnh rằng giọng của Johnny Fontane đã trở lại và rằng hình ảnh trước công chúng của chàng ta như là một tên côn đồ ác ôn, lúc nào cũng say mèm, ưa cãi lộn, đánh lộn vừa là không có gì bảo đảm lại vừa có khả năng làm tăng mại vụ cho xê-ri băng đĩa của chàng ta mà thôi.

“Tôi biết anh muốn có Eddie Neils làm giám đốc âm nhạc, và nếu đó là điều anh thực sự muốn, thì được thôi, chúng tôi sẽ cố”.

Johnny bấm vào nút *stop* trên thang máy. Eddie Neils đã hòa âm phối khí cho Johnny lần cuối khi mà chàng không còn bài “hit” nào. Johnny đi đến nhà ông và có lẽ đã không rời nơi đó cho

đến khi ông già này mở cho chàng nghe ngay tại thánh phòng lát đá hoa cương của ông, giữa những bức tượng đại bàng và tượng người khỏa thân, và khi Johnny khắc phục được độ vang âm và thể hiện được ở mọi âm vực và mọi cung bậc tình cảm, thì cuối cùng Eddie đã đồng ý làm việc lại với anh.

“Anh nói với tôi rằng Eddie không có ở đây?”

“Đúng, tôi nói với anh như vậy đó,” Phill đáp, vừa vỗ vào bụng mình. “Bị ung sang xuất huyết bao tử. Phải vào bệnh viện tối qua. Cũng không đến nỗi gì đâu. Sẽ khỏi thôi. Nhưng - luôn luôn vẫn có một chữ nhưng...”

“Ông ta không có ở đây.”

“Ờ, thì ông ta không có ở đây. Đúng. Song lẽ, đây mới là cốt lõi của câu chuyện. Bởi, dầu sao, ông ấy cũng chưa bao giờ là lựa chọn của chúng tôi cho anh.”

Rằng Phill đủ thẩm quyền và uy tín để nói *cho anh* thay vì là *để anh trở lại*, chuyện ấy không phải trong tâm trí Johnny. “Các anh vẫn luôn luôn thích anh chàng kia hơn,” Johnny nói. “Thằng nhóc đó. Một tay kèn trombone”.

“Đúng, Cy Milner. Anh ta không phải là thằng nhóc. Anh ta đã ngoại tứ tuần, bốn mươi lăm rồi đấy. Chúng tôi đã thuê anh ta viết cho một vài bài hit mới nhất đấy”

Milner từng là cột trụ của ban Les Halley, nhưng chỉ sau khi Johnny rời khỏi nhóm. Từ đó đến giờ hai người chưa từng gặp lại nhau.

“Các anh thuê hẳn viết ca khúc từ bao giờ vậy? Từ hôm qua phải không?”

“Đúng, mới từ hôm qua. Nhưng anh ta làm việc nhanh khiếp lắm. Một huyền thoại về làm việc nước rút đấy.”

Thằng nhóc là một huyền thoại, còn tôi là Johnny Độc nhất Vô nhị. “Còn những bài Eddie đã viết thì sao?”

“Cả những bài đó nữa. Chúng ta có quyền khai thác mà”.

Phill đưa cả hai bàn tay lên vuốt tóc, đầu anh bị hói, tóc chỉ còn lơ thơ vài cọng. Anh ta là loại người, một cách vô thức, hay bắt chước những kiểu làm điệu của người khác.

“Anh nghĩ tôi thế nào, khó tính, khó nết, khó ưa phải không?” Johnny ấn mạnh vào nút *stop*. “Coi nào, Philly. Mình là dân chuyên nghiệp mà. Chúng ta cho Cy xoay tít một vòng, thử một vài chuyện, xem chúng ta có thể tung ra một trò ảo thuật nho nhỏ nào chẳng, nhé?”

“Cám ơn Johnny”.

“Tôi vẫn luôn thích một tay Do thái ưa làm điệu.”

“Đừng có đùa nhảm, Johnny”.

“Mà vẫn thẳng ruột ngựa, chứ không vờ vịt, ỡm ờ”

Johnny ra khỏi thang máy và sải bước xuống sảnh, đến phòng 1A, studio duy nhất đủ lớn cho dàn đàn dây mà anh mong muốn. Anh ào qua các cánh cửa và đi thẳng tới anh chàng tóc vàng xám bên kia phòng. Anh ta mặc bộ côm-lê vải tuyết Anh quốc, đeo kính gọng sừng, với một lẳng

kính thật dày làm cho con mắt đằng sau đó trông thật ngổ ngĩnh. Đôi bờ vai rộng, giống một chàng cầu thủ bóng đá hơn là đáng một người cầm đũa chỉ huy dàn nhạc. Trông anh ta giống hình ảnh một ông hiệu trưởng trong các bộ phim. Johnny và Cy Milner làm quen với nhau bằng sự trao đổi rất kiệm lời, chỉ vừa đủ mức tối thiểu cần thiết. Johnny xĩa một ngón cái về chiếc mi-cô-rô, và Milner gật đầu.

Milner nói lí nhí mấy lời hướng dẫn cho tay kỹ sư âm thanh rồi bước lên bục chỉ huy. Các nhạc công ôm ấp nhạc cụ của mình. Milner cởi bỏ áo khoác, giang cao đôi cánh tay khỏe khoắn, nhắc thẳng đũa chỉ huy. Johnny đứng trước micro, sẵn sàng vào cuộc.

“Nào, các bạn, bắt đầu!” Milner nổ phát súng lệnh. Và anh chỉ nói có thế.

Johnny khởi động bài hát mạnh mẽ ngay từ nốt nhạc đầu tiên, và dàn nhạc - tất cả đều là người của Eddie Neils - cuộn cuộn trào dâng lên làn sóng âm thanh xum xuê phồn mậu và lộng lẫy theo sau anh. Giống hệt như ngày xưa. Anh cảm thấy như mình đang cưỡi qua đầu sóng lời ca, bập bênh lắc lư trên biển nhạc. Anh vẫn còn đầy đủ tài năng để thực hiện kỳ công này. Như đang ngồi trên lưng con tuấn mã không cần có yên cương, mà vẫn lao đi vun vút theo ý mình, chỉ cần vài lời điều khiển ngắn gọn.

Khi họ chấm dứt, cả khán thính phòng sững sờ lặng ngắt, chỉ có tiếng vỗ tay rào rào trong tâm tưởng!

Milner ngồi xuống một chiếc ghế đầu. Johnny hỏi anh thấy thế nào. Milner nói rằng anh ta đang suy nghĩ. Johnny hỏi anh ta có nghĩ rằng họ nên làm lại không. Milner không nói gì. Mà chỉ đứng dậy và giang cao đôi cánh tay. Họ làm lại. Milner ngồi xuống và bắt đầu ghi chú.

“Anh đang làm gì vậy?”

Milner lắc đầu nhưng không nói gì khác. Johnny nhìn vào Phil; anh chàng này nắm bắt được thông điệp và mang họ vào căn phòng nhỏ trở lại.

“Chúng ta phải tinh giản bớt hai phần ba quân số dàn nhạc”, Milner nói.

Không phải “chúng ta nên” hay “có lẽ chúng ta nên” mà chỉ là câu phát biểu thẳng thừng, phẳng lì, không úp mở, quanh co. Johnny gật gù. Đây chính là loại dàn nhạc thường hòa âm cho anh trong những bài hit thành công nhất, đúng là loại âm thanh mà người ta vẫn khao khát.

Milner đứng yên tại chỗ, không một dấu hiệu biểu cảm nào, chỉ cố miễn cưỡng “hấp thụ” tràng dài chỉ trích của Johnny.

Cuối cùng, Milner trao cho Phil một mẫu giấy. Trên đó ghi danh sách những người được mời về nhà nghỉ ngơi, ngồi chơi xơi nước với. Phil nhướn cao một hàng lông mày, rồi lấy một ngón tay chỉ vào mình. Milner bảo rằng anh không quan tâm ai sẽ làm chuyện đó.

“Chết tiệt!,” Johnny thở ra. “Cứ làm điều gì anh thấy cần làm”. Chàng ta thả phịch người xuống chiếc ghế nệm bọc da.

Milner là người tổng tiễn đám “thặng số biệt phái”. Johnny ngồi nhìn lướt qua danh sách những bài hát chàng đã chọn, so sánh những bài “hot” mà Neils đã sáng tác với những bài Milner sáng tác. Những bài của Milner được viết ra nhanh, điểm xuyết bởi những ghi chú chỉ chút, nhếch nhác, luộm thuộm. Về chuyện này không có cái gì giống như ngày xưa.

Lát sau, Johnny trở lại đứng sau micro, nhìn trừng trừng vào mấy bản nhạc trên giá để nhạc trước mặt mình. Lần này là một bản do Milner soạn tổng phổ. Một bài ca bất hủ của huyền

thoại Nat “King” Cole lưng lầy thời xưa mà trước đây anh cũng từng ghi âm thành công. Johnny vừa muốn giết anh chàng Milner này vừa muốn ôm siết anh ta. Có lẽ anh muốn chứng minh rằng anh ta sai. Nhưng anh thầm cầu nguyện là anh ta đúng.

Những người từng thấy Johnny Fontane hát nơi các câu lạc bộ, hay ngay cả những ai từng thấy anh thu âm mười năm trước đây, có lẽ sẽ khó nhận ra con người đang cuộn mình lại, có vẻ ủ ê, hơi thở đều, đang đứng sau micro lúc này. Số nhạc công được giữ lại bước vào vị trí. Tay kỹ sư âm thanh muốn “check” lại micro. Ngay lúc họ đang sẵn sàng, một chú nhóc đi vào và hỏi cháu nên đặt ly trà cho Ông Fontane ở đâu. Johnny chỉ tay nhưng không nói, nhún nhảy chậm chậm tại chỗ nhưng không làm động tác nào khác, dán mắt mình vào bản nhạc nhưng không thực sự nhìn vào đó. Tất cả chuyện này chỉ diễn ra trong chốc lát nhưng với Johnny dường như hàng bao giờ đã trôi qua và cũng dường như chẳng có thời gian nào. Tâm trí anh như rơi vào cõi phi thời. Anh nhắm đôi mắt lại. Lần cuối cùng mà anh đã hát bài này lúc đó giọng anh trong trẻo như tiếng hạc bay qua, như giọt mưa mùa hạ lóng lánh trên các tầng lá, và như anh có thể nhớ, quả là làm người nghe mê mẩn.

Johnny gần như không ý thức được lúc khúc hát bắt đầu. Việc kiểm soát hơi thở của anh đã được xây dựng kỹ trong suốt thời gian anh lặn xuống hồ bơi khiến anh chỉ còn ý thức là mình đang hát. Sự cải biên là ở khắp nơi và chẳng ở nơi nào, nhảy vào khi anh muốn, hay ở bên ngoài đường đi của anh mà không cần biết tại sao. Một khổ thơ được đưa vào và tất cả những gì Johnny ý thức được đó là kẻ kém cỏi được nhắc đến trong bài ca, cố gắng dùng những từ dễ nghe và những câu đùa để tự thuyết phục mình rằng mình vẫn có thể sinh tồn mà không cần người đàn bà đã bỏ mình. Vào lúc Johnny xướng đoạn nhạc đầu tiên, chàng ta là kẻ kém cỏi đó. Chàng đang hát không phải cho những người khác có thể đang nghe chàng nơi studio, trên làn sóng phát thanh, hay trong sự riêng tư của phòng khách nhà mình với một chai whiskey được nốc cạn nhanh hơn nhiều so với tốc độ lẽ ra nên uống. Chàng đang hát cho mình và vì mình, nói lên những sự thật rất riêng tư đến độ có thể đốt cháy những cái lỗ xuyên qua đá! Chẳng có điều gì mà bất kỳ người nào thực sự lắng nghe âm nhạc có thể làm ngoại trừ trồng cây vào những ngôn từ dễ nghe và những biểu kiến giả tạo mà tình yêu đã mất gọi ra, vào tất cả những lời trách móc, thóa mạ được “ban tặng” một cách hào phóng cho ai đó đã hành động đúng khi bỏ rơi anh (đáng đời tên bất tài, kém bản lĩnh đã không dám buông cho các em rơi tự do trước khi các em kịp “giở quẻ” với mình!). Và rồi chàng tuyệt vọng, rên rỉ.

Khúc hát chấm dứt.

Milner hạ thấp que chỉ huy và nhìn vào chàng kỹ sư âm thanh, chàng này gật đầu. Mọi người trong studio_ ngay cả ban nhạc đã được tinh giản - bùng nổ thành tràng pháo tay dòn dã. Milner hướng đầu về chỗ quầy nhỏ.

Johnny bước lùi ra xa micro. Anh nhìn quanh vào những bộ mặt tươi cười của tất cả những kẻ xu nịnh này. Milner quay lại từ cái quầy nhỏ và bắt đầu tái định vị các micro. Anh không nói gì. Có lẽ người ta sẽ nói anh chàng này là dân Sicily, vì cái kiểu lăm lè ít nói và lại nói rất nhỏ.

“Không” Johnny nói. Cám ơn rất nhiều tất cả các bạn, nhưng không. Các bạn tuyệt vời lắm nhưng tôi không thể làm tốt hơn. Nhưng cứ thử một cái gì khó hơn xem sao, OK?”

Milner tái định vị micro kia.

“Tốt lắm, Cy.” Johnny nói. “Bạn có thể làm điều đó giống như Puccini không?”

Milner câu ra một mảnh giấy nhăn nheo từ túi áo sơ - mi, trông giống một giấy biên nhận giặt ủi, và ngồi xuống trước piano, ngơ ngác nhìn quanh một tí, ghi thẩu mấy chú thích, đưa ra một ít hướng dẫn vắn tắt cho những thành viên dàn nhạc.

Johnny có lẽ sẽ không làm việc với Eddie Neils sớm bất kỳ lúc nào.

Anh đã ở nơi nào đó, đi nơi nào đó, hát bài ca đó, và anh có thể lại đến đó, anh tuyệt đối chắc chắn điều đó, và đi sâu hơn, và sau đó làm điều đó cả hàng chục lần nữa. Anh có thể làm đầy nguyên cả một đĩa với những bài ca đưa người ta ra khỏi cuộc sống thường ngày với những lo toan cơm áo gạo tiền, đề ru hồn về bến mơ, và đi sâu vào thâm cung hồn viển mông khôn khuây của họ, và, một tia chớp lóe lên trong đầu óc chàng - xâu chuỗi các bài hát theo cách Les Halley đã làm khi Johnny là ca sĩ độc quyền của ông ấy, tất cả chỉ trên một băng ghi, để mọi thứ thi đấu trận quyết định với mọi thứ khác, theo một cách và đến một mức độ mà không một ai, kể cả những tay ca nhạc jazz hay nhất, từng làm trước đây.

Phil Orstein tiếp tục khen ngợi mọi người. Philly sẽ không hạnh phúc khi bảo họ tiêu phí nguyên cả một kỳ tập dợt vào chỉ một bài ca này nhưng không làm sao được. Johnny Fontane sẽ thách bạn chỉ cho chàng ta một tiệm băng đĩa nào mà khách hàng đi vào hỏi mua những sản phẩm mới ra của National Records. Cái họ muốn là những bài hát họ yêu thích, được những ca sĩ thần tượng của họ hát. Milner bước lên bục chỉ huy. Hai mắt kiếng khác độ nhau xa của anh làm cho giống như thể là con mắt bình thường của anh nhìn vào dàn nhạc còn con mắt phồng to lên sau cái lăng kính lớn độ lại nhìn vào Johnny. Johnny nhìn xuống và họ lại bắt đầu.

Dường như bóng ma của Puccini nhập vào bài hát, mở ra xa hơn và Johnny hít đầy không khí vào buồng phổi và bơi lội trong đó.

Michael và Kay trải qua giờ bay đầu tiên trong yên lặng tương đối. Có lần Kay tỏ ra ngạc nhiên thích thú trước vẻ đẹp gầy sò của sa mạc và so sánh vẻ đẹp đó với tác phẩm của các họa sĩ trừu tượng thì Michael nhận định rằng mình cũng nên biết. Chàng ta làm bộ hứng thú và cố tỏ ra cũng hiểu biết đôi chút về nghệ thuật, thế là nằng say sưa thuyết pháp một thời một hội về hội họa trừu tượng, hội họa phi hình dung... khiến chàng ù cả tai, lơ mơ thần trí không biết mình đang bay ở tầng mây thứ mấy! Và rồi chàng tự hỏi tại sao về một chuyện tầm thường như vậy, chàng cũng không chịu trung thực. Có lẽ là vì chàng đã quen... nói dối thành tình rồi!

Michael hỏi về việc dọn nhà. Kay định nói với chồng về cái ngày trong tuần rồi khi những người nhà Clemenzenas hiện ra tại ngôi nhà cũ của bố mẹ chàng, mà họ đã mua lại, và Kay thấy mẹ chồng, Carmela Corleone đứng ở cửa sổ nơi văn phòng người chồng quá cố của bà, một căn phòng mà ít khi bà đặt chân tới trong nhiều năm rồi. Bà đã lằng lằng với vài ve và đang lẩm bẩm những bài kinh bằng tiếng Latinh. *Đây là nhà của tôi*, bà thông báo. *Và tôi sẽ không dời đến sa mạc nào*. Chẳng bao lâu nữa đâu rồi chàng sẽ nghe chuyện đó. Bà đang đùa ai vậy? Mà không chừng là chàng đã biết rồi cũng nên. “Nhưng sắp ổn thôi,” Kay nói. “Connie thường rất đặc lực trong những chuyện này”.

Ngay cả lời bình luận trung lập đó cũng chất chứa nhiều ẩn ý. Michael không phản ứng lại việc Kay nêu tên cô em gái mình, nhưng chàng biết Connie vẫn còn hận anh mình về cái chết của chồng cô, Carlo, mặc dầu là một phụ tá mà anh biết từ Guadalcanal đã đổ vấy cuộc mưu sát đó cho một thuộc hạ của nhà Barzini.

“Lạ thật”, Kay nói sau một hồi yên lặng kéo dài. “Bay qua sa mạc bằng một chiếc thủy phi cơ.”

Về mọi hướng sa mạc hoang vắng tiêu điều, chỉ có cát và những cây còi cọc trải dài ra đến tận chân trời. Cuối cùng những hình dáng mà hóa ra là những ngọn núi hiện lên từ lớp sương mù mỏng ở phía bắc.

“Bọn trẻ thế nào?” Cuối cùng Michael lên tiếng.

“Anh thấy bọn chúng sáng nay mà”, Kay đáp lời. Mary, lên hai tuổi, khóc và la “Daddy, Daddy”, khi hai người rời nhà. Anthony, vào thời điểm này năm tới sẽ bắt đầu đi nhà trẻ, đang ngồi

dưới một cái hộp đặt trên sàn nhà, xem Tivi qua một cái lỗ. Đang chiếu chương trình trong đó những khuôn mặt bằng đất sét chạm trổ các vấn đề của đời sống: mỗi cái đồ không chịu chia sẻ cái wagon đồ của mình hay những đức tính để chấp nhận vai trò của người ta trong việc làm bề bộn đèn nơi máy khâu của má. Nói rằng cậu bé bằng đất sét kia sẽ không bao giờ tranh đua với hai ông chú bị ám sát của mình thì chắc cú rồi. Ông bố đất sét của cậu với cái áo len ướt mồ hôi sẽ không bao giờ bị gọi là “một bộ mặt của thế giới ngầm” trong *The New York Times*. Ông nội đất sét mảnh mai dường như không ngã xuống chết dưới chân cậu. “Anh nghĩ chúng thế nào?”

“Chúng có vẻ ổn đấy. Chúng có bạn chưa? Ở gần nhà ấy?”

“Lúc đó em còn lo lấy đồ ra, Michael à. Em đã không có đủ thời giờ -”

“Được thôi. Anh đâu có phê phán gì.”

“Anh đủ gần phi trường Reno để làm thủ tục bay vào”

“Bố mẹ em đã có cuộc du hành để chịu chứ?”

“Vâng, tốt. Bố nàng đã dạy thần học ở Dartmouth đủ lâu để có thêm phần trợ cấp nhỏ hàng tháng, từ đó tăng thêm phần trợ cấp ông lãnh hàng tháng từ khi ông nghỉ hưu với tư cách mục sư năm năm trước đây. Ông và mẹ Kay đã mua một xe kéo lữ hành (travel trailer) và dự định đi thăm thú khắp nước Mỹ. Họ đến ngày hôm qua để giúp Kay sắp xếp lại nhà cửa và trông nom mấy đứa cháu. “Hai cụ khen chỗ đậu chiếc trailer trông thật xinh xắn dễ thương khiến hai cụ không muốn rời đi”. Lâu Đài Trên Cát cũng có bãi đậu xe trailer riêng.

“Xin rước các cụ cứ ở lại bao lâu tùy thích”.

“Các cụ nói đùa cho vui vậy thôi, “nàng nói. “Anh đã lên kế hoạch gì chưa? Mình sẽ làm gì ở Tahoe?”

“Ăn tối rồi xem phim, em thấy sao?”

“Bây giờ còn chưa đến mười một giờ”.

“Ăn trưa và xem phim. Suốt buổi chiều. Ở đó có một suất buổi chiều chúng ta có thể coi kịp”.

“Okay. Ôi lạy Chúa! Michael, nhìn kìa! Đẹp quá!”

Hồ nước, lớn hơn Kay đã tưởng tượng nhiều, được điểm xuyết bởi những thuyền câu và viền quanh bởi các rặng núi. Xung quanh phần lớn của hồ, những rừng thông dày ăn lan ra đến mép nước. Mặt nước trông bóng mượt như một mặt bàn bằng sơn mài.

“Đúng vậy, đẹp quá.” chàng đồng tình. “Anh chưa bao giờ thấy nơi nào đẹp hơn đây.”

Chàng liếc mắt tình tứ nhìn vợ. Nàng đang xoay xoay quanh ghế ngồi, vươn cổ ra để ngắm phong cảnh lộng lẫy huy hoàng mà họ đang đáp xuống. Nàng rạng rỡ hạnh phúc.

Michael cho máy bay hạ thấp dần, gần bờ nước và đáp máy bay xuống không xa một cầu tàu và một nhà để ghe thuyền. Dường như không có gì khác ở chung quanh ngoài rừng cây và một khoảng đất được phát quang gần đó, nơi có một mũi đất vươn ra trong hồ.

“Nơi đây hơi xa với thị xã, anh nhỉ?” Kay nói.

“Anh biết có một chỗ thật tuyệt để ăn trưa, ngay gần đây thôi”.

Khi máy bay tiếp cận cầu tàu, ba người trong những áo khoác sẫm màu đi ra từ mấy cánh rừng.

Kay hít vào một hơi và thả người lại phía sau xuống chỗ ngồi. Mấy người kia tiến ra chỗ cầu tàu và nàng gọi tên chồng.

Michael lắc đầu. Hàm ý rất rõ: *Đừng lo. Họ làm việc cho anh mà.*

Mấy người kia trèo lên mấy cái phao và buộc máy bay vào cầu tàu. Người phụ trách là Tommy Neri, cháu Al Neri. Al - trong bộ đồng phục cũ của Sở Cảnh sát New York đã xả sạch một băng đạn súng sáu vào ngực Ông Trùm Don Emilio Barzini và là kẻ, với một con dao bén ngọt lấy từ chính nhà bếp của nạn nhân, đã mổ bụng tay đội trưởng nhà Phillip Tattaglia và đái vào lỗ hổng của thi thể còn đang bốc hơi của nạn nhân. Tay này hiện phụ trách an ninh cho mọi khách sạn thuộc quyền kiểm soát của gia đình. Giống như Al, Tommy cũng từng là một anh cớm của New York. Ba anh chàng này trông giống như mới vừa rời trường trung học. Hầu như họ chẳng nói gì và quay đầu trở lại về hướng rừng. Trong khi họ làm như thế, Kay đối diện Michael ở chân cầu tàu. Cô vừa có khối chuyện để nói lại vừa chẳng biết nói bất kỳ điều gì.

“Hãy đợi tại đây,” Michael nói. Anh sờ vào phía mặt mình đã từng bị dập nát, một động tác anh thường làm, có lẽ một cách vô thức, khi anh bồn chồn, căng thẳng. Nhiều năm sau khi tay cớm kia đâm mấy quả trời giáng vào mặt anh, anh đã không làm gì để chỉnh sửa bộ mặt bị lệch chuẩn của mình mà chỉ khịt mũi liên tục và nói về vẻ bề ngoài bị tàn phá của mình, cho đến cuối cùng, vì Kay, chàng đã chịu đi phẫu thuật thẩm mỹ chỉnh hình. Sau đó trông anh khá hơn, nhưng không đúng như lúc trước, và không bao giờ giống như chính mình nữa. Nàng chưa bao giờ thổ lộ với chàng về điều này.

Anh đi về phía cửa nhà chứa thuyền, đến cái bậu cửa, lục chìa khóa, và đi vào.

Kay vừa muốn vừa không muốn hỏi cái nhà chứa thuyền này của ai. Điều ngăn nàng hỏi không phải là sợ câu trả lời. Mà là sợ rằng Michael không muốn bị hỏi.

Một lát sau, chàng hiện ra, tung khoảng một tá đóa hồng về phía nàng. Nàng lùi về sau một bước. Rồi nàng vươn người tới trước đón nhận chúng. Họ hôn nhau.

“Lễ kỷ niệm cưới hạnh phúc!” Michael nói.

“Em nghĩ cuộc du ngoạn này là món quà cho em”.

“Tất cả mọi thứ đều là cho em.”

Chàng trở lại nhà chứa thuyền và đi ra và mang theo một tấm nệm có sọc, loại để ngồi chơi ở bãi biển và một cái giỏ đi picnic khổng lồ bọc trong chiếc khăn trải bàn đỏ sẫm. Hai ổ bánh mì Ý dài được lòi ra khỏi giỏ, như hai thanh gươm đặt chéo nhau. “Voilà” (Đây! Nhìn xem! *Tiếng Pháp trong nguyên tác*), chàng nói. Chàng hất đầu chỉ về phía khoảng trống trong rừng (do cây bị phát quang). “Bữa trưa nơi bãi biển”.

Kay dẫn đầu. Nàng để mấy đóa hoa xuống và bung tấm nệm ra.

Họ ngồi xuống theo kiểu người Da đỏ, đối mặt nhau. Cả hai đều bị cơn đói cồn cào thúc giục, và họ cùng ăn ngấu nghiến. Đến một lúc, Michael vít một chùm nho trên đầu Kay xuống trước miệng nàng.

“Cám ơn. Em sẽ đón ngay thôi”. Nàng cắn ra một trái nho.

“Có duyên ghê!” Michael nhìn vợ.

Nàng nhìn vào cánh rừng nhưng không thể thấy mấy người kia. “Đấy không phải là điều em có ý muốn nói. Không phải chỉ là những gì em muốn nói.” Nàng dừng lại. Nhưng tại sao không hỏi. Đây đâu phải là câu hỏi về chuyện làm ăn. Chàng đã mang nàng đến đây trong một cuộc hẹn. Cho lễ kỉ niệm ngày cưới của họ. “Mọi thứ này ở đâu mà có vậy mình?”

Chàng chỉ qua bên kia hồ. “Anh đã bảo họ giao đến đây.”

“Đất này của ai?”

“Đất này? Ở đây?”

Nàng nhú mày.

“Ồ!” chàng nói. “Anh đoán là của em”.

“Anh đoán?”

“Nó là của em”. Chàng đứng lên. Chàng rút một mảnh giấy từ túi sau. Đó là bản sao của một chứng từ. Giống như mọi thứ họ sở hữu, tờ giấy có tên nàng trên đó nhưng không có tên chàng. “Mừng lễ kỉ niệm ngày cưới”, chàng nói.

Kay nhặt lên những đóa hồng. Tất cả những gì diễn ra làm nàng vừa chấn động sâu sắc vừa thích thú mãnh liệt. “Chắc chắn là mình biết cách đem lại thời gian thú vị cho một cô gái,” nàng nói.

Michael cũng biết là lẽ ra chàng không nên gọi khu đất này là một món quà kỉ niệm ngày cưới. Anh đang làm quá. “Món quà cuối cho em,” anh nói. Chàng đặt tay phải trên một cuốn Thánh kinh tưởng tượng và đưa tay trái lên. “Anh thề. Không có ngạc nhiên nào nữa”.

Nàng ngược nhìn chàng. Nàng ăn một quả dâu. “Anh mua đất ở đây mà không cho em biết?”

Chàng lắc đầu. “Anh có phần hùn trong một công ty bất động sản; công ty đã mua khu đất này. Đó là chuyện đầu tư. Anh đã nghĩ chúng ta có thể phát triển đất đai ở đây cho chúng ta. Cho gia đình”.

“Cho gia đình?”

“Đúng”

“Anh định nghĩa gia đình như thế nào đi,” nàng bảo.

Chàng xoay vòng và nhìn ra mặt hồ. “Kay này, em phải tin anh. Hiện nay mọi chuyện đang trong một tình huống hơi tế nhị, nhưng không có gì thay đổi”.

Mọi chuyện đều đã thay đổi. Nhưng nàng còn biết nhiều hơn là nói lên điều này. “Anh kéo cả nhà đến Las Vegas và rời ngay cả trước khi mọi người kịp tháo mở va-li, anh lại lôi cả nhà đi, đến đây?”

“Fredo đã thu xếp mọi sự cho chúng ta ở Las Vegas. Nhưng trong trường kỳ Hồ Tahoe là một cơ hội tốt hơn. Cho *chúng ta*, Kay à. Em có thể làm việc với kiến trúc sư, xây căn nhà trong mơ của em. Chuyện đó có thể mất cả năm, thậm chí hai năm. Em có thời gian mà. Cứ nhẩn nha,

chậm mà chắc. Bọn trẻ sẽ lớn lên, bơi lội thỏa thích trong hồ này, khám phá các cánh rừng, cưỡi ngựa, trượt nước.” Chàng quay lại đối mặt nàng. “Ngày anh cầu hôn em, Kay à, anh đã nói rằng nếu mọi chuyện xuôi chèo mát mái, thì mọi công việc làm ăn của chúng ta sẽ hoàn toàn trở nên hợp pháp trong vòng năm năm nữa thôi”.

“Em nhớ”, nàng nói, mặc dầu đây là lần đầu tiên họ lại nói về chuyện này kể từ đó đến giờ.

“Tiêu chí đó vẫn giữ nguyên. Chúng ta phải thực hiện vài điều chỉnh, đúng vậy, và không phải mọi sự đều thẳng một đường theo ý chúng ta. Anh đã không tính tới việc bố mất. Cũng còn những chuyện khác nữa. Người ta không thể chờ đợi mọi sự trong một kế hoạch có yếu tố con người - nhiều người nữa - lại có thể thẳng tiến một mạch mà không phải có lúc vòng qua những zigzags. Nhưng” - anh đưa ngón trỏ lên - “nhưng: Chúng ta đã gần đến đích. Mặc dầu có những chướng ngại, đôi khi cả những bước lùi, Kay ạ, nhưng chúng ta đã tiến gần, rất gần.” Chàng cười và quì gối xuống trước mặt nàng. “Las Vegas đã có chút tiếng tăm. Trong bất kỳ phiên bản nào của kế hoạch này, chúng ta cũng còn được công việc kinh doanh khách sạn và casino ở đó. Nhưng Hồ Tahoe thì khác. Đây là nơi có thể làm được việc cho chúng ta, không hạn định. Ở đây chúng ta có đủ đất để xây dựng bất kỳ căn nhà nào em thích. Mẹ anh, những người thân của em nếu họ muốn. Bất kỳ người thân nào muốn đến đây cũng đều có không gian cho họ”.

Chàng không nhắc đến ông anh hay cô em. Kay hiểu chồng khá kỹ để chắc chắn rằng chuyện này hẳn là không phải ngẫu nhiên đâu.

“Anh có thể bay bằng chiếc thủy phi cơ này vào hay ra khỏi đây, và phản lực cơ kích cỡ nào cũng có thể bay đến Reno vốn ngay trên đường đi, Carson City chưa đến một giờ tính từ đây. San Francisco khoảng ba giờ”.

“Carson City?”

“Đó là thủ phủ bang.”

“Em nghĩ Reno mới là thủ phủ chứ”.

“Ai cũng nghĩ như thế. Nhưng đúng ra là Carson City”.

“Anh chắc không?”

“Anh từng có công việc phải đến đó, đến chính nhà quốc hội bang. Em muốn anh chứng minh điều đó không?”

“Hẳn rồi”.

“Đúng là Carson City, Kay à, tin anh đi. Em đề nghị anh phải chứng minh điều đó bằng cách nào?”

“Chính anh là người đề xướng chứng minh chuyện đó mà.”

Chàng nhặt lên một quả trứng. Chàng cầm lấy nó như một cái lao và phóng vào nàng.

Nàng bắt lấy quả trứng và trong cùng một động tác ném trả nó lại chàng. Nhưng nàng ném hụt. Quả trứng bay qua khỏi người chàng và nhảy thia lia hai lần trên mặt hồ, và chàng cười lớn.

“Thật dễ chịu khi thấy mình như thế này,” nàng nói.

“Em có ý chỉ gì?”

“Em không biết giải thích thế nào.”

Chàng ngồi xuống bên nàng. “Cũng có nhiều điều mà anh không thể giải thích, Kay à. Nhưng anh có một khái tượng. Vẫn là khái tượng mà anh luôn có, chỉ là bây giờ thì nó rất gần với thực tại hơn thôi, với con cái của chúng ta lớn lên theo cách em dạy dỗ hơn là theo cách của anh, mọi đứa trẻ của nước Mỹ có thể lớn lên để thành bất kỳ cái gì chúng muốn. Em lớn lên nơi một thị xã nhỏ; con cái chúng ta cũng vậy. Em vào một trường đại học tốt, chúng cũng sẽ như thế.”

“Anh cũng từng vào một trường đại học tốt mà. Một trường còn tốt hơn trường của em, danh giá hơn trường của em”.

“Nhưng em theo học đến lúc tốt nghiệp ra trường. Các con chúng ta sẽ không cần phải bỏ học vì bất kỳ lý do nào, và chắc chắn là không phải để phụ giúp anh trong công việc. Chúng sẽ không phải chịu ảnh hưởng từ anh theo cái cách mà anh chịu ảnh hưởng từ bố mình, và việc sống ở đây sẽ là một phần trong mục tiêu đó. Chúng ta tạo khoảng cách cho gia đình -”

Kay nhướn mày.

“Hãy định nghĩa gia đình như thế nào theo em muốn, nhất trí không? Gia đình của chúng ta. Bốn người chúng ta. Chúng ta tự cách xa khỏi tất cả những” - chàng lượm lên một chai sữa đã uống một nửa và hút hết phần còn lại - khỏi, hãy nói là New York. Chỉ có điều ấy mới vẽ nên biểu đồ cho hành trình mới trong cuộc đời chúng ta. Các cổ phần của chúng ta ở bang Nevada - nơi đây chưa phải là một bang đông dân lắm - các cổ phần ở đây sẽ cho chúng ta phương tiện để tổ chức lại công việc làm ăn của anh theo những phương cách vốn sẽ là bất khả thi ở New York. Chúng ta đã làm được phần gay go nhất của tiến trình này. Hãy nhớ những lời này của anh: năm năm nữa, kể từ bây giờ, Gia đình Corleone sẽ hoàn toàn hợp pháp như Standard Oil.”

“Nên như thế lắm”, Kay phụ họa.

Chàng thở ra. Nếu đó là điều khiến nàng giống một cô giáo thì các học trò của nàng vừa may mắn lại vừa bất hạnh. “Anh xin lỗi nếu chuyện mình nói không thể một trăm phần trăm chắc chắn. Có gì trên đời mà chắc cú trăm phần trăm đâu?”

“Gia đình, đồng ý không?”

Michael chọn cách làm như đùa. “Anh có thể hành động cách nào khác? Buông bỏ tất cả? Ngay cả nếu như anh có thể làm như thế và không khiến em thành góa phụ, thì rồi sao nữa? Đi làm một công việc tử tế đại loại như bán giày, tối đi học lớp đêm và hoàn tất đại học. Bao nhiêu người tùy thuộc vào anh, Kay à, và trong khi em và mấy đứa nhỏ luôn đứng ở hàng đầu và sẽ luôn luôn như vậy trong tâm tưởng anh, trong hệ số tình cảm của anh, thì anh cũng còn phải lưu ý đến số phận của bao nhiêu người khác. Fredo, Connie, mẹ anh, đó mới chỉ là nói trong gia đình riêng của mình thôi, chưa nói đến công việc. Chúng ta bán công ty dầu ôliu vì chúng ta cần một số tiền mặt lớn và hoàn toàn được chính quyền chấp nhận, nhưng ngay cả sau đó chúng ta vẫn còn những phần hùn kiểm soát trong nhiều loại hình kinh doanh hoàn toàn hợp pháp khác; Các xưởng sản xuất, bất động sản thương mại, hàng chục nhà hàng và một dây chuyền của hàng hamburger, nhiều tờ báo, các đài phát thanh, các đại lý bán vé, một studio điện ảnh, và cả một hãng đầu tư ở Phố Wall. Các phần hùn của chúng ta trong kinh doanh cờ bạc và cho vay tiền đều có thể hoạt động bất kỳ nơi nào mà những công cuộc kinh doanh này được coi là hợp pháp. Còn đối với những khoản chúng ta chi ra để giúp cho các chính trị gia phe ta đắc cử - chuyện đó cũng không khác gì điều mà bất kỳ các công ty lớn hay các công đoàn lớn vẫn làm. Anh giả định rằng anh có thể ngưng lại, ngồi thu mình trong ghế bành và nhìn mọi thứ rời rã tan tành, bất lực nhìn thấy chúng ta mất hết tất cả. *Hoặc là.*” Anh giương một ngón trỏ lên.

“Hoặc là. Thay vì thế, anh có thể chấp nhận thêm một ít rủi ro có tính toán và cố gắng thực hiện một kế hoạch vốn đã, anh muốn nói là, được thực hiện đến tám mươi phần trăm. Em biết là anh không thể kể rõ cho em mọi chi tiết đặc thù của kế hoạch này, nhưng anh sẽ nói cho em nghe điều này, Kay à: nếu em có thể tin vào anh, thì chỉ năm năm nữa kể từ đây, chúng ta sẽ ngồi nơi chính chỗ này, ngắm con cái của chúng ta - Mary và Anthony và có thể thêm một vài cặp nữa - bơi lội trong hồ, và Tom Hagen, anh Tom của anh, chỉ còn khoảng hai tháng sau, sẽ đắc cử Thống đốc bang Nevada rộng lớn, và cái tên Corleone sẽ bắt đầu có nghĩa, đối với hầu hết người Mỹ, tương tự như những cái tên Rockefeller và Carnegie. Anh muốn làm nên những điều kỳ diệu, vợ yêu của anh à. Những điều kỳ diệu. Và lí do chính cho tất cả những chuyện đó, trước tiên và trên tất cả, là em và những đứa con của chúng ta.”

Họ thu gom bữa ăn trưa. Michael huýt sáo và Tommy Neri đi ra từ cánh rừng. Chàng ta nói mình và đồng đội đã ăn xong cả rồi, nhưng nhấm nháp ít miếng snack cho vui miệng cũng tốt thôi, cảm ơn.

Michael chỉ Kay đi vào nhà để thuyền. Bên trong là một chiếc Chris -Craft, màu ngọc lục bảo với những khoang gọn gàng, sạch sẽ, trang nhã. Anh giang một cánh tay ra và Kay bước vào. Nàng chờ đợi Tommy Neri đi theo nàng, nhưng anh ta tháo dây neo thuyền và đứng lại đằng sau.

“Anh đang tự hỏi,” Michael mở lời, đẩy thuyền vào trong hồ. “À này, quà tặng kỉ niệm năm năm ngày cưới theo truyền thống là gì em nhỉ?”

“Gỗ. Điều này nhắc nhở em.” Nàng rút một tấm thiệp ra khỏi ví và chìa cho chàng.

“Thật thế ư?” chàng hỏi. “Gỗ?”

“Đúng thế,” nàng đáp. “Mình thử mở ra xem.”

Khi chàng mở phong bì, một tập nhỏ hiện ra. Chàng cầm lên.

“Xem kìa,” nàng nói. “Gỗ.”

Nó đến từ một tiệm chuyên bán dụng cụ thể thao của một câu lạc bộ điền dã ở Las Vegas.

“Cả hai, gỗ và thép. Em mua cho mình một bộ gậy đánh golf,” nàng nói. Nàng bóp chặt bắp tay phải của chàng. “Anh phải vào phòng khám để cân đo chúng.”

“Chơi golf à?”

“Bộ anh không thích sao? Anh không thích chơi golf để giải trí sao?”

“Thích chứ,” anh nói, xoa xoa một bên mặt. “Tốt. Golf. Giống như mọi giám đốc điều hành của Mỹ, anh thích golf. Thực thế.”

Michael nhấn ga chiếc thuyền và họ khởi hành băng qua hồ để đến thị xã. Kay xích lại gần chồng hơn trên ghế băng và chàng vòng một tay ôm vợ. Chàng mở rộng hết cỡ van tiết lưu. Nàng tựa đầu vào vai chồng và giữ nguyên tư thế đó trong suốt hai mươi phút hành trình.

“Cảm ơn mình,” nàng nói khi họ lên bờ. “Em thích khu đất này. Em thích kế hoạch của mình.” Nàng nghiêng người về phía chàng. “Và -” Nàng hôn chồng. Michael thường không mấy thích biểu lộ cảm xúc trước đám đông, nhưng có gì đó trong nụ hôn của vợ như luồng điện xuyên thẳng người chàng, và khi nàng bắt đầu rời ra, chàng kéo nàng lại phía mình và tiếp tục hôn nàng, nồng nhiệt hơn nữa.

Khi cuối cùng họ rời nhau ra, như hụt hơi thở, họ nghe tiếng vỗ tay. Từ hai cậu thiếu niên trên bờ. Mỗi cậu kèm bên một cô bạn gái. Mấy cô lên tiếng xin lỗi. “Hai anh chàng này đoảng quá!” một cô nói.

“Không biết giấu hai anh ngốc này chỗ nào. Thật xấu hổ!” cô bé kia nói, làm ra vẻ chị cả lắm lắm!

Cả bốn cô cậu ăn mặc như thể vừa đi lễ nhà thờ ra.

“Không có gì phải xin lỗi cả,” Michael nói. “Này, ở gần đây có rạp chiếu bóng nào không vậy, mấy em?”

Có, và họ đi theo hướng của mình. Hai cậu nhóc tụt lại đằng sau các cô gái, cười đùa và véo vào cánh tay nhau.

“Lúc nãy em định nói -” Kay mở lời trở lại.

“Rằng em yêu anh, phải không nào?” Michael “mớm cung”.

“Anh cũng láu lỉnh chẳng khác gì mấy chú nhóc kia,” nàng nói. “Và anh cũng yêu em nữa”.

Rạp chiếu bóng đóng cửa. Phim họ đang chiếu là một phim sản xuất bởi công ty điện ảnh Johnny Fontane, mà sáu mươi phần trăm phần hùn thuộc về một hãng bảo hiểm ở Delaware trong đó cổ phiếu được nhiều người đứng tên thế cho Gia đình Corleone. Đến một điểm nào đấy, Michael sẽ (với một giá mua lại tượng trưng) mua tất cả mọi thứ. Chỉ có điều là có gì đáng để mua hay không mà thôi. Công ty này từng có thời sinh lợi khá. Bộ phim này, giống như phần lớn các phim mới đây, không có Johnny Fontane đóng. Michael đập vào cửa sổ.

“Cửa đóng mà, Michael”

Chàng lắc đầu. Chàng gõ mạnh hơn. Chẳng bao lâu, một anh chàng đầu hói trong bộ quần áo jeans đi vào phòng lobby và la to rằng rạp đang giờ đóng cửa. Michael lắc đầu và gõ vào cửa chính lần nữa. Anh chàng kia bước đến cửa chính. “Xin lỗi ‘tôn ông’. Mọi chủ nhật chúng tôi chỉ có một suất vào bảy giờ rưỡi.”

Michael yêu cầu người kia mở cửa và anh ta làm theo.

“Tôi hiểu”, Michael nói. “Chuyện là, vợ tôi và tôi đang làm cuộc hẹn hò, và thế này,” - anh quay người lại và nháy mắt vào tấm poster quảng cáo phim - “Dirk Sanders, anh chàng ấy gần như là ngôi sao điện ảnh được ưa ái nhất trên đời của phụ nhân tôi, đúng thế không, mặt ong ngọt lịm của anh?”

“Ồ vâng, đúng thế mình ạ!”

“Được rồi, ông bà có thể xem phim đó tối nay. Suất chiếu bắt đầu từ bảy giờ rưỡi.”

Michael nhìn vào tay trái anh chàng kia. “Tuy nhiên, xin ông quan tâm cho, chúng tôi cần trở về nhà lúc bảy giờ rưỡi, và còn chuyện này nữa, hôm nay nhằm kỉ niệm ngày cưới của chúng tôi. Lần thứ năm. Bạn biết làm chuyện gì hay hay chứ, được không?”

“Tôi là chủ rạp,” anh ta nói, “không phải nhân viên chiếu phim”.

“Điều đó càng làm cho thời gian của bạn đáng giá hơn. Tôi sẽ không mong chờ bạn ban cho

một ân huệ như thế này đối với một kẻ hoàn toàn xa lạ. Tuy là ông chủ, song bạn vẫn biết vận hành máy chiếu chứ, tôi nói đúng không?”

“Tất nhiên là tôi biết”

“Vậy thì, cho tôi được phép nói lời này, với riêng anh thôi. Chỉ vài giây thôi.”

Anh chàng đảo tròn mắt, nhưng Kay có thể nói rằng có một khí lực lạ lùng nào đấy trong tia hàn quang sắc lạnh như băng từ đôi mắt Michael làm kinh động hồn vía chàng ta. Anh ta để Michael bước vào. Họ trao đổi vài lời thì thầm. Vài lát sau, Michael và Kay ngồi ở giữa rạp khi phim bắt đầu. “Anh nói gì với hấn ta vậy?”

“À, tưởng đâu xa lạ, chứ hóa ra là bọn anh lại có những người bạn chung”.

Vài phút vào phim, khi tên những nhân vật chính nhảy múa xô đẩy nhau trong một phiên bản Technicolor, ông chủ rạp mang đến cho họ hai chai soda và một bịch lớn bắp rang. Anh chàng và cô nàng trong phim lúc đầu mất một thời gian vờn nhau và tỏ vẻ không ưa nhau, làm như nhìn mặt là thấy ghét rồi, dấu hiệu báo trước cho thấy chuyện hai anh chị sẽ rơi vào lưới tình, mê nhau chết bỏ là... vô phương khả đảo! Chẳng mấy chốc Kay và Michael cũng bắt đầu ngửa ngáy hứng thú với trò “tình yêu và... bóng tối” giống như đám tuổi choai choai! Hai anh chị cứ tiếp tục trò quấy quá đó, đẩy kịch tính leo thang đưa đến cao trào... “Xem này!” Kay la lên thành tiếng, tay siết chặt của quí của chồng. “Cứng như khúc gỗ!”

Michael phá ra cười: “Hãy đánh trống ngũ liên dồn dập để giục hoa nở đi em!”

“Và rồi em sẽ uống đến giọt mật ngọt cuối cùng vẫn còn thơm ngon từ đóa hoa còn quí hơn cả kim cương vàng ngọc của chồng em!” Kay rên rỉ trong cơn đắm đuối mê cuồng...

“Ơ!... Tuyệt quá. Cảm tạ ơn em, vợ yêu. Cả đất trời bây giờ chỉ còn có đôi ta...”

Một năm trước, một trong hai người qua lại gần quầy bán vé ở Cổng 10 B của Sân bay Thành phố Detroit là một thợ cắt tóc trên Phố Pháp đình ở Brooklyn, báo cáo cho một anh chàng, anh chàng này lại báo cáo cho một anh chàng khác để anh ta báo cáo cho Pete Clemenza. Người kia trước đây là một chủ trại chăn nuôi dê ở Sicily, gần Prizzi. Trong những năm xen giữa, lòng trung thành và sự thăng tiến trong chinh chiến và sự thiếu hụt lao động đã khiến cho họ nhảy lên các cấp bậc nhanh chóng hơn là người ta có thể đạt được trong thời bình. Người cắt tóc thuộc thế hệ thứ ba, nhưng giọng Ý còn nặng trĩu; còn anh chăn dê thì hãy còn phải vật lộn với tiếng Anh. Chuyến bay của họ đến Las Vegas giờ đây đang đón khách lên tàu. Không thấy dấu hiệu nào của Fredo Corleone. Anh chăn dê mang một điện thoại ma (phantom telephone) nơi tai. Người hớt tóc thở ra và gật đầu. Anh ta không có chọn lựa nào khác. Anh ta đến một máy điện thoại trả tiền và bắt đầu nhét những đồng hai mươi lăm xen vào đó.

“Dịch vụ đây”, giọng ở Las Vegas nói. Người ta đồn rằng, các cô gái ở dịch vụ điện thoại, cô này và cô ở Brooklyn, đều là cháu gái của Rocco Lampone, đều đẹp cực kì, nhưng chưa có ai từng thấy mặt các cô hay biết chắc ai là ai.

“Mr Barber đang gọi đây”, anh nói.

“Vâng, thưa quí ông. Và thông điệp của ông, thưa ông Barber?”

“hành lí của chúng tôi”, anh nói, “đã bị *đặt sai chỗ* “. Anh suýt nói *mất*, nhưng *mất* sẽ được hiểu là *bị giết*. “Nó sẽ không ở trên chuyến bay đã lên lịch”.

“Vâng, thưa ngài. Tất cả chỉ có thế?”

“*Tất cả chỉ có thế?*” Khi Ông Trùm Corleone nghe tin rằng những cận vệ mới của Fredo để lạc cậu ta trong một casino một nơi nào đó trong vùng hoang vu của Detroit, vâng, tất cả chỉ là thế, được thôi. “Xin nói thêm rằng tôi và Ông -” Tay thợ hớt tóc khựng lại. *Dê* trong tiếng Ý là gì nhỉ? Anh ta đặt một tay chân lên điện thoại. Chàng chăn dê đi qua sảnh, lấy cà phê uống. “*Come si dice goat?*” (*Dê*, tiếng Ý nói là sao nhỉ?)

“*La capra,*” chàng chăn dê nói, vừa lắc đầu.

Chuyện là, từ nhỏ đến lớn, sống nơi Phố Pháp đình, chàng thợ cắt tóc chưa hề thấy con dê nào, cũng chưa từng có cơ hội nào để học cái từ mắc dịch đó. “Ông Capra và tôi đang tìm kiếm nó. Chúng tôi hy vọng sẽ đi chuyến bay tới, cả hành lí và tất cả.”

“Vâng, thưa ngài. Cảm ơn ngài.”

Sandra Corleone đỗ chiếc wagon Roadmaster trên bãi cỏ gần nhà ngủ của Francesca.

“Ồ, má,” Francesca nói. Cô chui vào cái áo mưa mới có kiểu dáng đặc biệt của mình. “Má sẽ không đỗ xe ở đây chứ?”

Mọi chiếc xe khác đều dồn vào trên lề phố và khu lên hàng.

“Mẹ chắc là ổn thôi”, Sandra nói, tắt máy xe và vói tay ra ghế sau để đánh thức Kathy. Như thế để nối đuôi, hai chiếc xe khác đi theo sự dẫn dắt của xe Sandra. “Người ta phải đỗ xe ở nơi nào chứ”.

Họ mở cửa của chiếc wagon, và Kathy chuyển cho Francesca và Sandra những hộp đựng đồ, tất cả đều từ cửa hàng bán rượu mà vị hôn phu của mẹ cô sở hữu. Phần lớn những đứa trẻ khác cũng đều đầy những hòm xiểng. Kathy chỉ lấy một cái quạt bàn và chiếc radio Bakelite của Francesca.

Các cửa trước đều mở rộng. Kathy ấn thang máy cho họ. Mẹ của chúng đã ướt đầm mồ hôi. Bà ta để mấy cái hộp xuống sàn thang máy. “Mẹ ổn rồi”, bà ta chỉ nói được có thế và mệt đứt hơi để có thể nói được gì thêm. Bà ta mới ba bảy, nhưng đầu óc nệ cổ, và đã tăng trọng nhiều kể từ khi họ dời nhà về Florida.

Khi họ đến phòng của Francesca, Kathy đặt cái quạt bàn và chiếc radio xuống, nằm ườn ra trên chiếc giường đôi, rồi cong người lại, ôm lấy bụng dưới và làu bàu rên rỉ.

Francesca đảo tròn mắt. Bởi vì cô hiếm khi bị vộp bẻ, nên cô hoài nghi về những biểu hiện trước mắt của cô em. Nhưng than phiền về chuyện đó thì cũng chẳng ích gì.

“Mấy tấm trải giường ở đâu?” Sandra hỏi.

“Trên giường kia”, Francesca đáp.

“Không phải những cái đó”

Francesca tự thân đi một vòng. Khi cô trở lại giường đã được phủ với các tấm trải màu hồng, và Kathy được đặt dựa vào trên mấy cái gối từ cả hai chiếc giường, quạt quay vào cô, đôi mắt cô nhắm lại, một tấm khăn lau ướt đắp ngang trán. Cô đang hút một lon Coke, nghe nhạc Jazz trên radio.

“Em lấy nước uống ở đâu?”

“Má nuôi ký túc xá đem tới,” Sandra nói. “Để chào mừng các con đấy”.

Trên đường đi xuống, mẹ của hai cô hướng đầu vào phòng khách chung. Sandra mang ba hộp nặng và đi í ạch, khó khăn. Francesca đặt hành lí xuống trên bậc đi của cửa bên, chờ mẹ cô theo kịp.

“Tại sao con không chịu đến một trường con gái?” Sandra Corleone gọi, thở nặng nhọc, dùng đầu chỉ về building bên cạnh, ở đó hàng mấy chục cậu thanh niên cùng cha mẹ của họ đang đi vào. Mẹ cô là người ăn to nói lớn. “Giống như chị con ấy?”

“Làm thế nào một mình mẹ có thể đưa xuống mọi đồ đạc của Kathy?”

“Đừng lo cho Kathy. Nó sẽ ổn thôi. Con biết đó, sẽ không ai nói là phòng ngủ của bọn con trai ở ngay cửa kế bên.” Giọng của bà càng lên cao hơn. “Mẹ không thích mấy ánh mắt hau háu đó”.

Người ta đang nhìn. Francesca chắc như thế. Francesca bị cảm dỗ muốn sửa sai mẹ và nói *phòng ngủ của quý ông* nhưng kịp khóa mồm đúng lúc vì thấy rằng như thế sẽ làm mọi chuyện tồi tệ hơn.

Trên quãng đường tiếp theo, mẹ cô mang nhẹ hơn. Tuy vậy, vào lúc họ đến cửa hông, bà cũng thở hồng hộc và phải dừng lại. Bà thả phịch người xuống chiếc ghế gỗ, gây ra một âm thanh vụn vỡ. Người ta dự định dời đến Florida và sẽ phơi nắng suốt ngày và ăn uống kiêng cử, tập thể dục cho người thon thả để có dáng đẹp khi mặc đồ chơi tennis hay khi đi dạo ở bờ biển. Thế mà mẹ cô thì vẫn càng ngày càng bành trướng bá quyền, lấn chiếm không gian của người khác. Mùa hè này, Francesca đã bắt gặp Stan, Ông Bán Rượu cầu véo mông mẹ cô và nói lảo ta thích *nhà tù* của bà. Francesca rùng mình.

“Con mặc áo khoác rồi sao còn lạnh được?” mẹ cô hỏi.

“Con có lạnh đâu”

“Vậy con ốm?”

Cô nhìn mẹ mình, vốn đang như say nóng trong chiếc ghế chật chội kia. “Không”, Francesca nói, “Con ổn mà”.

“Ngay cửa bên”, mẹ nàng lặp lại, lần này dùng ngón cái để chỉ về phía phòng ngủ của... quý ông học trò, vốn đứng hàng thứ ba chỉ sau nhất quỷ nhì ma thôi! Nên bà mẹ nàng tỏ vẻ úy kị kiêng dè, lo lắng cho cô con gái cũng phải. “Ngay cửa bên. Trời đất quỷ thần thiên địa ơi! Ai tin nổi không? Tôi không tưởng tượng nổi!”

Tại sao bà lại nói to thế, ai mà biết?

“Vậy tại sao con lại không muốn vào một trường chỉ toàn con gái?”

Bà nói điều này khá to khiến Francesca tin chắc rằng mấy người ở bên phòng quý ông hẳn là nghe rõ. “Đây là một trường tốt, Má à, đúng không?” Cô vươn một tay ra để giúp má đứng lên. “Nào, cố lên.”

Khi họ đến Barnard, Francesca biết thế, tất cả những gì mà Kathy sẽ nghe là “Tại sao con phải đi xa nhà đến thế?” Bất kỳ điều gì mà Francesca làm đều bị nhìn như là muốn làm cho không

giống những gì Kathy đã làm và ngược lại. Trước cuộc khiêu vũ đến nhà (homecoming dance), mẹ cô đã kéo Francesca qua một bên để ca tụng những đức tính của người bạn của Kathy, mà sau đó bà lại vứt bỏ hết. Ngày hôm sau, mẹ nàng bắt đầu liệt kê mọi điều sai quấy về anh ta. *Hắn đã thay đổi*, Sandra nói. *Bất kỳ ai có mắt đều có thể thấy điều ấy.*

Francesca tự mình đi quãng đường còn lại. Chỉ khi đó cô mới lưu ý có bao nhiêu cửa chính được trang trí bằng mẫu tự Hy Lạp. Mẹ cô và Kathy đã can ngăn cô đi đến từ tuần trước, đúng thời điểm diễn ra cuộc hội nữ sinh, mẹ cô bởi vì bà để tâm vào sự tiện và bất tiện của việc làm một cuộc lễ hành bằng xe nhà dự một cuộc hội hè náo nhiệt còn Kathy bởi vì cô nói rằng các cuộc hội nữ sinh chỉ tuyệt vời cho đám WASPs (White Anglo -Saxon Protestant: Tin lành Da trắng gốc Anglo -Saxon), những bọn phóng đảng hay những con bé tóc vàng dần dần, chứ chẳng tuyệt vời tí nào cho bất kỳ chị em nào của nàng, người đã có một gia đình và chắc chắn không cần giả bộ như mình là chị/em của một đám WASPs tóc vàng phóng đảng.

Vào thời điểm cô quay về phòng mình, mẹ cô đã mở những hộp đựng đồ và vali của cô và bắt đầu bày đồ đạc ra. Bà cũng đã mang đến một ảnh Đức Mẹ và một bộ còi bằng sừng bò đỏ, những linh vật mà Francesca không bao giờ rời sau khi mẹ cô rời đi. (Má không cần phải làm thế", Francesca nói với mẹ.

"Ồ, có gì đâu", Sandra nói.

"Thật sự thì", Francesca nói. "Con tự lo chuyện đó được mà".

Kathy cười. "Sao không nói với bà rằng chị không thích bà lục soát đồ đạc của chị?"

"Con không thích Má lục lọi đồ đạc của con, Má à!"

"Má đã soạn đồ đạc cho con ở nhà. Má hy vọng ngôi trường tử tế này sẽ dạy con không ăn nói theo kiểu một tên *beatnik* bẩn thỉu. Vả chăng, có gì mà con phải cố giấu mẹ, hở?"

"Không có gì." Còn *Beatnik*" Và trong trường hợp mẹ không lưu ý, chúng ta hiện không ở nhà."

Sandra ngược nhìn lên như thể sửng sốt vì một tiếng động lớn đột ngột.

Rồi bà ngồi xuống trên bàn của Francesca và òa ra khóc tức tưởi.

"Bây giờ, lại thế đấy," Kathy nói, ngồi thẳng lên.

"Chị chẳng giúp được gì".

"Tôi không nói đến chị," Kathy nói và dĩ nhiên nàng có lí: không chỉ ngáp và tiếng cười là dễ truyền nhiễm mà thôi.

Hai chị em sinh đôi khóc to lên rồi bắt đầu cùng gào thét. Cả ba mẹ con cùng túm tụm trên giường. Đã từng có một năm khủng khiếp. Đám tang Ông Nội Vito, một cú choáng váng cho mọi người. Rồi sự biến mất kỳ lạ của chú Carlo. Chip, đứa dễ thương và được cưng nhất nhà, bỗng hóa điên và làm vỡ so một đĩa nhóc bằng cái bình thủy. Chỉ có một thời điểm khác mà cả ba mẹ con từng ở trong cảnh ngộ giống như thế này: hợp nhất, ôm nhau và cùng thốn thức. Hai cô gái lúc đó đang học tiết toán với thầy Chromos. Thầy Hiệu trưởng đi vào và dẫn hai cô bé về văn phòng thầy mà không cho biết lí do tại sao. Mẹ hai đứa ở đó, mặt bà đỏ và sung phì phì. Mẹ bảo, "Chuyện liên quan đến Ba các con. Tai nạn đã xảy ra". Cả ba mẹ con nhào xuống chiếc ghế xô-pha có mùi cam của ông hiệu trưởng, khóc vui không biết trong bao lâu. Bây giờ lại khóc với nhau, ắt họ đều nghĩ đến ngày đó. Tiếng gào khóc của họ càng to hơn, hơi thở càng trở nên rời rạc, họ càng quấn chặt lấy nhau.

Cuối cùng, những dòng lệ tuôn trào ào ạt kia cũng giúp họ vơi bớt nỗi đau buồn chất ngất. Lòng họ dịu lại và những vòng tay bầu vú của họ chùng ra. Sandra lấy một hơi thở và nói, “Mẹ chỉ mong sao -” Bà không thể nói hết câu.

Một tiếng gõ danh phát ra nơi cửa chính. Francesca nhìn lên, mong đợi rằng màn cảnh này sẽ là ấn tượng đầu tiên chân thực mà má nuôi ký túc xá sẽ có được về nàng. Thay vì thế là một cặp xuất hiện, ông trong bộ côm -lê xanh sậm, bà trong kiểu tóc chó xù, cả hai tươi cười và có vẻ thể thao.

“Xin thứ lỗi”, người đàn ông nói. Ông ta mang dải tên ghi là BOB. “Có phải đây là phòng 322?”

Số phòng được sơn bằng màu đen lên cửa chính. Ngón trỏ của ông thực tế đang chạm vào đó.

“Đúng rồi, xin thứ lỗi”, người đàn bà nói. Cả hai đều nói rất giọng miền Nam. Dải tên của bà ghi là BARBARA SUE (tắt là BABS). Bà nhìn qua họ và thấy ảnh Đức Mẹ và bà nhúu mày. “Nếu tất cả các bạn thích chúng tôi sẽ quay lại sau -”

“Đây là phòng con bé,” người đàn ông nói, bước tránh qua một bên và đẩy nhẹ một cô gái da sẫm màu qua ngưỡng cửa. Cô gái vẫn dán mắt xuống đôi giày Mary Janes.

“Tôi tin là chúng ta đang ngắt lời,” người đàn bà nói.

“Có phải chúng tôi đang ngắt lời?” người đàn ông hỏi.

Sandra Corleone khịt mũi. Kathy lau mặt vào gối của Francesca. Francesca dùng tay ra hiệu. “Không”, cô nói. “Không, xin lỗi. Xin mời vào”

“Tuyệt quá!” người đàn ông nói. “Tôi là Mục sư Kimball, đây là bà nhà tôi, Bà Kimball, đây là con gái chúng tôi, Suzy. Chào mọi người đi, Suzy.”

“Hello”, cô gái nói và rồi nhìn xuống lại đôi giày của cô.

“Chúng tôi là tín hữu Báp -tít.” Người đàn ông gật đầu về phía ảnh Đức Mẹ. “Tuy vậy chúng tôi có những tín hữu Công giáo, ở thị xã kế bên. Tôi từng chơi golf với cha xứ của họ, Linh mục Ron”.

Francesca tự giới thiệu mình và giới thiệu gia đình mình, mà nàng phát âm thành *Cor-lee-own*.

Suzy nhìn hai chị em sinh đôi từ cô này sang cô khác, lộ rõ vẻ bối rối.

“Vâng, chúng tôi sinh đôi,” Kathy nói. “Cô bé kia sẽ là bạn cùng phòng với bạn. Còn mình sẽ đi đến trường khác”.

“Có phải hai bạn hoàn toàn giống hệt nhau?” Suzy hỏi.

“Không đâu”, Kathy nói.

Suzy trông càng có vẻ bối rối hơn.

“Cô ấy đùa thế thôi,” Francesca nói. “Dĩ nhiên chúng tôi hoàn toàn giống nhau”.

Người đàn ông đã để ý mấy chiếc còi sừng trâu. Ông ta chạm tay vào. Chắc thế rồi, chúng là đồ thực. “Suzy là một cô gái Da đỏ,” ông nói. “giống như mấy cô vậy”.

“Con bé là con nuôi của chúng tôi”, người đàn bà thì thầm.

“Nhưng không phải là một Seminole,” ông nói, và cười to đến độ mọi người khác trong phòng đều giật mình.

“Tôi không bắt kịp ý tôn ông,” Sandra nói.

Với một cái thở hắt ra, người đàn ông ngưng cười. Suzy ngồi vào chỗ có lẽ là bàn học của nàng và nhìn trừng trừng vào mặt bàn Formica. Francesca muốn cho cô bé hoa, rượu, sô - cô - la, bất kỳ cái gì có thể khiến cô mỉm cười.

“Bang Florida”, người đàn ông nói. “Họ thuộc bộ tộc Seminoles.” Ông làm bộ ném một quả bóng. Ông lại cười, càng lớn hơn, và ngưng cười, càng đột ngột hơn.

“Tất nhiên họ là thế,” Sandra nói. “À không, tôi muốn nói về chuyện là người Da đỏ. Chúng tôi là người Ý.”

Người đàn ông và người đàn bà trao đổi một cái nhìn. “Hay thật đấy”, ông ta nói.

“Vâng” bà vợ nói. “Khác nhau chứ”

Francesca xin lỗi và nói mẹ cô và người chị em của cô phải đi nhưng cô sẽ trở lại trong vài giây thôi để giúp Suzy bày biện đồ đạc.

Mẹ cô hơi ngần ngại với chữ *đồ đạc* nhưng dĩ nhiên là không chỉnh Francesca trước mặt nhà Kimballs.

Francesca và Kathy nắm tay nhau trên đường đi đến chiếc xe. Không ai trong hai đứa có thể, hoặc cần nói lời nào.

“Má có thích để con lái không?”

Sandra mở ví, lấy ra chiếc khăn tay và chùm chìa khóa và ném chìa khóa cho Kathy.

“Đừng có để dính bầu nhé”, Kathy dặn dò Francesca.

Mẹ hai cô làm lơ, không biểu hiện bị sốc chút nào. Chuyện này thôi thì... đành phó thác cho trời vậy! Chứ bố mẹ có muốn cản cũng đâu có cản nổi! Quả là có con gái trong nhà chẳng khác nào chứa... trái bom nổ chậm! Chỉ còn biết cầu nguyện các Đấng Bề Trên che chở cho. Có phúc thì... đẹp mặt, hôn lễ rình rập. Lỡ như vô phúc thì cũng... lời được cháu ngoại!

Mình cũng sẽ không trở thành một WASP ngớ ngẩn, Francesca nghĩ. Hay một con nhỏ tóc vàng ngu ngơ. Hay chị em gái của bất kỳ ai khác. Cô siết chặt tay Kathy. “Đừng làm hỏng đôi mắt vì đọc quá nhiều nhé”.

“Đừng làm bất kỳ điều gì mà em không làm”, Kathy nói.

“Có lẽ Ta là Người” Francesca phán ra lời linh hứng bỗng dưng.

Đó là một câu đùa đã cũ. Hai đứa vẫn luôn thắc mắc làm thế nào mà mẹ chúng giữ chúng như những đứa bé, luôn luôn giả định rằng chúng đã được hòa lẫn nhau một thời gian cho đến khi chúng đủ trưởng thành để khẳng định bản sắc riêng của mỗi đứa.

Chúng hôn nhau vào cả hai bên má, kiểu đàn ông hôn nhau, và Kathy vào trong xe.

Khi Francesca ôm mẹ để tạm biệt, Sandra cuối cùng tìm thấy cơ hội để nói ra. “Mẹ chỉ muốn,” bà thì thầm,” rằng bố chúng con sống khôn thác thiêng, hiền lành để chúng giám điều này”. Sandra lùi một bước, có vẻ đắc thắng. Bà nhìn từ cô con gái này đến cô kia. “Những con gái yêu của chàng nay đã vào đại học” Bà khịt mũi. Rất to.

“Bố chẳng bao giờ thích chúng con khóc” Francesca nói.

“Ai mà thích thấy gia đình mình khóc?” Kathy nói.

“Bố đúng là không phải người mau nước mắt,” Francesca nói, vừa lau mặt vào tà áo khoác.

“Con đùa đấy à?” mẹ cô nói. “Sonny? Chàng là đứa bé to xác nhất trong tất cả chúng ta đây. Xem phim tình cảm bố chúng mày khóc rung rức. Những bài ca Ý truyền thống đậm chất suýt mướt trữ tình thường làm bố chúng mày khóc gào ầm ĩ như con nít. Các con không nhớ à?”

Đã bảy năm qua rồi, và Francesca đã bắt đầu phôi pha.

Nàng nhìn chiếc Roadmaster hướng mũi tìm đường xuyên qua những làn đường hẹp, chẳng chịt, chòng chéo. Khi chiếc xe len lách đến góc queo, Francesca âm thầm phát ra tiếng *good - bye* trong tâm trí. Cô không có cách nào để biết chắc điều này, nhưng cô dám cá bằng cả mạng sống, rằng người chị em song sinh của mình cũng đang làm như thế.

Chương 5

Nick Geraci nghe những tiếng bước chân đến xuyên qua bóng tối của một casino đã bỏ hoang. Một người đi khắp khiêng ì ạch trong đôi giày phát ra tiếng lạch xạch. “Rất buồn khi nghe tin chẳng lành về mẹ con, con trai ạ,” một giọng nói vang lên.

Geraci đứng lên. Đó là Laughing Sal Narduci (Sal Narduci Ưa Cười), cựu *consigliere* của Forlenza, mặc một áo len dài tay bằng lông dê với những ô vải khác màu hình viên kim cương. Khi Geraci lớn lên, Narduci là một trong những anh chàng người ta thấy ngồi ở trước Câu lạc bộ Xã hội Ý Mỹ, hút những điếu xì gà đen sì, khét lẹt. Cái hohn danh “Laughing” (Ưa Cười, *đọc là* “Lá-f-ing”) là không thể tránh. Một công viên vui chơi ở địa phương đặt một ma-nò-canh phụ nữ có động cơ bên trong ngay tại cổng vào, gọi là Laughing Sal. Nàng ma-nò-canh này phát ra tràng cười rú lên nghe giống như một phụ nữ vừa đạt được cơn cực khoái trong một cuộc làm tình quá xá đã! Thế là từ đó bất kỳ những ai mang tên Sally, hay Salvatore ở Cleveland, và một nửa những ai mang tên Al và Sarah, đều được gọi bằng cái hohn danh “Laughing Sal”.

“Cám ơn”, Geraci nói. “Mẹ cháu thọ bệnh cũng đã lâu rồi. Thôi cụ đi nhẹ nhàng thế cũng là phúc”.

Narduci ôm chàng. Khi buông anh ra, ông vỗ vào Geraci mấy phát nhanh, dầu tất nhiên là các vệ sĩ của Falcone và Molinary đã lục soát anh khi trở về Detroit. Rồi Narducci mở bức tường. Laughing Sal thấy cái túi, nhắc nó lên, và gật đầu. “Arizona không giúp gì nàng ta à?” Ông ta để cái túi xuống mà không cần mở nó ra, cứ như là ông có thể đếm tiền thuần chỉ bằng cách cân - theo kiểu rất riêng của ông - nhắc lên tay xem nặng nhẹ cỡ nào. Nửa triệu đô bằng tờ 100 cân nặng mười và một phần tư pounds. “Ở xa vì cái thời tiết chết tiệt này?”

“Điều đó dứt khoát là có ích”, Geraci nói. Cô ấy thích ở đây. Nàng có một hồ bơi và mọi thứ. Nàng vẫn là một... kinh ngư có đẳng cấp.”

Narducci khép lại bức tường. “Tay buôn này đến từ biển, con biết đấy. Milazzo, giống như người của ta. Còn ta, ta không thể bơi xa hơn là từ đây đến phía kia của một ly whiskey. Đã từng bao giờ chưa?”

“Về phía xa của ly whiskey?”

“Milazzao. Sicily.”

“Sicily, có nhưng Milazzo thì cháu chưa từng đến,” anh nói. Anh ta chỉ mới đến Palermo tuần rồi, thu xếp mấy chuyện riêng tư nho nhỏ với gia tộc Indelecato.

Narducci đặt một tay lên vai Geraci. “Tốt, như bọn họ nói, cô ấy hiện ở một nơi tốt hơn”

“Như bọn họ nói”, Geraci gặng lại.

“Jesus, lạy Chúa tôi! Nhìn vào cháu này.” Narducci bóp mạnh bắp tay của Geraci, giống như lựa trái cây để mua. “Geraci Con Át Chủ Bài! Trông như anh còn có thể thượng đài trong hai mươi hiệp vẫn còn sung!”

“Không dám!” Geraci nói. “Nhưng cỡ mười, mười một hiệp thì cũng ráng được!”

Narducci cười. “Cậu có biết tôi đã mất bao nhiêu tiền vì cá vào cậu trong những năm rồi? Một núi tiền, anh bạn trẻ ạ, một núi tiền đấy!”

“Lẽ ra nên cá chống lại tôi. Tôi vẫn hay cá kiểu đó”.

“Ta sẽ thử,” Narducci nói. “Vậy là cháu sẽ luôn luôn thắng. Còn bố cháu? Sao rồi?”

“Cũng tạm tạm” Fausto Geraci Sr. từng là tài xế xe tải và là viên chức Công đoàn ngành xe tải. Liên kết nhưng chưa bao giờ gia nhập, ông ta từng lái xe và giúp đỡ nhiều việc cho tay Do thái (tức Ông Trùm Forlenza ở Cleveland). “Anh ta đã lấy em gái tôi ở đó” *Và người phụ nữ Mẹ ở phía kia của Tucson mà anh ta tưởng là không ai biết.* “Ông ấy sẽ ổn thôi. Ông ấy đã bỏ lỡ cơ hội làm việc, nếu bác muốn biết sự thật”.

“Với một số người thì về hưu là không thích hợp. Nhưng đến thời điểm nào đó thì cũng nên hưu thôi”.

Không phải là vấn đề mà Nick Geraci từng chờ đợi phải đối mặt. *Người đi vào là người sống, Vito Corleone đã nói trong lễ kết nạp Geraci, và người đi ra là xác chết.* “Chúng ta sẵn sàng chưa?” Geraci hỏi.

“Sẵn sàng”. Narducci vỗ vào hông anh và hộ tống anh trở lại casino. Geraci tìm một lối thoát, một dãy bậc thang. Phòng khi hữu sự.

“Casino này đi vào hoạt động kinh doanh từ bao lâu?” Geraci hỏi.

“Ngược về cái thời... hải quân Ý,” Narducci trả lời, ý chỉ đoàn thuyền cao tốc họ vận hành trên Năm Hồ Lớn trong thời kỳ Cấm Rượu. “Giờ đây chúng tôi sở hữu những chiếc thuyền đó. Đúng là vớ được của quý với giá hời. Đám chức trách sở tại không có tài nguyên vật lực nào để đột kích những chiếc thuyền này. Hơn nữa, đám khách kẹt trên hồ suốt đêm. Hãy đem lại cho họ vài ba màn trình diễn nóng sốt từ năm mươi đến tám chín mươi phần trăm và rồi... đây nè! Thèm hông? Hổng thèm đâu! Nhưng mà nuốt nước miếng ừng ực! Vậy thì, mát-x-cơ gì! Xin quý ông anh vào các phòng bên để các em đây phục vụ tới bến. Bảo đảm không “Ồ!” không lấy tiền! Sau đó trút bỏ họ trở lại về xe của họ. Một ngón điệu thủ khiến tiền từ túi người ta nhảy sang túi bạn mà thiên hạ vẫn ra về thơ thối hân hoan!”

Gia đình Stracci có những casinos bí mật khổng lồ nơi vùng Hàng Vách Đá Ven Sông ở Jersey (Jersey Palisades) nhưng theo chỗ Geraci biết, không có gia đình nào ở New York có được những du thuyền đánh bạc cỡ này. Có lẽ chàng cũng để tâm nghiên cứu việc phát triển một vài chiếc loại này, một khi nền hòa bình tương đối bền vững và những vụ dầu sôi lửa bỏng nguội dần. Sau đó sẽ tiến hành kế hoạch mở rộng lãnh địa ở Las Vegas, ở La Habana.

Ông ta đẩy Geraci vào một phòng ẩm ướt nhộp nháp và kéo cửa mở ra đến một thang máy kiểu cổ lỗ sĩ.

“Hãy buông lỏng nào, chú bé,” Narducci nói. “Có ai định giết chú bé ở đây đâu nào?”

“Tôi chẳng buông lỏng được nữa,” Geraci nói. “Tôi sẽ cần bác đẩy tôi vào và đọc cho tôi nghe một câu chuyện”.

Họ đi vào. Narducci mỉm cười và ấn nút thang máy. Ông đã nói đúng. Geraci đã học được điều đó: thang máy là những cái bẫy chết người.

“Thay đổi đề tài,” Narducci nói, “Ta có điều muốn hỏi. Làm thế nào mà một tên quê mùa to xác như chú lại học hết trường luật?”

“Tôi quen biết một số người.” Anh đã theo đuổi việc học hoàn toàn tự lực, lớp đêm. Anh còn vài

lớp phải theo. Nhưng Nick Geraci biết những câu trả lời đúng cho mọi việc. “Tôi có bạn bè”.

“Bạn bè”, Narducci lặp lại. “Ý à”. Ông ta đặt cả hai tay lên vai của Geraci và xoa nhanh, theo kiểu một người đường phố.

Cánh cửa mở ra. Geraci chuẩn bị tinh thần. Họ bước vào một hành lang tối, trải thảm, đầy những ghế và trường kỷ và những bàn nhỏ chạm khắc tỉ mỉ, chắc hẳn là những thứ đắt tiền. Ở cuối hành lang là một căn phòng sáng sủa với nền lát đá hoa cương. Một cô điều dưỡng trẻ tóc đỏ đẩy Ông Do thái, Vincent Forlenza, về phía họ trong một chiếc xe lăn. Narducci rời họ để đi gặp Falcone và Molinari.

“*Thưa nghĩa phụ (Padrino)*,” Geraci lên tiếng. “Nghĩa phụ thấy trong người thế nào?” Tiếng nói của ông vẫn rõ ràng và đầu óc ông có lẽ cũng còn minh mẫn nhưng ông sẽ không còn tự đi đứng được nữa.

“Này!” Forlenza nói. “Bọn đốc tờ biết cái quái gì nào?”

Geraci hôn lên hai má Forlenza rồi hôn nhấn ông. Forlenza đã đứng làm cha đỡ đầu cho anh lúc làm lễ đặt tên thánh.

“Con làm tốt đấy, Fausto,” Forlenza nói. “Ta nghe những điều hay”.

“Cám ơn, nghĩa phụ,” Geraci nói. “Chúng con gặp chuyện khó, nhưng chúng con đã có tiến bộ.”

Forlenza cười ngạo. Sự bất đồng của ông có lẽ là rất nhẹ nhàng nhưng vẫn lộ ra, dầu khá kín đáo; một tay Sicily chính cống không có niềm tin vào tiến bộ theo kiểu Mỹ, không dùng ngôn từ theo cách Geraci vừa dùng.

Forlenza di chuyển đến một bàn tròn kế bên cửa sổ. Con bão giờ đây càng dữ dội hơn. Cô điều dưỡng đẩy Forlenza vào sát cái bàn. Geraci vẫn tiếp tục đứng.

Narducci quay lại, đồng hành cùng mấy Ông Trùm và các vệ sĩ của họ. Frank Falcone đi vào với một cái nhìn chăm chăm nặng nề mà cũng khá là dần dần nhưng đủ nói lên toàn bộ câu chuyện. Molinari đã, theo như kế hoạch, cho hẳn ta biết Geraci là ai. Falcone chỉ vào mấy bức tranh vẽ mấy người đàn ông mặc quần cuời ngựa rộng trên chên dưới và mấy phụ nữ to khỏe, đội mũ miện. “Ngài biết mấy người này chứ, Don Forlenza?”

“Hãy vào chỗ, Anthony, Frank. Cho phép tôi giới thiệu quý vị với một *amico nostro*” Một người bạn của chúng ta. Một người bạn *của tôi* thì đúng là một người cộng tác. Nhưng một người bạn *của chúng ta* thì lại... hơi đáng gờm đấy! Ấy, có chút khác biệt tế nhị như thế, mong các bạn lưu ý cho. “Fausto Dominick Geraci, Jr.”

“Cứ gọi tôi là Nick”, Geraci nói với Falcone và Molinari.

“Một hảo nam tử xứ Cleveland”, Forlenza nói, “Con Át Chủ Bài, chúng tôi vẫn thường gọi cậu ta như thế; bây giờ cậu ta có công việc ở New York. Cậu ta cũng là, tôi tự hào mà nói điều này, nghĩa tử của tôi”

“Chúng ta gặp nhau,” Falcone nói, “ít hay nhiều”.

“Này, Frank. Tôi chắc là bạn có thể rộng lòng dung thứ niềm tự hào của một người vào nghĩa tử của ông ta.”

Falcone nhún vai. “Tất nhiên *gồi*”.

“Thưa quý vị”, Geraci nói. “Tôi mang đến quý vị lời chào từ Don Corleone”.

Forlenza nhìn các vệ sĩ và chỉ vào Geraci, “Nào, tiến lên, làm phận sự các người đi”.

Geraci để yên cho người ta lục soát. *Một lần nữa hôm nay và chúng ta sẽ vững vàng*, chàng nghĩ. Cuộc lục soát này chỉ là một nghi thức thông thường, hoàn tất với một bàn tay bên trong áo sơ-mi của anh và dưới quần lót, để tìm các thiết bị ghi âm, ghi hình. Khi họ làm xong, hai phục vụ nam tóc trắng thắt nơ con bướm mang đến một khay thủy tinh đựng *biscotti all'uovo* (bánh quì trứng), mấy đĩa trái dâu và cam cắt thành nộm chữ V và những cốc cà-phê cappuccino bốc khói. Họ để một vành đai bạc kế bên Forlenza và rời đi.

Forlenza nhắm nháp một ngụm cappuccino. “Trước khi chúng ta bắt đầu”, ông nói, “tất cả các bạn nên biết rằng quyết định mời một phái viên từ Don Corleone chỉ là quyết định của riêng tôi thôi” Geraci nghi ngờ điều này nhưng không có cách nào biết chắc.

“Tôi không có ý làm phật lòng, Vincent à”, Falcone nói, “hay, à... anh gì nhỉ? Geraci. Tôi không hề có ý xúc phạm đâu, nhưng mà tôi vẫn chưa có thể quen gọi tên tiểu tử Michael đó là *Don Corleone* được.” Falcone có những mối liên hệ với Gia đình Barzini và cả với một tay công đoàn ở Hollywood tên là Billy Goff, một người mà thiên hạ nghĩ là đã bị phe Corleones khử. Trên cùng là, anh ta cũng kiếm được bộn tiền ở Chicago nhờ liên kết với Ông Trùm lưng danh Al Capone. Nên anh ta có khẩu khí hơi trịch thượng khi nói về Michael như là *Don Corleone* mới.

“Này Frank,” Molinary nói. “Họem đã nào. Chuyện này không hay ho gì đâu.”

Forlenza yêu cầu họ ngồi xuống, và họ nghe lời. Narducci ngồi trong một ghế bành bằng da cách mấy bước. Đám vệ sĩ ngồi trên một ghế xô-pha dựa vào tường phía kia. Trong lúc họ quan sát, cô điều dưỡng, không cần một ám hiệu, xoay người và ra khỏi phòng.

Falcone huýt sáo khê. “Chỉ tại cái bộ đồng phục trắng đó. Bạn cứ gói bất kỳ em nào vào bộ trang phục đó thế là tớ muốn thấy cô nàng nằm ngửa lên giường nệm, nửa trên nửa dưới, tốc váy cô nàng lên và “khoan” cẩn thận, cho tới khi nào nàng khờ cả người. Mọi lần vào bệnh viện, cứ thấy bóng dáng các nàng là cậu quý tử của tớ lại trở nên cứng đầu cứng cổ một cách rất mất dạy, làm tớ phải đội vải đi bán rao, thật tức đến đỏ cả mặt!

“Vừa thôi, Frank à,” Molinari khê khàng can ngăn anh bạn máu dê quá bốc.

“Cái gì? Người ta đùa có duyên thế mà bạn lại không biết thưởng thức, quả là phí cả mồm!” Chàng Falcone khoái ăn tục nói phét bị cụt hứng.

Forlenza hỏi Molinari và Falcone về đám cưới giữa con gái của Joe Zaluchi và con trai Pete Clemenza, vốn không ở trong nghề (cậu ta chuyên xây dựng các trung tâm mua sắm). Họ cũng hỏi làm thế nào mà một cậu trai ở Cleveland lại nhập tịch nhà Corleones. Geraci nói rằng sau khi thấy cái nghề đánh đấm coi bộ không có tương lai, anh ta mắc kẹt ở New York với bà vợ và mấy đứa con và nghĩa phụ của anh đã có mấy cuộc gọi. Một vài nét biểu cảm quay lại trên bộ mặt của Falcone. Forlenza đằng hắng lấy giọng theo một cách để mọi người hiểu như một lời kêu gọi trật tự, uống một hơi nước dài và bắt đầu.

“*Sangu sciura sangu*,” ông nói. “Nợ máu phải trả bằng máu”. Đây từng là nguyên nhân gây ra suy tàn sụp đổ của truyền thống chúng ta ở Sicily. Một vòng xoáy vô tận những cuộc báo thù huyết hận (vendettas) đã khiến cho bằng hữu của chúng ta ở đó suy yếu đi đáng kể hơn bất kỳ thời nào trong suốt một thế kỉ. Thế nhưng ở đây, tại nước Mỹ, chúng ta đang thịnh vượng như chưa từng có trước đây. Có đủ tiền của, đủ quyền lực cho mọi người. Chúng ta có những hoạt động kinh doanh hợp pháp ở Cuba, và đặc biệt là trong trường hợp các Đại Gia Đình có đại diện

ở đây, Nevada. Tổng số tiền của mà chúng ta có thể làm ra từ đây, nếu tôi được phép thành thật mà nói, chỉ bị giới hạn bởi trí tưởng tượng của chúng ta và -” ông đưa một ngón tay lên - “và bởi truyền thống bất hạnh của chúng ta, cái truyền thống báo thù rửa hận triền miên mà lẽ ra nên cho vào... Viện Bảo tàng Quên lãng.”

Forlenza ngược nhìn lên trần nhà trắng trên cao và nói tiếp bằng phương ngữ Sicily, một loại “đặc ngữ” mà Geraci nghe hiểu được nhưng không nói được. “Có lẽ trong phòng này có nhiều người biết ai chịu trách nhiệm những vụ giết chóc vừa rồi ở New York.” Ông ném cho Geraci, Falcone, và Molinari mỗi người một cái liếc mắt, với thời lượng tương đương một cách chính xác, đầy ẩn ý khôn dò, rồi lại làm một ngụm dài cà-phê cappuccino - một động tác cũng đầy tính chiến lược... “Emilio Barzini, một con người vĩ đại và một trong những người bạn xưa nhất, thân thiết nhất của tôi, đã bị giết. Phillip Tattaglia đã chết.” Forlenza ngừng lời và ăn một trong những chiếc bánh *biscotti* nhỏ xíu, nêu bật lên tất cả những gì được mặc hàm trong sự thiếu sót của ông ta không có những lời ca tụng nhiệt liệt để mô tả Don Tattaglia, như ông đã từng mô tả Don Barzini. “Tay *caporegime* lâu năm nhất, khôn ngoan nhất của Michael Corleone, Tessio, cũng bị giết. Em rể, và là cha đẻ đứa con đỡ đầu của Don Corleone, cũng bị giết. Năm *amici nostrici* khác, cũng chết. Chuyện gì xảy ra vậy? Có lẽ một trong các bạn ở đây biết rõ. Còn tôi mù tịt chẳng biết gì. Có những nguồn tin bảo tôi rằng Barzini và Tattaglia, nản lòng vì sự bảo hộ yếu ớt đối với việc kinh doanh ma túy, từ những quan tòa và những chính trị gia ăn cánh với Gia đình Corleones, nên đã sẵn đuổi, tranh giành với phe Corleones và vì thế bị giết. Có lẽ. Những người khác nói rằng Michael Corleone giết Barzini và Tattaglia để có thể chuyển căn cứ tác chiến về phía Tây và làm cho nó không có vẻ như một cuộc di tản vì yếu thế, dưới cơ các đại kình địch nên phải”tránh voi chẳng xấu mặt nào”. Một trong nhiều khả tính, không có vấn đề gì. Cũng có thể rằng chúng ta đang chứng kiến cuộc báo thù cho những cái chết từ bảy năm trước của những người con cả của Vito Corleone và Tattaglia? Tại sao không? Trong những chuyện như thế thì bảy năm chẳng có gì khác hơn là... cái quấy đuôi của một con cá! Hay là” - và đến đây ông nhón lấy một cái bánh ngọt khác và để thời gian nhâm nhi nó - “có lẽ -ai biết được? - tất cả đây chỉ là một kịch bản của Don Stracci và Don Cuneo -mà gia đình họ chưa bao giờ có được quyền lực như các Gia đình Barzinis và Corleones - nhằm nắm lấy quyền kiểm soát New York. Những cuộc thương lượng nhanh chóng để đạt hòa bình của họ, trong ý nghĩ của nhiều người, đã tăng thêm sức mạnh cho luận chứng này. Ngay cả báo chí cũng đang chọn nhận kiểu suy đoán vu vơ này và quảng bá nó cho các đám đông đần độn, coi như là sự kiện.”

Điều này gợi cảm hứng cho những nụ cười tủm tỉm đa tầng ý nghĩa. Những câu chuyện trên báo chí phần nhiều là những lời buộc tội giả dối. Căn cứ quyền lực của nhà Stracci là New Jersey và nhà Cuneos chạy lên phía trên New York (với một công ty sữa lớn nhất vùng, điều khiến cho Ottilio Cuneo trở thành “Leo Người Bán Sữa”). Không ai trong hai người này được tin là có đủ sức mạnh và tham vọng để tấn công vào ba gia đình hùng mạnh hơn họ.

“Hay có thể,” Falcone nói bằng tiếng Anh, “ai biết được? Phe Corleones đã khử gọn tất cả.”

Falcone, Geraci khá tin chắc như thế, có lẽ sẽ ngạc nhiên biết bao nếu biết được rằng cái dụ ngôn khoa trương của hắn ta lại... đúng một trăm phần trăm!

“Ngay cả với người của họ?” Molinari nói. Mặc dầu là một người bạn của Gia đình Corleones song Molinari cũng hầu như chắc chắn không biết chuyện gì đã thực sự xảy ra ở New York. “Tiếp tục đi nào, Frank”.

Falcone nhún vai. “Tôi không biết. Tôi cũng giống như Vincent, tôi không thể lặn ra manh mối cái mớ bòng bong rối rắm quái quỷ này. Tôi cũng chỉ nghe người ta nói, thế thôi. Nhưng một lỗ hổng những gì tôi nghe đó là mặc dầu Don Vito, xin linh hồn cụ an nghỉ nơi cõi vĩnh hằng, đã hứa danh dự bằng cả mạng sống của mình rằng ông sẽ không trả thù cho cái chết của con trai mình, tên gì nhỉ? -

“Santino,” Geraci nói.

“Lại thêm một giọng điệu khác” Anh ta nâng cốc cappuccino giả vờ như nâng ly rượu mừng. “Cảm ơn, O’Malley. Đúng rồi: Santino. Ông ấy đã nói không trả thù vụ đó, ngay cả không nhìn ngó gì vào đó nữa. Cách chúng tôi hiểu chuyện đó là: *Gia đình ông* sẽ không làm chuyện đó, nhưng, xem nào, đó chỉ là một mớ những lời nước đôi, lập lờ để lắt lọng. Tất cả những gì mà ông muốn nói đó là đích thân ông sẽ không làm việc đó. Vito bước xuống để Michael có thể sáng tác kịch bản báo thù và thực hiện ngay sau khi ông ấy mất.”

“Xin thứ lỗi cho tôi”, Geraci nói. “Đó không phải là nói lập lờ nước đôi. Chuyện không xảy ra theo cách đó.”

“Coi nào, Vincent,” Falcone nói, “tại sao nhà Corleones là Gia đình New York duy nhất gửi đại diện đến đây, hử? Tại sao tôi có một chỗ ngồi với hai vị và một *soldato* miệng còn hôi sữa của người khác? Có phải là bí mật chúng ta không?”

“Không ai gọi đây là một chỗ ngồi,” Molinari nói. “Chỉ là cuộc nói chuyện giữa một ít bạn bè. Một ngày đẹp trời, có thể Don Forlenza sẽ cho chúng ta mượn mấy bộ gậy đánh golf, và chúng ta sẽ nhẩn nha chơi golf...”

“Chiếc ghế này ngồi thoải mái thật”, Narducci nói, xoa xoa hai tay vịn.

“ - hay lên một chiếc thuyền và đi câu tôm, câu cá,” Molinari tiếp tục. “Có thể có một ly cocktail với cô điều dưỡng của bạn và một buổi chiều đáng nhớ với những màn làm tình kiểu “cầu giao” thật đã đấy.”

Falcone cau mày. “Tớ không chơi cái kiểu đó. *Vào cửa sau?* Ai bảo tớ làm chuyện đó?

“Tôi lỡ chạm vào thần kinh của bạn rồi, phải không? Xin lỗi nhé!”Molinari nói.

Don Forlenza uống cạn ly cappuccino và giằng cái cốc thủy tinh xuống mạnh đến độ nó vỡ tan ra. Không ai ngồi chung bàn có phản ứng gì. Lúc đầu không ai có ý định nhặt đồng miếng vỡ kia lên.

Một cánh cửa mở ra. Các vệ sĩ ulla vào và nhìn thấy đồng miếng ly. Hai người của Forlenza bước vào. Laughing Sal ra hiệu cho họ đi ra. Họ làm theo.

“Chúng ta không phải là những tên cảnh sát đi làm chuyện giải quyết tội phạm,” Forlenza nói. Ông nói “giải quyết tội phạm” như thể có một cục phân mèo tươi trong miệng và trở lại dùng phương ngữ Sicily. “Tôi có những vấn đề riêng của mình và vì thế, tôi triệu thỉnh...” - ông hướng về Falcone và Molinari - quý vị. Nếu tôi gặp chuyện rắc rối ở Cleveland, điều này chẳng ảnh hưởng đến ai ở New York. Không ai ở đó bị dây dưa. Chuyện rắc rối chỉ mình tôi lãnh đủ. Đương nhiên là thế. Ấy thế mà nếu New York có vấn đề thì quá thường khi là, đầu chẳng liên quan tí xiu gì đến tôi, cũng lại trở thành vấn đề của tôi. Báo chí đầy những suy đoán. Cảnh sát hỏi cung và làm phiền bạn bè của chúng tôi cho dầu họ ở xa hiện trường các vụ tội phạm ở New York -ngay cả các đối tác của chúng tôi, những người đang quản lí tiền bạc, những người điều hành các doanh nghiệp hay đang đầu tư. Một số người ở Washington gây sức ép cho FBI phải điều những nhân viên từ cuộc chiến chống Cộng sản đến theo dõi chúng tôi và những quyền lợi của chúng tôi. Các thượng nghị sĩ đe dọa sử dụng các phương tiện nghe lén. Ngay cả những doanh vụ hợp pháp của chúng tôi cũng có thể bị Cục Thuế Lợi tức Quốc nội nhắm đến. Tôi có mấy đứa cháu vào đại học, mua những căn nhà đầu tiên của chúng, và rồi tôi phải chịu đựng bao nhiêu chuyện rắc rối chỉ vì tôi rút tiền của mình cho chúng -”

Ông uống một ngụm nước. Họ nhìn vào bàn tay ông khi ông thận trọng đặt cái ly xuống.

“Ờ, các bạn biết đấy. Hàng triệu đô-la mất đi trong kinh doanh, và điều đó cũng như thế với các bạn.”

Falcone bắt đầu tạo ra một tác phẩm điêu khắc nho nhỏ từ những mẫu bánh, các trái dâu, các miếng cam và những mảnh vỡ thủy tinh gần đó.

“Những ưu tư của chúng tôi”, Forlenza nói, có bốn. Ông đưa bàn tay trái ra, ngón cái cặp vào, còn bốn ngón kia chĩa lên để nói chuyện này, sẵn sàng kể ra những lí do đó. Cái kiểu diễn tả này là một động tác ưa thích của ông. Đối với bất kỳ chuyện gì, Forlenza cũng tìm ra đủ bốn lí do. Có bốn lí do để người Do thái bị hiểu lầm. Có bốn lí do để tại sao, để lòng kiêu hãnh qua một bên, Joe Louis lẽ ra đã hạ nốc -ao Rocky Marciano. Bốn lí do để thịt bò ngon hơn thịt lợn. Nếu phải chi Don Forlenza đã sinh ra với hai ngón tay thêm nữa ở bàn tay trái chắc là ông sẽ có sáu lí do cho đủ thứ các cái trên đời!

“Trước tiên và trên tất cả,” ông nói, trở lại với tiếng Anh,” New York. Giúp cho họ hiểu rằng chuyện này của chúng ta chỉ có thể đứng vững trước bất kỳ cái gì trừ phi cạnh tranh quyết liệt, rằng tất cả chúng ta đều đi đến nền hòa bình không mấy dễ chịu chỉ bằng cách thận trọng quan sát nó.”

Điều này gặp được những cái gật đầu đồng tình khắp cả chung quanh, kể cả từ Geraci.

“Thứ nhì là” - ngón giữa giơ lên -”Las Vegas. Bảy năm trước, chúng tôi ngồi trong một building ngân hàng ở Thành phố New York và nhất trí rằng Las Vegas phải được mở ra cho kinh doanh cho tất cả chúng ta. Một thành phố của tương lai, nơi bất kỳ Gia đình nào cũng có thể hoạt động. Giờ đây phe Corleones đã thành lập tổng hành dinh ở đó -”

Geraci dợm muốn nói, nhưng Forlenza chỉ một ngón tay vào anh.

“ - và cả đám ở Chicago bỗng dưng nghĩ rằng cần phải tăng cường ở đó.”

“Fuckface” (Mặt Đéo), Narducci lăm bắm, thoáng tia nhìn xa xăm trong mắt.

“Xin thông báo với quý vị,” Falcone nói, “ông ấy không thích bị gọi như thế”. Luigi Russo, người điều hành công việc ở Chicago, thích được gọi là Louie hơn. Ông ấy bị dính vào cái hỗn danh đậm đà bản sắc... tục tĩu đó (mà báo chí bắt buộc phải rút ngắn lại thành”Mặt”) từ một em gái đi; em này oang oang tuyên bố rằng món sex duy nhất mà ông ta khoái khẩu đó là... ủa cái lỗ mũi to bự, đỏ như quả cà chua của ông ta vào cái hăm của em! Thần khẩu hại xác phạm, em đã phải trả giá cho câu nói đại mồm đại miệng đó bằng cách... được biến thành một cái xác cụt đầu trôi lều bều trên hồ Michigan; cái đầu của em không bao giờ được tìm thấy.

“Xin trở lại đề tài”, Forlenza nói, “thứ ba là” -ngón đeo nhẫn giơ lên -”Chicago.”

Geraci liếc mắt nhìn Falcone mà hoạt động từng có thời là chi nhánh của bộ sậu ở Chicago. Không phản ứng gì. Tất cả những mảnh vỡ thủy tinh ở trên bàn giờ đây được gom lại trước mặt anh ta.

“Bảy năm trước khi chúng tôi gặp mặt nhau, thậm chí đám Chicago còn chưa được mời,” Forlenza nói. “Bạn tưởng tượng nổi không?”

Từng có một thời, vì nóng lòng muốn hướng sự tăng trưởng của Al Capone xa mình, các Đại Gia đình New York đã nhất trí rằng tất cả những gì ở về phía Tây của Chicago thì thuộc về Chicago. Cái chất dân Cleveland trong Geraci vẫn còn đủ để nhận ra điều này như một kế hoạch chỉ có ý nghĩa với đám ở New York. Khi Al Capone rút dài, tình trạng hỗn loạn như rắn mất đầu diễn ra

ngay. Los Angeles và San Francisco lập tức li khai. Moe Greene, từ New York, có một giấc mơ, thành hiện thực là Las Vegas, được thiết kế thành một thành phố mở không có tiếng nói từ Chicago. Sau khi Greene bị giết, nhà Corleones tiếp quản casino của ông ta và xây dựng Lâu Đài Trên Cát nhưng thế lực mạnh nhất ở thành phố là liên minh những Gia đình miền Trung Tây lãnh đạo bởi Detroit và Cleveland. Chicago cũng dự phần vào liên minh đó cũng như gia đình Corleone, nhưng chỉ một ít), và Louie Russo đã gây ồn ào về việc muốn kiểm soát liên minh nhiều hơn. Chicago được thống nhất trở lại và mạnh hơn lên vào thời đó. Với New York trong tình trạng cát cứ kiểu sử quân, nhiều người nhìn Russo như là khuôn mặt quyền lực nhất trong thế giới tội ác có tổ chức ở Hoa kỳ.

Forlenza lắc đầu tỏ vẻ không tin. “Các Đại Gia đình New York nói rằng họ bỏ rơi cố gắng khai hóa Chicago. Từ đó người ta gọi chúng là những con cừu đen, những con chó điên.”

“Những con gà sống thiện,” Molinari nói, hàm ý chuyện dịch nghĩa đen từ *Capone*.

“Một đám súc vật” Laughing Sal góp ý.

Falcone xoa vỗ và dựng tác phẩm điêu khắc của anh ta lên. Nó đứng cao khoảng hai bàn tay. Anh ta nghiêng mặt mình về phía nó như thể anh ta đang cố nắm bắt phản ảnh của mình trong những mảnh vỡ lớn hơn.

“Và thứ tư là” - ngón út giơ lên - “thuốc men”. Lúc buông ra từ này Forlenza đồng thời thả người ra sau trong chiếc xe lăn. Ông có vẻ kiệt sức.

“Thuốc men?” Molinari thắc mắc.

“Đừng nói lại chuyện này” Falcone cau gắt.

Geraci cố gắng không biểu lộ phản ứng gì.

“Một câu đố xưa cũ, vâng,” Forlenza nói, “nhưng là một câu đố còn chưa có lời giải. Nó là đe dọa lớn nhất cho công việc của chúng ta. Vâng, nếu chúng ta không kiểm soát nó, người khác sẽ nắm lấy, và chúng ta có thể mất quyền lực, nhưng nếu -”

“Nếu chúng ta nắm được,” Falcone ngắt lời, “không phải là chúng ta không sẵn sàng, cho là bọn cóm sẽ không nhìn cách khác giống như bọn chúng nhìn vào cò bạc, phụ nữ, các công đoàn, vv... Nào, Vincent. Muốn học vài bài ca mới, hử? Nhìn chung quanh đi. Cái thiên đường nhỏ cho những tay buôn lậu rượu mạnh” - một tiếng sét nổ ra, ăn khớp hoàn toàn với *thiên đường* -” đó là chuyện của quý vị. Quý vị đã làm nên chuyện và *xin bái phục!* Nhưng đối với những người thuộc thể hệ chúng tôi, thì đó là ma túy. Với thể hệ kế tiếp là cái gì, thì ai biết được?”

Narducci làu bàu cái gì đó mà Geraci nghe ra như là” những em đĩ trên sao Hỏa”.

“Nhiều người trong chúng ta,” Forlenza nói, “từng long trọng thề, trước Thánh Bồn mạng của gia đình mình, rằng chúng ta sẽ không dính líu đến ma túy”. Ông chỉ vào cái đồng bánh kẹo, trái cây và mảnh kính vỡ của Falcone. “Anh đang làm cái gì thế?”

“Có cái gì đó để làm, tất cả chỉ là thế,” Falcone trả lời kiểu xỏ ngọt, lừng khừng, ai muốn hiểu sao thì hiểu. “À này, Vincent, tôi yêu quý ông như thể ông là nghĩa phụ *của tôi*, thật vậy, nhưng ông cần sống trong thời hiện tại. Chúng tôi đã phân công, phân vùng và điều hành mọi chuyện đầu vào đấy cả rồi. Và công việc chạy đều. Bọn cóm hay bất kỳ thứ gì, có thể làm công việc bị chậm lại một tí, đặc biệt là trong những thời kỳ nhiễu loạn như hiện nay, ở đây, nhưng số công việc có thể lạc hướng, chuệch choạc khiến chúng ta phải dây dưa đến chuyện pháp lí thì quên đi. Không có cơ may nào đâu.”

Gia đình Cleveland, Geraci biết, có một số doanh vụ trong ngành ma túy nhưng bằng lòng với những cống phẩm và để phần lớn lợi nhuận lọt vào tay đám Da đen, đám Ái nhĩ Lan và đám linh tinh. Sau thời kỳ cấm rượu, Cleveland đã nhào vào những thứ béo bở nhất kế tiếp, đó là cờ bạc và các công đoàn, và khuếch trương những lãnh vực này. Nó không phải là một tổ chức mở cho những ý tưởng mới hay ngay cả những người mới. Bố của Geraci nói rằng đã từng hơn mười năm kể từ khi Cleveland kết nạp một thành viên mới.

Forlenza vượt lên phía trước, lặp lại: rượu lậu là chuyện khác - bọn cóm cũng uống rượu và không thực sự muốn triệt phá đường dây này - nhưng ma túy là chuyện khác.

Khi Falcone cúi thấp xuống, lượm một miếng kiếng vỡ từ sàn nhà và đưa lên về phía chiếc đèn treo, Molinari, khéo léo theo kiểu ngoại giao, chỉ ra rằng Forlenza có lẽ là hơi ngây thơ về bản chất của cóm đường phố ngày nay.

“Đủ rồi”, Forlenza nói. Ông ta đưa mấy ngón tay vào miệng và huýt sáo. Mấy nhân viên phục vụ quay lại. Ông chỉ tay vào đồng kiếng và bánh kẹo. “Mang thứ đó đi”.

“Tôi có nói là tôi muốn thứ đó được mang đi không? “Falcone để những mảnh vỡ xuống và nhìn vào mấy người phục vụ. “Mấy người dám đem thứ đó đi thì ta đấm cho vỡ sọ đấy!”

Chicago ngay đấy thôi, Geraci nghĩ. Nói “túm gọn” lại thì cũng là Chicago thôi.

Mấy nhân viên phục vụ vẫn đứng trơ như phỗng đá. Người đứng bên phải -có vẻ là dân Slave với tóc màu xám dày -mặt trắng bệch ra như cái áo sơ -mi anh đang mặc. Người đứng bên trái, một người với vòng tóc trắng và hàng ria mép đen, đối diện Forlenza, đầu ông hơi cúi xuống.

“Mang thứ đó đi”

“Cứ thử xem”. Falcone nhón lấy chiếc bánh *biscotto* cuối cùng và đặt nó như một trái sơ -ri trên đầu tác phẩm sắp đặt của mình.

“Tôi có một đứa cháu đang đi học ở một trường đắt tiền,” Narducci nói. “Nó cũng làm ba cái thứ tác phẩm sắp đặt giống như thế. Hai người gặp nhau chắc là ý hợp tâm đầu, thú vị lắm đấy!”

“Thế à?” Falcone xoay người trong ghế nhìn Narducci. “Ở đâu?”

“Ở đâu để anh đi gặp hay ở đâu là trường của nó?”

“Trường học”

Narducci nhún vai. “Tôi chỉ biết trả tiền. Với tôi thì nhà trẻ nào cũng như nhà trẻ nào.”

Falcone nhảy vọt khỏi ghế ngồi và khi hắn ta lao đến tấn công tay *consigliere* già thì Geraci, vẫn còn ngồi, đấm Falcone một cú thẳng cánh ngay vào cằm. Đầu hắn ta bật ngược trở lại. Hắn lão đảo, loạn choạng.

Đám vệ sĩ ủa tới bên bàn. Geraci đứng lên. Thời gian dường như chùng hãm lại. Những tay nghiệp dư trong nghề đánh đấm thường hay lóng ngóng, thiếu quyền biến như thế. Geraci chờ đợi điều này sẽ qua nhanh thôi.

Molinari bỗng phì cười. Ngạc nhiên thay, chỉ một chớp mắt sau đó, từ sàn nhà, Falcone cũng bật ra tiếng cười. Đám vệ sĩ dừng lại. Geraci vẫn bất động.

“Nhà trẻ”, Molinari nói. “Buồn cười thật!”

Falcone đứng dậy, xoa xoa cằm. “Cú đấm điệu nghệ đấy, O’Malley. Ngồi xuống nào. Wow!”

“Bản năng mà,” Geraci nói, tỉnh queo. Narducci chẳng hề khách khí để nói ngay cả một tiếng cảm ơn chàng mà lại quay sang xỏ ngọt Falcone: “Ồ, xin lỗi, chú mày không sao chứ?”

Falcone nhún vai. “Quên chuyện đó đi”

“Anh bạn định làm gì đây,” Molinari nói, “nặng cho lão già một trận te tua?”

“Chắc không phải là lần đầu,” Falcone nói, và bấy giờ mọi người đều cười. Geraci ngồi xuống và đám vệ sĩ cũng ngồi theo. “Tớ đéo quan tâm chuyện đó nữa đâu,” Falcone nói. “Mang cái thứ đó đi”.

Hai người phục vụ lộ rõ vẻ biết ơn và nhanh nhẩu vâng lời ông ke. Anh chàng có bộ râu nhuộm còn đủ tự tin và điềm đạm để trở lại một lát sau đó và rót đầy mỗi người một ly nước.

“Cậu định làm vỡ sọ bọn chúng với cái gì thế, hở Frank?” Forlenza hỏi mồm.

“Chỉ là một cách “diễn tả” theo mỹ từ pháp ấy mà!” Falcone xuề xòa đánh trống lảng, làm mọi người cười ồ!

Geraci đã tìm kiếm cách để mở lời, một cơ hội để nói lên điều mà chàng ta được đặc phái đến đây để nói và đây dường như chính là thời điểm thuận lợi. Anh trao đổi bằng mắt với nghĩa phụ mình.

Forlenza gật đầu.

Ông lại dang hắng lấy giọng như một lời kêu gọi trật tự, và trong khoảng lặng mà điều này tạo ra, đã thông thả tợp một ngụm nước với vẻ đường bệ.

“Thưa quý vị,” Forlenza trình trọng mở lời. “Rất tiếc là người khách của chúng ta cần phải đi” Qua câu này, mọi người đều hiểu ý ông muốn nói là, *vị ấy nên rời đi trước khi một số công việc được đem ra bàn cãi*, chứ không phải là *vị ấy có nơi nào khác phải đến*. “Nhưng anh ấy từ xa xôi lặn lội đến đây, và trước khi rời đi, anh muốn có đôi lời thưa cùng quý vị.”

Geraci, làm ra vẻ là đang thưa chuyện với các bậc trưởng thượng, đứng nghiêm trang, gật đầu chào lễ phép trước khi thưa trình. Trước tiên, chàng ta cảm ơn Nghĩa phụ Forlenza và hứa rằng chàng sẽ nói ngắn gọn thôi, không dám lạm dụng thời giờ vàng ngọc của quý vị. “Thưa quý vị, mặc dầu tôi rất tự hào khi được cho phép cùng ngồi vào nơi chiếc bàn này với các bậc bề trên, song Ngài Falcone đã nói đúng: Đây không phải là chỗ của tôi. Như ngài đã chỉ ra - chàng ta vừa nói với Falcone lại vừa nghĩ đến Tessio, người vẫn luôn nhấn mạnh những lợi thế tự nhiên của việc bị đánh giá thấp - “Tôi đúng chỉ là một *lính mới tò te* thôi, đâu đã đáng được ngồi vào chiếu nhất cùng các bậc trưởng thượng như thế này, nếu không nhờ ân huệ đặc cách của nghĩa phụ tôi.” Một thứ khiêm tốn tự hạ hoàn toàn vờ vịt do Falcone “mớm cung” nhưng giờ đây lại nghe chính miệng Geraci “thành khẩn thú nhận” như thế càng khiến cho cái lão lớn xác nhưng bé đầu kia tin vào con mắt tinh đời biết phân biệt vàng thau của mình! Geraci nghĩ thầm: “Hằng đợi đấy! Sau này rồi biết tay nhau!”

Chàng tiếp lời: “Tổ chức Corleone, tôi xin bảo đảm với quý vị, không phải là một đe dọa cho bất kỳ người nào trong quý vị. Michael Corleone mong muốn hòa bình. Ông đã quyết định rằng cuộc đình chiến này trở thành thường trực và đã thực thi những biện pháp để hoàn tất điều đó.

Ông chưa bao giờ có ý định điều hành Las Vegas. Sau khoảng ba hoặc bốn năm ở trú sở tạm thời này, gia đình Corleone sẽ tái định cư ở Hồ Tahoe.

Trên thực tế, tổ chức Corleone sẽ không còn hiện hữu như trước đây. Hoạt động của chúng tôi ở New York sẽ tiếp tục trong hình thức nào đó, nhưng mọi việc ở Hồ Tahoe sẽ được điều hành bởi Michael Corleone giống như công việc của bất kỳ một ông chủ doanh nghiệp lớn nào ở Mỹ - Carnegie, Ford, Hughes, cho bất kỳ ai (whomever)."

"Mùi trường Luật", Narducci thốt lên, có lẽ do bị kích động bởi từ *whomever*.

"Gia đình Corleone," Geraci tiếp tục, "trong tương lai sẽ không kết nạp thêm bất kỳ thành viên nào. Nói rõ hơn, kể từ hôm nay. Michael Corleone sẽ rửa tay gác kiếm để đi vào con đường kinh doanh hợp pháp và ông muốn làm điều đó một cách có sự thể để vừa được các tổ chức khác kinh nể, vừa cung cấp một mô hình cho bất kỳ người nào trong chúng ta mong muốn đi theo con đường tương tự". Anh đẩy ghế của mình vào sát bàn. "Thưa quý vị, trừ phi quý vị có bất kỳ câu hỏi hay thắc mắc nào...?"

Anh chờ một lát. Falcone và Forlenza, cả hai đều nhìn vào Molinari vốn đang chậm rãi chớp mắt. Là một người bạn tiếng tăm của gia đình Corleones ông ta đã chuẩn bị để thảo luận chi tiết và cũng được coi là người thích hợp hơn cả để làm điều đó.

"Trong trường hợp đó," Geraci nói, "Tôi sẽ thăm dò thời tiết, trường hợp mà chúng ta..."

"Kệ mẹ thời tiết," Falcone nói. Hắn ta có một trăm ngàn đô phải tranh giành. "Đến lúc phải đi thì chúng ta đi thôi".

Narducci lầu bầu điều gì đó nghe như là "hành động của Chúa".

"Kệ mẹ Chúa!" Falcone phang bừa một cách rất vô pháp vô thiên. "Xin đừng chấp, Vincent, nhưng tôi không muốn vương..."

"Tôi chắc là mọi chuyện sẽ ổn thôi," Geraci nói, và rời đi.

Tom Hagen trở về phòng mình chờ đợi. Anh ném chiếc vợt tennis mà anh đã tốn cả ba trăm đô-la để mua và rồi chẳng dùng vào việc gì lên giường. Anh vẫn mặc chiếc sơ-mi đánh tennis nhưng thay từ quần soóc sang quần chinos, từ giày vải sang giày đế phẳng. Trên hai sân golf khác nhau anh có thể thấy từ vẻ huy hoàng được điều hòa nhiệt độ của phòng mình, bộ tứ bốn người mặc đồ sáng đang cười nói và uống cocktail trên khoảng không gian rộng xanh tươi nơi mà chỉ vài thập niên trước đây thôi vẫn chỉ có xương rồng và cát, nơi bất kỳ ai ra ngoài trời giữa trưa sẽ bị quay chín như bê thui, sẽ chết vì khát và kiệt lực với lũ chim ó, điều hân hoan vui sướng lượn trên đầu. Giờ đây, thay cho cảnh tượng hãi hùng đó, là những người phục vụ trên những chiếc xe chuyên dụng ở sân golf mang bia tươi và khăn lạnh đến cho bạn. Điều này khiến Hagen nhớ đến những câu chuyện mà anh đã đọc về đế chế La mã thời xưa nơi các vị hoàng đế làm mát lạnh cung điện của mình vào mùa hè bằng cách ra lệnh cho đám nô lệ kéo hàng ngàn khối băng từ trên các đỉnh núi về. Rồi những đám nô lệ khác ngày đêm túc trực bên cạnh các khối băng kia, mình ướt đẫm mồ hôi, dùng hết sức để quạt nhưng chiếc quạt thật lớn bằng sậy papyrus cho hơi lạnh tỏa đi khắp cung điện. Đối với một hoàng đế thì không một góc nào trên quả đất là không hiểu khách.

Hagen bảo phòng tiếp tân gọi cho anh bất kỳ khi nào có chiếc xe đến đón anh. Anh để cuộc gọi báo thức lúc 1:45.

Cuộc gọi báo thức vang lên. Anh thức dậy, bụng đói cồn cào. Hagen ghét những buổi ăn trưa muộn. Hai giờ đến rồi đi. Hagen gọi xuống phòng tiếp tân và được báo, "Thưa ông, không, vẫn

chưa có ai đến hỏi ông”.

Anh gác máy điện thoại và nhìn trừng trừng vào nó, mong sao nó reo lên. Giống một cậu bé ngây ngô chờ cô bồ tuổi teen gọi mình, đâu biết rằng nàng đang vi vu với một... lão già hảo ngọt! Anh lại cầm điện thoại lên và yêu cầu tổng đài nối kết anh với văn phòng của Mike. Không có tiếng trả lời. Anh thử gọi số điện thoại nhà của Mike. Nếu như cuộc hẹn với Ngài Đại sứ liên quan đến một chuyện kém quan trọng hơn có lẽ Hagen đã sẵn sàng lên máy bay về nhà. Bố của Kay trả lời. Michael và Kay đã ra ngoài cho bữa ăn kỷ niệm ngày cưới. Hagen đã quên bèn chuyện này. Anh sẽ trao đổi với Mike sau. Rồi anh gọi về nhà để nói anh vẫn bình thường và mọi chuyện vẫn ổn. Anh nghe Theresa, vợ anh, đang khóc lóc bởi vì Garbanzo -con chó chồn bị bệnh viêm khớp của họ - đã chạy đi đâu mất. Bọn trẻ đã làm những tờ bướm và dán ở những nhà chung quanh và bây giờ bọn chúng đang chạy ra ngoài đi tìm con thú cưng. Điều gì xảy ra nếu con chó lang thang vào sa mạc? Hãy nghĩ đến mọi cách mà nó có thể chết trong tình huống đó: những con sói đồng cỏ, những con báo sư tử, rắn rết, đói khát. Rồi ngày mai lại có một cuộc thí nghiệm bom nguyên tử; hãy thử nghĩ đến chuyện đó. Hagen cố gắng trấn an nàng. Anh bảo nàng yên tâm đi vì một con chó nhỏ bị bệnh viêm khớp có lẽ không thể đi đâu xa được đâu, huống nữa là làm cuộc hành trình vượt sáu mươi dặm trường đến địa điểm thử bom nguyên tử để thách thức xem bom nguyên tử thì làm gì được tó nào! Gâu gâu! Thách đấy! Chẳng điều nhại cho bà xã vui mà bót lo.

Hagen nhìn vào chiếc vợt mà chỉ cần hai mươi đô là có thể mua ở bất kỳ cửa hàng bán đồ thể thao nào và kém xa chiếc vợt chàng có sẵn ở nhà. Vậy mà chàng đã phải bỏ ra ba trăm đô mà còn bị làm khó - *chúng tôi không lấy tiền mặt, ông phải kí vào đây* - và chàng phải quỳnh quáng năn nỉ mới có được. Nghĩ cũng ngộ thiệt! Chàng là một luật sư đa mưu túc trí, *khôn ăn người*, thế mà cũng có lúc bị người ăn mà còn phải hạ mình năn nỉ cho người ta ăn nữa chứ! Đòi mà! Cá ăn kiến thì cũng có lúc kiến ăn cá chứ! Chàng phì cười. Trong con mắt tâm linh của mình, chàng thấy lại người anh em Sonny quá cố, khi chàng ta được mời vào một nhà hàng sang trọng và cảm thấy bị xúc phạm vì không được đối xử với sự trọng thị đúng mức, đã gọi mọi thứ trên menu của nhà hàng, ăn một chút những gì chàng ta thích, độ bốn năm món, mỗi món chỉ một miếng nhỏ thôi, rồi thì tụt quần ra tề lên tất cả những gì còn lại, gạt đổ, đập phá lung tung. Xong, kêu phục vụ đến tính tiền cho Ngài Đại sứ, người mời chàng nhưng vào giờ chót lại vướng chuyện rắc rối bất ngờ nên đến trễ. Ngang ngược là thế song từ chủ nhà hàng đến nhân viên phục vụ anh nào cũng sợ xanh mặt, đâu ai dám hó hé một lời phiền trách câu Cả nhà Corleones. Xong, chàng ta bước ra nghênh ngang về nhà. Oai phong, lẫm liệt hết biết! Cũng vì cái thói ngang tàng vung vít đó mà về sau chàng ta đã bị phe khác xử thê thảm. Bụng Hagen cồn cào. Anh mỉm cười. Anh nhớ Sonny, người anh em thân thiết nhất trong nhà, dầu hai người tính tình có quá nhiều khác biệt.

Điện thoại reo. Tài xế của chàng đến.

Hagen đi xuống, nhưng không có xe nào ở đó. Chàng hỏi người phụ trách bãi đậu xe. Không có xe nào từ này giờ, anh ta nói. Đầu óc Hagen quay cuồng. Anh quên mang theo kính râm. Nheo mắt nhìn một hồi thì bị nhức mắt. Quay trở lại phòng khách anh thấy một người Da đen mặc áo tuxedo. Anh ta đã kéo đến phía bên kia của tòa nhà, một chiếc xe golf sáu chỗ màu trắng tinh. Lúc đó là sau hai giờ rưỡi.

“Đây có lẽ là chiếc xe golf lớn nhất mà tôi từng thấy.” Hagen lấy tay che mắt khỏi ánh sáng gắt hắt ra từ màu trắng toát của chiếc xe.

“Cám ơn ông,” người tài xế nói, rõ ràng là một người đã được huấn luyện là không được chạm vào mắt các ông chủ mình hay cả của những người khách trừ khi người ta nói với mình.

Cuộc đi qua sân golf, xuyên qua cả một mê cung những sân tennis rồi lại qua một sân golf khác nữa, mất khoảng mười lăm phút, trong thời gian đó mỗi người đều quay đi, tránh mắt của

người kia.

Khi Ngài Đại sứ lần đầu giao dịch làm ăn với Vito Corleone, tên ông lúc đó là Mickey Shea. Giờ đây ông được biết đến trong báo chí như là Ngài Corbett Shea. Không còn ai gọi ông là Mickey nữa. Bạn bè thân và gia đình, ngay cả vợ ông, cũng gọi ông là Corbett. Còn đối với mọi người khác, ông là Ngài Đại sứ. Bố ông đã rời Quận Cork đến định cư ở Baltimore, và mở một quán rượu ngang phố đối diện với quán của bố Babe Ruth. Là con cả trong một gia đình có sáu đứa con, Mickey Shea lớn lên phải làm việc vất vả -lau sàn nhà, khuôn vác đồ đạc, xúc dọn phân chó phân mèo trên đường phố và tuyết trên lối đi. Nhưng cuộc sống của cậu bé, đặc biệt là nếu so sánh với những đứa trẻ Ái Nhĩ Lan khác ở khu lán giềng, thì vẫn là một cuộc sống khá tiện nghi. Tuy nhiên, chẳng mấy chốc ba má cậu buồn bán bị lỗ lỗ nặng. Họ mất tất cả. Mẹ cậu trở thành người đàn bà hiếm hoi đã chọn một khẩu súng để tự sát bằng cách há to miệng ra ngoạm vào đầu khẩu súng shotgun cửa ngăn nòng và bấm cò. Mickey, với cái xẻng xúc tuyết còn cầm tay, là người khám phá ra cái tử thi gần như đã bay mất hết đầu trong lối đi nhỏ đằng sau quán. Bố cậu vẫn tiếp tục uống đến say mèm.

Mickey vào quân đội ở tuổi mười bảy và chẳng bao lâu sau trở thành một trung sĩ tiếp liệu. Chính ở đó, chứ không phải (như truyền thuyết được đồn đại) trên những đường phố của Baltimore, mà anh học được rằng ở đâu cũng có qui tắc luật lệ, nước có quốc pháp, nhà có gia qui, và rồi cũng lại có mọi thứ cho người ta đem tất cả sở tồn làm sở dụng. Chợ đen, trong thời bình cũng đã là món béo bở, lại càng tỏ ra là thứ môn bài để in tiền một khi Hoa kỳ chính thức tham chiến. Tuần lễ sau đình chiến, Trung sĩ Shea đã được giải ngũ trong vinh dự với huân chương chiến công cao quý. Anh trở thành tay triệu phú (đô-la), phần lớn là tiền mặt. Chàng ta đến New York và mở một quán rượu ở quận Tenderloin. Vừa là dân Ái Nhĩ Lan lại vừa là một thuyết khách dẻo mồm mép anh ta nhanh chóng tạo ra những mối quan hệ hữu ích với đám cảnh sát và, quan trọng hơn, với các băng đảng đường phố Ái Nhĩ Lan như băng The Marginals (Những kẻ đứng bên lề) và băng Gophers (Chuột chù). Anh mua một số nhà kho gần các cầu tàu, một đầu tư vững chắc giúp cho anh duy trì những kỹ năng bén nhạy trong xuất nhập khẩu. Anh đã chọn được vị trí vô cùng đắc địa lại kết hợp với những kỹ năng cực kỳ hữu dụng trong Thời kỳ Cấm Rượu. Shea đúng là tay buôn rượu lậu hoàn hảo của... Chúa Trời! (God's perfect bootlegger). Anh sở hữu những nhà kho. Anh sử dụng những công nhân bến cảng. Anh biết cách "lách luật" để chuyển hàng. Anh có bạn bè tại hai thành phố lớn Miền Đông nước Mỹ và huynh đệ ở Canada, những cựu chiến hữu vốn trước đây cũng là những trung sĩ tiếp liệu trong Không lực Hoàng gia (RAF: Royal Air Force) của Canada, đã từng làm ăn với nhau nhiều phi vụ, và anh vẫn giữ quan hệ hữu hảo. Và không chỉ điều hành một quán rượu mà còn điều hành một quán khác được gọi là quán bar của cóm. Hầu như mở cửa suốt đêm, đó là một quán kem -cà-phê ở bên trên còn tầng hầm được mở rộng, đào sâu, thiết kế lại để trở thành một *speakeasy* (quán cuốc lủi). Đám cóm, cũng chỗ cánh hầu cả, được trả lương để uống rượu miễn phí ở đó. Đúng là đồng tiền tiêu đúng chỗ là đồng tiền khôn bởi vì địa điểm đó tạo được danh tiếng qua tuyên truyền rỉ tai là nơi tha hồ say xỉn mà không sợ bị chộp. Trước khi Shea biết được chỗ này nơi đây từng là một thứ "Chiêu Anh Các" của những con người sang trọng lịch lãm khu Manhattan, những divas ô -pê -ra và những ngôi sao kịch nghệ Broadway, những ông chủ báo và các cây viết đình của họ, những luật sư ưa khoe mẽ và những vị ủy viên thành phố hào nhoáng sắc sỡ, ngay cả các vị Chủ tịch Hội đồng Quản trị các ngân hàng và các ông khổng lồ của Phố Wall. Shea mua cái building kế bên và đào đường hầm xuyên qua đến tầng hầm bên kia, mở rộng gần gấp ba tầng hầm cũ. Một giàn nhạc giao hưởng đầy đủ chơi ở đó mỗi đêm. Một hoạt động rất bổ láo một cách công khai như chưa từng hiện diện ở đâu khác trên khắp nước Mỹ!

Nhưng Mickey Shea là người kinh lịch đã nhiều và cũng đã tai nghe mắt thấy lắm điều hay. Trong chiến tranh, những người như anh có thể làm giàu nhưng có một lớp những người giàu và quyền thế ở bên trên, những người không cần phải làm bẩn tay mình bằng những cuộc đổi chác ma túy và ảnh khiêu dâm để lấy hàng quân tiếp vụ, những người không bao giờ phải đắm lừng xoa bóp những kẻ mà họ hối lộ. Anh ta biết vận dụng những đường dây liên kết với đám

cóm, đám viện kiểm sát, đám quan tòa để làm rào dậu, thành lũy che chắn cho mình.

Một ngày nọ, Genco Abbandando -người tiền nhiệm của Hagen trong tư cách *consigliere* và là người mà Shea nghĩ rằng sở hữu Công ty Dầu Ô liu Nguyên chất Genco -tiếp xúc một đại úy cảnh sát có nằm trong bảng lương của Shea và dàn dựng cuộc gặp gỡ giữa Mickey Shea và Vito Corleone. Họ gặp nhau ở quầy ăn trưa của một cửa hàng thực phẩm Ý khu Nhà bếp Địa ngục (Hell's Kitchen), chỉ cách mấy nhà kho của Shea sáu dãy phố nhưng là nơi anh chưa từng đặt chân tới. Anh ghét thực phẩm có gia vị và không chịu ăn bất kỳ thứ gì ngoài bánh mì và mì sợi không nước sốt. Khi bữa ăn kết thúc, Don Corleone giải thích rằng những người điều hành các xe tải đổi hàng kia (lấy rượu từ Canada về Mỹ và lấy dầu ô liu hay xi-rô từ Mỹ qua Canada) chỉ là thuê chúng từ Genco Pura, sau đó để cho hàm ý của câu nói này chìm xuống. Ông nói đến sự phung phí vô ích của việc cạnh tranh trên thị trường tự do và ở đây, cũng vậy, Mickey Shea là một học trò nhanh trí, sáng dạ. Don Corleone bảo Mickey Shea là ông tin rằng một người nhiều hảo bằng hữu như thế (ông chưa cần nói đến bằng hữu ở City Hall và ở Phố Wall và đặc biệt là trong số hàng ngũ thi hành pháp luật với người Ái Nhĩ Lan chiếm đa số) hẳn là một con người có tầm cỡ đáng nể, một người mà nếu ta quen biết được hẳn là có lợi đấy. Những người bạn của Mickey Shea trở thành bạn của Gia đình Corleone. Shea đắc dụng trong việc xây dựng những quan hệ chính trị và pháp lí cho Don Corleone, cuối cùng là nguồn quyền lực lớn nhất của ông. Don Corleone đắc dụng trong việc thu gom cho Shea rất nhiều của cải - và dự phòng bất kỳ cuộc đổ máu nào và sự phô bày công khai cơ bắp cần thiết để ngăn ngừa chuyện đó-đến nỗi cả trước khi Luật Cấm Rượu, con bò vắt ra tiền, hết hiệu lực, Shea đã có thể cắt đứt mọi đường dây có thể lần dấu về cội nguồn của cải của ông và phát minh lại chính mình trong con mắt công chúng như một quý ông "máu xanh"(dòng dõi quý tộc): Quý ông Corbett Shea, Tổng giám đốc Công ty Môi giới Chứng khoán Địa ốc, đồng sở hữu chủ một đội bóng chày và là một con người nhân ái ai ai cũng biết tiếng tăm vì đã xây bao nhiêu nhà tình thương Corbett, bao nhiêu thính phòng Corbett, bao nhiêu thư viện công cộng Corbett, tất cả đều từ tiền của Quý Corbett Phục vụ Cộng đồng. Con cái ông học trung học ở Lawrenceville rồi đại học ở Princeton. Sự phục vụ của họ trong chiến tranh được báo chí cả nước xưng tụng là anh hùng. Ông đảm nhiệm chức đại sứ ở Canada trong sáu tuần cuối của nhiệm kỳ tổng thống sắp mãn nhiệm - chưa đủ lâu để chuyển gia đình theo nhưng đủ lâu để mang được tước vị Ngài Đại sứ. Con gái lớn nhất của ông lấy chồng từ nhà Rockefeller. Con trai lớn nhất của ông hiện nay là Thống đốc bang New Jersey.

Ngài Đại sứ có lẽ không có cách nào để biết được rằng chính Tom Hagen, trong khi Genco vẫn còn là *consigliere*, đã lưu tâm đến phần "tin tức thời chiến" đó của ông.

Và mặc dầu Ngài Đại sứ nghĩ rằng chính mình đã mua chức đại sứ - điều này trên đại thể là đúng - song chính Hagen, người đứng sau cánh gà, đã dàn cảnh và biên đạo cho tấn tuồng diễn ra suông sẻ.

Và cũng chính Bố Già Vito Corleone đã dạy cho Hagen quyền lực của việc biết giữ im lặng về những chuyện như thế.

Những cánh cửa thép có động cơ trượt mở ra. Tài xế dừng chiếc xe golf trước một căn nhà làm bằng những khối đá, được thiết kế giống một bản sao theo tỉ lệ năm mươi phần trăm của một lâu đài Anh quốc. Một đám nhân công Mễ đang lắp ráp những mảng cỏ và trồng cây xương rồng. Không mặc sơ-mi, da nâu đồng như da thuộc, những anh chàng tóc vàng đứng trên giàn giáo đang dùng những chiếc bàn chải hẹp để tô điểm cho các phiến đá trông có vẻ rêu phong cổ lỗ. Hagen nghĩ đầu óc mình có lẽ sẽ nổ tung mất.

"Lối này, thưa ngài". Tay tài xế vẫn giữ không tiếp xúc ánh mắt.

Hagen nheo mắt, tự hỏi không biết thêm ba trăm đô la nữa có đem lại cho chàng bốn viên aspirin và một cặp kính râm không, trong lúc hướng đầu về lối đi phía trước.

“Không phải, thưa ngài. Lối này này.”

Hagen nhìn lên. Người kia đang đứng phía đầu kia sân. Tay tài xế dẫn anh vòng quanh hông nhà để đến bể bơi, như thể Hagen không thể được tin cây để đi ngang qua nhà. Hagen nhìn đồng hồ. Gần ba giờ. Chắc anh sẽ phải bắt chuyến máy bay trễ hơn để trở về nhà.

Trong vườn sau, hồ bơi được xây theo hình chữ *P*, một vòng tròn được nối ghép vào làn đơn để bơi vồ. Rải quanh chu vi của phần hình tròn là bảy tượng thiên thần giống hệt nhau, bằng đá hoa cương trắng. Ngài Đại sứ ngồi ở một cái bàn đá, đang la to vào một điện thoại màu trắng. Một đĩa to, bệt đựng thịt và phô - mai được dọn ra. Trước mặt ngài Đại sứ là một đĩa lầy nhầy mù tạt và vương vãi những mẩu vụn bánh mì. Cái lão ngạo mạn này đã ăn xong rồi. Lại nữa, lão ta còn hoàn toàn *trần văn trường* (điều này có thể làm bối rối Hagen ngoại trừ trong lần gặp vừa rồi giữa anh với ngài Đại sứ lại diễn ra trong phòng tắm hơi của Câu lạc bộ Princeton. Đa ông ta có màu sừng hạng nhất nướng tái. Ngực và lưng ông ta nhẵn nhụi như con lợn còn trong bào thai. Ông ta cũng không mang kính râm.

“Hi ho!” ông reo lớn chào Hagen, mặc dầu vẫn còn cầm điện thoại.

Hagen gật đầu chào. “Chào ngài Đại sứ.”

Ngài Đại sứ ra hiệu cho Hagen ngồi xuống, chàng làm theo, và mời chàng ăn, nhưng chàng từ chối dầu bụng vẫn đói cồn cào, bởi chàng tự ái khi thấy ngài đại sứ đã ăn xong rồi không thêm đợi khách mời. “Tôi dùng bữa rồi”, Hagen nói, và anh làm một cử chỉ nhăn nhó để chỉ ra rằng anh ngại ngừng vì sự hiểu lầm..

Ngài Đại sứ hạ thấp giọng nhưng vẫn tiếp tục nói chuyện, có vẻ bí mật, song cuộc đối thoại dường như là chuyện riêng tư, không phải chuyện làm ăn. Đến một lúc, ông đặt tay lên ống nghe và hỏi Hagen rằng anh có mang theo quần bơi không. Hagen lắc đầu. “Tiếc quá”, ngài Đại sứ nói.

Tất nhiên. Chỉ một *pezzonovante* mới có thể ngồi đó trong ánh đèn huỳnh quang với nhau. Không phải chuyện Hagen có thể đã tuốt tuần tuốt để tắm ào một phát. Điểm chính yếu, hẳn nhiên rồi, là sự khẳng định nửa vờ nhưng có phần thô bạo của Shea là anh không thể.

Cuối cùng, ngài Đại sứ rời khỏi điện thoại.

“Nào, nào! Đó là chàng *consigliere* dân Ái nhĩ Lan.

“Đức -Ái” Hagen chỉnh sửa.

“Nhân vô thập toàn mà! “ngài Đại sứ phát ngôn kiểu lửng lơ.

“Và tôi là luật sư hơn là cái gì khác” Hagen hơi gằn giọng.

“Thế thì còn tệ hơn!” ngài Đại sứ phán. Một câu nói lạ lùng, Hagen nghĩ, đối với một người từng gửi cả bốn đứa con vào trường luật. “Uống gì chứ?”

“Nước đá thôi”, Hagen nói. Nói, không yêu cầu. Trước công chúng, ngài Đại sứ là một người nổi tiếng duyên dáng. Việc ông ta ăn nói lửng lơng hững hờ là có chủ ý.

“Không dùng thứ gì mạnh hơn sao?”

“Nước đá là tốt rồi” Uống một ngụm lớn sau khi nốc một nắm aspirin. Cho đỡ nhức đầu.

“Tôi cũng đã bỏ rượu rồi,” ngài Đại sứ nói, “ngoài việc thỉnh thoảng làm một cốc Pernod cho vui.” Ông nâng lên một ly đá cạn một nửa. “Nước mặn ép. Uống không?” Khi Hagen lắc đầu, ngài Đại sứ kêu lớn gọi nước. “Bố tôi cũng đã đi cùng con đường, anh biết không? Lời nguyện của dân ta.”

Một phụ nữ Da đen trẻ ăn mặc theo kiểu người hầu Pháp mang ra một chiếc cốc bạc đựng nước đá và một bình pha lê nhỏ. Hagen uống cạn cốc nước rồi tự rót đầy lại. “Xin lỗi đã trễ hẹn với ngài trên sân bóng”, anh nói, vừa làm bộ như đánh một đường banh nỉ lả lướt. “Tôi từng được nghe từ nhiều năm rồi rằng ngài là một cao thủ đáng nể”.

Ngài Đại sứ nhìn Hagen như thể không biết anh chàng này đang nói chuyện gì.

“Từ những người khác”, Hagen nói tiếp.

Hơi ngơ ngác nhưng rồi ngài Đại sứ cũng gật đầu, vừa kẹp một miếng sandwich khác, đứng lên, vẫy tay ra hiệu cho Hagen theo mình, đi đến bên mép hồ bơi, và ngồi xuống trên bậc thềm đầu tiên nơi đầu nước nông của phần hồ tròn. Khẩu súng của ông ta uể oải ngoẹo đầu trong nước, nửa chìm nửa nổi trước mặt ông. Ông vỗ nhẹ đầu nó, một cách lơ đãng.

“Tôi cảm thấy dễ chịu hơn khi ở đây, thưa ngài,” Hagen nói. “Trong bóng mát. Nếu ngài không phiền”.

“Anh đang bỏ lỡ một dịp thoải mái đấy.” Ông dùng hàm răng giữ ổ bánh sandwich và dùng cả hai tay té nước lên mình, ra vẻ thích thú dễ chịu, rồi cắn một khúc bánh, nhai nuốt một cách ngon lành. Dạ dày của Hagen, làm như thể nó thấy được cảnh tượng này, cồn lên, rung giật mấy cái. “Thật mát mẻ, phê phàn!” ngài Đại sứ reo lên.

Ngài Đại sứ xơi hết ổ bánh mì. Hagen hỏi thăm gia đình ông. Ngài Đại sứ thích thú khoe các con mình, đặc biệt là Danny (Daniel Brendan Shea, cựu lục sự tại một Tối cao Pháp đình Liên bang và hiện nay là Phó Tổng Chưởng lý bang New York) và anh lớn của Danny là Jimmy (James Kavanaugh Shea, Thống đốc bang New Jersey). Danny mà đám cưới của anh năm rồi với một hậu duệ trực hệ của Paul Revere, đã là một điểm sáng trong xã hội Newport, đang cặp kè với một ngôi sao truyền hình, người biên đạo sô diễn rồi mà các cô con gái của Hagen rất mê. Rồi còn Jimmy. Ngài Thống đốc. Mặc dầu mới ở nhiệm kỳ đầu tiên song ông ấy đã gọi cảm hứng cho những lời bàn tán về một cuộc chạy đua vào chức vụ Tổng thống. Ngài Đại sứ không hạ cổ hỏi lại Hagen về gia quyến của anh.

Ngài Đại sứ tiếp tục hỏi về một số những người cộng sự và quen biết chung của hai người. Lớn vốn giữa và trong từng lời phiếm đàm của họ là những biến cố mới đây ở New York. Nhưng không người nào nhắc đến những cái tên của bất kỳ những người vừa mới chết nào - Tessio, Tattaglia, Barzini, không một ai. Cả Hagen lẫn ngài Đại sứ đều làm như chẳng ai buồn lưu ý đến những biến cố đó, hay thấy phải nhắc đến.

Ngài Đại sứ đứng lên, đầu gối còn ngập sâu trong nước và giang thẳng người. Ông là một người cao to, một ông khổng lồ xét theo tiêu chuẩn của những người thế hệ ông. Ông thường rêu rao là đã từng đánh bại Babe Ruth trong một cuộc đánh lộn khi cả hai còn là nhóc tí; chuyện này là một lời nói dối... hào nhoáng, nhưng với sự kiện Babe đã mất bao nhiêu năm rồi còn ngài Đại sứ, đã quá lục tuần, vẫn còn sừng sững đứng đây, hưởng đủ vinh quang, thì câu chuyện kia cũng chứa đựng sự thật theo loại của riêng nó. Ngài Đại sứ phóng tới trước xuống nước và bắt đầu những vòng bơi. Sau mười vòng, ông ngưng lại.

“Suối nguồn tươi trẻ, anh bạn ạ,” ông nói, không hề hực hơi thở như Hagen có thể đã nghĩ. “Thề với bạn. Và xin thề cả với Chúa Trời đang... đ... ó” (Swear to fucking God!).

Nếu không vì cái nóng rát da, vì cơn nhức đầu, vì sự cáu kỉnh bởi kiểu bông đùa của ngài Đại sứ, và vì nhu cầu cần về nhà tối nay, có lẽ Hagen đã phó mặc cho... thể sự tự bình bằng. Nhưng trong tình huống này chàng phải quyết.

“Này, ngài Đại sứ. Chúng ta bàn vào việc chứ?”

“Ho ho! Bạn nhầm đúng điểm rồi đấy, bạn thân mến.”

Hagen liếc nhìn đồng hồ. Nó đang tiến sát đến bốn giờ. “Mình cũng giống thế đấy.”

Ngài Đại sứ bước ra khỏi hồ. Làm thế nào mà người phụ nữ trong bộ đồ cô hầu lại biết xuất hiện đúng lúc, không biết từ nơi nào với một khăn choàng lớn và một áo khoác, thì Hagen không thể tưởng tượng. Hagen đi theo vị Đại sứ vào một cổng vòm có kính, tối mờ, và, tạ ơn Chúa, có máy lạnh.

“Các bạn tặng bốc tôi quá đấy. Bạn và cả Mike. Hay đúng hơn các bạn quá tặng bốc *Danny*.” Ông để một khoảng lặng cho Hagen kịp nắm bắt hàm ý. “Thực sự tôi không thể đình hoãn cuộc điều tra. Các bạn hẳn biết điều đó. Và Danny chắc chắn cũng không thể. Ngay cả nếu anh ấy có thể, thì đó lại là một vấn đề địa phương. Thuộc thành phố New York, không phải của bang New York.”

Tất cả những lời đó Hagen đã hiểu một cách chính xác là theo nghĩa ngược lại! Cái cú pháp vòng vo uốn lượn để nói về Danny chỉ có nghĩa là lão cáo già này muốn thiên dung những kỹ xảo phương tiện sao cho không có gì đến trực tiếp từ văn phòng của ngài Phó Tổng Chương lý, không có gì có thể lần dấu ngược về ông.

“Chúng tôi cũng đâu muốn bất kỳ chuyện gì bị đình hoãn lại,” Hagen nói. Điều quan trọng là công lý phải được thực thi. Tiến lên phía trước hay quay về với công việc mà không có sự phá vỡ do những lời buộc tội gian dối này gây nên, điều đó nằm trong quyền lợi chính đáng của mọi bên liên quan.”

“Thật khó mà phản biện điều đó,” ngài Đại sứ nói, gật đầu. Họ có một cuộc thương lượng, giả định rằng Hagen đã thông qua.

“Và ngài đã làm cho tôi hạnh diện đấy,” Hagen nói. “Hay đúng hơn những liên kết công việc giữa chúng ta. Như tôi chắc rằng ngài đã biết, nhiều người có tiếng nói trong việc chọn một nhân vật để đọc diễn từ đề cử ở đại hội đảng toàn quốc năm tới. Chúng tôi đã nói chuyện với dân chúng, đúng thế. Đại hội sẽ diễn ra ở Atlantic City. Giờ đây, điều đó đã xác định.”

“Đã xác định?”

Hagen gật đầu.

Lão già phóng một nắm đấm vào khoảng không, một cử chỉ trẻ con một cách hơi lỗ lã. Đây là một tin tức quá tuyệt cho lão ta, hẳn nhiên rồi. Bây giờ cho dầu những khía cạnh tế nhị hơn của cuộc thương lượng này có hỏng đi nữa, Thống đốc Shea vẫn, ít ra là, có thể nhận được lời khen ngợi là đã mang đại hội đảng - và những người tham dự đại hội và tiền bạc của họ - đến bang của mình.

“Địa điểm được chọn là một dấu hiệu hữu ích,” Hagen đồng ý. Có được ngài Thống đốc của bang chủ nhà đọc diễn văn đề cử sẽ tác động đến nhiều người như một ý tưởng hay. Sau đó sẽ là gì, ai biết được?”

Sau đó, Hagen nói, cứ như là bài diễn văn chắc chắn sẽ xảy ra, điều mà giờ đây ngài Đại sứ hiểu là tất nhiên là thế rồi.

“Về phương diện lí thuyết mà nói,” ngài Đại sứ tiếp lời, “một khi Jimmy đọc bài diễn văn -”

Hagen gật đầu. Danh sách những chữ *nếu* khá là dài. “Tôi là người cẩn trọng nhưng cũng lạc quan, thưa ngài. Hãy gọi đó là một quãng đường dài cho tới 1960.”

Nếu những *cái nếu* quan trọng vận hành suông sẻ, các công đoàn do Gia đình Corleones kiểm soát sẽ hậu thuẫn cuộc chạy đua vào Nhà Trắng của James Kavanaugh Shea.

“Người ta đồn rằng,” ngài Đại sứ nói, trong lúc hộ tống Hagen đi qua căn nhà và đến chiếc xe golf đang đợi, “anh cũng có những tham vọng chính trị của riêng mình.”

“Ngài cũng biết sự thể như thế nào rồi,” Hagen nói. “Đây là nước Mỹ. Miền đất của những cơ hội vô tận, những khả tính phi thường. Bất kỳ đứa trẻ nào lớn lên cũng có quyền mơ làm tổng thống.”

Ngài Đại sứ khoái chí cười ngất, ân cần mời anh điếu xì - gà thượng hảo hạng *Bá tước Monte Christo* - 50 đô-la/ điếu - để tỏ lòng trọng thị đúng mức của kẻ có mắt xanh tinh đời “anh hùng đoán giữa trần ai mới già”. Tiễn anh lên đường, ông còn la lớn sau lưng anh, “cậu sẽ còn tiến xa trên tiền trình vô hạn!” Một lời khen nồng nhiệt song không thiếu hàm ý: cuộc đời của cậu, Tom Hagen thân mến ạ, cho đến nay vẫn chưa là gì cả, chưa đến đâu cả mà chỉ đáng kể là từ khi cậu “tam sinh hữu hạnh” gặp được ta và rồi kết giao với những đứa con tài ba của ta thì cậu mới bắt đầu nhìn ra tương lai xán lạn!

Chương 6

Sẽ phải mất nhiều năm trôi qua trước khi có bất kỳ ai bên ngoài bộ sậu Chicago biết được rằng Louie Russo đã ra lệnh hạ sát Fredo Corleone. Đứng ra thì bản thân Russo cũng chẳng có thù oán gì với Fredo. Chỉ là một trùng hợp ngẫu nhiên vô nghĩa mà mưu đồ giết anh chàng này hình thành vài tháng sau khi cậu con trai bị ghẻ lạnh của Russo (nhưng lại mang tên bố) chuyển qua Paris và bắt đầu cuộc sống của một chàng đồng tính công khai. Russo con đã sống ở Las Vegas trong một năm và chàng ta là nguồn gián tiếp cho tin tình báo của ông bố về những xu hướng bất bình thường tùy cơ hội của Fredo Corleone. Các sát thủ được lệnh phải chờ cho đến khi bắt gặp Fredo trên giường với người đàn ông khác - lí tưởng nhất là lúc gần sáng, khiến cho bằng chứng buộc tội càng thuyết phục hơn - rồi làm sao có vẻ như Fredo đã bắn anh bạn tình đồng giới sau đó tự bắn mình. Cái màn cảnh bắn thủ này sẽ gây ra nỗi ô nhục và làm nhụt nhuệ khí của Michael Corleone - vốn vừa mới phong cho anh mình làm *sotto capo* khiến nhiều người trong chính tổ chức của anh ta cũng phải ngạc nhiên - mà không khiến cho bộ sậu Chicago bị lên án về bất kỳ chuyện gì hoặc phải sợ bất kỳ sự trả thù nào. Lại nữa, không chỉ những vụ trả thù tàn khốc mà Russo đang cố tránh. Lão ta còn mong muốn một cách tuyệt vọng một chỗ ngồi trong Ủy Ban, đầu não chỉ huy của La Cosa Nostra - điều mà lão ta sẽ chẳng bao giờ có được nếu mọi người biết rằng lão ta đã giết một thành viên quan trọng của Gia đình khác mà không trước tiên là được sự đồng thuận của Ủy ban. Mọi chuyện lẽ ra có thể trôi chảy nếu sau khi tuần bức thư ngắn nói về vụ tự tử giả mạo dưới cái cần gạt nước nơi chiếc xe mà Fredo mượn, một trong những sát thủ lại không bị một cơn co giật ruột kết dữ dội và buộc phải dừng tại một trạm đổ xăng và ba chân bốn cẳng chạy vù vào phòng của quí ông!

Fredo Corleone lẽ ra còn sống thêm nhiều năm nữa mặc dầu anh ta không bao giờ tìm thấy điều gì đã xảy ra. Anh ta có lẽ đã hình dung ra chuyện đó nếu như anh ta đã không bật mấy cái cần gạt nước lên và do đó xé nát bức thư giả mạo. Mục bị nhòe đi và tất cả những gì còn đọc được chỉ là "Thứ lỗi cho tôi, Fredo". Fredo giả định bức thư đến từ anh chàng chào hàng ngớ ngẩn tuyệt vọng kia trong đêm qua, xin tha lỗi - điều mà theo kinh nghiệm của Fredo, những con người bệnh hoạn kia hay làm.

Còn đối với đám cóm, họ đưa anh vào bên trong cao ốc màu trắng dọc theo các quầy hải quan, bảo anh làm một trắc nghiệm viết tay, anh làm theo, và họ bắt đầu một lô câu hỏi, mà anh từ chối trả lời nếu không có luật sư hiện diện. Anh nêu lên rằng mặc dầu anh từ ngoài thành phố này, nhưng vì hảo bằng hữu của anh, Ông Joe Zaluchi có thể yêu cầu một luật sư. Bản viết tay không trùng khớp, và một đại úy cảnh sát ăn lương phụ trội của Zaluchi chứng thực điều đó và nói rằng anh ta sẽ xét mọi việc từ điểm này. Mọi người trừ viên đại úy vẫn còn nghĩ họ đang có vụ việc với một tay phụ tá quản lí bãi đậu xe moóc từ Nevada có tên là Carl Frederick đã phạm lỗi lái xe trong lúc say xỉn.

Fredo nói rằng anh cần vài cuộc gọi nhanh, và viên đại úy bảo mấy người kia là họ có thể biến. Fredo đường hoàng ngồi xuống sau cái bàn giấy cứ như thể chàng ta làm chủ nơi ấy và gọi điện thoại đến sân bay bảo nhân viên ở đó gọi trên loa để nhắn tin cho mấy vệ sĩ của anh, những người này có lẽ đã chờ anh ở đó từ một giờ trước. Viên đại úy ngồi xuống một bàn giấy khác kê ngang phòng và bắt đầu ăn những quả cam bị tịch thu. Có một chiếc radio trên kệ hồ sơ để gần anh ta và thuận tay anh vặn nó lên. Một bài ca loại giạt nảy mạnh của Perry Como tuôn tràn ra đến chói tai khiến Fredo cau mày và tay đại úy vội vàng vặn thấp âm lượng xuống và lắp bắp "Xin lỗi".

Fredo tiếp tục chờ, nhưng cả Figaro, mà chàng vẫn gọi đùa là anh thợ cạo, lẫn chàng chăn dê, không ai đến nhắc điện thoại. Anh gác máy rồi nhắc lên lại, lệnh cho tổng đài nối anh với Joe Zaluchi. Nhưng anh được trả lời là vị này không có tên trong danh mục. Viên đại úy đang nhâm nhi cà-phê và ngẫu nhiên như diên mấy quả cam, lảng tránh ánh mắt anh để cho anh được tự

nhiên nói chuyện riêng.

“Thưa Ngài” Fredo nói. “Ngài có biết cách nào giúp tôi giao tiếp với Joe Z. được không?”

“Rất tiếc là không”, viên đại úy trả lời, vừa nháy mắt. Anh ta khoái chí với cách xưng hô “Ngài” rất có sự thể, đầy đủ độ long trọng của chàng Fredo. “Bạn cần gì?”

“Tôi mượn ông ấy chiếc xe. Tôi đã lỡ một chuyến bay. Nếu tôi phải mất thời gian đem trả chiếc xe ở Grosse Pointe, tôi sẽ không bao giờ...”

Viên đại úy xua tay ngắt lời anh. “Cứ để chiếc xe lại đây. Sân bay ở trên đường tôi sắp đi đến. Tôi sẽ cho bạn quá giang. Còn chiếc xe tôi sẽ lo sau”.

Chuyện này có vẻ hơi đáng ngờ. Người đầu mà lại tử tế chu đáo đến thế nhỉ. Trừ phi là anh chàng vừa mới qua đêm tân hôn hoàn toàn mãn nguyện vì cô vợ hã còn “djin” mà vẫn rất tuyệt vời trong việc chiều chồng! (Bạn có muốn biết bí mật của phép lạ ấy không? Nói nhỏ cho bạn nghe nhé. Nhưng phải hứa danh dự không được méc lại với anh chồng ghen? - Xin thề! - Đơn giản là nàng cũng từng chiều nhiều chàng nhân tình trước đây, nhưng nàng biết thủ kỹ, chỉ hạn chế trong tư thế “sixty - nine/ninety - six” - 69/96 mà thôi!).

“Cám ơn nhiều”, Fredo nói, và thử gọi sân bay một lần nữa. Lại chẳng có gì. Anh gọi dịch vụ điện thoại ở Las Vegas. “Đây là Mr. E” - tên gọi tắt cho “Mister Entertainment”. Nếu có ai hỏi thì bảo với họ rằng tôi lỡ chuyến bay nhưng tôi sẽ có mặt trên chuyến kế tiếp, bảo đảm như thế, rõ chứ?”

Lẽ ra Fredo đã có thể hình dung ra mọi chuyện nếu như chàng ta không bảo viên đại úy vặn nhỏ radio. Khi bài hát chấm dứt thì đến phần tin tức. Trong số những câu chuyện hàng “top” có: cảnh sát đang điều tra một vụ giết người trong một khách sạn mini ở Windsor. Một người chào hàng tiếp phẩm cho các nhà hàng khách sạn từ Dearborn khai báo rằng cửa vào phòng anh ta đã bị phá đổ bởi hai kẻ lạ mặt xâm nhập nhưng cả hai đều bị anh ta hạ gục bằng khẩu Colt 45. Một kẻ xâm nhập đã chết; tên kia - Oscar Gionfriddo, tuổi bốn mươi, một người cung cấp máy bán hàng từ Joliet, Illinois - đang trong tình trạng nguy kịch tại Bệnh viện Đạo quân Cứu thế. Lí lịch của người chết không được thông báo. Người bắn khai rằng khẩu súng thuộc về một người bạn. “Tôi chưa hề bắn một khẩu súng nào trước đây trong đời mình”, người đàn ông khai như thế. Giọng anh ta vỡ òa ra. “Tôi không tin nổi là mình lại hên đến thế!” Anh ta ra khỏi cuộc hỏi cung giống một người vừa thắng ván bài Sweepstakes theo kiểu Ái nhĩ Lan - được ăn cả ngã về không - hơn là trong tư thế của một phạm nhân vừa giết chết một người, và có thể là hai người.

Viên đại úy, dĩ nhiên, chẳng có lí do gì để nghĩ suy chi về chuyện đó, còn chiếc radio lại phát âm quá nhỏ để Fredo có thể nghe được từ cự li khá xa.

Điện thoại reo. Viên đại úy trả lời. Đó là tay vệ sĩ Figaro, anh thợ cạo thành Séville. Fredo bảo hẳn ta là chàng sẽ đến đấy ngay.

“Xong rồi” Fredo nói với viên đại úy.

“Bạn đã lấy mọi thứ? Tốt, trừ những thứ này.” Miệng anh ta đầy cam. “Bạn không thể lấy những thứ này. Một khẩu súng thì dễ mang vào xứ này hơn là một ít trái cây, chuyện đó có lạ không?”

Một khẩu súng.

Neri đã nói rằng toàn bộ thùng đựng súng Colt Peacemakers là không thể bị lẩn ra dấu tích. Tuy vậy cũng chẳng hay ho gì khi bỏ lại một khẩu súng đằng sau mình. Điều đó làm cho Fredo

giống như một thằng khờ. Tệ hơn nữa, là chàng ta lại trở thành tay không, chẳng có tấc sắt trong người, không có phương tiện để tự vệ khi hữu sự. Chàng xem xét liệu có nên yêu cầu tay đại úy cho mượn một con chó lửa để phòng thân hay không nhưng rồi lại không dám đẩy vận may đi quá xa.

“Tôi có đủ mọi thứ rồi,” Fredo nói, hướng đầu ra cửa.

Họ đi vào chiếc xe không ghi số hiệu của viên đại úy. Chiếc radio lại bùng lên oang oang. “*Và bây giờ, âm nhạc thêm nữa!*” Viên đại úy vặn nhỏ lại và lại xin lỗi. Đó là một bài hát cũ: âm thanh cuộn cuộn thác lũ của ban nhạc Les Halley & His New Haven Ravens phụ họa cho giọng hát của Johnny Fontane. Đó là một trong những buổi diễn cuối cùng với nhau giữa họ, và chàng deejay (DJ) nói, “trước khi chàng ca sĩ danh tiếng này rời thế giới đĩa hát để đi vào thế giới điện ảnh”.

“Bà nhà tôi,” viên đại úy mở lời, vừa chỉ tay vào chiếc radio, vẫn thường thích đĩa thu âm này.”

Fredo gật đầu. “Mọi bà vợ đều thích thế. Đó là lí do đa số bọn họ lo xoay xở để trở thành vợ của ai đó. Những bài hát giống bài này đây.”

“Khó tưởng tượng nổi là một anh chàng như tay ca sĩ này đã quất được bao nhiêu cái hăm nhĩ?”

“Ồ, cũng dễ thôi,” Fredo nói. “Vả chẳng, cũng chẳng hại gì khi John là một chàng trai rất tuyệt.”

“Bạn quen Johnny Fontane?”

“Là chỗ bạn bè thân,” Fredo nói, nhún vai.

Họ không nói thêm lời nào cho đến khi bài hát đã dứt.

“Bạn bè thân, thế à?” viên đại úy hỏi.

“Bạn bè thân. Thực ra thì bố tôi là nghĩa phụ của anh ấy”

“Ra thế!”

“Ừ, thế”

“Vậy thì cho phép mình hỏi bạn câu này nhé,” viên đại úy nói. “Có đúng thật là anh chàng ấy có cái củ búi to bằng cánh tay bạn?”

“Làm thế nào mà tôi lại biết được ba cái chuyện nhảm ấy?”

“Tôi cũng chẳng biết. Đại khái như là khi đi tắm hơi chung hoặc là những dịp tương tự. Đó chỉ là lời đồn thổi mà tôi nghe được và tôi hình dung là -”

“Anh là cái gì?” Fredo hỏi, “một thứ trái cây?”

Tay đại úy đảo tròn mắt và kéo còi hụ. Họ lái xe phần còn lại của quãng đường tới sân bay theo kiểu đó, một trăm dặm/giờ và đeo nói thêm với nhau tiếng nào.

Chương 7

Văn phòng của Phil Orstein nơi tầng bốn mươi mốt được xếp đầy những đĩa vàng và những bức tranh gia đình Philly, những con người bình thường, chứ không hề có tranh ảnh của những người tiếng tăm. Đây có thể là một sự màu mè giả vờ hay là một lí do để yêu mến anh chàng hơn. Anh ta dẫn Johnny đến chỗ ngồi đằng sau cái bàn inox của mình. “Cứ ngồi bao lâu tùy thích”, anh nói, mặc dầu anh không có thể muốn nói như thế. Milner đang điều phối ban nhạc cho tiết mục sắp tới. Johnny quay sở về nhà cũ của mình.

Đang nửa chừng bỗng dừng chàng khựng lại. Ginny và các cô con gái chắc không nghĩ là chàng đang ở Los Angeles. Nếu chàng không gọi, có lẽ họ sẽ không hiểu thêm được gì. Anh đang gọi để xin lỗi đã không lại thăm họ trong khi anh ở thành phố nhưng điều duy nhất khiến cho cuộc gọi trở thành cần thiết là chính cuộc gọi.

Anh lấy ra mấy viên amphetamine, nhìn nhãn hiệu, rồi lấy ra một viên, nuốt khô.

Quái quỷ thật. Anh là cái gì, một câu học trò nhút nhát, e sợ không dám ngỏ lời mời nữ hoàng của cuộc khiêu vũ ở trường? Anh đã biết Ginny, cô vợ cũ, từ thưở mới lên mười. Cô bé ở nhà kế bên. Anh gọi lại.

“Anh đây,” chàng nói.

“Hello, cuộc sống của em,” Ginny nói. Nàng tìm phương án để nói điều đó theo một cách sao cho vừa ngọt ngào lại vừa chua cay châm biếm, không giống chút gì với bản chất bộc trực của một cô gái Brooklyn. “Anh đang ở đâu vậy?”

“Lạy Chúa! Thật tuyệt khi nghe giọng nói của em,” Johnny reo lên. “Em đang làm gì vậy?”

Ba mẹ con vừa trở về từ May Company, nàng bảo chàng. Cô con gái lớn của anh đã mua chiếc áo nịt vú đầu tiên rồi đấy.

“Em nói nghiêm chỉnh đấy chứ?” Johnny nói.

Anh đã từng có những việc làm được trả lương hậu hĩnh ở Atlantic City và ở các câu lạc bộ nơi vùng Jersey Palisades và một câu lạc bộ mà Louie Russo sở hữu bên ngoài Chicago.

Chàng đã làm một phim quay tại hiện trường ở New Orleans. Những cảnh đầu của bộ phim được quay ở đây. Hình như là Memorial Day thì phải.

“Chỉ là chuyện mỹ từ pháp” nàng nói. “Còn bây giờ anh đang ở đâu?”

“Nhớ rằng đó là một ngày lễ Lao động, nhưng anh không biết là năm nào” anh nói. “Chúng ta đã thuê một chỗ ở Cape May và cả gia đình mình đi dạo chơi trên bãi biển, nấu và ăn hải sản.”

“Tiếc là em lại không nhớ,” nàng nói kiểu ỡm ờ vờ vịt.

“Em cứ đùa! “anh nói. Anh có thể nghe mấy cô con gái đang cãi nhau chí chóe nơi sân sau.

“Tất nhiên là em đùa. Đây là những khoảng thời gian ngọt ngào đáng nhớ nhất trong đời em. Nhưng biết bao giờ tìm lại những hương xưa...”

Les Halley đã kì kèo rằng Johnny nên làm bộ như đang độc thân để cho các cô nàng choai choai

tiếp tục reo hò mỗi khi thấy mặt anh. “Chưa bao giờ tôi có ý tưởng đó” anh nói.

“Và anh luôn có một cô nàng dễ dãi, hừng hực ham muốn, đợi anh bên kia phố để mỗi lần anh muốn ra ngoài mua thuốc lá -”

“Em có nhớ khi anh bị bỏng tay lúc cố nấu món cháo ngô và -”

“Và rồi lại làm bỏng chúng vì pháo hoa -”

“Đúng” Anh bật ra tiếng cười.

“Ngày mai có buổi party thân mật,” nàng nói. “Và sẽ có liên hoan nhẹ. Anh thích đến không?”

“Đến dự party?”

“Anh đang ở thành phố này, đúng không? Tiếng nói của anh nghe rất gần.”

Anh kẹp điện thoại vào vai và dùng cả hai tay che mắt. “Ồ không,” anh nói “Anh không ở gần đâu. Chỉ là nhờ đường kết nối tốt đấy thôi”.

“Ồ, tiếc quá!” nàng nói. “Thế là anh bị thiệt đấy. Em đang làm món *scarpariello* gà đây. Theo đúng công thức chế biến mà má anh đã chỉ em. Hiện nay thì mấy cô con gái đang ở đây. Nếu như chúng không giết nhau. Chúng đang ở lứa tuổi ấy.”

Johnny yêu chúng, nhưng trong mức độ mà anh có thể nói, hình như chúng luôn ở lứa tuổi ấy.

Nàng hỏi chàng có muốn nói chuyện với chúng không. Chàng bảo muốn, nhưng rồi chỉ có cô bé hơn đến cầm điện thoại. Philly bước vào, vỗ lên đồng hồ.

“Nói với má con,” Johnny nói, “rằng bố sẽ cố gắng hết sức để đến dự buổi party ngày mai.”

“Okay,” con bé nói. Nó truyền lại thông điệp, nhưng có một nốt trong giọng của con bé cho người ta thấy rõ là nó biết tổng rằng bố nó sẽ không “trình diện đơn vị” đâu.

Mấy viên thuốc màu xanh lá cây kia đã được kê toa bởi Jules Segal, cùng tay bác sĩ ấy đã chẩn đoán các mụn cóc trên các thanh quản của Johnny và gửi anh đến một bác sĩ chuyên khoa để cao bỏ chúng đi, một phẫu thuật đã giúp cho Johnny có thể lấy lại giọng hát thiên phú của mình và trở lại với các studio, một sự chẩn đoán mà hai bác sĩ chuyên khoa khác đã không tìm ra. Chuyện thông thường hiện nay là có hàng ngàn tay lang băm ở Hollywood mà sự quan tâm đến cơ thể con người chỉ còn co cụm lại ở những phần đầy đặn nở nang của các nàng starlets đương thời và những điểm nhạy cảm trên người họ, làm giàu nhờ bán thuốc ngừa thai hay những loại thuốc gây nghiện và sẵn sàng cho các cô nàng lỡ dại để dính bầu. Và rồi có Segal, một bác sĩ cũng có cùng loại tiếng tăm kiểu đó nhưng hóa ra lại là một tay bác sĩ hạng nhất, đủ tài năng để trở thành Trưởng khoa phẫu thuật tại bệnh viện mới xây của Gia đình Corleones ở Las Vegas. Vậy thì tại sao mỗi lần Johnny nuốt một viên thuốc kia - đúng với liều lượng được chỉ định bên cạnh chai, không bao giờ quá liều - anh lại cảm thấy choáng váng, mất phương hướng một thời gian?

Johnny lắc đầu xua đi ý nghĩ đó, giống một con chó bị ngứa ngứa trong lỗ tai. Anh sẽ ổn thôi, thực vậy. Cả dưới sự kiểm soát và không. Thế thì cũng được thôi và điều đó phù hợp với công việc hiện nay. Anh đang uống bốn viên mỗi ngày, hai mươi ly trà, một bình cà-phê, một sandwich, và không ngủ được. Trong khoảng không gian giữa da đầu và hộp sọ anh cảm thấy muôn vàn con kiến nhỏ li ti đang nhảy múa rộn ràng như mừng ngày hội lớn. Cảm giác đau đớn nơi các bắp thịt lớn trên đầu hai đùi anh, đầu gối bằng cái gì đi nữa, gia tăng kịch liệt hầu như

từng giây phút. Nhưng Johnny vẫn ráng đứng trên đôi chân, quá mệt lữ để còn có thể rơi xuống sàn và chộp mắt một lát. Cùng lúc, anh lại thấy có quá nhiều năng lượng. Anh không hiểu sao nhưng vẫn cố làm tròn vai của mình.

Lẽ ra anh đã bỏ rơi mọi chuyện dừng lại.

Anh có thể đã bỏ mọi chuyện để làm cho cảm giác này kéo dài mãi mãi.

Anh đã đến đây vừa nghĩ rằng anh sẽ nằm xuống trong một nửa khoảng thời gian của cuộc ghi âm kéo dài. Vài phút trước khi bắt đầu, anh nhận ra rằng tốt hơn anh nên kết thúc bài hát để anh và cả Cy Milner đều hài lòng. Tuy vậy, mấy phút trước khi anh bắt chuyến bay về Vegas, anh cảm thấy mình hát bài thứ ba trong ngày quá hay đến độ anh làm một mạch cho đến kết thúc mà không dừng lại hay bị dừng lại.

Dứt bài hát, anh mở mắt và thấy Jackie Ping-Pong và Gussie Cicero đứng bên trong cánh cửa hàng kia của studio. Họ đã ở đây bao lâu rồi thì Johnny chẳng có ý niệm gì.

Milner đã rút ra một xấp giấy. Trong tư cách nhạc trưởng, anh nói ngắn gọn và trôi chảy nhưng anh viết các bè rất tỉ mỉ, cẩn chu. Anh quên đi mọi chuyện khác, ngay cả người phục vụ đứng bên cạnh với một chai soda và một nắm bút chì.

Johnny ngồi lên ghế đầu và đốt một điếu thuốc. “Cha mẹ ời!” Johnny kêu to, lúc đầu nhìn vào Milner rồi đến Orstein, rồi chỉ vào Ping-Pong và Gussie. “Phần ứng tác của tôi là đây. Đừng thức chờ tôi nhé.” Hai chân anh thấy nặng kinh khủng. Cuối cùng anh nhìn lên và vẫy tay chào Ping-Pong và Gussie.

“Bạn quý của ta!” Jackie Ping-Pong reo lên, vừa lạch bạch tiến về phía anh. Lão ta mấp núc ních, đúng là chỗ thân tình, thật vậy. “Trông bạn bảnh như cả một triệu đô. Giọng ca của bạn lại càng trên cả tuyệt vời!”

Riêng Johnny tự biết rằng mình trông như... một tử thi đang rụng ly! “Này, nói nghe coi, cái gì tốt hơn một triệu đô hở?”

“Vẫn là một triệu đô nhưng thêm một cuộc đánh trống thổi kèn đến tê lê mê!” Gussie Cicero nói theo cái giọng bồ tèo thân thiết từ lâu.

“Bậy!” Johnny nói. “Nếu một nàng mái tơ mà biết là bạn đang nắm một triệu đô nàng sẽ giống trống thổi kèn rộn ràng vì vu cho đến khi bạn ngu đi thấy rõ! Và hoàn toàn miễn phí!”

“Ờ “lâu” có? Chỉ ngộ, ngộ cho tiền cò!” Jackie xen vào.

“Làm gì có chuyện miễn phí. Sạch ví thì có! Đừng có mà nằm mơ!” Gussie “ế” thêm.

Cuộc tán nhảm giúp Johnny vui hẳn lên. Anh vỗ vào lưng Cicero. “Ờ, nếu mình trông giống một triệu đô,” Johnny nói, “thì hai cậu trông giống cái của nợ mà mình định vất đi nhưng lại tiếc nên cứ mang theo hoài!”

Johnny đứng lên và để cho Ping-Pong và Cicero ôm hôn mình. Trong nhiều năm Johnny đã tưởng rằng cái hỗn danh Ping-Pong của Jackie đến từ đôi mắt lồi của anh ta, nhưng không lâu trước đây Frank Falcone bảo với chàng rằng thật ra không phải vậy, mà cái hỗn danh này chính là do cái tên gốc tiếng Ý của anh ta, Ignazio Pignatelli. Gussie Cicero làm chủ một câu lạc bộ thanh lịch nhất ở Los Angeles. Johnny đã không xuất hiện ở đó trong suốt thời gian anh mất giọng và tờ *Variety* tung chuyện lên như đó là một cơ hội cho toàn bộ ban nhạc bùng nổ ở Crown Royal và nhẩy múa trên huyết mọ còn chưa xanh cỏ của Johnny.

Dầu thế Gussie và Johnny vẫn là bạn bè với nhau.

“Frank Falcone gửi lời chào,” Gussie nói. Gussie được cho là một tay quan trọng trong tổ chức Los Angeles, có quan hệ trong một số lãnh vực với Chicago.

“Anh ta không đến à?” Johnny hỏi.

“Ông Falcone bị ốm,” Ping-Pong nói. Bàn tay mập mạp của anh ta nắm chặt một cái cặp trông còn mới. Anh ta là phó tướng. Cho đến nay Johnny vẫn không biết một phó tướng thì làm cái gì. Về những chuyện loại này Johnny cố gắng không biết hơn những gì mình cần biết. “Ngoài những lời thăm hỏi, ông còn gửi cái này.”

“Đẹp quá,” Johnny thốt lên.

“Tôi sẽ gửi tặng bạn một cái,” Ping-Pong nói, “Nhanh như tôi có thể đặt hàng và gửi bằng tàu thủy từ Sicily đến đây. Ở đó tôi có một thuộc hạ làm việc cật lực nhưng cũng chỉ làm ra được mười cái như thế này mỗi năm. Da thuộc nguyên si, loại tốt nhất. Bạn muốn mình gửi nó đến Lâu Đài Trên Cát hay đến nhà bạn? Chỗ nào?”

“Té ra cái này không phải cho tôi?”

“Cứ từ từ. Tôi sẽ đặt cho bạn một cái, mới toanh”

“Anh đùa tôi đấy à, Jack?”

“Không phải tôi đang chào hàng, mà tôi đang bàn công chuyện với bạn. Hiểu chứ? Nhưng cái này đây,” anh ta nói và đưa nó cho Johnny, “là để cho MikeCorleone, *rõ chứ?*”

Hàm ý là: *Thôi đùa thế đủ rồi và Dầu gì đi nữa, này cậu, chỗ thân tình nói thật, khôn hồn thì đừng có mà táy máy mở ra.*

Cái gói được buộc chặt, nặng như một quả bóng bowling. Johnny cầm lắc thử mấy cái, giống như một em bé vào dịp lễ Noel, rồi đưa nó lên tai, làm bộ như xem nó có kêu tích tắc không.

“Chú mày buồn cười thật!” Ping-Pong nheo mắt lại trong khuôn mặt phì phì của mình và đứng yên đó, cho đến khi lão ta ra vẻ thỏa mãn là Johnny đã “ngộ” ra cái thông điệp vô ngôn nhưng lại rất hùng hồn kia. “Tôi cũng xin rất lấy làm tiếc mà nói rằng,” cuối cùng lão cũng phát ngôn. “Tôi còn phải xem xét một vài công việc riêng của gia đình.”

“Không có gì,” Johnny đáp lời. *Vậy ra tôi phải biến thành kẻ mang tiền hối lộ cho anh?* Nghĩ là nghĩ vậy nhưng chàng vẫn đứng yên, nuốt nhục xuống, như acid ăn mòn vào xi-măng rẻ tiền.

“Lâu quá không gặp bạn quả là thiệt thòi cho chúng tôi,” Ping-Pong nói. “Bạn hát hay tuyệt, John à”.

Milner tiếp tục viết. Các nhạc công đi thành hàng một ra ngoài. Johnny nói lời từ biệt và quay đầu ra cùng với Gussie và Ping-Pong. Một chiếc Rolls -Royce màu xám bạc đang chờ ở cửa sau.

“Nữ hoàng ở đâu?” Johnny hỏi.

“Xin lỗi?” Ping-Pong nhú mày như thể anh ta nghĩ rằng mình đang bị gọi là một tên bóng và cảm thấy... quá nhột!

“Anh ấy muốn nói *của nước Anh* ấylà!” Gussie đỡ lời. “Đùa tí mà!”

Ping-Pong lắc đầu, hơi sượng với phản ứng có phần quá đà của mình.

“Xe của tôi đó, Johnny,” Gussie nói.

Một chiếc Lincoln màu đen trời tới. Ping-Pong và đám thủ hạ của ông ta chui vào và chiếc xe phóng vù đi.

Khi họ làm thế, Johnny bắt gặp một ánh chớp của kim loại nơi khóe mắt và anh giật nảy mình, chệch ra khỏi đường. Anh trượt chân và đi loạng choạng dọc theo chiếc Rolls.

Không phải là viên đạn.

Johnny phân vân không hiểu tại sao mình lại nghĩ có thể đó là viên đạn.

“Hú ba hồn chín vía em bé!” Gussie nói kiểu nhại đùa. “Cưng không sao chứ?”

Johnny cúi người xuống để nhặt lên chùm chìa khóa xe của Cicero. “Ngày dài thật,” Johnny nói giọng uể oải.

“Tất cả những gì bạn cần nói,” Gussie bảo, “chỉ là, không cảm ơn”

“Không cảm ơn cái gì chứ?”

“Không cảm ơn bạn không muốn lái chiếc Rolls - Royce cà tàng của tôi.”

Johnny ném trả lại cho anh ta chùm chìa khóa. “Không cảm ơn tôi không muốn lái chiếc Rolls - Royce cà tàng của bạn.”

“Nào, chuyện có trầm trọng đến thế không?”

“Coi như tôi không nghe bạn nói gì, nhứt trí như vậy đi. Mình kiệt sức rồi, người anh em à.” Mặt trời sắp lặn. Johnny không thể xác định là đã từ bao lâu rồi kể từ khi anh có được một đêm ngon giấc không phải trần trọc thao thức.

Gussie ôm siết Johnny và nói rằng quả là một đặc ân khi nghe anh hát. Họ ngồi vào xe và quay về hướng sân bay. Johnny bắt đầu xoay vặn chiếc radio của Gussie. Vặn đến đài nào, băng tần nào cũng là những sở thích thời thượng. Rock -and -roll. Những chàng disk -jockeys nói liến thoắng. Rồi nhạc nhảy Mambo: một thời thượng khác. Những nữ ca sĩ suốt muốt đầm nước mắt: lại một thời thượng khác nữa. Johnny chưa bao giờ thử một lần nghe lại chính giọng mình. Có lẽ các hãng thu âm khác đã có lí. Có lẽ loại thu âm mà Johnny Fontane đang thử sản xuất không có được cơ may của anh chàng Trung quốc gặp hên. Anh tiếp tục dò đài. Gussie đã phải suy đoán thần kinh của Johnny căng thẳng đến thế nào và trong phần lớn cuộc hành trình anh ta đã cố gắng nghiêm túc để không nói điều gì cho đến khi họ ra khỏi đường cao tốc để đi vào đường đến sân bay.

“Đâu là sự khác biệt,” Gussie nói, “giữa Margot Ashton và chiếc Rolls -Royce?”

Margot từng là đời vợ thứ nhì của Fontane và là đời vợ thứ nhất của Gussie. Fontane đã bỏ Ginny để theo Margot. Chiếm hữu trái tim chàng vẫn chưa là đủ, Margot còn lấy đi mọi thứ, luôn cả lòng tự trọng của chàng. Có lần, chàng chường mặt ra nơi phim trường nàng đang đóng và viên giám đốc sản xuất sai chàng đi nấu spaghetti. Không một lời phản nản, Fontane đeo chiếc khăn làm bếp lên và xăng xái vào bếp. Tình yêu mà! Thử tình yêu sao mà ranh ma quỉ

quái! “Không phải mọi người đều từng ngồi trong một chiếc Rolls -Royce,” Johnny phát biểu.

“Bạn nghe nói thế?”

“Mọi người đều nghe nói thế. Bạn biết đấy, với những chiếc xe sang trọng khác nhau và với những cô ả dâm đẳng phóng túng khác nhau”

“Các cô ả dâm đẳng phóng túng cũng không khác nhau nhiều lắm so với Margot Ashton đâu”

“Đó là chỗ bạn nhầm đấy, bạn thân mến của ta ời. Mỗi dâm nữ là một dâm nữ với bản sắc độc đáo rất riêng, không thể trộn lẫn vào nhau được. Thế nên mới khiến cho *Anh hùng nan quá mỹ nhân quan* chứ! Nếu em nữ dâm tặc nào cũng giống với bất kỳ em nữ dâm tặc nào, thế thì... chán bỏ mẹ, và làm sao còn khiến cho *Anh hùng ấ hận đa* được!”

Gussie của nhầm một vòng, hướng đến các chuyến bay thương mại.

“Bạn bẻ của nhầm rồi đấy,” Johnny nói, vừa chỉ tay về phía con đường đi đến các hangars để máy bay riêng.

Gussie lắc đầu. “Thực sự ra,” anh ta nói, “tôi chẳng đi nhầm đường đâu. Frank không hề muốn làm tổn thương bạn, nhưng, bạn hiểu cho, sử dụng nguyên cả một chiếc máy bay chỉ cho mỗi một người, e rằng...”

Anh ta đưa tay vào túi ngực. Rút súng chẳng?Ồ không, không phải súng. Johnny đã nhầm. Gussie lôi ra một phong bì. “Vé thương mại, nhưng là hạng nhất”.

Johnny cầm lấy vé máy bay. Chuyến bay sẽ cất cánh trong vòng mười lăm phút nữa. “Thực sự bạn không đi à?”

“Thực thế,” Gussie nói. “Mình đâu có được mời.”

“Dĩ nhiên là bạn được mời. Mình mời bạn đây.”

“Được rồi,” Gussie nói. “Gina và mình đã có những kế hoạch”. Gina là cô gái anh đã cưới sau khi anh bị Margot Ashton bỏ rơi. Ashton đã kết hôn với một tù trưởng Á rập sau đó và rồi chẳng bao lâu cũng đã li dị lão này để ấ được một số tiền chia của khờ khớ. “Chúng tôi đang chuẩn bị lễ kỉ niệm ngày cưới lần thứ năm, nếu bạn có thể tin vào điều ấy,” anh ta nói, vừa dừng xe lại. Những nhân viên tạp vụ nhanh nhẩu chạy đến để đỡ dần tay chân, khi thấy một chiếc Rolls, hình dung rằng có những hành lí to nặng hơn và tiền boa ắt cũng khá hơn. “Tuy nhiên, cuối tuần tới, nàng và tôi sẽ lấy vé đến đó và hội ngộ với bạn.

“Hẹn tái kiến, bạn thân mến”.

Có một đám đông, chừng độ hai mươi người, tất cả ở độ tuổi khác nhau. Johnny bảo đám nhân viên tạp vụ sân bay rằng anh không có túi xách nào ngoại trừ cái túi nhỏ ở đây, nhưng dầu sao anh cũng boa cho bọn họ, mỗi em hai mươi đô. Hai người trong áo khoác thể thao màu xanh da trời ủa đến để gặp anh và giúp anh đi qua đám đông, điều này gây sự chú ý của mọi người, ngay cả tại một nơi chốn như Los Angeles. Đám đông nở phình ra như khối cầu tuyết, nhấp nhô phía sau anh khắp đường đi đến cổng. Làm ngược lại với sự phán đoán tốt hơn của mình, Johnny trao cái túi xách cho một trong những nhân viên hàng không để mình có thể rảnh tay kí tên cho nhanh, những chữ kí không đọc ra được, kể cả cho một bà muốn anh kí tên ngay lên mặt bà ta. Anh boa cho hai nhân viên hàng không năm mươi đô.

Khi anh bước lên máy bay, tiếng vỗ tay vang lên rào rào. Anh vẫy tay, cười chào nhưng không

gỡ mắt kiếng ra. Anh vào chỗ ngồi. Anh đặt cái túi xách lên sàn giữa đôi chân mình. Trong những tình huống khác có lẽ anh đã tán tỉnh cô tiếp viên hàng không tóc đỏ với đôi vú to trông thơm ngon như hai trái táo chín kia rồi. Thế nhưng giờ đây tất cả những gì anh yêu cầu ở cô chỉ là một chiếc gối, một ly buốc -bông có đá, và một ly trà nóng pha mật. Anh liếc nhìn vào cái túi. Giá như người khác có lẽ đã mở cái túi ra lúc này. Nhưng Johnny không thể phạm một lỗi khinh suất ngớ ngẩn.

Phải mất một hồi lâu cô tiếp viên mới mang thức uống lại. “Chúng tôi không có mật” cô nói.

“Hình như trà cũng không”

“Em đi nấu nước ngay bây giờ”.

Cô xoay người một vòng. Anh nhìn xuống chiếc túi. Anh mở nó ra.

Nó được nhét đầy tiền mặt, dĩ nhiên rồi. Trên cùng là một bức thư ngắn đánh máy, không chữ kí, vồn vẹn mấy chữ, “Đã bảo là đừng nhìn vào trong.”. Bên dưới là một nụ cười treo ngược.

Johnny chèn bức thư lên. Anh thấy cô tóc đỏ đi đến với ly trà và anh uống một hơi hết nửa ly bourbon. Anh nhai đá lúc cô đặt ly trà xuống. Anh xếp bàn tay trái thành một khẩu súng ngắn, chĩa vào cô, nháy mắt, và tạo ra một tiếng tạch nhỏ. Cô đổ mật.

Lúc cô tóc đỏ đi qua buồng nhân viên, thu xếp mọi thứ đâu đấy để chuẩn bị cho máy bay cất cánh, thì chàng đã dứt điểm ly bourbon, cạn ly trà và đi vào giấc ngủ.

Chương 8

“Bạn đã từng ở Tri Delt, đúng không?” cô gái tóc vàng có giọng ngọt như mật ở hàng đối diện Francesca Corleone hỏi khi cô nàng lấy thức ăn: những trái đào với phô - mai và vài cọng rau diếp. Thêm vào một ly trà đường, đó là toàn bộ khẩu phần cho bữa ăn tối của cô gái.

Đàng sau Francesca, Suzy Kimball dán mắt vào khay của mình và ngân nga rì rầm.

“Đấy không phải là mình đâu,” Francesca nói. “Mình rất tiếc.”

“Ồ.” Đây là nơi mà một người bình thường có thể tự giới thiệu mình. Thay vì thế, cô gái đi vòng vòng và trở lại với tiếng cười khúc khích vui vẻ cùng các bạn cũ của mình.

Có nhiều cô gái khác sắp hàng ở phòng ăn chưa mang các mẫu tự Hy Lạp trên trang phục, những cô khác không thăm thì với nhau, cũng không co cụm lại bên dưới áo mưa khi thấy các đồng môn lớp trên đi vào. Những cô gái này hiện hữu nhưng Francesca không nhìn thấy họ. Cô chỉ lưu tâm đến Suzy, cô gái da sẫm ít nói đàng sau mình, chọn thức ăn nào mà Francesca chọn, đi theo Francesca đến một cái bàn bên cạnh cửa sổ.

“Bạn biết không,” một giọng trầm lắng đàng sau Francesca lên tiếng, “nơi đây xưa kia là một trường con gái.”

Francesca nhìn quanh. Ở bàn kế bên là một chàng trai da rám nắng mặc bộ đồ vải sọc nhẵn. Anh ta giữ chặt một bản sao bằng gỗ của một con tàu phóng tên lửa. Được đẩy ngược lên trên mái tóc vàng xoắn của anh ta là một cặp kính râm, loại kính mà các phi công thường mang.

“Xin lỗi?” cô hỏi.

“Trường Cao đẳng Florida cho Nữ sinh.” Hàm răng trắng của anh ta nở một nụ cười nhếch mép. “Cho đến khi ngay sau cuộc chiến. Xin lỗi vì đã nghe lén. Tôi từng ở đó để giúp cậu em chuyển vào. Mẹ cô lo lắng bảo vệ cho cô là tốt đấy. Bà thực sự yêu thương cô. Cô quả là may mắn.”

Chính mẹ của anh ta đã không thể đợi để đem anh và em anh ra khỏi nhà, anh ta nói. Cuối cùng anh ta đặt con tàu tên lửa xuống.

Francesca cảm thấy choáng váng, chìm ngập trong mùi hương của các bụi cây ôliu và cây trà đang nở hoa.

Chàng ta quay đi khỏi một nhóm người - nhóm sinh viên lớp trên, khỏi những tia nhìn của bọn họ, kể cả cô tóc vàng với những trái đào - để nói với cô. Có cái gì đó nơi anh chàng này, vừa vụng về vừa dịu dàng, trong cái cách anh ta không thể dừng nói. Cuối cùng anh ta xin lỗi vì chưa tự giới thiệu. “Tôi là Billy Van Arsdale.” Anh ta chìa tay ra.

Đây là cơ hội lớn cho nàng. Nàng có thể giới thiệu mình là *Fran Collins*. *Franny Taylor*. *Frances Wilson*. *Francie Roberts*. Trong lúc đưa tay ra, cô nhận thấy bàn tay mình nhom nhóp mồ hôi. Không chỉ lấm tấm, mà ướt đầm. Nhưng cô đã cam kết. Giờ đây không dừng lại nữa. Thẳng thốt, cô nắm lấy bàn tay của Billy bằng đầu các ngón tay mình, nơi ít ướt mồ hôi hơn, xoay nó lại, và hôn vào các đốt ngón tay.

Các bạn của Billy vỡ òa ra cười.

“Francesca Corleone,” cô nói, phát âm bốn âm của họ mình bằng giọng Ý rất chuẩn. Cô cố cười, làm ra vẻ như nụ hôn kia chỉ là một trò đùa. “Này, ơ. Còn câu chuyện phi thuyền không gian thì sao?”

“Ồ,” Billy nói, “đấy quả thực là một cái tên đáng yêu”.

“Cô ấy người Ý,” Suzy Kimbalt buột miệng nói ra, mắt sáng lên, như thể cô đang ở trong lớp học và lần đầu tiên trong suốt học kỳ cô tìm được câu trả lời đúng. Cô nói với cả bàn của Billy. “Họ là những kẻ to mồm, dân Ý đấy. Tôi nghĩ là Corle -*own*, chứ không phải Corle -*oney*. Cái đó là gì?”

Francesca không nói gì nhưng không rời mắt khỏi Billy.

Có ai đó ở bàn khác nói, “Mamma mia, where’s -a da mozzarella?” Câu tiếng Ý ba rọi này càng làm cho cả bọn cười rộ lên. Billy vẫn lờ đi. “Chúc mừng các bạn đến với Đại học Florida. Nếu như tôi có thể làm được điều gì...”

“À, thế đấy,” một trong mấy người ngồi cùng bàn nói.

“Cung ơ,” cô gái cầm chùm đào lên tiếng, “bạn thật không dễ lung lạc”

“... xin đừng ngại hỏi.”

“Corleone, hử?” cậu lúc nãy nói câu tiếng Ý ba rọi hỏi. Cậu ta cầm lên một khẩu súng vô hình và tạo ra những âm thanh *cạch -cạch*. “Bạn có liên quan gì không?” có người e dè hỏi.

“Các bạn đừng nói nhảm,” Billy nạt “Đừng có buồn cười thế. Nhảm vừa thôi”. Quay sang Francesca, Billy nói. “Dầu sao, tôi phải vù đây, nhưng nếu cô cần gì, cứ mở sổ danh bạ ra. Tìm ở mục từ “W.B,”

“Vâng, cung ạ,” Nàng Chùm Đào nói, “William Brewster Van Ahhhdsdale thứ Ba”.

Billy đảo tròn mắt, bóp nhẹ vai Francesca, nắm lấy chiếc tàu tên lửa bằng gỗ của mình, đẩy cặp kiếng râm vào chỗ, và rời đi. Francesca chờ đợi mấy người ở bàn kia tiếp tục trêu chọc mình, nhưng họ đã hết hứng thú và quay lại nói chuyện riêng với nhau.

“Mình xin lỗi,” Suzy lắp bắp. Cô nàng rùng mình như một con thú cưng bị lạm dụng.

Francesca có thể nói gì đây? “Bạn nói đúng. Mình là người Ý. Chúng tôi là Những Kẻ To Mồm. Còn điều gì tệ hơn nữa không? Thôi quên đi. Cứ phát âm tên mình theo bất kỳ kiểu gì bạn muốn.”

Suzy nhìn lên, rồi che miệng. “Bạn nên tự nhìn mình.”

“Tự nhìn mình, tại sao?” Francesca nói.

Một tiếng sấm nổ ra.

Suzy lắc đầu, nhưng Francesca hiểu. Nàng còn cảm nhận sự tiếp xúc với Billy.

Sau bữa ăn tối, họ làm phòng. Quần áo của Suzy giống những bộ đồng phục; những chiếc váy và những áo bờ -lu gần như đồng dạng, áo ngực, vớ, đồ lót cùng một kiểu. Họ nhất trí làm cho phòng rộng hơn bằng cách chõng giường lên và Francesca bảo Suzy có thể chọn lựa. Cô ta chọn giường dưới. Mưa tạnh. Bà bảo mẫu kí túc xá bảo mọi người ra ngoài, đưa cho họ những ngọn

nền trắng nhỏ, và dẫn họ đi qua khuôn viên trường để đi đến cuộc tập tân sinh viên. Ban nhạc hành khúc trỗi lên khi đoàn người bước vào sân bóng đá. Một làn mưa bụi bắt đầu. Có từng dãy, từng dãy ghế gấp bằng gỗ trắng. Suzy và Francesca ngồi gần hàng cuối. *Những đứa da ngăm*. Nàng phải tìm cách để cách li với cô gái này mà không tỏ ra là người xấu tính.

Trên một cái bục cách xa họ độ năm mươi yards, có một vị thủ trưởng chào đón họ. Rồi ông ta giới thiệu vị chủ tịch đại học, một con người buồn thảm trong chiếc áo thụng đen Thầy Hiệu trưởng ngồi xuống, và chỉ khi đó Francesca mới nhận thấy, nơi ghế ngồi kế bên ông, bộ đồ vải nhàn màu xanh, mái tóc vàng và cả đôi hàm răng trắng bóng kia. Trong một thoáng, nàng đã nghĩ chắc chỉ là ảo giác do nắng nóng gây ra. Rồi Suzy thúc nhẹ cùi chỏ vào hông Francesca và chỉ tay.

“Nhìn kìa! William Brewster Van Arsdale thứ Ba!” nàng reo khê.

“Quả là trò đùa!” Francesca đáp lời.

“Bạn lại có tia nhìn đó trên khuôn mặt,” Suzy nói.

Francesca cố nhướn đôi mày lên theo kiểu nữ minh tinh Deanna Dunn nhướn mày trong một bộ phim từ mấy năm trước mà cô đóng vai sát thủ.

Trong thời gian vị chủ tịch ban huấn thị, Billy viết ra những ghi chú vào những tấm thiệp chỉ dẫn. Francesca dùng thời gian đó để tự nhủ mình rằng trong một thế giới của những đám đông ồn ào, đây rõ ràng là vị dẫn độn khả kính nhất!

Vị chủ tịch giật mạnh dải choàng vai của mình, nhìn trái, nhìn phải rồi chỉ đạo các Linh Hướng (Spirit Leaders) đứng ở cuối các lối đi giữa các hàng ghế bắt đầu thấp nền của mọi người lên. Có tiếng sấm rền. Ông nói bây giờ ông hân hạnh được giới thiệu vị chủ tịch đoàn sinh viên. “Thưa quý bà, thưa quý ông, đây là Ông William Brewster Van Arsdale”.

“Mình nghĩ bạn đã nói rằng đó là một trò đùa?” Suzy nói.

Francesca nhún vai. Phải chăng là Van Arsdale *Citrus*?

Billy tiến đến bên bục, vẫy tay. Chàng ta rút ra chiếc tàu vũ trụ tên lửa từ bên trong áo jacket. Trong khi chàng làm động tác đó, mưa bắt đầu rơi nặng hạt hơn. Billy vẫn đứng cảm tiến lên. Chiếc phi thuyền không gian hỏa tiễn kia, con tàu vũ trụ tên lửa kia là chỗ dựa, là cột trụ vững chắc để anh nói về thời đại không gian đang tới trong đó các sinh viên hiện có mặt ở đây sẽ sống cuộc đời đầy hào hứng của mình. Những ánh nến chập chờn. Người ta bắt đầu rời đi. Một cách đột biến, theo kiểu thời tiết ở Florida, các tầng trời như cùng lúc mở ra. Francesca cài nút áo mưa. Mọi người chạy tìm chỗ nấp. Một lát sau, nước ngập các khe rãnh. Billy nhét vội chiếc tàu tên lửa vào trong túi áo jacket và tung mạnh những tấm thiệp chỉ dẫn vào trong gió. Anh chàng vẫn hùng hồn gào lên: “Nền giáo dục của chúng ta phải đứng trong thế cân bằng với những điều quan trọng mà chúng ta đã học hỏi. Tình yêu. Gia đình. Lương tri. Nào mọi người, hãy có đủ lương tri để tìm chỗ trú mưa!”

Vào thời điểm anh ta nói ra những lời khôn ngoan giờ thứ hai mươi lăm ấy, mọi người đều biết tự lo cho thân họ cả rồi. Chỉ trừ Francesca, vẫn bất động trong mưa.

Nàng đang tự đùa bản thân mình. Buồn cười thật. Giờ đây, chuyện này đã trở nên hiển nhiên đối với nàng: Hoặc là chàng ta đang cố tỏ ra là một người tốt bụng, vị tha đối với hai cô gái thuộc nhóm sắc tộc thiểu số. Hoặc là chàng ta đã chế diễu nàng.

Nàng nhìn theo chàng đang chạy chậm chậm bên cạnh thầy hiệu trưởng và thầy chủ tịch áo

thụng, cùng chia một chiếc dù đánh golf.

Dĩ nhiên chàng là loại người mà một biểu tượng nhỏ cũng đủ mang trọn ý nghĩa cho một điều gì vô cùng lớn lao. Chẳng hạn hình ảnh ba người chung một chiếc dù.

Francesca, người ngồi lại sau cùng, ném cây nến ướt đi và đưa hai tay lên che đầu.

Nàng nên về nhà. Không phải kí túc xá. Mà là *nhà của mình*.

Như nàng vẫn luôn làm thế trong những thời điểm đen tối của đời mình, nàng cố hình dung ra khuôn mặt của bố. Mỗi lúc lại càng khó hơn một tí. Ông ở trong nhiều tư thế và cười những nụ cười như trong các bức hình. Thực sự đó là Bố mà cô đang thấy hay đó chính là bức ảnh của ông vào dịp đám cưới cô Connie, trong đó dường như bố tìm cách vươn đôi tay ôm choàng mọi người trưởng thành trong gia đình, trong đó bố đang hạnh phúc và yêu thương Má và nhìn mọi người với nét mặt rạng rỡ? Francesca và Kathy đứng qua một bên, nhảy cùng với Johnny Fontane, một nhân vật mà giờ đây dường như đã trở thành phi thực với nàng giống như Chuột Mickey vậy. Dầu sao trong khoảnh khắc đó, mọi việc vẫn êm xuôi.

Nàng cong người xuống và để cho mưa rơi như trút lên người. Tự trong sâu thẳm lòng mình Francesca biết rằng nàng sẽ không còn thực sự nhớ âm thanh giọng nói bố mình nữa. Và thực thế, về phương diện này, nàng cũng đang tự lừa mình. Nhưng mọi chuyện đã không còn diễn ra suông sẻ nữa. Ai mà không biết điều ấy? Có những bức ảnh khác của gia đình, những tấm hình mà Francesca thường chọn cách không nghĩ về chúng. Hình chú Fredo ngồi khóc khi ông nội bị bắn chết. Hình ông nội Vito che mặt khỏi phóng viên ảnh mà tờ *The New York Times* đã dùng làm bài điếu tang cho ông. Tấm hình màu Polaroid của mẹ cô ngồi, với áo sơ-mi cởi ra, trong chiếc ghế văn phòng mà Kathy tìm thấy được giấu gần một sinh thực khí khổng lồ bằng cao su trong một góc của cái hộp đựng đồ riêng của mẹ. Rồi tấm hình bố đang đập đầu con cá ngừ đại dương ngoài khơi đảo Sicily, tươi cười như một cậu bé vào buổi sáng Noel.

Bạn có liên hệ nào không? Francesca lẽ ra đã nói gì nếu như Billy không bảo các bạn đừng làm trò buồn cười? Nàng không có ý niệm gì.

Có quá nhiều lí do để yêu giông tố. Francesca Corleone có thể đã khóc hoặc không khóc. Nàng không có ý định rời khuôn viên trường cho đến khi hạt mưa to cuối cùng rơi.

Chương 9

Bất kỳ ai nhìn thấy Michael Corleone hạ cánh chiếc máy bay trên Hồ Mead - chẳng hạn những tài xế của hai chiếc Cadillac đang đứng ở cuối bến cảng và nắm giữ những sợi dây - chắc hẳn đều nghĩ rằng chàng đã thực hiện thao tác này hàng trăm lần rồi nên mới đạt đến độ chính xác và nhuần nhuyễn như thế. Kỳ thực thì chàng mới thực hành độ mười lần. Kay, còn ngái ngủ ở chiếc ghế bên cạnh, vẫn không hề giật mình - cho đến khi Tommi Neri và hai anh chàng nữa ngồi ép vào nhau ở hàng sau với anh ta đồng loạt reo hò tán thưởng kỹ tài của chàng phi công nghiệp dư.

Kay ngồi bật thẳng dậy, mắt mở rộng hốt hoảng. “Ôi! Các con tôi đâu rồi!”

Michael cười rộ. Nhưng chỉ một thoáng sau, chàng hồi hận ngay. Sự hốt hoảng không cần thiết của nàng lúc đầu khiến chàng tức cười nhưng liền đó chàng thấy cảm động biết bao. Với bất kỳ ai khác, chàng chưa hề phản ứng mà không suy nghĩ. Kay là người duy nhất trong đời có thể khiến chàng hành động ngược lại với chính bản tính của mình.

“Xin lỗi, Phu nhân Corleone,” Tommy lên tiếng. “Tuy nhiên, bất kỳ ai chứng kiến kỳ tích vừa rồi cũng sẽ không cưỡng được lòng ngưỡng mộ. Phu quân của bà quả thật là một tài năng thiên phú. Bây giờ tôi thành thật thừa nhận rằng hồi nãy tôi có hơi hồi hộp một tí. Tôi chưa từng ngồi trên một chiếc máy bay *hợp qui tắc* cho đến năm rồi.”

Kay dụi mắt.

“Vừa rồi anh không cười em đâu,” Michael nói. “Em ổn chứ?”

“Chúng thực sự nổi,” Kay nói với Tommy. “Những chiếc thủy phi cơ. Tuy vậy đôi khi chúng cũng nảy bật lên như thìa lia.”

“Vâng, thưa phu nhân, đúng thế.” Tommy phụ họa.

“Vừa rồi em mơ thấy gì thế?” Michael âu yếm hỏi vợ.

Nàng đặt một bàn tay lên ngực như muốn kìm lại trái tim đang chạy quá nhanh. “Em ổn rồi. Chúng ta đã về nhà?”

“Ờ, chúng ta đã trở về Hồ Mead.”

“Thì ý em định nói thế. Bộ anh nghĩ là em tưởng mình về lại Long Beach sao?”

Michael hoàn toàn không thích là khái niệm *nhà* lại có tí chút gì mập mờ lưỡng nghĩa. Anh cũng ghét có chuyện tranh cãi gì, dầu là nhỏ nhặt, trước mặt những người không thuộc hàng thân thiết của mình. Anh không trả lời nàng cho đến khi anh đưa máy bay vào cầu tàu. “Không” anh nói. “Anh không nghĩ là em có ý vậy.”

Kay tháo dây đai an toàn ra và đi qua mấy người kia mà nàng không mấy hài lòng vì sự có mặt của họ đã phần nào làm loãng đi tính riêng tư của cuộc du ngoạn kỷ niệm ngày cưới mà nàng muốn là khoảng thời gian dành cho cả đất trời chỉ có đôi ta. Nàng ngồi vào phía sau xe, chiếc màu vàng với mui đen.

Michael nói với mấy người kia là anh gọi lời vấn an đến Fredo và Pete Clemenza - chiếc Cadillac màu đỏ là của Fredo - và nhấn rằng anh sẽ đến Lâu Đài Trên Cát không trễ hơn sáu giờ

ba mươi.

Anh vào trong xe ngồi kế bên Kay.

“Một cuộc hẹn hò,” nàng nói. “Giống như thời xưa. Suốt ngày cho đến khuya đêm nay. Đó là những gì anh đã nói.” Nàng vùng vằng gần giọng.

“Anh cần đưa họ trở lại đây, bằng cách nào đó. Dầu sao thì em cũng ngủ suốt lộ trình. Vậy nên có họ hay không có họ thì cũng thế thôi mà cung.” Anh vỗ về làm hòa.

Nàng nhún vai. Đó không phải là cái nhún vai hòa giải. Có hai loại người vợ trong cách sống này. Có một lần chàng đã kết hôn với loại người vợ kia. Nhưng cuối cùng, một người vợ như Apollonia, có nghĩa là một mẫu người vợ giống như mẹ chàng, một cô gái Sicily luôn phục tùng theo từng lời nói của chồng, sẽ không phù hợp với chàng, và chắc là không phù hợp với các con chàng, không phù hợp với nước Mỹ ngày nay.

Tuy nhiên chàng không thể công khai quan điểm này, nhất là trước mặt người khác. Ngay cả những thuộc hạ trung thành nhất của chàng cũng không nên thấy người chủ Gia đình phạm một điều yếu đuối nào, cho dù nhỏ nhất đến đâu.

“Công việc,” Michael nói. Đó là mật mã, trong cuộc sống lứa đôi của họ, cho *chuyện này không phải để tranh cãi*.

“Anh nói đúng,” nàng nói, nén lòng cam chịu. “Tất nhiên rồi”

Họ ngồi xe về nhà với những khúc ca cao -bồi từ chiếc radio.

Bố mẹ Kay đã đậu xe trên đường đỗ xe trong sân nhà. Bên kia đường, trước mặt vị trí xây dựng dành cho ngôi nhà của Connie, em gái Michael, là một chiếc Plymouth màu xám, một loại xe thường dành cho cóm, và hiện do một tay cóm thuộc cấp của Al Neri chăm sóc.

Từ bên trong nhà vọng ra tiếng ồn của một loại opera than khóc rền rĩ mà Michael không thể nói được là loại gì. Không giống như Petes Ria Mếp Đĩ Trai, Michael chưa bao giờ cảm thấy nhu cầu tỏ ra hứng thú với opera. Âm nhạc trong nhà toàn do Kay chọn.

Kay nhăn nhó cau mày và rồi đảo tròn mắt. “Ồ, Bố,” nàng kêu lên.

Quan hệ lạnh nhạt giữa nàng với bố mẹ nàng làm Michael bối rối. Họ đã đứng vào phía nàng đối với mọi việc nàng muốn làm. Các nhân viên liên bang từng có lần đi vào cùng cuộc nghiên cứu trong đó bố nàng viết trong các bài thuyết pháp đã gọi Michael là một tên găng-x-tơ, một kẻ sát nhân, thế nhưng khi nàng quyết định lấy chàng, họ không hề do dự để chúc phúc cuộc hôn nhân ấy. Âm thanh vọng ra từ chiếc hi-fi trong phòng riêng của Michael.

“Ông ấy đang ở trong phòng riêng của anh.

“Ông ấy đã mất thánh giác rồi, trong số những thứ khác nữa,” Kay nói. “Hãy dễ dãi lượng thứ cho ông ta”.

“Ông đang ở trong phòng riêng của anh,” Michael lặp lại.

Nàng vượt phẳng chiếc váy và hướng về sân sau nơi mẹ nàng đang đong đưa Mary trên chiếc ghế xích đu. Michael gật đầu chào và đi vào bên trong.

Anh bước lên mấy bậc thang và đi qua phòng ngủ. Căn phòng bị xóc tung lên, bừa bộn, ngổn

ngang. Hai đứa trẻ tóc đỏ mà trước nay anh chưa từng thấy, đang chơi trên thảm với những chiếc xe tải Tonka. Thorston Adams, bố vợ chàng, ngồi đằng sau chiếc bàn giấy hiện đại màu tóc vàng Đan mạch của Michael. Anthony đang ngồi trong lòng ông ngoại. Mọi người đều nhắm mắt lim dim và đầu ngã ra sau giống hình ảnh Chúa Jesus thanh thản với lạc phúc. Michael đi ngang căn phòng và vặn nắm điều chỉnh âm lượng của chiếc hi-fi treo trên tường.

Tia nhìn hốt hoảng của Anthony trông giống làm sao với tia nhìn của Kay mấy phút trước đó khiến trái tim của Michael nhói lên. Mấy đứa bé đang chơi trên thảm lật đật đứng lên và chạy ra xa.

“Chào bố,” Michael lên tiếng.

“Tôi có hơi tự tiện -”

“Quên đi,” chàng nói. “Có sao đâu.”

“Có phải chúng ta đang có quá nhiều rắc rối?” Anthony bối rối hỏi.

Môi trên của cậu bé run run và đôi mắt nó mở to. Michael từ trước tới giờ có lẽ từng đét đít thẳng bé hơn ba lần. Bất kỳ ai nghĩ rằng mình có thể giải thích mọi chuyện mà con người làm đều có thể khôn hơn ra đơn giản chỉ bằng cách có một vài đứa con. “Không đâu, cưng” Michael nói. “Con không gặp rắc rối gì đâu.” Chàng nhắc Anthony lên và ôm siết thẳng bé một phát. “Con thích cái đó? Âm nhạc đó?”

“Con đã nói với Ngoại là chúng ta không nên -”

“Được rồi. Không sao cả,” Michael vội trấn an con. “Con và Ngoại đang nghe nhạc gì vậy?”

“Nói Ba con nghe đi, Tony,” Thorston bảo cháu, và mang lại đôi mắt kính trông đen, dày lên.

“Nhạc Puccini”

“Ông ấy là người Ý,” Thorston nói. “Chết lâu rồi, dĩ nhiên.”

“Con biết chuyện đó” Michael nói.

“Nói lại nghe coi?”. Ông già Thorston đã nặng tai nhiều.

Michael lên giọng. “Puccini đã chết. Bố ăăă gì khôông? Muốn con làm món gì cho bố không?”

“Agnes đang nấu xoong thức ăn đấy. Hình như là thịt hầm đậu thì phải”. Thorston nói.

Michael chẳng nghĩ thấy gì cả. Lạ này, cái gì đang được nấu nướng mà lại chẳng nghe mùi gì cả?

“Puccini chết rồi sao?” Anthony nói, mặt tái nhợt.

Michael vò đầu tóc con. “Ông ấy đã sống một cuộc đời tốt đẹp, ông Puccini ấy,” Michael nói, mặc dầu chàng chẳng biết tí gì về cuộc đời Puccini cả. Anh có thể cảm nhận thẳng bé đang thư giãn khi nghe bố nói thế. “Mấy nhóc kia con nhà ai vậy?”

“Láng giềng của con đấy,” Thorston trả lời thay cháu. “Sân sau nhà chúng và sân sau nhà con giáp nhau. Có vẻ như chúng rất thích làm bạn với Tony và Mary. Nào, Tony. Ông cháu mình nên đi thôi. Xin lỗi nếu bố -”

Michael chỉ trao đến bố vợ một tia nhìn, nhưng là một tia nhìn nặng trĩu ý nghĩa rằng “Thế đã là quá đủ rồi đấy nhé!” Anh đặt con trai xuống, khép cửa lại và trở về đơn độc.

Vòi sen ở phòng kế bên bắt đầu chảy rào rào. Kay đang tắm. Michael khoác lên người chiếc tuxedo, chiếc áo chàng mặc vào ngày cưới. Chàng liếc nhìn trộm Kay qua lớp cửa kính phòng tắm và quay lại phòng riêng để thay đồ.

Fredo đã nghĩ đúng, điều có lẽ một ngày nào đó sẽ là bài minh trên mộ chí của anh chàng. Chẳng hạn, chiếc xe kia. Đó quả là một chiếc xe rất tuyệt với một lưới bảo vệ bằng vàng và những bánh xe có nan hoa hình lưỡi kiếm. Michael vẫn còn nghĩ Fredo là một anh chàng lãng du vô tích sự vì đã mua những chiếc xe lòe loẹt sặc sỡ như thế hay bỏ thiết bị hi-fi to đùng choán cả một bức tường chỉ mấy phòng thu âm mới cần đến chứ ở nhà riêng ai mà dùng đến mấy thứ này. Vả lại Michael chưa bao giờ là người chịu phí thời giờ để nghe nhạc thu âm.

Chàng ngồi vào sau bàn giấy, ý thức hoàn toàn là mình đã kiệt sức đến thế nào. Hai ngày ở New York, một ngày ở Detroit, rồi thì sự khác biệt về múi giờ và sự tập trung đầu óc khá căng thẳng cho chuyến bay đến Hồ Mead và trở về. Và anh còn có điều hứa hẹn là một đêm dài ở đằng trước: những cuộc họp ở Lâu Đài Trên Cát, những tin tức sắp đến từ Đảo Rắn Rung Chuông, xuất hiện tại một số diễn của Fontane và chuyên sau đó. Nghi lễ. Michael lơ đãng lướt một ngón tay quanh chu vi của cái gạt tàn lớn bằng sứ với nòng tiên cá trên một hòn đảo gợn sóng ở giữa. Cái gạt tàn này trước kia là của Bố. Vết nứt nơi chiếc gạt tàn đã được gắn vào phía sau vẫn còn thấy được. Michael đốt một điếu thuốc với chiếc bật quẹt to để bàn cũng của Bố, cao 6 inches và được tạo dáng giống con sư tử. Anh gõ các ngón tay lên chiếc bàn giấy màu vàng và nghĩ về thú chơi golf. Golf quả là một ý tưởng... sáng chói, vừa như một môn thể thao, vừa là thú tiêu khiển, vừa là một phương tiện thư giãn lại vừa là một phương cách kinh doanh. Và những cây gậy đánh golf được đặt làm theo ý mình. Tuyệt.

Chàng rơi vào giấc ngủ sâu đến độ chàng có thể giữ nguyên tư thế đó, ngồi co ro trên ghế và quên hết sự đời trong suốt phần đêm còn lại.

Đột nhiên anh thức giấc. “Mình không ngủ mê” anh nói.

Một bàn tay của Kay đặt trên vai anh. “Em thấy mình dòm lén em tắm đó. Lêu lêu!”

“Ô, xấu hổ quá! Xin lỗi nhé!”

“Đừng mát -xờ -cỡ! Vậy là em vẫn còn cái gì mới lạ chưa khám phá hết nên mình mới tò mò chứ. Khi nào mình hết thèm dòm lén nữa, lúc đó em mới bối rối đấy!”

“Em khéo đùa ghê! À, mà em thay đồ đẹp quá, định đi đâu vậy?”

Nàng cau mày. Đi nghe Johnny Fontane hát, tất nhiên rồi. Bộ anh quên rồi sao. Nào. Chúng ta đi chứ.”

“Đi nghe Fontane?”

“Chuyện này cũng giống như khi bạn sống ở New York và có thể leo lên tượng Nữ thần Tự do để ngắm toàn cảnh bốn bề bất kỳ khi nào bạn thích nhưng lại chẳng bao giờ làm. Johnny Fontane đã hát ở casino của anh biết bao lần -”

“Chúng ta là đối tác trong đó.”

“ - từ mấy tuần nay rồi. Chúng ta có thể đi nghe anh ấy bất kỳ lúc nào nhưng chúng ta lại không bao giờ đi. Anh có nhận ra rằng đã mười năm rồi kể từ khi em nghe anh ấy hát dịp đám cưới

em gái anh? Đó là lần đầu tiên, lần cuối cùng và cũng là lần duy nhất.”

Rồi nàng cười lớn.

“Xem mặt anh kìa!” nàng nói. “Phải rồi, phải rồi, công việc, anh chả lúc nào mà không có công việc. Thôi đi mà lo công việc của anh đi. Em dẫn Má và Ba và mấy nhóc đi ăn tối ở quán thịt nướng mới mở.”

“Anh nghĩ má em đang làm món chiên xào gì đấy.”

“Anh đã thưởng thức tài nấu nướng của Má chưa?”

Michael hôn vợ. Anh cảm ơn nàng về một ngày tuyệt vời và cả một cuộc sống lứa đôi tuyệt vời. “Đừng thức khuya đợi anh nghe. Anh sẽ về muộn lắm đấy.”

“Anh luôn luôn thế.” Kay mỉm cười khi nói điều ấy, nhưng cả hai đều biết đó không phải là lời nói đùa.

“Chuyến bay tốt chứ?” Hall Mitchell, chiến hữu cũ cùng binh chủng Thủy quân Lục chiến, đang mặc đồ chơi golf, chào hỏi Michael. Anh chàng này bị tật nói ngọng, lẫn lộn các âm *l* và *r* và thường bị đồng đội trêu ghẹo về chuyện đó. Trêu ghẹo để đùa chơi vậy thôi chứ bạn bè ai cũng mến cái tính xởi lởi, thẳng ruột ngựa của anh chàng.

“Bình an vô sự,” Michael đáp lời, ôm chặt đôi cánh tay người anh em cũ. “Tốt lắm.”

Phía sau Mitchell, đã sẵn sàng ở đó là Tom Hagen. Hagen và một anh chàng cao bồi tóc trắng đang đứng. Một ông đầu hói trong chiếc xe lăn vươn dài bàn tay ra để bắt tay. Michael là người duy nhất mặc áo tuxedo. Chưa đến hoàng hôn nhưng không còn cơ hội thực sự nào để thay đổi.

Những bức tường trong phòng làm việc của Mitchell được phủ kín với hình ảnh của những người nổi tiếng, chỉ trừ một bức ảnh chụp nhanh cách nay đã mười hai năm gồm Trung sĩ Mitchell, Binh nhất Corleone và một đám Thủy quân Lục chiến, đứng trước một chiếc tăng bị đốt cháy của quân Nhật trên bãi biển Guadalcanal. Văn phòng nhìn qua lối ra vào chính của Lâu Đài Trên Cát. Mái che lối đi ghi hàng chữ CHÀO MỪNG LAO ĐỘNG HOA KỲ!; ngày mai tên của Fontane sẽ trở lại ngự trị vị trí đó. Trên quảng trường lát đá cẩm thạch bên dưới, các viên chức công đoàn đang đi đến để dự hội nghị sẽ khai mạc ngày mai, cũng như những người bạn khác của Gia đình Corleone.

Mitchell mời Michael ngồi vào chỗ đằng sau bàn giấy của anh ta mặc dầu Michael sẽ không ngồi ở đó đâu. Người ngồi xe lăn là chủ tịch một ngân hàng ở Las Vegas. Ông tóc trắng mặc đồ cao -bồi là một luật sư, hiện nay hành nghề tư sau một nhiệm kỳ giữ chức Tổng chưởng lý của bang và sau đó đảm nhận chức chủ tịch Đảng Cộng hòa Bang Nevada trong nhiều năm. Trên giấy tờ thì hai vị này cùng với Mitchell và một công ty cổ phần bất động sản do Tom Hagen kiểm soát là bốn cổ đông lớn nhất của Casino. Công ty xây dựng của Michael, trên giấy tờ, là cổ đông thứ sáu, sau người anh là Fredo; tay này trong một động tác mạo hiểm vốn đã gây ra nhiều tranh luận trong Gia đình Corleone cũng như nơi Ủy ban Cờ bạc Nevada - đã sử dụng chính tên mình. Fredo cũng được dự định là sẽ có mặt ở đây.

“Fredo Corleone gửi lời xin lỗi,” Hagen nói. “Chuyến bay của anh ấy bị hoãn lại vì lí do bất khả kháng”.

Michael chỉ gật đầu. Không có gì để nói thêm, không chỉ vì có sự hiện diện của những người khác bên ngoài gia đình và nhất là trong căn phòng này vốn chắc chắn là bị cài máy nghe trộm.

Cuộc họp kéo dài khoảng một giờ. Không chỉ thuần túy là kịch trường - cả vị chủ tịch ngân hàng lẫn vị luật sư mặc đồ cao -bồi đều không ai mang ý tưởng rằng các viên chức thi hành pháp luật đang lắng nghe - và hội nghị cũng không khác với từ bất kỳ hội nghị nào của những cổ đông hàng đầu của bất kỳ công ty tư nhân nào: những vấn đề mua bán, những vấn đề riêng tư, đánh giá tính hiệu quả của những cố gắng tiếp thị và quảng cáo hiện nay. Suốt trong cuộc họp Michael hầu như không phát biểu gì. Đầu óc của anh còn hướng tới hai cuộc họp sắp đến. Cuộc tranh luận sôi nổi nhất trong hội nghị lần này liên quan đến việc đặt tên cho Casino mới ở Hồ Tahoe. Ý tưởng của Hal Mitchell - Lâu Đài Trên Mây - nổi lên như là lựa chọn được đồng thuận rộng rãi nhất.

Khi họ kết thúc, Michael nói anh hy vọng anh sẽ gặp mọi người và các bà vợ của họ tại sân dành cho VIP của Fontane. Xét cho cùng thì Johnny là đối tác mới của họ với mười phần trăm cổ phần trong Lâu Đài Trên Mây. Những người khác bảo rằng họ nhất định sẽ không để lỡ.

Hagen đợi cho họ rời đi và rồi thực hiện một cuộc gọi nhanh cho Louie Russo.

“Don Russo hiện đang trên đường tới Chuckwagon,” Hagen nói với Michael.

Họ bắt đầu ngồi vào các ghế dựa.

“Có chuyện gì với Fredo vậy?” Michael hỏi.

“Ngày mai anh ấy sẽ đến sớm mà,” Hagen nói. “Anh ấy ổn thôi. Có hai cận vệ theo sát anh ấy”.

“Anh muốn nói với tôi về tay thợ cạo và tay chặn dê đấy à?”

“Đúng thế.”

Michael lắc đầu. Tay thợ cạo được dự định loại bỏ sự hoài nghi trong tối nay, sau sân của Fontane. Đó sẽ phải là một sự ngạc nhiên - đó là cách các cuộc lễ khai tâm được thực hiện. “Vậy tại sao Fredo lại lỡ chuyến bay, hở?”

“Tôi không rõ lắm. Người ta vẫn thường lỡ chuyến bay đấy thôi, tôi đoán là thế.”

“Nhưng anh không lỡ.”

“Thật ra thì hôm nay tôi cũng có lỡ chuyến đấy,” Hagen nói.

“Vậy nhưng anh vẫn có mặt ở đây, đúng giờ.”

Hagen không nói gì. Anh vẫn luôn yếu lòng với Fredo.

“Vậy thì chuyện là sao nào?” Michael nói. “Palm Springs.”

“Chính là chuyện anh và tôi cần bàn đây. Chúng ta nhắm đúng đích rồi đấy.”

Họ đi qua phòng lobby để đến quán cà-phê Chuckwagon vốn chỉ mở vào giờ điểm tâm thôi. Michael có chìa khóa. Anh và Hagen ngồi vào một bàn nơi góc khuất. Lát sau, một trong những phụ tá của Hal Mitchell đưa Russo và hai người của lão ta vào quán cà-phê và khóa cửa lại sau họ. Russo là một người da nhợt nhạt, người quần tằm chần, với đôi kính râm to tướng và đôi bàn tay nhỏ xíu. Lão ta đi thẳng tới bảng công -tắc ở trên tường, tắt hết đèn. Người của lão ta đóng các bức màn sáo.

“Xin chào, bạn mang theo cả *consigliere* là hay đấy.” Lão có giọng cao the thé kiểu giọng con

gái.

“Chúc mừng đến Lâu Đài Trên Cát, Don Russo.” Hagen đứng lên, nụ cười rộng mở của anh ta lại chính là dấu hiệu duy nhất cho đức tính... thiếu thành thật của anh ta!

Michael chẳng nói gì cho đến khi người của Russo rút qua phòng và ngồi xuống trên những ghế da cao ở quầy.

“Tôi bảo đảm với ông, Don Russo à,” Michael nói, vừa chỉ tay vào những trang bị cố định nhẹ ở trên anh, “chúng tôi đã thanh toán hóa đơn tiền điện đầy đủ mà”.

“Nhưng bóng tối tốt hơn,” Russo nói, vỗ nhẹ vào đôi kính râm của lão mà kích cỡ của chúng càng làm cho lỗ mũi của lão trông càng giống hơn với một con “kẹt” treo ngay giữa mắt! “Có tên dê tiện hạ cấp nào đó đã cố tình nhắm bắn tôi xuyên qua cửa sổ của một tiệm bánh keo. Mảnh kính đã cắt vào mắt tôi. Tôi vẫn nhìn thấy rõ nhưng phần lớn thời gian ánh sáng vẫn làm cho mắt tôi xốn, khó chịu.”

“Tất nhiên rồi,” Michael nói. “Chúng tôi chỉ muốn cho ông được tiện nghi thôi.”

“Tôi biết điều ấy làm phiền anh,” Russo nói, vừa ngồi xuống bàn,” khi tôi tắt hết mọi ngọn đèn và khép các bức rèm che mà không nói lời nào. Phải không nào? Bây giờ thì anh biết điều ấy cảm thấy thế nào?”

“Cái gì cảm thấy như thế nào?” Hagen gằn giọng.

“Họm nào, anh bạn Ái Nhĩ Lan! Bạn biết tôi muốn nói gì, và ông chủ của bạn chắc chắn cũng biết. Các anh, dân New York, anh nào cũng giống nhau. Các người đã từng thương lượng và thỏa hiệp với nhau. Mọi thứ về phía Tây của Chicago là của Chicago. Thế rồi chẳng mấy chốc các người nhận ra là chẳng có cái quái gì ở phía Tây của Chicago cả, thế là các người đập ngược pê -đanh, xoay vòng ngôn hành 180 độ! Al Capone đã hưởng trọn lộc rơi vào tay hắn và các người nghĩ cái thằng “chồn lù” bị bệnh giang mai xứ Napoli ấy là toàn bộ Chicago. Còn chúng tôi. Chúng tôi chẳng được coi có kí lô nào cả! Các người đặt ra cái Ủy ban Tối cao kia, và chúng tôi có là thành phần trong đó không? Không. Moe Greene vớ tất cả khoản tiền từ New York đổ và xây dựng Las Vegas. Chúng tôi đâu được hân hạnh tham khảo ý kiến. Các người tràn lên và gọi đây là một thành phố mới. Và các người biết tôi nghĩ gì? Tôi nghĩ tuyệt quá. Mở ra công việc ở Miami. Công việc ở Havana và tôi hy vọng vào Chúa rằng tình trạng sẽ như thế. Và công việc đang chạy có lẽ tốt nhất ở đây. Nhưng tại sao lại phải thiếu tôn trọng đến thế? Chúng tôi không đến được mức *như yêu cầu*. Đó là quan điểm của tôi. Tuy vậy chúng tôi vẫn chấp nhận điều ấy. Chúng tôi không ở trong tư thế để lí sự. Chúng tôi rơi vào những năm khó khăn mà không có gì được tổ chức tốt. Thôi quên đi. Chuyện xảy ra là - tôi không muốn nói là các người đã lợi dụng tình hình đó, nhưng mà chúng tôi đã thiệt thòi quá nhiều. *Được rồi*. Vegas hiện đang chạy đều. Ở Chicago, mọi chuyện nằm trong tầm kiểm soát. Ở New York, trong một thời gian ngắn, có máu chảy trên đường phố do những vụ thanh toán lẫn nhau, nhưng theo chỗ tôi nghe được thì các người đã tái lập hòa bình. Tôi cầu mong chuyện này là thật. Quan điểm tôi là thế này. Trong thời kỳ mấy người gập lộn xộn, tôi có nghĩ là *A, đây là cơ hội để giành lấy lợi thế so với các ông bạn ở New York?* Thừa không. Tôi đứng ngoài cuộc. Tôi không muốn các người làm cuộc điều binh cho tôi xem hay bất kỳ chuyện gì, nhưng *lạy Chúa*. Tôi nhận lại được gì từ sự nể nang mà tôi dành cho các người trong thời điểm khó khăn của các người. Các người râm rộ di chuyển toàn bộ tổng hành dinh về đây. *Ngay đây!* Được coi là nơi chôn mả và, nếu các người muốn nói một cách kỹ thuật, là thuộc quyền của chúng tôi, cứ lí mà nói. Tôi không đến nổi *đần độn* chứ, phải không? Nhưng tôi không phải là luật sư như anh chàng Ái Nhĩ Lan này đây, và tôi cũng chưa từng hân hạnh đặt chân đến trường cao đẳng, đại học nào sất! Học nhiều càng thấy mình ngu chứ có được cái tích sự mẹ gì! Học cũng tốt, không học càng tốt hơn. Quan trọng đéo gì! Quan trọng là người ta sống phải biết điều với nhau, biết tôn trọng cái *đạo luật bất thành văn*,

đó là cái đạo nghĩa giang hồ với nhau. Tôi nói các người nghe có lọt tai được không nào?”

Louie Russo được cho là có thương số thông minh (I.Q.) chỉ 90 thôi nhưng lão lại là một thiên tài trong việc đọc ý nghĩ người khác. Còn đôi kính râm khổng lồ lại làm cho người ta khó đọc được ý nghĩ của lão.

“Tôi quý trọng đức tính thành thật của ông, Don Russo à,” Michael nói. “Không có gì khiến tôi quý trọng hơn là một con người trung thực.”

Russo lăm băm điều gì đó không rõ.

“Tôi không biết ông lấy thông tin ở đâu,” Michael nói, “nhưng thông tin đó không đúng. Chúng tôi không hề có những kế hoạch để điều hành Las Vegas. Chúng tôi chỉ ở đây tạm thời thôi. Tôi có đất ở Hồ Tahoe, và một khi chúng tôi hoàn tất một số công trình xây dựng ở đó thì đó mới là địa chỉ thường trú của chúng tôi.”

“Tôi có kiểm tra rồi,” Russo nói, “Tahoe cũng ở về phía Tây Chicago mà.”

Michael nhún vai. “Đến lúc nào đó, điều đó sẽ chẳng có liên quan gì đến ông.”

“Nhưng hiện nay thì nó có liên quan đến tôi.”

“Không cần phải thế đâu,” Michael nói. “Trong tương lai, chúng tôi sẽ không khai tâm cho thành viên nào nữa. Tôi đang dần dần ly khai khỏi mọi chuyện chúng tôi sở hữu ở New York. Những công cuộc kinh doanh mà tôi sẽ điều hành ở đây sẽ hoàn toàn hợp pháp. Tôi chờ mong sự hợp tác của ông - hoặc ít nhất thì ông cũng không can dự vào - khi chúng tôi đã đưa mọi chuyện đến điểm đó. Như ông biết đấy, tôi chưa bao giờ có kế hoạch dự phần vào công việc của cụ thân sinh tôi. Chính ông cụ cũng không muốn thế. Như tôi đã nói, chỉ là tạm thời thôi. Chúng tôi sẽ mở một casino mới tại Hồ Tahoe và chúng tôi dự định sẽ điều hành nó một cách hoàn toàn công khai, hợp pháp khiến cho cả một đội quân cấm, thêm một đội quân Cục Thu Thuế Nội Địa và người của Ủy Ban Cờ Bạc có thể sống tại đó cả ngày lẫn đêm cũng chẳng tìm thấy tí vết gì.”

Russo cười lớn. “Chúc ‘đạo ù ù’ may mắn!” (Good fucking luck!)

“Chúng tôi đoan quyết như thế với tất cả sự thành thật,” Michael nói. “Và bây giờ chúng tôi xin phép phải ra đi. Cho tôi được xin lỗi. Quả là niềm vui cho chúng tôi khi có được quý vị là khách mời. Chúng tôi trông chờ gặp lại quý vị tối nay.”

Tom Hagen mở cửa vào văn phòng dưới tầng hầm của Enzo Aguelo, một bạn cũ của Gia đình Corleone và bây giờ là sếp ngành bánh ngọt, bánh nướng của casino. Cả ba người bên trong - hai *capos* mới thụ phong, Rocco Lampono và Pete Clemenza, cũng như thủ trưởng đội bảo vệ, Al Neri - ngày hôm qua đã cùng nhau ở Detroit, dự đám cưới con trai của Pete. Mọi con mắt trong phòng đều đổ ngầu. Lampono mới ba mươi nhưng trông già hơn cả mười tuổi. Anh ta phải dùng đến cây gậy kể từ lúc anh ta được gửi về nhà từ Bắc Phi với một Anh Dũng Bội tình và mất đi xương bánh chè trái. Clemenza thở hổn hển do cố gắng đi ra khỏi ghế. Hagen vẫn luôn nghĩ về ông ta như một trong những ông béo không tuổi, nhưng giờ đây chợt thấy ông già đi như cỡ ông bảy mươi.

Lẽ ra họ đã gặp nhau trong một phòng ở lầu trên, nhưng văn phòng của Enzo có những lợi thế là trông khiêm tốn, gần với kho lương thực, và một trăm phần trăm an toàn - một boong-ke toàn bằng những khối than rắn mà với sự trang bị tốt nhất mà tiền có thể mua được, Neri đã quét sạch mọi thiết bị nghe lén. Neri ngồi vào chỗ của mình trong sảnh, khép cửa lại phía sau mình.

“Fredo đâu rồi?” Clemenza hỏi.

Mike lắc đầu.

“Anh ấy ổn thôi,” Hagen nói. “Máy bay anh ấy bị trễ. Bão ở Detroit. Anh ấy sẽ đến trong ngày mai.”

Clemenza và Lampone nhìn nhau. Họ ngồi xuống trên những chiếc ghế xếp kim loại nặng chung quanh chiếc bàn màu xám bạc của Enzo.

“Tôi chẳng muốn nói chuyện này đâu,” Clemenza lên tiếng, “nhưng tôi nghe những chuyện kỳ quái lắm nhá về Fredo, mà tôi ghét nói ra.” Các cận vệ mới của Fredo đến từ đội quân dưới quyền Clemenza.

“Ông có ý nói gì?” Mike thắc mắc.

Clemenza xua tay. “Tin tôi đi, chuyện đó quá vụn vặt và buồn cười để phải bàn luận nhiều, và từ những gì tôi nghe được thì chuyện đó đến từ đám con nghiện, đám da đen, do vậy anh có thể lờ đi chín mươi chín phần trăm chuyện đó ngay từ bây giờ. Nhưng vấn đề là, chúng ta đều biết rằng anh ta -” Clemenza nhăn mặt, như thể ông đang phải chịu đựng một vị thượng khách đang xì ra hơi ngạt thối um! “Ờ, tôi không phải là người đi thuyết giảng về một cuộc sống điều độ, thanh đạm, nhưng anh ấy có vấn đề với ma túy và chuyện đồng tính -”

“*Điều độ, thanh đạm*. Ồi chà kinh quá! Ông học ở đâu ra ba cái từ hàn lâm kinh điển nghe ghê thế?” Mike nhướn mày lên hỏi.

“Thì tôi gửi thằng nhóc của tôi đến cái trường danh giá mà anh cũng từng theo học đó, Mike à, nhờ đó tôi cũng học lóm lại từ nó dăm ba chữ *thiên trời địa đất* để thỉnh thoảng đem chọi thiên hạ chơi!” Ông nháy mắt rồi cười khà khà.

Thế là cả đám cười theo, rồi mọi người tản ra ai làm việc nấy.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà Hagen làm luật sư cho một công ty, thì đối với một hội nghị mà tầm quan trọng chỉ bằng nửa hội nghị này thôi và chuyện đi vào chi tiết chỉ bằng mười phần trăm thôi, thì cũng đã có cả một đội quân thư ký, viết tháu như điên, vậy mà một nửa những gì đã được nói cũng bị rơi rụng đâu đó hay bị méo mó biến dạng tam sao thất bổn. Còn ở đây, những người này tất nhiên là không viết ra điều gì và mặc dầu mệt lử đến đứt dờ, vẫn có thể được tin cậy sẽ nhớ như in mọi chuyện. Họ đã trải qua ba giờ để bàn bạc và thông qua bao chuyện cũ, chuyện mới, sau đó thưởng thức món bạch tuộc nướng và món *pasta e fagioli* (xúp hầm đậu).

Họ bàn luận về sự thiệt hại mà cuộc chiến với hai gia đình Barzinis và Tattaglia đã giáng xuống những lợi ích kinh doanh của Gia đình. Họ bàn luận về những thỏa hiệp thực hiện với bà vợ và gia đình của Tessio, kẻ phản bội đáng trách nhất và bất ngờ nhất, vốn là bạn chí cốt của Vito Corleone từ thời mới lớn, và bàn đến những nhu cầu y tế, tang lễ, tài chánh gia đình cho những tổn thất về người và của khác của tổ chức. Họ bàn về chiến thắng của ý kiến sai lầm nhưng được loan truyền rộng rãi -nơi Sở Cảnh sát New York và trong báo chí, trong các gia đình tội ác khác, nơi hầu hết mọi người bên ngoài Gia đình Corleone - rằng cả hai người, Tessio và tên vũ phu hay đánh vợ Carlo, em rể của Mike và là tên sát nhân trên thực tế của ông anh vợ Sonny, đã bị giết bởi những người do Barzini hay Tattaglia phái đi. Trên cùng của chuyện này, người của Gia đình Corleone trong Văn phòng Biện lý New York (vốn là bạn học của Mike ở Dartmouth) đã lên kế hoạch đưa ra một loạt những cáo trạng trong tuần này qui tội các thành viên của Gia đình Tattaglia về cuộc ám sát Emilio Barzini và qui tội các thành viên của Gia đình Barzini về

cuộc ám sát Phillip Tattaglia. Ngay cả nếu, như có thể là thế, những việc bắt bớ này không đưa đến việc xác nhận tội, thì FBI cũng sẽ xem xét vấn đề sâu sát hơn và thường xuyên để mắt canh chừng. Bọn cóm địa phương - mà hàng trăm anh đã phải chịu thiệt từ thu nhập bị mất đi, cũng nhiều như lợi tức của bất kỳ tay cá mập cho vay nặng lãi nào - sẽ lại vui sướng vì có lại nguồn thu như thường lệ. Khoảng thời gian lưu ý ngăn ngừa của công chúng sẽ nhanh chóng quay về với chuyện cơm áo gạo tiền hàng ngày, như thường vẫn thế. Xét đủ mọi lẽ, cuộc đình chiến hiện hành có thể trở thành một nền hòa bình thực sự, tương đối lâu dài.

“Cứ mỗi mười năm, Clemenza nói, nhún vai. “Chúng ta gặp những chuyện này và sau đó chúng ta quay trở lại với công việc.” Ông ta tìm thấy nguyên cả một hộp tẩm xỉa răng nơi bàn giấy của Enzo và lại nhai một cây tẩm mới cứ mỗi vài phút. Những người khác ai nấy cũng đều đang phì phèo xì - gà hoặc thuốc điếu. nhưng bác sĩ của Clemenza đã bảo ông phải thôi hút. Ông đang cố bỏ thói quen đó. “Giống sự đều đặn hoàn hảo của chiếc đồng hồ. Đây là lần thứ tư tôi bỏ hút, không biết có dứt hẳn được không. Đúng là *nhớ ai như nhớ thuốc Lào, đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên*. BỐ KHỈ! Coi đơn giản thế mà khó thật!”

Mọi người đều đã, qua nhiều năm, nghe cái lí thuyết này của Clemenza. Chẳng ai có ý kiến gì.

“Này,” Clemenza tiếp tục. “VẬY anh nghĩ rằng đó là cái gì chúng ta được sao, Mike, Hòa bình? “Ông ta còn hùng hồn vung cái tẩm xỉa răng ra như một điếu xì - gà. “Chúng ta có cần phải kêu gọi đến một cuộc hội nghị của Ủy ban Tối cao không?”

Michael gạt đầu, để tập trung tư tưởng hơn là để xác nhận. Hagen biết rằng Michael suýt trình bày cho Ủy ban một danh sách những người sẽ được khai tâm tối nay. Có lẽ điều cuối cùng mà anh muốn là Ủy ban gặp nhau. Nhưng mặt anh không biểu lộ điều gì. “Rocco?” anh nói, nghiêng đầu và đưa lòng bàn tay ra: *mời anh*.

Khoảng lặng kéo dài đó - Hagen ghi nhận và rất có ấn tượng - làm cho có vẻ như là Michael đang dành suy nghĩ nghiêm túc cho vấn đề và rồi tham khảo một tư vấn đáng tin cậy. Nếu như Sonny còn sống và hiện đang đảm nhiệm trọng trách, chắc là anh ta đã nói oang oang ra những gì mình suy nghĩ và tự hào về tính quyết đoán của mình. Còn Michael đã thừa kế và mài sắc thêm tài năng tạo sự đồng thuận của bố mình.

Rocco Lampone rít một hơi dài xì - gà. “Đó là một vấn đề quan trọng, phải không nào? Làm thế nào chúng ta biết được là chiến tranh đã qua đi trừ phi có người nào đó đi ra từ cuộc chiến và xác nhận như thế, đúng không?”

Michael đan các ngón tay vào nhau và không nói gì, mặt chàng ta hoàn toàn vô cảm. Ủy ban Tối cao đảm nhận chức năng của một ủy ban hành pháp của hai mươi bốn gia đình tội ác trên khắp nước Mỹ, với các vị “chưởng môn nhân” của bảy hoặc tám Đại gia hàng đầu chấp thuận phê duyệt tên của các thành viên mới, các *capos* mới, và các ông chủ mới (hầu như luôn luôn là được duyệt) và chỉ làm trọng tài cho những xung đột nan giải nhất. Ủy ban gặp nhau càng ít thường xuyên càng tốt.

“Tôi đồng ý,” cuối cùng Lampone nói, “chúng ta có được hòa bình. Chúng ta đã nhận được lời cam kết của Joe Zaluchi. Của Molinari, Leo Người Bán Sữa, Tony Mặt Sắt Đen Sỉ. Song tất cả chỉ có mình Molinari là ở trong Ủy ban, phải không? Forlenza nghiêng về phía chúng ta, đúng không? Sao chưa nghe Át Chủ Bài nói lời nào vậy?”

“Chưa,” Hagen nói. “Geraci chỉ vào đây sau khi họ kết thúc cuộc đấu đá kia.”

“Chuyện đó chắc rồi,” Rocco nói. “Tôi nói Geraci, không nói chuyện đấu đá..”

Clemenza vỗ tay xuống mặt bàn kim loại bốn lần và nhướng mày lên.

“Dầu sao, Forlenza cũng sẽ là người thứ năm,” Rocco nói. Chúng ta vẫn còn nghĩ rằng Paulie Fortunato là Ông Trùm mới của Barzinis chứ?”

“Vâng, chúng tôi nghĩ thế,” Hagen nói.

“Vậy là được sáu người. Ông ấy là người biết điều, và thêm nữa là ông ta gần gũi với cánh Cleveland hơn Barzini. Nói cách khác, ông ấy sẽ làm những gì mà Ông Trùm Do thái làm. Như thế là trừ ra những người khác.” Thay vì phát âm tên của Tattaglia, Rocco làm một cử chỉ tục tĩu kiểu Sicily. Những bất đồng giữa anh ta với gia đình Tattaglias có tính riêng tư, theo bản năng, phức tạp và khá là nhiều. Anh ta từng là người bắt gặp Phillip Tattaglia trong một bungalow ngoài Sunrise Highway, ở Long Island. Tattaglia đứng đó trần truồng trừ đôi bít tất ngắn bằng lụa, một con người rậm lông trong độ tuổi thất tuần, với một cô điểm tuổi teen nằm tênh hênh trên giường trước mặt lão ta, vắt ra tinh dịch trong khi lão cố phóng ra vào cái mồm đang há rộng của con bé. Lampone đặt bốn khoanh tròn vào cái bụng mềm của lão già. Tổ chức của Tattaglia rơi vào hỗn độn rối ren và người nắm lấy quyền lực tiếp theo, Rico, em của Phillip Tattaglia, đi ra từ một cuộc an dưỡng đầy tiện nghi ở Miami. Một con người như thế khó có khả năng nhút quyết nuôi chí báo thù rửa hận, thế nhưng một Tattaglia thì vẫn là một Tattaglia.

Khi Mike không nói gì, Lampone cau mày giống như một cậu học trò quyết định làm vừa lòng thầy. Mike là người trẻ nhất trong phòng này, là Ông Trùm trẻ nhất nước Mỹ, vậy mà tất cả những người khác đang căng cứng để tự chứng tỏ mình với chàng ta. Anh đứng lên và đi đến một chỗ của bức tường nơi có lẽ một cửa sổ từng có mặt nếu như từng có một cửa sổ ở đó. “Anh nghĩ sao, Tom?”

“Không nên có hội nghị Ủy ban,” Hagen nói, “không có, nếu chúng ta có thể tránh được.” Hagen, khi còn là *consigliere* cho Vito, là người duy nhất trong bọn họ từng dự một hội nghị như vậy. Anh cũng là người duy nhất từng tham dự một hội nghị càng hiếm hoi hơn của mọi Gia đình, điều mà việc triệu tập một hội nghị của Ủy ban sẽ dẫn nở thành. “Lí do là, chỉ trong năm nay đã có đến ba thành viên của Ủy ban qua đời. Với số người mới đông đảo như thế, nếu họ gặp nhau, họ sẽ hình dung ra là có nên mời thêm Louie Russo hay không. Bất kỳ ai, về phương diện riêng tư, có thể nghĩ về lão ta như thế nào đi nữa, song với thế lực của Chicago như hiện nay, họ đều phải nói vâng. Nếu họ không gặp nhau, họ có thể câu nệ lão ta và nói rằng họ sẽ thông qua điều đó trong kỳ hội nghị tới. Một khi họ gặp nhau, Russo sau đó sẽ trở thành một thành viên của Ủy ban, điều đó có nghĩa là một lũ những chuyện khác biệt có thể sẽ xảy ra. Những chuyện khó lường trước được.”

“Lão ấy càng già,” Clemenza nói, “thì cái lỗ mũi của lão ta trông lại càng giống cái con củ buồi!”

Câu đùa lãng xẹt đó lại khiến cho Mike thấy tức cười. Clemenza vốn có ngón sở trường đó với Vito, mặc dầu, nói thật là, dễ chọc cười Vito hơn là với Mike nhiều!

“Khi mới dính cái hỗn danh này thì lỗ mũi của lão ta mới chỉ bự thôi,” Clemenza khoái chí tán nhảm tiếp, vừa chọt que tăm xỉa răng thứ chín vào cái mồm nhỏ tròn vo của mình, “Bây giờ cái đầu mũi của lão đồ ửng và được tạo dáng giống hết cái đầu buồi. Còn hàng lông mày rậm kéo thành một bệt hình chữ nhất của lão? Không khác chi một đám lông “lờ”! Tôi nói đúng không, thưa quý vị? Quả thật, dung nhan của lão Mặt Đéo này đúng là một cuộc phô bày khiếm nhã của tính dâm tục sỗ sàng! Nói đến đây ông ta lắc đầu và dùng giọng Chicago đặc sệt để gào lên: “it’s da Chiacahgoo way” (Phong cách Chicago là thế đấy!).

Mọi người cười ồ, kể cả Hagen, mặc dầu trong ý nghĩ riêng tư anh ta vẫn tin rằng lí do mà các tay găng-x-tơ Ái nhĩ Lan và Do thái đã xoay sở để chuyển từ những danh sách tội phạm bị truy nã gắt gao nhất đến các chức vụ đại sứ đó là họ (giống như bản thân Hagen) đóng thuế đều đặn

cho Nhà nước, tất nhiên là có mức độ, theo cách tính toán rất chi li và sít sao đã trở thành phổ biến như... ca dao tục ngữ (Keo kiệt như dân Ai nhĩ Lan, tính toán kỹ ai bằng lái buôn Do thái). Cũng dễ hiểu là, phần đông dân Sicily, mà lòng nghi ngờ đối với chính quyền trung ương đã chảy trong huyết quản họ từ hàng bao thế kỉ, không hành động theo lối này. Và cũng đúng là thông lệ làm ăn của dân Sicily là tiền trao cháo múc hay là ăn bánh trả tiền rốp rềng sòng phẳng, không cần phải giấy trắng mực đen gì cả mà chỉ theo nguyên tắc *một lời nói là một doi máu*. Nói lời là phải giữ lời. Đại trượng phu nhứt ngôn kí xuất tứ mã nan truy. Còn anh muốn lật lọng ư? Thì... búp! phup! hay đoàng! đoàng! Đơn giản thế thôi! Chấp cả hàng trăm nhân viên Sở Lợi tức Nội địa làm việc xoay vòng đồng hồ trong cả hàng trăm năm đi nữa cũng đếch hình dung ra nổi một phần trăm của chuyện gì đang diễn ra. Còn điều này nữa: Các chính quyền không khác với bất kỳ kẻ nào hay bất kỳ cái quái gì nắm và sử dụng quyền lực to lớn. Chúng khao khát chiếm hữu phần của mình, hay đúng hơn, cái khoảng mà chúng nghĩ là phần của chúng. Cho nên, muốn được việc, bạn cần đấm mõm chúng, cần bôi trơn những cái mỏ điều hâu của bọn chúng. Ấy, đấy là một phần trong cái ván bài muôn mặt gọi là... nghệ thuật sống vậy!

Hoặc là giết chúng.

Họ bàn luận về một số các vấn đề thực tiễn cần điều nghiên kỹ để cho gia đình và những quyền lợi của nó lại có thể vận hành đầy đủ. Chỉ đến gần cuối Michael mới bàn luận những kế hoạch dài hạn đầy tham vọng mà anh và Bố Già, trong những tháng Vito dành để làm *consigliere* cho Michael, đã trù tính. Hagen cho mọi người biết về những cuộc bàn luận giữa anh với Ngài Đại sứ và vai trò của Gia đình trong kế hoạch của James Kavanaugh Shea tiến vào Nhà Trắng vào năm 1960. Họ cũng biết kế hoạch riêng của Hagen, không phải là không liên quan: chạy đua vào ghế Thượng nghị sĩ trong năm tới và chịu thất cử (vị thượng nghị sĩ kia thì vẫn... ở trong túi của Gia đình Corleone, dầu thế nào đi nữa), sau đó sử dụng tính hợp pháp được tạo ra bởi sự thua cuộc nhưng đáng kính để tạo thuận lợi cho Ngài Thống đốc bổ nhiệm anh vào một vị trí trong nội các bang. Đến năm 1960, Hagen sẽ chạy đua vào chức Thống đốc bang và thắng cử. Điều đó sẽ đưa Michael đến biên giới tối hậu của kinh doanh.

“Trước khi quan tâm đến tính đoản kỳ trong những lãnh vực khác chúng ta cần định thái nó ở trên đỉnh. Trước tiên, có vấn đề về lãnh địa của Tessio để lại. Các bạn có ý tưởng nào không, trước khi tôi đưa ra chọn lựa?”

Họ lắc đầu. Sự chọn lựa đã rõ: Geraci có lẽ là nhân vật nhiều người biết, đặc biệt là trong số những người phần nộ về những gì đã xảy ra với Tessio. Đúng vậy, đã có những lời xì xầm về anh ta từ một vài trong số những người lớn tuổi ở New York Anh ta từng được Tessio bảo bọc nhưng Tessio đã phản bội gia đình. Rồi còn có vấn đề về hoạt động ma túy mà Geraci đã được phép tiến hành (dầu vẫn còn chỉ là lời đồn). Còn chuyện tuổi tác của anh ta nữa (mặc dầu anh ta lớn tuổi hơn Michael). Anh ta đến từ Cleveland. Anh ta có bằng cao đẳng và một số chứng chỉ của trường luật. Hagen lần đầu được nghe về anh ta là khi Paulie Gatto sai anh ta đi nện cho đám mất dạy đã làm nhục con gái của Amerigo Bonasera một trận te tua toí tả. Ba năm sau, sau khi Gatto bị giết, Geraci trở thành chọn lựa thứ nhì của Pete để đứng đầu đám lính lác, sau Rocco. Rocco đã tận dụng cơ hội đó và giờ đây là một *capo* nhưng Geraci là mẫu người Michael thích hơn. Anh ta cũng là một trong những người kiếm tiền tốt nhất mà Gia đình từng có được từ trước đến giờ. Có những lựa chọn khác, những tay lớn tuổi hơn như anh em Di - Miceli, hay có thể là Eddie Paradise. Những con người kiên định, trung thành, nhưng không cùng liên minh với Át Chủ bài.

“Những lời khôn ngoan duy nhất của tôi về đề tài này,” Pete nói, “đó là ngay cả chính Christ chịu làm *capo* đi nữa, các bạn cũng sẽ nghe những lời bàn ra tán vào. Tôi kinh lịch cũng đã nhiều, và tôi chưa hề thấy một tay nào có khả năng kiếm tiền giỏi như anh chàng Geraci này. Nuốt vào một xu kẽm và ị ra cả một đồng đô la cao ngất ngưỡng!”

Tôi không rõ lắm về nhân thân, về trình độ học thức của cậu ta, nhưng những gì tôi biết thì tốt. Cậu ta gây ấn tượng với tôi.”

Michael gật đầu. “Có gì khác nữa không?”

“Nói nhanh về Eddie Paradise,” Rocco phát biểu.

“Sao cơ?” Michael hỏi.

Rocco nhún vai. “Cậu ấy làm tốt việc được giao. Hãy trả công xứng đáng cho cậu ta. Nhiều người biết cậu ấy.”

“Đồng ý.” Michael nói. “Có ý kiến gì khác về vấn đề nữa không?”

“Eddie là anh em họ của vợ tôi,” Rocco nói. “Khi cô ấy hỏi tôi rằng tôi có bảo đảm cho cậu ấy không, thì - vâng, quý vị đây đều đã kết hôn, đều có gia đình. Thế thôi, không ý kiến gì khác.”

“Lời bảo đảm của anh được ghi nhận là hợp thức.” Michael nói. “Được rồi. Lựa chọn của tôi là Fausto Geraci.”

Lời công bố này được chào đón với sự đồng thuận thật lòng. Hagen chưa từng nghe bất kỳ ai khác gọi Geraci *Fausto*, nhưng Michael hiếm khi gọi bất kỳ ai bằng cái tên đường phố của họ, một thói quen anh thừa kế từ ông già. Sonny thì trái lại. Cho dầu anh quen biết người nào đó từ bao nhiêu năm, làm ăn bao nhiêu vụ với người đó, từng ăn tối ở nhà người ta, thế nhưng anh ta cũng không biết họ người đó là gì cho đến khi anh bắt gặp trên thiệp cưới hay trên phần báo tang của người đó!

“Tom à, công việc của anh,” Michael nói “Là điều mang tôi đến với anh đấy.”

Hagen gật đầu.

Michael nhìn Pete và Rocco. “Với việc Tom dính líu nhiều hơn vào chính trị, chúng ta cần di chuyển anh ấy khỏi một số việc. Từ khi bước xuống khỏi ghế *consigliere* -”

Hagen không được hỏi ý kiến và không tìm kiếm sự thay đổi.

“ - Tom vẫn là một cố vấn đáng tin cậy, như bất kỳ nhà tư vấn pháp lí nào cũng phải là thế. Tình trạng đó sẽ còn duy trì. Nhưng như vậy sẽ có khoảng trống của *consigliere*. Tom đã hoàn thành xuất sắc vai trò của mình, và bố tôi -” Michael lật lòng bàn tay lên. Ngôn từ khó diễn đạt hết sự vĩ đại của Ông Trùm quá cố. “Tôi chưa thấy một kẻ kế nhiệm thích hợp. Trong năm tới hoặc có thể thêm vài năm nữa, tôi sẽ trải rộng các trách nhiệm của *consigliere* tới mọi *capos* và cả anh nữa, Tom à, khi nào thích hợp.”

Việc không nhắc đến Fredo hẳn không phải là ngẫu nhiên, Hagen nghĩ.

“Tuy nhiên,” Michael nói. Anh để cho khoảng lặng còn nấn ná, chần chừ. “Có những tình huống mà tôi cần được giới thiệu cùng với *consigliere* của mình - chẳng hạn các cuộc hội nghị của Ủy ban Tối cao hay đại loại là thế. Không ai khác mà tôi muốn có bên cạnh mình trong những dịp như thế hơn là người bạn thân thiết cố cựu nhất của bố tôi, Pete Clemenza.”

Hagen hoan nghênh và vỗ vào lưng Pete. Clemenza nói rằng ông rất lấy làm vinh dự. Rocco ôm chầm lấy ông, chặt như gấu ôm. Clemenza gọi ra cho Neri sai Enzo đi vồ lấy mấy chai strega để khao mừng. Hagen cười mỉm. Đó là chuyện khác: một khi các cụ như Clemenza cười hạc qui... địa phủ cả rồi thì những chiêu ăn khao trọng thể sẽ không còn được thực hiện với rượu strega

hay những loại rượu tự chế nữa. Mà sẽ là Johnnie Walker hay Black & White hay Hennessy, Rémy Martell XO v.v... Chứ uống mãi ba cái loại rượu cổ truyền kiểu các cụ cũng chán phèo! Thế nhưng các cụ thì vẫn một niềm hoài hương khôn nguôi về những đường xưa lối cũ kiểu *Ta về ta tắm ao ta*. Chẳng bao lâu sau họ sẽ ngồi trong các phòng họp ban giám đốc nhâm nhi những ly cà phê loãng, nhạt như nước ốc.

Enzo, hóa ra là, lại có sẵn một chai “nữ phù thủy” (strega) trong ngăn kéo bàn giấy của anh ta. Anh ta đến gặp họ để cùng ly chúc mừng. “Mong sao chúng ta sống cuộc đời mình như thế nào để khi chết đi chúng ta cười mãn nguyện,” Clemenza nói,” còn mọi người khác thì kêu khóc như trẻ thơ lạc mẹ.”

Họ sắp sửa rời đi khi có tiếng gõ cửa.

“Xin lỗi các bạn,” Neri miệng nói tay mở cửa. “Dường như các bạn đã *đã thành công* và đang reo hò khúc khải hoàn -”

Johnny Fontane, mang một bao da rất kiểu cách, đi qua Neri sát sườn, và bằng một giọng chỉ cao hơn tiếng thì thầm một tí, nói điều gì đó nghe thoáng như là “Em út thế nào, mấy bồ?” Neri cau có. Anh ta coi mình không phải là hạng người mà người khác có thể va quệt để qua mặt, lại còn bốn cọt chọt nhả kiểu bồ bã như thế. Cho dầu anh có là ca sĩ, tài tử nổi tiếng Johnny Fontane đi nữa thì cũng không được phạm thượng với ta! Phải hiểu thế chứ!

“Chúng tôi vừa mới nói về anh đấy,” Clemenza nói. “Bức tượng mà anh làm vỡ, trong căn phòng đằng kia, đáng giá ba ngàn đô đấy, anh biết không?”

“Thế là ông được món hời rồi,” Fontane nói. “Tôi định đền năm ngàn đô đấy.”

Anh chưa bao giờ thân thiết với Michael, nhưng anh mạnh dạn băng ngang phòng và, với cánh tay tự do, ôm hôn chàng. Michael không phản ứng gì. Cũng không nói gì.

Hagen không dính líu gì với những người kinh doanh ngành trình diễn.

Hal Mitchell xuất hiện nơi hành lang, giờ đây cũng mặc tuxedo, vẻ gấp gáp, thở không ra hơi, rối rít xin lỗi. “Màn khai mạc đang diễn và -”

“Điều trước tiên” Fontane nâng chiếc túi da lên tầm cao nhất mà anh có thể với tới. “Là cái này đây.” Anh buông nó rơi xuống. Chiếc túi đánh bịch xuống mặt bàn giấy trước mặt Michael. Tiếng động phát ra hình như là... âm vang của tiền. “Thư hàng không từ Frank Falcone. Ông ấy gửi lời chào mừng, cùng với ông Pignatelli.”

Dường như đó là một khoản vay từ quỹ trợ cấp của các nghiệp đoàn Hollywood mà Falcone kiểm soát - một khoản góp vốn đầu tư vào Lâu Đài Trên Mây.

Michael vẫn ngồi yên. Anh nhìn vào chiếc túi da. Ngoài ra anh bất động. Biểu cảm nơi khuôn mặt anh là hoàn toàn... phi biểu cảm!

Một mạch máu nơi thái dương của chàng ca sĩ bắt đầu co giật.

Michael đưa ngón tay xoay quanh viền của chiếc ly không.

Những người khác giữ yên lặng, để cho Fontane và Mike đấu nhãn với nhau và chờ Fontane nói ra điều thứ nhì là cái gì. Dường như khó có thể nghĩ rằng điều này, một ơn huệ nhỏ nhoi như thế để đáp lại bao nhiêu chuyện lớn lao đã làm cho anh ta, lại có thể tạo ra một bột phát trẻ con như thế.

Có lẽ Hagen không bao giờ hiểu nổi cái tính vô ơn bạc nghĩa của Fontane. Mười năm trước, đúng vào ngày cưới của Connie, Hagen đã phải đi xa với hai ân huệ phải thực hiện: lo liệu mọi thủ tục để nhập tịch Mỹ cho Enzo Aguella và giành phần cho Johnny trong một bộ phim chiến tranh quan trọng. Kể từ đó, Enzo trở nên người bạn trung thành, tin cậy, từng sát cánh với Michael ở bệnh viện, tay không vũ khí, khi hai chiếc xe chở đầy người chạy tới tìm giết Vito, một hành động dũng cảm mà có lẽ nhờ đó đã cứu được mạng sống cho Ông Trùm. Còn Johnny Fontane đã làm được gì để gọi là đền ơn đáp nghĩa cho nhà Corleones?

Chưa ai từng ấn mũi súng vào đầu Johnny để buộc anh kí hợp đồng với Les Halley Orchestra, thế nhưng Vito Corleone đã phải gửi một người đến dí mũi súng vào đầu Halley để buộc tay này chịu hủy hợp đồng cho Fontane. Nhà Corleones đã buộc Jack Woltz phân vai cho Fontane trong bộ phim chiến tranh đó, bộ phim lẽ ra Johnny đã được phân vai chính ngay từ đầu nếu phải chỉ anh chàng đừng có nô giỡn với nàng xì -tác -lét mà Woltz, nhà sản xuất, đang mê đắm. Hagen rùng mình. Sau những cuộc ám sát biết bao nhiêu người, điều còn đọng lại với anh trong những cơn ác mộng là hình ảnh Luca cầm một thanh đại đao chém bay đầu con ngựa đưa trị giá hàng triệu đô của Woltz rồi treo cái đầu ngựa đó nơi phòng ngủ của lão ta. Tại sao cảnh tượng đó cứ ám ảnh anh mãi? Mà thật ra anh chưa từng tận mắt chứng kiến những hình ảnh đó. Chỉ là qua lời kể của người khác. Và chuyện đó ngay cả Johnny cũng không hề biết, bởi vì Woltz, như được chờ đợi, đã bùng bít, im đi chuyện đó. Một tặng phẩm khác từ nhà Corleone: ngu si hưởng thái bình (The blessings of ignorance). Nhà Corleones còn mua cho Fontane Giải thưởng Hàn lâm viện Điện ảnh Hoa kỳ. Bao nhiêu là ân nghĩa, và đấy, anh ta đã đền đáp như thế?

Độ yên lặng trong căn phòng như dày thêm lên, như cô đặc lại.

Fontane chuyển trọng lượng cơ thể từ chân này sang chân kia. Chàng ta có thực sự nghĩ rằng mình có thể thắng trong cuộc chiến cân não (a battle of nerves) với Michael Corleone?

Cuối cùng, Fontane xì ra một hơi thở sâu. “Được rồi, nhưng đây là điều thứ nhì.” Anh ta chỉ vào cổ họng mình. “Tôi rất, rất tiếc, nhưng tôi không nghĩ rằng tiếp tục, đối với tôi, là một ý tưởng hay.”

Michael chỉ nói gọn “Đúng vậy không?”

Clemenza nhếch môi và búng một que tăm đã mềm oặt vì thấm đẫm nước bọt bay xẹt qua lỗ tai Fontane. “Tôi nghĩ ông bạn bác sĩ của Fredo xác định chuyện đó. Cổ họng của anh. Anh chàng bác sĩ người Do thái, tên anh ta là gì nhỉ. Jules Stein?”

“Jules Segal,” Johnny chỉnh lại. “Đúng, anh ấy đã xác định.” Chàng ta nhìn quanh phòng. “Chuyện này nhắc nhở tôi. Các bạn có thấy Fredo? Tôi có món quà cho cậu ta. Món quà từ chính tôi.”

“Máy bay của anh ấy bị hoãn lại,” Hagen nói.

Fontane nhún vai. “Phải đợi, tôi đoán thế,” anh nói. “Xem nào, các bạn, các bạn biết tôi mà. Tôi là người chuyên nghiệp.” Tiếng thì thầm kiểu sân khấu làm cho anh chàng giống như một phụ nữ làm thế để dụ đàn ông lại gần hơn. “Giọng tôi vẫn tốt, nhưng cổ họng tôi?” Anh lắc đầu. “Không còn được trăm phần trăm. Ngay đầu thế, tôi vẫn thực hiện mấy sô ở đây. Hôm nay tôi có một cuộc thu âm rất tuyệt ở Los Angeles. Nhưng điều khó khăn là chỗ này. Trên chuyến bay trở về đây, tôi đã chìm vào giấc ngủ. Và khi thức giấc, cổ họng tôi đau khủng khiếp. Nên tôi đang nghĩ -”

“Sai lầm đầu tiên của anh chính là chỗ đó,” Clemenza nói.

“ -Tôi phải súc họng với nước muối và đi ngủ. Tôi không tốt trong tình trạng này.”

“Tôi mạn phép,” Fontane nói, “gọi Buzz Fratello. Anh ấy và Dotty tối nay không có sô diễn. Họ có thể trình diễn thay cho tôi. Thực tế là họ đang trên đường đến đây ngay bây giờ..”

“Thế à?” Clemenza hỏi, có vẻ chịu ấn tượng. “Càng thấy anh chàng Buzz đó, tôi càng thích anh ta.”

“Không được đâu, Johnny,” Hal nói. Anh chàng này không được mời vào trong phòng và, giống như Neri, đứng ngay ngoài hành lang. “Buzz Fratello và Dotty Ames còn vướng trong hợp đồng độc quyền với Kasbah do bộ sậu Chicago kiểm soát mà.”

“Họ không bắt đầu ở đó cho đến cuối tuần tới. Còn ở đây chỉ là một sô diễn riêng tư, trong vòng thân mật, đúng không nào? Một party toàn bạn bè, người thân. Chuyện này đâu khác gì ai đó hát với nhau cùng ai đó rồi cùng nghe và cùng vỗ tay khen nhau. Như thế đâu có gì là vi phạm hợp đồng.”

Michael vẫn yên lặng, bất động như tượng nhân sư, đôi mắt nhìn bằng tia hội tụ, xoáy vào Fontane, không chớp. Sau một khoảng thời gian rất lâu, Michael ngồi thẳng người lên, chạm các đầu ngón tay úp vào nhau chống hàm, một động tác giống hệt động tác của Ông Trùm quá cố khiến Hagen lạnh người.

“Mike,” Fontane nói. “Michael.” Chàng ta tiến thoái lưỡng nan, ấp úng, lúng túng như gà mắc tóc. Dầu sao thì cũng phải trao cái này cho hắn ta. Nếu là người khác có lẽ đã đi lòng vòng và nhìn vào những người trong phòng, cố gắng đọc bất kỳ thứ gì có thể đọc được từ những khuôn mặt ít bí hiểm hơn. Chàng ta cũng có thể nói ra một nhận xét hóm hỉnh, một lời đùa dí dỏm, thậm thúy - vốn là một năng khiếu của Fontane, được bộc lộ trong đa số thời gian. Nhưng Johnny giữ vững vị trí. “Don Corleone. Tôi rất tôn trọng ông. Tôi chỉ có ý nói như thế. Nhưng còn chuyện này? Chỉ là một sô diễn thôi mà.”

Michael gấp tay lại để lên bàn. Anh không nháy mắt. Cuối cùng anh đằng hắng. Sau một khoảng lặng kéo dài, điều này gây nên hiệu ứng của một phát súng.

“Nhà ngươi có làm gì,” Michael nói, “cũng chẳng liên quan đến ta. Đi ra.”

Chương 10

Frank Falcone đánh cá một trăm ngàn đô vào cuộc đấu tại võ đài Cleveland Armory. Lão ta sắp sửa phải ngồi cạnh võ đài, lão bảo Nick Geraci, cho dầu Geraci phải bơi vào bờ với Falcone thúc mạnh vào sau lưng. Don Forlenza đề nghị dùng một trong các chiếc thuyền của ông ta. Laughing Sal Narducci chỉ ra rằng những võ sĩ năng cân hơn đã vào cuộc đấu. Không còn gì ngoài mấy chiếc thuyền câu không thích hợp để đi xa đến mức đó giữa biển khơi trong giông bão.

Đây chẳng phải là một chuyến bay dài: có lẽ chỉ độ mười lăm phút. Geraci bảo họ đừng lo lắng gì, anh đã từng bay trong những điều kiện còn tệ hơn gấp trăm lần thế này -chuyện này dĩ nhiên chỉ là phét lác để trấn an thôi - và anh đến sửa soạn cho máy bay sẵn sàng cất cánh. Anh báo cho đài kiểm soát không lưu ở Sân bay Burke, nơi này ra một cảnh báo kiên quyết là không được cất cánh vào thời điểm này. Anh làm bộ không nghe thấy gì.

Chiếc máy bay hai động cơ chở theo Toni Molinari, Frank Falcone, Richard “Khỉ Cái” Aspromonte, Mancuso Tay trái, và viên phi công, chính thức trên danh sách là Gerald O’Malley, cất mình lên cao từ Đảo Rắn Rung chuông lao vào bầu trời đen kịt. Từ lúc họ lên máy bay, chuyến bay quả là một cuộc vật lộn với giông bão để sống còn. Phi công quá bận tâm đối phó với cơn giông quét qua đường bay nên không còn biết chắc là có chuyện gì trục trặc với nhiên liệu không. Có lẽ là không. Anh đã kiểm tra cả hai thùng đựng xăng trước khi cất cánh. Anh chuyển sang thùng xăng kia không phải vì muốn cẩn thận dự phòng nhưng bởi vì anh cần hướng tiêu điểm vào chuyện khác. Khi anh căng mắt, qua bầu trời đục như nước cháo, để tìm những ánh đèn từ Cleveland, anh nghĩ là mình nghe được tiếng động cơ đang khục khặc, lộp bộp, và không phải suy nghĩ, anh tự động chuyển đổi nguồn tiếp nhiên liệu và buột mồm nói ra điều gì đó cho tháp kiểm soát không lưu về chuyện phá hoại, điều mà trong những điều kiện này, sẽ khó để đánh giá, ngay cả với một phi công dày dạn kinh nghiệm gặp mười lần Geraci.

Chiếc máy bay thực hiện cuộc tiếp cận đầy rủi ro đến Cleveland. Những lời cuối của phi công gửi đến tháp kiểm soát là “*Sono fottuto*”. Dịch thẳng: “Tôi bị đéo rồi.”

Thế rồi, còn cách bờ độ một dặm, máy bay đâm sầm xuống mặt nước sủi đầy bọt của Hồ Erie.

Geraci từng bị va chạm thô bạo khi chơi bóng đá ở trường, và còn bị nặng hơn nhiều trên võ đài. Một lần nơi hồ Havasu, anh ngồi trong một thuyền cao tốc do bốc anh lái và đâm vào một kè tàu bằng nhôm. Một cú va đập thật nặng nề, một cú đâm quá ư tàn bạo và chiếc thuyền cao tốc vỡ ra mà anh vẫn sống sót với đầy đủ đầu mình chân tay còn dính liền nhau quả là... nhờ phước đức mấy đời ông bà để lại! Song chuyện này cũng mới chỉ là... một nửa phần tệ hại so với việc tạt vào mặt Hồ Erie bằng một chiếc máy bay với ta ngồi cầm lái chiếc máy bay đó!

Chiếc máy bay bật lên rồi lao xuống lại, cày một luống sâu vào lòng nước. Một lát sau, Geraci mới cảm nhận mình ở dưới nước. Cửa buồng lái bị hóc, không mở ra được. Anh rút đôi chân lên dùng hết sức tổng mạnh cho thủng một lỗ lớn nơi tấm kính chắn gió trước mặt. Nước hồ hoàn toàn đen ngòm ủa vào. Trong lúc anh cố gắng chui qua cái lỗ, một bàn tay bấu chặt vào cánh tay anh. Tối đen nên chẳng biết đó là tay ai. Anh cố gắng lôi người ấy theo mình, xuyên qua cái lỗ nơi tấm kính chắn gió. Nhưng người kia bị kẹt lại. Nếu Geraci chịu trận thì cả hai đều sẽ chết. Anh sắp hết hơi thở. Sức bấu của bàn tay kia rất mạnh, các ngón tay cắm sâu vào da thịt cánh tay anh. Geraci nạy các ngón tay ấy ra, cảm nhận và nghe được các đốt xương kia gãy ra.

Geraci bơi xa khỏi xác chiếc máy bay đang chìm. Anh nghe ngóng âm thanh của tiếng mưa rơi nặng hạt để tìm hướng lên mặt nước. Phỗi anh co thắt và yết hầu anh phập phồng một cảm giác tê tê, râm ran suốt hai cánh tay anh. Anh cảm nhận một cơn đau nhói nhức nhối, hầu như

một cảm giác căng cứng, nơi đỉnh đầu. Anh sắp bị ngộp nước. Thôi thế là tiêu đời. *Hãy có một tư tưởng cuối cùng tốt lành, một ý nghĩ cao cả, xứng đáng*, nhưng tất cả những gì mà anh có thể nghĩ về chỉ còn là dòng nước bắn thử kinh tởm này đây nơi anh sắp chết ngộp, chết chìm trong đó. Nhưng anh vẫn tiếp tục bơi. Mẹ anh xưa kia cũng thích bơi lắm. Mẹ ơi! Ô, đó là một ý nghĩ cuối cùng tốt lành. Anh yêu quý mẹ. Bà là một hiền mẫu, một hiền phụ. Anh có thể thấy bà. Bà còn trẻ hơn cả khi anh thấy bà lần cuối. Bấy giờ bà đang nhâm nhi ly martini và đọc một tờ báo điện ảnh bên cạnh một hồ bơi ở gần nhà. Nhưng nay bà đã chết rồi.

Johnny Fontane, cùng với những khách mời rất đặc biệt của anh, Buzz Fratello và cô bạn khả ái, đầy tài năng, Miss Dotty Ames, hoàn thành sô tấu hài của họ tại Phòng Ốc Đảo Xinh Tươi của Lâu Đài Trên Cát với một buổi diễn tạp kỹ gồm những bài hát, những ứng tác tung hứng về chuyện say sưa chè chén, trình diễn cho một đám đông vẫn chưa biết gì về vụ tai nạn trên đây. Đây là một công chúng khán thính giả chỉ gồm toàn là khách mời, phần lớn là các viên chức nghiệp đoàn Xe tải trên khắp nước Mỹ, cùng với các bà vợ (hay các em bồ nhí). Michael Corleone, như một cảnh ô-liu (biểu tượng của hòa bình, hòa giải), cũng đã mời một ít đại diện chọn lọc khác từ các ngành kinh doanh thực phẩm, khách sạn... Bởi vì là một party thân mật, nên ngay cả những người mà thông thường thì không thể đặt chân vào Las Vegas cũng có thể tham dự. Chẳng hạn: ngay trên sân khấu là người em Butchie của Don Molinari (một tay chuyên bắt cóc đòi tiền chuộc, chặn cướp xe hàng, tổng tiền...) và nhiều tay đầu sỏ khác từ San Francisco. Trong phòng vệ sinh quý ông, đang cố rằng dái một cách khó khăn vì dính bệnh lậu mủ và đang chửi thề um sùm cái thằng nhỏ hư đốn của mình bằng tiếng Ý, là quý ông Carlo Tramonti (một tay giết người, một tay ăn trộm cỡ lớn, kẻ cố ý gây hỏa hoạn và lừa đảo bảo hiểm), hiện là ông chủ ở New Orleans và là một thế lực đang lên ở Havana. Các Gia đình tội ác khác của New York đều có ít nhất một thành viên đại diện cho mỗi gia đình, mỗi người đều có vợ và các vệ sĩ tháp tùng. Người mặt nhợt nhạt đeo đôi kính râm khổng lồ đứng đằng xa kia là Louie Russo Mặt Đéo (kẻ sở hữu đồ trộm cắp, chủ mưu những vụ hành hung gây trọng thương, hối lộ các viên chức...), được một số thành viên FBI tin là đang vận động để chạy đua vào địa vị hãy còn trống *capo di tutti i capi* (thủ lĩnh của mọi thủ lĩnh/ Thống lĩnh) của toàn bộ tổ chức được mệnh danh là La Cosa Nostra. Tụ họp lại với nhau, sự xuất hiện của tất cả những con người này đã cung cấp đủ vỏ bọc để du hành nhanh đến những người cộng tác của gia đình Corleone từ New York mà không làm dấy lên nghi ngờ. Cũng đáng lưu ý - đặc biệt là từ khi họ đứng sát ngay sân khấu, là cặp tân hôn đang hưởng tuần trăng mật, mặt mày đỏ hồng lên với hạnh phúc, nàng Susan, nguyên là vợ của Zaluchi với ông chồng mới Ray Clemenza.

Trong chỗ đứng trái nhung đèn dành riêng cho mình Michael Corleone hơi ngửa người ra sau và rít một hơi thuốc dài. Anh nhìn đồng hồ. Một chiếc đồng hồ Thụy sĩ đã hơn năm mươi năm tuổi. Trước kia chiếc đồng hồ này thuộc về một tay Thủy quân Lục chiến tên là Vogelsong, trong giờ lâm tử đã dùng hơi thở cuối cùng để nói rằng mình muốn Michael giữ kỷ vật này.

Giờ đây, nếu mọi chuyện diễn ra đúng kế hoạch, thì tất cả những người trên chiếc máy bay kia đều “nên” già từ cuộc đời cả rồi!

Michael đã từng thấy những chiếc máy bay vỡ tan. Rất gần. Quá dễ cho anh hình dung ra vẻ hãi hùng trên khuôn mặt người khi máy bay lao đầu xuống. Anh lắc đầu. Anh không muốn nghĩ về chuyện đó nữa.

Thay vì thế, anh sẽ nghĩ về chuyện này: Kế hoạch của anh tiến hành suông sẻ. Anh có gặp những trở lực, những tổn thất không lớn lắm, những điều chỉnh giữa dòng, nhưng cuối cùng mọi chuyện đều hanh thông.

Giờ đây Ủy ban Tối cao có thể họp mặt. Hagen đã nhằm: không có thỏa thuận nào dài lâu trừ phi có đám Chicago dính vào, nhưng không có hòa bình nào gồm cả Chicago lại phù hợp với quyền lợi tốt nhất của Corleones trừ phi Louie Russo đi đến bàn hội nghị với tâm trạng rất khích động. Cú rơi máy bay vừa rồi hẳn là đủ khích động lão ta.

Michael có lẽ chưa bao giờ hút nguyên cả một điếu thuốc nhanh đến thế hay thưởng thức thêm một điếu nữa. Anh đốt điếu khác và hít vào sâu.

Anh đã làm điều anh cần làm. Phải thế thôi. Vì lẽ đó, anh sẽ ngủ ngon, ngủ phở phẩn, không “iêu tư” ray rức gì cả. Xét cho cùng chuyện này rồi cũng sẽ được phủ che và rơi dần vào quên lãng trong vòng vài ba tháng nữa thôi. Anh sẽ đi nghỉ ngơi và ngủ mười hai tiếng mỗi ngày. Từ khi lớn khôn, anh có lúc nào được nghỉ ngơi đâu. Những năm tháng anh buộc phải đi ẩn mình ở Sicily cũng phải đối phó với bao nhiêu chuyện chứ đâu có lúc nào nghỉ ngơi. Trong thời chiến anh đã có những lúc thanh thoi với các kỳ nghỉ phép ở Hawaii, New Zealand. Nhưng một cuộc nghỉ ngơi với gia đình? Chưa bao giờ. Anh và Kay và đám trẻ có lẽ nên tới Acapulco. Có thể lại đến thăm Hawaii vào thời bình. Tại sao không? Vui đùa làm trò hề với Anthony và Mary theo kiểu Bố vẫn đùa với anh em chàng hồi nhỏ, chôn người trong cát, xoa dầu chống nắng lên đôi mông căng phồng hấp dẫn của Kay, có lẽ nên xem xét nghiêm túc chuyện có nên cho nàng mang bầu vài châu nữa không. Chàng sẽ mặc áo chim cò hoa lá và nhảy điệu Mambo.

Chúng ta đã làm điều đó, Bố à, chàng nghĩ. Chúng ta đã thắng.

“Ôi Chúa Toàn năng,” Clemenza nói, mặt đỏ gay vì cười và chỉ một ngón tay mập núc ních vào Fratello, anh chàng này đang chạy nhanh quanh sân khấu như một tên nghiện ma túy đang lên cơn. “Này, hấn diễn hay đấy chứ nhỉ?”

“Vâng, cũng coi được”.

Fontane đã lùi về phía sau, thực hiện những tiết mục câm như những trò đùa chơi phù phiếm nhưng vẻ xuất sắc mà anh toát ra ngay cả khi anh không cố gắng - có lẽ lúc đó sẽ càng đặc biệt hơn - quả là một cái gì thật đẹp. Anh ta là một tên du đãng điểm đàn nhưng anh ta cũng là một nghệ sĩ, thực thế. Michael đã không thể chấp nhận cái cung cách của Fontane thể hiện trong buổi chiều, nhưng theo cùng lẽ đó, anh lại không thể còn cố chấp để bực bội với anh chàng này nữa.

Còn Fratello? Một trường hợp gây bối rối. Đây là một anh chàng đã quanh quẩn bao năm như là “kẻ vụng về thô kệch với cây kèn saxophone” (the *cafone* on the saxophone).

Thế rồi anh ta bỏ cây saxophone xuống, bắt đầu ca hát như một chàng Da đen nhưng với giọng Ý kiểu *mamma-mia*, kết hôn với một nàng chân dài tóc vàng bằng nửa tuổi chàng, và dùng một cái trở thành Buzz Fratello và Dotty Ames, hai ngôi sao của *Chương trình Tạp kỹ Thường nhật The Starbright*.

Fratello kết thúc tiết mục bằng cách chạy nước rút qua sân khấu, nhào lặn xuống sàn, trượt dài đi khoảng mười bộ xuyên qua giữa đôi chân của Dotty, dừng lại rất đúng thời điểm để anh ta có thể lặn tròn, rồi nhìn lên đứng quần của nàng và dụi mắt trong một kiểu nghi ngờ hài hước. Fontane tiến tới. Dotty giúp Buzz đứng lên và cả ba cúi người chào. Đám đông đứng bật dậy. Các diễn viên rời sân khấu. Sự hoan hô nhiệt liệt vẫn tiếp tục. Các thành viên ban nhạc tiếp tục bản nhạc chào mừng (fanfare); rõ ràng sẽ có lời yêu cầu biểu diễn tiếp.

Michael cảm nhận một bàn tay trên vai mình.

“Điện thoại,” Hal Mitchell thì thầm. “Từ Tom”

Michael gật đầu và dụi điếu thuốc đang hút dở. *Thời điểm diễn số đây*. Anh liếc mắt qua bàn của Louie Russo. Ai đó cũng đang thì thầm điều gì đó vào tai lão ta và khi Michael tiếp nhãn với kẻ thì thầm, anh chàng đó quay lơ chỗ khác. Michael rướn người lên và vỗ vào Clemenza.

Mấy giây sau - trong khi ban nhạc diễn tấu khúc Mala Femmina quyến rũ và Buzz, Dotty, và Fontane móc tay nhau, nháy nhót nô giỡn trở lại sân khấu để biểu diễn tiếp - thì một vài những hàm ý về những gì có thể đã xảy ra hay có thể đã không xảy ra trên Hồ Erie, hẳn là đã đến tai Louie Russo. Nhưng khi lão ta nhìn qua cặp kính râm hướng đến chỗ đứng bằng nhung đen ở một góc phòng, thì chỗ ấy trống không. Ngay cả ngọn nến cũng đã bị thổi tắt.

Đầu của Nick Geraci bung lên khỏi mặt nước. Lỗ mũi anh vồ chộp lấy không khí, ngấu ngiến. Không khí tràn dâng xuống đôi cánh tay, xuống đôi chân anh và rồi anh rú lên tiếng tru man dã của con sói đồng hoang gặp nạn. Đó là lần đầu tiên anh cảm nhận cái đau khốc liệt từ những chiếc xương sườn dập nát và từ chiếc ống chân nứt gãy.

Cách anh khoảng một trăm yards, một vệt dầu loang đánh dấu nơi chiếc máy bay đâm xuống Hồ Erie. Bập bênh giữa khoảng dầu loang đó là một trong hai cánh máy bay, với một khoanh lớn của một bên thân máy bay mang logo con sư tử trên nó, và nửa phần trên của cái hóa ra là... thân ma của Frank Falcone!

Geraci rất lơ mơ về những gì đã xảy ra hay là lỗi của ai, bởi cơn đau và chất adrenaline tiết ra nhiều khiến cho khó mà nghĩ được cái gì cho rõ ràng. Anh chỉ còn được buộc vào lí trí bởi niềm xác tín rằng nếu mọi người ở đằng kia đều chết, thì chắc là anh cũng đã toi đời. Sự cứu nạn có thể có nghĩa là được giải thoát bởi... cái chết! Anh vẫn lơ mơ giữa đôi bờ hư thực, chẳng biết đâu phù du mộng ảo, đâu thực tưởng chân như. Anh đang trôi bèo bồng giữa tử sinh xuôi ngược đôi dòng...

Qua màn mưa anh có thể thấy được làn sương mù mỏng dâng lên từ chân trời Cleveland. Anh bơi ra xa khỏi nơi ấy. Hướng về phía bắc. Quay lại Đảo Rắn Rung Chuông, đến Canada, tìm một chiếc thuyền đi qua. Một nơi nào đó anh có thể kiếm cho mình thời gian để lần ra manh mối mọi chuyện. Một nơi nào đó để anh phục hồi nghị lực và kiểm soát vận mệnh mình. Cái ống chân nứt gãy làm anh cảm thấy như là nó đang được nướng trên lò lửa với cơn đau tàn khốc và mấy chiếc xương sườn bị dập của anh làm cho anh thở rất khó khăn, thế nhưng vào lúc chiếc thuyền cao tốc của Đội Tuần Duyệt bờ Đông Canada phát hiện ra anh, Geraci đã bơi xa khỏi địa điểm tai nạn khoảng một phần tư dặm, bị sốc đến cùng cực, ngất đi, hai buồng phổi đầy nước, bất tỉnh hoàn toàn.

Được che khuất sau những bức tường chắn của ngọn tháp cao nhất trong ba ngọn tháp hình củ ấu kiểu đền đài Hồi giáo của Lâu Đài Trên Cát và được bao bọc trong ngọn tháp bằng kính phản chiếu nhau là một phòng khiêu vũ quay tròn nơi buổi lễ sẽ diễn ra.

“Tôi cá rằng anh sẽ được ngửi mùi mực in liền bây giờ thôi,” Clemenza nói, vừa thúc chỏ nhe vào Michael. “Chú gần như có thể ném được nó, đúng không nào? Ở trong cổ họng mình, ấy? Giống như dầu, nhưng thơm hơn nhiều.”

Hình ảnh phản chiếu của Michael trong các cửa thang máy bằng đồng bóng loáng đang uống từng ngụm nước ướp lạnh từ một chiếc bình pha lê. Trông anh vững chãi, đường bệ, bất khả xâm phạm, một kẻ đang gặp vận hành thông, thuận buồm xuôi gió.

Clemenza từng là người đã mang Michael đến lễ khai tâm, vài tuần sau khi anh quay về Mỹ sau tám năm tự lưu đày ở Sicily để tránh bị bắt sau khi hạ sát một tay cóm.

Trên đường về nhà, họ dừng lại nơi, khi Michael rời xứ sở, từng là văn phòng của một tờ nhật báo. Một trong những tay cho vay nặng lãi của Clemenza đã được quyền chiếm hữu tòa nhà đó. Clemenza nói rằng ông cần nhìn qua nơi chốn đó để hình dung ra là nên đem cho thuê, hay đem bán nó đi hay là đốt quách nó đi cho rồi. Mọi khả năng đều có thể là thật.

Khi họ bước vào căn phòng trống rộng thênh thang nơi trước kia là phòng in ấn thì ở đó, trong

ánh sáng nhợt nhạt cuối mùa hè, ngồi sau một cái bàn dài mà nước sơn màu xanh đang bong ra, có mặt Tessio và bố của Michael, Vito Corleone. Trên bàn là một ngọn nến đã được đốt lên, một thiếp ghi tên thánh, một khẩu súng ngắn và một con dao. Michael biết điều gì sắp diễn ra: họ sắp làm lễ khai tâm cho anh vào Gia đình. Sau tất cả những gì đã xảy ra thì chuyện này chỉ còn là thủ tục. Chuyện giết hai người này chính là ý tưởng của Michael - một người, Sollozzo, là kẻ đã dàn xếp vụ tấn công Vito Corleone và người kia, Mc Cluskey, một tay cóm được móc ngoặc, là kẻ đã đâm vỡ mặt Michael. Lúc đó Sonny, tạm quyền Ông Trùm, đã chấp thuận những vụ chém giết đó nhưng Tessio lại phản đối cho là chưa phải lúc.

Sau này Vito đã biện hộ rằng ông chẳng bao giờ muốn cuộc sống đó cho Michael nhưng rồi hiển nhiên là ông nghĩ rằng không ai khác có thể xứng tầm với trọng trách. Trong lễ khai tâm Michael, ông bố làm bầm những từ khó hiểu trước khi vai ông bắt đầu phập phồng. Ông bắt đầu thốn thức. Clemenza cũng làm theo như thế. Tessio kết thúc buổi lễ bằng một phối hợp giữa tiếng Sicily và tiếng Anh, với một kiểu hùng biện lơ đãng. Sau đó họ bẻ cổ hai chai Chianti. Vito vẫn không thể ngừng sụt sịt. Mùi mực và dầu mỡ bốc lên trên Michael nhưng dường như không phải do nồng độ của chúng. Ngày hôm sau quần áo anh toát mùi hôi thối đến lợm giọng khiến anh phải vội vàng tống khứ chúng vào sọt rác. Tuần lễ sau tòa nhà phát hỏa và đổ sập thành một đồng hoang tàn. Tay chỉ huy trưởng sở cứu hỏa đã bị chi phối để chùng chình cho quân đến thật trễ khi tòa nhà đã... không còn gì để cứu! Một tháng sau vụ đó, anh chàng bị bay chức, từ giã sở cứu hỏa và chuyển về Florida. Giờ đây anh ta phụ trách những chiến dịch rửa tiền ở đó -những cửa hàng bán rượu, máy bán hàng, bất động sản - và đã đính ước với nàng góa phụ của Sonny, Sandra.

Hai cánh cửa thang máy mở ra. Michael và Pete bước vào và cùng lên tầng trên cùng.

“Forlenza hẳn không bao giờ khử chính nghĩa tử của ông ta.” Clemenza - người từng theo lệnh của Michael, khử Carlo Rizzi, cha đẻ của nghĩa tử của Michael - nêu nhận xét. “Tôi cũng không nghĩ là có khả năng một kẻ nào đó từ bộ sậu khác lại có thể đặt chân lên hòn đảo chết tiệt đó mà Trùm Do thái lại không biết. Tôi cho rằng kết luận hợp lí nhất là tai nạn,” lão chốt vấn đề.

Thông tin đáng giá nhất mà Hagen có thể thu thập được đó là trong vụ rớt máy bay nọ, có một kẻ sống sót. Điều này chưa được xác nhận. Nếu như kẻ sống sót đó là một trong hai Ông Trùm hay một trong những thủ hạ của họ như thế có vẻ tốt hơn. Chứ nếu kẻ đó là Geraci thì chuyện gì sẽ xảy ra sau này khó mà hình dung được. Người ta có thể hoặc không thể coi anh ta là một phi công riêng nào đó có tên là O'Malley chẳng liên hệ gì với Gia đình Corleone. Cũng còn có vấn đề là hầu như khó có thể tìm hiểu anh ta đã biết gì hay đã có thể hình dung ra chuyện gì. Và rồi còn có vấn đề cơn bão tố. Bão tố có thể gánh chịu lời nguyên rửa cho mọi chuyện, điều này càng giúp cho vụ rớt máy bay kia có được hiệu ứng đầy đủ. Nhưng Michael đã dự trù làm thế nào để vận dụng mọi sự mơ hồ nào về nguyên nhân của tai nạn một cách có lợi cho mình. “Tai nạn không xảy ra,” Michael nhận định một cách sâu sắc, “đối với những ai coi tai nạn như là một sự xúc phạm riêng tư.”

“Vậy là do phá hoại?”

“Tôi không biết. Tôi đồng ý là Don Forlenza không thể nhần tâm đến độ khử chính nghĩa tử của mình, ngay cả nếu như ông ta có lí do để làm điều đó. Theo chỗ chúng ta biết thì ông chẳng có lí do nào để buộc phải làm điều đó. Nhưng tôi lại không chắc lắm về chuyện lén vào hòn đảo ấy là hoàn toàn bất khả.”

“Nếu không phải là Forlenza -”

Michael nhún vai, nhướn một bên lông mày, và giữ đôi mắt chiếu tướng Pete.

“*La testa di cazzo*” (Thống lĩnh giang hồ). Clemenza một tay kéo núm stop khẩn cấp, tay kia

dắm chìm vào tường. “Tên Mặt Đéo Russo.”

Michael gạt đầu, như thể chìm trong suy nghĩ. “Một chiếc máy bay,” anh nói, “và ai bị thương? Chúng tấn công chúng ta, tấn công Molinari, tấn công Falcone, một kẻ vô pháp vô thiên mà chúng nghĩ có lẽ đã bước chân quá xa khỏi lãnh địa của mình, và mọi chuyện có vẻ như Forlenza đã ra lệnh. Bốn kẻ cạnh tranh lớn nhất của họ không phải ở đây, Las Vegas, mà là ở nửa phần phía Tây của xứ sở này.”

“Mọi thứ ở phía Tây của Chicago là của Chicago,” Clemenza nói giọng chế diễu. “Một tiêu ngữ bố lão thật!”

“Chú nói chí phải,” Michael để thêm. “Tên nhố nhăng đó quả là mục hạ vô nhân quá. Hắn tưởng trên đời này hết còn ai là anh hùng hào kiệt nữa hay sao?” Anh lắc đầu theo cái cách khiến anh trông rất là thành thật lấy làm tiếc!

Clemenza hít đầy không khí cho phồng má lên, thở ra chậm chậm, rồi nhấn nút vào. Khi hai cánh cửa thang máy mở ra, khoảng vài ba chục người đã có mặt ở đó, rải rác khắp phòng khiêu vũ. Clemenza vỗ vào lưng Michael. “Đừng để chuyện nhắm đó làm hỏng chuyện ở đây,” ông thì thầm. “Hãy hưởng cuộc vui, okay? Và hãy ngạo với nhân gian một nụ cười. Cho dầu chỉ là một nụ cười ‘đờ-mi’ thôi!”

Michael đã nói dối.

Cũng không hẳn là nói dối. Giống thế này hơn: anh dắt một con ngựa xuống nước và Pete Clemenza đã lom khom nhìn và say mê. Nếu Pete nhanh chóng nguyên rửa Russo như thế, thì không chỉ có mình ông ta mà thôi.

Sự thật là Michael Corleone đã tìm cách sát thương cả bốn kinh địch phía Tây của anh ta. Phần việc đó thì dễ thôi. Cái khó là làm sao thực hiện được chuyện đó mà không bị ai nghi ngờ hay nguyên rửa. Bằng cách “hòa âm phối khí” sự cố sao cho không một linh hồn sống nào khác biết rõ về chuyện anh làm (Cả Hagen lẫn Pete đều không biết, không ai biết cả), anh cũng có thể làm được chuyện đó.

Frank Falcone là một mối đe dọa. Kể từ khi Michael đã sai người giết Moe Greene, thì Falcone là vật cản lớn nhất đối với sự bành trướng của gia đình Corleone đến Las Vegas. Pignatelli có vẻ phục tùng Chicago hơn là Falcone thế nhưng vì mối quan hệ làm ăn với Corleones - cả việc tham gia vào dự án Lâu Đài Trên Mây lẫn túi tiền mặt mà hắn ta nhờ Johnny Fontane giao nộp như một cống phẩm để giết Falcone - hắn ta không đặt ra một đe dọa thực sự nào.

Tony Molinari là một đồng minh lâu đời, đúng vậy, nhưng sự cảnh giác ngày càng tăng của hắn ta về việc Michael thiết lập căn cứ tác chiến tại Hồ Tahoe, cách San Francisco khoảng vài trăm dặm, là một vấn đề trên đà leo thang. Bất hạnh thay là hắn ta đã trở thành một khối ung thư mà tốt nhất là nên dùng phẫu thuật laser để loại trừ.

Forlenza đã là một lão già ngồi xe lăn. Làm cho lão mất uy thế, mất đi sự kính nể của giới giang hồ thì hay hơn là giết lão. Suốt nhiều năm trời lão từng khoe khoang khoác lác với các ông Trùm khác về cái pháo đài ngầm cực kỳ kiên cố, với những ứng dụng kỹ thuật số tiên tiến nhất, nơi hòn đảo Rắn Rung Chuông của lão (cái pháo đài sẽ bảo vệ cho lão cùng với thân nhân và những bộ hạ trung thành của lão sống sót cả sau cuộc chiến tranh nguyên tử tổng lực giữa Mỹ và đồng minh với Liên xô và chư hầu. Ghê thế đấy!). Lão sẽ phải gánh chịu toàn bộ hay một phần lời nguyên rửa về vụ rơi máy bay. Ngay cả nếu không ai đến báo thù lão, cũng vẫn sẽ có áp lực từ chính những người của lão buộc lão phải... “thoái vị khỏi ngai vàng”. Sal Narducci, *capòregime* của lão - người đã đi đêm với Michael Corleone và đã đích thân làm đốc công giám sát qui trình kỹ thuật để phá hoại chiếc máy bay - sẽ trở thành Ông Trùm. Sau hai mươi năm

chờ đợi để được ngồi vào chiếc ghế quyền lực này, chắc chắn đây là cú đánh cá với xác suất thắng cược cao nhất trong việc giữ cho lão im miệng về chuyện bằng cách nào lão đã đạt được ngôi cao quyền lực. Kiến lập Narducci vào địa vị ấy cũng có nghĩa là cắt đứt mọi quan hệ giữa bộ sậu Cleveland với gia đình Barzinis.

Phần hay nhất của kế hoạch này là hiệu ứng nó tạo ra trên đám Chicago. Sẽ là bất khả để chứng minh rằng Russo đứng đằng sau vụ này và cũng bất khả không kém để phản bác nó. Nhưng một khi Michael cho các thành viên của Ủy ban Tối cao biết rằng viên phi công tử nạn O'Malley thực sự là *capomóri* của anh, thì mọi người có suy nghĩ đúng đắn sẽ nhận định ra ai là kẻ được lợi nhất trong chuyện này.

Lẽ nào Forlanza lại đang tâm giết chính nghĩa tử của ông ta? Không thể nào.

Lẽ nào Michael Corleone giết tay *capo* vừa mới được chính anh bổ nhiệm? Ai tưởng tượng nổi điều ấy?

Chỉ còn lại đám Chicago.

Michael đã khéo léo thu xếp để chơi đám Chicago một ván đau mà không giết một mống nào trong bộ sậu của Russo. Nhờ vậy Michael sẽ không phải lo lắng chuyện Russo tìm cách trả thù. Sự mất mát rõ ràng nhất mà Russo phải chịu đó là giờ đây lão ta phải đến bàn hòa nghị trong tư thế yếu. Nhưng Michael cũng chỉ cần có thế.

Quyết định khó khăn nhất mà Michael phải ra, đó là giết Geraci.

Không còn gì phải bàn cãi về việc Geraci đã hoàn thành một công việc xuất sắc với công cuộc kinh doanh ma túy, thế nhưng tính hiếu chiến của anh chàng này là một vấn đề. Tham vọng của chàng ta là không giới hạn, lớn hơn là chính chàng ta tưởng. Mặc dầu từng tỏ ra trung thành một cách kiên định, chưa bao giờ quờ quạng, chuêch choạc song mối liên hệ của chàng ta với Forlanza vẫn luôn là một yếu tố đáng phải quan tâm. Chàng ta có lẽ sẽ còn mãi đau đớn với chuyện Tessio. Và khi Michael phong Fredo làm *sotto capo*, Geraci đã hỏi anh, giữa công chúng, là anh có mất trí không. Sau đó họ đã cùng ăn tối ở Patsy's. Không có ai khác ngồi chung bàn. Không có ai khác nghe. Geraci đã xin lỗi. Nhưng ít có Ông Trùm nào chịu tha thứ một sự mao phạm bất kính như thế. Chuyện đó có vẻ nhỏ nhặt nhưng đã thuyết phục Michael Corleone rằng tất cả những ưu tư nhỏ hơn về chàng ta là có cơ sở và càng trở nên nghiêm trọng hơn.

Thế nhưng mỗi ưu tư sau cùng được biện minh đã khiến Geraci bị giết. Cho dầu chuyện ấy đã được tha thứ. Không có chuyện phản bội. Những tài sản Geraci làm ra dễ dàng vượt quá trách nhiệm của anh ta. Michael thích anh chàng ấy.

Hy sinh Fausto Geraci Jr. là chuyện mà một người như Vito Corleone sẽ không làm.

Đúng hơn đó là hành vi của một tay Thủy quân Lục chiến, kẻ đã từng chứng kiến hàng ngàn người tốt mà vẫn chết, dường như chỉ là chuyện hên xui: một điều ác cần thiết để đánh đổi cơ hội hoàn thành một điều thiện lớn hơn.

Một kế hoạch hoàn hảo, trừ phi đúng là có một trong những người kia sống sót.

Và cũng đúng là... người tính sao bằng trời tính!

Còn Clemenza cũng đã nói dối.

Buổi lễ khai tâm cho Michael không phải là lần duy nhất mà ông đã thấy Bố già trong tình trạng đó. Lúc hãy còn xanh xao yếu ớt vì những vết thương do đạn bắn từ cuộc mưu sát mà ông may

mẫn thoát chết, Vito đã quay về nhà từ đám mac của Santino, bị suy sụp với nỗi đau buồn sâu sắc đến độ cảnh tượng đó ám ảnh mãi tất cả những ai đã từng chứng kiến. Lúc đó Michael đang lẫn trốn ở Sicily nên không thấy cảnh đó. Những người đã - mẹ của Michael, em gái anh và chồng cô ấy, anh em của anh, Tom và Fredo, và Pete Clemenza, người, không bao lâu sau khi tiếng nức nở bắt đầu, đến ôm lấy bạn mình rồi cáo từ về nhà, để cho gia đình họ với nhau - mang theo với họ hình ảnh của con người bị suy sụp đó và âm thanh của những tiếng kêu gào than khóc khủng khiếp của ông. Họ không bao giờ nói về chuyện ấy, không nói với nhau và chắc chắn là không nói với bất kỳ ai khác, ngay cả với Michael.

Nhiều người có mặt tại sân diễn của Fontane xuất hiện nơi phòng khiêu vũ quay tròn. Một cuộc tiếp tân, dường như tất cả chỉ là thế. Không có cuộc xuất hành hàng loạt của các viên chức công đoàn, các thành viên ban nhạc hay của phụ nữ. Trong mức độ mà mười ba người mới đến có thể đoán, thì đã có một lúc mấy người kia có mặt nơi đây. Tiếp đến, những thành viên cũ của Gia đình Corleone đang mang hai chiếc bàn dài được phủ khăn trải bàn bằng len trắng đến sàn nhảy bằng gỗ và từng mỗi người bên ngoài đều đi ra.

Ai đó tắt hết đèn.

Khắp cả phòng, người ta đặt tay lên vai những người được bổ nhiệm và chúc mừng họ bằng những lời thì thầm khàn khàn (lẽ ra phải là mười bốn người nếu như Fredo không làm cho Figaro lỡ chuyến bay). Đây là những con người mà đám lính mới ngược nhìn lên từ bao năm - những kẻ mặc các bộ cô-mê-lê đặt may, lái những chiếc xe sang trọng, đeo những cô nàng chân dài dài các, ban phát ân huệ và tìm kiếm ân huệ cho mình, sinh hoạt trong một thế giới dường như huyền bí, đầy quyền lực và không thể vươn tới. Bên ngoài phòng khiêu vũ đang chìm trong bóng tối kia, những du khách tìm lãng quên đang nghịch nước nơi hồ bơi trên sân thượng.

Khi những ngọn đèn trong phòng khiêu vũ sáng trở lại, bàn đã được bày biện: mười ba bộ lễ khí, mỗi bộ gồm một cây nến tạ ơn, một thiệp tên thánh, một con dao găm, và - trong một cử chỉ nhằm nói lên sự bành trướng của Gia đình về Miền Viễn Tây (một ý tưởng của Fredo, nói cho công bằng), một khẩu Colt 45 lấp lánh.

Mười ba người mới được chỉ vào chỗ ngồi. Những người khác - khoảng năm mươi người, một số từng dự sân diễn, một số vào thành phố và vào Lâu Đài Trên Cát chỉ vì vụ này - ngồi ở những chiếc ghế chung quanh vòng tròn.

Michael Corleone ngồi với số còn lại của đám thuộc hạ. Anh tạo ra yên lặng. Anh không phải là một người mê tín, nhưng anh đang làm việc với những người mê tín và anh biết rằng họ đang đếm đi đếm lại số người ngồi ở giữa và không thích sự kiện con số vẫn là mười ba. Nhưng nguy cơ để cho tâm trí họ loay hoay với sự trùng hợp ngẫu nhiên kia dường như đáng với sự tưởng thưởng để mặc kệ cho những người hiện diện cảm thấy bất an trong nỗi bối rối cố che giấu của họ. Đối với một người, họ rõ ràng đang cố gắng để làm như đây chính là một thời điểm đặc biệt ngoại lệ trong cuộc đời họ, nhưng họ lại không mấy thành công trong cố gắng đó. Họ biết anh là ai và anh đóng vai trò gì ở đây, và do vậy hơi tức cười khi thấy họ cố gắng không nhìn vào anh. Anh có thể nghe giọng của Trung sĩ Bradshaw, huấn luyện viên cũ của anh trong quân đội: *Người bác bỏ nỗi sợ hãi. Một Thủy quân Lục chiến không sợ phải chấp nhận nỗi sợ hãi. Người cười nhạo và chế giễu nguy hiểm. Người phớt lờ nguy hiểm. Đối mặt với nguy hiểm, một THỦY QUÂN LỤC CHIẾN... PHÓT LỜ... KHÔNG CÁI GÌ CÁ!*

Cuối cùng, Michael đứng lên.

"Tôi xin kể cho các bạn nghe câu chuyện của một cậu bé," anh nói, vừa tiến gần lại các bàn. "Cậu bé sinh ra trước đây một ngàn một trăm bốn mươi năm ở một miền quê trên đảo Sicily, gần thị trấn Corleone. Thời niên thiếu của cậu trải qua trong giàu có và hạnh phúc cho đến khi cậu mười hai tuổi, thì những đoàn quân Ả rập trên đường bắc tiến qua các rặng núi, đã tàn sát

tất cả già trẻ lớn bé trên đường chúng đi qua, trong đó có bố mẹ của cậu bé. Cậu bé núp trong một cái chum bằng sành, lén nhìn ra ngoài và thấy lưới gươm công của quân man rợ chặt bay đầu mẹ mình nhưng từ đôi môi nơi chiếc đầu đã đứt lìa của bà vẫn thét lên những lời yêu thương dành cho đức con duy nhất của mình. Những cuộc chém giết đó chỉ là những hành động bạo tàn thuần túy. Bọn Á rập giết người vô tội chẳng phải để bảo vệ cái gì hay để trả thù cho cái gì. Chúng coi việc giết người chẳng qua cũng như hái một trái cà chua nơi vườn cây, hái một chùm nho nơi cánh đồng, một trái ô-liu từ khu rừng nhỏ. Chuyện vặt. Chúng ông đây giết người vì chúng ông khoái giết người. Sao, bọn giun để chúng bây có thức ăn khiêu nài gì không? Ra đây, lưới gươm của quý ông đây sẽ giải đáp cho! Khả khả! Chúng mày tức hả? Uất ức hả? Thì cũng làm đéo gì được chúng ông nào? Khả, khả, khả!

Rồi chúng nghênh ngang tiến về mục tiêu, thành phố Palermo.”

Michael rút một điều xì gà từ cái túi ngực của chiếc áo tuxedo. Hơn một người trong số những người hiện diện chúi bàn tay nhom nhóp mồ hôi lên chỗ đùi mình.

“Tên của cậu bé,” Michael nói, “là Leolucas.” Michael dừng lại, đốt điều xì-gà và để cho tầm quan trọng của cái tên vừa được xướng lên đó ngấm sâu vào đầu óc người nghe. “Mặc dầu mới mười hai tuổi cậu không chỉ xoay xở để quản lí điền sản gia đình mà còn làm việc đồng áng nặng nhọc với thời gian dài chẳng kém một chàng lực điền gấp đôi tuổi mình. Nhưng rồi với năm tháng qua đi, chàng trai nghe ra, trong nỗi cô đơn giữa những cánh đồng, ớn kêu gọi cho chàng biết thiên mệnh đích thực của mình. Chàng bán hết gia trang điền sản, đem tiền của cứu giúp người nghèo khó, và vào dòng tu. Sau nhiều năm, trở thành tu sĩ, ông quay về ngôi làng thời tuổi trẻ, hành vô lượng công đức và được mọi người biết đến ông yêu mến. Ông ra đi trong thanh thản yên bình khi đã thành một vị bách tuế thượng thọ.

“*Cent’anni!*” (Một trăm tuổi!) Clemenza kêu to lên. Mọi người cạn ly chúc mừng.

“Năm trăm năm sau,” Michael kể tiếp, đi vòng mọi người quanh các bàn, “lời cầu xin hộ của Leolucas đã bảo vệ thị trấn Corleone khỏi cuộc bùng phát của Trận Dịch Đen. Và vào năm 1860, hơn một ngàn năm sau khi ông mất, Leolucas báo thù những kẻ giết cha mẹ mình bằng cách hiện ra như một tháp lửa trắng trước đạo quân xâm lược, làm cho chúng hoảng sợ tháo chạy khỏi Corleone và rơi vào vòng vây của đại quân Garibaldi và người anh hùng này đã đuổi quân xâm lăng khỏi Sicily. Những phép lạ này, và nhiều phép lạ khác tại di chỉ phần mộ của ông, đã được Đức Thánh Cha ở La mã xác chứng. Leolucas giờ đây và mãi mãi là -” Michael rít một hơi đầy khói xì-gà thượng hạng, sải bước từ bàn này đến bàn kia, từ từ nhả ra từng đợt khói thơm lừng, và cầm lấy tấm danh thiếp thiêng liêng từ trước mặt Tommy Neri vốn là một trong mười ba môn đệ tân tông. Anh trân trọng hôn vào tấm thiếp rồi đặt xuống lại. “- vị thánh bốn mạng của Corleone. Nay quý đạo hữu?”

Anh làm một chuyển động quét với bàn tay. Từng người một trong đám mười ba người cung kính hôn bức ảnh bằng giấy bồi của Thánh Leolucas.

“Chỉ ít năm sau lần xuất hiện gây kinh hoàng trong hình trạng tháp lửa trắng của Thánh Leolucas,” Michael nói, “nơi một túp lều tranh giáp với những cánh đồng xưa kia thuộc quyền sở hữu và được canh tác bởi bậc thánh nhân Leolucas, một đứa bé khác ra đời. Tuổi thơ của cậu bé cũng vui vẻ hạnh phúc cho đến, cũng vào độ tuổi mười hai, có những kẻ đến giết bố cậu. Cuộc mưu sát hoàn tất với ba phát từ *lupara*. Mẹ cậu bị đâm chết rồi bị moi ruột, như đối với một con vật. Bị tử thương, bà cũng cố gào lên những lời yêu thương dành cho con mình. Cậu bé chạy trốn. Những kẻ sát nhân chạy đuổi theo cậu, biết rằng một ngày nào đó cậu sẽ tìm cách giết chúng. Tên của người đó -”

Michael lại rít một hơi dài từ điều xì-gà. Anh cảm nhận định mệnh của chính mình chảy xuyên qua người đó. “- là Vito Andolini. Chàng trai đó một mình di cư đến những bờ biển lạnh giá của

nước Mỹ, ở đó, để cho những kẻ sát nhân không tìm ra mình, chàng ta đổi họ, lấy tên làng cũ làm họ của mình. Đó là một trong những cử chỉ tình cảm hiếm hoi mà ông từng thể hiện, tất cả đều phải phù hợp với *la famiglia* (gia đình) - và đến đây anh dùng nắm tay vỗ vào ngực - "với *figliolanza* (đứa con) yêu quý của ông" - và đến đây anh chạm vào cằm mình. "Chàng trai làm việc cật lực, giúp đỡ bạn bè, xây dựng nên cơ ngơi đồ sộ và không bao giờ dung dưỡng một tư tưởng thiếu khiêm tốn. Ngày nọ ông thực sự quay về Sicily và báo thù cho cái chết của cha mẹ mình. Vito Corleone, người mới đầu năm nay đã ra đi thanh thản nơi khu vườn yêu thích của ông, là cha tôi. Tôi, Michael Corleone là con trai của ông. Nhưng" - và anh chỉ những người ở vòng ngoài - "những con người danh dự này, cũng là *la famiglia Corleone*. Nếu các bạn mong muốn cùng một nhà với chúng tôi, chúng tôi mời các bạn tái sinh như thế."

Michael ngồi xuống. Fredo đã được dự định để thực hiện phần kế tiếp. Bất kể những gì mà những người như Geraci nghĩ, việc Michael lập anh mình làm *sotto capo* (phó tướng) vẫn là một phương tiện để khích lệ hơn là một công việc. Fredo đã được giao cho một ít trách nhiệm được định nghĩa một cách hạn hẹp, một đám nhỏ những người tin cậy nhưng tầm thường, một nhà thổ trong sa mạc, mà anh ta, với tính khí thất thường, đã thoái thác. Michael phải ẩn nhẫn chuyện này. Bạn có đánh đập, có huấn luyện thế nào cũng không thể biến một con lừa thành con ngựa đua được.

Clemenza cầm cây gậy xuống sàn, cầu nhàu lún tiếng và đứng lên.

Chắc chắn là từng người trong số mười ba người này đều đã hiểu những thủ tục của buổi lễ. Nhưng có những qui ước phải tuân thủ. Clemenza bắt đầu bằng cách giải thích cơ cấu của Gia đình. Michael Corleone là Nghĩa phụ, là Cha đỡ đầu với uy quyền tuyệt đối. Federico Corleone là *sotto capo*. Rocco Lampone và chính ông, Pete Clemenza, là các *caporegimes*. Clemenza không nhắc đến vai trò của *consigliere*. Chuyện này là một trường hợp kể từ khi cái chết của Genco Abbando, trước tiên bởi vì Hagen, vốn không phải là dân Sicily, không bao giờ có thể tham dự vào, quan sát, hay ngay cả được nêu lên trong những nghi lễ này, và rồi trong thời gian ngắn mà Vito làm *consigliere*, sổ sách vẫn còn đóng lại. Clemenza chẳng nhắc nhở tí gì đến Nick Geraci.

"Trước khi các bạn đến với chúng tôi," Clemenza nói, "các bạn cần hiểu rõ một số điều." Ông đổi sang tiếng Sicily và tiếp tục, đi cà nhắc quanh chu vi mười ba người. "Chuyện chúng ta sắp nói đây không phải là chuyện làm ăn mua bán mà là một vấn đề danh dự. Nếu bạn đồng ý gia nhập, thì chuyện của chúng ta phải đến trước cả chuyện của đất nước. Trước cả Chúa Trời. Trước cả chuyện vợ con bạn, trước cả cha mẹ bạn. Nếu bạn được triệu tập và lúc đó mẹ bạn đang trên giường lâm tử, bạn cũng chỉ hôn bà rồi từ biệt để thi hành nhiệm vụ cấp trên giao phó."

Ông dừng lại trước chiếc ghế nơi ông đã bắt đầu. Ông nghiêng người về phía trước, tựa lên chiếc gậy, xa đến nỗi có vẻ như ông sắp ngã lộn mào. "Các bạn hiểu chứ? Các bạn đồng ý không?"

Những người kia không ngần ngại chấp thuận.

Đáp lại, Clemenza chậm chậm gật đầu và ngồi xuống.

Michael lại đứng lên và, như thể là bù trừ cho vẻ yếu ớt của Clemenza, anh tiến đến các bàn bằng những bước sải dài, mạnh mẽ, oai vệ. Anh đã ăn quá nhiều, uống quá nhiều, làm việc quá nhiều và ngủ quá ít. Acid dâng lên nơi cổ họng anh.

"Có hai điều luật," anh nói, "mà các bạn phải phục tùng không điều kiện. Các bạn không bao giờ được phản bội những bí mật của hội kín chúng ta, phải tuân thủ truyền thống *omerta* (luật im lặng) từ xa xưa. Hình phạt đối với việc vi phạm điều luật này là cái chết. Các bạn không bao giờ

cưỡng hiếp vợ hay con của một thành viên khác. Hình phạt đối với việc vi phạm điều luật này cũng là cái chết. Các bạn có thể, bằng chính mạng sống của mình, giữ những điều luật này không?”

“Xin thề!”

Những người lớn tuổi hơn có lẽ nhận ra sự vắng mặt của điều luật thứ ba, được nêu lên trong mọi lễ khai tâm mà Vito Corleone từng thực hiện: *Bạn không bao giờ dính líu vào việc buôn bán ma túy*. Không ai nói lời nào về chuyện này, ngay cả một tiếng xầm xì cũng không.

“Các người đi vào là người sống,” Michael nói, “và các người đi ra là tử thi” (You come in alive and you go out dead).

Ngày anh cầu hôn em, Kay, anh nói rằng những việc kinh doanh của chúng ta sẽ trở thành hợp pháp trong năm năm nữa.

Michael tiến gần lại Tommi Neri. “Những công cụ giúp bạn sống và chết là khẩu súng” - đến đây Michael cẩn giữ điều xì - gà và một tay cầm khẩu Colt lên - “và con dao.” Tay kia anh nắm lấy con dao găm. Anh sắp hai vũ khí đó xuống trước mặt Tommi, đặt chúng chéo vào nhau.

“Các bạn có đồng ý,” Michael nói, “rằng, khi được kêu gọi đến, các bạn sẽ sử dụng súng và dao để giúp Gia đình này?”

“Vâng, thưa Nghĩa phụ”

Michael rút mạnh một hơi xì - gà và dùng đầu điều thuốc để châm cháy ngọn nến dâng cúng của Tommi Neri. Rồi anh chỉ vào tay phải của Tommi. Tommi xòe rộng bàn tay ra. Michael cầm con dao găm lên, chích máu nơi ngón tay little của Tommi, kẹp ngón đó trong lòng bàn tay anh và bóp thật chặt, cẩn thận ấn sức ép xa khỏi vết thương và nhờ vậy tăng cường số lượng máu nhỏ ra.

Từng người một, mười hai người kia đưa ra cùng câu trả lời giống vậy và phục tùng cùng nghi lễ đó.

Michael quay lại phía cuối bàn. Anh vỗ lên nắm tay khép của Tommi. Tommi mở nó ra rồi để hai bàn tay lại gần nhau, bàn tay nhỏ máu phía bên phải và bàn tay sạch phía bên trái, quay lòng bàn tay lên và khum lại thành hình chén. Michael nhặt lên tấm thiệp tên thánh của Thánh Leolucas, đốt cháy tấm thiệp bằng ngọn nến dâng cúng tạ ơn và thả nó rơi vào hai lòng bàn tay của Tommi Neri. “Qua lại liên tiếp,” anh thì thầm.

Tommi tung hứng ảnh vị thánh đang cháy từ tay này qua tay kia.

“Nếu có khi nào bạn phản bội bạn bè mình,” Michael nói, “bạn sẽ cháy thiêu.” Anh thổi một hơi nhỏ khói xì - gà vào khuôn mặt không nao núng của Tommi. “Giống như bức hình vị thánh bốn mạng yêu kính của chúng ta hiện đang đốt cháy lòng bàn tay đã chích máu để hội thề của bạn. Bạn chấp nhận điều này không?”

“Vâng, thưa Nghĩa phụ.”

Michael trông chừng cho tấm thiệp hoàn toàn thành tro tàn. Sau đó, dịu dàng như một người tình, anh xoa tro vào hai lòng bàn tay của Tommi, rồi hôn chàng ta, dịu dàng, lên mỗi bên má.

Từng người một, mười hai người kia phục tùng cùng nghi lễ đó và đưa ra cùng câu trả lời đó.

“Gli uomini qualificati” (Giờ đây các bạn đã là những con người đủ phẩm chất), Michael nói. “Nào các bạn, hãy tự giới thiệu với huynh đệ của mình.”

Căn phòng nổ bùng ra trong một hỗn hợp tạp âm của những lời chúc tụng, nút sâm banh nổ lộp bộp, những lời reo hò chúc mừng bằng tiếng Ý. Những người ở vòng ngoài giữ nguyên vị trí của họ để bảo đảm rằng các thành viên mới thực sự đi vòng quanh phòng đúng như qui định để tự giới thiệu họ, hôn vào má của mọi người ở vòng ngoài, không để sót em nào. Michael đã hôn họ cả rồi. Anh chuồn ra cửa sau và xuống cầu thang. Anh biết rằng điều đang chờ đợi anh ở nhà có thể là tin tức về sự leo thang những rắc rối của anh. Nhưng cũng may là ngày trọng đại này cũng qua đi suông sẻ. Cũng may là anh có thể nghỉ ngơi đôi chút để ngày mai còn tiếp tục lao vào cuộc chiến với một đầu óc tỉnh táo hơn. Anh đã cảm thấy đỡ hơn nhiều khi bước ra khỏi căn phòng đó, xa rời mùi khói thuốc và mùi rượu nồng. giờ đây, những nụ hôn duy nhất mà anh mong muốn là những nụ hôn từ vợ con mình.

Bạn đi ra là tử thi.

Anh đi đến chiếc xe. Trong khi chờ Al Neri thu gom các khẩu súng ngắn và giao nộp lại cho anh, Michael bỗng thấy bao tử mình nhộn nhạo. Anh cố chống chọi lại. Nhưng rồi không chịu nổi anh phải quì gối xuống và bắt đầu nôn. Mọi thứ tuôn trào ra - rượu strega, rượu whiskey, những thức ăn mà Enzo đã chăm chút chế biến cho thật ngon miệng, mọi thứ từ cuộc đi chơi dã ngoại, cho đến cả những hạt bắp rang cuối cùng ăn trong lúc xem phim.

“Ông ổn rồi chứ, thưa ông chủ?” Những khẩu súng ngắn nằm sát vào nhau trong hộp có gối lót và Al Neri đã mang chúng phóng xuống bao nhiêu bậc cầu thang, qua nhiều phòng khách và nhiều hành lang. Một phờ người.

“Ồ, vâng,” Michael đáp. Người anh đầm đìa mồ hôi. Dầu còn loạng choạng, lão đảo, song anh vẫn cố đứng lên. Anh làm rách gối chiếc quần. “Tôi ổn rồi. Đi thôi.”

Những con dao găm từng được dùng để chích ngón tay lấy cò của người nào thì người ấy giữ luôn bên mình. Những con dao găm bằng thép cực tốt, ánh lên sắc xanh lạnh, tay cầm nạm mấy viên đá quý. Một tặng phẩm đặc biệt của Gia đình và trở thành vật bất ly thân trọn đời cho gia môn tử đệ.

Chương 11

Fredo Corleone kích hoạt bộ truyền lực chiếc Chevrolet thuê và đạp mạnh thắng bên dưới chỗ nhô ra phía trên của bãi đậu xe. Ở băng ghế sau, Figaro thức giấc, chửi thề bằng tiếng Anh còn Cabra thì chửi thề bằng tiếng Sicily. “Gặp lại các bạn ở đó nhé,” Fredo vừa nói vừa bước ra khỏi xe. Anh móc ra một tờ hai mươi đô cho người hầu, rồi thấy đó là anh chàng thường lệ và anh ngưng lại. “Này, tờ mờ tí nhé. Khoản tiền boa lớn nhất mà bạn từng nhận được là bao nhiêu?”

Anh chàng phục vụ nhìn anh, vẻ mặt trông buồn cười. “Một trăm đô,” chàng ta nói. “Mới một lần thôi.”

Fontane, Fredo nghĩ. Anh rút ra hai trăm đô. “Tìm cho tôi một chỗ tốt nhe, okay, và tìm cách tống mấy đồng bèo nhèo kia ra khỏi xe trước đã. Ê! Vậy là ta đã phá kỉ lục của ai vậy?”

“Của chính Ngài đấy,” anh hầu nói. “Vừa mới tuần qua.”

Fredo cười lớn, đi vào bên trong bằng cách chạy lúp xúp. Lúc ấy là ba giờ sáng nhưng bên trong Lâu Đài Trên Cát không có khái niệm giờ nghỉ ngơi. Người người vẫn tấp nập, sinh hoạt vẫn rộn ràng. Những người đàn bà bị thôi miên, mặc áo dài trong nhà, đầu mang đầy những ống quần tóc, thuốc lá đóng đũa từ khóe miệng này đến góc môi kia, bơ thờ, uể oải, không phấn son tô điểm, chỉ chăm chú nhét những đồng phỉnh vào các máy đánh bạc. Chỗ khác là những đám người tụ tập nơi các bàn đánh bài blackjack Các chủ sòng quan sát, nhìn chùng, dĩ nhiên rồi, và con mắt ở trên trời cũng thế, nếu như có ai ở trên đó, nhưng đây là những người vốn đã thấy Fredo Corleone vội vàng băng ngang họ trước đây, đó là một cách khác để nói rằng nếu bất kỳ ai không liên hệ với các cameras an ninh hay với Ủy ban Cờ bạc Nevada hỏi họ xem họ có thấy Ông Corleone đi ngang qua đấy không, có thể họ đã cau mày và nói “Ai?”

Anh ta sống nơi một dãy phòng trên lầu ba - năm phòng, kể cả một sào huyết riêng với một quầy bar và một cái bàn lớn bằng cả một hồ bơi kích cỡ để thi đấu. Anh đã vắng mặt khoảng hai tuần, dự bàn công việc ở New York và cố gắng giúp mẹ thu dọn hành trang cho cuộc tây tiến. Ngay khi vừa mở cửa, anh đã linh cảm rằng có điều gì đó không ổn. Vật cụ thể trước tiên mà anh lưu ý đó là các bức màn đều được kéo xuống và phòng tối om như mực. Fredo không bao giờ buông màn xuống, và anh không bao giờ tắt Tivi, đầu là những chương trình dở ẹt, chán ngắt, và ngay cả khi anh ra khỏi phòng, đi xa. Ban ngày, khi ngủ anh mang mặt nạ. Anh nhảy ngược về bên ngoài, xa khỏi tầm đạn, và thọc tay vào túi áo jacket để tìm khẩu súng.

Không có súng. Khẩu Colt Peacemaker (Súng Colt, Người Tạo Ra Hòa Bình!), khẩu súng từng hạ hàng vạn tên liều mạng trong hàng ngàn bộ phim bụi bặm, đã thất lạc đâu đó nơi những miền hoang dã của xứ Detroit rộng lớn.

Ở đầu kia của sảnh lớn một cánh cửa mở ra và một bà ăn mặc kiểu cổ hủ mang một lưới bao tóc và một áo dài lưng thụng, bước ra mang một cốc bằng thiếc đựng đầy tiền xu và một móng ngựa thực. Đi theo sau bà ta là một anh chàng rụt rè, nhút nhát mặc áo lót, quần sóc kiểu Bermuda, đôi mũ cao bồi trắng sáng loáng mà chắc là anh ta vừa mới mua ngay hôm đó. Fredo còng người. Không có tiếng động nào từ phòng của anh. Bà già cổ hủ hẳn là đã thấy Fredo thu mình lại bên ngoài cánh cửa nơi sảnh lớn nhưng bà vẫn cúi đầu và hướng thẳng về phía các bậc thang. Người chồng vẩy tay, khuôn mặt vặn vẹo thành một cái nhếch mép tuyệt vọng.

Cánh cửa dẫn vào cầu thang khép lại.

Fredo đếm đến mười. “Hello?” anh gọi. “Ai trong đó vậy?”

Lẽ ra anh nên đi qua chỗ khác để tìm sự an toàn. Nhưng anh đã kiệt sức và không còn suy nghĩ đúng. Anh chỉ còn muốn tắm nhanh một phát cho tỉnh người để còn đi đến phòng khiêu vũ dự buổi lễ quan trọng. Anh không muốn tỏ ra là kẻ nhút nhát đi gọi đám an ninh khách sạn chỉ vì có cô hầu phòng mới nào đấy chưa được dặn dò là đừng bao giờ kéo màn che kín lại hay tắt Tivi nơi phòng của Ông Corleone.

Không có tiếng động nào. Hẳn là thế rồi, anh nghĩ: một cô hầu phòng mới.

Khi anh đi vào và sắp với tay bật đèn lên, một ý tưởng đột ngột đến với anh rằng đây đúng là lúc mà nhiều người lãnh một phát đạn vào ngay giữa hai mắt khi họ lơ là cảnh giác và nghĩ, *Ồi, mặc kệ, có gì đâu.*

Ngay lúc anh vặn công -tắc đèn, tiếng dội nước trong toilet vang lên. Tim anh gần như đập mạnh vào xương sườn, nhưng trước khi anh có cơ hội chạy trốn hay tránh né hay ngay cả la lên “Ài đó?” thì từ cánh cửa để mở của phòng tắm một người nữ hoàn toàn khỏa thân bước ra, tóc vàng óng ả, Nàng rú lên.

“Ồi lạy Chúa! “nàng nói. “Anh làm em sợ hết hồn!”

Giọng nàng toát ra âm sắc Pháp rõ rệt. Rất hiện thực, không có vẻ gì là ma mị, hồ ly, hoang đường. Fredo khép lại cánh cửa ra hành lang phía sau anh và cảm nhận nhịp tim mình chậm lại một tí. “Anh có được hân hạnh từng biết em chưa vậy?”

Em tiến về phía chàng, nở một nụ cười rất tươi, và rất lẳng. Thân hình em nâu bóng, chắc là do tắm nắng nhiều, mặc dầu lông mi của nàng cũng màu vàng tươi. Đúng là một làn da sóng sánh thơm ngon mật, dễ làm thấm đẫm hồn người đối diện một vị ngọt nồng. “Em đã chờ anh bao lâu rồi anh biết không?” Một thứ tiếng Anh lơ lớ giọng Pháp nghe ngồ ngồ mà dễ thương làm sao!

“Nói nghiêm chỉnh nhé, em cưng. *Em là ai, xiêm áo bỏ đâu đây, Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm?* Chuyện gì đang xảy ra thế này? Là thực hay là mơ? Ai để em vào phòng anh vậy?”

“Từ hồi năm giờ chiều đến giờ,” em thỏ thẻ. Nàng chỉ vào cái xô đựng đá ướp chai sâm -banh để gần giường. “Đá đã tan hết từ mấy giờ trước rồi.” Nàng nhún vai, động tác này làm cho hai đầu vú nàng tung tung lên. Những quầng đỏ khá lớn bao vòng quanh các núm vú như sắc màu vỏ trái táo chín ửng trên lòng đĩa men sứ. “Em xin lỗi nhưng chai rượu giờ đây cũng đã rỗng không rồi.”

Giọng nói rất thật. Nàng cũng hơi nói líu nhíu, luyến âm các từ.

“Mật ngọt nè,” anh nói. “Anh không nghĩ là cưng biết mình đang có chuyện với ai, đúng không nào?”

“Em nghĩ là mình có thể” (I think I might). Nàng phát âm *think* lơ ra thành *sink*, nghe càng dịu dàng, ngọt ngào hơn! Nàng uốn một bên eo và bấu môi dưới ra làm bộ như hờn dỗi. “Ngài là *ông giáo ộp* Fredo Corleone, đúng không?”

“Tại sao cô không bắt đầu bằng cách cho tôi biết cô là ai?” Giọng Fredo bỗng chuyển sang tông lạnh.

Cô đưa tay ra và cười khúc khích. “Tên em là Rita. Tên đầy đủ là Marguerite. Nhưng” - cô hạ thấp một vai trăn xuống, giờ đây cô thấy xấu hổ - “Cứ gọi em là Rita.”

Fredo không bắt tay cô. “Hello, Rita. Lí do nào khiến tôi không nên tống cô vào tù về tội xâm

nhập gia cư bất hợp pháp? Cô nói tôi nghe được không?”

“Một cô gái lỏa thể nằm chờ anh để làm tình chưa đủ là lí do sao anh?”

“Tôi đang mất kiên nhẫn với cô rồi đấy, búp bê ngực nghịch ạ.”

“A!” Cô hất đầu ra sau, nổi sùng. “Anh chẳng vui tính chút nào. Johnny Fontane đã gửi tôi đến đây, được chứ? Tôi là” - cô cười như thể một lời đùa riêng đầy nuối tiếc cho mình - “Tôi là một món quà cho anh, không được sao? Johnny đã lệnh rằng tôi phải ‘tuốt tuồn tuột’ và nằm sẵn trong giường đợi anh.” Cô đỏ mặt vì sượng. “Nhưng một cô gái đã uống hết chai sâm - banh và sắp sửa chiều chuộng anh hết mình mà anh nỡ -”

Chiều chuộng hết mình? Ông Fontane quả là khả ái vô cùng, nhưng đáng tiếc, giờ đây đã quá muộn, cô thì quá say, còn tôi mệt khủng khiếp, và trên hết là, tôi còn một việc rất quan trọng phải làm ngay tối nay. Đúng ra là sáng sớm nay, tức là sắp sửa đây vì lúc này, cô biết đấy, đã là hơn ba giờ sáng rồi. Dầu gì đi nữa. Em cũng nên đi đi, cưng à. Nếu em cần xe đưa đi, anh có sẵn.”

Cô gật đầu, quay vòng, và đi lấy quần áo mà cô xếp thật gọn gàng, tinh tươm trên chiếc bàn đêm. Cảnh ấy khiến anh nhói tim. Nàng có đôi chân thon dài, săn chắc trông thật ngon mắt. Lần đầu tiên anh mới nhận ra điều ấy.

Anh đi đến tủ quần áo để lấy đồ thay. Khi anh quay lại, vật duy nhất mà cô mới khoác lên người là chiếc áo ngực bằng vải hoa. Anh sẽ không bao giờ hiểu được điều đó. Bạn nghĩ các nàng luôn luôn sẽ, trước tiên, che kín cái... của quý, bởi vì thường thì đó là cái được tụt ra sau cùng, nhưng để cho người phụ nữ một mình mặc quần áo thì hầu hết họ sẽ bắt đầu với chiếc nịt ngực. Ôm đầu trong đôi tay, cô ngồi khóc bên mép giường.

Những em điểm say xỉn, anh nghĩ, lắc đầu.

“Em áy náy quá,” cô nói.

“Có gì đâu mà em áy náy,” Fredo nói. “Xem nào, đấy chẳng phải là cái gì, tôi cũng không rõ -” Anh đặt bàn tay lên má nàng. Cô ngược lên nhìn anh. Những giọt nước mắt thật, và cô đang cố nén. Cô tự thấy mình thật điên dại khi khóc lóc một cách lằng xẹt như thế. “Em là một cô gái xinh đẹp, đúng không nào? Chỉ có điều là bây giờ quá muộn mà anh lại có công việc quan trọng cần phải đi đến một chỗ khác. Ý anh muốn nói là, nếu như em thực sự muốn chờ ở đây, anh sẽ quay lại ngay khi giải quyết xong -”

Cô lắc đầu. “Anh không hiểu đâu.” Cô lau mặt với chiếc quần lót của mình. Hình như cùng hiệu với chiếc nịt ngực. Anh liếc nhìn thử: Sears. “Em không làm nghề này. Ý em muốn nói là -” Cô xoay tròn mắt và nhìn lên trần nhà. “Em muốn nói là, em làm chuyện này, không phải vì -” Nàng để thoát ra một hơi thở sâu. “Em là một vũ công, đúng không nào? Vũ công của sô diễn nghệ thuật, không hề để ngực trần. Còn chuyện này em chỉ coi là... chuyện vui đùa có chút mạo hiểm. Từ đó có đúng không? Một cuộc chơi liều mà thỉnh thoảng em muốn thử cảm giác. Em đâu phải là -”

Fredo đưa cho cô chiếc khăn tay. Anh từng giao du thân mật với hàng tá kiều nữ giang hồ từ khi anh chuyển về Las Vegas và một điều anh học được về chuyện khóc lóc của các nàng đó là, tốt hơn hết là cứ việc lằng lằng đưa cho các cô em một chiếc khăn tay (nhớ đưa một chiếc khăn mới sạch sẽ, mềm mại thơm tho chớ đừng thấy cho em một chiếc khăn cũ mềm, hôi rình!) Đừng lân la dỗi dành, vớ vẩn mấy em là mọi sự rồi sẽ ổn thôi, bé ngoan, đừng khóc nữa...

Anh ngồi xuống cạnh cô em. Dầu anh cần phải đi. Anh xoa tay vào mông nàng. Cái mông tròn

cửa vắn của nàng có làn da săn chắc và mịn màng hơn phần lớn phụ nữ khác, kể cả các em còn trẻ. Phần dưới của một nữ vũ công như thế này là quá chuẩn! Tiếc là anh không thể dành nhiều thời gian hơn nữa cho chuyện này. Johnny đã cố làm một hảo bằng hữu, hảo huynh đệ, nhưng có lẽ cũng đúng là chàng ta đã quất nàng một nhát rồi sau đó xoay đầu nàng vòng vòng và thuyết phục nàng đồng ý làm cái điều mà có lẽ nàng đã không bao giờ chịu làm ở bất kỳ nơi nào trên nước Pháp quê hương nàng. “Anh có một ý tưởng,” chàng nói.

Cô ngược lên nhìn chàng. Có vẻ như nàng đã kiểm soát được dòng nước mắt.

“Johnny đã chi cho em bao nhiêu để đến đây?”

“Một ngàn đô”

“Đợi ở ngay đây nhe.”

Fredo đi vào trong phòng riêng, cuốn ngược lên bức tranh chép sơn dầu nàng *Mona Lisa* được lắp bằng bản lề, mở tủ sắt đặt vào hốc tường, và lấy ra hai tờ tín phiếu mệnh giá một ngàn đô/tờ. Có lẽ nàng chưa bao giờ thấy một trong những tờ tín phiếu này trong đời mình; thấy một lúc cả hai tờ lại càng hiếm. Chính quyền ít quan tâm phát hành loại này. Chàng gấp đôi các tờ phiếu, đi trở ra và ấn chúng vào tay nàng.

“Cứ giữ một ngàn đô mà em đã có,” anh nói,” và cũng giữ hai tờ này. Em không cảm thấy tủi thân là một gái điếm, bởi vì làm thế nào mà em lại là gái điếm cơ chứ nếu chúng ta không -, em biết chứ?”

“Fuck?” nàng nói.

Có một âm sắc hy vọng trong giọng nói của nàng làm Fredo bối rối, như thể là chuyện đéo nhau sẽ làm nàng vui lên hay đại thể là thế! Anh đã cố gắng để không nói ngay cả tiếng *fuck* bởi vì nàng đã sẵn sàng cong người như một em điếm đang trong tư thế tác nghiệp mà rất háo hức nhiệt tình chứ không chỉ thuần túy là nghiệp vụ! “Đúng rồi,” anh nói. “Nếu chúng ta không fuck. Chỉ một quả thôi”.

Nàng gật đầu, nhận lấy tiền và tuồn vào trong túi chiếc áo dài đỏ để bên cạnh.

“Em chỉ có việc là trở lại với anh Johnny và khi anh ấy hỏi em chuyện chúng mình diễn ra thế nào” - Fredo biết thế nào chàng Johnny cũng tò mò hỏi câu đó - “em phải hứa sẽ nói với anh ấy” - Fredo tạm ngưng để nháy mắt và cười nhả nhả với nàng - rằng anh đã đánh em một quả quá xá đã như chưa từng có ai lập được kỳ công đáng nể đến thế!”

“Đánh một quả quá xá đã,” nàng lặp lại, vừa kéo chiếc xì -líp lụa có hoa lên. Nàng có vẻ buồn về chuyện ấy. “Nhất trí.”

“Bé gái ngoan quá!”

Điện thoại reo. Figaro, tay vệ sĩ mới của anh gọi. “Ờ, ổn. Không sao.” Fredo ngẩn gọn, kiếm lời.

Trong khi “giám sát” nàng mặc quần áo -nghiêm túc như thiên hạ giám sát việc tôn trọng nhân quyền - anh cởi giày, vớ và áo sơ -mi.

Anh bảo rằng mình sẽ đến nơi trong chốc lát nữa thôi. Figaro báo rằng vẫn còn người ở đó. “Tốt,” Fredo nói. “Thế Michael còn ở đó không?” “Không, ông ấy đi rồi” “Tệ quá!” Thở phào, Fredo gác máy.

Anh quay lại nhìn nàng. Chiếc áo dài nàng mặc bằng satin đỏ. Không hiểu sao, với chiếc áo đỏ trên người, anh cảm nhận về nàng một cách khác. Anh cảm nhận một điều gì đó, mơ hồ, khó nói.

“Đây là một bức tranh đẹp,” nàng nói. Nàng chỉ vào bức tranh Thánh Mẫu trong cái khung nhỏ bằng gỗ thông để trên đầu giường. Còn trên tường là một bức tranh thật lớn với một kỵ sĩ Da đỏ cưỡi con ngựa trắng, ngồi buông lỏng trên yên, ngắm cảnh mặt trời lặn. “Có phải anh vẽ bức tranh đó?”

“Cái gì? À, không.”

“Anh có biết ông họa sĩ đó không?”

“Ồ, chỉ là một bức tranh, đúng không?”

“Em đã có khoảng thời gian dài để nhìn bức tranh. Người mẫu của bức tranh đó không có vẻ phù phiếm. Một bức tranh tốt đấy.”

“Một bức tranh tốt?”

“Em từng theo học trường Mỹ thuật.” Cô nhìn xuống. “Trước đây lâu rồi.”

“Đó là một bức tranh tốt,” anh tán thành.

“Okay,” nàng nói, nắm lấy ví tiền.

“Okay,” anh nói, đưa nàng đến cửa.

Nàng rút ra một điều thuốc. Anh sờ túi mình. “Khỉ thật!” anh nói. “Anh làm mất bật lửa rồi.”

“Anh thật dễ mẫn,” nàng nói, vừa gắn điều thuốc vào sau tai anh.

“Ồ, không phải loại thuốc anh hút, cưng à.” Anh trả lại điều thuốc cho nàng.

Nàng nghiêng người về phía anh. Động tác đó có những phẩm chất cần thiết để trở thành một cú mổ yêu vào má, nhưng một điều gì khác Fredo đã biết được về những cô gái chuyên gọi tình ở Miền Tây, biết bao nhiêu điều vào lúc ba giờ sáng mang dáng vẻ của một cái gì có lẽ sẽ tạo nên ý nghĩa biến thành những điều mà những người đàn ông nằm ngủ trong giường họ ở Long Island sẽ chẳng bao giờ tin nổi. Đôi môi nàng hở ra. Lưỡi của chàng vâng lời, xoáy vào cái miệng ươn ướt của nàng, lùa các ngón tay vào mớ tóc vàng ánh bạch kim của nàng. Một hơi thở hỗn hển, khát khao, thềm thường thoát ra từ nàng dường như làm cho cả hai giật mình thảng thốt.

Họ nhìn vào mắt nhau. Đôi mắt nàng mở rộng, như thể nàng vừa tìm lại được chiếc nhẫn nam kim cương mà nàng ngỡ đã đánh mất. Nàng nói đúng, nàng không phải là em điểm chuyên nghiệp. Những em chuyên nghiệp không nhìn bạn theo kiểu đó.

“Đời em,” nàng nói, “thật là quá ư rắc rối.”

“Mọi người đều nghĩ thế,” Fredo nói. “Tuy nhiên, có lẽ em đúng. Về phần em.”

Nàng Rita này có nụ cười hơi lệch.

“Thế à?” nàng nói. “Còn về anh thì sao?”

“Không có gì để than phiền,” chàng nói. “Mặc dầu anh vẫn tiếp tục nghĩ thế. Tuy nhiên anh đoán là mọi sự vẫn trong tầm kiểm soát.”

“Anh nghĩ thế à?” Với ngón trỏ nàng chạm vào khung xương sườn để trần của chàng và xoa, xoay kiểu tuốc - nơ - vít.

Anh & ả lại hôn nhau. Miệng em còn chua từ dư vị của nguyên cả chai sâm-banh kia, nhưng chén chua cay anh vẫn uống mềm môi.

“Fray-die Cor-le-o-ne,” nàng phát âm rải giống như nhạc công chơi một đoạn *arpeggios*.

Nếu lúc này không phải là ba giờ sáng có lẽ chàng sẽ nghĩ ngay rằng thật là ngốc khi chấp nhận nguy cơ một ngày kia cô nàng này sẽ bép xép tiết lộ chuyện nàng ta đã tuột tuột trước mặt Fredo Corleone như thế nào và chàng đã trả cho em đến hai ngàn đô mà chẳng làm gì em. Tại sao chàng còn phải vội lên căn phòng ở tầng trên kia? Những sự kiện khiến chàng đáng phải có mặt ở đó đã diễn ra xong rồi. Thì thôi, hăng cứ nhẩn nha. “Sẵn sàng phục vụ em,” chàng nói.

“Anh kì quá hà!” nàng nói có vẻ không bình thường.

“Em nói sao?”

“Ồ, không có gì,” nàng khỏa lấp. Nàng thở dài nặng nhọc và cầm tay vào nắm cửa. “Hẹn gặp lại khi nào anh thanh thoi và hứng thú hơn nhé, okay?”

À, đúng điều đấy. Từ nãy giờ nàng đã liên tục tạo ấn tượng của một tay găng-x-tơ trên màn ảnh. Anh đặt tay mình lên tay nàng. “Ở lại với anh,” chàng dịu dàng ra lệnh.

Nàng cong cớn lên cái miệng hơi méo, trông buồn cười, ngồ ngộ. “Em hồng biết đâu,” nàng nũng nịu. “Anh có đòi lại tiền hông?”

“Anh đâu có trả tiền cho em về chuyện đó,” anh nói. “Anh trả cho em để đem lại cho Johnny Fontane... những cơn ác mộng!”

Nàng có vẻ trầm tư về chuyện này. “Vậy em có thể trả lại anh ấy tiền của anh ấy, đúng không?”

Fredo mỉm cười. “Tốt lắm,” anh nói. “Hãy nói với chàng ta, em biết rồi, điều mà anh trả tiền cho em để nói với anh ta. Em có muốn anh viết rõ ra hay là em đã nhớ rồi?”

‘Nhớ ‘gồi’. Đánh một quả quá xá đã,’ nàng trả bài. ‘Như chưa từng có ai lập được kỳ công đáng nể đến thế! Đúng chưa? Thấy em thuộc bài giỏi hông?’

“Và sau đó bảo anh ta lấy lại tiền của anh ta,” chàng bảo, “mọi chuyện tốt lắm.”

“Em không chắc lắm về chuyện này đâu à ghen,” nàng nói. “Có lẽ là - ngày mai? Chúng ta có thể bắt đầu lại. Một cuộc hẹn hay cái gì đại loại như thế.”

“Ngày nay là ngày mai, bé cưng à.”

Nàng vẫn có vẻ còn chìm sâu trong ý nghĩ. Nàng đưa ngón tay lên miệng mút mút nó rồi lăn nó chậm chậm xuống tấm ngực trần của Fredo, từ cổ đến thắt lưng. Nàng để bàn tay ở đó.

“Em khoái chuyện sex.” Nàng nói điều ấy như một lời thú nhận thất bại. Giọng của nàng cũng

nhỏ nhẹ chứ không phải cái giọng khàn khàn mà người ta thường nói với các cô gái Pháp. Nàng vẫn còn nhũ âm. “Chuyện đó không tốt, chắc anh biết, nhưng giống như đàn ông em thích chuyện đó.”

Trong một thoáng chốc, câu nói - *giống như đàn ông em thích chuyện đó* - đi qua người Fredo giống như một cú sốc điện. Mặc dầu dĩ nhiên nàng không hề có ý ám chỉ chàng, nhưng trong một giây chia cắt, chàng sợ nàng có ý đó. Rồi chàng thoát ra khỏi ý nghĩ đó và bầu vào hai núm vú nhỏ kia bằng cả hai tay.

Nàng rên rĩ, nhưng giờ đây nàng phát ra âm thanh giống một em chuyên nghiệp. Cố gắng quá mức. Làm gì mới sờ vào hai đầu vú mà đã phê đến thế?

Họ di chuyển đến giường, và nàng mở thắt lưng chàng và kéo mạnh quần ngoài, quần lót của chàng xuống. Fredo nằm ngửa ra trên giường. Nàng đứng xoạc chân bên trên người chàng và vói tay lại phía sau kéo phéc - mơ - tuya chiếc áo xuống.

“Đừng,” chàng bảo.

Nàng quay lại cho chàng kéo xuống giùm.

“Cứ để nguyên như thế,” chàng bảo. “Để vậy mới gây ấn tượng mạnh hơn.”

Nàng nhún vai và ngồi xuống cạnh chàng trên giường. Họ hôn nhau một hồi lâu và nàng đặt tay lên cu chàng. Chàng có thể đã nguyên rửa về tất cả chuyện chè chén sảy sưa ngày hôm qua. Và chàng cũng mệt mỏi biết bao vì chuyến bay bị hoãn lại. Chàng không, không, không muốn nghĩ về chuyện gì khác. Nhưng điều ấy vẫn không xảy ra. Bây giờ khi nghĩ về chuyện đó, chàng bị rơi vào thất bại. *Vậy thì, được rồi, đừng nghĩ đến thằng nhỏ đó nữa*, chàng tự nhủ. Chàng nghĩ về em, hôn em, mắng, vê đầu vú em và có thể sẽ tuyệt biết bao khi đeo nàng mà nàng vẫn mặc chiếc áo dài đỏ lấp lánh đó trên người, điều có thể xảy ra nếu như anh có thể ngừng suy nghĩ về tất cả những điều anh đang suy nghĩ về. Nếu như anh có thể ngừng suy nghĩ, để đầu óc rỗng không, lặng yên, không gợn một tí gì. Anh thực sự cần nạp một châu rượu mạnh nữa có lẽ mọi sự sẽ dễ hơn chẳng.

Nàng khụy xuống trên đôi gối và nắm lấy nó đưa vào miệng nàng nhanh đến nỗi chàng không kịp nói không. Một luồng rung mình khủng khiếp chạy xuyên suốt người chàng. “Đừng,” anh nói, vừa xốc nách nàng để đỡ nàng lên ngang mặt chàng.

Nàng có vẻ bị tổn thương. (Em muốn bú c... anh mà anh còn không cho em b... hả?!)

“Anh không khoái chuyện ấy,” chàng nói. “Đừng... đau đớn vì chuyện đó, okay? Nào, tiếp tục hôn anh đi.”

Nàng vâng lời. Chàng giữ tay nàng trên người mình và kéo chiếc xì -líp Sears có hoa của nàng xuống và mân mê chim nàng. Hai anh chị hôn nhau một hồi nữa.

Nàng có vẻ như một người tình muốn làm tình với chàng theo kiểu tình cho không biếu không. *L'Amour c'est pour rien* là một bài ca Pháp mà. Và nàng là một cô gái Pháp nên nàng cũng sẵn sàng *L'Amour c'est pour rien, Tu ne peut pas le vendre, L'Amour c'est pour rien, Tu ne peut l'acheter* (Tình cho không biếu không, Ân tình ai cũng cho được nhiều, Tình cho không biếu không, Chớ nên mua bán tình yêu. Nhạc và lời Pháp: Charles Aznavour; Lời Việt: Phạm Duy). Cũng có thể là bởi vì nàng đã nghe lời xầm xì rằng thì là... chàng là một ông kẹ thứ dữ, nhưng cũng bởi vì chàng đã rất tử tế dễ thương đối với nàng khi có lẽ chàng không cần phải thế. Nhưng trên hết có lẽ là vì chàng đã quá sộp, đã tặng cho nàng đến những hai ngàn đô mà không phải vì cần làm chuyện ấy, trong khi đã có người trả trước cho nàng cả ngàn đô rồi. Nói cho

cùng thì nàng cũng chỉ là một nữ vũ công thường thường thôi, loại múa phụ họa cho ca sĩ, diễn viên chính chứ đâu phải là ngôi sao màn bạc hay người mẫu nổi tiếng, vậy mà bỗng dưng được cái giá cao ngất ngưỡng, cao không tưởng như vậy bèo sao nàng không cảm động muốn nhiệt tình báo tạ cú chơi đẹp đến sững sốt của chàng hòa hoa công tử. Còn tiền đâu mà chàng chơi ngông kiêu đó - đồng tiền chính đáng hay đồng tiền xương máu... -thì nàng đâu phải là người có bốn phận đi “truy cứu trách nhiệm hình sự” đâu mà phải thắc mắc kiểu dở hơi! Thôi chúng ta gác lại những suy tư vớ vẩn bên lề để trở lại với hoạt cảnh có phần dènh dứ rình rang giữa anh và ả.

Chàng thiết kế tư thế cho nàng trên hai gối và tước cái áo dài đỏ của nàng lên, áp người vào và với bàn tay kia dò dẫm, mò mẫm, sờ soạng tìm của quý của nàng. Nàng với tay ra sau ân cần hướng dẫn anh lối nào vào đào nguyên, đường nào lên thiên thai. Có cái vẻ gì đó về tính dễ tổn thương nơi tư thế đó khiến cái “năng cử khí quan” của anh bỗng chuyển qua điệu rock nặng trong bàn tay nàng và chàng đang đi vào cõi mê li từ cú tập kích đầu tiên. Chàng phải hành động và đừng suy nghĩ. Chàng vỗ chộp hai bên eo nàng, bấu các ngón tay vào xương sườn nàng và dịu dàng xin em thứ lỗi cho nếu có làm em đau. Nàng bắt đầu nói về việc nàng thích chuyện đó đến thế nào và không ngừng hô vang, lặp đi lặp lại *ôi anh tuyệt vời, tuyệt vời, tuyệt vời* và anh nhắm mắt và tăng tốc, nhanh như sức mình có thể.

Thân xác anh căng cứng và anh hét lên.

“Phóng ra đi anh! Người tình tuyệt vời. Phóng ra đi anh.” Nàng thở hỗn hển và rít lên the thé với giọng đầy ham hố, khát khao.

Nhưng anh không đủ sung mãn để phóng ra thành tia bắn mạnh. Anh ôm siết, lắc hông thành những vòng co giật rung rinh trên đôi mông vừa săn chắc vừa mềm mại êm ái của nàng, cuối cùng mới rỉ ra có mấy giọt chút xíu vào suối khe đã ngập nước của nàng. Sau đó sinh thực khí của anh quá nhạy cảm đến đau rát và anh phải lui quân. Có lẽ sẽ gọi dục biết mấy nếu ta nhỏ giọt những hạt ngọc trai ướt át lên mông nàng và lên chiếc áo đỏ kia. Còn gì hứng thú hơn? Anh không thể nói tại sao mình đã không làm điều đó.

Thật ra không phải thế. Anh biết. Anh thích khởi động chúng. Anh không thể nói tại sao. Dầu vậy cũng chưa phải là toàn bộ sự thật.

Anh thả ngửa người trên giường. Anh nhắm mắt và lấy cổ tay đập vào đầu khoảng nửa tá cú đập giết. Anh ghét mình, ghét mình thậm tệ.

Rita cuộn tròn một bên thành một quả bóng. Tự nhiên nàng lại bắt đầu khóc.

Anh ngồi dậy, đi đến cửa sổ và vén màn ra.

Thế là tốt hơn. Anh thực sự thích ánh đèn neon đó. Đêm không còn dài.

Điện thoại lại reo. Anh mang điện thoại vào phòng riêng. Anh bảo Figaro giữ tư thế sẵn sàng, anh sẽ lên ngay. Figaro nói rằng thật là tốt khi họ đã quyết định lái xe đi chứ không ở lại Los Angeles bởi vì có một vài tin tức mà Fredo có lẽ muốn đích thân nghe, và Fredo hỏi Figaro chàng ta có điếc không. Ta đã nói là ta sẽ lên ngay, rõ chưa?

Fredo rút ra một khăn tay sạch khác bằng len, loại thượng hảo hạng, và đặt xuống trên giường cạnh Rita. “Này, cưng ơi,” anh nói. Giống như một chàng cao -bồi, “Này, người đẹp ơi.”

Nàng khịt mũi và bỗng lặng đi như hoảng sợ chuyện gì.

“Anh sẽ trở về ngay,” chàng nói. Chàng nhìn đồng hồ - một thói quen chàng có được từ nhỏ - và

thu xếp để tắm và cạo râu ria trong vòng không đầy năm phút. Chàng mặc vào một áo khoác thật dày và bước ra trở lại, và nàng vẫn còn đó.

“Em xin lỗi,” nàng nói.

Anh muốn nàng rời đi, đúng vậy, và ngay lập tức, nhưng anh không muốn cảm thấy mình quan trọng chuyện ấy. Tuy vậy, nàng không còn khóc nữa, hẳn là một tín hiệu gì đây.

“Chắc chắn là nhanh thôi,” nàng nói. “Em cần tắm sơ. Em xin lỗi. Em biết mình nên đi ngay.”

“Em cứ ở lại bao lâu tùy thích,” anh nói. “Còn anh, xin lỗi, phải đi gấp vì anh -”

“Có việc quan trọng,” nàng nói hốt. “Em biết ‘gồi’. Em xin lỗi.” Nàng dụi mắt và chỉ vào phòng tắm. “Em sẽ nhanh thôi.”

Trong khi nàng vào phòng tắm anh đưa vào ít đồ dùng và gọi xuống quầy tiếp tân dưới nhà gọi taxi và trả luôn tiền xe cho nàng.

Mười hai phút đau đớn nhức nhối, căng thẳng đằng đằng trôi qua và cô nàng mới bước ra khỏi phòng tắm với mái tóc chải gọn gàng và khuôn mặt hồng lên vì được chà rửa kỹ, với môi được tô son và người nàng toát ra mùi nước hoa thật nồng. Trên đời ít có thứ nào chàng thấy khó chịu hơn mùi nước hoa quá nồng. Chàng mở Tivi lên và đưa nàng vào đại sảnh.

“Chúng ta đã thương nghị, đúng không?” chàng nói khi nhấn nút thang máy.

“Đúng ‘gồi’. Nàng đưa bàn tay phải lên, hướng lòng bàn tay về phía chàng. Và nói với vẻ nghiêm túc: “Em là người biết trọng lời hứa.” Nàng gượng một nụ cười. “Chắc anh đang nghĩ là em sẽ không nói điều đó đâu. Chuyện đánh quả quá xá đã ấy -”

Nói chuyện ấy hay không nói chuyện ấy thì có cái quái gì đâu mà quan trọng cơ chứ? Anh nghĩ có lẽ mình nên hỏi số điện thoại của nàng, nhưng thường thì chuyện này chỉ tổ rắc rối thêm.

Thang máy mở ra và giúp anh thoát khỏi nỗi khốn khổ của im lặng. Anh vỗ vào lưng nàng khi nàng bước ra.

“Chúc anh may mắn với công việc,” nàng mi giọng anh. “Cor -le -on -e.”

Anh trông chừng hai cánh cửa thang máy khép lại. Anh nhìn hình ảnh mình bị méo mó trong hai cánh cửa bằng đồng thau được đánh bóng. Chẳng có gì nhiều để nhìn. Anh nhấn nút lên tầng thứ sáu, áp đôi lòng bàn tay vào mặt phẳng mát lạnh của kim khí rồi ôm cái đầu mệt lử, rã rời. Ai bảo là đời sống dễ dàng. Tuy vậy anh còn đứng đây. Anh đã phạm những sai lầm, như bất kỳ ai, và sống để nói về điều đó, không giống như phần lớn những người mà anh biết.

Cửa mở và anh đi vào phòng.

Thiên hạ vẫn nghĩ về anh như một anh chàng khá dễ thương song đồng thời cũng hơi yếu đuối, kém bản lĩnh, tài chí không bao nhiêu. Anh biết rõ như thế lắm. Nhưng mà, hăng đợi đấy. Ai anh tài, ai tuần kiệt, trong trần ai ai dễ biết tay ai? Xem nào. Có bao nhiêu kẻ có thể chống chọi những tình huống căng thẳng cân não trong một ngày như hôm nay và trụ vững kiên cường hơn Frederico Corleone này? Chàng đã thức dậy giữa một quyết định thực sự là tệt hại mà chàng không thể để cho mình nghĩ về nó nhiều hơn nữa, không biết ngay cả là mình đang ở đâu, không biết ngay cả là tại cái xứ sở nào. Tuy thế chàng cũng đã, ngay lúc trời vừa rạng sáng, kịp kéo mình ra khỏi nơi ấy, và nhờ vào bản năng kỳ diệu nào chẳng biết nữa, đã đi vào đúng hướng. Được rồi, chấp nhận là chàng đã để quên khẩu súng và cái bật lửa, nhưng ở một xứ sở

khác, vậy nên bạn hãy nghĩ là chuyện đó xong rồi. Khẩu súng đó không đăng kí nên là của kẻ vô danh. Chàng có hơi sơ suất một tí khi ở hải quan, nhưng nhờ trời, chàng đã nhanh trí đúng lúc khi nói rằng những quả cam không phải của mình, và lượng rượu chàng uống chỉ vừa đủ giúp mở mắt thôi, chưa đến mức bị ghi phạt, và việc buông ra cái tên Joe Zaluchi là một đánh cược với may rủi nhưng có tính toán với xác suất thành công cao. Tất nhiên cũng có thể là chuyện ấy làm Fredo gặp rắc rối. Nhưng, okay, vận rủi đã không xảy đến. Thử hỏi, có bao nhiêu kẻ có thể giữ được máu lạnh như anh sau khi bị bắt giữ. Anh đã đi qua tuyến đường trắng đó như một nhà vô địch. Bọn hải quan khù khờ đã sợ anh. Hai lần diễn lại, lần nào cũng hoàn hảo. Anh đã không nói bất kỳ điều gì mà anh không bắt buộc phải nói theo luật lệ, anh đã không ngay cả gọi luật sư bệnh vực. Mấy tên gốc ghêch kia đã để anh đi và vẫn nghĩ rằng anh là Carl Frederick, phụ tá quản lí phụ trách Bãi Đậu Xe Moóc của Lâu Đài Trên Cát.

Cuối cùng là, lí do duy nhất khiến thiên hạ nghĩ Mike tài năng xuất sắc còn Fredo là anh chàng ngất ngư chẳng qua là do Mike mang tham vọng xây dựng một đế chế lớn còn Fredo chỉ muốn có thời gian vui vẻ thanh thoi và anh muốn quản lí một công việc, dầu qui mô nhỏ nhưng chỉ thuộc về riêng mình anh thôi. Đại khái là một doanh nghiệp lớn hơn bãi đậu xe moóc nhưng nhỏ hơn General Motors. Như thế thì có gì là sai trái nào, nói nghe coi? Thế mà ngay cả *cái đó* cũng còn hơn là những gì mà Mike sẽ cho anh. Thay vì thế, hẳn phong cho ta một cái tước vị hão. *Sotto capo*. Phó tướng. Nhảm nhí! Chẳng khác nào phong ta làm Anh Hề của Đức Vua hay Tên Vô dụng trên Con la hay những cái chức phó hữu danh vô thực. Ta thà làm đầu gà chẳng thêm làm mất trâu.

Anh bước ra trên tầng sáu và dùng chìa khóa riêng để vào phòng trưng bày ma-nơ-canh. Toàn bộ việc sắp xếp ở đây do ai nghĩ ra.? Là ý tưởng của Fredo. Ai cũng thích cách bài trí đó và có những kẻ còn yêu sách là cũng đã từng nghĩ như thế. Vậy sao trước đó không nói ra đi. Anh có nghe rằng nhiều casinos khác đã và đang sao chép lại thiết kế của anh. Chuyện lớn chuyện nhỏ, ta nào có kể công. Ta nào có khoe khoang. Nhưng mà, dầu sao, vượt mặt phải nỗ lực chứ.

“Ngài dùng rượu gì ạ?” tay bartender nơi bãi đáp bí mật hỏi.

“Ồ không,” Fredo nói. ‘ Một lon bia lạnh được rồi.’

Có lẽ anh nên lên cầu thang. Cơ hội để thấy nhiều điều hay. Nhưng mà anh đã mệt lữ và ly bia trong tay anh đem lại cảm giác mát lạnh và dễ chịu, và anh cũng còn chờ chiếc thang máy đến.

Khi thang máy đến, Figaro và Capra và hai trong số những tay mới tới từ New York, bước ra. Trông họ không có vẻ như những con người đến từ sự kiện vui vẻ mà họ vừa tham dự. Điều này không thể gán cho chuyện Figaro biết được rằng chàng ta đã để lỡ cái đêm quan trọng cho đời mình. Đây là anh chàng duy nhất tư trước đến giờ ở bên ngoài New York được dự trù kết nạp, vì vậy chàng ta sẽ chẳng bao giờ đoán được chuyện gì và cũng sẽ chẳng có ai nói cho chàng ta biết.

“Bố khỉ,” Figaro nói. “Chúng tôi đã tính cử một tổ tìm kiếm rồi đấy. Thực ra, chúng tôi đang là một tổ tìm kiếm. Ông ở đâu vậy?”

“Chú mày đã kêu vào phòng ta cả vài mươi lần mà chú mày đếch muốn biết ta đã ở đâu?”

“À không, tôi muốn nói là, cái gì mà lâu thế? Chỉ còn có ít người ở lại khi chúng tôi đến đó, nhưng bây giờ thì chẳng còn mống nào. Trừ Rocco. Anh ta còn đang chờ ông.”

Tin tức mà Fredo được cho là phải đích thân nghe.

“Chuyện gia đình ta?” Fredo lẩm bẩm.

Figaro lắc đầu. “Không có gì như vậy. Thực sự ông nên đi lên đó và gặp Rocco.”

“Không có ai trên đó cả à?” Fredo hỏi. “Hay đúng hơn, ý tôi là, không còn nhiều người trên đó, ngoại trừ có mỗi mình Rocco?”

Capra - mà tên thật là Gaetano Paternostro, một cái tên quá là cầu kỳ kênh kiêu và cũng quá ư là đường bệ, vương giả cho một chàng trai quê mùa mặt như con nít này - chặn Figaro lại trước khi anh ta có thể trả lời, để hỏi anh ta là Fredo nói gì vì cậu ta không nghe kịp - bởi cậu ta sinh ra và lớn lên ở miền quê Ohio, nghe chưa quen giọng New York của người kinh kỳ, mà Fredo lại nói quá lưu loát và quá nhanh nữa. Kể cả Figaro -cũng là dân quê Ohio, nên khả năng nghe cũng còn hạn chế. Anh chàng thợ cạo này, trong tư cách là tay cá cược, thì nhờ thạo ‘tuy -dô’ nên là tay kiếm tiền giỏi, nhưng cho đến nay vẫn còn khó cho Fredo để nhìn thấy cái gì xa hơn nữa mà Mike nhìn thấy nơi anh chàng này.

“Tôi hỏi anh bạn thợ cạo của chúng ta vốn có bệnh huên hoang anh hùng rơm một tí,” Fredo nói bằng phương ngữ Sicily cho cu cậu Capra dễ hiểu, “là có bao nhiêu người bạn khác của chúng ta còn ở lại trên kia, trong phòng lớn đãi tiệc.”

Capra cười. *Non lo so. Cinque o forse sei* (Không nhiều lắm. Năm hay sáu người thôi. Vì trong nguyên tác không dịch ra tiếng Anh, còn phương ngữ Sicily thì người dịch mù tịt, chỉ đoán chừng là nó cũng hơi giống tiếng Ý nên dịch mò, dịch phỏng thể thôi, không bảo đảm là đúng hay sai).

Fredo gật đầu. Dầu sao thì anh cũng sẽ gút lại. Có được gì đâu khi lái xe đi tối nay thay vì đi máy bay ngày mai nếu như ngay cả xuất hiện cho có mặt thôi mà anh cũng không chịu khó một tí. “Xem này,” anh nói với Figaro. “Tại sao chú mày nghĩ ta phải lâu như thế?”

“Ông hỏi tôi còn tôi biết hỏi ai? Nào, Fredo. Tôi được cho một công việc. Tôi làm công việc đó. Với tất cả sự tôn kính đúng mức, xin ông làm ơn, *non rompermi i coglioni?* (Chỗ này thì người dịch chịu thua vì tra tự điển tiếng Ý không thấy có những từ nào giống giống với những phương ngữ Sicily này cả, nên... hết phép!)

Capra và hai anh chàng kia đã đi đến quầy bar. Cà phê lai rai.

“Không phải ta định thi hành kỷ luật chú mày đâu nhé.” Fredo nhướn một bên mày. “Chú mày có ý nói là chú mày không nghe tiếng cô nàng? Nơi bối cảnh đó?”

“Hắn là ông đang đùa tôi.” Bởi vì đấy cũng là điểm chính trong lí do khoan miễn của anh sáng nay.

“Một kiều nữ Pháp. Nữ vũ công, tôi quên hỏi ở đâu. Tôi gặp nàng trên đường đi lên, rồi chuyện này kéo theo chuyện khác, chú biết đấy, ba cái sự vụ này rồi đi đến đâu.”

Figaro lớn hơn Fredo đến mười tuổi, đầu hói bóng chỉ còn lơ thơ mấy cọng, và có lẽ dầu mấy em có cọ quẹt gọi tình cũng hết còn ham vì khổ nổi, đã lâm vào tình trạng trên bảo dưới không nghe! Lão ta lắc đầu. “Ông phóng đăng quá. Ông định lập kỉ lục về chuyện đâm thọc mấy em đấy à?”

Ai đó đã đóng lại cái máy làm phòng khiêu vũ quay tròn. Không khí ngọt ngào khói thuốc và rượu tràn đổ. Tại một cái bàn được phủ bằng một khăn trải bàn màu trắng nhưng đã hoen ố bẩn thỉu bốn tay đã lớn tuổi thuộc phiên hiệu của Tessio trước đây, đang ngồi chơi domino. Hai trong số đó là anh em nhà Di Miceli, mà một trong hai người (Fredo không thể phân biệt được vì họ là anh em sinh đôi, giống nhau như hai giọt nước) có một cậu con trai vừa được khai tâm tối nay. Anh không biết hai người kia. Fredo thực sự không rành lắm về đám ở Brooklyn.

Ngồi lọt thõm trong chiếc ghế bành rộng màu lục ngọc biển, riêng một góc, là Rocco Lampone, đang nhìn trừng trừng ra ngoài cửa sổ và lẩm bẩm điều gì đó với riêng mình. Để riêng sang một bên cảnh trí, thì như thể Fredo bước vào một trong những nơi chốn ở Gowanus nơi những người lính chính qui bắt đầu buổi sáng với một cốc cà-phê pha rượu brandy và, hoặc ngồi yên lặng trầm tư, hoặc tán gẫu về những bài ca phát ra từ chiếc máy hát tự động hay “bình loạn” chuyện thế giới đang đi về đâu.

“Xin chào!” một trong hai anh em nhà DiMicelis hét toáng lên. “Có phải ngài phó tướng của chúng ta đó không?”

Fredo chờ đợi ai đó còn tạo ra một lời đùa nặng đô hơn về chuyện này. Chứ đùa như thế hãy còn là quá nhẹ! Anh đâu có đòi hỏi phẩm hàm chức tước mà cũng đâu cần. Ba cái danh hão thì làm đếch gì! Anh biết thiên hạ nghĩ là anh yếu đuối. Anh biết người ta mù mờ về những trách nhiệm của anh hay về những lí do để Michael tạo ra chức danh này. Anh lại còn bỏ lỡ không tham dự cuộc họp quan trọng tối nay nữa, khiến càng thêm rách việc. Những người khác chỉ gật đầu và chào chiếu lệ, hello.

Rocco ra hiệu cho Fredo. Kế bên anh ta ở gần cửa sổ là một chiếc ghế inox để trống. Ngoài kia, một ban nhạc jazz sử dụng toàn kèn đồng và bộ gõ trên một sân khấu tạm ở sân thượng tầng dưới, chơi một bản từ loại nhạc nổi tiếng về người Da đen. Toàn bộ sân thượng nhưng nhúc nhủ người, mặc dầu không có ai nơi hồ bơi. Khoảng hai tá máy đánh bạc tự động, bốn bàn blackjack và hai bàn craps đã được bày ra tại đây. Nhiều quầy bar đầy người và một tiệc buffet điểm tâm.

“Có chuyện gì vậy?” Fredo hỏi, chỉ tay.

“Anh đã ở đâu?” Rocco không trả lời mà cũng hỏi lại kiểu nhát gừng.

“Detroit. Los Angeles. Lỡ chuyến bay. Chuyện dài lắm.”

“Là một chuyện tôi nghe. Anh ở đâu kể từ khi anh quay về đây? Về khách sạn? Và bắt tôi chờ ở đây như thể tôi là -” Rocco xoa hai đầu gối mỗi nhừ. “Và tôi phải ở đây, dài cổ chờ anh, mỗi mòn.”

Một trong mấy người chơi domino cười sằng sặc. Fredo nhìn qua vai anh ta. Anh chàng cười sằng sặc đó xoa cái đầu hói của một người không thích cười, đang ngồi bất động, lấy tay ôm đầu.

“Một cách nghiêm túc,” Fredo nói, “chuyện gì xảy ra nơi đó vậy?”

“Vui lòng ngồi xuống.” Rocco chưa bao giờ là một người khéo nói và cũng không phải là người ưa nói nhiều. Từ tia nhìn nơi khuôn mặt anh ta rõ ràng là anh ta chưa hình dung ra cả chuyện phải nói cái gì lần chuyện phải nói như thế nào.

Fredo ngồi xuống. “Có phải chuyện Má?” anh buột mồm nói ra.

“Không phải.” Rocco lắc đầu. “Có một tai nạn,” anh ta nói. “Những người bạn của chúng ta. Tôi ăn nói dở quá nên không biết diễn tả sao cho có đầu đuôi, mạch lạc.”

Trên sân khấu ọp ẹp, thị trưởng Las Vegas - cũng là một cựu nữ vũ công nay vẫn còn đôi nét xuân tàn, Fredo nghĩ - điều chỉnh cái khăn quàng vai màu cam sáng rực trên đôi núm vú to đùng nhưng chẳng có công dụng thực tế nào của nàng tóc nâu đang cười rất tươi mà Hal Mitchell đã đặt tên là Hoa hậu Bom Nguyên tử. Nàng Bom Nguyên tử bới tóc cao thành búi được thoa bóng mờ phồng một đám mây hình nấm. Bà thị trưởng thử đặt chiếc vương miện

được chế tác một cách thô thiển lên đầu nàng từ phía trước, song không thể được nếu không dựa vào hai núm vú của nàng, do vậy bà thử đặt từ phía sau và ngần ngừ ngắm nghía rồi trao vương miện cho nàng tóc nâu. Hoa hậu Bom Nguyên tử phải tự đội vương miện cho mình. Nàng không nao núng. Đây là một phụ nữ rất hạnh phúc. Bộ đồ tắm của nàng được thiết kế rất thoáng để bạn được thấy tối đa những gì được phép thấy. Chàng nhạc công trombone khởi động ban nhạc. Hoa hậu Bom Nguyên tử bước đến trước micro và bắt đầu hát bài "Praise the Lord and Pass the Ammunition."

Các bàn chơi bài khai cuộc. Mọi máy đánh bạc được sử dụng. Người ta tản mát mọi nơi trên các ghế dài và bàn dã ngoại, ăn bằng các đĩa giấy chất đầy thịt trứng.

Fredo đã mang theo tất cả đến đây - đoàn tùy tùng đi cùng: Figaro và Capra thêm hai trợ thủ từ New York, những cái bóng của anh ta cho đến khi bất kỳ chuyện gì xảy ra bởi vì những cái chết kia ở Cleveland đã xảy ra - trước khi anh có bất kỳ ý niệm nào về chuyện gì đang xảy ra.

Hoa hậu Bom Nguyên tử nhún nhảy trong khi hát và đang cười toét miệng với vẻ thành thật lộ rõ khiến bất kỳ con người nào biết điều có lẽ đều muốn khen ngợi nàng hoặc làm vỡ tim nàng, bắt đầu hát "Take the A Train" (Hãy lên chuyến tàu hạng A) nhưng với ca từ mới "Drop the A Bom" (Hãy thả bom A).

Fredo rất máu chuyện tán tỉnh các em nai tơ nhưng bây giờ anh đã quá đủ. Anh hướng đầu về phía lối ra và các vệ sĩ của anh nhìn theo chủ nhân của họ.

Ngay lúc đó, không vì một lí do rõ ràng nào, mọi sự bỗng nhiên yên lặng. Ban nhạc ngừng chơi, tiếng xì xồ của khách khứa dường như bị nuốt ngược vào trong cổ họng của họ và những tiếng động của xe cộ lưu thông dưới đường cũng làm cho người ta để ý bằng cách đột nhiên ngưng lại. Fredo nhìn lên và hóa ra là thế: một quả cầu nổ bung ra toàn khói trắng trên bầu trời đông bắc.

Và sau đó âm thanh trở lại.

Đó là *chuyện ấy*?

Mọi nơi trên sân thượng người ta đi thơ thẩn và nhảy nhót. Nàng hoa hậu dường như là người duy nhất vỗ tay. Và rồi:

Một luồng hơi nóng cồn cào dữ dội như trút ra từ lỗ thông thoát của lò cao áp sắp hàng với những đèn cực tím khiến anh phải quay nhanh đầu lại. Fredo dùng cả hai tay che đôi mắt mình.

Mấy giây trước đó, trên một bãi ruộng muối cách nơi này sáu mươi lăm dặm, có một địa điểm gọi là Doomtown - một loạt các ngôi nhà kiểu Mỹ được xây dựng theo nhiều cách khác nhau (không có hai nhà nào giống nhau), mỗi nhà được làm đầy với mùi vị của một trong những món ăn Mỹ (không có hai món nào giống nhau), đang nguội lạnh đi trên bàn ăn, mỗi bàn được vây tròn bởi những mặt người mặc quần áo khác nhau mang nhãn hiệu JC Penney mới toanh. Bên trong và chung quanh Doomtown, tại những khoảng cách khác nhau so với ngọn tháp cao năm mươi bộ vốn là điểm trung tâm của thành phố, là hàng tá những con heo bị nhốt lại, riêng từng con, và chúng im lặng một cách kỳ lạ. Trong lúc hai trăm người lính Mỹ quan sát, ngồi thu mình trong những giao thông hào do chính họ đào cách vành đai của Doomtown một dặm, chính quyền Mỹ cho nổ một quả bom hai mươi chín kiloton. Trong giây đầu tiên sau vụ nổ, nhà cửa, những người nộm, thức ăn và các chú, các cô heo gần nhất với ngọn tháp liền trở thành lửa, gió và bụi. Xa hơn nữa, như các cameras ghi lại, là các người nộm bị chặt đầu bốc cháy và bị nghiền nát. Những con heo đang cháy vừa chạy vừa la hét trên những lối đi và nổ tung. Nửa giây khác vụt qua, và tất cả cũng trở thành tro bụi. Trong nửa giây sau đó, một ngọn gió nóng ghê gớm hơn cả hai mươi cơn giông tố cuốn đi phần lớn những gì còn lại của thành phố. Đá

vụn li ti từ cát muối, thủy tinh, thép, gỗ hay uranium hay từ xương heo, bắn đi với tốc độ siêu âm xuyên qua mọi thứ.

Các giao thông hào đổ sụp. Những người lính bị chôn sống, nhưng tất cả đều sống sót nhờ người ta đã dự kiến tình huống này và đã chuẩn bị sẵn sàng những toán cứu hộ.

Phần lớn những con heo ở xa hơn một ngàn yards tính từ ngọn tháp sống sót nhưng bị cháy nặng nên người ta đã bắn hạ chúng trước khi có bất kỳ ai đi vào để thu gom những máy đếm Geiger (phát hiện và đo độ phóng xạ).

Sân khấu chính đúng là Doomtown (Thành phố chết/ Thành phố tận thế).

Sân thượng của Lâu Đài Trên Cát chính là cảnh chờ đợi. Trong thời gian Fredo Corleone cần để nghĩ đến việc dùng cả hai tay che mắt cho đến thời điểm bàn tay anh chạm vào mặt, hơi nóng mãnh liệt đã giảm đi nhiều. Sau đó, bụi nhỏ li ti rớt xuống, quá nhỏ để thấy và chỉ vừa đủ lớn để cảm nhận. Phần lớn người ta lơ đãng. Thiên hạ vẫn tiếp tục tìm vui với cây bài lá bạc.

“Chuyện này chẳng hay ho gì đâu,” Fredo nói.

“Ông muốn chỉ cái đám bụi kia?” tay thợ cạo nói, chỉ vào đám bụi (thật ra thì có thấy đâu, chỉ cảm nhận lơ mơ thôi), vào không khí.

Anh chàng chặn dê lê lướt ra như thể đang bắt lấy những bông tuyết.

“Bọn Đỏ muốn chúng ta nghĩ đó là cái gì có hại,” tay thợ cạo nói, “nhưng đó chỉ là một âm mưu để làm cho Mỹ ngưng mọi thí nghiệm để cho bọn Nga có thể bắt kịp chúng ta. Tin tôi đi. Cái này chẳng là gì cả. Tro bụi. Còn kém hơn cả không là cái đình gì gì cả! Thôi, chúng ta đi.”

“Chẳng là gì cả,” Fredo thì thầm để tự trấn an, vừa phúi những hạt bụi vô hình khỏi tay áo mình.

Ngay bên trên, hai trong số những cửa sổ lớn lấp lánh của phòng khiêu vũ được che khuất bởi tường chắn trên cùng của casino đã bay đi. Mấy tay chơi domino đứng đó nhìn thấy rõ nhưng không tin nổi mắt mình. Fredo không nhìn lên. Tại sao anh phải nhìn. Các cửa sổ đã đổ sụp vào bên trong. Từng mảnh vụn của thủy tinh vỡ đều được hút vào bên trong.

PHẦN III

Mùa Thu - Giáng sinh 1955

Chương 12

Những cái chết của Toni Molinary và Frank Falcone - đến trong lúc họ đặt chân lên ngưỡng cửa của cái từng được nhìn như là một nền hòa bình lâu dài - đã truyền đi những làn sóng sốc xuyên suốt thế giới ngầm của cả nước. Đứng bên ngoài, thì bất kỳ ai có lẽ cũng giả định rằng cú rớt máy bay là một tai nạn: bão tố mạnh, những túi không khí do hiệu ứng mặt hồ (lake-effect air pockets) và thế là xong, vụ việc được xếp lại. Sự biến mất vẫn chưa được giải mã của Gerald O'Malley, người sống sót duy nhất từ tai nạn đó làm nổi lên những nghi ngờ, như những lời nói lộn xộn của anh ta truyền về tháp kiểm tra không lưu ở Cleveland đã gây nên, trong đó anh ta rõ ràng đã tự hỏi không biết máy bay có bị phá hoại hay không. Mặc dầu điều này, giọng của anh vẫn còn điềm tĩnh cho đến ngay trước cú va chạm, khi anh ta hét lên, "*Sotto fottuto,*" mà báo cáo của Cơ quan Quản lí Hàng không Liên bang dịch ra là "Tôi toi đời rồi!." Những người điều tra không tìm thấy bằng chứng cụ thể nào của phá hoại Họ gán câu khẳng định của viên phi công vào sự thiếu kinh nghiệm của anh ta. Họ cho cú rớt máy bay là một tai nạn. Do lầm lẫn của phi công.

Xét theo bất kỳ thước đo nào thì sự kiện tang lễ cuối cùng mà bốn người vừa chết kia cùng tham dự, là đám ma của Vito Corleone, cũng chỉ là một trùng hợp ngẫu nhiên thôi. Thế nhưng theo một niềm tin huyền bí của Mafia, mà những nguồn gốc được xác chứng ở Sicily từ thế kỉ mười chín cho đến nay, thì mọi hành vi của con người - dầu nhân từ độ lượng hay độc ác dữ dằn, có chủ tâm hay ngẫu nhiên, dầu phát sinh từ thói hung hăng hiếu chiến hay từ bản năng tự vệ để sinh tồn, từ đam mê mù quáng hay từ lí trí lạnh như băng - đều là một phần của mạng lưới tuy mong manh nhưng bao phủ xuyên suốt trong đó không một rung ngân xôn xao nào, không một rộn ràng xiết buốt nào là quá nhỏ để không tạo nên cảm ứng khắp nơi (Điều này khiến chúng ta - người đọc ở Đông phương - dễ liên tưởng đến những quan niệm *Thiên võng khôì khôì sơ nhi bất thất* -Lưới trời lồng lộng thưa mà khó lọt - của Đạo gia hay quan niệm một *vi trần* - hạt bụi rất nhỏ - cũng có tác động đến sáu cõi luân hồi của nhà Phật. *Chú thích của ND.*) Đối với một người Sicily - mà tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ duy nhất trong thế giới phương Tây không có thì tương lai - thời quá khứ và hiện tại là một. Đối với một người Sicily mà dòng máu đã phải chịu đựng từ sáu ngàn năm bao cuộc xâm lăng và chiếm đóng, từ những đạo quân Sparte, rồi Carthage, đến những đạo quân Hồi giáo của đế quốc Ottoman rồi đến những đạo quân của Napoléon, của vương triều Bourbon... thì một tai nạn hay một trùng hợp ngẫu nhiên thì không vô nghĩa hơn cũng không có ý nghĩa hơn một hành vi có chủ ý. Mỗi một hành vi hay một sự cố đều không thể tách biệt với hành vi hay sự cố khác. Đối với một người Sicily, không có gì xảy ra mà ở bên ngoài một khung cảnh. Nói nôm na là mọi chuyện đều có dây mơ rễ má với nhau cả.

Những người cứu hộ của Lực lượng Phòng vệ Duyên hải đã đặt O'Malley lên xuống cao tốc và đưa anh ta đến một bệnh viện gần đó, nơi mà cô điều dưỡng nhận bệnh nhân căn cứ vào giấy phép lái xe của bang Nevada cấp cho nạn nhân, tìm thấy trong túi áo trước của anh ta - đã tiếp nhận anh vào lúc 10.25 tối như là "Gerald O'Malley, nam, gốc Caucasian, 38 tuổi." Cái chân gãy của anh ta được điều trị bằng phương pháp kéo giãn liên tục, những xương sườn gãy được băng bó, những vết thương khác được khâu lại. Anh ta không có vẻ bị bất kỳ nội thương nghiêm trọng nào nhưng còn cần thực hiện những kiểm định. Anh ta vẫn bất tỉnh nhưng triển vọng lâu dài thì rất tốt. Tình trạng của anh ta được cải thiện từ nguy kịch đến nghiêm trọng. Theo phác đồ điều trị, các bác sĩ đã kết thúc việc điều trị cho anh vào lúc 4.18 buổi sáng. Ghi chú cuối cùng trên bệnh án là vào lúc 4.30 sáng - dầu ghi chú này có vẻ dường như là giả mạo. Không có gì khác được ghi nhận nhưng thời gian và một vài chữ cái không đọc được thì không một ai ở bệnh viện có thể nhận dạng.

Vào thời điểm đó, những mảnh linh tinh từ chiếc máy bay và từ bốn thi thể khác đã hoặc là tự

nổi lên mặt nước hoặc được người ta trực vớt lên. trong ánh sáng xám nhạt của ban mai.

Những cái xác nọ vẫn chưa được nhận dạng - vì đều tung tóe ra thành nhiều mảnh chứ không xác nào còn nguyên vẹn, và cuộc bạo loạn giữa đám phóng viên và các viên chức thi hành pháp luật mà những cuộc nhận dạng kia sẽ kích hoạt, vẫn chưa được tháo gỡ. Kế hoạch bay ở Detroit được chỉ ra như là đã được lập hồ sơ, nhưng không ai có thể tìm ra hồ sơ đó. Máy bay rời Detroit vào buổi sáng và như vậy ắt là đã dừng lại đâu đó trong mười hai giờ tiếp theo nhưng khi viên phi công tiếp xúc bằng sóng phát thanh với tháp kiểm soát không lưu ở sân bay Burke Lakefront, anh ta báo rằng anh bay trực tiếp từ Detroit đến đó. Tháp không lưu cố tìm cách có được lời thông báo rõ ràng hơn, nhưng những đợt truyền thanh của máy bay - có lẽ vì do sấm chớp - nên chỉ là những âm thanh nhiễu rờ rờ. Khi nghe rõ được lại chính là lúc máy bay sắp bị nạn, mọi chú ý của phi công chỉ còn dành cho việc làm thế nào đáp xuống an toàn nhất trong những điều kiện đó.

Công ty đóng gói thịt mà logo nằm ở một bên sườn máy bay có trụ sở bên ngoài Buffalo, New York. Chủ tịch công ty, giọng ngái ngủ, lúc đầu nói với viên chức điều tra rằng ông ta đã gọi nhầm số rồi, rằng công ty của ông không có máy bay nào, mặc dầu khi người điều tra hỏi gần lại là ông có chắc về điều ấy không thì vị chủ tịch giữ yên lặng một lát rồi nói, “Ừ, ừ-ừ-ừ, máy bay của chúng tôi đấy,” và gác máy. Vào thời điểm những cú gọi khác vang lên và các tay cảnh sát bang vù đến căn nhà trước mặt hồ của ông để mang ông về phỏng vấn, thì ông ta vừa mới tắm rửa, cạo râu xong, mặc vào bộ com-lê, ngồi đợi nơi phòng khách, bên cạnh có luật sư, vị này có thời từng là tổng chưởng lý bang. Nhân danh khách hàng của mình vị luật sư thông báo cho các sĩ quan cảnh sát biết rằng, việc sử dụng không giới hạn trong vòng một tuần chiếc máy bay đang được nói đến đã là một thứ quà tặng từ khách hàng của ông cho người bạn của ông ấy, Joseph Zaluchi - người hai lần được giải danh giá Michigan Philanthropist of the Year (Giải Người Nhân ái của Năm, bang Michigan) và là Thành viên Hội đồng Quản trị từ năm 1953 của Detroit, Hurray! - để hỗ trợ việc chở các khách mời đến dự đám cưới ái nữ của vị này vào dịp cuối tuần vừa rồi ở Detroit, mà vì có một cuộc hẹn khác trước đó nên thân chủ của ông đã không tham dự. Khách hàng của ông không biết gì về những người trên chuyến bay đó hay bất kỳ chi tiết nào khác về chuyến bay ngoài những gì mà bàn dân thiên hạ đều đã biết. Luật sư hỏi các viên chức cảnh sát liệu họ có trát của tòa để điều tra hay giam giữ không, sau đó cảm ơn họ về thời gian họ đã bỏ ra và cảm ơn về việc đã để cho khách hàng của ông một mình để ông ấy có thể bắt đầu than khóc cho cái bi kịch đầy bất hạnh này.

Một luật sư của Joseph Zaluchi nói rằng ông Zaluchi không biết gì về người đã làm rơi máy bay ngoài chi tiết anh ta là một phi công thương mại có giấy phép lái máy bay, làm việc cho một hãng cho thuê máy bay có tiếng tăm ở New York. Anh ta được một phụ tá của ông Zaluchi thuê qua điện thoại. Ông Zaluchi bày tỏ lòng tiếc thương sâu sắc đến các nạn nhân và gia đình của họ.

Gerald O'Malley biến mất khỏi bệnh viện trong khoảng thời gian giữa lời ghi chú lúc 4.18 trên bệnh án và khoảng năm giờ, khi một nhân viên tạp vụ đi vào phòng và thấy chiếc giường trống trơn và những ống truyền dịch đông đưa vốn trước đó được kết nối vào hai cánh tay bệnh nhân. Cái ròng rọc vốn được buộc vào cái chân gãy của bệnh nhân đã biến đâu mất và tài sản cá nhân của anh ta cũng thế.

Nick Geraci từng bị bắt nhiều lần (dầu chưa từng bao giờ bị kết án), do vậy dấu vân tay của anh ta hẳn là có lưu lại trên chỉ bộ. Nhưng khi anh ta đến bệnh viện, thì đâu có lí do gì để lấy dấu vân tay anh ta. Phòng của anh ta sau đó đã được dọn dẹp sạch sẽ.

Hai cô điều dưỡng trực phòng mà trách nhiệm lẽ ra là phải kiểm tra thường xuyên bệnh nhân được nhập viện như là Gerald O'Malley thì cô nào cũng khai là mình chắc chắn rằng bệnh nhân đã được giao cho người kia để đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau. Cô điều dưỡng trưởng sau đó đã nhận hoàn toàn trách nhiệm về lỗi lầm đó và từ chức trong sự thất sủng. Cô chuyển về Florida

và nhận một công việc lương thấp hơn cho một công ty cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà. Nhiều năm sau bà đã chết một cách bình yên khi đang ngủ. Khi chúc thư của bà được công bố thì những đứa con của bà đã vui sướng biết bao nhờ vào thói quen tiết kiệm của thể hệ những người Mỹ được trui rèn trong thời kỳ Đại Suy thoái, nên bây giờ họ được thừa hưởng từ bà mẹ chỉ suốt đời làm nghề điều dưỡng kia một di sản tuy không lớn lắm nhưng cũng vượt ngoài sự tưởng tượng của họ.

Nhiều cơ quan thi hành pháp luật và vô số phóng viên cố gắng trong nhiều tháng trời để giải mã “huyền nhiệm về người phi công mất tích” (the mystery of the missing pilot).

Nhưng tất cả đều thất bại. Nhiều thành viên của Thượng viện Hoa kỳ, lợi dụng sự mê hoặc của công chúng đối với vụ việc, bắt đầu tranh luận xem liệu có nên cho phép nghe lén về chuyện này và về những vấn đề khác liên quan đến mối đe dọa đang tăng lên từ các nghiệp đoàn tội ác có tổ chức và có lẽ không loại trừ sự nhúng tay của Cộng sản nữa, ở Mỹ, và họ gọi những biện pháp đó là ‘ngăn chặn từ xa,’ là “không thể tránh ‘nhưng là “chuyện vạ bất đắc dĩ phải làm” vì “sự an toàn của vợ con chúng ta” và cả để bảo vệ “lối sống Mỹ” nữa.

Bằng lái không phải là giả, nhưng chứng thư khai sinh mà Bang Nevada có trên danh bộ lưu thì thuộc về một trẻ sơ sinh chết non, được chôn trong nghĩa trang New Hampshire..

Thông tin mà đám cảnh sát liên bang có được về O'Malley liên quan đến giấy phép phi công của anh ta tất nhiên cũng đưa đến cùng cái nghĩa trang New Hampshire đó.

Tại sao lại có sự vụ như thế, chuyện đó chỉ có... Thượng đế và Tom Hagen biết. Cái nghĩa trang kia nằm cạnh một con đường, cách nhiều dặm về phía Bắc đã trở thành điều trở ngại của thành phố nơi Kay Adams Corleone lớn lên. Không lâu sau khi Michael ra lệnh thủ tiêu chồng của em gái mình và nói dối với Kay về chuyện này, cô ly thân với anh. Cô đem theo mấy đứa con về nhà bố mẹ ruột. Michael chỉ gọi điện cho cô có mỗi một lần. Một tuần trôi qua. Một buổi sáng Hagen xuất hiện trong chiếc Limousine. Tom và Kay cùng tản bộ vào rừng. Mike muốn Kay biết rằng nàng có thể có bất kỳ cái gì nàng muốn và làm bất kỳ điều gì nàng thích bao lâu mà nàng vẫn chăm sóc tốt cho mấy con, và rằng chàng yêu nàng và - theo một kiểu đùa dục công một cách rất đặc trưng - nàng là Lãnh chúa, là Trùm của chàng. Hagen chỉ truyền lại thông điệp này sau khi tiết lộ cho nàng biết một vài trong số những việc mà Mike đã làm - một hành vi thách thức nguy hiểm có thể khiến Hagen toi đời như chơi. Nhưng nó có công hiệu; cuối cùng Kay về nhà. Trên đường trở về New York, Hagen dừng lại ở một thư viện công bất kỳ nào đó, lướt qua một tập cũ của tờ báo địa phương, và đọc câu chuyện buồn về Gerald O'Malley, bị bệnh bạch hầu và được Chúa cho về bên Người lúc mới mười một tháng tuổi. Hagen đậu xe ngoài xa khuất tầm nhìn của những người ở thư viện và đi vào tòa án. Anh ta là người không có điểm gì đặc biệt nên rất khó phân loại; anh biết cách xử sự thế nào nơi thư viện hay nơi tòa án để cho người ta sẽ quên anh ngay khi anh rời đi. Những cuộc du hành thường xuyên của anh đến nhiều nơi đã cho phép anh thu thập nhiều bản sao chứng thư khai sinh có công chứng từ khắp mọi miền đất nước, không bao giờ ở cùng một tòa án đến hai lần. Anh có một cuốn dày như cuốn catalog của Sears. Khi Geraci yêu cầu một chứng thư khai sinh mang một cái tên Ai nhĩ Lan, tên bé O'Malley hiện ngay trên cùng.

Một khi những chi tiết lí lịch của người chết được xác nhận và sau đó được công khai, bất kỳ ai biết hay nghi ngờ Vincent Forlanza là gì và loại tình huống nào ông đã gặp trên Đảo Rắn Rung Chuông đều giả định ngay rằng chiếc máy bay đã qua cả buổi chiều ở đó - điều này, mà không hề có ý niệm mơ hồ nào rằng viên phi công là nghĩa tử thực sự của Forlanza. Những người có thẩm quyền tất nhiên chẳng chứng minh được gì.

Forlanza, bị hỏi cung hai ngày sau khi tai nạn xảy ra, cũng với sự hiện diện của các cố vấn pháp luật nổi tiếng, đã tự hỏi phải chăng quý vị thi hành pháp luật đã coi Tivi chiếu phim găng-x-tơ quá nhiều nên bị lậm, nhìn thấy đâu cũng là *găng-x-tơ*. Cả trên hòn đảo yêu dấu vẫn được ông

coi là thánh địa của mình cũng có gang-x-tơ? Thế thì thiên hạ sắp đại loạn đến nơi rồi! Bây giờ ông đã nghe mọi chuyện; trong bất kỳ trường hợp nào thì ông cũng đã ở nhà suốt cả kỳ nghỉ cuối tuần, ngoại trừ chiều chủ nhật, khi những kẻ bị gọi là gang-x-tơ đó được giả định là đã đáp xuống đảo Rắn Rung Chuông để thực hiện một thứ gì đó? Một cuộc họp thượng đỉnh? Một hội thảo? Cũng chẳng thành vấn đề. Forlanza bảo rằng ông đã qua cái ngày được nói đến đó như là khách mời tại cuộc đi chơi trên bãi biển (clambake) vào ngày Lễ Lao động được một công đoàn địa phương tài trợ, cùng nhau quây quần dưới một cái lều cực lớn, uống bia ướp lạnh của công đoàn sản xuất, cùng nhậu hải sản tươi sống và vui đùa hỉ hỷ trong ngày lễ quan trọng của quốc gia, một câu chuyện được bất kỳ thành viên nào trong văn phòng thường vụ của Nghiệp đoàn Xe tải Cleveland xác nhận.

Sự mô tả ngoại hình của O'Malley mà cảnh sát tổng hợp lại từ những cuộc phỏng vấn các nhân viên cứu hộ và nhân viên y tế không hứa hẹn gì nhiều. Họ đã nhìn thấy những thương tích của con người đó nhưng không nhìn rõ mặt mũi hình dáng của anh ta bởi lúc đó họ quan tâm nhiều hơn đến những dấu hiệu của sự sống nơi nạn nhân hơn là lo quan sát kích cỡ đôi tai anh ta, hay hình dáng đôi mắt (nhắm nghiền) của anh ta, hay là những điểm tinh tế trên cái rìa có cạnh lởm chởm của cái lỗ mũi từng bị dập nát nhiều lần của anh ta (xin đọc giả nhớ lại: Nick Geraci từng một thời gian khá dài kiếm sống bằng nghề đấm bốc nên chuyện bị nện cho dập mũi là chuyện thường) và trong tai nạn này thì mũi anh còn bị dập nặng hơn, sưng phồng lên và thâm tím khiến anh chàng trông... đẹp trai hơn cả Dracula!

Không ai ngoài hai tổ chức Corleone và Forlanza có thể đoán ra rằng Gerald O'Malley cũng chính là Nick Geraci. Không ai ngoài những Gia đình này biết gì nhiều về Nick Geraci là ai và anh ta làm những chuyện gì. Bảy năm lăn lộn trên sàn đấu, ngay cả với những trận đấu có luật lệ qui định hẳn hoi, đã "sắp xếp lại" khuôn mặt của anh ta đủ khiến cho bạn bè thời niên thiếu cũng khó còn nhận được ra anh ta. Anh ta thường đài dưới nhiều tên giả đến nỗi chính anh ta cũng không nhớ hết. Các tay đấm bốc hàng ngày được tuyển làm loại tay sai chỉ đầu đánh đó hoặc làm vệ sĩ sẵn sàng chịu đấm ăn xôi, lấy thân che chắn cho ông chủ, và bất kỳ tay cơ bắp trung thành nào có được nửa phần óc não cũng có thể trở thành những chỉ huy cấp thấp cỡ tổ trưởng tổ tam tam hay bán tiểu đội trưởng hay tiểu đội trưởng chẳng hạn. Nhưng những tay cơ bắp loại đó không thể trở thành những tay kiếm được nhiều tiền, càng hiếm kẻ kiếm được mảnh bằng cao đẳng hay đại học. Geraci là một biệt lệ: anh ta vừa biết cách kiếm được nhiều tiền mà lại biết dâng nộp cho chủ nhiều hơn là dành cho mình, lại vừa tranh thủ đi học lớp đêm để có được mảnh bằng đại học một cách danh chính ngôn thuận, sau đó còn phần đầu học thêm bằng hai về luật nữa. Anh chàng này quả là đáng gờm với tham vọng không giới hạn, gặp thời thế có thể trở thành đại gian hùng chọc trời khuấy nước chớ chẳng phải tay vừa! Ở New York Geraci được biết đến như là bộ hạ dưới cánh của Sally Tessio, nhưng những chuyện khác mà anh ta đã làm có lẽ sẽ khiến cho bất kỳ ai muốn thử ráp nối những mảnh rời đó lại với nhau đều sẽ thấy hầu như là... bất khả thi! Một con người càng trở nên biệt lệ thì chỗ đứng của anh ta trong thế giới càng tìm kiếm một thái cực tương tự. Giống như là anh ta sẽ hoặc là được mọi người biết đến hoặc là không ai biết anh ta là ai cả. Anh ta sẽ hoặc là rất dễ nhận thấy, mặc dầu phần lớn mọi người sẽ không bao giờ thấy anh ta bằng xương bằng thịt, hoặc là anh ta sẽ tan biến, ngay cả nếu anh ta ngồi sát bên bạn tại một quầy ăn trưa ở Tucson, đang ngân nga một bài ca từ đĩa mới ra của Johnny Fontane và đập một đồng mười xu lên bàn Formica, chờ sử dụng điện thoại trả tiền liền.

Đó là một thế giới điên rồ quái quái. Trong nhiều tháng, Nick Geraci vừa ở bên ngoài mà vẫn ở bên trong thế giới đó, tại một nơi nào đó. Khó có ai biết là ở đâu. Và cũng hầu như không ai quan tâm tìm kiếm anh ta.

Richard "Khỉ không đuôi" Aspromonte, có một lần duy nhất bị một người đàn bà mù hỏi bằng cách nào mà anh ta mang cái hỗn danh đó, được chôn cất ở Los Angeles, tiếp theo bởi cuộc tiếp tân sau đó tại câu lạc bộ ăn tối của Gussie Cicero. Đến lúc chúc rượu, cả bốn anh em Aspromonte đều nhìn vào Jackie Ping-Pong, người chẳng biết gì nhiều về Khỉ không đuôi,

nhưng tỏ ra có tài lợi khẩu, nói năng lưu loát hoạt bát biết lựa lời an ủi bà mẹ đau khổ của người quá cố. Ở San Francisco, bố mẹ của Lefty Mancuso thu vén để làm đám tang anh ta nhỏ thôi. Nhân vật có tiếng tăm duy nhất đến dự tang lễ là DiMaggio, một người bạn thời trung học của Lefty. Thành viên duy nhất của Gia đình Molinari đến viếng tang là Nicodemo, em của Toni. Để tỏ lòng tôn kính, ngay cả các vệ sĩ của anh ta cũng đứng ở ngoại vi, ngay trước bộ khung nhỏ của các tay côm và những người hiếu kì.

Theo thông lệ thì một Ông Trùm sẽ chỉ tham dự lễ tang của những người như thế nếu họ là chỗ bạn bè thân thiết. Nhưng lúc bấy giờ không phải là những thời điểm bình thường. Và thế là, vượt qua những vòng nội bộ của riêng họ và xuyên suốt thế giới ngầm, người ta đã biết rằng, như được chờ đợi, Jackie Ping-Pong và Nicodermo "Butchie" Molinari đã tiếp quản việc kiểm soát tổ chức, một cách hòa bình, theo như bề ngoài người ta thấy thế.

Các ông chủ của Aspromonte và Mancuso, tức Frank Falcone và Toni Molinari, được chôn cất vào ngày hôm sau. Hai người này có nhiều bạn chung, nhưng không ai có thể tham dự cả hai tang lễ.

Một sự lựa chọn là bắt buộc. Và những lựa chọn đó sẽ được theo dõi.

Trên một lối đi qua lại ngang qua những căn nhà còn xây dở dang nơi ngõ cụt của Tom Hagen, với Al Neri và hai thủ hạ khác trong xe, đầu xe như thế nào để phong tỏa toàn bộ con phố, Michael Corleone hút thuốc điếu, chỉ nói với Hagen, đang hút xì - gà, rằng anh ta nên bắt đầu gom góp lượng tiền mặt không theo dấu được, để dự phòng trường hợp phải trả tiền chuộc. Michael muốn được bảo vệ từ việc biết chính xác tiền đến từ đâu, và mặt khác anh cần bảo vệ Hagen khỏi toàn bộ vấn đề này. Hagen dừng ở cuối ngõ cụt. Ở đầu xa của con phố, đứa con trai mười ba tuổi của anh, Andrew, chạy ra khỏi cửa trước với một quả bóng cặp dưới nách, rồi có vẻ như vì thấy chiếc xe của Neri, thằng bé ngoẹo đầu có vẻ cáu tiết, bực tức, kiêu trể con khi bị mất hứng và đi trở vào trong. Hagen nhìn qua Michael đến một điểm mờ hồ nào đó trên chân trời hình răng cưa, và trong một thời gian rất lâu anh trầm ngâm không nói gì. Michael châm điếu thuốc khác và nói đầy chính là cách mọi sự phải diễn ra. "Mặc dầu vậy, có lẽ anh sẽ không trả tiền chuộc, đúng không?" Hagen hỏi. Michael nhìn anh với sự thất vọng thấy rõ nhưng chỉ nhún vai. Hagen vẫn giữ yên lặng trong một khoảng còn lâu hơn trước, rồi dụi điếu xì - gà mới hút dở một nửa trên nền xi - măng trắng bóng và nói, "Hãy bảo vệ tôi," theo một cách chẳng phải là lời cầu xin cũng không phải là lòng nghi ngờ, mà chỉ là một phát biểu. Michael gật đầu. Không ai nói gì thêm.

Michael triệu tập Rocco, Clemenza và Fredo đến nhà anh. Họ thở dốc khi lên hết cầu thang và ngồi đối diện bàn giấy màu vàng của Mike trong những chiếc ghế nhựa màu cam. Anh ta hỏi thằng là có ai trong bọn họ có ý tưởng nào về chuyện gì đã xảy ra với Geraci. Từng người đều nói không với sự bình thản như nhau. "Không phải ông à?" Rocco hỏi và Michael lắc đầu và cả bọn dường như ngạc nhiên. Một tai nạn đã đủ xấu rồi, nhưng cuối cùng những ai thắc mắc có lẽ sẽ biết rằng viên phi công là Geraci. "Cái kim trong bọc lâu ngày cũng lòi ra thôi," Clemenza nói. Ừ, thì biết là thế nhưng cứ giữ được càng lâu càng tốt.

Michael gật đầu. Phương cách duy nhất để ổn định tình trạng hỗn loạn này, anh nói, là triệu tập một khoảng đại hội nghị của mọi Gia đình, lần đầu tiên kể từ khi cuộc hội nghị mà bố anh đã triệu tập ngay sau khi Sonny bị sát hại. Sự phục hồi có thể được thực hiện, mọi Ông Trùm đều sẽ lòng trọng tuyên hứa là vấn đề đã khép lại và cuối cùng mọi chuyện có thể sẽ là chuyện rui lại hóa ra may bởi vì họ có thể đi thẳng từ đó đến chỗ hợp thức hóa một thỏa thuận hòa bình lâu dài rộng lớn hơn. Mọi người đều có lợi. Đúng là một hội nghị như thế sẽ có nghĩa là sẽ có một cuộc đầu phiếu về việc đưa Russo vào Ủy ban, nhưng nếu đạt được kết thúc dứt khoát cho cuộc chiến thì dầu như thế cũng đáng. Dầu thế nào việc đó cũng sắp xảy ra, sớm hay muộn thôi. "Nhưng vấn đề chúng ta đang phải đối mặt là," Michael nói, "đó là bất kỳ chuyện gì xảy ra - bùng bít sự thật, bắt cóc, có thể ngay cả là sự can thiệp của chính quyền - cũng có thể làm

hồng tính khả thi của một kiểu thượng đỉnh như thế.”

Clemenza khịt mũi và bảo rằng ông nghĩ thấy mùi thiu thối ở Cleveland, và Michael ngẩng đầu lên. “Tôi thấy Hamlet với trái cây đó, tên hắc ta là gì nhỉ? Nổi tiếng lắm.” Anh nhìn vào Fredo và Fredo nói “Cái gì?” và Clemenza nhún vai và hỏi Mike rằng anh có hình dung là người của Forlanza phá hoại chiếc máy bay hay chuyện họ đang cố giữ bí mật lí lịch nhân thân của Geraci để người khác sẽ không nghĩ rằng họ đã phá hoại chiếc máy bay. Bởi vì con đường tốt nhất để ra khỏi tình trạng lộn xộn này có lẽ là chỉ ra rằng lão Do thái chắc chắn không phá hoại chiếc máy bay do chính nghĩa tử của lão lái, điều này sẽ lại mở ra nguyên cả một thùng sâu bọ bọ lổm ngổm khắp nơi. Có thể lại chỉ là một toan tính lạc hướng của Forlanza nhằm bảo vệ nghĩa tử của lão? Và ngay cả cũng có thể là từ chúng ta?

Dưới nhà, ông bố vợ nửa điếc của Michael mở Tivi oang oang. Bằng giọng the thé chói tai của trẻ con, bé Anthony Corleone hát theo bài hát chủ đề của một phim cao -bồi.

“Jesus, lạy Chúa tôi! Sao mà ồn ào hỗn độn quá!” Fredo nói. “Nhức đầu quá với cái mớ âm thanh hỗn tạp này!”

Michael gật đầu, thật chậm rãi để lộ rõ đấy là một... khoảng lặng đầy tính sân khấu để... dành đất diễn cho suy tư, chứ không phải để biểu thị sự đồng tình! Một khoảng lặng cần thiết. Anh không thể, trong lúc mới vừa đặc cách thăng cấp ông anh mình lên *phó súp* (sotto capo), lại ra mặt tỏ ý bất đồng, thì còn ra cái thể thống gì nữa! Dầu là chỉ trước mặt những cận thần thân tín nhất như Clemenza hay Rocco Lampone. Đúng là một con người có phẩm chất thiên phú để làm lãnh tụ, dầu là lãnh tụ... Mafia!

“Không có điểm nào trong chuyện này,” Michael nói, mang chúng ta đến gần hơn để khám phá điều gì đã xảy ra cho Geraci.”

Anh nghiêng người qua chiếc bàn giấy nhập khẩu từ Đan mạch, theo một tân tiến nhất. Đã đến lúc ngừng lại mọi tư biện trên mây, mọi tranh luận lí thuyết suông. Đã đến lúc bắt tay vào công việc, vào hành động cụ thể.

Ngày hôm sau, Clemenza quay về New York với thượng lệnh là điều hành công việc như thể hòa bình đã được bảo đảm và vụ rút máy bay đã không hề xảy ra. Bộ hạ của ông ta cũng phải chấp hành theo những chỉ định đó. Sau đó một ngày, Rocco, vốn cũng biết đám thuộc hạ của Geraci, cũng đi New York, nơi anh ta sẽ lưu lại và giám sát những chiến dịch đó cho đến khi có lệnh mới. Fredo, trong tư cách phó súp, sẽ tạm thời đảm trách đám thuộc hạ của Rocco ở Nevada.

Gia đình Corleones từ lâu đã rất thân cận với Toni Molinari, người từng che chở cho Fredo sau dư chấn từ âm mưu ám sát bố anh và sự hợp tác quý báu đã giúp cho Gia đình Corleones có thể đổ quân đến và lập căn cứ địa ở Las Vegas và hiện nay là ở Tahoe và Reno. Còn Bố già Vito ngày xưa cũng như Michael bây giờ đều chưa bao giờ nhìn Falcone như một nhân vật nghiêm túc, đáng mặt ngồi vào chiếu trên cùng các bậc trưởng thượng. Cũng không tin rằng cái cung cách hành động hào nhoáng kiểu lòe loẹt sặc sỡ thuộc hạng chiếu nhì của lão ta lại sở hữu được phương tiện hay ý chí để thoát ra khỏi cái váy của Chicago. Michael đã có thể chọn lựa để đại diện gia đình đi viếng tang đám nào tùy ý. Nhiều người trông chờ anh đích thân quyết định chuyện đó, và, xét trên bề mặt, điều này có vẻ dường như là một chọn lựa ý tứ hơn và thận trọng hơn. Nhưng đó cũng chỉ là ngôn từ thôi - *ý tứ, thận trọng* - chúng là những từ có thể dễ dàng được thay thế bởi những từ khác - *kiêu căng, sợ hãi, yếu đuối*. Ôi dào, lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, cho nên bậc tuấn kiệt cũng không quá bận tâm với những thị phi của thế gian! Một con người là những hành động của hắc ta, dầu ở chỗ công khai hay nơi chốn riêng tư, cả khi bị người đời nhòm ngó lẫn khi đơn độc riêng mình.

Fredo, người, xét theo mọi giác độ, từng là người thân cận nhất hơn bất kỳ ai trong tổ chức, đối với Toni Molinari, được gửi đi San Francisco. Michael, được tháp tùng bởi Tommi Neri và hai tay thủ hạ từng theo anh ta ẩn mình trong rừng gần hồ Tahoe, đi Chicago: thành phố nơi Frank Falcone đã sinh ra, đã có được xương thịt hình hài, cũng là nơi mà xương thịt hình hài của lão ta, hay đúng hơn là những gì còn lại từ cái hình hài đã bị phân tán tứ tung kia, sẽ được chôn cất. Những ai từng biết Vito Corleone sẽ nhận ra cái lô -gích trong quyết định của Michael. *Giữ những người bạn của ta ở gần, Ông Trùm vĩ đại từng nói câu để đời, và những kẻ thù của ta càng ở gần hơn.*

Cuộc lễ được cử hành trong một nhà thờ nhỏ xíu sơn màu trắng, bên ngoài có ốp ván nghiêng gối lên nhau để bảo vệ tường, về phía cận tây của thành phố trong khu phố Ý gọi là khu Patch, nơi Falcone đã lớn lên và nơi cha mẹ ông ta đã từng có thời làm chủ một tiệm tạp hóa ở góc phố. Tháng chín ở Chicago còn nóng. Cảnh sát Chicago đã chặn giao thông trong hai dãy phố về mỗi hướng. Nhiều vị quan quyền chức sắc - kể cả phó thống đốc California, tay vô địch quyền Anh hạng nặng thế giới Di Maggio, nhiều ngôi sao điện ảnh, kể cả Johnny Fontane, đều được hô tống bằng mô tô đến tận bậc thềm. Những người khác, kể cả Michael Corleone đến đủ sớm để có chỗ ngồi mà không cần đến những phô trương hơm hĩnh kia. Phía ngoài, đường phố đông kịt người. Những nguồn gốc xuất thân của Falcone là chất liệu dồi dào cho pho truyện truyền kỳ của địa phương và mặc dầu những người dự lễ tang ở bên trong giữ sự yên lặng thành kính - như phải thế - không ai trong số đám đông lao nhao nơi đường phố lại có thể bỏ lỡ dịp để nghe người nào đó kể câu chuyện hấp dẫn về người đã khuất. Khi Frank mới là một cậu trai mười lăm tuổi, lúc bố cậu vừa đóng cửa tiệm và người chị đang đếm những biên lai bán hàng trong ngày thì cả hai bị giết trong một vụ cướp có vũ trang bằng hàng nóng, một tội ác mà cảnh sát chỉ điều tra qua loa chiếu lệ - "chẳng có gì âm ỉ. Chỉ là chuyện bọn dagos giết bọn dagos ở Phố Dago, thế thôi. Chuyện thường ngày ở huyện," tay cóm phụ trách điều tra hình sự vừa nói vừa cười, trong tầm nghe của Frank và tệt hơn nữa, của cả mẹ Frank - khiến cậu bé uất hận thề sẽ trả thù (Xin mở dấu ngoặc: dago là tên gọi có hàm ý khinh miệt những người nước ngoài da hơi sẫm như người Ý, người Tây ban Nha, Bồ đào Nha, Mễ... và những khu họ ở tập trung đông thì bị gọi một cách miệt thị là Dagotown). Chuyện này chẳng phải đợi lâu. Một cách nào đó lòng sục sôi thù hận của cậu bé được hân hạnh lọt vào tai Ngài Al Capone, Chúa đảng lấy lòng của Chicago thưở ấy. Thế là cậu bé được đặc ân có cuộc diện kiến... Đại lãnh tụ và được khai tâm vào hắc đạo. Mấy ngày sau, tử thi của tên cướp được dựng đứng đối diện, tay vach cu chĩa vào bót cảnh sát và theo truyền thuyết, trên người y bị đâm sáu mươi tư nhát (bố của Frank bị giết lúc bốn mươi lăm tuổi, chị của cậu mới vừa mười chín tuổi). Còn tay cóm kia cùng với bạn gái cuối tuần đi vi vu câu cá ở Thung lũng Wisconsin và vĩnh viễn lạc lối, không bao giờ tìm thấy đường về. Trong một thời gian Frank và mẹ còn duy trì cửa tiệm.

Nhưng kí ức ám ảnh họ quá nặng đến không chịu nổi. Không biết từ đâu hiện ra một thương lái đến trả giá khá cao để mua lại cả cửa tiệm và nhà ở. Bà mẹ Frank lấy tiền và chuyển về ở với gia đình cậu em mình. Frank đến đầu quân cho Ông Capone. Sau khi Ông Capone gặp nhiều vấn đề, Frank đi tìm kiếm vận hội mới ở Los Angeles. Lúc đầu anh ta tìm cách đặc nhân tâm bằng cách làm những điều tốt, biết mình từ đâu đến, ăn ở thủy chung, có tình nghĩa với những ai đã giúp mình, ân đền oán trả phân minh. Khó mà nói được lúc nào điều đó xảy ra nhưng đến một lúc dường như Falcone đã tách rời, không còn là một phần trong lãnh địa phía Tây của Chicago nữa - vốn từng được giả định, vào cái thời thịnh trị của Lãnh chúa Al Capone, là cái gì phía tây Chicago cũng là của Chicago - mà đã tự khoanh vùng cho mình riêng một góc trời. Falcone không bao giờ chuyển mẹ về ở chung với gia đình mình mà mua riêng cho bà một biệt thự khang trang ở khu sang trọng Hollywood Hills với hồ bơi, vườn cây cảnh...

Hai mươi cảnh sát cưỡi ngựa -con nào cũng được che hai bên mắt để tránh bóng đèn nháy liên tục từ các cameras - dọn thông một đường xuyên qua đám đông, và đám đưa tang, với nhiều chiếc xe mang các biển hiệu tranh cử lớn cho các chính trị gia và các thẩm phán, sắp thành hàng dài đi đến Nghĩa trang Núi Carmel. Hàng ngàn người đi bộ theo. Ngay bên trong cổng vào chính, đám rước đi ngang nơi an nghỉ cuối cùng của những phần di thể mục nát, mang bệnh

giang mai của Ngài Al Capone lừng lẫy xưa kia và cái đám tang với kết thúc không như ý của chính ông ta chỉ được đưa tang bởi một phần nhỏ những người có mặt hôm nay trong đám tang Falcone. Và hồi ấy Bố già Vito Corleone chỉ gửi một tràng hoa viếng tang chứ không có gì hơn.

Lăng mộ của Falcone được xây bằng đá granit đen bóng, trên cùng là bức tượng một thiên thần với một chim ưng (falcon) đậu trên tay phải. Chim ưng trong tư thế đang bay lên, đôi cánh xòe rộng đủ phủ bóng mát chào đón nhiều người đứng xem đang đổ mồ hôi. Bố và chị của Falcone không được chôn tại đây nhưng những tấm biển đồng trên hai cánh cửa mang tên họ.

Mẹ, vợ và các con của Falcone đứng bên quan tài. Người ngoài duy nhất đứng ở hàng đầu là Louie Russo, mang đôi kính râm to tướng. Phần còn lại của gia đình Falcone ngồi ở hàng thứ nhì, cùng với Jackie Ping-Pong và Johnny Fontane, được liệt kê trong báo như là người hộ tang danh dự. Fontane khóc lóc như đàn bà.

Bốn mươi chín người hộ tang danh dự khác - các chính trị gia, sĩ quan cảnh sát, thẩm phán, doanh nhân, vận động viên, nghệ sĩ sân khấu; ngoài ra không có ai từ Bộ sậu Chicago hay bất kỳ tổ chức nào khác - được xếp ghế ngồi gần hàng đầu như vậy.

Chắc chắn có những người ngăm ngía Michael Corleone, nhưng, đặc biệt là trong khung cảnh rất đông người tụ tập này, thì cũng không mấy ai để ý đến anh. Anh không phải là người nổi tiếng, chắc chắn là không nổi tiếng bằng nếu đem so với Fontane, hay tay vô địch quyền Anh hạng nặng thế giới, hoặc ngài Phó Thống đốc California, hoặc ngay cả với Ngài Corbett Shea, nhà hoạt động nhân đạo và là cựu Đại sứ ở Canada (ngồi ở hàng thứ sáu, kế bên Mae West). Michael Corleone không phải là mục tiêu của các ánh đèn nhiếp ảnh và chỉ có một ít viên chức thi hành pháp luật biết nhiều về anh ta hơn là công chúng biết, nhưng đám này cũng không nhiều. Anh từng là một anh hùng thời chiến nhưng biết bao nhiêu người cũng từng là anh hùng thời chiến. Tên tuổi của anh từng lên mặt báo thời gian New York có nhiều lộn xộn vào mùa xuân, nhưng những bức hình của anh rất mờ, được chụp ở cự li xa, và trí nhớ của đám đông lại ngắn hơn là trí nhớ của một con chó già. Trong thế giới của anh, thì Michael Corleone được mọi người biết, nhưng nhiều người chỉ biết anh qua tiếng tăm và không thể dễ dàng nối kết cái tên với khuôn mặt. Những cái gật đầu buồn và nghiêm nghị là đủ. Ngay cả Fontane cũng không có vẻ nhận ra sự có mặt của anh. Sau đó anh kiên nhẫn đứng sắp hàng chờ đến lượt mình nói lời chia buồn cùng bà quả phụ Falcone và mẹ anh ta; đó là những lời duy nhất anh nói trước đám đông suốt ngày hôm ấy, sau đó biến đi vào chỗ ngồi phía sau của chiếc Dodge màu đen khiêm nhường trước đó đã chở anh đến.

Bên trong xe, lần đầu tiên, Michael Corleone khóc cho ông bố quá cố của mình.

Đám tang Ông Trùm Molinari chậm chậm đi qua trong sương mù, một hàng dài gồm hơn một trăm chiếc xe nối đuôi nhau làm ùn tắc giao thông, hướng về phía nam và ra khỏi San Francisco. Federico Corleone ngồi trong chiếc xe thứ tư đằng sau xe tang, trong một chiếc Cadillac nặng hai tấn - trắng & đen - mà Tony Molinary thừa sinh thời vẫn thích tự tay lái. Anh đã bảo với Michael rằng nếu đem theo Capra và Figaro, sau bao nhiêu những bảo bọc, chăm sóc mà gia đình Molinari đã dành cho Fredo trong bao nhiêu năm, sẽ có vẻ như là thiếu tôn trọng - hoặc tệ hơn, có vẻ như nhà Corleones có gì đó phải sợ ở San Francisco - và anh lại bị sốc khi người anh em của mình nhất trí như thế! Tài xế là một *soldato* (lính đã được vào biên chế chính thức) của Molinari mà Fredo đang cố nhớ lại tên. Ngồi phía trước là vợ của Dino, em của Tony. Hai cô con gái nhỏ của nàng ta ngồi phía sau bên cạnh chú Fredo.

Đó là lần đi đến nghĩa trang lâu nhất mà Fredo từng trải qua, càng thấy lâu hơn vì các cô bé cứ khóc suốt và những toan tính vụng về của anh nhằm dỗ dành chúng. Anh đã tiên liệu mang theo hai cái khăn bằng lụa mềm có chữ đan lồng vào nhau để cho hai bé lau nước mắt nước mũi đến ướt nhẹp!

“Chỗ này ở đâu vậy?” Fredo hỏi, nắm lấy tấm thiệp cầu nguyện có tên của nghĩa trang trên đó: NGHĨA TRANG Ý.

“Colmar,” tay tài xế nói. “Họ đều ở Colmar.”

“Ai đều ở Colmar?” Fredo thắc mắc. “Colmar ở đâu vậy?”

“Các nghĩa trang. Ở San Francisco chính quyền không cho xây nghĩa trang. Phải đi đến Colmar, mà chúng ta sắp đến đây. Trở lại thời đồ xô đi tìm vàng, người ta cứ việc chôn người chết bất kỳ nơi nào họ ngã xuống. Trong vườn, ở sân sau, ven lối đi, bất kỳ cái gì. Thời ấy có vài khu được qui hoạch làm nghĩa trang, chủ yếu là cho nhà giàu. Nhưng rồi sau đó chỉ được để lại đầu ở nghĩa trang còn thân mình và tay chân thì phải di dời về Colmar. Họ phải làm thế. Bà ngoại tôi vẫn còn kể chuyện trong những lần động đất trên khắp thành phố, những tử thi sẽ hiện ra phập phồng trên mặt đất rồi đứng lên, không đầu, kêu gào -”

“Đủ rồi đấy!” vợ của Dino quát lên. “*Khép cái mồm đáng nguyên rủa của nhà anh lại.*” Mấy đứa con của chị ta không có vẻ gì là hiểu tiếng Ý.

Bác tài cụt hứng, hết bép xép và... câm như hến.

Fredo cũng nghĩ rằng câu chuyện của bác tài không phải là thứ thích hợp để kể cho trẻ con, nhưng cả hai đứa đều ngưng khóc và trông có vẻ khá quan tâm đến câu chuyện.

Bên ngoài, nhà cửa, sân vườn dừng lại và được tiếp nối ở mỗi hướng bởi những khoảng đất bằng uốn lượn nhấp nhô được bao phủ bởi các bia mộ, các hầm mộ, tượng, thánh giá và những cây cọ, một thành phố rộng lớn, kiên cường của người chết, và vì một vài lí do nào đó anh bỗng nghĩ đến lời của anh mình, Sonny, từng nói khi anh ta thực sự đã trục xuất Fredo khỏi gia đình: *Las Vegas là thành phố của tương lai.* Không phải đâu, Sonny. Colma đây này mới là thành phố của tương lai. Thành phố vĩnh cửu của tương lai. Thành phố của người chết, xứ sở muôn đời của vong nhân. Chết, như Sonny. Fredo cảm thấy một tiếng cười loạn thần kinh, điên dại dâng lên trong người và anh cố kìm nén nó.

Nghĩa trang Ý trải dài hàng mấy dặm dọc hai bên đường. Đám tang đi vào một đường nhỏ ở hướng nam, ngang qua một dinh thự có hàng tá bàn tay bằng kim loại màu xanh gắn vào phía ngoài nắm lấy một dây xiềng dài màu đen.

Fredo lắc đầu ngạc nhiên. *Đây là thủ đoạn làm tiền tài tình nhất mà ta từng thấy. Tất nhiên ở đây có một nghĩa trang dành riêng cho người Ý.* Trước khi có bất kỳ nghĩa trang nào ở đây, ngược về thời kỳ mà người ta còn có thể chôn người chết dưới bụi hoa hồng nhà mình, Fredo dám đánh cá rằng toàn bộ khu vực này đã được những người Ý âm thầm mua hết. Đất đai ở đây giống như ở vùng quê Sicily, nơi những người nông dân nghèo vật lộn với thiên nhiên để trồng nho và ô-liu cho đến khi có người nào đấy nảy ra ý tưởng về một vụ thu hoạch tốt hơn. Bạn kiếm những giấy tờ để tạo ra những câu chuyện thương cảm đau lòng từ quí vị đốc-tò thuyết giảng về những nguy cơ y tế, bạn chạy chọt để có được một giấy phép, và thế là bạn có thể phù phép được rồi đấy. Bạn được trả gấp đôi để cải táng những người đã từng được mai táng. Được trả một lần cho lúc đào lên và dời đi, và trả thêm lần nữa cho huyết mộ ở Colmar. Đem lại công ăn việc làm cho hàng trăm thợ cắt đá người Ý, nhưng kể giờ đây nợ bạn một ân huệ. Cũng như thế cho bất cứ kẻ nào cần việc làm và có thể cầm một cái xẻng hay cái cuốc. Sau đó, một cách rất công khai, chính đáng, bạn mua sạch đất đai ở những nơi từng là nghĩa trang trong lòng thành phố San Francisco với giá cực rẻ bởi vì đó từng là nơi đầy những xác chết. Đất nghĩa trang, tha ma, mộ địa mà. Đầy âm binh, oan hồn vất vưởng, đêm đêm còn thấy ánh ma trôi lập lờ. Giá rẻ là phải mà cũng chẳng mấy ai muốn mua. Và chẳng có muốn cũng đừng hòng tranh với dân Ý. Người ta đã vắt óc nghĩ ra diệu kế, dàn dựng kịch bản công phu, bộ người ta ngu dòn

cổ sẵn cho anh vào xoi à? Thế là dân Ý mua những đất ấy, san lấp phẳng phiu, cải tạo kang trang, qui hoạch chỗ này làm chợ chỗ kia làm tiểu công viên có cây có cỏ có hồ nước vv... Thế là đất ấy thành bất động sản giá trị. Vì ở đây là nước Mỹ mà. Không bị mê hoặc bởi lịch sử, cũng không để bị ám ảnh bởi quá khứ. Nhìn vào hiện tại và hướng đến tương lai. Và thế là thiên hạ xếp hàng để mua đất mới qui hoạch. Đất nghĩa trang giờ lại nở hoa. Và dân Ý trúng những quả thật đậm đà. Ăn thua là có cái đầu biết tính!

Colma. Nghe ra âm hưởng đầy chất... Italiana! Hay chính xác hơn là chất... Siciliana!

Một cơn buốt lạnh xuyên qua người anh. Mạng dây thần kinh ở bụng của anh co thắt liên tục. Anh nhắm mắt lại. Anh có thể thấy viễn cảnh đó: những đầm lầy ở New Jersey trải dài trước mắt anh thành mười Colmas. Nhà Corleones có đủ ảnh hưởng chính trị ở New York để giấy phép được thông qua. Cuộc chiến tranh giành đất đai ở New Jersey với nhà Straccis có thể được dàn xếp êm thấm. Anh có thể thực sự nghe giọng nói của Bố: *Mọi con người đều có một phần số.*

“Chú ổn chứ?” vợ Dino hỏi.

Fredo mở mắt. Chống lại ngọn triều dâng hưng phấn của chính mình, Fredo coi những gì mình hy vọng và vừa vẽ ra viễn cảnh chỉ là giấc mộng kê vàng. Đừng vội nói trước e bước không tới. Cứ âm thầm hành động, khi nào thành công thiên hạ sẽ rõ mặt anh hùng. Dino và đám nhóc ra khỏi xe. Fredo uống cạn phần whiskey còn lại nơi chai nhỏ đựng trong túi áo vest và nhanh chân tiến đến chỗ của mình kế bên những người hộ tang khác.

Sau tang lễ mọi người lái xe trở về lại thành phố và qua đó đến Bến tàu của Ngư dân, nơi nhà hàng của Molinari, nhà hàng tốt nhất của thành phố đã đóng cửa với công chúng từ khi những người làm ở đó nghe tin về cái chết của ông chủ họ. Tuy vậy lúc Fredo bước ra khỏi xe, một mùi thoang thoảng bay tới và rõ ràng là đám nhân viên nhà hàng đã không qua một tuần nằm nhà, cuộn người trên những chiếc ghế xô-pha lớn để khóc than cho ông chủ mình. Gió biển bình bồng với những mùi hương của bơ và gia vị phết lên cua, cá, tôm ghẹ, mực, sò... chiên, xào, nướng, luộc, cùng mùi nước sốt marinara, những món hải sản ngon lành mà Bờ Tây hào phóng ban tặng cho dân miền Viễn Tây. Bọn trẻ, độ vài mươi đứa, chạy ủa ra từ mấy chiếc xe, đến phía sau của nhà hàng, nơi một người đầu bếp chờ chúng, không phải với những mẩu thừa như thường lệ chúng vẫn nhận được, mà là những xô sắt bóng loáng đựng đầy nhóc cá mòi tươi cho bọn trẻ kéo đến cuối bến tàu và ném lên không từng con một, làm phát ra tiếng nổ của những đôi cánh đập mạnh và bóng lờ mờ bay lượn của những con mòng biển và những con bồ nông. Khi Fredo vươn người ra ngoài, quan sát, lũ chim di chuyển thành đàn bay ngang qua đầu đám trẻ, đông nghịt như những trận đại dịch cào cào châu chấu khủng khiếp. Hiện tượng này có lẽ đã làm Fredo hoảng sợ khi còn bé. Nó có làm cho Connie, em gái anh hoảng sợ không? Quên chuyện đó đi. Có lẽ cô ta vẫn còn la hét. Mike có lẽ sẽ ngồi một chỗ, quan sát việc hoang phí những con cá tươi ngon như thế và thầm lặng lên án, hai tay bịt hai tai. Còn Sonny. Sẽ ném đá chứ không phải ném cá cho chim. Còn nếu có được khẩu súng thì anh ta chẳng ngại gì mà không đoàng! đoàng! đoàng! liên tục vào lũ chim hẩu ăn kia (dầu anh ta cũng hẩu ăn chẳng kém gì chúng, có khi còn hơn!) Hagen cũng máu bắn chim lắm, nhưng anh ta sẽ không bao giờ dám vọng động làm phật lòng Bố khi biết Bố không tán đồng chuyện gì và có lẽ sẽ ngồi yên nhìn toàn bộ sự việc diễn ra qua cửa xe. Còn bọn nhóc này nhảy nhót reo hò cười đùa quanh bến cảng, mặt mày hân hoan rạng rỡ cứ như thể chúng đã được trao chìa khóa để đi vào xứ sở thần tiên. Ngay cả khi có một vài con chim mòng biển bắt đầu lao xuống oanh tạc mấy chiếc xô đựng cá, bọn trẻ cũng thích thú cười rú lên. Nhưng chẳng được bao lâu trước khi người lớn can thiệp, làm hỏng cuộc vui hồn nhiên của chúng, bảo chúng hãy bớt giỡn để tỏ lòng kính trọng Bác Tony. Chắc chắn là, chỉ một lát sau sẽ có bà cô hay bà dì nào đó, mặt mày cau có, hối hả soãi bước về phía bọn chúng, quát nạt cả bọn, nhéo tai vài ba đứa xui xẻo bị tóm, để dẹp yên đám lâu la cười đùa vô phép vô tắc, không phải lúc, không đúng nơi. Fredo không thể nén lòng khi nhìn cảnh đó và quay mặt đi, nhìn vào mấy dải ruy-băng đen trên cửa chính nhà hàng. Đã

đến lúc với bất kỳ giá nào để anh làm điều mà anh đã đến đây để làm. Có lẽ anh nên trở về phòng khách sạn của mình và nghĩ cách làm thế nào trình bày kế hoạch *Colma Miền Đông* cho Mike. Nếu như anh thành thật với chính mình, điều mà anh chưa say đủ để là như thế, thì có lẽ anh đã tự cho phép mình nghĩ đến những nơi chốn khác mà ngày và đêm có thể đưa anh đến, nhưng anh sẽ không cho phép mình nghĩ đến điều đó. Thay vì thế, anh hít một hơi sâu và đi vào bên trong.

Dầu xét dưới góc cạnh nào thì nhà hàng của Molinari cũng là một nhà hàng hơi tồi với những bức tường bằng ván gỗ bách đen, các quầy bọc da thuộc đen, và các cửa sổ có màn màu đỏ để lọt ánh sáng mờ mờ. Hôm nay ngay cả những bức màn đỏ cũng khép lại. Ánh sáng mờ mờ thường ngày càng xuống thấp hơn, các ngọn nến càng thấy nhỏ hơn và căn phòng đầy người vai kề vai với những con người tóc sẫm, nước da màu ô-liu, mặc tang phục màu đen. Những vật trắng sáng nhất trong phòng là các khăn trải bàn, được giặt và hồ kỹ đến độ trắng... không tương, khiến Fredo phải lác mắt! Đứng giữa suối cấm thạch nổi tiếng của nhà hàng là một tác phẩm điêu khắc bằng lớn bằng người thật - một bức tượng Toni Molinari - với một bàn tay giang thẳng về phía quầy bar. Người ta tiếp tục lội qua nước và chạm tay vào trán bức tượng.

Đám đông còn đông hơn là khi ở nghĩa trang. - điều mà bất kỳ ai có hiểu biết một tí về mọi chuyện đều có thể giải thích được. Fredo đi vòng vòng, ôm hôn người này người kia và lắc đầu về bị kịch và sự mất mát lớn lao từ đó. Vài người nêu lên những ẩn ý bóng gió về việc anh vừa được thăng lên *phó sếp*, và Fredo cảm ơn họ và nói, các bạn biết đấy, người ta ai cũng phải ăn và người ta ăn, thế thôi. Anh uống bia để không bị say. Anh thiếu sự cuốn hút mạnh mẽ (charisma) mà bố anh và anh em của anh đều được trời phú cho, nhưng cùng với thời gian anh trưởng thành, anh nhận ra rằng đó chính là lí do giúp anh làm tốt hơn loại công việc này hơn là họ. Anh không dọa nạt ai, không làm ai phải khóps. Anh tỏ ra vụng về một cách thẳng thắn khiến phụ nữ muốn âu yếm anh như mẹ cưng con. Còn đàn ông sẽ thấy anh lơ lửng lảng vảng bên lề cuộc đối thoại của họ, trao cho anh ly nước, khuyến khích anh tham gia vào câu chuyện họ đang bàn tán nãy giờ. Anh đáp trả lại; uống với hần một lần và cho đến tận cùng thời gian, Fredo Corleone vẫn còn ghi nhớ những gì bạn đem lại cho hần ta, mật ngọt hay thuốc độc. Anh đã trui rèn bản lĩnh trong những năm lưu đầy trong ngành kinh doanh khách sạn và casino bởi vì anh thật lòng muốn thấy người ta vui vẻ, chứ không phải vì sau đó họ nợ anh một ân huệ.

Chung quanh những người đàn ông khác trong gia đình Corleones người ta ứng xử như là những người máy, âm thầm tổng diễn tập trong đầu họ từng lời trước khi họ dám nói ra. Còn khi ở chung quanh Fredo, họ có thể là chính mình. Người ta yêu mến anh. Anh biết rằng nhiều người nhìn điều này như là nhược điểm, nhưng đó chính là chỗ họ sai lầm. *Trong đời, không có lợi thế tự nhiên nào lớn hơn là khi được kẻ thù thổi phồng lên những nhược điểm của ta, những sai lầm của ta.* Bố đã dạy thế. Không phải dạy anh, đúng vậy. Mà dạy Sonny. Bố đã cho Sonny nhiều bài học, nhiều lần với Fredo ngồi chung phòng mà hoàn toàn bị phớt lờ. Sonny nghe lỗ tai này qua lỗ tai kia. Fredo nghe và nhập tâm.

Căn phòng xì xào với những lời suy diễn, bàn luận về anh chàng phi công lái thuê mất tích được biết dưới cái tên O'Malley, và người ta mở lòng ra với Fredo về chuyện ấy trong khi họ sẽ không bao giờ làm thế với Mike. Anh nghe ngóng mọi giả thuyết được nêu ra, mà giả thuyết được nhiều người hưởng ứng nhất cho rằng O'Malley là một thứ cớm nguy trang hoặc nếu không thì là hần ta có liên hệ thế nào đó với đám Cleveland. Có thể là cả hai. Nhưng những nhân vật cấp cao hơn lại có những ý tưởng khác. Chẳng hạn Butchie Molinari lúc buông Fredo ra sau khi ôm, chỉ khẽ nói, "Lão Mặt Đéo, phải không?" Nghĩ rằng còn ngày rộng tháng dài, Fredo treo lửng lơ câu trả lời, chỉ nói anh chưa có bất kỳ ý niệm nào về chuyện đó. Đây cũng là điều mà Mike chẳng bao giờ có thể thành công.

Tại sao anh lại làm chuyện này với chính mình? Cuộc đối chiếu, tỉ giảo, so sánh bất tận đó với anh em mình. Fredo đứng trước tấm gương có khung mạ vàng nơi phòng vệ sinh quý ông. Anh đứng thẳng và thấy nhộn nhạo trong người. Đôi mắt anh trông giống như hai trái sơ-ri trong

một ly sữa bơ. Anh em trai của anh, anh tin chắc điều ấy, không phí thời giờ so sánh giữa họ với nhau, và càng chắc là không so sánh với anh. Anh lùa bàn tay qua mớ tóc dày. Anh đã uống khá nhiều, điều đó thì chắc rồi. Anh nhìn vào khuôn mặt tròn của mình và cố không nhìn thấy nơi đó những nét mà anh thừa kế từ bố mẹ mình, cái phiên bản mạnh mẽ hơn của quai hàm anh mà Sonny có được, đôi mắt giống hệt mắt Mike chỉ là sát với nhau hơn. Anh cầm lên cái bình thủy tinh đầy lược và thuốc nước dưỡng tóc và đập mạnh nó vào bóng của anh trong gương. Chết nước xanh lá cây chảy tràn lan khắp nơi. Tấm gương chỉ bị nứt. Fredo đưa mấy tờ trăm đô-la cho anh chàng đứng nơi bồn rửa kế bên anh và cho anh bồi Da đen. Anh chàng này nói rằng mình hiểu mà, bởi chúng ta ai cũng yêu mến Ông Tony. Fredo quay đầu đi qua nhà hàng lúc này gần như vắng người, đi qua pho tượng bằng của Tony Molinary với cái trán đã chảy ra, lồm hồm xuống trông thật dễ sợ, như thể là đã nhận một viên đạn xoáy sâu vào thay vì là hàng ngàn cái vuốt ve âu yếm, và bước ra cửa đi vào đêm tối lạnh giá, quyết định không là ai cả, ngay cả là chính mình cũng không.

Anh không biết những người đứng ở trạm taxi và, đầu cúi thấp, anh lầm lũi đi tiếp xuống bến tàu. Sẽ chẳng lâu đâu, anh biết vậy, trước khi anh đi vào những quán bar đầy công nhân bến tàu và thủy thủ và những quán bar có lối đi ra phía sau mà chỉ những kẻ hoang dâm trụy lạc nhất trong mấy đám người trên mới biết.

Anh tự dừng lại. Không. Không lặp lại chuyện đó nữa.

Trước mặt là Phố Powell. Thẳng một lèo là đến khách sạn của anh. Phải đi bộ một quãng đường khá dài nhưng sẽ tốt cho anh. Giúp đầu óc thông thoáng. Anh nhìn về những ánh đèn lờ mờ xa xa của các quán bar đăng kia rồi nhìn lên Phố Powell. Anh khá chắc chắn rằng nó đi qua khu phố Ý cổ gọi là North Beach. Anh có thể dừng chân tại đó, nghỉ ngơi một tí, uống ly cà-phê, nghĩ kỹ hơn cho thông suốt về kế hoạch *Colma Miền Đông*. Sẽ hay đấy. Đúng điệu đấy.

Đúng giây phút ngoặt vào phố Powell, anh cảm thấy một luồng sóng thư giãn tự khen mình trào dâng lâng lâng.

Tuy nhiên khi trèo lên ngọn đồi lớn đầu tiên anh lại toát mồ hôi và muốn nghỉ lại. Anh đã quá mệt để nghĩ về kế hoạch lớn của mình hay bất kỳ điều gì khác ngoại trừ một điều là anh không muốn uống cà phê nữa mà muốn cái gì đó mát lạnh, có thể là một ly bia, có gì hại đâu nào?

Con đường bằng phẳng trở lại. Các cửa hiệu bắt đầu mang tên Ý, nhưng hình như có điều gì đó sai lạc. Đường phố đầy những đứa trẻ nhếch nhác dơ dáy mặc áo thun quần lửng, có nhiều đứa Da đen, ít đứa nào đặc biệt rất Ý. Anh cố nhớ lại anh đã đến nơi đây lần cuối là lúc nào - năm 47? hay 48? Anh nhìn xuống phố Vallejo và thấy tiệm cà phê mà anh đang nghĩ đến, người được mùi cà phê từ cách xa cả một dãy nhà, và tiệm ấy vẫn giữ nguyên tên cũ, Caffè Trieste mà anh cho là một dấu hiệu mang ý nghĩa - ở đây chỉ bán cà phê, không bán bia rượu - nhưng khi anh mở cửa anh thấy một đứa bé da trắng tóc đỏ đang chơi trống bongos trong khi một anh chàng Da đen mặc áo gió màu đen đứng kế bên la rú cái đếch gì đó ai mà hiểu nổi - thật khó để phân biệt cái gì ra cái gì trong cái mớ hỗn độn đình tai nhức óc gồm tiếng gào rú của ca sĩ và tiếng vỗ tay, nhịp chân, hòa giọng của đám khán thính giả bát nháo ngồi ở các bàn. *Những cô em mất dấu tầm đở thắm... Những chàng trai thiên thần rứt cổ rùa...* Hình như đó là những lời ca bốc lửa thoát ra từ cái mồm mở hết volume của chàng ca sĩ dị hợm!

Một đám nghệ sĩ bô-hê-miên lang thang lếch thếch nghe chán chết! Anh vội rời đi. Một nơi nào đó tại thành phố này có dựng một chai whiskey thật cao với tên của Fredo Corleone trên đó.

Anh dừng lại ở một khu Ý khác mà anh nhớ - Enrico's - trông hầu như cũng... cùng một duộc, ngoại trừ một bảng hiệu bên ngoài ghi NHẠC JAZZ SỐNG TỐI NAY! Lại cũng là bô -hê -miên ở đây nhưng âm nhạc nghe có vẻ khá hơn, vậy nên, thôi, vô đại đi. Anh trả tiền trước và lấy chỗ ngồi ở quầy bar. Piano, saxo giọng soprano và một tay trống với giàn trống hùng hậu. Một đám

cũng khoái được điên rồ đây, nhưng Fredo đã cầm ly lên và lắc lư cái đầu theo điệu nhạc giậm giật. Anh là người duy nhất trong phòng mặc đồ vest, điều này, vì lí do nào đó dường như khiến người ta ùa đến với anh và vẽ ra cho anh cái “lạc cảnh vi vu” đi mây về gió cùng những ép -phê điệu kỳ của marijuana. Anh cố chống lại sự thôi thúc muốn bảo với chúng rằng anh vừa mới đến từ đám tang của con người từng thù về phần lớn lợi tức từ thứ thần dược kia đấy. Sau một ly rượu nữa anh bắt đầu nghĩ rằng loại nhạc này là thứ quái quỷ hay nhất mà anh từng được nghe. Chẳng bao lâu sau anh ngồi vào bàn với một đám đông người, có đủ nam nữ, chuyên tay nhau một điệu “diệu kỳ” và đến tour mình anh cũng... không nỡ từ chối cuộc “phiêu bổng theo ảo mộng”. Ban nhạc tạm ngưng một lát, và một anh béo người Na -uy đội mũ nỉ đỏ, chớp phảng, có tua, chiếm lĩnh sân khấu và nói rằng sau thời gian tạm nghỉ anh ta sẽ cho quý vị khán thính giả thưởng thức những bài thơ hài cú bất hủ của mình và giàn nhạc sẽ đệm theo để minh họa. Fredo cảm nhận một bàn tay đặt trên cánh tay mình. Đó là một anh chàng mặt dài, với mớ tóc mai dài, khoảng ba mươi, mặc áo nịt len và mang kính.

“Tôi có ban nhạc ngày mai sẽ chơi ở đây,” anh chàng nói, và bắt đầu mô tả âm nhạc của anh ta trong một thứ tiếng Anh ba rọi, lấp bắp, chí chöhe, nghe chẳng ra ngô ra khoai gì cả! Lại một *chàng trai thiên thần rút cổ rùa*, Fredo nghĩ. Anh nhìn chàng ta từ chồm tới gót. Một thứ đầu thừa đuôi thẹo lằng nhằng chán ngắt.

“Mình là Dean,” anh chàng hăng hái tự giới thiệu. “Mình thích bộ vest của bạn.”

“Rất vui, Dean,” Fredo nói, mặt tỉnh “bura”. “Còn mình tên là... là gì nhỉ?” Anh lấy tay vỗ vỗ lên trán. “À, à, là Troy. Đúng rồi, Troy.”

Cuộc tìm kiếm viên phi công mất tích chấm dứt mấy tuần lễ sau, khi một thi thể được tìm thấy dưới đáy khe gần sông Cuyahoga, không xa bệnh viện lắm, bị kẹt vào khung sắt của cổng rãnh. Việc thoát nước đã tăng tốc sự phân rã. Những gì còn lại đã được lũ chuột nước đánh chén thỏa thuê. Bộ mặt và đôi mắt đã hoàn toàn biến mất, và khi cái thi thể được vớt lên, những con chuột nhẩy ra khỏi miệng và trực tràng. Cái vòng đeo nhập viện (GERALD O'MALLEY, NAM, GỐC CAUCASIAN, TUỔI 38) và những gì còn lại từ chiếc áo khoác được cho là đích thực. Nhân viên điều tra kết luận rằng những thương tích trên thi thể tương ứng với những thương tích mà viên phi công đã bị, phù hợp với cách khâu nối của y sĩ phòng cấp cứu. Những ghi chú về hàm răng có thể hữu ích nhưng nhà chức trách chẳng có ý tưởng nào về việc Gerald O'Malley thực sự là ai. Dầu anh ta là ai, dầu bằng cách nào mà anh ta đi từ Phòng Chăm sóc Đặc biệt đến đáy khe kia, thì anh chàng xấu số cũng đã thực sự - nói một cách “thành thật thấy thương” - nghèo!

Chương 13

Kế hoạch cho Billy Van Arsdale và Francesca Corleone là bay từ Florida đến New York cùng với mấy cậu em của Francesca, mẹ cô và vị hôn phu muôn thuở của bà, Stan - Người Bán Rượu Mùi, nhưng bố mẹ của Billy tặng quà Giáng sinh sớm cho cậu ta: một chiếc Thunderbird (Chim báo bão) trông rất gỗ ghề, trông khi chờ cậu ngày cậu từ trường về nhà trong chiếc ô tô cũ cộc cạch, một chiếc Jeepster cũ mà Billy thích có phần vì nó làm phiền lòng bố mẹ cậu ta nhưng chuyện đó nói thật ra, rất được việc khi đưa nó từ Tallahassee trở về Palm Beach. Cơ hội để ngao du trên đường thiên lí trong một chiếc xe như chiếc Thunderbird mới cấu kia, cậu bảo Francesca qua điện thoại, là quá tuyệt để có thể bỏ lỡ. Cô nghĩ mình hiểu điều gì anh muốn nói, nhưng cô chẳng nói gì về chuyện đó và cậu cũng không. Vé máy bay đã mua rồi, nhưng bố mẹ Billy, đang đi trượt tuyết ở Áo, đã gọi cho đại lí lữ hành và dặn cậu lo hồi vé để lấy lại tiền.

Đêm trước cuộc đi xa, Billy lái xe xuống Hollywood. Trước đây cậu ta từng đến đó một lần, vào ngày lễ Tạ ơn, một tháng sau khi cậu và Francesca bắt đầu hẹn hò, và dường như đã tạo được ấn tượng tốt đối với mọi người, trừ Kathy, cô nàng tỏ ra lạnh lùng với Billy suốt thời gian chàng ở đó, và rồi, tuần lễ sau Kathy viết thư cho Francesca để nói rằng mình rất thất vọng khi thấy lòng tự ố của Francesca lại sâu xa đến thế. Và đây là “bản dịch” của Francesca: Kathy ganh tị với mình đến chết được.

Tuy nhiên, khi không có Kathy, thì mọi người khác trong gia đình lại giành về phần mình chuyện làm cho Billy phải lúng túng, khó xử. Ngay cả trước khi cậu kịp có cơ hội ôm Francesca một cái, Ông Ngoại Francaviglia đã ép cậu đi đến nhà kế bên để giúp gắn cái toilet mới. Giữa lúc làm dở chuyện đó, Bà Ngoại đi vào mang một đĩa những lát cam cắt, có lát cắt từ trái vườn nhà bà, có lát từ cam ở Florida, yêu cầu cậu nếm thử xem lát nào là từ loại cam nào và cam nào ngon hơn cam nào. Rồi tất cả đi ăn ở một quán chuyên bán bít - tếch loại dưới mức bình dân chỉ vì đó là quán của người anh em họ của tay huấn luyện viên bóng đá của Frankie. Frankie hỏi Billy tại sao lại chơi bơi lội mà không làm cầu thủ bóng đá, có phải vì anh bị đuổi khỏi đội bóng không? Francesca suýt đá vào chân cậu em dưới bàn, nhưng Billy - dẫu bị hỏi câu quá nhột, một câu hỏi dễ khiến người khác què độ - vẫn bình thản như không, nói rằng đúng là sự vụ đã xảy ra như thế và kể câu chuyện tếu về sự cố đó. Còn Chip thì làm đổ Coca lên người Billy. Hai lần. Lẽ nào đó có thể thực sự chỉ là ngẫu nhiên khi một đứa bé mười tuổi làm đổ nước uống của mình, hai lần, lên cùng một người? Mọi người, trừ Francesca, dường như nghĩ thế. Ồ, ngẫu nhiên thôi. Chứ không hề có ý “thử rể” đâu nhé!

Sandra, bà via của Francesca, thanh tra việc Billy chất quà Giáng sinh vào va li và lên chỗ ngồi đằng sau xe (một đòn phép khéo léo của chàng ta để ngăn bà má vợ tương lai không đi cùng chuyến đi xa này - khỏi có kỳ đà cản mũi!), rồi hộ tống Billy và Francesca qua nhà ông bà ngoại ở kế bên, nơi Billy cảm thấy mình bị lưu đày như một kẻ ngăn cản sự thân mật của gia đình người ta. Lúc đó chỉ mới chín giờ rưỡi nhưng ngày mai họ sẽ có một ngày dài. Lí do duy nhất mà Billy qua đêm tại đây - nhà anh chỉ cách đây một giờ chạy xe - đó là để cho sáng sớm mai, ngay từ lúc rạng đông họ có thể khởi hành và hai đứa phải trung thành với lời hứa là lái xe suốt ngày và đêm, suốt hai mươi bốn tiếng, thẳng một mạch đến New York mà không ngừng ở bất kỳ khách sạn nào. “Và nếu các con buộc phải ngừng,” Sandra lúc ấy lên tiếng, và dặn đi dặn lại, “vì, lạy Trời đừng xảy ra, một lí do bất khả kháng nào đó, các con sẽ làm gì?”

“Sẽ thuê phòng riêng, Má à,” Francesca nói bằng giọng trang trọng. “Gọi cho Má biết rằng chúng con bình yên.”

“Gọi khi nào?”

“Gọi liền. Ngay tức thì, Má à. Thôi nào, đừng nói chuyện đó nữa.”

“Và biên lai cho những phòng riêng?”

“Chúng con sẽ trình cho Má để chứng minh điều đó.” Như thế điều đó sẽ chứng minh được cái gì. “Má à, nói mãi chuyện này điên quá.”

Sandra bắt Billy lặp lại bài kinh kia. Cậu chiều ý má vợ tương lai. Sandra gật đầu và phán rằng thế là tốt, bà tin tưởng chúng, và bà không thích nghĩ đến điều gì có thể xảy ra nếu lỡ như chúng phản bội lời thề. “Má biết rằng các con muốn có một nụ hôn âu yếm dịu dàng để chúc nhau ngủ ngon,” bà nói, “vậy nên má để cho các con được vài phút riêng tư, nhé?”

Nguy thiện. Đạo đức giả. Francesca nghĩ. Khi xưa bà via mới cỡ tuổi mình đã mang bụng bầu lặc lè rồi.

“Anh yêu em,” Billy thì thầm, nghiêng người chậm chậm về phía nàng, và nàng cũng thì thầm lại câu đó, đôi môi nàng còn chuyển động với mấy từ khi chàng hôn nàng. Như được kích hoạt bởi nụ hôn, đèn ở cổng vòm bỗng sáng lên.

“Anh yêu mến gia đình em,” Billy nói.

“Anh thật là kỳ dị.”

“Em mong muốn họ thôi quấy rầy em, nhưng những ai không có được những gì em có đều mong ước họ có được điều đó.”

Đây không phải là lần đầu mà nàng e ngại rằng Billy đến với nàng chỉ vì nàng khác biệt, nàng là ngoại lai, là *gái Ý*, một phương tiện để gây sốc bố mẹ chàng nhưng không cực đoan bằng ra ngoài với một em Da đen. Hay một em Da đỏ, như cô bạn cùng phòng Suzy. Nhưng đây là lần đầu nàng thu hết can đảm để nói một điều gì về chuyện đó. “Anh có chắc là anh không yêu em vì gia đình em?”

Chàng lắc đầu và nhìn lảng ra xa. Ngay tức thì nàng ước chi mình đã không nói ra câu đó. Hẳn là chàng đã nói hay nghĩ điều này về mọi cô gái mà chàng từng hẹn hò, kể cả chính Francesca. Khi nàng bắt đầu xin lỗi, chàng nghiêng người về phía nàng và hôn nàng lần nữa, chạm vào nàng chỉ bằng đôi môi nồng ấm chứ không bằng cái gì khác, và giữ nguyên như thế. Khi nàng mở mắt, thì đôi mắt chàng đã mở ra trước rồi.

Trước buổi trưa ngày hôm sau, hai cô cậu đã đăng kí như là vợ chồng tại một khách sạn nhỏ trước bờ biển phía bắc Jacksonville. Francesca ngại rằng người thư kí quầy tiếp tân sẽ phản đối - vì cả hai đứa chẳng đứa nào đeo nhẫn cưới cả - nhưng Billy “boa đẹp” cho tay thư kí khi làm thủ tục lấy phòng. “Có lẽ em sẽ ngạc nhiên,” chàng nói khi cả hai bước vào phòng mình, “với sự kín miệng mà ta có thể mua được với hai mươi đô.”

Giờ đây Francesca đứng trong phòng tắm và lấy ra chiếc áo khoác ngoài mỏng nhẹ mà nàng đã - biết rằng mẹ sẽ lục xét hành lí của mình - cuộn nhỏ lại và giấu trong ví.

Okay. Nàng nghĩ. *Tiến hành thôi.* Cô nhìn mình đang cởi bỏ quần áo, như thể mình là ai khác, tròn vẹn hình ảnh trong gương. *Một cô gái - một phụ nữ - trong những giây phút cuối cùng còn trinh trắng.* Và sắp sửa tự nguyện “bế mịch” cuộc đời trinh trắng đó. Để về đâu, về bến đục hay trong? Cởi nút áo, mở thắt lưng, tuột ra, nhanh nhanh lên. Gấp mỗi mảnh quần áo lại, đặt từng mảnh thận trọng lên bệ đá cẩm thạch, như thể nàng e sợ nó sẽ nổ tung. Vỗ tay vào bụng. Chà đôi tay lên những chỗ lõm nhỏ trên da thịt mình nơi dải xu -chiêng thường đè xuống, thử làm cho chúng biến đi. Nhún nhảy xoay quanh, vươn cổ cao lên để xem mình trông ra thế nào từ phía sau. Nàng cho tay vào tóc và lùa xuống xem tóc mình xõa ra thế nào. Nàng thấm nước hoa

vào các đầu ngón tay, thoa vào tất cả những nơi mà bất kỳ người phụ nữ nào ở tiệm trang điểm cũng sẽ khuyên làm thế rồi cúi cong đầu và chậm chậm đưa gần đến điểm đỏ hồng giữa vùng lông đen giữa hai chân và cũng chấm nhẹ vào đó. Bộ ngực nàng khá lớn và hơi cong kềnh, vướng vịu, lại thiếu cân xứng: bộ ngực của cô gái quê trong một bức tranh vẽ cánh đồng lúa mới thu hoạch một nửa (*hoặc giống ngực Má, người cuối cùng trên trái đất mà Francesca muốn nghĩ đến lúc này*). Cô hít một hơi thở sâu, giờ đây sâu hơn; đôi vú nhô cao lên, tạo dáng cho giống hơn với những cặp vú của các cô nàng trong các tạp chí sexy như Playboy, Penthouse, For Men Only... Nàng đỏ mặt lên nhưng hầu như nàng không nhận ra. Nàng tóm lấy chiếc áo khoác mỏng nhẹ bằng lụa, hẳn là đắt tiền từ chiếc ví màu nâu và cầm để trước mặt nàng bằng dải ruy -băng tinh tế nơi dây brơten đeo vai. Nàng ưỡn một bên hông ra, rồi lại ưỡn hông kia. Nàng nhú mày. Chiếc áo khoác rõ là đẹp không ai chối cãi nhưng dường như không tương thích với người phụ nữ này, vào thời đoạn này. Nàng trải nó ra trên suốt chiều dài cánh tay và để nó rơi xuống bên trên đồng quần áo xếp ngăn nắp của nàng. Nàng đứng đó, khỏa thân, thờ không còn sâu nữa mà hơi nặng nhọc. Khỏa thân. Lỗ thể. Nhưng không có gì giống với một bức tranh. Một phụ nữ thật sự, trẻ và sợ hãi. Nàng lắc đầu và cười nụ lặng lẽ rồi mỉm cười theo một cách mà nàng hy vọng là khôn ngoan hay ít nhất là dũng cảm. Nàng mở cửa và đối diện cửa ra hành lang. "Okay," nàng nói (*Có phải đó là ta? Francesca nghĩ, giọng nói đó của một cô gái linh hoạt, đầy năng lực?*), "hãy nhắm mắt lại" Nàng khoanh hai tay bên trên đôi vú, tự ôm mình, nhắm đôi mắt lại, và nổi lên trong tính không chắc chắn, tính không thể tránh của phòng kế bên.

Họ lên kế hoạch những lần dừng của mình từ nhiều dặm đường trước, tìm những trạm đổ xăng nơi họ sẽ không phải chờ đợi người bán. Để bớt những lần dừng, họ cố gắng uống thật ít nước trong mức độ có thể. Họ không ăn thứ gì khác ngoài sandwiches, trái cây và ít bánh ngọt *Strufoli* từ cái giỏ picnic mà Bà ngoại gửi đến. Họ dự định mỗi người sẽ ngủ nhiều nhất trong mức có thể trong khi người kia lái, và Francesca đã thử làm như thế, nhưng giữa việc lấy lại bốn giờ trải qua nơi Quán Sand Dollar và tốc độ chóng mặt mà Billy lái chiếc Chim Báo Báo kia, cố gắng để bù lại bốn giờ, vù vù qua mặt các xe kéo và những chiếc Chryslers chở những gia đình nhẩn nha đi dạo - chưa nói đến thói quen của Billy là mở radio liên tục để nghe những ca khúc blues hoặc những bài ca của Johnny Fontane - nên nàng chỉ nhiều nhất là nhắm mắt lại cho đỡ mỏi mắt thôi chứ không tài nào ngủ được.

Một cảnh sát giao thông chặn xe họ lại. Billy trình giấy lái xe, giấy đăng kí chủ quyền xe và các giấy tờ khác, làm bầm điều gì đó về "lich sự." Một lát sau họ lại lên đường, không bị phạt hay thu giữ giấy tờ gì cả, vẫn chạy vù vù như cũ. Những khoản hiến tặng rất đáng kể của bố cậu cho Hội Hữu Nghị Cảnh Sát, một lần nữa, lại được đền đáp. "Anh có thể Không Phải Bị Giam" Billy nói. Cậu ta đỏ mặt.

Quả là một thế giới lộn tưng phèo (an upside -down world), Francesca nghĩ, những hàng thông của bang Carolina nổi tiếp chạy ủa qua bên cửa xe trong bóng mờ ẩm hơi sương. Billy, chàng trai ông cụ non này mà nàng từng có lần tự ghét mình vì đã khá ngốc nghếch để tin rằng nàng có thể sở hữu, anh chàng chừng chạc, người lớn nơi khuôn viên trường, chàng thiếu gia công tử này, giờ đây chỉ còn lại trước mắt nàng là một bạn trai, một bạn trai rất tốt, sẵn sàng làm vui lòng nàng, kêu gọi những ân huệ nhân danh nàng, mê cuồng vì nàng. Mọi sự bắt đầu ngày mà chị em sinh đôi của nàng rời đi. Đó cũng là ngày Francesca gặp Billy, nhưng việc Billy mê một nàng, cũng nhiều như chàng có ý nghĩa với nàng bây giờ, là một phó phẩm may mắn (a lucky by -product).

Khi lớn lên, Kathy vẫn luôn là đứa khôn lanh hơn trong hai chị em. Francesca là đứa bé xinh xắn, hay ít ra cũng là đứa quan tâm hơn đến việc tỏ ra xinh xắn; có nữ tính hơn. Kathy mang chất du mục, chất "bô -hê -miên" hơn, thích nhạc jazz hoang dã và phì phèo thuốc lá. Francesca là cô gái Công giáo ngoan đạo, thích làm đầu têu (cheerleader) trong các trò vui, chăm làm bài tập ở nhà hoặc giả bộ như thế. Nhưng khi không có Kathy ở gần thì Francesca - một cách vô thức - làm đầy phần trống nơi bản thể nàng nơi chị em nàng từng là bằng cách *trở thành* Kathy

một cách nào đó. Cô không nhớ mình quyết định hút thuốc khi nào và lại chọn đúng loại thuốc của Kathy, nhưng có điều cô thấy hút thuốc giúp cô động não nhiều hơn và, như một hậu quả, học giỏi hơn! Cô thấy hăng say, năng nổ hơn trong học tập, thường giơ tay phát biểu và được thầy cô để ý, đánh giá tốt thái độ học tập tích cực.

Nhiều lần nàng đã thấy Billy Van Arsdale trong thư viện, ngồi học kế bên một cô gái hoặc bước ra từ một rạp chiếu bóng với một cô gái khác, rồi lại đi ra từ một trong những quán bar trên Phố Tennessee với một cô gái khác nữa. Đôi khi, Francesca cũng có hẹn hò (với một chàng sinh viên nào đó, không có gì đặc biệt) hay trong một nhóm học tập. Luôn luôn Billy sẽ gật đầu chào, thường thì giao tiếp bằng mắt, thỉnh thoảng cậu ta còn dừng lại và nói vài câu bông đùa. Cô ghét cậu vì chế diễu cô như thế. Cô lạnh lùng nhưng vẫn lịch sự với cậu, sợ rằng nếu cô tìm cách phớt lờ cậu hoặc, tệ hơn, mắng nhiếc cậu, cậu sẽ làm cho cô càng lúng túng hơn. Không một lúc nào cô tin rằng mình đang khai triển chiến thuật yêu thích của Kathy - thực vậy, đó là chiến thuật duy nhất của nàng - để làm cho bọn con trai thích nàng ta. Francesca có thể chẳng bao giờ biết rằng đó chính là điều nàng đang làm - dầu thiếu thận trọng cân nhắc đến đâu - nếu không phải là cho Suzy, đang sinh hoạt ở Glee Club với George, em của Billy. Một ngày nọ, lúc đang học bài cho kỳ thi giữa học kỳ, Suzy bảo Francesca rằng nếu nàng không thận trọng thì hành vi kiêu khó gần của nàng sẽ khiến cho Billy Van Arsdale không bao giờ đủ can đảm để tỏ tình với nàng.

Tỏ ra khó gần? Buồn cười thật. Francesca quá hiền lành dễ thương, quá sốt sắng chiều ý người khác, thiếu kỹ năng “chiến tranh cân não” cần thiết để cố đạt được điều mình muốn bằng cách làm bộ cự tuyệt nó, làm cho nó mất thể diện. Francesca bảo Suzy rằng cô mất trí rồi, nhưng Suzy kể lại với George, anh chàng này “trích dẫn” lại một cuộc nói chuyện giữa mình với anh mình về chuyện anh ấy hỏi cậu ta có học lớp nào chung với cô nàng Francesca Corleone không. Tại sao anh hỏi như thế? George vặn lại. Chẳng có lí do nào cả, Billy làm bộ tảng lờ. Sao, anh thích cô ta phải không? George hỏi. Thôi câm mồm, thằng óc đất sét, Billy quát, mày có cùng lớp cô ta hay không?. Em nghĩ là anh đã bảo em câm mồm rồi mà, George nói kháy. Thôi bỏ qua chuyện đó đi, Billy giả lả. Em có học lớp nào chung với cô ấy không, nói anh nghe coi. Và George nói mình không có học lớp nào chung với Francesca cả nhưng mình cặp bồ với cô bạn cùng phòng với cô ấy. Làm thế nào bạn biết chắc họ đã nói tất cả những lời ấy? Francesca hỏi lại và Suzy nói mình cũng không biết nữa, tuy vậy tại sao George phải nói dối. Francesca đã nghĩ về cái cách mà các cậu em mình nói chuyện với nhau và nhận định rằng Suzy, cũng chỉ là một đứa trẻ, không thể bịa ra một chuyện như thế. Lần tiếp theo khi Francesca gặp Billy nàng không làm gì khác hơn là giữ tiếp xúc bằng mắt lâu hơn vài giây, nhưng tất nhiên là chuyện đó đem lại hiệu ứng tốt. Mấy giây sau chàng ngỏ lời mời nàng đi chơi. Chàng biết một quán bên đường rất tuyệt ở miền quê. Ferguson Bom Khinh khí đang chơi; bài “hit” của anh là “She ‘s Been Gone” (Nàng đã đi rồi), cô có nghe chưa? Không thể nói được là em đã có niềm vui ấy chưa, Francesca nói, cố gắng và thất bại, để kìm lại nụ cười, để thôi không đỏ mặt. Ngày hôm sau, bà má kí túc xá gõ cửa phòng nàng và trao cho Francesca một bông hồng đỏ tươi và một phong bì đựng một đĩa H -Bom Ferguson. Hai ngày sau, hai đứa có cuộc hẹn đầu tiên. Hai tháng sau cô cậu thế này đây. Phóng như bay về hướng bắc.

Giờ đây, quan sát chàng, và làm bộ như không, nàng có thể thấy - giờ đây khi nàng đã thấy tất cả những gì nên thấy ở chàng, giờ đây khi hai đứa đã từng lên giường với nhau và mặc dầu có lẽ chàng đã từng ăn nằm với hàng trăm cô gái nhưng hóa ra là chàng vẫn rất nệ cổ còn nàng là em bé hiếu kỳ, chỉ chỏ, thắc mắc, muốn thử nghiệm chuyện này, chuyện kia. Bây giờ nàng đã được thuyết phục là hai đứa đã kinh qua mọi tư thế làm tình của người lớn - rằng Billy Van Arsdale không phải như con người mà nàng từng hình dung về chàng, vào ngày đầu tiên nàng đến trường. Chàng hơi thấp, với đôi mắt chó săn và một nụ cười ranh mãnh mà nàng từng nghĩ là sắc sảo tinh khôn song cũng có phần láu lỉnh, nhưng chắc chắn là không phải mô phỏng từ phim ảnh. Đầu tóc vàng của chàng luôn rối bù. Chàng là một người khiêu vũ vụng về và dường như không biết là mình nhảy vụng. Chàng hát vang theo những bài hát mà chàng chỉ thuộc lời lõm lõm. Chàng cười rít qua hàm răng giống như nhân vật trong phim hoạt hình. Tất cả những

điều này nhằm nói lên rằng không phải vì có ngoại hình ưa nhìn, hay vì đa tài hay vì có một câu chuyện đời hoàn hảo nên khiến chàng chinh phục được biết bao cô gái, cũng như chức chủ tịch hội sinh viên. Chàng là một chính trị gia thiên bẩm: một phần do cái tên của dòng họ Van Arsdale danh giá, tiếng tăm lừng lẫy ở Florida, một phần do những cung cách tinh tế và bản tính xã hội của riêng chàng và phần thứ ba thật khó định nghĩa. Hơn cả sức cuốn hút thiên phú (charisma), Francesca nghĩ. Một thứ từ lực huyền bí, bất khả cưỡng.

Trừ một đoạn đường ở Virginia, Billy lái trên toàn bộ lộ trình. Cuối cùng Francesca cũng ngủ được một tí, trước khi nàng cảm nhận bàn tay của Billy trên vai nàng và thức giấc, mất phương hướng trước ánh sáng long lanh chói mắt của tuyết mùa đông đang rơi đầy trời.

“Anh nghĩ em muốn nhìn cảnh tượng này.” Chàng chỉ vào đường chân trời của New York. “Thành phố quê nhà của em.”

Nàng ngồi dậy và dụi mắt. Rõ ràng Billy rất tự hào về sự hoàn thành công việc của mình, về việc đem lại tầm nhìn kỳ diệu này cho nàng. Nàng không chắc là từ trước giờ nàng từng thấy thành phố từ hướng Jersey. Đó là một cảnh tượng gây sững sờ, nhưng không có gì trông giống như quê nhà quen thuộc từ thuở nhỏ. “Đẹp lắm.”

“Em không thấy hào hứng sao?”

“Anh có mệt không? Có buồn ngủ không? Trước giờ anh từng lái xe trong cảnh tuyết rơi chưa? Mấy giờ vậy anh?”

Có. Không. Thường vào những kỳ nghỉ đi trượt tuyết. Đúng như thời khóa biểu. Họ đã lấy lại những khoảng nghỉ bốn giờ ở các khách sạn ven đường.

“Em yêu anh” nàng nói, nghiêng người hôn cái má múp míp của chàng.

“Tên là Junior Johnson, thưa quý bà,” chàng nói, giả giọng miền nam lè nhè. “Hân hạnh phục vụ quý bà.”

“Junior Johnson là ai dzậy?”

Một chàng tài xế xe đua lúc đầu phát triển kỹ năng của mình nhằm chạy thoát khỏi đám nhân viên liên bang trong thời kỳ cấm rượu và buôn rượu lậu. Nàng chưa từng nghe đại danh của con người này sao. Hóa ra đó là một người anh em họ xa của mẹ Billy.

“A!” Francesca reo lên. “Vậy ra đó là nguồn gốc gia sản kếch sù của nhà Van Arsdale.”

Billy bắt đầu nói điều gì đó rồi tự dừng.

“Được thôi,” nàng nói. “Bây giờ thì giữ bỏ nó khỏi hệ thống của anh đi”

“Không cần nữa,” chàng nói.

“Anh chắc không?” Hai đứa từng tranh luận vấn đề này trước đây. Cô đã nói với cậu rằng bố của cô đã nổi loạn chống lại mọi thứ đó, rằng ông ấy là một doanh nhân hợp pháp. Công ty xuất nhập khẩu của ông ấy mang bằng hiệu The Brothers Corleone, nhưng chỉ là do kính trọng đối với ước nguyện của bố ông. Chứ thực ra chỉ mình ông điều hành công ty đó, mấy chú kia không dính líu vào. “bởi vì chuyện này chưa được bàn luận, đúng không? Bất kỳ chuyện gì anh muốn hỏi em liên quan đến mọi thứ này thì hãy hỏi em ngay bây giờ, nhưng bất kỳ điều gì anh làm, xin đừng làm em lúng túng trước mặt gia đình em.”

Chàng quay về phía nàng, miệng mở ra. “Anh không tin rằng em lại nghĩ là anh sẽ -”

“Em không,” nàng nói. “Anh sẽ không. Chỉ tại chúng ta quá mệt mỏi. Em xin lỗi. Anh tập trung lái xe đi.”

Tối nay là Đêm Giáng sinh, tuy vậy giao thông buổi sáng vẫn ùn tắc kinh khủng. Vào lúc đi về Long Beach, họ mất đi một trong những giờ đã lấy lại.

Hai người lùn mập mang áo khoác dài bước ra khỏi cổng đá ở lối vào dãy nhà hình bán nguyệt mà gia đình cô sở hữu. Billy quay cửa xe xuống. Francesca có thể ngửi mùi nấu nướng thức ăn từ bếp trong nhà bà tỏa ra, dầu cách đó đến năm mươi yards. Cô nghiêng người qua lòng Billy để mắt tay vệ sĩ có thể thấy cô.

Một trong hai người gọi cô là Kathy và nói anh ta xin lỗi, anh ta không nhận ra chiếc xe, và lúc đầu cũng không nhận ra cô vì cô không đeo kính.

Kính à? “Nhưng tôi là Francesca mà,” cô nói.

Người đó gật đầu. “Bà bảo chúng tôi là cô đi xe Silver Hawk, chứ không phải Thunderbird. Chắc là Má các cô không rành xe lắm. Thôi tốt hơn chúng ta nên di chuyển đi. Bà đã gọi xuống đây từ mấy giờ trước rồi.” Phía ngoài căn nhà của ông bà nội nàng - căn nhà nhỏ nhất và ít phô trương nhất trong số dãy nhà hình bán nguyệt, tất cả gồm tám căn của đại gia đình - hoàn toàn không trang trí gì. Bà nội nàng vẫn còn mang tang chồng. Không có bóng đèn cũng không có các vòng hoa, căn nhà dường như nhỏ hơn. Thu mình lại. Bên kia đường, căn nhà bungalow nơi nàng và gia đình nàng từng có lần sống, nay tăm tối và trống không. Có ai đó đã đặt một người tuyết ở trước sân và treo một vòng hoa với kích cỡ chiếc vỏ xe tải trên cửa chính.

Trước khi Billy có thể queo xe vào đường nội bộ, cả nhà Francesca đã bắt đầu ủa ra khỏi căn nhà bà nội, do cô chị song sinh của nàng dẫn đầu - cô nàng bô -hê -miên phiêu bồng lãng tử đó - với đôi kính đen to tướng che gần nửa mặt và nhảy tung tăng qua vườn cỏ đầy tuyết, trong vai trò kẻ đầu têu (cheerleader).

“Đói không?” Francesca hỏi Billy.

“Đói lắm người,” Billy đáp.

“Đi đều bước thong thả,” Francesca bảo, “nhưng đừng quá nhẩn nha, kéo họ lại nghĩ là anh miễn cưỡng phải gặp họ.”

Cô mở cửa xe, lúc đầu bị lóa mắt bởi cú sốc do lạnh gây ra. - *làm thế nào mà mình từng sống ở đây được nhỉ, trong cái hộp băng này?* - và sau đó bởi Kathy mà cú ôm đã ép nàng vào bên hông xe. Hai đứa nhảy tung tăng và la hét cười đùa, một phong cách mà Kathy không còn có từ mấy năm nay. Mặc dầu vào ngày lễ Tạ ơn thì cuộc họp mặt của họ cũng có không khí tương tự. Chỉ khi rời ra để nhìn nhau và Francesca cảm nhận luồng gió lạnh thổi qua mặt nàng mới nhận ra là mình đã khóc. “Chị đeo kính,” Francesca nói.

“Còn em đang mang bầu,” Kathy nhận xét, rồi bước lui lại vì cả nhà đã đến.

Francesca, sững sờ, được bao bọc trong những cái ôm và những nụ hôn. Kathy nhún nhảy trên đôi chân, mỉm cười và trao đến nàng một cái vỗ tay có vẻ ngây thơ vô tội, mặc dầu cặp kính đen khiến người khác khó đọc được biểu cảm của nàng. Francesca biết rằng người ta có thể chỉ mới “giỡn chơi chút xíu - ai dè có mang” ngay từ lần đầu tiên và những gì Billy đã làm với nàng là không an toàn. - gần phóng thì rút ra và xuất tinh trên bụng nàng. Nhưng như thế thì chưa có gì bảo đảm là đã chắc cú trăm phần trăm cả. Song dầu sao xác suất rủi ro là rất nhỏ, và muốn

hưởng cực điểm khoái lạc thì phải chấp nhận một tí nguy cơ chứ! Đó là thứ gia vị làm tăng thêm tính hấp dẫn của... trái cấm! Và nói cho cùng, dầu có là sinh đôi hay không thì *làm thế nào mà Kathy có thể biết được?*

Billy vác lên một bên vai một giỏ lưới to đựng đựng loại cam Van Arsdale còn vai kia mang một giỏ nho. “Cây ở đâu?” Billy hỏi.

“Cây gì chứ?” Kathy hỏi lại. Cô bỗng bé Mary, cô con gái nhỏ xinh xắn của thím Kay, giữ bé ngang hông mình, trông ra dáng bà mẹ trẻ. “Wha, twee?” bé Mary lặp lại như vẹt.

“Cây Noël đấy,” Billy nói. “Để đặt quà bên dưới.”

“Chúng tôi người Ý, cậu Billy à,” Kathy nói. “Không có cây Noël.”

“We *Italian*, Bee -Boy!” bé Mary hét lên, lặp lại.

“Vì Chúa!” Francesca nói, “chúng ta có một cây thông Giáng sinh ở nhà. Còn nhà Bà nội không có. Chuyện là thế. Đặt quà nơi máng cỏ đi.”

Bà nội lâu lâu, không vừa ý với nhóm từ *Vì Chúa*. Billy ngẩng đầu.

“Lại là một chuyện whaddyacallit” (Bạn gọi nó là cái gì nhỉ?) Francesca nói. “Một hoạt cảnh Giáng sinh, tôi đoán thế.” Nàng tự dừng lại và nhìn Kathy, cô này hiểu điều không được nói ra và gật đầu: vâng, cái máng cỏ cũng đủ thiêng liêng, phù hợp với việc Bà nội Carmela còn đang để tang. “Nơi phòng khách đó. Cậu sẽ thấy ngay thôi.”

Bà mẹ của Francesca nhướn một bên mày lên, đưa tay trái lên xem đồng hồ.

“Tuyệt, mẹ ạ” Francesca nói, “Nó làm chúng con phải chạy chậm lại.”

“Tuyệt rơi suốt cả lộ trình sao?” bà hỏi vặn.

“Từ Washington D.C. trở đi,” Francesca nói, theo kiểu đoán mò. Bởi nàng ngủ lơ mơ, đâu biết gì.

“Không phải đâu, chắc là hai cô cậu đã dành thời gian để vi vu du dương đâu đó rồi,” một lão đầu hói nói oang oang. Lão ta tự giới thiệu là “Ed Federici, bạn của cô các cháu.”

Kathy đã kể về lão ta trong một bức thư, lão ta và cô Connie đã đính hôn mặc dầu việc hủy hôn thú của cô vẫn chưa xong.

Stan Jablonsky nhất trí. “Đừng quá bận tâm đến cô ấy nữa,” lão ta nói, nháy mắt với Sandra, điều làm Francesca luôn khó chịu. “Má cô đã dậy từ sáng sớm, ngồi vén màn trông chờ cô đấy.”

Hai chàng vị hôn phu ra mang sổ hành lí còn lại và trên đường vào nhà bắt đầu thẩm vấn Billy về các con đường, các cây cầu... và đủ thứ các cái linh tinh.

Sao lại như thế được nhỉ, một ngày lễ Giáng sinh gia đình, và *hai người ngoài này* là những người khác duy nhất? Stan, người đã đính hôn với má cô gần ba năm mà chưa hẹn ngày cưới, còn tay thư kí kể toán lo việc khai báo thuế cho gia đình cô, lại đi đính hôn với một phụ nữ trên danh nghĩa vẫn còn có chồng. Con người mang nam tính mạnh mẽ nhất trong số họ, Santino, bố của Francesca, đã chết. Ông nội cô, luôn luôn là tâm điểm vui cười, âu yếm và tận tụy của bất kỳ cuộc họp mặt gia đình nào, cũng mất rồi. Chú Mike không về (chú ấy đang bận công việc ở Cuba hay Sicily - cô nghe cả hai, có lẽ là cả hai, nhưng *cả trong dịp Giáng sinh?* Ông nội Vito

hắn là phải lẫn lộn trong mờ). Gia đình Hagens đã chuyển đến Las Vegas và cũng không đến. Chú Fredo được dự tính là có mặt ở đây từ hôm qua nhưng hình như đã gọi đến và bảo là có thể chú ấy không về được. Còn dựng Carlo thì dường như... đã biến mất khỏi mặt đất.

Chỉ có hai vị hôn phu lóng ngóng. Và Billy. *Billy của nàng.*

Francesca nhìn chàng đi, lòng nôn nao muốn giải cứu chàng khỏi một buổi chiều phải ngồi chơi bài hoặc xem bóng đá qua Tivi hay được mời ăn snacks liên tù tì dầu đã ngấy đến tận cổ. Bỗng dưng nàng khuy gối xuống với ham muốn về chàng, ham muốn quay quắt muốn làm lại những chuyện như khi ở Jacksonville. Nhưng nàng bị kéo xa khỏi chàng, bất lực không thể cưỡng lại ngọn triều dâng của những người đàn bà cuốn lấy nàng, như trong một giấc mơ, vào trong gian nhà bếp nóng ran với mùi hăng cay nồng của bà nội: một pháo đài của tình yêu chịu đựng mà thời gian dường như chưa bao giờ chạm đến.

Những đám mây hơi nước, một làn sương bụi gồm các loại bột, những chảo dầu sôi, những thau bột nhào, những lát cá tươi ướp gia vị sắp lớp trên các khay. Và cái chảo trắng khổng lồ kia, một món đồ bảo tàng có lẽ sống lâu hơn tất cả những con người thuộc thế hệ thứ hai ở đây. Trong phòng kế bên, chiếc máy hát đang phát ra những bài ca Giáng sinh mà Francesca từng nghe từ khi mới chào đời đến giờ và có lẽ còn nghe đến trọn đời, qua những giọng ca của Caruso, Lanza, Fontane... Trẻ con chạy ra chạy vào, miệng mút kẹo ngọt. Thím Kay đứng ở bồn rửa chén bát liên tục, chất thành từng đồng cao. Mẹ nàng, Sandra, cường tráng và kiên quyết, và cô Connie, giọng the thé và chua *đến giấm cũng phải kêu bằng chị*, hai người chưa bao giờ ư nhau, nhưng nơi nhà bếp này họ dự đoán những nước đi và những nhu cầu của nhau như thể họ là cặp diễn viên chuyên diễn những màn tung hứng nhịp nhàng như cặp Fred Astaire và Ginger Rogers. Angelina, bà cô người Palermo của bà nội nàng, hiện nay cụ chắc là đã hơn trăm tuổi, vẫn không thềm biết một từ tiếng Anh nào - ngồi trong một góc đằng sau một bàn chơi bài, đang điều phối các thành phần gia vị theo ý bà. Và tất nhiên là có mặt bà nội Carmela tổng giám sát mọi chuyện, quát tháo những chỉ dẫn, bắt tay vào những phần việc tinh tế nhất, tất cả với một tình yêu thương đầy chịu đựng luôn được cảm nhận nhưng không bao giờ tuyên bố.

Kathy chỉ vào một kim tự tháp làm bằng trứng màu trắng như sữa, rồi đưa cho Francesca một con dao làm bếp và một chai soda Brookdale vừa mới mở nắp, được ngâm lạnh từ một thùng đá bên ngoài. Nhìn vào cái chai - tất nhiên chúng không thể có nó ở Florida - Francesca bỗng dừng lại òa ra khóc. Cô gái cứng cỏi đâu mất rồi? Cái phần nơi nàng đã từng là Kathy đâu mất rồi?

"A, những giọt nước mắt ngọt ngào của niềm vui," bà nội nói bằng tiếng Ý. Bà nâng cốc cà phê đã mẻ miệng lên, cái cốc mà bà dùng đã từ lâu lắm như Francesca còn có thể nhớ được, cái hình ảnh đã mờ về các hòn đảo Hawaii giờ đây được cản phía bên ngoài với những tàn tích của hàng tá thứ bột nhào và hỗn hợp bột mì, trứng, sữa. "Để làm một bữa tiệc đêm Giáng sinh thì đây là thành phần chủ yếu nhất!"

Ai mà ngăn được cảm xúc trước câu khẳng định này từ đôi môi của một người đàn bà mới là góa phụ chưa đầy một năm. Từng người đàn bà khác tranh nhau tìm ly, cốc hay chai của mình và nâng lên cao.

Từ sau gáy mình, Francesca cảm nhận khuôn mặt Kathy với thái dương mang đôi kính to tướng. Em đúng là ngốc nghếch," Kathy thì thầm và hai đứa cùng nhau cười vang, giống hệt nhau.

Lúc làm thánh lễ Mi -sa, Francesca phải thì thầm những chỉ dẫn cho Billy (gia đình chàng theo đạo Tin lành), trước nay chàng chưa từng đặt chân vào một nhà thờ Công giáo. Chàng rất vụng về trong việc quỳ gối và việc làm dấu thánh giá chẳng khác lúc chàng lóng ngóng trên sàn nhảy. Nhưng nàng có thể cảm nhận đôi mắt Kathy chiếu về phía Billy, cho dù Billy không cảm thấy.

Nàng có thể nghe Kathy nói rằng đây chính là loại sự vật bây giờ thì đáng yêu và về sau làm cho bạn mê cuồng, ngay cả nếu Kathy - ngồi ở đầu kia của chiếc ghế dài và lo đỡ cụ Angelina lợm khộm. - không nói gì khác ngoài lời kinh và thánh vịnh.

Khi chuông nhà thờ ngân nga lời chuông sám hối, Francesca nắm tay đấm nhẹ vào ngực bốn lần, mỗi lần cho một giờ ở Lữ quán Sand Dollar. Lúc lên chỗ chốn song bàn thờ, nàng làm lại động tác đó, một cú đấm ngực cho mỗi lần làm tình. Đi trở về ghế ngồi, nàng cúi đôi mắt xuống, sám hối, ngồi xa Billy, nhưng một khi nàng quì gối và đọc xong bài kinh, nàng ngồi gần lại và nắm tay chàng. Chỉ khi đó nàng mới nhận ra thím Kay -kế bên nàng, vẫn còn quì gối, đôi môi mấp máy bài kinh yên lặng - cũng đã nhận lễ rước Thánh thể.

“Thím ấy đã cải đạo,” Kathy nói trên đường trở về nhà.

“Em đã hình dung chuyện ấy, nhưng mà sau bao nhiêu năm?” Francesca nói. “Vì mấy đứa nhỏ, em đoán thế?”

Họ ngồi vào chiếc Thunderbird của Billy.

Kathy nhướn một bên mày. Ngay cả khi mang kính, nàng vẫn còn giống mẹ đến làm ngạc nhiên. *“Per l'anima mortale di suo marito”* (Vì linh hồn đã khuất của chồng bà).

Linh hồn đã khuất của chồng bà? Francesca nhướn mắt với chị.

“Má đi mỗi ngày,” Kathy nói. “Giống như Bà nội. Và cũng cùng lí do.”

“Mọi người đi vì cùng lí do.” Francesca vẫn chưa có thể kéo chị ra một bên và hỏi cô ta có ý chỉ gì khi nói, *Còn em đang mang thai.* “Ít hay nhiều.”

Đôi mắt Kathy mở rộng, giận dữ.

Mặc dầu, hay dường như đúng hơn là, vì những sự vắng mặt nặng nề được cảm nhận bởi hầu như mọi người chung quanh bàn, bữa tiệc đêm Giáng sinh truyền thống của gia đình Corleone với bảy loại cá, vẫn rộn rã, ồn ào như trước nay vẫn thế. Rượu chảy tự do, phụ nữ cũng nâng ly như đàn ông, cũng “Dzô! Dzô!” năm mươi, một trăm phần trăm, rất rôm rả và xôm tụ! Sau một vài tuần rượu đầu tiên, những bức thư Giáng sinh của các đứa con biểu lộ tình yêu thương chân phác đối với cha mẹ, được đọc từng bức một, từ thư của đứa nhỏ tuổi nhất đến thư của người lớn tuổi nhất. Dầu bằng lời lẽ ngô nghê vụng về hay lời trang nhã, thâm thúy, nhưng mọi bức thư đều được đón nhận với sự cổ vũ nhiệt tình, lên đến đỉnh điểm với bức thư từ cô Connie. Đây là lần đầu tiên trong hơn ba mươi năm Carmela Corleone đã nhận được chỉ một bộc lộ của tấm lòng hiếu thảo của một người con đối với mẹ hiền, một thời điểm tế nhị mà Connie - khiến cho nhiều người phải ngạc nhiên - đã thả sáng lên với một bức thư cực kỳ thích thú khiến nhiều người còn chuyền tay nhau đọc trong những tuần rượu sau đó.

Tương tự như thế, mọi trái tim được sưởi ấm lên bởi câu chuyện về sự quan tâm ân cần nhưng âm thầm của Vito Corleone đối với đời sống tình cảm của các con mình, chẳng hạn ông từng sắp xếp cuộc hẹn bất ngờ cho Connie với một cậu trai tử tế dễ thương vừa mới tốt nghiệp đại học với một văn bằng quản trị kinh doanh, hứa hẹn sẽ thành một chàng rể thảo, một người chồng đáng hoàng. Thế nhưng Connie đã hẹn hò với Carlo Rizzi, một anh chàng có vóc dáng của một lực sĩ thể hình vai u thịt bắp trông ngon lành hấp dẫn hơn để rồi sau đó thành một tên chồng vũ phu thô lỗ, chẳng làm được cái tích sự gì, đụng đâu hư đó, lại còn sẵn sàng thượng cẳng chân hạ cẳng tay cho vợ tím bầm mày mặt khiến ông anh vợ Michael vừa ngứa mắt vừa xót cho em gái, bèn lệnh cho thuộc hạ “quét cái thứ rác rưởi đó khỏi mặt đất!” Ấu cũng là thêm một chuyện người tính không bằng trời tính vậy.

Rồi Mama Corleone cho khui một chầu sâm - banh để chúc mừng vị hôn thê mới Ed Federici của cô con gái Connie lặn dần tình duyên của bà và sai dọn ra những món đặc sản truyền thống của gia đình: món cocktail cua & tôm, món baccala chiên & calamari nhồi, trai & hến hấp dùng với nước sốt marinara và bột tóc thiên thần tươi. Và kết thúc với - trước khi dùng tráng miệng - món cá bơn nhồi rau spinach, cà chua phơi khô, phô - mai mozzarella và nhiều gia vị bí mật khác mà cụ cố Angelina chỉ pha trộn vào khi không có ai nhìn ngắm.

“Nguy cơ đột quỵ tim,” Ed Federici lên tiếng, với hai lòng bàn tay để lên mặt bàn, choáng váng, bàng hoàng như một người nhìn vào khoảng không gian trống rỗng nơi chiếc xe hơi của mình vẫn thường ở đó (mà nay đâu rồi?), “tăng gấp ba trong giờ đầu tiên sau một bữa ăn thịnh soạn.”

Stan đã bỏ dở nửa chừng món cuối và đi ngủ ở phòng kế bên, tắm trong ánh sáng chập chờn toát ra từ Tivi đang phát một trận bóng đá không ai xem cả. Chỉ có hai người vẫn còn ăn: Frankie vẫn còn hăng hái như muốn trở thành nhà vô địch... ngón thức ăn, và Billy đang chọc chọc vào con cá bơn như một người tìm thấy vàng và đang cố nhớ lại tại sao vàng lại quý.

Connie bảo Ed im lặng và vỗ mạnh vào chóp của cái đầu hói sớm, đỡ ửng của lão ta. “Má đã nghe bác sĩ chẩn đoán là má có thể bị đột quỵ tim.” Từ ngày chồng mất tích, Connie cứ uống rượu suốt theo một “tiến trình” đều đặn mỗi ngày và nàng vừa mới khui thêm một chai Marsala. Cái vỗ tay của nàng xuống đầu Ed, trên lý thuyết là để đùa vui, song cũng đủ lớn để những ai chứng kiến sự việc cũng phải ngần ngại chùn bước. Nhiều người nơi các phòng khác quay đầu về góc đó để tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra. Cú đập ngay lập tức đã lưu lại dấu vết hình bàn tay.

Francesca dẫn Billy đi khỏi bàn, dẫn chàng ta vào văn phòng trước đây của ông nội nàng đứng lúc thím Kay dọn dẹp xong bàn của đám nhóc. “Cháu ăn đủ chưa, Billy?” Kay hỏi.

“Vâng, thưa cô.” Chàng ta ngồi xuống một cách nặng nhọc lên chiếc ghế bọc da kê sát tường.

“Xin mời dùng món tráng miệng,” Kay tươi cười nói. “À này, có ai thấy Anthony ở đâu không?”

“Cháu nghĩ là em ở ngoài kia, với Chip và đám nhóc nhà Clemenza.” Billy nói. Bọn nhóc đó là con của đám nhóc mà ngày xưa Francesca thường chơi đùa với khi nàng ở lứa tuổi của Chip. Giờ đây những bạn chơi thuở ấu thơ đó đã có gia đình riêng của họ và sống trong những căn nhà dưới phố.

Giờ đây hai cô cậu lại được riêng biệt với nhau. “Xử sự tốt đấy, bé cưng. Em có thể nói là họ thích anh đấy.”

“Sao em lại cười nhăn nhở như thế?” chàng hỏi, nằm trên chiếc ghế dài, ôm chặt bụng.

Nàng quì trên sàn nhà kế bên chàng. “Không gì giống như một bữa ăn tự do thoải mái,” nàng thì thầm. “Trả phí đi chứ, cậu. Hôn em đi.”

Chàng vâng lời. Nhưng là một nụ hôn nấn ná, chần chừ, lần lữa, không phải loại nụ hôn mà Francesca muốn có trong căn nhà này. Khi nàng mở mắt, ánh sáng chớp tắt mấy lần rồi mở ra luôn.

“Đừng để tôi phải tạt nước lạnh vào người cô nhé,” Kathy nói. “Nào. Cả hàng đồng chén bát đĩa muổng kia kìa. Đứng lên, bước, nhanh! Tôi rửa, cô sấy, người nào việc nấy!”

Billy nằm lại, cùng một cái nhìn bão hòa trên mặt chàng ta mà chàng từng có khi ở khách sạn, và vẫy nhẹ tay chào.

Phụ nữ tất nhiên phải lao vào việc rửa chén bát suốt ngày hôm ấy. Một chương trình nhạc jazz được phát ra từ chiếc radio nhỏ mà Kathy tìm được đâu đó. Trên một chiếc ghế gỗ ở trong góc, cụ cố Angelina khịt mũi. Hai chị em sinh đôi lại được riêng biệt với nhau. “Bà nội đâu?” Francesca hỏi.

“Đi rước lễ Misa. Bà và thím Kay mới vừa đi.”

“Hai lần trong ngày? Chị đùa tôi đấy à?”

“Đến mà xem kìa. Xe đi rồi.” Kathy nghiêng đầu về phía Angelina. “Cám ơn cụ cố khịt mũi,” Kathy nói. “Nếu không chúng ta phải đi kiểm tra suốt ngày để xem cụ còn sống hay đã chết. Đừng nhìn ta như thế chứ. Cụ điếc đặc chẳng nghe, chẳng hiểu một tiếng Anh nào đâu.”

“Chị muốn cá bao nhiêu rằng cụ hiểu nhiều hơn là cụ để lộ ra?”

“Ồ, em muốn nói giống như Bee -Boy?”

“Chị nói về cái gì vậy?”

“Bộ cô em nghĩ rằng mọi người khác đều mù hết cả sao -”

“Tôi chẳng nghĩ mọi người là sao cả.”

“- nhưng cô em là kẻ mù quáng. Cái thằng nhãi thò lò mũi xanh làm bộ làm tịch kia, *nằm ngủ trong văn phòng của Ông nội* - chuyện đó thấy chứng mắt chứ, cô em không nghĩ thế à? Cô em không thể thấy là hắn ta đang sử dụng cô?”

“*Sử dụng tôi?*” Francesca nói. “Chị đừng có quá đáng thế chứ. Tôi đưa anh ấy về nhà mình mà.”

“Cô là cái gì, Nàng Công chúa Phóng đảng của Tallahassee?” Đôi mắt kính của Kathy bị phủ sương một nửa do hơi nước thoát ra từ vòi, nhưng nàng vẫn để vậy.

“Chị mất trí rồi. Buồn thật. Tôi thấy tiếc cho chị đấy.” Francesca cầm lên một cái đĩa bẹt hình con cá, bằng sứ và nhướn đôi lông mày.

“Không có ý gì,” Kathy nói. “Cô em không nhận thấy rằng Billy ở đây chỉ là để trải nghiệm một Mùa Giáng sinh Mafia thú vị? Đối với hắn, chúng ta là một đám dân Ý bản thủ. Một thứ gì đó để hắn có đề tài bông đùa với bạn bè, gia đình hắn, về cái dịp hiếm hoi mà hắn được “mục sở thị” những gang-x-tơ Ý thú vị với súng ống giấu trong mấy hộp đàn violon.”

Anthony Corleone đã mang cây đàn violon của cậu ta tíu từ Nevada về đây để chơi bài “Đêm Thánh Vô Cùng” cho cả nhà nghe; tuy tiếng đàn cậu bé còn non nớt nhưng cũng đủ ngọt ngào bù tai. Nhất là sự ngây thơ trong việc làm của cậu, tính hồn nhiên, thánh thiện trong tiếng đàn của cậu. Nỡ lòng nào đem so sánh với chuyện súng đạn, xương máu như vậy? “Ta chẳng đại gì trả lời để đem lại phẩm giá cho một câu nói kiểu đó.” Francesca nghĩ.

Kathy làm va đập một cái ly uống rượu nho vào vòi nước và cái ly vỡ. Nàng bị đứt tay nhưng cố nén, im lặng không nói gì. Lúc đầu máu chảy nhiều nhưng thực ra không có gì. Cả hai cùng lo chùi sạch máu mà không nói gì. Francesca lấy băng băng lại.

Kathy buông ra tiếng thở dài, gập đôi mắt của cô em, và nói điều gì đó bằng giọng nhỏ đến nỗi Francesca phải yêu cầu cô lặp lại. “Ta nói,” Kathy thì thầm, “rằng tất cả đều đúng.”

“Cái gì mà tất cả đều đúng?”

Kathy dội nước rửa lớp váng trên bồn rửa bát và bảo Francesca đi lấy chiếc áo khoác. Hai đứa đi về góc xa nhất của khu vườn, ẩn mình sau cái đèn rọi, và Kathy - một trò đùa cũ kỹ mà trước đây chúng đã đùa hàng bao nhiêu lần rồi - đốt lên cùng lúc hai điếu thuốc, theo phong cách một tay đầu đẳng trong phim ảnh Hollywood, và trao một điếu cho cô em. “Em và Billy? Đấy có lẽ là nụ hôn đầu tiên mà bất kỳ người nào có trong phòng đó lại không dẫn trực tiếp đến -” Nàng ngược nhìn vào tuyết đang rơi như thể cái từ đúng sẽ đậu lên môi nàng.

“Đến cái gì?”

Kathy đứng chống nạnh và xua luồng khói thuốc khỏi ánh sáng. “Em có biết là phải mất bao lâu để một người được tuyên bố, một cách hợp pháp, là đã chết? Và có biết là cần bao lâu để được nhà thờ tuyên bố hủy bỏ hôn ước?”

“Vài tháng, em đoán là thế.”

“Em đoán sai rồi, em bé à.” Kathy lớn hơn Francesca bốn phút. “Lâu hơn nhiều. Rắc rối là ở chỗ ấy.” Khi cô Connie thông báo việc đính ước và hẹn lễ cưới vào tháng mười hai, Kathy cũng bị sốc như bao người khác. Nàng cho rằng chắc Connie đã dính bầu nên mới gấp thế, nhưng một khám phá tình cờ nơi phòng tắm của Connie đã loại trừ giả thuyết đó. Kathy, theo đúng bản chất Kathy, đã đi vào thư viện và làm mấy cuộc gọi để hỏi và được trả lời. Phải mất một năm tròn trước khi chính quyền tuyên bố một người là đã chết về phương diện pháp lí, mà cũng nhiều khê lắm. Còn hầu hết những tuyên bố hủy hôn ước của nhà thờ, ngay cả đối với một người đàn bà bị chồng ruồng bỏ, cũng phải lâu khoảng đó.

“Ồ, thôi nào,” Francesca nói. “Nói hết chưa? Một khoản đóng góp cho quỹ tranh cử của vị thẩm phán nào đó, một khoản khác cho Hội Hiệp sĩ Columbus, và mọi chuyện sẽ tăng tốc ngay. Chuyện đời là thế. Có nhiều khê thì mới phải lót tay, dầm mồm chớ. Dễ dãi sẽ bị thiên hạ khinh nhờn, giởn mặt ngay. Còn lấy gì kiếm chác?”

Kathy lắc đầu. Nàng nhìn lảng khỏi cô em, vào bóng tối. “Em không rõ chuyện này đâu. Cô không xin nhà thờ hủy hôn ước. Chuyện dối trá đấy thôi. Vì thực ra cô không cần. Họ nói dối chúng ta. Họ bung bít, im đi sự thật. Chú Carlo không mất tích. Chú ấy bị ám sát.”

“Họ là ai?”

“Chú Mike và những người mà chú kiểm soát được.”

“Chị hơi bị thiếu năng trí tuệ đấy,” Francesca nói. “Ngay cả đám tang cho chú Carlo cũng không có mà.”

“Có một chứng thư khai tử trong hồ sơ lưu,” Kathy nói. “Chị đã đến tòa án và tìm thấy chứng thư đó.”

“Em cá rằng trong niên giám điện thoại New York có đến hàng tá người mang tên Carlo Rizzi.”

Kathy đứng trong bóng tối, hút thuốc, lắc đầu. “Con mắt người ta hoàn toàn thụ động,” nàng nói, hiển nhiên là trích dẫn lời vị giáo sư nào đó hay quyển sách giáo khoa nào đó. “Chỉ trí não mới có thể nhìn thấy.” (*The human eye is utterly passive. Only the brain can see*).

“Điều đó giả định là có nghĩa gì vậy?”

Kathy không trả lời. Hút hết điếu thuốc, nàng đốt tiếp thêm hai điếu nữa và lại bắt đầu kể. Một

Chủ nhật nọ nàng gặp cô Connie ở thành phố và cùng đi ăn trưa ở Waldorf.

Connie uống rượu say, với một người không phải là Ed Federici, hôn từ biệt người ấy, rồi ngồi lại chỗ, và khi Kathy đối đầu nàng bằng cách hỏi vụ hủy hôn thú đến đâu rồi, Connie nói toạc ra: Carlo không mất tích, cô nói, mà Mike giết chú ấy. Connie cầm tay Kathy và bảo nàng đừng nói lại chuyện ấy với ai. Cô đã say nhưng giọng nói vẫn rõ ràng, dứt khoát. Mike đã giết hoặc cho người giết Carlo vì Carlo đã giết Sonny, bố nàng.

Francesca phá ra cười.

Đôi mắt Kathy trông như mất thần. “Connie nói rằng Carlo đánh cô ấy vì biết rằng Bố chúng ta sẽ đến giải cứu cho cô. Khi cô gọi, Bố chúng ta phóng xe đến ngay. Những người với súng máy đã phục sẵn và giết Bố khi Bố dừng xe ở trạm thu phí cầu đường trên đường đắp cao Jones Beach.”

“Cô Connie mất trí rồi,” Francesca nói, “Và chị cũng thế nếu chị tin vào chuyện đó.”

“Nghe đã,” Kathy nói. “Okay?”

Francesca không trả lời.

“Những vệ sĩ của Bố có mặt tại hiện trường ngay sau khi ông bị giết, và họ đem xác ông về một người mai táng, người này từng chịu ơn Ông nội Vito. Không một tí gì từ biến cố này lọt tai giới báo chí. Một số cóm đã nhận hối lộ để trình bày toàn bộ vụ việc như một tai nạn.”

“Bố không có vệ sĩ. Không một người nào -” Nàng định nói *giết Bố* nhưng không hiểu tại sao lại không thể nên bỏ lửng.

Kathy ném tàn thuốc ra xa. “Thôi nào. Em không nhớ những vệ sĩ sao?”

“Em biết chị đang nghĩ về điều gì, nhưng đó là những nhân viên trong công ty xuất nhập khẩu của ông.”

Kathy bĩu môi. “Thành thật mà nói, em có nghĩ rằng chị đùa về chuyện này?”

“Em không nghĩ là chị đùa. Mà chỉ nghĩ là chị nhầm.”

“Chuyện này nghe nặng lòng lắm,” Kathy nói. “Nhưng nếu không nghe thì không nghe từ đầu còn đã nghe thì phải nghe cho đến đầu đến đuôi.”

Francesca nhú mày, và làm một cử chỉ có nghĩa “xin tùy ý”.

“Được rồi,” Kathy nói. “Vậy là lúc đó cô Connie nói rằng những người... à, những người ở trạm thu phí cầu đường, những người ấy, hóa ra, là làm việc cho cùng những người đã trả tiền cho Carlo để đánh cô. Cô khóc lòi cả mắt khi kể đến điểm này, và nếu em thấy cảnh đó, tin chị đi, em cũng sẽ tin cô ấy. Chính chồng mình lại lấy tiền người khác thuê để đánh mình, và hẳn ta làm điều ấy, và *lí do* để hẳn ta làm điều ấy là để tạo điều kiện thuận tiện cho những kẻ kia có thể giết *anh ruột* mình,” Kathy sụt sịt, “để bọn chúng có thể giết Bố chúng ta -”

“Ngưng chuyện đó đi.”

“ - và cô vẫn ở với Carlo thêm bảy năm nữa. Vẫn *đéo* với hẳn ta để -”

“Thôi đủ rồi.”

“ - cho ra đời thêm những đứa con với tên quái vật đó. Nhưng có điều còn trầm trọng hơn chuyện đó nhiều, hơn rất, rất nhiều. Connie nói rằng cùng những người đã làm mọi chuyện đó cũng là những người đã bắn Ông nội Vito và cũng chính chúng là những người đã giết vợ của chú Mike.”

“Trước tiên là,” Francesca ngắt lời Kathy, “Thím Kay đâu có -”

Kathy lại đưa tay ra, chặn Francesca lại. “Không phải Kay. Người kia, Apollonia, vợ đầu của chú, ở Sicily, mà Kay không hề biết gì. Thím ấy nổ banh xác với một quả bom cài trong xe.”

Apollonia? Francesca nghĩ. *Bom cài trong xe?* Kathy đủ trí tưởng tượng để phát minh những chuyện hoang đường, nhưng cô Connie chắc là không. Nếu Connie thực sự nói như thế, thì hoặc là cô ấy bị người ta lừa, hoặc là cô đã nói sự thật.

Kathy tiếp tục nói càng nhanh hơn, những câu chuyện mà Connie đã kể gom lại thành những điều mà sau đó Kathy đã có thể kiểm chứng tính xác thực. Lúc này lúc khác giọng của Kathy nghe ra lạnh hơn. Cô đã nói trong năm phút hay năm giờ, Francesca cũng không còn ý niệm chính xác nữa. Francesca không thể đứng đó lâu hơn nữa và cũng không thể di chuyển đi. Nàng tập trung vào tiếng nổ đanh gọn của pháo hoa nhỏ ở sân trước, âm thanh tiếng cười của bọn trẻ. Sau đó nàng nhận thấy những âm thanh này đi xa dần nhưng không dứt hẳn. Trong một lúc nàng tập trung tâm trí vào việc cảm nhận xem tuyết tan trên tóc nàng như thế nào. Nàng cố nhìn vào chị mình và đồng thời đi qua chị, đến những gì còn lại trong mùa đông từ khu vườn yêu quý của ông nội, nơi ông đã ra đi thanh thản, yên bình.

“... và đó là lí do tại sao thím Kay trở thành tín đồ Công giáo và tại sao thím đi rước lễ Mi -sa mỗi ngày và đôi khi đến hai lần trong ngày. Họ quì gối cầu nguyện cho linh hồn những người chồng sát nhân, tội lỗi của họ được cứu thoát khỏi địa ngục, cũng như Má chúng ta cầu nguyện cho -”

Và sau đó Francesca nhìn chị mình ngồi xồm trong tuyết, lại chảy máu, lần này từ mũi. Điều thuốc lá vẫn còn trong miệng nàng. Đôi mắt kính đã bay khỏi mặt nàng và rơi xuống đất cách đó mấy bước. Tay phải của Francesca vẫn còn nắm chặt lại thành nắm đấm và nàng thấy đau. Kathy kích động. “Điên rồi,” nàng lẩm bẩm.

Một ngọn sóng giận dữ trào dâng trong tai Francesca. Cô đá vào hông chị mình. Chỉ là một cú đá quờ quạng thôi, không đúng chiêu thức, nhưng cũng đủ làm cho Kathy nhăn mặt vì đau.

Francesca quay người, chạy đi.

Francesca nằm nghiêng một bên trên mép của chiếc giường đôi, trong một căn phòng tối trước đây từng thuộc về chú Fredo, chú đã sống ở đây với bố mẹ cho đến lúc chú ba mươi tuổi. Chú đã ở Las Vegas cả mười năm nay, nhưng cách trang trí trong phòng - khăn trải giường màu tối và tường ốp gỗ, một tấm bản đồ đảo Sicily đã mờ, và một bức tranh đàn cá chuồn bay trên mặt nước biển - hình như không thay đổi, như thể bà nội Carmela vẫn chờ mong chú trở về bất kỳ ngày nào.

Sau một hồi có thể là mấy giờ hoặc cũng có thể là mấy phút, Francesca nghe người nào đó trong phòng tắm bên kia sảnh lớn, đóng sầm cửa và nước chảy theo một nhịp điệu không thể nhầm lẫn là của Kathy. Francesca nghe tiếng bước chân của Kathy, nghe nàng ta ngồi vào mép kia của chiếc giường. nàng không cần nhìn cũng biết rằng Kathy đang đối mặt bức tường kia, nằm nghiêng một bên, một hình ảnh trong gương của Francesca ngoại trừ bộ pijama. Francesca mặc áo dài ngủ.

Trong một lúc lâu, hai đứa nằm yên. Nếu Francesca không từng ngủ chung với Kathy cả hàng mấy ngàn đêm rồi, ắt cô đã có mọi lí do để ước chừng là nàng ta đã ngủ. “Tại sao chị nói là tôi có mang?” Francesca hỏi.

“Cô đang nói về cái gì thế?”

“Khi chúng tôi mới về nhà. Khi chị chạy đến chiếc xe giống như chị thực sự vui sướng khi gặp lại tôi.

Một lần nữa, bất kỳ người nào khác cũng có thể nghĩ rằng Kathy đã chìm vào giấc ngủ. “Ôô,” cuối cùng cô ta nói. “Chuyện đó... Em không nhớ à? Khi để em lại trường, điều cuối cùng em nói với chị là đừng làm hỏng mắt vì đọc quá nhiều. Còn chị bảo em là đừng để dính bầu. Em về đây và điều đầu tiên là bảo rằng chị đeo kính, một nhận định mà người kém thông minh nhất cũng thấy ngay ra tính hiển nhiên tự thân không cần minh chứng! Vậy nên chị -”

“Lại một kiểu vòng vo tam quốc. Chị nói đừng để dính bầu còn em nói đừng làm hỏng mắt.”

“Chị vẫn đứng vững. Còn em?”

“Không,” Francesca nói. “Tất nhiên là không.”

“Em không có? Tí gì cả?”

“Tại sao?Chị có không?”

“Không,” Kathy đáp, nhanh đến độ Francesca hình dung câu trả lời là có.

Hai đứa không nhắc lại những gì đã xảy ra phía sau mấy chùm đèn rọi - những câu chuyện cũ của gia đình hay cú đá hay sổ phạn cặp mắt kính của Kathy. Hai đứa nằm trên phần hông đối nhau, trên hai phía đối nhau của chiếc giường. Và thức đủ lâu để nghe bước chân bà nội đi xuống cầu thang, bắt đầu chiêm xức xịch, điều đó có nghĩa là khoảng chừng bốn giờ rưỡi sáng. Cuối cùng chúng cũng rơi vào giấc ngủ. Cuối cùng, dầu không muốn, chúng cũng lăn vào giữa giường rồi đan tay chân với nhau. Mớ tóc dài của chúng như hòa trộn vào nhau và cả hơi thở của hai đứa cũng quện vào nhau.

“Ô, cung ời,” Francesca thì thầm trong bóng tối, giả định như chị mình đã ngủ. “Em không thể tin những gì mình đã làm. Với chị.”

“Có thể ta là người” Kathy thì thầm thì, và hai đứa, như một, lại đi vào giấc ngủ.

Francesca thức giấc vì tiếng la hét điếc tai của đám nhóc và tiếng rì rầm của người lớn đang tụ tập lại với nhau. Cô ngồi dậy. Tuyết đang rơi. Dưới cầu thang, cường độ tiếng ầm ĩ hỗn loạn tăng cao dần. Nhưng trên tất cả nổi lên tiếng cầu chúc trầm, vang mạnh mẽ của Bà nội Carmela, *Buon Natale!* (Giáng sinh vui vẻ!) Ai đó vừa mới đến. Francesca bước vội xuống cầu thang hẹp phía sau. Nhà bếp đầy thức ăn nhưng vắng người. Cô nghe hai cặp bước chân đi về hướng mình và dừng lại nhờ đó nàng không bị đập mặt vào cửa nhà bếp. Cánh cửa mở tung ra. Kathy và Billy cùng lúc xuất hiện, quần áo chỉnh tề, cười toe toét như thể họ vừa bắt được quả tang Ông già Noël đang phạm tội và họ bèn trưng dụng chiếc xe trượt tuyết của ông. Billy diện chiếc áo có phù hiệu riêng của trường, màu đỏ, cà vạt xanh lá cây và một áo sơ-mi trắng đến độ tuyết cũng phải xấu hổ. Những cổ tay áo trắng tinh như màu kẹo dẻo cho thần linh.

“Em sẽ không bao giờ đoán được ai vừa đến đây với chú của em,” Billy nói.

“Chú nào chứ?” Cô vuốt đầu tóc rối. Cô vẫn còn chưa kịp đánh răng.

“Em nghĩ là chú nào?” Kathy hỏi lại.

“Mike.” *Hai đứa chúng nó tìm gặp mình bởi vì chúng tranh nhau để báo với mình cái tin sốt dẻo.*

“Ô, thử đoán lại xem.” Kathy đảo tròn mắt. “Chú Fredo.” Nàng không mang kính. Một mắt nàng hơi đen hơn mắt kia. Biết đâu chừng có người thích của lạ đấy.

“Nào, cố đoán thử xem,” Billy nói.

“Em chịu thua,” Francesca nói. “Hay là Ông già Noël.”

“Còn tuyệt hơn thế nữa kìa,” Kathy nói.

“Ai mà còn tuyệt hơn cả Ông già Noël?”

“Deanna Dunn,” Billy nói.

Francesca đảo tròn mắt. Vào dịp hẹn mới đây nhất của hai đứa chúng đã đi xem bộ phim trong đó Deanna Dunn đóng vai bà mẹ của một đứa con câm điếc, có chồng hy sinh trong khi chữa cháy Vụ Hỏa hoạn Lớn ở Chicago. “Kể em nghe đi.”

“Tôi nghiêm túc như một quan tòa,” Chàng ta đưa tay lên sẵn sàng long trọng thề. Mặc dầu mới hai mươi hai tuổi, đang mặc chiếc áo đỏ trong một buổi sáng Giáng sinh, Billy cũng dễ dàng được hình dung như một quan tòa.

“Chàng ta không đùa đâu,” Kathy nói. “Đúng là Deanna Dunn. Dấu thánh giá trên tim tôi.” Cô thực sự làm như thế. “Thực ra tôi từng nghe lời đồn rằng cô ấy và chú Fredo đã hẹn hò nhau, nhưng tôi không -”

Đúng lúc đó cửa nhà bếp mở rộng ra và theo gót Bà nội là chú Fredo và cô Deanna Dunn. Gặp mặt trong đời thật, người ta thấy cái đầu của Deanna Dunn dường như hơi khổng lồ. Cô rất cao và đẹp hơn là xinh xắn. Trên bàn tay trái của cô là một chiếc nhẫn kim cương cũng phi lí về tỉ lệ như cái đầu của cô, nhưng là theo hướng ngược lại.

“Cô Dunn!” Francesca reo lên.

“Thấy chưa? Chị đã nói với em mà!” Kathy nói, mặc dầu điều này đã được Billy thông báo cho nàng. Kathy thích phim nước ngoài hơn. Deanna Dunn là nhân vật mà trước nay nàng chỉ coi là chuyện đùa. Thế nhưng xét theo cái cung cách mà hiện nay nàng đang nhìn cô ấy thì có vẻ nàng đã sẵn sàng nhận chân thư kí của Hội Hâm mộ Deanna Dunn!

“Này, bé cưng. Hãy gọi chị là Deanna cho thân mật.” Âm sắc của cô không thuần Mỹ cũng không hẳn Anh và khi ta nghe trực tiếp cô nói ta cảm thấy rất khác lạ so với giọng nói bình thường của con người.

Cô bắt tay Francesca.

Deanna Dunn, đầy từ lực khiến Francesca cảm thấy choáng váng như thể bị ù tai, hoa mắt, xây xẩm. Chuyện xảy ra ngày hôm qua ở Jacksonville chỉ, theo cách gián tiếp nhất, giải phóng cuộc trao đổi tối qua với Kathy. Không liên quan gì với cuộc hội kiến đầy tính siêu thực với Deanna Dunn trong cái nhà bếp xưa cũ, thân mật này. Cuộc sống của Francesca đã bị vây bủa bởi một thứ lô - gích mơ mộng và ác mộng.

Anh chàng thế gia công tử mà Francesca yêu dịu dàng, đang phục vụ cà-phê đen cho nữ diễn viên hai lần đoạt giải Oscar. Bà nội của Francesca hát một bài ca Giáng sinh - không phải loại thanh vịnh, nhưng là một bài hát về Ông già Noël. Người cha quá cố của Francesca từng là kẻ sát nhân rồi lại bị mưu sát. Chú Fredo đứng hơi khòm xuống, tựa khung cửa, nhìn vào đôi giày của mình. Trông giống như chú bị ngộ độc thực phẩm vậy. Đằng sau chú, như thể ai đó đã ra hiệu, có tiếng tách của bóng đèn flash. Francesca chờ đợi được thấy những con người với kính chiếu hậu và cameras lớn chạy tìm vị trí để chụp ảnh, là lối họ như thể từ mép tấm thảm đỏ. Fredo vẫn không nhìn lên.

Từ phòng kế bên, bên trên những tiếng cảm ơn và tiếng mở quà sột soạt, vang lên giọng nói của mẹ cô - giọng nói vẫn luôn đối trá với cô suốt đời.

“Nếu các người không nhanh nhanh lên,” Sandra gọi oang oang, “các người sẽ để lỡ cuộc vui Giáng sinh đấy.”

“Giáng sinh!” Deanna Dunn kêu lên, bước vội qua chú Fredo. Deanna Dunn thật ra không cao lắm. Cô chỉ có vẻ cao vì đứng bên chú Fredo vốn hơi thấp người, và bởi vì cô đi sai bước và cũng vì cái đầu hơi quá khổ. Con mắt thì thụ động. Chỉ trí não mới thấy rõ. *“Kỳ diệu thật!”*

PHẦN IV

1956 -1957

Chương 14

Mùa xuân năm ấy, sau nhiều tháng thương lượng, cuối cùng Ủy ban cũng đồng ý gặp nhau. Mục đầu tiên trong chương trình nghị sự sẽ là kết nạp Louie Russo ở Chicago làm thành viên thứ tám. Tiếp theo sẽ là việc long trọng chấp thuận điều ước hòa bình. Những người đứng đầu của cả hai mươi bốn gia đình đều được mời. Lần này mọi bên đều thể hiện thiện chí muốn bảo đảm một nền hòa bình lâu dài.

Michael Corleone bay đến New York trên chuyến bay đêm, chỉ có ba vé sĩ tháp tùng. Hagen, một ứng viên đã công bố vào Thượng viện Hoa kỳ, nên không thể dính líu tới chuyện này. Bởi vì mỗi hạng mục quan trọng của chương trình nghị sự đều đã được quyết định, nên hôm nay, cái mà Michael cần bên cạnh mình không phải là một chiến lược gia xuất sắc nhưng là cần một nhân vật mà chỉ sự hiện diện không thôi cũng gọi ra cảm tưởng về tính ổn định và sự tôn trọng đối với truyền thống. Clemenza là mẫu *consigliere* hoàn hảo cho một cơ hội như thế.

Michael không hề có ý định chọn một *consigliere* thường trực. Vị trí này đòi hỏi một tập hợp linh hoạt những kỹ năng trái ngược nhau. Một kẻ đa mưu túc trí nhưng lại phải rất trung thành. Một thuyết khách sắc sảo hùng biện cỡ Machiavel nhưng không lừa đảo, không láu cá vặt. Một mẫu người đặc biệt loại "đại gian đại tín, đại nịnh đại trung."

Một con người có khả năng xoay chuyển tình thế, biến nguy thành an hoặc biến trị thành loạn đều được cả nhưng không mang tham vọng cho riêng mình. Thuở trước đã lên kế hoạch là Vito là người cuối cùng nắm giữ chức vụ đầy quyền lực này. Một Tổng Giám đốc có một Hội đồng Giám đốc và cả một tiểu đoàn luật sư. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có một bộ tham mưu, một văn phòng thường trực, và những thẩm phán mà chỗ ngồi của họ ở pháp đình là nhờ ông ta, và việc kiểm soát đội quân mạnh nhất thế giới. Tổ chức Corleone sẽ phát triển công khai hợp pháp và theo những tuyến như thế.

Clemenza đích thân đón họ ở sân bay. Chính việc nhìn thấy ông béo cũng đem lại cảm giác an toàn. Ông đã bỏ việc nhai que tẩu và trở lại với xì - gà. Tất cả những gì thay đổi nơi người ông kể từ khi Michael còn là cậu thiếu niên đó là hiện nay ông đi lại phải chống gậy.

Họ lái vào Manhattan, dừng xe trước một tiệm bánh trên phố Mulberry để mua một hộp bánh nướng, rồi đến một căn hộ trên đường chín mươi ba, phía Tây nơi nhà Corleones đang giữ một con tin của dòng họ Bocchicchio, một thiếu niên mặt còn non choẹt đến từ Sicily ngày hôm qua. Cậu ta đang chơi dominos với Frankie Pants, Little Joe Bono, và Richie Nobile Hai tay Hai súng - thủ hạ của Clemenza. Cậu bé không thể quá mười lăm tuổi. Cả bọn đứng lên. Michael và Pete ôm hôn lần lượt từng đứa. Bằng tiếng Anh ngập ngừng, cậu bé, có tên là Carmine Mario, thừa gửi với Michael là "Don Corleone" và cảm ơn Ông Trùm đã cho cậu có được cơ hội đến nước Mỹ. Cửa sổ duy nhất của căn hộ được sơn đen hình như là bằng hắc ín. Michael đáp lại lời cảm ơn của cậu: "*Prego, fa niente*" (Ồ, không đáng gì đâu).

"Ông không mang theo cà-phê à?" Richie hai súng hỏi khi mở hộp bánh.

"Hãy pha cà-phê đi, thằng lười biếng," Clemenza nói. "Tiệm bánh ngon thì khó tìm chứ cà-phê ở đâu mà chả có."

Clemenza nháy mắt, xoa nhanh vai Frankie, lấy bánh nướng ra, và, giống như một hướng dẫn viên du lịch, giải thích những điểm đặc biệt của loại bánh nướng này.

Các cuộc thương nghị hòa bình bắt đầu lúc hai giờ chiều. Giờ đây, mỗi Gia đình đến bàn hiệp

thương đều nắm giữ một con tin dòng họ Bocchicchios. Các con tin tự nguyện đi theo. Đây là cách kiếm tiền của họ Bocchichios. Nếu, chẳng hạn, có chuyện gì xảy ra cho Michael hay Clemenza, thì thủ hạ của họ sẽ giết cậu bé này. Không một người nào trong dòng họ Bocchichios ngồi yên cho đến khi việc giết hại cậu bé được trả thù - không phải trả thù kẻ đã trực tiếp giết cậu bé mà là trả thù những ai đã làm hại những người thân của sát thủ. Dòng họ Bocchicchios là thị tộc nuôi chí trả thù với đầu óc đơn giản nhất mà Sicily từng sản sinh ra, hoàn toàn không nao núng bởi tù tội hay cái chết. Không có gì phòng vệ chống lại họ được. Bảo đảm của Bocchichio còn tốt hơn là cả hàng trăm vệ sĩ. Những người đi đến bàn thương nghị sẽ làm thế với các *consiglieres* của họ thôi.

Quay trở lại trong xe, Michael hỏi Clemenza ông nghĩ chú nhóc Bocchichio mặt búng ra sữa kia bao nhiêu tuổi.

“Carmine ấy à?” Ông béo ngẫm nghĩ chuyện này một hồi lâu. “Ta chẳng rành ba chuyện này lắm đâu. Bỗng dưng trước mắt ta, mọi người đều là còn nít cả.”

“Thằng bé trông chừng như chỉ độ mười lăm.”

“Ta nghe dòng Bocchicchios này cũng không còn nhiều nhân khẩu lắm đâu,” Clemenza nói. “Đàng khác, vào tuổi của ta, đôi khi cháu dường như cũng chỉ mới mười lăm. Không phải là bất kính hay gì đâu -”

“Dĩ nhiên.” Mười lăm. Khi Michael mười lăm, chàng ta đã đứng lên ở bàn ăn, nhìn vào mắt bố mình, và nói rằng mình thà chết hơn là lớn lên để thành một người như ông. Những gì xảy ra sau đó vẫn còn làm cho Michael rùng mình nhiều năm sau đó. Nếu không có cái thời khắc tự phụ trẻ con đó, Michael tự hỏi, liệu bản thân anh có đi vào công việc này không? “Tôi sẽ không nghĩ,” Michael nói, “rằng một cậu bé trẻ như thế lại có thể được phép bay đến đây một mình.”

“Tôi cũng không biết rõ lắm về chuyện đó,” Clemenza nói, “nhưng mà thằng nhóc không bay đến đây. Nó đến trên một con tàu, cùng với phần lớn những con tin khác. Trong khoang hạng bát. Tôi nghi là đám Bocchichios có trả tiền cho chúng không. Phần lớn là chúng gửi đến những bà con xa lơ xa lắc chỉ cần được đến Mỹ sống là mãn nguyện rồi. Chúng ta trả khoản tiền chuộc vua chúa cho chuyện này, anh biết đó, nhưng rồi họ phân phối của cải như thế nào. Mà thôi đó là chuyện của họ, chúng ta cũng chẳng cần phải bận tâm làm gì.

Clemenza lắc cái đầu bự, buồn bã. Họ vượt qua cầu Tappan Zee, hướng về phía bắc.

“Này, chú nói tôi nghe xem,” Michael nói sau một hồi lâu im lặng. “Những lời đồn mà chú nghe được về Fredo là gì?”

“Những lời đồn gì?” Pete lững lơ.

Michael nhìn trừng trừng vào con đường phía trước.

“Chú nói đây,” Pete nói. “Bia rượu quá nhiều, còn những chuyện khác đến từ những nguồn xấu, không đáng tin.”

Michael hít vào một hơi sâu. “Chú có nghe rằng anh ấy là dân đồng tính?”

“Cháu nói gì lạ vậy? Cháu nghĩ đó là điều chú nghe sao?”

“Anh chàng bị anh ấy đập một trận dữ dội ở San Francisco là một người đồng tính.”

“Nói vậy hóa ra ai đánh đập một người đồng tính thì cũng là đồng tính cả sao? Nếu là như thế

thì ngoài đường nhan nhãn người đồng tính ra đấy.”

Theo lời Fredo thì anh đã ra ngoài tản bộ một lát cho đầu óc thanh thản sau tang lễ Molinari và tạt vào quán uống vài ly. Một anh chàng từ quán bar đi theo anh đến khách sạn và sau đó lên vào phòng anh để trộm. Fredo dần cho hắn ta một trận hơi nặng tay và chẳng may trúng chỗ nhược nên hắn... ngỗ! Chuyện này nghe ra hơi tức cười đấy - tại sao, chẳng hạn, tên trộm kia không trở ngón với Fredo ngay trên đường phố khi lúc ấy anh cũng khá say xỉn rồi mà phải đợi kiếm chìa khóa rồi lên vào phòng Fredo? Và chẳng là, cha mẹ chú bé kia mới vừa mất gần đây và có để lại cho chú khoảng ba mươi ngàn đô - chưa phải là gia tài nhưng cũng không túng quẫn đến nỗi phải liều mình đi ăn trộm để rồi toi mạng một cách tức tưởi? Hagen - hành động trong tư cách một luật sư - đã thu xếp để giữ cho vấn đề ngoài tầm với của báo chí và để mất sao cho vụ việc không bị ghi vào hồ sơ lưu, nhưng anh ta đã trở về từ San Francisco với nhiều “iêu tư” canh cánh bên lòng!

“Chú có đoán chắc là chú chưa bao giờ nghe chuyện đó?” Michael hỏi.

“Ta chưa bao giờ nói rằng ta chưa bao giờ nghe chuyện đó. Ta chỉ nói là chuyện đó đến từ những nguồn không đáng tin cậy. Nếu như ta đã bắt đầu tin mọi thứ ta nghe được từ những nguồn không đáng tin cậy, ta đã không bao giờ -” ông nói. “Ôi lạy Chúa! Mike à. Đây là anh ruột của cháu. Có thể anh ấy đã làm những điều ngu ngốc và đã lỡ tay đánh chết một tên đồng tính, nhưng ta không thể tin là cháu lại nghĩ rằng anh ấy cũng là một tên đồng tính. Đây là Fredo mà chúng ta đang nói về phải không? Tóc quăn, dáng dong dỏng cao, khỏe mạnh? Tiêu tiền cho chuyện mua nữ trang tặng các em và cho các em phá thai khi dính bầu, lấy một ngôi sao điện ảnh danh tiếng - có phải đó là người mà ta nói đến? Chú kể cháu nghe câu chuyện từ một nguồn đáng tin cậy. Anh chàng bác sĩ mà các anh có đấy? Tên gì nhỉ?... Phải rồi, bác sĩ Segal. Anh ta bảo tôi rằng ngay cả sau khi kết hôn với Deanna Dunn, Fredo vẫn còn tăng tịu với một em vũ công người Pháp, hình như tên là Marguerite hay Rita gì đó. Cháu xem, đấy có thể là hành vi của một kẻ đồng tính hay không?”

Michael vẫn thản nhiên, như không hề bị thuyết phục tí nào.

Anh đã cho Fredo cơ hội để chứng tỏ mình, và chuyện gì đã xảy ra? Bia rượu nhiều hơn. Gái gú nhiều hơn. Michael không chắc Fredo muốn chứng tỏ điều gì khi chạy theo và kết hôn với *con đĩ* Hollywood nọ (nguyên văn: that Hollywood *puttana*). Mặc dầu nếu có điều gì làm cho người đàn ông đậm tính đàn ông hơn, thì đó hẳn là hôn nhân. Và chẳng, cũng có một giá trị hình ảnh công chúng nào đấy khi một người trong gia đình Corleone kết hôn với một minh tinh điện ảnh tiếng tăm đã hai lần đoạt giải Oscar, cho dầu giờ đây những năm trên đỉnh cao màn bạc của nàng đã qua rồi. Vậy nên anh phải tính điểm cho Fredo chuyện đó.

“Cháu muốn biết điều này không?” Pete nói. “Ta muốn kể cháu nghe chuyện này dầu cháu thích hay không. Chính cháu là người mà bố cháu lo nghĩ về chuyện đó. Trong một thời gian.”

Michael nghiêng người qua và vặn radio lên. Clemenza chẳng kể cho anh nghe chuyện gì mà Michael không từng nghe trực tiếp từ bố mình. Qua nhiều dặm đường, cả Michael lẫn Clemenza không ai nói lời nào.

“Bocchicchios,” Clemenza cuối cùng lên tiếng.

“Cái gì?” Michael hơi giật mình hỏi. Họ đã im lặng khá lâu đủ cho Michael nghĩ lan man qua hàng tá đề tài khác. “Cố chuyện gì về chúng?”

“Chúng làm một cái nghề cũng quái thật. Làm thế nào mà một người -nhất là những đứa trẻ gốc ghêch, tiêu biểu như thằng nhóc Bocchichio theo anh - có đời nào lại nghĩ ra một dịch vụ quái gở như thế?”

“Nếu điều gì đó là thuộc về số mệnh của mình, có lẽ ta không cần phải suy nghĩ gì,” Michael nói. “Ta chỉ cần lắng nghe”

“Lắng nghe như thế nào, theo ý anh?”

“Nếu có bất kỳ ai cháu biết mà từng phát hiện ra số mệnh mình, thì người đó là chú đấy, chú Pete à.”

Clemenza nhú mày, động não như vũ bão để “điều nghiên” cho tường tận cái câu nói có phần bí hiểm này. Thế rồi khuôn mặt ông nở bung ra thành một cái cười nhả nhỏ. “Hà!” ông nói. “Ta nghĩ mình đã nghe ra ơn kêu gọi của số mệnh!” Ông nhướn đôi lông mày biểu lộ sự ngạc nhiên chế nhạo và cong bàn tay quanh vành tai trái như cố căng tai để lắng nghe tiếng động nào đó đến từ trong rừng. “*Pete*” ông tự gọi tên bằng một tiếng thì thầm rất “sân khấu kịch trường”: *Giờ lịch sử đã điểm rồi đấy!*

Nick Geraci nhớ lại vụ rơi máy bay và mọi chuyện cho đến điểm anh bị sốc và trôi lên trên mặt nước. Có lẽ giờ đây đã có cách để khám phá ra những ngón tay của ai mà anh đã bẻ gãy để gỡ mình ra, nhưng anh hy vọng mình sẽ chẳng bao giờ biết được.

Anh đã bất tỉnh trong toàn bộ thời gian nhập viện và nhiều ngày sau đó. Khi cuối cùng tỉnh lại, anh thấy mình trong một căn phòng màu vàng chanh nhỏ xíu đến nỗi chiếc giường đôi anh nằm hầu như đã choán gần hết không gian căn phòng. Chân anh được băng bó và nối với một cái ròng rọc gắn vào một thanh ngang trên trần. Ánh sáng tràn vào từ hai cửa lớn kiểu Pháp dường như mở ra một ban - công. Nơi đây không phải là bệnh viện, nhưng anh được kết nối với mọi trang thiết bị bệnh viện. Anh nhìn trùng trùng lên trần nhà, cố tái cơ cấu lại các biến cố đã đưa anh đến đây. Dầu đây là đâu.

Nhiều, rất nhiều bác sĩ ở đây là người Do thái, nhưng khi người đầu tiên mà Geraci thấy sau khi anh tỉnh lại trong căn phòng đó là một ông già rõ là trông có vẻ dân Do thái với một cái ống nghe đeo nơi cổ, thì Geraci nhận định rằng - và cũng lạ thay, là ngẫu nhiên mà lại đúng - rằng dầu anh đang ở đâu thì cũng là bởi công ơn của nghĩa phụ anh, Vincent Forlenza, người Do thái.

“Anh ta tỉnh lại rồi, thần thánh ôi,” vị bác sĩ gọi lại, qua vai anh. Từ phòng kế bên vọng lại âm thanh của những chiếc ghế được kéo ra sau từ một cái bàn và ai đó đang quay số điện thoại.

“Ông là ai?” Geraci lăm bắm. “Tôi đang ở đâu đây?”

“Ta chẳng là ai cả,” ông bác sĩ nói. “Ta cũng không ở đây, và, nếu như ta có thể phiêu lưu một lời đoán, thì anh cũng chẳng phải ở đây.”

“Tôi đã ở đây bao lâu rồi?”

Bác sĩ thở dài và thực hiện một loạt khám nhanh và xem xét các vết thương của anh. Geraci, đọc giữa hai hàng chữ, đoán là (một lần nữa, lại đúng) anh đã ở trong phòng này chưa đến một tuần. Cái gây cho anh đau đớn nhiều nhất là mấy chiếc xương sườn, nhưng anh từng bị gãy xương sườn nhiều lần đủ để biết rằng đó chỉ là... chuyện nhỏ! Cũng thế với cái mũi. Đã là võ sĩ quyền Anh, dám lên đài chịu đấm ăn... đô la thì chuyện bị đập mũi, bầm mắt, gãy ba sườn, thậm chí vỡ sọ, âu cũng là chuyện thường. Bác sĩ gỡ chân anh khỏi thiết bị kéo giãn. “Về lâu về dài điều duy nhất mà tôi e ngại,” bác sĩ nói, “là chuyện chấn thương sọ não. Không phải lần đầu, với anh, đúng không?”

“Tôi từng là dân đấm bốc chuyên nghiệp mà,” Geraci nói.

“Như vậy anh đã,” bác sĩ nói. “Và, nếu anh vui lòng tha lỗi cho tôi vì đã nói như thế, không làm tốt lắm.”

“Ông đã thấy tôi thượng đài?”

“Tôi chưa hề thấy anh trước đây trong đời tôi,” bác sĩ nói. “Dầu anh là ai thì anh đã lãnh một cú chấn thương sọ não sau cùng mà anh có thể lãnh mà không trở thành một kẻ thiếu năng trí tuệ ở mức độ đáng tội nghiệp nhất.”

“Như vậy là ông nói rằng hiện nay tôi không phải là kẻ thiếu năng trí tuệ đáng tội nghiệp? Một cái tin tuyệt vời! Hoan hô Bác sĩ!”

“Tôi chẳng nói điều gì quan trọng,” bác sĩ bảo. “Tuy nhiên tôi dám tuyên bố là khả năng chữa lành của anh chạm đến biên giới của cái phi thường.”

“Đó là nhờ cái gien của gia đình,” Geraci nói. “Bố tôi đã được nhận nghi lễ lâm tử sau khi bị tai nạn lúc lái thuyền cao tốc, ấy thế mà một tháng sau ông lại đi chơi bowling và suýt ghi điểm 300.”

“Đó là chưa kể lần ông bị bắn vào bụng vào ngày thứ năm vậy mà đến ngày thứ hai đầu tuần ông lại ngồi vào buồng lái, nắm vô-lăng xe tải như thường lệ. Thưa bác sĩ, ông có biết những trường hợp như thế không?”

“Tôi chẳng biết về bất kỳ chuyện gì.” Bác sĩ nhún vai tỏ vẻ nhân nhượng. “Đừng lo ngại gì.” Ông dùng đầu bút gõ nhẹ vào cánh tay Geraci. “Tôi chỉ biết về y khoa thôi.”

Ông bảo Geraci đừng động đậy nhiều và đi ra.

Geraci ngửi được mùi bánh rán. Cửa hiệu Presti. Lại một phỏng đoán buồn cười khác. Ai có thể phân biệt mùi hương của tiệm bánh này khác với tiệm bánh kia thế nào? Ngay cả nếu anh ở đâu đó tại Cleveland, thì nơi chốn cuối cùng mà anh chờ đợi mình sẽ có mặt có lẽ là khu Little Italy. Hiển nhiên là thế. Nhưng mấy phút sau, Geraci nghe âm thanh của một người bước nặng nhọc lên bậc cầu thang. Cửa mở ra và Laughing Sal Narducci khập khiễng đi vào, tay giang ra, nắm lấy một túi lớn từ tiệm bánh... Presti! Anh chàng Geraci này quả là có cái mũi cực nhạy của loài chó săn thiện nghệ! “Cậu có thích hương vị quê nhà?” Narducci hỏi. “Nào, dùng tự nhiên đi.”

Nick Geraci làm theo.

Mấy người ở phòng kia kéo một chiếc ghế đến sau Laughing Sal và ông ta ngồi xuống. Ông giải thích mọi chuyện. Geraci đã được đem đến một căn hộ ở tầng ba trong khu Little Italy ở Cleveland, chỉ cách căn nhà chật hẹp nơi Geraci từng lớn lên có mấy dãy nhà. Không ai ngoài những người thân tín nhất của Don Forlenza biết Geraci ở đây. Ý tưởng hoàn toàn là của Don Forlanza, một quyết định đột xuất mà ông thực hiện vì ngại rằng ngay cả nếu như vụ rơi máy bay không phải là lỗi của ai đi nữa thì hoặc là tổ chức của ông, hoặc nghĩa tử của ông cũng có thể bị người ta nghi ngờ, trách móc. “Ta không đi thâm dật với chú mày đâu,” Narducci bảo chàng, “nhưng nhiều người trong truyền thống chúng ta, nếu có một người bạn của họ bị đột quỵ tim mạch, thế là họ bắt đầu lên kế hoạch trả thù... Ông Trời!”

“Chú cứ nói thế, chú Sal. Chú biết Don Falcone đã phải ê mặt như thế nào trong cuộc chiến đấu đó.”

“Lão ta như thế nào à?” Narducci cười khà khà. “Đúng thế! Một quả đích đáng cho lão ngã lăn

quay, bởi anh, một người đang ngồi, trong khi lão đang hùng hổ lao đến ta. Ấy thế mà rồi lão lại muối mặt cười cầu hòa. Kể ra cái đức chịu nhục của lão này cũng vào hàng thượng hạng đấy! Đáng tiếc là ông Trời lại bắt lão ta vẫn sống...”

Xin phục vụ ngài, Geraci nghĩ. “Ồ không, tôi muốn nói đến trận đấu quyền Anh kia. Lão ta *nấn nỉ* tôi cứ bay đầu thời tiết xấu, vì cú cá độ ấy -”

“Tay đấm mà lão bắt đã thắng trận đó, cậu có biết chuyện ấy không? Trong khi địch thủ của lão cá năm ăn một. Phải chi lão không chết vì tai nạn bữa đó thì ngày đó đã là ngày hên cho lão, vì lão cá đến một trăm ngàn đô mà. Và như thế, *lẽ ra*, lão đã bỏ túi được nửa triệu đô rồi mà không phải tốn giọt mồ hôi nào. Đáng tiếc cho lão!”

“Còn gia đình tôi,” Nick hỏi. “Vợ tôi và các con -”

“Charlotte và các con anh đều ổn cả thôi Bố của anh vẫn... anh biết đấy. Ông cụ nằm một chỗ, không nói gì nhiều nhưng theo chỗ chúng tôi biết, thì cũng ổn.”

“Họ có biết rằng tôi ổn không?”

“Ổn sao?” Narducci lặp lại. “Tôi không biết nữa. Anh thấy mình ổn à?”

“Tôi sẽ ổn nhanh thôi, Geraci nói. “Một người hình như là bác sĩ đã nói rằng theo ý kiến chuyên môn của ông thì tôi không đến nỗi thành một... xác chết biết đi đâu!”

“Một xác chết biết đi, một tử thi còn động đậy,” Narducci lẩm bẩm. “Bọn bác sĩ thì biết đêch gì bí ẩn của chuyện này? Xem nào. Nói ta nghe coi. Điều gì đã xảy ra ở đó khiến anh la lên *phá hoại?*”

“Tôi không nói thế bao giờ.”

Narducci nháy mắt. “Ta cứ nghĩ là có lẽ anh đã nói thế đấy.”

“Ờ,” Geraci cố ý chơi tình vờ, giả bộ ngây thơ cụ. “Tôi chẳng nhớ được gì cả. Không một tí ti nào.”

“Không một tí ti nào? Trên sóng radio anh không hề la hét gì? Cho tháp không lưu? Và nơi đây đã rung chuông khẩn cấp. Anh không nhớ gì cả?”

“Không,” Geraci quyết định đóng kịch tới cùng.

“Không? Nghĩ kỹ lại xem.”

Geraci có ý nghĩ khá hay về lí do tại sao Narducci lại coi chuyện này thành vấn đề nghiêm trọng đến thế. Nếu giả như có âm mưu *phá hoại*, điều ấy sẽ có nghĩa là có ai đó, bằng cách nào đó, đã xâm nhập hòn đảo thuộc sở hữu riêng của Don Forlanza và làm chuyện ấy. Ngay cả nếu sau này kẻ đó lộ diện là ai đi nữa, và dầu ai đứng đằng sau vụ việc, thì Don Forlanza vẫn bị thiên hạ qui tội, dầu không chính thức mà chỉ là xầm xì, ngay cả là chỉ trong ý nghĩ, thì cũng sẽ tổn hại đến thanh danh ông rất nhiều.

Phải chăng là có âm mưu phá hoại? Quá nhiều chuyện đảo điên lộn xộn trong những giây phút cuối cùng đó. Geraci nghĩ rằng mình nhớ được mọi chuyện và tuy thế chàng vẫn không có ý tưởng thực sự nào về những gì đã xảy ra. Cũng không hẳn không phải là lỗi là hoàn toàn do chàng ta. Biết rằng máy bay sắp sửa rơi đã khiến cho chàng nói và làm nhiều việc quờ quạng, mất kiểm soát. Chàng đã hốt hoảng la toáng lên. *Phá hoại*. Tháp không lưu đã bảo *Nói lại đi*,

nhưng anh không nói. Có lẽ là sai lầm khi vào thời điểm thập tử nhất sinh đó anh đã không tập trung tất cả tinh thần và sức lực để cố điều khiển máy bay trong mức độ tối đa có thể, mà anh lại nghĩ đến Charlotte và hai cô con gái yêu, đến những khuôn mặt vụn vẹo lại vì đau đớn khi họ tiếp nhận tin chẳng lành là anh đã chết. Ý nghĩ đó có lẽ không kéo dài đến vài giây, nhưng ai biết được? Có lẽ là vài giây cực kỳ quý giá mà nếu anh hoàn toàn dành cho việc điều khiển chiếc máy bay thì câu chuyện có thể sẽ khác đi? Anh có thể đã không thấy được đường băng hạ/cất cánh, nhưng anh đã biết là mình không còn xa bờ. Có vấn đề với chân trời giả tạo, nhưng có rất nhiều yếu tố có thể góp phần tạo nên hiện tượng đó. Những thiết bị đã chỉ ra cho anh nhiều điều trái ngược nhau, và anh đã đi doang với những gì anh cảm nhận là đúng. *Nếu anh buông thả cho những cảm nhận của mình*, tay huấn luyện viên bay đã nói, *chúng sẽ giết anh*. Tay huấn luyện viên là một cựu phi công thử nghiệm. *Thực tại*, anh ta thuyết pháp, *là tuyệt đối*. Một phi công lão luyện không bao giờ lơ là về điều này. Geraci e rằng mình đã phạm lỗi đó.

“Mọi chuyện diễn ra quá nhanh mà lại như một mớ bòng bong rối mù,” Geraci nói.

Narducci vẫn chờ đợi. Lão không chuyển động.

“Nếu tôi có nói điều gì về chuyện phá hoại - chuyện này thực ra tôi không nhớ, nhưng nếu như tôi nhớ - thì cũng chỉ là thoáng qua thôi. Hãy loại trừ khả năng này.” Geraci nghĩ là mình đã ăn hết cả hai chiếc bánh rán và ngạc nhiên thấy vẫn còn lại một miếng lớn. Chàng ta xơi hết luôn. “Những gì xảy ra quả là khủng khiếp, nhưng chẳng phải lỗi của ai.”

“Chẳng phải lỗi ai.” Narducci lặp lại câu ấy nhiều lần nữa, có vẻ bình thản. “Được rồi,” cuối cùng ông ta nói, “thế thì tốt. Tôi còn một câu hỏi nữa ngay đây.”

“Xin nghe”

“Hãy nói với ta về O’Malley. Ai biết rằng hắn là anh? Hay có thể hình dung ra? Đừng nên quên là trên thế giới này có lắm kẻ đoán mò mà may mắn lại trúng đấy nhé. Lắm kẻ còn khôn ranh, tinh ma hơn là bạn nghĩ đấy. Xin nhắc lại. Cứ nhấn nha, chẳng đi đâu mà vội. Chỉ riêng ý nghĩ phải đi ngược trở lại tất cả những bậc thang đó...” Lão ta rùng mình.

Một danh sách ngắn thôi. Không ai khác ngoài Narducci, Forlenza, và những nhân vật chớp bu trong gia đình Corleone. Không có lí do nào để không kể ra. Nếu tất cả những gì Don Forlenza muốn làm là che đậy những dấu vết dính líu vào chuyện này của ông ta, thì Geraci có lẽ đã toi mạng lâu rồi. Vì chỉ có anh là nhân chứng duy nhất còn sống và biết được nhiều điều. Thế nhưng ông đâu có tuyệt tình với anh. Vậy thì nếu Forlenza và người của ông sắp giúp Geraci biện giải con đường của anh thoát khỏi cái mớ bòng bong này, ắt là họ cần những thông tin nào đó.

Trên một con đường hẹp ở Thượng New York thường được xe tải và xe kéo đi lại nhiều hơn, bỗng thấy một dòng bất thường và liên tục xe Cadillacs và xe Lincolns. Những sĩ quan cảnh sát mặc đồng phục hướng dẫn chiếc xe của Clemenza đến một bãi cỏ ở phía sau một nông trang màu trắng có ốp ván nghiêng bên ngoài để bảo vệ tường nhà. Xét theo cái hàng dài những chiếc xe đồ sộ bóng lộn đang đậu có trật tự thứ lớp thì họ nằm trong số những người đến sau cùng. Nếu như Hagen vẫn còn là *consigliere*, Michael có lẽ sẽ nghe nói rằng Vito Corleone hắn là trong số những người đầu tiên. Đó là một cách hành xử; cách của Michael lại khác. Ngay cả bố anh, trong những tháng cuối cùng còn có mặt trên đời, đã nhấn mạnh rằng Michael cần hành xử theo cách riêng của anh. Clemenza huýt sáo một bài dân ca xưa và không hỏi han gì, ngay cả là mình phải cước bộ bao xa.

Họ bước ra khỏi xe. Đằng sau nhà là một căn lều phục vụ. Gần đó, treo mình trên đồng than hồng đỏ rực và xoay xoay trên một cái xiên nướng dài là một bác lợn đủ to để được phong cấp thành một anh hà mã vị thành niên!

Cả Michael lẫn Clemenza chưa từng bao giờ tham dự một cuộc họp mặt kiểu này, nhưng họ tiếp cận căn nhà như thể những người biết rõ mình chờ đợi điều gì. Michael tỏ ra khá tự tin là mình biết, nhưng anh cũng khá tự tin anh biết cái gì nên chờ đợi khi anh ngồi xổm trong chiếc xe kéo thủy bộ, ra khỏi bờ nước Peleliu, sẵn sàng đổ bộ lên bãi cát.

Ở đây là chuyện khác, anh tự nhủ. Chiến tranh đã ở lại sau lưng. Hòa bình đang chờ anh phía trước.

“Cứ mỗi mười năm, đúng thế không?” Clemenza vỗ vào đồng hồ đeo tay. Cử chỉ đó tạo có khoan miến tốt cho ông dừng lại một lát và lấy lại nhịp thở khò khè. “Giống vòng quay đồng hồ.”

“Thực ra,” Michael nói, “chỉ mới tám năm.” Mặc dầu có bảo hiểm của Bocchicchio, anh vẫn thấy cây lại tưởng là người bắn tỉa hoặc là một người nào đó lẽ ra không nên có mặt ở đó. Một tâm trạng “kinh cung chi diệu” (con chim bị nã sợ càn cây cong).

“Vậy thì lần tới sẽ là mười hai. Từ đó lấy ra con số trung bình. Nào, vồ một miếng lớn từ con lợn khổng lồ kia đi.”

Michael cười. “Chú có chắc chú không muốn làm chuyện này thường xuyên?”

Clemenza lắc đầu và bắt đầu tản bộ trở lại. “*A chi consiglia non vuole il capo.*” Kẻ làm tư vấn thì không muốn làm chủ; một câu ngạn ngữ từ xưa. “Không khác gì Hagen hay Genco, chú chỉ là người hỗ trợ.”

Cửa sau mở ra. Họ được chào đón bởi cả một dàn đồng ca lời chào, như thể từ những người bạn tại một buổi party. Với một cái liếc mắt nhanh về phía sau nhìn vào con lợn quay, Clemenza vỗ tay lên vai Michael và theo anh vào bên trong.

Nick Geraci trải qua mấy tuần lễ trong căn hộ màu vàng chanh đỏ, mỗi sáng thức giấc nghe mùi thơm của bánh rán và âm thanh của những phụ nữ đi dép nhựa, lầm bầm tiếng Ý và tản ra trong tư thế khom khom. Charlotte và hai cô con gái nhỏ vẫn bình an, anh được an tâm về mặt ấy, và biết rằng mình đang hồi phục tốt. Anh được cho biết rằng Vincent Forlenza và Michael Corleone đang làm mọi chuyện trong khả năng của họ để thương lượng dàn xếp đưa anh về nhà an toàn. Hiếm có ngày nào trôi qua mà không có người nói với anh là anh đã may mắn biết bao khi có được hai bề trên, một nghĩa phụ và một ông chủ, cả hai đều yêu thương, lo lắng cho anh.

Trong suốt thời gian đó Geraci không hề biết được tên của vị bác sĩ già hay việc ông ta đã chịu ơn Don Forlenza như thế nào. Chắc hẳn là một điều gì đó rất lớn lao. Để chuẩn bị cái thi thể sẽ được phát hiện nơi khe núi do dòng sông mang tấp vào, ông bác sĩ đã đứng đó, bên một tấm bảng với nhiều biểu đồ, và chỉ bảo người của Forlenza trong lúc họ mang đến một tử thi nào đó có kích cỡ như Geraci và tạo ra những tổn thương gần giống với những tổn thương trên người Geraci. Bác sĩ tự tay khâu những vết thương, phỏng theo cách khâu vá các vết thương trên người Geraci của phòng cấp cứu. Geraci không bao giờ phát hiện được cái tử thi kia đến từ đâu. Câu hỏi duy nhất anh đặt ra, vào cái ngày họ đưa anh ra khỏi nơi đấy và gửi anh đến Arizona để gặp gia đình, là họ có biết rằng những con chuột sẽ ăn cái tử thi nhiều đến thế hay không và nếu có, thì làm thế nào họ biết được. Khuôn mặt đã được hủy hoại có phương pháp, anh nghe nói thế, và những con chuột sống bên trong cái tử thi mục rữa. Có phải tự nhiên điều đó xảy ra khi người ta vớt một cái xác gần bên sông? Hay là họ tự tay làm thế cho chắc ăn?

“Có gì khác đâu nào?” Laughing Sal hỏi, ngồi sau anh trong chiếc xe tang mà họ dùng để đưa anh đến nhà ga xe lửa.

Geraci nhún vai. “Biết để biết thôi mà.”

“Đấy, chú mày lại thế!” Narducci nói, gật đầu. “Cái khía cạnh học trò mà chú mày ưa diễn xuất đó cũng không tệ.”

“Ờ, một cái gì đại khái như thế.”

“Ta dám cá rằng có những người chẳng mê đắm gì lắm cái khía cạnh đó đâu.”

“Những người,” Geraci nhất trí. “Ta dám cá.”

Anh học theo cách mà Narducci vận dụng lối “tiếng vọng & yên lặng (echolalia &

silence). Anh sao y bản chính lối nói đó. Người ta chẳng bao giờ nhận ra mình. Ngay cả trong một sàn đấu quyền Anh bạn có thể hạ “nốc -ao” đối thủ bằng chiêu này.

“May rủi vẫn hiện diện,” cuối cùng Narducci lên tiếng trở lại, “song thiên nhiên vẫn đi theo lộ trình của nó. Nhưng giống như nhiều chuyện trong đó may rủi tạo thuận lợi cho người nào đó, chú mày vẫn muốn chắc cú.”

Dầu đường đến Arizona có bao xa đi nữa, Geraci cũng từ chối ngồi máy bay, ngay cả trong một chiếc máy bay y tế sang trọng đến mức chĩn chu với một dàn máy hi-fi và một cô điều dưỡng duyên dáng, dễ thương mà muốn thương cũng dễ. Không máy bay máy lượn gì nữa, không bao “vờ”! Một lần là cách đến già! Và do vậy, họ đành phải gửi anh về nhà trong một chiếc quan tài, đút vào trong xe tải đi đến cùng chỗ nhà táng mà anh từng đi đến trong mùa hè năm đó, sau khi mẹ anh qua đời.

Song những thời điểm duy nhất của cuộc hành trình mà Geraci thực sự phải nằm bên trong quan tài là lúc lên hàng và lúc xuống hàng. Khi lên xe rồi, với bốn quan tài khác và một cây đàn pano được đóng thùng, anh có thể ra ngoài, đọc sách báo giải trí, thư giãn, chơi bài với hai người theo chăm sóc anh, và xài mọi thứ họ có. Anh cũng hơi áy náy là mình thì có chỗ để ngủ nghĩ còn họ thì không, phải ngồi suốt lộ trình. Anh gợi ý là họ lấy hai cái cây ma ra, ghép đôi vào hai quan tài kia, và như thế họ có được hai quan tài trống để ngã lưng. Nhưng họ thà ngủ ngồi chứ không tự nguyện vào nằm trong quan tài. Làm như thế để “có huông” lắm! Như một cử chỉ thiện chí anh tặng cho họ một phần tiền mà nghĩa phụ Forlenza đã cho anh làm lộ phí một cách rất hào phóng và hậu hĩ, nhưng dĩ nhiên là họ từ chối, đâu dám nhận vì đã có lệnh rồi. Mấy chàng trai Cleveland này có khuôn phép đấy, tốt.

Khi xe lửa về đến ga Tucson, anh nói lời từ biệt với hai chàng kia và tự tay đóng nắp quan tài lại. Hai ngày nằm trong cái cửa nợ chết tiệt này, và chiếc gối nhung đã bốc mùi hôi thối muốn phát ói! Khuôn mặt sắp tới mà anh sẽ nhìn thấy có thể hoặc là của Charlotte vợ yêu, như anh đã được bảo thế, hoặc có thể là một tên chó đéo thối tha nào đó sắp sửa cho anh đi châu ông bà ông vải.

Anh nằm trong bóng tối, hoàn toàn yên tĩnh. Chẳng mấy chốc anh nghe mấy người nói tiếng Tây ban Nha và cảm nhận những bàn tay móc vào mấy cái núm, dỡ nắp quan tài lên. Rất nhiều giằng xóc và va chạm vào tường cho đến khi Geraci nghe ai đó nói “Hãy cẩn thận!” bằng tiếng Anh và một lát sau anh chạm nền đất, mạnh đến nỗi làm anh phải “lấy gió trong người anh ra” thành... một phát trung tiện khá to. Mấy anh chàng Mễ phá ra cười ồ. Geraci đặt tay lên tim ép xuống cho nó bớt đập mạnh. Như vậy có lẽ khuôn mặt anh sắp nhìn thấy sẽ không phải là của Charlotte cũng không phải của một sát thủ.

Mấy người đó tiếp tục cười đùa, chửi thề lẫn nhau loạn xạ bằng một thứ ngôn ngữ pha tạp giữa

tiếng Anh và tiếng Tây ban nha. Họ nâng quan tài lên. Nhịp tim và nhịp thở của Geraci trở lại gần như bình thường. Anh cũng bị va chạm mạnh vào đầu mà lúc đó anh mới nhận ra. Ngay lập tức họ lại tuôn anh vào một cái gì đó có lẽ là một chiếc xe tang khác.

Michael Corleone đã hứa lời rằng ông ấy không phiền trách gì Geraci về vụ rơi máy bay và rằng sau tất cả những công việc nặng nhọc mà Geraci đã đảm trách trong mấy tháng qua anh xứng đáng được hưởng vài tháng an dưỡng với gia đình tại một khu nghỉ dưỡng thích hợp. Anh đã được bảo đảm rằng mọi chuyện diễn biến tốt, rằng sẽ không có ai tìm kiếm anh, quấy rầy anh. Phải bí mật đưa anh ra khỏi Cleveland như thế này chính là một biện pháp "cẩn tắc vô ưu", lo xa để không phải bị phiền gần, một tính toán rất dụng công nhằm đánh lạc hướng bọn cớm và những kẻ đoán mò may mắn.

Có lẽ mọi điều ấy đều thật. Nhưng cũng có thể đó chính là loại trấn an mà một nạn nhân được cho uống nước đường trước khi được giải phẫu chỉnh hình để cắt tỉa bớt một vài bộ phận không cần thiết lắm như tim, gan, phổi chẳng hạn!

Vả chăng, dầu cho Geraci có lẽ sẽ chẳng bao giờ thích Michael Corleone, nhưng anh thực sự ngưỡng mộ ông ta. Nhìn toàn cảnh trong giới hắc đạo giang hồ, Michael Corleone quả đúng là trí dũng song toàn, là con đại bàng lược thao hiểm thấy và giấc mộng xưng bá đồ vương gồm thâu lục quốc của ông không phải là hoàn toàn không có cơ sở, không hẳn là hoàn toàn không có tính khả thi. Chỉ có điều... mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, muốn biết kết cục thế nào, xin xem... đến dòng cuối sẽ rõ!

Geraci tin ông ta. Michael có lẽ sẽ cứu Geraci dầu cho chẳng vì lí do nào khác hơn là ông ta cần anh. Ông ta cần lòng trung thành, tài năng kiếm tiền của anh, trí thông minh của anh. Michael muốn biến đổi một tổ chức gồm những tên tội phạm gốc nông dân chỉ biết dùng bạo lực để giải quyết mọi vấn đề thành một đại doanh nghiệp có chỗ đứng hợp pháp trong cái mưu đồ cờ bạc hợp pháp vĩ đại nhất từng được phát minh ra - Thị trường Chứng khoán New York. Nếu ông sắp thành công, thì chắc chắn ông không thể phí phạm để mất một người như Geraci. Xét trong tổng sơ đồ mọi sự, Geraci biết, mình chỉ là một tiện dân đến từ Cleveland, một kẻ đấu tranh biết giành phần nào của mình, làm việc năng nổ, cật lực, chịu khó đi học thêm lớp đêm, và có được chút thành công trong tư cách một luật sư tập sự và một doanh nhân. Chưa có gì đáng kể so với những "cây đa cây đề" nhưng nếu làm một phép "đối chiếu tỉ giá" với những tên óc dốt nát, chỉ biết làm thiên lôi sai đâu đánh đó trong cái thế giới ngầm này thì quả thật Fausto Geraci Jr. này xứng đáng được coi là... Albert Einstein cũng không có gì quá đáng!

Song dầu thế, Geraci đã phạm những sai lầm. Lẽ ra anh nên giữ vững lập trường trước Falcone và từ chối bay trong điều kiện thời tiết như thế. Lẽ ra anh không nên nói rằng anh nghĩ máy bay đã bị phá hoại khi anh thực sự cũng không có ý tưởng nào. Máy bay rơi, chuyện đã đủ tồi tệ rồi. Hẳn nhiên anh không nên bơi quá xa khỏi hiện trường vụ tai nạn đến thế làm như thể mình có tội hay sao ấy. Những sai lầm đã thu hẹp những chọn lựa của anh. Anh không còn chọn lựa nào khác ngoài việc chơi những con bài còn lại trên tay theo cách ranh ma nhất để đạt hiệu quả tối ưu trong chừng mực cho phép.

Đây có thể là một phương cách rất dụng công tỉ mỉ để thủ tiêu anh dầu là khó loại trừ khả năng. Anh đã từng nghe những vụ dụng công nhiều hơn. Anh cũng đã tham dự vào một vụ còn dụng công tỉ mỉ hơn.

Khi bị buộc phải giết Tessio, Geraci đã giận Michael đến độ không thể nào còn giận hơn được nữa. Nhưng từ lúc đi xa khỏi nắm mồ lộ thiên của Tessio cho đến lộ trình từ chuyến xe lửa đến bất kỳ nơi nào anh thực sự đi đến, Geraci thực sự không dành cho nó tư tưởng nào khác.

Chiếc xe tang dừng lại. Anh được "xuống hàng" bởi những người không nói tiếng nào, điều này coi bộ không phải là một dấu hiệu tốt lành.

Đầu Geraci choáng váng vì bị va đập mạnh. Anh thở khó khăn. Không phải vì quan tài không có lỗ thông hơi. Chắc anh sắp chết mất vì sợ hãi, lo lắng làm cho ngạt thở. Chắc là đám người này đến để nện cho anh một trận như đòn trước khi cho thưởng thức những thực đơn rừng rợn khác. Chư vị thánh thần ôi, ai sẽ cứu con đây, để con còn cơ hội thấy mặt vợ con? Nghĩ đến vợ con bỗng giúp anh định thần, cố gắng làm đúng theo lời dặn, nằm yên bên trong với nắp quan tài đóng kín cho đến khi Charlotte đến nhận anh.

Mấy người nọ khiêng anh qua nền xi - măng và đặt anh xuống trên cái gì đó, cũng là xi - măng, anh chắc thế. Đây rất có thể là phòng sau của Công ty Mai táng Anh em nhà Di Nardo. Đêm anh ta giết Tessio thì cái lò thiêu nơi họ lấy mấy cái đầu được chừa ròi ra cũng có nền xi - măng thì phải?

Đây cũng có thể là một nhà kho, hay một garage nhỏ của ai đó. Bất kỳ thứ gì.

Anh nghe cánh cửa mở ra. Đôi giày đế cao su của ai đó lướt nhẹ khi đến gần anh. Một nền xi - măng bóng. Anh nín thở.

Nắp quan tài mở ra.

Khuôn mặt của... Charlotte!

Anh ngồi bật dậy và cảm nhận khí oxy lùa xuyên qua người mình, gây tê tê, ngứa ran khi chạm vào tay chân anh. Anh có thể cảm nhận không khí chạy lên từ chân đến đầu. Charlotte trông rậm rãng và có vẻ vui. “Trông anh khỏe lắm!” cô nói. Cô có vẻ thành thật. Cô không phản ứng gì với cái ôm của anh. Khá lâu. Chỉ khi đó anh mới để ý Barb và Bev đứng bên nhau dựa vào tường sau có ốp văng, vẻ sợ hãi, giữ một cặp nạng cao ngang ngực, dành sẵn cho anh.

Charlotte hôn nhanh lên môi anh. Dường như nàng đang bận tâm điều gì đó. Geraci không nghĩ thấy mùi rượu mùi. “Chúc mừng trở về nhà”

“Cám ơn,” anh nói. Ờ, không phải nhà, nhưng anh biết nàng có ý chỉ gì. Bên trên đang cử hành tang lễ. Lời thánh ca râm rì. Lời kinh và lời cầu nguyện. “Trở về, thật là tuyệt. Em thế nào?”

Geraci giang đôi cánh tay về phía hai cô con gái. Chúng gật đầu chào anh nhưng vẫn đứng yên tại chỗ.

“Bận rộn lắm,” Charlotte nói. “Nhưng ổn.” Nhẹ nhàng, nàng chạm tay vào cái gút trên đầu chàng.

Barb được mười một tuổi; Bev vừa lên chín. Barb là một bản sao tóc vàng nhỏ của Charlotte. Bev là một cô gái tóc đen to lớn, cao nhất trong lớp (kể cả con trai), và cao hơn chị mình đến hai inches, đầu cô chị cũng khá cao.

“Hai đứa được đi xem cảnh quay phim trong sa mạc và kể từ ngày ấy đến giờ, chúng cứ bàn tán suốt về chuyện đó,” Charlotte nói, vẫy tay cho các con tiến về phía quan tài. “Nào, lại đây, các con. Nói chuyện với bố đi.”

Bev chỉ tay về phía bố. “Thấy chưa?” cô bé nói với chị. “Chị thấy không? Em đã nói với chị là bố không chết mà.”

“Chưa, có lẽ,” Barb nói. “Nhưng rồi cũng sẽ...”

Geraci ra hiệu cho Charlotte giúp anh trèo ra nhưng nàng không nhận thấy.

“Bố sẽ không bao giờ chết,” Bev nói.

“Em khờ quá,” Barb nói. “Ai rồi cũng phải chết, một ngày nào đó.”

“Này, các con,” Charlotte bảo. “Ngoan nào.”

Làm như thể nàng không hề thấy ra cái vẻ kỳ lạ nơi màn cảnh này: bốn ba từ hai ngàn dặm đến đây, phía sau một nhà tang lễ để nhận lại người chồng mất tích của mình từ một chiếc quan tài, nhưng vẫn còn sống nhăn! Bên trên, chiếc đàn organ, không hiểu vì lí do nào, có mà Trời biết, bắt đầu chơi bài “Yes, Sir, That’s My Baby.”

“Bố rồi cũng sẽ chết,” Barb tái khẳng định. “Mọi người đều phải thế.”

“Nhưng bố thì không,” Bev xác định. “Bố đã hứa như thế, đúng không, Bố?”

Quả thực, anh có nói như thế, một lần. Bố anh vẫn thường nói rằng một lời hứa là một món nợ. *Ogni promessa è un debito*. Chỉ khi chính anh cũng trở thành bố - và hơn nữa với cuộc sống nghề nghiệp đầy bất trắc của mình - anh mới thấm thía bài học này.

“Giờ đây anh thấy từng ngày trôi qua đối với em như thế nào,” Charlotte nói. Tuy vậy nàng lại có vẻ vui khi nói điều ấy. Nàng không làm ra vẻ như là mình đã cố gắng tảo tần, nặng nhọc. Nàng mỉm cười và nâng khuôn mặt bầm tím của chồng trong đôi tay mình và hôn vào đó. Không có vẻ đam mê nồng nàn, nhưng là một nụ hôn vợ chồng bình thường, hơi lần lữa kéo dài một tí, loại nụ hôn mà người chồng có thể được hưởng vào buổi sáng nơi bàn ăn điểm tâm. Đó không phải là loại nụ hôn mà Geraci từng chờ đợi đón nhận, suốt thời gian nằm trong một quan tài với những chiếc xương sườn được băng bó và một cái chân gãy -và, ai biết được, có lẽ là một chấn thương sọ não mới - trong khi dàn đồng ca đám ma đang rì rầm ở phòng trên đang hát để tiễn đưa linh hồn một kẻ khốn khổ nào đó. Mặc dầu, thành thực mà nói, với Charlotte có lẽ không có loại nụ hôn nào là đúng nhất cho một cơ hội như thế này.

“Em có thể đưa tay cho anh nắm được không?” chàng nói. “Để đi ra.”

“Bố anh đang đợi trong xe,” nàng nói. “Em có nên ra đón ông vào đây?”

“Không.” Tất nhiên không nên để cha anh phải nhọc sức đến đây chào anh. “Anh chỉ cần em đưa tay để anh đi ra. Rồi chúng ta đi đón bố.”

Chàng nương vào tay nàng bước ra khỏi quan tài. Hai cô bé tiến tới, bước đi rất hoàn hảo. Chúng đã diễn tập những động tác này nhiều lần. Hai đứa trao cho bố cặp nạng giống như thể chúng là những thần dân cung kính dâng hiến một món quà lên Đức Vua của mình.

Rồi chúng đổ sụp xuống, và trong một thời gian lâu anh chẳng biết làm gì hơn là giữ lấy vòng ôm của các con. Đến một lúc, Bev thì thầm, “Bố đã hứa,” và anh đáp lại, “Cho đến giờ này, mọi sự đều tốt đẹp.”

“Đón anh trở về mẹ con em thật là vui,” Charlotte nói.

Bên ngoài, bãi đậu xe phủ đá cuội có lẽ đủ lớn để làm một trung tâm mua sắm. Có lẽ đủ cho năm mươi chiếc, nhưng bố anh, Fausto, dĩ nhiên là được dành cho khoảng không gian tốt nhất, gần nhất với cửa chính. Dường như ông đã đến đây từ hôm qua, ngắm nghía tình hình đậu xe, rồi đến đây từ nhiều giờ trước để chắc ăn rằng mình có được vị trí đó. Ông ngồi sau tay lái chiếc Oldsmobile của mình, nhìn thẳng ra trước và nghe nhạc Mỹ tây cơ qua radio. Ông vặn máy lạnh đến tối đa, có lẽ chẳng vì lí do nào khác hơn là tạo ra nhu cầu cho ông để mặc chiếc áo

jacket cũ mang logo của công đoàn địa phương trên lưng. Ông chờ Nick thôi loay hoay làm quen với đôi nạng và ngồi vào nơi ghế hành khách, xoay người để đối mặt ông.

“À, à, à,” Fausto Geraci lên tiếng, “Ta đâu phải tài tử Eddie Rickenbacker đâu.”

Một toán thợ mộc địa phương đã được thuê để làm những cái bàn dài bằng gỗ thích đặc biệt cho các cuộc thương nghị hòa bình. Những cái bàn được bố trí thành một hình chữ nhật lớn bên trong một phòng khiêu vũ trước kia từng là chuồng gia súc. Lốp véc -ni trên các mặt bàn đã khô nhưng còn quá mới nên vẫn bốc mùi. Mùi gỗ và mùi véc -ni thì cũng không khó chịu lắm cho đến khi căn phòng dày đặc khói xì -gà và khói thuốc lá. Họ mở tất cả các cửa sổ, nhưng tay “quân sư quạt mo” (*consigliere*) của Philly, vốn mắc bệnh khí thũng, và Don Forlenza từ Cleveland vốn kỳ năng nóng, cả hai phải ngồi nghe từ phòng kế bên. Nhiệt độ bên ngoài là bốn mươi độ. Ngoài trừ Louie Russo, còn trong thời kỳ thử thách phải chứng tỏ một cái gì đó, những người chủ trì cuộc họp vẫn mang khăn quàng và mặc áo khoác.

Điều mà mọi người có mặt tại bàn thương nghị đồng ý tin vào vì mục đích hòa bình là thế này: Vụ rơi máy bay ở Hồ Erie chẳng phải lỗi tại ai. Frank Falcone thực sự có đánh cá một trăm ngàn đô vào cuộc đấu ở Võ đài Cleveland và ông ta đã năn nỉ phải đi chứng kiến trận đấu, dầu cơn bão có tệ hại đến thế nào cũng bất chấp. Lúc máy bay đâm đầu xuống, có người nơi tháp kiểm tra không lưu nghe Geraci nói đến từ *phá hoại*, nhưng Geraci chỉ thoát nghĩ đến trong lúc tâm trí bị khủng hoảng tột cùng và người ta đồng ý loại trừ *phá hoại*. Sấm chớp đã làm cho các sóng truyền thanh trở thành khó nghe. Máy bay rơi và mọi người chết tại chỗ, trừ Geraci, cũng gần chết. Don Forlenza được tin về những cái chết thảm khốc của các vị khách mới đây của ông và ông cũng nghe phong thanh rằng nhà chức trách nghĩ là tai nạn máy bay này có thể là hậu quả của phá hoại. Ngay lập tức Don Forlenza cam kết rằng không có ai trong tổ chức ông ta đã phá hoại chiếc máy bay. Sau đó ông giải cứu nghĩa tử bị nạn của ông từ bệnh viện. Còn làm cách nào khác hơn? Giả dụ như Don Falcone và Don Molinari bị giết hại như hậu quả của phá hoại thì chắc là người ta sẽ đổ lỗi cho tổ chức Cleveland. Và cũng có thể đổ lỗi cho nghĩa tử ông - anh chàng này sau tai nạn đã bất tỉnh cả tuần, không có khả năng tự bảo vệ mình, cũng không thể trả lời chuyện gì. Ai trong phòng này lại không hành động như ông để lo cho nghĩa tử của mình. Và cũng vì Geraci là một thành viên của Gia đình Corleone, Don Forlenza cũng lo ngại rằng nghĩa tử của mình có thể trở thành mục tiêu bạo lực của một trong những Gia đình New York khác. Geraci đã tỉnh lại. Nhà chức trách liên bang đã loại trừ phá hoại. Vụ rơi máy bay là... một hành động của Thượng đế! (an act of God). Don Corleone đã cho những thành viên khác của Ủy ban biết rằng viên phi công mất tích là Geraci. Như Don Corleone đã nói lúc đó và xác nhận lúc này, cái tên giả trên giấy phép lái máy bay của Geraci chỉ nhằm đánh lạc hướng không ai khác hơn ngoài những viên chức thi hành pháp luật, cũng không khác với chuyện bằng lái xe mang tên người khác mà rất nhiều người có mặt ở đây vẫn đang dùng. Trong trường hợp này, cái tên giả đã làm được việc. Trong khi mọi người trong phòng này đều đã biết từ nhiều tháng nay rằng Gerald O'Malley trong thực tế là Fausto Geraci Jr., thì nhà chức trách lại nghĩ rằng O'Malley là cái tử thi bị chuột gặm nơi khe núi kia.

Quả là một công trình xây dựng phù hợp cho bốn người chết khiến cuộc tranh luận khởi đầu giúp hiểu được vụ rút máy bay nhanh chóng mở rộng sang các vấn đề khác. Và rồi ngay sau đó một hiệp ước hòa bình lâu dài đã được thảo ra - một hiệp ước mà tất cả đã đến đây để chuẩn y.

Trên đại thể, câu chuyện chính thức là đúng nhưng không một ai có mặt trong trang trại kia, vào thời điểm đó, tin hẳn mọi lời của câu chuyện.

Mặc dầu không có bằng chứng nào được đưa ra ánh sáng, nhưng dường như ít có nghi ngờ nào rằng người của Louie Russo đã xâm nhập vào pháo đài nơi tiểu đảo của Vincent Forlenza và phá hoại chiếc máy bay. Xét cho cùng, những người trong chiếc máy bay đó thực sự đại diện cho bốn đại kinh địch của Chicago ở Las Vegas và ở Bờ Tây. Vụ rút máy bay đã thành công trong việc làm cho Don Forlenza trông giống như một lão già khờ. Những cuộc đấu đá ở New

York đã cho Russo một khai mở và lão chop ngay cơ hội. Lão đã lập được liên minh với nhiều Ông Trùm khác - Carlo Tramonti ở New Orleans, Bunny Coniglio ở Milwaukee, Sammy Drago ở Tampa, và ông chủ mới ở Los Angeles, Jackie Pingpong. Khi Russo đi Cuba, lão ta ở trong Dinh Tổng thống. Không ai ngoài những đồng minh của Russo hứng thú với việc trở lại quyền lực của đám Chicago, nhưng mọi người đồng ý rằng Russo ít tạo nên một mối đe dọa khi có được một ghế ngồi trong Ủy ban hơn là khi lão ta làm kẻ đứng ngoài nhưng sẵn sàng vồ lấy mọi thứ cho mình. Đối với phần lớn những người ngồi tại bàn hội nghị hôm ấy, việc cố gắng chứng minh Russo chịu trách nhiệm đối với vụ rớt máy bay là không quan trọng. Vấn đề chính là xoay lại sự chú tâm đầy đủ vào công việc của mỗi người. Đền nhà ai nấy sáng. Đứng rồi hơi làm tài lạnh, việc người thì sáng việc mình thì quáng. Ngay cả Butchie Molinary cũng đã được khuyên giải (bởi chính Ông Trùm Michael Corleone, ghê chưa!) để công khai tuyên bố rằng mình chấp nhận phiên bản chính thức về vụ rớt máy bay và hứa không tìm cách trả thù.

Louie Russo và tay *consigliere* của lão không có ý định phủ nhận lời kết tội mà không ai công khai đưa ra ngay cả nếu họ biết rằng nó sai lạc. Russo không ra lệnh tập kích vào những người trên máy bay đó. Còn nếu như lão ta có những lí thuyết riêng của mình về chuyện ai, nếu có bất kỳ ai, thì lão cũng không lộ ra.

Russo, dĩ nhiên, có biết một đôi điều. Jackie Ping-Pong cũng biết một đôi điều. Sal Narducci - người, vì sức khỏe của Forlenza có vấn đề, nên ngồi một mình ở bàn đầu, như thể lão đã điều hành Cleveland - biết được những chuyện khác.

Người mà Narducci thuê để phá hoại chiếc máy bay được thưởng công để đi vui chơi ở Las Vegas - cờ bạc, rượu chè, gái gú thỏa thích - trong mấy ngày và sau đó không còn ai thấy mặt ở đâu nữa.

(Hay đúng hơn là, hẳn ta không còn khả năng để cho ai thấy mặt kể từ khi Al Neri một kẻ không bao giờ thắc mắc cũng chẳng bao giờ bận tâm người mình giết là ai và tại sao phải giết, đã bắn rồi chôn anh chàng kia trong sa mạc Nevada mênh mông.)

Riêng Clemenza biết rất nhiều, nhưng chưa phải là tất cả.

Michel Corleone khá chắc chắn rằng mình đã bao che mọi vết tích đủ kín đáo để không một ai - dầu bạn hay thù, cớm hay *đầu lĩnh* (capo) có thể ráp nối mọi sự kiện với nhau thành một câu chuyện mạch lạc.

Ai mà có thể giả định hay phỏng đoán rằng không những chính Michael ra lệnh thủ tiêu Barzini, Tattaglia và cả tay *đầu lĩnh số một* của chính anh ta là Tessio, và cả chồng của em gái ruột của mình - đó là chưa kể bao nhiêu những vụ giết chóc khác phái sinh từ những vụ này - thế rồi sau đó anh ta lại thương lượng một cuộc ngưng bắn và lợi dụng cuộc đình chiến còn bất an kia để hoạch định một cuộc tập kích vào những người trên chiếc máy bay nọ, kể cả nick Geraci, người anh ta vừa mới thăng cấp lên chức *đầu lĩnh*, và Toni Molinari, một đồng minh kiên định từ lâu? Không có lời đồn nào là có người nào đã phản bội anh ta - tất nhiên, do phần lớn là họ không.

Ai có thể hình dung ra cái túi mà Fontane chuyển giao cho Michael đựng cái gì và để làm gì? Ngay cả Hagen cũng đã cho là - mà không thắc mắc - đó là một phần góp vốn đầu tư vào casino sắp mở ở Hồ Tahoe.

Từ nơi Michael Corleone ngồi, vỗ nhẹ vào chiếc đồng hồ Thụy sĩ cổ do Hạ sĩ Hank Vogel song trao tặng trước lúc tử trận, ai có thể - ngay cả những người đã từng đọc về những máy bay Thần phong cảm tử *Kamikazé* của người Nhật nổ tung thành những quả cầu lửa khi chúng đâm đầu xuống các tàu chiến chở đầy binh lính Đồng minh (Mỹ, Anh, Pháp...) và cắt đôi những chiếc tàu này - nghĩ rằng một người từng thấy những gì Michael đã thấy nơi Thái bình dương lại có thể giết *bất kỳ người nào* bằng cách ra lệnh dàn xếp một vụ rơi máy bay?

Mỗi buổi sáng, Fausto Geraci - đúng ra phải phát âm là *Jair -AH -chee*, nhưng mà thôi, nhân danh chín tầng địa ngục, bần dân thiên hạ cứ đọc tên ta theo cách nào tùy thích -luôn luôn là người thức dậy đầu tiên. Ông sẽ nấu nước pha cà-phê và đi ra khoảng sân sau của căn nhà nhỏ trát vôi vữa của mình, mặc quần soóc của dân đánh bốc và một áo thun, ở đó ông sẽ ngồi trên chiếc ghế nhôm đặt trên sân cỏ, đọc báo buổi sáng và hút liên tục những điếu Chesterfield Kings theo kiểu dây chuyền - dùng điếu sắp hết đốt điếu mới. Một khi đọc xong tờ báo, ông ngồi nhìn trùng trùng vào cái hồ bơi cạn khô. Ngay cả việc có mấy đứa cháu gái trong nhà vì chúng đang nghỉ hè cũng chỉ đem lại hiệu ứng rất nhỏ trên tâm trạng của ông.

Trái tim Fausto Geraci bị ngâm trong một dung dịch chua cay với cường độ ăn mòn còn mạnh hơn cả a -xít lon -nít! Ông là người đã tin chắc rằng cái thế giới chó má này đã đẩy mình ra rìa. Năm này qua năm khác cứ ra khỏi giường là lại leo vào buồng lái lạnh buốt của một chiếc xe tải nào đó và kéo đi bất kỳ cái gì mà người ta có thể tưởng tượng và hàng lỗ những cái cái mà không ai muốn tưởng tượng ra! Tự mình lên hàng và xuống hàng những chiếc xe tải “đặc nhiệm” mà nếu bị “lộ hàng” thì cứ gọi là gỡ lịch triển miên! Lái những chiếc xe có lẽ là xe ăn trộm mà chính ông cũng không biết, mà có biết thì cũng cứ phải lái. Ông đã tốn gần cả đời đứng vững chống lại những ai chống lại người Ý, và ông vẫn trung thành với cái lão Vinnie Forlenza và tổ chức của lão cho đến lúc “lão lai tài tận” thì được cho về vườn. Ông từng biết bao lần ngồi tù thế cho bọn họ. Mà nào có than thở một lời nào đâu? Không. Đối với họ ông chỉ là Bác tài xế Fausto, một thân trâu ngựa lạng lẽ, chịu cày sâu kéo nặng, phục tùng mọi mệnh lệnh vô điều kiện. Ông đã làm mọi việc đó cho họ, những việc đã đầy linh hồn ông xuống địa ngục từ lâu và ngay cả bà vợ ông cũng nói rằng bà đã thôi không cầu nguyện cho ông nữa vì cái “khối lượng hoành tráng” những tội lỗi của ông đã đến mức vô phương cứu chữa rồi! Ấy thế mà người ta có đối xử với ông như một người bình đẳng không? Không hề! Ông kiếm được chút ít tiền, hẳn nhiên phải thế rồi, nhưng họ trả công cho những tên Do thái và những tên Da đen hậu hĩnh hơn rất nhiều mặc dầu công việc của chúng chẳng cực nhọc bằng mà cũng ít nguy hiểm hơn. Họ cho là ông phải biết ơn họ vì họ đã “cài đặt” ông vào công đoàn. Ha ha! Thì cũng chỉ là con bù nhìn cho họ giật dây thôi. Lương lậu thì tương đối cũng khá đấy nhưng chưa đủ để bù đắp cho việc phải ngồi bàn giấy suốt ngày và chịu để cho hai cái lỗ tai bị hành hạ bởi những lời mè nheo than vãn lắm nhảm linh tinh từ những quân biếng nhác, ăn như xáng xức, làm như lục bình trôi. Thế nhưng ông vẫn chịu khó để cho hai cái lỗ nhĩ bị hiếp dâm liên tục từ ngày này qua ngày khác, mà gần như chẳng nói gì nhiều, cứ thế mà cặm cúi cặm cũi công tác tốt! Ông đã tiêu phí bao năm tuổi đời để giải quyết những vấn đề của thiên hạ, nhưng có ai thêm nhắc một ngón tay vì công chuyện của Fausto Geraci, hở? Thế rồi sau bao nhiêu những năm tháng cực cung tận tụy, cuối cùng được thăng hạng “nô tì bậc trung” thì một ngày kia: *vèo!* Thôi hãy về... vui thú điền viên! Tổ chức đã bố trí công việc này cho người khác (Fausto đủ lỗi đời để biết rằng tốt nhất là đừng nên “théc méc” tại làm sao... con bò lại trắng răng!) và bố trí cho Bác tài Fausto về hưu non. Với một cục tiền đăm mồm. Cũng có nghĩa là bỏ tiền vô túi, sẵn sàng đi xa. (Hush money, go -away money) Và ông làm gì? Ông lạng lẽ ra đi, lạng lẽ ngấm... lá vàng rơi *Vèo trông lá rụng đầy sân, Công danh phù thế có ngần ấy thôi!* Vẫn trung thành đến đoạn cuối. Trung thành quá đoạn kết luôn! Cái lão Fausto này tốt đấy. Một tấm gương nghĩa bộc tuyệt vời, đáng đưa vào luân lý giáo khoa thư!

Và Chúa ôi! Đừng có nói với ông là tuổi già vui với con cháu. Con gái của ông là một cô giáo nhưng là một cô gái già khô quắt, đã chuyển công tác từ Youngstown đến Tucson chỉ để làm cho cuộc sống của ông thêm phần bức bối khó chịu - mỗi tối sau giờ tan trường cô tạt vào thăm ông và dặn dò *hãy ăn cái này, đừng ăn cái kia, hôm nay bao nhiêu điếu thuốc rồi hả bố?* Cứ cái điệp khúc đó nghe mãi đến phát hãi! Còn con trai, người mang cả họ cả tên của ông, Fausto Geraci, chỉ thêm chữ Con? Cái thằng ngựa non háu đá ấy, hiểu thẳng tự phụ lúc nào cũng vênh váo cho rằng ta đây hơn người. Mẹ nó từ nhỏ cũng nuông chiều con, khuyến khích nó nuôi dưỡng cái ý tưởng kiêu căng đó. Cho đến bây giờ mọi chuyện xem ra có vẻ thuận lợi cho nó. Lấy một con vợ tóc vàng với bộ ngực lớn hơn hai trái bưởi năm roi. Học trường Luật, lớp đêm. Và chuyện lái máy bay. Cũng chỉ là một cách để chứng tỏ với thiên hạ rằng ta đây đã vượt qua

bố - một phi công tư nhân đắc sô, xem nào, vì vụ giữa trời mây, chứ đâu phải một tài xế xe tải rề rề trên mặt đất. Từng mỗi hơi thở mà tên vô ơn đó thở ra cũng là một thách thức ngạo mạn. Ngay cả phát âm cái tên mình cũng theo kiểu lai tạp, không còn thuần túy theo cội nguồn. Lại còn bày đặt lớn lối với cái hỗn danh Geraci Con Át chủ bài. Trèo cao ngã đau đấy con. Hẳn nghĩ ai đã lốt đường cho mình? Vinnie Forlenza, chắc là hẳn nghĩ thế. Hay là những thằng bú c... kia ở New York.

Khi những người khác bắt đầu thức giấc, và trước khi họ có thể bắt đầu làm phiền ông, Fausto đứng dậy từ chiếc ghế nơi bãi cỏ và đi vào garage. Ông để sẵn một cái áo làm vườn và đôi dép nhựa ở đó. Ông mang vào và ra làm vườn một hồi cho đỡ mồ hôi. Trên đường đến trường, Barb và Bev, cầu phúc cho chúng, sẽ ra vườn gặp ông nội và hôn ông trước khi đi. Ông muốn bảo vệ cho những đứa cháu còn hồn nhiên thơ ngây khỏi cái thế giới nó sẽ làm chúng thất vọng và rồi hủy hoại chúng, thế nhưng thay vì thế, ông chỉ đứng ngây ra đó, tay cầm ống nước hay cái cào, cười như một người nông dân hạnh phúc và vẫy tay chào tạm biệt các cháu.

Rồi ông vào nhà, tắm rửa và lái xe qua mấy con phố đến chiếc xe moóc dùng làm nhà (house - trailer) của Conchita Cruz. Nàng ta chẳng nói được mấy tí tiếng Anh, còn ông không phải là người ham nói, nhưng trời xui đất khiến thế nào họ đã gặp nhau trong một quán bar không lâu sau khi ông dọn nhà về đây và họ đã tiến đến chỗ dàn xếp một tam ước như thế này. Ông cũng không nhớ rõ lắm là mọi sự diễn ra như thế nào song ông thấy “chuyện đôi ta” mà hai người làm cho nhau giúp cho ông thấy rất chi là thư giãn và thoải mái! *Hair -AH-see*, nàng phát âm tên ông, còn gần đúng hơn nhiều so với cách phát âm của chính thằng con ông. Thỉnh thoảng họ *fuck* nhau, nhưng thường hơn thì họ trải qua một vài giờ bên nhau mà không hỏi han gì. Chỉ đơn thuần là... hiện hữu (Just existing). Chiếc Tivi thật đặc dụng cho chuyện đó. Những lúc khác có thể họ chơi bài, chơi domino, mát - xa chân. Họ sẽ ăn trưa, hoặc tại nhà, hoặc tại quán nơi góc phố, và rồi ông sẽ hôn nàng lên trán. Họ không tuyên ngôn tình yêu cũng chẳng thề non hẹn biển gì với nhau, và cô sẽ đi làm ca hai tại nhà máy đồ hộp còn ông sẽ lái xe chạy một đoạn ngắn vào sa mạc. Mọi ngày, trừ Chủ nhật, trên cùng một đoạn đường thẳng đó, ông sẽ nhấn ga và xua đi khói bụi trong động cơ - và cả trong lòng mình. Có lần ông chôn cây kim chỉ tốc độ vào khoảng đen vượt quá 120. Rồi ông buông ga, thả lỏng tốc độ và nhịp tim mạch cũng như mọi dây thần kinh ông chùng xuống. Rồi ông về nhà, nơi kẻ trùng tên vênh váo của ông với cô vợ người Thụy điển làm mồm của hẳn có lẽ là đang cãi nhau. Lúc mới dọn về đây, Charlotte là một cô vợ gương mẫu, và Nick tỏ ra khiêm tốn vì tình trạng sức khỏe và thương tật còn tệ hại. Nhưng chỉ vài tuần sau, lúc anh ta bỏ cặp nạng ra, những cuộc cãi nhau lại bắt đầu. Ngay cả chuyện bật tắt Tivi xem kênh này hay kênh kia, đài này hay đài nọ cũng đủ là lí do để tranh cãi. Ngày qua ngày hai vợ chồng họ hành xử càng lúc càng giống với Fausto và bà vợ quá cố của ông trước đây, một cách mà cậu con dường như chú ý làm để... chọc quê ông!

Đây là thời gian họ được nghĩ dưỡng để thưởng công cho Geraci sau những lần xông pha trận mạc, chịu thương tích đầy mình vừa rồi. Vì thế nên hai vợ chồng chẳng có chuyện gì để làm. Hoàn toàn không. Thế cho nên mới “nhàn cư vi bất thiện” khiến hai cái miệng muốn kiếm chuyện cãi nhau cho... bớt huyên! Khối lượng thời gian mà họ phung phí làm cho Fausto Geraci muốn phát ốm. Charlotte ra ngoài và mua sắm lung tung những thứ mà nàng chẳng cần để làm gì. Nick lái chiếc xe thuê chạy lòng vòng, gọi điện thoại từ những trạm điện thoại trả tiền nào đó và tạt vào một bar ổ chuột, bù khú với mấy đám tạp nham ba bữa, nhưng phần lớn thời gian anh ngồi lòng vòng đọc sách và nói chuyện với những người ghé lại để trao cho anh những tin nhắn.

Ngày nọ, Fausto về nhà thấy Nick đang cho đầy nước vào cái hồ bơi chết tiệt. Fausto chỉ hơi nhú mảy, và Nick dài dòng giải thích rằng thì là mặc dầu má anh đã chết trong cái hồ bơi đó khi trái tim suy yếu vì bệnh ung thư của bà hờn dỗi không thèm đập nữa nhưng bà đã chết trong khi làm điều mình thích. Bà đâu có trần trối là nên rút hết nước và để cho hồ cạn khô. Một cái hồ bơi mà để cạn khô, không dùng vào việc gì cả, thế thì phí quá! Cái thằng nhãi ranh lớn xác này thì biết gì về những chuyện đó? Hẳn đâu phải là người vớt cái xác chết của bà ta

khỏi nơi ấy. Thăng du côn ích kỉ. Bà ấy có ước nguyện hay không ước nguyện gì cũng chỉ là cái có. Nick chỉ muốn cho nước vào đầy hồ để hấn có thể sử dụng. Chắc chắn rồi, ngày hôm sau khi Fausto về nhà sẽ thấy không chỉ Nick đang bập bênh trên một cái bè bằng cao su thổi phồng lên mà còn đang đọc một quyển gì đó về Eddie Rickenbacker. Lại thêm một trò chế giễu lếu láo. Đã bao nhiêu tuần rồi hấn không ngừng lời với những câu chuyện về các phi công tài ba lỗi lạc, các tay đua xe siêu tốc cừ khôi, những chuyện lác giừa biển khơi, chuyện những ông trùm trong ngành hàng không. Ờ, thì là một con người đáng kể đấy, Fausto Geraci không thể phủ nhận: người hùng nước Mỹ và bao nhiêu thứ vân vân. Nhưng biết ba cái chuyện đó để làm gì nào. Eddie Ricken—ba que hay bốn que thì cũng kệ mẹ hấn chứ! Việc gì mà ông đây phải mệt trí để nhớ thêm một cái tên bá vợ chẳng có ích lợi gì cho mình sất! Để dành khoảng không gian tâm trí cho những cái tên Conchita, Margarita, Madonna vv... và nhớ lưu số điện thoại của các em vào “dế” để khi nào hứng thì a -lô cho các em, hẹn hò vi vu không thú hơn sao?

Nick đối xử với hai cô con gái như là đối với con trai, nhất là con bé Bev tội nghiệp, nó sùng kính bố và lớn lên có lẽ sẽ trở thành một giáo viên thể dục gái già cũng giống như bà cô khô quắt của nó. Hấn và Charlotte đem mấy đứa bé đến với mọi thứ dưới ánh mặt trời: vườn bách thú, rạp xiếc, phòng hòa nhạc, những trận bóng, phim ảnh - giống như chúng đang cố gắng thích nghi mọi sự cho lũ trẻ.

Nói chung, mấy bé gái này đã thích nghi tốt với việc dời chỗ ở về đây. Chúng đã kết bạn với đám trẻ láng giềng, học hành khá. Chúng hạnh phúc được làm trẻ con nhưng cha mẹ chúng lại không thể thấy điều đó.

Khi thấy buồn chán với cuộc sống trầm lặng ở đây và muốn quay về lại Long Island, thì Charlotte đến thưa chuyện với ông. Còn cậu con dặt sô của ông hình như chẳng thêm bận tâm đến những cảm nhận của ông bố. Fausto Geraci búng tay một cái kêu đánh tách. Ông không tự hào gì, nhưng ít ra một lần ông phải trải lòng mình, nói ra ý nghĩ thật của mình. Mấy đứa cháu gái của ông đã phải chuyển trường giữa học kỳ để đến đây và đã thích nghi tốt, và rồi bây giờ, chuyện gì đây? Vợ chồng chúng nó lại bắt mấy đứa nhỏ tội nghiệp phải chuyển trở về nhà cũ, chỉ hai tháng trước khi năm học kết thúc? Lũ vị kỉ, chẳng nghĩ gì đến cảm nhận của người khác, ngay cả của con cái mình! Bộ chúng không biết là bọn trẻ phải khó khăn lắm mới thích nghi được với môi trường sống mới? Ông không đành lòng để mặc như thế. Nick cứ về nhà nó đi. Cả Charlotte nữa. Ở New York thì có nhiều chỗ để tiêu tiền cho sướng tay hơn là ở đây. Nhưng mấy đứa nhỏ phải ở lại đây cho đến hết năm học đã. Bộ mẹ chúng nghĩ rằng Fausto Geraci này, sau cả một đời lo chuyện cho thiên hạ, lại không thể lo cho hai cháu mình vài tháng hay sao? Mẹ chúng chắc gì đã lo cho chúng tốt hơn ông nội này?

Khi ông la lối cô ta như thế, ông đã, đúng vậy, đập bể một số đồ đạc, nhưng đó là đồ đạc của ông. Nước mắt ông đổ ra là nước mắt giận dữ. Bây giờ lũ con trời đánh lại bắt ông đi cho bác sĩ khám có mắc bệnh tâm thần không.

Đó là cái giá mà một người phải trả để nói sự thật. Không có gì. Fausto Geraci là một kẻ cả đời chẳng làm được cái quái gì tốt đẹp ngoại trừ cho hai cháu mình và một người đàn bà Mẽ sống trong một chiếc xe moóc và hầu như chẳng biết tí gì về ông. Và giờ đây những đứa cháu gái của ông cũng ra đi. Ông tự tay lái xe đưa chúng đến nhà ga và tiễn chúng mà lòng nặng trĩu. Thăng con ông và người đàn bà kia không thêm ngoái đầu nhìn lại, và đứa cháu gái lớn cũng không. Nhưng con bé Bev quay nhìn quanh, thẳng vai lên, ngưỡng cổ ra và hôn gió ông nội với một nụ cười thiên thần. Cháu nên cười nhiều hơn nữa, Bev cưng quý của ông.

Chuyến đi đến nhà ga đã làm ông lỡ hẹn bữa ăn trưa với Conchita. Ông cũng hết hứng với việc chạy một vòng vào sa mạc. Ông về căn nhà trống vắng của mình. Ông có thể đơn độc bất cứ ở đâu nhưng ông đã quen với khoảng sân kia rồi. Chỉ là vấn đề thời gian thôi, ông nghĩ, trước khi Conchita cũng biến đi như làn khói. Fausto Geraci nhìn vào hồ bơi. Thêm một điều Cheterfield King, có thể là hai - tối đa là ba - và sau đó ta sẽ rút hết nước khỏi cái hồ trời đánh kia.

Những người viết tiểu sử và những ai quan tâm đến lịch sử Mafia ở Hoa kỳ thường lưu ý rằng mọi quyết định táo bạo trong những năm hình thành nhân cách của Michael Corleone được đưa ra trong thế đối nghịch lại bố anh. Như chuyện nhập ngũ Thủy quân Lục chiến. Lấy một cô gái như Kay Adams làm vợ. Nhúng tay vào công việc của gia đình trong khi Vito Corleone còn đang hôn mê và không thể ngăn cản chuyện đó. Lao vào việc buôn bán ma túy. Vài nguồn khác còn gợi ý rằng Michael Corleone đã dùng cái chết của ông bố như một cái cớ để phát động chiến tranh với hai Gia đình Barzinis và Tattaglias sớm hơn theo dự định của Vito Corleone.

Sự phá vỡ đầu tiên mô thức này có lẽ là quyết định của Michael để cho Nick Geraci được phép... tiếp tục sống. Dầu người ta có thể nói gì đi nữa về những hậu quả của quyết định này, thì đó cũng chính là quyết định mà bố anh có lẽ cũng làm thế, vì bốn lí do.

Trước tiên, việc phong cho Geraci chức *capo* chỉ huy *regime* trước đây thuộc quyền Tessio đã, như Michael mong đợi, làm lắng xuống mọi hiềm oán về cuộc hành quyết Tessio, tuy là chuyện chẳng hay ho gì nhưng tất yếu phải thế. Geraci quen thuộc với dân đường phố, những người này chẳng có ý niệm nào về chuyện anh ta mang tên O' Malley, họ chỉ nghĩ rằng anh ta đến Tucson để mở ra những chuyện làm ăn mới, điều mà Geraci thực sự cũng có làm. Gia đình Corleone quản lí một số những tay cho vay nặng lãi, có một quán bar và quán thịt nướng nơi đó, nắm được một đại úy cảnh sát và thọc tay vào một nguồn marijuana được một cựu tổng thống Mexico bảo kê.

Thứ nhì là, mọi lí do để cảnh giác về Geraci đã được giảm nhẹ hay được loại trừ. Ngay cả Chicago, Los Angeles hay San Francisco không bao giờ gửi người đến để giết anh ta, anh ta cũng vẫn e dè về chuyện đó, điều này sẽ kìm hãm bớt tính hiếu chiến của anh ta. Anh ta dường như biết ơn thành thực và sâu xa đối với Michael đã bảo vệ anh ta sau cái trò nguy hiểm bắt cóc lỗ lảng của Forlenza, đưa anh ta về Tucson và sắp đặt cho anh ta trở về New York. Và giờ đây khi Narducci sắp sửa nắm quyền ở Cleveland, những quan hệ của Geraci với Forlenza cũng không mấy quan trọng.

Thứ ba là, Geraci là tay kiếm tiền cừ khôi. Dường như hẳn có ngón tay chỉ đá hóa vàng.

Thứ tư là, Michael Corleone cần hòa bình. Tổ chức của anh ta không phải là Binh chủng Thủy quân Lục chiến Mỹ. Anh ta không có đủ người, nhất là không đủ người thiện chiến để tiến hành chiến tranh vô thời hạn. Để cho Geraci sống sẽ giúp cho Michael củng cố cảm tưởng rằng Louie Russo là kẻ đáng nguyên rủa về vụ rút máy bay, một yếu tố chủ chốt cho hiệp thương hòa bình được chính thức hóa tại cuộc gặp gỡ thượng đỉnh đầu tiên đó ở Thượng New York.

Vậy tại sao còn cần đến một hội nghị thứ nhì? Tại sao còn phải tổ chức những hội nghị kiểu đó hàng năm? Và tại sao cứ phải tổ chức tại cùng một địa điểm.

Những người đến tham dự lần đầu trong căn nhà nông trại màu trắng đó chắc hẳn không có lí do bắt buộc nào để nhất trí là sẽ gặp lại tại đó vào năm sau (và, thực vậy, cuộc gặp gỡ năm 1957, xét về mọi khía cạnh, chỉ là một sự kiện thông lệ, hầu như chắc chắn là không thực sự cần thiết, chỉ là một cước chú lịch sử - a historical footnote - cho cuộc gặp gỡ năm 1956 và cuộc gặp gỡ định mệnh vào mùa xuân năm 1958). Những vấn đề mà họ đến để thảo luận và giải quyết, đã được thảo luận và giải quyết. Nền hòa bình được thỏa thuận vào ngày đó có tính lịch sử và lâu dài; cho đến hôm nay, chưa có một cuộc bùng nổ bạo lực nào giữa các Gia đình so với cuộc chiến 1955 -1956 (hay với hai cuộc chiến trước đó, Cuộc Chiến Giữa Năm Gia Đình trong thập niên 1940s và Cuộc Chiến Castellamarese năm 1933). Chưa có tiền lệ nào để lên lịch cho một cuộc gặp gỡ như thế; mọi hội nghị thượng đỉnh trước đó chỉ được triệu tập nhằm trả lời trực tiếp cho những vấn đề đang tồn tại.

Quyết định triệu tập những hội nghị này hàng năm được tán thành không phải tại hội nghị

năm 1956 nhưng là chẳng bao lâu sau đó. Không có điều gì trong quyết định đó đã xảy ra nếu không vì ngẫu nhiên mà ngày hôm đó thời tiết lại vào lúc giao mùa và, hơn thế, bởi con lợn khổng lồ kia.

Michael đã có ý rời đi ngay sau khi mọi chuyện đã xong xuôi. Nhưng trong nhiều giờ, các cửa sổ đã được mở. Trong nhiều giờ liên tục, mùi thơm từ con lợn quay đã lan tỏa vào trong phòng tạo hiệu ứng ma thuật khiến người ta thêm rở dãi. Clemenza - giống như hầu hết mọi người khác ở đó - không phải là loại người đi qua một lộ trình dài mà không có miếng gì bỏ bụng. Mùi bánh mì nướng tỏi đủ ngon để khiến người lớn cũng... khóc vì thèm, ngay cả những người lớn rất đặc thù này! Thế mà đây còn là loại bánh mì thượng hảo hạng vừa mới ra lò còn nóng hổi nữa! Chỉ cần chấm xì dầu ớt tỏi cũng đủ mê rồi huống hồ là còn được ngốn ngấu với thịt heo quay thơm lừng, béo ngậy rồi làm vài cốc rượu vang Bordeaux Pháp ướp lạnh nữa thì cứ gọi là lừng lừng! Vừa hay *khi nên trời cũng chiều người*: hóa ra hôm đó lại là ngày lập xuân, thời tiết lại chuyển qua ấm áp một cách ôn hòa, dễ chịu. Cảnh ấy tình này ai nỡ lòng nào bỏ đi cho đành, nhất là khi bụng đã đói meo sau mấy giờ bàn bạc thương nghị?

Thế mà, bỗng dưng Michael Corleone cảm nhận một bàn tay lạnh ngắt chạm vào sau gáy anh. Ai mà giỡn nhột ghê! Dễ được xơi một cú cùi chỏ cho phù mỗ quá!

“Tớ không xơi được thịt lợn,” một giọng the thé cất lên, chỉ thấp hơn giọng con bé ba tuổi của Michael một tí. Hóa ra là “Ngài Mặt Đéo” Louie Russo. “Cũng thèm lắm nhưng mà không thể ăn được. Máu nhiễm mỡ. Ăn thịt lợn vào là tim làm biếng đập ngay,” y lấy tay đập đập vào ngực. “Này, xin được một lời riêng với anh, trước khi tớ đi, mong anh không phiền?”

Họ cùng tản bộ qua sân cỏ trong lúc mấy người kia lục tục vào căn lều để đánh chén. Tay *quan sư quạt mo* (consigliere) của Russo lo đi lấy xe.

“Tớ đã không muốn nói điều này lúc ở trong phòng họp. Tớ là người mới. Người mới phải biết yên lặng và lắng nghe.”

Michael gật đầu. Russo thực ra cũng nói nhiều lắm tại bàn hội nghị.

“Tớ không được ăn học nhiều như anh,” lão ta nói bằng cái giọng cao the thé, kỳ quặc của mình,” và tớ hơi lơ mơ về đôi điều. Khi anh nói đến đoạn cuối về chuyện *thay đổi*, anh làm tớ thực sự bối rối đấy.”

“Tôi không hề quan tâm việc bảo ban người khác nên quản lí công việc của họ như thế nào. Nhưng sẽ đến một lúc mà người khác sẽ nắm quyền kiểm soát tội ác đường phố, theo cách mà người Ý đã giành lấy từ tay người Ai nhĩ lan hay người Do thái. Hãy nhìn bọn Da đen kìa; ở một vài đô thị quyền lực bọn chúng đang lớn lên từng ngày.”

“Không phải ở Chicago.”

“Trong bất kỳ trường hợp nào, tôi thấy chẳng được gì nếu chúng ta tích lũy được tiền bạc, của cải, quyền lực lớn hơn nếu chúng ta không chuyển được quyền lực & của cải đó từ bóng tối ra ánh sáng. Và đấy là điều tôi dự định làm.”

Có tiếng cười vọng lại từ bóng đêm vừa buông xuống. Ngồi trên một hòn đá lớn kế bên chiếc lều, Pete Clemenza và Joe Zaluchi, trở thành thông gia qua đám cưới giữa hai đứa con họ, đang chuyện trò bù khú với nhau có vẻ tương đắc lắm.

“Anh lại làm tôi bối rối với bóng tối và ánh sáng đấy.” Russo nói.

Michael bắt đầu giải thích.

“Không, không, không,” Russo xô liền một tràng phủ định ba tiếng. “Xin đừng nói với tớ cứ như thể tớ là thằng ngu vậy.”

Michael chẳng biện hộ hay công nhận sự bùng nổ nho nhỏ của cơn bức bối kia, vốn có vẻ xúc phạm nơi một Ông Trùm, cho dầu là một kẻ đến từ Chicago.

“Tớ xin nói với anh như thế này,” Russo nói. “Anh nói về chuyện bằng cách nào một ngày kia con cái chúng ta có thể trở thành đại biểu quốc hội, thượng nghị sĩ, hay ngay cả là thống đốc, tổng thống, mà chúng ta vẫn có những người ấy trên bảng lương của chúng ta.”

“Tổng thống thì không bao giờ,” Michael nói, nghĩ đến Ngài Đại sứ và nghĩ *chưa*.

“Chưa,” Russo nói. “Đừng nhìn tớ như thế. Tớ biết anh đã nói chuyện với Mickey Shea. Anh nghĩ anh là người duy nhất mà lão ấy thương lượng với hay sao?”

Nhiều Ông Trùm khác đang nhìn đường đi của họ. Michael đâu muốn có ai đó nghĩ rằng mình đang mưu đồ điều gì. “Chúng ta nên trở lại,” anh nói.

“Tớ không quay lại, xin anh nhớ cho?” Russo nói. “Tớ đang đi. Nhìn này, tất cả những gì mà tớ cố gắng nói ra đó là, ít ra là ở Chicago, chúng tớ chọn những người chúng tớ muốn, và một khi họ an vị rồi thì chúng tớ sẽ lấy lại từ họ những gì chúng tớ muốn lấy ra từ họ. Ngay cả những kẻ mà chúng tớ không kiểm soát được, cũng được kiểm soát bởi ai đó.

Đừng nói với tớ cứ như thể tớ là thằng ngu. Michael Corleone nghĩ nhưng đểch nói.

“Như vậy, tại sao,” Russo nói, “chúng ta lại mong ước điều này cho con cái chúng ta? Tại sao chúng ta muốn chúng trở thành những con bù nhìn? Chúng ta chẳng ngại thơ, anh biết mà, không ai trong chúng ta ngại thơ cả, thế mà vẫn có một số người trong chúng ta vẫn ôm giấc mộng lớn nhưng cũng thật hảo huyền đó. Tớ không hiểu nổi. Tớ chẳng hiểu một li ông cụ nào, nói thật đấy.”

Mấy người ở dưới căn lều đang gọi họ.

Michael mỉm cười. “Không ai vượt quá sự kiểm soát của những người khác cả, Don Russo à. Kể cả chúng ta cũng không.”

“Chỉ muốn nói phần mình thôi,” Russo nói. “Ô, vả chăng -”

“Hey, Mike!” Clemenza gọi. “Khi anh gặp vận may, chúng tôi cần anh đôi việc.”

“Sao ă?” Michael quay sang Russo, tỏ ý sẵn sàng nghe tiếp điều lão đang nói nhưng bị cắt đứt nửa chừng bởi tiếng gọi của Clemenza.

“Nhanh thôi,” Russo nói. “Tớ muốn làm sạch không khí và làm sáng tỏ hành vi của mình. Tớ chắc rằng anh biết là Capone gửi người anh em tớ, Willie và một tay khác nữa đến giúp Maranzano trong lúc khó khăn, và trở về khi ông ấy và bố anh đã giải quyết được cơn khủng hoảng.”

Vậy ra đây chính là điều cốt lõi mà cuộc tản bộ mạn đàm này nhắm tới.

“Tôi đã được nghe thân phụ nói về chuyện đó rồi, Don Russo à, ông cứ an tâm,” Michael nói. “Giữa chúng ta không có gì vướng mắc về chuyện đó đâu.”

“Tớ nguyên rửa Capone. Tớ muốn anh biết điều đó. Đâu phải chuyện của lão ta, những gì xảy ra ở New York. “Russo đưa bàn tay mềm và nhỏ nhắn ra.” Bố anh đã làm điều mà ông ấy phải làm thôi.”

Michael chấp nhận cái bắt tay, vốn trở thành một cái ôm, được đóng dấu bởi một cái hôn, và Don Russo ngồi vào xe mình, đang đợi lão ta từ nãy giờ.

“Don Russo đi đâu vậy?” Clemenza hỏi khi Michael quay trở lại căn lều. Pete khó chịu muốn chết khi không thể gọi Russo kèm theo cái hỗn danh “Lão Mặt Đéo” trước mặt các Ông Trùm khác.

“Lão không thể ăn thịt heo,” Michael nói.

“Tôi nghĩ Winnie Forlenza là người Do thái làm tin của chúng ta,” Zaluchi nói.

“Đủ rồi đấy!” Forlenza hét lên từ chiếc xe lăn. “Nếu không có những tên Do thái mà ta gửi đến Las Vegas thì phần lớn các anh sẽ chẳng có xu nào để tiêu xài đâu.”

“Chúng tôi còn có nhiều hơn là chúng làm ra cho chúng tôi,” Sammy Drago, Ông Trùm của Tampa phản pháo, “nếu chúng tôi có được một hào mỗi lần chúng tôi phải nghe ông kể lễ công đức của ông và người của ông đối với chúng tôi.”

Forlenza xua tay tỏ vẻ ghê tởm. “Này, Joe. Anh kêu gọi một cuộc đầu phiếu, vậy thì chúng ta bỏ phiếu đi.”

Hài lòng với món barbecue (nướng ăn tại chỗ) và có được bạn tâm giao, Pete Clemenza nêu ý kiến là họ nên tổ chức chuyện này hàng năm, và Joe Zaluchi nâng một bên kính mắt lên tỏ ý tán thành và đề xuất cuộc bỏ phiếu sau khi họp. Tất cả, trừ một người trong số các thành viên của Ủy ban vẫn còn hiện diện tại đó. Cuộc bỏ phiếu đạt kết quả đồng thuận tuyệt đối.

Không lâu trước khi quay về lại New York, Nick Geraci gặp Fredo Corleone trong một phòng quay đang dựng cảnh cho phim *Ambush at Durango*. Cảnh trông khá thực nếu bạn đừng nhìn vào những dây cáp và những lối đi men (catwalks). Fredo có một vai diễn trong phim nhưng chưa thay trang phục diễn. Họ ngồi ở một cái bàn gần cửa ra vào. Họ là những người duy nhất ở đó. Bên ngoài, giám đốc sản xuất, một người Đức với kính một mắt, la lối người nào đó vì ông ta không thích màu sắc và tạo dáng của bunn.

“Anh thấy cái thứ rác rưởi này chưa?” Fredo nói, ném tờ báo buổi sáng lên bàn. BÀ HOÀNG ĐIỆN ẢNH ĐI HƯỞNG TUẦN TRĂNG MẶT Ở ĐÂY VỚI ANH CHỒNG CÔN ĐỒ, đó là cái tít giật gân của bài báo. Hai đoạn đầu có những câu trích vô hại từ Deanna Dunn. Đoạn thứ ba nêu ra rằng Fredo cũng tham gia diễn xuất, “bắt đầu sự nghiệp điện ảnh như một tên vô lại.” Sau đó câu chuyện là một mớ pha trộn tạp nham đầy những tin cũ, qua nhiều năm, đã từng xuất hiện trên báo chí ở New York và được cho thêm tiêu hành ốt tởm với những cụm từ *được cho là như thế, người ta xầm xì rằng, theo một nguồn tin chưa kiểm chứng được độ tin cậy...* làm như anh nhà báo này có lương tâm nghề nghiệp lắm lắm, không xác định điều gì mà mình chưa kiểm tra chắc chắn, nhưng thực ra đó chỉ là mảnh khéo câu khách, kêu gọi óc tò mò của người đọc bởi những tờ báo lá cải chuyên nghiệp. Tuy vậy nó lại được kèm theo những hình ảnh có thực. Fredo giận tím mặt khi nhìn thấy bức ảnh chụp anh đang ngồi thu mình ngay sau khi Vito bị bắn, trở mặt ra nhìn thay vì cố tìm cách cứu mạng sống ông già. “Tôi đâu đóng vai tên vô lại,” Fredo nói. “Tôi bắt tên vô lại lừa đảo mà.”

“Có gì quan trọng?” Geraci nói. “Nếu anh gọi cho báo hoặc trực tiếp đến tòa soạn phân trần, thì sau đó họ lại sẽ thực sự có một câu chuyện. Nó sẽ làm cho mọi chuyện rối mù hơn và tệ hại thêm lên chứ chẳng giúp được gì.”

“Anh nói *tệ hại thêm*, đúng không? Vậy là anh đồng ý. Cái này là *xấu*. Người ta không đi đến *tệ hơn* từ *tốt* hay *được lắm*. Không, trừ phi anh đã ở mức *xấu*.”

“Anh quan tâm làm quái gì?” Geraci nói. “Chỉ là một tờ báo làng nhàng cấp huyện, hơi đầu phí tâm trí để ý đến làm gì.”

“Chúng đang toàn những chuyện sai lạc.”

Như sự kiện là Deanna Dunn đâu còn được gọi là Bà hoàng điện ảnh nữa. Nàng ta là một con sâu rọu, và ánh mắt nhìn cũng như sự nghiệp của nàng ta bị tổn hại bởi chuyện đó. Geraci hình dung rằng nàng kết hôn với Fredo chỉ để cho nàng có thể tiếp tục cuộc sống xa hoa ngay cả khi tài năng diễn xuất của nàng đã cạn kiệt hoàn toàn.

Bên ngoài, đạo diễn ra lệnh “Action!” Một toa xe lao ầm ầm xuống con phố bụi mù, và Deanna Dunn bắt đầu la hét.

“Cảnh đó ở trong kịch bản,” Fredo nói. “Fontane chết và Dee Dee la hét.” Nàng đóng vai góa phụ của viên quận trưởng cảnh sát. Fontane là ông mục sư mang súng.

“Nếu anh muốn những sự kiện,” Geraci nói, “thì có nhiều chỗ tốt hơn để đến, chứ không phải là tờ báo.”

“Chúng tôi kết hôn đã hơn một tháng nay. Chuyện này đâu phải là bí mật gì, như tờ báo nói, và chúng tôi đã có tuần trăng mật. Nghỉ cuối tuần ở Acapulco nơi chiếc xe Jeeps màu hồng rơi xuống bãi biển đó.”

“Kỳ trăng mật ngắn ngủi.”

“Chúng tôi ai cũng đều bận rộn cả.”

“Tôi có làm anh phát cáu không?”

“Ồ, ai mà không muốn dành nhiều thời gian cho tuần trăng mật của mình, anh biết mà”

Geraci có lẽ không muốn, nếu như phải nằm chết dí trong một phòng khách sạn với một người đàn bà quan tâm đến bản thân một cách quá quắt đến mức hiểu chiến như Deanna Dunn. Trừ phi có lẽ bạn có thể làm cho nàng rú lên như thể khi nằm trên giường. Đạo diễn lại ra lệnh hành động cho một cảnh quay khác. Tiếng la rú của Deanna càng kinh hoàng hơn. “Tôi chưa bao giờ đến Acapulco,” Geraci nói. “Có gì đặc biệt không?”

“Tôi không rành lắm. Đại khái là cũng giống như nhiều nơi khác thôi, tôi đoán thế.” Fredo nắm tay xuống mặt bàn, ngay chỗ tấm hình anh ngồi vào chiếc limo tại sân bay. “Giải thích giùm cho tôi nghe coi. Chúng tôi đã ở đây ba tuần, một cách công khai, để làm công việc của mình, và giờ đây thành linh, cái tin chó chết này?”

“Fredo à, tại anh kết hôn với một ngôi sao điện ảnh. Anh chờ đợi điều gì nào?”

“Tôi kết hôn với ngôi sao điện ảnh cả tháng rồi mà.”

“Bây giờ anh cũng là ngôi sao điện ảnh rồi.”

“Chuyện đùa để cười chơi thôi. Tôi đóng phim chưa tới một phút.”

“Tuy thế, cũng là... tài tử điện ảnh!”

“Vậy tại sao họ không nói về tôi như là một người có hậu thuẫn trong ngành giải trí đang thử tạo sự nghiệp trong ngành này.”

Geraci nhận ra những lời của Michael Corleone trong miệng của người anh. Michael đã đồng ý với hình ảnh được quảng bá với công chúng của Fredo như là cái gì hữu ích trong việc giúp làm cho những người họ Corleone trở thành hợp pháp hay ít nhất là có vẻ như thế.

“Xem này, Geraci nói. “Tôi đã đọc tờ báo đó nhiều tháng rồi. Tin tôi đi, chẳng ma nào thèm đọc nó đâu.”

Fredo bật cười. Một lát sau nụ cười rút đi khỏi khuôn mặt anh. “Cậu nói chuyện ấy như chuyện đùa, đúng không?”

Geraci nhún vai, nhưng rồi mỉm cười.

“*Coglione*,” Fredo nói, cũng cười và đâm vào vai Geraci một cách thân mật.

Cho đến ba tuần trước khi việc quay bộ phim này bắt đầu, Geraci hầu như chưa nói chuyện gì với Fredo. Hóa ra anh ta là một chàng trai thực sự rất dễ mến.

“Cậu tưởng mọi chai whiskey kia đều thật cả à?” Fredo nói, chỉ vào mấy chai sáng, không dán nhãn trên dãy kệ quầy bar.

“Tôi làm sao biết được? Sao anh không đi mà xem thử?”

Fredo xua bỏ ý niệm đó bằng một cái nhún mày và cái vẫy tay. “Đó là điều cuối cùng mà tôi cần.”

Geraci gật đầu. “Aspirin?”

“Có đôi khi.”

“Một vài đêm.”

“Tôi sẽ kể cho cậu nghe đây,” Fredo nói, lắc đầu và bỗng nhiên trông có vẻ vừa nuối tiếc vừa ngạc nhiên. “Không còn nữa, khi mọi đêm đều là đêm đáng nhớ.”

Đêm rồi hai người đã mang vợ theo đi ra phố, cũng như thường lệ. Do một ý tưởng ngẫu hứng, họ hướng xe về phía Mexico. Khi họ đến đó Deanna Dunn nản nì đi xem sô diễn lừa với người. Charlotte giận dữ vì suốt đêm, đầu ai nói gì về bất kỳ đề tài nào thì Deanna Dunn cũng kéo cuộc đối thoại trở về với Deanna Dunn. Geraci bắt đầu chuyển đổi đề tài một cách vô đoán, nhưng cho dầu sự thay đổi có lỗi lẫn buồn cười đến đâu, nàng ta cũng lấy đó như một đầu mối để kể một câu chuyện khác về Deanna Dunn. Sau khi về nhà Char kết tội chồng là nịnh Deanna. Chàng ta cứ làm như nước đổ đầu vịt, chẳng thanh minh biện hộ gì. Nàng ầm ức nhưng rồi đành chịu thôi với chiến thuật “quăng cục lơ” của chàng, nhưng cảm thấy vô cùng thất vọng rằng Bà Hoàng Điện Ảnh mà nàng từng rất phấn khích với chuyện được chơi thân với, hóa ra lại là một cô đầu to mồm lớn, nói đùa tục tĩu về chuyện chồng mình không thích những màn diễn “thổi kèn” dầu là độc tấu hay song tấu, saxo hay trumpet hay trombone! - với Fredo ngồi ngay đó, giống như một người cổ cười trong khi ruột kết cô thắt từng cơn chẳng mấy chốc mà phải... ị ra quần! Cô ta còn cho rằng đi xem màn trình diễn con lừa *fuck* một cô gái Da đỏ còn vị thành niên là một trò gây cười đầy hứng thú! Tuy vậy, nếu để cho Charlotte có thời gian, nàng sẽ kể tất cả những buổi parties dành riêng cho phái nữ ở East Islip với những đêm hoang dại, sẽ

khiến cho nàng có vẻ như muốn học đòi... làm sang!

Từ dưới phố vọng lên tiếng đổ vỡ ầm ầm của toa xe.

“Đừng lo ngại gì,” Fredo nói. “Cái đó cũng ở trong kịch bản.”

“À, vâng,” Geraci nói. “Thứ lỗi cho tôi nếu, từ sau vụ rớt máy bay kinh hoàng nọ, tôi hơi bị căng thẳng khi nghe tiếng đổ vỡ.”

“Tôi đâu có được thứ quyền lực đó,” Fredo nói. “Cậu muốn sự tha thứ, chuyện đó là của Mike.”

Geraci cố làm ra vẻ không ngạc nhiên. Anh chưa từng nghe Fredo lộ ra một tí oán hận nào đối với em mình. “Vậy Fontane có ở đây?”

Fredo lắc đầu. “Họ đã rút anh ta ra khỏi phim, cậu tin nổi điều ấy không? Chính người đóng thế vai cho anh ta đang giả chết ngoài đó.”

Sự lơ là, bỏ bê của Fontane đối với chính hãng phim của mình đang càng ngày càng trở thành một vấn đề lớn, nhưng đây là lần đầu mà anh bỏ đi trong lúc phim đang quay. “À, ra thế?” Geraci nói. “Anh ta bỏ mặc chuyện làm phim, để ai làm gì thì làm?”

“Tôi không muốn dây dưa vào đó,” Fredo nói. “Tôi nghe Dee Dee bằng một tai, người anh em tôi bằng tai kia và mặc kệ Hagen bằng tai khác nữa.”

“Vậy ra anh có đến ba lỗ tai?”

“Cảm thấy hình như thế,” Fredo nói. “Không phải là thứ cảm nhận mà tôi khuyên người khác nên có.”

Họ bàn về công việc. Geraci đã chờ đợi Fredo - như anh ta vẫn làm thế những lần trước đây khi họ ngồi xuống để họp bàn với nhau - truyền lại những thông điệp về chiến dịch của Geraci trở về New York. Thay vì thế, Fredo cho anh biết tin tức về những cuộc thương nghị hòa bình ngày trước đó. Mọi chuyện đã thu xếp: Geraci sẽ về nhà.

Điều này cũng là thứ mà một người có thể nghe trước khi hẳn được “thanh lí thể lí” một cách nhanh gọn và lặng lẽ. Nhưng nếu đó là điều sắp xảy ra, tại sao Mike lại phái Fredo?

“Cậu ổn chứ?” Fredo hỏi. “Thính giác của cậu có vấn đề gì không vậy? Tôi đã nghĩ rằng một người được tin như thế này hẳn là lên chín tầng mây chứ?”

Nhóm nhân viên âm thanh ánh sáng đã trở vào lại và bắt đầu dựng cảnh quay mới. Mấy anh chàng rải mạt cưa lên sàn và bày ra những quân bài, những con phỉnh chơi poker, những tấm kính dơ, những tờ chép nhạc cho một người chơi piano được cho là đã chết.

“E là mọi chuyện sẽ trở nên rắc rối khi về nhà,” Geraci nói. “Thế thôi.”

Fredo hạ thấp giọng. “Này, quan hệ giữa cậu với nhà Stracci ra sao? Ý tôi muốn nói là trước đây, quan hệ thế nào? Trước khi dời về đây. Tôi có lí do để hỏi chuyện đó.”

“Tôi có quan hệ làm ăn với một số người ở đó.” Nếu không có những cống phẩm hậu hĩ mà Geraci nộp cho Tony Stracci Mặt sắt Đen sì, thì ma túy chẳng bao giờ có thể đổ bộ vào Jersey và đi đến New York một cách trơn tru như thế. “Lí do của anh là gì?”

“Tôi có ý này. Có thể có cái gì trong chuyện đó cho phần cậu. Nguồn thu nhập mới. Có thể là

một trong những nguồn tốt nhất mà chúng ta từng có. Khi tôi nói chuyện đó với Mike, chú ấy nói không, nhưng càng biết về cậu hơn, tôi càng nghĩ cậu và tôi cùng thuyết phục có thể làm chú ấy thay đổi ý kiến.”

“Tôi không biết, Fredo à.” Geraci hy vọng mình không lộ ra, nhưng anh ta thấy sốc. Fredo chưa biết gì nhiều về anh ta mà đã chiêu mộ anh ta để thách thức Michael Corleone. “Nếu Ông Trùm từ chối xem xét chuyện này -”

“Đừng lo lắng khoản đó. Tôi sẽ thu vén chuyện đó. Tôi biết chú ấy hơn bất kỳ ai mà.”

“Tôi chắc là đúng như thế,” Geraci nói. Kiểu phản đối một cách công khai có lẽ là phạm thượng nếu đến từ một kẻ thô lỗ nào đó nơi đường phố. Nhưng đến từ *sotto capo*? Từ anh của Ông Trùm? “Tôi phải thẳng thắn với anh, Fredo à. Tôi sẽ không -”

“Tôi coi trọng những gì cậu nói, nhưng hãy nghe tôi đã, okay? Okay. Vậy, chuyện là thế này. Cậu là luật sư, đúng không nào? Cậu có biết rằng chôn người trong nội thành San Francisco là phạm pháp?”

Sai, tôi chưa phải là luật sư, nhưng Geraci thấy không cần thiết phải đính chính. Ngay lúc đó, Deanna Dunn ủa vào qua cánh cửa bật.

“Này này,” nàng ta lăm bằm, “kiếm cho tôi một vé trên chuyến bay đêm tốt nhất.”

“Khá đấy,” Geraci nói. Giọng nói cô ta giống như diễn viên đóng vai tên vô lại trong cuốn phim đó, một kẻ cục mịch hay khóc nhè, cũng bắt đầu vào đời bằng cách chấp nhận chơi cái trò “đắm và chịu đắm” để ăn xôi, được gọi một cách hoa mỹ là “quyền Anh”.

“Những chai kia không phải là chai rượu whiskey thực đâu,” Fredo nói.

“Lòng quyến luyến của anh đối với thực tại có hơi quá quắt đấy. Giảm bớt đi thì vừa, được không?”

“Ồ, được thôi,” Fredo nói, làm lơ cô vợ và quay sang nói với Geraci. “Tôi quên mất.”

Anh nắm lấy hai ve áo veste. “Tôi có một anh chàng. Anh ta đang ở Beverly Hills, nhưng tôi mang anh ta đến Vegas để mua sắm quần áo. Anh ta cũng như anh chàng thế vai Fontane ngoài kia, đây là điều tôi nghe được về anh ta”

“Không giống như anh,” Deanna Dunn nói, “Johnny phải đặt may quần đặc biệt cho mình mới được. Không có quần may sẵn nào vừa vặn với anh ta cả bởi đồ nghề của anh ta thuộc loại -”

“Hàng khủng, phải không?” Geraci không thể tin rằng Fredo để nàng ta đi xa đến thế.

“Thì người ta đồn thế,” Fredo nói.

“Người ta là ai?”

“Ồ, *cưng à*.” Deanna Dunn quay và đánh vông một chiếc ghế.

“Ai *không phải* là người ta?” Nàng nhướn nhú, nháy nhó hai hàng lông mày và cả hai hàng lông mi.

Geraci có thể thấy trong đôi mắt Fredo rằng anh ta đang tức điên lên, nhưng cái cười vẫn còn nấn ná một cách đáng sợ trên gương mặt của một *sotto capo*.

“Tôi đóng một phim chung với Margot Ashton,” Deanna Dunn nói,” trong thời gian cô ấy với Johnny còn là vợ chồng. Tay đạo diễn, Flynn, trêu chọc cô ta về việc kết hôn với một anh chàng da bọc xương, chỉ nặng có chín mươi tám pounds như Johnny Fontane. Chỉ một lát suy nghĩ thôi, trước mặt *mọi người*, Margot đồng dặc trả lời, “chồng tôi có thể là da bọc xương, nhưng chỉ số thể hình của anh là tuyệt hảo. Tám pounds cho toàn bộ con người Johnny còn chín mươi pounds là ‘bộ tam sự’ của anh ta!”

Fredo nổ ra tiếng cười lớn, giải tỏa hã hê mỗi nghi ngờ từ nãy giờ.

“Người phụ nữ đáng yêu, cô Ashton ấy,” Geraci phát biểu. *Còn cô, cô Dunn à, có phải chỉ số thể hình của cô là tám pounds cho toàn bộ Deanna và chín mươi pounds cho cái đầu khổng lồ?* Geraci nghĩ thầm.

“Tất nhiên là,” Deanna hào hứng nói tiếp, “sau khi cô ta nói thế, tôi bèn coi công việc của mình là ‘kiểm chứng thực nghiệm’ xem cô ta có phóng đại quá chăng.”

Những người duy nhất mà Geraci từng thấy khuôn mặt họ chuyển từ niềm vui rạng rỡ sang thất vọng tột cùng nhanh như khuôn mặt của Fredo Corleone đó là khuôn mặt của hai đứa con gái yêu của anh, nhưng chỉ là khi chúng hãy còn bé tí.

“Và như thế, với niềm vui lớn lao, trước mặt tất cả các bạn đây, toàn những người bạn tốt,” Deanna khoái chí tự bạch theo cách *có gì xấu đâu mà phải giấu*, “tôi xin long trọng tuyên bố rằng, rằng thì là... *lời đồn quả không ngoa!*”

Đúng là, một nữ diễn viên từng hai lần đoạt giải Oscar - tức cũng là một dạng tài năng thiên phú - thì phải có quyền suy nghĩ và nói năng khác người chứ!

Có điều là, cái sự hào hứng bốc đồng của cô nàng quả là vô vàn tai hại và sẽ đem đến những hậu quả bất hạnh khôn lường.

“Tôi xin phép phải về nhà,” nghe đến đó chàng Geraci thấy “quá hợp” nên viện cớ rút lui trước. Chàng ta sẽ nghe chuyện về những tử thi cứng đờ ở San Francisco vào một dịp khác.

Còn Fredo rất là khả ái đang nghĩ gì trong cõi lòng cuộn cuộn phong ba của chàng thì chỉ có... Trời biết. Và mọi người cứ từ từ rồi cũng sẽ biết sau, qua những hành động... khả khủng của chàng!

Có một chuyện vẫn làm cho Pete Clemenza thắc mắc.

Đêm ấy tại Lâu Đài Trên Bãi Cát? Khi họ đang thưởng thức sô diễn của Fontane, Buzz Fratello và Dotty Ames, cho đến lúc Mike bắt cuộc gọi từ Hagen với tin tức về vụ rơi máy bay? Tại sao Mike vỗ lên vai Clemenza để bảo ông lưu ý rồi đi ngay cả *trước khi* anh ta bắt đầu nói với Hagen? Làm sao anh ta biết họ sẽ phải đứng lên và đi trước khi hết sô diễn.

Thắc mắc thì cũng để trong lòng thôi chứ Clemenza sẽ chẳng bao giờ hở ra tiếng nào.

Nhưng đó là loại chuyện nho nhỏ mà lại khiến người ta nghĩ về nó nhiều. Loại chuyện có thể làm cho một người phải đi ra ngoài lúc hai giờ sáng trong bộ đồ ngủ bằng lụa, đốt lên điếu xì - gà, bật đèn rọi lên và phóng chiếc Cadillac vù vù trong đêm.

Chương 15

Vị đại biểu quốc hội - một cựu tổng chương lí bang, là một kinh địch đáng gờm đối với sự xâm nhập của Cosa Nostra (Công việc của Chúng ta - từ gọi chung mọi băng đảng Mafia ở Hoa kỳ) vào Bang Bạc (Bang Nevada) yêu dấu của ông. Ông cũng là một chủ trang trại mà điền sản nằm gần Doomtowntown - lúc đầu nhận một cuộc chẩn bệnh đáng ngại tại bệnh viện mới xây mang tên Vito Corleone. Khi trở về Washington, ông đến một bác sĩ chuyên khoa danh tiếng để kiểm chứng lại. Buồn thay, kết quả cũng là như thế: ung thư bạch huyết, thời kỳ cuối, vô phương cứu chữa, chỉ còn sống được sáu tháng nữa thôi. Ông chọn cách giữ bí mật bệnh tật của mình và chiến đấu chống lại nó. Nếu có người nào đủ kiên cường để đối đầu với ung thư thì người đó chính là vị đại biểu gốc nông dân, trước khi bị căn bệnh hiểm ác tấn công, vẫn *manh cuì cuì như con trâu cuì* này. Một năm sau, sụt mất tám mươi tám pounds, ông vẫy tay chào thua số mệnh và... nhắm mắt xuôi tay! Như vẫn thường xảy ra, nhân vật mà trách nhiệm hiến định là chỉ định người kế nhiệm lại là một đối thủ chính trị của vị quá cố. Vị Thống đốc yêu cầu Thomas Hagen, một luật sư và nhà tài chính lỗi lạc của Las Vegas, từ bỏ cuộc chạy đua đường xa vào việc đề cử làm ứng viên Thượng nghị sĩ của đảng và chấp nhận việc bổ nhiệm vào Hạ nghị viện. Ông Hagen đã rất khả ái đồng ý gạt qua một bên những kế hoạch của mình vì cơ hội phục vụ đồng bào của Bang Nevada.

Việc bổ nhiệm này không được quần chúng đồng tình. Vấn đề không phải là những người phụ tá của Hagen - ông là chính trị gia duy nhất trong lãnh vực này với những người phụ tá đồng đảo và hơi đặc thù như vậy - mà chính là tư cách thường trú nhân ở Nevada của ông. Ông mới từ New York chuyển về Nevada chưa bao lâu. Và cũng vì ông là người tập sự về chính trị, chưa có thành tích gì trong việc phục vụ cộng đồng. Mọi tờ báo của bang, không có ngoại lệ, đều phê phán sự lựa chọn và đưa tin nhiều về cuộc tranh luận.

Để xây dựng quyền lực, đôi khi người ta phải kiểm soát những người có vẻ như ít quyền lực nhất. Đây là bí mật trong năng lực nhà Corleones nhằm kiểm soát các thẩm phán. Mặc dầu chuyện tham nhũng hối lộ thì nhan nhản trong mọi tầng lớp người song một thẩm phán được tiêu chuẩn hóa thì trung thực hơn một người thường được tiêu chuẩn hóa. Trong thực tế, người ta khó kiểm soát các thẩm phán và nếu muốn kiểm soát thì phải tốn kém nhiều hơn. Tuy nhiên. Nhiều vụ án được giao theo kiểu ngẫu nhiên bởi một thư kí tòa án được trả lương không nhiều hơn một thầy cô giáo cấp hai hay cấp ba. Nhân vật nào kiểm soát độ mười phần trăm những người như thế và đa số các thẩm phán, nhân vật đó quyền lực kém hơn nhiều so với người nắm được đa số các thư kí tòa án và một ít thẩm phán có tính chiến lược đã biến chất thoái hóa vì tính khinh bạc, vì những thói quen xấu hay vì những bí mật đen tối.

Báo chí lại vận hành theo chiều ngược lại. Một vài phóng viên có thể bị lung lạc bởi một châu bìa rượu với em út mát mẻ, một khoản nợ cá độ được bỏ qua hay ngay cả chỉ với một châu ăn sáng uống cà-phê. Nhưng hầu hết đều có cái tính khí thập tự chinh (crusading streak) và dễ bị khích động, say mê đến độc tưởng những tin tức mới mẻ, đặc biệt, nóng hổi, hấp dẫn... mà họ chạy theo giống như một đàn lemmings (con sau theo con trước, con trước theo con dẫn đầu và khi con dẫn đầu tưởng biển là một con sông ngắn, nhào xuống bơi qua thì cả đoàn cũng lao theo xuống biển để rồi chết chìm cả lũ, có đàn lên đến hàng ngàn, hàng vạn con). Để kiểm soát tin tức, người ta cần ảnh hưởng từ trên chóp bu. Trí nhớ của công chúng thường ngắn ngủi. Nếu một câu chuyện đi xa dần rồi nhạt nhòa dần trong dăm bữa nửa tháng và được thay thế bởi một câu chuyện mới, công chúng muốn không phải là việc khép lại câu chuyện cũ mà là những tình tiết mới về câu chuyện mới. Hay một cái gì còn mới hơn. Kiểm soát những ai kiểm soát được những người nắm quyền quyết định đăng một câu chuyện trong bao lâu và ở vị trí nào trong báo và bạn kiểm soát được tin tức.

Sau một vài ngày, một con người đầy hấp lực, trông có vẻ kỳ dị trong áo da màu đen và hai lọn

tóc mai càng đen hơn - một hiện tượng âm nhạc dân gian từ Mississippi, một chàng trai da trắng gào thét những ca khúc Da đen - đến Las Vegas lần đầu. Hagen được thay thế trên trang nhất và trong trí tưởng tượng của công chúng bởi cái tin đầy hân hoan về cuộc trình diễn nghèo nàn của hiện tượng nhạc dân gian và những suy luận về việc liệu sự kiện này có đánh dấu một kết thúc không chỉ cho sự nghiệp của chàng trai quê mà còn cho cả toàn bộ cái mốt thời thượng tầm thường được cho là có khuynh hướng thân Cộng, gọi là “rock and roll” hay không. Ngày Hagen đặt tay lên Thánh kinh thể và bay đến Washington nhận lãnh nhiệm vụ thì trong báo chí ở Nevada chỉ có một bài về anh bởi một chàng phóng viên cà -mèn từ Carson City nhắc lại cuộc chiến pháp lí trong cuộc tranh đua vào Hạ nghị viện, đang ở trang trong; một đề tài đã nguội ngất chẳng ma nào buồn bàn tán nữa.

Các Ông Trùm và những phụ tá chớp bu của họ sẽ hành xử càng ngày càng giống như những nhân vật lãnh đạo các công ty lớn hay của chính quyền. Điều này, Hagen biết, là cái mà Michael nghĩ rằng anh ta muốn: *trở thành hợp pháp*. Michael đang tiếp tục con đường này mà không cần đến sự tư vấn của Hagen nữa. Hagen cứ giữ những nghi ngại cho riêng mình, chẳng lộ một ý gì. Cứ hăng *treo giá ngọc*. Đợi khi nào người ta thấy cần “tam cố thảo luận” (ba lần đến lều cỏ), thỉnh cầu cao kiến, lúc đó hăng nói. Và tiếng nói của ta mới thực sự có trọng lượng. Đừng như mấy anh bản lĩnh không mấy tí mà lại muốn làm tài lanh, lên mặt “thầy đời miễn phí”, khiến thiên hạ chẳng những ghét thêm nghe mà có khi bực quá, người ta còn chửi cho, có mà vuốt mặt không kịp!

Không giống Hagen, Michael chưa bao giờ làm việc cho công ty nào. Trong *công việc này*, có ai đòi hỏi phải qua các trường lớp này, phải có những bằng cấp kia nọ đâu? Chỉ có trường đời dạy cho anh thôi. Trường đời với những đua tranh, những thử thách khốc liệt, những “kỳ thi” còn gay go, hóc búa hơn những kỳ thi để lấy bằng này, bằng kia nhiều! Và cũng còn cần đến... tài năng thiên phú nữa chứ! Vàng, nói thế cũng không quá lời đâu. Bởi làm lính lác hay những cấp lang nhàn thì không nói, chứ làm đến cỡ *capo*, đến *Don* thì cũng phải là tay kiệt kiệt, chứ đâu phải xoàng!

Nhưng nói thế thì mới chỉ là một vế. Bản lĩnh trường đời đã đành là đáng nể rồi nhưng sở tồn từ trường học hẳn nhiên cũng có chỗ đặc dụng, và không thể thiếu. Đâu phải lúc nào, nơi nào anh cũng đem thành tích bao nhiêu năm lăn lộn giang hồ ra nói chuyện với mọi người được? Nhất là khi anh muốn đi vào khuôn khổ những công việc hợp pháp. Thì anh phải cần đến những chuyên gia, những nhà tư vấn, những *quan sư quạt mò*, những *consiglieres*. Trước khi Hagen xin nghỉ để về làm việc cho Vito Corleone, anh đã dành những tháng cuối như một luật sư của công ty để nghiên cứu về “tỉ lệ tử vong chấp nhận được” (acceptable death rates). Vấn đề là thế này: Có bao nhiêu người vô tội sẽ phải chết trong nhiều tư thế khác nhau trong những vụ tai nạn xe cộ bởi những chiếc xe do khách hàng của công ty sản xuất trước khi những luật lệ đầy đủ được chờ đợi, biện minh cho phí tổn lắp đặt những phụ kiện an toàn hơn và tất nhiên cũng đắt tiền hơn. Những đứa bé sơ sinh, những học sinh, những phụ nữ mang bầu, những chàng trai da trắng tài giỏi với mức lương cao: tất cả đều được nghiên cứu tỉ mỉ, được tính toán chi li, được viết ra rõ ràng trong bản tường trình mà anh đã hoàn tất hồ sơ trước ngày anh nghỉ việc. Còn những người kia đã làm gì để đưa đến cái chết của họ?

Chính quyền lại càng tệ hơn nữa, điều mà Hagen đã biết từ lâu trước khi anh nhận nhiệm chức. Có nhớ “Nhớ vụ Maine”? Cả một lời nói dối hào nhoáng được pha chế công phu để cho nước Mỹ có thể tham chiến dưới những lí do giả vờ và những người có trách nhiệm có thể giúp cho những người bạn giàu có của mình càng giàu hơn (gồm cả những ông trùm báo chí đã truyền bá lời dối trá này trên trang nhất để tăng số phát hành). Nhiều người chết trong cuộc chiến do bị đặt đó hơn là mọi cuộc xung đột Mafia cộng lại. Chỉ là do những hình ảnh tiêu cực về người Ý khiến người ta tin họ là mối đe dọa cho người dân thường. Người Mỹ vẫn tưởng rằng họ sống trong một xã hội thực sự dân chủ -một lời nói dối được yêu thích đến độ khiến họ không nhận ra một điều hiển nhiên là nước Mỹ hoàn toàn được điều hành thông qua những cuộc thương lượng ở phòng trong liên quan đến người giàu. Trong hầu hết mọi cuộc bỏ phiếu, ứng viên giàu

hơn đánh bại ứng viên nghèo hơn. Khi ứng viên nghèo hơn thắng cử, thường là bởi vì anh ta đồng ý làm người chạy việc vặt cho những người giàu hơn những người đã hậu thuẫn cho đối thủ của anh ta.

Hagen nghi ngờ rằng thế giới từng bao giờ thấy được một định chế tốt hơn là chính quyền Hoa kỳ. Chẳng hạn, khó mà kiện cáo chính quyền, và ngay cả nếu bạn thắng, thì sao nào? Đây là một triệu đô. Sau đó, họ nâng thuế lên hai triệu. Thêm nữa là, với các doanh nghiệp, người nào đó ở nơi nào đó phải mua sản phẩm kém chất lượng của họ. Dân chúng phải làm gì đối với chính quyền. Chính quyền là của dân, do dân, vì dân mà. Thế là hết chuyện nói.

Trong nhiều năm Hagen đã dàn xếp những cuộc thương lượng, mặc cả với các chính trị gia, nhìn sâu vào đôi mắt họ và thấy những con người đó đã trở thành những kẻ cơ hội vô hồn vô cảm đến thế nào, rất lâu trước khi Hagen từng đặt chân vào văn phòng họ để giải thích bất kỳ dàn xếp nào mà hai bên cùng có lợi mà họ ít có lựa chọn nào khác hơn là chấp nhận. Những người này - và, rất thường khi là, những người phụ nữ - chấp nhận mà không phản biện gì, cảm ơn Hagen, bắt tay anh, cười những "nụ cười công bộc"

(smiled those public -servant smiles), những con người rất hăng hái giành nhau làm "đầy tớ của nhân dân", và rất sẵn lòng đón anh quay lại bất kỳ lúc nào. Nếu Hagen từng bao giờ nhìn vào gương và thấy cái nhìn đó trong đôi mắt của chính mình, có lẽ anh sẽ đặt một viên đạn (nhẹ nhàng thôi!) vào giữa chúng.

Anh chưa bao giờ trông chờ giữ một nhiệm sở bên ngoài bang Nevada (và ngay cả là rất miễn cưỡng nếu phải làm điều đó), và anh có lẽ sẽ không bao giờ nếu không vì cái cơ hội chưa hề tiên liệu được cung cấp bởi cái chết của người tiền nhiệm. Người dân bang Nevada dường như cảm thấy rất đáng báo động khi thấy Tom Hagen ngồi vào Hạ viện liên bang, đại diện cho mình, cũng như anh khi ngồi ở đó - mặc dầu ít hơn vợ anh, Theresa. Sự công kích việc bổ nhiệm anh, mặc dầu sau này đã lắng đi, vẫn là quá mức đối với nàng. Nàng ưu tư về hiệu ứng của chuyện đó lên con cái. Và ý tưởng làm một người vợ ở Washington làm nàng rung mình khó chịu. "Dường như anh luôn luôn đạt được những gì anh muốn," nàng bảo anh, "và em biết anh khá đủ để biết rằng anh chẳng bao giờ muốn chuyện này." Anh cố phủ nhận điều đó và nàng thấy xuyên qua anh. Nàng cần thời gian để suy nghĩ về tất cả chuyện này. Nàng đem mấy đứa con đi nghỉ hè với cha mẹ anh chị em của nàng ở bãi biển Jersey.

Có lẽ chính bởi vì Tom Hagen đã đi vào chuyện này một cách miễn cưỡng đến thế khiến cho việc anh đến Washington trở thành một cú sốc lớn đối với hệ thống của anh. Khi chiếc taxi chở anh lên cầu qua sông Potomac, quả thật anh hoang mang tự hỏi mình đang ở đâu, mình là ai.

Đêm đầu tiên đến thủ đô anh ở khách sạn, và khi không thể ngủ được, lúc đầu anh đổ lỗi cho việc trì hoãn chuyến bay và những cốc cà-phê, nhưng anh vẫn đi máy bay thường xuyên và việc chuyến bay bị hoãn lại cũng không phải hiểm còn cà phê anh vẫn uống hàng lít mỗi ngày và thường vẫn có thể đi ngủ bất kỳ lúc nào anh muốn. Anh kéo rèm che lại và thấy những ánh đèn nơi khu phố ăn khuya và thấy nổi da gà.

Anh là một triệu phú. Anh là một đại biểu quốc hội Hoa kỳ. Anh bắt đầu cười phá ra.

Rồi anh mặc quần áo.

Xung động đến từ trái tim, và anh ở trong cầu thang máy trước khi anh nghĩ về một chuyện khó biện hộ về mặt tình cảm mà anh sắp làm.

Anh biết ngay cả khi nó đang xảy ra rằng đây không phải là một câu chuyện mà anh có thể kể với ai, dầu bây giờ hay sau này.

Anh băng qua Đại lộ Hiến pháp (Constitution Avenue) và đứng ở phía tây của Hồ nước Phản chiếu (Reflecting Pool) bốc mùi trứng ung. Những ánh đèn chiếu trên mặt nước. Một cặp tình nhân đối diện anh nắm tay nhau và hôn nhau. Đẹp quá.

Anh là một đứa trẻ mồ côi, đấy anh là thế. Khi anh lên mười, mẹ anh bị mù và mất không lâu sau đó. Còn cha anh, tuyệt vọng, chán đời, uống rượu say sưa đến chết luôn. Hagen được đưa vào Cô nhi viện nhưng trốn trại và ra sống lang thang bụi đời nơi hè phố hơn một năm trước khi làm bạn với Sonny Corleone và Sonny đã đem anh về nhà như một đứa trẻ lạc. Vào thời điểm đó, chuyện bố của Sonny có chấp nhận điều này hay không hình như không mấy quan trọng, nhưng Hagen quá biết ơn nên không hỏi han gì. Sau đó Hagen không còn nghĩ về chuyện ấy nữa. Mẹ anh mất vì bệnh hoa liễu còn cha anh là kẻ say rượu ưa bạo lực, thích đập phá và tự rước lấy họa sát thân. Hagen là người bẩm sinh biết kín miệng về những chuyện không nói ra thì hay hơn và, nếu có thể, không nghĩ tới lại càng hay hơn. Những kỹ năng bẩm sinh đó của anh sau này còn được bố nuôi Vito Corleone mài sắc thêm, chế ngự và khai thác.

Nhưng đêm đó bỗng dưng anh rung động tâm can. *Vito* xưa kia cũng từng là một đứa trẻ mồ côi được gia đình Abbandandos đem về nuôi cũng vào độ tuổi mà Hagen được đưa về nhà Corleones. Vito lớn lên trong cùng căn nhà với người về sau thành *consigliere* cho ông. Vito đã tái tạo lại một hình ảnh trong gương của kịch bản đó trong chính căn nhà ông, khi lúc đầu Sonny và sau đó Michael dùng Hagen vào vai trò đó.

Hagen quay vòng chậm chậm, tay giang ra, ghi nhận mọi thứ vào tâm trí: Đài tưởng niệm Lincoln, đài tưởng niệm Jefferson, đài tưởng niệm Washington. Tòa nhà Quốc hội Capitol và trên đó những vì sao dường như ngẫu nhiên sắp hàng về nơi là nhiệm sở mới của anh. Hagen vẫn đứng yên tại nơi anh đứng này giờ, ở đầu phía tây của hồ nước và vẫn xoay vòng vòng. Anh không tin vào Chúa, cũng chẳng tin có đời sau hoặc bất kỳ cái gì huyền bí, nhưng vào thời khắc đó, anh thực sự, không hề nghi ngờ, cảm nhận hiện diện của cái chết, nặng nề và rất phạm tục, như một khối băng. Washington, Jefferson và Lincoln. Vị đại biểu vừa mới qua đời. Sonny và Vito Corleone. Bridget và Marty Hagen. Và hàng ngàn những chiến sĩ vô danh đã nhận những viên đạn vào đầu hay vào tim vì một điều gì đó cao cả hơn gia đình họ hay những quyền lợi riêng của họ. Tất cả những con người mà cuộc sống của họ đã rơi rụng xuống để cho anh có được cuộc sống của mình - để cho, đầu trong bao lâu, anh có thể thấy mình ở đây, lột xác thành một người khác biết bao với thằng bé mồ côi bụi đời xưa kia, một vị Đại biểu Quốc hội của Hiệp chúng quốc Hoa kỳ, oai phong đường bệ, có tên là Hạ nghị sĩ Thomas Hagen.

Trong nhiệm kỳ đại biểu quốc hội của mình anh thường hồi tưởng lại thời điểm này và trạng thái phớn phở, phấn khích mà anh cảm nhận, rất thường khi vào một trong những thời điểm đáng ngạc nhiên mà người ta dường như, một cách hợp pháp và ngay cả là không vị kỉ, quan tâm đến việc cải thiện cuộc sống của những người khác. Không giống như những người mà những ngày đầu của họ ở Washington được tiêu phí vào việc nhìn tâm trạng lí tưởng ngây thơ của họ nhanh chóng bị nghiền thành tro bụi, bị vỡ vụn bởi những thực tại sống sượng của chính trị và tiền bạc, Hagen không có lí tưởng nào để phải tốn công đập vỡ. Khi những vị đại biểu mà anh vừa mới hội kiến trước đây khi anh đến hồi lộ họ, thấy anh giờ đây cũng vào ngồi trong tòa nhà ở Đồi Capitol và họ tự giới thiệu, làm ra vẻ như chưa từng gặp anh bao giờ, thì Hagen chỉ... thấy vui vui một cách nhẹ nhàng! Anh đã trải qua đời mình, ngồi trong một văn phòng trong khi thiên hạ đi vào từng người một, thỉnh cầu ân huệ, vậy nên sự tham lam của họ cũng chẳng mấy... gây ấn tượng nhiều lắm trên anh. Đàng khác, trong khi đức hạnh và lòng vị tha là của hiếm trên Đồi Capitol, thì đối với một người *không còn khả năng vỡ mộng nữa* vì đã được (hay bị?) *miễn nhiễm với lí tưởng từ lâu*, thì... đâu đâu cũng thế!

Tuy nhiên, đêm đầu tiên đó ở Washington, tâm trạng phớn phở của anh cuối cùng bị ngắt mạch một cách đột ngột, trong khi anh còn đang đắm đắm ngược nhìn lên bầu trời đêm, anh cảm nhận một... nòng súng lạnh ngắt ấn vào ba sườn! Một anh chàng nhỏ nòi, răng trắng nhõn, đội mũ cao -bồi trắng toát, nom điệu đàng ghê! Vậy mà mặt mũi lại rất hầu ngầm, bậm trợn

không diu dàng dễ thương chút nào! Hắn ta đi giày đế crep, lướt nhẹ *êm ru bà rù* nên chàng Hagen chẳng nghe thấy gì khi anh bạn lạ đến làm quen.

“Chào bạn! Hy vọng chiếc đồng hồ bạn đeo không có giá trị gì về mặt tình cảm chứ?” anh chàng nói. *Góm, ăn cướp mà cũng vẫn hoa đấy nhĩ!* Hagen nghĩ thầm.

“Ồ không đâu,” Hagen nói, mặc dầu thực ra đây là một món quà sinh nhật từ Theresa. Không phải là dịp sinh nhật đặc biệt gì, nhưng anh thực sự thích chiếc đồng hồ. “Cũng chỉ là một chiếc đồng hồ thôi.”

“Nhưng là một chiếc đồng hồ đẹp quá đấy chứ.”

“Cám ơn lời khen. Chắc chắn là có giá đấy. Nhân tiện, xin nói là tôi thích cái mũ của bạn đấy. Trông điệu dàng lắm!”

“Cám ơn nhiều! Anh bạn cũng giàu đấy chứ?” hắn ta nói khi trả lại cái ví đã được vét sạch tiền.

“Bây giờ thì kém hơn nhiều rồi,” Hagen nói vui. Thực ra anh cũng chỉ đem theo độ năm sáu trăm đô trên người.

“Xin lỗi chuyện này nhé,” chàng trấn lột nói, trong khi quay người đi. “Chuyện làm ăn phải thế, chắc bạn hiểu?”

“Hiếu quá đi chứ!” Hagen nói giọng hồ hởi phấn khởi! “Chúc anh bạn may mắn nhé!” Chưa bao giờ có ai thấy được một nạn nhân bị trấn lột mà lại vui đến thế.

Hú hồn! Hagen đã tưởng là mình sẽ toi đời vì một vụ mưu sát chính trị hay một vụ thanh toán giữa các Gia đình, vì những thành tích lừng lẫy gần đây của Michael thì anh cũng biết. Thế này thì thằng em ăn mặn mà thằng anh khát nước rồi. Dè đâu, hóa ra không phải. Chỉ là một vụ trấn lột thông thường mà lại diễn ra rất lịch sự, nhẹ nhàng, còn không thiếu màu sắc tình cảm nữa chứ! Và thiệt hại thì cũng chỉ mới ở mức *còn trâu rụng sợi lông* thôi. Cho nên bị ăn cướp mà vẫn vui như Tết là vì thế.

Hagen, trở lại là Hagen của hiện tại, đã dành đầy đủ thời gian cho cuộc lái xe từ nhà của bố mẹ Theresa ở Asbury Park ở gần bãi biển đến hội nghị quốc gia của đảng ở thành phố Atlantic và chỉ sau khi đến Atlantic City và vì giao thông ùn tắc, lộn xộn, phải chờ phân tuyến, chứ trước đó anh chẳng có lí do gì để kiểm soát lại chiếc đồng hồ. Anh đã thay thế chiếc đồng hồ bị trấn lột bằng một chiếc khác giống hệt để mình không phải giải trình gì với Theresa. Thế nhưng anh đã để quên nó nơi bàn đêm của khách sạn. Anh có thể hình dung ra là mình để nó sát bên mấy giấy ủy nhiệm. Vậy mà rồi cũng quên cho được. Tức thật! Anh đập mạnh lòng bàn tay xuống vô-lăng.

Quả là buồn cười nếu không lấy phòng khách sạn ở Atlantic City, nhưng anh đã cố mang Theresa đi lòng vòng và thật là tuyệt khi thấy lại mấy đứa con. Ngay cả mấy cậu trai cũng tỏ ra vui khi gặp anh, đang chơi bóng rổ ngoài sân và nói chuyện về các cô gái và xe cộ và cả thứ âm nhạc với tiết điệu hoang dã, man rợ mà chúng yêu thích. Mọi chuyện có vẻ trơn tru, suôn sẻ. Theresa sẽ trở về nhà vào cuối hè - Hagen đã không chắc là nàng sẽ về - và còn nói là nàng sẽ xem xét việc xuất hiện ở các cuộc cổ động tranh cử nếu Tom ủng hộ vận động cho việc xây dựng một bảo tàng mới về nghệ thuật hiện đại. Nhưng anh đã đánh giá thấp việc lái xe lui tới nhiều làm anh trở nên đáng trí, và trong một ngày mà giao thông ùn tắc tồ tề như thế này lại là ngày duy nhất anh thực sự cần có mặt ở đó và khi dần trải mỏng như vậy thì cũng dễ hình dung là anh dễ quên chuyện này chuyện kia. Nếu như anh đã không cố nhồi nhét mọi chuyện vào một thời gian quá ngắn như thế, lẽ ra anh đã du hành cùng với tay trưởng phòng nhân viên của mình, một tên nhãi nhép ngạo mạn tốt nghiệp Đại học Harvard, hơi khó ưa nhưng được việc do

ngài Thống đốc đề cử cho anh - và Ralph có lẽ đã lo liệu cẩn chu để anh có đủ mọi thứ, dầu cho ông chủ của mình có đăng trí như thế nào vì chạy ra bãi biển để bơi cùng con gái vào phút cuối.

Hagen không có ý tưởng nào về chuyện mình đã đập vào vô -lãng trong bao lâu khi anh nhìn thấy mình mặt đỏ bừng, vã mồ hôi, một cơn đột quỵ tim đang chờ xảy ra. Anh hít vào thật sâu. Anh rút ra chiếc lược và chải đầu.

Không đi qua chỗ đỗ xe, anh đến một điểm xa với Phòng họp lớn. Vào lúc anh đến đó, người anh ướt đầm mồ hôi, xộc xệch rồi bù đến nổi, mặc dầu đã vận dụng nhiều chiến thuật sáng tạo độc đáo với nhiều người gác cổng khác nhau, anh suýt vào phòng không kịp lúc để chứng kiến diễn văn đề cử của Thống đốc James Kavanaugh Shea. Từ tiếng reo hò của đám đông thì dường như mọi chuyện diễn biến tốt.

Lần đầu tiên, Hagen để ý hàng chữ khắc vào mặt tiền bằng đá vôi của đại sảnh, bằng tiếng Latinh: CONSILIO ET PRUDENTIA (Tư vấn và thận trọng).

Theo cách mà mọi chuyện đang diễn ra, thì Hagen sẽ không ngạc nhiên nếu một ngày nào đó các Gia đình của thế giới ngầm thuê một đấu trường giống như thế này để bàn công việc của họ. Sốc, ừ có thể, nhưng ngạc nhiên thì không. Nếu Hagen vẫn còn là *consigliere* thì những lời tư vấn đầu tiên của anh sẽ là những cuộc họp mặt của những người từ các Gia đình khác nhau vào những dịp quan hôn tang tế nên trở thành thường xuyên hơn, công khai hơn, quyến rũ mê hoặc hơn, ngay cả các đám tang. Anh đã được nghe rằng cuộc họp ở New York đã dẫn đến một thỏa thuận rằng các Ông Trùm sẽ gặp nhau hàng năm. Tiếp theo là gì? In các chứng thư chứng khoán? Những buổi truyền hình trực tiếp?

Từ bên trong, thêm nhiều tiếng reo hò.

Hagen thở ra, đi ngang qua lối đi lát ván, vào chỗ ngồi của mình.

Cách đó vài trăm yards, những tốp người leo trèo để hoàn tất sân khấu tạm cho cuộc hòa nhạc ngoài trời của Johnny Fontane sẽ diễn ra tối nay. Một nhóm chiếu phim cũng dựng lên - do công ty sản xuất điện ảnh của Fontane trả chi phí, mặc dầu chưa có kế hoạch chiếu trích đoạn hoặc chiếu cả phim ở bất kỳ nơi nào ngoài căn nhà của Fontane ở Beverly Hills. Người ta xuống hàng những chiếc xe tải, mang những tấm ván lót và những chiếc ghế -những nhượng địa dưới sự kiểm soát của Gia đình Stracci.

Có sự khác biệt nào nếu Hagen thực sự không nghe bài diễn văn? Có ai sẽ biết là anh đã để lỡ dịp đó? Có sự khác biệt nào nếu không vì Tom Hagen và những kỹ năng thương lượng của anh, cuộc họp này có lẽ đã được tổ chức ở Chicago? Người khác hưởng vinh quang và, xét cho cùng, Hagen lại thích như thế. Coi vinh quang là thực tại là chuyện ngược lại với bản tính anh. Đó là phương cách mà một người nên theo nếu như anh ta muốn những kẻ khờ khạo nghĩ rằng chúng ta sống trong một chế độ dân chủ thực sự, bỏ phiếu cho mình.

Anh lau trán, lau mặt, vắt khăn tay rồi lau lại lần nữa. Hagen đã thực hiện những cuộc thương lượng, nhưng kế hoạch là của Michael Corleone, và chuyện này - tổ chức hội nghị ở Atlantic City - chính là một cú bậc thầy (a master stroke) trong kế hoạch đó. Nó mang mọi thứ lại với nhau. Nhà Stracci kiểm soát bộ máy đảng nơi bang này. Nhưng Tony Mặt sắt Đen si thiếu những mối liên hệ bên ngoài New Jersey nên rất lấy làm biết ơn đối với sự hợp tác toàn diện của những chính trị gia do nhà Corleone kiểm soát. Nhà Straccis càng được có lợi bởi vì họ kiểm soát những dịch vụ cung cấp đồ dùng trong nhà và việc thu gom rác ở Atlantic City cũng như các sòng bạc bất hợp pháp ở Jersey Palisades. Chuyện này đã củng cố quan hệ hữu hảo giữa nhà Corleones và Don Stracci và cho phép đám quân của Ace Geraci sử dụng các bến tàu của nhà Stracci cho chiến dịch buôn lậu ma túy vốn sẽ tài trợ rất nhiều cho việc lớn sau này.

Thống đốc Jimmy Shea hưởng vinh quang là đã đem đại hội đảng và những lợi ích kinh tế từ sự kiện đó về New Jersey. Ông sẽ đọc một bài diễn văn quan trọng được truyền trực tiếp trên cả ba mạng Tivi, giờ vàng. Đáp lại những ân huệ này, Danny, anh ông - người vẫn không biết nhân danh ai mà bố mình can thiệp vào - giúp rút gọn việc kiện cáo đối với bất kỳ Gia đình nào trong những cuộc chém giết vừa qua. Và (cũng lại qua ngài Đại sứ) Jimmy Shea đồng ý không chống lại một biện pháp vốn sẽ hợp pháp hóa việc cờ bạc ở Atlantic City. Giờ đây, với một bài diễn văn hùng hồn, Jimmy Shea đã có cơ hội đặt cơ sở để trở thành - đầu ông ta có biết điều đó hay không - tổng thống Mỹ đầu tiên mang nợ Cosa Nostra về việc đắc cử tổng thống của mình.

Cuối cùng thì ông ta cũng biết chuyện đó, chắc chắn là thế.

Từ bên trong sảnh vang lên tiếng hoan hô và những tràng pháo tay rào rào. Một dàn kèn đồng chơi bài "Into the Wild Blue Yonder."

Buổi chiều nay là bài diễn văn từ biệt đối với hòa bình. Hagen là nhân vật trọng điểm của mọi chuyện đó, nhưng đến cao trào thì anh đang ở đâu? Ngồi trên ghế dài, ngang qua lối đi lát ván, từ ngoài nhìn vào. Anh còn chưa từng đặt chân vào bên trong Phòng Hội nghị. Anh có được nghe là trong đó chứa cây đàn organ lớn nhất thế giới. Hàng năm cuộc thi Hoa hậu nước Mỹ được tổ chức tại đây, mà Hagen đã thấy trên Tivi. Không nghi ngờ gì là sự khác biệt duy nhất giữa các tư thế của Hoa hậu Alabama nhân dịp đó khi nói về trẻ em (chúng là tương lai!), những chìa khóa cho một cuộc sống tốt (làm việc hăng say! đi lễ nhà thờ! lo cho gia đình!), và hòa bình thế giới (hoàn toàn khả thi trong đời chúng ta!) và những tư thế của Thống đốc Shea đó là Shea không phải nói điều đó trên đôi gót cao gót và trong bộ đồ tắm hai mảnh bé tí teo.

Ôi mặc kệ! Tại sao Hagen phải bận tâm?

Hagen đi vào khách sạn nơi ngài Đại sứ đã thuê phòng khiêu vũ chính, nghĩ rằng anh sẽ đến sớm nhưng không may anh chỉ có thể đến kịp để uống một ly. Một hiệu kỳ bằng nhung màu xanh với một logo của công đoàn trên đó chào đón các đại biểu, và ngài Đại sứ đã lảng lảng thanh toán mọi khoản. Nơi chốn ấy đã đông người một cách đáng ngạc nhiên. Jimmy Shea đã đọc xong bài diễn văn, và một làn sóng người càng lúc càng tăng lên tràn vào trong phòng, nói như mê sảng về hiện tượng ngài Thống đốc gây được cảm hứng như thế nào, than phiền là quá tệ khi ông chỉ đọc bài diễn văn đề cử thay vì diễn văn nhận chức, rằng có lẽ Shea - trẻ trung, hấp dẫn, một anh hùng trong chiến tranh, sẽ có cơ may vào tháng mười một, chứ không giống như cái con người hay gắt gỏng đến từ Ohio kia mà đảng đang đem làm con dê tế thần.

Hagen biết rằng nhiều người trong số họ là những chim mồi, được trả tiền để khen lấy khen để bài diễn văn của ngài Shea, cho dầu, giả sử như, nó có hùng hồn nhưng rỗng tuếch. Anh cũng biết rằng những hành động anh hùng trong thời chiến của Shea, dầu là có thật, nhưng đã được phóng đại lên nhiều trong đầu óc của công chúng bởi số lượng và bản chất của việc đưa tin mà nó nhận được vào thời điểm đó, việc đưa tin mà đích thân Hagen đã hòa âm phối khí. Và anh cũng biết, trong thời gian ngắn anh ở Washington, rằng nhân vật bị gọi xách mé là "con người hay gắt gỏng, nghênh ngang từ Ohio" thực ra là một vị khả kính và là một đối thủ đáng gờm. Trẻ tuổi và hấp dẫn thì có liên quan gì với việc làm tổng thống, chuyện ấy Hagen chưa có ý niệm gì. Hagen lấy một ly lớn Whiskey -Coke và dùng mắt quét toàn bộ căn phòng để lọc ra những nhân vật mà anh nên bắt tay. Ngay lúc đó anh nghe tiếng chấn động ầm ĩ ở cửa vào, kể cả những tiếng reo hò vui vẻ. Hagen quay nhìn, và khi anh làm thế thì một bàn tay đập vào trên vai anh.

"Chào ngài Hạ nghị sĩ!" Fredo Corleone nói. Anh chàng mặc chiếc jacket da tiệc màu trắng. "Này, bồ tèo, nếu mình hứa bỏ phiếu cho bạn, thì mình có thể được chữ kí lưu niệm của bạn không?"

Hagen kê miệng vào tai Fredo. "Này cậu làm gì ở đây vậy? Má ra sao?"

Fredo đã say nhè. Anh rửa một ngón tay cái về phía cửa chính.

Không phải Shea đi vào, như Hagen đã dự đoán, mà là Johnny Fontane, với một đoàn tùy tùng đông đảo.

“Tôi đến với Johnny, Fredo nói.

“Còn Má?” Hai tuần trước Carmela Corleone đã được đưa gấp đến bệnh viện vì bị nghẽn mạch máu não. Lúc đầu người ta tưởng bà đi luôn nhưng rồi bà tỉnh lại và dần bình phục. Lần cuối mà Hagen còn ở đó, Fredo đã hứa chắc với anh là chàng ta sẽ ở lại New York trông chừng mọi chuyện, thế mà bây giờ chàng ta lại ở đây.

“Má đỡ nhiều rồi,” Fredo nói. “Má đã về nhà.”

“Tôi biết là Má đã về nhà. Nhưng sao cậu không ở nhà với Má?”

“Tin tôi đi. Tôi mới vừa từ nhà đến đây thôi mà.”

Hagen nghi lắm. Connie Corleone đã để Ed Federici lại và vù sang châu Âu với một tay chơi trẻ tuổi nào đó và chỉ gửi điện và hoa về. Bà cô của Carmela đã chết hồi đầu năm. Mike và Kay đã về viếng tang một lát nhưng phải gấp quay về Nevada. Họ muốn một điều dưỡng. Thành viên gia đình duy nhất ở gần Carmela là cô cháu nội Kathy, con của Sonny, đang sống tại kí túc xá ở Barnard.

Hagen gật đầu về hướng sau của đám tùy tùng Fontane - Gussie Cicero, một chủ club ở Los Angeles và một phụ tá của Jackie Ping-Pong, và hai người trong bộ sậu Chicago. “Vậy họ đang làm gì ở đây?”

Họ cũng cùng đến với Johnny.”

“Lại đến?”

“Gussie từng kết hôn với Margot Ashton trước khi Fontane lấy nàng ta, anh nhớ chứ? Và bây giờ họ đều là bạn bè của tôi. Thư giãn nào, Tommy. Đây là một party, anh biết mà. Lạy Chúa toàn năng, anh có nghe bài diễn văn đó không?”

Fredo có những giấy ủy nhiệm dự đại hội? “Anh đã thấy chưa?”

“Trên Tivi. Chúng tôi lên tầng mái nơi Gussie và Johnny đang ở. Jimmy và Danny cũng lên đó, tối qua. *Man đại tuyệt vời!* Những tay chơi ngoại hạng! Phải chi anh đã cùng đi để thưởng thức mùi đời hàng hiệu đúng điệu!”

Hagen đâu được mời mà đi, nên chẳng có ý niệm gì. “Jimmy và Danny Shea ấy à?”

“Chớ bộ anh nghĩ chúng ta đang nói về ai? Dĩ nhiên là Jimmy và Danny Shea rồi.”

Hagen nghĩ nên hoãn lại cuộc nói chuyện sau này. Sau tất cả chiến dịch công kích và cả những lời đồn thổi rùm beng ngay sau khi anh được bổ nhiệm, thì chuyện lộ diện nơi công cộng, tại đây, và nói bất kỳ điều gì hơn là vài ba lời chào hỏi, đều chẳng hay ho gì.

“Cậu đang ở đâu vậy?”

“Cùng nơi với cặp bướm to tướng mà anh chưa từng thấy kia ấy.” Fredo gật đầu hướng về Annie

McGowan và bộ ngực khổng lồ trứ danh của nàng. Nàng là cô gái tóc vàng đi ngay sau Fontane, kế bên tay diễn viên hài mà Fontane gọi bằng cái nghệ danh bôi bác là Numbnuts (Kẻ đáng khinh) mà nàng thay thế làm màn mở đầu, nhưng anh chàng này vẫn còn nằm trong đoàn tùy tùng của Fontane. Annie Mc Gowan “kế vị” nàng Mae West đã luống tuổi trong vai trò là nhân vật được nêu tên trong những truyện tiểu lâm về các nàng vú bự.

“Mình phải đi đây, Fredo.”

“Anh chưa từng gặp nàng?”

“Có một lần,” Hagen nói.” Có lẽ cô ấy không nhớ tôi đâu.”

Cuối cùng Jimmy Shea đi vào, với ông bố và cậu em cặp hai bên. Căn phòng nổ ra tiếng hoan hô và vang lên khúc nhạc chào” Into the Wild Blue Yonder.”

“Shea và Hagen vào năm 1960!” Fredo la lớn.

Theo nhận định của Hagen, Fredo đã “ướt sũng” rồi.

Hagen lĩnh đi. Giờ đây căn phòng đã đầy người. Anh cố bắt tay với những người cần bắt, nhưng trong tình huống đó thì điều này cũng khó. Anh làm theo như mình có thể, nhưng đã hơn một đôi lần anh giơ tay ra về một người nào đó mà anh nghĩ mình đã nhận ra là một thượng nghị sĩ hay hạ nghị sĩ hay một vị chop bu nào đấy, nhưng anh chỉ nhận lại một cái nhìn trừng trừng như hàm ý” “thằng cha dở hơi nào đây?” Anh cố tìm những thành viên trong phái đoàn Nevada - những người duy nhất, theo lí thuyết, có thể sẽ lưu ý chuyện anh có mặt hay không có mặt tại đây. Người duy nhất anh thấy là một cô giáo ở Beatty. Anh cũng chưa biết nơi ấy là đâu.

“Cổng vào Thung lũng Tử thần đấy,” cô hét lớn để át tiếng ầm ĩ kéo dài.

“À, phải rồi,” anh nói. *Họ vẫn khoe khoang về chuyện đó ở Beatty?*

“Những hầm mỏ,” cô nói, “đó là những thứ chúng tôi có ở đó. Mặc dầu nhiều mỏ đã đóng cửa.”

“Đó là lí do chúng ta cần bỏ phiếu chống lại bọn con hoang,” Hagen la lớn.

Cô nhú mày. Có lẽ bởi cái từ *bọn con hoang*, cũng có thể vì anh là một trong những đứa con hoang mà cô muốn bỏ phiếu chống lại, nhưng trước khi anh kịp mở miệng xin lỗi, mặt cô ta bỗng nhiên lại sáng ra. “Anh tuyệt quá!” cô la lên với vẻ hớn hờ thấy rõ.

Hagen mất một giây để nhận ra đằng sau anh Thống đốc Shea đang lại gần, vận dụng nụ cười toe của mình như một chiếc xe ủi tuyết. Shea dùng nụ cười chiếu tướng cô giáo, gửi đến cô dấu hiệu ngón tay cái đưa lên, và nói,” Cảm ơn, rất vui được gặp cô,” và vỗ vào vai cô ta. Liên sau đó ngài Thống đốc bắt tay Hagen - hai người chưa từng gặp nhau - và trước khi cái nắm tay kịp nổi ra ông ta đã chuyển hướng đôi mắt vào người kế bên trong đám đông. Thế rồi. Tia nhìn hậu giao hợp (the postcoital look) trên khuôn mặt cô giáo đã cho Hagen một bài học trực tiếp về chính trị. Là người trẻ tuổi và lồi cuồn thì không có liên quan gì đến chuyện làm tổng thống nhưng lại rất liên quan đến việc được bầu làm tổng thống.

Hagen nghiêng người vào tai cô nàng. “Tôi muốn biết cô có thấy bài diễn văn của Thống đốc Shea?”

“Người ta *nghe* một bài diễn văn chứ,” cô bắt bẻ và lại nhú mày.

“Đúng thế,” anh tỏ thái độ cầu thị.

Cô đưa miệng lại gần tai Hagen. “Cho phép tôi lợi dụng chút thời giờ của ngài,” nàng ta nói. “Trước nay tôi chưa từng dự các cuộc họp bỏ phiếu của đảng lần nào, nhưng trong cuộc họp vào tháng mười một tới đây tôi sẽ dự. Để bỏ phiếu chống lại ông đấy.”

Cô lùi lại khỏi anh, nháy nháy mắt để cường điệu hóa độ châm biếm của câu nói.

“Thế thì hay quá, thưa *quí bà*,” anh nói, vỗ lên vai cô nàng, nhại lại một cách vô thức điệu bộ của Shea. “Thật dễ chịu khi gặp bà.”

Hagen trượt đi đâm xuyên qua đám đông. Dầu phòng khiêu vũ đông cứng người như thế nhưng rất hiếm người đến quầy bar bởi hầu như thiên hạ đều đang trố mắt nhìn những nhân vật nổi tiếng hiện diện tại đó.

Fontane, Shea và McGowan đã trèo lên một cái bàn. Fontane và Shea tay trong tay còn Annie đứng riêng qua một bên, hai tay để chéo phía trước người, theo kiểu lấy lá vả che ngực & chìm nơi các bức tranh, tượng loa thể. Ngài Đại sứ, đứng trên sàn nhà cạnh họ, đưa mấy ngón tay vào mồm và huýt còi. Thật khó cho Hagen khi nhìn ông ta mà lại không nhớ lại cảnh ông ta trần truồng đứng tắm nắng nơi hồ bơi nhà ông. Fontane yêu cầu mọi người cùng hòa giọng khi họ hát bài “America the Beautiful.”

Mấy năm trước Hagen đã mang Andrew đến FAO Schwartz để xem Annie diễn, khi đó Andrew hãy còn bé và sô diễn búp bê của nàng, *Jojo, Mrs Cheese & Annie*, vừa mới bắt đầu. Năm rồi, vào khoảng thời gia Annie ly thân Danny Shea (anh chàng này có vợ khác) rồi nàng và Johnny Fontane cùng diễn chung tiết mục, nàng bỏ sô Tivi để trở thành ca sĩ.

Shea xuống khỏi bàn, vẫy tay chào mọi người. Fontane và Annie vẫn đứng lại, phát ra oang oang một bài hát vốn dùng để ca ngợi bang khác và nay ca từ được cải biên để tán dương những đặc điểm của New Jersey.

Hagen rút ra một tấm gạt chỉ dẫn trên đó anh chàng trưởng phòng nhân viên của anh đã - bằng nét chữ viết tay nhỏ xíu nhưng rất đẹp và rất dễ đọc - liệt kê những parties nào phải dự tối nay, kể cả những hướng dẫn tỉ mỉ, tên những người cần gặp, kể cả những lời nhắc tuồng cho việc nói năng. Thôi bỏ đi. Anh đã thấy khá đủ, đã thưởng thức khá đủ rồi. Hagen trở về Asbury Park để thăm vợ con.

Trên đường đi ra anh thấy Fredo ngồi nơi phòng khách, nói chuyện với hai anh chàng đến từ Chicago và một người mặc áo bện, Morty Whiteshoes làm việc hầu hết ở Miami.

“Anh đi hả, Tom?” Fredo gọi vọng ra.

Tom ra hiệu cho chàng ta cứ ngồi yên. “Gặp lại cậu tối nay.”

“Không, đợi tí,” Fredo nói, và xin lỗi mấy người kia. “Tôi sẽ đi với anh. Trở về đi, các chú.”

Fredo lại bên anh nơi lối đi có lát ván đang đông người. Hagen đi nhanh hơn mức cần thiết mà anh phải đi.

“Tôi cần hỏi anh đôi điều.”

“Có gì đâu,” Hagen nói, nghĩ rằng Fredo muốn nhắc lại vụ bừa bãi, lộn xộn năm rồi ở San Francisco. “Quên rồi, được chứ? Vậy thì bỏ qua chuyện đó đi.”

“Này, Mike có nói gì với anh về ý tưởng của tôi không?” Fredo nói. “Thực vậy, về cái viễn tượng

khi chúng ta vận động để thông qua cái đạo luật nghiêm cấm việc chôn người ở New York - cả ở những quận huyện ngoại thành và cả ở Long Island?"

"Suyt! Im lặng nào." Một cách bản năng Hagen nhìn quanh.

"Tôi không có ý chỉ việc chôn cất những thứ thi thể đó," Fredo nói. Tôi đang nói về những cái cây bình thường, anh biết chứ? Mọi người. Chúng ta vận động để thông qua một đạo luật về phân định khu vực để có thể -"

"Không," Hagen nói. "Cậu biết đấy. Tôi không dính líu những chuyện ấy. Nghe này, tôi thực sự cần phải đi." Anh chặn ngang Fredo và rồi bước lùi, hy vọng kết thúc chuyện này. "Nói với Deanna tôi gửi lời chào, nhé?"

Fredo dừng lại và lộ vẻ bối rối. Dầu chàng ta có mang kính râm. Hagen không thể thấy đôi mắt chàng ta.

"Deanna," Hagen tiếp lời. "Vợ cậu. Có tin vui chưa?"

Fredo lừng khừng. "Nói với Theresa và bọn nhóc rằng tôi yêu mến họ," chàng nói. "Đừng quên nhé, okay?"

Có cái gì đó nơi cách chàng ta nói chuyện ấy khiến Hagen không thích lắm. Anh kéo Fredo vào một lối đi nhỏ. "Cậu ổn chứ, Fredo?"

Fredo nhìn xuống và nhún vai, giống như một trong những cậu con trai tuổi teen hay hờn dỗi của Hagen.

"Cậu có muốn nói với tôi nhiều hơn về những gì xảy ra ở San Francisco?"

Fredo ngược lên và lấy mắt kính ra. "Nghe kỹ này, okay? Tôi không thể trả lời cho anh, Tommy à."

"Cậu dính vào ba cái thứ nhảm nhí gì của Hollywood vậy, Fredo?"

"Tôi vừa mới nói gì, anh quên rồi à? Tôi không có bốn phận phải trả lời anh, rõ chứ?"

"Ma làm quỷ ám hay sao mà tất cả bạn bè của Fontane đều hoặc là ngủ với những phụ nữ mà chàng ta đã từng ngủ với hoặc là từng ngủ với những phụ nữ mà hiện nay chàng ta đang ngủ với?"

"Nói cái gì bây giờ?"

Hagen lặp lại.

"Chuyện buồn lắm, Tommy à."

Buồn thật. "Thôi quên đi," Hagen nói.

"Không, tôi biết anh mà," Fredo nói, áp sát vào Hagen, đẩy anh ta tựa lưng vào bức tường bên đường đi. "Anh chẳng quên cái quái gì cả. Anh cứ tiếp tục đảo lui đảo tới, xoay phải xoay trái vấn đề trong đầu óc anh cho đến khi anh nghĩ là anh đã tìm ra một giải pháp, ngay cả khi không có giải pháp nào, hoặc là giải pháp quá đơn giản khiến anh không thể chịu nó bởi vì nếu thế anh đã không phải lao tâm khổ tứ nghĩ tới nghĩ lui về nó - và đến đây Fredo ấn mạnh vào xương ức của Hagen - anh đã không phải loay hoay nghĩ xuôi nghĩ ngược về nó mãi như thế."

Hagen bị Fredo ấn tựa lưng vào bức tường gạch đen như bồ hóng. Hồi nhỏ, Fredo từng là một đứa bé hung bạo trong một thời gian ngắn, và rồi sau đó, cái phần hung bạo ấy nơi chàng ta lại biến đi, nhường chỗ cho một con người tình cảm, cởi mở và nói chung là khả ái. Cho đến khi chàng ta nện nhừ tử cái anh chàng “bóng” kia ở San Francisco. Hiện tượng này có lẽ do nơi tính khí của chàng ta đều nói chung là dịu dàng trong đa số thời gian nhưng vẫn có một phần “đồng bóng”, dễ bị kích động nên thỉnh thoảng cũng có những cơn tuôn trào bất chợt, khó lường trước được.

“Tôi phải đi,” Hagen nói. “Được chứ? Tôi cần phải đi mà.”

“Anh nghĩ anh khôn ngoan lắm đấy.” Chàng ta đẩy một cái vào ngực Hagen. “Có đúng tim đen của anh không nào?”

“Nào, Fredo. Thư dẫn đi.”

“Trả lời tôi đi.”

“Bạn có mang súng bên người đấy không, Fredo?”

“Sao lại hỏi vậy? Anh sợ tôi à?”

“Trước nay vẫn thế,” Hagen đáp tỉnh rụi.

Fredo cười lớn, nhưng buồn chứ không hề vui. Anh tiến lại, bàn tay mở ra và tặng vào má Hagen một động tác nặng hơn là một cái vuốt âu yếm nhưng nhẹ hơn là một cái tát. “Xem nào, Tommy,” Fredo nói. “Chuyện đâu có gì rắc rối.”

“Có cái gì mà không rắc rối?” Hagen mím môi và gật đầu. “Không thật à?”

“Ờ, không.” Hơi thở Fredo nồng mùi hành tỏi và mùi rượu vang. “Xem này, khi người ta là một kẻ nghiện “pussy” như Johnny? Và tất cả bạn bè anh cũng đều là những tay nghiện cái *một lỗ sâu sâu mấy cũng vừa* đó? Thì chuyện gì sẽ xảy ra? Tất nhiên là chuyện ấy! Tin tôi đi. Trên mặt đất này số “pussy” loại thượng hảo hạng cũng không nhiều lắm. Và những chàng nào tốt số đào hoa thì vợ về phần mình được một số kha khá. Thế rồi chuyện gì phải xảy ra thì nó đã xảy ra. Như anh biết đấy.”

“Trên lý thuyết thôi,” Hagen nói, “vâng, hẳn rồi. Tôi biết.”

Fredo lùi lại vài bước và mang kính lên lại. “Lần tới khi nói chuyện với Mike,” chàng ta nói, “nhớ bảo chú ấy rằng tôi còn có một ít chi tiết nữa về lịch trình thực hiện ý tưởng của tôi, nhé?”

“Nào, Fredo. Như tôi đã nói, tôi không còn -”

“Thôi đi đi, đếch cần nói nữa.” Fredo mơ hồ chỉ về phía đại dương xa khơi. “Anh cần đi, thì đi đi.”

Đêm đó, khi Tom Hagen trở về nhà bố mẹ của Theresa ở Asbury Park, mấy đứa con trai của anh đang chạy vòng quanh chiếc sân nhỏ xíu trước nhà, đánh nhau.

Anh bước ra khỏi xe. Cuộc đánh nhau hình như là vì... giành gái, một con bé mà Andrew quen trước, thích nhưng chưa làm gì được còn Frank mới quen sau nhưng lại ăn hót qua mặt ông anh và hôn được nàng trước. Hagen để cho chúng đánh đấm nhau một lát cho hả tức, nhưng khi anh thấy Theresa đi qua cửa chính để vào cổng vòm, anh đút mấy ngón tay vào miệng và

huýt còi, rồi đi vào giữa cuộc đánh đá để cách ly chúng ra. Anh ra lệnh chúng ngồi vào xe, sau đó đi vào phòng mình để lấy chiếc đồng hồ. Gianna đang xem phim cao -bồi trên Tivi với ông bà ngoại. Anh bồng con bé lên và dồn mọi người vào trong xe để cùng đi ăn kem. “Ba má có sẵn kem ở đây mà,” Theresa nói, nhưng Tom bắn vào nàng một tia nhìn và nàng chấp nhận.

Họ đến tiệm Nữ Công Tước Sữa ngoài xa lộ ngay lúc tiệm đang đóng cửa. Tom Hagen đi vòng về phía cửa sau và cúi một tờ năm mươi đô cho viên quản lý và một lát sau gia đình Hagen ngồi cùng nhau nơi một cái bàn dã ngoại màu xanh lá cây, dưới một ngọn đèn vàng vọt lò mờ vì hơi ẩm: một gia đình. Gianna ăn cốc kem hình nón một cách khùng khỉnh, khó chiều như một cô hiệu trưởng trường điểm. Cốc kem trái cây của Theresa chảy ra vì nàng mãi lo chấm chấm nhẹ cái mặt phụng phịu của Andrew bằng cái khăn giấy. Frank ngốn ngấu những lát chuối đặt trong một cái đĩa hình chiếc thuyền bằng plastic màu đỏ. Tom chỉ dùng cà-phê.

Khi mọi người ăn xong, Tom Hagen đứng lên ở đầu bàn và bảo rằng mọi người sẽ sống phần còn lại của mùa hè ở Washington, như một gia đình. Trước khi trường khai giảng họ sẽ cùng đi xe trở về lại Nevada, như một gia đình. Nếu như anh thua trong cuộc bầu cử, như anh cảm thấy gần chắc là như thế, thì họ cũng sẽ đối mặt với chuyện đó, và như thế nào?

Gianna nhanh chóng đưa tay lên. “Như một gia đình!”

“Bé giỏi quá!” anh khen con gái, hôn lên cái đầu tóc đỏ của bé. “Tôi biết rằng chuyện này không hề dễ dàng đối với bất kỳ ai trong gia đình chúng ta. Tôi biết rằng báo chí đã tung ra nhiều điều nhảm nhí, và tôi biết rằng người ta đã nói nhiều điều còn tệ hơn vào mặt chúng ta. Nhưng chúng ta đã xuống chung trong một con thuyền, có phúc cùng hưởng, có họa cùng chịu, ngọt bùi cay đắng có nhau. Giờ đây tôi là một Hạ nghị sĩ của Hiệp chủng quốc Hoa kỳ. Đó là cả một vinh dự, một đặc ân, một phép lạ, thật thế. Một kinh nghiệm mà tôi muốn mọi người nhớ mãi trong phần đời còn lại. Suốt cuộc đời của chúng ta.”

Mấy đứa con quay sang nhìn mẹ chúng. Nàng hít một hơi thở sâu và gật đầu. “Anh nói đúng,” nàng nói. “Và em ân hận mình đã không -”

“Không cần phải thế đâu,” Tom nói, khoát tay cho nàng. “Anh hoàn toàn hiểu mà.”

Không phải vì quên mà anh không nói với Theresa và đám nhóc rằng Fredo yêu mến họ nhưng chỉ vì anh chưa tìm thấy đúng lúc để nói điều này.

Ngày hôm sau, họ cùng vào trong xe và hướng về Washington DC. Vào lúc họ đến đó, Ralph đã chuyển đồ tế nhuyễn của Hagen vào một dãy phòng lớn hơn và phân công một nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn viên. Họ tham quan mọi dinh thự, thực hiện các tours “nhìn từ hậu cảnh” (behind-the-scenes tours) ở Tối cao Pháp viện và Thư viện Quốc hội. Họ đi xem mọi viện bảo tàng, và Theresa, vốn có bằng Lịch sử Nghệ thuật ở Đại học Syracuse, có vẻ hạnh phúc hơn so với nhiều năm qua. Tom và mấy cậu con trai chơi bóng rổ ở khu thể dục thể thao của quốc hội và cắt tóc ở tiệm hớt tóc của quốc hội.

Ralph còn sắp xếp một cuộc tham quan Phòng Bầu dục ở Nhà Trắng, như một gia đình, đi gặp mặt Tổng thống. Hơn nữa, Công chúa, con chó chăn cừu của Tổng thống vừa sinh một lứa chó con và nhà Hagens sẽ được tặng một con. Họ cùng đi bộ từ khách sạn đang ở đến phủ tổng thống và cả gia đình được chụp hình lưu niệm cùng Tổng thống bởi nhiếp ảnh gia chính thức của Nhà Trắng.

Tom yêu cầu sang một bức hình cực lớn. Khi về lại Las Vegas, anh treo bức hình trên giá lò sưởi, thay thế bức tranh thạch bản của Picasso mà Theresa đã bỏ ra một món tiền lớn để mua, song dầu sao bức tranh này đặt ở phòng ăn vẫn hợp hơn.

Thất bại của Hagen là một trong những thất bại không cân xứng nhất trong lịch sử bang Nevada, so với chiến thắng quyết định nhất mà người chết lại giành được từ người sống, ít nhất là trong một cuộc bầu cử.

Lập đi lập lại mãi - đầu là trong những cuộc họp của Phù luân hội Quốc tế (Rotary International), của Công nhân Hầm mỏ Thống nhất (United Mineworkers), của Công đoàn Nhà giáo(Teacher Union), của Hội Những Người Chăn nuôi Gia súc bang Nevada - thì Hagen đều chứng tỏ là một diễn giả cứng nhắc, thiếu tính hài hước và xa rời quần chúng. Anh là một luật sư người Ai nhĩ lan, theo Công giáo, khắt khe, trong một bang được điều hành bởi những người Tin lành phái Báp -tít và những tay cao -bồi không cần biết trên đầu có ai (agnostic cowboys). Lần đầu tiên Hagen thực sự thấy bang quê nhà mới của mình là khi anh bắt đầu chiến dịch tranh cử ở đó. Nhiều cư dân ngăn ngày trong các đoàn cứu trợ chống thiên tai dịch bệnh còn có nhiều thời gian cư trú ở Nevada hơn là Tom Hagen. Cuộc tranh luận giữa anh với bà quả phụ nhỏ người nhưng dữ tợn của vị đại biểu quá cố là một sai lầm tệ hại mà Hagen đã phạm phải vì tuyệt vọng, một nỗ lực cuối cùng, bởi vì mọi chỉ định, đến thời điểm đó đều cho thấy anh là một tay đua đường trường đã tụt hậu quá xa và không còn gì để hy vọng được nữa. Cùng tính thuyết phục của kẻ chơi bài mặt lạnh như tiền (poker -faced persuasiveness) mà Hagen từng triển khai rất hiệu quả khi tiến cống hàng trăm những chào mời không thể từ chối, được tung lên màn ảnh nhỏ như là *bò sát một cách trăn tráo*(frankly reptilian). Nevada có rất nhiều chủng loại thằn lằn rắn mỗi các kè kỳ hơn bất kỳ bang nào ở Mỹ nên người dân ở đó rất tinh mắt, nhận ra ngay khi có bất kỳ cá thể bò sát nào xuất hiện!

Những ngày trước cuộc bỏ phiếu, một tờ báo ở Las Vegas tường thuật rằng Hạ nghị sĩ Hagen từng không chỉ là luật sư cho tay găng-x-tơ nổi tiếng Bồ già Vito Corleone, như người người đều biết, mà còn là người được bảo trợ không chính thức của lão ta. Theo như câu chuyện của báo, thì những đứa con còn sống của Vito vẫn gọi Hagen là người anh em của họ. Hagen không phủ nhận điều gì. Anh lấy trường hợp của mình như một trong hàng ngàn những cố gắng từ thiện của các thành viên gia đình Corleone, cùng với dãy rộng nhất của bệnh viện lớn nhất ở Nevada và viện bảo tàng nghệ thuật sắp xây vốn sẽ là viện bảo tàng tốt nhất nước kể từ phía tây dãy Rockies và phía đông bang California. Anh trưng ra cho phóng viên bản photocopy một bài báo của tờ *Saturday Evening Post* trong đó Quý Vito Corleone được gọi là một trong những tổ chức nhân đạo mới tốt nhất trong thập niên 1950s và một bài trong *Life* viết về những hành động anh hùng của Michael Corleone trong Đệ nhị Thế chiến. Hagen chỉ ra rằng gia đình Corleones mà phóng viên có ý nhìn như những kẻ phạm tội thì thực ra, chưa hề bị kết án một tội ác nào, ngay cả tội đi ẩu, vi phạm luật giao thông cũng không. Cô phóng viên hỏi anh về những lần mà họ bị qui cho nhiều tội ác, đặc biệt là Santino Corleone. Hagen trao cho cô bản sao hiến pháp Hoa kỳ và khuyên cô đọc phần về một người được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là có tội. Câu chuyện chỉ ra rằng kiểu diễn tả này đâu có thấy ở chỗ nào trong văn kiện kia.

Không rõ là cô phóng viên hoặc người tổng biên tập có được đầu mối nào về nguồn gốc của Hagen hay không. Nếu họ có, thì điều ấy có thể đến từ nhiều người khác nhau. Những người bạn và những người láng giềng đã biết Hagen từ nhỏ đến lớn. Fontane, người chưa bao giờ thích Hagen. Bộ sậu Chicago, vốn rất giận dữ về chuyện bổ nhiệm Hagen. Có thể ngay cả - xét theo cái cung cách đồng bóng thất thường mà anh ta hành xử trong thời gian vừa qua - Fredo. Cũng không loại trừ là cô nữ phóng viên đã “tự thân vận động” để hình dung ra toàn bộ câu chuyện. Nhà báo nói láo ăn tiền mà! Còn nhà văn? - Là chuyên viên bịa chuyện! Đây gọi là trí tưởng tượng sáng tạo vốn là một ân sủng đặc biệt trời ban cho nhà văn, nhà thơ và nói chung là những người nghệ sĩ mà!

Cho dầu nó xảy ra như thế nào thì cả Hagen lẫn Michael đều không chọn cách phí thời gian để thử hình dung ra một chuyện rắc rối như thế, ít ra là trong lúc này. Có kiếm được điểm nào đâu? Ngay cả không có bài báo đó thì Hagen cũng đã phải thất cử rồi vì những lí do như ta đã biết, và không chỉ thua mà là thảm bại.

Tuy vậy, chẳng bao lâu sau đó, khi trở về Washington, một chuyện rắc rối nhỏ khác được giải quyết, một chuyện bất công tầm thường hơn được uốn nắn lại. Đỉnh điểm của những tuần lễ sôi động đến khi một chiếc Cadillac đỏ và đen mang biển số New York chạy ào đến trước một khu chung cư cao ốc gần sông Anacostia. Tuyết rơi. Hai người da trắng ra khỏi xe, một người thấp mặc đồ sáng bóng và một người cao trong bộ đồ màu xám. Họ đi thẳng đến cửa trước, và gần như không ngừng sải bước người mặc đồ xám đá tung cửa ra. Một lúc sau, người ta nghe tiếng súng nổ. Đây là một khu hỗn tạp với đủ thành phần dân cư linh tinh nên những tiếng súng thì cũng bình thường như những cơn kỳ nhông, tắc kè ở Nevada vậy thôi. Người mặc đồ sáng bóng bước ra ngoài khu cao ốc trước, kẹp một cái mũ trắng lớn dưới nách như một quả bóng. Đằng sau hắn ta, với chiếc đồng hồ cũ của Hagen cuộn lại trong lòng tay, là người mặc đồ xám. Trên gác, kẻ trần lột - vì quá thích chiếc đồng hồ nên không bán nó - nằm bất tỉnh trên sàn phủ vải bạt linoleum lạnh ngắt. Anh ta đã bị đâm một trận thật tàn bạo bởi tay đâm bốc hạng nặng Elwood Cusik, một lính gác từng chịu ơn Ace Geraci. Người thấp lùn - Cosimo Barone, cháu của Sally Tessio - đã bắn một viên.38 vào bàn tay trộm cắp của anh chàng Da đen, như một bài học. Anh chàng trộm cắp này chưa tỉnh lại. Cusik trước nay chưa từng làm chuyện như thế này, cầm bàn tay không bị thương tật của chàng ta lên và xem mạch. Hình như bình thường. Hơi thở cũng vậy. Vết thương thì nhẹ thôi, chỉ có tính cảnh cáo. Nếu như chàng ta tỉnh lại trước khi chảy máu đến chết và trừ phi chàng ta có kế hoạch học đàn piano hay violon thì chắc là hơi bất tiện, chứ ngoài ra thì sẽ ổn thôi.

“Cái đồng hồ đeo tay là của ai vậy?” Cusik hỏi, đeo thử khi ngồi vào xe.

Momo Cần sa - biệt danh của Cosimo Barone - không trả lời. Chàng ta hạ kính chiếu hậu xuống và soi gương sửa lại mái tóc.

Họ ra khỏi thành phố trước khi chàng võ sĩ nói điều gì khác.

“Chiếc mũ là cũng của hắn hay là của ai khác?”

“Đội thử cái mũ lên đi, tại sao không?” Cần sa nói.

Cusik nhún vai và làm theo. Cái mũ rất vừa vặn với đầu anh ta. “Ông nghĩ gì?” anh ta hỏi.

Cần sa lắc đầu. “Nghe này, Tex,” anh ta nói. “Làm ơn chứng tỏ anh có thể cầm miệng cũng tốt như nện túi đấm, được không?”

Cusik lại nhún vai và tuân lệnh.

Tay trần lột - ngồi bệt trên sàn của một căn phòng bé xiu nơi một góc khuất của thế giới rộng lớn này, nơi người ta thường rề rà chậm chạp trong việc kê cảnh sát đến và cảnh sát thì còn rề rà khệnh khạng hơn khi trả lời - nên thực sự đã chảy máu đến chết.

Một cái chết phi lí và bất công đối với một anh chàng sống bằng nghề trộm cướp, trần lột nhưng vẫn có một trái tim nhân hậu với cách “tác nghiệp” lịch sự, nhẹ nhàng, khiến cho bất kỳ ai có một tấm lòng đều cảm thấy chạnh lòng. Cứ gọi đó là công việc. Hay gọi đó là số mệnh. Hay gọi đó là định luật về những hậu quả không cố tình. Gọi là gì cũng được. Tại sao Tom Hagen phải quan tâm? Ông luật sư tài ba, ngài Hạ nghị sĩ đường bệ Thomas Hagen kia, xét về phương diện con người, có đáng chút nào để so sánh được với anh chàng trần lột kia chăng? Nhưng biết làm sao, mỗi người một số phận. Người ta làm chuyện gì đó, và chuyện đó làm chuyển động những chuyện khác. Một người chết không bắt buộc phải có ý nghĩa gì. Chết có ý nghĩa ư? Cực kì hiếm.

Chương 16

Vào lúc nhìn thấy hòn đảo Sicily lần đầu tiên Kay Corleone đã há hốc vì ngạc nhiên.

Michael nhìn lên từ quyển sách anh đang đọc - *Peyton Place*, mà Kay đã mua sau khi mẹ nàng, Deanna Dunn, và nhiều phụ nữ khác ở Liên hiệp Phụ nữ Las Vegas đã giới thiệu đầu sách đó cho nàng. Nàng đã đọc xong từ nhiều giờ trước đó và thấy nó chẳng ra gì.

“Có gì không ổn hả em?” Mike hỏi.

“Ồ, không có gì đâu,” Kay đáp. “Ôi Trời! Anh chưa bao giờ nói với em là hòn đảo này lại đẹp đến thế.”

Anh đặt quyển sách xuống, nghiêng người qua Kay, về phía cửa sổ. “Đẹp thật.”

Một dãy núi tuyết phủ trên đỉnh vòng quanh thành phố Palermo được bao bọc bởi tường thành, nhìn từ trên không là cả một sự hào phóng của những tháp hình chóp và đá được đục đẽo, chạm khắc và những ban - công dạng cuộn. Trời đang vào tháng hai và Địa trung hải vẫn một màu xanh bất tận, với đầu ngọn sóng lóng lánh nắng vàng và sóng cũng chỉ gợn lăn tăn truyền đi bản giao hưởng êm đềm giữa mây trời và gió biển. Phi đạo nằm trên một doi đất chạy dài về phía tây bắc thành phố. Trong vô số những điều mà Michael đã nói nhằm khuyên can Kay đừng nên đến đây vào kỳ nghỉ của họ đó là, theo thống kê, thì đây là một trong những phi trường nguy hiểm nhất trên thế giới. Phần lớn thời gian, chính anh cũng bay đến Rome rồi đi xe lửa và đi phà đến đây. Lúc máy bay hạ thấp xuống gần sát mặt nước, sát một chiếc thuyền câu nhỏ đến độ nàng có thể thấy những bộ mặt râu tóc xồm xoàm không cắt, không cạo của mấy ngư dân, Kay, người từng đến châu Âu trước đây, nhưng luôn luôn bằng đường biển - đã thích thú đến mê hoặc về chuyện nàng đã cố nài để cả hai bay trọn quãng đường đến đây.

Chỉ khi cái bóng của máy bay xuất hiện trên lớp đá cuội của tuyến đường ven biển thì một cơn đau nhói nóng bỏng của kinh hoàng mới bắn xuyên người nàng - *các con ơi!* - nhưng một cơn đau nhói thì cũng chỉ thoáng qua thôi. Mấy giây sau, họ tiếp đất, hơi nặng hơn một tí nhưng vẫn là một cuộc hạ cánh nói chung là an toàn.

“Sau bao nhiêu năm chung sống trong một gia đình Sicily,” Kay thích thú nói, “giờ đây em mới lần đầu đặt chân lên mảnh đất cổ quốc của nhà chồng.”

“Nơi sinh của thần Vệ nữ,” Michael tự hào khoe, tay xoa đùi vợ. “Nữ thần Tình yêu.”

Suốt trọn cuộc đời trưởng thành của Kay, nàng đã từng nghe về tất cả những gì có và không có tính chất Sicily, những điều mà nàng chẳng bao giờ có thể hiểu được bởi vì nàng không phải là người Sicily. Michael từng đến đây nhiều lần vì công việc và ngay cả là, *trong ba năm liền*, từng sống ở đây. Điều ít nhất mà anh có thể làm là dẫn nàng đi tham quan những nơi đáng xem ở đây trong tuần lễ đầu và một tuần thứ nhì ẩn nấu nơi một khu nghỉ dưỡng thơ mộng được khoét vào trong một triền núi gần Taormina. Anh còn nợ ân tình với nàng nhiều lắm. *Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân...*

Khi chiếc máy bay lăn bánh đến trạm dừng cuối, Kay nhận thấy một hàng những chiếc xe Ý nhỏ nhảu sắp hàng ngay ngắn nơi sân cỏ. Bên trong những chiếc xe đỏ, khoảng độ ba mươi người, nhiều người cặp bánh mì và hoa, đứng sau một dây thừng giăng ngang cao tới ngực, tươi cười và vẫy chào máy bay đến. Đứng trước sợi dây giăng ngang là bốn tay khinh binh mặc đồng phục, hai người cầm gươm bạc sáng loáng để ngang vai, hai người khác với kiếm để trong bao và súng máy mang ngang ngực.

“Những người anh quen biết?” Kay hỏi.

Nàng chỉ hỏi đùa thôi, nhưng, hóa ra, Michael lại gật đầu. “Những người bạn,” anh nói. “Nói đúng ra là, những người bạn của những người bạn. Dự kiến là sẽ có một party gây ngạc nhiên - a surprise party - tại một nhà hàng trên bãi biển ở Mondello.

Nàng nhìn chồng có ý dò hỏi.

“Anh biết,” chàng nói.

“Em nghĩ chúng ta có sự hiểu biết -”

“Đúng thế. Anh không phải là người làm em ngạc nhiên đâu. Không còn ngạc nhiên nào từ anh, chuyện là thế. Trong mức độ cái phần của thế giới mà anh không kiểm soát được, em sẽ phải tìm sự ngạc nhiên nơi Chúa.”

“Chàng nói thế là có ý gì nhỉ?” Phải chăng chàng đang đùa về chuyện nàng trở thành tín đồ Công giáo?

“Không có gì,” chàng nói. “Xem này, anh không chắc là nó sắp xảy ra. Anh sẽ cho em biết ngay khi anh thấy rằng nó sắp xảy ra. Có lẽ nó cũng sẽ là một ngạc nhiên không kém buổi party gây ngạc nhiên mà anh bảo với em là sắp kết thúc lại không xảy ra, đồng ý chứ?”

Nàng lắc đầu và vỗ vào gối anh. Anh thực sự cần một kỳ nghỉ. Nàng cũng vậy. Nàng đặt tay lên đùi chồng. “Chúng ta không thể vào khách sạn và tắm rửa sao?”

“Nếu đó là điều em thực sự muốn,” anh nói, mà đó là cách để anh nói *không*. “Hãy cố làm ra vẻ ngạc nhiên, bằng bất kỳ giá nào. Vì lợi ích của họ.”

Khi máy bay dừng lại, những khinh binh không mang súng máy cũng tra gươm vào vỏ và chạy ủa ra đường nhựa. Một cô tiếp viên yêu cầu hành khách ngồi yên tại chỗ.

“Có chuyện gì thế? Kay thì thầm.

“Anh cũng không rõ.” Michael quay đầu về phía sau, rất khẽ khàng hầu như không nhận ra nhưng đủ để “tiếp nhận” với Al Neri, ngồi sau họ hai hàng ghế. Xét theo cách Michael đồng ý đi hưởng kỳ nghỉ này với chỉ một vệ sĩ (mặc dầu là người thiện chiến nhất và tin cậy nhất) dường như là một dấu hiệu rõ ràng rằng mọi chuyện đã chuyển biến tốt hơn. Và đúng như lời Michael, họ đã ở trên máy bay hay ở sân bay trong hầu hết trọn hai ngày, và thực sự là như thể Al Neri đã không có mặt ở đó.

Cửa ra vào trên máy bay mở ra. Những bước chân đi xuống. Cô tiếp viên trưởng và mấy người khinh binh có một cuộc trao đổi nhanh mà mặc dầu nàng thích nghĩ là mình hiểu được tiếng Ý, song Kay chỉ lồm bồm tiếng được tiếng mất nên chẳng hiểu được gì.

Cô tiếp viên quay lại và đối mặt với hành khách. “Xin quý khách lưu ý!” cô nói bằng thứ tiếng Anh rất chuẩn. “Xin Ông và Bà Michael Corleone vui lòng cho chúng tôi được hân hạnh biết mặt.”

Cô nói tiếng Anh còn nhẹ hơn phần lớn những nhân viên của Michael. Cô còn Mỹ hóa cả cách phát âm của *Corleone*.

Neri đứng lên và bước về phía đằng trước của máy bay. Cô tiếp viên hỏi anh ta có phải là Ông

Corleone không, và Neri không nói năng gì.

Chỉ sau khi anh ta đi qua Michael và Kay, Michael mới đưa tay lên. Kay làm theo.

Kay cố giữ cho đôi môi đứng yên. “Ngạc nhiên đấy,” nàng lẩm bẩm.

“Anh chắc là không có chuyện gì đâu,” Michael nói. “Chỉ là chuyện hậu cần thôi.”

Neri bắt đầu nói với cô tiếp viên bằng tiếng Ý - chuyện gì đó về việc bảo vệ và về việc Michael là một người quan trọng như thế nào ở Mỹ và cái gì đó về sự thô bạo và tính hiếu khách, tất cả bằng những tiếng đã được bịt đi vừa đủ khiến Kay không thể hình dung được chuyện gì đang diễn ra. Sau đó Neri quay về phía Michael và Kay và làm một cử chỉ vồ vồ - *đấy, đấy*. Michael gật đầu. Cô tiếp viên yêu cầu Ông và Bà Corleone ngồi yên tại chỗ cho đến khi mọi hành khách khác đều ra khỏi tàu. Neri chiếm một chỗ trống ở phía trước máy bay và ngồi vào đấy.

“Chuyện gì vậy?” Kay thì thầm.

“Sắp ổn rồi,” Michael trấn an.

“Đấy không phải là điều em hỏi anh.”

Khi mọi người khác đã rời máy bay, hai tay khinh binh lại bước lên. Neri chặn họ lại. Họ có cuộc trao đổi nhanh, thì thầm, rồi cùng đi xuống lối đi ở giữa và đứng kế bên Michael và Kay.

Bằng tiếng Ý, Michael chào đón họ. Một trong mấy người kia hình như biết anh. Michael ra hiệu cho họ ngồi. Họ vẫn đứng. Họ giải thích rằng có những nguồn đáng tin cậy đã chỉ điểm rằng cuộc dạ hội chào mừng ở Mondello tuy không chắc chắn nhưng rất có thể là một cái bẫy, rằng có lẽ Ông và Bà không nên đặt chân lên đất Sicily vào thời điểm này.

“Những nguồn đáng tin cậy?” Michael lặp lại, bằng tiếng Ý.

Khuôn mặt của mấy người kia vẫn bình thản. “Yes,” anh chàng hình như biết Michael, trả lời bằng tiếng Anh.

Michael liếc mắt nhìn Neri, anh chàng này nói thầm *Chicago*. Anh ta có thể có ý chỉ gì bằng từ đó? Có lẽ anh ta muốn nói thầm điều gì khác, hay tên một ai đó.

Michael đứng lên, gật đầu, hướng về phía trước máy bay. Hai chàng khinh binh đi theo anh, và họ “gút” cuộc tranh luận tại đó, bằng những lời thì thầm, ngoài tầm nghe của nàng. Kay không biết mình nên hoảng sợ hay nên giận dữ nữa. Bên ngoài, những người vẫy tay chào vẫn đang kéo đèn cù chung quanh, ra dấu hiệu về hướng máy bay bằng nhiều cách biểu tỏ khác nhau. Nhiều người bước vào xe của họ và lái đi xa. Kay kéo màn che cửa xuống. Cuối cùng Michael vồ vào lưng hai chàng khinh binh. “*Bene*” (Tốt) anh nói thành tiếng, không còn thì thầm nữa. “*A che ora è il prossimo volo per Roma?*” (Mấy giờ có chuyến bay tiếp theo đến La mã?)

Chàng khinh binh có vẻ từng quen biết với anh tươi cười rang rỡ. “Chúng tôi rất hân hạnh xin thưa với quý vị rằng,” anh ta nói, trở lại tiếng Anh, “quý vị sẽ lên chuyến bay ấy.”

Và sau câu đó, họ chào tạm biệt và rời đi.

Không những Michael, Kay và Neri sẽ ngồi trên chuyến bay kế tiếp đến Rome mà hóa ra đó còn là một chuyến bay riêng. Cô tiếp viên trưởng và các tiếp viên khác lo làm vệ sinh cabin, sau đó rời đi.

“Chuyện này có vẻ giống kiểu của anh quá,” Kay nói với Michael. “Anh không bao giờ thích đi Sicily, và bây giờ anh đi theo cách của anh.”

“Kay,” anh nói, “em làm ơn nghiêm túc xem nào.”

“Hãy nghĩ đến mẹ anh,” nàng nói, vừa nghĩ đến chiếc vali đầy những quà tặng nằm đâu đó trong máy bay. Sửa soạn cho thùng quà tặng đó đã là lí do khiến bà sống được trong nhiều tháng, là lí do - mọi người đều nhất trí như thế, ngay cả các bác sĩ - giúp bà hồi phục tốt đến thể dầu đã chạm tay vào tử thần.

“Anh đã ra lệnh xuống hàng thùng quà ấy rồi,” anh nói. “Anh biết những người có thể đem thùng quà ấy đến đúng người cần giao.”

“Tất nhiên là anh làm được.”

“Kay này.”

“Em thấy quái dị quá, khi bay cả quãng đường dài dằng dặc như thế đến đây và lìa xa con cái. Để làm gì? Chẳng được cái tích sự gì cả.”

Michael cũng chẳng biết nói sao. Mà cũng chẳng cần phải nói. Anh muốn đến nơi nào đó và đem đám nhóc theo. Loại kỳ nghỉ đó mới đúng là kỳ nghỉ cho anh. Cái việc nặng nhọc nhất mà anh phải làm lúc đó là ngồi yên và để bọn nhóc chôn anh trong cát. Kay đã dành thời gian để trông nom chăm sóc Anthony và Mary, điều mà nàng thích làm nhưng đó không phải là kỳ nghỉ. Trong suốt hai năm liền nàng đã làm, một cách xả kỷ, những gì mà Michael cần nàng làm. Nàng đã phải nuôi dạy đám nhóc gần như thế nàng là góa phụ (kể cả giữ chúng qua những giờ than khóc không gì an ủi được trong năm mà anh bận bịu công việc ở Cuba đến nỗi không về nhà cả trong dịp lễ Giáng sinh). Nàng vẫn chưa trở về với công việc dạy dỗ được và bắt đầu sợ rằng nàng sẽ không bao giờ còn có thể trở lại với công việc mà mình yêu thích nữa. Riêng về bản thân, nàng chấp thuận với việc dời về Las Vegas. Rồi nàng lao vào công việc còn quan trọng hơn là thiết kế và trông coi việc xây dựng toàn bộ khu liên hợp ở Hồ Tahoe: nhà của họ, một khu giải trí, và những kế hoạch điều hòa kiến trúc sơ khởi cho những ngôi nhà của gia đình Hagen, cho Connie và Ed Federici, cho Fredo và Deanna Dunn, cho Al Neri, và cả một bungalow nhỏ cho khách khứa. Kay đã từng ngạc nhiên về chuyện nàng thích thú biết bao với việc xây nhà, thực vậy: vô số những chi tiết và quyết định, cơ hội đảm trách cuộc đi mua sắm cuối cùng, tất cả vì sự thoải mái tối đa cho toàn thể gia đình nàng. Và chẳng, đó là công việc. Nàng hầu như chẳng đòi hỏi gì từ Michael ngoại trừ là đi đến nơi nàng muốn đến vào kỳ nghỉ, mà chỉ hai người thôi.

“Chúng ta sắp làm gì đây,” Kay nói, “đi lòng vòng rồi về nhà?”

“Chúng ta không phải về nhà. Ba cái chuyện này, nếu em nhớ lại, là một phần của lí do tại sao anh đã không muốn cùng em đến Sicily.”

“Vì Chúa, Michael. Đây là một đe dọa ám sát mà chúng ta đang trốn chạy.”

“Chúng ta không trốn chạy.”

“Đúng rồi. Chúng ta đang bay.”

“Đó không phải là điều anh có ý muốn nói. Và đó không phải là một đe dọa hơn là một biện pháp phòng ngừa. Xem nào, Kay, nếu có một điều mà anh vẫn luôn hoàn toàn kiên định và dứt khoát, thì đó là việc bảo vệ gia đình mình.”

Kay nhìn lảng đi và không nói gì. Quả thực là anh kiên định và dứt khoát về mọi chuyện. Đó là điểm hay và cũng là điểm dở trong tính cách của anh, là điểm mạnh đưa anh đến những thành công lớn lao và cũng là điểm yếu chết người dẫn đến những tai họa cũng lớn lao không kém.

“Những người đó,” anh nói, “những tay khinh binh nọ? Một trong số họ là Calogero Tommasino, con một ông bạn cố tri của bố anh. Anh có những chuyện làm ăn với bác ấy và cả với anh ấy. Anh tin cậy anh ta. Giờ đây chúng ta chắc chắn không gặp nguy hiểm gì và có lẽ cũng chưa từng có nguy cơ thực sự nào đe dọa chúng ta. Tuy vậy, thận trọng đề phòng thì vẫn hay hơn. Mong em hiểu cho. Và hẳn nhiên là em, với bất kỳ giá nào sẽ không bao giờ phải đương đầu với nguy hiểm. Luật lệ là không -” Anh tự động dừng lại.

“Làm hại phụ nữ hay trẻ con,” nàng tiếp lời, đảo tròn mắt. “Luật lệ này, không nghi ngờ gì, vẫn mập mờ lưỡng nghĩa ở Sicily, điều dĩ nhiên em không thể *hy vọng* hiểu được. Em có thể không, bởi vì em không phải là người Sicily?”

Michael không trả lời vợ. Trông anh thật đáng sợ. Có lẽ bởi vì chuyến bay. Giờ đây nàng không thể chấp nhận nó, nhưng nếu như nàng đã thực sự hiểu thấu thách thức gắn liền với việc bay từ Las Vegas đến Palermo, có lẽ nàng đã đồng ý với chuyện đi Hawaii hay Acapulco để nghỉ ngơi vui chơi rồi.

Các phi công trở lại máy bay. Neri đi vào buồng lái để nói chuyện với họ. Lát sau anh ta trở ra, ngồi vào một chỗ rất xa với Kay và Michael. Những chiếc xe với những người đón rước đã rời khỏi đường băng. Máy bay cất cánh.

“Thực sự em sẽ không hiểu đâu,” cuối cùng Michael nói. “Làm thế nào mà em có thể hiểu được?”

“Ôi, lạy Chúa!” Kay kêu lên. Nàng đứng lên và tìm chỗ ngồi xa khỏi Michael. Đã hai lần, chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi, anh đã khiến cho nàng gọi tên Chúa một cách vô ích.

Anh để nàng đi.

Nhưng nàng biết, cuối cùng sự yên lặng của nàng sẽ phát huy tác dụng. Chính bởi vì anh rất thành thạo trong việc sử dụng yên lặng như một vũ khí, điều đó không có nghĩa là chính anh lại bất khả xâm phạm đối với thứ vũ khí đó, nhất là khi nó trong tay nàng. Nàng ngồi sát bên lườn phải của máy bay và chăm chú ngắm nhìn bờ biển nước Ý lướt qua bên dưới đường bay.

Sau độ một giờ, chàng đến bên nàng. “Ghế này có ai ngồi không vậy?” chàng hỏi theo một cách lịch sự (rởm!).

“Anh đã đọc xong quyển sách rồi à?”

“Xong rồi,” chàng nói. “Anh nghĩ quyển sách tốt đấy, thực thế. Một cuộc đào thoát dễ chịu.”

“Nếu anh cho là thế.” Quyển sách mà anh lấy đọc là quyển *The Last Hurrah* của Edwin O’Connors mà Kay đã mua tặng anh vào dịp Giáng sinh. Anh tiếp tục ngủ thiếp đi. Không lâu sau khi nàng đọc xong quyển của nàng, anh lấy quyển đó, và nàng lấy quyển của anh. Kay nghĩ *The Last Hurrah* là quyển hay nhất mà nàng từng đọc về chính trị ở các đô thị. Nàng hơi thất vọng là chàng đã không thích nó. “Và, vâng, ghế đã có người giữ.”

“Kay,” chàng nói. “Lí do mà em sẽ không hiểu được đó là vì anh đã không -” Anh nhắm mắt lại. Có thể cả chuyện này - vật lộn để tìm kiếm những từ thích hợp - cũng có liên quan đến chuyến bay dài, nhưng giờ đây có điều gì đó nơi anh dường như là bị dao động nhiều hơn là do kiệt sức. “Bởi vì,” anh nói, “đúng là... là anh đã không hoàn toàn, em biết đấy...” Anh để lọt ra cái lúc

đầu là một tiếng thở dài nản lòng và kết thúc thành một tiếng làu bàu nhẹ, bị tắt đi.

“Michael,” nàng nói.

“Anh muốn kể em nghe vài điều,” anh nói. “Anh *phải* kể cho em nghe vài điều.”

Phần lớn thời gian, nàng nhìn chàng và thấy khó nhận ra con người mà nàng từng mê đắm. Tóc chàng điểm nhiều sợi bạc, và - mặc dầu nàng tự nhủ lòng rằng đó chỉ là do mình tưởng tượng - chàng đã trở thành người kéo chuông chiều hồn cho bố mình. Nhưng giờ đây trong đôi mắt chàng có cùng tia nhìn giống như tia nhìn chàng từng có nhiều năm trước đây, trên một sân golf ở New Hampshire vào một đêm ấm áp trời nhiều sao, khi chàng kể nàng nghe những gì chàng đã làm trong chiến tranh, những điều chàng chưa hề kể với ai, và chàng đã thốt thức trong vòng tay nàng. Dầu đang tức giận, thế mà nghĩ đến đó bỗng nhiên nàng mềm lòng.

“Em thích chuyện đó,” nàng nói, giọng run rẩy. Nàng vỗ vào chiếc ghế bên cạnh mình.

Chàng ngồi xuống. “Xin lỗi,” chàng nói.

“Đừng thế,” nàng nói, cầm lấy tay chàng. “Không phải xin lỗi hay biện hộ gì. Cứ nói tất cả với em.”

Họ lưu lại ở Rome chỉ vừa đủ lâu để ngủ bù cho việc chuyển bay bị hoãn lại, sau đó đi dùng một bữa thịnh soạn tại một nhà hàng mà nhiều năm trước Kay đã cùng ăn với bố mẹ nàng. Ngày hôm sau, với Michael còn ngủ trên lầu, nàng nói với người quản lý khách sạn và thu xếp việc giành chỗ tại khu nghỉ dưỡng ở vùng núi Alps thuộc Thụy sĩ. Ông ta cũng giúp nàng thuê một máy bay cho Michael tự lái đến đó, điều mà nàng biết chàng rất thích. Nàng chưa bao giờ đến vùng núi Alps, nhưng khi họ bay ngang núi Alps trên đường tới Rome, nàng đã tự hứa một ngày nào sẽ đến đó. Hóa ra ngày nào đó lại là ngày mai.

Khi xong việc, nàng quay người và thấy Al Neri, ngồi trong một ghế da nơi phòng khách, vừa hút thuốc vừa nhai một ổ bánh mì ngọt. Nàng lắc đầu và anh ta gât đầu.

Nàng bảo người quản lý là mình đã nhầm. Nàng cần hai phòng. Không sát liền nhau thì hay hơn. Anh ta thở ra và biểu lộ cử chỉ bức tức nhưng vẫn quay số điện thoại và rồi cũng đổi được phòng.

Kay lấy một ly cà-phê espresso từ quầy bar của khách sạn. Khách sạn có một sân lợp kính dùng làm nơi uống cà-phê, giải khát, và trên đường đi kiểm bàn ngồi, một anh chàng khoảng cỡ tuổi nàng huyết sáo, mắt bị hút theo hướng đi của nàng, chăm chú nhìn đến suýt... rớt dái! Một câu trẻ hơn kể bên chàng ta nhướn một bên lông mày và trêu ghẹo: “Người đâu mà xinh thế!” Nàng cố làm mặt nghiêm, không phản ứng gì, nhưng nàng là một *sinh thể giống cái* hạnh phúc và quả thực là những hành vi tưởng chừng như có phần khiếm nhã của những *sinh thể đực rựa* kia lại càng làm cho nàng hạnh phúc hơn! Nàng mới ba mươi hai mà, vẫn còn phơi phơi nửa chừng xoan! Ờ, thì bọn họ là đàn ông Ý, nhưng vẫn thật dễ chịu khi nghĩ về mình như một phụ nữ có khả năng “huy động vốn” những lời tán tụng lấp ló, rộp rộp từ những người lạ. Xin phép được hỏi: “Có chị nào mà không khoái chí khi ‘chẳng may’ rơi vào tình huống đó?”

Nàng chiếm một chỗ ngồi cho riêng mình, tắm trong ánh sáng màu vàng hồng rất đặc trưng đó của Rome.

Nhớ lại ngày nào Michael ngỏ lời cầu hôn nàng, anh cũng đồng thời cảnh báo Kay rằng họ sẽ không thể là những đối tác đồng đẳng. Kay đã phản đối; rõ ràng bố Michael tin cậy ở mẹ chàng, đúng không nào? Đúng, Michael đã nói, nhưng lòng trung thành thủy chung của mẹ chàng vẫn luôn luôn dành cho bố chàng, trong suốt bốn mươi năm, trước sau như một. Nếu mọi sự cũng

diễn biến tốt như thế đối với họ, Michael đã nói, có lẽ một ngày nào đó chàng sẽ kể cho nàng nghe một vài những điều mà có lẽ nàng không thực sự muốn nghe. Hóa ra là cái ngày nào đó lại là ngày hôm qua.

Lẽ ra Kay phải giận dữ, sợ hãi hay ít nhất là thả neo cho cảm xúc nhưng nàng lại không làm thế. Mặc dầu hay có lẽ ngay cả bởi vì những điều Michael đã nói với nàng, Kay không thể nhớ lại lần cuối cùng mà nàng cảm thấy hạnh phúc đến như thế này là lúc nào. *Quả là phi lí đến không tưởng, nhưng, nghĩ kỹ lại, thì có hạnh phúc nào mà không phi lí?*

Chồng nàng là một kẻ sát nhân. Chàng đã từ Mỹ đào thoát về Sicily không phải vì chàng đã bị kết án một cách bất công là đã giết chết hai người - một đại úy cảnh sát và một trùm ma túy - mà bởi vì chàng đã bắn họ, một người vào đầu, người kia vào tim và cổ, và muốn tránh phải ra tòa đền tội. Ba năm sau những vụ chém giết đó, nhờ những vận động và dàn xếp của bố chàng và của ông anh kết nghĩa, Thomas Hagen - một luật sư tài ba lỗi lạc trong chuyện chạy cửa sau - Michael lại ung dung trở về Mỹ, chẳng sợ bị anh cóm nào sờ gáy, cũng chẳng phải đối mặt với quan tòa. *Đa kim ngân phá luật lệ*, nén bạc đâm toạc tờ cáo trạng là thế. Khi anh và Kay gặp lại nhau, anh thú thật là, anh đã từng ở với một phụ nữ khác, quả có vậy, trong thời gian lưu vong, nhưng chỉ bởi vì anh không bao giờ nghĩ rằng anh còn có thể gặp lại Kay. Có điều anh vẫn chưa nói với nàng mãi cho đến ngày hôm qua đó là người phụ nữ đó, một cô gái quê còn vị thành niên tên là Apollonia, đã là vợ anh, có cưới hỏi đăng hoàng. Nhưng chỉ sáu tháng sau nàng đã bị nổ tung lên trời trong chiếc xe hơi đua Alfa - Romeo bị cài bom.

Anh Sonny của chàng không phải chết trong một tai nạn xe cộ mà là bị bắn nát nát thành đồng thít băm tại một trạm thu phí cầu đường.

Mọi chuyện mà Tom Hagen đã kể cho nàng nghe từ hai năm trước - rằng Michael đã ra lệnh "thanh lí thể lí" Carlo, Tessio, Barzini, Tattaglia, và hàng lỗ những người liên quan - đều là thật, chứ không hề khoa trương để khoe khoang thành tích nhằm gây ấn tượng với ai cả! Ngày mà Hagen kể cho nàng nghe những chuyện đó - và bảo với nàng rằng nếu Michael mà phát hiện ra chuyện này thì Hagen cũng dễ... lãnh án tử lắm! - dường như là ngày đen tối nhất trong đời nàng.

Hôm qua, khi Michael đã đủ tin cậy nàng để đích thân kể cho nàng nghe những chuyện đó, khó có thể nói là một ngày tốt lành. Nhưng cũng chẳng phải là ngày tồi tệ nhất trong đời nàng. Không ai lại có thể cảm thấy vui sướng khi nghe những chuyện đó đã thực sự xảy ra nhưng nàng đã nhận ra và cảm thấy phần chần chừ rằng chàng đã kể với nàng về chúng. Kay có bị sốc nhưng không ngạc nhiên. Một người vợ thì có quyền biết hay buộc phải biết những chuyện của chồng mình mà không một người nào khác có thể biết tường tận như mình. Kay biết Michael là ai. Ngay từ buổi đầu sơ ngộ, chàng đã biểu lộ là một pha trộn hoàn hảo giữa người tốt và người xấu. Trong tiệc cưới của Connie, Kay đã qui trách nhiệm cho rượu mạnh về trạng thái bốc đồng phóng phở của mình, nhưng thực ra điều tạo nên hiệu ứng đó chính là cách giải thích tình bơ của Michael về công việc của gia đình chàng. Sau đó khi chàng kéo nàng vào chụp chung một tấm hình kỷ niệm với cả gia đình - *sáu năm* trước khi họ cưới nhau - Kay cảm thấy như nàng đã bị lôi kéo vào bản phân vai trong một vở kịch Shakespeare. Nàng đã diễn vai một cách bất đắc dĩ, nhưng vở kịch đã diễn. Và nàng thích tuồng tích đó.

Nếu như nàng trung thực ắt là nàng phải thừa nhận nàng cũng có những bí mật của riêng mình, những bí mật mà nàng vẫn chưa thú nhận với Michael. Trong những năm chàng lưu vong lánh nạn, nàng đã có một câu chuyện dài với ông thầy lịch sử mỹ thuật của mình tại Mount Holyoke (bởi nàng cũng không bao giờ nghĩ rằng mình còn có thể gặp lại Michael), một chuyện mà Michael cũng còn chưa biết tí gì. Deanna Dunn đã kể cho nàng nghe nhiều chuyện về Fredo mà Kay sẽ không bao giờ *dám* kể lại với Michael. Và Kay không bao giờ hé răng rằng Hagen đã nói chuyện gì với nàng - trừ những điều Michael ủy nhiệm chàng ta nói.

Kay đã đem lòng yêu Michael trong cái đêm chàng kể cho nàng nghe về những chuyện hãi hùng trên các đảo Thái bình dương - những thân người bị chặt đầu, bị cháy thành than, bị phân rã trong sinh lầy oi nồng. Chàng kể cho nàng nghe những người mà chàng đã giết. Tính bạo lực thô phác của con đực nơi câu chuyện đó - và sức mạnh mà con người này đã chứng tỏ, không phải để sống còn, mà là, trong vòng tay nàng, cho phép chàng tin cậy và phó thác vào nàng - đã thực sự kích động nàng. Chàng đã giết bao nhiêu người ở nơi ấy, và điều đó đã kích động nàng. Nếu như Kay đã có thể si mê một người đã từng giết bao nhiêu người khác vì đất nước mình (đem lòng yêu chàng, Kay biết, không phải là bất chấp chuyện đó mà là chính vì chuyện đó) thì làm sao nàng còn có thể bị sốc về chuyện chàng đã giết hay sai thủ hạ giết người khác nhằm bảo vệ mạng sống của chính mình?

Bây giờ thì Kay trưởng thành hơn, tất nhiên rồi. Nàng đã là mẹ của hai đứa con. Điều đó làm thay đổi mọi chuyện - mọi chuyện trừ cách mà hiện giờ nàng đang cảm nhận. Nàng uống cạn ly cà-phê. Tim nàng đập nhanh hơn lên.

Nàng lên lại cầu thang (nàng nghe bước chân Neri đi theo hộ vệ nhưng không quay lại để nhìn), kéo then cài cửa lại, vén các màn cửa ra và bật những đèn lớn lên cho căn phòng chìm ngập trong ánh sáng. Michael động dậy nhưng không thức dậy. Kay cởi bỏ hết quần áo và vùi người dưới tấm chăn cạnh bên chồng.

“Chúng ta sắp đi chơi núi Alps,” nàng thì thầm. Tim nàng càng đập rộn ràng hơn.

“Anh không trượt ski,” chàng nói.

“Chúng ta không đi trượt tuyết,” nàng nói. “Em còn không chắc chúng ta sẽ rời phòng hay không.”

“Ngoại trừ để dự lễ Mi -sa, hiển nhiên là thế.”

Chàng không hề có ý chế diễu nàng. “Ngay cả điều đó cũng không,” nàng nói. “Em không phải đi mỗi ngày.” Chỉ khi nàng nói điều đó nàng mới nhận ra rằng bỗng dưng nàng không còn cảm thấy nhu cầu phải đi lễ mỗi ngày nữa.

Nàng kể chi tiết cho chàng nghe. Họ sẽ thuê một máy bay nhỏ để chàng tự lái. Họ ở chơi một tuần, rồi về nhà sớm, mang mấy nhóc đi chơi Disneyland. Nàng đã gửi điện tín cho một hãng lữ hành nàng biết ở New York và hướng dẫn cho họ thu xếp cuộc đi chơi đó. Chàng có vẻ thích thú là nàng đã nghĩ ra cách cứu hộ cho kỳ nghỉ của họ một cách nhanh chóng và chu đáo như thế.

“Anh đánh giá thấp em đấy,” nàng nói. “Anh có ý tưởng nào về chuyện chúng ta sớm hơn lịch trình đến bao xa về công việc ở Hồ Tahoe không?”

“Anh sắp sửa bay ngang rặng núi Alps thật sao?”

“Em nghĩ là anh thích chuyện đó,” nàng nói. “Song nếu đó là thách thức qua lớn hay -”

“Anh sẽ bay,” chàng nói. “Anh thích mà.” Chàng bóp eo nàng. Nàng vặn vẹo, quần quai biểu lộ sự đồng tình nồng nhiệt, đầy nhục cảm.

Điều này luôn luôn là điểm mà mọi chuyện diễn ra tốt đẹp nhất với họ, trên giường. Không có vẻ gì là chàng sẽ không làm cho nàng mang bầu. Cách nàng cảm nhận hiện giờ, lần đầu tiên trong một thời gian dài, sẽ không thể là... không được vồn vã chào đón!

Thời gian vừa qua, vào những lúc hiếm hoi mà hai vợ chồng làm tình với nhau, thì hoặc là chàng ở trên, hoặc là nàng ở trên và họ giữ nguyên tư thế từ lúc khởi đầu, thực hiện chuyện gối

chăn vợ chồng một cách chiếu lệ, thiếu sự say sưa hào hứng. Lần này với khung cảnh khác và với tâm trạng thoải mái hơn, cuộc ái ân của họ nồng nàn hơn, theo cách mà Kay mê thích nhất, thay đổi từ thể liên tục, theo kiểu *đảo điên loạn phung*: chàng trên nàng dưới rồi đổi lại nàng trên chàng dưới và nàng, lấy “cây trụ kinh thiên” của chàng làm trục, quay vòng tròn, có lúc mặt nhìn xa khỏi mặt chàng, vênh phao câu cho chàng ngắm, còn nàng thì mắt nhắm lim dim, “xay nghiền” vào chàng, cảm thấy vừa đủ hạnh phúc rằng đến thế là vừa đủ. Nhưng không, chàng làm cho nàng ngạc nhiên bằng cách chỉ ra rằng đường đi vẫn chưa đến. Chàng ngồi dậy, nâng nàng lên, mang nàng đến áp vào cái bồn tắm cẩm thạch. Chất đá lạnh truyền đi những cơn rùng mình lỏm chớm sắc cạnh đến ghê người, và nàng vòng đôi tay quanh cổ chàng. Nàng ngửa đầu ra sau. Đôi bàn tay của Michael trượt trên những đường cong của bộ ngực và kéo nhẹ qua hai hàng ba sườn của nàng và nàng lại run lên, lần này mạnh hơn. Cao trào hoàn hảo. Khi nàng có thể cảm nhận chàng gần gũi đến thế nào, nàng đặt các đầu ngón tay nhẹ nhàng lên bộ ngực lấm tấm mồ hôi của chàng. Nàng không cần phải nói gì. Chàng biết dừng đúng lúc và rút ra, và nàng lập tức quay lên giường, quì hai gối chống hai tay. Khi chàng đi vào kiểu diễm của thân em, nàng nghe một tiếng gầm gừ thoát ra từ cổ họng mình. Ánh nắng trên da nàng dường như đang nướng, nung khô và đốt cháy. Gối chăn xô lệch, làm lộ ra một phần tấm nệm trần bên dưới. Hai cánh tay Kay xoải ra và mặt nàng rơi xuống tấm khăn trải giường. Điều kế tiếp mà nàng biết, rất nhanh khiến nàng chỉ vừa kịp ý thức nó diễn ra thế nào, đó là nàng lại ở bên trên chàng. Chàng kéo nàng mạnh vào sát mình, và tia nhìn vào mặt chàng, vào sự mở lòng, vào tính dễ tổn thương, vào nhiệt tình và sự quan tâm của chàng dành cho nàng, quan tâm đến cái gì nàng thích và nàng thích như thế nào, đó là điều làm nàng phấn khích. Hình như là một cơn đau dữ dội, giống cú sốc điện hơn là cơn cực khoái, và nàng cảm thấy giống như nàng đang mất đi ánh nắng - ánh nắng dường như tan loãng khỏi nàng thành làn sương mỏng lảng đãng mơ hồ, thành những làn sóng lăn tăn, nhấp nhô. Một nơi nào đó, trong những lần nếp run rẩy của những dư chấn (aftershocks) nàng cảm nhận những co giật của chàng bên dưới nàng, xa bên dưới nàng. Và vào một thời điểm khác - có thể là mười giây hay cũng có thể là mười năm - Kay thấy mình cạn kiệt, đổ nhào xuống trên tấm nệm ướt đầm.

Hoàn toàn không phải là cơn đau, tất nhiên rồi.

Michael thối nhẹ nhẹ vào tấm lưng đang tí tách rơi từng giọt mồ hôi của nàng. Anh chạm vào nàng, thật khẽ khàng, bằng chỉ một ngón tay và viết những từ *I love you*. Lặp đi lặp lại nhiều lần. Hơi thở và nhịp tim của nàng cuối cùng cũng chậm lại. Bỗng dưng một dòng thác ngôn từ tuôn trào ra khỏi nàng, một bộc lộ tình yêu thật dài và đầy lòng biết ơn. Chỉ khi dừng lại nàng mới nhận ra là mình đã nói điều ấy toàn bằng tiếng Ý.

“Em học những câu ấy ở đâu vậy?” Michael nói, và cười ngạc nhiên, thích thú..

“Em cũng không có ý niệm nào cả,” nàng nói trở lại tiếng Anh, xoay tròn mắt và hôn chàng. “Đó là -”

Chàng để một ngón tay lên môi nàng. Cả hai cùng nhoén miệng cười. Rất tươi và rạng ngời hạnh phúc. Không cần đến ngôn từ nào.

Mary mang đôi tai Chuột Mickey mới, áo dài của Cinderella và giày đế bệt của Davy Crockett bất kỳ nơi đâu, mỗi ngày. Con bé mới lên ba và nó nghĩ rằng con gấu mà nó cùng nhảy múa vui đùa là con gấu thật. Anthony đi lòng vòng, biểu diễn những bài ca mà bé đã được nghe từ nhiều nguồn khác nhau. Nó được phú bẩm cái năng khiếu lạ lùng là chỉ cần nghe qua một đôi lần là có thể biểu diễn lại một bài hát. Điều này tạo cho nó không ít rắc rối khi ở nhà trẻ, nhưng Kay tin chắc là năng khiếu này là điềm lành cho cậu con về lâu dài. Thực tế là bố nàng, một người say mê opera, đã dự định thuê người đến nhà dạy ca nhạc cho Anthony vào dịp sinh nhật tới đây của cậu bé. Chúng là những đứa trẻ may mắn, Kay nghĩ vậy, và cảm thấy mình còn may mắn hơn khi có chúng.

Michael có biết là anh thiếu vắng đến thế nào khi đi xa nhà quá nhiều? Nhưng anh cũng yêu chúng. Anh đã bộc lộ niềm vui thú rõ ràng, có tính bản năng khi mang chúng đến khu vui chơi Disneyland... Bất kỳ khi nào ở nhà Michael đều tỏ ra âu yếm cưng chiều Mary. Anthony thì làm anh càng nặng lòng hơn, nhưng chính tình yêu kiên định dành cho Anthony khiến tia nhìn bối rối của Michael đối với con trai có cái gì đó làm nao lòng. Mấy ngày sau kỳ nghỉ này, Michael phải đi New York, vừa vì công việc vừa để thăm nom sức khỏe của bà mẹ như thế nào - vốn vừa có những diễn biến phức tạp nhưng vừa về nhà lại và có vẻ bình phục. Trong lúc sửa soạn hành trang anh gọi Kay đến cửa sổ phòng ngủ của họ. Anthony đã đào một lỗ lớn đằng sau cái đu và đang đứng trên đó, một mình, đầu cúi xuống, cầu nguyện.

“Đó là lễ tang cho chiếc mũ làm bằng da gấu trúc của nó đấy,” Kay giải thích.

“Em đùa đấy à?”

“Đừng giận dữ,” nàng nói.

“Anh đâu có giận. Anh chỉ -” Hình như anh không thể tìm được cái từ để diễn đạt tâm trạng lúc đó của mình.

Anh dừng lại. Hiển nhiên là có những điều khác mà anh không thể nói với nàng. Cả hai biết điều đó. “Đấy không phải là điểm chính yếu. Rõ ràng là thế.”

“Ô, thực thế à? Vậy theo anh điểm chính yếu là gì?”

Anthony đang chôn cái mũ, Kay biết, ít vì tình cảm cho con gấu trúc bị chết hơn là vì chuyện mấy tháng trước đó trên Tivi nó đã thấy một thượng nghị sĩ từ Tennessee đội một cái mũ như thế, đi vận động tranh cử tổng thống và tố cáo đích danh Michael Corleone cùng một số người khác. Mua cái mũ là ý tưởng của Michael, không phải của Anthony. Anthony dường như hiếm khi có khả năng bộc lộ với bố điều gì nó thích hay không thích, còn Michael có ý định tốt nhưng lại hay quên. Kay không muốn đào sâu vấn đề này với Michael, nhất là ngay lúc này.

Michael thở dài, vẻ cam chịu. “Em có nghĩ là nó đang chôn lông gấu trúc thật hay không?” anh hỏi. “Hay chỉ là lông chó?” Nàng hôn lên đỉnh đầu anh. Anh cười gượng và ra ngoài để gặp Anthony. Kay quan sát. Hai bố con đứng đối mặt nhau qua cái lỗ. Anthony nhìn xuống và không có vẻ như đang nói gì. Đến một lúc nào đó nó bật ra thành lời “Ave Maria” (Kính mừng Maria). Michael lắng nghe hết. Trông anh có vẻ ngỡ ngàng hơn cả khi biết rằng con mình thực ra là một người da xanh tí hon đến từ hành tinh Marx!

Trong thời gian Michael du hành đến New York thì ngôi nhà đang hoàn tất nửa chừng của họ ở Hồ Tahoe lại bị hỏa hoạn. Tom Hagen, đang trở lại làm việc như luật sư của gia đình, tạt ngang nhà và cho nàng biết tin tức. Đã có một cơn giông với sấm sét. Song hãng bảo hiểm sẽ đền bù mọi thứ, anh ta bảo đảm với nàng. Không có hư hại đáng kể đối với cấu trúc cơ bản. Kay đã làm một công việc tốt khi quyết định mọi chuyện nên họ chỉ cần thuê một vài toán thợ lành nghề và xây dựng lại trong thời gian ngắn. Thêm điều nữa là, có một tòa nhà ở Reno, thực sự là một lâu đài, trước kia thuộc về một “vua” đường sắt, nhưng hiện đang được tháo dỡ để dọn đường cho một khách sạn hiện đại, và Kay có thể thủ đắc bất kỳ những đồ đạc cố định nào mà nàng muốn. Một khi Kay thấy nơi này rồi, Hagen nói, nàng sẽ kết thúc bằng cách nghĩ rằng cuộc hỏa hoạn kia tưởng là rủi lại hóa may. Hagen biết nàng từng hy vọng sẽ dời nhà vào mùa hè này, vậy nên anh đã nói với chủ thầu chính, người này dường như nghĩ rằng vẫn còn có khả năng hoàn tất mọi việc vào ngày Lễ Lao động.

“Anh nói với ông ấy? Trước khi ông ấy nói với tôi? Hay là anh nói với tôi?”

“Ông ta cũng là nhà thầu của tôi. Để xây dựng căn nhà của chúng tôi ở đó.”

“Michael có biết không?”

“Biết chứ.”

Nàng nhú mày và chống nạnh cả hai tay lên hai bên hông, đứng ở lối vào cửa chính và không mở miệng mời anh vào. Cho đến hôm nay, nàng đã nhận ra là nàng chưa có thai. Vào thời điểm này, đó là một tin vui.

“Thực ra, tôi chưa nói trực tiếp với anh ấy,” Hagen nói. “Tôi chỉ để lại tin nhắn.”

“Với *Carmela*?”

“Dĩ nhiên là không.” Anh ta nói. “Tôi biết cô đang nghĩ gì?”

“Đừng có đoán mò.”

“Chúng ta thử xem xét sâu sát hơn mọi chuyện, nhé?” anh nói. “Nhưng cô biết đấy, tạo nên một cơn giông sấm sét, chúng ta phải công nhận rằng, chuyện đó thuộc quyền năng của Trời.”

“Và chúng ta biết rằng đó là do sấm sét?”

“Chúng ta biết rằng đó là sấm sét.”

“Và làm thế nào chúng ta biết đó là do sấm sét? Có ai thấy tận mắt không?”

“Tôi biết cô hoang mang, Kay. Tôi cũng hoang mang. Và mọi người ở đó cũng trong tâm trạng đó.”

“Có ai tận mắt thấy không?”

Đàng sau nàng, Mary bắt đầu khóc. Anthony quì gối xuống, giang rộng đôi tay ra, và bùng vỡ thành một bài ca, lần đầu tiên được giới thiệu với thế giới bởi một xe ô-tô cũ cộc cạch trong một phim hoạt hình buồn tên là Dudley.

PHẦN V

1957 -1959

Chương 17

“Như vậy Kay vẫn còn tức giận,” Fredo hỏi, nghiêng người qua một ghế trống, thì thầm vào tai chú em “khi cô ấy phát hiện những thiết bị nghe lén?”

Michael đốt một điếu thuốc. Lúc đó, Kay và Deanna đang đi qua phòng đại tiệc trên đường đến phòng dành riêng cho các quý bà nào cần tìm sự tiện lợi nhỏ, vừa và lớn. Con gái của Sonny, Francesca, và gã công tử đại gia dân WASH (White Anglo -Saxon Protestant: Da trắng gốc Anglo -Saxon, theo Tin lành, nhóm đa số ở Mỹ) mà nàng vừa mới kết hôn, đang ở trên sàn nhảy (cụ cậu bị gãy giò vì trượt tuyết hay vì một trò rừng mờ nào đấy và đang đi khắp khiêng lòng vòng đây đó trong ngày cưới với một cái chân bó bột và một cây nạng). Phần lớn những người khách khác đang nhảy nhót, kể cả, khá là tếu táo, cụ bà Carmela người đã từng nghe tử thần gõ cửa đến thăm cách đây chỉ vài tháng. Cụ đang quay tròn nhẹ nhàng, khoan thai với bạn nhảy là Frankie, con của Sonny, cháu nội cụ, một ngôi sao bóng đá. Michael và Fredo hai người ngồi riêng ở bàn của họ. Fredo không thể nhớ lần cuối mà mình có thời gian ngồi riêng với chú em, ngay cả trong hoàn cảnh giống như thế này, trước hàng ngàn con mắt thiên hạ, là lúc nào.

“Cô ấy không biết,” cuối cùng Michael nói.

“Kay thông minh hơn chú nghĩ đấy. Cô ấy sẽ hình dung ra thôi.”

Michael thở ra. Chàng ta hút thuốc với vẻ lạnh lùng có nghiên cứu kỹ của một người đã vun vén cái thói quen từ việc nhìn người ta hút thuốc trên màn ảnh. Chàng đã hút thuốc theo cái cung cách đó ngay từ khi mới bắt đầu hút. Sonny từng nhiều lần gắt gỏng với chàng về chuyện đó, và quả thực, lúc đầu chàng cũng thấy là hơi có vẻ lỗ lã buồn cười, giống một cậu bé xúng xính trong bộ triều phục uy nghi của một ông vua con! Nhưng rồi đến một nơi nào đó trên tuyến đường đi, đến một lúc nào đó không rõ, chàng đã nhập vai và diễn cứ như thật!

“Fredo à,” Michael nói, “anh, cũng như và *hơn bất kỳ ai khác*, không nên lên giọng thầy đời chỉ chỗ tôi phải hành xử thế nào với chính vợ tôi.”

Đây rõ là một ám chỉ, tuy bóng gió mà khá lộ liễu về Deanna, tất nhiên rồi nhưng Fredo cứ lờ đi. “Tình huống bị nghe lén,” Fredo nói, có ý chỉ những thiết bị nghe lén mà ai đó đã tìm cách gắn vào trong những xà, dầm nơi căn nhà mới của Michael ở Tahoe. Neri đã sử dụng cái đồ quái gở đó của anh ta để tìm ra chúng, và hình như căn nhà của Michael là căn nhà duy nhất trong các công trình xây dựng tại đó bị gắn đồ nghe lén. “Nó đã được - gọi là gì nhỉ? - *xông khói diệt khuẩn* chưa? Chúng ta có -” Anh ngập ngừng. Điều anh ta muốn biết là ai đã *trồng trọt* chúng. “Chúng ta có biết được đấy là những loại thiết bị nghe lén nào hay không?”

Michael nhú mắt lại.

“Vậy là người diệt khuẩn được gọi đến, đúng không?” Có nghĩa là, *Neri có lo mọi chuyện không?*

“Hình như khôn ngoan không đặc biệt thích hợp lắm với anh, Fredo nhỉ?”

“Điều ấy giả định là có ý nghĩa gì vậy?”

“Anh đã uống bao nhiêu hũ rồi?”

“Là loại câu hỏi gì vậy?”

“Sao anh không đi nhảy đi?” Michael nói. “Có lẽ cô ta thích nhảy đấy.”

Được rồi, vậy là Michael không muốn bàn luận đề tài này nơi đám đông. Mặc dầu ở đây phần lớn là gia đình và do vậy không thực sự là giữa công chúng. Và dầu sao đi nữa, đây không phải là loại chuyện mà bất kỳ ai nghe vào cũng có thể hình dung ra. Những thiết bị nghe lén. Người ta bị gài những thiết bị nghe lén. Người ta xông khói diệt khuẩn. Người ta hủy diệt chúng. Đặc biệt là ở Florida. Bọn vô lại sâu mọt mà người ta thấy ở đây, ngay cả ở những nơi sang trọng.? Hãy quên chuyện đó. Vậy ai sẽ còn nghĩ lại về chuyện nghe một cuộc đối thoại về những thiết bị nghe lén ở Bãi biển Miami? Xem nào.

“Tôi xin lỗi,” Fredo thì thầm.

Michael lắc đầu. “A, Fredo.”

“Đừng’ A, Fredo’ với tôi, được chứ? Làm gì thì làm, đừng làm như thế.”

“Tình huống vẫn trong tầm kiểm soát,” Michael nói.

Fredo đưa hai bàn tay ra, siết lại nhau trong nỗi bức bối. *Nghĩa là gì? Nói tôi nghe đi.*

“Khi nào anh rời nơi đây?” Michael hỏi. “Tôi phải lên chuyến bay sớm đi Havana, nhưng có lẽ chúng ta có thể cùng ngồi ăn sáng ở nơi nào đó. Chỉ anh và tôi. Hoặc ít ra là cùng vừa tản bộ vừa trò chuyện trên bãi biển.”

“Ôi chà, thế thì hay quá, Mikey. Thật là tuyệt. Chuyến bay của chúng tôi là vào buổi chiều.” Fredo đã cố gắng để hội kiến với em trai mình từ nhiều tháng nay. Vì Deanna, Fredo đã dành một nửa thời gian ở Los Angeles. Mike thì đi đây đi đó hơn nửa thời gian. Ngay cả khi hai người ở cùng một thành phố, họ cũng không bao giờ tìm được thời gian để làm anh em với nhau - cùng xem một trận bóng, uống với nhau vài lon bia, hãy đi câu cá với nhau. Họ chẳng làm cùng nhau bất kỳ chuyện gì trong những chuyện kể trên ngay từ trước cuộc chiến cho đến giờ. Và đó là chưa kể đến công việc. Fredo cần nói lại với Mike về chuyện tiến hành vụ nghĩa trang ở Jersey, giống như ở Colma. Fredo đã nghiền ngẫm kỹ hơn về vấn đề. Nick Geraci cũng giúp ích cho anh nhiều. Fredo tin rằng mình có thể làm cho Mike xem xét lại “Kay sẽ không đi Havana với chú?” Fredo hỏi.

“Tôi đi lo công việc, Fredo à, anh biết mà.”

“Đúng.” Fredo dùng một tay chống đầu. “Xin lỗi. Chuyện đó thế nào?” Fredo nói. “Havana, Hyman Roth, mọi chuyện đó?”

Michael nhú mày. “Ngày mai,” anh nói. “Lúc dùng điểm tâm.”

Sự mơ hồ của Fredo phát xuất từ việc anh không biết chứ không phải do tùy ý. Hyman Roth xưa kia là một cộng sự thân thiết của Vito Corleone trong thời kỳ cấm rượu. Giờ đây lão ta là Ông chủ Do thái quyền lực nhất ở New York và bành trướng đến Las Vegas và cả Havana nữa. Fredo không có ý niệm rõ ràng nào về những gì mà Michael và Roth đang chế biến xào nấu ở Cuba, chỉ biết rằng Michael đã dành nhiều tâm lực cho chuyện đó từ lâu nay và rằng chắc chắn là chuyện làm ăn lớn. “Bữa điểm tâm thật tuyệt,” Fredo nói. Anh đã chờ đợi từ bao lâu để được biết chuyện gì đang diễn ra thì anh cũng chờ được cho đến sáng mai. “Bữa ăn quan trọng nhất trong ngày.”

“Khi nào thì sơ truyền hình của anh bắt đầu?” Michael hỏi.

“Tháng chín. Tôi nói Fontane đặt trước để nhà đài thu xếp cho buổi đầu tiên của tháng.” So với

mọi ân huệ mà gia đình mình đã làm cho Fontane, thì đây là chuyện tối thiểu mà anh ta có thể làm. Anh ta đã nói vâng ngay lập tức.

“Đó là một ý tưởng hay,” Michael nói.

“Cái gì - Fontane hay là sô diễn?”

“Cả hai, tôi nghĩ là thế. Nhưng tôi muốn nói đến sô diễn nhiều hơn.”

“Thật thế à?”

“Chúng ta cần thay đổi cách nhìn của bàn dân thiên hạ. Để cho những chuyện làm ăn của chúng ta tăng trưởng theo cách mà chúng ta muốn hướng đến thì quả là đáng giá khi chúng ta trình diễn cho công chúng hình ảnh những thành viên gia đình Corleones -” anh phác họa một cử chỉ về hướng cô dâu nơi phòng khiêu vũ - “cuối cùng, cũng không có gì khác với những người như gia đình Van Arsdale.”

“Cám ơn,” Fredo nói.

Họ thu xếp việc gặp nhau ở phòng khách của khách sạn vào 6 giờ sáng hôm sau.

“Anh biết đấy, tôi chưa bao giờ phân biệt được hai cô cháu của mình.” Michael gạt đầu về phía Francesca và Kathy.

“Francesca là đứa đang mặc đồ cưới đấy.”

Michael phá ra cười. “Ờ, có thể mà tôi cũng quên khuấy đi mất!”

Fredo ôm chú em. Họ ôm nhau lâu hơn là Fredo có thể nhớ trước giờ đã từng làm thế, rồi càng kéo sát vào nhau hơn. Họ đang cùng nghĩ về Sonny, điều mà cả hai dường như đều biết và cùng không nói gì. Bóng ma của anh ta lảng vảng ở đó suốt ngày hôm nay với sự có mặt còn đậm đặc hơn bất kỳ người khách đang sống nào. Cả Fredo và Mike từng suýt không kiềm chế được khi họ đứng vào hàng để trao phong bì mừng lễ cưới cho Francesca. Giờ đây, khi sắp ra đi, khuôn mặt của hai anh em lóng lánh những giọt nước mắt không hề che giấu vì xấu hổ. Họ vỗ vào vai nhau và không nói gì nữa.

Tuy vậy, chuyện này chưa phải đã êm xuôi. Ai mà nữ trách một anh chàng muốn chìm nổi sâu trong đáy cốc? Ngay cả Fredo cũng biết, như chuyện đang xảy ra, rằng mình đang uống hơi quá nhiều, nhưng xét theo những tình huống anh đang trải qua thì chuyện anh uống rượu đâu có phải là vi phạm luật pháp liên bang, mà cũng chẳng ảnh hưởng chi đến hòa bình thế giới! Lại nữa, còn có vấn đề về vị linh mục chủ lễ kia - người kéo chuông chiêu hồn cho Cha Stephano, vị linh mục đã khiến cho Fredo muốn trở thành linh mục: cũng nụ cười hơi méo, một mảng tóc đen chải theo cùng kiểu, với thể hình thon gọn, giống một vận động viên chạy cự li dài. Fredo cố không nghĩ về Cha Stephano, và phần lớn thời gian thì anh thành công - nhiều tháng trôi qua mà không bị ám ảnh bởi một hình tượng nhất thời - nhưng vào những thời điểm hiểm hoi mà anh thực sự nghĩ về mình, Fredo thường kết thúc bằng cách... ôm ấp hình bóng em *thoáng hiện đi về trong đáy cốc! Nói cười như chuyện một đêm mưa!*

Nếu con người ở khắp nơi mà chẳng uống rượu để quên đời, để đạt cái trạng thái”phê” lâng lâng *Dưới chiều quang thấp thoáng bóng Nam san, Ngoảnh mặt lại cửu hoàn coi cũng nhỏ... xú,* thì bao nhiêu những bài *tử đức tụng, tương tiến tửu, xuân nhật túy khởi ngôn chí, hồ trường, hành phương nam...* đâu xuất hiện trên đời để các ả giả cao thủ ngâm nga, khề khà rung đùi thích chí! Và ba phần tư những lò nấu rượu trên khắp mặt đất này đã biến mất từ lâu rồi! Fredo ở lại dự đám cưới đến tận khuya và không gây ra màn cảnh lộn xộn nào. Chàng và Deanna bắt

đầu nhảy với nhau với mọi bài ca, và nàng có vẻ hạnh phúc, mặc dầu cả hai đều đã quá say cho bất kỳ cảm xúc nào trên ngưỡng bình thường.

Quay về phòng riêng, chàng làm tình với nàng vào cửa sau, một chuyện mà khi tỉnh chàng không bao giờ làm, và nàng cũng không than phiền gì, đó cũng là cách hành xử của những kẻ say bí tỉ.

Khi chàng thức giấc vào sáng hôm sau Fredo không nhớ mình về lại phòng riêng bằng cách nào. Anh nâng cánh tay trái của Deanna lên để nhìn vào chiếc đồng hồ Cartier của nàng. Đầu anh nặng như chì. Anh tranh đấu để buộc đôi mắt lơ đãng của mình hướng tiêu điểm vào mấy cái kim đồng hồ. Gần mười một giờ sáng! Hoảng hồn, Fredo gọi đến phòng Michael. "Xin lỗi, ngài," cô trực tổng đài trả lời. "Ông Corleone và toàn bộ gia đình đã trả phòng từ mấy giờ trước đây rồi." Thế là... trót huốt! Mong lớn của chàng Fredo chắc là tan thành bọt nước. Và lần này, chàng chỉ có thể tự trách mình thôi!

(Sô diễn của Fred Corleone được phát không đều đặn, thường là vào tối thứ hai tại đài UHF ở Las Vegas, từ 1957 cho đến khi người dẫn chương trình biến mất vào năm 1959. Sô diễn được phát từ một phòng ngồi chơi chung của Khách sạn Lâu Đài Trên Cát với bộ trang thiết bị tối thiểu: một bàn tròn thấp, kèm hai bên bởi người dẫn chương trình và một khách mời trên những chiếc ghế bọc da báo. Trên tấm bảng đằng sau họ, ánh sáng trắng chiếu ra "FRED!" Đằng sau tấm bảng là một bức màn đen. Sau đây là phần mở đầu của sô diễn vào đêm 30 tháng chín, 1957 - được cho phép ghi lại bởi Bảo tàng Truyền thanh Truyền hình Bang Nevada -)

FRED CORLEONE: Sô diễn đầu tiên này, tôi hy vọng sẽ thực sự là ấn tượng (real mothery). Nếu các bạn không biết từ đó nghĩa là gì, thì tôi xin gọi nó là một... gasser (một chuyện gì hay một người nào đặc biệt làm ta vui và nhớ mãi). Tôi đã thấy những sô diễn khác với đủ mọi thứ - các cô gái thật sexy, những tiểu phẩm châm biếm, múa minh họa, âm nhạc vv... và vv... Đôi khi những kẻ này kéo rất nhiều ngôi sao đến làm khách mời đến nỗi họ cần đến một cảnh sát giao thông đứng trong cánh gà để điều khiển việc đi lại! Những người thực hiện các sô diễn này là những kẻ thiện nghệ, nhưng cá nhân tôi nghĩ rằng có lẽ vì không mấy tự tin là có thể gây hào hứng cho khán thính giả nên họ phải tung ra bao nhiêu màn cảnh để vỗ chộp lấy quý vị. Những sô diễn của họ, khách mời thì đông chứ người chịu xem thì chỉ lác đác. Tối nay chúng tôi theo một con đường khác và tôi hy vọng quý vị sẽ ngồi lại và gặp gỡ chúng tôi. Sô diễn của chúng tôi chỉ có một khách mời thôi, đúng vậy, nhưng là một bạn đồng minh hùng mạnh, một siêu sao sân khấu và màn bạc và hẳn nhiên rồi, một danh ca ngoại hạng đứng riêng một mình không lẫn với ai khác, đây là chưa kể anh ấy còn là đồng hương thân thiết của chúng ta. Thừa quý bà, quý ông, đây, Johnny Fontane! *(Corleone đứng và vỗ tay, Fontane gật đầu chào cử tọa. Sau đó hai người ngồi xuống và cùng tranh thủ thời gian đốt lên điếu thuốc để gọi cái "yên - sĩ - phi - lí - thuần" - phiên âm từ 'inspiration', cảm hứng - và bắt đầu.)*

FRED CORLEONE: Họ nói với tôi là *Groovesville* có thể kết thúc như là một thành công lớn nhất trong lịch sử ca nhạc. Thời thượng rock -and -roll đang suy tàn và anh đang ở trên "top", là số một trong cả nước.

JOHNNY FONTANE: Cám ơn. Sự nghiệp ca nhạc của tôi trong một thời gian đã bị tràn lấn bởi loại nhạc vĩa hè kia, nhưng rồi tôi đã đứng dậy và xông lên tái chiếm lãnh thổ. Với tất cả lòng khiêm tốn, những đĩa thu âm mà tôi đã may mắn cùng thực hiện với Cy Milner, một thiên tài về hòa âm phối khí - không chỉ *Groovesville* mà còn *The Last Lonely Midnight, Johnny sings Hoagy* và bắt đầu với *Fontane Blue* - đó cũng rất có thể là những đĩa thu âm tốt nhất mà tôi từng thực hiện.

FRED CORLEONE: Đây có lẽ là những sản phẩm ca nhạc tốt nhất từng được thực hiện.

JOHNNY FONTANE: Bạn nên có Cy trên sô diễn của mình. Anh ấy cũng sẽ phụ trách phần hòa

âm cho những đĩa thu sắp tới của tôi, vốn là một dự án trong mơ đối với tôi một đĩa gồm những bài song ca với Cô Ella Fitzgerald.

FRED CORLEONE: Tôi sẽ làm điều đó. (*Nhìn ra ngoài sân khấu.*) Có người sẽ viết ra cái đó. Cy Milner, thiên tài, và, à, anh biết mà. Đặt trước anh ta cho sô diễn, tôi đoán đó là từ thích hợp.

JOHNNY FONTANE: Bạn cũng nên có Ella nữa. Như những bài hát của nàng chứng tỏ, nàng là “top” hiện nay.

FRED CORLEONE: Chắc là thế rồi.

JOHNNY FONTANE: Tôi không dùng từ *thiên tài* một cách vung vít đâu.

FRED CORLEONE: Theo cách những tay chữ nghĩa rôm của Hollywood hoang phí một cách vô tội vạ. Tôi biết. Bạn thì không thể.

JOHNNY FONTANE: Bất kỳ ca sĩ nào từng làm việc với Milner đều sẽ nói với bạn rằng anh ấy là thiên tài, bởi lí do đơn giản là trong thời gian làm việc cần mẫn với ban Les Halley, anh ấy đã -

FRED CORLEONE: Đó là với chiếc trombone, nhớ lại đi anh bạn.

JOHNNY FONTANE: - luyện nhiều với chiếc kèn đó và có thể chơi nó rất giống giọng người đến độ anh ấy biết làm thế nào đem một ca sĩ vào studio và làm cho anh/ ả cảm thấy phôi phôi hơn là vớ được cả triệu đô, như ngạn ngữ nói.

FRED CORLEONE: Thế cái gì còn hơn cả triệu đô?

JOHNNY FONTANE: Cũng là một triệu đô và... (*Rít một hơi thuốc lá và... nhún vai!*)

FRED CORLEONE: Tuy thế, những đĩa thu của anh làm ra hàng triệu đô. Và không chỉ là ngạn ngữ suông.

JOHNNY FONTANE: Điều mà tôi học được, qua bao nhiêu năm ở trong ngành kinh doanh mà người ta gọi là showbiz này, đó là bất kỳ thành công nào mà tôi có được -

FRED CORLEONE: Hàng lối thành công.

JOHNNY FONTANE: -Tôi đều nợ công chúng thánh giá. (*Tràng vỗ tay tán thưởng*). Xin cảm ơn. Thực sự là thế.

FRED CORLEONE: Tôi có đúng không khi cho rằng cái loại nhạc rock -and -roll đó đã đi xa như nó có thể đi? Đối với tôi nó chẳng phải là... bạn biết mà, chẳng phải là âm nhạc tí nào. Và lại nữa, nếu tôi có thể nói như thế, nó chẳng có thứ hạng nào đáng kể.

JOHNNY FONTANE: Thứ đó đến từ thành phần sơ khai trong dân chúng. Xét về phương diện nghệ thuật nó đã chết ngay từ đầu, do vậy tất cả những gì thực sự còn lại là hãy để nó ra đi cho rồi!

FRED CORLEONE: Nghe khoái thật. Ý tôi muốn nói, phát biểu vừa rồi của bạn. Vậy, xin phép cho tôi - chúng ta hãy đi vào đề tài đó, đồng ý chứ? Những điều mà người ta muốn biết.

JOHNNY FONTANE: Thì hãy sôi nổi với đề tài đó!

FRED CORLEONE: Vậy thì theo kinh nghiệm của bạn, về tất cả những gì liên quan đến showbiz

và kể cả tất cả những gì liên quan đến phụ nữ, được không ạ? Nói tuốt tuồn tuột, không kiêng kị gì cả! Cho điểm, sự kiện cũng như con người, từ một tới mười, mười là cao -

JOHNNY FONTANE: (*Chỉ vào cốc cà-phê của người dẫn chương trình*): Đây không phải là vật duy nhất cao chứ?

FRED CORLEONE: - và thành hai phạm trù, ngoại hình và tài năng. Vậy thì cho điểm từ một đến hai mươi đi. Hay là, bằng cách khác đi, từ một đến mười, rồi thêm vào phần kia, sau đó chia đôi lấy trung bình. Lấy thang điểm theo kiểu nào cũng được.

JOHNNY FONTANE: Anh chưa bao giờ bảo tôi phải có bằng Tiến sĩ Toán học để làm sô này mà.

FRED CORLEONE: Vì tính khách quan, chúng ta hãy nói về mọi người, trừ vị hôn thê của bạn, cô Annie Mc Gowan, con người đa tài nhiều mặt - ca hát, nhảy múa, kể chuyện tếu và cả diễn xuất nữa. Rồi còn có màn kịch rồi, mặc dầu chưa từng xem nhưng tôi cũng đã nghe nhiều người khen ngợi. Tuy nhiên, hình như tôi hơi lố rồi đây. Tôi cần stop ở đây là vừa.

JOHNNY FONTANE: Ấy, tôi chưa biết là anh đã bắt đầu cơ đấy!

FRED CORLEONE: Này, đừng có mà vờ vịt nữa nhé! Nói chuyện về Annie đi. Không phải là đề tài cấm kị chứ?

JOHNNY FONTANE: (*Đổi giọng theo hướng thân mật cởi mở hơn*) Màu mè hoài cha nội. Nói thì nói chứ bình gì cũ! (*Chàng nháy mắt với Annie, ngầm ý bảo: Yên chí đi. Anh đủ bản lĩnh đưa câu chuyện đến bên bờ vực thẳm mà không để rơi xuống vực đâu*).

FRED CORLEONE: Vậy thì, Annie. Bạn biết họ nói gì. Về... *chúng*. Giúp tôi với, John. Chúng ta phải nhận định một cách rộng rãi về chuyện này. Thiên hạ biết tôi đang nói về cái gì, tin tôi đi. Tôi nên nói thế nào nhỉ? Cái gì của nàng?

JOHNNY FONTANE (*Cười nhăn nhở*): Ngực nàng?

FRED CORLEONE: Ngực! Đúng rồi! Đó là một bộ ngực cực kỳ danh tiếng, không hề có hàm ý bất kính với bạn hay với nàng đâu nhé!

JOHNNY FONTANE: Có cũng chả nhận. Vấn đề là gì vậy?

FRED CORLEONE: Ai là tổng hòa tốt nhất của tài năng và ngoại hình nơi cái kinh đô điện ảnh thế giới này?

JOHNNY FONTANE (*Trình diễn một phản ứng chậm trễ cố tình*) Cái kiểu phỏng vấn của bạn làm cho tôi phải quần quai quỳnh quít đấy!

FRED CORLEONE: Này, anh chàng kia! Đừng có trêu ghẹo người ta mãi thế chứ. Cứ tự nhiên như trên sân khấu của bạn thôi. Chúng tôi cần kéo bạn trở lại sân khấu ở đây, tại Lâu Đài Trên Cát lừng danh thế giới ấy.

JOHNNY FONTANE: Cám ơn, cám ơn bạn. Tôi không thể thực hiện các sô ở Vegas trong một thời gian. Tôi có một số hợp đồng ca nhạc khóa tôi ở Los Angeles và Chicago rồi, nếu người ta muốn xem tôi xin hãy đến mấy nơi đó.

FRED CORLEONE: Sô của chúng ta diễn ra ở đây, ở Vegas, và không phải tất cả. Kênh này không hoàn toàn đưa sô diễn đến chính nhà tôi, bạn có tin nổi không?

JOHNNY FONTANE: Bạn chinh phục một ngọn tháp hay chỉ là đôi tai tỏ?

FRED CORLEONE: Bạn đùa đấy à? Ngọn tháp, tất nhiên rồi. Nhưng mà thôi, trở lại với công việc làm ăn kinh doanh đi, nếu bạn muốn. Gác qua một bên mọi chuyện đùa bỡn, bạn nói với tôi rằng bạn không hát ở đây? Hôm nay? Cho chúng tôi nghe? Tôi được cho biết là một ban nhạc combo đang đi đến để hỗ trợ bạn.

JOHNNY FONTANE: Tôi thích lắm, nhưng tôi đang có nhiều hợp đồng trói buộc. Đó là những sô lớn sắp mở màn. Rất... rất thành thật xin lỗi vậy!

FRED CORLEONE: Quả là đáng thất vọng. Thực sự là quá thất vọng. Bạn làm cho tôi chẳng còn biết ăn làm sao nói làm sao với quý vị khán thính giả nữa. Bắt đền bạn đấy!

JOHNNY FONTANE: Nhưng trước khi tôi kịp đến bến tàu, con tàu kia đã giương buồm ra khơi mất rồi!

FRED CORLEONE (*thở phào*) Anh chàng này lắm chiêu thật!

JOHNNY FONTANE: Ồ, chỉ cố gắng thôi!

FRED CORLEONE (*nói với ai đó ngoài sân khấu*): Có ai đi gọi ban combo đó và... Được rồi. Bạn đã gọi? Tốt. Sao tôi lại là người cuối cùng biết những chuyện này nhỉ? (*Quay sang Fontane*) Vậy thì, nhất trí, cái gì nữa? Hãy bắt đầu. Bạn có ý tưởng nào về chuyện những chiếc Dodgers và Giants di chuyển đến California?

JOHNNY FONTANE: Không có gì sẽ bay theo cùng bầu đoàn thể tử. Điều đó khiến người ta dễ nao lòng.

FRED CORLEONE: Chuyện đó tôi không rõ lắm. Công việc làm ăn phải đổi chỗ cũng là thường. Việc làm ăn của chú em tôi, mà tôi cũng là một đối tác trong đó, những chuyện kinh doanh ngành khách sạn và giải trí, xây dựng và xi - măng - cũng chuyển về phía tây. Cuộc di chuyển đó dẫn đến việc chúng ta hội ngộ nơi sô diễn này. Tại sao bóng chày lại khác? Tôi có những cảm nhận về New York cũng giống như bạn, nhưng đồng thời, tại sao thú tiêu khiển quốc gia lại vận hành theo một cách không phi - Mỹ? (Why should the national pastime operate in a way that's not un - American?)

JOHNNY FONTANE: Bóng chày mang những người láng giềng thân thiết với nhau hơn và kết nối với niềm tin của người bình thường. Mọi lúc đến sân Ebbets Field... ờ, tôi không thể tưởng tượng là chỗ đó lại trống vắng hay hoang tàn. Họ đã làm cho nó trở nên hoang tàn và một phần con người tôi cũng hoang tàn theo.

FRED CORLEONE: Chính bạn cũng tái cư trú từ New York về miền Tây.

JOHNNY FONTANE: Chuyện đó lại khác. Người ta có thể chơi những đĩa thu âm của tôi bất kỳ ở đâu, xem phim của tôi bất kỳ ở đâu. Sớm hay muộn, tôi sẽ đi đến chỗ trình diễn ở khắp nơi.

FRED CORLEONE: Tôi cá là bạn sẽ đi. Đến những trò chơi Dodgers ở Los Angeles. Mấy lúc này thấy bạn bận bịu ở L.A. nhiều hơn là ở New York.

JOHNNY FONTANE (*ngưng một lát để châm điếu thuốc khác*): Tôi sẽ đi, chắc rồi. nhưng chúng sẽ không bao giờ là những Dodgers chính hiệu. Chúng đã tự cắt đứt khỏi những gì làm cho chúng thành Dodgers chính hiệu.

FRED CORLEONE: Được rồi, xem nào, thôi đừng nói gì nữa về đề tài nhạ cảm đó. Chúng ta có

thể nói về chính trị. Tôi nghe bạn đã có một kẻ tri âm tri kỷ mà bạn đang hậu thuẫn cho nhiệm kỳ tổng thống sắp đến. Những con chim nhỏ rỉ tai cho tôi như thế.

JOHNNY FONTANE: Deanna thế nào?

FRED CORLEONE: Nàng vẫn “phê phẩn”. Tuy nhiên đó không phải là con chim tôi đang nói đến.

JOHNNY FONTANE(*nháy mắt vào camera*): Để trả lời cho câu hỏi trước đây của anh, tôi nghĩ rằng nếu như cả hai, ngoại hình và tài năng, là những phạm trù được vận dụng đến, thì tôi không thể nghĩ ra có người nào qua mắt được Deanna Dunn. Không hề có hàm ý bất kính đối với bạn hay nàng, nhưng nàng thực sự là... kẻ đốt nhà đấy!

FRED CORLEONE: Cám ơn, Johnny. Bạn thật khả ái, và đây là chưa kể rằng theo ý tôi đó cũng là một sự kiện đúng thực. Với những ai đã đến đây để hội ngộ cùng chúng ta, anh chàng may mắn này đây, thành thật thừa với quý vị, rất lấy làm hạnh phúc đã kết hôn với nàng Deanna Dunn xinh đẹp và tài năng.

JOHNNY FONTANE: Thắng giải Hàn lâm viện Điện ảnh -

FRED CORLEONE: Hai lần, đầu bạn cũng từng thắng một lần. Bạn có ngạc nhiên là nó nặng kí đến thế không?

JOHNNY FONTANE: Một vinh dự như thế, đến từ những người đồng đẳng với bạn, đó là cái khiến người ta thấy nặng.

FRED CORLEONE: Nói về giải thưởng, bạn đang hậu thuẫn cho Thống đốc Shea bang New Jersey tranh cử Tổng thống, đúng không? Ông ấy thắng giải thưởng lớn về sách, bạn biết tôi muốn chỉ quyển nào.

JOHNNY FONTANE:Nếu ông ấy tranh cử, tôi ủng hộ chuyện ấy, đúng vậy. Tôi hy vọng ông ấy quyết định tham dự cuộc đua. Ông ấy là người tốt và ông ấy sẽ làm nhiều điều tốt cho đất nước. Bạn đã đọc quyển sách của ông ấy chưa?

FRED CORLEONE: Quyển sách đó đang nằm trên bàn đêm của tôi khi chúng ta nói đến. Tôi sẽ đọc nó trước khi ông ấy đến với sô này.

JOHNNY FONTANE: Ông ấy đến với sô diễn?

FRED CORLEONE: Chúng tôi đang chuẩn bị sô đó. Nghe này, John, cho phép tôi hỏi bạn vài chuyện. Bạn có bao giờ xem bộ phim *Mai phục ở Durango* chưa?

JOHNNY FONTANE:Tôi có *xem* chưa? (*Cười*) Bạn đang nói thực hay đùa đấy?

FRED CORLEONE: Johnny có mặt trong phim đó, thừa quý vị, trong trường hợp quý vị xem cảnh tiếp theo điệu vũ quay đầu tiên.

JOHNNY FONTANE: Bạn cũng góp mặt trong đó. Và cả vợ bạn nữa.

FRED CORLEONE: Chớp mắt, và bạn bắt hụi tôi. Chớp mắt hai lần, và người ta cũng bắt hụi bạn.

JOHNNY FONTANE: Trong trường hợp đó, họ sẽ tạo quan hệ hữu hảo. Phần lớn người ta để lơ nhiều bộ phim. Chúng không thể đều là kiệt tác, hẳn bạn cũng biết thế. Kiệt tác, cũng như thiên

tài, đều là của hiếm chứ đâu thể đầy đồng như... củ khoai!

FRED CORLEONE: Tôi nghe dường như bạn đang rời xa khỏi việc làm phim?

JOHNNY FONTANE: Không, không có đâu.

FRED CORLEONE: Nhưng phim ảnh không còn là nơi mà tâm bạn trụ lại nữa, đúng không nào? Bạn đã sở hữu một công ty sản xuất phim ảnh của riêng mình, ấy thế mà...

JOHNNY FONTANE: Có những bộ phim đang trong quá trình thực hiện, hứa hẹn là những bộ “hits”. Trong đó có một bộ phim giác đấu.

FRED CORLEONE: Và phim ca nhạc?

JOHNNY FONTANE: Đúng. Những ca khúc hàng “top”. Làm thế nào bạn nghe được chuyện đó?

FRED CORLEONE: Tôi quen biết một nửa trong số đạo quân chuyên viết ca khúc cho bạn. Nghe này, chúng ta phải chi trả một số hóa đơn đây.

JOHNNY FONTANE: Bạn không trả những hóa đơn của mình à?

FRED CORLEONE: Ý tôi muốn nói là khi khai thác thương mại, như bạn biết đấy.

JOHNNY FONTANE: Chúng ta sẽ trở lại.

FRED CORLEONE: Sô này của ai vậy?

JOHNNY FONTANE: Là bạn nói đấy nhé. Làm thế nào mà một anh chàng như bạn lại chiếm giữ vị trí số một trong một sô truyền hình như thế này, ấy là chưa kể một người đàn bà huyền thoại như Deanna Dunn?

FRED CORLEONE: Mọi người có thấy tôi muốn chỉ gì không? Bạn là một kho báu quốc gia! Chúng tôi sẽ trở lại ngay thôi.

Từ cửa sổ phòng tầng mái của Lâu đài Marmont, Fredo Corleone đứng đơn độc trong bóng tối và nhìn xuống Sunset Strip, đợi vợ trở về nhà. Mỗi tuần Fredo phải tốn cho nơi ở này hơn số tiền mà bố anh phải trả cho nguyên cả một dãy những căn nhà ở Long Island nhưng có lẽ cũng đáng. Anh có thể lưu trú ở đây mà không có những người hâm mộ vây quanh Deanna hay những vệ sĩ thở sát bên gáy mình. Anh nhìn vào đồng hồ. Hầu như hai giờ. Họ đã đặt trước bữa ăn tối vào lúc mười một giờ. Buổi quay phim thường chấm dứt vào lúc chín giờ tối, mặc dầu bản thân anh từng tham dự ba phim(toàn là vai rất phụ thôi) và biết rằng người ta không bao giờ có thể nói trước điều gì. Deanna không xuất hiện trong một phim “hit” đã năm năm rồi - con số này tính theo thời gian Hollywood có thể là năm trăm năm. Nàng tiếp đất vai này sau khi nhiều nữ diễn viên trẻ hơn đã đi qua, và mỗi ngày nàng trở về từ buổi quay than phiền là điện ảnh đang trở nên chớ má hơn như thế nào (talking about what a dog the movie was going to be), và anh chàng bạn diễn xinh trai của nàng thật kinh khiếp đến như thế nào.

Ngay cả khi quay khỏi cửa sổ và hướng về điện thoại, Fredo vẫn tự nhủ mình sẽ không quay điện thoại mà chỉ muốn tự kiểm nghiệm thôi. Anh quay số. Tổng đài kết nối anh với Bungalow số 3. Cái giọng sâu, ngái ngủ trả lời anh là giọng của Wally Morgan, một trong những tay viết ca khúc được yêu cầu nhiều nhất trong ngành showbiz. Chàng ta từng ở trong binh chủng Hải quân, từng đua xe mô-tô, thích săn bắn: một mẫu người mạnh mẽ như thế khiến người ta khó mà hình dung rằng đó lại là một... “ô - môi”. Nhưng đây là Hollywood. Mọi thứ đều có thể là thật mà giả. Là nơi mà người ta điên đảo thị phi đến độ bạn chẳng biết đâu mà lần. Fontane gọi

thẳng mặt những kẻ đầu sai của anh ta là *buttfuckers* (thứ đéo lỗ đít), thế nhưng anh ta luôn luôn có hàng đàn hàng lũ ở bên cạnh để trò chuyện với quý bà khi anh ta và nhóm bạn khác bàn tán về bóng đá hay bóng chày.

Fredo làm rõ giọng nói và hỏi nếu mình tạt qua uống một ly thì có gì phiền không.

“Tạt qua?” Morgan cười khúc khích. “Một uể từ dễ thương đấy, mãnh hổ ạ. Đương nhiên là okay rồi. Em sẽ pha chế vài ly Martinis. Chàng điệu nè, hãy đến, em đợi. Nhớ mang theo vài *người bạn xanh lá cây* của chúng ta nữa nhé, mmkay?”

Uể từ (Euphemism). *Những người bạn xanh lá cây của chúng ta* (our green friends).

Mãnh hổ (Tiger). Thật khó tin đối với Fredo rằng mình lại đi dây dưa với một kẻ ăn nói nhố nhăng dị hợm kiểu đó. Anh chàng túm lấy bộ đồ tắm và một lọ thuốc và ra đi. Nhưng đồ đặc khác để tính sau; cần một cuộc bơi lội cho đầu óc tỉnh táo.

Vào lúc mà cuối cùng anh đi đến hồ bơi, khoảng bốn giờ sáng, và thấy lờ mờ một cặp đang “phêc” nhau ở phía sâu của hồ. Không có ánh đèn. Fredo thay đồ trong nhà tắm, hy vọng rằng trong khi mình làm việc này, thì cặp kia cũng vừa đủ thời gian để hoàn tất cuộc mây mưa, nhưng khi anh mở cửa, chúng nó vẫn còn đủ đởn ở đó. Anh đã không tắm trước khi rời Bungalow 3. Anh cần phải làm điều gì đó trước khi quay lại tầng mái; tắm rửa cho sạch sẽ, chẳng hạn thế. Cặp kia vẫn gần như đứng nguyên một chỗ - tựa lưng vào tường, kế bên cái thang - và có vẻ không việc gì phải vội. Thôi thì mặc kệ bọn họ. Ai “vượng khí” quá thì cứ mặc sức mà quần nhau cho hạ hỏa. Fredo mắc mớ gì mà phải quan tâm. Anh nhảy ùm xuống phía nông của hồ và bơi tới bơi lui mấy vòng. Từ chiều tối đến giờ anh không ăn gì, nhưng các viên thuốc chức năng đã cung cấp cho anh đủ năng lượng để vung vít vùng vẫy. Khi anh đang gom góp quần áo, anh liếc nhanh qua cặp kia, vẫn còn đang miệt mài mê mẩn ở phía sâu của hồ. Đó là lúc anh nhận ra rằng ả lẳng lơ trơ tráo nọ hóa ra lại là... vợ chàng!

“Dee Dee?”

Nàng cười dòn tan! Chàng kia cũng hòa giọng cười vang vang! Tên gian phu là bạn diễn chung với nàng, Matt Marshall. “Sẽ về với cung ngay,” Deanna gọi lớn. “Bây giờ thì còn hơi bận chút xíu!” Thiệt là hết biết! Bó tay!

Fredo cúi đầu và sải bước nhanh đến cầu thang. Trong tầng mái anh quàng vào dây đai súng mà anh đã im luôn khi quay bộ *Apache Creek*, phim thứ nhì của anh trong đó anh đóng vai một chiến binh Da đỏ, và hai khẩu Colt Peacemakers (Súng Colt, Người Tạo ra Hòa bình) đã nạp đầy đạn. Mặc dầu uống nhiều thuốc kích thích anh vẫn cảm thấy thanh thản, điềm tĩnh. Cuộc báo thù này là chính đáng và trong chốc lát nữa thôi anh sẽ hoàn tất nó.

Thế nhưng khi anh trở lại hồ bơi, đôi gian phu dâm phụ đã đi xa.

Điều kế tiếp mà Fredo biết, là anh đang đứng trong garage của Lâu đài Marmont nâng khẩu súng ngắn hướng vào chiếc Regal Turquoise 1958 Corvette mà anh đã mua tặng Deanna vào dịp kỷ niệm một năm ngày cưới của hai người. Anh nghe tim mình đập mạnh. Anh hít vào mấy hơi thở sâu, giữ cánh tay thật vững, ấn sát vào nhưng chưa siết cò. Họ đã cùng đi đến Flint để mua chiếc xe. Chuyên viên quảng cáo của hãng xe này đã chụp những tấm hình của khoảnh khắc tươi cười hạnh phúc đó, đưa vào những tờ báo và tạp chí khắp thế giới - một ghi dấu lâu dài cho những ai liên quan.

Fredo khai hỏa: phát đầu tiên vào kính chiếu hậu, rồi vào bánh sau, hai phát vào cửa chính tài xế, một phát xuyên qua cửa sổ tài xế, và cửa hành khách, một vào kính chắn gió. Giết một chiếc xe đem lại cảm giác khá là dễ chịu. Kính vỡ loảng xoảng, vỏ két nát bét, ghế nệm tanh bành. Âm

vang của thủy tinh trên kim khí, của kim khí trên kim khí nghe leng keng, sắc cạnh, cũng khá vui tai! Và cũng giúp làm êm dịu thần kinh đôi chút!

Anh dứt khẩu Colt thứ nhất vào bao, dỡ mui chiếc Corvette, và rút khẩu súng kia ra. Viên quản lý khách sạn và mấy nhân viên của anh ta hiện ra, nhưng họ biết Fredo và biết rằng đó là chiếc xe của Deanna Dunn. Họ từng chứng kiến nhiều nhân vật còn nổi tiếng hơn làm những chuyện còn kỳ dị hơn, điên rồ hơn. Bằng một giọng bình thản viên quản lý hỏi mình có thể giúp ích gì không.

“Không.” Fredo bắn một viên vào bộ chế hòa khí bốn thì. “Đẩy nó lại đi. Cảm ơn.”

Viên kế tiếp tạo ra một tiếng nổ nhỏ và một đám khói trắng. Giờ đây những kẻ tò mò đầu tiên túa ra trở mắt nhìn.

“Hơi muộn rồi, ông Corleone à. Như ông thấy đấy, nhiều người khách khác -”

Fredo nổ một viên khác vào lốc máy.

“ - đã bị làm phiền hơi nhiều đấy.”

Hai viên nữa vào phía cửa hành khách. Viên cuối hụt chiếc xe, không biết bay đi đâu.

Đàng sau anh, một quý bà hét toáng lên những lời không ai hiểu, hình như là bằng tiếng Pháp. Khi Fredo xoay quanh lại đối mặt tình địch Matt Marshall - không áo, chân trần, nhào về phía anh, khuôn mặt hằn ta đẹp trai nhưng vô vị, nhạt như nước ốc, đang cau lại vì giận. Hắn lại dám giận anh, chuyện mới ngược đời chứ! Vậy mà cả hai khẩu súng của anh lại chẳng còn viên đạn nào, thế có tức muốn nổ ruột không? Oái ăm thật! Số Trời! Số Trời! Cái thằng đeo bẫy vợ người ta vậy mà lại được trời cho mạng lớn sống dai! Để còn đeo bẫy dài dài!

Fredo rút ra khẩu súng kia và chĩa cả hai nòng súng vào Marshall - anh chàng này hoặc là ngốc nghếch, hoặc biết là Fredo đã hết đạn, cứ lừng lững tiến tới. Fredo chưa từng trải nghiệm một thời điểm nào sáng suốt như thế. Anh xuống tấn vững vàng. Marshall điên cuồng húc vào anh như con bò mộng hăng máu, và Fredo xoay người rất nhanh và gọn, tránh cú húc, khéo léo điệu nghệ như một matador có đẳng cấp. Marshall đập mặt xuống nền xi - măng. Hắn ta đứng lên, mũi miệng đầy máu me, và lại húc tiếp với cái đầu cúi xuống một cách điên cuồng. Fredo muốn cười nhưng thay vì thế, tung ra một cú đánh choáng người bằng báng súng quay tròn. Cú đánh tạo ra một âm thanh giống như ném một tảng thịt nướng từ trên cao ốc xuống nền sân gạch. Marshall đổ gục.

Đám đông, mọi người như một - trừ quý bà người Pháp vẫn đang chu chéo, đồng loạt há hốc mồm ra, “Ôôô.”

Fredo cho súng vào bao. “Chỉ là tự vệ thôi. Đơn và thuần” chàng nhún vai nói. “Không có gì ầm ỹ.”

Chính Hagen đến bảo lãnh cho anh ra.

“Anh đến kịp lúc ghê.” Fredo nói khi họ bước ra khỏi bót cảnh sát. “Anh bay?”

“Chỉ là một cách nói. Jesus, Fredo. Tôi không chắc có ai trong khách sạn đó từng kiếm có để bị bắt chưa.”

“Những viên đạn lạc ấy mà,” chàng ta nói. “Chuyện đó có thể xảy ra với bất kỳ người nào. Tuy vậy tôi cảm thấy hơi buồn lòng về con chó đó.”

Quý bà người Pháp là một nữ bá tước của một vương triều đã bị phế truất từ lâu, đang đi dạo với con chó xù cưng của mình. Một trong các viên đạn đã làm bay đầu con chó thành những mảnh vụn. Còn viên đạn lạc kia đã xuyên qua chiếc Corvette và xé nát lưới bảo vệ của chiếc xe sau nó, một chiếc De Soto Adventurer màu trắng từng dự cuộc đua Indy 500 vào năm 1957. Người thắng giải cuộc đua đó đã vớ được món bở khi bán nó cho Marshall, người được dân ghiền xi -nê gọi là chàng ngốc với tấm lòng vàng trong phim *Checkered Past, Checkered Flag*. Gã đề tiện ấy không phải chiến đấu vì Deanna hay nhân danh nàng. Điều làm hắn nổi xung chính là cái mùi khói hăng cay đến từ chiếc xe quý giá của hắn.

“Còn tệ hơn là những viên đạn lạc nữa, Fredo à. Những cây súng đó -”

“Chúng sạch mà. Neri nói rằng chúng sạch như khi chúng đến.”

“Nếu được thế thì tốt, bởi vì Sở Cảnh sát Los Angeles đang mang đến FBI để nhờ kiểm nghiệm chúng.”

“Chúng sạch mà.”

Họ ngồi vào chiếc Buick của Hagen và họ lặng lẽ lái đến Lâu đài Marmont. Chẳng những ban quản lí không trục xuất Fredo ra mà Hagen còn lấy thêm một phòng cho anh nữa. Có nhiều điều để nói về một nơi chốn với một ban điều hành bí mật. Cũng có nhiều điều để nói về chuyện “boa” hậu hĩ, trả tiền phòng trước, và kết hôn với một VIP. Hagen và Fredo cùng tản bộ với nhau trên những lối đi hẻo lánh.

“Còn những viên thuốc mà họ tìm thấy trong túi của anh?” Hagen nói..

“Có kê toa. Segal cho tôi.” Điều đó đúng, ít ra là một cách gián tiếp. Anh đã sai Figaro, một thuộc hạ ở Las Vegas, đi mua thuốc. Jules Segal, một bạn cũ của gia đình, là Trưởng khoa phẫu thuật tại bệnh viện mà Gia đình Corleones đã xây.

“Họ bảo tôi là những viên thuốc kia ở trong một lọ aspirin.”

“Tôi nhét chúng vào đó và mang theo cả aspirin. Đâu có luật lệ nào qui định người ta phải mang thuốc theo cách nào đâu.”

“Tôi không rành chuyện đó. Segal từng bị án treo về chuyện đó, cách đây đã lâu, và trước khi anh ta đến làm việc cho bệnh viện chúng ta. Nhưng giờ đây... ờ, bệnh viện làm cho chúng ta có vẻ hiền lương hơn, và nếu -”

“Vậy thì hãy bảo một tay đốc -tơ khác ở bệnh viện đó nhận là anh ta đã kê toa cho tôi. Thường công cho anh ta xứng đáng. Anh từng thu xếp được những vụ còn tệ hại gấp trăm lần vụ này mà. Jesus, Tommy. Bố vẫn thường bảo, anh tuy không phải gốc Sicily nhưng lại là kẻ Sicilian nhất nhà mà. Chuyện quái gì sẽ xảy ra? Họ sẽ dòi cái đó khỏi anh bằng một đạo luật đặc biệt của Hạ viện ư? Tôi đã nói với anh cái thằng khốn đó đã làm gì! Với vợ tôi!”

“Anh đã nói với tôi trên điện thoại. Như thế là không khôn ngoan đấy, Fredo.”

Fredo nhún vai, nhưng có ý nhượng bộ. “Marshall không chết hay không sao chứ?”

“Không, tạ ơn Trời.” Hagen nói. Hắn sẽ ổn thôi. Tuy nhiên, bộ mặt của hắn ta thì lại là chuyện khác.”

“Khá là tệ, chắc thế?”

“Khá là tệ. Matt Marshall kiếm sống nhờ bộ mặt của hắn, vậy mà một trong hai xương gò má của hắn hiện nay thì đang ở dạng chất lỏng hơn là chất rắn. Như thế đã là khá tồi tệ rồi, vậy mà, như anh biết, hắn còn đang quay một bộ phim nữa chừng. Bọn họ không có vẻ nghĩ rằng họ có thể hoàn tất bộ phim mà không có hắn ta. Có khả năng là chúng ta có thể dàn xếp mọi việc, nhưng L.A. là một thành phố hơi căng đối với chúng ta, với đám Chicago sau lưng nữa -”

“Chúng ta đã có hòa ước với đám đó. Bọn họ biết tôi và cũng mến tôi. Tôi có thể thu xếp với họ.”

“Dầu với giá nào, anh cũng đã dồn lên vai tôi cả đồng công việc phải lo.”

“Thôi mà, Tom. Anh có lẽ đã làm gì nếu đó là Theresa?”

“Xì, tôi không biết. Nhưng bắn nát một chiếc xe, bay đầu một con chó xù, và phá hỏng cả một bộ phim lớn?”

“Ít ra, anh có thể tin sẽ không bao giờ là Theresa?”

“Sẽ không bao giờ là Theresa.”

“Đồ ranh ma quỷ quái.”

“Hôm nay anh nuốt mấy viên vậy, Fredo?”

“Không viên nào.” Anh ta không nghĩ như thế, về con số. “Tiện tay lấy chừng nào thì lấy chừng ấy, thế thôi. Anh không muốn đi ngang qua Bungalow 3 nữa và anh lại càng không muốn đi ngang qua hồ tắm. “Cảnh trí hướng này đẹp hơn,” anh nói. “Phía Đại lộ Hoàng hôn và những con phố hướng ấy.”

“Tôi biết,” Hagen nói. “Tôi đã từng ở đây. Tôi là người đã nói với anh về nơi chốn này.”

“Vậy thì anh biết rồi. Cảnh trí hướng này đẹp hơn.”

Họ đi theo hướng đó.

“Tôi có ý muốn hỏi,” Fredo nói. “Kay có nổi cáu khi anh nói với cô ấy về những thiết bị nghe lén?”

“Cô ấy không biết,” Hagen nói.

Fredo đã đoán đúng. Chính Mike cũng không nói với nàng ta. Chàng ta đã bảo Tom làm chuyện đó. Từng có kẻ hành hương để lạc vợ mình. “Kay thông minh lắm. Cô ta biết nhiều chuyện. Ngay cả nếu cô ta không biết, thì sớm hay muộn, nhưng có lẽ là sớm, anh cũng sẽ nói cho cô ta nghe.”

“Anh đang nói về chuyện gì vậy?”

“Tôi không có ý cho là anh thiên vị cô ta hay là gì cả, nhưng mọi người biết cô ta có cách moi chuyện từ anh.”

“Đó là câu chuyện lố lăng nhất tôi từng nghe.”

“Anh đã từng bảo tôi ý tưởng của tôi về việc dời nghĩa trang ở New York ra xa như ở Colma là

chuyện lỗ lã nhất anh từng nghe.”

“Cái ý tưởng về *nghĩa địa* đó? Anh vẫn còn muốn bàn về nó. Mike đã chẳng nói với anh rằng đó không phải là dự án mà, xét về nhiều mặt, chúng ta có thể lao vào trong tình huống hiện nay, hay sao? Chúng ta đang đứng xa các tập đoàn tội phạm. Chúng ta không muốn chịu ơn hay mắc nợ nhà Straccis về bất kỳ chuyện gì. Chúng ta sẽ cần kêu gọi đến những ân huệ từ mọi chính trị gia ở New York, và điều cuối cùng mà chúng ta muốn làm ngay lúc này đây là tiêu phí những ân huệ đó vào một dự án như thế này - một dự án còn rất nhiều lỗ hổng trong đó, tôi xin nói thêm như thế.”

Họ vòng một góc phố và chạy vào phim trường Alfred Hitchcock, ra khỏi xe để cùng tản bộ một quãng đường với Annie Mc Gowan và đại lí của cô ta. Fredo giới thiệu Hagen như là Hạ nghị sĩ Hagen. Annie hỏi thăm Fredo là anh ổn chưa. Fredo bảo đó là một câu chuyện dài và anh sẽ gọi cho cô sau. À không, Johnnie hiện không ở thành phố này, Annie nói. Anh ấy đang ở Chicago. Hitchcock nhấn mạnh là anh ấy phải đi và họ đã đi.

“Những lỗ hổng nào?” Fredo hỏi, khi cùng riêng với Hagen.

“Nó có những lỗ hổng,” Hagen nói. “Xem này, con đường mọi sự đang diễn ra là thế này: Chiến dịch ở New York là cố gắng duy trì mọi sự như hiện trạng. Những dự án mới duy nhất phải là những công cuộc kinh doanh hợp pháp.”

“Đó là chỗ hay trong kế hoạch của tôi, Tom à. Nó đâu có dính dáng gì đến tội phạm có tổ chức. Nó sẽ hoàn toàn hợp pháp mà.”

“Fredo, anh không thể có được cùng lúc cả hai. Anh không thể, một đảng, nằm trong con mắt công chúng như một người kết hôn với một siêu sao điện ảnh, điều hành ngành giải trí trong chuỗi khách sạn chúng ta ở Las Vegas và bắt đầu sô truyền hình riêng của mình - mà nhân tiện, tôi có nghe là tiến hành tốt lắm.”

“Cám ơn. Chúng tôi cố gắng”.

“Nhưng anh không thể làm bao nhiêu chuyện đó và đồng thời lại là sức mạnh đứng sau một cái gì đó như kế hoạch di dời nghĩa trang của anh. Và anh không thể làm bất kỳ chuyện gì nếu anh không gột sạch hành vi của anh. Anh nhận ra điều đó chứ?”

Nhận thức được thì thật là hay, có điều là bọn cóm đã lấy những viên thuốc của anh. “Vậy thì hãy để người nào khác lo liệu giùm cái công việc bẩn thỉu này đi,” Fredo nói. Rocco có thể làm chuyện đó. Hay anh biết ai sẽ còn hoàn hảo hơn? Nick Geraciu. Sau khi mọi chuyện đều hợp pháp, thì tôi sẽ đảm đương công việc. Đây Tom, đó là *ý tưởng* của tôi mà.”

“Những ý tưởng suông thì chưa là cái quái gì cả,” Hagen nói. “Biết vận dụng, ứng biến ý tưởng như thế nào vào thực tiễn một cách hiệu quả, đó mới là vấn đề.”

“Tôi biết cần làm gì với ý tưởng của tôi chứ? Tôi biết cách ứng dụng nó như thế nào. Tôi biết điều hành chiến dịch như thế nào một khi nó được phát động. Vấn đề của tôi là, mấy người sẽ không để cho tôi làm.”

Hagen bắt đầu nói điều gì đó.

“Nói đi,” Fredo giục. “Nói rằng không phải anh chặn bước tôi mà là Mike. Kệ mẹ nó, Tom à; hấn lợi dụng anh còn tệ hơn là hấn lợi dụng tôi. Chúng ta đều lớn tuổi hơn hấn. Cả hai chúng ta đều bị chó ra rìa, và tại sao?”

Hagen nhú mảy.

“Anh không phải là người Ý,” Fredo nói,” và anh cũng không phải máu mủ, được thôi, điều đó làm mọi chuyện có rối lên thêm một tí, nhưng không đến độ biến anh một cách tự động thành kẻ chạy việc vặt cho hắn.”

“Lẽ ra tôi nên để cho anh lạnh gót chân trong đó một thời gian để mà nghiền ngẫm chuyện đời, đồ vô ân bạc nghĩa. Có lẽ anh khoái ngồi tù.”

“Nói thê là nghĩa lí quái gì?”

Hagen mắt nhắm nghiền. “Chẳng có gì.”

“Có gì khó nói, anh sợ à?”

Hagen vẫn không nói gì.

“Tôi đang hỏi anh mà, sao câm họng vậy?”

“Coi bộ chú mày muốn đánh tao hả, Fredo? Nhào dzô đi.”

“Tôi biết anh đang muốn nói chuyện gì, Tom à. Thì cứ nói đại ra đi. Vụ thằng nhóc ăn cắp ở San Fran chứ gì.” Fredo không phải giết người nào để được “khai tâm” vào công việc. Thằng nhóc Dean đó là nạn nhân đầu tiên, và cũng là duy nhất tính đến bây giờ, mà Fredo đã giết, chỉ vì một cơn nóng giận nhất thời. Nếu phải chi thằng nhóc không nhớ đến tấm ảnh cũ đó của Fredo ngồi khóc bên ông bố bị thương. Fredo đã cố tình làm lơ như không biết gì về chuyện đó. Có nhiều người khác mặt cũng hao hao giống anh lắm, anh đã bảo thể với chú nhóc. Nhưng nó không chịu buông đề tài đó ra mà cứ xoáy tới. Bực mình, Fredo bèn lấy gối chặn mồm nó đến ngạt thở, rồi nghẹt thở và cuối cùng là... hết thở luôn! Thằng bé chết, nhưng nhờ tài lo liệu vén khéo của luật sư tài ba kiêm chuyên gia của sau thượng thặng Thomas Hagen, nên vụ việc được im đi. Chuyện *vô phúc đáo tụng đình* thì được dàn xếp yên nhưng tiếng xấu vẫn dai dẳng bìa miệng lưu truyền về thói đồi bại, đa hệ tình dục của Fredo. Chưa nói đến chuyện người ta xầm xì di nghị, chỉ riêng việc một người đàn ông tự nghĩ về mình như một kẻ đồng tính cũng đáng buồn rồi. Vào thời điểm đó Fredo ở trong một tâm trạng khủng hoảng sợ bị nhận ra song chính điều đó lại giúp cho việc thu xếp trở nên dễ dàng. Nhưng tháo gỡ ra khỏi vụ đó hoàn toàn về mọi mặt, cả pháp lí lẫn tâm lí và dư luận, thì khó hơn. Tuy vậy với thời gian mọi việc rồi cũng nguôi ngoai dần và cũng... coi như ổn. Bây giờ vì một câu nói giận lẫy của Hagen lại vô tình khơi lên đồng tro tàn. “Đừng có tiếp tục nhìn tôi như thế. Nói đi.” Fredo cúi kính gắt.

“Tôi không cố gắng để nói ra một chuyện chẳng ra gì,” Hagen nói. “San Francisco, theo mức độ mà tôi liên quan, chỉ còn là một chuyện quá xưa rồi.”

“Anh đang thực sự bắt đầu làm tôi bực rồi đó, Tom à.”

“Bắt đầu ư?”

Fredo thụi một quả. Rất nhanh nhẹn, bằng tay trái Tom chộp lấy cổ tay của Fredo, vặn téo, xoay vòng và dùng nắm đấm tay phải vut ra một quả đấm vòng cực mạnh vào bụng Fredo khiến chàng ta khụy người xuống. Tom đẩy mạnh và buông tay Fredo ra. Fredo lảo đảo, loạng choạng và rồi đổ xuống trên hai gối, hai tay chống người lên để thở.

“Tôi ghét anh thậm tệ, Tom à,” cuối cùng Fredo nói, vẫn còn thở hổn hển.

“Anh nói gì?”

“Sau khi bước chân vào nhà tôi,” Fredo nói, “anh đã trở thành con cưng của Bố.”

“Nào, Fredo. Anh bao nhiêu tuổi rồi?”

“Mike là con cưng của Má,” anh ta nói, hơi thở chậm lại. “Sonnie thì chẳng cần ai, còn Connie là con gái. Anh biết đấy, tôi là đứa được bố cưng nhất cho đến khi anh bước vào nhà. Anh có biết điều đó không? Có bao giờ anh nghĩ về chuyện đó không? Có bao giờ anh lưu tâm điều đó chưa? Những gì anh lấy đi là của tôi.”

“Đây đâu phải là điều để nói với người mà anh sắp trông cậy để giải quyết bao nhiêu chuyện rắc rối mà anh đã gây ra.”

“Tôi có nói gì thì cũng đâu quan trọng gì?” Fredo nói. “Dầu sao anh vẫn làm. Anh sẽ làm bất cứ điều gì Mike bảo anh làm.”

“Tôi trung thành với gia đình này.”

“Chuyện nhảm. Anh chỉ trung thành với hấn.”

“Hãy lắng nghe lòng mình, Fredo à.”

Chàng ta đứng lên, rồi tấn công tiếp. Cú đâm thứ nhì của Hagen đi thẳng vào gò má của Fredo và khiến chàng ta ngã bổ ngửa.

“Đủ chưa?” Tom hỏi gần.

Fredo ngồi dậy và xoa hai bàn tay lên bộ mặt râu ria lởm chồm mấy ngày không cạo của mình. Chàng ta hít vào mấy hơi thở sâu. “Tôi không ngủ,” chàng nói, “anh biết không, không thực sự ngủ, đã nhiều ngày nay mà không biết tại sao.”

Hagen lấy một điều xì - gà đốt lên. Anh ta rít một hơi dài, thả khói ra và rồi chìa tay ra. Fredo, vẫn còn quì, nhìn lên bàn tay kia một hồi lâu, và cuối cùng nắm lấy.

“Xì - gà?” Hagen hỏi, đút tay vào túi áo ngực.

“Không, cảm ơn,” Fredo nói.

Hagen gật đầu. “Lên đây gặp vợ đi, Fredo.”

“Đừng bảo tôi phải làm gì. Vả chẳng, nàng đâu ở trên đó.”

“Cô ta còn ở nơi nào khác nữa? Hôm nay họ không quay mà.”

“Nàng ở trên đó?”

Hagen vỗ vào vai Fredo. “Tôi thương anh mà, Fredo. Anh biết điều đó chứ?”

Fredo nhún vai. “Tôi cũng thương anh, Tommy,” chàng ta nói, “nhưng mà đồng thời -”

“Tình anh em mình còn hơn thế nữa,” Tom nói. “Thôi quên chuyện vật ấy đi.”

“Dù cho có lúc giận nhau, có đánh nhau đến u đầu sứt trán, thì anh em cũng đâu có bỏ nhau được, phải không?”

Hagen cốc vào đầu chàng ta theo cách lập lòe nước đôi *có thể là thế, có thể không là thế* (maybe, maybe not).

“Phản xạ hay đấy, nhân tiện xin có lời khen,” Fredo nói. “Anh luyện từ hồi nào mà nhuyển quá vậy.”

“Ngồi uống cà-phê ngắm nghĩ ra thôi,” Hagen đáp.

“Anh siêu thật. Nhưng mà này, cà-phê thuốc lá nhiều quá cũng không tốt đâu.”

“Không sao đâu. Tôi là người biết tiết độ mà,” Hagen nói. “Thư giãn đi. Mọi chuyện sắp sửa tốt hơn rồi đấy.”

Ít ra một lần, dầu thật phù du mong manh, Hagen đã có lí.

Deanna đón chào chồng nơi cửa. Nàng hôn chồng thắm thiết, nhiều lần và mở nước nóng đầy một bồn lớn. Chàng trầm mình vào đó trong lúc nàng cạo râu ria cho chàng.

Nàng, đúng thế, là một trong những nữ diễn viên được vinh danh nhất của thế hệ mình, nhưng Fredo tin rằng nhiệt tình mà anh đã toát ra bằng cách ủng hộ nàng, bằng cách tranh đấu vì nàng, không thể là giả dối. Trong toàn bộ khoảng thời gian họ chung sống với nhau, họ chưa bao giờ có một thời gian tuyệt vời hơn trên giường.

“Làm sao một người bình thường như anh lại trở thành chồng em được nhỉ?” sau cuộc ái ân anh khẽ hỏi nàng.

Nàng thở ra, không hề buồn phiền mà có vẻ hạnh phúc. “Đừng xét nét với một vật được ban tặng,” nàng bảo.

“Ở đây em thấy thế nào?” chàng hỏi.

“Em thấy hạnh phúc,” nàng đáp. “Và biết ơn anh về tất cả những gì anh đã làm cho em. Và cả những gì mà anh đã không làm cho em. Ví anh hiểu em. Và hiểu rằng tình yêu là sự chịu đựng.”

Chương 18

Tháng ba năm ấy bố của Nick Geraci đến New York - lần đầu tiên ông đến đó kể từ khi Nick di chuyển khỏi Cleveland. Tất nhiên là ông tự lái xe. Dầu qua đến mấy ngàn dặm kể từ Arizona, ông vẫn lái xe một mình trong ba ngày liền. Cho đến cuối đời ông vẫn là Bác tài Fausto.

Thoạt đầu ngay khi mới đến, dường như ông hài lòng khi nuôi dưỡng cơn giận trong cái vỏ kén tự bao bọc của niềm nuối tiếc hay hờn dỗi, nhiều hiềm oán, vốn đã trở thành một yếu tố nổi trội trong tính cách của ông từ khi được cho về hưu sớm. Ông trừng mắt nhìn vào cái hồ bơi của con mình. Ông không còn điều Chesterfield Kings nào. Cô con dâu Charlotte biếu cho ông một tút thuốc của cô mà ông bảo rằng cũng tốt thôi. Đó là loại thuốc lá cho quý bà, nhưng ông nói rằng một người bạn của ông hút loại đó và ông cũng đã quen với chúng vào lúc cần thiết. Nick nháy mắt và hỏi có phải đó là cô Conchita Cruz. "Hãy cầm niềng về những điều mà mày chẳng biết gì cả, được không? Mày muốn tiền cho những thứ này?" Ông rút ví tiền ra.

"Được rồi bố à. Đừng thế."

"Anh đang đắt sô, có giá lắm, nhưng tôi chi trả theo cách của tôi, hiểu chứ?"

"Chúng con chỉ muốn bố có được thời gian thoải mái thôi mà."

"Một áp lực lớn cho tôi đấy," ông nói. "Tại sao không chú tâm vào công việc của mấy người đi. Và cứ lấy tiền đi, trừ phi đồng tiền của tôi là không tốt."

"Không phải là không tốt nhưng là không phù hợp để chi ra, bố à," Nick nói. "Ở đây bố là khách mời của chúng con mà."

"Khách mời?" Ông cười nhạo. "Đừng có ngốc thế, anh thằng ngốc lớn xác. Tôi là trong gia đình mà."

"Thật vui khi gặp bố," Nick nói, vẫn từ chối cầm tiền, và ôm hôn bố, ông thực sự cũng ôm anh lại, và hai bố con hôn nhau lên má.

Buổi sáng, có năm trăm đô để dưới ví tiền của Charlotte.

Ngày hôm sau, ấm áp một cách hơi trái mùa đối với New York vào tháng ba, họ cùng đi ăn trưa, như một gia đình, ở Patsy's, nhà hàng Ý yêu thích của Geraci ở thành phố này, nơi anh thực sự được dành cho một bàn riêng trên lầu, và sau đó đi chơi một vòng trên du thuyền Circle Line, theo ý tưởng đề xuất bởi Charlotte. Cuộc đi thuyền đó cho người ta nhìn thấy phong cảnh New York mà ngay cả một cư dân bản địa như nàng cũng chưa từng thấy được theo cách khác, hơn nữa dường như là một buổi chiều thích hợp cho một người hàng ngày vẫn để thời gian suy nghĩ miên man và nhìn đắm đắm vào mặt nước. Nick và Charlotte đã hẹn sớm để lấy chỗ cho chuyến đi, nhưng các cô con gái họ trước nay chưa từng được đi chơi thuyền. Barb hiện nay đã vào Trung học và hầu như không thể đi đâu mà không cùng đi với bạn bè - gần cả một liên đội gặp cô ở cầu tàu. Còn Bev, tuy chỉ mới mười một tuổi nhưng trông lớn như chị, đứng kế bên ông nội, đang hỏi ông những chuyện về đảo Ellis mà khi còn bé, là nơi cuối cùng Fausto từng ở khi còn là dân New York. Trong thời gian thuyền chạy từ đó đến đảo Roosevelt cô bé tìm cách bảo ông nội dạy cho mình phương ngữ Sicily. Sau khi họ đi qua Polo Grounds nhưng trước khi đến chỏm phía bắc của Manhattan, Fausto, tinh thần đã có phần hồi phục, kéo riêng con trai ra một bên để bảo rằng, thực ra, ông đến New York vì công việc.

Nick nhúu mày và gõ đầu "Thông điệp từ Người Do thái," ông nói, có ý chỉ Vince Forlanza.

“Chuyện dài lắm. Đây không phải chỗ để nói. Ở đây, chúng ta cách thành Troy bao xa?”

“Troy nào? Troy, là New York?” Nick Geraci khá chắc chắn là bố mình chưa hề kể cho mình nghe một câu chuyện dài đầu bất kỳ loại nào.

“Không phải đâu. Thành Troy với nàng Helen và con ngựa gỗ to tướng đó. Đúng, Troy, để chỉ New York.”

“Chúng ta cần đi đến Troy để bố kể cho con nghe những gì bố cần kể cho con?”

“Chúng ta đâu cần đến Troy làm gì. Chúng ta có thể làm những gì chúng ta cần làm tại nhà anh hay tại Câu lạc bộ Chính trị Henry Hudson khả kính của anh, bất kỳ nơi nào chúng ta có thể bàn bạc mà -”

“Câu lạc bộ Patrick Henry,” Nick chỉnh sửa. Tổng hành dinh của anh tại Brooklyn. Văn phòng của anh.

“Bất kỳ ở đâu. Để tôi kể anh nghe đôi điều. Tôi muốn đi đến Troy. Được chứ? Anh có thể nào bực bội hay ghen tị với một lão già đang chờ chết về một chuyện nhỏ nhặt như thế?”

“Bố chờ chết từ khi nào vậy?”

“Từ ngày mới sinh ra đời.”

“Con nghĩ bố sắp nói từ ngày con ra đời chứ.”

“Anh quá tự tin đến thành tự tôn quá đấy, chàng đất sô ả.”

Hóa ra là, Fausto nghe phong thanh có những cuộc đá gà ở Troy, được cho là ở trên cùng của bang và như vậy hẳn là dưới quyền kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp của Gia đình Cuneo. Fausto vẫn luôn là một kẻ mê đá gà và qua nhiều năm đã đổ bao nhiêu tiền vào một hắc điểm ở Youngstown đến độ lẽ ra phải được ghi tên vào sổ vàng những người khách quý! Tucson có nhiều trường gà nhưng do bọn Mẽ tổ chức và vì vậy Fausto nghĩ rằng chúng chơi gian lận, chứ không phải ăn thua sòng phẳng.

“Thật ra thì đám nào cũng cò gian bạc lận cả thôi, bố à,” Geraci nói. “Chơi tí để giải trí thì được chứ quyết chí ăn thua thì chỉ có từ chết tới bị thương. Chủ sòng mới làm giàu, chứ con bạc mà máu mê thì cuối cùng đều trắng tay cả thôi.”

“Đại thể thì là thế nhưng bọn Mẽ còn tệ hơn. Tuy vậy chúng là những tài năng ‘kỳ bẻo’ xuất sắc, phải công nhận như thế.”

Họ không cần phải rời đi cho đến giữa buổi chiều nhưng Fausto Geraci cần dậy sớm sáng hôm sau từ bốn giờ, nghiên cứu bản đồ đường đi và kiểm tra lại cái động cơ hơi động đánh của chiếc Olds 88. Tất nhiên là ông nhấn mạnh việc chính mình cầm lái. Tay tài xế của Geraci - Donnie Bags, một anh em họ xa, chỉ là một anh chàng biết lái xe thôi, còn ông bố của anh mới là một người cầm lái thực sự, một tài xế cừ khôi. Nếu ai thấy ông ta ngồi sau vô-lăng, phớt lờ mọi chuyện gì khác, có lẽ sẽ cho là ông ta lái như một ông già: đôi mắt kính to tướng, đầu nghiêng về phía trước, bên trên vô-lăng, hai tay mang găng, radio tắt đi để có thể tập trung tư tưởng vào con đường trước mặt. Nhưng ông vẫn luôn luôn lái xe như thế. Trong khi đó ông “đan xen” chiếc Tên lửa 88 đó xuyên qua mạng lưới giao thông chính xác và khéo léo như một Tay đua Thể thức Một (Formula One Racer) mà lẽ ra ông nên là, bay lượn lá lướt từ lần xe này đến lần xe kia, cắt vào những khoảng không gian tưởng chừng như quá nhỏ nhưng thật ra không hề nhỏ song cũng không lớn hơn bề ngang của xe là mấy! Ngoại trừ những chiếc xe hơi

và những chiếc xe tải mà ông đã cố tình làm hỏng theo chủ đích, Fausto Geraci chưa bao giờ gây ra tai nạn giao thông nào. Ông ta có giác quan thứ sáu để đoán biết nơi nào có cảnh sát giao thông phục kích, và, vào những dịp hiểm hoi mà ông bị mấy anh cóm tuýt còi, thì ông cũng biết đo kích cỡ của quan và ngay lập tức biết nên chìa cho anh ta thấy cái huy hiệu chỉ ra rằng tổ đây cũng là một thành viên đã nghỉ hưu của Đội Kiểm tra Xa lộ Ohio (huy hiệu là thật, nhưng là thứ của rơi mà ông tình cờ nhặt được), người nhà với nhau cả mà, hay là nên đưa bằng lái, giấy đăng kí xe kèm một tờ năm mươi đô gấp lại để bên dưới. Ông vẫn luôn để sẵn một tờ năm mươi đô đã gấp lại trong hộp đựng bao tay giữa chiếc huy hiệu và giấy đăng kí xe. Có lần khi Nick lên mười hai tuổi, cu cậu xoáy món tiền này. Và ông bố đã huấn luyện quyền cước cho cậu con một trận lên bờ xuống ruộng. Đây là động cơ thực tế khiến cu cậu bắt đầu tự xưng mình là “Nick” (cho đến lúc đó cu cậu vẫn được gọi là “Junior” hay “Faustino”) và đăng kí học quyền Anh.

Nick chờ ông bố khai khẩu. Dầu câu chuyện như thế nào thì ông ta cũng chỉ sẽ nói khi ông ta thấy thoải mái và sẵn sàng. Và chắc là chuyện lớn. Nếu không ông đã chẳng chịu khó lặn lội đường xa đến thế. Ông có một phong thái nhìn mình như là cuối cùng đã được phó thác cho một công việc xứng tầm với tài năng của mình.

Cuối cùng, khi họ đi vào đầu kia của cầu George Washington và qua hai dãy phố, Fausto Geraci nhìn lại đằng sau con đường một tí, hít một hơi thở sâu, và bắt đầu kể lại cho con mình mọi chuyện mà bản thân ông đã học được từ ông chủ Vinnie Forlanza.

“Con nghe đấy chứ?”

“Với mọi lỗ tai mở rộng.” Nick nói, nhích nhích hai tai.

Hình như là Sal Narducci đã mỗi mòn chờ đợi Ông Do thái về châu Chứa. Nhưng mặc dầu Sal Cười ngất có lẽ từng giết hàng đồng người trong suốt một đời dọc ngang giang hồ gió tanh mưa máu của mình, song lão ta cũng không thể giết vua để soán ngôi. Nhưng lão ta cũng không vì thế mà không muốn hạ bệ ông chủ, song muốn theo một cách nhẹ nhàng hơn để không mang tiếng thí quân sát chủ. Lão ta tìm cách làm cho Forlenza cảm thấy nhục mà phải “thoái vị” và nhường ngôi cho lão. Trước tiên bằng cách cho người phá hoại chiếc máy bay đó - đúng, chiếc máy bay đó - và sau đó thực hiện ý tưởng bắt cóc Nick từ bệnh viện và giấu đi với ý định làm cho Forlenza trông có vẻ khinh suất và yếu thế, và điều này có lẽ ít ra cũng có hiệu quả nhất định.

“Nhưng này, *Át chủ bài*,” Fausto nói, gọi cậu con bằng hỗn danh, như luôn luôn là thế, với một chút cạnh khóe, nhạo báng trong giọng nói, “cũng đừng chạy theo nít áo ông chủ của anh, nghe chưa? Chính tay *dại gian hùng* này đứng đằng sau mọi chuyện đấy.”

Nick Geraci cảm thấy điều này hơi khó tin.

“Anh nghĩ tại sao anh vẫn còn sống, hỡi anh to đầu mà đại?” Fausto nói. Anh nghĩ họ để anh sống nếu họ nghĩ rằng anh đã rối loạn tinh thần? Có bao nhiêu kẻ anh biết từng làm chuyện như anh nơi cái hồ kia mà không kết thúc bằng cách trở thành *hai người chung một cái đầu*, butta-beepa-da-boppa-da-boop?”

Có đầy đủ lí do. Michael cần anh. “Vụ rơi máy bay được cho là tai nạn.”

Fausto thở ra. “Mọi người bảo tôi rằng tôi có phúc sinh được đứa con thiên tài. Anh tin nổi điều ấy không?”

Lúc đó Nick chỉ nghĩ rằng anh không có ý tưởng nào về chuyện những người làm việc cho Cơ quan Quản trị Hàng không Hoa kỳ là loại người nào, có thể hay không thể hối lộ cho họ là

chuyện dễ dàng đến thế nào. Mặc dầu vẫn luôn luôn có những người được trả lương thấp, không có quyền lực gì mà người ta có thể lung lạc: một chàng thợ lặn, một phụ tá trong phòng thí nghiệm hình sự, một kẻ nào đó có thể nói dối về những vấn đề sinh tử chỉ vì một nhúm tiền mặt hay một đêm ngủ với một em mái tơ hạng sang.

Một hồi lâu Nick không nói gì. Anh chàng yên lặng nghe. Bố anh lướt qua chuyện đó. Mọi chuyện cứ đổ dồn vào. *Đã có cái gì đó được tuồn vào trong các bình xăng.* Don Forlenza đã hình dung ra chuyện ấy khi ông nghe phong thanh về việc một anh chàng được đi nghỉ phép ở Las Vegas và biến mất luôn. Anh chàng đó là một thợ cơ khí, nhưng cũng là một người anh em họ, muốn hết lòng chứng tỏ là một người có khả năng. Fausto bật cười. “Bản thân tôi có thể quả quyết với anh rằng những kẻ đó không để ai lọt lưới một khi đã biết được những bí mật chết người của họ.”

Fausto cho xe giữ vững tốc độ tám mươi tám, như cái tên của hiệu xe nói lên điều ấy.

“Dầu thế nào, thì người anh em họ cũng không trở về từ Las Vegas, và người bạn thân của anh ta, một người anh em họ khác, quay về trụ sở hội, cố tìm hiểu xem chuyện gì xảy ra. Một tia sáng lóe lên trong đầu ông Do thái. Một thợ cơ khí. Mất tích, có lẽ -” Fausto tạo dáng bàn tay phải thành một khẩu súng, nghiêng người qua và làm bộ như bắn vỡ sọ anh con trai. “Thế là Forlanza kêu anh chàng kia vào phòng riêng để nói chuyện. Hỏi một câu chỗ này, một câu chỗ khác, butta-beepa-da-boppa-da-boop. Anh chàng này biết mọi chuyện. Phần còn lại anh có thể đoán.”

“Bố có ý chỉ gì mà nói’ *phần còn lại anh có thể đoán?* Ông lại chơi trò đánh đố, bố ai biết đâu mà lặn. Hay bố muốn nói, *những gì còn lại từ anh chàng kia chỉ là... một chút tro tàn vào nơi gió cát?*”

“Có chút thông minh đấy. Thôi quên vụ anh chàng kia đi. Nói tóm lại là, ông chủ của anh và Sal Cười ngất đã sai chàng thợ cơ khí chết toi đó tuồn cái gì đó vào bình xăng của anh. Nhìn vào hộp đựng găng tay đi, chàng trai thông minh.”

Nick nhìn ông bố. “Tới đi,” Fausto nói. “Tôi sẽ không đánh anh như ngày xưa đâu.”

Ba mươi năm trước cuộc chỉ dạy quyền cước đến bò lê bò càng đã diễn ra khá là gay go, và từ đó đến giờ họ chẳng hề nhắc tới nữa. Ba mươi năm giữa bố và con có thể trôi qua như thế. Và thực sự thì thời gian cũng làm được nhiều việc.

Giống như phần còn lại của chiếc xe, cái hộp đựng bao tay không vương tí bụi: chiếc huy hiệu, được xếp ngăn nắp trên tờ năm mươi độ được gấp lại (mà Nick cẩn thận tranh không động đến), giấy đăng kí xe, hai phong bì màu trắng và sách hướng dẫn sử dụng xe cho người sở hữu. Một phong bì đựng những ghi nhận dịch vụ cho xe. “Phong bì kia,” Fausto nói. “Cái kia kia.”

Bên trong là sáu vé xe lửa đi Cleveland, cho Nick và năm thuộc hạ của anh, điều này khiến cho mọi nghi ngờ nào về bất kỳ một cuộc mai phục nào ở đó sẽ là khó chấp nhận.

Fausto giải thích vào chi tiết về chuyện nơi nào cần đến và những biện pháp an toàn cần tuân thủ để gặp Don Forlenza, có thể diễn ra nơi Bảo tàng Nghệ thuật Cleveland, giữa những cuộc trưng bày và lúc đóng cửa với công chúng. “Có lẽ anh không nhớ bác Polack Mike Zielinsky ngày xưa thường làm chung với bố?”

“Bố nói nghiêm túc đấy chứ? Dĩ nhiên là con nhớ.” Polack Zielinsky là người bạn cố cựu của gia đình từ xưa đến giờ. Bác ta là bố đỡ đầu chị của Nick và là một trong những người bạn chí cốt nhất của Fausto.

“Tốt, vậy thì ổn. Đến viện bảo tàng đúng chín giờ mười lăm. Anh sẽ thấy lão béo ấy đứng bên ngoài kể bên Người Suy tư -”

“Tác phẩm điêu khắc?”

“Ờ, một bức tượng. Ở phía trước.”

“Con biết.”

“Bác ấy ở đó - bác Polack, không phải bức tượng - anh biết những đồ vật ở đó đều tuyệt hảo, tiếp tục đi vào. Nếu không gặp Polack, thì quay trở lại khách sạn, bác sẽ đợi anh ở phòng khách.”

Đối với Nick Geraci, toàn bộ vụ việc này đã đi từ khó tin đến khó chấp nhận. Nhưng đâu có thể là những động cơ của Michael? Tại sao hắn lại muốn giết mình?

“Tôi biết anh đang nghĩ gì.” Fausto lắc đầu. “Anh quả là ngây thơ.”

“Bố hình dung thế nào?”

“Anh đã làm việc trong tuyến này bao lâu?”

“Quan điểm của bố là gì?”

“Quan điểm của tôi là,” ông bố nói,” chẳng quan điểm mẹ gì cả. Chuyện vô nghĩa được làm chẳng vì lí do gì, chẳng có nghĩa gì cho bất kỳ ai, trừ ra với người làm chuyện đó và những người tham gia vào chuyện đó. Phần lớn thời gian họ cũng chẳng biết đó là chuyện vô nghĩa. Họ chỉ làm chuyện vô nghĩa, thế thôi. Anh chưa chết từ lâu quả là một phép lạ đấy, chàng đất sô ả.”

Quả là tốt khi cuộc lái xe đến Troy khá dài và bố anh không phải là người ham nói. Những khoảng lặng dài giúp cho Nick Geraci có thời gian để hình dung ra những gì cần làm. Dầu thế nào anh cũng phải cạnh tranh để sinh tồn. Anh nhìn sâu sát hơn vào bản chất của mọi sự việc, kiểm chứng những gì mình có thể kiểm chứng mà không gửi đi một hiệu kỳ nào. Anh sẽ tính kỹ từng nước đi. Anh sẽ học hỏi thêm. Anh sẽ xem xét mọi nước đi, từ mọi góc cạnh.

Một điều mà anh biết chắc: nếu những gì bố anh nói là thực sự đúng, Nick Geraci sẽ hình dung ra độc chiêu nào dành cho Michael Corleone khiến đem lại đòn đau hơn cả cái chết.

Họ đến Troy. Những trận đá gà được tổ chức trong một ngôi nhà trước đây là xưởng làm nước đá. Mặt tiền nơi đây đã được xây dựng lại thành một quán bar. Có một bãi đậu xe rất rộng phía sau tòa cao ốc, khuất tầm nhìn từ mặt đường.

“Làm sao bố biết được chỗ này, hử Bố?”

Fausto Geraci đảo tròn mắt. “Anh biết mọi luật lệ liên quan đến chuyện ra vào các cửa ải, đúng không? Còn lão già này tuy chẳng bèn mắng đến các trường cao đẳng hay đại học luật ngày nào nhưng lệ làng thì cũng biết ít nhiều.”

Nick lơ đi chuyện đó. Họ đi ra. Bố anh than phiền chuyện trời lạnh dầu xưa nay ông từng là kẻ chịu lạnh rất cừ ở Cleveland.

“Bây giờ đang là tháng ba ở New York mà bố.”

“Anh chịu lạnh giỏi hơn ta đấy.” Ông đứng lại để đốt một điếu thuốc, cười nhạo một tiếng, lầm bầm điều gì đó, và hướng về phía cửa.

“Cái gì vậy?”

“Tôi nói ‘Tôi có thể thấy rằng cuộc không chiến kia là một vụ mưu sát khoa học.’ Ông đang di chuyển khá nhanh so với một người già cỡ tuổi đó.”

“Bây giờ bố có thể làm gì?”

“Từ quyển sách Eddie Rickenbacker của anh đấy, thừa ngài thiên tài,” Fausto nói. “Ông ta đã nói như thế. Còn anh bỏ lại quyển sách của ông ở nhà tôi. Làm ơn nào, đừng nhìn tôi như thể anh nghĩ rằng một chữ bẻ đôi tôi cũng không đọc được vậy.”

Nick ngờ ngợ nhớ lại rằng câu đó ghi ở bìa gập quyển sách thì phải.

Bên trong, những người Nick không biết nhưng họ lại nhận ra anh và nhường đường cho anh. Chuyện này xảy ra nhiều ở New York, nhưng thật dễ chịu khi xảy ra ở đây, qua đôi mắt bố anh.

Họ đi đến toa -lét quý ông. “Vài lời cuối về đề tài,” Fausto thì thầm, mắt nhìn lên tường phía trên máng tiểu. “Anh muốn tôi trông chừng người anh biết là ai” - ông buông cu ra, quay sang con trai, và búng các ngón tay, bằng cả hai tay - “Tôi sẽ làm chuyện đó, ngày mai.”

Nick cười. “Cám ơn bố,” anh nói. “Con sẽ cho bố biết sau.”

“Đừng coi nhẹ lão ta,” Fausto nói, vừa kéo phéc -mơ -tuya lên. “Trong lúc thịnh thời lão ta đã đưa nhiều người đi châu Diêm vương hơn -”

“Con sẽ không để sơ sẩy đâu. Nick rửa tay và giữ cửa cho bố ra trước. “Để con đánh cược cú đầu nhe.”

Anh đặt cược bằng chính năm tờ trăm đô mà bố đã để dưới ví Charlotte. Vào con gà Mặt Xanh xấu xí to xác, một con ở kèo dưới được chấp mười ăn một mà họ thấy lần đầu trong lồng đang ỉa ra tùm lum. Fausto nhìn vào đồng phân tiêu chảy của con gà và còn cho một ngón tay vào một giọt lầy nhầy rót trên sàn rồi đưa lên mũi ngửi. Sau ba mươi giây giao đấu, con gà ỉa chảy kia đã nhảy song phi lên móc cửa vào động mạch cảnh của địch thủ và con kia, máu tuông ra òng ọc từ cổ, quáng quàng chạy ra khỏi vòng đấu. Như Bác tài Fausto đã đoán, chuyện ỉa chảy kia chỉ là chiêu lừa, được bơm vào hậu môn với muối Epsom.

Bố con nhà Geracis cứ mặt lạnh như tiền, tỉnh táo nhận định thế trận và tương quan lực lượng và đoán trúng gần như đến tám mươi phần trăm. Kết quả là hai bố con vớ được một châu khờ khớ!

Chương 19

Pete Clemenza đang chủ trì buổi họp mặt ăn tối ngay bên ngoài Khu Quần áo, một địa điểm với phòng ăn phía sau nơi không ai ngoài gia đình Clemenza từng ngồi vào. Người sở hữu địa điểm này đủ già để đứng vào hàng cha chú của Pete và Pete cũng đã lên hàng thất thập. Họ đã là bạn vong niên của nhau lâu hơn là ai trong hai người có thể nhớ. Buổi sáng đặc biệt đó, ông chủ bệnh ở nhà và Pete vào nhà bếp, một khăn làm bếp phủ bên trên bộ đồ lụa, nấu món trứng với tiêu, hành thái nhuyễn, và chỉ những lần dây cho đám người làm việc cho bạn mình, giữ cho chúng thẳng hàng. Hai bộ hạ của Clemenza ngồi ở một cái bàn bằng kim loại để trong góc, nghe Clemenza kể chuyện. Đây là điều ghi dấu ấn tình thân giữa ông và Vito Corleone. Pete là một người kể chuyện bẩm sinh còn Vito lại là người nghe bẩm sinh.

Chuyện này xảy ra năm năm trước, ngay sau khi Pete vừa ra khỏi nhà tù trong một quãng thời gian ngắn mà ông tạm nằm ấp vì tội danh tống tiền (bản án bị lật ngược khi kháng cáo). Pete đã đi xem chiếc Tivi mới của Tessio. “So sánh với những chiếc Tivi trong các hàng quán bình dân,” Pete nói, “thì chiếc này rõ nét đến độ làm bạn sướng đến... cứng cu” (it made your dick hard). Hôm đó là tối thứ năm, và Tessio kêu mấy người chúng tôi đến xem các trận đấu, làm mỗi người vài ve và đánh cá hữu nghị với nhau chơi. Pete kể chuyện tếu làm mọi người cười lăn lộn.

Clemenza thích chí cười sặc sụa và ngã lộn nhào trên vĩ nướng.

Mọi người có mặt ở đó đều tưởng ông sắp cười một tràng lớn nữa. Trong một lúc - trong khi trái tim to tướng của ông béo thối mạnh như một cái lốp xe tải cũ. Ông đã bị đột quỵ tim. Sau đó thịt từ gương mặt phì phì của ông cháy sém và nổ lách tách và tấm khăn choàng cháy thành lửa ngon. Mấy người kia nhảy lên và kéo ông ra khỏi vĩ nướng. Họ lập tức dập tắt ngọn lửa.

Tất cả những thành viên ban đầu của Công ty Dầu Ô - liu Nguyên chất Genco - từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vito Corleone đến Giám đốc Điều hành Genco Abbandando và hai Trưởng phòng Tiếp thị và Kinh doanh, Sal Tessio và Pete Clemenza đều đã qua đời.

Nhà ga xe lửa Cleveland gần sát bờ hồ đến độ những cơn gió giạt lạnh buốt làm cho những hành khách vừa bước xuống tàu đều liêu xiêu. Nick Geraci lão đảo suýt ngã và hai bộ hạ của anh ta cũng suýt cuốn theo chiều gió. Eddie Paradise ngã và gãy một cánh tay, mặc dầu vài ngày trước đây chàng ta *đã hình dung ra chuyện đó*.

Ông già Polack đứng bên ngoài Bảo tàng, kể bên Người Suy tư.

Hôm đó là ngày trước tang lễ của Clemenza và một giờ sau khi Bảo tàng Nghệ thuật Cleveland đóng cửa. Geraci được dẫn đến một căn phòng toàn màu trắng, trống vắng hoàn toàn, trừ sự có mặt của Vincent Forlanza - người hiến tặng nặc danh hào phóng nhất trong lịch sử của viện bảo tàng danh tiếng này - và chiếc xe lăn của ông. Ông lệnh cho thuộc hạ kiểm một cái ghế cho Ông Geraci nhưng Geraci nói rõ rằng, được thôi, chàng ta sẽ đứng để nghe nghĩa phụ dạy bảo. Cô điều dưỡng cùng tất cả các vệ sĩ của Forlanza đứng hầu ở đầu kia của căn phòng dài.

Geraci thú nhận rằng xung động đầu tiên của chàng ta là ra lệnh phá hoại xe của Sal Cười ngất và dàn cảnh sao cho giống một tai nạn. Đời có vay có trả, thế mới là công bằng. Còn Forlanza thì có ý cài bom vào xe Narducci để biến chủ nhân nó thành vài trăm mảnh tan tành vào hư không. Cài bom vào xe là đòn sát thủ đặc trưng của các Gia đình miền Trung tây nước Mỹ. Đây là cách tiết kiệm lao động tối ưu, khỏi phải tốn công *tái lắp ráp* các thi thể (và dầu có muốn thì cũng... vô phương!).

Họ bàn luận về những điều kiện tiện và bất tiện trong việc dùng nhục hình tra khảo Narducci, như Forlenza đã vận dụng với người bạn thân của anh chàng thợ cơ khí đã chết. Nhưng mà xét ra Narducci sẽ chẳng có gì để cho họ biết ngoài những chuyện họ đã biết chắc rồi. Nếu cần khử lão ta, có thể ban cho lão vài phát ân huệ vào đầu hay một quả đại pháo cho xe lão thăng thiên. Đơn giản thế thôi, chứ bày vẽ tra khảo làm gì cho thêm phần rắc rối vô ích, mà lại có vẻ bất nhân với một cựu chiến hữu đã từng sống chết có nhau. Ày, người ta phải ăn ở cho có hậu, là thế!

Nhưng Geraci thuyết phục Forlanza để cho Narducci sống. Ít ra là hiện nay.

Trước nhất, nếu Narducci chết hay biến mất, Michael Corleone sẽ chăm chăm vào họ. Vả chăng Narducci, khi ta đã biết tẩy lão rồi mà vẫn tỉnh như không, thì sẽ không còn là một đe dọa đáng kể nữa. Lão ta sẽ tìm cách tác động đến Forlenza theo cách gián tiếp nhất có thể. Hơn nữa, theo như hiểu biết của Geraci, chưa có *consigliere* nào lại đi phản bội chủ một cách thẳng thừng. Trong trường hợp của Narducci, nếu lão ra mặt hạ bệ Forlanza, điều đó sẽ gây ra xáo trộn khủng khiếp cho tổ chức ở Cleveland và lão sẽ khó lòng mà thu phục nhân tâm để yên vị trên ngôi mình chủ. Còn Forlanza muốn xử lí Narducci cũng phải khéo léo tính toán thế nào để vụ việc không có vẻ như được ra lệnh hay ngay cả là được dung thứ bởi Don Forlanza. Đã là huynh đệ "đào viên kết nghĩa," thì sống chết có nhau, có phúc cùng hưởng có họa cùng chịu, mà đến khi có kẻ hai lòng thì sẽ đẩy nhau vào chỗ khó là vậy.

Giết Michael Corleone có thể là một chọn lựa khác, và, cũng như giết Narducci, là một chọn lựa thỏa đáng (Về mặt lương tâm, không có gì phải ray rức cả). Thế nhưng, tính toán điều hơn lẽ thiệt, chuyện ấy sẽ đưa đến đâu? Hồn loạn, chiến tranh, mất đi hàng chục triệu đô la lợi nhuận trong thời gian đánh nhau. Ngay cả nếu thắng, thì họ cũng chịu thiệt.

Trước mắt, chiến thuật của họ sẽ là nhắm mắt làm ngơ đối với những kẻ đã phản bội mình và dồn nỗ lực vào việc xây dựng một mạng liên minh mới. Geraci đã làm việc với Tony Stracci và tổ chức của ông ta. Forlenza có những quan hệ hữu hảo với Paulie Fortunato. Với cái chết của Clemenza, Geraci sẽ kiểm soát mọi tác vụ thường nhật của Gia đình Corleone ở New York. Trên thực tế, hiện nay anh đã là một ông chủ. Như vậy, họ là ba trong số "Năm Ước Ngũ Đại Gia" (The Five New York Families).

Chìa khóa sau đó sẽ là Chicago. Louie Russo đã có sẵn một liên minh bao gồm Milwaukee, Tampa, Los Angeles, New Orleans và Dallas. Kết hợp liên minh đó cùng với những gì mà Geraci và Forlanza có thể xây dựng và lúc đó Michael Corleone chỉ còn có nước ngửa mặt lên trời mà than rằng *Trời đã sinh Mike sao còn sinh Nick!* Tức chết đi được mà lại không chết được, thế mới càng tức hơn!

Đòn trả thù hiểm nhất đối với Michael Corleone chính là cú ăn miếng trả miếng này.

Họ sẽ cài Fredo thành quân tốt đen, theo cùng cách mà Michael đã thử dùng Geraci.

Chiếm vị thế "Tọa sơn quan hổ đấu" họ sẽ ung dung ngồi xem những kẻ thù của mình cẩu xé nhau.

Thật từ từ, thật cẩn trọng, nghĩ cho chín nước cờ, họ sẽ là *ngư ông đắc lợi*.

Tàn cuộc chiến, Cleveland và Chicago và những Gia đình Trung tây khác sẽ lại kiểm soát Trung Tây và Viễn Tây. Nick Geraci sẽ là ông chủ của những gì trước đây vẫn thuộc về Gia đình Corleone, kinh doanh trong và chung quanh New York. Điều họ cần làm là đặt Fredo ở giữa Michael và Hyman Roth.

Don Forlanza lắc cái đầu mảnh dẻ, nhỏ nhắn (nhưng không hề thiếu năng trí tuệ đâu nhé!). Các

nhà xác đầy những người mới tới trông có vẻ còn đầy sức sống hơn cả Ông Trùm ngày xưa. “Nói tôi nghe thử, Fausto,” ông nói. “Tại sao Fredo lại làm chuyện đó?”

Fausto. Chỉ có ông và Michael Corleone gọi Geraci bằng *Fausto* và chuyện này luôn làm anh hơi bực, một tí thôi. Còn Fausto bố không hề gọi anh bằng cái tên này thêm chữ con, cũng không bao giờ gọi là Faustino mà là những biệt danh pha chút mỉa mai, *Thiên tài. Chàng đất sô. Át chủ bài.* Thế nhưng bên trong cái vẻ gầy gò, cạnh khóe kia anh vẫn cảm nhận cái chất âu yếm của tình phụ tử.

“Cái lần mà chàng ta khóc lóc trên đường phố New York sau khi bố mình bị bắn?” Forlanza nói. “Có phải chuyện đó xảy ra sau khi người anh Sonny của chàng ta đứng về phía chống lại Gia đình về vấn đề ma túy?”

Don Forlanza vẫn chưa có ý niệm nào về chuyện chính nghĩa tử của mình lại là nhà nhập khẩu heroin lớn nhất xứ Huê kỳ. “Con không biết,” Geraci nói. Mặc dầu thật ra anh ta biết, tất nhiên. “Hình như là thế.”

“Sonny ít hay nhiều đã khiến cho Vito bị bắn, đó là câu chuyện tôi được nghe. Tôi không nghĩ rằng, anh chàng Fredo này, sau một kinh nghiệm như thế, lại làm điều gì còn tệ hơn.”

“Trước nhất,” Geraci nói, “Fredo luôn say sưa bết nhè nên hay lỡ việc khiến anh em anh ta rất bực bội và chẳng còn tin tưởng để giao trọng trách cho anh ta nữa. Đến lượt nó, điều này lại làm cho anh ta phẫn khích vì thấy bị coi thường, phải chịu dưới cơ, lép vế quá nhiều so với thằng em. Mâu thuẫn nội bộ phát sinh từ đó. Lại nữa anh ta còn có một cuộc hôn nhân tồi tệ đến khó tin với một cô vợ đẹp đến mê hoặc, tài năng xuất sắc, danh tiếng lẫy lừng nhưng cũng lằng lơ trơ tráo đến không thể nào chịu nổi! Loại đàn bà như thế mà không làm cho anh khuynh gia bại sản mới là lạ! Chưa kể là còn có thể mang họa sát thân hay nằm ấp bóc lịch triền miên cũng là những chuyện hoàn toàn nằm trong tầm tay! Nên anh chàng Fredo này rất dễ mất tự chủ. Thứ nhì, và đây là cách chúng ta khiến anh ta tự treo cổ -”

“Tự treo cổ?”

“Một kiểu mỹ từ pháp thế thôi.”

Forlanza nhún vai. “Nếu anh ta muốn tự treo cổ thì anh ta cứ việc tự treo cổ.”

“Được, tốt thôi. Chắc chắn rồi. Đường nào cũng thế. Chuyện là thế này: Fredo nảy sinh ý tưởng về việc xây dựng một thành phố cho người chết ở New Jersey. Anh ta giống như một kẻ tưởng mình được một khái tượng tôn giáo hay gì gì đấy.”

“Thành phố cho người chết?”

“Một dự án rất lớn về việc di dời nghĩa trang. Chuyện dài lắm. Michael không nhất trí và có lẽ là anh ta đúng. Làm thế nào mà Fredo, đã chuyển về sống ở miền Tây và kết hôn với một mình tinh mần bạc, lại có thể quản lí một công cuộc kinh doanh lớn, mới mở màn - trên lãnh địa của Gia đình khác, dầu ít hay nhiều? Điểm chính là Fredo nghĩ rằng anh ta xứng tầm với công cuộc kinh doanh hàng tỉ đô-la còn Mike thì quá bận bịu với chuyện làm ăn ở Cuba nên không có thời gian để bàn việc với anh cho đến đầu đến đuôi, Hay là quá bực với chàng Fredo nên không muốn cho chàng ta gì hơn là một tước vị tượng trưng và một nhà thổ hợp pháp để quản lí. Ý chừng muốn nói, tài năng cỡ anh, bản lĩnh cỡ anh thì như thế là vừa tầm rồi, đừng đòi với cao hơn nữa, chỉ tổ rách việc!”

Geraci vừa nói vừa nghe mình nói tất cả những lời này và biết rằng không còn đường quay lại nữa. Anh đã quyết tâm đứng về phía chống lại Gia đình Corleone rồi, dầu ngoài mặt hãy còn

tạm thời làm ra vẻ phục tùng, tận tụy. Trung thành phải là một con đường hai chiều. Nick Geraci này chưa từng thở một hơi thở bất trung - cho đến khi Michael Corleone muốn thí mạng ta để được việc cho hẳn.

Báo thù, trong tự điển của Nick, khác hẳn với phản bội.

Don Forlanza nhắm mắt lại và ngồi yên lặng hồi lâu đến độ Geraci nhìn vào ngực của ông để chắc rằng ông vẫn còn thở.

"Hyman Roth đã là đối tác với nhà Corleones," Geraci nói, "còn lâu hơn cả chuyện ông ta hợp tác với bố, nhưng cú làm ăn mà ông ta và Mike đang bàn tính ở Cuba lớn quá đến độ họ đang đi đến chỗ bế tắc." Geraci lại gần hơn. Anh hơi lên giọng, đủ để đánh thức Forlenza, nếu cần. "Chúng ta có thể dùng Fredo để phá hỏng chuyện này. Roth vẫn còn nhiều ảnh hưởng chính trị ở New York. Nếu Fredo nghĩ rằng Roth sẽ hậu thuẫn cho dự án nghĩa địa kia thì anh ta sẽ rất nôn nóng lôi kéo sự quan tâm của ông ta."

Forlenza tiếp tục thở. Mấy ngón tay ông giật nhẹ tầm chăn trong lòng ông.

"Những gì chúng ta cần làm," Geraci nói, "là thông qua Louie Russo đối với mọi chuyện. Đám ở Los Angeles là những con rối trong tay Russo. Fredo rất thân thiết với nhiều người trong bọn họ. Chuyện xảy ra là chúng ta làm cho Russo đánh tiếng cho L.A. Gussie Cicero hay người nào đó có thể dàn dựng sao cho một trong những thuộc hạ của Roth - Mortie Whiteshoes, Johnny Ola hay một tên nào đó - tình cờ chạm trán Fredo ở Beverly Hills. Fredo sẽ cho những thuộc hạ của Roth bất kỳ thông tin nào về Mike mà chúng muốn bao lâu mà anh ta nghĩ rằng phần thưởng sẽ là nếu bố chết ở New York thì Fredo sẽ có được phần lợi từ đó."

Cuối cùng, Forlanza nhìn lên. "Làm cái đéo gì mà ta sẽ chết ở New York City?"

"Thưa nghĩa phụ, con tin chắc rằng nghĩa phụ sẽ không bao giờ chết ở nơi nào khác."

Forlenza xua tay anh và bật cười. "*La testa di cazzo, hử?*" Điều gì khiến anh tin chắc là Lão Mặt Đéo sẽ chấp nhận kịch bản này?"

"Lão ta sẽ được lợi từ đó. Đây là điểm chính. Nhưng lí do khác là nhân vật mà lão sẽ liên minh với là bố, ông Trùm duy nhất không phải là con rối cũng không phải là kẻ thù của Russo."

"Con nghĩ thế hử?" Forlanza hỏi, rõ ràng là thấy khoái vì được nịnh đúng.

"Con không được như ngày hôm nay nếu con không chuyên cần chịu làm bài tập ở nhà, bố biết mà."

Forlenza mỉm cười. Ông biết. Ông chấp thuận kế hoạch và đóng dấu bằng một nụ hôn.

Nếu có chuyện chuệch choạc, sự chệch bại, trách móc sẽ đổ xuống đầu Russo. Nếu lớp cách ly đó thất bại, lời chê trách sẽ rơi vào Forlanza, người có thể tin cậy, trong việc giao dịch với Russo, sẽ không nhắc đến Geraci - vừa để bảo vệ nghĩa tử của ông và cũng bởi vì ông muốn nhận công lao về mình cho kế hoạch này. Geraci không muốn lời chê trách rơi vào Forlanza, nhưng lỡ có rơi vào ông thì cũng đỡ hơn là rơi vào Nick Geraci.

Trên trường kỳ, họ sẽ bàn vào chi tiết.

"Tin con đi," Geraci nói khi họ kết thúc. "Fredo ngốc lắm, anh ta sẽ phản bội Mike mà vẫn nghĩ rằng mình đang giúp cho em mình."

“Đừng bao giờ nói *Tin tôi đi*. Bởi vì sẽ không ai tin những lời đó đâu.”

“Thật thế à?”

“Tin tôi đi.”

Geraci cười nhả nhỏ “Nhưng bố tin con chứ, phải không, thưa Nghĩa phụ?”

“Tất nhiên rồi, ta tin. Tất nhiên.”

“Đủ để chấp nhận cho con một ân huệ? Một tình tiết kết thúc chúng ta chưa bàn đến?”

Forlanza cong môi lên và xoay cả hai lòng bàn tay ra phía trước, một cử chỉ có ý nói -ta -nghe -đi.

“Đến đúng thời điểm,” Geraci nói, “Con muốn tự tay giết con chuột Narducci đó.”

Con chuột đó. Trong con mắt tâm linh của mình, Geraci thấy con chuột nước đó nhảy ra khỏi ruột kết của cái thầy ma mà Sal Cười ngất đã ném xuống sông, cái xác mà người ta đã tưởng lầm là Gerald O'Malley.

“Nói thật với con là,” Forlanza nói. “Ta cũng đã định nói con làm điều đó.”

Clemenza vốn là bạn cố cựu nhất của Vito Corleone, thế mà thành viên duy nhất trong gia đình ông Trùm quá cố đến New York dự tang lễ chỉ có Fredo. Carmela bị máu đông cục, lần này ở hai cổ chân, và không thể đi xa. Michael bận công việc. Kay theo như nhiều người nghĩ, chắc là sắp rời xa anh ta. Connie đã bỏ rơi anh chồng thứ nhì, chàng kế toán trông mặt thấy chán chết Ed Federici, để bay sang công quốc Monaco, nghỉ dưỡng trần truồng trên các bãi biển, đủ đôn cùng đám ma cô châu Âu chuyên đi moi tiền mấy chị nạ dòng rũng rĩnh tiền bạc, no thịt rừng mỡ mà các anh chồng thì lại chán cơm thềm phố. Thôi thì anh ăn chả, ả ăn nem, hai bên cùng vui vẻ!

Có điều không rõ, với Nick Geraci, là tại sao Hagen không thể đến. Cùng thắc mắc đó với mọi thành viên của tổ chức ở Nevada, ngay cả Rocco Lampone, một anh chàng đi cả đoạn đường dài từ một cựu chiến binh loãng xoàng rất ít triển vọng đến địa vị *caporegime* hiển hách, mỗi bước đi đều có sự hậu thuẫn của Clemenza. Không ai ngoài Fredo, được gửi đi vì giá trị tượng trưng, hẳn thế, mặc dầu khi Geraci đón anh ta ở sân bay Fredo nói rằng anh ta sẽ không để lỡ cơ hội, vì bất kỳ chuyện gì, để tỏ bày kính ý với bác Clemenza thân thiết mà anh rất mực quý mến ngay từ khi còn nhỏ.

Trên đường đến tang lễ, trong một cơn bão tuyết, Fredo Corleone và Nick Geraci dừng lại để tản bộ qua Vườn Bách thảo Brooklyn. Đây từng là nơi chốn yêu thích của Tessio để bàn công việc và cũng đã trở thành nơi ưa thích của Geraci. Ở đây không bao giờ quá đông người, nhất là vào ngày thường, để trở thành khó nói chuyện riêng. Ưu điểm nữa là, ở đây không sợ bị nghe lén.

Tuyết rơi thành những bông ẩm ướt, đường kính cả bốn inches hoặc hơn. Vườn Đá tảng nhìn giống như bề mặt gỗ ghe lồi lõm của mặt trăng. Léo đéo theo sau với một khoảng cách khá xa, đủ ngoài tầm nghe, là bốn thuộc hạ của Geraci gồm Momo Con Gián, Eddie Paradise và hai anh chàng mới đến từ Sicily, rất hăng hái lập công để lấy lòng tin của chủ nên luôn sẵn sàng làm bất kỳ chuyện gì được sai bảo. Hai người khác, Tommy Neri, đi theo Fredo, và tài xế của Geraci, Donnie Bags, ở lại coi xe.

“Theo những gì tôi nghe,” Fredo nói, “đó là cơn đột quỵ tim của Pete không phải là đột quỵ tim

như y học định nghĩa.”

“Giải phẫu tử thi bảo là đột quỵ tim mà,” Geraci nói. “Làm cho ai đó có được cơn đột quỵ tim? Ôi lay Chúa! Ai mà giỏi quá vậy? Biết tôi nghĩ gì không? Người ta xem Tivi nhiều quá nên đầu óc bị đầu độc nặng rồi. Không có ý xúc phạm đâu nhé.”

“Có cũng chả lấy,” Fredo nói. “hơn nữa là, không chừng bạn nói đúng đấy.” Lời xàm xì được loan truyền nhiều nhất đó là những kẻ nói rằng họ đã kéo Clemenza ra khỏi vĩ nương thực ra là chính họ đã đẩy ông ta ngã sấp mặt trên đó, rằng những kẻ đó đã mưu đồ quay sống ông ta và đốt cháy luôn phòng ăn, nhưng họ đã gặp may: đúng lúc đó ông ta lên cơn đột quỵ tim và thế là mọi chuyện được thu xếp theo hướng mới mà họ không phải tốn công sức gì nhiều. Có những người cả bên trong lẫn bên ngoài binh đoàn của ông ta bị nghi ngờ vụ mưu sát, nếu quả thực có vụ mưu sát, một chủ đề hiện đang được tranh luận rộng rãi nhưng không công khai lớn tiếng mà bằng những lời xì xầm.

Điều đó cũng không ngăn cản những lời xì xầm khác đang túa ra khắp bốn phương. Nhiều người dường như nghĩ rằng Clemenza bị tay đầu sỏ Do thái Hyman Roth mưu sát, nếu chỉ vì Roth đang trong quá trình thương lượng với Michael Corleone để kiểm soát thế giới ngầm ở Cuba. Bộ sậu Chicago của Louie Russo cũng không thể bị loại trừ. Nếu là một vụ mưu sát, Geraci sẽ đánh cá vào đám Anh em Rosato, những phần tử gian xảo trong binh đoàn của Clemenza có quan hệ lén lút với Don Rico Tattaglia. Nói là nói thế, chứ cả lưỡi dao phẫu thuật của Ockham lẫn chế độ ăn kiêng của Clemenza đều chỉ ra một vụ đột quỵ tim không nguy trang, không chế tác. Cuộc mổ tử thi khám nghiệm cho thấy trái tim của ông ta gấp đôi kích thước trái tim người thường.

“Hagen nói anh ta nghĩ rằng tất cả các lời đồn đều lố bịch.” Fredo nói.

“Ông Trùm nói gì?” Geraci hỏi.

“Mike đồng ý với Hagen,” Fredo nói. “Tôi đã đích thân trao đổi riêng với chú ấy về chuyện này rồi.” Anh ta nhún nhảy trên đôi chân khi nói điều này.

Một kẻ thông thái nửa mùa về tâm lí con người cũng có thể đoán ra rằng đây là một lời nói dối, mặc dầu Geraci không cần phải đoán. Tay vệ sĩ trưởng của Fredo trước kia vẫn hót tóc cho Geraci. Mọi người vẫn gọi anh ta là Figaro (theo tên chàng thợ cạo trong vở kịch danh tiếng *Le Barbier de Séville* của Beaumarchais). Người anh em họ của Figaro là một thợ hàn và chuyên viên làm giả - một thuộc hạ của Geraci chuyên chế tác ra những khoảng không gian chứa hàng trong các ô-tô và xe tải để chuyên chở hàng cấm từ các bến tàu ở Jersey. Theo Figaro và người anh em họ kia thì Fredo và Michael, kể từ sau đám cưới của cô cháu Francesca, chỉ còn chào hỏi chiếu lệ khi gặp mặt nhau mà thôi chứ chẳng còn thấy trao đổi với nhau gì hơn.

Fredo rùng mình hầu như thành cơn co giật. Anh ta đã về sống ở miền Tây trong mười hai năm và nói rằng mình không chịu lạnh nổi nữa. Nói nghe thấy thương! Nếu anh ta muốn trải nghiệm cái lạnh thực sự, anh ta nên thỉnh thoảng đáp chuyến xe lửa đến Cleveland. Nhưng thấy tội nghiệp, Geraci dắt anh ta vào một nhà kính đầy hoa lan đang nở rộ và một đoàn Nữ Hướng đạo sinh.

“Bà cụ thế nào?” Geraci hỏi thăm. “Sức khỏe cụ khá không?”

“Cụ cố chấp lắm. Việc dời chỗ quá là khó chấp nhận, về phương diện tâm lí đối với cụ. Chỗ ở dành cho cụ ở Tahoe đẹp hơn gấp ngàn lần so với căn nhà cũ, nhưng hai cụ đã cùng nhau xây căn nhà đó. Biết bao là kỷ niệm nên cụ chẳng muốn dời đi.”

“Cụ bịn rịn với ngôi nhà đầy ắp kỷ niệm cũng là phải thôi,” Geraci nói, “nhưng việc thay đổi

quang cảnh rất có thể đem lại nhiều điều tốt cho cụ.”

“Chưa kể là khí hậu ẩm áp hơn sẽ tốt hơn cho người già,” Fredo nói. “Trước nay tôi chưa từng thấy vườn cam nào,” anh chỉ vào khu vườn cam phía kia.

Đám Nữ Hường đạo sinh rời đi và hai người được riêng tư với nhau trong nhà kính.

“Mike thực sự muốn đến,” Fredo nói, “nhưng chú ấy quá bận với việc lớn. Chú ấy yêu Pete như người bác ruột của mình. Có Trời chứng giám, chúng tôi đều thế.”

Geraci gật đầu, cố giữ một khuôn mặt bình thản, vô cảm. “Tôi chắc là Ông Trùm biết điều gì là tốt nhất.” Geraci giả định rằng lí do thực sự khiến Michael không đến viếng tang một người thân thiết với gia đình đến thế đó là do anh ta không muốn bị đám phóng viên ở New York hay đám FBI thấy mặt ở đám tang này. Cái thật muốn trở thành hợp pháp một cách nửa nạc nửa mỡ của anh ta đã vượt quá lòng trung thành đối với người bạn cố cựu của cha mình, một người mà hình như anh ta cũng yêu thương trong mức độ mà anh ta còn có khả năng yêu thương hay bất kỳ cảm xúc nào khác. “Đại sự gì cơ chứ?” Geraci tỏ vẻ tò mò.

“Nói thực với cậu là,” Fredo nói, “mình cũng không biết gì nhiều về chuyện đó.”

Điều đó có lẽ đúng. Nhưng Geraci biết rõ. Michael và Roth dường như không ý thức rằng những cuộc thương lượng của họ nhằm kiểm soát Cuba sẽ chẳng được điểm nào vì chính quyền Batista sẽ sụp đổ, chẳng bao lâu nữa, và chẳng có tầm quan trọng thực sự nào khác hơn là làm cho họ trở thành những rãnh bánh xe trong một guồng máy lớn hơn bao gồm một liên minh những Gia đình Trung Tây, do Chicago và Cleveland lãnh đạo. Louie Russo có một giải pháp cần bàn bạc với những kẻ nổi loạn. Ngay cả nếu Batista, bằng cách nào đó vẫn còn giữ được quyền lực, thì nhược điểm của Fredo cũng có thể được sử dụng để khiến cho Roth và Michael húc hặc với nhau. Tất cả những gì còn lại từ giải pháp của họ chỉ là chính giải pháp mà thôi còn những điều khoản của nó thì Russo và các cộng sự của lão ta đã chuẩn bị đầy đủ để đảm nhận.

Geraci gật đầu hướng về phía cửa chính. Họ phải tiếp tục di chuyển.

Anh cho Fredo thông tin mới nhất về dự án mà họ gọi là Colma Miền Đông.

Anh sẽ bàn bạc về vấn đề đất đai ở Jersey với nhà Straccis. Anh có một nhân vật đáng nể, một con người không thể nối kết với gia đình Corleone, vị này có một hợp đồng về một phần đất sinh lầy rất lớn. Lại nữa, bởi vì Geraci đã chuyên chở phần lớn heroin từ Sicily đến giữa những tảng đá cẩm thạch quá nặng để cho các thanh tra hải quan có thể chuyển dịch để khám xét, cho nên chuyện đi vào ngành cát đá sẽ là một việc ngon ơ..

“Còn về phía anh thì sao?”

“Chuyện đó như lấy đồ trong túi thôi. Tôi và Mike chỉ cần ngồi lại với nhau và mổ xẻ một số tình tiết.”

“Thế quý vị chưa làm điều ấy à?” Geraci nói, làm ra vẻ ngạc nhiên. “Bởi vì đối với chuyện này tôi chỉ tham gia đến mức nào thôi. Những thứ sắc lệnh, qui định vv... không phải là những lãnh vực của luật pháp mà tôi rành. Tôi chỉ biết nên hỏi ai, làm sao cho mọi chuyện quay tròn, nhưng trước tiên anh phải có được sự chấp thuận của Ông Trùm. Những chính trị gia, xin nói lại, do ông ấy giựt dây, chứ tôi làm gì đủ sức. Còn có vấn đề công chúng có thể sẽ phản ứng với chuyện này thế nào và làm sao để bán vụ này cho họ. Làm sao để giữ cho vụ này không bị bỏ phiếu chống vv... Fredo à, tôi tôn trọng những gì anh đang cố làm, nhưng anh có nghĩ rằng nếu như Ông Trùm cho rằng những vấn đề này dễ dàng giải quyết, có lẽ chúng ta đã sẵn sàng tiến tới?”

“Không phải thế. Vấn đề là hoạch định thời gian. Hiện nay tiêu điểm của Mike đang hướng về những chuyện khác. Tuy vậy nếu biết anh cũng xuống thuyền, điều ấy sẽ có tác dụng. Theo cách suy nghĩ của Mike, tôi và bạn thật thích hợp cho công việc như thế này. Anh ruột của chú ấy và người mà chú ấy có ý coi trọng nhất.”

Geraci đặt bàn tay to tướng của mình lên vai Fredo. “Mike chẳng bao giờ nói điều đó, Fredo à.”

Đó là một biểu lộ thiếu tôn kính, một nguy cơ có tính toán, nhưng tất nhiên là Geraci có lí.

“Tôi có nói là chú ấy nói thế đâu?” Fredo nói. “Tôi chỉ nói ra cách chú ấy suy nghĩ thế nào thôi.”

“Tôi chỉ là một anh chàng tỉnh lẻ xứ Cleveland.” Geraci siết chặt móng vuốt; Fredo nao núng chùn bước. “Tôi làm những gì tôi được sai bảo, điều hành những việc được giao, khuếch trương sự giàu có để mọi người cùng hưởng. Chỗ này chỗ kia tôi nhìn thấy cơ hội và tôi nhanh tay nắm bắt. Nhưng đừng biến tôi thành cái gì hơn là con người mà tôi đang là. Tôi cũng không cùng *xuống thuyền*. Quý vị yêu cầu tôi nhìn vào một số việc và tôi nhìn. Chấm hết. Giữa chúng ta thế là rõ chứ?”

Fredo gật đầu. Geraci buông vai anh ta ra. Họ lại bắt đầu tản bộ. Mặt trời ló dạng nhưng tuyết vẫn tiếp tục rơi.

“Tôi ghét hiện tượng này quá,” Fredo nói. “Mặt trời vẫn chiếu và tuyết vẫn rơi. Quả là phản tự nhiên. Giống như bom rơi xuống như mưa và thế giới trở thành quái dị trước mắt chúng ta.”

“Tôi cần rõ ràng về chuyện khác hơn, Fredo à,” Geraci nói. “Tôi không muốn vướng vào giữa những công việc giữa anh và em anh.”

“Giữa tôi và em tôi, mọi chuyện đều ổn cả.”

“Được hiểu là thế. Tôi không đứng về bên nào. Trong bất kỳ trường hợp nào.”

“Không có bên nào phải theo cả. Xem nào. Chúng tôi ở cùng phía về mọi chuyện. Bất kì ai nói chuyện khác biệt họ đều không biết tôi. Họ đều không biết Mike.”

“Tôi nghĩ bạn thực sự phản kháng quá nhiều đấy.”

“Là cái quái gì vậy?”

Geraci đưa ngón tay cái lên hướng về nơi từ đó họ đến. “Shakespeare. Cái vườn đằng kia làm tôi nghĩ đến câu đó. Bây giờ anh đang là một diễn viên, Fredo à. Có lẽ anh nên học mấy thứ đó.”

“Đừng có mà lên lớp với tôi, thưa Ông -chỉ -là -dân -tỉnh -lẻ -từ -Cleveland. Ông nghĩ ông rành văn chương chữ nghĩa hơn tôi đấy à?”

“Thư giãn nào, ông anh,” Geraci vội dấu dùi. “Tôi đâu có nghĩ gì. Chỉ là do Shakespeare thoáng qua đầu óc tôi vậy thôi.”

“Tôi đã từng xem kịch Shakespeare rồi. Ngay cả kịch Shakespeare diễn bằng tiếng Ý nữa cơ đấy! Đừng có làm tài lanh qua mặt tôi về cái ông Sa -cờ -ếch -pờ -a -rờ nữa nhé!”

“Là những vở nào vậy?”

“Tôi chẳng còn nhớ là những vở nào, dẹp đi. Anh là cái con mẹ gì, hử ông Giáo -sư - Anh -văn -cà -chón -chống -xâm -lãng? Đừng có làm thầy đời dạy tôi phải học cái gì, phải đọc cái gì. Học

cũng tốt, dẻo cần học càng tốt hơn! Có vô khối chuyện tôi biết đang diễn ra mà anh lại mù tịt, rồi sao? Tôi chẳng rỗi hơi đâu ngồi chết dí nơi bàn giấy, hút ly trà đá đường và lên danh sách tất cả những vở kịch mà tôi từng xem. Tôi từng xem kịch nhiều rồi. Được chưa, anh chàng tài lanh theo cái kiểu lanh chanh? Vâng. Những vở kịch. Vô số kể là nhiều!”

“Vâng, tốt lắm,” Geraci xoa dịu.

Họ tiếp tục tản bộ. Anh để cho Fredo có thời gian để nguội xuống.

“Xem kìa!” cuối cùng Geraci lên tiếng. “Tôi hay hồi hộp và dễ bực mình xin anh hiểu cho và lượng thứ. Tôi không thích đi đằng sau lưng Michael cho dầu là để đi dài.”

“Đừng bận tâm về chuyện đó. Đại sự mà chúng tôi đang theo đuổi đúng là quá lớn khiến cho không một ai còn chú tâm đến những việc lặt vặt nữa đâu.”

Nếu Fredo thực sự tin như thế, thì chắc chắn là anh ta không biết bản chất người anh em mình.

“Vấn đề với Mike,” Fredo nói, “chú ấy thông minh tài giỏi nhưng chú ấy không đặc nhân tâm. Chú ấy không hiểu rằng người ta muốn làm những việc cho bản thân họ, hay tạo ra chuyện này chuyện kia. Tôi chỉ muốn là có cái gì đó của riêng tôi. Di sản của tôi, nếu bạn muốn gọi là thế. Nếu bạn không cảm nhận theo cùng cách -”

“Chuyện này chẳng đưa chúng ta đến đâu cả, Fredo à. Tôi đã nói những gì tôi phải nói.” Geraci đã có lí. Fredo là một con người dịu dàng, khả ái nhưng khá ngốc nghếch để tin tất cả những gì anh ta nói và vô tình phản bội anh em mình mà không ý thức trọn vẹn những gì mình đã làm. Đây là một thời điểm đáng buồn. Dầu gì đi nữa, anh cũng thực sự mến Fredo. “bước tiếp theo là một phần trăm giữa anh và Mike. Hết chuyện.”

Fredo nhún vai rồi nhìn xuống đôi giày đế phẳng của mình. “Tôi sẽ kể cho bạn nghe chuyện gì,” anh ta nói. “Những đôi giày này hẳn là không thích hợp cho chuyện này.”

“Chắc là đã làm hỏng đôi giày cao -bồi của anh,” Geraci nói.

“Giày cao -bồi nào?”

“Tôi nghĩ mọi chàng trai ở đó đều mang giày cao -bồi, súng lục hai ba khẩu và bắn tứ lung tung vào xe cộ và các chú chó con tội nghiệp, có đúng thế không?”

Fredo bật cười lớn. Khi bị người ta trêu chọc đùa chơi anh chàng cũng sẵn lòng hỉ hả đùa theo chứ không hề nổi cáu; đây lại thêm một bằng chứng chàng ta thực sự là con người xuề xòa dễ mến. Buồn thay khi phải lợi dụng chàng ta như quân tốt đen trong toàn bộ mưu đồ sắp được tiến hành này. “Nếu có bao giờ cần bắn nát hai chiếc xe, thì chính là hai chiếc xe đó.” Fredo nói. “Chỉ tội nghiệp cho chú chó con bị tai bay vạ gió một cách hơi... lãng xẹt!”

“Có đúng thực là phát đạn làm chú bay mất đầu?”

Fredo nhướng đôi mắt lên tỏ ý ngạc nhiên và hối tiếc. “Sạch sẽ luôn. Nếu cố tình nhắm có lẽ cả triệu phát bạn mới lập lại một cú chính xác như thế.”

“Chúng ta cần đi bây giờ,” Geraci nói, chỉ về chỗ họ đậu xe. “Chuyện này tôi không thể để trễ được.”

“Chúng ta giống nhau nhiều mặt đấy,” Fredo nói, “bạn biết chứ?”

“Tôi coi đó là một lời khen,” Geraci nói, vòng một cánh tay quanh Fredo, vỗ vỗ vào chàng ta một cách vui vẻ, kiểu anh em bạn bè thân.

Họ đi qua một cầu gỗ nhỏ bắc ngang một ao nước đóng băng.

“Anh nên thưởng ngoạn cảnh trí nơi này vào mùa xuân,” Geraci nói. “Hoa anh đào nở rộ, toàn một màu hồng tươi, đẹp đến khó tin.”

“Chắc là tôi sẽ.”

“Anh biết là,” Geraci nói, “Tôi vẫn luôn muốn hỏi anh vài điều.”

“Bất cứ điều gì bạn muốn.”

“Nếu thấy tôi lạc đề, anh cứ cho tôi biết, nhưng những trách nhiệm của anh, trong tư cách *sotto capo*, chính xác ra, là gì? Mike có xác định với anh chúng là gì không?”

“Anh nghiêm túc đấy chứ? Anh đang nói về chuyện gì vậy? Anh đang hỏi tôi về chuyện gì vậy?”

“Bởi vì tôi không nghĩ rằng chuyện đó hiển nhiên với bất kỳ người nào. Với nhiều người, và ở đây tôi thú nhận rằng điều tôi thực sự muốn nói là với tôi, nhưng không chỉ riêng với tôi, không có ý xúc phạm đâu nhé, nhưng dường như tước hiệu đó chỉ có tính tượng trưng.”

“Chỉ có tính tượng trưng? Anh đang nói cái quái gì thế, tượng trưng? Tôi có hàng lối những việc khác nhau phải làm. Làm thế nào mà anh lại không hiểu rằng có biết bao nhiêu chuyện tôi không thể nói.”

“Điều đó thì tôi hiểu. Có điều là -”

“Tôi tưởng tượng là, với chuyện Pete mất đi, thì chắc là tôi sẽ đi cùng với Mike đến cuộc họp những người đứng đầu của mọi Gia đình, ở Thượng New York.”

Tôi tưởng tượng. Điều này có nghĩa, tất nhiên rồi, là anh chàng chẳng có ý tưởng rõ ràng nào. Đây là một chuyện gây sốc và nhạy cảm vì cả hai lí do, một là vì Pete vẫn còn chưa đi vào lòng đất và bởi vì đây không phải là đề tài tranh luận mà Fredo nên bàn bạc với bất kỳ ai ngoài người em ruột của mình.

“Có điều là quá nhiều chuyện liên quan đến anh,” Geraci nói, “lại phơi bày hết trước công chúng.”

“Xem nào. Chỉ là những phần vụn vặt. Một sô truyền hình địa phương nhỏ. Có gì đâu. Nhắm nhò gì ba cái chuyện lẻ tẻ đó, không chừng còn có ích nữa là khác.”

“Tôi không phản đối,” Geraci nói. “Tôi thấy được giá trị của chuyện đó đối với tổ chức nếu như mục tiêu duy nhất là thoát ra khỏi bất kỳ công cuộc làm ăn nào có thể bị coi là tội ác, để không gây hại đến nạn nhân nào, để trở thành hợp pháp vv... Nhưng còn có những phần khác của công việc cần xem xét.”

Họ ngồi vào xe lại.

“Đừng lo về bất kỳ chuyện gì,” Fredo nói. “Tôi và Mike sẽ bàn thảo các chi tiết sau.”

Điều mà Nick Geraci muốn biết là thế này: Nếu Michael muốn tổ chức trở nên giống hơn với một tổng công ty, lớn hơn cỡ General Motors, kiểm soát được cả các vị tổng thống lẫn các nhà

lãnh đạo độc tài hay các ông vua chuyên chế, vậy thì tại sao lại điều hành nó giống như một tiệm bách hóa ở góc phố? Corleone & Các con. Anh em nhà Corleone. Khi Vito Corleone bị bắn, mất năng lực chỉ huy, ai đã nắm lấy quyền lực? Không phải Tessio, phụ tá khôn ngoan và kinh nghiệm nhất của Vito. Mà là Sonny, một kẻ ngang bướng, dữ dội. Tại sao? Bởi vì anh ta là một Corleone. Fredo thì quá yếu đuối cho bất kỳ trọng trách nào, vậy mà mặc dầu thế, đầu chỉ mang tính tượng trưng hay không, Michael đã cử kẻ vô tài bất chí đó làm phó sếp. Hagen là *consigliere* ngay cả khi anh ta được giả định là không. Đó là tay *consigliere* duy nhất trong xứ này không phải gốc Ý. Tại sao? Bởi vì Michael lớn lên trong cùng căn nhà với anh ta. Bản thân Michael rất đa tài đa năng nhưng cuối cùng anh ta lại trở thành trò cười lớn nhất. Vito đã không thêm hỏi ý kiến các *caporegimes* của mình, chọn Mike làm Ông Trùm - một kẻ chưa từng kiếm được xu nào cho bất kỳ ai, chưa bao giờ chỉ huy một đám người nào, chưa bao giờ tự chứng tỏ điều gì ngoài cái đêm anh ta hạ hai tay nọ ở nhà hàng (mà tình tiết của kịch bản đã được sắp xếp bởi Clemenza, con người tài ba, dạn dày trăn mặc). Trước nay chỉ có ba người từng được khai tâm vào gia đình Corleone mà không phải trước tiên tự chứng tỏ là những kẻ làm được việc. Vâng, đó là Anh em nhà Corleone.

Và bây giờ toàn bộ tổ chức nằm dưới quyền kiểm soát của một kẻ chưa từng làm nên công trạng gì nhưng lại ưa nghĩ ra những tư tưởng to đùng và ra lệnh cho thuộc hạ chém giết lung tung với cuồng vọng nhất thống giang hồ dưới cái nền hòa bình Siciliana do mình tạo ra. Vâng, đúng là y ta mưu lược tài ba đấy nhưng bất kỳ ai trong số những người tầm cỡ như Sally Tessio, Nick Geraci, và có thể cả Tom Hagen nữa lại chẳng nhận ra rằng, bao lâu mà Michael nghĩ rằng mình thông minh tài giỏi hơn mọi người khác, vận mệnh của toàn bộ tổ chức chỉ còn phó mặc cho cái ngã mạn của hắn ta. Nhưng với những ai có chút ý nghĩ rằng mình cũng là kẻ trượng phu đứng trong trời đất thì có chịu xuôi tay phó thác vận mệnh mình cho sự tùy hứng của kẻ khác chẳng?

Đúng: Geraci khó mà cho phép mình nghĩ những điều này trước khi anh ta biết được rằng Michael Corleone đã âm mưu thí mạng mình để triệt hạ các đối thủ của hắn ta. Tuy thế. Điều ấy không có nghĩa là anh ta nghĩ sai.

Mặc dầu không ai có thể biết, vào thời điểm ấy, rằng đám tang của Pete Clemenza là đám sau cùng trong những tang lễ lớn của Mafia. Không khí bên trong Đại giáo đường Thánh Patrick hầu như không thở nổi vì dày đặc mùi hương của hàng vạn bông hoa trải từ trên bàn thờ và chảy tràn xuống các cánh cửa điện thờ, phô trương một cách không che giấu hơn bất kỳ đám tang lớn nào sau đó. Ngồi nơi các ghế dài có tựa để tiễn đưa lần cuối người đã khuất là hàng tá các vị thẩm phán, doanh nhân và chính trị gia. Cho đến ngày này, các ca sĩ và những nghệ sĩ khác trong ngành giải trí vẫn xuất hiện ở những tang lễ như thế nhưng chưa bao giờ với con số đông đảo như trong tang lễ Clemenza. Bất cứ ai rành chuyện - và cho đến nay vẫn còn rất ít người như thế - có thể đã quét qua đám đông những người đưa tang và liên kết với nhau thành một đội toàn ngôi sao khá là ấn tượng gồm những tay có máu mặt của New York và những nhân vật nặng kị ở bên ngoài, kể cả từ Sicily. Sẽ không bao giờ một Ông Trùm còn dự đám tang một thành viên của Gia đình khác. Sẽ không bao giờ còn có sự hiện diện của nhân viên công lực đông đảo đến mức độ ấy. Và chỉ thêm một lần nữa thôi mà nhiều khuôn mặt cao cấp của La Cosa Nostra lại qui tụ đông đảo đến thế tại cùng một nơi chốn. Tất cả những chuyện này, đối với một nhà nhập khẩu dầu ô-liu vốn thường lẩn tránh sự chú ý của đám đông và ít biết những nhân vật danh tiếng lẫy lừng đã tụ tập để tiễn đưa ông, quả cũng hơi khác thường. Nhân vật nổi tiếng nhất mà ông ta biết rõ - Johnny Fontane - thì lại không có mặt. Lại thêm một điều hơi khác thường.

Nick và Charlotte Geraci ngồi ở chiếc ghế dài ngay sau Sal Narducci Cười ngất, vợ ông ta, và Buddy, con Narducci, làm việc ở trung tâm mua sắm cùng với Ray Clemenza - giống như khách sạn Lâu Đài Trên Cát, là một doanh nghiệp hoàn toàn hợp pháp trong đó các phần tử của hai tổ chức Corleone và Forlanza là những nhà đầu tư hợp pháp. Sal quay lại phía sau, vươn qua lưng dựa của chiếc ghế để ôm Geraci một hồi lâu, trông chừng thẩm thiết lắm. Thông qua bài thuyết

giáo và nhiều lời tán dương, ở mỗi khoảng lặng, Sal Cười ngất - như một nét đặc trưng trong tính cách của ông ta - lăm bắm lặp lại mấy lời cuối của người phát ngôn. Charlotte chỉ biết sơ về Clemenza, nhưng bài thuyết giáo về ông cũng làm nàng cảm động.

Sau lễ phụng vụ, Sal Cười ngất quay lại đối mặt vợ chồng Geracis, nước mắt ràn rụa. “Chết trẻ thế,” ông ta than thở. “Quả là một bi kịch.”

Nick Geraci gật đầu một cách trang nghiêm như bất kỳ người nào đang dự lễ tang cũng phải làm thế (mặc dầu trong lòng chàng cười thầm và rửa lão này khéo vẽ chuyện. Bảy mươi tuổi chết mà còn *Chết trẻ thế. Bi kịch*. Nghe phùng tuồng quá. Mà không chừng nước mắt của lão này rất có thể là... nước mắt cá sấu lắm đây. Ai chớ lão này lá mặt lá trái đáng nghi lắm. Nội cái chuyện lão từng âm mưu cho ta rớt máy bay banh xác giờ thấy ta vẫn sống nhàn, thế mà lão lại ôm ta thật lâu ra vẻ ‘tình thương mến thương’ lắm lắm đủ biết lão này gian manh phản trắc khôn lường rồi. Nhưng nay ta đã biết tổng tim đen nhà ngươi rồi mà ngươi còn dở trò, ờ thì ta cũng cứ để cho ngươi tưởng ta ngu si chẳng biết gì đi, nhưng... hăng đợi đấy!).

Khi giọng ca nữ *soprano* từ Nhà hát Metropolitan Opera vang lên bài “Kính mừng Maria” Charlotte làm dấu thánh giá và quay mặt về phía sau nhà thờ. Hai cánh cửa khổng lồ bằng gỗ sồi mở ra. Những người khiêng quan tài bắt đầu bước xuống các bậc thềm. Quan tài bằng gỗ hồng mộc của Clemenza biến mất dần trong làn tuyết rơi dày.

Chương 20

Các chuyên gia nêu ra nhiều yếu tố đã dẫn từ thời hoàng kim của La Cosa Nostra vào những thập niên năm mươi và sáu mươi của thế kỷ trước cho đến cái bóng mờ nhạt, phản trắc của nó hiện nay. Từng có nhiều cuộc điều trần ở Thượng viện lẫn Hạ viện. FBI đã chuyển hướng tiêu điểm từ Mối Đe Dọa Đỏ đến Các Ông Trùm. Khuynh hướng chung là trong mọi công việc làm ăn do những di dân thế hệ thứ nhất tạo ra thì thế hệ thứ nhì làm mất ổn định và thế hệ thứ ba làm cho phá sản. Cái giả định được truyền bá rộng rãi về phía những người Mỹ trung bình (được đưa vào cách suy nghĩ dòng chính bởi Mafia và nhấn mạnh bởi xì -căng -đan Watergate) đó là luật lệ và qui định là những thứ dành cho bọn khờ khạo! Những lợi nhuận càng lớn hơn có được bằng cách điều hành những doanh nghiệp hợp pháp để vớ được những hợp đồng béo bở không qua đấu thầu từ những người bạn có thế lực lớn trong chính quyền. Hầu hết các Ông Trùm bị đập cho khụy gối bởi Đạo luật về các tổ chức tham nhũng và ảnh hưởng bởi gian lận (Racketeer Influenced and Corrupt Organization Act, viết tắt là RICO). Đạo luật này trao vũ khí kết tội gian lận cho các quan tòa liên bang ở khắp nơi, đưa đến hậu quả là những thời hạn giam giữ lâu dài đối với các Ông Trùm và cảm nhận nơi nhiều góc tối của thế giới ngầm ở Mỹ rằng *Omerta* (Luật im lặng) càng ngày càng bị phá vỡ.

Những điều này đều rất quan trọng, tất nhiên, nhưng chúng trào ra từ một nguồn chung, một cú tát trời giáng có sức tàn phá khủng khiếp nhất đập vào giới tội ác có tổ chức ở Mỹ: đơn đặt hàng, được đưa ra chưa đầy một tháng trước cuộc hội nghị đầu tiên của mọi Gia đình(xã hội đen) trong một trang trại màu trắng ở Thượng New York, đặt làm hai tá bàn giấy bằng gỗ thích làm theo ý khách hàng.

Ngay cả nếu những cái bàn đã được làm theo đơn đặt hàng vào phút chót nhưng người thợ cả là người nào khác hơn là Ông Floyd Kirby, thì có lẽ là tất cả chúng ta đã sống trong một nước Mỹ rất khác. Chuyện này không chỉ vì người thợ mộc khác có thể dùng một hiệu sơn ít độc hại hơn nhưng cũng có thể bởi vì Ông Kirby kết hôn với một người chị em họ của một tay cảnh sát bang New York. Giáng sinh năm đó tay cảnh sát đã nghe về những cái bàn kia và anh ta đã đoán chừng chúng được đặt cho những loại người nào. Tay cảnh sát đã biết rằng người chủ của công ty bia sống trong căn nhà bị tình nghi là kẻ thao túng cảnh sát địa phương. Tay cảnh sát và đối tác của anh ta nói chuyện với nhiều người dân trong vùng, nhưng không ai thấy điều gì khác thường, hay là họ nói thề. Còn bình thường hay khác thường thì tự các anh cứ đi mà tìm hiểu.

Anh chàng cảnh sát ghi vào sổ tay công tác là cần để mắt theo dõi những chuyện xảy ra ở khu vực đó, nhưng ai biết anh ta có còn quan tâm chuyện đó không nếu anh ta không mới vừa li dị vợ và nếu người phụ nữ sống trong chiếc xe kéo han gỉ gần con đường đưa đến trang trại không tỏ ra thân thiện trên mức hữu hảo đối với anh ta. Anh và ả bắt đầu hẹn hò nhau. Vào thời điểm các Gia đình họp thượng đỉnh lần thứ nhì, thì hai anh chị đã cưới nhau. Chị dời khỏi chiếc xe kéo, nhưng họ vẫn để chiếc xe nguyên tại chỗ vì chị sở hữu mảnh đất đó. Đôi lứa "rồ rã cạp lại" dự định sẽ có một ngày xây căn nhà hạnh phúc tại miếng đất trên. Ngày nọ ngẫu nhiên mà họ về lại chốn cũ, làm tình với nhau trên chiếc xe kéo kia để nhớ lại ngày xưa, khi cuộc điều hành của những chiếc Cadillacs và Lincolns rầm rập ào đến trên con đường rải sỏi, ngang qua chiếc xe kéo.

Xin được phép nhắc lại câu "danh ngôn nho nhỏ" đã nói trước đây: để xây dựng quyền lực, đôi khi người ta phải kiểm soát những kẻ ít quyền lực nhất. Anh chàng cảnh sát gửi nhanh những tờ năm mươi đô cho các thư ký tiếp tân của các motels trong vùng(vùng này không có hotel mà chỉ có các motels, tức các khách sạn mini với tiện nghi tạm tạm thôi), với lời dặn là hãy cho anh ta biết nếu họ gặp một đợt bùng phát đặt phòng bởi những người ở ngoài bang mang họ tên gốc Ý (anh chàng cũng là một chuyên gia nhận diện chủng tộc theo bản năng). Năm tiếp theo anh ta có đủ thông báo trước để tiến hành một chiến dịch.

Chiến dịch này suýt không xảy ra. Người chỉ huy của anh ta không thấy đáng để phân phối thêm người cho cuộc điều tra ngoài chính anh ta và đối tác của anh ta thôi. Không ai ở FBI chịu trả lời các cuộc gọi của anh. Trong một cố gắng cuối cùng anh ta liên lạc Cục Rượu, Thuốc lá và Hỏa khí. Người tiếp chuyện anh ta là một chàng trai trẻ năng nổ. Anh chàng cảnh sát cũng tự mình thực hiện một số cuộc gọi cho các phóng viên. Ngày hôm sau anh ta và đối tác của anh ta ngồi trong chiếc xe kéo cũ của vợ anh ta với cặp ống nhòm hai mắt. Hai mươi nhân viên Cục Rượu, Thuốc lá và Hỏa khí chuẩn bị tư thế sẵn sàng trong những chiếc công xa Chevrolets màu xám tại một trạm xe tải bên ngoài xa lộ chính, chờ đợi cuộc gọi. Trong những chiếc xe mượn đầu đằng sau những chiếc Chevys là đám báo chí, khoảng một trung đội phóng viên ảnh và phóng viên viết và cả một phóng viên truyền thanh từ Albany.

Những gì diễn ra sau đó sẽ nằm trên trang nhất của mọi tờ báo lớn ở Mỹ và trang bìa của tạp chí *Life*. Ngay cả nhiều năm sau đó, hầu hết độc giả cũng còn quen thuộc với sự kiện đó: cuộc đột kích vào trang trại màu trắng kia và những người chứng kiến bọn họ đi đến rồi bỏ chạy tán loạn.

Những bức hình nổi tiếng: những con người nặng kí trong những bộ đồ lùa chạy ỉ ạch qua rừng cây. Lão béo Rico Tattaglia và lão Paulie Fortunato, còn béo hơn cả lão kia, bị công tay trong khi một con lợn đực thiến đang quay trên một cái xiên đằng sau họ. Các nhân viên công lực ngồi xồm xệ bên các giá cửa tại một rào chắn trên con đường có hàng cây hai bên, súng rút ra khỏi bao, lúc các Ông Trùm của Detroit, Tampa và Kansas City lộ diện từ những chiếc xe của họ (những chiếc xe bọc thép và có kính chống đạn). Tay cảnh sát bang, cười rạng rỡ như vừa bắt được con cá lớn trong hồ, trong khi gã đàn ông bên cạnh anh ta - Ignazio Pignatelli, có hồn danh Jackie Ping-Pong (những hồn danh, lạy Chúa! Sao mà công chúng thích những hồn danh đến thế!) - che khuôn mặt tròn núc ních của lão ta bằng cả hai tay.

Những người đó bị đưa về trụ sở cảnh sát bang gần nhất và bị buộc tội - nhưng là tội gì đây? Chuyện này hóa ra lại là vấn đề. Coi bộ khả nghi đây, khi tất cả những con người này tụ tập với nhau trong trang trại nọ, nhưng “coi bộ khả nghi” hay ngay cả là “khả nghi lắm”, “khả nghi quá” đi nữa thì tự thân điều ấy chưa phải là yếu tố cấu thành tội phạm. “Có lẽ sẽ là an toàn khi nói rằng,” người chỉ huy đám nhân viên công lực phát biểu với báo chí New York, “tất cả đám người Ý đó trong những bộ quần áo khá đặc thù, lập dị, không đến từ khắp mọi nơi của nước Mỹ, có người vượt cả đoạn đường vài ba ngàn cây số, có người thậm chí phải đi qua đến bốn năm ngàn cây số, chỉ để cùng nhau quay một con lợn, ăn vài miếng bánh mì với dăm ba lát thịt heo quay, uống với nhau vài cốc rượu, nói chuyện bù khú với nhau một hồi cho thỏa tình đồng hương đồng khố rồi về. Thế thôi! Có thể là thế chăng? Còn thực sự họ đến đó làm gì? Chuyện này thì không một ai có ý tưởng nào, ngoại trừ chính những người trong cuộc, nhưng họ đâu nói gì ngoài lí do hợp mặt đồng hương cho thỏa lòng “tình thương mến thương”! Cảnh sát ở một xứ tự do dân chủ như Huê kỳ thì đâu có quyền gì mà tra tấn để bức cung, buộc người ta phải khai nhận tội. Còn anh muốn suy đoán mò gì gì đó thì mặc anh nhưng đâu có thể dùng những suy đoán vô bằng của anh để kết tội ai được.

Rất nhiều luật sư tài danh đã nhanh chân nhảy miệng nhảy vào ngay. (kể cả một cựu phụ tá tổng chương lí của Hoa kỳ, đối tác tầm cỡ của hãng luật lớn nhất ở Philadelphia thời ấy, và có thời là Hạ nghị sĩ Liên bang, Thomas Hagen, đại diện của bang Nevada). Các vị này đủ kiến thức luật học để chỉ ra rằng Hiến pháp Hoa kỳ bảo đảm quyền tự do hội họp của mọi người miễn rằng không đưa đến những hành động gây hại cho xã hội.

Những người bị bắt giữ này nêu lên quyền được hiến pháp bảo đảm của họ đó là quyền không phải làm chứng chống lại chính mình. Hậu quả là chỉ một ít người bị kết tội cản trở công lí - những lời buộc tội mà sau đó, đúng theo nghĩa đen, đã bị cười nhạo khi ra khỏi tòa. Mặc dầu những cố gắng của vô số thẩm phán bang và liên bang, hậu quả trực tiếp duy nhất của cuộc đột kích chỉ là việc trục xuất ba người bị bắt giữ về lại Sicily, trong đó có một người là Salvatore

Narducci ở Cleveland, người này đã sống ở Mỹ từ khi mới là đứa trẻ sơ sinh, đã hơn sáu mươi năm. Ông ta khiêu nại rằng mình không hề biết là mình lại chưa trở thành công dân Mỹ, nhưng yêu sách của ông ta bị khước từ vì đâu phải anh đến Mỹ từ nhỏ là đương nhiên trở thành công dân Mỹ mà anh phải hoàn tất một số những thủ tục nào đó thì về phương diện luật pháp anh mới là công dân Mỹ. Và thế là lão phải bỏ dở giấc mộng kế thừa sự nghiệp Ông Trùm Cleveland. Nhưng chuyện này cũng chưa biết là họa hay phúc đây. Có thể lại là phiên bản của *Tái ông mất ngựa*. Xin để... hạ hồi phân giải!

Những hậu quả gián tiếp, tuy thế, lại rất nhiều. Khi các tờ báo với những câu chuyện về cuộc đột kích nhan nhản trên các trang nhất phơi bày la liệt trên các đường phố chính trên khắp nước Mỹ, đó là lần đầu tiên nhiều người nghe đến những từ như *Mafia* và *La Cosa Nostra*. Những câu chuyện một phần dựa trên các sự kiện có thật, một phần dựa vào suy diễn và rất nhiều phần dựa vào tài năng thêu dệt thêm mắm dặm muối (gọi một cách văn hoa là *trí tưởng tượng sáng tạo*) về sự tồn tại cho đến nay chưa ai nghĩ tới của một nghiệp đoàn tội ác quốc tế. Rất nhiều đầu đề sử dụng từ đó: *nghiệp đoàn*. Cái từ này không hề chói tai đối với người Mỹ mà nghe ra chỉ có tính toán học một cách mơ hồ. Và nước Mỹ thì không phải là một xứ sở mê toán cho lắm.

Một sự phản đối âm ỉ của công chúng bùng lên: *Chúng là ai, những quân vô lại đó?*

Trước cuộc đột kích, những tay cóm và những sĩ quan cảnh sát, những viên chức Nhà nước thoái hóa, những chính trị gia mang ơn mắc nợ các trùm giang hồ cùng những cây bút viết cho các tạp chí như *Manhunt* (Săn người) và *Thrilling Detective* (Thám tử giật gân li kỳ) tất cả đều biết nhiều về những người ở trong trang trại màu trắng đó - và về những *uomini rispettati* (những người khả kính) làm việc cho những quân vô lại đó và về những tên lưu manh đường phố làm việc cho những con người đó, hơn là FBI biết.

Thời đó sắp chấm dứt rồi.

Ngày nay, hai mươi ba cái bàn gỗ thích rất chắc chắn với kiểu dáng đẹp, đã được đóng thùng và bảo quản trong một nhà kho tại một địa điểm không được tiết lộ ở trong hay ở gần District of Columbia (tức thủ đô Washington). Theo qui định thì chiếc bàn thứ hai mươi tư lẽ ra phải được trưng bày thường trực tại Viện bảo tàng Smithsonian. Một tấm biển gắn vào chiếc bàn ghi dòng chữ này: *Chiếc bàn này đã giúp giáng xuống một cú đấm quyết định làm tan tác tội ác có tổ chức tại Mỹ*. Với một đầu lâu lợn đực ở trên, cùng với một mô hình theo tỉ lệ của căn nhà xe kéo han gí.

Nhưng thay vì thế, cái bàn đó lại được gửi từ nhà trắng này đến nhà trắng khác. Từ 1961 chiếc bàn đó được sử dụng thường xuyên ở trong hay gần Phòng Bầu dục (Phòng họp của Tổng thống trong Nhà Trắng).

Tom Hagen không lao vào vụ này, tất nhiên rồi. Chỉ là có vẻ như vậy thôi. Khi các thám tử đặt câu hỏi làm thế nào mà một người sống ở Nevada lại đến Thượng New York nhanh đến thế Hagen nói rằng mình đã ở Thành phố New York, rằng mình vẫn thường hay đến thành phố này, và điều này thì đúng.

Hagen nằm trong số những người trẻ hơn ở đó. Anh đến từ dưới chân ngọn đồi chạy theo một con đường hai bên là đá cho đến khi gặp một thị trấn. Anh đi vào một quán ăn nhỏ ven đường. Không có ai tìm kiếm bất kỳ một người nào trông giống Tom Hagen, còn chiếc xe mà anh ta đã lái tới đó, hiện giờ đang đỗ phía sau trang trại, thì được đăng kí chủ quyền cho một... bóng ma. Anh ngồi trong một cái quầy và bình thản dùng bữa trưa. Rồi anh đi đến Woolworth's mua một cái va-li và theo hướng đi về phía tòa án quận. Tòa án ở phố kế bên. Anh trở lại chỗ quán ăn và gọi một chiếc taxi. Hành lí cầm tay giống như bất kỳ một du khách bình thường nào, không có gì đáng để ý, Hagen làm thủ tục lấy phòng khách sạn ở quận lỵ. Anh bước vào tiệm hớt tóc gần

tòa án nhất. Vào lúc trả tiền cho anh thợ cạo, Hagen đã được tin sơ qua về những gì đã xảy ra. Anh gọi về dịch vụ điện thoại ở Las Vegas. Anh trở lại khách sạn và ngủ một giấc ngắn. Vài giờ sau điện thoại reng đánh thức anh dậy. Đó là Rocco Lampone, gọi từ Tahoe. Hagen gọi taxi đến trụ sở cảnh sát bang gần nhất. Michael không nằm trong số những người bị bắt, nhưng, như một cử chỉ thiện chí, Hagen đề nghị trợ giúp pháp lý cho vài người bạn của gia đình.

Vào năm 1959, với lời thề trên Kinh thánh và trước một tiểu ban của Thượng viện Mỹ, Michael Corleone xác nhận rằng mình không có mặt tại trang trại đó. Anh phủ nhận mình ở trong số những người đã thoát khỏi một hành động rõ ràng là phi pháp của cảnh sát.

Nói một cách chặt chẽ thì Michael Corleone đã kể sự thật.

Anh ta và Hagen đã lái xe đến đó riêng rẽ, vì nhiều lí do về công việc lẫn an ninh. Nếu Michael là người đứng giờ giấc như bố anh thì chắc chắn anh cũng đã ở trong số những người phải trườn xuống sườn đồi, quần áo mặt mày nhem nhuốc và phẩm giá cũng bị ô danh. Đúng, anh đã từng thoát khỏi những tình huống còn ác liệt hơn với mưa bom bão đạn và những chiếc Thần phong Kamikaze của các phi công cảm tử Nhật cứ nhắm tàu anh mà lao xuống còn dưới biển thì đạn pháo cao xạ tủa lên dày đặc để khiến những chiếc máy bay liều chết kia nổ tung thành những quả cầu lửa trên không. Một cảnh tượng bi thảm nhưng vô cùng hào hùng và không thiếu phần ngoạn mục!

Nhưng đó là chuyện đã qua hơn mười mấy năm rồi. Ai biết chắc được là anh có thể chạy đủ nhanh và đủ xa để tránh khỏi bị bắt?

Anh đã không phải tìm ra giải pháp - đơn giản là vì, như thường lệ, anh đến trễ, thực sự là trễ quá mức đến độ họ đã khai mạc cuộc họp mà không có anh. Chỉ một tích tắc trước khi Michael nháy đèn hiệu quẹo vòng lối đi rải sỏi, anh chợt thoáng thấy cái gì vàng vàng ở trong bụi không xa chiếc xe kéo han gỉ kia là mấy. Anh liền rút tay lại, không nháy đèn hiệu mà đặt tay lại lên vô-lăng và tiếp tục lái thẳng. Anh đi qua lối đi nội bộ kia và bắt đầu vòng một tua. Nhìn vào kính chiếu hậu anh thấy hai người - hình như là cớm - đang kéo hai cái giá cửa màu vàng từ trong bụi kia ra.

Chiếc xe anh đang sử dụng là một chiếc Dodge màu xanh, đã hơi cũ, được trang bị một máy phân hình (scanner) của cảnh sát (Al Neri từng là một tay cớm; cả chiếc xe loàng xoàng không có gì nổi bật lẫn cái máy phân hình đều là ý tưởng của anh ta). Michael dò tìm tầng số mà các nhân viên ATF đang sử dụng.

Anh nện tay xuống vô-lăng mạnh hết mức có thể và để thoát ra tiếng rú đau đớn.

Lần này anh đã dự định là lần xuất hiện cuối cùng tại một cuộc họp của Ủy ban thường vụ hay của tất cả các Gia đình. Anh dự trù thương lượng để thông báo với toàn thể anh hùng thiên hạ ý định “rửa tay gác kiếm”, ra khỏi vòng cương tỏa của mọi ân oán giang hồ. Sau ngày hôm nay, anh sẽ đẩy mạnh và đi đến quyết định dứt khoát về chuyện làm ăn ở Cuba và anh sẽ trở thành một doanh nhân hoàn toàn hợp pháp. Anh đắm mạnh xuống vô-lăng lần nữa.

Bình tĩnh nào, anh nghĩ. Hãy suy nghĩ một cách sáng suốt.

Anh đốt lên một điếu thuốc. Anh ngồi dựa lưng vào ghế, cố gắng hít thở những hơi dài và đều, lắng nghe cuộc đột kích mà anh vừa thoát khỏi trong đường tơ kẽ tóc. Đó là âm thanh của một thế giới đang đi đến hồi chung cuộc. Thế nhưng anh vẫn còn nhiều vướng mắc nên khó có thể đường hoàng, thanh thoi đi vào thế giới mới mà anh hằng ao ước bước vào để tạo một nền tảng khác, yên bình hơn cho con cháu mai sau.

Michael Corleone chẳng có ý tưởng nào về việc con đường hẹp, quanh co này sẽ dẫn đến đâu.

Mặt trời dọi thẳng xuống đầu, và anh cũng không thể biết là mình đang đi theo hướng nào. Thế nhưng anh cứ tiếp tục lái xe về phía trước, thận trọng tuân thủ các luật đi đường và nhìn kỹ các biển báo. Anh đâu còn chọn lựa nào khác? Chắc chắn là anh không thể quay vòng và trở lại con đường anh đã đến.

Fredo không thức dậy với ý nghĩ, *Hôm nay là ngày ta phản bội em ta*. Anh ta không khởi công làm việc đó, và, như Nick Geraci đã tiên liệu, Fredo không biết mình đã làm gì ngay cả sau khi anh ta đã đóng dấu ấn vào sổ phạt mình bằng cách làm điều đó. Thay vì thế ngày của anh ta bắt đầu khi, trong dãy phòng ở Chateau Marmont, Deanna Dunn đi ra khỏi phòng tắm và còn nồng mùi rượu gin từ tối qua, tuồn người lại vào giường bên cạnh anh chồng đang ngủ.

“Nào, cưng ời,” nàng ta kêu rừ... rừ... như con mèo cái lên cơn động cõn, bắt đầu dùng chiếc khăn tay để buột cổ tay của chàng vào chân giường.

Fredo quơ cánh tay kia. “Em đang làm cái gì thế?”

“Hãy chứng tỏ tinh thần thượng võ đi, chàng trai,” nàng nói.

“Mấy giờ vậy? Anh còn phải ngủ độ một tiếng nữa đã, cưng à.”

Nàng nhăn mày và ném cái khăn sang bên. “Anh không muốn tôi tỏ ra khát tình với một bạn diễn mới chứ?” nàng gằn giọng. “Thế nào, muốn hay không muốn đây?”

Chuyện này hơi căng đây. Anh không ăn được thì tôi cho người khác ăn chứ để không mãi rồi nó mốc meo thiu thối phải đổ bỏ thì lại phí của giờ! Ai chớ cái ả quái quỷ này dám nói dám làm cái một chứ chẳng chơi đâu!

Thế là chàng Fredo dầu muốn hay không muốn cũng phải vùi vàng cho nàng cái nàng muốn.

“Hãy cố gắng làm cái gì hơn là chỉ lên xuống, lên xuống nhé,” nàng lệnh.

Chàng đang ở trên. Câu nói của nàng chẳng êm tai với một trượng phu nam tử chút nào! Thế nên chàng cũng cố biến chiêu đối thế này kia nọ theo phở sách “tam thập lục thức nam nữ phòng trung bí thuật” để mong chiều lòng nàng.

“Đừng có làm cách mạng nửa vời nhé,” nàng khích tướng. “Anh biết rồi, cách mạng nửa vời là tự sát đấy!”

“Để em cộng tác với anh chơi mô-đen quần quai nhé?” Trước khi chàng kịp trả lời nàng đã nhanh chóng biến thế và vào thế sẵn sàng. Tính nàng vốn thế. Nói là làm ngay.

Luôn nhanh chóng sẵn sàng với mọi việc. Với khả năng ứng diễn tuyệt vời, không cần ai chỉ đạo diễn xuất cả. Một nữ diễn viên hai lần đoạt giải Oscar thì tất nhiên là tài diễn xuất phải ưu việt, hơn hẳn người khác rồi!

Nàng chống cả bốn vó, hai đùi hơi giạng ra, mặt ngược lên, môi miệng mở rộng, tham lam. “Nhưng mà đừng vào lỗ sau nhé,” nàng dặn dò.

“Anh sẽ không làm thế đâu,” chàng đáp. Tại sao nàng vẫn tiếp tục vênh phao câu? Để làm gì khi vũ khí của chàng đã không còn “năng cử” nữa. Chàng mất khả năng chi trả rồi. Chàng buông vật người xuống nệm, chán chường.

“Đừng có mà như thế,” nàng nói, vươn tay ra để nắm cu chàng. “Không sao mà.”

Fredo gạt tay nàng ra. “Nhưng mà có sao với anh đấy.”

“Chỉ tại anh uống quá nhiều thôi,” nàng nói.

“Em nên biết thế,” chàng bảo.

Họ nằm bên nhau, nhìn vào hình ảnh chính mình trong tấm gương mà nàng đã chi tiền cho khách sạn để họ gắn nó lên trần giường ngủ. Sau một hồi, Deanna bèn tự thân vận động để tự xử. Và một cách khá là thô bạo với chính mình. Fredo đốt một điếu thuốc và khảo sát. Nghĩ về chuyện này thấy có vẻ như nhuốc nhưng lại kích thích chàng. Chàng ta cố tránh nhìn hình ảnh anh chàng đầu hói bụng tròn với thằng bé xuội lơ cán cuốc tựa người uể oải một cách vô dụng lên đùi mình. Deanna trồng hai chân lên giường, vênh mông và thực hiện một sô lớn về lắc hông, tự massage và tự khoái. Sau đó nàng hôn chàng. Chàng lăn ra xa. Họ nằm đó và lại trải qua một khoảng lặng dài khác.

“Fredo,” cuối cùng nàng nói. “Này cưng. Em muốn anh biết rằng em biết. Trước giờ em vẫn biết.”

“Vẫn biết cái gì?” Fredo ra khỏi giường và đi tiểu. Chàng biết nàng có ý chỉ gì. Con giận tràn dâng khắp người chàng.

“Đây là Hollywood. Ngành giải trí là thế, anh biết chứ? Nhiều người có những cuộc hôn nhân vốn chỉ là vỏ bọc cho... ờ, *chuyện đó*. Được thôi. Tôi chỉ yêu cầu một chỗ ấm áp để buổi tối đi về, và có lẽ là đôi điều gì đó để chịu một khi ở trên -”

“Em đang nói về cái đeo gì vậy?”

“Chẳng có gì.” Nàng thở ra. “Thôi quên đi.”

Fredo rửa tay và đứng trong ô cửa đi vào phòng tắm. “Tôi muốn biết.” Anh đưa nắm đấm lên và đập nhẹ vào khuông cửa. “Hãy nói tôi nghe.”

“Anh sắp làm gì nào? Định đập tôi hử? Hay bắn con chó nhỏ khác? Tôi đang nói cho anh hay rằng tôi hiểu anh là thế nào. Tôi không biết là *tha thứ* có phải là từ đúng hay không, nhưng -”

“Tha thứ cho tôi về cái gì cơ chứ?”

Anh có thể ném nàng qua cửa sổ. Nàng là một... con chó cái tham dâm, nát rượu với một sự nghiệp đang xuống dốc. Hàng ngày vẫn có khối người như thế nhảy qua cửa sổ.

“Thực vậy,” nàng nói. “Quên chuyện đó đi. Xin lỗi vì đã khơi lên.”

Nếu gạt tay anh hay em chàng thì nàng đã như đòn rồi. Fredo biết như thế. Họ nghĩ anh yếu đuối. Mọi người nghĩ thế, chứ anh thì không. Anh *mạnh* chứ không hề yếu. Phải có sức mạnh mới không ném nàng qua cửa sổ hay đánh đập nàng. Fredo giữ cho hơi thở đều một cách hoàn hảo và gọi đem bữa điểm tâm lên phòng. Khi bữa ăn sáng được mang đến anh không ném đĩa thức ăn vào mặt nàng. Anh bình thần dùng bữa và bình thần đợi nàng rời đi.

Một khi nàng đã đi xa khỏi tầm nghe, anh ném mạnh ly cam vắt vào cửa chính.

Anh cầm cái đèn để bàn lên và nện cái đế bằng sắt của nó vào màn hình Tivi. Anh quăng cái gạt tàn bằng thủy tinh màu xanh lá cây vào dây chai rượu mùi đằng sau quầy bar. Anh lấy một con dao và, với thời gian thông thả, rạch nát chiếc ghế xô-pha, các chiếc ghế bọc nệm da, giường, chăn gối, mùng màn... nói chung là mọi thứ các cái đều cho te tua toi tả!

Chẳng vì một lí do đặc biệt nào nhưng những vật duy nhất trong dãy phòng mà anh cẩn thận chứa lại là quần áo và đồ trang sức của Deanna. Và quần áo của anh. Ngoài ra thì anh phá hủy bất kỳ thứ gì có thể phá hủy. Chắc chắn là nhiều người nghe tiếng đập phá, nhưng không ai đến để ngăn cản anh ta.

Cuối cùng anh rút súng ra. Một khẩu súng xấu xí tồi tàn chứ không phải thứ đồ chơi xinh xắn như những khẩu Colts. Anh đi vào phòng tắm, nhìn thấy cái chậu rửa đĩa bằng sứ, mà anh chưa bao giờ hình dung ra cách sử dụng như thế nào hay là chỉ để cho đàn bà. Kẻ nào lại ngu ngốc đi phí tiền sắm cái thứ trông chả ra cái quái gì cả đó? Bắn bỏ nó đi cho rồi. Anh tuôn vào đầy một loạt đạn. Rộp, rộp, rộp cái chậu vỡ dòn tan. Một mảnh sứ xẹt qua, rạch một vết dài và sâu vào má anh nhưng anh hầu như không cảm nhận.

Anh nhìn vào bóng mình trong chiếc gương của phòng tắm. Anh nã một phát đạn vào phản ảnh cái đầu hói của mình trong gương. Rồi anh bắn luôn cái gương gắn trên trần ngay chỗ giường nằm. Cơn mưa mảnh vỡ thủy tinh lấp lánh trông thật ngoạn mục. Đời anh cho đến nay đã là cái gì ngoài bốn mươi ba năm toàn vận rủi? Nếu có sống thêm mười, mười lăm năm nữa, sẽ là cái gì chờ đợi ta đây?

Fredo nhìn đồng hồ. Một ngày đã qua, đã rời xa ta. Anh đã dự định gặp Jules Segal và một vài nhà đầu tư tiềm năng tại một nhà hàng của Gussie Cicero trong khoảng một giờ. Fredo gọi đến quầy tiếp tân và nói rằng hôm qua hai vợ chồng vì vui quá nên đã quây tưng bừng. “Bạn có thể gửi người lên kiểm kê thiệt hại,” anh nói. “Cứ tính vào phiếu thanh toán cho tôi. Cứ tính cho đúng, tôi sẵn sàng trả, không thắc mắc gì đâu.”

Thư kí hỏi Fredo có nghe tiếng súng không?

“Ồ, chuyện đó,” Fredo nói. “Tôi mở hết volume xem phim cao bồi.”

Anh gác máy. Anh đá một phát vào chiếc Tivi hư nát. Anh đi vào phòng tắm ngáp nước lạnh và khóa nước bồn toa - lét. Anh nhìn quanh dãy phòng. Một cảnh tượng bừa bãi ngổn ngang trông đến khiếp, nhưng cuối cùng, tất cả những gì anh hoang phí về chuyện này là một ngày. Anh đã tiêu mất bốn mươi ba năm vào cái đồng hoang tàn mà anh tạo ra từ cuộc đời mình. Anh tóm lấy chiếc áo tuxedo và những điều thuốc tẩm ma túy. Anh có thể thay đồ ở nhà hàng của Cicero.

Sau hai lần yêu cầu của khán thính giả, J.J. White Jr. rời sân khấu, người đầm mồ hôi trong khi khán giả đứng dậy hoan hô. Fredo và Jules Segal ngồi ở một bàn phía trước, cùng với hai luật sư ở Beverly Hills, Jacob Lawrence và Allen Barclay - những người bạn của Segal và cũng là những người chủ sở hữu đăng kí của một casino ở Vegas vốn thực ra là thuộc về Vincent Forlanza. Fredo đã phân bổ hai tiểu minh tinh trẻ đẹp để cặp bồ với hai luật sư đã có vợ. Còn đào của Segal là Lucy Mancini trước kia vốn là bồ ruột của Sonny Corleone.

Figaro và Capra ngồi ở bàn kế bên với các em gà của mình, nhìn vào lưng Fredo.

“Xong rồi, Bác sĩ,” Fredo nói, ngồi xuống. “Tôi có lí thuyết này.”

“Tôi biết anh sắp nói gì,” Segal nói. “J.J. hay hơn khi anh ta hát solo và không chạy theo luân cuối Johnny Fontane.”

“Lí thuyết của tôi,” Lawrence nói, “đó là người Do thái là những nghệ sĩ giải trí hay nhất. Điều đó đã ăn sâu vào trong máu của chúng tôi.”

Câu này không làm cho Barclay và Segal vui cho lắm. Còn White là một chàng Da đen kết hôn

với một cô nàng Do thái và cải sang Do thái giáo. Lawrence, Barclay và Segal đều là dân Do thái từ khi mới lọt lòng.

Fredo nhú mày. “J.J. hay đấy nhưng tôi đâu có nói gì về chuyện hát hồng đâu,” anh nói. “Tôi đang muốn nói đến chuyện thu xếp công việc làm ăn của chúng ta ở New Jersey. Lí thuyết của tôi là, cái mẹo để lôi kéo người ta vào bất kỳ chuyện gì là bạn khiến cho họ nghĩ rằng, trước tiên, đó là ý tưởng của chính họ.”

“Anh vừa mới hình dung ra điều ấy?” Segal hỏi. “Anh bao nhiêu tuổi rồi?” Mới mấy năm trước đây thôi, tóc anh đã xám bạc. Giờ đây tóc anh mang màu sô-cô-la sữa. Khuôn mặt rám nắng của anh chỉ sáng hơn bóng râm một tí.

Fredo gượng cười. “Điểm chính yếu là, tôi có thể xoay lắt mọi chuyện và làm cho người ta nghĩ rằng họ là người đã nghĩ ra chuyện nghĩa trang đó, nhưng đó không phải là cách tôi làm ăn. Tôi không khiến bạn phải hao tổn tiền của công sức vô ích đâu. Bạn không muốn tham gia vào dự án này? Tin tôi đi, tôi biết có hàng trăm người muốn đấy. Nhưng Jules này, bạn đã giúp tôi giải quyết hậu quả để thoát khỏi hàng lỗ vụn rắc rối với các bà các cô; điều tối thiểu mà tôi có thể làm là đem lại cơ hội này cho bạn. Cả những người bạn của bạn nữa. Bạn của Jules thì cũng là bạn của tôi. Tôi cũng là bạn với những người bạn ở Cleveland của bạn nữa. Tôi và Nick Geraci, có lẽ bạn biết anh chàng ấy, chúng tôi rất tâm huyết với dự án này. Đến thời điểm thích hợp, anh ta sẽ hợp tác chặt chẽ với tôi trong chuyện này, tin tôi đi. Còn ông trùm Do thái? anh nói, ý chỉ Forlenza. Chỗ quen thân từ lâu mà.” Thực ra Fredo chưa từng để mắt đến nhân vật này. “Nói vắn tắt là, đây là ý tưởng của tôi, đúng không? Nhưng tạm để qua một bên lòng tự hào của bạn, và bạn sẽ thấy rằng nếu bạn tham gia vào chuyện này thì tất cả bọn ta sẽ lập ra một Sở Đúc Tiền đấy.”

Capra vùi đầu vào mái tóc của cô bạn. Tiếng Anh của chàng ta quá “liêu xiêu” để có thể nắm bắt những gì đang được bàn bạc ở bàn kế bên. Đàng khác Figaro lại ngạc nhiên là Fredo lại có vẻ hạ mình đi nài nỉ kẻ khác vì tiền bạc - mặc dầu Geraci từng tiên đoán rằng có lẽ đây là chuyện sẽ xảy ra. Trước đây Figaro thường cắt tóc cho Geraci; mối quan hệ đầu tiên của anh ta với Gia đình Corleone là qua Tessio (một khách quen khác). Càng sống lâu ở Nevada và California Figaro càng tin chắc rằng những đứa con của Vito đang phá hỏng hết mọi sự. Căn cứ địa quyền lực của Gia đình này là ở New York - nơi Figaro được sinh ra và nơi mà tình cảm của anh ta mãi lưu luyến sâu đậm. Vả chăng anh ta là người của Nick Geraci mà.

Gussie Cicero và Figaro nháy mắt nhau ngang qua phòng. Figaro gật đầu. Gussie đi nói với Mortie Whiteshoes và Johnny Ola rằng họ đã có sự mở đầu cần thiết để khiến Fredo giúp họ làm cho ông chủ của họ và Michael tiến hành những cuộc thương lượng hai bên cùng có lợi. Theo như Gussie hiểu, chính anh ta đang làm một ân huệ vô hại, và Figaro vừa xác định rằng Fredo đang nói về bất kỳ điều gì mà anh ta dự định đến đây để nói về. Theo như Gussie Cicero hiểu, ý tưởng đặt Ola và Whiteshoes cùng với Fredo Corleone - dầu vì lí do gì - đã đến từ Jackie Ping-Pong. Theo như Jackie Ping-Pong hiểu, ý tưởng là của Louie Russo. Theo như Russo biết, đó là ý tưởng của lão Do thái Vincent.

“Rất có thể đó là một ý tưởng hay, Fredo à,” Segal nói. “Nhưng những ý tưởng hay cũng chẳng để làm gì.”

Fredo gãi đầu.

“Cái làm cho một ý tưởng có giá trị,” Segal nói, “là biết làm gì với ý tưởng đó.”

Đây quả là một biểu lộ bất kính khó nuốt trôi từ một tên Do thái tự cho mình quan trọng, một kẻ lẽ ra đã không bao giờ có lại được mảnh bằng y khoa nếu như nhà Corleones không đề nghị với người đứng đầu hội đồng xét lại một món quà mà ông ta không thể từ chối. “Tôi biết,”

Fredo nói gần như thì thầm, cổ tình bắt chước vẻ đe dọa yên lặng mà bố anh và em anh vận dụng một cách rất tự nhiên,” làm gì với ý tưởng đó.”

Những người ngồi cùng bàn không tỏ ra dấu hiệu gì là bị đe dọa.

“Có thể là thế,” Lawrence nói, “nhưng chúng ta cần xem xét các chi tiết. Những sắc luật sẽ khó có thể được thông qua. Ngay cả nếu bạn tiến hành, thì những nghĩa trang hiện có và những doanh nghiệp liên quan chắc chắn sẽ tìm cách vận động để khiến cho những luật mới bị đánh đổ. Tôi không biết mọi chuyện diễn ra như thế nào ở San Francisco hay tại sao như thế, nhưng chuyện ấy không thành vấn đề. Bởi vì bang khác, thời thế khác. New York khác San Francisco. Và chuyện cách nay ba bốn mươi năm là đã cách nhau hai thế kỉ rồi. Ngày nay làm chuyện gì lớn bạn phải cần sự tư vấn của các luật sư, các chuyên gia, các chính trị gia nhiều hơn. Nhiều khê lắm. Tốn kém lắm”

“Các bạn khác có ý kiến gì?” Fredo đánh tiếng.

Lawrence nhún vai. Mấy chị em phụ nữ đã trở lại bàn sau khi tìm chỗ để sửa sang trang điểm.

“Còn có những vấn đề khác,” Segal nói. “Trình bày đi, Allen.”

“Các nghĩa trang,” Barclay nói, “phải có thể được duy trì cho đến tận cùng thời gian chỉ với niềm tin. Nói cách khác, anh đang đặt tất cả sự nghiệp anh vào dự án này, điều mà từ những gì tôi biết về công việc của anh, tôi không tưởng tượng là anh lại muốn làm như thế. Vả lại, đừng tiến hành chuyện này theo con đường bất chính, Ông Corleone à, mà phải làm sao cho đồng tiền làm ra sạch sẽ đến độ anh có thể yên tâm mà nuốt nó.”

“Đừng lo lắng về chuyện đó,” Fredo nói. Anh không thể tin rằng họ lại cứ tiếp tục bô bô về chuyện này trước mặt những cô nàng nọ. “Tôi sẽ giữ kín mọi chuyện.” Mặc dầu thực ra anh đã hở hơi khá nhiều.

Các cô nàng vào chỗ ngồi và hôn bạn tình của mình.

“Tôi sẽ không dính dáng cả đến những vấn đề mà anh sẽ phải đương đầu,” Lawrence nói. “Tìm cách vận chuyển hàng triệu tử thi qua những biên giới bang. Hay tính bất khả thi của việc thiết lập bất kỳ loại độc quyền nào về chuyện này ở New Jersey.”

“Những tử thi!” Lucy Mancini la lên.

Fredo bắn một tia nhìn về phía những người khác, họ ít ra cũng có đủ ý thức để không giảng giải thêm chuyện gì. Những phụ nữ khác quay mắt đi. Lucy mắc cỡ, mặt đỏ hơn cả loại phấn hồng Singapore Sling mà nàng vừa điểm lên má. Cô nàng cũng thuộc loại từng trải, đầu phải nai tơ ngơ ngác để không biết điều gì nên nói điều gì không nên. Cô nàng tất nhiên là biết điều ấy nhưng người ta làm sao tránh khỏi những lúc hớ hênh lỗ lờ. Thánh cũng có khi còn nói bậy, trách chỉ nàng!

Segal vòng một tay quanh Fredo và vỗ lên vai chàng. “Nói về những kế hoạch làm giàu nhanh,” Segal nói, “thì đây là kế hoạch rắc rối nhất mà tôi từng nghe.”

Segal đưa một cánh tay về phía những người bạn và họ bảo Fredo rằng Segal đúng.

Fredo đứng lên. Anh gọi mấy cô tiếp viên mang đến một châu thức uống khác. “Thưa quý bà,” anh nói, “quí vị thứ lỗi tôi nhé?” Anh làm như thể anh sắp đi đái, nhưng anh không hề có ý quay trở lại bàn. Đây cũng sẽ là một cách tốt để thoát khỏi các vệ sĩ và qua một đêm thích thú ở thành phố.

Bên kia phòng, Johnny Ola - người của Hyman Roth - đứng lên và giữ một khoảng cách kín đáo, đi theo Fredo đến phòng vệ sinh quý ông.

Có lẽ, Fredo nghĩ, mình nên về nhà. Nhưng mà nhà anh ở đâu? Một mái ấm gia đình? Anh đã dành phần lớn khoảng mười hai năm vừa qua tại các dãy phòng khách sạn. Bố anh đã mất. Mẹ anh hiện ở Tahoe, nơi Fredo cũng có một căn nhà. Nhưng không phải là tổ ấm. Đó chỉ là căn lều bên hồ ở đồng quê. Một buồng câu cá. Fredo Corleone là một chàng trai thành phố, thấy ngọt ngào ở Vegas, nhưng còn ở Tahoe? Nghệt thở luôn!

Anh thấy Gussie Cicero và nhét vội cho hắn một Cleveland (tờ ngàn đô). Để thanh toán châu uống vừa rồi. Gussie bảo với Fredo là tiền của anh không tốt ở đây. “Ồ, vậy thì đem mua hoa tặng người yêu của bạn hay đại khái là cái gì đó,” Fredo nói. “Hay đưa vào thùng rác hiến tại lễ mi -sa ngày mai.

“Lễ mi -sa ngày mai!” Gussie nói, nhét tờ ngàn đô vào túi. “Anh làm tôi nhụt chí đấy.”

Lúc đứng ở bồn tiểu, anh thắc mắc không biết Deanna sẽ làm gì nếu nàng quay về với cái đồng đồ nát của căn phòng trước anh. Ý nghĩ đó truyền một luồng khí lạnh qua người anh. Mặc dầu có lẽ chỉ là thoáng rùng mình khi vừa đại xong.

Fredo kéo phéc -mơ -tuya, nhìn quanh và dấn vào Johnny Ola mạnh đến nỗi chiếc mũ của anh chàng này văng ra xa và Fredo ngã dúi mặt vào móng anh ta. Người trực phòng vệ sinh chạy đến để giúp đỡ, nhưng Ola đã xin lỗi và giúp Fredo đứng lên.

“Có phải tôi gây ra không?” Ola nói, vừa chỉ vào vết sưng trên má Fredo.

Fredo lắc đầu. “Mình làm đứt khi cạo mặt đó.”

“Anh là Frederico Corleone phải không? Tôi, Johnny Ola,” chàng ta nói, chìa tay ra.

“Chúng ta có vài người bạn chung. Tôi từng hy vọng có ngày tình cờ gặp anh. Tôi không ngờ là chuyện lại xảy ra đúng y như thế, bạn thấy thế không?” Chàng ta cười cầu thân. “Có lẽ chúng ta sẽ nói chuyện nhau. Hy vọng là sớm thôi.”

Chắc chắn là Deanna đã về lại phòng, và đã thấy những gì anh đã làm. Nếu Fredo đã không ngần ngại với ý nghĩ đi đến đối mặt với chuyện đó, thì có lẽ điều đó đã cứu mạng sống của anh.

“Không có thời nào giống như hiện nay,” Fredo nói.

Một hồi sau, anh ngồi vào xe, đi theo Ola và Mortie Whiteshoes đến Hollywood. Họ dừng lại trước Quán Nướng Musso & Frank. Quán đã chật ních người nhưng một trong những quầy bằng gỗ gụ với những ghế ngồi bọc da màu đỏ, mây thay, vẫn còn trống.

“Nơi chốn yêu thích của tôi,” Fredo nói. “Những ly martinis ngon nhất ở L.A. nếu không nói quá là khắp thế giới. Khuấy lên, chứ không phải lắc, điều này, đối với dân chơi Ý mới là đúng điệu thưởng thức martinis.”

Ở một nơi với ít rượu martinis hơn hay ít những quầy riêng tư hơn, vào một ngày tốt cho Fredo hơn là ngày này, ai biết được điều gì có thể đã xảy ra? Fredo không nghĩ về mình như một con người yếu đuối nhưng anh chắc chắn sẽ nhìn lại thời khắc này như một lúc yếu lòng. Ola và Whiteshoes giải thích rằng ông chủ của họ và người em của Fredo đang bàn tính liên kết nhau trong một cuộc làm ăn lớn nào đó. Họ nói rằng họ không biết đó là chuyện gì; không nhắc đến Cuba. Ola nói rằng Michael đang rất là không biết điều trong các cuộc thương lượng. Vào

một ngày tốt hơn, Fredo có lẽ đã hiểu đó là một cách nói bóng gió rằng Roth muốn trừ Michael. Nhưng lúc đó Fredo chỉ nghĩ được rằng, nói đến ông em của mình, thì Michael không biết điều trong mọi chuyện chứ chẳng riêng chuyện nào. Fredo cố làm mặt lạnh như tiền khi nghe mấy chàng kia nói vậy, nhưng ngay cả trong tình huống tốt nhất, anh cũng không giỏi làm mặt lạnh.

Ola nói rằng nếu Fredo có thể giúp vài chuyện - chỉ một ít thông tin đơn giản có thể giúp xác nhận vài điều về vị thế và tài sản của Gia đình, không có gì lớn lao, thì sẽ có phần cho anh. Họ sẵn sàng nói chuyện cởi mở thẳng thắn về khoản đó có thể là gì. Có thể là một phần thưởng bằng tiền mặt.

Đó là lúc Whiteshoes chen vào và nói rằng một con chim nhỏ đã hát với anh ta bài ca chim chơ-rao về thành phố của người chết mà Fredo đang dự tính ở New Jersey. "Tôi chỉ biết những gì mà ông bạn Jules Segal nói với tôi," Mortie nói," nhưng từ âm thanh của nó, tôi xin nói rằng, tôi thích âm thanh của nó."

(Từ Sô Fred Corleone, Tháng ba 23, 1959 [đoạn cuối].)

FRED CORLEONE: Thưa quý bà, quý ông, trong sô diễn tối nay lẽ ra chúng tôi có một khách mời rất đặc biệt, nhưng như quý vị có thể thấy, chúng tôi lại không có. Chúng tôi sắp có một khách mời, đó là, và tôi nói sai khi mặc hàm rằng vị khách mời khác này là không đặc biệt. Thật ra thì người ấy cũng thuộc hàng đặc biệt đấy... Điều tôi có ý muốn nói đó là mặc dầu những gì báo chí đã loan báo rầm rộ, song khách mời của chúng tôi tối nay không phải Miss Deanna Dunn. *(Nhìn vào ngoài sân khấu.)* Tôi không cần phải nói nhiều hơn thế, đúng không?

TIẾNG CỦA GIÁM CHẾ: *(Không nghe được)*

FRED CORLEONE: Không hẳn thế. *(Quay lại đối mặt camera)*. Không sao cả, xin quý khán thính giả an tâm, chúng ta hãy chào đón người khách đầu tiên của chúng ta. Anh ấy đây rồi, một diễn viên tài ba, người đang thực hiện một bộ phim với Johnny Fontane và toàn bộ dàn diễn viên sao, về vụ cướp các casinos. Xin một tràng pháo tay nồng nhiệt để chào đón Robert Chadwick!

(Ghi lại tràng pháo tay)

ROBERT CHADWICK: *(Vẫy tay chào khán giả không hiện hữu)*: Cảm ơn tất cả quý vị; cảm ơn Freddie.

FRED CORLEONE: Không dám, cảm ơn bạn, Bobby. Bạn là cái phao cứu sinh cho chương trình hôm nay đấy, đã đến vào phút cuối.

ROBERT CHADWICK: Xin đừng quá lời. Tin tôi đi, tôi vẫn thường là lựa chọn thứ nhì cho những ngôi sao điện ảnh còn kém tính huyền thoại rất xa so với Deanna Dunn.

FRED CORLEONE: Rõ ràng là bạn đang vận dụng mỹ từ pháp kiểu mĩ mai đây và tôi thấy thú vị với khiếu hài hước của bạn. Mặc dầu, nói một cách nghiêm chỉnh, một anh chàng nom đẹp giai ra phết, hào hoa phong nhã khiến các nàng nhìn vào là mê mết, lại nói tiếng Anh chuẩn theo phong cách quý tộc như bạn, thì tôi nghĩ rằng đấy không phải là trường hợp. Hầu hết các vai mà bạn được nhận, thì bạn vẫn là lựa chọn đầu tiên, đúng không nào?

ROBERT CHADWICK: Những kịch bản mà tôi thấy đã được rất nhiều diễn viên khác đọc rồi đến độ chúng có nhiều vết cà-phê trên các trang giấy nhiều hơn là chữ viết nữa. Nhưng tôi phải tự nhủ rằng, tự ái làm gì, phải làm để kiếm sống thôi.

FRED CORLEONE: Cái gì?

ROBERT CHADWICK: Tôi nói, chỉ là chuyện kiếm sống.

FRED CORLEONE: Xin lỗi, thành thật xin lỗi. Tôi chỉ -

ROBERT CHADWICK: Được rồi, không có gì đâu. Nhân tiện xin được chia buồn về việc thân mẫu của bạn mới qua đời. Tôi cũng mới mất mẹ năm rồi nên tôi biết bạn đang trải qua tâm trạng đau buồn như thế nào. Đây là nỗi đau người ta khó mà nguôi ngoai.

FRED CORLEONE: (*nhúu mày*) Bạn biết những gì tôi đang -? (nhắm mắt lại, gục gặt đầu, ngưng nhúu mày). Được. Tất nhiên... cảm ơn.

ROBERT CHADWICK: Dầu vậy, tôi vẫn xin nói với bạn những gì tôi thực sự tin. Một triết lí sống, nếu bạn muốn gọi là thế. Giữa việc mất mẹ mình và - tôi biết bạn không muốn nói về chuyện đó để gió mang đi khắp bốn phương nhưng tôi chỉ muốn nói tôi cũng rất buồn là mọi chuyện không được suôn sẻ, liên quan đến vợ bạn.

FRED CORLEONE: Cảm ơn.

ROBERT CHADWICK: Nhưng giữa hai điều bất hạnh đó, tôi có thể bảo đảm với bạn rằng thời vận của bạn sắp thay đổi.

FRED CORLEONE: Sắp, thế hở?

ROBERT CHADWICK: (*Nhìn vào camera*): Nào, quý bà, hãy sắp hàng! Anh chàng khả ái ở bên cạnh tôi hiện nay lại được bày hàng trên thị trường mở! Ai nhanh tay nhạy miệng trả giá cao thì vớ được! Xin mời! Xin mời!

FRED CORLEONE: Hượm đã nào! Tôi còn phải -

ROBERT CHADWICK: Chắc thế rồi. Nhưng cá trong biển vô số kể là nhiều!

FRED CORLEONE: Người ta vẫn bảo thế. Theo những gì tôi được nghe, bạn là người đàn ông có được cuộc hôn nhân hạnh phúc.

ROBERT CHADWICK: Ơn Trời, quả có vậy! Thực tế là đã được bảy năm, tính đến tháng này.

FRED CORLEONE: Với một người phụ nữ tuyệt vời. Cô ấy là bào muội của Thống đốc Jimmy Shea, nếu tôi không nhầm.

ROBERT CHADWICK: Vâng, đúng thế.

FRED CORLEONE: Bạn nghĩ gì về vị Tổng thống nhiệm kì tới của chúng ta?

ROBERT CHADWICK: Margareth?

FRED CORLEONE:Ồ không, tôi muốn nói Thống đốc Shea kìa! Đúng thế. Một chọn lựa tốt đấy.

ROBERT CHADWICK: Tôi cũng nghĩ thế. Chắc chắn tôi hy vọng như thế. Thực sự tôi quen biết anh ấy từ thời dự bị đại học. Anh ấy là một lãnh đạo tài ba, là người bạn tốt. Một anh hùng trong thời chiến, như bạn hẳn đã biết. Anh ấy đã làm nhiều việc ích quốc lợi dân cho bang New Jersey, và tôi nghĩ với tất cả sự thành thật, rằng nước Mỹ hiện đang cần một con người như thế, một kẻ tuổi trẻ tài cao có huyền lực gợi cảm hứng cho dân chúng và đưa chúng ta vào thời đại không gian, đến những biên cương mới...

FRED CORLEONE: Tôi nhất trí hoàn toàn với bạn. Đây không phải là một sô diễn chính trị, nhưng tôi là công dân Mỹ và như thế tôi được quyền có ý kiến về những vấn đề của đất nước mình. Những ý kiến được nêu ra bởi các vị khách mời hay ngay cả bởi người dẫn chương trình không tất yếu đại diện cho phe nhóm nào cả. Dầu được diễn tả như thế nào. Dầu sao có lẽ chúng ta nên đi vào chủ đề khác.

ROBERT CHADWICK: Tôi cũng là người Mỹ đây, bạn già ạ.

FRED CORLEONE: Thế à? Tôi cứ nghĩ -

ROBERT CHADWICK: Từ khi tôi mười hai tuổi.

FRED CORLEONE: Tuyệt quá. Tôi muốn nghe về chuyện làm thế nào mà bạn và Fontane và tất cả nhóm của bạn - Gene Jordan, J.J.White Jr. -

ROBERT CHADWICK: Morrie Streater, Buzz Fratello.

FRED CORLEONE: Đúng. Tất cả các bạn đứng suốt đêm để diễn trên sân khấu của casino đó mà lúc này tôi chưa muốn nêu tên -

ROBERT CHADWICK: The Kasbah.

FRED CORLEONE: -và rồi quay một bộ phim suốt cả ngày?

ROBERT CHADWICK: Nghe rộn chuyện lắm nhưng thật ra là... rỗng tuếch.

FRED CORLEONE: Các bạn làm gì trong một buổi diễn ở nightclub?

ROBERT CHADWICK (*cười xòa*): Khá là ít việc!

FRED CORLEONE: Nghiêm chỉnh đấy chứ?

ROBERT CHADWICK: Tôi không hát và tôi cũng chẳng biết múa may, nhảy nhót gì cả. Những gì tôi làm là, đi lên sân khấu, uống vài ve gọi hứng cho rượu vào lời ra, ứng tác vài ba câu chuyện tiểu lâm mạn loại tục hết chỗ chê. Tôi khẳng quyết với bạn đó là những câu chuyện rất ẻ. Nhưng nhờ tôi có chút duyên hài nên vẫn có người cười. Mà cười là bệnh hay lây, cũng như đi đái vậy, anh biết đấy! Tục ngữ có câu *Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ*. Vậy mà xem chúng tôi diễn khán thính giả chỉ tốn tiền bằng độ một thang thuốc bổ thôi lại được cười thỏa thích. Thế là lời chán rồi còn gì!

FRED CORLEONE: Tôi sẽ trở lại đề tài đó trong vòng một phút nữa thôi, nhưng trước khi chúng ta đi đến phần thương mại, tôi muốn hỏi bạn về bộ phim mà các bạn đang làm, bởi vì tôi nghe rằng bạn và Fontane, Gino, Buzz, tất cả đều là chí cốt của bạn - rằng các bạn nghĩ rằng các bạn sắp sửa đi cướp tất cả các casinos ở Vegas.

ROBERT CHADWICK: Chỉ là chuyện trên xi -nê thôi, bạn già ời.

FRED CORLEONE: Không, tôi hiểu rằng, hiển nhiên là -

ROBERT CHADWICK: Nhân tiện xin nói là bạn diễn xuất sắc trong *Mai phục ở Durango*. Làm tôi nhiều phen lạnh gáy đấy.

FRED CORLEONE: Cám ơn. Điều tôi định nói là tôi tự hỏi làm thế nào mà các bạn thực hiện thành công cuộc đánh cướp cừ khôi của các bạn. Cách suy nghĩ của tôi là hoặc là các bạn sẽ làm

điều đó theo một cách không bao giờ khả thi trong đời sống thực, trong trường hợp đó, bộ phim sẽ có vẻ tức cười đối với khán giả. Hoặc là, theo cách khác - và đây là câu hỏi tôi đặt ra - các bạn có một phương cách hiện thực để làm việc đó, nhưng lúc đó các bạn phải đối mặt nguy cơ có ai đó sao chép phương pháp của các bạn để ăn cướp thật, chứ không phải diễn trò ăn cướp để mua vui, thì e rằng các bạn sẽ bị lương tâm cắn rứt đấy.

ROBERT CHADWICK: Bạn đang lập luận theo kiểu thuyết phục để đùa tôi đấy à? Đấy có phải là một câu hỏi không?

FRED CORLEONE: *(nhún vai)*: Đó là một luận điểm có cơ sở, tôi nghĩ vậy.

ROBERT CHADWICK: Bạn muốn tôi kể cho bạn nghe chúng tôi làm phim đó như thế nào? Họ làm như thế nào? Trong phim?

FRED CORLEONE: Đúng vậy. Sẽ thú vị đấy.

ROBERT CHADWICK: Thú vị là cái chắc. Nhưng mà sau đó có ma nào còn muốn đi xem phim nữa?

FRED CORLEONE: Vô khối người sẽ thích xem một bộ phim như vậy. Quý vị nói sao, quý vị có muốn nghe họ thực hiện vụ vụ... *ấy*, nói thế nào đây nhỉ? À, à, *NGHIÊN CỨU KHẢ THI DỰ ÁN CUỐP SÔNG BÀI*. Tôi nghĩ đó là nhóm từ tuy lai tạp giữa bác học và bình dân nhưng lại rất chính xác. Thế nào, quý vị thích không?

(Tràng vỗ tay rào rào được ghi lại)

ROBERT CHADWICK: Thông minh láu lỉnh lắm! Nhưng vấn đề là, Freddie à - và tất cả mọi người đang kia nữa - vấn đề là tôi *có thể* kể cho quý vị nghe, nhưng sau đó tôi sẽ phải, có lẽ thế, đừng giết mình nhé, *(gào lên)* **giết hết tất cả, không để sót một mống nào!** *(gấp cả hai bàn tay lại thành hình hai khẩu súng chĩa vào đám đông bắn lia lịa)*

FRED CORLEONE: *(trùng mắt nhìn Bobby, nhú mày, tạo một khoảng lặng đáng sợ lâu đến ngạt thở)*.

ROBERT CHADWICK: Eo ôi, em hãi quá! *(Gọi vọng ra)* Người đâu? Mang cho ta đôi giày chạy bộ nhe! Gửi phiếu tính tiền cho anh bạn này đây.

FRED CORLEONE: Chúng tôi sẽ gặp lại quý vị.

ROBERT CHADWICK: Ít ra là một trong hai người chúng tôi sẽ -

Hai ngày sau Fredo Corleone đi đến Hồ Tahoe để dự lễ tang mẹ mình. Anh cũng đã hứa đưa cháu Anthony đi câu cá.

Cậu bé sống bên hồ nhưng chính bố cậu lại không bao giờ dẫn cậu đi câu. Bác Fredo mang cậu đi bất cứ khi nào bác đến đây. Anthony lên tám tuổi và rất mê Bác Fredo.

Anthony thích đi câu nhưng cậu chưa bao giờ muốn đi câu hơn ngày hôm đó. Bố mẹ cậu đang ly thân nhau, và cậu có mối nghi ngờ len lén tâm tư rằng hình như chuyện ấy có phần do lỗi của cậu. Nếu như cậu là một đứa bé ngoan hơn, có lẽ không một chuyện tồi tệ nào xảy ra như đã xảy ra. Bây giờ cậu và cô em bé bỏng ngay cả sống với mẹ cũng không được phép. Mẹ cậu đang thu xếp hành lí để đi xa. Cậu phải ở lại nơi đây, với ông bố đi đâu biết biệt chẳng mấy khi về nhà, nơi ngôi nhà đáng sợ này mà mấy tháng trước đây đã bị những người mang súng tiểu liên bắn phá. Rất nhiều lỗ đạn vẫn còn ghi dấu đối với người nào tinh mắt biết nhìn vào nơi đáng

nhìn. Anthony là loại đứa bé tinh mắt đó.

Một giờ sau khi mẹ cậu nói lời tạm biệt cậu, Anthony bước xuống thuyền với Bác Fredo và Al Neri, người làm việc cho bố của Anthony. Ông Neri đã bảo cậu gọi ông ta là Chú Al, nhưng thực ra ông ta đâu phải là chú bác gì của Anthony. Cậu bé nghĩ rằng đây có thể là một tội lỗi nên chẳng bao giờ cậu chịu gọi ông ta như thế. Đó là cách Quý bấy người ta đấy, cậu đã học trong những giờ giáo lí vào ngày Chủ nhật. Với những mẹo nhỏ nhỏ như thế.

Ông Neri nổ máy thuyền. Bác Fredo có bí quyết riêng để bắt cá mà họ sắp thử ứng dụng. Anthony không thích ý tưởng để cho ông Neri dự phần vào bí mật, nhưng vì cậu quá háo hức được vui chơi với nước cho nên cậu không than phiền gì. Anthony thật hạnh phúc trong mức độ mà một đứa bé khốn khổ như cậu có thể được như thế.

Ngay lúc họ sắp sửa đẩy thuyền ra khỏi bờ, Cô Connie chạy đến bến tàu, kêu lớn lên rằng bố của Anthony cần đem cậu đi Reno. Anthony bắt đầu than phiền, nhưng Bác Fredo nhìn nghiêm khắc vào mặt cậu và bảo rằng Anthony phải đi. Bác hứa là thay vì hôm nay thì ngày mai bác sẽ dẫn cậu đi câu. Cậu bé, quá buồn, gật đầu và cố gắng không để lộ ra.

Cô Connie dắt Anthony trở về nhà. Mọi người đã nói nhiều điều không hay về cô cho đến mấy tháng trước đây. Giờ đây cô sẽ là người chăm sóc cho Anthony và cô em của cậu hàng ngày. Cô chẳng rành chuyện chăm sóc trẻ con, ngay cả là chính các con của cô, như Anthony đã có thể thấy.

Một khi họ vào nhà, Cô Connie bảo cậu về phòng riêng của cậu. Cậu hỏi về chuyện đi Reno. Cô nói cô không biết gì về Reno, cứ đi về phòng riêng đi. Cậu nghe theo.

Từ cửa sổ phòng ngủ của mình, cậu bé nhìn theo Bác Fredo và ông Neri chạy ra xa. Sau khi họ khuất tầm mắt, cậu vẫn đứng đó, mặc dầu không còn gì để nhìn. Anthony đơn độc. Cậu không khóc. Cậu đã tự hứa với lòng sẽ không bao giờ khóc, dẫu bất kỳ chuyện gì xảy ra cho mình. Cậu sẽ luôn luôn là đứa bé ngoan và có lẽ bố mẹ cậu sẽ lại yêu nhau như trước.

Mấy phút sau, cậu nghe tiếng súng nổ.

Ngay sau đó, ông Neri trở về trong thuyền một mình.

Anthony bật khóc. Cậu không nín khóc được trong nhiều ngày sau đó.

Trong cuộc li hôn gây tranh cãi của bố mẹ cậu, cậu bé thu hết can đảm đối đầu với bố mình với những gì cậu đã thấy. Michael Corleone đưa ra yêu cầu nuôi hai con, vốn đã được tòa giao cho Kay Adams Corleone.

Nước rất lạnh của Hồ Tahoe thường ngăn sự hình thành những luồng hơi bên trong, điều khiến cho những tử thi nổi lên. Xác của Frederico Corleone không bao giờ được tìm thấy. Chú nhóc cháu anh ta cả đời không bao giờ chịu đi câu cá nữa.

PHẦN VI

1920 -1945

Chương 21

Người ta cho rằng trẻ sơ sinh mang thời vận riêng của chúng đến cho gia đình, và điều ấy cũng đúng với Michael Corleone. Nhà Corleones thuê ấy đang sa lầy trong nghèo túng, sống trong phòng nhà bếp của Chung cư Địa ngục. Những toa xe lửa chạy ngay giữa đường. Suốt ngày đêm, những chuyến tàu hàng rầm rập chạy qua, chở đầy gia súc đến các lò giết mổ. Bọn nhóc tí la hét ầm ĩ khi có cơ hội chơi trò cao -bồi cưỡi ngựa và gào thét để xua bộ hành tránh đường cho các hiệp sĩ tí hon chạy đi bắt cướp. Tuần nào cũng có vài người mang thương tật vì nặng tai, chậm chân không kịp tránh đường và do vậy, được tội với các vị tiểu anh hùng và bị ngựa đá!

Kể từ khi sinh Santino mười năm trước đó, Carmela đã bị sẩy thai bốn lần. Đứa bé còn sống sót, Frederico, đau ốm liên miên trong năm năm đầu đời. Vito phải làm việc sáu ngày mỗi tuần nơi một tiệm tạp hóa ở góc đường của bố mẹ nuôi. Cùng thời mat vận xui khiến, ông lại đi theo hai người bạn Clemenza và Tessio đánh cướp một xe tải, chỉ để gặp một anh chàng láng giềng ưa hăm dọa và bức hại người khác tên là Fanucci chờ đợi chia một phần tiền thu được, và mặc dầu chẳng tốn chút công sức nào trong vụ làm ăn kia nhưng y lại đòi phần sư tử cho mình, nếu không sẽ tố cáo cho đi tù cả lũ. Quá ức lòng, Vito đành phải khử hấn ta thôi. Mấy tuần trước khi Michael ra đời vụ Vito giết Fanucci - bị nghi ngờ rộng rãi nhưng chỉ bị bàn cãi thoáng qua - đã mang lại cho Vito sự kính nể của hàng xóm láng giềng, họ biết ơn ông vì đã trừ khử giúp họ một kẻ ưa bắt nạt, hống hách, ức hiếp người yếu đuối, cô thế. Rất kiệm lời, ông bắt đầu đàn xếp, giải quyết những vụ xung đột và bảo vệ các chủ tiệm khỏi bọn vô lại và đám cảnh sát ưa nhúng nhieu.

Việc sinh Michael không hề đau đớn như chưa từng có trước đây. Cậu bé có nước da ngà, lông mi dài và đen và một đầu tóc bóng láng, sáng mượt tự nhiên. Khi bà đỡ phát vào mông cậu, cậu bé hít một hơi thở sâu nhưng không khóc. Bà ta thở dài giống như cô gái trong một phim của Valentino. Đến khi bú vú mẹ thì Mike là đứa con cưng nhất của bà. Vito mới vừa bước chân qua ngưỡng cửa phòng thì đã nhận ra ngay những nét quý tướng của Michael. Cậu bé là hình ảnh chính bố của Vito, người đã chiến đấu bên cạnh vị anh hùng dân tộc Garibaldi. Vito quì xuống và khóc vì hạnh phúc.

Ngày hôm sau, những ý tưởng về khu vườn olive yêu quý của bố mình xưa kia gợi cảm hứng cho Vito đi vào ngành kinh doanh dầu ô-liu. Tessio và Clemenza sẽ là những người phụ trách mại vụ cho ông. Việc cấm rượu - vốn cung cấp việc sử dụng có lợi khác cho những xe tải giao hàng của họ - là một cơ hội may mắn khác đến với họ hầu như cùng lúc với sự chào đời của Michael. Chẳng bao lâu sau họ đều trở nên giàu có.

Trong thời thơ ấu, thân nhiệt của Michael không bao giờ vượt quá chín mươi tám độ (Fahrenheit). Thường thường là mát hơn. Cậu ta có niềm tin nơi bản thân mình, cứ như thể là cậu biết người ta sẽ yêu mến cậu và làm những gì cần được làm và thấy không cần phải nhặng xị ầm ĩ hay phải quan trọng hóa. Bữa tiệc mừng sau lễ đặt tên thánh cho cậu được tổ chức trong đường phố có cảnh sát giữ trật tự như một ân huê cho nhà nhập khẩu trẻ tuổi hào hiệp. Dường như mọi người Ý ở New York đều có mặt. Bố đỡ đầu của Michael, Tessio - người thường ngày vốn buồn rầu ủ rũ - đã dành suốt buổi chiều làm mặt hề để chọc ghẹo làm vui cho cậu bé và cậu bé đã biết mỉm cười đáp lại. Đó là nụ cười của Vito nhưng không có nét đe dọa.

Sau độ khoảng một năm, những cậu lớn trong nhà thấy rằng Michael đã tiệm vị mình và trở thành đứa con cưng được cha mẹ yêu chiều nhất. Fredo phản ứng bằng cách bỏ chuột vào trong nôi em bé và, một thời gian ngắn, quay lại với thời kỳ đá dăm. Có lần cậu còn đi đến trường và loan truyền với mọi người rằng em trai của cậu đã bị cắt đứt làm hai khúc bởi cái khung gạt trước đầu chiếc xe lửa chở hàng ở Đại lộ Mười Một.

Sonny hành động táo bạo hơn, làm rối rắm thêm yêu sách của Michael đối với tình cảm yêu mến của bố bằng cách mang về nhà một kinh dịch mới do chính Sonny chọn - một chú nhóc ốm yếu và bần thủ mà bố mẹ đã chết vì rượu. Ở tuổi mười hai chú nhóc đã lang thang hè phố, kiếm sống bằng những trò trí trá mà hóa ra, rất là đáng nể. Chú ta tên là Tom Hagen. Sonny nhường chiếc giường hẹp của mình cho người bạn côi cút và ngủ trên sàn nhà. Không ai bàn luận về chuyện biến sự thu xếp đó thành thường xuyên. Nhưng giống như phần lớn công việc của Ông Trùm, một nhu cầu xuất hiện và được giải quyết với tối thiểu ngôn từ.

Kỉ ức sớm nhất của Michael là ngày mà gia đình cậu dọn về Bronx. Lúc đó cậu mới lên ba. Mẹ cậu còng lưng xuống, ôm từ biệt hàng xóm láng giềng, khóc lóc chẳng kém gì cô bé Connie. Tom và Sonny đã lên trước ở căn hộ mới. Michael ngồi trong xe với bố và người tài xế. Fredo đứng nhìn về hướng các đoàn tàu. “Có gì vậy con?” Vito kêu lớn. Fredo muốn chơi trò cao -bồi cưỡi ngựa bắn súng. Sonny đã chơi trò đó ít ra là cả hàng trăm lần rồi. Fredo thì chưa từng được chơi lấy một lần thế mà giờ đây cả nhà dời đi, xa rời láng giềng. Vito nhìn thấy vẻ buồn khổ trên mặt Fredo. Ông bèn một tay bế Michael, tay kia dắt Fredo và đi xuống con phố hẹp. Người đàn ông với con ngựa nhìn thấy Vito, và một lát sau Fredo đã ngồi trên yên ngựa, chờ chuyến xe lửa đến. Khi có một chuyến xuất hiện ở xa xa Vito công kênh Michael lên vai mình. Fredo cưỡi ngựa băng qua các đường mòn và đường ray, thích thú la lớn những lời cảnh báo: “Tránh ra, tránh ra cho ngựa cậu chạy qua!”, thấy vui sướng và không hề sợ hãi.

Căn hộ mới của nhà Corleones nằm trong khu Belmont của Bronx, trên tầng hai của một cao ốc gạch đỏ tám tầng. Chính căn hộ thì khá khiêm tốn nhưng có một ngăn làm đá mới, hệ thống sưởi tốt, và đủ không gian cho mọi người. Vito sở hữu nguyên cả cao ốc đó nhưng một cách rất kín đáo nên ngay cả cảnh sát trưởng ở đó cũng không biết. Với cậu bé Michael, Belmont dường như chốn thiên đường. Các đường phố đầy những cậu bé đang chơi khúc côn cầu và tiếng rao mời chào của những người bán hàng rong với những chiếc xe đẩy chất đủ thứ các cái linh tinh. Không khí lung linh với hương vị của hành tỏi tỏa mùi ngào ngạt và làn sương mỏng mang vị ngọt béo của bánh mì bơ đường được nướng lên. Sau bữa ăn chiều, đám đàn bà mang ghế ra vỉa hè túm năm tụ ba tán chuyện cà kê dê ngỗng cho qua buổi hoàng hôn. Cảnh đàn ông trao đổi với nhau những lời trêu ghẹo thân thiện. Có nhiều người Ý ở Belmont hơn là ở khu phố họ vừa rời đi. Trong cái khu hành chánh này của Thành phố New York thì hầu như đi đâu họ cũng gặp người quê ta cả.

Bên ngoài căn hộ của nhà Corleone là một lối thoát khi hỏa hoạn. Vào những đêm trời nóng nực họ ngủ nơi đó cho đến khi gió xoay chiều và gửi đến mùi vị từ Vườn Bách Thú Bronx tỏa xuống Đại lộ Arthur. “Đủ rồi,” Vito sẽ nói với những đứa con đang càu nhàu. “Cái vườn Bách thú ấy à? Nó đã được những người Ý xây dựng nên. Những gì các con đang nghĩ thấy là thành quả lao động của họ. Làm thế nào mà một đứa con của bố lại từ chối thành quả vốn là một quà tặng từ Chúa? Những đứa khác đôi khi vẫn còn cần nài nhưng Michael thì không. Ở trong sở thú đó cũng có những con sư tử. Michael thích sư tử vì nhà cậu là Corleones, tức Những Người Mang Trái Tim Sư Tử - Những Kẻ Hùng Tâm Dũng Chí.

Gia đình Corleones rất nhiệt tình với nhà thờ mới. Lúc đầu, cả Vito cũng năng đi lễ nhà thờ. Fredo đi dự lễ Mi -sa với mẹ hầu như hàng ngày. Khi lên mười, trong một bữa ăn chiều, cậu đứng lên và thông báo rằng cậu đã có một cuộc nói chuyện với Cha Stephano, cha chủ lễ ưa thích của mẹ mình và cũng là huấn luyện viên quyền Anh của cậu, và cậu quyết định trở thành một linh mục. Cả nhà nổ ra những tràng hoan hô chúc tụng. Đêm đó, Michael ngồi trên lối thoát hỏa hoạn và nhìn theo mẹ đang đi khoe Fredo với hàng xóm (*đối với các gia đình Công giáo, nhà nào có người đi tu làm linh mục thì rất lấy làm vinh dự và tự hào chẳng khác nào người ngoại mà gia đình có người thân làm đến quận trưởng, tỉnh trưởng vậy!* Chú thích của Ng,d.). Lúc Fredo trở về nhà mặt cậu đầy những dấu môi hôn.

Ở trường, khi các bạn của Michael thực hành cái nghi lễ thành niên là khoe khoang tăng bốc bố

mình, Michael tránh ra xa. Cậu đã được gia đình giáo dưỡng là không được khoác lác huênh hoang. Cậu cũng không có nhu cầu làm thế. Ngay cả những đứa ưa bắt nạt nhất trong trường cũng biết rằng ông bố lầm lì của Michael là một nhân vật đáng nể. Khi Vito Corleone đi xuống phố, người ta cúi gập người xuống chào ông, cứ như thể ông là vua không bằng!

Một đêm nọ, vào bữa ăn tối, lúc Michael lên sáu, bỗng nghe tiếng gõ cửa. Đó là Pete Clemenza. Ông xin lỗi vì làm rối bữa ăn tối của gia đình và yêu cầu nói riêng với Vito đôi lời. Một lát sau, từ phía sau cửa phòng khách được khóa lại bên trong, Vito bắt đầu la lối bằng phương ngữ Sicily mà Michael nghe được nhưng không hiểu hết. Con giận của bố có lí do khá rõ. Mẹ vẫn yên lặng ngồi cho bé Connie ăn ô-liu và calamari và làm bộ như không nhận thấy gì. Tom cười khẩy và lắc đầu “Lại Sonny,” Tom nói. Sonny không có mặt trong bữa tối - điều này đã trở thành càng ngày càng ít có vẻ bất thường hơn - nhưng tiếng cười khẩy của Tom dường như hàm ý rằng không có gì thực sự trầm trọng xảy ra.

Tuy vậy, Michael vẫn hoảng sợ. Chỉ có Sonny - và nhiều năm sau nữa, Michael - là từng khiêu khích Vito Corleone đủ “đô” để làm tiêu tan tính kham nhẫn và cẩn trọng đã trở thành huyền thoại của ông. Không có thước đo nào dò được chiều sâu của tình phụ tử mà ông dành cho họ. Nếu như người chết còn có thể nói được thì nhiều người sẽ làm chứng rằng chính tính kham nhẫn và cẩn trọng của Vito là những điều mà người ta nên gồm nhất.

“Anh ấy làm gì vậy?” Michael hỏi.

“Một vài trò nguy hiểm để đùa vui đấy thôi,” Tom nói. “Đúng kiểu Sonny.”

Tom và Sonny đều là sinh viên lớp Dự bị Đại học Fordham. Nhưng họ hoạt động với những đám đông khác nhau. Tom ở trong đội tennis của trường và là một sinh viên danh dự. Có lẽ vì chàng ta không thực sự là một thành viên của gia đình, có lẽ vì do lòng biết ơn, nên anh chàng đã lặng lẽ trở thành đứa con hoàn hảo nhất nhà - đứa khôn ngoan nhất, đứa trung thành nhất, ngoan ngoãn nhất, có tham vọng nhất, và, đồng thời cũng là đứa khiêm cung nhất. Đứa học trò nhiệt tình nhất của bộ qui tắc ứng xử mà Vito đặt ra, chàng ta nói tiếng Ý giống như người bản ngữ, và trong mọi mặt, trừ huyết thống, là kẻ mang tính chất Sicilian điển hình nhất.

Còn về Sonny chàng ta đã bị loại ra khỏi đội bóng đá nhà trường sau khi cãi nhau lớn tiếng với huấn luyện viên (khi Sonny yêu cầu bố can thiệp, Vito đã tát cậu con và không nói gì). Cậu cả quê độ bèn lẳng lặng chôm mấy chai gin loại rượu lâu và chuồn vào mấy quán bar ở khu Harlem để nghe nhạc jazz và uống rượu cho đỡ quê! Ngay khi mới mười sáu, Sonny đã thành danh là “con thú cưng của quý bà” chứ không chỉ riêng của các nàng cùng trang lứa.

“Trò nguy hiểm để đùa vui thuộc loại gì vậy?” Michael hỏi Tom.

“*A rubar poco si va in galera, a rubar tanto si fa carriera.*” Ăn trộm vặt phải đi tù, ăn trộm lớn thành đại nghiệp! “Sonny và hai thằng gốc mà anh ta nghĩ là bạn mình đã thực hiện một vụ cướp có súng -”

“Ah - ah - ah!” Carmela dùng hai tay bịt tai Connie. “Đủ quá rồi đấy!”

Cửa phòng khách mở ra. Vito đang lắc đầu, mặt đỏ bừng, rõ là đang giận sôi lên. Ông và Clemenza rời khỏi nhà không nói tiếng nào. Connie khóc thét lên. Michael tự buộc mình không làm theo lẽ thường.

Nhiều năm sau, Michael mới biết được rằng Sonny đã đánh cướp một trạm xăng vốn được bảo kê bởi Gia đình Maranzano, mặc dầu Sonny không biết điều đó. Vụ đánh cướp chỉ là một trò vui đùa liều lĩnh mạo hiểm. Đêm đó Vito đích thân đi thương lượng với Maranzano và phái Clemenza đi tìm Sonny. Mấy giờ sau, Pete tìm thấy cậu cả đang đứ đờn với một chị đàn bà vắng

chồng thêm trống rỗng, và lời cậu về văn phòng Công ty Dầu Ô -liu Nguyên chất Genco để đối mặt với cơn thịnh nộ của bố Vito.

Khi Vito đổ nát Sonny về hành vi thiếu suy nghĩ của cậu con thì Sonny chỉ tự biện hộ bằng cách nói rằng cậu đã thấy bố giết Fanucci. Vito ngồi xuống, nặng nề, bại trận, không còn biết phải dạy bảo con mình như thế nào. Khi Sonny yêu cầu được nghỉ học để giúp việc gia đình, Vito ngượng đi và gọi đó là... số mệnh!

Vito tin rằng bản thân mình đã làm điều mình phải làm trong một thế giới chỉ dành rất ít cho một người trông giống như ông và đến từ nơi như ông đến. Ông kiên quyết với niềm tin rằng cuộc sống sẽ khác đi đối với con cái của ông. Ông tự hứa với lòng rằng không để đứa nào trong số con cái của mình, kể cả con nuôi là Hagen, đi theo bước chân của mình. Đó là lời hứa duy nhất mà Vito Corleone đã phá vỡ.

Tuy vậy, vào thời đó, Michael chỉ biết rằng, lần đầu tiên trong đời mình, cậu đã thấy ông bố khắc kỷ của mình đánh mất tự chủ, và rằng một cách nào đó Sonny đã gây ra chuyện đó. Một lát sau khi Vito và Clemenza đi khỏi, Tom, lộ vẻ chán ngán, xin lỗi và hướng đầu về phía cửa. “Má cần gì không? Con xin phép đi dạo một lát.”

Bà không nói gì. Mặt bà xám đi và khô lại.

Michael nắm vào cửa chính trong khi Tom đang đóng lại và theo chân anh xuống cầu thang. Khi hai đứa xuống đến phố, trời đổ mưa. Một trận mưa lớn như trút nước. Tom tựa vào cửa kính, chần chừ.

“Hãy cho em biết chuyện gì xảy ra, Tom,” Michael nói. “Em có quyền biết. Chúng ta là trong gia đình cả mà.”

“Bé học ở đâu mà nói năng như thế?”

Michael gần mạnh cách diễn đạt trong mức độ cậu có thể.

Tom liếc qua vai mình. Tay sĩ quan cảnh sát và vài người thuê nhà đang lòng vòng gần đó. “Không phải chỗ này.” Chàng ta di chuyển đến một chỗ vải bạt che cửa cách đó mấy căn. Hai đứa chạy ào tới đó.

Mười sáu tuổi Hagen chưa biết hết mọi chuyện. Nhưng chàng ta biết cách đọc Sonny, và chàng ngưỡng mộ Vito, vì vậy chàng ta biết nhiều hơn bất kỳ người nào có thể đoán. Những chuyện mà chàng ta kể lại cho Michael tối hôm đó, dưới tấm bạt có sọc, phía trước cửa hàng thịt Racalmuto là thành thật và đúng thật.

Từ ngày đó trở đi, Sonny trở thành một trong những người kè kè theo bên Vito khắp nơi. Chàng ta thường về nhà trễ, nhiều khi chẳng thèm về. Khi chàng ta ở nhà, chàng âu yếm cậu em kế Fredo, cu cậu này nhìn chàng theo cách mà Michael nhìn Tom. Vào dịp sinh nhật lần thứ bảy của Michael, Tom tặng cu cậu chiếc áo đánh tennis. Michael mặc áo bó quanh cổ, theo kiểu của Tom.

Trong vòng mấy tuần sau đó, Sonny rời khỏi nhà và kiếm một căn hộ riêng ở Manhattan, ngay phố Mulberry, và Tom chuyển vào ở ký túc xá Đại học New York. Không biết vì do hai cậu lớn ra đi hay do chính sự trưởng thành của mình, Fredo nổi lên một cách không ngờ, ở tuổi mười ba, như một chàng trai mạnh mẽ, có uy. Mặc dầu hơi thấp người, cậu vẫn chơi vai hậu vệ trong đội bóng khối lớp sáu. Sau vài năm bị đấm ngã đây đó, cậu thắng trong một giải quyền Anh nhỏ của Hội Thanh niên Công giáo. Cậu đang đạt được những đẳng cấp tốt hơn và xuất sắc trong việc học giáo lý dưới sự hướng dẫn của Cha Stefano. Fredo vẫn còn mắc cỡ trước con gái,

nhưng với các cô sự mắc cỡ đó bỗng nhiên lại có vẻ dễ thương, một nét quyến rũ càng trở nên “thú vị tình thâm” hơn bởi các nàng đều biết rằng anh chàng Fredo muốn trở thành linh mục.

Michael đã không thể đánh dấu chính xác thời đoạn mà mọi chuyện này thay đổi, khi sự vụng về lúng túng của Fredo trở thành một cái gì tồi tệ hơn, khi tính tự túc trở thành tính vị kỉ u ám. Hiện tượng này hẳn là phải xảy ra dần dần, qua nhiều cấp bậc, nhưng với Michael, hình như là có lúc thì Fredo là một người yếu đuối về tinh thần, lúc khác là một chàng trai mạnh mẽ, nghiêm túc, và lúc khác nữa anh ta lại khóa mình trong phòng riêng hàng giờ, chìm trong trầm tư mặc tưởng hay những độc tưởng, hoang tưởng gì đấy nào ai biết được. Năm mười sáu tuổi Fredo thông báo điều mà mọi người, trừ mẹ chàng, đã tiên đoán: chàng ta không còn muốn trở thành linh mục nữa. Chàng bắt đầu bỏ lớp học đi chơi. Chàng có những cuộc hẹn hò, nhưng chỉ vì các cô gái thấy chàng vô hại. Chẳng bao lâu sau chàng cũng tham gia công việc của bố, mặc dầu Vito chỉ giao cho cậu thứ những chuyện lật vật: truyền các tin nhắn, chè lá điều đóm cho các cụ, xuống hàng số dầu ô-liu thực thụ.

Vito Corleone tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục, và đôi khi, ban đêm, ông và Michael ngồi trên lối thoát hỏa hoạn và mơ những giấc mơ lớn về tương lai của cậu bé. Vito cũng từng có những cuộc chuyện trò như thế với những cậu trai khác, và chỉ có Tom - người sắp bắt đầu học luật ở Columbia - là đã tốt nghiệp trung học. Michael yêu kính bố mình, nhưng cậu ta e rằng đến năm mười sáu tuổi, giống như các anh mình, có cái gì đó trong huyết quản sẽ đưa đẩy mình vào cái thế giới mà Tom đã kể cho cậu.

Hiếu biết của Michael về thế giới đó vẫn chỉ mới là hiếu biết của một đứa bé mười một tuổi. Trong suốt mùa hè khi Michael từ trường về nhà, bố cậu - chắc chắn là vào những ngày mà ông hy vọng là không có biến cố lớn lao nào - thỉnh thoảng đem cậu theo khi ông “vi hành”. Vito dường như chủ yếu là đi từ bữa ăn này đến bữa ăn khác, tại nhiều câu lạc bộ xã hội khác nhau, các nhà hàng và các quán cà-phê, bắt tay người này người kia, nói rằng ông đã ăn rồi, nhưng sau đó vẫn ngồi xuống ăn. Ông sẽ rời đi mà hình như chẳng điều hành chỉ dẫn công việc gì cả, trừ phi là bằng cách nào đó, tất cả được thực hiện qua những lời thì thầm ngắn gọn.

Vào một ngày nọ Vito bỗng nhiên được gọi đến gặp mấy người nào đó ở nhà kho của Công ty Genco. Ông bảo Michael đợi bên ngoài. Michael nhìn thấy một quả bóng chày trong thân xe và đi vào lối đi nhỏ để ném nó vào tường. Khi cậu đến đó, một cậu bé khác mà trước nay cậu chưa từng thấy, đã đang làm cùng việc đó. Cậu bé mang những nét đặc trưng của dân Ái Nhĩ Lan rất rõ.

“Đây là con đường của ta,” Michael nói, mặc dầu cậu cũng không biết cái gì khiến cậu nói như thế.

“Nói bậy rồi,” cậu bé kia nói. “Chẳng phải của riêng ai cả.” Cậu ta chiếu ra một nụ cười trắng bóng, dòn tan. Tiếng cười hơi giống tiếng lừa kêu be be nhưng lại khiến cho Michael thấy dễ chịu.

Thế rồi hai đứa không nói gì hơn một lúc lâu. Chúng đứng bên nhau nơi lối đi nhỏ đó rồi mỗi đứa ném quả bóng trầy xước của mình vào tường cho quả bóng bật nảy lại và cứ thế, ganh đua nhau làm được nhiều lần hơn đứa kia, mặc dầu không có đứa nào là cầu thủ bẩm sinh.

“Bạn biết không,” cuối cùng cậu bé Ái Nhĩ Lan nói, vì đã mệt thở không ra hơi nên phải dừng lại một lát để thở, “bố mình là chủ của tất cả những xe tải đằng kia kia, và bạn biết những gì trong đó, phải không?”

“Một số những xe tải kia là của bố tôi. Tất cả những chiếc mang dòng chữ ‘Genco Pura Olive Oil.’”

“Likkah!” Giọng của cậu bé nghe giống giọng Katherine Hepburn: không hẳn là Mỹ cũng không hẳn là Anh mà là cả hai. Phải mất một lúc Michael mới nhận ra rằng cậu ta nói *liquor* (rượu). “Đủ rượu để làm cho cả New York say tối nay, và thêm một nửa New Jersey nữa.”

Michael nhún vai. “Bảng ghi *dầu ô-liu*.” Mặc dầu cậu biết hầu hết những chiếc xe tải kia chở rượu. Cậu đã nhìn thấy bên trong chúng trước đây. “Bạn học nói kiểu đó ở đâu vậy?” Michael hỏi.

“Mình có thể hỏi bạn cùng điều ấy đấy,” cậu bé nói. “Bạn là dân Ý, đúng không?”

“Mình không nói giống như bất kỳ cái gì.”

“Chắc là bạn không rồi. Nghe này, bạn có biết tại sao đám côm không đến đây ngay lúc này để tóm mọi người vì bán rượu lậu không? Bạn biết không?”

“Bạn mất trí rồi. Tất cả những xe tải kia đều chở dầu ô-liu trong đó thôi.”

“Bởi vì bố mình hối lộ cho mọi anh côm ở New York!” cậu bé hứng chí nói để khoe mình biết được chuyện người lớn. Michael nhìn lên nhìn xuống lối đi nhỏ. Không có ai trong tầm nghe, nhưng cậu vẫn không thích cậu bé kia nói lớn đến thế về những chuyện như thế. “Bạn nói dối,” Michael nói.

Cậu kia bèn giải thích tỉ mỉ chuyện bố mình hối lộ mấy anh côm như thế nào. Cậu nói bằng những biệt ngữ về những cuộc giết chóc và đánh đập cần thiết để kiếm lợi từ việc bán rượu lậu. Hoặc là cậu ta có trí tưởng tượng phong phú hoặc cậu ta đang nói sự thật.

“Bạn phóng đại quá đấy!” Michael nói.

“Người của bạn còn ghê hơn, theo những gì mình nghe được.”

“Bạn chỉ thôi phồng quá đáng. Bạn chẳng biết cái quái gì đâu.”

“Bạn muốn nghĩ sao thì nghĩ,” cậu kia nói. “Trong khi đó, tôi đổ bạn dám đi lấy một chai rượu khỏi chiếc xe và đem về đây rồi hai đứa mình cưa đôi. Dám hông?”

Chuyện này chưa bao giờ xảy ra với Michael, nhưng cậu hùng dũng gật đầu khi nhớ mình là Corleone - Người Mang Trái Tim Sư Tử - và đi ngay. Anh Fredo đang giúp người khác xuống hàng một xe tải. Michael bảo họ là bố muốn gặp họ. Khi họ vừa quay đi, Michael thón ngay một chai Whisky Canada và trở lại lối đi nhỏ.

“Mình nghĩ cậu run như gà con,” cậu kia nói.

“Bạn nghĩ sai rồi. Có lẽ tư duy không phải là điểm mạnh của bạn.” Michael mở chai rượu và làm một ngụm. Nóng cháy cổ, nhưng cậu không ngán. “Này bạn tên gì nhỉ?”

“Jimmy Shea,” cậu kia đáp lại, cầm lấy chai rượu. Cậu ta tu một hơi dài và rượu liền lấy cò một cơn ho sặc sụa. Cậu ta khụy gối xuống và bắt đầu nôn mửa.

Một lát sau, hai ông bố đến nắm đầu hai cậu quý tử, đều mới mười hai tuổi mà đã dám bẻ cổ chia hai một chai whiskey giữa thanh thiên bạch nhật, vào đúng cao điểm của thời Cấm Rượu, một việc làm, nếu là người thành niên, phải trả giá bằng cả... địa ngục. Hai đứa bé - mặc dầu cuộc đời chúng sau này sẽ song hành nhau - nhưng không bao giờ nói chuyện trực tiếp với nhau lần nữa.

Khi Luật Cấm Rượu bị bãi bỏ, Vito Corleone lại đối diện ngã ba đường. Ông đã - mà không một lần bị bắt bớ tù đầy - tạo được một sản nghiệp nho nhỏ, đủ để lo cho gia đình và sống những ngày còn lại của đời mình trong tiện nghi thoải mái. Nhưng thay vì thế ông đã chọn cách tìm kiếm sự đối tác với Salvatore Maranzano, đầu sỏ thế giới ngầm của New York. Phải chăng đó là định mệnh của Vito Corleone? Hay là một hành động *gặp thời thế thế thời phải thế*? Hay là ông làm điều ông đã làm đơn giản chỉ vì ông xuất sắc trong việc làm đó? Có lẽ Vito không có lựa chọn. Sonny và Fredo là những chàng trai trẻ ít học và cũng không nhiều tài năng. Để cho hai cậu tự xoay xở, chắc chỉ chừng độ một năm thôi là các cậu... đuối! Và chẳng, có hay không những công cuộc kinh doanh hợp pháp để một người giàu có, xuất sắc như Vito có thể đem tất cả số tiền làm số dụng?

Nếu từng có một thời cơ cho nhà Corleones chuyển về Las Vegas và trở thành hợp pháp, thì chính là lúc này đây.

Nhưng thay vì thế, những gì xảy ra lại là *chất liệu cho lịch sử*!

Maranzano đã cười nhạo cái ý nghĩ trở thành một đối tác đồng đẳng với Vito Corleone và chế diễu cái đề nghị “đĩa đeo chân hạc” của anh chàng *gối rom mà không biết yên phận gối rom này*. Và chính thái độ cao ngạo phỉ báng kia của Maranzano đã châm ngòi nổ cho cuộc chiến Castellamare - cuộc đại chiến thứ nhất trong lịch sử Mafia Hoa kỳ. Đồng minh của Maranzano là Al Capone ở Chicago gửi hai phụ tá cao cấp đến New York để hạ sát Vito Corleone. Một trong hai tay đó là Willie Russo Lạnh Như Băng, anh ruột của Ông Trùm tương lai Louie Russo Mặt Đéo. Tài năng của Vito Corleone trong việc *phái sinh quyền lực từ những kẻ không quyền lực* (to derive power from the powerless) một lần nữa lại tỏ ra đặc dụng. Một công nhân khuân vác đường sắt ở Chicago gửi thông tin về chuyến xe lửa mà các sát thủ kia sẽ lên, và một công nhân ở New York dẫn hai tay sát thủ vào một chiếc taxi mà người tài xế làm việc cho Luca Brasi. Brasi trói hai người này lại, và trong khi họ vẫn còn sống hằn ta chặt chân tay họ bằng một cái rìu của lính cứu hỏa và ung dung ngồi rung đùi nhìn họ chảy máu đến chết. Đợi lúc họ sắp chết hằn mới vung rìu chém bay đầu họ. Còn Tessio chờ đúng đêm Giao thừa đi vào một nhà hàng và bắn Maranzano. Vito nắm lấy tổ chức của Maranzano, sắp xếp lại các lãnh địa quyền lợi khác ở New York và New Jersey thành Năm Đại Gia như ta biết ngày nay và trở thành *capo di tutti capi* (Thủ lĩnh của mọi thủ lĩnh/Thống lĩnh). Ông đã làm được điều đó mà rất ít gây đổ máu và hầu như không bị nêu tên trên bất kỳ tờ báo nào.

Cậu thiếu niên Michael Corleone đã để ý thấy đám vệ sĩ của bố mình nhiều hơn thường lệ và bố mình đi ra ngoài buổi tối thường hơn. Ngoài những chuyện đó ra thì cuộc biến động kia không ảnh hưởng gì mấy đến cái cao ốc căn hộ ở khu Bronx. Nhiều năm sau khi biết được về những gì đã xảy ra, chàng ta rất ngạc nhiên. Chàng ta hồi tưởng giai đoạn đó như là thời gian tốt đẹp của gia đình. Sonny có vợ. Tom tốt nghiệp trường luật. Connie có được con ngựa tơ đầu tiên. Michael được bầu làm trưởng lớp. Fredo đã ra khỏi vỏ ốc của mình và thường dẫn Michael đến thành phố để chơi pun. Michael là một người có năng khiếu tự nhiên, có thể thấy các góc của bàn như trong một thị kiến. Fredo là một tay chơi có tài nhưng lại không phải là kẻ giỏi xoay xở, có khả năng nhìn thấy những góc ẩn dụ từ nhiều bước trước nhưng không nhìn thấy những con cá mập nguy hiểm nhất. Bất kỳ kẻ nào đánh giá thấp cậu bé lặng lẽ và điềm tĩnh và người anh khá ái, nhỏ nhẹ của cậu, đều sẽ phá sản khi rời khỏi bàn. Lần duy nhất mà Fredo và Michael bị trấn lột Sonny đi tìm hai tay thua cay cú đã làm vụ đó và nện bọn họ đến chết ngay giữa thanh thiên bạch nhật, ở giữa phố 114 và bỏ họ lại đó. Vụ giết người đó được giao cho một thám tử ăn lương nhà Corleones điều tra. Một tay cho vay nặng lãi bắt lương bị kết tội về vụ đó. Michael chẳng biết tí gì về tất cả chuyện đó cho đến khi chàng ta nghe ra câu chuyện, nhiều năm sau, từ chính Sonny. Anh ta vẫn nghĩ toàn bộ câu chuyện này chỉ là một... trò cười không mấy vĩ đại! Tại sao họ nghĩ họ đã chỉ bị trấn lột có một lần?

Trong hơn mười năm thiên hạ thái bình. Xứ sở loạn xạ qua cuộc Đại Suy thoái (1929) nhưng rồi đã đứng lên để chiến đấu cho một cuộc chiến chính nghĩa. Trong những thời buổi

khó khăn đó, Vito Corleone vẫn tiếp tục tích lũy quyền lực và của cải. Ông mang một đoàn thợ cắt đá từ Sicily đến Mỹ để xây dựng những lăng mộ cho những người chưa từng có mặt trên đời, những lăng mộ thực ra là những nơi chốn rộng thênh thang đến ngạc nhiên để giữ hàng triệu triệu đô-la tiền mặt. Nhà Corleones vẫn tiếp tục sống giản dị, bình thường như một gia đình trung lưu khá giả mà thôi.

Ngày nọ, khá lâu sau khi nền hòa bình này vẫn đang diễn tiến, Michael đang đứng nơi bảng đen trong giờ hình học thì nghe tiếng gõ cửa. Đó là Fredo. Anh nói với thầy giáo là gia đình có việc khẩn cấp. Fredo không nói điều gì cho đến khi hai đứa vào trong xe. “Liên quan đến bố,” anh nói. “Chúng bắn bố. Vào ngực. Bố sắp ổn thôi, họ nói thế, nhưng -”

Michael chỉ nghe loáng thoáng. Chiếc xe vẫn còn đậu phía trước trường nhưng Michael cảm thấy như nó vừa băng qua một ổ gà lớn trên đường. “Kẻ nào bắn bố?”

“Đám chuột nhắt thôi,” Fredo nói. “Một băng côn đồ Ái Nhĩ Lan quá ngốc nghếch để biết được sự khác nhau giữa Bố với một tên vô danh tiểu tốt nào đó mà người ta đùng độ trong một cuộc chiến đường phố. Cái tên Mick ngu xuẩn nọ xông thẳng đến Bố ngay trên đường phố và bắn bố, và chỉ một giây sau anh và những người khác đã đồng loạt khai hỏa vào người hắn.”

“Bắn Bố. *Bọn chuột nhắt? Chiến tranh đường phố? Băng đảng?* Chưa ai từng nói những chuyện này trước mặt Michael.

“Cái gì? Thôi đừng có ngốc nữa Mikey.” Fredo vô số và vọt xe đi.

“Chúng ta đi đâu đây?”

“Về nhà. Bệnh viện quá đông người.”

Quá đông người chỉ là một uyển ngữ. Michael không rõ lắm uyển ngữ đó thay cho cái gì và cũng không hỏi tới.

Carmela tỏ vẻ dửng dưng cảm trước mặt các con, nhưng Michael nhìn thấu qua đó. Sau khi mọi người lên giường cậu có thể nghe mẹ xuyên qua tường của phòng mình. Bà đang cầu nguyện khi cuối cùng, mòn mỏi, cậu rơi vào giấc ngủ và cả khi cậu thức dậy. Cậu vội vàng đi vào nhà bếp để làm bữa điểm tâm cho cả gia đình nhằm tránh cho mẹ gánh nặng nhọc nhằn này. Bà nạt cậu ra khỏi bếp, nhưng trên đường cậu đi ra bà ôm hôn cậu và bắt đầu ca hát cái gì đó bằng tiếng Latinh mà cậu không hiểu.

Sau đó trong buổi sáng, khi Fredo nói là đã đến lúc đi bệnh viện, Michael từ chối.

“Bố sắp ổn rồi, phải không?” Michael hỏi.

“Đúng rồi,” Fredo trả lời.

“Vậy thì em sẽ gặp Bố khi bố về nhà.”

Mặt của mẹ cậu xụ xuống.

“Con có bài kiểm tra phải làm,” cậu nói. “ Bao lâu mà Bố ổn thì con nên đi học.”

Nghe thế, mẹ cậu vỗ nhẹ vào má cậu và khen cậu ngoan, rằng Bố sẽ tự hào về cậu.

Sáng hôm sau, Michael cũng từ chối đi bệnh viện. Fredo bảo mẹ đem Connie theo và đợi ở trong xe. Rồi anh kéo Michael qua một bên và hỏi cậu đang cố chứng tỏ cái đếch gì vậy.

“Em không biết,” Michael nói. “Chẳng có gì.”

“Chẳng có gì? Thôi nào.”

“Có lẽ ông ấy đã làm chuyện đó xảy ra,” Michael nói.

“Ông ấy *cái gì*? Chú mày thấy có gì không ổn?”

“Chẳng có gì không ổn với tôi cả. Ông ấy là tội phạm. Những tội phạm thường bị bắn. Ông ấy may mắn lắm nên trước nay chưa bị bắn. Tất cả mấy người đều như thế.”

Nắm đấm của Fredo tổng thẳng vào gò má cậu em. Michael ngã vào chiếc ghế bành bố hay ngồi và nghe một tiếng đổ vỡ trầm đục. Đó là cái gạt tàn lớn bằng sứ với nàng tiên cá trên một hòn đảo nước gọn lắt tẩn ở giữa. Cái gạt tàn vỡ thành hai mảnh gọn gàng, ngay chính giữa.

Michael vẫn từ chối đến bệnh viện thăm bố. Fredo bỏ mặc. Khi keo dán khô đi, đường vỡ ngay giữa cái gạt tàn hầu như không còn nhận thấy.

Ngày Vito xuất viện, Carmela đã thức dậy từ sớm tinh mơ, nấu bữa ăn thịnh soạn để đón ông trở về. Toàn thể gia đình đến đón mừng: Sonny và cô vợ mới cưới Sandra, Tom và vị hôn thê, Theresa, tất cả mọi người. Vito trông có vẻ mệt mỏi hơn là suy yếu. Ông tỏ ra đặc biệt yêu thích Michael. Không hề có lời nào trách cứ việc Michael không đến bệnh viện thăm ông.

Trong khi các tour rượu cứ xoay vòng 360 độ yêu liên miên và các ly rượu được nâng lên cao để chúc mừng rồi uống cho cạn ly đầy để lại rót cho đầy ly cạn, thì một cơn giận dâng lên trong lồng ngực của chàng trai trẻ Michael Corleone. Cậu còn một năm nữa mới đến sinh nhật thứ mười sáu và vẫn còn sợ rằng mình sẽ bị lôi kéo làm việc cho bố mình. Ngay cả trong thời gian hòa bình và thịnh vượng của cái thế giới mà bố cậu điều hành, Vito vẫn không bao giờ an toàn tránh khỏi vô số người nghĩ rằng họ sẽ được lợi từ việc giết ông. Michael yêu gia đình mình với tất cả chiều sâu và chiều rộng của tâm hồn cậu, tuy vậy đồng thời cậu lại muốn thoát li khỏi nó: căn hộ này, hàng xóm láng giềng này, thành phố này, cuộc đời này. Cậu muốn đi đâu, điều ấy cậu cũng chưa có ý niệm thực sự nào. Tại sao cậu muốn làm như thế đó là chuyện vượt quá mọi tính toán.

Chỉ khi nào người ta đã già dần tuổi đời, kinh lịch đã nhiều, suy nghĩ đã chín người ta mới đủ khôn ngoan để nhận ra sự ngông cuồng khờ khạo của việc cố thử đoán mò tại sao một người nào đó lại làm một chuyện gì đó.

Khi Carmela gạt đầu ra hiệu cho Connie giúp bà dọn bàn để dùng món tráng miệng, Michael dùng muống gỗ leng keng ly rượu của mình. Cậu đứng lên. Từ đầu bữa ăn đến giờ cậu không uống rượu nhiều. Michael không nhìn ai khác ngoài bố. Ông đang cầm chiếc nĩa nửa chừng xâm xuống món bánh tráng miệng. Khi đôi mắt bố con gặp nhau, ông bố hơi mỉm cười. Nhìn thấy bố mỉm cười như thế trong khi lòng chàng đang bị chấn thương sâu sắc khiến cho Michael càng giận sôi lên.

“Tôi thà chết,” Michael nói, nâng cao ly lên, “hơn là lớn lên để trở thành một người như ông.”

Yên lặng sừng sờ trùm lên bàn ăn như một tấm vải liệm nặng nề. Từ chỗ Michael đứng, mọi người đã biến đi. Chỉ còn trơ trọi hai con người đối mặt nhau trong thế giới mệnh mông này.

Vito ăn miếng cuối cùng của chiếc bánh gà hình vỏ sò và bỏ chiếc nĩa xuống. Ông với lấy cái khăn và lau mặt, một cách hầu như thanh lịch, dễ thương, rồi đặt cái khăn xuống, và, với ánh mắt lạnh đến nhức buốt chưa từng bao giờ hướng đến bất kỳ ai trong gia đình mình, ông trừng

mắt nhìn xuống cậu út trong nhà.

Cổ họng Michael nghẹn lại. Cậu nắm chặt ly rượu. Cậu vẫn đứng, nhưng chuẩn bị tinh thần, sẵn sàng chờ ông bố cười nhạo mình hay ngọt nhạt mĩa mai về con đường dài mà cậu cần phải trải qua để trở thành một người giống với bất kỳ ai. Hay sẽ nổi cơn thịnh nộ sấm sét trút xuống đầu cậu.

Nhưng thay vì thế, bố vẫn tiếp tục trừng mắt chiếu bí cậu.

Michael cảm nhận những luồng run rẩy chạy qua người, và đôi chân bắt đầu run. Những khớp tay nơi bàn tay phải của cậu trắng bệch bên ly rượu. Cái ly vỡ ra. Rượu, máu và mảnh vỡ thủy tinh rơi xuống bàn, và vẫn không ai nói lời nào. Michael cố không lay chuyển nhưng cậu vẫn đang lắc lư ngoài ý muốn.

Cuối cùng, Vito Corleone vươn tay cầm lên ly rượu của mình.

“Ta chia sẻ ước nguyện của con,” ông nói, giọng chỉ cao hơn tiếng thì thầm một tí.

Uống một hơi cạn ly, ông khẽ khàng đặt lại ly xuống bàn. “Chúc con may mắn,” ông nói, và thu lại tia nhìn.

Đôi gối của Michael oằn xuống. Cậu ngồi xuống.

“Làm ơn.” Vito chỉ vào đồng miếng ly. “Hãy giúp đỡ má con. Dọn sạch chỗ đó đi.”

Michael làm như được bảo. Em gái Connie và mẹ đứng lên lau dọn mọi thứ khác và ăn tráng miệng nhưng không ai nói lời nào. Món *sfogiatelle* và cà-phê được bày lên bàn và những âm thanh chỉ còn là tiếng muống khuấy và tiếng nhai. Michael lấy khăn quăn quanh bàn tay chảy máu của mình và ăn, đầu cúi xuống. Ngay cả Fredo cũng không tìm cách giảng hòa và làm cho mọi chuyện bớt vẻ ảm đạm.

Những người con khác trong nhà Corleone dường như không bao giờ toan tính nổi loạn chống lại bố. Santino giống một con chó quyết liệt trung thành với chủ. Fredo thì tìm kiếm sự chấp thuận của bố một cách nô lệ. Còn Tom mặc dầu không phải là máu mủ nhưng vẫn tìm kiếm sự chấp thuận của Vito với nhiệt tình không kém gì Fredo và cuối cùng lại thành công hơn. Connie cô út và là con gái duy nhất trong nhà, thụ hưởng vai trò “con gái rượu” ngoan hiền, được cưng chiều, cả sau khi bố chết một thời gian lâu. Chỉ có Michael cảm thấy nhu cầu nổi loạn - như, oái ăm thay, đứa con được yêu thích nhất của mọi gia đình vẫn thường có khuynh hướng đó.

Đó là cuộc nổi loạn của “đứa con Ý tốt lành”. Không hề có chút gì chống lại mẹ. Michael quá quyến luyến mẹ đến độ có một thời Vito lo lắng về tính nam nhi chí chí của cậu con út. Cậu không làm gì gây bối rối cho gia đình. Chẳng phải là cậu không vâng lời cha mẹ, thế nhưng mỗi lựa chọn của cậu dường như đều được tính toán để thể hiện một thứ đối đầu với bố mình.

Chẳng hạn, khi Fredo lần đầu bảo Michael rằng bố họ từng đặt câu hỏi về tính đàn ông của Michael thì Michael liền ngưng đem bạn gái về nhà, nhằm làm cho gia đình thêm mù mờ về mình. Khi Sonny đề nghị đem một em gà tơ hạng sang làm quà cho sinh nhật thứ mười bảy của cậu, Michael nói rằng chàng không nghĩ là bạn gái mình thích chuyện ấy, và khi Sonny hỏi, “Bạn gái nào?” Michael bèn xuất hiện trong buổi ăn tối Chủ nhật với một cô nàng tóc vàng ngực nở nang mà chàng ta đã hẹn hò đi chơi với nhau nhiều tháng rồi. Chàng bắt đầu, cứ độ vài tuần lại mang một bạn gái mới về nhà. Nhưng không có cô nào người Ý. Lần duy nhất mà bố từng nói với chàng về chuyện đó, Michael bảo rằng chàng yêu quý mẹ mình, nhưng trong cả thế giới này không hề có người phụ nữ nào khác giống bà và sẽ không bao giờ có. “Đó không phải là chuyện của bố,” Vito sau đó rĩ tai cậu con, nhưng rõ ràng là với sự đồng thuận. Michael không mang cô

gái nào khác về nhà trong bảy năm liền, cho đến khi chàng mang Kay như là khách mời của mình đi dự đám cưới Connie.

Michael thi vào Đại học Princeton và Đại học Columbia và đậu vào cả hai nơi. Chàng chọn học Columbia vì anh Tom đã học trường Luật ở đó. Đang học đến nửa học kỳ thứ nhất, chàng được biết rằng bố mình đã hiến tặng một khoản tiền lớn vào quỹ phát triển tài năng của đại học. Chàng đi gặp Tom, rủ đi ăn trưa ở Plaza Hotel và bảo với anh ta rằng chàng bỏ học ở Columbia. Chàng hỏi liệu mình có thể ở với anh Tom và chị Theresa sau khi chàng làm như vậy hay không. Tom đang làm việc ở thị trường chứng khoán Wall Street và hai vợ chồng có một căn hộ ở trung tâm thành phố. “Cần có thầy phụ đạo,” Tom nói. “Rất nhiều người đua tranh nhau trong năm đầu.”

“Em đang có toàn điểm A,” Michael nói. Chàng giải thích với Tom tại sao chàng muốn bỏ học.

“Nếu tất cả các sinh viên tại đó mà bố họ ở vào vị thế có thể hậu thuẫn cho nhà trường.”

“Em không cần quan tâm đến ai khác. Em muốn mình được học ở đó là do chính khả năng, trình độ của mình.”

“Em quá ngây thơ mà anh không biết phải giải thích với em thế nào nữa.”

“Vậy là đồng ý?” Michael nói. “Em chắc là anh còn phải hỏi chị Theresa.”

Tom lắc đầu và nói, không, anh có thể bảo Theresa nghe. Nếu Michael muốn phạm lầm lỗi lớn nhất đời mình, Tom cũng không ngăn cản đâu.

Đến cuối học kỳ, Michael với toàn điểm A, lại bỏ một trường đại học danh tiếng và cố đi tìm việc làm. Thất bại, cuối cùng, trong một bữa ăn tối, chàng hỏi Tom là mình có thể mượn đủ tiền để theo học ở City College hay không. Khi Tom bảo chàng rằng nếu phải mượn tiền đi học thì nên mượn để theo học ở Columbia, Michael không nói gì.

“Đấy chính là điều mà ông cụ sẽ làm,” Tom nói. Anh ngưng lại, nhưng Michael không hỏi anh có ý nói gì. Tom chỉ trả lời bằng yên lặng.

Và Michael bảo lưu. Theresa dọn bàn trước khi bất kỳ ai nói thêm bất kỳ lời nào.

“Bạn không thể chạy thoát khỏi con người mà bạn là,” Tom nói.

Michael cười lớn. “Đây là nước Mỹ, anh bạn mồm côi thân mến ạ,” chàng ta nói. “Chạy khỏi con người mà chúng ta là, đó là con người mà chúng ta là.” (Running from who we are is who we are. Ý muốn nói là *bản chất đích thực của chúng ta là luôn muốn vượt thoát con người hiện đang là của chúng ta, luôn muốn từ bỏ **hiện thể** - con người mà ta đang là - để vươn đến **nhịệm thể** - con người mà ta mong muốn là.* Nhưng đây chỉ là suy diễn chủ quan của người dịch, không bảo đảm đúng hay sai, chỉ là nhân tiện *ngứa nghề nên góp một lời bàn bên lề, thể thôi!*)

Trong một lát, đôi mắt của Tom ánh lên sắc giận. nhưng anh trấn tĩnh lại. “Chú muốn tiền, chú dư biết chú có thể lấy đủ số tiền chú cần ở đâu, cho bất kỳ chuyện gì. Tôi không xen vào giữa chuyện này nhiều hơn những gì tôi đã làm.”

Michael rơi vào bẫy. Chàng ta có thể thách thức những kỳ vọng của bố mình bằng cách yêu cầu được tham gia vào công việc của gia đình, điều không thể bàn cãi. Đến trường, học hành chăm chỉ và trở thành một bác sĩ, một luật sư, một giáo sư: đó là những gì mà bố chàng *mong muốn*. Ông muốn Michael theo con đường hoàn toàn khác. Nhưng có con đường nào Michael có thể theo mà chàng lại chẳng thấy đã được ghi dấu ấn sáng chói bởi bàn tay vô hình của bố mình?

Song phần lớn các con đường sẽ không sáng rực đâu. Chúng bị đêm tối bao trùm, được các đèn rọi chiếu sáng và có những lan can cứng cáp ở hai bên.

Chàng có thể đi đâu?

Bố chàng đang xây một căn nhà ở Long Island (Đảo Dài), và đến mùa xuân gia đình sẽ dọn đến đó - Connie, tất nhiên rồi, lên mười sáu, và cả Fredo, vẫn còn ở nhà với bố mẹ. Sonny và Sandra vừa mới có cặp gái song sinh và có căn nhà ngay kế bên. Trên bản thiết kế cho căn nhà của bố chàng là một căn phòng được ghi là “Phòng ngủ của Michael.” Khi thấy nó chàng có cùng cảm giác ghệt thở như khi chàng nghĩ công việc làm ăn của gia đình sẽ đòi hỏi chàng phải dính líu vào, ở tuổi mười sáu.

Michael đã làm mọi cho lời nguyện đó của tuổi trẻ; chàng chỉ biết điều gì mình không muốn mà không biết mình muốn gì. Một đời sống bị điều khiển bởi sự tránh né thì cũng giống như một đội bóng cổ không để bị thua. Giống như người chơi trò nhảy dù thể thao cố tiếp đất bất kỳ nơi nào trừ ngọn cây đào kia. Giống như đôi tình nhân trần truồng ở thiên đường được tự do để làm bất kỳ chuyện gì, *ngoại trừ*.

Thế nên Michael đã làm điều mà hàng ngàn người trẻ tuổi hoang mang của những năm 1930s đã làm: gia nhập những Đoàn Chí nguyện Dân sự.

Phần lớn những người khác trong đoàn, hẳn nhiên rồi, là những người kém may mắn, không có cơ hội nào, những người kể các câu chuyện về tình trạng nghèo khổ đến tuyệt vọng khiến Michael, mặc dầu từng nghe bố mẹ kể chuyện đã sống trải qua những tình huống tương tự, không thể hiểu được trước đó. Chàng được điều đến Thung lũng Sông Winooski, bang Vermont. Chàng đã trồng vô số cây và chuyển không biết bao nhiêu là tấn đất. Không giống những người Ý khác, chàng ăn những thực phẩm nhạt nhẽo vô vị mà không hề than phiền. Tên của chàng thường xuyên bị phát âm sai nhưng chàng không bao giờ sửa sai ai. Chàng tình nguyện giúp các thầy giáo đến để dạy các lớp đêm và không lâu sau đó chàng điều hành chương trình giáo dục của trại. Chàng dạy cho hàng trăm người biết đọc, phần lớn là những người Ý chỉ mới biết đọc tiếng Ý một cách vất vả khi Michael bắt đầu làm việc với họ. Giống như mọi người khác, chàng được trả ba mươi đô-la mỗi tháng mà hai mươi bốn đô trong đó được tự động trích ra để gửi về nhà cho gia đình. Buổi tối Michael nằm trên chiếc giường hẹp và cố tưởng tượng ra khuôn mặt của bố mình mỗi tháng khi tấm chi phiếu đó đến nhà. Chỉ trong thời kỳ tán tỉnh những người vợ của mình, Kay (người vợ thứ nhì nhưng lại là cuộc tình thứ nhất) và Apollonia (người vợ thứ nhất, cuộc tình thứ nhì) là những khoảng thời gian mà Michael chưa bao giờ hạnh phúc hơn.

Trong trại của anh có khoảng một ngàn người. Phần lớn chỉ mới một hay hai thế hệ rời khỏi gốc rễ ở châu Âu. Tuy vậy, nếu có một điều kết hợp họ với nhau đó là niềm tự hào được làm người Mỹ, một niềm tự hào được tăng cường bởi nhiệm vụ chung được chia sẻ hàng ngày. Vậy nên khi Đức sáp nhập Tiệp khắc, những người đến từ Đức không cảm nhận sự thù oán từ những bạn đồng trại người Tiệp hay người Slovak. Tương tự như vậy, nhiệt tình dân tộc chủ nghĩa duy nhất gây xúc động nơi thung lũng Winooski bởi cuộc xâm lăng của Ý đối với Albania và cuộc chiến tranh Nga - Phần lan là một nỗi khiếp sợ được chia sẻ về những gì có thể xảy ra tiếp theo và sẽ ảnh hưởng đến nước Mỹ như thế nào.

“E rằng sẽ khác đối với chúng ta đấy,” một đêm nọ Joe Lucadello nói. Chàng ta cũng là một thầy giáo. Họ là những người cuối cùng rời lớp học và khóa cửa lại. “Những người Ý. Hăng đợi đấy.”

Những người của Joe đến từ Genoa qua ngã Camden, New Jersey. Anh từng mong ước làm một kiến trúc sư, nhưng gia đình anh đã mất tất cả trong cuộc sụp đổ thị trường chứng khoán. Hiện nay anh thiết kế những tường chắn và những lều trại dã ngoại. Người gầy nhom nhưng khôn khéo như một quan chức đảng chính trị, Joe là người bạn tốt nhất của Michael ở trong đoàn.

“Mình cũng từng bắn khoản giống như bạn”, Michael nói. Nếu nước Mỹ bị lôi kéo vào cuộc chiến ở châu Âu, mọi người gốc Ý sẽ bị nghi ngờ.

“Các bạn người Đức trông như thế là...”

“Tôi biết,” Michael nói. “Bạn nghĩ đúng.”

“Đừng cười, nhưng tôi từng tham gia vào một kế hoạch hạ sát Mussolini.”

“Hay đấy,” Michael cười lớn. “Này tráng sĩ! Bạn làm thế nào để hành thích bạo chúa?”

“Mình không nói là mình biết phải làm thế nào. Mình chỉ nói là mình đang làm việc cho một mưu đồ thiên nan vạn nan nhưng không phải là hoàn toàn bất khả thi.”

Joe quả là một kết hợp hiếm hoi: một người vạch kế hoạch dồi dào tài năng chuẩn bị để hành động. Bình thường anh ta cũng thực tiễn nhưng anh ta có bản chất mê lí tưởng.

“Bạn không thể lại gần Mussolini trong vòng năm dặm. Không ai có thể.”

“Hãy suy nghĩ chuyện này đi. Bạn đã đọc nhiều sách lịch sử. Chưa từng có bất kỳ ai - người anh hùng nào hay kẻ đề tiện nào, ông vua nào hay nhà lãnh đạo nào - lại không thể giết được.”

Đó là một ý tưởng nghiêm túc. Michael từng suy nghĩ về chuyện này và chàng nhìn nhận rằng có lẽ Joe có lí. “Tôi giả thiết rằng khi bạn đã làm được việc đó với Mussolini thì bạn sẽ nghĩ đến Hitler.”

“Tôi biết là mình chỉ đang mơ mộng thôi,” Joe nói. “Tôi không phải là đứa ngông cuồng đại dốt. Tôi biết mình không thực sự là con người có thể đơn thân mang con chủ thủ vào nơi hiểm địa. Nhưng thật đau lòng khi nhìn thời thế đảo điên mà ta lại không thể làm gì để góp phần ngăn chặn tai họa cho muôn người.”

Về điểm này thì họ nhất trí. Mối bất hòa từ xưa giữa người Ý miền bắc và người Ý miền nam không gây hiệu ứng gì trên tình bạn của hai người hay trên sự khinh miệt cùng chia sẻ của họ đối với Mussolini. Họ sợ chiến tranh. Nhưng đồng thời - vì chiến tranh có thể sẽ nghiền nát Mussolini và đồng thời có thể sẽ là cơ hội cho những người như họ được một lần và cho mãi mãi chứng tỏ mình trong con mắt của người dân Mỹ - họ lại mong muốn nước Mỹ tham chiến.

Lại nữa, còn có vấn đề về Ustica. Gần như cùng lúc với việc Mussolini kí kết hiệp ước lập Trục Berlin -Rome với Hitler, ông ta ra lệnh cho quân đội của mình ở Sicily bố ráp mọi phần tử Mafiosi đầu là đã biết chắc hay chỉ khả nghi và cầm tù họ trên một đảo nhỏ ở Ustica (Vito Corleone vẫn tiếp tục nhìn Mussolini như một kẻ đàn áp đầy hủ vinh khác -just another vainglorious oppressor - mà thời vận cũng đến rồi đi thôi). Khi Michael và Joe nói về những con người bị cầm tù ở Ustica họ than trách việc thiếu những thủ tục theo qui định như ở Mỹ. Michael không để lộ ra mối liên hệ của bố mình với những con người kia. Joe chỉ biết gia đình Corleones là những người nhập khẩu dầu ô-liu. Có rất nhiều kệ để món hàng đó trong nhà bếp của trại.

Vào tháng sáu năm 1940, khi nước Ý tuyên chiến chống lại Đồng minh, Joe Lucadello nảy ra một kế hoạch. “Chúng ta qua Canada,” chàng ta nói.

“Có gì ở Canada vậy?”

Joe rút ra một mảnh cắt từ báo. Theo bài báo thì Không lực Hoàng gia Canada đang tìm kiếm

những phi công Mỹ có kinh nghiệm. Một phi công cừ khôi thời Đệ nhất Thế chiến tên là Billy Bishop - “chàng Eddie Rickenbacker của Canada,” như bài báo gọi ông ta - sẽ đích thân trông coi việc huấn luyện của họ.

“Hay quá,” Michael nói, “tiếc rằng chúng ta đâu phải là những phi công có kinh nghiệm.”

Joe đã có cách xoay xở. Chàng ta có một người bạn, một anh chàng Do thái -Ba lan ở Rhode Island, từng là phi công chuyên đi xịt nước chống cháy rừng và xịt thuốc DDT để diệt muỗi và các loại côn trùng có hại khác. Joe nhờ anh chàng này chỉ dẫn những bài học về lái máy bay rồi ba chàng cùng qua Ottawa để đầu quân. Joe đã chạy được những mảnh bằng lái máy bay cho anh ta và cho Michael. Lúc đầu họ đều được chấp nhận. Hai ngày sau, Billy Bishop đích thân đi vào trại và yêu cầu gặp Michael Corleone (mà ông phát âm đúng theo kiểu Ý - một điềm chỉ có chuyện gì đó đã xảy ra). Ông ta đòi xem bằng phi công của Michael. Có nhiều người trong phòng đó không có bằng lái, có người chỉ là nông dân, người là diễn viên lưu động vậy mà mấy tháng sau cũng tự tay lái máy bay chiến đấu, tranh tài giữa không trung với các phi công Đức, Nhật. Bằng cấp không phải là điểm chính. Nhưng với linh cảm, Michael biết, không hiểu bằng cách nào đó, bố chàng đã đoán ra là chàng đến đây. Bây giờ mà sử dụng bằng lái giả thì chẳng còn nghĩa lý gì mà có thể còn làm liên lụy đến Joe nữa. Thế nên chàng nhanh chóng quyết định. “Xin lỗi ngài,” Michael nói với Billy Bishop. “Tôi không có bằng lái.”

Michael lên xe buýt trở về trại và làm việc lại. Sáu tháng sau, chàng ta lên chiếc xe buýt khác, hướng về New York để dự lễ sinh nhật ngạc nhiên dành cho bố, khi người tài xế nghe tin tức về vụ Nhật tấn công Trân châu Cảng (Pearl Harbor). Lắc đầu, anh ta với người tới và vặn lớn radio lên. Cuối cùng, họ ra khỏi xe, xuống đường lại. Michael đi thẳng từ trạm cuối xe buýt đến Quảng trường Thời đại (Times Square). Quảng trường đông nghịt người với những anh chàng đang khoác lác về cuộc chém giết mà họ sắp lao vào. Michael sắp hàng để đăng ký nhập ngũ không quân, nhưng trong khi anh chờ một sĩ quan đi theo hàng quân và bảo mọi người ai có chiều cao dưới năm feet mười thì nên đầu quân vào binh chủng khác. Michael hất đòi hỏi về chiều cao độ một inch. Thủy quân Lục chiến cũng hấp dẫn lí tưởng của anh. Một đạo quân chiến đấu ngon lành, ác liệt hơn những binh chủng khác với thời kỳ huấn luyện gian khổ và một bộ luật danh dự thiêng liêng. Binh chủng này cũng có đòi hỏi về chiều cao tương đương, nhưng xúc động đang dâng cao, và Michael với viên trung úy ghi danh cho anh đăng ký nhập ngũ trao đổi nhau một tia nhìn và họ hiểu nhau và anh được chấp thuận. Michael bắt chiếc taxi trở về nhà bố mình.

Đưa con cưng chiều nhất của Vito Corleone là người cuối cùng đến bữa tiệc sinh nhật của ông để nói” Ngạc nhiên chưa!”

Vito tỏ ra khắc kỉ khi nghe những tin tức liên quan đến Michael. Ông đặt những câu hỏi mà bất kỳ người cha yêu thương và quan tâm nào cũng làm thế. Rõ ràng là ông không chấp thuận, mặc dầu ông không bao giờ nói thế.

Trong những ngày tiếp theo, chính quyền Mỹ bao vây các công dân Mỹ gốc Ý trên khắp biên giới nước Mỹ và giam giữ họ như tù nhân chiến tranh. Thêm nữa là hơn bốn ngàn công dân Mỹ mang tên Ý cũng bị bắt giữ. Bố mẹ của Theresa Hagen cũng nằm trong số này, mặc dầu họ không bị kết án và nhanh chóng được phóng thích. Hàng trăm người khác với tình trạng pháp lí mập mờ hơn bị giam giữ lâu hơn - nhiều tháng, nhiều năm - mặc dầu họ cũng chẳng bị kết tội gì.

Trước lễ Giáng sinh, chính quyền ban hành sắc lệnh hạn chế sự tham gia của công dân Mỹ gốc Ý vào những ngành công nghiệp liên quan đến chiến tranh. Trên khắp xứ sở nhiều ngư dân đánh bắt xa bờ vật lộn với sóng gió để kiếm sống, nhiều công nhân các hãng xưởng và nhiều thư kí đánh máy dân sự cũng bị sa thải.

Vào lúc đó, Michael đang ở Đảo Parris, bò, trườn như một loài bò sát qua một bãi đậu xe được phủ lên bằng lớp vỏ sò được giã nát.

Bốn phần trăm dân số Mỹ đến từ Ý. Nhưng họ tạo thành mười phần trăm những công dân Mỹ chết và bị thương trong chiến tranh.

Mọi thứ mà chính phủ cấp cho Michael Corleone đều quá lớn - mũ đội đầu, đồng phục và cả giày lính. Nhưng anh không để ý lắm. Anh tự hào là Thủy quân Lục chiến và anh nhìn những gì anh muốn nhìn. Nhưng lần đầu mẹ anh thấy tấm hình cậu út của bà tóc cắt ngắn, mặc bộ quân phục rộng thùng thình, bà không cầm được nước mắt và không ngừng thổn thức suốt ba ngày liền. Sau đó bà để tấm hình lên giá lò sưởi. Mỗi lần đi ngang qua đó nước mắt bà lại trào ra. Mặc dầu vậy không ai dám đem cắt tấm hình đi.

Trung đội của Michael Corleone ở Đảo Parris có bốn mươi bảy người, tất cả đều dân miền Đông, với sự phân chia khá đều giữa dân Bắc và dân Nam. Trước đây Michael chưa từng bao giờ ở phía Nam (nước Mỹ). Anh biết nhiều về sự đối địch giữa Bắc Nam ở Ý hơn là sự đối địch ở đây và anh ngạc nhiên biết bao khi thấy hai sự đối địch đó lại tương tự nhau đến thế. Từng sống ở Nam Ý và ở Bắc Mỹ, anh có thể thấy cả hai chiều. Và những lí lẽ tranh cãi nhau là về những chuyện không đâu. Chẳng hạn, về âm nhạc. Người Nam thích thứ mà người Bắc gọi là âm nhạc "sến". Người Bắc thích Cole Porter, Johnny Mercer, những loại nhạc mà họ có thể nhảy theo. Mặc dầu Michael từng biết Johnny Fontane suốt cả đời mình, anh vẫn giữ riêng điều đó cho mình trong suốt những cuộc tranh cãi nổi lên về âm nhạc của anh ta. Bất kỳ khi nào có những cuộc cãi vã chí chóe về những chuyện lật vật làm cho người ta, dầu cho chỉ là trong khoảng thời gian ngắn, quên đi kẻ thù thực sự, thì anh chàng trung sĩ huấn luyện viên sẽ làm cho họ phải hối tiếc về chuyện đó - bằng cách *trở thành* kẻ thù thực sự. Tất cả mọi người đi đến chỗ sợ nhất là mình lại sợ hãi, sợ không hoàn thành nhiệm vụ khi thời điểm đến. Một giờ sau, họ lại sợ Trung sĩ Bradshaw hơn bất kỳ cái gì. Michael là một người lính trầm lặng, có khả năng, nhưng anh đã trải qua những ngày với niềm tin rằng vào bất kỳ lúc nào tay huấn luyện viên cũng có thể giết anh. Buổi tối, chàng nằm đổ mồ hôi trong chiếc giường hẹp, suy nghĩ miên man về thân phận người lính trong cuộc chiến.

Sự nghi ngờ của Michael - rằng yêu cầu về chiều cao của các binh chủng được đặt ra có phần là để ngăn chặn người Ý không vào được những lực lượng tinh nhuệ - nảy sinh khi anh phát hiện rằng chỉ có một người gốc Ý khác trong trung đội của mình. Tony Ferraro, cũng đến từ New York, là một cầu thủ, thấp người, chắc nịch, đầu hói. Giống như Michael, anh ta đã tình nguyện đầu quân ngay khi nghe tin về biến cố Trân châu Cảng, nhưng điều anh ta thực sự muốn là đến Ý và gửi Mussolini xuống địa ngục.

Tony và Michael là hai người thấp nhất trong trung đội. Họ đi chậm và là những xạ thủ yếu, nhưng họ đã đến Philippines trong tình trạng thể lực tốt hơn phần lớn những người khác - và thấy hạnh phúc, bởi vì mọi điều mà họ từng nghe về trận địa Thủy quân Lục chiến đều đúng. Những con người ngã xuống, nôn mửa và cả mửa ra máu. Michael đã học cách yêu thích điều đó. Anh thấy tiếc cho những trung đội mà các huấn luyện viên cho họ trở về trại chỉ sau bốn giờ hành quân trong cát ngập sâu đến đầu gối thay vì tám giờ như Trung sĩ Bradshaw bắt trung đội anh làm. Khi khóa huấn luyện tân binh kết thúc, anh ta nói chuyện với trung đội và lần đầu tiên gọi họ là *các chiến hữu*.

Mọi chiến sĩ trong đơn vị lúc ấy đều yêu mến anh ta. Nhiều người tuôn ra những giọt nước mắt mà không hề thấy xấu hổ.

Michael không tuôn đổ cái gì nơi trại huấn luyện, chỉ sụt mất vài kí và ngạc nhiên thích thú về sức chịu đựng phi thường của mình.

Mấy tháng sau, Tony Ferraro đến tiếp viện một hòn đảo nhỏ xíu không tên và cũng chẳng có

lợi ích chiến thuật gì thì bị một tay bắn tỉa Nhật bắn anh một phát ngay tim.

Trước rạng đông, mọi người vác súng trường, vai khoác ba-lô và đứng nghiêm bên một dãy xe tải đang nổ máy ở số không. Một viên hạ sĩ, giọng Nam đặc sệt, gọi tên và nhiệm sở. Anh ta đọc sai tên *Corleone*, điều này Michael đã chờ đợi. Tuy vậy, anh lại bị sốc về những gì mà viên hạ sĩ nói tiếp theo đó.

Trại Elliott. Súng M1, bộ binh. Michael Corleone sắp đi về phía Thái bình dương. Giấc mộng góp phần giải phóng Ý đại lợi thế là tan vỡ. Nhưng những gì anh sắp làm là do sự tác động từ xa của bố anh, thông qua vị Hạ nghị sĩ thân thuộc của gia đình.

Michael không lộ ra điều gì. Một Thủy quân Lục chiến đi đến nơi nào mà mình đã nhận lệnh để đi. Dứt khoát không thắc mắc, không khiêu nại.

Một anh chàng miền Nam đã ở trên chiếc xe tải Camp Elliott đưa tay ra. “Chào mừng lên đàng, chàng Dago!” chàng ta nói, vừa kéo tay Michael lên.

Dago, đó là cái tên mà đám Thủy quân Lục chiến gọi thành phố San Diego (Nhưng độc giả chắc cũng nhớ rằng *Dago* cũng là cách gọi mỉa mai người Ý ở Mỹ của những nhóm chủng tộc khác). Michael cũng biết anh chàng kia có ý đùa mình theo cái nghĩa ám chỉ kia, nhưng anh không bị mắc mớ. Họ là Thủy quân Lục chiến, là huynh đệ chi binh, ra chiến trường sống chết có nhau mà, đó mới là điều quan trọng trước tiên. Thứ nhì, họ đều là công dân Mỹ, cùng mang niềm tự hào là người dân của xứ sở Hiệp chủng quốc. Còn bất cứ cái gì khác đều chỉ là thứ yếu, đều chỉ là chuyện vặt.

Trước giờ Michael chưa hề thấy Miền Tây. Anh dành phần lớn thời gian trong cuộc hành trình ngồi ở cửa sổ của chuyến xe lửa chở quân, và như bị thôi miên. Đó là một cách rất tốt để nhìn những gì mà anh chiến đấu cho. Không gì có thể giúp ta hình dung ra tầm cỡ bao la, vẻ hùng vĩ và mỹ lệ của xứ sở này cho bằng một lần “tận mục sở thị”. Càng đi xa về hướng Tây anh càng thấy si mê cái vẻ hùng liệt sắc sảo đến phi thường của giang sơn miền Viễn Tây này.

Họ dừng lại để dự một khóa huấn luyện sa mạc tại một địa điểm cách Las Vegas khoảng ba mươi dặm nơi mà sông bạc lớn đầu tiên đã mở cửa mấy tháng trước đó. Đêm đó Michael giết một con thỏ với đôi tay trần và ăn thịt nó nơi con kênh lạnh giá, mắt đăm đăm gởi mộng về muôn ánh hoa đăng rực rỡ của thành đô hoa lệ với những giai nhân nằm khoe lỏa thể mà những con người có tầm nhìn xa giống như anh đã quyết tâm biến đổi thành một nền công nghiệp không khói sẽ còn tồn tại mãi ở đó, ngày càng thịnh vượng, lâu, rất lâu sau sự sụp đổ của các cường quốc khối Trục, của Đế chế Anh và của Liên xô, sau khi phần lớn các hãng xưởng và các nhà máy thép của Mỹ bị vỡ nợ hoặc dời sang Đông nam Á.

Tại San Diego, Michael trải qua mấy tuần huấn luyện khác, nghe một số bài thuyết trình về chính trị, quân sự, học những miếng đánh cận chiến thực tiễn, bơi lội, kỹ năng mưu sinh thoát hiểm... Nhưng đến khi nhận công tác, tim anh lại chùng xuống. Anh được phân công vào nhóm canh gác doanh trại. Vô thời hạn. Không được ra trận.

Ngay khi có được cơ hội đầu tiên, anh tìm đến một điện thoại trả tiền liền và gọi Tom. Gia đình Hagens đang ăn tối. Một em bé đang la khóc ở phía sau.

“Tôi sắp hỏi anh một chuyện đây, Tom à. Nếu anh dối gạt tôi, tôi sẽ biết. Và mọi chuyện sẽ không bao giờ còn như cũ giữa chúng ta.”

“Bất kỳ câu hỏi nào mở đầu như thế,” Tom nói, “là thứ câu hỏi mà người ta không nên đặt ra.”

Michael còn trẻ và không nao núng. Có lẽ đến một lúc nào đó anh sẽ hiểu ra rằng Tom mới vừa

trả lời cho câu hỏi mà Michael sắp đưa ra: “Có phải Bố đã tác động vào việc phân công của tôi?”

“Phân công chú làm gì?” Tom hỏi.

Michael hạ thấp giọng. “Tôi không gia nhập binh chủng này để làm một anh cớm.”

“Chú là anh cớm?” Hagen buông giọng lửng lơ.

Chán quá, Michael gác máy. Mấy ngày sau, Michael đi tuần trên bãi biển và đứng trên các cầu tàu, súng trường quàng vai, nhìn những người anh tin yêu khi chung đời quân ngũ bước xuống tàu ra khơi đến những chiến trường xa xôi mà lòng họ rất phơi phới, hăng hái huênh hoang về chuyện diệt thù, thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời. Những con người ra đi với hào khí chất ngất sẵn sàng *gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao*. Và Michael chẳng bao giờ còn thấy lại bóng dáng những “tráng sĩ nhất khứ bất phục hoàn” đó nữa.

Công việc chán ngắt nhất của phiên hiệu lính canh là làm sao cho những người dân sự tuân thủ luật tắt đèn phòng không (the blackout law). Người ta cứ ưa nghĩ rằng những tình huống của mình là đặc biệt và thật khó mà nói chuyện lí lẽ với họ được. Những đêm đầu khi đi thi hành luật này, nhiều lúc bực mình quá Michael chỉ muốn nện báng súng vào những khuôn mặt phì phì, vênh váo tự cho mình là quan trọng của những kẻ đáng ghét đó, nhưng anh nhanh chóng nảy ra một ý tưởng hay hơn. Viên sĩ quan chỉ huy của anh, người vẫn có một định kiến miệt thị hơn đối với đám dân sự, nghĩ rằng ý tưởng của anh thật xuất sắc. “Tôi không bao giờ nghĩ tôi sẽ nói điều này với một anh chàng người Ý,” viên sĩ quan chỉ huy nói, “nhưng anh bạn có lẽ là mang máu sĩ quan từ trong huyết quản.”

Michael mang theo hai người khác và đi đến kho chứa xăng dầu phía bắc thành phố, ngay trên bờ biển. Hai bồn chứa xăng lớn, cả hai đều trống. Đó là một sự thay đổi chiến thuật hay để tránh khỏi phải nhọc công nói chuyện phải quấy với đám dân sự ưa lải nhải cần nhần và cũng để có cơ hội ứng dụng khóa huấn luyện mà anh đã trải qua về chất nổ.

Ngày hôm sau, báo chí và đài phát thanh (mà nguồn vô danh là chính Michael, tự cho là Sĩ quan Chỉ huy) đưa tin là những bồn xăng bị nổ tung kia là do tàu ngầm của Nhật bắn trúng mà - vì những ánh đèn bất hợp pháp trong đô thị - nên chẳng gặp trở ngại gì khi nhắm mục tiêu.

Sau đó việc tắt đèn phòng không được áp dụng dễ dàng hơn rất nhiều.

Michael đi lên dãy phòng chỉ huy ở Trại Elliott, cố gắng xin được phân công lại. Anh đăng kí học lái máy bay. Vào lúc bắt đầu cuộc chiến, muốn làm phi công phải tốt nghiệp cao đẳng, nhưng rồi qui định đã thay đổi để bất cứ ai có được 117 điểm trong kỳ thi nhập học cao đẳng đều có thể dự tuyển. Michael thi trắc nghiệm, được 130 điểm, nhưng không gì xảy ra. Sau một trong nhiều lần đứng nghiêm trong một ca bốn tiếng bên ngoài văn phòng Đô đốc King, Michael tìm cách để thừa chuyện với ông. Vị Đô đốc hứa sẽ đích thân xem xét trường hợp của anh. Ông còn có vẻ lạc quan về việc chuyển sang kịch trường châu Âu. Nhưng rồi vẫn không có gì xảy ra. Michael ở đó một năm mà tưởng chừng như mười năm.

Cuối cùng, anh thấy rõ rằng tay chánh văn phòng của đô đốc xem xét mọi giấy tờ trình cho ông và kí phần lớn giấy tờ đó. Michael tìm hiểu thị hiếu âm nhạc của tay chánh văn phòng và thu xếp mấy ghế ngồi hàng đầu ở Hollywood Bowl cho vợ chồng anh ta để thưởng thức buổi trình diễn độc nhất của danh ca Johnny Fontane tại đó.

Mấy ngày sau, Michael được tái phân nhiệm vào một tiểu đoàn chiến đấu.

Tiểu đoàn xuống tàu trên một con tàu chở khách sang trọng được chuyển đổi công năng thành tàu chiến, sơn lại màu xám và thay đổi thiết kế để bố trí các ụ súng. Đoàn quân được chất lên

chiếc tàu đó trong chuyến hải hành kéo dài nhiều tuần lễ. Hầu như họ sắp cập cảng trước khi có bất kỳ một thông báo chính thức nào rằng họ sắp lên bờ ở Guadalcanal (nằm trong quần đảo Solomons ở Nam Thái bình dương).

Cuộc chiến đấu diễn ra trong nhiều tháng. Các tuần dương hạm của Nhật vẫn còn tiến vào bãi biển ban đêm và vẫn còn những ổ kháng cự với hàng trăm người trong những địa đạo chằng chịt, nhưng trên đại thể, cuộc chiến đã ngã ngũ với ưu thế nghiêng hẳn về phía Mỹ.

Bãi biển ở Guadalcanal là một bãi phế liệu ngổn ngang những xe cộ bị bắn cháy đủ loại - xe tăng, jeeps, xe chở quân... - nhưng khi Michael lần đầu tiên để mắt vào nơi này, với tất cả những rừng dừa xanh và cát trắng mịn, hòn đảo này đối với anh vẫn giống như một thiên đường vùng nhiệt đới, chỉ tiếc là thiếu bóng dáng thướt tha các nàng tiên nga hậu duệ xinh đẹp của bà Eve!

Michael trèo từ trên tàu xuống một chiếc thuyền nhỏ Higgins. Anh nghe tiếng pháo nổ ở xa xa nhưng không ai bắn vào anh lúc họ đổ bộ lên bờ. Khi bước chân lên bãi biển, anh trượt chân vào một thứ gì mềm nhũn và loạng choạng bay người đi. Anh đứng lên và chạy vào hàng cây. Anh lặn xuống để tìm chỗ nấp gần một đồng dây kẽm gai rồi tung lộn xộn và một đồng xác chết thâm đen. Mùi hôi thối của da thịt người bị đốt cháy rồi đang phân rã xộc thẳng vào mũi và đi sâu xuống cổ họng, đọng lại thành cảm giác nhờn nhờn đến ghê người! Michael nhìn lại bãi biển và nhận ra rằng vật mà anh vừa trượt chân vào cũng là một xác người.

Quân Nhật để cho những binh sĩ chết trận tự thiêu thối hoặc trôi ra biển. Những tử thi này là những xác chết đầu tiên mà anh từng thấy ngoài nhà táng.

Những tay Thủy quân Lục chiến đã mặn mà với muối biển đón chào đoàn quân mới trông anh nào cũng dơ dáy, râu ria xồm xoàm và mỗi một như nhau. Họ lảm lì ít nói. Tất cả cuộc nói chuyện to tiếng mà những người mới đến tạo ra trong những bộ đồng phục sạch sẽ, thẳng thớm bỗng nhiên trông giống như những cậu thiếu niên đang chơi trò cao - bồi và Da đỏ. Còn những người kia là những *chiến binh* (warriors). Khi họ dẫn Michael đi tuần lần đầu, anh giật mình thủ thỉ mỗi lần nghe tiếng lá sột soạt. Họ chỉ cười nhạo và tiếp tục băng rừng lướt bụi. Khi họ nhào xuống đất, Michael cũng làm theo. Anh có thể chắc chắn là không đến một giây sau sẽ có những viên đạn vạch đường, đạn pháo hoặc bom - những thứ nhắm giết ta.

Ngày thứ nhì ở Guadalcanal, anh đứng gác chu vi của đường băng. Anh nghe một máy bay đang đến. Một chiếc Trực thăng Hải quân đang vướng vào các ngọn cây và xì khói mù mịt. Phi công xoay xở cho máy bay tiếp đất cách khoảng một trăm yards. Máy bay bốc cháy. Michael chạy vọt như tên bắn đến đó, cố gắng giúp viên phi công thoát ra khỏi máy bay. Vào lúc đó hai chiếc xe jeep chở đầy người phóng tới nơi và viên chỉ huy trung đội của Michael, Trung sĩ Hal Mitchell la lớn bảo anh quay lại. Lửa cháy quá nóng. Chiếc xe cứu hỏa của họ đã bị ném bom trúng. Thiết bị mà họ dùng thay thế chỉ có thể dập tắt một đồng lửa trại. Michael có thể thấy bên trong buồng lái. Viên phi công, bị mắc kẹt và đang kêu gào, nhìn thẳng vào Michael và xin được bắn chết. Michael nắm lấy súng trường, nhưng viên trung sĩ không ra lệnh nào. Tiếng gào thét ngưng hẳn ngay sau đó. Michael cần được điều trị vết phỏng vì đứng quá gần.

Khoảng một tuần sau, chiến thắng được công bố ở Guadalcanal. Những Thủy quân Lục chiến nào đã tham chiến tích cực tại đó được luân phiên nghỉ phép, được về thăm nhà hoặc ít nhất là vài kỳ Nghỉ ngơi & Giải trí ở New Zealand. Các đạo quân thay thế được để lại phía sau để bảo đảm an ninh cho đảo. Trên bản đồ Guadalcanal chỉ là một cái chấm nhưng thật ra đảo dài cả trăm dặm và rộng khoảng hai mươi dặm, nhiều rừng rậm và đất khô cằn sỏi đá và sự tàn phá để lại phía sau bởi trận chiến kéo dài nhiều tháng. Chưa kể đến bao nhiêu là hang động.

Các hang động là cả một cơn ác mộng. Những xác người chết không đếm xuể, những khe sâu đầy chất thải, những đoàn quân kiến mà mỗi con dài cả một inch, những con chuột có kích cỡ bằng gấu trúc Mỹ. Từng nhóm bốn Thủy quân Lục chiến cùng một chú chó Doberman đi lục

soát các hang động. Michael lúc đầu cũng yêu thích một chú chó nhưng sau khi vài cặp chó bị nổ tung xác bởi những tử thi có gài bẫy mìn, anh không còn dám theo sát chúng nữa.

Trong một lần lục soát hang động Michael bắt được một lính Nhật gầy yếu và gần chết. Anh xốc hẳn ta đứng lên. Người lính Nhật chỉ vào lưới lê của Michael. Anh ta ra dấu Michael đâm vào bụng mình. Michael không muốn làm điều đó. Anh ta trông bết căng thẳng và vẻ mặt dần trở lại nét thanh thản.

Lúc đầu, giống như hầu hết những người trong nhóm đi lục soát các hang động, Michael coi công tác này như một chiến dịch tận dụng đồ phế thải. Anh học cách lột đôi giày ống khỏi một tử sĩ Nhật nhanh hơn người ta có thể rút chiếc đồng hồ từ trong túi mình ra để coi giờ. Trở về doanh trại, thị trường những đồ đạc này tràn ngập, và những thứ tốt nhất rời khỏi đảo với những chàng Thủy quân Lục chiến dạn dày trận mạc nơi đây nhất. Nhưng một con người có máu kinh doanh có thể tìm thấy một con đường. Với Michael Corleone, con đường đó hướng về người bản địa. Bất cứ thứ đồ gia dụng nào đều có thể đem bán dễ dàng tại địa phương này. Michael đem phần lớn những gì anh tìm được để đổi lấy các loại hải sản tươi sống như cá, tôm, cua, sò, mực vv... Mọi Thủy quân Lục chiến đều khoái chiến hữu nào có khả năng cải thiện bữa ăn đơn điệu tẻ nhạt trong sinh hoạt quân ngũ bằng những món lạ để thay đổi, đem lại hứng thú cho khẩu vị, nhất là trong khu vực chiến sự.

Tuy nhiên, một sáng nọ, Michael thức giấc và thấy con thú cưng của anh, một con vẹt mào mà anh đã lấy một tút thuốc lá để trao đổi với người bản xứ, bị nuốt trọn bởi một trong những chú chuột khổng lồ kia. Anh đuổi con chuột ra khỏi lều, và khi làm như thế anh nhìn lên và bắt gặp một mạng nhện lớn chưa từng thấy, giăng giữa hai cây dừa. Con nhện đã bắt được một con mòng biển vào trong mạng và đang vừa đánh chén con chim nọ vừa như đang gật gù tự khen thưởng cho thành quả lao động của mình! Ngày khác lại có thêm mấy chú chó banh xác vì bẫy mìn. Có những ngày trôi qua như thế. Họ sắp sửa cho nổ tung một hang động cuối cùng và trở về doanh trại căn cứ khi Michael để ý thấy một hình vẽ bằng bút chì trên mặt đất. Anh thấy quả là kỳ dị khi một chàng lính Nhật nào đấy đi ngang qua đây và dành thời gian để tô màu một bức tranh. Michael cuối xuống nhìn. Có nguyên cả một xấp tranh vẽ. Bức trên cùng vẽ một phi cơ đang bay giữa trời với một viên thịt ở bên hông và nhiều người đứng trên mặt đất đang tươi cười vẫy tay lên chào. Một bức khác vẽ một gia đình ngồi ở bàn ăn nhưng có một ghế để trống, một bức tranh vẽ nàng công chúa và nhiều tranh vẽ ngựa. Đúng là một cô gái nhỏ bình thường vẽ những bức tranh bằng nét bút hồn nhiên trẻ thơ để gửi đến cho người cha đang chinh chiến ở một phương trời xa xôi nào mà cô không hình dung ra, và có lẽ đã tử trận khi lao vào một cuộc chiến mà tiến trình của nó ông không thể thay đổi theo hướng này hay hướng kia. Michael đem những bức vẽ ra ngoài rồi ra hiệu làm nổ hang động.

Anh trở về doanh trại và nghe tin Sicily đã được giải phóng. Michael Corleone sẽ không bao giờ còn lấy bất kỳ thứ gì khỏi kẻ thù nếu như thứ ấy không thực sự tối cần thiết cho sự sống còn của anh.

So với bao nhiêu tiểu đoàn khác thì tiểu đoàn của Michael đã dễ dàng hơn nhiều khi đặt chân lên Guadalcanal. Họ cũng đã tiến hành tốt những trận đánh lẻ tẻ trên một số đảo nhỏ lân cận.

Nhưng khi đến Peleliu thì lại là một câu chuyện khác. Bởi tiểu đoàn của anh đi đầu trong việc đánh chiếm hòn đảo này. Đại pháo dập tung bùng phía trước để mở đường.

Đoàn xe đi xuống tàu để đánh chiếm đảo trông giống như đoàn xe Okies tiến về miền Tây. Mỗi inch của sàn xe được nhét đầy người và máy móc, chất cao và phủ lại bằng vải nhựa chấp mảnh. Khí hậu nóng không chịu nổi, một trăm mười độ (Fahrenheit) ban ngày và chín mươi độ ban đêm. Không có đủ chỗ ngủ cho mọi người. Họ chen chúc nhau trên boong tàu, trong hoặc dưới các xe tải, bất kỳ nơi nào họ có thể tìm được bóng râm. Michael chỉ làm bộ như ngủ thôi. Ngay cả những chiến binh dạn dày trận mạc nhất trên tàu trông cũng nhợt nhạt và nao núng.

Vào lúc Peleliu hiện ra trong tầm nhìn thì tất cả những gì để nhìn chỉ là một bức tường khói lửa. Hàng chục thiết giáp hạm nghiền nát hòn đảo với đạn pháo mười sáu inches liên tục vang rền như hàng đoàn xe lửa tốc hành rầm rập nối đuôi nhau không dứt. Các tuần dương hạm rải đạn súng cối như mưa rào. Chẳng mấy chốc âm thanh của mọi loại súng đang oanh tạc Peleliu trở thành những tràng sấm rền điếc tai khiến người ta có cảm giác như cả cái khối lượng khổng lồ của bao nhiêu những tiếng động ghê hồn kia đồng loạt đổ ập xuống người mình, đè nặng lên đầu lên ngực mình. Toàn bộ chiếc tàu nhô lên thụt xuống phập phồng theo nhịp áp lực của tiếng động đó. Không khí ngửi đặc quánh mùi dầu diesel. Lực lượng xâm chiếm chất đông trong những xe tải lưỡng hành (amphibious tractors, xe có thể chạy trên bộ và lội nước) và những xuồng cao tốc Higgins và ngồi xồm dưới các giá súng.

Họ xông thẳng vào giữa chiến trường. Không khí đầy những tiếng rít của đạn đạo. Khói dày đến độ Michael không thể tưởng tượng làm thế nào người tài xế biết chạy đến đâu. Anh cảm nhận chiếc xuồng va quệt vào rặng san hô ngầm. Trung sĩ Mitchell hô to lệnh xông vào bờ biển. Michael nhảy ra khỏi thuyền và chạy tới. Mọi thứ chìm trong làn khói mịt mù và hỗn mang. Anh ý thức được là có những người ngã xuống chung quanh mình và những tiếng kêu rên đau đớn, nhưng anh tiếp tục cúi thấp đầu và sẵn sàng hành động cùng hai Thủy quân Lục chiến khác đang sau một thân cây ngã. Trên và dưới bãi biển xe cộ nổ tung, bốc cháy và những con người khắp khiêng, lê lết ra khỏi xe để rồi bị cắt nát thành những mảnh vụn bởi hỏa lực súng máy. Michael chứng kiến những cái chết của ít nhất là hàng trăm anh em đồng đội của mình. Những con người mà anh yêu mến và tin cậy, mặc dầu anh không phải là người dễ tin ai. Nhưng tất cả những gì anh cảm nhận chẳng có cái gì rõ ràng mà chỉ lơ mờ nhàn ảnh như người đi đêm. Bản thân anh cũng bị thương, một viên đạn sượt qua cổ. Chỉ là một vết xước qua nhưng máu vẫn tuôn chảy ròng ròng. Michael chẳng có ý niệm gì cho đến khi người bên cạnh anh, một hạ sĩ đến từ Connecticut tên là Hank Vogelsong, hỏi anh có sao không.

Trong chiến đấu, không ai thực sự biết được điều gì đang xảy ra. Ở một nơi nào đó sau lưng họ xa là một đại tá phụ trách tất cả mặt trận này nhưng ông ta chẳng biết mũi súng của đám quân dưới quyền mình đang chia về hướng nào. Một người nào đó mà Michael chưa hề biết và ông ta có lẽ cũng không bao giờ để mắt đến anh, đã quyết định rằng anh có thể hy sinh. Không phải riêng cá nhân Michael. Không có vấn đề cá nhân, riêng tư ở đây. Mà đó là chiến tranh. Và Michael chỉ là quân tốt đen. Ở Peleliu, anh chỉ cố làm sao để khỏi chết. Chẳng có gì là tinh khôn hay dũng cảm cả. Chỉ có điều là anh may mắn hơn hàng ngàn chàng trai trẻ khác trong sư đoàn của anh đã tử trận ngày hôm đó.

Một khi có đủ quân số băng qua bãi biển, họ có thể tiến vào đất liền và bắt đầu chất đá và những mảnh vỡ làm công sự che chắn và nhờ đó họ có thể bắn trả. Hỏa lực địch chậm bớt lại, thưa dần nhưng nguyên đêm đầu tiên đó Michael vẫn bị ghim xuống sát đất. Hình như quân địch bỏ ý định tấn công mở đường máu mà Michael từng được huấn luyện để đối đầu và như vậy bên anh không có cơ hội để tàn sát chúng.

Trời vừa rạng đông, Trung sĩ Mitchell tổ chức cuộc tấn công lên dải đất hẹp trên đỉnh đồi nơi phần lớn hỏa lực của địch tuôn về phe ta. Michael và mười chiến sĩ khác chạy ào lên đến một mô đất với bụi cây còi cọc lơ thơ cách khoảng năm mươi yards. Hai chiến sĩ bị địch bắn hạ và hai người nữa bị thương trước khi họ đến được nơi đó. Một xe tăng Mỹ tiến về phía bên kia của dải đất và khai hỏa theo cách mà xe tăng vẫn thường làm. Sau đó hỏa lực địch ngưng bật. Quân Mỹ còn cách đỉnh cao của dải đất khoảng hai mươi bộ. Hal Mitchell điều ba người với súng trường tự động và hai với súng phóng hỏa tiến lên đỉnh. Khi họ sắp sửa đốt cháy nó thì quân Nhật khai hỏa. Trung sĩ Mitchell ra lệnh cho Vogelsong và Michael giúp anh ta khiêng người bị thương ra khỏi nơi đó và rút lui. Trong khi Michael che chắn cho họ, Vogelsong và Trung sĩ Mitchell khiêng một trong những chiến sĩ bị thương trở lại nơi Michael đứng. Trong khi họ trở lại để khiêng tiếp người kia thì một quả đạn pháo 80 li giết chết người bị thương và làm bị thương Vogelsong và Mitchell.

Về sau, khi được hỏi về những gì anh làm tiếp theo - cả bởi thương cấp và sau đó bởi một phóng viên tạp chí *Life* - Michael không thể giải thích những gì đã ám ảnh anh khiến anh phải đi cứu các đồng đội của mình hoặc làm thế nào mà anh đã thoát hiểm và sống sót. Có lẽ vì có quá nhiều bụi san hô từ đạn cối. Có lẽ quân địch nghĩ chúng đã giết sạch đám bộ binh nên chúng hướng tiêu điểm về phía chiếc tăng mà chúng làm nổ banh xác trong khi Michael tấn công boong -ke của chúng. Michael chưa hề được huấn luyện để sử dụng súng phóng hỏa. Anh chụp đại lấy nó mà không suy nghĩ, mò mẫm bắn đại và giật mình lùi lại khi một cái lưỡi lửa dài và rộng trùm lên dải đất hẹp trên đỉnh đồi.

Một luồng đạn súng máy từ một hang động túa đến bên phải anh và Michael cảm thấy như một cẳng chân của mình đã bị đứt lìa ra. Anh ngã xuống và trườn đi để tìm chỗ nấp - một mình nơi đỉnh cao của dải đất, một cái đích dễ dàng bị bắn hạ, một con người hoàn toàn không thể phòng vệ, một miếng mồi quá dễ nuốt cho bất kỳ viên đạn bắn tĩa nào. Mùi thịt người được nướng lên bởi bom napalm quả là... không thơm ngon chút nào! Ngửi nghe phát ón! Anh lãnh một viên đạn vào đùi và một viên khác đi xuyên qua bụng chân.

Ngay trước mặt anh là sáu binh lính địch mất lòi ra, môi cháy đen. Da họ bị lột đi hầu hết. Xương thịt họ trông giống như một bộ xương trong sách khoa học.

Michael bị ghim xuống đất chỉ trong hai mươi phút trước khi đám quân Nhật trong hang động đó bị triệt hạ và một đồng đội người đầy máu từ đầu đến chân chạy đến kéo Michael khỏi chỗ đó. Anh đã sống qua bao nhiêu năm và thấy còn nhanh hơn hai mươi phút kia.

Anh không còn nhớ chút gì về chuyện bằng cách nào anh đã từ đó đến được Hawaii.

Ý tưởng đầu tiên khi anh tỉnh lại đó là chắc mẹ mình đã lo lắng đến sinh bệnh. Anh viết cho mẹ một bức thư dài và năn nỉ cô điều dưỡng kiểm cho anh một thứ gì để làm quà gửi kèm với bức thư. Cô điều dưỡng chọn một cốc uống cà-phê với bản đồ quần đảo Hawaii vẽ trên đó. Ngày mà Carmela Corleone nhận được thư và quà - cùng với cái tin con bà đang trên đường trở về nhà - bà rót đầy rượu vào cái cốc ấy, nâng cốc lên và cảm ơn Trinh nữ Mary đã đáp ứng những nguyện cầu của bà. Từ đó trở đi, mỗi lần đi ngang qua tấm hình của Michael đặt trên mặt lò sưởi, Carmela lại cười mãi nghanh.

Michael và Hal Mitchell cả hai đều bình phục. Hank Vogelsong không được may mắn như thế. Ngay trước khi chết anh nói với chỉ huy là anh muốn Michael Corleone giữ chiếc đồng hồ của mình. Khi nhận chiếc đồng hồ, Michael cũng chỉ biết qua về chủ nhân nó, đã viết thư cho bố mẹ Vogelsong, kể lại với họ Hank dũng cảm như thế nào giữa chiến trường mưa bom bão đạn và đề nghị gửi cho họ chiếc đồng hồ. Họ viết thư trả lời, cảm ơn anh nhưng nói rằng họ mong anh giữ lại kỷ vật đó.

Trong khi còn nằm viện, Michael nhận được tin vui là anh đã được chấp thuận theo học khóa huấn luyện thành phi công. Anh cũng được đặc cách thăng cấp lên thiếu úy. Nhưng việc thăng cấp này rồi ra chỉ là tượng trưng và anh cũng không bao giờ đi đến trường bay. Đó là đoạn kết cuộc chiến thứ nhất của Michael Corleone.

Ngay trước khi Michael giải ngũ, một phóng viên từ tạp chí *Life* đến phỏng vấn anh. Michael nghĩ rằng chuyện này đã được dàn dựng bởi bố mình, cảm ơn chàng phóng viên về sự quan tâm của anh nhưng nói rằng chàng là một con người thích riêng tư. Chàng đã được thưởng một huân chương và đích thân Đô đốc King gắn lên ngực chàng với đầy đủ lễ nghi quân cách trọng thể.

Michael được chụp hình trong một bộ đồng phục được sửa lại rất vừa vặn với chàng. Câu chuyện về chiến công của chàng được đăng trong một số đặc biệt. Audie Murphy nằm trên

PHẦN VII

Tháng giêng - Tháng sáu 1961

Chương 22

Thông qua một mê cung những trung gian, Nick Geraci được lệnh đi vào. Tham kiến Chủ Nhân. Geraci đã có một ý tưởng khá đúng về cuộc gặp gỡ này liên quan đến chuyện gì. Anh đã gọi ý điểm hẹn là Vườn Bách thảo Brooklyn. Nhưng Chủ nhân cho rằng nơi đó quá công cộng. Don Corleone không thể chấp nhận nguy cơ làm bất kỳ điều gì có thể sẽ làm cho việc bổ nhiệm ông vào đội ngũ cố vấn tổng thống càng trở nên gây tranh cãi nhiều hơn là sự việc đã như thế rồi - nhất là vào ngày trước hôm tuyên thệ nhậm chức. Cho nên cuộc hội kiến này sẽ phải diễn ra bên trong chiếc limo.

Ý là sao đây: Phải chăng chúng sắp khử ta?

Tuy nhiên, trong tình huống như thế này, người ta không có chọn lựa nào khác hơn là đi đến nơi mà bạn đã được lệnh phải đến. Đó là một phần của cuộc sống nơi cái thế giới đặc thù này. Geraci đã biết điều đó từ lâu. Một kẻ nào đó được gọi vào gặp ông chủ, nếu như hắn ta thông minh quyền biến thì phải biết hành xử như một luật sư chuẩn bị một vụ án. Bạn dự đoán mọi câu hỏi mà mình buộc phải trả lời và hy vọng sẽ gặp thuận lợi. Nếu bạn đủ tài xoay xở để tìm được lối ra, hãy đi xa, thật xa khỏi miền hiểm địa rồi sau đó hãy rút tỉa những bài học hay.

Yêu cầu được mang theo những thuộc hạ của mình sẽ làm dấy lên nghi ngờ. Giải pháp đó phải loại trừ. Mang một khẩu súng hay con dao là một sự liều lĩnh tệ hại. Nếu bị lục soát, coi như toi đời. Ngay cả nếu không bị lục soát, cũng không có mấy cơ may anh kịp rút vũ khí được cất giấu của mình vào lúc cần... nói sự thật!

Anh đợi suốt buổi sáng nơi cái bàn trong góc tại một quán ăn trên Đại lộ Thứ nhất cùng với Donnie Bags, Eddie Paradise và Momo the Roach. Một số thuộc hạ thân cận khác lòng vòng bên ngoài. Một dãy những người láng giềng đang ăn sáng ở quầy bar. Chủ tiệm ăn này là Elwood Cusik, một võ sĩ đấm bốc chuyên cung cấp "dịch vụ cơ bắp" cho nhà Corleones khi nào cần đàn mặt hay cần cho các đối thủ vài bài học về quyền cước để biết thế nào là lễ độ.

Trước đây Michael từng âm mưu hãm hại anh và Geraci đã đáp lễ khá đẹp. Anh ta đã thông qua Forlenza cho Louie Russo biết chuyện gì đang xảy ra với Fredo và ở Cuba; sau đó Geraci chẳng cần phải động một ngón tay nào. Vô tình mà Fredo đã phản bội Michael về chuyện không đầu. Bất kỳ ai cũng có thể thấy rằng tình hình chính trị Cuba đang rất bất ổn và sắp nổ bùng. Vậy mà Michael vẫn mù quáng vì ảo ảnh hàng triệu triệu đô la mà chàng ta sắp làm ra trong tư cách một doanh nhân hầu như hợp pháp ở nơi đó đến độ y ta đã dính bẫy vào một tình huống khiến hắn ta đã nhẫn tâm ra lệnh giết cả anh ruột mình. Vợ anh ta vì chuyện đó đã bỏ anh ta, ôm theo hai đứa con, chạy trốn đến một lục địa khác, cách xa anh ta hàng chục ngàn cây số! Anh ta đã mất hai *đầu lĩnh* - Rocco và Frankie Pants, cả hai đều là địch thủ của Geraci - vì hai tay này chiến đấu cho một đế quốc kinh doanh ở Cuba chỉ hiện hữu trong giấc mộng hoang tưởng vĩ cuồng của Ông Chủ họ. Nếu thực sự có một số mệnh còn cay nghiệt hơn cả cái chết thì chính Geraci đã giáng lời nguyền độc địa đó vào người Michael Corleone.

Nhưng liệu Michael đã biết chưa?

Trong lúc chờ đợi, Geraci cố gắng hình dung bằng cách nào Michael có thể biết được những chuyện này. Anh vẫn đang lúng túng, chưa lần ra đầu mối nào.

Hai giờ sau, Donnie Bags, ngồi gần cửa sổ, ra hiệu rằng chiếc limo của Michael đã đến. Momo và Eddie Paradise kèm hai bên Geraci khi anh đi qua vỉa hè bên kia. Anh đã sẵn sàng cho mọi việc. Anh nhớ đến những gương mặt của các con gái mình. Và anh nắm lấy tay xoay cửa xe.

“Hello, Fausto.”

“Kính chào Don Corleone.” Geraci một mình vào trong xe và ngồi vào chỗ đối mặt với Michael. Al Neri ngồi sau tay lái, là người khác duy nhất trong xe. “Ông chủ có cuộc du hành thú vị chứ?”

Geraci gạt đầu ra hiệu cho Momo, tay này đóng cửa xe lại. Neri vô số, nhấn ga.

“Tuyệt. Bạn nên lên đó lại. Những chiếc phi cơ mới này trên thực tế là chúng tự bay.”

“Tôi cũng đoán thế,” Geraci nói. Một trong những món quà tri ân mà Ngài Đại sứ Corbett Shea gửi tặng Michael là một chiếc máy bay đời mới. “Tôi từng nhiều lần nằm mộng thấy mình đang bay. Điều thích thú là, không bao giờ những giấc mơ bay trở thành cơn ác mộng đối với tôi cả. Nhưng một khi thức giấc, tôi không thể, ngay cả tưởng tượng, là mình lại trở thành một hành khách đi máy bay nữa. Ô, nhân tiện, xin có lời chúc mừng. Điều tốt đẹp tiếp theo là một người Ý đã có mặt trong Nhà Trắng.”

“Chỉ là một đội ngũ chuyển tiếp,” Michael nói. “Tôi chỉ phục vụ như một cố vấn. Một trong nhiều người.”

Qua bao năm tháng, nhà Corleones đã tặng cho nhà Sheas nhiều ân huệ, kể cả những điều đã góp phần giúp cho vị tổng thống mới đắc cử. Đổi lại, Michael đã yêu cầu việc bổ nhiệm này. Geraci đã biết từ nguồn đáng tin cậy rằng Michael chưa bao giờ mặt đối mặt với bất kỳ người nào trong chính quyền mới. Hiểu ngầm với nhau là anh ta chỉ tham dự trên danh nghĩa. Tất cả điều Michael muốn chỉ là tính đáng tin cậy mà sự bổ nhiệm đó sẽ mang lại cho anh ta.

“Ai dám nghĩ là chúng ta sẽ sống để chứng kiến điều đó?” Geraci nói. “Một người Ý trong Nhà Trắng?”

“Tôi chắc chắn về điều đó,” Michael nói.

Geraci đã tự “vào thế” trên chỗ ngồi để Neri buộc phải dừng xe trước khi giết anh. Không có nhiều khả năng là Michael sẽ đích thân làm việc đó. Nếu chuyện đó xảy ra, có lẽ nó sẽ xảy ra ở một nơi nào họ đưa anh đến, có thể là bởi những người đang chờ anh ở đó. “Tôi hy vọng ông nói đúng, Don Corleone à.”

“Michael thôi, okay?. Chúng ta là bạn cũ mà, Fausto, và giờ đây tôi sắp rút lui rồi.”

“Tôi có nghe như thế.” Những lời đồn đoán rằng Michael sắp đi vào con đường hợp pháp đã rộn lên trong nhiều năm và càng tăng gia sau khi Shea đắc cử. “nhưng tôi không nghĩ chúng ta lại rút lui trong chuyện này của chúng ta. Điều gì xảy ra cho *Bạn đi vào là người sống và bạn đi ra là người chết*? Chúng ta đều đã thề như thế mà.”

“Tôi đã thề với điều ấy, và tôi giữ lời thề. Tôi sẽ vẫn luôn luôn là một thành phần của Gia đình mà bố tôi đã gây dựng,” Michael nói. “Nhưng mối liên hệ của tôi với Gia đình sẽ giống như hiện giờ đối với một số người ở độ tuổi bố tôi đã từng phục vụ chúng tôi tốt và rồi họ chuyển đến Florida hay Arizona. Những người mà chúng tôi không đòi hỏi gì ở họ nữa cả.”

“Xin giải thích cho tôi chuyện này sẽ tiến hành như thế nào,” Geraci nói. “Tôi đã nghe nhiều chuyện khác nhau nhưng tôi coi phần lớn chỉ là chuyện tầm phào.”

“Đơn giản thôi. Như anh biết, tôi đã hứa với Clemenza và Tessio là họ có thể có những Gia đình riêng của họ khi thời cơ thuận tiện. Tessio đã phản bội chúng tôi còn Clemenza đã chết nhưng lời hứa thì vẫn còn đấy.”

"Ogni promessa è un debito" - Mọi lời hứa là một món nợ - đúng thế không?" Geraci nói. "Như bố tôi vẫn thường nói thế."

"Chính xác," Michael khẳng định. "Hôm nay tôi trả món nợ đó. Xét về nhiều phương diện, bạn là con người ưu tú nhất của chúng tôi ở New York. Ngày nay, tôi không còn cần đến những chuyện làm ăn mà anh đang điều hành nữa, ngay cả lợi tức từ chúng. Tôi ra ngoài vòng cương tỏa. Tôi sẽ gọi anh là Don. Don Geraci. Xin chúc mừng."

Thôi rồi! Mình chắc khó sống! "Cám ơn," Geraci nói. "Chỉ như thế thôi sao?"

"Chứ còn thế nào nữa?"

Bất kể ý mình, Geraci bắn một tia nhìn vào Neri. Họ đang hướng về phía Tây trên Đường Bảy mươi chín, vào Công viên Trung ương. Neri vẫn nhìn thẳng tới trước. "Tôi cảm thấy vinh hạnh sâu xa. Vinh hạnh tràn đầy."

"Anh xứng đáng được hưởng."

Geraci đưa bàn tay phải không một chiếc nhẫn nào của mình lên. "Nếu biết trước chuyện này, tôi đã mua một chiếc nhẫn."

"Hãy đeo chiếc nhẫn của tôi," Michael nói. "Chiếc nhẫn này đã được chính Đức Thánh Cha ban phước." Anh ta bắt đầu cởi nó ra. Một đồ trang sức có gu thẩm mỹ cao, sang trọng: một viên kim cương lớn được vòng quanh với các viên ngọc xa -phia.

Anh ta sẽ không cho chiếc nhẫn này cho một kẻ anh ta sắp giết, đúng không? Và ai lại bỏ đi chiếc nhẫn từng được giáo hoàng ban phước?

"Tôi chỉ đùa thôi," Geraci nói. "Tôi không thể nhận bảo vật này đâu. Ông đã quá hào phóng với tôi rồi." Geraci đưa bàn tay phải to bè của mình lên, sát bàn tay Michael. Bàn tay anh to gầy gáp đôi và đầy vết sẹo, vết u từ những cuộc đánh đấm, có và không có găng tay. "Với lại, tôi không nghĩ là chiếc nhẫn vừa được đâu."

Michael cười thành tiếng. "Tôi chưa từng thực sự lưu ý." Anh ta đẩy chiếc nhẫn vào lại ngón tay mình. Làm thế nào mà anh ta lại chưa từng để ý? "Ông biết người ta vẫn nói là Tay to cần -"

"Nhẫn lớn."

"Đúng thế. Thực sự, Michael à, đây là một chuyện không thể tin. Một giấc mộng thành sự thật."

"Anh không biết à?"

"Tất nhiên là tôi biết. Nhưng tôi nghe có vài trục trặc với Ủy ban."

"Bạn có những nguồn tốt đấy. Ủy ban đã yêu cầu tôi ở lại. Tôi chống lại chuyện này, nhưng quyết định của họ có tính ràng buộc. Tôi vẫn giữ vai trò cố vấn, cả với họ và với anh. Chuyện này không cần phải nói là việc thu xếp này sẽ được duy trì trong sự tin cẩn chặt chẽ. Bất kỳ ai mà bạn đề bạt làm *capo* đều phải được đưa ra cho Ủy ban xét duyệt và tôi khuyên bạn nên giải trình với tôi trước. Tôi thiết nghĩ chắc bạn muốn giữ Nobileo?"

"Tôi cần suy nghĩ kỹ hơn về chuyện đó." Richie Hai Súng (tức Nobileo) đã tiếp quản đoàn quân của Clemenza trước đây. Mọi chuyện Geraci biết về Richie đều tốt - anh ta đã giúp kết hợp sự độc quyền của các Đại Gia New York trong nhiều lãnh vực, chẳng hạn xi - măng, và cũng tạo

được sự có mặt đậm nét ở Fort Lauderdale - nhưng nói vâng một cách xuôi xị như thế, trông có vẻ thiếu bản lĩnh quá. Nếu tất cả chuyện này được đưa ra để “nắn gân” thì được thôi, ta chấp nhận thử thách theo cách của ta. “Ông có nghĩ Richie sẽ đau lắm khi ông chọn tôi?”

“Vậy bạn không nghĩ là anh ta sẽ còn đau hơn nữa nếu bạn giáng cấp anh ta?”

“Tôi không hề có ý định giáng cấp anh ta. Tôi chỉ thắc mắc là anh ta sẽ tiếp nhận cái tin này như thế nào.”

“Tôi chắc là nó sẽ không đến như một điều ngạc nhiên đến không ngờ.”

“Ông nói với anh ta?”

“Tôi chắc là chuyện sẽ êm xuôi.” Geraci và Richie đã bàn nhau về các tin đồn. Richie đã tâm sự là anh ta sẽ rất vui khi thấy Geraci trở thành Ông Chủ mới và đang vận động để Ủy ban chấp thuận điều đó. Có lẽ anh ta nói sự thật. “Richie có vẻ là người tốt.”

“Còn đối với binh đoàn của chính anh, tôi sẽ không đưa ra gợi ý nào đâu. Chỉ cần thông báo cho tôi biết trước thôi.”

“Tuân lệnh.”

“Tôi sẽ đưa ra sự tư vấn khải đạo, hạn chế thôi, cho anh, nhưng tôi sẽ không làm *consigliere* cho anh. Tôi đã muốn sống một cuộc sống khác. Tôi không muốn quá khứ của mình xen lẫn vào cuộc sống mới.”

“Tôi hiểu.” Dầu thật ra anh chưa hiểu trọn vẹn. “Tôi xin phép trình sự lựa chọn của tôi về vị trí đó cho ông?”

“Anh cứ nói đi.”

“Nếu ông không phiền,” Geraci nói, “Tôi mong muốn có được Tom Hagen làm *consigliere* cho mình.”

“Đáng tiếc,” Michael nói, “Chuyện này thì tôi... có hơi phiền đấy. Anh Tom sẽ tiếp tục kề vai sát cánh bên tôi như là luật sư riêng của tôi.”

Một dấu hiệu tốt khác. Nếu Geraci thực sự sắp bị khử thì Michael đã ừ cho xong việc để khỏi phải tốn công giải thích khi từ chối.

“Tôi đã nghĩ có thể mình sẽ nhận một phát đạn. Ông vẫn luôn muốn chọn người ưu tú nhất mình có được.”

“Anh không thích tôi,” Michael nói. “Đúng không, Fausto?”

Geraci nhanh chóng quyết định rằng nói dối có thể sẽ còn nguy hiểm hơn là nói thật. “Vâng, đúng vậy. Tôi không thích. Không hề có ý bất kính, nhưng tôi không biết có hay không nhiều người thích.”

“Nhưng anh sợ tôi.”

“Sợ là kẻ thù của lô -gích,” Geraci đáp, “nhưng ông nói đúng, tôi sợ. Hơn cả cái chết. Tôi biết, ông đang muốn nói điều gì, Michael à. Tôi sẵn sàng. Tôi biết điều ấy có nghĩa gì với ông, những mất mát hy sinh mà gia đình ông đã chấp nhận để gầy dựng nên tổ chức này. Tôi sẽ dâng hiến

cho tổ chức tất cả những gì tôi có. Mọi thứ.”

Michael nghiêng người qua và vỗ vào đầu gối của Geraci, một cách rất chi là... tình thương mến thương!

Họ đi vào Broadway, khu trung tâm thành phố.

Không có một lời nào nhắc nhở đến đoàn quân trước kia thuộc quyền Rocco Lampone. Rocco đã tự lao mình vào chỗ chết, hai năm trước đây ở Miami và vẫn chưa có ai được đề cử thay thế vị trí của anh ta. Cũng có nhiều tay”thép đã tôi thế đấy” ở Nevada - Al Neri, Tommy Neri, Figaro, bốn năm tay khác nữa, cộng thêm một số quân thiện chiến dưới quyền họ. Nếu bọn chúng là thành phần của cuộc bàn thảo này, hẳn Michael đã nói thế. Nhất là với Neri đang có mặt ngay tại đây, Geraci tội đéo gì phải”thời lai phong tống” cho hắn ta. Mặc kệ bọn Nevada.

Geraci xoa xoa cằm. “Có lẽ tôi từng chịu đấm ăn xôi hơi bị nhiều, nên mặt có hơi bị... dày,” anh nói, “nhưng tôi vẫn còn chút... e lệ! Nói thật trước mặt Chúa Trời nhé, ông không còn cần đến những chuyện làm ăn của tôi nữa sao? Ông sẽ chỉ, sao, kiểm soát vài sòng bạc ở Nevada thôi và gọi đó là một sự nghiệp?”

Michael gật đầu. “Câu hỏi thẳng thắn đấy,” anh ta nói. “Tôi đã long trọng hứa với gia đình rằng tôi sẽ ra ngoài vòng cương tỏa, và tôi vẫn giữ lời hứa của mình. Nói thật ra là, tôi đã đưa ra lời hứa này từ hai năm trước. Giữa những casinos ở Nevada và ở Cuba và rất nhiều cổ phần bất động sản của chúng tôi, tôi sở hữu một đế quốc kinh doanh lẽ ra sẽ còn đứng vững cả trăm năm. Thế nhưng bọn Cộng sản đã cướp chính quyền ở Cuba và chúng tôi mất trắng tay tất cả những gì mình có tại đó. Những bất hạnh dồn dập ập đến trên đường đi của chúng tôi gần như cùng lúc có nghĩa rằng tổ chức như một toàn thể cần đến lợi tức từ những chuyện làm ăn hợp pháp kia vừa có nghĩa rằng tôi chưa có thể bước xuống khỏi vị trí cầm chịch được. Nhưng rồi hai năm nhanh chóng trôi qua và việc đặc cử của Jimmy Shea đã thay đổi mọi chuyện. Mất đi những nguồn lợi cò bạc hợp pháp ở Cuba quả là một thiệt hại khủng khiếp, thế nhưng hiện nay chúng tôi có ảnh hưởng ở New Jersey. Chúng tôi đã phù phép cho vị Thống đốc sở tại đặc cử Tổng thống, nhưng tôi muốn nói rằng điều còn quan trọng hơn đó là cuộc dàn xếp hai bên cùng có lợi mà bạn đã xây dựng với Gia đình Stracci. Theo như tôi còn có thể nhớ, trước kia từng có chương trình nghị sự về việc hợp pháp hóa cò bạc ở Atlantic City, và tôi dự định còn lưu lại trong Ủy ban cho đến khi điều đó xảy ra - có lẽ trong vòng một năm thôi - để chúng ta cũng có thể nhúng tay vào đấy. Một chính quyền Cộng sản tại một xứ sở chỉ cách bờ biển chúng ta có một trăm hải lí, liệu chính quyền đó sẽ có thể tồn tại được bao lâu? Nếu không phải vì tránh xung đột trực diện với bọn Nga, có lẽ chúng ta đã giành lại nơi này ngay khi chúng bắt đầu cướp giật tài sản của chúng ta. Nhưng sự khác nhau giữa Cuba và mọi quốc gia theo cộng sản khác đó là chúng quá gần với xứ sở giàu mạnh nhất thế giới mà chúng từng được chấm mút đôi chút mùi vị béo bùi hấp dẫn và còn thòm thềm đến rõ dãi. Ăn quen, nhìn không quen, tôi cho là hai năm, có thể là ba năm và chúng ta sẽ trở lại làm ăn ở đó và lúc đó dân chúng sẽ mừng húm đón chờ ngày tái ngộ người bạn Huê kỳ rùng rĩnh và hào phóng. Tôi đã có được những bảo đảm từ chính quyền Shea rằng họ sẽ tạo áp lực để chính quyền mới trả lại mọi tài sản cho những người chủ trước. Điểm chính mà tôi muốn nêu bật ra đó là nếu chúng ta không có những nguồn đáng kể gửi ở ngân hàng, chúng ta không thể điều hành các casinos mà không có cổ phần của Louie Russo áp đảo chúng ta. Hiện nay chúng ta chưa nắm được trong tay những nguồn đó. Giữa những gì chúng ta thực sự có, cả về tài lực lẫn nhân sự, cùng với những gì hiện nay dường như là không thể tránh - ờ, tốt hơn là đi ra sớm cả một năm chứ đừng để chậm hơn một phút.”

“Vậy ai sẽ đút mồi cho những kẻ ăn thịt?” Geraci hỏi. Tài sản lớn nhất của Gia đình Corleone là mạng lưới những con người ăn lương của họ. “Tôi biết rất nhiều những tay cóm và những người trong các nghiệp đoàn mà chúng ta có, một số thẩm phán và biện lí, nhưng chắc là tôi không biết đến một nửa. Còn đám chính trị gia thì thôi quên đi. Tất cả những gì tôi biết được

chỉ toàn là... bong bóng bay!”

Geraci đã điều hành phần lớn công việc của Gia đình ở New York nhưng những người kết nối thì vẫn trực thuộc Michael và Hagen.

“Tom sẽ tiếp xúc với bạn,” Michael nói. “Sẽ có một thời kỳ chuyển tiếp. Khi tôi tiếp quản quyền lực từ Bố tôi, thì ông cụ và Tom phải cần đến sáu tháng để giải thích mọi việc cho tôi.”

“Tôi đoán nếu có thể thực hiện cuộc chuyển giao quyền lực từ một người lãnh đạo này của thế giới tự do sang một người lãnh đạo khác trong vòng hai tháng, tôi có thể hình dung ra chuyện này trong sáu tháng.”

Michael cười nụ.

“Ông thực sự sẽ không dùng đến các thẩm phán và các tay cóm và những thứ râu ria?” Geraci hỏi. “Ông buông bỏ hết à?”

“Tôi có nói thế à? Tôi chỉ nói là tôi không còn cần thu nhập từ những chuyện làm ăn thuộc phần anh điều hành nữa.”

“Chắc rồi,” Geraci nói. “Tôi hiểu. Ông đi ra.”

“Đừng ngây thơ như thế, Fausto. Có nhiều người trong đội ngũ chuyển tiếp của Tổng thống đang đút mồi cho nhiều kẻ ăn thịt hơn là chúng ta đang làm nữa.”

Vậy là trầm thoái vị nhưng không phải để vô chùa quét lá đa mà là đi xa để làm thái thượng hoàng? Geraci nghĩ thầm. *Hoàng nhi đã lãnh ý phụ hoàng rồi.*

“Còn chỗ ngồi trong Ủy ban. Tôi có được dự phần hay vẫn là ông?”

“Trước mắt thì vẫn là tôi. Song cuối cùng thì anh sẽ được một chỗ. Anh hãy thu xếp để đi vào nền nếp tổ chức và sau đó Ủy ban sẽ quan tâm chiếu cố. Tôi không nghĩ là có vấn đề gì với chuyện đó đâu.”

Họ còn bàn luận một số vấn đề đặc thù khác nữa. Chiếc xe lại băng qua công viên lần nữa và bắt đầu trở về Đại lộ Lexington - một nơi không hề thuận lợi cho một cuộc mưu sát. Vậy là thực sự họ không định giết anh. Michael vẫn còn chưa biết thật ra ai là người đứng sau sự phản bội của anh mình. Nhưng Geraci không bỏ lỡ cơ hội.

“Nói về những nguồn đáng tin cậy,” anh nói, “Tôi muốn ông biết một vài điều. Họ đã âm mưu giết anh ông.”

“Ai đã âm mưu giết anh tôi?”

“Louie Russo Mặt Đéo.”

“Các anh tôi đã chết cả rồi.”

“Tôi biết được chuyện này cũng mới đây thôi.”

“Anh nào?”

Geraci thấy bức bối khi Michael mới vừa lúc trước có thể gọi Hagen là *anh tôi* rồi chỉ lát sau đã nói *Các anh tôi đều chết cả rồi*. “Fredo. Đó là một vụ tấn công vụng về và bị hỏng nửa chừng và

Russo đã cho ngưng lại. Ông còn nhớ ngày Lễ Lao động?”

Geraci không cần nói ngày Lễ Lao động nào. Michael gật đầu.

“Sau đám cưới con của Pete, Fredo kết thúc buổi tối trong một motel ở Canada. Vói - tôi không biết phải nói chuyện này thế nào - với một anh chàng khác. Máy sát thủ được lệnh dàn dựng làm sao trông giống như Fredo tự xử vì xấu hổ hay đại khái vì một chuyện gì đó tương tự. Tôi nói với ông rằng đó là một vụ dàn cảnh, nhưng có nhiều sơ sót vì những kẻ thực hiện quá vụng.”

Vấn đề đối với chuyện làm mặt lạnh của Michael đó là khi anh ta “sắm tuồng”, nếu tình ý một tí bạn sẽ nhận ra ngay. Có điều, một khi đã “sắm tuồng” thì dù bạn có nhận ra hay không nhận ra, anh ta cũng cứ thế mà diễn cương tới, cho dầu có bị ai cù lét cũng nhất định không cười! Dầu biết tông tông tong là thiên hạ đang cười thầm(rần rần) trong bụng, anh ta *vuôn* cứ làm mặt nghiêm chỉnh nói chuyện như thật! Thế mới đáng mặt là kịch sĩ đại tài chứ!

“Trước tiên,” Geraci nói, “khi người của Russo đến motel đó thì Fredo đã đi rồi nhưng vẫn còn một ai đó - một người chào hàng, có vợ con đang hoang, có việc làm tươm tất - và anh ta đang trần truồng ở trên giường. Thứ nhì là, hai sát thủ mở cửa, và người chào hàng rút ra khẩu súng và bắn họ. Đó là một khẩu Colt Peacemaker với số xê -ri bị chà nhẵn đi. Có thể đó là khẩu súng của Fredo, có thể không nhưng Fredo dứt khoát là có làm mất một khẩu súng trong chuyến đi đó - Figaro bảo tôi thế - và Fredo thích những khẩu Colt đó. Dầu sao thì người chào hàng cũng giết một sát thủ và bắn bị thương một sát thủ khác. Ngày hôm sau, có người nào đó đánh thuốc mê cô điều dưỡng, cắt cổ tên sát thủ bị thương, sau đó còn cắm con dao vào mắt y đến lút cán và để nguyên như thế. Ngày hôm sau *sự kiện* đó, người chào hàng đi gặp luật sư của anh ta, và đó là người cuối cùng còn thấy anh ta. Ngoài đôi bàn tay của anh ta, nghĩa là, có người nào đó chặt đi và gửi cho vợ anh ta.”

“Bạn muốn nói là Don Russo xóa dấu tích của hân ta?”

“Vâng, tôi đang nói điều ấy.”

“Tại sao chúng không truy sát Fredo nữa?”

“Ý tưởng của bọn chúng là gây bối rối và làm mất thể diện Gia đình. Ông phong Fredo làm *sotto capo*, và ngay sau đó hóa ra là anh ấy là *dân đa hệ*. Tôi không nói anh ta là như thế, đúng không? Tôi chỉ đưa thông tin cho ông thôi.”

Michael gật đầu.

“Nếu chúng làm cho chuyện đó trông giống như anh ấy tự sát,” Geraci nói, “đó sẽ là kết thúc câu chuyện. Không có báo thù, không có chuyện gì ầm ĩ quá. Tổ chức của chúng ta bị tổn thương và bọn chúng hưởng lợi. Bọn chúng đang điên cuồng lên vì Las Vegas. Bọn chúng nghĩ đó là lãnh địa riêng của bọn chúng. Nhưng rồi sau đó... ông biết đấy. Vụ rút máy bay. Do tôi lái. Không còn cần thiết nữa, ít nhất là trong lúc này. Tôi không thể chứng minh điều đó, nhưng *cứ lí* thì Russo đứng đằng sau bi kịch của anh ông. Fredo đã xa gia đình và đến sống ở Los Angeles một nửa thời gian và L.A. là nơi mà anh ấy phản bội chúng ta.” Geraci nhướn mày, nhún vai. “L.A. so với Chicago, cũng không hề kém cạnh, đúng không?”

Trong vòng những thành viên tin cậy của Gia đình thì chuyện Michael đã ra lệnh thủ tiêu chính anh ruột mình không còn là chuyện bí mật.

“Làm thế nào bạn biết nhiều thế?” Michael nói. “Bằng cách nào bạn biết được những chuyện này?”

“Tôi có tay trong,” Geraci nói, “Ở FBI.”

“FBI?” Michael nói, rõ ràng tỏ ra có ấn tượng. FBI - bắt chấp những lỗi nhỏ nhặt của tay giám đốc cơ quan này - vẫn được coi là không thể mua chuộc.

“Khẩu súng mà Fredo cùng bị bắt với ở L.A. khi anh ta giết chết con chó cưng của bà quý tộc Pháp? Cũng là một khẩu Colt với số xê-ri bị mài nhẵn. Nhưng trong phòng thí nghiệm khoa học hình sự, cảnh sát khoa học vẫn có những biện pháp nghiệp vụ để phục hồi dãy số đó. Cũng thế với khẩu súng từ Windsor. Cả hai đều là thành phần của cùng một chuyến hàng mà một thuộc hạ của chúng ta ở Reno nhận và bán cho những con người hiện nay không có mặt trên đời! Ô, và còn cái này nữa.”

Geraci cho tay vào túi áo khoác để tìm cái vật gần nhất với một thứ vũ khí nguy trang mà anh ta có - một cái bật quẹt để hút thuốc: cần đá quý, sản xuất ở Milan, được khắc hàng chữ CHRISTMAS 1954. Anh ném nó cho Michael.

“Ông nhận ra vật này chứ?”

Mặt Michael đỏ lên. Anh xoay xoay chiếc bật quẹt trong bàn tay nhỏ nhắn, được chăm chút kỹ của mình, rồi nắm tay lại, che phủ nó. Hầu như che kín.

“Người chào hàng nói chiếc bật quẹt thuộc về anh chàng kia,” Geraci nói. “Nghe này, Michael, tôi cảm thấy bức rức về chuyện này. Nếu ông muốn tôi săn đuổi Russo, ông cứ nói một tiếng và ý ông sẽ được thực hiện. Tôi sẽ tóm lấy y với mọi phương tiện mà chúng ta có được.”

Michael quay lại đối diện cửa sổ. Vì xúc động căng thẳng, anh đập nắm tay với chiếc bật quẹt trong đó vào cằm mình.

Geraci nói xạo. Anh ta chẳng có tay trong nào ở FBI cả. Anh ta đã nghe rằng tất cả những khẩu súng Colts kia đều đến từ cùng một nhà buôn và hy vọng rằng điều đó đúng. Anh đã nhận chiếc bật quẹt từ Russo và Russo nhận nó từ kẻ giết người chào hàng.

Nhưng Geraci nghiêm chỉnh về chuyện săn đuổi Russo. Đã năm năm rồi anh sống trong hòa bình và cảm thấy cuộc sống có phần tẻ nhạt, vô vị. Lòng anh lại rộn lên nỗi thèm khát chiến chinh để thỏa mộng tang bồng hồ thủy, bởi nam nhi chí tại bốn phương. Thà chiến trường da ngựa bọc thây chứ đây không thèm chết trên... bụng vợ vì “*phong -mã -thượng*”! (nhưng nếu được trên em bồ nhí xinh như mộng thơm như múi mít thì sẵn lòng vui vẻ ra đi mà không khiêu nại chi!). Lâu quá không thấy cảnh máu rơi thịt nát ăn cơm thấy nhạt miệng!

Mấy năm vừa qua, Cesare Indelicato, *capo di tutti capi* (Thống lĩnh) của Sicily, vẫn liên tục cung cấp cho Geraci không chỉ heroin và các thứ “linh đan diệu dược” khác mà cả lính lác nữa. Hiện nay, dưới trướng của Geraci có nguyên cả một đạo quân tân binh, đám thì ở Bushwick, đám ở Đại lộ Knickerbocker, và anh đã cài đặt một số những di dân hợp pháp với công việc nơi các tiệm bánh pizza khắp miền Trung Tây, lặng lẽ kiếm từng xu lẻ theo kiểu cần cù kiến tha lâu đầy tổ, đợi đến lúc nào đó sẽ đền ơn đáp nghĩa cho đại ca Nick đã hào hiệp cứu mang. Những con người như thế, sống như những lán giềng tốt, tôn trọng luật pháp trong nhiều năm ở Kenosha, ở vùng Thượng du Cleveland hay ở Youngstown, có thể “đi nghỉ phép,” làm một công việc thời vụ nào đó trên một cái đích nào đó, rồi lại về nhà, trở lại với công việc thường ngày, và không ai sẽ có thể, dầu trong hàng triệu năm, liên hệ họ với một tay gang-x-tơ nào đó bị thủ tiêu cách đó hàng bảy tám trăm dặm. Nếu Richie Hai Súng thực sự thiện chiến như anh ta có vẻ thế, Geraci tin rằng nhà Corleones có thể làm cho bộ sậu Chicago lụn bại và khiến cho đám ác thú đó phải chịu trách nhiệm với các Đại Gia New York. Và dĩ nhiên trong tiến trình đó Geraci có thể che đậy dấu vết vai trò của anh ta trong việc gài cho Fredo phản bội em mình mà không

biết. Làm điều đó theo sự cho phép của Michael (vì Michael sẽ phải trả lời trước Ủy ban về chuyện đó) tốt hơn là Geraci sau này phải thắc mắc, phân vân có nên làm chuyện đó hay không.

“Dầu sao vẫn cảm ơn,” cuối cùng Michael nói. “Nhưng như tôi đã nói với bạn, tôi đang chuẩn bị để ngoài vòng cương tỏa rồi.”

Xe dừng lại. Họ quay lại Đại Lộ Số Một, trước quán bar của Momo the Roach. Geraci tự hỏi phải chăng Michael thực sự suy tư trong suốt thời gian đó hay anh ta chỉ đợi đến lúc cuối mới trả lời.

Nick Geraci đưa bàn tay trái ra, lòng bàn tay quay xuống đất, ở phía trước ngực mình và để bàn tay phải bên dưới, các ngón tay chỉ vào lòng bàn tay trái. “*Qui sotto non ci piove.*” Dưới đây, bạn sẽ không bị ướt mưa. “*Un giorno avrai bisogno di me*”. Một ngày nào đó bạn sẽ cần đến tôi.

Một thành ngữ xưa cũ. Tessio có lẽ đã nói thế khi thề hứa long trọng sẽ bảo vệ cho nghĩa tử, và Michael hẳn cũng từng nghe bố mình nói cùng câu ấy.

“Tôi ghi nhận điều ấy, Fausto à,” Michael nói.

“Xin chớ nặng lòng.”

Michael lại mỉm cười. Một cơn ớn lạnh chạy qua người Geraci.

“Anh đã nghĩ là tôi sắp giết anh,” Michael nói, “đúng không?”

“Tôi vẫn nghĩ là mọi lúc mọi nơi vẫn có ai đó muốn giết tôi,” Geraci nói. “Ám ảnh của tập quán.”

“Có lẽ đó là lí do tại sao bạn vẫn còn sống.”

Anh ta ám chỉ gì qua câu đó? Rằng có lẽ đó là lí do tại sao chưa có ai giết anh hay là lí do Michael hiện nay không giết anh.? Phân vân thì cũng để trong lòng thôi chứ Geraci chẳng dại gì mà đi yêu cầu nhà anh hãy nói rõ cho ta biết nhà anh muốn ám chỉ cái đích gì thì cứ huých tẹt ra đi, việc đó gì mà cứ úp úp mở mở! Tất nhiên là cũng chẳng ai lại chơi đại kiểu ấy - trừ phi khi người ta hoàn toàn chiếm thế thượng phong. Mà cho dầu có hoàn toàn chiếm thế thượng phong đi nữa thì nói như thế cũng vẫn là nói đại. Cứ im lặng suy nghĩ, phân tích, đánh giá tình huống và tìm cách xử lí vấn đề theo cách nào mà ta nhận định là tối ưu, thế vẫn hay hơn. Nghĩ thế nên Geraci - một người thông minh sắc sảo - bèn so dây nắn phím và dạo một cung đàn rất ngọt: “Vả chẳng, Michael, tôi có lí do gì để nghĩ rằng anh sắp giết tôi? Như anh nói, anh đã muốn treo ấn từ quan rồi. Chúc anh may mắn với cuộc đời mới mà anh đã chọn hoàn toàn theo ý mình.”

Michael vẫn cầm chiếc bật quẹt trong nắm tay.

Họ ôm hôn nhau từ giã và Geraci nhìn theo chiếc limo chạy đi xa. Khi anh đi vào trong bar, người của anh không biết sao đã tụ tập đông đủ, khoảng bốn mươi. Nick Geraci không dừng lại ở đó với họ mà đi tiếp lên lầu và thả mình xuống chiếc ghế da lớn trong một góc. Người của anh đi theo. Anh tháo chiếc nhẫn cưới mà anh đeo trên ngón út của bàn tay phải ra và đem thuộc hạ sắp hàng để hôn chiếc nhẫn đó.

Chương 23

“Ông Fontane! Ông có được hứa một công việc trong chính quyền Shes hay không?”

Phòng khách của Đại sảnh Lập hiến đầy các phóng viên. Johnny Fontane đang ngồi sau một cái bàn trên một cái bục đông người, được kèm hai bên bởi hàng tá ngôi sao sân khấu và điện ảnh. Ngày mai sẽ còn có nhiều người bước lên sân khấu hơn nữa. Họ đang làm lịch sử. Không người nào từ chối khi Fontane yêu cầu họ trình diễn tại buổi khiêu vũ mở đầu nhiệm kỳ tổng thống Jimmy Shea. Nếu người Nga thả bom nguyên tử xuống Washington lúc đó chắc ngành kinh doanh trình diễn của Mỹ chẳng còn lại gì nhiều ngoài kịch nhà trường, nhạc rock và phim cấp bốn! “Một *công việc*” Johnny nói với vẻ kinh hoàng kiểu chế diễu. “Tôi đã là một ca sĩ thánh phòng chuyên nghiệp và sống được với việc ca hát rồi, vậy tôi cần gì phải có một công việc khác.”

Câu trả lời né tránh khéo léo này nhận được một tràng cười... khích lệ từ công chúng khán thánh giả. Anh vẫn muốn họ nghĩ câu trả lời mang hàm ý *có*. Ngài Đại sứ đã nói về chuyện bổ nhiệm Fontane làm Chánh văn phòng tại Nhà Trắng. Đích thân Jimmy - lúc ở nhà Fontane tại Vegas với Rita Duvall, người hiện cũng đang có mặt trên bục - đã gợi ý bổ nhiệm Fontane làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền ở Ý. Hoặc bạn nghĩ sao nếu mình đưa bạn đến một tiểu thiên đường nhiệt đới nào đấy với trời xanh biển biếc nắng gió trong lành và vô số kẻ những *mảnh hén* hơ hớ thơm ngon. Cả ngài Tổng thống sắp tuyên thệ nhậm chức lẫn chàng ca sĩ lừng danh đều đã khá say đến độ suồng sã, bỗ bã như thế.

“Người ta sẽ nói gì về nhiệm kỳ tổng thống của Jimmy Shea,” một giọng nói la lớn, “khi buổi khiêu vũ mở đầu nhiệm kỳ được dàn dựng bởi một người như anh vốn nổi danh về những liên hệ mật thiết với Mafia?”

Johnny không hề dự kiến và cũng không thể tin nổi chuyện này. Sao mà cái thằng *cút chó* này lại dám la lối vung vít những lời bậy bạ - thật ra là đúng - giữa chốn thập mục sở thị thế này? Bể mánh hết! Làm sao bây giờ? Nhất thời chàng Johnny cũng vô kế khả thi đành chờ... phao cứu hộ!

Cái thằng xuột c... t (the jerk -off) đặt ra câu hỏi nhột gáy nọ đến từ một tờ báo ở New York. Johnny từng có lần bạt tai anh ta. Sau đó chàng đã chấp nhận một cuộc thu xếp bên ngoài tòa án tốn hết mười ngàn đô, nhưng chàng thấy đáng giá đến từng xu.

Bobby Chadwick - cậu em rể của tổng thống mới đắc cử - nghiêng người qua chiếc micro để cứu bồ. “Bởi một người *giống như* Johnny Fontane? Xin lỗi nếu bạn là một thông tin viên đến từ Diêm vương tinh và không quen với cách diễn tả của chúng tôi, nhưng nơi đây là Trái Đất, và rất an toàn để nói rằng không có ai *giống như* Johnny Fontane cả!”

Cuộc giải vây khá thông minh nhanh trí của Bobby cũng nhận được một tràng cười... khuyến khích tài năng trẻ, nhưng tràng cười lắng xuống nhanh và các phóng viên vẫn cứ nhìn vào Johnny chờ câu trả lời. Phải chi đây là một nhà hàng hay một hộp đêm thì Johnny chỉ cần nhướn mày lên tí xíu thôi và anh chàng nọ đã bị đá dít văng ra đường ngay tuýt xuyt! Thế nhưng đây là Đại sảnh Lập hiến, một trong những nơi chốn tượng trưng cho “thể diện quốc gia” và bản thân mình cũng sắp làm quan lớn nên chàng Johnny đâu có thể hành xử theo cái kiểu du côn như trước đây được nữa. Quan trên ngó xuống người ta trông vào thì biết ăn làm sao nói làm sao. Cho nên chàng Johnny đã định thần để tìm phương đối phó và nhờ cuộc giải vây cứu bồ của Bobby chàng đã đủ thời gian nghĩ ra những chiêu để hóa giải và phản đòn.

“*Nổi danh* là một từ mà những anh phóng viên lười biếng sử dụng để thổi phồng mọi chuyện

lên,” Johnny nói. “Để tôi cho bạn thấy vài sự kiện nhé. Có hơn năm triệu người Mỹ là hậu duệ của dân Ý. Theo một báo cáo của Thượng viện Mỹ được đưa ra hai năm trước đây thì có nhiều lắm là bốn ngàn người dính dáng đến cái gọi là Mafia. Tôi làm một con toán cho cậu em thấy nhé. Như thế là một ngàn ba trăm người mới có một người, bỏ đi số lẻ. Nhiều người giống như con chim bị nã sợ cành cây cong. Cứ nhìn thấy ai có cái tên mang âm hưởng Ý, thì những kẻ cố chấp hẹp hòi như cậu em đây lại hỏi chúng tôi có ở trong cái hội kín đó không.”

“Thế anh có ở trong hội kín đó không?”

Gớm nhỉ! Thằng láu cá này lại chơi trò gây ông đập lưng ông đây. Mi muốn tấn công trực diện vào tử huyệt của ta đấy à? Chàng Johnny liền né đẹp: “Ta sẽ không đem lại phẩm giá cho một câu hỏi ngu ngốc như thế đâu.” Và chàng vênh mặt lên ra vẻ cao đạo không thêm hạ cố ngay cả một cái bĩu môi! Thật ra chỉ là một cách gỡ thế kẹt đấy thôi. Vì trả lời *có* thì dứt khoát là không được rồi. Mà trả lời *không* thì cũng ngượng mồm và thẹn với lòng nên khó có thể nói ra một cách quả quyết và có sức thuyết phục được. Nên đành vận dụng chiêu “tiên ông thắng” vậy! Mặc kệ thiên hạ có nghĩ *tiên ông thắng vì tiên ông bí* thì cũng còn hơn là để lộ đuôi... chôn. Thì hết đường lùi!

“Có thể là tôi nhầm,” Ngài Oliver Smith -Christmas, diễn viên công huân của Anh quốc được phong tước Sir, ngồi ở rìa bục, lên tiếng, “nhưng không biết ông bạn phóng viên có đang lẫn lộn hay không giữa những người sở hữu các hộp đêm ở Mỹ với những người như ông bạn Fontane của tôi đây, chỉ trình diễn ở những nơi đó? Một ca sĩ thính phòng thì trình diễn ở đâu nếu không phải là trong các hộp đêm?”

“Ollie đã ghi được điểm tốt đấy,” Johnny Fontane nói. “Một khi thời đại băng đảng lớn qua rồi.”

“Việc Vito Corleone quá cố là bố đỡ đầu cho anh chẳng phải là sự kiện có thật hay sao?” tay phóng viên tiếp tục chọc nhọt.

Không phải loại bố đỡ đầu như mi nghĩ đâu, đồ thằng đéo ngu ngốc. “Ông ấy đỡ đầu trong lễ rửa tội của tôi, đúng thế. Ông ấy là bạn của bố mẹ tôi.”

“Tổng thống mới đắc cử Shea có dính dáng gì với tội ác có tổ chức không?” Một phóng viên khác hỏi. “Michael Corleone, vốn ở trong số những người được gọi ra chứng thật trước Thượng viện hai năm trước đây, nay lại là thành viên trong đội ngũ cố vấn Tổng thống.”

“Tại sao bạn không đặt câu hỏi ấy với Michael Corleone, hử?” Johnny nói. “Tốt hơn nữa, tại sao bạn không hỏi tất cả những trẻ thơ đau ốm, côi cút bơ vơ mà bệnh viện và những cơ sở từ thiện của ông Corleone từng giúp đỡ? Mọi người hãy nhìn xem, đây là một thời kỳ hào hứng cho xứ sở chúng ta. Tôi nghĩ tôi có thể phát biểu thay cho mọi người ở đây khi nói rằng chúng tôi ủng hộ Tổng thống Shea một trăm phần trăm. Nhưng chúng ta hãy đặt những câu hỏi hướng trọng tâm hơn vào chủ đề của buổi khiêu vũ mở đầu, nhất trí thế nhé?”

“Anh lớn lên ở New York,” thằng xuất c... t lại la lớn,” nhưng anh lại chơi thân với Louie Russo ở Chicago và Ignazio Pignatelli ở Los Angeles. Em gái của Pignatelli được nêu tên như một cổ đông trong thương hiệu thu âm mới mà anh khởi đầu. Vấn đề theo tôi là liệu có thể hoán chuyển tư cách thành viên của anh từ...”

“Đừng buộc tôi phải bước xuống khỏi đây và chỉ dạy cho anh biết khôn ra.”

“Anh sắp cho người nện tôi một trận đấy hử? Từ chính xác mà các anh ưa dùng là gì nhỉ? Đục? Nện? Đòn hội chợ? Dằn cho nhừ xương? Quết chả?”

“Này cậu kia, tôi làm gì mà biết được ba cái chuyện đó. Coi bộ cậu rành sáu câu hơn tôi nhiều,

sao cậu còn hỏi tôi làm chi?” Johnny giả dạng qua ải. Có điều ai cũng thấy rõ cái sự giả dạng đó và tiếng xì xào rộ lên khắp phòng. Nhưng đây không phải là điểm chính. Miễn sao qua lọt thì thôi. Có bị trầy trụa xây xát chút đỉnh cũng không sao!

Sau khi Kay Corleone ly thân với chồng và rời Nevada, nàng tìm một chỗ dạy tại một trường nội trú hạng nhất ở Maine. Nàng và các con sống trong một căn nhà đá trên đất của nhà trường. Michael không thích chuyện đó, nhưng nàng cần một việc làm, không phải vì lí do tài chánh nhưng như một phương tiện để tạo ra một lí lịch tách rời khỏi tất cả những gì nàng liên hệ với chàng. Nàng chỉ nộp đơn ở những trường cách xa Hồ Tahoe cả hàng ngàn dặm. Nàng không chờ đợi Michael lại giành quyền giữ con quyết liệt đến thế và càng ngạc nhiên hơn nữa khi vì buồn quá chàng bảo với nàng là chàng đã nhìn vào ngôi trường nơi nàng đang dạy và quyết định rằng việc giáo dục các con sẽ được phục vụ tốt nhất ở nơi đó. Kay không có ý tưởng nào về chuyện điều gì đã khiến chồng mình đổi ý. Chàng ta cho rằng chỉ vì chàng nhận ra là mình đang dùng các con như những quân tốt đen trong vụ li dị và đã cảm nhận những gì chúng thực sự cần. Nàng muốn tin như thế. Nàng đã kiềm chế cảm xúc để không nói với chàng rằng nếu chàng quan tâm nhiều hơn đến trái tim hơn là đến cái đầu lạnh của chàng, có lẽ chàng đã không để mình rơi vào cái đám rối hỗn mang này ngay từ đầu.

Michael đến thăm Tony và Mary không thường xuyên lắm. Khi anh đến, anh thường đưa chúng lên máy bay và chở chúng đến New York để hưởng một kỳ nghỉ cuối tuần hoạt náo, vui nhộn: lướt ván trên băng, ngồi xe ngựa đi dạo, thăm các viện bảo tàng, nhà hát, sở thú - mọi thứ mà anh có thể tham gia. Họ về nhà mệt lử. Trong nhiều tuần sau đó, Mary, lên bảy tuổi và rất tôn sùng bố mình, sẽ kể những câu chuyện vô tận về khoảng thời gian bố con gần bên nhau. Tony, lên chín, lại rất ít khi nói về bố.

Khi Michael lần đầu tiên nói với Kay là thời dụng biểu của anh rất chặt và yêu cầu chính nàng đem các con đến New York lần này, nàng đã nói là không được. Khi anh nói với nàng về buổi khiêu vũ mở đầu nhiệm kỳ tổng thống và nàng cũng có thể đến dự nếu nàng thích, thì nàng đã từ chối. Washington có quá nhiều hoài niệm không hay đối với nàng. Tuy vậy nàng hy vọng chàng sẽ tìm ra biện pháp khả thi nào đó để đem Tony và Mary đến với chàng. Nhưng chuyện chàng sai một vài thuộc hạ đến Maine và đưa chúng đi New York thì không phải là một lựa chọn.

Mọi chuyện thay đổi khi Kay nghe về Jules Segal. Anh ta từng là bác sĩ của nàng ở Nevada. Nàng đã giới thiệu anh ta cho một người bạn; cô bạn chuyển đến đó và biết được rằng anh ta đã bị bắn chết trước đó cả năm rồi - nạn nhân của một vụ trộm vụng về, theo báo chí đưa tin.

Thế nên bây giờ, trong ngày diễn ra cuộc lễ khiêu vũ bắt đầu nhiệm kỳ đó, Kay chờ đợi trong một phòng ở Essex House, nơi dãy phòng nhìn ra Central Park. Mấy đứa bé đang xem Tivi. Chúng không còn một chiếc ở nhà nữa. Nhìn thấy chúng sững sờ mê mẩn với chiếc Tivi ở đây khiến nàng nghĩ rằng đây là một ý tưởng tốt. Nàng nhìn đồng hồ đeo tay của mình. Chàng đã trễ. Một số chuyện không bao giờ thay đổi.

Cuối cùng, nàng nghe những tiếng nói trong sảnh. Michael và Al Neri mở cửa.

“Tai sao thằng bé chưa mặc đồ?” Michael hỏi, chỉ vào Tony. Michael đã lên bộ đầy đủ với tuxedo khoác bên ngoài.

“Con không đi đến cuộc khiêu vũ ngốc nghếch đó đâu,” Tony nói.

Kay đã dăng trí đến độ nàng không nhận thấy rằng Tony đã cởi bộ côm -lê ra và thay lại áo sơ - mi xanh và quần chinos cậu vẫn mặc đi đến trường hàng ngày.

Mary nhảy từ giường xuống chạy lại ôm bố. “Con đi!” Mary nói. “Bố trông con có giống công

chúa xinh đẹp không?Ai đi dự khiêu vũ cũng xinh đẹp cả, đúng không nào?”

“Con xinh đẹp, đúng thế, con gái cưng của bố. Nào Tony, con cũng đi chứ. Con sẽ thích mà, bố bảo đảm như thế.”

Kay bảo Tony mặc lại bộ côm -lê. Cậu bé túm lấy quần áo và lê bước đến phòng tắm vừa lau bầu điều gì đó. Neri ngồi xuống ghế xô-pha, có vẻ bằng lòng với chương trình hoạt hình trên màn ảnh. Mary lượn một vòng, khoe chiếc áo dài của cô. Kay bảo cô bé đi xem phần còn lại của sô diễn trên Tivi, để mẹ nói chuyện riêng với bố. Rồi nàng kéo Michael vào phòng ngủ kể bên và đóng cửa.

“Anh đã làm chuyện đó xong rồi, Kay à. Anh đã rút ra khỏi - ờ, khỏi những phương diện nguy hiểm của công cuộc kinh doanh mà anh thừa hưởng từ bố anh. Anh đã hứa với em rằng anh sẽ làm cho mọi chuyện làm ăn của mình trở thành hợp pháp, và anh đã làm được.”

Nàng cau mày. “Anh đã đưa ra lời hứa đó *mười năm trước đây*.” Nàng cho rằng đó chỉ là một mảnh khoe vụng về để dụ nàng trở lại với chàng. Tuy vậy, vì tương lai các con nàng lại hy vọng rằng chàng đang nói sự thật. Chứ cái đà này chẳng sớm thì muộn, chàng cũng sẽ bị giết hay phải vô tù, và nàng ghét nghĩ đến những chuyện đó sẽ tác động đến Tony và Mary như thế nào. “Dầu sao em cũng chia vui với anh, Michael à, Thực sự là em vui đấy.”

“Trông em tuyệt quá, Kay à. Ở Maine, đi dạy: thực sự là rất thích hợp với em.”

“Michael, em có điều này muốn hỏi anh. Em muốn anh nói sự thật cho em nghe.”

Trong chưa đến một giây, mặt chàng trở nên một chiếc mặt nạ không biểu cảm.

“Có phải anh đã ra lệnh giết Segal?”

“Không.”

Không chút do dự. Chỉ một tiếng *không* gọn lỏn. Đấy chẳng phải chính là điều mà một kẻ nói dối... thành tình vẫn làm khi câu trả lời đúng ra là *có*?

“Em không nghĩ là em có thể tin anh,” Kay nói.

“Anh đã bảo em từ lâu là đừng hỏi về công việc của anh, Kay à.”

“Đây không phải là công việc của riêng anh mà là công việc của chúng ta. Anh đã ra lệnh giết Bác sĩ Segal vì em, phải không? Vì vụ...”

“Đừng nói nữa.” Ít ra thì hiện giờ chàng ta cũng có một nét biểu cảm trên khuôn mặt. “Anh không muốn nghe chuyện ấy.”

“Vụ phá thai. Anh có sắp tát tai tôi nữa không đấy?” Cái cách mà anh ta xử sự khi nàng bảo anh ta: cái bạt tai đã kết thúc cuộc hôn nhân giữa họ, trong một khách sạn khác, không phải ở Washington, nơi anh ta sắp đến.

“Không đâu, Kay,” anh nói. “Anh không phải như thế.”

“Bởi vì nếu *vụ trộm* đó là công trình dàn dựng của anh.”

“Anh không muốn bàn về đề tài này.”

“ - anh nên biết rằng không phải tại anh ấy.”

“Kay, thôi đi. Chúng ta đều biết rằng khi em - khi chuyện đó xảy ra, thì anh ta là người bác sĩ mà em đến. Gia đình này sở hữu bệnh viện đó mà, Kay.”

“Sẽ không khó khăn gì lắm đâu để xem lại mấy cuộn băng ghi hình và thấy rằng em đã bị sẩy thai.”

“Ờ, chắc rồi. Em bay đến Las Vegas để có thể có một vụ sẩy thai và ông bác sĩ chăm sóc cho em hóa ra lại chính là người từng thực hiện những vụ phá thai mỗi lần Fredo lỡ để em nào.”

Nàng cảm thấy dạ dày của mình như bị bóp thắt lại bởi đôi bàn tay mạnh mẽ. “Ôi, Lạy Chúa, Michael. Em biết điều đó. Em biết mà. Anh đã chỉ... Em rất tức giận. Em rất hãi hùng. Thật khủng khiếp khi sống trong nỗi sợ về những gì có thể xảy ra cho anh, nhưng tôi đã nhận ra rằng không có gì khiến tôi sợ hơn là anh.”

“Tôi? Tôi đã bảo vệ gia đình này, gia đình của chúng ta, trước bất kỳ điều gì và mọi chuyện gì khác.”

“Michael, anh đã kết hôn với một loại gia đình khác từ rất lâu trước khi chúng ta bắt đầu cuộc sống gia đình của chúng ta. Ngay cả người vợ đầu tiên của anh cũng đã là người vợ thứ nhì. Tôi là người vợ thứ ba của anh.”

“Không gì có thể xảy đến cho em. Hoặc cho các con của chúng ta. Sẽ chẳng bao giờ có gì xảy ra.”

“Thôi nào, Michael. Nhà của chúng ta ở Nevada từng bị tấn công, giống như một mục tiêu nào đó trong vùng chiến sự. Anh đã chẳng từng hứa với Apollonia rằng sẽ không có gì xảy ra với nàng ta đó sao? Tôi nghĩ rằng chúng ta chỉ còn biết cầu mong nhờ phúc đức chúng ta mới chưa nổ tung thành từng mảnh vụn.”

“Kay này.”

“Và anh có ý chỉ gì khi nói *Sẽ không bao giờ có chuyện gì?* Loại bảo hộ nào, loại người nào anh chỉ huy trong khả năng của anh như một doanh nhân hợp pháp? *Doanh nhân hợp pháp*. Chúng ta sẽ thấy. Anh có thực sự trông chờ tôi tin rằng bất kỳ chuyện gì về anh đều đã thay đổi, rằng bất kỳ điều gì về anh đều sẽ thay đổi? Tự gọi mình là *hợp pháp* điều ấy sẽ chẳng thay đổi những gì mà anh đã làm.”

Anh ta vẫn để đôi mắt chiếu xuống nàng trong khi thọc tay vào túi áo jacket. Trong một thời khắc kinh hoàng, nàng đã nghĩ chàng đang rút một khẩu súng hay một con dao. Chàng rút ra một miếng thuốc và đốt lên.

“Em đã thông suốt chưa?”

“Anh không *hiểu rõ*. Tôi không *giống* anh, Michael à. Tôi không bao giờ có thể giết con... của chúng ta. Tôi bay đến Las Vegas để giúp tổ chức việc huy động vốn cho một bảo tàng nghệ thuật, và ngay sau khi đến đó, tôi bị sẩy thai. Tôi chẳng nhận được lời nào từ anh trong suốt hai tuần lễ sau khi chuyện đó xảy ra. *Hai tuần*. Không người phụ nữ nào chịu đựng nỗi khi *đi biển mồ côi một mình* với một nỗi mất mát đau như thế, suốt một thời gian dài như thế. Tôi đã quyết định lìa xa anh. Tôi còn có những lí do khác, những lí do lớn hơn nữa, tất cả những lí do mà chúng ta từng bàn luận đến, nhưng đó là cọng rơm cuối cùng làm gãy lưng con lạc đà. Tôi biết anh sẽ không bao giờ chịu li dị với tôi. Vì thế tôi bảo với anh tôi đã phá thai. Tôi muốn làm tổn thương anh và tôi đã dùng lời nói dối để làm chuyện đó. Tôi muốn nhìn thấy cái vẻ biểu

cảm kia trên mặt anh, và tôi đã thấy. Tôi muốn nhìn xem anh sẽ làm gì và anh đã đánh tôi.”

Michael cúi thấp đầu và, rất khẽ khàng, gật đầu.

“Jules Segal là *bác sĩ thường vụ* của tôi, Michael à. Anh có thực sự nghĩ rằng *bất kỳ ai*, nhất là anh ta một người vốn biết rõ anh là ai cũng như bất kỳ ai ở Las Vegas, lại có thể đi thực hiện một vụ phá thai trên vợ của một - một người ở vị thế như anh? Segal sẽ chẳng dám... tôi không biết nói sao... đốt một liều thuốc mà không được phép của anh. Không bao giờ, đâu trong những giấc mộng hoang tưởng nhất của tôi, hay trong những cơn mộng dữ ghê hồn nhất của tôi, tôi lại nghĩ rằng anh sẽ gửi những tên côn đồ đi thủ tiêu con người vô can nọ, kẻ vẫn luôn phục tùng anh một phép...”

“Chúng ta cần đi thôi,” Michael lớn tiếng, ngắt mạch rồi xoay chiều câu chuyện. “tôi đi đây.” Anh ta quay người đi vào phòng khác. “Mary, Tony, nào lại đây với bố. Ai muốn đi máy bay nào?”

Mary hét lên: “Con đi! Con đi!” còn Tony chẳng nói gì, nhưng chỉ trong một lúc hai đứa con nàng đều hôn nàng và từ giã mẹ. Không ai tắt Tivi.

Kay Corleone - một đồng lõa trong vụ giết người trước khi sự việc xảy ra - đổ người xuống giường.

Nàng không thể trách ai ngoài chính mình. Michael là kẻ sát nhân. Nàng đã yêu chàng ta không phải bất chấp điều đó mà -như chàng bảo nàng về những gì chàng đã làm trong chiến tranh - vì chính điều đó. Nàng đã biết, tự trong thâm tâm mình, rằng chàng đã giết hai người kia trong nhà hàng. Nàng cũng từng biết về nhiều vụ giết chóc khác, và làm bộ như không biết gì. Nàng kết hôn với chàng và cải đạo - bỏ một tôn giáo cho phép li dị để theo một tôn giáo cấm li dị - để nàng có thể đi xưng tội và sống yên ổn với chính mình vì đã lỡ yêu một kẻ sát nhân. Khi cuối cùng nàng đã làm cho Tom Hagen căng thẳng thần kinh và phải nói thật với nàng rằng ngôi nhà ở Hồ Tahoe thực ra đã bị đốt và bị ủi đi bởi vì FBI đã cài nhiều máy nghe lén nơi các xà và nền, nàng đã từng nghĩ, *Đây là cọng rơm cuối cùng*. Nhưng không. Nàng vẫn ở lại. Nàng đã xây lại nhà. Khi những kẻ với súng máy khai hỏa và suýt giết chết các con nàng, nàng rời căn nhà nhưng vẫn ở với chàng. Cả đến khi chàng bỏ nàng vì vụ nàng để mất đứa con và đánh nàng và giết chính anh ruột của chàng nàng vẫn không làm điều gì mà một con người thực sự vô tội đã làm từ nhiều năm trước rồi.

Một chương trình phát hình mới hiện ra. Câu chuyện dẫn đầu chính là việc tuyên thệ nhậm chức của vị Tổng thống mới. Kay nhìn lên. Trong một cú quay về đám đông, nàng nhìn thấy Tom và Theresa Hagen. Nàng lại đặt đầu xuống gối, thấy cô đơn đến cùng tận tâm hồn, và khóc mỗi mê cho đến khi ngủ thiếp đi.

Chương 24

Mặc một áo dài dạ hội màu hồng với bộ ngực căng phồng của một bà bầu, tay nắm lấy bộ pijamas Superman, Francesca Van Arsdale, đang mang thai sáu tháng đứa con thứ nhì, đuổi theo cậu con đầu (hai tuổi, William Brewster Van Arsdale IV mà hai vợ chồng gọi thân mật là Sonny, theo tên ông ngoại) qua một mê cung những cái hộp trong căn hộ của họ trên Đồi Capitol. Sonny đang trần truồng ngoại trừ cái mũ chơi football mạ vàng hiệu Notre Dame đội trên đầu do cậu Frankie tặng làm quà Giáng sinh. Nàng nghe tiếng chiếc xe Dual -Ghia của Billy và nhìn qua cửa sổ nhà bếp. Khi thấy người phụ nữ đi ra khỏi chiếc xe đắt giá một cách quá phô trương của Billy, Francesca đột ngột dừng lại.

Nàng buông rơi bộ pijamas. Không phải cô giữ trẻ. Mà là nàng ta. Người Đàn Bà Ấy.

Francesca tựa người vào bồn nhà bếp. Nhưng không. Không phải. Liếc mắt lần thứ nhì, cô giữ trẻ khoảng mười lăm tuổi và trông không giống người phụ nữ mà Billy đã “xạo sự” với nàng và gọi cô ta là thành viên khác trong đội ngũ tham mưu Floridians của Shea. - một mỹ nhân tóc vàng yếu điệu - là tất cả những gì mà Francesca không là.

“Sẵn sàng chưa, Francie?” Billy gọi nàng, vừa mở cửa.

Sonny, khoái chí, chạy nhanh đến và húc đầu mạnh vào ngay đũng quần bố. Trong khi Billy càu nhàu và ngồi thích xuống ghế, Francesca nhặt bộ pijamas lên và cả Sonny nữa, và đưa ra cho cô gái - em của một người nào đó mà Billy quen hồi học Trường Luật của Đại học Harvard - một loạt những chỉ dẫn nghe đến phát mệt.

“Trông em tuyệt lắm,” Billy nói, tay giữ cho cửa xe mở. “Đúng là diễm lệ.”

Francesca hoàn toàn hiểu rõ sự kiện là mình trông giống một con bò cái vĩ đại màu hồng, chứ chẳng có mấy tí kiêu mị của một giai nhân diễm lệ. Nàng xoay xở hơi khó khăn để cho người lọt vào chiếc xe cửa hơi hẹp đó với đôi chút dáng vẻ đường bệ trong mức độ có thể! Billy không có vẻ để ý chuyện đó. Khi nàng vào trong rồi, chàng nghiêng người qua hôn nàng, lúc đầu dịu dàng, về sau cuồng nhiệt. Hôn xong chàng còn trân trọng cảm ơn vợ. Cảm ơn nàng!

Trân trọng cảm ơn vợ sau khi hôn. Chuyện này tin nổi không? Phải diễn giải như thế nào đây? Đã nhiều tuần chuyện diễn ra như thế. Chính mẹ nàng đã bảo nàng đừng để tâm chuyện đó. Những tên đàn ông sắp sửa hoặc đang có *mái tơ* thường tỏ ra nịnh vợ, thói thường vẫn thế. Phần để xoa dịu lương tâm của... kẻ bắt cá hai tay, phần để các bà vợ thích chí mà dễ dãi bỏ lơ chuyện đi sớm về khuya của các chàng. Bạn biết tại sao các cuộc thăm dò cho kết quả là năm mươi phần trăm đàn ông lừa dối vợ. Bởi vì năm mươi phần trăm kia nói dối. Nhưng trong một lần nào đó, bà nói, người ta có thể làm bộ như ngạc nhiên khi biết về người đàn bà nào đó - điều mà, nếu bạn không làm quá thường xuyên, có thể làm bật ra đủ e ngại để làm cho chồng bạn đối xử với bạn như bạn đang tìm hiểu. Ngược lại, người chị em song sinh của Francesca lại khuyên cô nên bỏ quách thằng chồng nếu nó phản bội. Kathy chưa bao giờ thích Billy. Nàng ta đang theo học ở London để lấy bằng Tiến sĩ Văn học châu Âu Lục địa và có hàng dãy bạn trai. Nhưng cô nàng chưa làm mẹ. Là một người mẹ sẽ thay đổi nhiều chuyện hơn là bất kỳ người nào chưa làm mẹ có thể tưởng tượng. Francesca phải làm gì? Đưa ra tòa để li dị? Một mình nuôi con? Cho đến nay, mẹ nàng dường như vẫn kiên quyết. Nhưng Francesca không tin cậy lắm vào sự tận tâm mới được tìm thấy của Billy. Mặc dầu cách đối xử dịu dàng pha chút sấm hối song chàng chỉ làm tình với vợ có vài ba lần kể từ lúc cái bụng bầu của nàng lộ ra lúp lúp. Trước đây khi nàng mang bầu lần đầu, Billy thường hay bị kích thích bởi cái bụng u lên múp múp của vợ và cứ đòi tòm tem hoài! Còn nay chàng chỉ thấy đó là... củ khoai, ăn hoài thấy ngán ngược! Sự đời là thế, cái gì cứ tái diễn mãi cũng đâm nhàm. Cho nên cũ người lại mới ta, mà cũ

ta lại mới người. Vậy, có lẽ ta nên... xoay vòng xoắn? Ấy chết! tớ không hề có ý khuyến khích chuyện hôn giao đâu nhé! Mà chỉ là nêu lên một... nhận định khách quan thôi!

“Em nên đi xem văn phòng của anh, cưng à,” Billy nói. Ngay sau diễn từ nhậm chức, Daniel Brendan Shea - bào đệ của Tổng thống và là vị Tân Tổng Chương lí - đã tập hợp đội ngũ tham mưu của mình và có cuộc hội nghị nội bộ. Chuyện này chẳng phải là điềm lành cho lắm đối với Billy khi làm việc ít giờ hơn so với thời gian vận động tranh cử (mặc dầu có lẽ trong trường hợp này những giờ đó sẽ được dành độc quyền hơn cho công việc). “Phòng làm việc của anh tuy nhỏ thôi nhưng ở cùng tầng với văn phòng của Danny.”

“Anh gọi ông ấy là *Danny*?” Và gọi em là bé cưng?

“Thì ông ấy bảo anh gọi như thế mà.” Billy thực sự ưỡn ngực ra đầy vẻ tự hào. Đây không phải là một cử chỉ mà nàng thấy đáng yêu, mặc dầu có lẽ hình như nàng cũng từng có cử chỉ đó.

“Quan hệ trên cơ sở gọi tên thân mật với vị tổng chương lí,” nàng ngạc nhiên thích thú. Ông ta có gọi Vị Nữ Lưu ấy là *bé cưng* không? “Em tự hào về chồng mình đấy.”

Chuyện này thì, bất chấp mọi điều khác, quả có đúng vậy.

“Là một trong ba vị Tổng chương lí trẻ tuổi nhất trong lịch sử nước Mỹ,” Billy nói. “Trước khi được bổ nhiệm, đừng ngạc nhiên là ông ta cũng được coi như người xuất sắc nhất. Ông ấy có được sự phối hợp khó tin nổi giữa trí thông minh và - điều này nghe ra không có vẻ là một lời ca tụng, nhưng thật ra là thế - sự nhẩn tâm.”

“Em nghe chừng có vẻ như,” nàng nói, “ông ấy đúng là người thích hợp nhất cho nhiệm chức đó.”

Trên đường đến với buổi khiêu vũ, họ có những cuộc dừng chân ngắn tại những cuộc parties ở nhiều sù quán và khách sạn. Như thế là nhờ ma thuật, Billy biết rành nên đến chỗ nào, nơi nào là bãi đậu xe cho nhân viên, tên của các chủ nhân buổi parties và làm cách nào để gặp họ. Khi Francesca đi vào trong, nàng phải đi tè - lúc nào nàng cũng phải tè; làm như có một chiếc xe tải đè trên bàng quang nàng - và nàng luôn đoán sai con đường lên toa - lét. Không thể cầm lòng nhưng nàng luôn bị lóa mắt tại những nơi chốn lộng lẫy xa hoa này - nhất là Tòa Đại sứ Pháp; điều này đem lại cho nàng cơn rung mình thích thú và tinh quái lúc nghĩ rằng Kathy sẽ ganh tị biết bao khi được nghe về trải nghiệm của nàng. Và mọi hướng mà nàng quay về, nàng đều thấy một khuôn mặt nổi tiếng hoặc gặp một nhân vật quyền thế. Nhưng đồng thời nàng cũng cảm thấy khốn khổ. Những người lạ vẫn đụng chạm vào người nàng, họ tự cho rằng họ có thể sờ vào bụng nàng, và Billy chẳng một lần nào bảo họ phải giữ riêng cho họ những bàn tay bẩn đó. Lưng nàng nhức mỏi khó chịu. Và nàng cảm thấy bất tương thích và lạc lõng, như nàng từng cảm thấy trong phần lớn cuộc hôn nhân của mình. Để qua một bên chuyện bầu bì - mà thực ra nó chẳng bao giờ chịu né sang một bên; thằng bé này chắc sẽ là một chàng khổng lồ đây - thì cũng không ai trông giống nàng cả (Sù quán Ý không nằm trong số những nơi dừng chân ngắn của họ). Những người đàn bà thường thuộc nhóm WASP (da trắng, gốc Anglo-Saxon, theo đạo Tin lành -nhóm đa số ở Mỹ), và đẹp quyến rũ với tóc búi cao và dàn trải đều tại mỗi nơi, và là những *phu nhân của kinh đô Washington*: các mệnh phụ sánh điệu với những món nữ trang đắt tiền bằng kim cương, bảo ngọc, lịch lãm trong hành xử để vừa tỏ ra kín đáo không phô trương lại vừa hoạt bát, bật thiệp.

Tuy vậy, tại mọi buổi party, ngoại trừ những lúc nàng đi đến “phòng thư giãn”, Billy luôn ở bên nàng. Thật đau lòng khi thấy chàng ngăn cản bản năng mình bỏ rơi nàng để xông xáo vào công việc nhưng cũng chưa đau lòng đến độ khiến Francesca có lúc nào toan tính bảo chồng mình hãy đi làm những gì anh cần làm.

Cuối cùng họ đi đến Đại sảnh Lập hiến và sắp sửa bước lên cầu thang thì nàng nghe một giọng cao, không quen thuộc lắm gọi tên thân mật ở nhà của nàng. Nàng quay người và không thể thấy giọng ấy đến từ đâu.

“Bee -Boy! Bee -Boy!”

Trái tim Francesca như bay bổng. Đó là Mary Corleone và chú Mike. Nàng đã không gặp lại họ kể từ ngày đám cưới nàng, hơn ba năm trước đây. Chú của nàng trông chừng như đã già đi thêm mười tuổi.

Nàng cúi người xuống để bế Mary lên và suy nghĩ phần chần hẩn lên. “Chị suýt không nhận ra bé đây,” Francesca nói. “Bé lớn nhanh quá.”

“Chị cũng lớn nhanh quá,” Mary nói, tay xoa bụng Francesca. Em cứ việc xoa tùy thích, cô em đáng yêu. “Chị em mình mặc áo cùng màu nè. Cổ em bé trong này, đúng không? Em đã bảy tuổi, em lớn khôn rồi.”

Chú Mike hỏi chú có thể chạm vào em bé không.

“Tất nhiên rồi, thưa chú,” nàng nói. “Em đã khôn lớn, đúng rồi,” nàng bảo Mary. “Đúng, đây là em bé. Một em bé bự, chị nghĩ thế.”

Khi chú bé quậy đạp và Michael giật tay lại, thích thú, Francesca để ý đến cậu em họ Tony đứng đằng sau bố cậu. Cô cũng cúi người xuống để ôm cậu em. Cậu mỉm cười nhưng không nói lời nào. Một người đàn ông mặc áo khoác dài đứng sau họ, chắc là một vệ sĩ.

“Anh của em không nói chuyện nhiều,” Mary nói. “Nhưng anh không chậm phát triển trí tuệ đâu. Khi anh ấy hát, anh có thể dùng tiếng hát để thay mọi lời muốn nói đấy. Người ta ai cũng hát ở buổi lễ hội khiêu vũ, đúng không?”

“*Em là đứa chậm phát triển đấy,*” Tony nói, rành rọt từng tiếng.

“Cháu đã hy vọng là sẽ gặp chú và các em ở đây,” Francesca nói. “Chú đến khi nào vậy?”

Michael nhìn vào đồng hồ. “Trước đây mười lăm phút.”

“Chú ở lại đây lâu không?” Francesca hỏi. “Chúng cháu chưa thực sự dọn nhà đến, nhưng cháu muốn mời chú đến xem qua chỗ ở của bọn cháu.”

Một cái nhìn qua lại giữa Billy và Michael, sau đó Billy quay sang phía khác. Thời điểm khác duy nhất mà họ từng thấy nhau là dịp đám cưới của Billy và Francesca; lúc đó Billy cũng đã xử sự có phần lúng túng. Nàng biết điều đó liên quan tới chuyện quá khứ của gia đình nàng có thể ảnh hưởng tới tương lai chính trị của chàng như thế nào. Mọi cuộc hôn nhân đều có những câu chuyện cấm kỵ, và chuyện này, quả thật là chuyện cấm kỵ duy nhất của họ. Như vậy là họ may mắn đấy.

“Buổi tối thì được,” Michael nói. “Nhưng không phải lần này. Lần tới. Có lẽ chú ở trung tâm thành phố. Công việc với đội ngũ chuyển tiếp xong rồi, rõ là thế, nhưng chú sẽ còn trở lại đây vì công việc khá thường xuyên.”

Billy chìa tay ra cho chàng vệ sĩ. “Billy Van Arsdale.”

“Chúng ta từng gặp nhau,” Al Neri nói. Nhưng đó là tất cả những gì anh ta hỏi rằng.

“Nào, chú Mike,” Francesca nói. “Chú chắc là chú không có thời gian cho một bữa điểm tâm nấu tại nhà sao?”

“Ờ, chị chắc không?” Mary nói. “Mẹ bảo điểm tâm là bữa ăn quan trọng nhất trong ngày.”

“Bữa sáng em chỉ ăn phô -mai thôi,” Tony nói.

“Câu đó từ một bài hát,” Mary chế giễu. “Em ăn mọi thứ. Nào, Bố, chúng ta đến nhà chị ấy nhé?”

Marguerite Duvall lên sân khấu với mười phụ nữ chỉ mặc đồ lót màu đỏ và mười chàng trai dong dỏng cao mặc đồ chên bó sát người, diễn lại một tiết mục từ vở *Cattle Call*, hoàn tất với cảnh nhà thổ đang cháy rụi và đoạn kết nổi tiếng táo bạo nhưng có đẳng cấp của nàng. Rita thủ vai bà chủ chứa người Pháp, người bạn tốt nhất của viên quận trưởng cảnh sát. Đó chỉ là một vai phụ thôi nhưng tiết mục này đã giúp nàng được một đề cử giải Tony (chuyện đó cùng với lời đồn là nàng từng chung chăn gối với con người hiện nay là tổng thống).

Johnny Fontane đứng trong cánh gà, mặc một áo choàng không tay với một lớp vải lót xa -tanh màu đỏ sẫm và một chiếc tuxedo đuôi éo có sọc được thiết kế đặc biệt cho sự kiện đêm nay bởi nhà thiết kế tài danh nhất của Milan. Chàng ta đang nhâm nhi một thức uống gì đó trông giống như rượu Bourbon nhưng thật ra là nước trà và mật ong trong một ly có đá.

“Cô nàng đáng yêu và đầy tài năng Duvall -Cho -Các -Anh -Tất -Cả,” Buzz Fratello nói, lắc đầu tỏ vẻ... ngưỡng mộ! Anh ta và Dotty sẽ diễn mục kế tiếp. “Tôi nghe nàng ta cũng từng đeo cái lão Mặt Đeo nửa đấy.”

Johnny đã giới thiệu nàng ta với cả Jimmy Shea lẫn Louie Russo. Nhưng Fontane đã kéo nàng ta vào chương trình lễ khiêu vũ nhậm chức nhân danh cá nhân anh ta thôi, chứ không có lời nào từ ai trong hai người này cả. Bảng phân công tài năng là công trình của anh ta. Ngài Đại sứ có đưa ra vài gợi ý, nhưng Johnny cứ phớt lờ. Có thể Rita không phải là ngôi sao lớn nhất ở đây, nhưng, nhân danh Chúa, nàng cũng từng được đề cử một giải Tony cơ mà. Với Fontane nàng là một vẻ duyên dáng đem lại may mắn. Anh đã gặp nàng khi Hal Mitchell kéo nàng về - hồi tưởng lúc nàng còn là một nữ vũ công múa minh họa người Pháp còn đang vất vả để mưu sinh và khẳng định mình - cho một cuộc chơi tay ba vào cái đêm trước khi mở màn chương trình *Fontane Blue*. Kể từ dạo ấy đến nay. Đời chàng chủ yếu... lấy ngày làm đêm. Những đêm cuối tuần tưng bừng, toi bời hoa lá cành! Ngay cả khi mọi chuyện theo chiều đi xuống với Annie McGowan, một tuần ở Acapulco với Rita và một giải Quả Cầu Vàng cho bộ phim về chàng thám tử nghiện rượu, và mọi chuyện đều xuôi chèo mát mái, quơ tay hái ra tiền, búng tay tạo ra danh tiếng. Cho nên có cái đụng vào xui tận mạng mà có cái đụng vào lại hên quá xá, tiền tài vô như nước, hoạn lộ cứ thênh thang. Em Rita này tuy xuất thân có phần khiêm tốn nhưng hình như được cái vốn trời cho có dát vàng nạm ngọc đấy!

Nhà thổ (bằng giấy bìa) đang cháy thành những ngọn lửa. Công chúng khán thính giả dường như đang ngón lấy nó.

“Nhìn ông ta kìa,” Fratello nói, ý chỉ vị Tổng thống: đứng ở giữa hàng trước, nắm tay vợ, cười rạng rỡ khi nhìn các nàng kiều nữ giang hồ chân dài múa điệu đá chân lên cao cho tốc váy ra để các anh, các bác, các cụ tha hồ trở mắt nhìn. “Tối nay tôi sẽ ngủ ngon giấc hơn rất nhiều khi biết rằng người lãnh đạo của thế giới tự do là một người biết thưởng thức chim đẹp và thơm,” anh ta long trọng phát biểu.

“Hãy thư giãn bàn tay đặt trên cái khay,” Johnny nhất trí.

Buzz vừa liếc đều vừa tạo ra những tiếng ồn không thể bắt chước của anh ta. “Chúng ta đang nói về cái khay nào vậy?” Buzz hỏi làm cho Johnny hơi... mất tinh thần.

“Buzz này, cho phép tôi hỏi bạn đôi điều nhé,” Johnny nói. “Bạn là một *paesano*. Bạn hát ở mọi điểm mà tôi hát. Bạn quen biết những người tôi quen biết. Vậy mà tại sao họ không hỏi bạn về chuyện có dính líu gì đến Mafia không, mà lại cứ hỏi tôi?”

“Bạn biết định nghĩa về *người Ý bẩn thủ* là gì không? Là một quý ông lịch sự người Ý vừa mới rời khỏi phòng.”

“Tôi nói nghiêm chỉnh mà.”

“Tôi lại thích đùa,” Buzz nói. “Có ai từng nghe nói đến một tên găng-x-tơ thích đùa?”

“Tôi có tin cho bạn đây. Bạn không buồn cười lắm đâu.”

“Tôi vẫn yêu mến bạn, tên con hoang người Ý ạ.”

Không nhiều người có thể nói đùa với Fontane theo cái giọng bỗ bã đó, nhưng nếu là từ Buzz thì lời đùa lại có... hương vị riêng!

“Này. Bạn sở hữu một phần của một casino, đúng không Johnny? Ai khác có thể sở hữu các casinos ngoài những kẻ khôn lanh cáo già?”

“Còn khối người khác nữa, bạn biết mà.”

“Tôi biết điều đó, nhưng người ta lại không nhìn sự việc theo cách đó,” Buzz nói. “Xem này, tôi cũng nghe chuyện đó. Những gì bạn nói với tay phóng viên kia ngày hôm qua là bạn nói đúng đấy.”

“Tôi chưa từng đọc chuyện đó về bạn.”

“Bạn đã bán được nhiều đĩa hơn kể từ lúc chúng ta nói chuyện này hơn là tôi sẽ bán được trong cả năm. Bạn chỉ cần cong ngón út lại và em mái nào cũng sẵn sàng theo bạn về nhà. Và bạn còn là ngôi sao màn bạc. Nếu chuyện đó còn chưa đủ, bạn còn giúp cho chiến hữu săn chim của bạn đây đắc cử tổng thống và ông ta mang nợ bạn. Khi bạn lên đỉnh cao danh vọng và quyền lực, anh bạn *dago* thân mến, thì những kẻ tiểu dân ngồi nhà mơ đến chuyện lật đổ bạn. Quên chuyện đó đi. Bạn sẽ sống lâu hơn họ.”

Jimmy là con người của khái tượng, kẻ có tầm nhìn xa, có khả năng gợi cảm hứng cho cả một dân tộc và nhờ vậy đã giành được đa số phiếu bầu chứ không phải ai khác đã làm cho ông đắc cử. Johnny đã làm việc năng nổ để giúp ông nhưng biết bao người khác cũng đã làm thế. Tuy vậy anh chàng vẫn tự hào là Jimmy đã thắng cử, và anh mang nhiều cao vọng cho cái điều trông như là một trong những người bạn thân thiết nhất của Ngài Tổng thống Hiệp chúng quốc Hoa kỳ! Chàng ta đã cho xây dựng lại cơ ngơi ở Las Vegas, coi nơi căn nhà chính và xây những bungalows cho khách khứa và Sở Mật vụ. Hiện nay còn có thêm một hồ bơi thứ nhì và một bãi đáp trực thăng. Jimmy đã nói nơi đây sẽ là Nhà Trắng miền Tây của ông.

Bây giờ đến màn cuối tráng lệ. Sân khấu đầy khói màu và Rita xé toạc áo dài. Bên trong nàng mặc một bộ đồ mỏng dính sát người. Những người khách đạo mạo ở các hàng ghế bên dưới có thể thề rằng họ đã thấy chim nàng, nhưng từ chỗ Johnny Fontane đứng thì ta có thể thấy rõ rằng đó chỉ là... một khái niệm khá ngây ngô hay một ảo ảnh phát sinh từ tự kỉ ám thị mà thôi!

Chỉ có một lần Billy Van Arsdale thực sự hỏi Francesca Corleone là gia đình nàng có tham gia hội kín Mafia hay không. Đó là ngày trước hôm anh dự lễ tốt nghiệp Đại học bang Florida. Bố mẹ chàng đã dẫn hai đứa đi ăn tối ở Câu lạc bộ Thống đốc, và rơi vào một cuộc tranh cãi ồn ào

vì có chút hơi men, sau đó rời đi riêng rẽ nhau. “Em yêu gia đình anh,” nàng đã nói, hy vọng làm nhẹ đi tâm cảnh của cả hai, nhưng lại lạc đường.

“Ít nhất,” chàng nói, “họ không ở trong Mafia.”

“Có phải đấy là một lời nói đùa?” nàng nói.

“Anh không biết.” Chàng tươi tỉnh lên, như thể chàng đã chờ đợi để đặt câu hỏi đó từ thời họ mới gặp nhau và cuối cùng chàng đã mở màn. “*Có phải* gia đình em ở trong Mafia?”

“Anh nghĩ như thế, phải không nào? Rằng mọi người Ý đều ở trong Mafia? Rằng chúng tôi ăn bánh pizza, chúng tôi ép cà tô -mát, và chúng tôi là -”

“Không phải mọi người Ý,” chàng nói. “Anh chỉ hỏi về những người đàn ông trong gia đình em.”

“Tất nhiên là không.” Nàng ném chiếc khăn ăn xuống bàn. Nàng đứng lên, dấn vào mồm anh và cuồng nộ quát tháo.

Nàng biết rằng gia đình mình ở trong Mafia - Kathy đã thuyết phục nàng tin điều đó - nhưng Francesca không có ý nói dối. Điều nàng nghe ra là nỗi ưu tư xao xuyến lớn vờn đằng sau câu hỏi của chàng: sợ rằng Billy đến với nàng chỉ vì nàng có vẻ ngoại lai, mang hương vị đường xa xứ lạ. Chàng luôn tìm kiếm cái gì mới lạ và khác biệt: phim ảnh nước ngoài, những đĩa hát mới nhất, thơ beatnik trong một quán cà-phê ở Frenchtown, lán giềng Da đen ở Tallahassee. Có lần, họ đã lái xe trong sáu giờ liền để đến Khu bảo tồn Seminole để chàng có thể học cách vật nhau với cá sấu alligator. Dường như cứ mỗi vài tuần chàng lại bắt đầu một trò mới. Mỗi lần cắt tóc đều phải hơi khác với kiểu tóc trước đó một tí.

Em không thấy là Billy tới đây, Kathy từng nói, nhằm trải nghiệm một Lễ Giáng sinh đúng phong cách Mafia?

Francesca bắt đầu trải qua một đêm bức bối, nhưng quyết tâm không khóc. Rồi cũng qua. Ổn. Tốt thôi. Chàng là tình yêu đầu đời của nàng, nhưng rồi sao nào? Có thể chàng sẽ không là mối tình cuối cùng. Chàng ra đi mùa thu, đến Trường Luật ở Harvard và nàng sẽ trở lại nơi này, để thấy mây che khuất những ngày bên nhau. Vả chăng chàng là một kẻ ưa làm dáng, một kẻ hay điệu bộ, một con người giả tạo đa đoan nên ta đại gì đặt trọn niềm tin. Đập cho chàng ta một trận hấn là đã tay, hả dạ lắm đây. Gây ra một trận ồn ào, bốp xốp nghe chừng có vẻ ấn tượng mạnh hơn là những gì mà người ta thường chờ đợi ở một cô gái. Bàn tay nàng vẫn còn tê tê nóng ran. Nàng phải cảm ơn cậu em Frankie vì đã phải chịu đau nơi móng út trong bao năm ròng để giúp cho bà chị có cơ hội mài dũa kỹ năng đánh đấm!

Cùng cái kỹ năng huyền bí mà Billy khai triển để vào ra tất cả những buổi parties như cơn gió thoảng, cũng được phô bày đêm ấy ở Tallahassee. Nàng không có nơi nào để đến. Nàng chạy xuống một ngọn đồi và đi vào một khu nhà ở không hề quen biết với nàng, và đứng vào lúc nàng nhận ra rằng có lẽ nàng đã đi lạc thì nàng nghe tiếng xe chạy chậm chậm đến bên nàng và đó là Billy trong chiếc Thunderbird. Chàng biết chính xác nên đi đến chỗ nào.

“Ồi dào! Cú dấm ghê quá!” Chàng ta cười lớn, phô hàm răng trắng bóng, chắc khỏe. Nàng là một cô gái có thể dấm cho bạn sái quai hàm, đàn khác nàng còn mang hương vị xa lạ và mới mẻ. “Anh yêu em, con thú hoang đại ạ.”

“Làm thế nào mà gia đình anh giàu có đến thế?” nàng hỏi. “Sau mỗi gia tài lớn đều có một tội ác.” Nàng đã đọc câu đó trong một quyển sách của một trong những nhà văn Pháp mà Kathy đang nghiên cứu. Có lẽ là Balzac.

“Nhiều lắm chứ không phải có một mà thôi, anh chắc thế,” chàng để thêm. Những tay gian xảo quỷ quyệt đó dám làm bất kỳ chuyện gì.”

Những tay gian xảo quỷ quyệt là bố chàng và ông nội chàng. Quả là có hơi kỳ cục khi nghe bất kỳ ai đó nói về gia đình mình theo kiểu đó.

Nàng ngồi vào trong xe.

Đêm đó họ quần nhau, nhưng tấn kịch buổi chiều hôm đó đã định âm giai cho cuộc ve vãn tán tỉnh của họ.

Bản tình ca ở cự li xa giữa họ có tính kịch trữ tình suốt mượt (melodrama) mà những chuyện như vậy tạo ra giữa những người trẻ, được làm đầy với những bức thư dài cả mười trang giấy, những nghi ngờ len lén vào hồn ray rức tâm tư và những cuộc gọi đầy nước mắt - ít nhất là như thế về phần Francesca. Billy than phiền là chàng quá bận ở Harvard nên có ít thời gian để ăn ngủ và càng ít thời gian hơn để viết thư cho nàng hay nói chuyện qua điện thoại đường dài. Rồi chàng gửi cho nàng một bưu thiếp, thay cho mọi thứ, để báo cho nàng biết chàng đã được nhận vào thực tập nội trú với một hãng ở New York và sẽ không về nhà ở Nam Florida vào mùa hè năm ấy. Nàng mượn chiếc Volkswagen của cô bạn cùng phòng Suzy và lái suốt đêm đến Cambridge để đích thân giải quyết dứt điểm toàn bộ vụ việc lùm xùm này. Chuyện tự nhiên là nàng và Billy ngủ với nhau. Nàng trở về nhà càng phân vân hơn bao giờ hết và, hóa ra là, lại... dính bầu! Thế mới là đã rồi lại càng thêm rồi!

Chàng muốn nàng đi phá thai.

Sau đó chàng còn lo liệu thu xếp cho một bác sĩ ở Palm Beach thực hiện chuyện đó.

Francesca không chịu nổi ý tưởng về chuyện đó. Nhưng chắc chắn nàng cũng không muốn suốt ngày ôm con, trong tình huống này. Kết hôn với Billy - đầu chàng chưa đưa ra lời thỉnh cầu hay ngay cả là nêu ra khả tính - là ngoài vấn đề. Nàng kể với Kathy - người đầu tiên và duy nhất mà nàng phó thác tâm sự - là nàng sẽ không lấy con rắn đó cho dầu hãn ta có là người đàn ông cuối cùng trên mặt đất này. Mọi chuyện có thể xảy ra là điều mà Francesca Corleone dứt khoát sẽ không làm.

Billy bị gãy cổ khi chơi trò nhảy dù (đoạn kết của một thú tiêu khiển mới khác), và trong khi nằm bệnh viện chàng ta đã đột nhiên đổi ý - một thay đổi không giải thích được, từ viễn tượng của Francesca, mặc dầu ai có thể giải thích sự thay đổi của con tim? Ngày chàng ta xuất viện, chàng vù đến thăm nàng và ngỏ lời cầu hôn.

Mừng quá đổi mừng, nàng chấp nhận với xiết bao hoan hỉ!

Họ thành hôn vào tháng bảy khi chàng vẫn còn phải đi lại với cặp nạng. Nàng bối rối về biết bao chuyện - đặc quyền của một cô dâu đã có bầu, có lẽ thế, nhưng tất cả chỉ là sự thay thế cho hai chuyện mà nàng thực sự bối rối: chuyện nàng đi lên xuống lối đi. Đi xuống trông dễ gây xúc động với Billy trên đôi nạng. Nhưng đi lên sẽ gay go lắm đấy. Ai có thể thế chỗ bố nàng? Không thể là các cậu em được, và chắc chắn cũng không thể là Stan Người bán rượu (người vẫn còn dính ước với mẹ nàng nhưng vẫn chưa thành hôn). Chú Fredo lớn tuổi hơn chú Mike và nàng biết chú Fredo nhiều hơn. Tuy vậy nàng vẫn có khuynh hướng thiên về chú Mike hơn, trước nay vẫn thế. Chú là một anh hùng thời chiến, một khuôn mặt lẫm lẫm, một con người trông thật lịch lãm điệu dàng trong chiếc tuxedo. Nàng biết một số những bí mật đen tối của chú - ít ra là qua những kênh truyền dẫn không đầy đủ của Kathy và cô Connie - nhưng bất chấp chuyện đó, cuối cùng chú là người duy nhất nàng có thể tưởng tượng sẽ dẫn và trao nàng cho chú rể. “Đó là người mà có lẽ Bố muốn nhất,” nàng nói với Kathy, đang làm phù dâu, trông chờ người chị em sinh đôi sẽ bất đồng ý kiến. Thay vì thế, Kathy lại nói: “Hiển nhiên rồi,” Không ai

nói *hiển nhiên* rồi với vẻ khinh miệt ngạo nghễ hơn Kathy. “Còn ai khác?”

Chú Mike làm thẳng bằng thần kinh bồn chồn của Francesca với vẻ đường hoàng, vương giả. Chú bảo nàng rằng bố nàng có lẽ rất tự hào, rằng Santino có mặt ở đây, ngắm nhìn mọi sự, chắc chắn như thế. Nhưng chú đủ thông minh để nói điều này trước khi họ đi lên lối đi khá lâu, để họ có thể cùng khóc với nhau và làm cho những giọt nước mắt đó không rải ra trên lối đi. Khi cuối cùng chỉ có hai chú cháu nơi cung thánh, chú nắm cánh tay nàng và bảo nàng đừng lo ngại gì. Chú nhún vai. “Vấn đề là phần còn lại của đời cháu thôi.”

Nàng cười thành tiếng. Đó là điều hay nhất để nói ra.

Nàng bước xuống lối đi rạng rỡ hạnh phúc. Chỉ khi chú Michael trao tay nàng cho Billy nàng mới nhận thấy mặt chú rần rụa nước mắt (vì vui mừng cho cô cháu được làm dâu gia đình giàu sang quyền quý mà lại được danh thơm tiếng tốt chứ không có *vướng mắc* như gia đình mình).

Trên đường xuống lại lối đi, nàng đỡ cho Billy và chàng ta xoay sở để chỉ tựa vào nàng để đi mà không phải dùng đến cặp nạng. Tại buổi tiếp tân, chàng còn khiêu vũ nữa. Dĩ nhiên là chàng nhảy hơi tồi nhưng chàng có lí do khoan miến.

Hai vợ chồng dời về Boston. Khi chàng tốt nghiệp trường luật, chàng từ chối một công việc có thể làm ra cả gia tài tại thị trường chứng khoán Phố Wall (bởi chàng đã sẵn có gia tài rồi) để làm thư kí cho một thẩm phán tại Tối cao Pháp viện Florida. Còn Francesca có muốn trở lại Tallahassee cũng hơi dở dang vì lớp của nàng đã thi tốt nghiệp (nàng đi dự buổi party mừng tốt nghiệp của Suzy Kimball và khó nhận ra người phụ nữ trẻ đỉnh đạc, diễm đam đã nguyện hiến đời mình cho sứ mệnh truyền giáo ở Trung quốc). Giờ đây Francesca đã có một gia đình và thực sự nghĩ mình đang hạnh phúc - ít ra là cho đến khi Billy bỏ công việc ở Pháp viện để tham gia vào Hội Những Người Florida Ủng hộ Shea. Chàng đi liên miên ít khi ở nhà. Cuối cùng Francesca phát hiện rằng chàng còn làm nhiều chuyện khác hơn là vận động tranh cử.

Bằng cách nào nàng phát hiện Người Đàn Bà Ấy?

Francesca là con nhà Corleone. Đã thành một ngạn ngữ, được lặp lại nhiều lần trong gia đình nàng, rằng với thời gian, chuyện lừa dối một thành viên nhà Corleone là điều bất khả! Đó là trên lí thuyết. Vả chăng nàng cũng từng được các bà cô bà dì truyền cho cái nhận định tuy thường nghiệm nhưng đã đạt đến tầm chân lí phổ quát, đó là *thằng đàn ông nào mà chẳng khoái ăn vụng. Nhưng có ba dạng: ăn vụng bị lộ hàng, bị vợ làm cho xấu mặt; ăn vụng khéo chúi mép nên vẫn tạm thời yên ổn, và, muốn ăn vụng nhưng lại không ăn vụng được!* (vì chưa có điều kiện, chưa có cơ hội thuận tiện hay thiếu tài năng!) Nói chung là anh nào thấy của lạ cũng mắt la mày lét cả, chỉ khác nhau ở chỗ anh thì trơ tráo, anh thì kín đáo, vậy thôi! Nàng cũng là địch thủ nguy hiểm nhất của thói tán gái: một phụ nữ mà nỗi sợ hãi u ám nhất là sợ rằng chồng mình không nghĩ rằng mình xứng tầm với chàng.

Ernest Hemingway không phải là Papa với bộ râu bạc trắng. Không phải là tiếng nói của một thế hệ lạc lõng (a lost generation). Cũng không phải là người nôm cần bãi nhiệm như là kẻ phân biệt giới tính bởi những kẻ lừa đảo thô thiển mà gom tất cả những cuộc đời của họ lại cũng chẳng mang lại gì cho thế gian đáng giá bằng những buổi chiều tàn vô vị của Hemingway. Ông đã có những tác phẩm vĩ đại ngay từ buổi đầu cầm bút. Những chuyện khác không có gì đáng kể.

Einstein không phải là chàng trai trên bức tranh cổ động để biểu thị cho thiên tài. Picasso không phải là tay săn gái đầu hói da ngăm. Mozart không phải là *đứa bé đảo thiên nghịch địa* (enfant terrible) Virginia Woolf và Sylvia Plath không phải là những lãng mạn bi đát (tragic affronts) đối với thói bá quyền áp bức của giống đực. Mahatma Gandhi và Martin Luther King không phải là những anh chàng da nâu nhỏ nhắn dễ thương vô hại mà người da trắng có thể

cảm thấy tiện lợi khi tán đồng những tư tưởng hiếu hòa bất bạo động của họ. Đúng vậy, Mafia đã qui định cuộc đấu Sonny Liston vốn cho phép Muhammad Ali trở thành nhà vô địch hạng nặng thế giới, và đúng vậy, Ali bênh vực cho điều mà anh ta tin là chính nghĩa. Nhưng trước hết và trên hết, anh ta là người có thể đấm ngã kẻ hung bạo bố lão nhất một cách... đẹp như bài thơ!

Johnny Fontane là một diễn viên tài ba khi anh ta thích làm điều đó. Anh ta được trời ban cho “dị bảo” lớn đến độ làm cho nhiều anh đàn ông phải ghen tị và làm cho nhiều chị phải khóc thét lên vì *anh ơi, anh ơi, anh làm em chết mất!* (vì vượt quá ngưỡng của... sự sợ hãi!). Và anh ta đã sử dụng nó một cách vung vít bất chấp mọi đạo lý và cấm kị! Nhưng anh ta cũng giúp biến đổi Las Vegas từ một chỗ dừng chân tạm thời giữa sa mạc thành đô thị phát triển nhanh nhất của Hoa Kỳ. Chàng ta là đứa con của những người di cư, là hiện thân của giấc mơ Mỹ (the embodiment of the American dream).

Trông chàng ta thật điệu dàng với chiếc mũ trên đầu. Chàng đã phát minh ra vẻ bình thản kiểu Mỹ (American cool).

Quốc gia đại sự đấy, chẳng phải chuyện đùa.

Điều khác biệt nào khiến Fontane đem lại cho quỹ vận động tranh cử của Shea nửa triệu đô-la trong một túi xách vốn là một quà tặng cá nhân từ Jackie Ping-Pong. Ping-Pong không liên quan gì đến chính tiền bạc. Johnny phải mang số tiền đó trong một cái gì đó. (Và, dầu sao, anh ta sống trong một thế giới nơi người ta tặng quà cho nhau lu bù.) Fontane huy động được hàng triệu đô cho chiến dịch đó, vậy nên có vấn đề gì đâu nếu nửa triệu đô-la đó là một phần của việc ‘hót váng kem” từ Kasbah, một casino do đám Chicago sở hữu ở Las Vegas. Vấn đề là sử dụng tiền đóng góp sao cho hiệu quả để bảo đảm cho Jimmy Shea thắng cử. Còn tiền đến từ nguồn nào thì có gì khác biệt?

Fontane đã giới thiệu Rita Duvall cho cả Louie Russo và Jimmy Shea (chưa kể Fredo Corleone, mà đứa con nàng đã đem cho người khác làm con nuôi vào năm 1956, ngay trước khi sự nghiệp của nàng cất cánh). Những gì xảy ra sau lời giới thiệu chỉ liên quan với nàng, chứ không còn dính dáng đến Johnny Fontane nữa.

Có lần một tay phó quận cảnh sát đã hỏi cung Johnny Fontane sau khi Fontane phết vợ của một anh chàng chết bí ẩn trong sa mạc. Vậy rồi sao? Fontane ta đây từng đéo bấy bao nhiêu vợ của người khác. Thiên hạ chết bí ẩn trong sa mạc hàng ngày. Chẳng bao giờ có tí chút bằng chứng nào về mối liên hệ nhân quả giữa hai sự thật khủng khiếp nhưng cũng rất ư xoàng xĩnh này.

Chắc rồi, Fontane là nghĩa tử của Vito Corleone. Chàng ta cũng ăn cánh với Michael. Chàng ta hữu hảo với Russo, với Tony Stracci, với Gussie Cicero và nhiều tay cộm cán khác nữa. Nhưng nhiều người khác cũng thế (Ngài Đại sứ Corbet Shea chẳng hạn). Anh ta không phải là một *thành viên* của bất kỳ gia đình tội ác nào. Johnny Fontane chỉ trung thành với những người từng thân thiết với mình khi đời chàng chưa là gì cả mà chỉ là những sớm tối kéo cày trả nợ áo cơm.

Butta -beepa -da -boppa -da -boop.

Xét cho cùng, Johnny Fontane là một ca sĩ mà thế giới sẽ không có giọng ca thứ hai như chàng.

Chàng tự gọi mình là một ca sĩ thánh phòng, nhưng trước tiên đó là lối khiêm hạ kiểu Sicily, nghĩa là khiêm tốn giả vờ đấy thôi! Vậy là - sau những kiệt tác về bài ca Mỹ mà chàng tung ra vào cuối thập niên năm mươi và đầu thập niên sáu mươi của thế kỷ trước - một lời đùa không thật thà mà cả và thiên hạ đều mắc mớ.

Hãy lấy, chỉ như một trong nhiều thí dụ, buổi trình diễn của anh ta tại lễ khiêu vũ nhậm chức của James K. Shea.

Chiếc tuxedo sọc trứ danh kia trông sẽ có vẻ hề trên bất kỳ người nào, nhưng trên người Fontane trông lại hoàn toàn tự nhiên, một trong những thời điểm đáng ghi nhớ trong phong cách thời trang thế kỷ hai mươi. Mọi buổi tối, chàng là một người dẫn chương trình duyên dáng và vui nhộn khó có ai vượt qua. Chàng còn là một bạn đồng diễn song ca xuất sắc - đáng kể nhất là với Ella Fitzgerald trong một phiên bản *a cappella* (theo cách nhà thờ, đồng ca không có đệm) của bài "The Battle Hymn of the Republic" (Bài ca Chiến trận của nền Cộng hòa).

Bộ ca khúc của chính Fontane chỉ gồm đúng ba bài. Dường như không phải là cơ hội để phô bày tất cả điểm mạnh của chàng. Những phần ghi âm tuyệt vời nhất của anh gồm hoặc là những ca khúc bên ngọn đuốc được hát từ một viễn tượng đàn ông đặc thù (torch songs sung from a singularly male perspective) hoặc là những trình diễn theo phong cách thánh ca một số tiết mục về những kẻ thua cuộc thảm hại nhưng vẫn kham nhẫn để tồn tại (anthemic renditions of numbers about battered losers who endure) mà không có phần hòa âm nào diễn đúng nốt nhạc trong dịp đó.

Lúc đầu chúng ta thấy anh một mình, trong một hồ ánh sáng. Chiếc mũ được đặt trên một ghế đầu bên cạnh anh. Âm nhạc khởi xướng, chỉ với một piano và dàn trống. Những đường chải chuốt là lướt. Đây là một bản chuyển soạn khoan thai, tia tốt từ ca khúc "It Had to Be You". Fontane giữ chiếc microphone xa khỏi mình, tạt ra thành một góc xéo và hát với đầu ngược lên trần. Xuyên suốt bài ca Fontane chuyển động micro để chuyển tông, trình diễn điệu nghệ như Charlie Parker biểu diễn kèn co. Những âm thanh tuyệt diệu dào dạt dâng tràn nhưng Johnny Fontane còn là một cái gì quý hiếm hơn: một ca sĩ ngoại hạng.

Đám đông bùng vỡ thành tràng pháo tay vang rền. Fontane tóm lấy chiếc mũ có chóp nhọn và ca bài Ridin' High, đi hùng dũng qua sân khấu với vẻ dữ dội của con mãnh thú mà Cole Porter chưa hề tưởng tượng. Khi Fontane kết thúc, một đút hơi, đám đông nháy cẳng lên trên đôi chân. Nụ cười hân hoan của Fontane rõ là nụ cười của một đứa bé lớn lên không có gì và nhìn ra để thấy nó đã có được hơn là tất cả.

Trong khi có lẽ chỉ còn ít thời để cứu vãn phiên bản sớm nhất của "Big Dreams" (Những giấc mộng lớn) mà cuộc vận động tranh cử của Shea cùng chọn như là bài ca chủ đề chính thức của họ (với ca từ mới được viết bởi Wally Morgan), Johnny Fontane, tràn ngập với khúc khải hoàn của thời khắc ấy, đã thực hiện một cú thử dũng cảm. Chắc chắn là anh thành thật. Sau câu mở đầu, bức màn đằng sau anh cuốn lên và những bạn diễn sải bước ra, xếp hàng thành dàn đồng ca. Khi ống kính camera hướng về phía công chúng khán thính giả, đèn trong phòng bật lên cho thấy mọi người đều đứng lên và cùng hát. Tổng thống hôn Đệ nhất Phu nhân. Fontane ném cho họ chiếc mũ nhọn đầu. Tổng thống bắt lấy và đội lên đầu mình. Vừa khít.

Chương 25

“Em biết tên anh là Billy,” Mary nói. “Em gọi anh là Bee -Boy chỉ vì chị họ Kathy - rất giống chị Francie, chỉ khác là không có em bé trong bụng -cũng gọi anh như thế, mặc dầu em nghĩ ra trước tiên, trở lại lúc em còn là em bé. Nhưng em đã ra đời, *tất nhiên rồi*.”

“Anh thích điều đó,” Billy nói, vừa chỉ mọi người bên trong của căn hộ, “đến từ em.”

Francesca đã dậy từ bốn giờ, mở các hộp đồ nhà bếp, đi đến tiệm bách hóa, và nấu bữa ăn sáng. Nàng rất mệt mỏi nhưng đã quen. Đứa bé quậy đập nhiều đến nỗi dầu làm cách nào nàng cũng không ngủ được nhiều.

“Mọi thứ sắp sẵn sàng rồi,” nàng nói. “Xin lỗi vì nhà cửa còn bừa bộn quá. Chúng cháu mới dọn về đây có hai ngày. Billy, sao anh không dẫn các em đi xem nhà một vòng và sau đó chúng ta sẽ ăn sáng. Này, Sonny! Qua đây, ngay lập tức! Nhà có khách!”

Cậu con nàng đứng lên từ phía trước Tivi, chạy và đụng vào Tony. Sonny cảm thấy xấu hổ vì mới lên ba. Trong khi Tony đã lên chín. Tony biết xử sự rất chừng chạc. Chú Mike ghi nhận lòng kiên nhẫn của con trai mình với sự tán đồng lộ rõ. Francesca chưa từng lưu ý nét giống nhau giữa chú Mike và ông nội Vito, nhưng bỗng nhiên nét đó lộ rõ nơi đôi mắt vừa có vẻ mệt mỏi của Michael, lại vừa có “cái thần” khiến người ta sợ.

“A, Sonny cháu đây,” Michael nói, vừa nhắc bổng cậu bé lên. “Ông là Ông trẻ Mike của cháu đây. Cháu khá nặng cân đấy chứ?”

Francesca đảo tròn mắt. “Sonny sẽ không bao giờ bỏ cái mũ bảo hiểm ấy ra. Nhiều khi ngủ cháu cũng vẫn đội mũ đấy. Đó là lỗi của Frankie. Dịp lễ Giáng sinh cậu ta chỉ lo dạy cho Sonny chơi bóng đá.”

Billy, chẳng có lí do rõ ràng nào, lại liếc mắt nhìn chú Mike như thể chàng ta nghĩ rằng chú có thể để rơi Sonny.

“Một thầy giáo giỏi, chú chắc thế,” Michael nói. Frankie Corleone, khi là sinh viên năm dự bị, đã bắt đầu chơi cho đội bóng của Đại học Notre Dame.

“Em có thích chơi bóng, chơi thể thao?” Billy hỏi Tony.

Tony nhún vai.

“Anh cũng như thế,” Billy nói, vò tóc chú bé.

“Anh ấy ghét chuyện đó,” Mary nói.

“Tôi chẳng quan tâm đâu,” Tony nói.

Nghe anh nói thế, cô bé cũng vói tay lên định vò đầu ông anh, ai ngờ bị anh gạt tay ra. Michael đặt Sonny xuống, xốc Mary lên bằng một cánh tay và lấy tay kia cặp tay Tony.

“Xin lỗi,” Michael nói. Hai vợ chồng lập tức thở phào nhẹ nhõm, hết căng thẳng. Mike là một ông bố vui tính.

“Ồ, có gì đâu chú,” Francesca nói. “Trẻ con mà. Cháu dám cá là hồi nhỏ chú còn đánh nhau với

các anh chú và với cô Connie còn hơn thế nữa. Cháu may mắn là chưa bao giờ cầu xé dữ dội với người chị em sinh đôi của mình.”

“Căn hộ xinh xắn ghê,” Michael nói.

Tòa nhà này đã hơn trăm năm tuổi. Xưa kia nó là một dinh thự và sau đó được chia thành bốn căn hộ lớn. Căn hộ của họ ở tầng trệt và gồm phần lớn chỗ xưa kia là một phòng khiêu vũ và hiện nay được cải tạo thành phòng khách, phòng ăn và phòng bếp. Các sàn bằng gỗ có độ nghiêng và cong đủ cho các đồ chơi và các hòn bi của Sonny chạy vòng vòng quanh phòng hoài. Francesca thích điều đó. Nàng chưa bao giờ sống một nơi chốn nào có tuổi xây dựng trên hai mươi năm, và chắc chắn là chưa có nơi nào trông lịch sự đến thế, mặc dầu đã mang nhiều dấu vết phôi pha. Nhiều lần trong ngày nàng đi đến chỗ ngày xưa dùng làm nơi buộc ngựa chỉ để nhìn vào đó và ngạc nhiên thích thú rằng nơi đây hiện nay là chỗ ở của gia đình mình.

Nghĩ về điều này, nàng nhìn ra chỗ buộc ngựa và thấy Al Neri vẫn còn ngồi trong xe.

“Sao chú không kêu người tài xế cùng vào ăn sáng luôn?” nàng nói khi mọi người ngồi xuống. “Cháu chắc là ông ta cũng đói đấy.”

“Anh ta ăn rồi,” Michael nói. “Anh ta dậy sớm lắm.”

Francesca không thực sự lo lắng lắm về bữa điểm tâm và nàng cũng chưa rành chỗ mua sắm, cũng không khéo lắm về chuyện bếp núc nhưng nói chung thì mọi thứ cũng... không đến nỗi nào và nàng cũng tạo ra được một bữa ăn sáng gia đình tươi mát.

Nỗi băn khoăn trong lòng cho nàng có đề tài để nói về hơn là phải nhắc đến thím Kay.

Nàng không thể hình dung làm thế nào để nêu vấn đề đó ra. Nhà Corleones theo *Công giáo* - tức là vợ chồng không được li dị nhau - vậy mà trong vòng mấy năm qua cả cô Connie (đã tái hôn với Ed Federici và sống với nhau chưa đến một năm lại đã đám) và chú Mike đã li dị thím Kay. Và hẳn là phải có vài lí do khiến mẹ nàng và Stan Người bán rượu không bao giờ kết hôn nhau. Bao nhiêu điều đó, cộng thêm chuyện Billy hiện nay khiến Francesca phải ưu tư. Nàng không thể nghĩ ra điều gì khủng khiếp hơn là sống cách xa con mình cả một lục địa.

“Cháu thật áy náy khi nghe tin về chú và thím Kay,” Billy buột miệng nói ra như thế.

Francesca phân vân không biết nên ngưỡng mộ chàng vì cái tính thẳng ruột ngựa kia hay nên... cho chàng một cái tát vì bất lịch sự!

Michael trả lời với một cái gật đầu hối tiếc.

Francesca nghiêng người qua mặt bàn và bóp cánh tay chú để tỏ cảm tình.

“Cháu đã dành trọn tuổi thơ của mình nhiệt tình ủng hộ bố mẹ cháu li dị,” Billy nói. “Nhưng chú và Kay không.”

Francesca đá vào chân chồng dưới bàn.

“Chú không bao giờ biết đâu, cháu đoán thế,” Billy nói. “Chú có đi thăm Tony và Mary thường không?”

Anh nói thế mà thấy được sao? Ngay trước mặt bọn trẻ. Tát cho anh chàng này một bạt tai cho hẳn tỉnh người ra có lẽ lại hay đấy.

“Không thường xuyên lắm như chú mong muốn,” chú Mike nói. “Chú đang cố thu xếp lại một số trách nhiệm của mình với công việc để có thể dành nhiều thời gian hơn cho chuyện ấy.”

“Bố có thêm máy bay mới này!” Mary nói. “Bây giờ bố sẽ bay và đến thăm chúng ta mọi lúc mọi nơi.”

Tony lấy thêm chiếc bánh rán có thạch khác, dầu cậu vẫn chưa ăn chiếc đã có sẵn trên đĩa của mình.

“Chú vẫn còn giữ một căn hộ nhỏ ở New York để khi nào đến đó vì công việc thì có chỗ riêng để nghỉ chân,” Michael nói. “Chú có thể kiếm một căn hộ lớn hơn để hai em nó cũng có thể ở lại đó, bất cứ khi nào chú đông tiến.”

“Cháu cứ nghĩ như thể mọi người trong gia đình mình hiện vẫn còn sống ở New York,” Francesca nói. “Như thể là gia đình chú chỉ vừa mới dọn về Nevada.”

“Sáu năm rồi đấy,” Michael nói. “Hầu như là bốn năm ở Tahoe. Chú vẫn giữ hai căn nhà, ở Vegas và ở Tahoe. Cả hai căn đều lớn hơn là chú cần dùng, nhưng đối với Mary và Tony những nơi đó đã là nhà của mình.”

“Ngày nay quả khác xưa nhiều,” Billy nói. “Người ta đòi chỗ nơi này nơi khác nhiều hơn. Cùng nhìn chúng ta nè. Ba năm kết hôn, ba địa chỉ khác nhau.”

“Nghĩ cũng buồn cười thật,” nàng nói, “những năm tháng đó ở Florida, và em vẫn nghĩ New York như là quê nhà. Lẽ ra em nên đi học đại học ở đó, như Kathy.”

“Nhưng nếu thế thì chúng ta đã chẳng bao giờ gặp nhau,” Billy nói.

Francesca ngược đầu lên. Chàng hoàn toàn thành thật, vẻ mặt tiu nghỉu, như thể chàng thực sự đang tưởng tượng đã không bao giờ gặp nàng. Một cảnh tượng dễ gây thương tâm quá khiến nàng xúc động.

“Ôi tình yêu của đời em,” nàng nói, cũng hoàn toàn thành thật, vươn người tới để tát... yêu vào má chàng.

“Francie and Bee -Boy sittin’ in a tree,” Mary nói. “Nào, Tony. Hát bài ấy với em đi.”

“Bố,” Tony nói. “Bảo em đừng có làm rộn nữa.”

Michael Corleone nâng cốc cà phê lên. “Cho tình yêu,” anh nói.

Một điều tuyệt vời được phát biểu đúng lúc, hợp tình hợp cảnh.

Mấy đứa bé ngưng cãi vã chí chóe và mọi người đều nâng ly lên, và không ai, Francesca nghĩ, có thể cảm nhận bất kỳ điều gì khác ngoài tình yêu.

Ngoại trừ Billy, mà sự tham gia vào cuộc nâng cốc chúc mừng này không thể nào miễn cưỡng hơn.

Khi họ rời bàn, Francesca gửi một đĩa thức ăn cho người vệ sĩ.

Họ đứng trên những bậc thềm đá cẩm thạch trắng, vẫy tay khi chiếc xe đi xa. “Anh luôn luôn nói anh yêu gia đình em,” nàng nói với Billy. Sonny chạy lòng vòng, hai cánh tay khuỳnh ra ôm lấy con gấu bông giống như quả banh. “Vậy tại sao anh không thích chú em?”

Họ đã học hặc với nhau vì chuyện này nhiều rồi. Vậy tại sao không thoát ra khỏi chuyện cấm kỵ này?

Nhưng Billy không nói gì. Chàng dẫn Sonny đứng cách xa đường phố. Sonny thực ra cũng không đứng sát đường phố quá, nhưng Billy bế cậu lên và đi vào trong.

Tối hôm đó, sau khi Sonny đi ngủ, Francesca vào giường, mệt lử, để thấy Billy che phủ phía nàng với những tập hồ sơ. Chàng chống người một bên, đọc hồ sơ.

“Muốn em ngủ trên ghế xô-pha?”

Chàng nhìn lên, sững sờ, rồi ngay lập tức dồn mấy tập hồ sơ lại và lừa chúng xuống sàn. Nàng vào trong giường, chàng tắt đèn và bắt đầu xoa bóp cho nàng: thông thả, thận trọng, nắn nã trên hai chân đã sưng lên của nàng và phần dưới lưng nhức mỏi của nàng.

Nàng đã vào giường với chỉ vừa đủ năng lượng để nhắm mắt lại, thế nhưng khi cuối cùng chàng lột hết áo ngủ nàng ra, nàng quay về phía chàng, và khi lưỡi chàng chọc vào giữa đôi môi nàng, nàng để thoát ra một tiếng thở hổn hển, đầy thèm khát.

“Cái gì thế?” Chàng hỏi.

“Im đi và yêu em,” nàng lệnh.

Trong những giây phút ấy, vào thời khắc ấy, nàng quên đi mọi chuyện đã khiến nàng băn khoăn lo lắng để chỉ... đơn thuần là hiện hữu.

Sau đó một chút hơi và mướt mồ hôi, nàng cảm thấy nặng nề trở lại. Billy vẫn gát cánh tay rám nắng trên cái bụng đồ sộ trắng như bụng cá của vợ. Họ nằm như thế một hồi lâu.

Thai nhi bắt đầu quậy đạp, mạnh hơn bao giờ hết.

“Em muốn biết tại sao anh lại không thích chú của em hở?” Billy mở lời.

“Quên chuyện đó đi,” nàng nói. Dầu sao nàng biết, hay nghĩ là nàng biết. “Lẽ ra em không nên nói gì cả.”

Nàng cảm nhận luồng đau đón cháy bỏng của một cơn co thắt.

“Ô, anh cảm thấy điều đó,” Billy nói. “Đạp mạnh ghê!”

Nàng nghiêng chặt hàm để gồng mình chịu cơn đau. Rồi cơn đau cũng dịu dần.

“Em có nhớ khi anh bị gãy chân vì nhảy dù?” Billy nói.

“Tất nhiên là em nhớ,” nàng nói, hơi thở chậm lại lần.

“Anh nói dối. Cả đời mình anh chưa bao giờ chơi trò nhảy dù cả.”

“Vậy thì, tại...” Nàng bỏ dở câu nói vì một cơn co thắt, dữ dội hơn, ập đến. Một hồi lâu cơn đau mới dịu xuống. “Em nghĩ đến lúc rồi,” Francesca nói. “Chắc em sắp sinh bé.”

Đêm đó, Francesca trở thành nạn nhân của tiền sử bệnh án gia đình nàng. Bà nội nàng luôn từ chối nói về chuyện đó, nhưng bà đã trải qua ít nhất là bốn lần sảy thai. Bà ngoại nàng đi lễ

trọng vào ngày 22 tháng bảy hàng năm để tưởng niệm lần sẩy thai của mình. Mẹ nàng và hai dì của nàng cũng từng chịu những lần sẩy thai.

Thai nhi của Francesca ra đời sớm cả ba tháng, đã chống chọi khá kiên cường. Bé sống được gần một ngày, và được đặt tên là Carmela, theo tên bà cố. Francesca muốn chôn cất bé gần mộ bà cố, trên phần đất nghĩa trang gia đình ở Long Island. Billy không đồng ý. Anh nghĩ đứa bé nên được chôn cất ở Florida, nơi quê nội. Nhiều tình huống - nỗi kinh sợ khi mất đứa bé và lòng hối hận của Billy ngay cả trước khi sự việc này xảy ra - đã khiến cho ý kiến của anh chỉ là biểu lộ sự bất đồng chứ không phải là một luận chứng, và Francesca vẫn có quyền quyết định.

Michael Corleone chịu mọi chi phí cho việc chôn cất em bé. Francesca biết rằng Billy phản đối trong lòng, nhưng nàng hài lòng thấy chồng mình cũng đủ lương thức để không xúc phạm chú mình bằng cách từ chối sự giúp đỡ của ông. Lễ tang được tổ chức nhỏ thôi và tiến hành ở nghĩa trang, trong cơn bão tuyết mù mịt.

Bố mẹ của Billy không đến. Người chị em song sinh của nàng cũng không đến, chỉ gửi một điện tín từ London nói rằng nàng rất buồn khi nghe tin chẳng lành. Cậu em Frankie của nàng bỏ lỡ trận bóng giao hữu mùa xuân vì chuyện này mà không hề phàn nàn. Cậu em út Chip cũng bỏ lỡ buổi tiệc sinh nhật thứ mười sáu mà không nghĩ ngợi gì. Tình gia đình mà.

Đó là một nghĩa trang theo truyền thống Ý với hình ảnh người quá cố đặt trong các khung đá chạm đề trên các bệ cẩm thạch. Trước khi rời nghĩa trang Francesca cúi xuống hôn những khuôn hình lạnh buốt trong bão tuyết. Bà nội Carmela. Ông nội Vito. Bà cố Zia Angelina. Chú Carlo. Bố nàng, Santino Corleone. Nàng nhìn vào đôi mắt tươi cười của bố và nghĩ, *Gặp lại lần tới nhé, Bố yêu.*

Chú Fredo mất tích và được cho là đã chết, nhưng không có hình ảnh nào của chú ở đây. Cũng không có hình ảnh của bé Carmela. Vì chưa ai kịp nghĩ chụp ảnh cho bé. Bé đã sống quá mong manh như đoá phù dung sớm nở tối tàn. Chưa vướng tội lỗi nào, chắc là hồn bé sẽ đi thẳng lên thiên đường.

Chú Mike, đầu bận rộn như chắc chắn chú phải là thế, vẫn đến sớm và ở lại trễ, và là một niềm an ủi rất lớn cho nàng. Ngay cả mẹ nàng cũng không có thể nói với Francesca một cách cởi mở về cơn ác mộng mất một đứa con như chú Mike chia sẻ tâm tình với nàng. Và khi thấy Sonny chơi đùa với Tony và Mary ở buổi họp mặt sau đó, nhìn thấy chúng thân thiết với nhau, tinh thần chúng mau hồi phục và vui vẻ sôi nổi như thế, đã đem lại cho Francesca niềm hy vọng rằng nàng sẽ cố vui lên mà sống.

Billy đang đấu tranh với nỗi đau về cái chết của con mình và, quả là khó hiểu, anh ta lại đang nói liên miên về chuyện đó.

Nàng đang có một khoảng thời gian nặng nề để không trách mắng chàng. Nàng biết, như thế là phi lí. Nhưng dường như có một thứ công lí đang báo phục họ về chuyện chàng đã muốn nàng phá thai khi nàng mang bầu Sonny. Và, trời đất, cái gì đã ám ảnh chàng để chàng nghĩ, nếu nói thật với nàng rằng lúc đầu chàng đã rất không muốn lấy nàng và chàng chỉ chịu cưới nàng sau khi ông chú “ma đạo sát tinh” của nàng sai người đến bẻ gãy chàng, lại sẽ làm cho chàng trông có vẻ như một người tốt trong câu chuyện này?

Trên hết mọi chuyện, mỗi lần nàng nhìn chàng, nàng tưởng tượng rằng chàng lo ngại về chuyện bị chụp hình bởi cảnh sát hay FBI trong khi tham dự một *tang lễ Mafia chính hiệu*. Có lẽ nghĩ thế là không công bằng. Nàng không có ý tưởng nào về chuyện chàng đang nghĩ gì. Nhưng họ đã bị chụp hình. Nhưng đứa con hoang xấu xa, không có chút từ tâm. Nàng bắt đầu hiểu áp lực mà chú nàng phải đối mặt hàng ngày và bố nàng xưa kia cũng phải đối mặt hàng ngày.

Bỗng nhiên, vào cái ngày chôn *đứa con gái mới sinh đã mất chỉ trong một ngày* của mình, một “tia chớp trực quan” vụt sáng trong đầu óc nàng. Chàng đã sử dụng tiền bạc của bố mẹ và những nỗ lực của bản thân trong cuộc vận động tranh cử của Shea để có được công việc nơi văn phòng Tổng chương lí *nhằm có thể phá hủy gia tộc nàng*.

Ý nghĩ đó thật lồ bịch, nàng lập tức nhận ra. Nàng đã không bình thản để suy nghĩ cho rõ ràng. Nàng đã quá xúc động và quần trí, với những hormones điên rồ chạy loạn xạ từ đầu đến chân. Đây là Billy. Dẫu chàng có phạm lỗi làm gì đi nữa - và ai mà chẳng có lỗi lầm - chàng vẫn là tình yêu chân thật của đời nàng.

Tuy thế.

Khi, lần nọ, nàng kết tội Billy, về chuyện có một tội ác đàng sau khối tài sản khổng lồ của gia đình chàng, chàng đã - tỉnh như ruồi - bảo rằng chàng tin chắc là không chỉ có một mà còn rất nhiều nữa cơ đấy. *Những tên ranh ma quỷ quyết đó dám làm bất cứ điều gì*, chàng đã bảo thế - khi nói về chính bố và ông nội mình - và chàng đã đùa, theo một thứ *hài hước đen* cho ai thích cười thì cười còn mình thì mặt vẫn tỉnh bơ, ai có chọc nhột cũng nhất định không cười! Vậy tại sao chàng lại phải bận tâm về bất kỳ chuyện gì mà gia tộc nàng có thể đã làm hay không làm? Nàng biết điều mà người chị em song sinh của nàng sẽ nói: *Bởi vì chúng ta là người Ý*. Chính Kathy đã phát hiện rằng bố của vị Tổng thống đương nhiệm xưa kia từng làm ăn mật thiết với ông nội Vito. Buồn rượu lậu. Một tội ác không còn hiện hữu. Một tội ác lẽ ra chẳng bao giờ là tội ác nhưng dẫu sao cũng là tội ác. Một thế hệ sau, James K. Shea đang ngụ trong Nhà Trắng và Michael Corleone đã tự ý tách rời khỏi hoạt động tội ác và tuy vậy vẫn còn bị theo dõi bởi những kẻ không ra gì, không chút từ tâm, từ bộ máy thi hành pháp luật tại *một tang lễ chỉ có tính gia đình của đứa cháu sơ sinh của ông*. Tại sao? *Bởi vì chúng ta là người Ý*.

Mấy tuần sau đó, qua một cuộc gọi xuyên đại dương Francesca đánh thức Kathy dậy từ một giấc ngủ sâu và bảo với cô ta là nàng cảm thấy bị tổn thương biết bao khi Kathy không trở về dự lễ tang con nàng.

“Em có một đám tang?” Kathy nói. “Chị đã nghĩ chỉ là một vụ sẩy thai.”

“Chỉ là một vụ sẩy thai? Và dẫu sao, bé đã sống trong?”

“Em có biết lúc này ở đây là mấy giờ không?”

“Làm thế nào mà chị lại có thể không biết chúng tôi có một lễ tang? Khi tôi mất bé Carmela.”

“Em đặt tên nó rồi à?Ồ, cưng. Cưng đã đặt tên nó theo bà nội?”

Nó.

Francesca gác máy.

Mặc dầu Jimmy Shea đã nói là có lẽ ông ta sẽ không thể đi đến Las Vegas cho đến sau một trăm ngày cầm quyền đầu tiên, kể từ lúc Johnny Fontane trở về từ Washington, chàng ta vẫn dành thời gian trích ra từ lịch làm việc rất bận rộn của mình để nhìn qua những chuẩn bị tại cơ ngơi mới được mở rộng của anh ta làm như thể cuộc thăm viếng đầu tiên của Tổng thống sẽ diễn ra ngày mai. Johnny bổ sung thêm mười người vào bộ tham mưu của mình, kể cả một nhân viên đã nghỉ hưu của Sở Mật vụ mà công việc là giữ liên lạc thường trực với cơ quan cũ của mình, sẵn sàng thông báo ngay là Tổng thống có cần về Miền Tây để nghỉ xả hơi dăm bữa nửa tháng hay không. Hiện có một phòng khách có thể đi tới thông qua một tấm panel trượt vào trong hốc tường một cách khéo léo từ nơi sẽ là văn phòng của Tổng thống cũng như từ cầu thang gác nơi sàn nhà vệ sinh, sẽ cho phép Sở Mật vụ đưa các em vào và ra thông qua một garage ngầm mới

xây. Louie Russo đã cho Rita Duvall dây phòng riêng ở Kasbah, nhưng để dự phòng, Fontane có ít nhất là ba nữ thần sắc dục (sex goddesses) đang ngự trị của Hollywood đặt trong tình trạng sẵn sàng phục vụ bất cứ khi nào được “nhá máy”. Danny Shea đã bắt đầu “nhấp lại tình xưa” với Annie McGowan vốn trước đây là đào ruột của chàng trước khi thành hôn với Johnny, và Johnny đã ngó ý rõ ràng cho cả hai rằng họ sẽ được tiếp rước nồng hậu ở đây bất kỳ khi nào, cùng nhau hoặc riêng rẽ. Chàng ta cũng đã “phóng tài hóa thu nhân tâm” đối với một số đầu bếp tài giỏi nhất ở L.A., mỗi người được chàng nhét vào miệng năm mươi ngàn đô, chỉ với điều kiện là đồng ý buông bỏ mọi chuyện tức thì, bất kể là chuyện quan trọng đến đâu, để đến trình diện và chờ lệnh anh Johnny ngay khi được gọi. Bản thân Johnny không cần đến bất kỳ “thần phương diệu dược” nào, nhưng Bobby Chadwick và ngài Tổng thống cả hai đều khoái nạng tiên trắng cocaine; loại đặc sản mà Gussie Cicero tìm cho chàng được bảo đảm là nguyên chất trăm phần trăm.

Sự nghiệp của Johnny đang lên đến đỉnh về phương diện thương mại. Nhân hiệu thu âm mà chàng sở hữu có thể hoặc không cần được tài trợ ở mức độ nào đó bởi Louie Russo và Jackie Ping-Pong. Johnny cố gắng ở bên ngoài chuyện đó và để cho đội ngũ luật sư và kế toán đảm đương việc xử lí. Cũng như thế đối với công ty sản xuất điện ảnh của chàng và việc đầu tư của nhà Corleones. Điều anh biết rõ là cả hai công ty đều đang ăn nên làm ra, đều đang phát lên vùn vụt như điều gặp gió, chẳng khác nào một nhà máy in đô-la! Những đĩa thu âm của anh bán chạy như điên mà với chúng chàng nhận được phần tỉ lệ tác quyền ba lần nhiều hơn so với khi chàng làm cho National Records. Chàng đã thuê Philly Orstein rời khỏi National để về quản lí công ty thu âm của chàng và những hợp đồng Philly đã kí đang chất cao những đĩa vàng. Ngay cả những phim rất ẹ mà công ty chàng tung ra cũng bao trọn gói các rạp chiếu (có lẽ đặc biệt là những phim dở tệ; phim duy nhất mà công ty tung ra từ 1959 đến 1962 mà lỗ vốn trong đợt chiếu đầu tiên là phim *Fried Neck Bones* - Xương cổ chiên dòn? - với Oliver Smith -Christmas đóng vai một luật sư miền Nam trí trá và J.J. White, Jr. đóng vai một ca sĩ Da đen hát trong một quán rượu ven đường bị kết tội một cách oan ức là hiếp dâm một cô gái da trắng; ngày nay phim đó lại được coi là một phim kinh điển). Nếu Johnny Fontane mua cổ phần chúng khoán thì loại chúng khoán đó lên giá. Nếu anh mua đất thì đất chó ỉa cũng thành đất tiền đất bạc. Còn casino mà anh ta sở hữu hai mươi phần trăm ở Hồ Tahoe - Lâu Đài Trên Mây? Quanh năm suốt tháng, ngày nào cũng đầy những con thiêu thân đến để ném tiền vào... két sắt của chủ chứa! Là nơi nóng nhất của thành phố! Hẳn rồi, được làm bạn thân của ngài Tổng thống thì tốt quá. Nhưng được làm bạn chí cốt của Johnny Fontane lại càng đã hơn!

Johnny chưa nói năng gì với chàng Shea nào kể từ ngày Shea anh chính thức nhậm chức. Chàng hiểu chuyện mà, tất nhiên rồi, nhưng chỉ còn mấy ngày trước khi đánh dấu một trăm ngày cầm quyền của vị Tổng thống mới, Johnny cuối cùng cảm lòng chẳng đành và móc dế ra gọi đến số riêng mà chàng đã được Tổng thống ưu ái ban cho. Cô thư kí riêng của ngài Tổng thống lại từ chối kết nối đường dây cho chàng.

Hơi ngõ ngàng. Hơi bẽ bàng!

Nhưng chàng kịp trấn tĩnh, không để tiếng chửi thề vọt ra khỏi miệng (mà chỉ nháy múa lưng tung trong đầu!). *Nghĩ mình phương diện quốc gia - Quan trên ngó xuống người ta trông vào.* Chửi thề bậy bạ coi sao được! Nên chàng cố giữ bình thần và vẫn với giọng ngọt nhạt.

“Cô có thể nhận một tin nhắn chứ?”

“Tất nhiên rồi, thưa ông Fontane.”

“Thế này nhé: *Đem con chim của anh ra khỏi đây trước khi nó rơi xuống. Thân mến, JF.* Cứ viết đúng những từ đó nhé.”

Sau một khoảng thời gian, cũng chính trong ngày đó, khi tin tức bắt đầu loan truyền rằng cuộc

đổ bộ nhằm tái chiếm Cuba không phải là việc làm điên rồ của một nhóm người vong quốc thù hận chính quyền mới mà thực ra là đã được tiến hành với sự hậu thuẫn của chính quyền Mỹ, Johnny cảm thấy nhột nhột về chuyện gửi một tin nhắn lông bông nhằm nhí như thế cho vị nguyên thủ trong khi ngài bận rộn lo toan bao chuyện đại sự của quốc gia. Nhưng anh chàng nhân viên Mật vụ về hưu nói với anh rằng chẳng ích gì khi gọi cho cô thư kí và bảo cô ta ném cái tin nhắn kia vào sọt rác. Nếu như nó đã được ghi vào nhật kí công tác thì nó sẽ còn ở đó mãi và phải đợi khoảng năm mươi năm sau mới được tiêu hủy!

Tuy vậy, chẳng bao lâu sau phần tệ hại nhất của cuộc tranh cãi về vụ đổ bộ Cuba cũng qua đi - dầu sao thì toàn bộ chiến dịch đã được vị tiền nhiệm của Jimmy duyệt y rồi, một chuyện mà ông phải kế thừa và đã được đẩy đi quá xa để còn có thể dừng lại - và Corbett Shea gửi lời rằng Tổng thống đang dự tính làm chuyến kinh lí đầu tiên về Miền Tây. Ông đã kí một sắc lệnh xây dựng một công viên quốc gia mới không xa Las Vegas cho lắm và ông muốn đọc một diễn văn tại địa điểm đó. Ông còn có một vài nơi dừng chân khác - những khoảng thời gian thoải mái vui tươi để nghỉ ngơi xả hơi, tìm thư giãn cho đầu óc sau cuộc chiến tranh cân não căng thẳng với “con gấu Bắc cực” về vụ Cuba.

“Xứng đáng lắm, tôi được phép nói thêm,” Johnny nói, và đúng thế. Ngay cả những đối thủ chính trị của Jimmy cũng phải thừa nhận rằng, để qua vụ hành động táo bạo có phần nông nổi ở Cuba, thì vị Tổng thống trẻ tuổi có sức thu hút đã đạt được một trong những khởi đầu tốt nhất trong lịch sử Hoa kỳ. “Hãy đến sớm nếu quý vị thích,” Johnny nói. “Hãy mang theo phu nhân hay đến một mình. Ở lại bao lâu tùy ý quý vị.”

“Phu nhân của ta!” ngài Đại sứ nói và cười ha hả. Ông ta đã từng đến tổ quỉ của Fontane ở Beverly Hills, Hollywood, một đôi lần và là một lão già dê lang thang, dê ẩu tả, dê loạn xạ khiến người ta phải sượng sùng khó chịu!

Mấy ngày sau ông ta đến với chỉ có đội đặc nhiệm Mật vụ của ông ta. Ông ta ngồi ngoài vườn, bên hồ nước, trần truồng một cách trơ tráo, gọi điện thoại đường dài hầu như liên tục, rõ là đang giận dữ hầu như mọi lúc, nhưng vẫn giữ giọng thấp. Lúc này lúc khác lão ta dùng nói mấy phút và đi về phòng dành cho mình để đánh một quả hay cạp vài miếng với một trong các em điểm cao cấp mà Johnny đã điều động đến. Ngài Đại sứ chẳng bao giờ đi xuống phố để xem sô diễn nào hay đánh cá hữu nghị cho vui, ngay cả không bao giờ chơi tennis, mặc dầu lão ta nói là vẫn còn chơi và Fontane đã bố trí một sân luôn sẵn sàng sáng đèn.

Những xe tải nhỏ chở đồ ăn thức uống ùn ùn chạy đến để chuẩn bị lương thực cho cuộc thăm viếng sắp tới của ngài Tổng thống. Cái ngày trước khi Tổng thống rời Nhà Trắng để đi kinh lí Miền Tây, Johnny dùng một chiếc xe tay đẩy chuyển hàng mới nhất đến bên hồ bơi lớn và trình cho vị khách quý. Đó là một tấm biển đồng, dày, dài bốn feet cao ba feet, ghi dòng chữ TỔNG THỐNG JAMES KAVANAUGH SHEA ĐÃ NGỦ Ở ĐÂY.

“Anh định dùng cái thứ đó vào việc quái quỷ gì vậy?”

“Ông nghĩ gì thế, Corbett? Tôi đã gọi cả một toán thợ đang trên đường đến đây ngay để gắn tấm biển này lên phía trên đầu giường trong căn phòng mà Jimmy sẽ ngủ nghỉ. Tôi đã định cho khắc thêm những dấu “nháy nháy” quanh chữ *ngủ*, nhưng rồi tôi không muốn tỏ ra bất kính.”

Ngài Đại sứ cau mày. “Hơi lớn đấy, bạn có nghĩ thế không?”

“Nhìn lại xem, Corbett. Lớn nhất và tốt nhất trong mọi thứ. Bạn bè của tôi xứng đáng được hưởng những gì hoàn mỹ nhất.”

Ngài Đại sứ lắc đầu. “John à, chắc là có sự hiểu lầm rồi. Jimmy không đến đây đâu.”

Những lời đó làm Johnny mất tinh thần. “Ông nói nghiêm chỉnh đấy chứ? Không có ý tưởng nào về thời điểm họ đến đây ngày mai sao? Tôi có một số chuyện phải thu xếp để lo cho việc tiếp đón được chu đáo.”

“Anh lắng tai sao, anh chàng Ý khờ khạo? Anh cu nhón của ta sẽ không đến đây. Ta có bao giờ nói là anh ấy sẽ đến đây đâu? Còn anh đã có lời mời ta đến đây, thì ta đến. Chứ lúc này đây thì anh cu nhón của ta còn có quá nhiều chuyện lớn khác phải quan tâm. Anh ấy sắp đọc một diễn văn, nhưng chưa “huôn” để vui chơi với bạn bè, em út. Ngay cả khi cần vui chơi thư giãn thì cũng sẽ là một ý tưởng không hay khi một vị Tổng thống lại la cà nơi một thành phố như Las Vegas hay ở một ngôi nhà như... ờ, nhà của anh.”

Chàng Johnny Fontane cảm thấy ức lòng đến muốn nghẹn thở. “Sao, nhà tôi thì sao nào? Jimmy chẳng từng ở nhà tôi sao? Còn ông, bố anh ta, ông đang ở nhà ai đây? Ông đang làm nhảm cái gì thế?”

Tức quá thì phải nói thế cho hả tức, nhưng rồi Fontane cũng nhanh chóng hình dung ra tình huống hiện nay.

“Anh biết là chúng tôi trọng thị tất cả những gì anh đã làm cho chúng tôi,” Ngài Đại sứ khoan thai lí giải và... xoa bóp (sau khi đấm chàng Fontane một cú đến ê càng).

“Nghe rõ ra là một kiểu tránh né mà không cần màu mè ngụy trang.”

“Tôi xin lỗi nếu có sự hiểu lầm ở đây, John à. Nhưng lỗi là tại cái thằng bú c... t đó ở Cuba. Hắn *làm vướng víu* anh cu nhón nhà tôi. Chúng tôi đang xem xét và cân nhắc những gì chúng ta có thể làm để báo thù. Các bạn là người Ý, hẳn các bạn hiểu điều đó, đúng không? Báo thù?”

Cái thằng bú c... t đó ở Cuba (that cocksucker in Cuba) thì có liên hệ chi đến một hành vi bất lịch sự đến độ thô bạo như thế này. “Ông nghĩ bao nhiêu đồ ăn thức uống này là để cho ai? Tất cả những -” Tôi làm thế quái nào mà biết được?” Ông ta đứng lên, để rơi chiếc khăn choàng xuống, hoàn toàn trần truồng với đôi cánh tay giang rộng ra. Ông ta cao lớn nhưng hơi mảnh dẻ. Tại sao một lão dê cụ như thế này lại nhất định đi lang thang mọi lúc với con cu thun lại, đong đưa trong gió, điều đó quả là Johnny không tưởng tượng nổi. “Trông tôi có giống như mang lịch giao tiếp của anh, được giấu nơi nào đó trên người không?”

Johnny Fontane lắc đầu. Anh nuốt xuống cơn bão lửa giận dữ đang bùng lên trong lòng. Chuyện này “quê đậm” đây. Quê khó huề. Mà có huề cũng vẫn còn quê! Anh buông tấm biển đồng xuống, đi lòng vòng rồi đi vào trong. Anh không nghĩ là “quét” cho ông bố của Tổng thống thành một đồng chả sống máu me bấy hầy là một nước cờ hay. Anh bị cám dỗ muốn làm vài cuộc gọi và gửi vài em đang mang mầm bệnh giang mai lậu mủ gì đó đến bấy lão già dê phách lối cho bõ ghét. Gì chứ món *gỏi phao câu* là lão này không bao giờ chê rồi. Dính bấy là cái chắc. Nhưng rồi anh cũng tự chủ được và vượt lên ý nghĩ đó. Đại trượng phu muốn làm chuyện lớn thì phải nghĩ đến những mục đích cao xa mà bỏ qua những tiểu tiết. Thôi coi như mình xui xẻo gặp phải lão khùng nói năng linh tinh hành xử lung tung mà ta vẫn chịu được thì âu cũng là một dịp để *luyện chữ nhẫn* vậy!

Sáng sớm ngày hôm sau, ngài Đại sứ lặng lẽ rời đi không lời chào từ biệt.

Bên ngoài, Johnny dường như nhận lãnh cú hắt hủi ghẻ lạnh này với sự khắc kỉ đặc trưng Sicily rất ấn tượng. Chàng ta còn thuê một xe tải và phụ với nhân viên của mình chất đồ ăn lên xe. Chàng cho người tài xế những hướng dẫn đến nhà bếp của những khu phố nghèo nhất ở L.A. với lời dặn dò rất kỹ là chỉ nói với nhân viên phụ trách rằng đây là quà tặng từ một nhà hảo tâm vô danh.

Tổng thống đọc diễn văn. Johnny Fontane xem trên Tivi. Thật khó mà giận một người có khả năng gợi cảm hứng cho bạn về tương lai của đất nước mình như thế.

Nhưng ở cuối câu chuyện, phóng viên thông báo rằng Tổng thống sẽ trải qua tuần tới ở Malibu, nghỉ ngơi tại nhà một người bạn cùng học chung ở Princeton của ông, một luật sư - theo lời phóng viên nọ - là hậu duệ trực hệ của Tổng thống John Adams."

Fontane nhìn trong nỗi nghi ngờ sững sờ.

Anh chàng Ý khờ khạo.

Chàng tắt Tivi và ra ngoài, đi đến nhà xưởng mà các toán thợ xây dựng từng sử dụng. Thùng thuốc nổ TNT mà họ đã dùng để khoét một lỗ sâu trong đá nơi hiện nay là hồ bơi thứ hai, chỉ còn lại hai bánh thuốc nổ. Trước nay chàng ta chưa từng học cách sử dụng TNT nhưng vì quá tức giận nên hết biết sợ, ít ra là cho đến khi chàng đốt bánh thứ nhất và thấy ngọn lửa chạy nhanh xuống dây mồi. Chàng ném mạnh bánh thuốc nổ và nó rơi xuống ngay giữa bãi đáp trực thăng. Cát và từng cục xi măng bằng nắm tay tung lên trời rồi rơi xuống như mưa.

Chàng người Ý khờ khạo.

Sau khi lãnh bánh thuốc nổ thứ nhì, bãi đáp trực thăng gần giống như miệng núi lửa.

Chương 26

Tom Hagen đi sớm để đến giờ chơi golf, tạt vào nhà hàng của câu lạc bộ để uống cà-phê. Anh kêu hai ly, theo thói quen, để không phải chờ đợi nhờ pha thêm.

“Ông Hagen!” giọng ai đó gọi anh.

Hagen nhìn vòng quanh. “Ông Đại sứ,” anh nói. Tiến lại gần bàn của ông già, đưa tay ra. Corbett đang ngồi cùng bàn với những người ở Sở Mật vụ. “Quả là một ngạc nhiên thú vị.” Chuyện ông ta từng lưu trú tại tổ quỷ của Johnny Fontane có vẻ là một bí mật, nhưng ít có bí mật nào ở Nevada mà Hagen lại không biết. “Cái gì mang ông đến Las Vegas?”

“Tổ chức của tôi đang xem xét yêu cầu xây dựng một nhà hát cho viện đại học ở đây,” ông nói. “Tôi thật sốc khi Las Vegas cũng có cả một viện đại học mà lại thiếu khoa sân khấu kịch nghệ. Tôi phải đích thân đến đó xem xét. Ngồi xuống đi.”

Làm như chàng là một con chó bị nguyên rửa. Nhưng ngài Đại sứ vốn như thế. Hagen bảo người phục vụ đem cà-phê qua cho mình, rồi ngồi xuống. “Xin lỗi tôi chỉ còn ít phút nữa thôi. Đến sớm để đánh golf.”

Ngài Đại sứ nâng cốc lên. “Không bao giờ là quá sớm để uống trà.”

“Tôi là người ghiền cà-phê,” anh nói. “Ông là hội viên ở đây?”

Ông Đại sứ co rúm người lại, như thể Hagen hỏi ông là ông đã từng chơi vệt chưa.

“Con ngài đang làm một việc phi thường đấy,” Hagen nói. “Tôi không ở Washington lâu, nhưng cũng đủ lâu để biết gánh vác quốc gia đại sự là trách nhiệm nặng nề, đặc biệt là những việc có thể thực sự tạo ra khác biệt trong đời sống của người Mỹ trung bình.”

Điều này đã phóng ngài Đại sứ vào một tràng khoe khoang tăng bốc con mình. Tuy vậy, Hagen đã thành thật. Mấy đứa con của anh treo hình Tổng thống Shea trên tường, gần bên các ca sĩ rock-and-roll, các ngôi sao điện ảnh và Chúa Jesus. Dầu cho cuộc bầu cử có bị tai tiếng và dầu cho Jimmy Shea có vẻ là tay mơ thiếu kinh nghiệm, Hagen đã ngạc nhiên nhận thấy anh ta đã nhanh chóng trở thành một lãnh tụ lớn như thế nào. Chuyện này làm Hagen nhớ lại lúc anh chỉ dạy Michael tiếp quản quyền lực từ Bố già.

Hagen uống cạn ly cà phê thứ hai. Anh phải đi. “Ông còn ở thành phố này lâu không?” anh hỏi.

“Thực ra là đang trên đường đi ra,” ông ta nói. “Vài cuộc gặp gỡ nhanh, và tôi hướng đến cái lỗ địa ngục sa mạc kia để đi đến California.”

“Lúc nào thuận tiện chúng ta chơi lại ván tennis đó nhé,” Hagen nói.

“Ván tennis nào vậy?”

“Thôi quên đi,” Hagen nói. “Làm ơn gửi lời thăm hỏi của tôi đến Tổng thống. Chúc ông ấy vạn sự như ý.”

“Vâng, tôi sẽ nói lại với anh nhà tôi.”

Tom Hagen dành lòng kiên nhẫn cho công việc và gia đình và không còn lại chút nào cho trò

chơi golf nữa. Anh thuê một chiếc xe đẩy bất cứ khi nào có thể. Anh lại gần quả bóng, nhắm vào nó, đánh bốp một phát. Rồi quên đi.

Hôm nay anh chơi golf với Michael, Hal Mitchell và một anh chàng bạn của Michael tên Joe Lucadello mà anh chưa gặp lần nào.

Michael cũng đã nghe rằng Corbett Shea đang ở thành phố này. Người ta tưởng là Tổng thống đã có kế hoạch đến nghỉ ngơi tại nhà Fontane nhưng rồi vì lí do nào đó phải hủy bỏ dự tính đó. Điều này không có nghĩa là câu chuyện về Đại sảnh Corbett từng được đề xuất là hoàn toàn giả tạo.

Đứng bên cạnh Hagen nơi chiếc xe, Hal Mitchell lắc đầu và cười nụ. Trong bất kỳ khung cảnh nào khác chắc là Hagen sẽ không dám ăn nói với Michael theo cái điệu suồng sã bỗ bã như này giờ. Nhưng có một qui ước được hiểu ngầm là khi cùng chơi thể thao Tom vẫn là đại ca không khác thời thơ ấu khi anh lớn Tom chỉ dạy cho chú út Mike chơi tennis. Những người bạn cùng chơi với họ không có vẻ giật mình sững sốt về hiện tượng đó như những người khác. Hai người bạn này đều biết Mike đã khá lâu tuy chưa lâu bằng Tom nhưng cũng đã gần vài chục năm rồi - Mitchell từ khi cùng quân ngũ và xuyên suốt cả cuộc chiến và Joe Lucadello thì còn lâu hơn, từ những ngày cùng Mike đèn sách ở Christ's College, Cambridge. Joe là một chàng trai gầy ốm đến từ Philadelphia với quần áo lòe loẹt sắc sỡ và một miếng che mắt trái. Anh ta đến Vegas nghỉ ngơi, làm khách mời ở Lâu Đài Trên Cát. Đây là lần đầu Hagen gặp anh ta.

“Mike nói với tôi là bạn và anh ta cùng gia nhập Không lực Canada,” Mitchell nói.

“Không lực Hoàng gia Canada, ông Mitchell à,” Joe nói, nháy mắt.

“Hãy gọi tôi là Sarge” (phát âm trại đi của Sergeant, Trung sĩ), anh ta nói. “Bạn bè đều gọi tôi như thế.” (anh ta phát âm my friends thành *my fwiends*).

“Cám ơn anh bạn.”

Từ khi có chuyện Fredo, tâm tính Michael hay biến đổi thất thường. Chuyện đó cũng đề nặng lên Hagen. Trong tư cách *consigliere*, anh ta vẫn luôn tin rằng có những điều cần phải làm và bạn đã làm. Một khi bạn đã làm, bạn không bao giờ nói về nó nữa. Bạn quên nó đi. *Ngay cả chỉ một khoảng cách như đường tơ kẽ tóc giữa tin vào một điều và làm điều đó cũng đủ là không gian dung chứa bao cơn mộng dữ.*

Hãy nhanh chóng thoát khỏi tâm trạng đó. Đánh bốp vào nó và quên nó đi.

Hagen được dành vinh dự phát bóng. Anh vụt mạnh vào quả bóng khiến nó vọt bắn đi hơn hai trăm năm mươi yards, theo một đường thẳng bằng.

“Tôi không nắm được những gì bạn làm, Joe à,” Mitchell nói trên đường đi đến lỗ kế tiếp, hai chiếc xe đẩy của họ sóng hàng bên nhau trên lối đi. “Vẫn còn là *piwot*?” (pilot, phi công).

“Buồn cười thật đấy,” Joe nói. “Bạn quả là người có khiếu hài hước. Tôi biết bạn quản lí một casino, nhưng tôi không hề có ý tưởng nào về chuyện bạn còn là một trong những diễn viên hài có tài đấy.”

Viên Trung sĩ định nói là *pilot*, nhưng anh ta đã phát âm - theo Hagen nhận ra, và Joe cũng tưởng lầm - thành *pirate* (cướp biển). Nhưng Hagen không muốn làm Mitchell lúng túng bằng cách đính chính sự hiểu lầm của Joe, và anh cũng không thể “tiếp nhãn” (make eye contact, đá lông nheo) với Mike. Trong một thời điểm kéo dài, đầy nhột nhạt, dường như không ai biết phải nói gì đây và nói thế nào.

Chính vào lúc đó mà Hagen lần đầu tự hỏi Joe Lucadello có thực là bạn cũ của Mike ở Christ's College, Cambridge, chứ không phải là thành viên của một Gia đình khác?

“Không phải là *piwate*,” chàng Trung sĩ la toáng lên. “*Piwot*.” Anh ta vươn ra cả hai cánh tay để diễn kịch cầm *máy bay*. Chiếc xe của anh ta đột ngột ngoặt vào một bầy cát. “*Pwanes*” (anh ta muốn nói ‘planes’, máy bay).

“A, hiểu rồi,” Joe nói. “Xin lỗi. Ờ, không. Ngay sau chiến tranh tôi làm cho Hàng không Phương Đông. Nhưng mà, không...”

“Bạn bị chuyện đó trong chiến tranh, phải không?” Mitchell nói. “Con mắt ấy?”

“Nhiều hơn hoặc kém hơn. Mà cũng có thể là không hơn không kém.” Joe lửng lơ, ồm ồm, theo cái điệu... “trót hươt”, ai muốn hiểu sao thì hiểu!

Nhiều hơn hoặc kém hơn? Mà cũng có thể là không hơn không kém? Hagen phân vân. Có thể là cái kiểu tạo dáng” lửng lơ con cá vàng” kia chưa hẳn là kì dị như mới thoát nghe. Nhiều tay cựu chiến binh thích khôi hài khi nói về chiến tranh. Hagen không phải là cựu chiến binh, nhưng ba chàng kia đều là. Mitchell có vẻ chấp nhận chuyện tránh né không trả lời như là chuyện không có gì lạ.

Hagen đặt bóng lên cọc phát bóng.

“Vậy bạn đang làm loại công việc gì?” Mitchell hỏi.

“Thì... này kia nọ,” Joe trả lời nhơn nhơn, trơn tuột như con chạch.” Những mặt khác nhau của các loại công việc, bạn biết chứ? Chủ yếu là tôi coi mọi chuyện đều... dễ thương và thoải mái như bài ca *Take it nice and easy* đã nói lên cái... triết lí dung dị ấy!”

Hagen lùi lại nhường quyền đánh bóng cho người khác. Anh ta đã sắp đánh bóng đi nhưng cuộc đối thoại khật khừ, lửng lơ kia thu hút sự chú ý của anh. Chuyện phá vỡ nghi thức đánh golf không làm anh phiền hà gì. Người ta tán hươu tán vượn thế nào tùy thích, anh chẳng bận tâm. Có điều là Joe đã nói những gì mà một kẻ ranh ma quỷ quyết có lẽ đã nói. Michael được cho là đến thành phố này vì những cuộc gặp gỡ với các cổ đông của hai công ty nhà anh, còn Joe được cho là đến đây để nghỉ ngơi vui chơi. Chuyện này có nghĩa là gì nếu như Joe ở trong một gia đình khác? Hagen vẫn luôn luôn giả định là có điều gì đó khác hơn là ước muốn trở thành một công dân tuân thủ luật pháp(a law-abiding citizen)nằm sau việc Michael phong cho Geraci làm Ông Trùm. Nếu Mike thành thật trong chuyện thoái vị nhường ngôi, tại sao chàng ta lại làm chuyện đó với bao nhiêu những sợi dây ràng buộc? Ủy ban? Có lẽ họ sẽ vui sướng nếu anh từ bỏ quyền lực. Michael đã nói rằng đấy là để bảo vệ: chính mình, gia đình mình, những quyền lợi kinh doanh của mình. Hoặc có lẽ Michael không thể để mình buông bỏ mạng lưới liên kết, vốn vẫn luôn là tài sản có giá trị nhất của nhà Corleones.

Hoặc có lẽ có liên hệ nào đấy với nhân vật Joe này.

Hagen nhắm vào quả bóng.

Anh tiếp tục tin rằng Michael đã tạo ra câu đố rối rắm và xuất sắc mà xưa kia Vito vẫn thường xây dựng và Hagen thường thích thú tìm lời giải (tại sao Hagen lại bực bời khi làm điều này với Michael thì anh vừa hiểu lại vừa không hiểu). Có thể nào tên cướp biển với chiếc quần Sansabelt màu cam kia là chìa khóa cho mọi chuyện này? Hagen chưa kiểm tra nhân thân anh ta trước đây. Michael đã nói rằng chàng ta và Joe đã học chung lớp ở Christ's College, Cambridge và Hagen đã chấp nhận điều đó theo giá trị bề mặt. Joe nói rằng anh ta đến từ

Jersey, nghĩa là bên ngoài nhà Philly, nhưng Hagen không thực sự biết những người nhà Philly. Họ sống khép kín trong vòng thân tộc thôi nên người ngoài chẳng mấy ai biết được gì nhiều về họ. Tuy vậy New Jersey có thể là một dấu hiệu chỉ dẫn. Michael có cái đầu nhìn xa trông rộng hơn là những gì ngài Đại sứ hé cho anh biết. Còn Hàng không Phương Đông? Có rất nhiều ổ để cắm phích vào và để xem thử chúng có giúp cho Hagen giải được ẩn số x là gì không.

Vẫn còn mặc bộ đồ chơi golf, Tom Hagen bật đèn trong văn phòng của anh ta ở Las Vegas, bên trên một tiệm giày gần Fremont, và ngồi xuống bàn giấy của mình, một cái bàn mặt cuộn xưa kia là của Genco Abbandando, được đưa đến đây từ nhà của Vito Corleone. Đến điểm này trong sự nghiệp của Hagen, anh có mạng lưới những liên kết để lần dò manh mối câu chuyện về bất kỳ người nào trên bàn làm việc của mình, thường là chỉ với ba hoặc bốn cuộc gọi, gần như luôn luôn chẳng mất mấy tí thời giờ. Một giờ, theo tiêu chuẩn của anh, là một sự phô diễn khá tồi tệ rồi đấy. Anh đã có thông tin mà Lucadello đưa đăng kí ở Lâu Đài Trên Cát và những gì anh đã tìm hiểu được về anh chàng này trong buổi sáng nơi sân golf. Anh ước lượng rằng chuyện tìm hiểu về Joe Lucadello sẽ mất ba cuộc gọi và hai mươi phút. Hagen nhìn vào đồng hồ, ghi nhận thời gian, và nhắc điện thoại.

Bốn giờ sau đó Hagen vẫn chưa thu thập được gì. Không có ai mang tên đó từng làm việc cho Hàng không Phương Đông, hay làm phi công cho Không lực Hoàng gia Canada, hay từng học ở Christ's College, Cambridge. Người nhà Philly chưa từng nghe về nhân vật đó. Anh ta chưa bao giờ lấy dấu vân tay ở bất kỳ nơi nào trên đất Mỹ. Anh ta chưa bao giờ đăng kí một chiếc xe, một chiếc thuyền, một khẩu súng, hay một đơn khiếu kiện hợp pháp nào. Anh ta chưa bao giờ đóng thuế lợi tức liên bang. Hẳn rồi, căn cước có thể là giả, nhưng ngay cả một căn cước giả cũng để lại nhiều vết tích hơn là chuyện này. Theo như Hagen có thể tuyên bố, thì thật ra hiện nay không có người nào là Joe Lucadello đang sống trên cõi đời này cả. Mà suốt buổi sáng nay anh đã chơi golf với Casper Con Ma Một Mắt tự xưng là Joe Lucadello đấy thôi!

Nhằm *tìm chút gì làm định mức khuây khỏa cho trôi qua buổi chiều*, anh thanh kiểm lại câu chuyện của ngài Đại sứ. Tất cả đều đúng: ông ta đã ở nơi “tổ nóng” của Johnny nhưng đã rời đi; ông ta thực sự có gặp gỡ một số người ở đại học, họ rất nóng lòng muốn biết rằng dường như Ông Shea có khuynh hướng tán đồng việc xây dựng đã được đề xuất. “Muốn đọc ý nghĩ của ngài Đại sứ quả có hơi khó đấy,” Hagen nghĩ. “Tuy vậy, vẫn chúc bạn may mắn,” anh gật gù tự nhủ.

Anh lại nhìn vào đồng hồ đeo tay. Chỉ còn vừa đủ thời gian để thay quần áo và chạy đến dự lễ khai trương viện bảo tàng nghệ thuật.

Anh cấp tốc đến khách sạn và chạy lòng vòng để sẵn sàng vọt ra trong đêm như thể anh đã trễ lắm rồi vậy, thế nhưng anh đã đến viện bảo tàng sớm, như thường lệ. Lễ khai trương còn hai mươi phút nữa mới bắt đầu. Theresa, vợ anh, nữ chủ tịch Ủy ban Thu thập Bảo tàng, đang ở sân bay đón nhà nghệ sĩ. Cô trưởng ban lễ tân ve vấy ngón tay vào Hagen, yêu cầu anh dừng lại nhưng giám đốc bảo tàng đã kịp lao tới, xin lỗi rồi rút phu quân của nữ chủ tịch.

Tom chưa từng nghe về nhà nghệ sĩ này, nhưng anh thấy ngay là cuộc triển lãm là ý tưởng của Theresa về một sự thỏa hiệp, được trang trí với một trò đùa lấu lỉnh. Anh không thể không mỉm cười. Nàng có một chứng chỉ về lịch sử nghệ thuật và thị hiếu của nàng hướng về hội họa trừu tượng. Nhiều quý bà trong ủy ban của nàng là vợ của các chủ trang trại “chân quê” không biết gì mấy về nghệ thuật nhưng biết rõ họ thích gì. Họ thích những tranh sơn dầu đầy vẽ tang tóc thê lương của người Da đỏ. Họ thích Norman Rockwell. Họ thích một số tác phẩm đầu tay của Picasso. Cuộc triển lãm được đặt tên là “Mèo, Xe và Hí họa: Nghệ thuật Pop của Andy Warhol.” Những chiếc xe giống như được sao chép từ các mẫu quảng cáo trong các tạp chí, với cùng hình ảnh của một chiếc xe thể thao lặp lại theo những dây thăng hàng và nhiều màu. Hí họa là những bức phóng lớn đầy vết sừng tấy những hình ảnh từ Popeye và Superman. Và họ cũng thích những con mèo, ngay cả những con mèo màu xanh lá cây với những con mắt đỏ rực gây cho Hagen một cảm giác bồn chồn sợ sệt.

Dây thừng chằng ngang bằng nhưng hạ xuống. Theresa vẫn chưa đến. Đám đông dần trải rải rác bắt đầu thu gom lại.

“Xe đẹp đấy,” Michael vừa nói vừa chỉ vào. Anh ta cùng đi với một nhóm cổ đông trong công ty bất động sản lớn nhất của gia đình, cùng với Al Neri và vài tay cơ bắp. Sau cuộc này, tất cả sẽ cùng đi đến một bữa ăn riêng mà Enzo Arguello cho dọn lên tại phòng khiêu vũ quay tròn tại Lâu Đài. “Tuy vậy, tất cả những màu sắc khác nhau đó làm cho người ta khó lựa chọn.” Michael nói thêm.

“Tôi lại nghĩ có lẽ đó chính là điểm nhấn.” Hagen góp *nhời bàn Mao tôn Cương... ầu!*

Cuối cùng Theresa đến với nhà nghệ sĩ, một chàng trai trẻ mảnh khảnh, mặt trông ngơ ngác với tóc vàng hơi pha hồng và cặp kính màu đỏ. Đám đông đi theo anh ta.

“Anh bạn Joe của chú có vẻ là người tốt nhỉ?” Hagen gợi ý.

“Đúng vậy,” Michael nói. “Một trong những người tốt nhất mà tôi từng gặp.”

“Vậy sao?” Hagen lấp lửng.

“Anh đã có một buổi chiều hay ho nhỉ?” Michael cạnh khóe.

Một cách mát mẻ nhưng không hề êm ái.

Làm thế nào mà hắn có thể biết về nhà buôn ở Bonanza Village kia nhỉ? Hagen đã thận trọng thực hiện mọi biện pháp đề phòng. Hay là trong các bông hoa có dấu những thiết bị nghe lén? Hoặc là điện thoại bị bí mật theo dõi?

“Anh không tìm ra manh mối gì, phải không?” Michael nháy mắt.

Lucadello. Đó là đề tài anh ta đang nói về. “Tôi chỉ làm một vài cuộc gọi về anh ta,” Tom nói. “Và vài công việc giấy tờ khác. Còn để trả lời câu hỏi của chú, đúng, tôi không.”

“Nếu anh muốn biết về anh bạn Joe, tại sao anh không hỏi tôi?”

“Tôi chỉ hơi tò mò tí thôi,” Hagen nói.

Michael nâng ly rượu lên và gạt đầu hướng về phía con mèo xanh lá cây. “Quá nhiều hiếu kỳ đấy,” anh ta nói, nhưng không uống ngụm nào.

“Tôi biết anh nghĩ thế nào, Tom à,” Michael nói, chuyển sang phương ngữ Sicily. “Tôi biết những gì anh làm. Bản chất anh là thế và đó là lí do tại sao anh lại là một luật sư giỏi.”

“Vậy anh ta thuộc Gia đình nào?” Tom hỏi, cũng bằng phương ngữ Sicily. “Tôi có tiếp xúc với Nunzio ở Philly.”

“Tại sao anh nhảy đến kết luận rằng Joe là một phần trong tổ chức của chúng ta, Tom? Bởi vì anh ta mang một cái tên Ý? Tôi thất vọng về anh đấy.”

“Không phải vì anh ta mang một cái tên Ý, không phải thế. Chú nghĩ chú đang nói chuyện với ai vậy?”

“Xem nào, được thôi. Mọi điều anh muốn biết về Joe thì đích thân anh ta sẽ cho anh hay.”

Michael chuyển sang tiếng Anh trở lại. “Đúng hơn là, mọi điều mà anh cần biết. Bằng bất cứ giá nào, chúng ta cũng sẽ gặp anh ấy vào lúc nửa đêm, nơi đây phòng tôi.”

Theresa đã thoát ra khỏi vòng người vây quanh nhà nghệ sĩ và đi thẳng tới chồng nàng và Mitchell. “Các anh thấy sao?”

“Tuyệt lắm,” Michael nói.

“Một nghệ sĩ có tầm nhìn xa trông rộng, đi trước thời đại đấy.” Tom dùng lối “khoa trương lồng ngôn pháp” để tô vẽ cho câu chuyện thêm phần đa âm đa sắc. Nàng vòng cánh tay quanh chồng như thể họ vẫn còn là hai cô cậu học trò.

“Em không thích anh chàng khệnh khạng này lắm,” Theresa nói. “Nhưng, tin em đi, tranh của anh ta độc đáo đấy. Và anh ta là nghệ sĩ lớn chứ không phải loàng xoàng đâu.”

“Máy bay anh ta đến đây bị trễ chuyến phải không?” Tom hỏi, giang hai cánh tay ra nhại động tác của chàng Trung sĩ hồi sáng, khiến chàng Mike phải chịu khó... vén môi cười một phát!

Theresa lắc đầu. “Anh ta bắt tôi dừng xe để anh ta ra ngoài, tản bộ xuống phố Thoát y vũ. Anh ta nhìn trùng trùng vào một cái lều bạt lớn, chỉ nhìn trùng trùng, bất động, vì - ôi lạy Chúa, tôi không biết vì cái gì, mà lâu quá là lâu. Ngang một shop bán đồ lưu niệm anh ta cũng đứng như trời trồng mà không mua món nào. Anh ta lấy tờ bướm của tất cả các nhà chứa. Hàng trăm tờ như thế, rõ ràng là vì... nghệ thuật, nhưng rồi ai phải mang ba cái thứ lằng quằng để bị bới móc thành xì - căng - đan đó? *Tôi*. Thế có phải là oan ôi ông Địa không?

“Rõ ràng là vì nghệ thuật?” Tom hỏi.

“Em không nghĩ là anh ta thích gái,” Theresa nói theo kiểu thì thầm trên sân khấu (nghĩa là làm như thể nói riêng cho ai đó nghe, không để người khác nghe, nhưng thật ra thì ai cũng nghe được cả!).

Tom quay mắt đi khỏi mắt Michael.

“Dầu sao,” Theresa tiếp, “bây giờ thì anh ta đứng ở đó và nói với mọi người rằng trong tương lai, cả nước Mỹ sẽ là một Las Vegas rộng lớn. Chứ không phải *giống như* Vegas. Mà *là* Vegas. Anh ta đã đến đây ba giờ rồi đấy.”

Michael nhún vai. “Tài chưa biết đến đâu, chứ tật thì hơi bị nhiều!”

Sau buổi gặp mặt ăn tối, khi họ đến dãy phòng của Michael, Joe Lucadello đã ở đó, không sơ - mi, vẫn chiếc quần màu cam, ngồi ở quầy bar và chơi trò *solitaire*.

“Tom! Khoản đãi hậu tình ghê. Nào mời vào.” Làm như thể đây là nhà anh ta vậy. “Mike bảo tôi là anh quan tâm muốn biết về tôi nhiều hơn. Thật vinh hạnh cho... kẻ hèn này quá!”

Tom đã ở bên Michael suốt cả thời gian nơi viện bảo tàng. Đâu còn có lúc nào để Michael có thể nói riêng với Joe bất kỳ chuyện gì.

Al Neri và Tommy Neri đã theo chân họ đi vào. Michael gạt đầu ra hiệu và họ hướng sang phòng kế bên, khép cửa lại sau lưng.

“Mike bảo với bạn thề hử?” Hagen nhìn quanh căn phòng và nhận ra tại sao nơi chốn này có vẻ quen thuộc đến thế. Cái bàn hình hồ nước. Đây chính là dãy phòng nơi Fredo từng sống trước khi có vợ. Phòng đã được trang trí lại nhưng vẫn là cái bàn đó. Michael bật Tivi lên, hơi lớn. Một

chiếc Tivi mới. Trước kia Fredo luôn vặn Tivi lên mọi lúc chỉ để có tiếng ồn, nhưng bây giờ họ bật Tivi lớn tiếng là để bịt những thiết bị nghe lén có thể do ai đó cài đặt. Buổi chiều trẻ đang phát sóng, một phim cũ với những người mặc togas.

Joe tay này đưa lên một chai Pernod đã mở, tay kia một chai Jack Daniel có đóng dấu, và nhướn đôi mày. Khi anh ta làm thế, Hagen cố nhìn xuyên qua miếng che mắt, nhưng vô hiệu.

“Cho tôi qua tour,” Tom nói. “Xem này, tôi không muốn tỏ ra bất kính, nhưng tôi đã qua một ngày dài, và ngày vẫn chưa qua, vậy nên xin bạn không phiền kể cho tôi biết điều gì đang xảy ra? Dầu bạn là ai.”

“Anh ấy là Joe Lucadello,” Michael nói, vừa nghịch các quả bóng trên bàn. “Thề có Chúa đó là sự thật.”

“Mặc dầu tôi đã không là Joe Lucadello trong mười lăm năm,” Joe công nhận.

“Thế à?” Hagen nói. “Vậy bạn là ai?”

“Không là ai cả. Mà cũng có thể là bất kỳ ai. Mikes biết tôi trong tư cách là Joe Lucadello, vốn tôi là thế, trở lại với lúc chúng tôi lần đầu gặp nhau. Đó cũng là người mà tôi đang là, tất nhiên rồi, nhưng bởi vì bạn đã cố công tìm hiểu, nhiều hơn là trên sổ đăng kí khách sạn đêm rồi - nhân tiện xin nói thêm là việc đăng kí đó rồi cũng sẽ biến mất - không có lưu trữ về tôi ở bất kỳ nơi nào. Một ít người có kí ức về chàng trai đó, nhưng... tất cả chỉ có thế.”

“Đúng thế,” Hagen nói. “Bạn là... một bóng ma.”

Joe cười lớn. “Đoán hay lắm, Tom. Bạn thông minh cực kì!”

Giọng gây choáng của Michael Corleone làm Tom sửng sốt, suýt tụt khỏi chiếc ghế cao nơi quầy bar.

Rồi giọng đó đập mạnh vào anh. Cái gì gần với ma? Quỷ. Joe là một con quỷ. CIA.

“Bạn có chắc là không muốn một ly rượu?” Joe nói. “Sao mà bạn trông có vẻ bồn chồn, bức rức quá vậy.”

“Anh ấy uống cà-phê nhiều lắm.” Michael tiếp tục đùa chơi với mấy quả bóng. “Bạn không tin nổi đâu. Từng gallon đấy!”

“Coi chừng vỡ tim mạch mà chết.” Joe làm như đùa mà không đùa.

Hagen xoay chiếc ghế cao để đối mặt Michael. “Chuyện gì đang diễn ra ở đây vậy? Cái anh chàng “độc nhãn ma” này mà chú không còn gặp từ ngày rời Christ, đã rời Chicago, ghé đây chơi và cho là anh ta ở trong.”

“Công ty,” Joe nói.

“Và chúng ta có nhiệm vụ phải tin anh ta? Không cần kiểm chứng.”

Michael đập mạnh hai quả bóng vào một góc. Mạnh hơn là cần thiết.

“Anh rơi vào thế việt vị rồi đấy, Tom,” Michael nói bằng phương ngữ Sicily. “Cái kiểu nhảy bổ đến những kết luận đó. Tại sao anh giả định rằng tôi không gặp anh ấy cả hàng chục năm. Tôi chỉ nói với anh rằng anh ta là Joe, bạn tôi mà tôi gặp ở Christ’s College, Cambridge. Tại sao anh

cho là tôi không kiểm chứng anh ta làm cho ai? Tại sao anh lại giả định là anh ta tạt vào đây chơi chứ không phải là anh ta đến đây với công việc cần bàn với chúng ta?"

Hagen cau mày. *Chúng ta?*

Và làm thế nào mà Hagen - hoặc Michael, về vấn đề đó - biết chắc rằng Joe không thể hiểu phương ngữ Sicily?

Michael sắp ba quả bóng theo thế khó và đánh trúng dễ dàng như không. "Tom à, anh đã là luật sư cho tôi trong những cuộc điều trần tại Thượng viện," anh nói trở lại bằng tiếng Anh," và anh đã hoàn thành xuất sắc công việc, nhưng -"

Lại một đường cơ lá lướt khác.

"- tôi khá may mắn khi có được tuyến phòng ngự khác nữa."

"Nói phòng ngự là hơi cường điệu," Joe nói, gom các quân bài lại. "Bảo hiểm; tất cả chỉ có thế. Bạn bè giúp nhau vậy mà. Tom à, anh đã làm quá tốt công việc, nên chúng tôi cũng không còn gì nhiều để làm."

Không còn gì nhiều để làm?

Michael buông cây cơ xuống.

Chuyện là, theo anh nói, Joe đã tiếp xúc với anh ta không lâu sau vụ đột kích vào trang trại nọ ở Bắc New York, khi FBI thành lập Chương trình Tóm Đầu só Trộm cướp và rõ ràng là họ đang đè nặng áp lực lên cái gọi là Mafia. Anh và Joe đã không còn gặp nhau kể từ cái ngày Billy Bishop đòi xem bằng phi công của Michael và Michael đã bảo vệ cho Joe bằng cách nói là mình không có bằng. Trong thời gian đó, Joe đã bị bắn hạ trên bầu trời Remagen, trốn khỏi một trại giam tù binh, sau đó được biên chế vào một đội đặc nhiệm tình báo Mỹ. Sau đó số phận đưa đẩy, chuyện này dẫn đến chuyện kia. Nhiều công tác ở châu Âu. Mấy năm gần đây trở về lại đất nhà. Tóm lại là, Joe - vẫn còn biết ơn Mike về những gì anh đã làm - đã nghĩ là anh ta hiện có khả năng giúp đỡ bạn cũ. Anh ta có nhiều cách để đưa một người khỏi nhà giam, bảo vệ cho người ấy khỏi bị truy tố. Nếu lỡ có *vô phúc đáo tụng đình* FBI cũng sẽ không biết ai chịu trách nhiệm, ngay cả sẽ không biết chuyện gì đã xảy ra. Còn sự trao đổi? Michael muốn biết. Không gì cả, Joe nói. Chúng tôi không tìm kiếm kẻ chỉ điểm theo cách FBI vẫn làm. Không có gì khiến bạn dính vào rắc rối trong thế giới của bạn. Nếu có bao giờ Michael được yêu cầu làm việc gì mà anh không muốn gửi người của mình đi làm, Joe hứa, thì được thôi. Cứ nói không và thế là xong. Joe không vào chợ để tìm mua một nô lệ hay một kẻ van xin vì khiếp sợ. Mà tìm một người bán hàng. Thuận mua vừa bán, sòng phẳng, vui vẻ.

Hagen bắt đầu muốn lướt qua tất cả những công việc trong ba năm vừa qua mà chàng ta còn "théc méc" nhưng rồi anh kịp dừng lại và không phạm lỗi viết vị thêm lần nữa.

"Vậy tại sao bỗng nhiên các bạn lại kéo tôi vào chuyện này?" Hagen "théc méc", nhưng lần này thì đúng phép tắc.

"Joe có một đề nghị," Michael nói. "Và tôi cần tư vấn của anh. Đây là một bước đi quan trọng. Một bước lùi từ những gì chúng ta từng cố gắng làm để chuẩn bị cho mười bước tiến. Nếu chúng ta chấp nhận, tôi sẽ cần sự dẫn thân hoàn toàn của anh."

"Một đề nghị?"

Michael cầm cây cơ lên, chỉ vào Joe, yêu cầu anh ta phát biểu, rồi bắt đầu đo các góc cho một cú

đánh cực khó vào bốn quả bi nằm ở những vị thế rất rắc rối.

Joe đập một tay lên vai Tom. “Chuyện mà tôi sắp nói với bạn đây thì hoặc là bạn sẽ thích nó và tham dự vào đó còn nếu bạn không thích thì coi như không có gì. Hoặc cái này, hoặc cái kia. Hiển nhiên là tôi đang nói chuyện với những người hiểu rõ nên hành xử thế nào dưới những điều kiện đó.”

Michael đánh hụt đường cơ nhưng không xa lắm.

“Trước đây đã lâu,” Joe Lucadello nói, “tôi có nói với Michael - tôi cá với Mike là bạn còn nhớ chuyện này; chúng ta bàn về Mussolini - tôi đã nói là trong toàn bộ lịch sử nhân loại chưa hề có bất kỳ người anh hùng nào, kẻ đê tiện nào, hay bất cứ nhà lãnh tụ ở tầm cỡ nào lại không có thể bị sát hại.”

Michael gật đầu. “Chuyện đó gây ấn tượng lắm.”

“Vậy thì, đây là đề nghị của chính quyền, nói cách vắn tắt. Điều này đến trực tiếp từ chính Albert Soffet - giám đốc CIA - và được sự chấp thuận của Tổng thống. Bạn có thích - có ý chỉ những quyền lợi kinh doanh của bạn - có thể trở lại Cuba và lấy lại ngay nơi bạn rời đi. Bạn có thích làm một công việc cho chúng tôi tại đó để làm cho điều ấy xảy ra. Tôi xin nói thêm là sẽ được trả công rất mức hậu hĩ. Đồng tiền kiếm được là hợp pháp trăm phần trăm và chúng tôi có những tác động để cho số tiền công đó sẽ được miễn thuế. Chúng tôi còn có thể giúp huấn luyện người của bạn nữa. Thực ra, chúng tôi phải nhấn mạnh vào điểm đó.”

“Huấn luyện họ?”

“Cách mạng đã thay đổi nhiều thứ. Những người mà bạn gửi đi làm nhiệm vụ cần biết về những đổi thay đó. Có những người Cuba yêu nước đang sống lưu vong có thể cũng sẽ giúp ích. Chúng tôi biết những người này. Chúng tôi quen với những kỹ năng và những hạn chế của họ. Cũng có thủ tục cần theo để, như tôi nói, không ai phải vô tù, dầu là ở Mỹ hay, xin Chúa che chở, ở Cuba. Nguy cơ là - cho phép tôi minh bạch về điểm này - nếu và khi có chuyện gì trục trặc, chúng tôi không dính dáng gì vào chuyện ấy cả. Nếu như bọn Nga nghĩ rằng chúng ta, với tư cách chính quyền, đứng sau vụ ấy, thì chúng ta phải chứng kiến Thế chiến thứ ba đầy. Dĩ nhiên là, nếu người của bạn dính vào rắc rối, chúng tôi sẽ làm mọi sự có thể để giúp đỡ, nhưng không với cái giá để lộ sự liên can của chúng tôi đến dự án đó. Các bạn - và người của các bạn - sẽ phải hành động như là những công dân riêng tư. Các bạn chưa bao giờ gặp tôi. Tôi không hề tồn tại.”

Hagen có lẽ thích thú khi Joe bộc bạch tất cả chuyện này - anh ta *dứt khoát* không phải là người dính dáng bất kỳ thế nào - ngoại trừ vì tính lớn lao của kế hoạch mà anh ta gợi ý. Làm thế nào mà họ sẽ không bị trừng phạt về việc ám sát lãnh tụ một quốc gia khác?

Và trái với những gì mà công chúng và FBI và có vẻ như cả CIA cũng nghĩ thế, những vụ giết chóc xảy ra vì vài lí do - tự vệ, báo thù - chứ không phải vì *một khoản phí*.

Nhưng đó không phải là báo thù sao? Nhiều người từng chết vì ăn cắp vài trăm đô từ một tay cá mập nhà Corleone. Khi chính quyền mới ở Cuba tịch thu hoặc đóng cửa các casinos của họ - điều đó có khác gì ăn cắp cả hàng triệu đô?

Và chính xác đâu là những qui tắc chi phối một Ông Trùm đã qui ẩn?

Trong một cú phối hợp ngoạn mục, Michael Corleone dìm bi số bốn vào túi bên cạnh. Số sáu chạy theo sau số năm giống như một anh chàng đang cố xin lỗi người tình ưa hờn dỗi, và cả hai cùng biến vào túi góc.

“Ô,” Joe nói. “Bây giờ tôi đã thấy mọi chuyện.”

Ngay lúc đó, có tiếng gõ cửa.

“Chúng ta chờ ai hả?” Hagen nói.

“Ông ta đến trễ,” Joe nói, mặc dầu chính Michael đi mở cửa. “Tôi xin lỗi. Như có lẽ các bạn đều biết, ông ta hầu như lúc nào cũng trễ.”

Đó là ông Đại sứ Corbett Shea.

“Xin lỗi mọi người,” ông ta nói. Những người Sở Mật vụ ở lại trong sảnh, điều này có nghĩa họ đã được cho phép lục soát phòng trước đó. “Tôi có một vài việc với các anh con của tôi. Vậy tôi có thể nói với Tổng thống và Tổng chưởng lí rằng chúng ta có một cuộc thương lượng? Hay là các bạn có những câu hỏi mà các bạn muốn tôi chuyển đi. Ông *Cahn -sig -lee -airy* (consigliere) ông tính chuyện này thế nào. Bất kỳ điều gì Tổng thống muốn, hãy coi là điều ấy được thực hiện?”

Chương 27

Sau khi Lucadello và Shea rời đi, Hagen tự pha một ly rượu mạnh và cầm ra nơi ban - công. Tên của Johnny Fontane được làm thành ánh đèn trên lối đi có mái che của casino bên kia đường, Kasbah. Nơi lui tới của Chicago. Không có người trình diễn nào "thuộc về" một Gia đình nào, nhưng trong nhiều năm Hagen vẫn bị giày vò, day dứt rằng họ đã để cho cuộc rút thăm lớn nhất ở Las Vegas bên kia đường trở thành casino của đại kinh địch nhà Corleone. Hagen không thích Johnny theo cách của Vito và Fredo, và ngay cả, ở một mức độ nào đó, Michael. Michael có lí khi nghĩ rằng các Gia đình không thể đấu đá nhau vì những chuyện nhỏ nhặt như ca sĩ nào được đặt trước cho casino nào, nhưng thật ra Michael cũng từng bao cho Fredo, người chịu trách nhiệm trông coi khâu giải trí tại các khách sạn thuộc nhà Corleone một thời. Nghĩ rằng tình bạn của mình với Johnny là một tín vật thay thế cho sự thương nghị, Fredo đã "té ngựa" khi Fontane - vốn cũng hữu hảo với Russo, xét cho cùng - đã kí một hợp đồng độc quyền sáu năm với Kasbah. Ban bè thì cũng có là... cái con mẹ gì! Công việc là công việc! Thoạt kỳ thủy là công việc! Ở trên cùng là công việc! Còn tình cảm chỉ là... râu ria, nói cách khác, một thứ phụ đề cho thêm phần văn vẻ! Nên hiểu như thế, bạn mình nhé! Để đừng bao giờ phiền trách nhau. Cho lòng ta thanh thản nhẹ nhàng...

Còn cái vụ vừa mới bàn qua cũng là công việc. Một mẻ lớn lắm đây. Được thì ăn to mà thua thì... vỡ mặt đấy! Chàng hít vào một hơi sâu. Không thể để cảm xúc xen lẫn vào. Chuyện này cần một cái đầu hoàn toàn lạnh. Và một trái tim... băng giá!

Cửa mở, và Michael ra gặp anh ở ban - công. Có một máy hi - fi trong hốc tường và Michael vặn radio lên, khá lớn, như một vò bọc, chắc là thế. Opera, loại hình âm nhạc mà Michael biết thưởng thức. Còn Hagen thấy cũng không có gì phải phản đối.

"Đây hẳn không phải là lần đầu chú nghe đề xuất này, phải không," Hagen nói. "Chú biết về chuyện này bao lâu rồi?"

Michael mở bật lửa, có cần đá quí và khắc thứ gì trên đó. Mặt anh hồng lên trong ánh lửa. Anh rít một hơi khói dài. "Từ lần cuối cùng tôi ở Cuba."

"Lần cuối cùng chú ở Cuba, chú -" *đến đó với Fredo*. Hagen chẳng muốn dính vào chuyện đó chút nào. "Lúc đó cách mạng đang tiến hành. Vậy họ biết chứ? Chú cũng biết chứ?"

"Lúc đó chúng tôi bàn bạc về chuyện đó," Michael nói. "Vào thời điểm ấy, thì chuyện đó hẳn còn là một ý tưởng hơn là một đề nghị. Nói cho đúng, là ý tưởng của anh ta. Vào thời điểm đó tôi tin rằng cách mạng là cái gì lớn lao hơn sức hấp dẫn quần chúng của một người. Tôi không nghĩ là giết ông ta có thể tạo ra sự khác biệt nào."

"Còn bây giờ?"

"Vẫn thế. Chỉ có điều là bây giờ tôi không nghĩ là nó tạo ra bất kỳ khác biệt đáng kể nào ngay đầu nó có tạo ra một sự khác biệt."

Lại thêm những câu đố bí hiểm. Tom nhấp một ngụm rượu.

"Anh yêu mến chú," Tom nói, "nhưng có lẽ đã đến lúc để chú và tôi đi theo những con đường riêng của mình. Ít ra là về phương diện nghề nghiệp."

"Tôi lại nghĩ đúng điều ngược lại," Michael nói.

“*Dầu chú đang nghĩ gì, tôi có thể nói với chú là, cho đến bây giờ tôi còn được như thế này là nhờ vẫn còn trong bóng tối, vừa đủ để chân trong chân ngoài, thoát đông thoát tây. Tôi là anh em của chú, rồi tôi lại chỉ là luật sư của chú. Tôi là consigliere của chú, rồi tôi lại là một chính trị gia ăn lương của chú, rồi tôi lại xử lý thường vụ công việc trong khi chú ra nước ngoài, rồi tôi lại là một kẻ ngoại cuộc nên chú không thềm hỏi ý kiến về một chuyện như thế này. Chú đã biết là tôi sẽ không nói bất kỳ điều gì dầu bằng cách này hay cách kia về bất kỳ chuyện gì, thật vậy, trước mặt một người tôi mới biết từ sáng nay, mà không nói trước cho chú biết. Đó là chưa kể đến Corbett Shea. Tuy nhiên vì một vài lí do bí ẩn, tôi sẽ phải tự tìm câu giải đáp, tại chú muốn kiểu đó mà.*”

“Xem nào, Tom, có gì đâu mà phải nát óc tìm tòi giải đáp. Tôi chỉ muốn anh nghe chuyện này từ anh ta trước bởi vì đó là chiến dịch của anh ta. Không phải của tôi. Chúng ta sẽ hoàn thành một dịch vụ. Mickey Shea cũng là nguồn tái bảo hiểm rằng Tổng thống đứng đằng sau chuyện này. Anh đã thấy Mickey giận dữ như thế nào. Đối với chúng ta, chỉ là chuyện làm ăn. Tiền bạc, cơ hội, quyền lực. Còn đối với họ, đó là chuyện báo thù. Bản thân tôi không chắc lắm về chuyện đó, nhưng không có cách nào khác tốt hơn để nhìn chuyện này, thoát đầu.”

Mickey Shea. Hagen chưa từng nghe bất kỳ ai gọi ngài Đại sứ bằng cái tên thân mật đó ngoại trừ Ông Trùm, Vito.

“Tom à, anh muốn bàn về chuyện này, thì giờ đây chúng ta bàn đi. Làm chuyện này là một bước đi lớn. Về mặt lí thuyết chúng ta có thể dùng người của chúng ta ở đây, ở Nevada, nhưng người duy nhất sẵn sàng cho những chuyện như vụ này có lẽ chỉ có Al Neri, và chúng ta không thể chấp nhận rủi ro đánh mất anh ta. Vụ này còn hơn là giống một điệp vụ tự sát. Nếu chúng ta sai người của Geraci thực hiện thì hoặc là họ thành công hoặc không. Nếu họ không thành công, chúng ta sẽ dàn dựng hiện trường sao cho thấy như chúng ta không dính dáng gì đến chuyện đó cả. Mọi dư âm dư hưởng sẽ dội lên Geraci, không lan đến chúng ta. Vả chăng, tôi đã qui ẩn rồi mà.”

Hagen nhai một cục đá nhỏ từ ly rượu của mình, mắt nhìn mông lung vào bóng tối kế bên của sa mạc.

“Có thể là họ sẽ thành công,” Michael nói, “và tuy thế bọn Công sản vẫn nắm quyền lực. Vậy rồi sao? Thế giới chẳng tốt hơn lên, cũng chẳng tệ hơn đi, và chúng ta kết thúc với một chút gì đó cho cơn biến động của chúng ta. Nhưng hãy thử nghĩ coi, Tom à. Nghĩ nếu như nó *thực sự* tạo ra sự khác biệt. Tự do được phục hồi, chúng ta trở lại làm ăn ở Cuba. *Hợp pháp*, lớn hơn bất kỳ cái gì chúng ta đang có hiện nay. Chính quyền chúng ta và bất kỳ chế độ bù nhìn nào mà Mỹ dựng lên ở Cuba đều sẽ biết ơn chúng ta, đủ để bảo đảm rằng chúng ta sẽ đặt chân lại ở đó trước bất kỳ Gia đình nào khác. Chúng ta dễ dàng thuyết phục những thành viên khác của Ủy ban rằng Geraci và người của hắn chỉ là những con bù nhìn của chúng ta. Sẽ chẳng có hiểm oán gì về chuyện chúng ta đã cộng tác với chính quyền, và nếu có, sẽ được dập tắt bởi hàng triệu triệu đô-la mà họ sẽ làm ra nhờ chúng ta, khi Cuba mở cửa lại. Tuy thế, trong bất kỳ trường hợp nào cho dầu vụ này có diễn ra như thế nào, chúng ta vẫn sẽ được một nửa số tiền mà chính quyền đang chuẩn bị để trả, và Geraci sẽ được nửa kia. Hắn sẽ không bao giờ biết rằng toàn bộ vụ việc thông qua chúng ta. Joe và những cộng sự của anh ta sẽ tiếp cận hắn mà không nhắc gì đến chúng ta. Chúng ta sẽ nhận một nửa trong phần thù lao chính quyền trả, cũng như là Geraci cống nạp cho chúng ta từ những vụ làm ăn lớn, chỉ khác là trong trường hợp này Joe sẽ trực tiếp giao phần cho chúng ta. Geraci thường quá lạc quan, quá hiếu thắng để từ chối một cơ hội như thế này. Và hắn có những tay từ Sicily qua mà hắn có thể dùng vào chuyện này - những con người đầu óc đơn giản nhưng dũng cảm đến độ liều mạng lại được thêm lợi thế là không phải tuân theo qui tắc không đụng đến cóm hay nhân viên chính quyền. Giả sử trường hợp - mà chuyện này khó xảy ra - Geraci đến với chúng ta và xin những cổ vấn và hỗ trợ từ chúng ta - thì chúng ta chỉ nói rằng chúng ta đứng bên ngoài những chuyện ấy. Nếu hắn đề nghị chia tiền cho chúng ta, chúng ta sẽ lịch sự từ chối (*góm, lịch sự... thấy ón! Đã ngồi không ăn trên... xương máu*”

người ta rồi mà vẫn cứ có quyền làm bộ thanh cao là ta đây không cần tiền của các anh chia. Các anh làm được các anh cứ ăn trọn. Ta làm ta ăn, đâu cần ăn của ai. Thế mới là ngụy quân tử có đẳng cấp chứ!) Chỉ khi những cố gắng của hắn thành công thì có thể hắn sẽ biết ra một điều - có lẽ thông qua nghĩa phụ hắn, Don Forlenza. Lại, rồi sao nào? Lúc đó Geraci sẽ là một anh hùng, và hắn sẽ nợ mọi chuyện ấy từ chúng ta. Nhưng điểm cơ bản là thế này, Tom à: Tôi cần một người luôn bên cạnh vừa thông minh tài ba lại vừa rất mực trung thành để tôi sẽ - chúng ta sẽ - cùng mưu đồ đại sự với hai bộ óc. Tôi không thể và sẽ không tiến hành chuyện này được nếu không có anh kề vai sát cánh."

"Không có tôi chú cũng đã nghĩ ra chuyện này khá tốt rồi," Hagen nói. "Chú có người bạn chí cốt Joe ở bên cạnh. Neri theo sát như bóng với hình. Nick Geraci làm công việc bẩn. Tôi không phải là không có không được, Mike à. Tất cả cơ đồ sự nghiệp của nhà ta sẽ còn bền vững hàng thế kỉ, tạo ra lợi nhuận hàng năm, mà chẳng có ai là không thể thiếu."

"Được rồi, nhưng tôi cần anh, Tom à. Anh đã giao dịch với ông Đại sứ trong bao nhiêu năm. Tổng thống sẽ không làm bất cứ điều gì cho chúng ta mà ngược lại ý muốn của lão già này."

"Chú có thể đặc phái một người nào khác. Một luật sư, một thẩm phán, một nhân vật nào đại loại như vậy."

"Nhưng anh là người duy nhất trên đời này mà tôi tin. Anh biết điều đó mà. Không có chuyện gì tôi từng làm lại tách anh ra ngoài bởi vì tôi không đánh giá anh đúng mức hay không cần anh. Tôi chỉ đang cố bảo vệ anh."

"Bảo vệ tôi, lớn chuyện thế?" Tom nói. "Cám ơn nhiều nhé!"

"Chứ anh muốn tôi nói thế nào? Anh muốn tôi nói rằng tôi cũng chỉ là con người với những hạn chế của con người chứ đâu phải là thần linh mà có quyền năng bảo vệ anh? Rằng tôi đã phạm những sai lầm, nhất là khi liên quan đến anh, và rằng tôi *hối hận*? Có phải anh muốn thế?"

Tom thở dài. "Tất nhiên là không phải thế. Tôi chỉ muốn có được những câu trả lời thẳng thắn."

Michael giang cánh tay ra trong một cử chỉ xin tùy anh. "Xin cứ hỏi, ông cố vấn."

"Có phải miếng che mắt kia là thật?"

"Đó là câu anh muốn hỏi?"

"Tôi còn đi đến những câu quan trọng hơn."

"Anh ta bảo tôi đó là chiến thương. Sau đó chưa bao giờ tôi nghĩ đến nó nữa."

"Và anh ta có là người thật? Nói những việc thật? Ngài Đại sứ có thể đã góp phần giúp cho con ông ta đắc cử, nhưng ông ấy không có địa vị chính thức nào. Tôi chưa bao giờ tin ông ta và tôi chắc chắn cũng không."

"Joe mới chỉ là tiếp xúc ban đầu của tôi thôi," Michael nói, "nhưng khi tôi quyết định là chúng ta tiến hành chuyện này, tôi sẽ đòi được gặp đích thân Albert Soffet. Trong thời gian ở Washington dự những cuộc hội nghị chuyển tiếp, tôi không tiếp xúc người nào trong bộ máy đầu não chính quyền cả, như anh cũng biết đấy. Nhưng riêng Soffet, Giám đốc CIA thì tôi có gặp. Ngay cả lúc đó, tôi vẫn nghĩ là chuyện này là một nguy cơ quá lớn. Giống như cuộc đổ bộ cầu thả, hồng bét đã từng được chính quyền trước đây chấp thuận. Những gì Joe nói là đúng. Soffet cũng từng nói với tôi như thế. Chính quyền Mỹ không thể ra mặt can thiệp quân sự vào Cuba vì như thế bọn Nga sẽ trả đũa. Còn nếu Mỹ chỉ sử dụng những chế tài kinh tế không thôi

thì năm mươi năm nữa kể từ bây giờ Cuba vẫn nằm trong tay bọn Cộng sản. Thế nhưng chính quyền chúng ta không dám làm bất kỳ điều gì một cách trực tiếp. Vậy nên họ cần vận dụng những phương tiện khác. Họ đã thử Kế hoạch A, và nó thất bại. Chúng ta là Kế hoạch B.”

“Vậy tôi có thể giả định đây gần như là lí do thực sự mà chú muốn qui ẩn nhưng vẫn dùng dằng chẳng nổi, vì đi thời cũng dở, ở không xong?”

“Đúng nhưng không hẳn. Xem này, anh hầu như đã biết rõ mọi chuyện. Anh biết rõ hơn tôi về những nguồn tài chánh của những công cuộc kinh doanh hợp pháp. Không có chuyện gì về những việc chúng ta đã làm để giúp cho Tổng thống đắc cử mà anh không biết. Và đến như việc đặt tất cả những thuộc hạ chúng ta có thành binh đoàn để cả Geraci và tôi có thể sử dụng độc lập - này Tom, chúng ta sẽ gọi đó là một *regime* nếu anh là dân Sicily.”

Tom tợp một ngụm dài khác.

“Điều đó được cho là một lời đùa,” Michael nói.

Hagen lắc viên đá trong ly rượu. “Nghe thấy không? Tôi đang cười đấy.”

Một hồi còi hụ vang lên, và rồi một hồi khác. Hai chiếc xe cứu hỏa chạy nhanh qua. Có một đám cháy lớn nơi góc xa của thành phố.

“Okay. Vậy là anh đúng. Tôi đã không nói với anh mọi chuyện. Tôi còn hai điều khác để phát biểu. Tôi không thể làm những điều đó như là một công dân hoàn toàn riêng tư, vậy nên tôi thu xếp việc thương lượng với Ủy ban và, ờ, Tom à, anh điều phối chuyện đó giùm tôi.”

“Vậy một trong hai việc mà chú đang nói về là vụ ở Cuba?”

“Không. Cuba chỉ là phương tiện cho một cứu cánh.”

Tom đập nhẹ vào áo khoác, tìm một điếu xì - gà, và tìm ra một điếu trong túi áo ngực. Anh đang dụ lại. Anh luôn mang nỗi nghi ngờ của đứa trẻ mồ côi đối với tính bền vững của mọi mối ràng buộc nhân tình, tuy vậy anh vẫn biết tự trong thâm tâm rằng mình đã được an bài để làm *consigliere* cho Michael, bây giờ và mãi mãi.

Michael bật hộp quẹt. Anh giữ ngọn lửa quá cao đối với người hút thuốc lá.

Hagen ngắt bỏ cái đốt gỗ nơi đầu điếu xì - gà Cuba của mình.

“Cám ơn,” Hagen nói. “Cái bật lửa xinh xắn ghê.”

“Một món quà tặng,” Michael nói.

“Còn hai chuyện kia?” Hagen thăm dò.

Khi Michael đốt một điếu thuốc mới cho mình, anh chỉ vào casino Kasbah. “Số một.”

“Fontane?” Hagen hỏi. “Tôi phát mệ với chuyện đoán mò lắm rồi.”

“Fontane?” Michael giọng khinh khỉnh. “Không, không, không. Tôi muốn nói Russo. Nếu tôi qui ẩn, thực sự qui ẩn, Louie Russo đã thu tóm được rất nhiều quyền lực trong những năm vừa qua khiến Ủy ban cuối cùng sẽ tôn phong lão ta làm thống lĩnh, điều ấy sẽ là một cái tát mạnh vào những quyền lợi của chúng ta, nhất là ở đây và ở Hồ Tahoe. Cả ở Cuba nữa khi xứ sở đó mở cửa lại. Lão sẽ đến sau chúng ta, nhưng chúng ta lại không đủ quyền lực để ngăn cản lão. Chúng

ta có cả một binh đoàn người ở đây nhưng vẫn chưa đủ so với tầm cỡ công việc và nhất là tuyệt đại bộ phận chỉ là dân cơ bắp. Nếu không có chỗ ngồi nơi Ủy ban và với Russo như *capo di tutti capi*, chúng ta sẽ bị đánh bại về phương diện chính trị, điều sẽ là... ngày tàn của chúng ta.”

“Đúng vậy,” Hagen đồng ý.

Tay deejay (disc -jockey) xuất hiện trên radio, thông báo rằng thánh giả sẽ nghe nhạc tuyển từ *Cavalleria Rusticana* của Mascagni, và tỏ ra rất kích động về chương trình quảng cáo beer mà anh ta đang thực hiện.

“Đó là chưa kể, nếu Russo thực sự trở thành thống lĩnh, biết được cách suy nghĩ của ông Đại sứ, tôi e rằng Mặt Đéo sẽ mở được hành lang tiếp cận với Tổng thống dễ hơn chúng ta.”

“Tôi đoán là tôi đã hình dung ra một nửa chuyện này rồi,” Tom nói. “Tuy vậy, trước đây, tôi chưa bao giờ nghe chú gọi hấn như thế. Tôi chưa bao giờ nghe chú gọi Ông Trùm nào bằng hỗn danh cả.”

“Ờ, lí do để điều đó đưa tôi đến chuyện thứ nhì.” Michael cười, nhưng chẳng phải là cười vui. “Anh có muốn biết ai cho tôi chiếc bật lửa này không?”

“Để tôi đoán xem. Russo.”

“Bỗng dưng anh lại thích đoán? Không, Tom à. Không phải Russo.”

Michael kể với anh về Geraci.

Về chuyện trước đây chàng ta từng mưu sát Geraci bằng vụ dàn dựng kịch bản rớt máy bay, nhưng Geraci chưa tới số nên vẫn thoát nạn trong khi bốn người đi cùng đều chìm xuống đáy hồ.

Về sự cần thiết phải thử lần nữa, khi thời cơ thuận tiện.

Hagen yên lặng chăm chú nghe, biết rằng mình sẽ nổi giận vì bị gạt ra rìa lâu đến thế, nhưng thay vì thế, chàng lại đang cố kìm lại cơn phẫn chấn vui sướng để không lộ ra ngoài mặt.

Anh tự hân thưởng một ly Jack Daniel khác. Michael, hầu như không bao giờ uống rượu, cho dầu loại vang nhẹ, cũng bảo Tom làm cho chàng ta một ly.

“Nhưng đây mới là vấn đề trầm trọng, cốt tủy mà tôi muốn đặt ra với chú,” Hagen nói, trao ly rượu cho Michael. “Cái gì giữ tay bọn CIA không làm cùng cái điều mà chú đang dự tính làm với Geraci? Dùng chúng ta làm việc cho bọn chúng và khi xong việc thì “cắt đuôi” luôn, khỏi ai lần ra dấu vết lỗi thôi?”

“Mưu sự với anh quả là đúng người đúng việc thật.”

“Và?”

“Hay, hay thật đấy!” Michael công nhận. “Đó là điểm tể nhị của vụ này. Nhưng chúng ta có những liên kết để cho Cục đua tài đấu trí với Công ty và ngược lại, ít ra là đến mức độ nào đó. Và, đừng quên rằng chúng ta có một thành viên gia đình đang làm việc nơi Bộ Tư pháp.”

“Ai, Billy Van Arsdale?” Hagen giọng khinh khỉnh. “Cái thằng nhãi đó vẫn nghĩ rằng hấn có được vị trí đó là do những mối quan hệ của bố mẹ hấn. Hấn sẽ làm mọi chuyện trong khả năng mình để giữ khoảng cách với chúng ta.”

“Hắn sẽ làm những gì chúng ta cần hắn làm. Tôi đã có chiêu để buộc hắn phải làm *con ngựa thành Troy* của chúng ta. Hắn nhiều tham vọng, hắn hèn oán chúng ta vì cho rằng do quan hệ hôn nhân với nhà ta mà hắn bị vướng mắc trong việc thăng tiến trên hoạn lộ. Nhưng hắn sẽ lợi dụng chúng ta - những gì hắn nghĩ là hắn biết về chúng ta - để làm được việc cho các sếp lớn của hắn. Sau đó, chúng ta vẫn rất lịch sự, yêu cầu sự giúp đỡ của hắn.”

“Nói cách khác,” Hagen nói, cần môi để khỏi cười nhả nhổ,” chúng ta đưa cho hắn một chào mời mà hắn khó lòng từ chối. Nước cờ xuất sắc đấy, Mike. Ông cụ có lẽ sẽ tự hào về chú.”

Vito Corleone chưa bao giờ đặt chân đến Las Vegas, nhưng hai con người nơi ban -công kia cảm nhận sức mạnh từ di sản của ông đè xuống người họ như một bàn tay ấm áp, vững chắc.

“Rồi chúng ta sẽ thấy,” Michael nói. “Kiểm nghiệm tối hậu cho bất kỳ kế hoạch nào là việc thực hiện nó.”

“Chúc mừng sự thực hiện,” Hagen nói. Hai anh em nhà họ cộng ly, gạt gù đầy vẻ tâm đầu ý hợp.

PHẦN VIII

1961 - 1962

Chương 28

Michael Corleone và Nick Geraci bắt đầu năm cuối cùng làm ăn chung với nhau như thế, trong tình trạng của thế cờ bí Chiến tranh Lạnh toàn diện.

Họ tấn công ngầm lẫn nhau và nghĩ, một cách sai lầm, là kẻ kia không biết đòn chém lén của mình.

Cả hai đều tê công người bởi một bí mật mà họ nghĩ mình đang ẩn tàng, thận trọng cảnh giác mọi lúc mọi nơi để sẵn sàng động thủ một cách nhanh chóng, chính xác, dứt khoát, theo tiêu chí "tiên hạ thủ vi cường", ngay vào lúc cần thiết.

Họ cũng rất nóng lòng muốn giết hại lẫn nhau, nhưng đều chưa có thể.

Quả là không an toàn cho Geraci nếu muốn đi một nước cờ nào chống lại Michael (hoặc Russo, về vấn đề đó) mà không được sự chấp thuận của Ủy ban, mà điều này cốt yếu sẽ là bất khả khi anh không ở trong Ủy ban. Còn mặt khác cũng quan trọng không kém, đó là giết Michael Corleone cũng có nghĩa là giết đạo quân hùng mạnh nhất mà thế giới từng biết đến gồm các chính trị gia, thẩm phán, viên chức công đoàn, sĩ quan cảnh sát, đội trưởng cứu hỏa, thanh tra xây dựng, nhân viên điều tra, các tổng biên tập nhật báo, tạp chí, các nhà sản xuất tin cho Tivi và các thư kí -đánh máy được cài đặt có tính chiến lược, vẫn ăn lương nhà Corleone. Không ai khác ngoài Michael và Hagen biết tất cả những ai có tên trên bảng lương của Gia đình và mọi lắt léo trong việc vận hành bộ máy đó, và Hagen hình như là không thể lung lạc. Michael đầu không coi trọng lắm phẩm giá của Hagen nhưng hai con người đó cần nhau theo cách mà những cặp vợ chồng già cần nhau. Ngay đầu Geraci có nhận định không chính xác về chuyện này thì anh ta vẫn có lí. Nguy cơ trong việc thử lung lạc Hagen là quá lớn. Có lẽ chỉ là một cơ hội trong hàng ngàn là được việc, còn chín trăm chín mươi chín là chuyện lấy lửa thử vàng kia sẽ khiến cho Geraci rước lấy họa sát thân. Ngay cả nếu Geraci thực sự thoát khỏi Michael, cũng vẫn khó mà tưởng tượng Hagen -bên ngoài Nevada, không phải là dân Ý, không có cơ hội tiếp thu quyền lực - lại nói, *Okay, Nick chuyện này là phải như thế này đây*. Ngay cả việc tiếp cận gián tiếp mà Geraci hiện có được đối với guồng máy liên kết kia cũng quá có giá trị, không nên hủy hoại.

Đối với Michael, anh ta còn quá cần Geraci nên cũng chưa thể khử anh chàng này. Còn ai khác có thể điều phối vụ này ở Cuba? Michael cần ai đó tuyển mộ đúng những người đáp ứng được các đòi hỏi của công việc, chỉ huy và đôn đốc thực hiện tốt công việc, và sau khi xong việc, nếu cần thì dùng tiếp, còn nếu không thì cứ dặng chim bẻ ná, dặng cá quên nơm. Có trách thì... xuống Diêm vương mà khiếu kiện! Những ông vua khai sáng triều đại mới sau khi lên ngôi cao vẫn thường quay lại sát hại công thần vì công thần thì thường hay hống hách, lộng quyền và lòn mặt thiên tử tôn nghiêm. Chuyện này trong lịch sử vẫn đầy những tấm gương tày liếp và lịch sử vẫn cứ là cuộc tái diễn không ngừng.

Quan trọng hơn nữa, còn ai khác có thể, trong giai đoạn quá độ này, tỏ ra là một Ông Chủ tin cậy được đối với các Ông Trùm khác. Giờ đây nếu giết Geraci, Michael sẽ bóp chết mọi cơ hội mà anh có để giữ lời thề đối với vợ và bố mình.

Vợ cũ đã li thân. Bố đã quá cố.

Không thành vấn đề. Sinh ly và tử biệt là những chuyện xiết bao đau lòng, nhưng một người dùng những điều đó để phá vỡ lời hứa thì không thể còn tự coi mình là con người trọng danh dự được nữa.

Nick Geraci đã không lưu ý vấn đề chao đảo của mình cho đến cái ngày Michael Corleone bảo với anh rằng anh là Ông chủ mới. Vấn đề không hoàn toàn biến đi sau đó, nhưng chỉ được nhận ra thoáng qua và có thể được bào chữa dễ dàng (những cơn rung mình vì cảm lạnh hay những bồn chồn lo lắng vì uống quá nhiều cà-phê) cho đến mùa hè năm ấy, vào khoảng thời điểm anh đến New Jersey lần đầu với Joe Lucadello (mà anh ta tin đó là điệp viên Ike Rosen) để tham quan vùng đất đầm lầy mà Geraci đã tìm thấy khi anh ta và Fredo đang bàn về kế hoạch Colma Miền Đông. Cho dầu kế hoạch của Fredo có khả thi hay không, việc mua được mảnh đất này cũng đã là một món hời. Geraci đã sử dụng nhà kho cho nhiều nhu cầu tàng trữ khác nhau, nếu không đã bỏ quên tài sản này rồi. Bất kỳ khi nào muốn, anh cũng có thể bán lại với giá gấp đôi.

Họ cùng ngồi xe đến đó, Donnie Bags cầm tay lái và Carmine Marino, anh chàng có khuôn mặt bầu bĩnh giống trẻ thơ, cũng ở phía trước. Rosen mang một miếng che mắt và không có vẻ Do thái chút nào. Anh ta còn mang theo một điệp viên khác, một anh chàng WASP cảm nhận được cho là mang tên Doyle Flower. Cùng vị Hạ nghị sĩ đã nói với Geraci rằng Michael không bao giờ gặp người nào trong nhóm chuyển tiếp của Tổng thống, đã nói về tất cả chuyện này với Giám đốc Albert Soffet, vị này có vẻ đã xác nhận rằng Rosen và Flower thực sự là những điệp viên của CIA. Tuy thế, Geraci vẫn dùng một xe kéo với Eddie Paradise và vài ba tay cơ bắp nữa, như một biện pháp phòng ngừa.

Họ quẹo xuống con đường sinh lầy với nhiều vết lún sâu để đến nhà kho. Những chiếc xe tải chở rau củ quả và nhiều cư dân khác trong nhiều năm đã dùng chỗ này như là nơi đổ rác. Nơi chốn này chứa đầy thau chậu, bồn rửa, bồn cầu, xác xe cộ rỉ sét, máy móc, công cụ nông trang. Cái hòn đảo phế liệu đó trong cái ao cạn bã là một phần của nơi xưa kia là Ebbets Field.

“Một nơi thích hợp để trồng những cái xác cứng đờ, tôi dám cá như thế,” Rosen nói.

“Tôi không biết về chuyện đó,” Geraci nói, và đúng vậy. Bất kỳ cái xác mới nào trên phần đất đó đều do những thường dân đem chôn. Chứ thành viên của các băng đảng ở đây - phần lớn là người của Stracci - đều biết ai sở hữu nơi này và tôn trọng điều đó. “Chúng tôi là những con dê tế thần mà bọn cóm từng phát minh ra. Mỗi lần có ai tìm thấy một thây người bó trong tấm thảm là thiên hạ lại đổ vấy cho chúng tôi.”

“Bọn này đâu phải cóm,” Rosen nói.

“Anh bạn đây có một trong những thứ đó,” Flower nói, ý muốn chỉ cái túi to dùng của Donnie.

“Bạn sẽ làm quen với nó thôi,” Donnie nói. “Có lẽ cũng giống như cái đồ cướp biển của anh bạn của bạn đằng kia thôi.”

“Bạn ị ra đấy à?” Rosen sùng sộ. “Nghe mùi như ai ị bậy trong này vậy?”

Donnie cua quá gấp ở một chỗ rẽ khiến một mảng bùn lớn bắn lên và anh ta sắp buột miệng nói ra điều gì đó chắc là rất bậy bạ nhưng Carmine đã nhanh trí chặn họng anh ta vừa kịp lúc. “Không phải anh ta ị đâu. Đó là mùi vị đặc trưng của New Jersey mà.”

Flower và Geraci đều cười lớn, nhờ vậy không khí đang căng lại dịu xuống và mọi người cảm thấy... mát mẻ, có phần “phê phẩn”! Carmine là một thủ lĩnh bẩm sinh. Anh ta gần ba mươi nhưng trông trẻ hơn cả mười tuổi. Anh ta có họ hàng về bên ngoại với nhà Bocchichios - dòng họ chuyên cung cấp người làm con tin - và cũng là một nghĩa tử của Cesare Indelicato, Ông Trùm ở Palermo, người từng là đối tác của Geraci trong chuyện buôn bán ma túy ngay từ đầu. Khi còn là thiếu niên Carmine đã được đưa qua đây để làm con tin trong lần hội nghị đầu tiên của tất cả các Gia đình. Chỉ năm năm sau cậu ta đã sẵn sàng chỉ huy một đám côn đồ trên Đại lộ Knickerbocker.

Có hai chiếc xe đỗ phía sau nhà kho. Ngay giữa ban ngày ban mặt thế mà hai chiếc xe nọ cứ nhấp nhô bập bênh vì... quan hệ tình dục bất chính!

“Vấn đề thật sự duy nhất mà chúng ta có ở đây,” Geraci nói, “trong mức độ mà dân địa phương gây ra, là chuyện này đây.”

Chiếc xe kéo theo sau họ. Chỉ mình Eddie Paradise bước ra.

“Bạn đang lấy bấy giống mấy chiếc xe kia đang bập bênh,” Rosen nói. “Bạn ổn chứ?”

“Tại Donnie bật máy lạnh trong xe quá mạnh,” Geraci nói và bước ra khỏi xe. Đi lại vận động một hồi sẽ hết run ngay thôi.

Carmine cũng ra khỏi xe. Với một động tác nhẹ nhàng chàng ta rút khẩu súng nơi đai quần, xịt ba phát thành ba lỗ thẳng hàng nơi sườn nhà kho. Một cuộc trình diễn tài năng thiện xạ quá ư ngoạn mục và ấn tượng!

Hai chiếc xe xâm nhập trái phép bắt đầu lượn tại chỗ; bên trong, những kẻ thông dâm hoảng hồn, cu teo vùi, chim co rúm lại, túm lấy quần áo hối hả xỏ vào, lộn tùng phèo đằng trước ra đằng sau! Carmine khạc thêm một phát thay lời muốn nói: “Cút xéo!”

“Bốn viên thành hàng trên bề rộng nhà kho,” Flower nói. “Một khởi đầu ấn tượng đấy, anh bạn ạ. Tuy vậy tôi thấy cần cho bạn biết rằng những sát hạch còn khắt khe nhiều hơn nữa.”

Carmine vẫy tay chào từ biệt khi hai chiếc xe kia vù đi.

Cả bọn được một mẻ cười sảng khoái, kể cả mấy chàng điệp viên. Con run vì lạnh của Geraci cũng chấm dứt.

“Lần trước khi anh ta làm như thế,” Donnie nói, “xe của mấy cặp đéo bấy đó bị lún trong bùn. Chúng tôi chạy đến giúp đẩy xe họ lên, nhưng bọn họ thần hồn nát thần tính lại nghĩ là chúng tôi sẽ làm hại họ nên tông cửa ra và ba chân bốn cẳng chạy như bị ma đuổi! Đó là một trong những chiếc xe bị xẻ thịt khi một người bạn của chúng tôi bị bắt giữ, mà trong trường hợp này tôi không biết người ta có thể gọi đó là một chiếc xe bị vất bỏ bởi những kẻ đồi bại tình dục hay là một chiếc xe bị đánh cắp. Cũng hơi khó nghĩ đấy chứ, các bạn nhỉ!”

Momo Con gián “ngẫu nhiên” mà lại có mặt trong cái xưởng xẻ thịt xe cộ kia khi bọn cóm đột kích vào. Bây giờ anh ta đã vươn lên đến tầm cỡ của một... siêu trộm!

“Bộ ngực của em gái ngồi trong chiếc xe Ford kia khiến ai nhìn vào là bị che mắt hết còn thấy ngày mai,” điệp viên Flower mô tả một cách “hoa hòe hoa sỏi,” đúng như cái tên của anh ta. Đàn ông con trai mà lại tên Hoa, dĩ tính quá!

“Bưởi cỡ đó mà được ăn thì mười roi cũng chịu, sá gì năm roi!” Carmine đế thêm vào, gật gù đồng lõa theo cái điệu “ngưu tầm ngưu mã tầm mã.” Và cả bọn phá ra cười tồ tồ, trông rất chi là... nham nhở!

Rosen gật đầu, một tia nhìn xa xăm trong đôi mắt, lăm lăm, “Không tệ, không tệ,” và Geraci phải mất chốc lát để nhận ra rằng anh ta không nói về bộ ngực của cô nàng tóc đỏ mà đang ước lượng diện tích của khu đất.

“Thấy thế nào?” Geraci hỏi.

Rosen tiếp tục gật đầu, quá chìm sâu trong dòng suy nghĩ nên chẳng buồn trả lời. Geraci hướng dẫn họ vào nhà kho. Rosen âm ừ đánh giá. Nó chỉ trông có vẻ ọp ẹp đồ nát nếu nhìn từ bên ngoài. Bên trong, tòa nhà đã được gia cố bởi anh chàng chuyên chế tạo xe bọc thép cho Gia đình Corleone.

“Có ai có tờ giấy trắng không?” Rosen hỏi. Anh ta cầm chiếc bút chì.

Flower rút ra một tờ giấy nhỏ từ túi áo sơ - mi.

“Lớn hơn mới được.” Rosen gõ bút chì liên tục trong không khí theo một tốc độ chính Buddy Rich có thể cũng ganh tị.

“Chúng tôi có một hộp bánh,” Eddie Paradise nói.

Rosen cau mày. Khi anh ta cau mày, bạn có thể thực sự thấy bên trong, có cái gì đang sau miếng che mắt. “Cần phải là *giấy*.”

“Xin lỗi,” Eddie nói. “Tôi không viết cái gì ra giấy. Nhờ đó tôi không lưu lại gì.”

Geraci nhìn vào xe và thấy cuốn sổ tay của Bev. “Cái này thì sao?”

Rosen cảm ơn anh. Anh ta ngồi trên sàn nhà kho và vẽ ra những sơ đồ để chuyển đổi bên trong thành một sân vận động. Dường như anh ta vẽ nhanh theo mức anh ta có thể chuyển động bàn tay. Anh ta lại ra bên ngoài tìm địa điểm thích hợp cho trại quân và anh ta cũng vẽ những sơ đồ đó. Chắc chắn là được gọi hứng bởi việc nhìn thấy Carmine và Donnie Bags nơi dải đất hẹp bên trên hồ nước nổi vầng đang bắn mòng biển và chuột Rosen nghĩ ra vài biện pháp và phác thảo một dây súng trường.

Donnie đang đánh mất mọi thứ, nhưng Carmine trông giống như Buffalo Bill đứng ngoài đấy, làm bốc hơi những con mòng biển thành những tiếng nổ của những đám lông hồng sắc máu. Ngoài những người đã từng là cảnh sát hay đã tham chiến, phần lớn những người trong công cuộc này, kể cả Geraci, thực sự không thể làm được những trò ẩn tượng như Carmine vừa trở tài. Việc bắn cần thực hiện phải thực hiện ở cự li gần. Geraci chưa từng nghe bất kỳ ai bị giết với một khẩu súng trường, điều có lẽ “đặc vụ Cuba” cần đến. Ai từng nghe nói đến một người bắn tỉa của thế giới ngầm? Nói như thế để thấy rằng ai có thể làm tốt hơn Carmine Marino để đến Cuba và quất ngã kẻ thù công khai của tự do?

“Chuyện quái nhất mà anh từng thấy, phải không?” Flower nói, thúc chỏ vào Geraci và gật đầu với phong cách vẽ mang màu sắc “dị tật” của đối tác có hành tung bí ẩn.

Rosen đưa cuốn sổ tay lại cho Geraci. Những bức đồ họa rõ nét một cách kỳ diệu, mặc dầu anh ta đã vẽ chúng nhanh như thế. Chúng khá tốt và cũng khá giản dị để có thể theo đó mà xây dựng. Thiết kế trại quân đơn giản và rõ ràng.

“Tôi là một kiến trúc sư thất bại đấy,” Rosen nói, như thể để xin lỗi.

Geraci nói anh ta có một đội thi công có thể hoàn thành chuyện này trong vòng ba ngày. Rosen chau mày và nói rằng thật ra khi bắt tay vào việc sẽ thấy rắc rối hơn nhiều so với chỉ mới thoát trông trên sơ đồ. Hóa ra là có bao nhiêu thứ qui định của chính quyền khiến cho việc thực hiện khó khả thi, vì những lí do tiền bạc (Geraci có thể cho người thực hiện công trình, nhưng anh ta cũng có quyền kiểm soát một khoản trong tiến trình thực hiện) cũng như còn vấn đề an ninh.

Đó là lúc Geraci cảm thấy chắc chắn là toàn bộ vụ việc này là thật. Những tay giả bộ làm hề này thực sự đang làm việc cho chính quyền.

Rosen lấy lại quyển sổ tay và đánh số trang qua đó như một cô gái già bối rối trước cửa sổ của một cửa hiệu bán quần áo và đồ trang điểm cho cô dâu. “Tuy vậy tôi không biết,” Rosen nói. “Không biết người dân địa phương có là một vấn đề trầm trọng lắm không.”

“Vấn đề thế nào?” Geraci nói.

“Lấy đi chỗ mà người ta đem đồ những thứ phế thải bất tiện nhất của mình, hoặc đi đéo người giữ trẻ của người ta,” Flower trả lời, “dứt khoát là sẽ bị để ý trong một cộng đồng.”

“Đặc biệt là ở New Jersey,” Carmine nói. Anh ta trở lại xe để lấy thêm đạn dược.

“Xin được hân hạnh thưa với Ngài là tôi đến từ New Jersey đây,” Rosen nói.

“Vậy là anh rành quá rồi,” Carmine nói, nhún vai và đánh sầm cốp xe lại.

“Mình thích bạn,” Flower nói, vỗ vào lưng Carmine. “Đúng mẫu người chúng tôi đang cần.”

“Cái lưng của tôi?” Carmine nói. “Đừng chạm vào nó nữa.”

“Anh ta dễ bị nhột về chuyện đó,” Geraci nói. “Chuyện vỗ vào lưng ấy mà.”

“Chỉ nhột thôi sao?” Carmine nói. “Nhiều oan hồn ở ‘uống tử thành’ đang cười thê lương về chuyện này đấy, xin được trân trọng kính thông báo với quý vị như thế.”

“Giờ đây tôi càng chắc chắn hơn nữa,” Flower nói. “Ông Marino, ông chính là người đứng đầu trong bảng phong thần của tôi. Một chiến tướng khó ai đánh bại, tôi tin thế.”

Carmine cười toét miệng và vỗ lên lưng Flower, còn Flower giả bộ vỗ trả lại nhưng đột ngột ngưng lại nửa chừng, và cả hai cười ha hả (Nguyên văn: *cười như... địa ngục* - they both laughed like hell).

“Chỉ nơi người Ý tôi mới thấy một kẻ có vấn đề về chuyện được ‘nặng’ đấy. Gớm, sao khó tính thế. Nặng chút xíu mà cũng đòi đưa người ta đi thế giới khác chơi! Ông làm quá vậy ai còn dám ‘nâng niu’ ông nữa!” Rosen lăm lăm bấm khiến Geraci tự hỏi anh ta có thực sự là người Ý hay đấy là điều mà ai đó không phải là dân Ý mới nói như thế.

“Cư dân địa phương sẽ không là vấn đề đâu,” Geraci nói. “Tin tôi đi.”

Ngày hôm sau, một biển báo được dựng lên ngoài xa lộ, thông báo một cuộc phân lô độc quyền mới. NHỮNG LÔ ĐẤT SANG TRỌNG RAO BÁN VÀO THÁNG SÁU 1962, biển báo ghi bên dưới như thế Một năm trôi qua. Điều này có lẽ sẽ khiến bất cứ sự hiếu kỳ nào của cư dân địa phương thành một lợi thế. Sự dự phòng có thể làm cho thực sự đáng phát triển nơi chốn ấy. - thoát nước, thuê luật sư và kiến trúc sư, lo lót ủy ban kế hoạch: thủ tục theo thông lệ về việc phân lô, không khác đối với một Ông Trùm Mafia cũng như bất kỳ ai khác.

Đêm đó, vào buổi ăn tối Nick Geraci bắt đầu run, đủ để làm cho Barb và Bev hoảng sợ. Charlotte muốn gọi một xe cấp cứu. “Không có gì,” anh nói. “Chỉ là cảm xúc bồn chồn do uống cà-phê nhiều quá đấy thôi.” Nàng nói nàng nghĩ chàng sẽ bớt. “Đó là vấn đề,” anh nói. “Hồi chiều anh uống một ly cà-phê espresso hơi đậm.” Thực ra không có. Anh tập trung vào chuyển động của hai bàn tay và hàm của mình khi ăn, và hiện tượng run dừng lại. Nhưng khi nó tái diễn vào sáng hôm sau, Char bảo nếu anh không đi gặp bác sĩ thì nàng sẽ lấy một con dao và đâm vào cẳng chân anh để anh không còn chọn lựa nào. Anh nói rằng anh ổn thôi, hiện tượng đó rồi sẽ qua. Nàng đi vào bếp và lấy ra con dao lớn nhất. Anh cười và nói anh yêu nàng. Nàng

vung con dao lên và nói là mình nghiêm túc chứ không đùa đâu. “Thì anh cũng nghiêm túc mà.” Anh nghiêm túc thật. Anh đưa hai bàn tay run run lên.” Bé cưng, gọi điện thoại cho lão ta giúp anh đi.” Mặc dầu lúc nàng gác máy thì anh lại ổn.

Bác sĩ quen thúc, chọc anh với các dụng cụ y học và những câu hỏi, nhưng ông ta thấy bối rối không thể xác định căn nguyên bệnh trạng.

“Tôi tự hỏi có thể nào là nơi đầu anh không,” ông ta nói. “Có phải anh đang phải làm việc khẩn trương lắm không? Áp lực, căng thẳng, đại loại là thế? Hay trong nhà, mọi sự ổn chứ?”

“Ông nghĩ tôi là một thằng dở hơi, khật khùng nào đó hay sao?”

Ông ta khuyên Geraci đến một bác sĩ chuyên khoa.

“Nếu *bác sĩ chuyên khoa* chính là từ khác cho bác sĩ tâm thần, thì tôi sẽ trở lại, nhưng không phải với tư cách một bệnh nhân đâu.”

Bác sĩ nói là chắc chắn ông ta hiểu điều đó.

Bác sĩ chuyên khoa được cho là một nhà thần kinh học nổi danh khắp thế giới, song lại là một con người nhỏ bé, chỉ cao có năm feet. Ông ta chẩn đoán Geraci mắc một hình thức nhẹ của hội chứng Parkinson, liên quan đến chuyện bị đâm vào đầu suốt thời gian làm bốc-xơ và bốc phát do một chấn thương sọ não nghiêm trọng.

“Tôi không nhận những cú đâm vào đầu thường xuyên lắm đâu,” Geraci nói.

“Dân đánh đâm các anh đều thế cả,” bác sĩ nói. “Các anh chỉ nhớ đối thủ mình trông giống cái gì thôi. Tuy nhiên, nói tôi nghe về vụ chấn thương sọ não kia đi. Gần đây thôi, phải không?”

Geraci không nói lời nào với bác sĩ về vụ rơi máy bay suýt giết chết anh. “Tôi đoán là thế,” Geraci nói. “Nếu sáu năm trước được coi là gần.”

“Chuyện gì xảy ra sáu năm trước?”

“Tôi bị ngã,” Geraci nói. “Một cú ngã rất nặng.”

Bác sĩ nhìn vào đôi mắt Geraci với cái quái gì đó có đèn chớp. “Ngã từ đâu xuống?” ông hỏi. “Từ tòa cao ốc Empire State Building?”

“Ờ, một cái gì đại loại như thế,” Geraci nói.

Từ một cửa sổ trên gác của Antica Focacceria, Nick Geraci quan sát một người tuy gầy nhưng rắn chắc, dẻo dai, có ria mép - người bạn và đối tác làm ăn của anh, Cesare Indelicato - đang băng qua Quảng trường San Francisco, theo lí thuyết là một mình. Quảng trường là một ốc đảo ánh sáng chìm trong một vùng bóng tối chung quanh, những đường phố hẹp nơi khu phố cổ của Palermo.

Ông Trùm Cesare không bao giờ thực sự một mình. Ông ta đã huấn luyện các *soldatos* và các vệ sĩ của mình hòa trộn với nhau. Một người quan sát bình thường sẽ không thể đoán được rằng các chàng trai đang đứng dựa vào những chiếc Vespas trước giáo đường là người của Don Cesare, cũng như bốn anh chàng lượn lờ bên ngoài nhà hàng kia đang bàn tán về bóng đá. Một người quan sát bình thường có thể đã đoán rằng cái con người bình thường trong bộ đồ vest đang đi qua quảng trường là một giáo sư sử học mới về hưu vài ba năm nay, hơn là một anh hùng trong cuộc đổ bộ của quân Đồng minh vào Sicily và là Ông Trùm Mafia quyền lực nhất ở

Palermo.

Mặc dầu cũng đúng rằng Palermo là một thành phố nơi ít có cái gì được quan sát theo cách bình thường.

Lúc đó là ba giờ chiều và nhà hàng lại đóng cửa. Người phục vụ nơi bàn ăn của họ đã được lục soát và được chấp thuận bởi thuộc hạ của Don Cesare mà một người lo canh gác nơi cửa ra vào. Bên dưới nhà cũng còn có nhiều người khác nữa trông chừng những người nấu bếp và cửa sau.

Qua châu rượu nhắm với mỗi là món sandwiches bít -tết trứ danh ngon như trong thần thoại của nhà hàng, Geraci và Indelicato bàn bạc những mặt khác nhau trong công cuộc buôn bán ma túy đang hồi phát đạt của họ. Họ trao đổi hoàn toàn bằng tiếng Anh, không phải như một biện pháp an ninh nhưng vì, mặc dầu sau bao nhiêu năm đến Sicily lo công việc, bao nhiêu năm sống giữa những người Sicily bản ngữ, thế mà tiếng Ý của Geraci vẫn rất tệ và phương ngữ Sicily thì càng bết bát hơn. Anh nghe hiểu được nhưng không nói được. Anh không thể giải thích tại sao. Một sự phong tỏa tinh thần hay là cái gì đó đại loại như thế.

“Thật vui khi đón tiếp bạn nơi thành phố chúng tôi, ông bạn lớn ạ,” Don Cesare nói, ăn miếng cuối trong đĩa và liếm các ngón tay. “Nhưng những vấn đề này tôi không rõ lắm, tôi nghĩ chúng không phải là lí do khiến bạn phải nhọc công đi một quãng đường xa đến thế để nói với tôi?”

“Lần này tôi mang theo cả gia đình,” Geraci nói. “Vợ và hai con gái tôi. Đứa lớn sẽ vào đại học mùa thu này. Có thể là kỳ đi nghỉ cuối cùng của cả gia đình. Trước nay họ chưa bao giờ đến hòn đảo xinh đẹp của bạn và bây giờ tất cả sẽ đến ở đây trong khoảng mười ngày.” Có thể họ sẽ dành nhiều thời gian hơn, nhưng họ phải đến bằng tàu viễn dương. Nick Geraci không hề có ý định leo vào một chiếc máy bay lần nữa, dầu là để cầm lái hay chỉ an nhàn làm một du khách nơi ghế ngồi thượng hạng. “Trước nay tôi thực sự chưa từng dành thời gian để tham quan đây đó. Đây là lần đầu tôi từng đến Taormina, bạn có tin không?”

Don Cesare đưa hai tay lên tỏ ý nuối tiếc. “Tôi làm chủ khách sạn sang trọng nhất ở Taormina. Tại sao bạn không nói với tôi là bạn sắp đến nơi đó? Tôi sẽ để mắt xem xét sao cho bạn và gia đình bạn được phục vụ như ông hoàng bà chúa.”

“Don Cesare, bạn đã quá hậu tình với tôi rồi, tôi nào dám ép nài thêm nữa.”

Nhưng Don Cesare không chịu bỏ lơ việc thể hiện lòng hiếu khách cho đến khi Geraci hứa sẽ trở lại Taormina không trễ hơn năm tới và sẽ ở khu nghỉ dưỡng trên đỉnh núi của Indelicato.

“Tuy nhiên, Don Cesare à, tôi còn có lí do khác để phải đích thân gặp bạn. Chuyện này liên quan đến nghĩa tử Carmine Marino của bạn.”

Ông Trùm cau mày. “Nó ổn chứ?”

“Cậu ta đang khỏe như vâm, ông bạn đừng lo,” Geraci nói. “Có lẽ là tay ngon lành nhất mà tôi có được. Mà đó cũng là lí do tôi muốn bàn bạc với bạn về một công việc tôi định giao cho cậu ta. Một công việc đáng giá, quan trọng nhưng cũng rất nguy hiểm.”

Geraci đã bị cám dỗ muốn thổ lộ tất cả. Indelicato là một đồng minh sáng giá, ngay cả là đáng tin cậy. Thêm điểm nữa là, ông ta là người duy nhất Geraci biết trước đây đã từng làm việc với CIA. Trong thời chiến, những thành viên Mafia không bị đẩy đi Ustica bởi chính quyền phát -xít Mussolini đã hoạt động ở Sicily giống như Kháng chiến Pháp. Indelicato nhanh chóng nổi lên như một trong những lãnh đạo của cái thế giới ngầm dử dôi nhưng hiệu quả này. Thông qua Lucky Luciano, Ông Trùm ly hương ở Mỹ, Indelicato gặp gỡ những nhân viên hoạt động của

OSS - tiền thân của CIA - cung cấp tin tức tình báo chuẩn bị công trình cơ sở cho việc đổ bộ lên đảo Sicily. Người ta cho là Indelicato đã nghĩ ra trò quảng cáo độc đáo là thả dù hàng vạn khăn tay màu đỏ mang biểu tượng nổi tiếng L của Luciano để thức tỉnh dân chúng Sicily - mà bọn phát -xít xâm lược từ miền Bắc không biết được - về những gì sắp xảy ra. Người Anh không hợp tác với Mafia, đã chịu nhiều tổn thất nặng nề trong các trận đánh để chiếm lại một phần ba phía đông của hòn đảo, nhưng trên hai phần ba của phía tây, đặc biệt là nơi những vùng vốn là thành lũy của Mafia, người Mỹ lợi dụng được ưu thế tin tức tình báo nên chỉ chịu những tổn thất tương đối nhẹ. Sau cuộc tái chiếm lãnh thổ thành công, nơi nhiều thành phố do quân Mỹ chiếm được, những viên chức dân sự được bổ nhiệm như là các thị trưởng tạm thời đều là dân mafiosi. Khi quân Đồng minh rút lui, phần lớn các thị trưởng kia vẫn tại vị. Và khi các Ông Trùm được giải phóng từ Ustica họ quay về nhà và nhận ra rằng, nhờ lòng hào phóng lịch thiệp của người bạn lớn Huê kỳ và của cơ quan OSS mà quyền lực chính trị của Mafia đã tăng lên theo cấp số nhân! Chẳng bao lâu sau đó, Cesare Indelicato đắc cử vào Quốc hội Ý và giúp dẫn đầu một phong trào quần chúng rất đáng ngạc nhiên đòi Sicily ly khai khỏi Ý để trở thành bang thứ bốn mươi chín của Mỹ.

Nhưng cuối cùng, Geraci quyết định không liều chấp nhận nguy cơ. “Tôi không thể cho bạn biết chi tiết,” anh nói. “Tôi chỉ có thể nói rằng Carmine muốn làm công việc này và rằng cậu ấy sẽ là thủ lĩnh của những người khác mà tôi gửi đi.”

“Vậy tại sao bạn nói với tôi chuyện này? Lí do nào? Bạn muốn tôi chấp thuận, nhưng bằng cách nào tôi có thể làm điều đó nếu tôi không biết tôi đồng ý chuyện gì, hở?”

“Nếu bạn bảo tôi đưa Carmine ra khỏi chuyện này, tôi sẽ làm theo. Nhưng chúng tôi không thể đi vào chi tiết về những gì chúng tôi sắp làm. Những gì chúng tôi phải làm.”

Don Cesare cân nhắc điều này. “Tôi nghĩ bạn đang yêu cầu tôi chấp thuận rằng nghĩa tử Carmine của tôi, hàng tháng vẫn gửi tiền về nhà cho mẹ nó, sẽ đi làm chuyện gì đó ở một nơi mà bạn nghĩ rằng nó sẽ bị giết, đúng không nào? Nếu không phải là như thế, thì bạn không cần phải hỏi tôi điều gì cả.”

Geraci chỉ trả lời câu hỏi khó kia bằng... sự im lặng.

“Và bạn biết rằng nó có quan hệ với gia tộc Bocchicchio? Tôi không muốn là người bị trách móc về bất kỳ chuyện gì xảy ra cho nó.”

Don Cesare nói những lời này mà không tin chắc cho lắm, rõ ràng là đang bầu víu vào... những cộng rơm. Geraci biết quá rõ thân nhân của Carmine Marino là những ai.

Trong yên lặng, Geraci chờ Don Cesare phát biểu.

“Vậy thì, một câu này nhé,” Don Cesare cuối cùng nói. “Carmine biết rõ về chuyện này cũng như anh, mỗi nguy hiểm và lí do của việc đó, và nó vẫn muốn làm, phải không?”

“Đúng thế. Dứt khoát là cậu ta vẫn muốn làm.”

Ông Trùm gật gù như để tỏ ra ông đang suy nghĩ về những hiệu ứng cộng hưởng của bất kỳ điều gì mà mình sẽ nói. “Carmine đã trưởng thành,” ông nói. “Nó không còn cần tôi bảo những hành động nào là nên làm hay không nên làm.”

“Cám ơn, Don Cesare.” Geraci cảm nhận những cơn run run đang đến và xin lỗi để đi vào phòng tắm, mặc dầu thật ra anh chỉ muốn di chuyển lòng vòng và tập trung đầu óc vào sự di chuyển để cơn run dừng lại. Vì một vài lí do nào đó trong bệnh trạng chưa thể lí giải được, mà về phương diện này rất ít điều gì có thể làm tốt hơn là bất kỳ hành động nào mà anh có thể khiến

cho con cu mình làm. Trên đại thể thì đi tiểu là tiện lợi và dễ ứng dụng hơn là làm chuyện khác.

"Vì nhiều lí do," Geraci nói khi anh ngồi vào bàn trở lại, "mà một trong những lí do đó là vì Carmine sẽ là người chỉ huy, nên tôi nghĩ tốt nhất là tất cả những người mà chúng ta đưa vào công việc này nên là dân Sicily" Còn một lí do khác trong rất nhiều lí do đó là dân Sicily không phải tuân theo qui tắc không được giết hại cảnh sát và nhân viên chính quyền.

"Bạn muốn có người," Indelicato nói, "thì tôi sẽ giao người cho bạn."

"Tôi xin ghi nhận ý tốt của bạn. Nhưng tôi không thể liều nhập lậu người chỉ để dùng cho việc này. Tôi cần những người đã từng ở Mỹ một thời gian ngắn. tôi cũng không muốn sử dụng quá nhiều người của Carmine, đặc biệt là, xin Chúa che chở, lỡ có chuyện gì xảy ra cho cậu ta. Tôi sẽ gọi những người làm bánh pizza, những người giỏi nhất. Ông bạn không phản đối chứ?"

"Nếu không phải cho một công việc gai góc, vậy thì khi nào?"

Hầu hết những người được đưa vào làm trong các tiệm bánh pizza đều được gửi đến Mỹ, trực tiếp hay gián tiếp, bởi Cesare Indelicato.

"Rất nhiều người trong số này tôi chẳng biết gì về họ cả," Geraci nói.

"Tất nhiên là anh không biết rồi. Họ không dây dưa vào những chuyện lộn xộn, không gây ra vấn đề gì, vậy thì có gì để mà biết?"

"Chính xác là thế. Tôi từng có những tay đã ở đó sáu bảy năm mà tôi chưa hề để mắt đến. Tôi cần được ông tư vấn, Don Cesare à. Nếu ông sẵn lòng cho lời khuyên, xin hãy nêu ra bốn người tài ba nhất mà ông từng gửi qua đó - tài ba xét theo các tiêu chí tính cứng rắn, nhân cách, mưu trí - thì đó là những ai?"

Geraci đã chờ đợi Ông Trùm phải suy nghĩ về chuyện này một lát, thế nhưng Don Cesare đã trả lời liền tuýt suýt và còn được tăng bổ với những mô tả ngắn gọn về những kỹ năng của từng người. Chỉ cần họ được một nửa như Ông Trùm mô tả thôi, Geraci cũng sẽ không gặp rắc rối gì để làm được việc này mà không cần phải cử Carmine đi.

"Còn có vấn đề khác, không liên quan đến chuyện này," Geraci nói. "Dính líu đến một kẻ phản bội trong hàng ngũ của ông. Một người được gửi đến đây từ Mỹ. Một kẻ bất tiện cho Ủy ban, hay là họ phán quyết như thế."

Geraci không thể đích thân làm chuyện ấy và Don Cesare tất nhiên cũng hiểu. Anh ta cũng là Ông Chủ mà. Những chuyện như thế phải để người khác làm.

Vị tu sĩ mảnh khảnh dòng Capuchin khó nhọc leo xuống các bậc thang đưa đến hầm mộ của tu viện. Ông bị chứng tăng nhãn áp và viêm khớp nhưng vẫn kiên quyết không để trở thành gánh nặng cho người khác. Ông vẫn còn làm được mọi công việc mà ông đã làm khi đến Palermo lần đầu lúc hãy còn là một chàng trai mới lớn - từ chuyện thiêng liêng quan trọng như chăm sóc vườn tược, lo bữa ăn cho các sư huynh đệ Ki -tô hữu, tắm liệm xác để đem mai táng nơi nghĩa trang thành phố gần bên, cho đến những chuyện buồn cười vớ vẩn như bán bưu thiếp cho du khách hay nhặt rác thải do họ bỏ lại. Những lon soda, những chai rượu, những bóng đèn chớp đã xài rồi và vứt đi (mặc dầu việc chụp hình bị mình nhiên cấm), và cả bao cao su lầy nhầy nữa chứ!

Lúc đó là sau giờ ăn trưa: gần ba giờ chiều, khi hầm mộ sẽ mở cửa lại cho công chúng tham quan. Một nhóm du khách Đức đang lòng vòng bên ngoài những cửa sắt có thanh ngang. Trong khi vị tu sĩ đi xuống xa hơn thì những tạp âm mà họ gây ra cũng lùi xa dần. Ông mỉm cười và tạ

on Đấng Toàn năng đã cho phép ông nhận ra rằng ngay cả thánh lực giảm cũng có thể là... một quà tặng từ trên cao!

Ở chân cầu thang là một mẫu giấy gói kẹo. Đôi đầu gối của vị tu sĩ kêu răng rắc khi ông cúi nhặt mẫu rác lên.

Trong các đường hầm trước mặt ông là di hài đã vỡ nát nhưng vẫn có trang phục tươm tất, của khoảng tám ngàn người Sicily. Nhiều di hài được treo bằng móc thành những hàng dài, đầu lâu cúi xuống trong tư thế mà vị tu sĩ thích nghĩ là biểu hiện của lòng khiêm hạ. Nhiều cái khác nằm trên các kệ và được chắt vào những hốc trong tường, từ sàn đến trần. Một số được đưa vào trong các quan tài gỗ, đầu đặt trên gối phủ lớp bụi mỏng vốn xưa là thịt da của họ. Khi còn sống họ có thể là các vị quận công, các nữ bá tước, các đức hồng y giáo chủ hay các linh mục quan trọng, những anh hùng quân đội từng chiến đấu bên cạnh nhà ái quốc Garibaldi và cả những kẻ từng rút gươm ra chống lại ông. Một số khác, kể cả ông nội của chính vị tu sĩ này, đã bị ô danh trong cuộc sống trần thế do việc liên kết với đám người mà dân Sicily gọi là Bầy hữu Giang hồ. Tám ngàn vong nhân: những người đã chi trả hậu hĩ cho dòng tu để nằm xương tàn của họ hay của những người họ yêu dấu có thể được bày ở đây. Sự rồ dại của chuyện này đã không còn tác động (hay không uống phí?) đối với vị tu sĩ già. Với một ngoại lệ - *La bambina* (cô bé), mà sự hiện diện tại nơi này là nhờ sự thu xếp của vị tu sĩ - vì dòng tu đã ngưng chấp nhận những thi hài từ 1881, tám mươi năm trước đây, hai năm sau khi vị tu sĩ này ra đời. Đối với phần lớn, thì những con người từng tha thiết mong muốn được người đời nhớ - nhưng lại đã bị mọi người quên, trừ Đấng Tạo hóa của họ. Rất ít nếu không muốn nói là không có, dứa trẻ nào trong những hầm mộ này - kể cả nguyên một phòng đầy nhóc thi hài của những cô cậu nhóc - được một người sống tưởng nhớ. Sự tan rã thể xác của tám ngàn thân ma này đã được diễn trì khá lâu nhờ kỹ năng khéo léo của những người thợ ướp xác là các thầy tu Capuchin này, và nhờ không khí lạnh, khô nơi đây, nhưng ngoại trừ *La bambina*, thì sự tan rã và sự quên lãng của trần gian vẫn cứ diễn ra, và giấc mơ *kim cương bất hoại thể* của bao con người kia hóa ra cũng chỉ là ảo mộng.

Ông quay sang trái, nhìn lướt xuống sàn tìm nhặt rác rến hay những phần thi hài rơi rụng. Ông bà của ông, những người đến từ thị trấn nhỏ Corleone ở trong số những thân ma được treo theo chiều thẳng đứng. Ông nội ông mang một áo khoác bằng nhung màu xanh lá cây (mà bên dưới đó, vết thương do đạn bắn vào sau lưng hở ra toang hoác và chỉ nhờ một thanh thép chống đỡ cho thân hình chỉ còn bột xương kia khỏi đổ xuống). Bà nội ông (mà một cánh tay đã lìa ra trước đó không lâu và được cột lại một cách lỏng lẻo bằng dây kẽm) vẫn mặc bộ đồ cưới. Khi vị tu sĩ lần đầu đến đây, họ, cũng như phần lớn những vong nhân kia, hãy còn mặt mũi. Trong hơn nửa thế kỷ ông đã là chứng nhân nhìn ngắm sự biến mất dần dần, ngày qua ngày, những đôi mắt và thịt da của họ. Ông hôn những đầu ngón tay của mình, rồi, rất khẽ khàng, áp những đầu ngón tay vào trán của tổ phụ, tổ mẫu, đọc một bài kinh cầu cho linh hồn hai vị, xong, tiếp tục bước đi.

Ở cuối đường hầm là *La bambina*, cô bé hai tuổi xinh xắn đáng yêu, chết năm 1920 và trở thành một trong những điểm hấp dẫn du khách nổi tiếng nhất ở Sicily. Vị bác sĩ ướp xác cho cô bé đã giấu kín các thầy tu về phương pháp ướp xác mới mà ông phát minh. Trước khi có bất kỳ người nào học hỏi được bí quyết của ông thì chính ông cũng qua đời (do mắc tội trọng là tội kiêu ngạo, vị tu sĩ có lẽ đã bảo với các sư đệ như thế, mặc dầu cái nguyên nhân bình thường, thực sự của cái chết kia là bị vỡ lá lách, đơn giản thế thôi). Vị tu sĩ già đã bỏ ra rất nhiều giờ suy tư chiêm nghiệm, nghiên cứu những ghi chú bí hiểm (còn được mã hóa nữa) của ông bác sĩ kia, cố gắng suy đoán những gì ông bác sĩ đã làm, nhưng không có kết quả. Hài nhi với mái tóc vàng, dài nằm trong quan tài bọc kính kia đã ở đó trong bốn mươi một năm. Và tuy vậy trông cô bé vẫn giống như cô mới mất chỉ mấy ngày trước đây thôi.

Khi vị tu sĩ tiên gần đến *La bambina*, đôi mắt mờ mờ của ông dường như đang trêu đùa tình nghịch với ông. Tựa vào tường gần bên hài nhi kia là một thi thể cũng được bảo quản tốt không

kém!

Ông dụi mắt để xem xét lại cho kỹ. Đó là một người hói đầu, ngoài khoác cái áo đi mưa. Những viên kim cương lấp lánh từ những chiếc nhẫn trên các ngón tay của ông ta và nơi cái kim cài cà-vạt ở cổ. Qui tắc là người chết vào đây không còn mang đồ trang sức quý giá nào cả. Rồi vị tu sĩ thấy những đường màu đen trông rõ nơi phía kia cái miệng của người chết và cảm thấy nhẹ người.

Đó chỉ là một con rối lớn bằng cỡ người thật. Những trang sức kia chắc là đồ giả. Một trò đùa tinh quái, một cú chơi khăm nghịch ngợm đấy thôi, nhưng vị tu sĩ đã sống ở Palermo một thời gian dài và đã học cách không ngạc nhiên bởi bất kỳ chuyện gì xảy ra ở đây.

Ông tiến sát lại gần hơn.

Những vệt nước nơi miệng Sal Narducci Cười ngất thực sự là những dòng máu rỉ ra từ miệng lão ta. Hóa ra... không phải là con rối mà là người thật!

Sợi dây dùng để trói lão ta - ngay trước giữa trưa, khi hầm mộ được đóng cửa vào giờ ăn uống nghỉ ngơi ban trưa - còn nằm trên sàn, bên đôi giày bóng loáng của người chết.

Vị tu sĩ đi vào khung cảnh ảm đạm này, trong nơi chốn lạ lùng và thiêng liêng này, và từ trong tâm hồn ông, một điều gì đó vỡ òa ra. Một tên trộm bình thường ắt phải lấy đi những đồ trang sức đáng giá chứ. Một kẻ giết người tầm thường có lẽ đã giấu thi thể đi, chứ sao lại phơi bày nơi đây, cùng căn phòng - và còn sát kế bên - *La bambina*! Vị tu sĩ tuôn ra một tràng chửi rủa bọn Băng hữu Giang hồ. Còn ai khác có thể làm chuyện như thế? Ông đã nguyện hiến đời mình để sám hối cho truyền thống bạo lực của gia đình, nhưng rồi tàn dư của nó vẫn cứ lại tìm ông. Và giờ đây, ở thời điểm muộn màng đến thế này trong đời, vẫn còn phải chứng kiến cảnh khốc liệt này. Đường như là không thể tránh. Con cuồng nộ dâng lên trong người ông như một liều thuốc độc. Tiếng chửi rủa của ông càng lớn hơn.

Các sư huynh đệ chạy đến giúp ông, khai với nhà chức trách rằng khi vị tu sĩ già đáng kính kia ngã xuống và chết, mặt ông đỏ rực giống như vạch bên phải của quốc kỳ Ý.

Khi, từ chính miệng sát thủ, Cesare Indelicato nghe thuật lại những gì xảy ra - trên sân thượng của căn biệt thự nơi vách núi của ông ta, nhìn bao quát cái thành phố với phong cách kiến trúc Trung cổ mà ông cai trị - ông ta ngạc nhiên với khiếu hài hước ảm đạm của... *lão tặc thiên*. Don Cesare chưa từng gặp vị tu sĩ đáng thương nọ, nhưng vẫn nhận ra tên họ của ông ấy. Xưa kia chính ông nội của Don Cesare, Felice Crapisi, đã giết người ông nội phản bội của vị tu sĩ. Là lòng hơn nữa là Don Cesare đã được yêu cầu giết Narducci đến hai lần (lần đầu bởi Thomas Hagen và sau đó bởi Nick Geraci). Tay *soldato* tin cậy mà ông sai đi giết Narducci chỉ một lần, thế nhưng *cái thi pháp đẫm máu của Đấng Tạo hóa* (the bloody poetics of the Creator) lại thấy là thích hợp để chuyển đổi vụ giết chóc đơn lẻ này thành hai cái chết.

Don Cesare hậu tạ sát thủ và sa thải anh ta.

Mang nỗi niềm cô độc, lắc đầu vì ngạc nhiên và kinh sợ, Don Cesare nâng ly rượu hướng về thành phố Palermo và về những thiên đường đang tối dần.

Lời chúc rượu nào ông có thể nói ra với thế giới đó, với Ông Trời kia, những tác nhân đã giúp cho ông được giàu sang, quyền thế, thỏa nguyện nghênh ngang, đã tưởng thưởng hậu hĩ cho mọi hành vi lừa dối của ông trong khi lại trừng phạt những phạm hèn sâu kiến mê tín nơi các tầng lớp cùng khổ nhưng vẫn cố sống phù hợp với những tín điều, những lời răn?

Còn có gì khác nữa không?

“Chúc sức khỏe,” ông nâng ly rượu mừng, hét to lên. Và uống cạn. Sảng khoái.

Lời chúc vọng vào vách đá. Và dội ra lại. Ông nghe lại tiếng mình, và lại uống tiếp, tiếp nữa cho đến chừng túy lúy càn khôn, *ngoảnh mặt lại cứu hoàn coi cũng nhỏ...* xú!

Chương 29

Tại khu liên hợp Corleone ở Hồ Tahoe, Theresa Hagen và Connie Corleone (đã trở lại dùng tên thời con gái) đang cùng nhau nấu bữa tối, như họ vẫn làm phần lớn những đêm cả hai cùng ở nhà, mà phần lớn là như thế. Họ luân chuyển bếp, vài ba bữa thì ở nhà Michael, vài ba bữa khác (như hôm nay) lại sang bếp nhà Hagen. Có những thay đổi thấy rõ nơi Connie trong hai năm qua kể từ khi nàng ngưng cố gắng làm thành viên phi hành đoàn phản lực của hàng không dân dụng, vì vụ khấp đó đây, sống như một góa phụ nhơn nhơ yêu đời, sẵn sàng *tình cho không biểu không* với bất kỳ anh nào trông vừa mắt, để về nhà phục vụ cho ông anh - giống như những người thân không chồng (chị, em gái hay con gái...) đi theo với vai trò Đệ nhất Phu nhân cho các vị Tổng thống góa vợ hoặc độc thân. Theresa có tác động không nhỏ trong sự thay đổi hoàn toàn của Connie. Nàng đã trở thành người chị lớn mà Connie chưa từng có - dầu hay cãi nhau lật vật, đúng vậy, nhưng rõ ràng họ yêu mến nhau. Vì Theresa, Connie đã nảy sinh hứng thú về nghệ thuật và đang giúp Theresa huy động vốn để thành lập một dàn hợp xướng giao hưởng ở Hồ Tahoe. Cả hai giữ nhiệm sở trong Liên minh Đầu phiếu Phụ nữ. Chừng khoảng năm rồi Connie còn bắt đầu ăn mặc theo phong cách bảo thủ hơn. Họ sử dụng cùng nhà thiết kế mà vị Đệ nhất Phu nhân thực sự đang sử dụng.

Trong văn phòng của Tom Hagen, nơi căn nhà bằng đá phía sau nhà chính, Tom và Michael đang nghỉ ngơi thư giãn đợi bữa ăn tối. Mấy đứa con của Connie làm Michael say mê, ngay cả con đỡ đầu của anh, Mickey Rizzi, đã sáu tuổi mà vẫn hay khóc nhè. Connie trông coi mọi việc nhà, nhưng Michael có thể thuê người để làm mọi chuyện. Có con cái của người khác sống trong nhà mình lại càng khiến cho anh nhớ Tony và Mary, anh nghĩ, nhiều hơn là nếu anh lòng vòng quanh nhà một mình. Đó là chưa kể đến mấy đứa con của Hagen, nhà ngay kế bên. Gianna Hagen và Mary cùng tuổi, đi học chung trường và là bạn thân thiết với nhau. Không thể nhìn vào Gianna mà không cảm thấy một chút khát khao mong ước cái thú vui giản dị đọc một câu chuyện trước khi ngủ cho con gái mình.

Anh và Tom cũng còn có công việc để bàn luận, tất nhiên rồi. Tom đã nói với ông Đại sứ về chuyện cho Billy có trách nhiệm nhiều hơn trong công việc của chàng ta ở Bộ Tư pháp; ông Đại sứ cho rằng mình đã nói với anh Danny, Tổng chương lí rồi, nhưng Tom hãy còn ngờ lắm. Hình như Billy vẫn còn bị cách ly khỏi những gì trong nhiệm sở mà có thể khả dụng cho nhà Corleones.

Cũng còn có vấn đề về lí do căn bản được bịa ra của Vincent Forlenza để giết tay *consigliere* bị trục xuất từ lâu của ông ta và lời Geraci gửi đến, rằng anh ta cần trao đổi với Michael Corleone, trực tiếp giữa hai người thôi.

“Geraci có nói là về chuyện gì không?” Michael giả định là có liên quan đến việc khử Sal Narducci.

“Hắn không nói,” Tom trả lời. “Hắn chỉ nói là hắn có thể đến đây nếu chú sẵn lòng tiếp, à, thì vậy đó.”

Trên bãi cỏ xanh bên ngoài văn phòng của Tom, Victor Rizzi - đứa cháu mười hai tuổi của anh, vừa mới bị cho thôi học vì đánh nhau và uống rượu - đã thực hiện một thế gạt với Andrew Hagen, lớn hơn nó đến bảy tuổi và sắp bắt đầu năm dự bị đại học ở Notre Dame. Andrew - một sinh viên thần học, đã dự định trở thành linh mục - có lẽ không phải là đứa chủ mưu. Victor tiến đến, di động qua lại, nhún nhảy. Andrew gạt công việc vật vãnh qua một bên và ghì chặt Victor xuống bãi cỏ.

Michael nhướn một hàng lông mày lên.

“Đừng quan tâm,” Tom nói. “Andrew biết cách xử lý mà.”

“Tôi không lo lắng về Andrew đâu.”

Con chó chặn cừu trung thành và tinh khôn của nhà Hagens chạy nhanh đến cửa sau của căn nhà và sủa lên. Một lát sau, Connie đến, chạy ra với một cái tạp dề bẩn, gọi lớn tên Victor. Andrew lợi dụng đôi cánh tay dài của mình đẩy Victor về phía bà mẹ đang giận dữ của hắn.

“Có nhắc chú nhớ đến ai không?” Tom nói.

Michael biết ắt là Tom có ý chỉ hoặc mình, hoặc Fredo, nhưng dường như không có gì thuộc về họ đã được làm. Và cả anh ta lẫn Tom cũng không bao giờ nhắc đến tên của Fredo. Có những việc cần phải làm, và bạn làm những việc đó. *Gặp thời thế thế thời phải thế*. Xong việc thì thôi, đừng bao giờ nhắc lại làm chi. Cũng chẳng cần phải cố công biện minh chúng. Đơn giản là... bởi chúng không thể được biện minh, dầu bằng cách nào đi nữa, hay dầu bạn có giỏi hoa ngôn xảo ngữ đến đâu, bạn có giỏi lô -gích học đến đâu, bạn có tài hùng biện đến cỡ nào thì cũng không thể *cả vú lấp miệng em được*. Như chuyện Michael xử Fredo chẳng hạn. Dứt khoát là chẳng có đạo lý nào có thể biện minh. Chỉ có vấn đề tương quan giữa quyền lực và sự sợ hãi. Ta làm việc đó vì ta thấy cần phải làm việc đó. Đứa nào léo nhéo, bắn bỏ!

“Anh muốn chỉ tôi?” Michael hỏi bằng tia mắt dễ khiến *quỉ kiến sâu* và giọng nói dễ làm cho người ta... té đái vãi phân! “Khi nào tôi đã từng”

Tom đảo tròn mắt. Vậy ra đây chính là mưu đồ của hắn muốn nói về Fredo.

“Khi nào chuyện đó trở thành một được ưa chuộng của anh vậy?”

Tom lắc đầu, một cách trầm trọng. “Lẽ ra tôi không nên nói bất kỳ chuyện gì. Tôi già cả lắm lắm rồi.” Chà, cái anh chàng này khôn đáo để, biết cách *minh triết bảo thân* đấy!

Chỉ vài thoáng sau Michael nhận ra rằng Tom không có ý chỉ Fredo. Anh ta muốn nói đến Carmela, người đã gây ra rất nhiều vụ đánh nhau lật vật đối với láng giềng.

“Dầu sao,” Tom nói, “muốn Geraci đến đây cũng phải mất một ít thời gian. Anh ta phải hoặc lái ô-tô hoặc đáp tàu hỏa.”

“Tôi dự định đi thăm mấy cháu vào tuần sau nữa...”

“Nếu chú dự định làm điều đó,” Hagen nói, “Tôi nghĩ đó là thời điểm thích hợp. Thế nhưng”

“Tôi sắp làm điều đó.”

“Có thể là một cái bẫy. Đặc biệt là ở New York, tôi nghĩ thế.”

“Không sao,” Michael nói. “Tôi sẽ thận trọng, chắc chắn thế. Al đã bố trí mọi đề phòng cần thiết.”

“Điều gì sẽ xảy ra khi bọn họ phát hiện rằng chúng ta đã cho người làm xong vụ khử Narducci trước khi bọn họ kịp ra tay?”

Sal Narducci không có vẻ giống loại người giữ vững được khí tiết nếu bị tra tấn. Michael đã không có được cơ hội để thử nghiệm. Họ có thể nghĩ ngờ bất kỳ điều gì họ muốn từ Narducci nhưng họ sẽ không thèm nghe từ cái mồm thối tha của lão. “Bằng cách nào họ phát hiện ra?”

Michael nói. “Chúng ta tiếp xúc với cùng người mà họ đã tiếp xúc. Indelicato trông chờ nghe từ bọn họ, như chúng ta đã bảo lão ấy nên làm thế và sau đó lão cho người thực hiện công việc theo những yêu cầu biệt lệ của chúng ta.”

“Chú tin tưởng Cesare Indelicato đến thế? Đây là lần đầu tôi từng gặp nhân vật này. Lão ta đã làm việc với Geraci trong nhiều năm.”

“Lão đã làm ăn với Gia đình Corleone còn nhiều năm hơn nữa,” Michael nói. “Nếu không nhờ sự giúp đỡ của Bố trong thời chiến, Cesare Indelicato có lẽ hiện nay vẫn còn đi cướp giật mấy xe đẩy rau củ quả bán rong. Dầu sao, lão ta đâu có lợi gì khi cộng tác với người khác thay vì đích thân làm? Lão ta được tiếp xúc hai lần, nhận được hai khoản thưởng, mà chỉ phải làm có mỗi một việc đơn giản. Ngon ăn như vậy nên lão không hề lưỡng lự chút nào.”

“Sau bao nhiêu những chuyện thổi phồng thêu dệt về các hoạt động của Narducci ở Sicily mà Forlenza tung ra với Ủy ban,” Hagen nói, “tôi ngạc nhiên là Forlenza lại không phái chính thuộc hạ của mình đi làm công việc. Hoặc ít nhất là tiếp xúc với Don Cesare.”

“Forlenza sẽ chỉ cần nói rằng Geraci là từ Cleveland - nghĩa tử của lão, vv... - và sắp đi Sicily có công việc, chuyện này thì đúng. Cũng có mặt đáng ngờ, nhưng Don Forlenza không làm thành điều bí mật. Lão bảo với Ủy ban rằng đấy là cách lão sắp xử lí công việc. Nước cờ xuất sắc. Trông có vẻ như lão ta chẳng giấu giếm chuyện gì.”

“Và chú vẫn còn chắc rằng họ *thực ra* còn giấu điều gì đó.” Họ ở đây là Forlenza, Geraci và Russo.

“Có cái gì trong đời này mà chắc chắn đâu?” Michael nói. “Nhưng trong chuyện này thì tôi chắc... vừa đủ xài.”

“Nếu là người nào khác,” Hagen nói, “có lẽ tôi sẽ nói nên bảo trọng.”

Michael mỉm cười. “Nếu lời đó đến từ bất kỳ ai khác, tôi sẽ coi đó là sự xúc phạm.”

“Tôi nghĩ tôi có ý tưởng này,” Tom nói, “về việc nên hành xử như thế nào với Russo.”

Anh bị ngắt lời vì Connie cố ý va đập mạnh chiếc keng báo cơm như thể nàng ta đang kêu cứu, chứ không phải sắp dọn bữa ăn chiều.

Khi họ đến bàn ăn, chính Victor - đã bị mẹ phạt đòn thâm tím - dẫn họ vào chỗ của từng người.

Francesca Van Arsdale đã dành trọn buổi sáng làm một bữa ăn trưa dã ngoại (picnic lunch) để gây ngạc nhiên cho chồng, nhưng khi nàng và nhóc Sonny xuất hiện ở văn phòng của anh chồng, Billy phàn nàn về tất cả các du khách trên Phố Đi Bộ và chuyện thời tiết nóng bức trước khi cuối cùng chàng cảm ơn nàng về cử chỉ yêu thương kia và đồng ý đi. “Không phải vì anh quá bận để đi xa đâu,” chàng nói.

Billy có lẽ đã bắt đầu làm việc ở Bộ Tư pháp với những cao vọng gần như phi thực tế, mặc dầu sau bảy tháng loay hoay với công việc chàng dường như vẫn chưa sẵn sàng để thừa nhận điều đó với chính mình, và càng ít hơn đối với vợ. Chàng mới rời trường Luật có hai năm, Francesca nhắc nhở chồng, nhưng điều đó chỉ càng đẩy chàng ta vào việc tuôn ra một dãy những cái tên mà nàng không biết - những con người, giống như Billy, từng là tổng biên tập tạp chí luật ở Harvard và chỉ hai năm sau hiện đang làm những công việc danh giá hoặc béo bở như thế nào.

“Đúng thế,” nàng nói, “và một ngày nào đó sẽ có người khác nào đó, những tổng biên tập trẻ hơn của tạp chí luật sẽ nêu tên anh trên cùng danh sách đó. Đại khái như 'Bạn có biết Thượng

nghe sĩ Van Arsdale'."

"Thôi mà, Francie."

"- đang làm gì sau hai năm rời trường Luật? Làm việc cho Bộ Tư pháp Mỹ, đấy, đấy, và không phải dưới trướng một tổng chương lí *bất kỳ* nào đâu nhé. Không phải đâu! Mà là dưới quyền Daniel Brendan Shea! Vị Tổng chương lí vĩ đại nhất trong lịch sử Huê kỳ và, bạn biết đấy, dưới trướng vị Tổng thống thứ ba mươi bảy của Mỹ."

Sonny đang nô đùa nơi bãi cỏ của Phố Đi Bộ và cậu ta đang biểu diễn màn Múa Khỉ học được từ tiết mục *Jojo, Mrs Cheese & Annie*. Ngoại trừ cái mũ chơi bóng màu vàng lúc lắc nơi đầu cậu bé, quả là một ấn tượng sừng sốt về Jojo. Du khách dừng chân để thưởng lãm.

"Thằng bé học trò đó lúc nào vậy?" Billy thì thầm hỏi vợ.

"Từ trên Tivi," nàng trả lời. Lẽ ra phải là *từ nhiều tháng trước*. Chàng cau mày, có thể là do bối rối hoặc có thể là để tỏ ý phản đối. Francesca không muốn biết là vì cái gì. Sonny kết thúc buổi diễn và khán giả vỗ tay tán thưởng cậu bé. Francesca kiên quyết bảo cậu không được đáp lại lòng ái mộ của khán giả bằng một màn diễn thêm như Jojo, vì đã đến giờ ăn rồi.

Họ ngồi xuống như một gia đình. Tại sao chàng lại không nhận ra giá trị của *chuyện này*? Nàng nghĩ. Tại sao chàng không thể chấp nhận *chuyện này* như là điểm nhấn của cuộc sống và tìm thấy niềm vui trong đó? Giữa sự bất hạnh của chàng trong công việc mà lúc nào chàng cũng nói đến - và nỗi đau chung của hai vợ chồng về việc sớm mất đứa con - mà họ không bao giờ thực sự nhắc đến nữa - càng ngày nàng càng cảm nhận giống như họ phải thoát ra khỏi cái thành phố đã bị Chúa ruồng bỏ này. Billy đã rất ân cần chu đáo với nàng từ lúc nàng phát hiện ra cái sự vụ kia cho đến cái đêm họ mất đứa con sơ sinh, nhưng cũng từ đó chàng hiếm khi chạm đến nàng. Lần duy nhất từ đó đến nay mà họ cố gầy cuộc mây mưa, chàng đã không thể chạy về đích và nàng cũng quá đuối sức để giúp chàng mở tỉ số. Chàng lăn ra khỏi nàng, nằm ngửa, và dùng tay chơi bóng. Khi cuối cùng, trầy trật mãi, chàng cũng kết thúc được trận đấu bằng một bàn thắng trong thế việt vị và không được trọng tài công nhận là hợp lệ. Và nàng òa ra khóc vì ảm ức, mặc dầu cũng thấy được giải tỏa một cách lạ kỳ. Từ đó, hầu như một nửa số đêm, không có lí do rõ ràng nào, chàng qua đêm trên ghế xô-phá với chiếc remote Tivi trên tay.

"Em không hiểu đâu, Francie à," Billie nói. "Chuyện có hơi phức tạp." Chàng gấp nhiều tấm chăn để ngồi lên trên, ngay cả bên trên tấm nệm. "Suốt ngày anh phải dán mình lên ghế ở thư viện, để kiểm tra những dẫn chứng của người khác. Một vài trong số những luật sư viết ra những chuyện ấy cũng độ cỡ tuổi anh và hầu hết họ không biết lấy một câu tiếng Anh nghiêm túc nào từ - anh không biết, chương trình Nhảy Khỉ (Monkey Dance), nhưng"

"Monkey Dance!" Sonny reo lên, bỏ miếng sandwich xuống, cầm cái nón đánh bóng đội vào đầu, và đứng vụt lên, nhảy múa. Billy chẳng hề nhúc nhích hay thay đổi thái độ. Francesca đứng dậy, khống chế Sonny, và, với một nhượng bộ nhỏ là cho phép cu cậu giữ cái nón trên đầu, kéo cu cậu trở lại bữa ăn trưa.

"Khi anh phụ trách tờ tạp chí pháp luật," Billy nói, "Anh có người làm loại công việc này cho anh."

Nàng phải mất một giây để nhận ra chàng muốn chỉ công việc ở thư viện pháp luật, chứ không phải những cố gắng của nàng để khống chế đứa bé bốn tuổi với đầu óc bị điệu Múa Khỉ độc chiếm. Billy cũng có người làm việc đó: nàng, chứ còn ai khác! Một cu cậu bốn tuổi bình thường, khỏe mạnh thì tất nhiên là nó rất hiếu động và quậy phá tung bừng rồi, chưa kể là còn phải đấu tranh với một ông chồng ưa ca cẩm phàn nàn, thế là quá đủ để phát mệt! Hồi xưa, bố nàng chết khi nàng mới lên mười một tuổi. Nàng biết là có lẽ mình đã xây dựng hình ảnh bố

thành một nhân vật chưa từng có mặt trên đời, nhưng nàng cũng không hề có một hoài niệm nào, dầu mơ hồ nhất về bố mình từng cần nhằn với vợ, một lần cũng không. “Nhưng mà, anh đâu còn phụ trách tạp chí pháp luật nữa,” Francesca nói, “đúng không nào?”

“Làm thế nào anh có thể nói với em về chuyện này? Em chưa học xong cao đẳng mà. Không ai trong gia đình em qua được bậc cao đẳng.”

“Chuyện buồn cười! Thím Kay này, và Bác Tom và Bác Theresa này.”

Billy cười. “Nhưng họ đâu phải máu mủ, đúng không? Ngoài Theresa, họ còn không phải là người Ý nữa.”

Francesca lẽ ra phải bắt chàng ta trả giá cho câu nói đó - ít ra là bằng lời lẽ - nếu như Sonny không ngồi ngay tại đó. “Người chị em sinh đôi của tôi đã tốt nghiệp Thạc sĩ và đang học lên bậc Tiến sĩ. Em trai tôi đang học hành tốt ở Notre Dame, và”

“Em trai Frankie của em chơi bóng. Môn học lí thuyết khó nhất mà cậu ta đã học qua là gì? Lí thuyết tổng quát về Thể dục Thể thao?”

“Thì đã sao?” Quả thật là Frankie theo môn chính là giáo dục thể lực và chưa bao giờ có thành tích tốt về chuyện học hành. Song nàng vẫn tự hào là cậu em đang học hành đang hoàng ở bậc đại học và thể dục thể thao thì cũng tốt chớ sao. “Còn em lẽ ra cũng tốt nghiệp rồi nếu anh không” Sonny đang ngốn ngấu miếng sandwich, và Francesca không muốn nói điều gì không hay trước mặt con. “Anh biết mà.”

Billy nhún vai. “Phải có hai người mới nhảy điệu tango được chứ, em cưng” chàng ta nói.” Nếu em dành biệt lệ cho chuyện ấy, em có cơ hội làm cho nó được lưu ý đấy.”

Một tia nhìn hoảng sợ lướt qua khuôn mặt chàng; chàng lập tức nhận thức được mình vừa nói gì.

“*Làm cho nó được lưu ý!*” nàng gằn giọng lặp lại lời chàng.

“Ồ, anh xin lỗi!” Chàng nghiêng người đưa tay về phía nàng, và nàng đẩy cánh tay chàng ra. Chàng dành phần lớn thời gian còn lại của bữa ăn trưa để xin lỗi. Chàng là kẻ lợi khẩu mà. Cuối cùng thì chàng cũng làm cho nàng hạ hỏa.

“Áp lực của công việc,” Billy nói. “Đến độ ảnh hưởng tới cách anh đối xử với em. Anh cần làm nhiều hơn để tạo sự khác biệt trong thế giới và anh sẽ không hạnh phúc cho đến khi làm được việc đó. Em hiểu cho anh chứ?”

Nàng bảo anh là nàng hiểu chứ, như nàng từng bảo anh trước đó và cho rằng anh thực sự cần nói với ngài Tổng chưởng lí cho ngài biết nỗi bất hạnh của mình, như nàng từng nói trong hàng bao tuần rồi. Nàng không hiểu tại sao chàng lại không chịu làm điều ấy.

Nàng đã được giáo dục để tin rằng nếu bạn có một vấn đề, bạn hãy đi đến nhân vật chủ chốt. Billy đã được nuôi dạy với tất cả những lợi thế vì vậy nàng nghĩ là chàng cũng tin vào điều ấy. Nàng chỉ có thể hình dung rằng có lẽ chàng ta bị khớp trước Daniel Brendan Shea, mặc dầu điều ấy cũng huyền hoặc nàng. Danny Shea, một phiên bản có phần mờ nhạt và gầy nhẳng của ông anh, có phong cách đáng ngạc nhiên của một người mà đôi mắt kính vừa bị ai đó giật nhanh ra khỏi mặt, hoảng hốt, chớp mắt lia lịa, mặc dầu thật ra thị lực của anh ta, nếu không phải là tầm nhìn của anh ta, vẫn hoàn hảo.

Khi họ ăn xong, chàng ta hôn Sonny và rồi bảo Francesca rằng mình sẽ làm điều đó: nếu đó là

điều nàng muốn, chàng sẽ đi thẳng đến văn phòng Tổng chưởng lí và xem liệu mình có thể nói chuyện với Danny Shea được không.

“Em chỉ muốn là anh hạnh phúc,” nàng nói, mà đó là... lời nói dối. Nàng đã bắt đầu muốn rất nhiều điều vượt qua những chân trời hạnh phúc của người chồng có địa vị, có chức tước của nàng. “Như anh từng nói.”

Họ cùng nhau đi về lại Bộ Tư pháp. Một tay chàng bế cậu con đang ngủ, tay kia cầm cái nón chơi bóng của cậu và vẫy gọi chiếc taxi để Francesca không phải bế con về nhà. Billy hôn từ giã nàng, nhưng với vẻ nồng thắm không nhiều hơn là một người bạn của gia đình. Chàng có nói “Cám ơn,” nhưng chàng hoàn toàn không nhớ ngày hôm ấy là ngày gì.

Chiếc taxi hòa lẫn vào dòng xe cộ lưu thông trên đường Lập hiến. “Kỷ niệm ngày cưới vui vẻ,” nàng thì thầm.

“Thưa bà, gì ạ?” người tài xế hỏi.

“Không có gì,” nàng nói, kéo Sonny sát hơn vào lòng, muốn mình đừng khóc. “Ồ, không có gì cả đâu.”

Chiều hôm đó, Billy thật sự có vào gặp Danny Shea. Theo những ghi nhận được viết tốc kí bởi cô thư kí của Tổng chưởng lí, những gì đã xảy ra là thế này:

Vào lúc 15:37, TCL [Tổng chưởng lí Daniel Brendan Shea] chấp thuận cho luật sư trẻ Bill V. Airdale (viết sai, lẽ ra là Arsdale) một cuộc gặp trong vòng mười phút trong lịch làm việc buổi chiều của ông đủ để BVA có thể tháp tùng TCL khi ông đi đến cầu thang máy của tòa cao ốc văn phòng nơi ông làm việc. BVA đồng ý.

BVA bàn về những phẩm chất của anh ta cho công việc nơi đây và ước muốn của anh ta được tham dự vào những vấn đề truy tố hơn, đưa đến hậu quả là có nhiều thời gian hơn ở tòa án và bớt thời gian ở thư viện. BVA thắc mắc là bằng tốt nghiệp đại học Harvard của anh ta có liên quan gì với sự phân nhiệm hiện tại của mình - mà anh ta rất không hài lòng, nhận thấy rằng nhiều quan chức hàng đầu trong văn phòng TCL xuất thân từ Princeton. TCL cương quyết phủ nhận mọi sự thiên vị kiểu đó, nêu tên nhiều người Do thái và Da đen từ các trường công lập nắm những chức vụ cao trong chính quyền, cũng như công việc với Thượng nghị sĩ [kiểm duyệt] mà TCL đích thân giúp hỗ trợ cho Cô [kiểm duyệt] từ Đại học Miami mà TCL nhắc đến như là “bạn gái” của BVA. BVA xin lỗi. TCL chấp thuận.

Tuy vậy BVA tỏ vẻ không vui với nhiệm sở hiện tại và thăm dò khả năng hoán chuyển. TCL khuyên BVA đến nói với cấp trên trực tiếp của anh ta. BVA biểu lộ thất vọng với vẻ miễn cưỡng của TCL không chịu đích thân can thiệp vào vấn đề, đặc biệt là [tiếp theo sau là nhiều dòng bị kiểm duyệt bôi đen chỉ còn chừa lại dòng chữ “Van Arsdale Citrus Co., được viết đúng chính tả, mặc dầu trước đó cấu thả với tên của Billy].

TCL nói ông không hiểu BVA muốn nói gì.

BVA giải thích rằng bố mẹ anh ta [kiểm duyệt xóa hai dòng]

TCL biểu lộ ngạc nhiên, bởi cho đến bây giờ chưa hề có những yếu tố như thế xen vào quyết định của TCL trong việc tuyển dụng BVA. TCL chấp nhận rằng MCB [Mr. Corbett Shea, bố ông, cựu Đại sứ ở Canada] là người đầu tiên thúc giục TCL tuyển dụng BVA. Theo cách hiểu của TCL thì chuyện này trước tiên liên quan đến thành tích học tập xuất sắc ở Harvard nhưng cũng được hỗ trợ bởi việc phục vụ hữu hiệu của BVA cùng với Cô [kiểm duyệt] đã nói trước đây trong suốt thời gian vận động tranh cử cho Tổng thống.

BVA, gần như hụt hơi và do vậy, gặp khó khăn để hiểu, dường như biểu lộ sự hoài nghi rằng những quan hệ gia đình đã không giữ vai trò nào và hiện nay không thể giữ vai trò nào.

TCL chấp nhận rằng điều này đúng, nhưng những quan hệ giữa MCS [Mr. Corbett Shea] và gia đình bên vợ của BVA, mà tên thời con gái là [kiểm duyệt].

BVA hỏi là phải chăng anh ta bị “gán ép” cho TCL.

TCL nói rằng chuyện phức tạp hơn thế. Trong khi nhắc nhở BVA về những trách nhiệm đã tuyên thệ của anh ta, đối với sự bảo mật, TCL nói rằng trong thực tế ông đang chuẩn bị một kế hoạch toàn diện nhằm [truy tố] [tên của gia đình bên vợ BVA, kiểm duyệt] và những kẻ giống như họ.

BVA trả lời rằng anh ta rất hân hoan hy vọng điều đó diễn ra, và chắc chắn là sẽ không rò rỉ thông tin này cho vợ mình hay bất kỳ thành viên nào của gia đình nàng.

TCL biểu lộ ngạc nhiên và hỏi điều ấy có thực sự là như thế chẳng.

Phiên thực tập hoàn tất.

BVA nói rằng anh ta cam kết làm “bất kỳ chuyện gì và tất cả mọi chuyện” để sao cho bất kỳ tội ác nào do gia đình bên vợ anh ta làm ra phải được truy tố theo mức độ đầy đủ của pháp luật và rằng nếu không thế thì tương lai chính trị của chính anh ta sẽ là... “phi hiện hữu” (otherwise his own political future would be nonexistent). BVA nói anh ta có hiểu biết đầu tay về những mặt bí mật trong các hoạt động phi pháp của gia đình bên vợ và hiểu biết đó có thể đặc dụng trong kế hoạch truy tố toàn diện của TCL.

TCL biểu lộ sự hài lòng khi nắm bắt được những thông tin này và nói rằng ông lạc quan rằng ông có thể tìm ra giải pháp đối với việc tái phân nhiệm BVA theo yêu cầu của anh. Ông trao cho BVA một khăn trắng mới và cảm ơn anh ta về thời gian và tính bộc trực của anh dành cho ông. Cuộc hội kiến kết thúc lúc 15:47 EST (Eastern Standard Time, Thời gian Chuẩn phía Đông đối với Canada và Mỹ, *chú thích của ND.*).

Sân bay mà Michael Corleone sử dụng khi anh đến New York gần như nằm ở cuối Long Island. Xưa kia đây vốn là một sân bay tư nhân nhưng sau đó được đặt dưới sự kiểm soát của chính quyền kể từ Đệ nhị Thế chiến. Năm bảy năm trước, Nick Geraci, người tất nhiên không còn dám bay nữa, đã trang bị cho sân bay này đầy đủ tiện nghi để cho những loại máy bay khác nhau do Gia đình Corleones sở hữu hay vận hành có thể lên xuống nơi đây.

Michael cho máy bay chạy về phía hangar nơi Geraci đang đứng đợi. Anh dừng lại cách đó khoảng năm mươi yards. Geraci đi ngang qua phi đạo một mình. Al Neri bước ra và lục soát anh ta. Geraci hít một hơi thở sâu và trèo lên cầu thang.

“Hãy để cửa đó mở,” Geraci nói với Neri.

Neri liếc mắt nhìn Michael, anh ta gật đầu. Neri để cửa mở và đứng ngay bên ngoài.

“Giữa chúng ta bây giờ là như thế sao?” Michael nói.

“Như thế là sao?”

“Tôi đã sai lục soát bạn,” Michael nói, “còn bạn sẽ không hội kiến với tôi đằng sau những cánh cửa đóng.”

“Việc lục soát, tôi không thể nói gì,” Geraci nói, “mặc dầu tôi không có gì phàn nàn cả. Và bởi vì tôi chắc rằng Ông Al Nery *rất dễ khương* và *rất tài năng* đang đứng sát ngoài đây vẫn luôn thủ sẵn vài vũ khí chết người, tôi nghĩ rằng niềm tin của tôi vào ông vẫn kiên định như từ bao giờ. Chỉ có điều là... tôi không biết ông có nhận ra chuyện này không, nhưng đây là lần đầu tiên tôi lại vào bên trong một chiếc máy bay kể từ... ông biết rồi.”

Tất nhiên là Michael biết quá đi chứ. Anh ta không nói gì. Anh vạch ra kế hoạch bay cho chặng đường tới của hành trình.

“Ngay cả khi tôi đem con tôi tới Coney Island,” Geraci nói, “nếu có chuyến bay rời mặt đất, nó sẽ rời đi mà không có tôi. Tôi sẽ coi đó là một ân huệ riêng cho mình nếu chúng ta có thể giữ cửa mở và, nếu ông không phiền lắm, trong khi ông đang ngồi ngay tại đó, ông có thể tắt máy được không.”

Michael đã nghe về những cơn run của Nick Geraci, nhưng đây là lần đầu anh chứng kiến hiện tượng đó. Cũng không quá tệ như anh từng tưởng tượng.

“Chúng ta sẽ phân li sự khác biệt nhé,” Michael nói, vừa hoàn tất mẫu đơn và ném cho Neri để anh chàng này cầm chạy đi đưa cho tháp kiểm soát không lưu. “Bạn giữ cửa mở còn tôi giữ động cơ nổ.”

Geraci có thực sự nghĩ rằng Michael sẽ bay lên mà không có Neri? Với cái cửa mở? Rằng Michael có thể khinh suất đến độ anh ta sẽ thử kéo một thử như vậy vào một khoảng không gian phong kín với một cự vỹ sĩ hạng nặng, người, mặc dầu có những cơn run, vẫn còn giữ được thể trạng tốt và trông chừng có thể dễ dàng gây cho Michael Corleone vài chấn thương sọ não, không cần nặng lắm, nhưng đủ để phải ỉa đái tại chỗ suốt phần đời còn lại?

“Được thôi,” Geraci nhất trí. “Cho phép tôi nói chuyện này và tôi sẽ đi. Chính là chuyện mà tôi muốn ông biết rõ về. Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu vậy nên tôi cứ nghĩ sao nói vậy không phải sắp xếp mở đề thân bài kết luận gì cả nhé. Tôi đã vạch ra một cuộc thương lượng cho chúng ta để trở lại Cuba.”

Sự ngạc nhiên của Michael là thực sự mặc dầu không có gì trong những điều Geraci đang nói là tin tức mới lạ đối với anh. Không phải lời đề nghị từ điệp viên CIA một mắt gốc Do thái, không phải vụ đất đai phân lô ở New Jersey. Không phải hỗn hợp dễ cháy nổ gồm những tay đánh thuê người Sicily và những người Cuba xưa kia từng giàu có và nay bị chính quyền mới tước đoạt cho trắng tay nên sinh phần uất, quyết chí trả thù. Họ đã cố vượt qua những bất đồng (ngôn ngữ, văn hóa, động cơ để chiến đấu, tùy bạn đặt tên) và một biến cố bất hạnh đau nhói như dao đâm (nhiều người của Geraci đến nơi chưa làm được gì đã phải rút quân về Toledo, Ohio, trong tình trạng... hoang tàn phế tích!) và chỉ mới mấy tuần trước đây khi cố xâm nhập vào hòn đảo chết tiệt nọ, thành những đội biệt kích ám sát từ hai đến ba người, với hy vọng rằng việc giết một tay đầu sỏ lớn có thể tạo ra một số hệ quả đáng mong ước. Điều gây sốc cho Michael đó là Nick Geraci lại nói với anh tất tần tật những chuyện này.

“Khi bạn nói là bạn đã vạch ra một cuộc thương lượng cho *chúng ta*,” Michael nói khi Geraci vừa dứt lời, “tôi không chắc là bạn có ý chỉ gì.”

“Hãy để cho nó mang ý nghĩa mà ông muốn nó có ý nghĩa. Tôi biết là ông đứng ngoài và đó là chuyện nhỏ đối với ông, nhưng tôi không ở trong ngành kinh doanh sòng bạc như ông. Tôi nghĩ có lẽ ông quan tâm muốn biết trước về những cơ hội có thể đưa đến, và cũng muốn chắc rằng ông đã biết về sự cạnh tranh.”

Cạnh tranh? “Cạnh tranh vì cái gì?”

“À, thế này, nếu như tôi đã biết về mọi chuyện đang diễn tiến, tôi đã đến với ông ngay. Tôi từng nghĩ rằng chuyện của tôi ở Jersey là toàn bộ chiến dịch, nhưng tôi đã bắt đầu nghe được những chuyện khác. Tình cờ tôi phát hiện rằng, Sammy Drago ở Tampa cũng có cái gì giống y như thế, huấn luyện ngay trên bãi biển phía nam Miami. Điều đó không làm phiền tôi bằng một nửa khi tôi ngẫu nhiên biết rằng có khoảng năm mươi người đang được huấn luyện tại một địa điểm rất gần căn cứ hải quân ở Jacksonville mà tôi vẫn thỉnh thoảng sử dụng vào công việc làm ăn của mình. Tất cả những kẻ tôi có thể phát hiện ở căn cứ đó đều liên quan đến Carlo Tramonti và New Orleans, nhưng -” Anh ta xoay lòng bàn tay run của mình qua lại và cười gương như một sự nhẫn nhục chấp nhận. “Tramonti chỉ là một con rối. Drago - mặc dầu mang cái tên oai phong thể (Drago nghĩa là Long, Rồng) - nhưng cũng chỉ là phường giá áo túi cơm. Gộp chung lại với nhau, viết thành chữ gì?” Geraci viết ra trên năm ngón tay trái của mình, như thể anh đang đếm. “R.U.S.S.O.”

Michael giả định rằng *tình cờ tôi phát hiện* và *tôi ngẫu nhiên biết rằng* chỉ là mảnh khoe của Geraci để che đậy những nguồn hiển nhiên của anh ta cho toàn bộ vụ này - hoặc là Vincent Forlanza, vốn trải qua mùa đông ở Key Biscayne, hoặc từ chính Louie Russo cũng không chừng.

“Ngưng lại chỗ này đi,” Michael nói. “Tôi biết rằng bạn đang kể với tôi những chuyện này vì lòng quý mến đối với tôi và vì tình bạn của chúng ta, và tôi cảm ơn bạn về điều đó. Nhưng bạn đã nói nhiều rồi. Tôi không thể tham gia vào chuyện này. Tôi đánh giá đúng mức cái vị thế chông chênh mà bạn đang đặt chân vào, nhưng tất cả những gì tôi có thể nói với bạn đó là mặc dầu những gì bạn có thể nghe từ nghĩa phụ của bạn ở Cleveland, tôi đoán quyết với bạn tôi đang làm mọi việc trong khả năng mình để vận động sao cho bạn có thể ngồi vào chiếc ghế của tôi ở Ủy ban và đồng thời tôi có thể đi ra. Tôi đã đến gần rồi. Chúng ta đã gần sát đích rồi. Bạn và tôi cùng hướng đến những mục đích giống nhau. Lúc này mà gây ra nhiều nhương với bất kỳ Gia đình nào khác cũng đều không hay.”

Michael không thể xác định là Geraci đang gật đầu hay đang run.

“Tôi biết tôi không cần lời chúc phúc của ông,” Geraci nói, đứng lên để từ biệt. “Tôi chỉ cố gắng để chắc rằng mình tránh được điều trái lại. Lời nguyện rửa của ông, tôi nghĩ là thế.”

Có lẽ Michael nghĩ rằng một nước đi phòng vệ mang vẻ hèn là không xứng với tầm cỡ một “đại lãnh tụ” như mình. “Chúc bạn và người của bạn may mắn ở Cuba,” Michael nói. “Gửi lời chào đến tất cả những gì đã rời xa chúng tôi. Chúng ta minh bạch với nhau cả rồi, đúng không?”

“Tôi sẽ làm như ý ông,” Geraci nói, bước xuống các bậc thang. “Vâng đúng thế.”

Một tuần lễ sau, Joe Lucadello một mình trở lại Hồ Tahoe, như đã hứa, trong một chiếc xuồng nhỏ tời tàn, cột vào bến của nhà Corleone. Capra và Tommi Neri gặp anh ta và lần soát anh khá kỹ rồi báo cho Michael. Michael gọi Tom Hagen và bảo Joe đã đến rồi đợi cho đến khi Hagen sẵn sàng ra nơi đó trước khi đi xuống bãi cỏ thoải thoải để đến chiếc ghế nhôm ở cuối bến tàu, ngồi vào giữa.

“Tom không có vẻ muốn kể với tôi,” Joe nói. “Có lẽ bạn biết, Mike à. Ai đã nghĩ ra cái kế ém quân nơi các tiệm bánh pizza vậy? Diệt kế đấy, tôi phải nói như thế.”

Đó là ý tưởng của Geraci nhưng Michael không thể thấy có lợi gì mà nói chuyện đó với Joe. “Hãy cho tôi biết chuyện Fausto Geraci nói là đúng thật chứ,” Michael nói.

“Điều đó luôn làm tôi bối rối,” Joe nói. “Không ai khác gọi anh ta như thế.”

Michael nhìn trừng trừng khiến anh bạn cũ phải chớp mắt.

“Đồng ý, đúng vậy,” anh nói. “Có những người khác. Có nghĩa là tôi chưa bao giờ nói là không có ai khác.”

“Anh đã biết về chuyện này, và”

“Không, tôi chưa từng biết. Lúc đầu thì chưa. Tôi càng tìm hiểu về... cái gọi là gì nhỉ - whaddayacallit -,” Joe Lucadello nói. “À, truyền thống của các bạn. Tôi càng thấy nhiều điểm tương đồng. Những Hội kín, với lời thề giữ yên lặng và một bộ điển lệ danh dự và vân vân... (Secret Societies, with vows of silence and a code of honour, et cetera...). Nhưng tình huống ở đây là... con đường tình mà chúng ta không chung lối! Các bạn hình như có những phương cách để phát hiện mọi điều các bạn cần biết, nhưng trong tuyến đặc vụ của tôi thì không ai biết mọi điều về bất kỳ chuyện gì.”

“Điều đó là không thể chấp nhận,” Michael nói.

“Tôi không đặt ra qui định. Tuy nhiên, thành thật mà nói, tôi không nghĩ là qui định này có ảnh hưởng tới các bạn. Các bạn là thành phần của dự án. Một khi bất cứ ai làm được việc, ta có thể nói rằng mọi người góp phần vào dự án đều sẽ nhận được một liều lượng Quà Giáng sinh đáng kể cho công sức của mình. Hơn nữa, cũng xin nói rõ rằng, chiến dịch của chúng tôi chưa phải là tối ưu. Họ không muốn mất một ít người, nếu cần, như là một phần trong cuộc chiến chống Cộng sản, và do việc huấn luyện quân sự, người của các bạn chính là những tráng sĩ mang con chủ tử vượt muôn trùng luồng sóng dữ, vào nơi hiểm địa để diệt kẻ bạo tàn, điều này mang lại cho chúng ta một ưu thế rất lớn. Tôi không biết mọi đường đi nước bước của các kế hoạch khác, nhưng tôi từng được nghe nhiều câu chuyện. Họ có nói về chuyện xâm nhập đài phát thanh nơi “đích nhắm” của chúng ta ban bố những diễn từ cho dân Cuba, và đặt những bình phun trong không khí chứa được chất gây ảo giác gọi là LSD sẽ khiến cho hắn ta nói năng như thằng khùng, hay đúng hơn, như một kẻ hoang tưởng vĩ cuồng, khiến ai cũng thấy là lỗi bịch và được một mẻ cười vỡ bụng! Làm được như thế chẳng khác nào bắn một quả đại pháo gồm hợp chất cứt đáí nổ tung tóe vào cái vòng hào quang thần tượng trên mũ triều thiên của hắn và khiến cho mọi lời “đại hùng biện” của hắn từ đó về sau đều trở thành những trò chọc cười vô duyên của một tên hề loạn trí. Còn có những mưu đồ tẩm thuốc độc vào những điều xì - gà của lão ta hay đánh bóng những đôi giày của ngài lãnh tụ với một hóa chất sẽ thấm vào da khiến tóc lão ta rụng hết chỉ còn trơ cái đầu trọc lóc, bộ râu xồm xoàm oai phong cũng trụi lủi, khiến mồm miệng lão trở thành trơ trên như một cái hăm *no hair*! Thế là lão sẽ sợ sùng và ngại ngùng, hết còn tự tin để huênh hoang những lời đại ngôn như trước nay nữa! Họ đã giết hàng trăm con lợn và con lừa để trắc nghiệm tại hiện trường những viên thuốc được cho là tan ngay trong rượu daiquiris ướp lạnh (vốn là khẩu vị thưởng ngoạn của nhà lãnh tụ). Ý tưởng mới nhất mà tôi được nghe là đặc phái một chiếc tiềm thủy đỉnh rất nhỏ rải một số vỏ sò thật đẹp, thật bắt mắt trên rặng san hô nơi tên huênh hoang lòe bịp thích phô diễn trò lặn sâu với bình khí nén (scuba diving). Những vỏ sò đó sẽ được kết nối với một trái bom và khi lão chạm tay vào vỏ sò, lão sẽ trở thành món thịt băm hamburger! Nói cách khác là có vô số những trò nhí nhố mà không sợ ai cười, vì phương tiện nào cũng tốt miễn đạt được mục đích mà thôi! Riêng chúng ta bánh hơn mấy đám kia ở chỗ chúng ta “hành chính đạo” (We’re taking a straightforward route). Chúng ta sẽ bắn thẳng vào mặt tên *con hoang khốn nạn* (the Commie bastard) đó.” [Vì lí do tế nhị, người dịch không thể dịch sát nhóm từ *the Commie bastard* mà phải dịch trai ra một tí như thế, mong bạn đọc thông cảm và lượng thứ].

Mấy người họ ngồi yên lặng trên chiếc ghế dài một thời gian dài.

“Vậy điểm mấu chốt của vụ này là ở đâu?” Joe nói. “Các bạn muốn châm ngòi nổ? Bởi vì những kẻ khác không dám tiên phong, tôi có thể nói với các bạn như thế.”

“Bạn có thể bảo đảm với chúng tôi rằng người của chúng tôi sẽ là những người đầu tiên bước chân vào?”

“Bảo đảm?” Joe lừng lơ. “Trông mình giống cái gì nào, Sears hay Roebuck đây? Tuy nhiên mình có thể nói với bạn rằng anh chàng Geraci của bạn là nhân vật hảo hạng cho vụ này mà chúng tôi có được. Anh ta là người đầu tiên tạo dựng cơ sở sẵn sàng, và anh ta có đạo quân tinh nhuệ. Tôi biết được từ nguồn thượng đỉnh rằng đây là đạo quân sẵn sàng nhất để xung trận. Mình phải thành thật với bạn điều này là, mình đang bắn khoả không biết có phải mấy đám cạnh tranh với bạn ở đây chỉ lấy tiền rút túi mà chẳng có ý định làm cái quái gì cả hay không. Cho nên, vâng, mình tin tưởng là người của chúng ta sẽ là những người đầu tiên, nhưng mình không *bảo đảm* với bạn là sáng mai mặt trời sẽ vẫn mọc. Nếu và khi nào quân của Geraci được gửi đi, mình sẽ cho bạn biết. Một lời hứa, không phải là một sự bảo đảm.”

“Hiểu,” Michael nói.

Họ bàn luận những chi tiết về những gì có thể xảy ra khi quân của họ đến Cuba cho đến khi Michael thỏa mãn rằng anh sẽ đi đầu và để cho những gì sắp xảy ra xảy ra.

“Tôi không bao giờ nghĩ chúng ta sẽ có được những con người quyết liều chết như những kẻ chúng ta sắp đối đầu ở Cuba,” Joe nói. “Không phải vì người của chúng ta kém hơn - không hề - nhưng bởi vì người của chúng ta chỉ làm việc vì tiền. Nếu có gì trục trặc họ chỉ không được tiền thưởng, không được thăng chức, đại khái thế thôi. Nhưng những thuộc hạ mà tên khốn kia ở Cuba (nguyên văn: that SOB - viết tắt của *son of a bitch* - in Cuba) có, nếu họ làm hỏng việc, họ biết rằng hắn sẽ giết họ. Đó là cái khiến cho ngành tình báo của hắn rất hiệu quả. Nhưng người của bạn?” Joe gật gù tỏ ý ngưỡng mộ. “Với họ, chúng ta có được tinh hoa của cả hai thế giới.”

Michael không biết nói gì hơn là cảm ơn anh ta.

Joe đứng lên chuẩn bị đi.

“Nhân tiện, xin nói thêm rằng bất kỳ ai nghĩ ra kế ém quân nơi các tiệm bánh pizza,” anh ta nói trong lúc Hagen tháo dây buộc thuyền cho anh ta,” đúng là một ý tưởng quá hay. Tôi không chỉ nói điều mình đang nói mà còn muốn nói rằng chúng tôi cũng có một thứ giống như vậy. Mới đây thôi. Họ được gọi là Những Bằng Hữu Đặc Biệt Nhất (Most Special Fellows). Không sao cả nếu mình nói với bạn, bởi vì, tin tôi đi, bạn sẽ không bao giờ nghe chuyện này. Công ty gây dựng cơ ngơi cho họ, bảo đảm cho họ thịnh vượng, nhưng đối với phần lớn chúng tôi để họ sống riêng trong nhiều năm cho đến khi chúng tôi cần họ làm điều gì đó. Tôi không dính dáng gì đến vụ này, nhưng hãy nhớ lời tôi, sẽ đến một thời khi Tổng thống Hoa kỳ sẽ là một Bằng Hữu Đặc Biệt Nhất. Tất nhiên bạn sẽ không biết được khi nào việc đó xảy ra và khi nó xảy ra bạn cũng không biết là như thế, trừ một số người - rất hạn chế - trong cuộc.”

Trong lúc Michael nhìn chiếc xuồng chạy ra xa, một thoáng nụ cười lẫn tẩn qua mặt anh. Anh đã biết ít nhất là ba Bằng Hữu kiểu đó, kể cả người thua Jimmy Shea trong cuộc bầu cử vừa rồi; người thứ nhì là con một Thượng nghị sĩ có trong bảng lương của Gia đình, hiện nay đang ngêu ngao vợ vẫn ở Texas trong vai trò một anh chàng bán xăng dầu, và người thứ ba là Ray, con của Pete Clemenza, nhà tài phiệt chủ chuỗi cửa hàng shopping.

“Đã đến lúc,” Michael nói với Hagen. “Đi gặp Russo. Chuyện này cho anh lí do.”

“Chú chắc như vậy?”

Michael gật đầu. “Người của Geraci sắp sửa hoặc là thành công hoặc là thất bại, và chúng ta phải giải ra một đáp án. Tin tức vừa rồi của Joe làm chúng ta khó nghĩ nhưng chúng ta cũng không nên lo lắng thái quá. Nó chỉ có nghĩa rằng chúng ta cần tiến lên. Điều duy nhất chưa sẵn

sàng là con chim kim tước của chúng ta treo trong lồng son nơi Bộ Tư pháp, nhưng chúng ta biết Billy lợi dụng cơ hội để phản bội chúng ta như một phương tiện lấy lòng tin của Tổng chưởng lí. Hắn cần thêm ít thời gian ở đó trước khi hắn biết khá đủ đáng để chúng ta xoay chuyển hắn thành lợi thế cho chúng ta. Vậy nên, được rồi. Hãy bắt đầu với Russo. Anh sẵn sàng chứ?”

“Sẵn sàng.”

“Một nước đi quyết định đấy.”

“Tôi đã chờ đợi chuyện này,” Tom nói, “Tôi không biết bao lâu. Nhưng chắc là lâu.”

“Tốt, vậy, cứ thế nhé,” Michael nói, hôn lên má ông anh lớn và rồi đi ngược lên bồn cỏ về căn nhà trống vắng của mình.

Chương 30

Chưa đầy một năm sau khi cơ sở trên phần đất của Geraci được xây dựng một đội thi công lại đến triệt hạ nó xuống. Geraci nói rằng anh ta có những tay chuyên đập phá nhà có thể lãnh công việc với giá phải chăng, nhưng “Điệp viên Ike Rosen” nói rằng họ phải làm theo một số qui cách nào đó. Vả chăng còn có những vấn đề về an ninh. Những khóa sinh còn lại đã được cho về nhà, sẽ được gọi trình diện khi cần, đến một trại thao diễn ở Bahamas. (một đảo quốc nhỏ -13.900 km², với khoảng 400.000 dân, nằm về phía đông nam bang Florida, trong vùng biển Caribê).

Ba người Cuba lưu vong là những người đầu tiên được gửi đi, hình như là theo lệnh của chính Giám đốc CIA Allen Soffet, trên cơ sở lí luận rằng những người Cuba biết rõ địa hình địa vật, rành đường đi nước bước và nếu có chuyện trục trặc họ có khả năng biến đi tốt hơn là người của Geraci. Nhưng Geraci tức tối về chuyện này. Anh ta muốn một người Cuba (vì nhu cầu ngôn ngữ và hiểu biết về nơi chốn) và hai tay Sicily tinh nhuệ (để công việc được thực hiện ngay trong lần đầu tiên). Làm theo cách đó, theo ý anh ta, sẽ không có gì chuệch choạc, mà công việc sẽ được giải quyết gọn nhẹ. Mấy người Cuba đổ bộ lên một hòn đảo san hô không tên ngay ngoài vùng lãnh hải của Cuba, được một chiếc xuồng cao tốc bị tịch thu từ tài sản của Ernest Hemingway, đón lên và rồi bị giết trên đường vào bờ biển Cuba, khi chiếc thuyền nổ tung trong những tình huống rất đáng ngờ. Người ta nghĩ rằng tay hoa tiêu là một điệp viên của chính quyền Cuba, nhưng mọi chuyện về vụ này mà Geraci nghe được đều không phải từ nguồn đầu tiên. Geraci không muốn mất người mà chẳng được gì nhưng anh cũng không muốn bị gạt ra trong những chiến dịch ám sát tên độc tài kia, và dường như không có phương cách đáng tin cậy nào để phát hiện những gì đang diễn ra nơi những trại quân khác. Tại sao huấn luyện người của anh, Geraci nói, nếu như sắp tới đây họ chỉ gửi những người Cuba đi làm việc đó?

Khoảng một tuần lễ sau, Rosen bảo Geraci rằng anh ta đã được phép gửi ba người khác đi xâm nhập, lần này trên một thủy phi cơ bay thấp, dưới tầm ra-đa, giao tận tay một điệp viên hành động đáng tin cậy - người này sẽ chờ sẵn trên bãi biển. Geraci được cho biết là anh có thể gửi một người đi. Geraci cố nài cho được hai người. Một và chỉ một mà thôi hoặc không có gì cả, tay phải viên kia xác định. Geraci lấy Carmine. Tay chiến binh Sicily này bảo Geraci đừng lo ngại gì; một mình anh ta cũng làm được việc ngon lành như hai người khác, bất kỳ hai người nào.

Mấy ngày sau đó, Geraci đến văn phòng của anh phía sau hồ nước, đọc lại bộ chiến sử La mã mà anh từng cầm lên đặt xuống trong bảy năm trước đây, thì Charlotte gõ cửa. “Có cuộc gọi.” Chỉ nói cộc lốc, vùng vằng. Càng sống chung với nhau lâu nàng càng bức bối về chuyện nhận lời nhả cho chồng, đặc biệt là từ những người gọi không chịu cho biết mình là ai. “Chẳng biết là ai, hẳn ta muốn tôi nói với anh rằng họ đã đi vào. Chỉ có thế. Họ đã vào. Điều ấy có ý nghĩa gì với anh không?”

“Có, anh hiểu.” Vào Cuba, tất nhiên rồi. Và từ chỗ anh ngồi điều đó có nghĩa là mọi chuyện (Nguyên văn: *and from where he sat it meant everything*. Sở dĩ người dịch phải trích lại câu nguyên tác vì cảm thấy ý nghĩa câu này sao có vẻ quá mỏng lung, mơ hồ nên người dịch muốn bạn đọc thấy rằng do tác giả viết như vậy thì người dịch phải dịch theo như vậy, chứ không hề cố ý đánh đổ, làm khó bạn đọc. Xin kính cáo!).

“Quyển sách anh đang đọc đến từ đâu vậy?” nàng tò mò hỏi.

“*Những quyển sách*,” Geraci nói. “Hai quyển. Lần cuối cùng em đọc bất kỳ cái gì mà lại không được chiếu trên màn hình Tivi? Và trên thực tế, anh đang có tiến bộ.”

Bên ngoài trời hãy còn tối khi Tom Hagen rời Palmer House và bắt một chiếc taxi để đi gặp Louie Russo. Theresa vẫn còn ngủ nơi phòng khách sạn ở trên lầu. Lát nữa, trong buổi sáng này nàng sẽ có cuộc họp ở Viện Nghệ thuật Chicago - với một tổ hợp bảo trợ bảo tàng quốc gia. Ngày mai họ sẽ lái xe đến South Bend, để đi thăm không chỉ Andrew, con trai họ, mà còn cả Frankie Corleone, con trai lớn của Sonny, đang chơi ở vị trí trung vệ cho đội Fighting Irish và đã lấy vé cho họ cho cuộc đấu trong nhà lần cuối trong năm, với đội của Đại học Syracuse, trường cũ của Theresa. Hagen đã rất mong đợi cuộc nghỉ cuối tuần này từ lâu.

Lẽ ra Hagen đã sử dụng một chiếc limo nhưng rồi anh không muốn có vẻ long trọng quá, dụng công quá. Tay tài xế taxi là dân Chicago “kinh điển”, luôn mồm văng tục và tuôn ra những nhận định bôi bác về các đội thể thao. Hagen có quá nhiều ý tưởng trong đầu. Anh chỉ mới uống có hai ly cà-phê. Anh đang xuất mồ hôi. Anh không cảm thấy căng thẳng, và trong xe cũng không nóng. Chắc là do liên quan đến huyết áp, cao đến độ bác sĩ của anh có lẽ không đùa khi nói rằng một ngày nào đó không chừng anh sẽ nổ tung như quả bóng quá căng. Tài xế vẫn tiếp tục huyền thiên phét lác. Hagen không làm gì để cho anh ta cụt hứng. Càng khua môi múa mép anh ta càng say sưa với chất men mê hoặc trong lời nói của mình, đểch cần để ý đến ông khách nữa!

Russo có một câu lạc bộ riêng ở Wisconsin. Ngay cả đi trong dòng lưu thông còn khá thông thoáng của buổi sáng sớm nhưng cuộc xe cũng mất hơn một giờ. Đường như cũng lâu bằng như thế để đi từ cổng và vượt qua dải đất của bãi đậu xe để đến chính câu lạc bộ - một nhà kho màu trắng được chuyển đổi công năng. Mặc dầu chẳng giống nhau gì mấy, song nơi này cũng xoay xở để mời được những ca sĩ tiếng tăm như Johnny Fontane, những danh hải hàng đầu, kể cả nhóm Ice Capades. Một tấm bảng trên cửa chính ghi HECTOR SANTIAGO, VUA RUMBA! Các sô diễn không cần quảng cáo mà vẫn luôn bán hết vé. Kế bên nhà kho là một hồ nước hình vuông rộng bằng khoảng bốn dãy phố và được vây bọc bởi mấy hàng thông. Nước hồ đen như mực, từ xa khó nhận ra. Bên kia hồ là một nhà kho bà tầng không có vẻ gì đặc biệt, không cửa sổ nhưng bên trong đã được tái thiết kế và trang trí nội thất để trở thành một casino đầy đủ tiện nghi. Ban đêm, những tay chèo thuyền đưa khách qua lại trên hồ. Russo tự hào một cách thích đáng về nơi chốn này; xét cho cùng, khó mà đến gặp lão ta ở đây để bàn công việc rồi ra đi mà không dạo một tour quanh cái casino độc đáo này của lão. Dầu thế nào Hagen cũng phải ngưỡng mộ kỳ công của Russo trong việc lo lót cho mọi quan chức sở tại từ cảnh sát, tòa án đến các phương tiện truyền thông... để cho khách hàng của lão có thể đến nơi cò bạc bất hợp pháp này một cách ung dung trên những chiếc ghe gondola lững lờ thong thả để đến nơi yên tâm lẩn sả vào sát phạt nhau mà không phải sợ ai cả!

Phía sau câu lạc bộ, một nông trại cũ đã được mở rộng và chuyển đổi thành nhà khách. Ở đó Russo có một văn phòng rộng thênh thang trên lầu. Muốn đến đó, Hagen phải đi qua một thứ thiết bị phát hiện kim khí và rồi đi qua cánh cửa thép, loại cửa dùng cho các hầm chứa tiền bạc, kim loại quý, các bảo vật... của các ngân hàng. Như Hagen chờ đợi, hai vệ sĩ thân tín của Russo ngồi ở phòng bên ngoài, tên nào cũng ôm súng tiểu liên trong lòng. Một tên đứng lên, lục soát qua loa anh và ra hiệu cho anh vào “long đàm hổ huyệt” của Ông Chủ y.

“Chẳng phải là vị *consigliere* người Ái Nhĩ Lan duy nhất trên thế giới này đấy sao!” Russo nói. Lão ta mang một bộ khuy măng - sét bằng kim cương. “Thật là vinh hạnh.”

Hagen cảm ơn và ngồi vào chiếc ghế được mời. Russo vẫn còn đứng, một xác định hơi thô thiển và nhỏ mọn về ý muốn kiểm soát.

“Michael Corleone,” Hagen nói, “đã sẵn sàng hậu thuẫn cho ông làm *capo di tutti capi* và nhường chỗ ngồi của anh ấy nơi Ủy ban cho người mà anh ấy dự tính đề cử là Nick Geraci chừng nào mà ông và tôi có thể đạt đến một thỏa thuận sơ bộ trên một số vấn đề nhỏ.”

“Này, bạn nghe anh chàng kia chứ?” Russo gọi xuống sảnh cho mấy người cầm súng. “Nghe

này, chàng Ái nhĩ Lan. Theo truyền thống từ nơi tớ đến, chúng tớ không làm tình với nhau mà không hôn nhau trước đã. Cậu hiểu ý tớ chứ?”

Hagen hiểu. “Tôi là dân Đức -Ái nhĩ Lan,” anh điều chỉnh. “Và tôi không có ý bất kính đâu, Don Russo. Tôi biết ông là người bận rộn, và tôi nghĩ ông sẽ đánh giá đúng mức chuyện này nếu tôi đi thẳng vào điểm chính.”

“Cà-phê? Thôi nào. ‘Gu’ của tôi đâu phải thứ đó. Một ly cocktail nhé, chàng Ái nị?”

“Gu của tôi là cà-phê,” Hagen nói. Rót ra từ bình pha sẵn, thế cũng tốt rồi. “Cám ơn.”

Russo cau mày. “Này anh bạn ổn chứ? Ở đây đâu có nóng.”

“Tôi ổn thôi.”

“Bà cụ tôi vẫn nói *ổn* là một quyết định hơn là một trạng thái.”

“Cụ dạy chí phải.”

“Ờ, phải đấy, trông bạn có vẻ như hoặc là bạn bị lạc thần hoặc nếu không phải thế thì bạn đang có *cái gì lạ lạ... ở trong quần bệ hạ vậy!* Sốt nhiệt đới chẳng? Giống như trong rừng rậm. Này, người đâu? “lão hét lên. “Anh bạn Ái nị của ta đây có lẽ cần một khăn lau. Đem đến mau!”

“Tôi chỉ cần cà-phê thôi,” Hagen nói, uống hai hơi dài làm vơi hẳn cốc cà-phê.

“Chỉ có ai mang theo thiết bị nghe lén vào đây mới đổ mồ hôi như anh thôi.”

“Thật thế sao?”

Russo gật đầu.

Hagen giơ cả hai tay lên trời. “Khám tôi đi,” anh nói. “Tôi chẳng phiền gì đâu.”

Russo cũng chẳng khách khí gì - không quá tự tôn cũng không quá thủ lễ - để làm chuyện đó. Lão tự tay lục soát anh. Tất nhiên là không có. Vì Hagen cần gì phải thế. Russo lại ra hiệu cho Hagen ngồi xuống. Hagen dừng lại, đợi Russo cùng ngồi.

“Một vài vấn đề nhỏ à?” Russo ngồi vào đằng sau bàn giấy của mình. “Như cái gì, chẳng hạn”

Từ cái ban -công nhỏ ở tầng ba của một thư viện được bịt kín bằng ván ở trung tâm thành phố Cienfuegos, Carmine Marino nấp đạn vào khẩu tiểu liên Liên xô mà chàng ta đã được huấn luyện sử dụng thành thạo và chờ đoàn xe của nhà lãnh tụ tiến đến con đường của mình. Chàng ta đã lạc mất hai người Cuba theo mình trong cái đêm họ đổ bộ. Tiếng Tây ban Nha duy nhất mà chàng ta nói là tiếng Ý trại ra nhưng chàng ta đã xoay xở để tìm đường đi qua hai trăm dặm của một xứ sở sống dưới chế độ độc tài để đến hai nữ điệp viên và nhận những chỉ dẫn cần thiết. Hẳn nhiên là chàng Carmine có hơi thất vọng khi không được khoản đãi một chiều sex nóng với hai nàng trong đêm Cuba nồng nàn đầy nhục cảm. Ai từng nghe một nữ điệp viên lại không khoái làm tình với một tay thích khách can trường và bảnh bao như chàng? Mà ở đây đến hai nàng cũng đều không. Sao lại thế nhỉ? Hay là hai nàng này là dân đồng tính chỉ khoái nhau, không khoái đàn ông. Đáng ngờ lắm! Hay có thể là chàng không phải là một hảo nam tử quá ư ngon lành như chàng tự nghĩ về mình. Nếu hoàn thành điệp vụ này mà còn sống sót để trở về, chàng nghĩ thầm, nhất định ta sẽ đến anh chàng Do thái một mắt kia và bảo với chàng ta nếu nhà người biết cái gì là tốt cho ta thì hãy tìm cho Carmine Marino này một nàng nở nang sẵn chắc, cực kỳ dâm dăng và ngay tức thì! Nói thế chứ Carmine đâu có ngông cuồng rồ dại về

chuyện đó. Chàng ta biết rằng những em như thế vẫn đầy ngoài kia nhưng còn đang mang sứ mệnh trọng đại trên vai, đâu có thể vì ba cái chuyện linh tinh mà làm hỏng việc lớn.

Đường phố đầy lính và dân sắp hàng chào đón lãnh tụ. Khi đoàn xe tiến đến gần, âm thanh của dân chúng tạo ra nghe có phần giả tạo, như là tiếng kim khí, như là sự ghi âm sẵn từ một đám đông hoan hô được vặn lên quá to và hơi quá nhanh. Khi còn là đứa bé mới biết đi chập chững, ở Sicily, Carmine đã nghe một nhà độc tài khác, Mussolini, được hoan hô theo lối này.

Bây giờ đoàn xe quẹo ở góc phố, qua nhà thờ lớn và chạy về phía anh, một dàn toàn xe Hoa kỳ. Chuyện này cũng hơi buồn cười đấy nhỉ, vì những kẻ đang ngồi trên những chiếc xe kia vốn ghét Mỹ mà sao vẫn khoái đi xe của thằng Mỹ chứ không chịu đi xe của ông Liên xô. Carmine đưa súng lên vai, nhắm.

Trong chiếc xe thứ tư - một chiếc ô-tô màu xanh nước biển, loại có mui gấp lại được (convertible; tiếng Pháp là *décapotable*), như đã được chỉ điểm - là "đích nhắm" với bộ râu đặc biệt, mặc quân phục, oai phong lẫm liệt, đang cười hả hê và vẫy tay chào đám thần dân bị đè nén đến co rúm lại dưới bộ máy chuyên chế của mình.

Marino hít vào nhẹ và siết cò.

Đầu của lão râu ria kia giật ngược ra sau. Một dòng máu tươi vọt bắn ra thành vòng cung qua thân xe. Tài xế nhấn mạnh ga cho xe vọt lên như tên bắn.

Những tiếng la hét tràn đầy trong không khí. Cảnh sát vẫy cho phần còn lại của đoàn xe - kể cả chiếc Sedan màu đen, cách sau chiếc xe mui gấp kia hai xe, trong đó nhà lãnh tụ thực sự của Cuba đang thung dung ngồi, bình an vô sự, vững như bàn thạch - qua một đường rẽ và phóng ra khỏi thành phố.

Còn người đàn ông trong chiếc ô-tô màu xanh nước biển, mui gấp kia - kẻ song trùng, hình nhân thể mạng được ưu ái của nhà độc tài - đã ngoẻo trước khi đến bệnh viện.

Bao nhiêu công khó của đám điệp viên CIA trở thành công cốc. Vì... Số Trời đã định là nhà đại lãnh tụ này sẽ đầy ải đám dân kia trong một kiếp nạn kéo dài khoảng nửa thế kỉ để cho họ sám hối đủ về tội lỗi của mình?!

Đây không phải là lần đầu, cũng chưa phải là lần cuối -vì còn rất nhiều lần nữa - mà CIA lên kế hoạch mưu sát và lật đổ vị thủ lĩnh vĩ đại của một dân tộc không muốn mình vĩ đại mà chỉ muốn được hạnh phúc nhưng bị ép uống phải trở thành vĩ đại (Bi kịch là ở chỗ đấy). Nhưng... người tính sao bằng Trời tính nên bao nhiêu mưu đồ của CIA đều đổ sông đổ biển và nhà lãnh tụ, *vị cha già kính yêu của dân tộc Cuba*, vẫn cứ sống phây phây phê phán chờ chết êm ái vì tuổi cao sức yếu! Và chuyện này thì chưa thể khẳng định là phúc hay họa cho dân Cuba. Thế thì ta hãy... *để cho lịch sử phán xét* vậy!

Còn thích khách Carmine Marino thì bị bắt trên đường đến Guantánamo Bay, cải trang thành đàn bà, nhưng đâu qua mắt được mạng lưới tình báo nhân dân, so với Gestapo, CIA hay KGB vẫn hữu hiệu hơn nhiều!

Louie Russo đồng ý mọi chuyện. Nhà Corleones có thể - mà không có sự can thiệp từ Chicago - kinh doanh khách sạn và casino tại Nevada. Cả ở Thành phố Atlantic nữa, nếu, như được chờ đợi, những ngành này sẽ mở ra ở đó. Hagen thừa nhận rằng chiến dịch mưu sát của Geraci cuối cùng được kiểm soát bởi nhà Corleones, và Russo thừa nhận rằng lão ta kiểm soát những chiến dịch do Tramonti và Drago tiến hành. Những Gia đình này có thể đối địch nhau, nhưng vẫn có nhiều điểm chung với nhau hơn là những kẻ cơ hội chủ nghĩa khinh bạc (cynical opportunists) ở CIA hay trong Nhà Trắng.

Sau một bàn luận ngắn về những chi tiết đặc thù, Russo đồng ý rằng nếu người của lão ta làm việc ở Cuba trước, thì nhà Corleones có thể thu tóm việc kiểm soát Capri và Sevilla Biltmore và hoạt động trong vòng hợp pháp mà không có sự can thiệp từ Russo hay từ bất kỳ tổ chức nào khác. Quyền lực Russo chắc sẽ có được một khi Michael hậu thuẫn việc tôn phong lão ta làm *thống lĩnh* chính thức đầu tiên kể từ cái chết của Vito Corleone bảy năm trước đây.

Đích thân Hagen sẽ xem xét tổ chức những người nằm trên bảng lương của nhà Corleones. Một vài trong số công cuộc này sẽ được bàn giao dần dần cho Nick Geraci nhưng cũng để cho Louie Russo sử dụng lúc cần và tùy theo nhận định về sự giúp đỡ của lão để Michael Corleone trở thành một doanh nhân hoàn toàn hợp pháp.

Russo tỏ ra sốt sắng hợp tác đến mức càng lúc càng trở nên rõ ràng với Hagen là Mặt Đéo không có ý định để anh còn sống khi ra khỏi nơi đây. Chuyện này thì anh và Michael cũng đã nghĩ là có thể xảy ra. Biết rằng một chuyện như thế có thể xảy ra là một thế giới tách biệt với cảm nhận nó tiến gần hơn đến chỗ xảy ra. Việc đổ mồ hôi nơi Hagen không hề chậm bớt lại. Anh sẵn sàng tốn cả ngàn đô nếu có cơ hội, ngay vào lúc đó, tắm một phút và ném đi bộ quần áo nhớp nháp mồ hôi để thay vào bộ đồ mới, khô ráo, dễ chịu.

“Hôm nay quả là một ngày trọng đại, chàng Ái nị à,” Russo nói. “Chúng ta nên ăn mừng. Tớ cũng sẽ chung vui cùng với bạn, chỉ có điều là trước đây tớ đùa về chuyện uống cocktail đấy thôi. Ở đây tớ không có thứ gì mạnh hơn là món cà-phê đó và hơi thở nặng mùi của các quý ông ở ngoài sảnh, đằng kia. Quán bar của câu lạc bộ ở đó cũng được, nhưng những món thực sự hàng “top”, loại tinh tuyển của cả bang Illinois thì ở bên kia Hồ Louie kia.”

Còn chưa đến chín giờ sáng.

“Tôi xin ghi nhận thịnh tình,” Hagen nói. “Lời mời chào của bạn quá ư là hấp dẫn nhưng rất tiếc, tôi có việc khẩn cấp phải về ngay.”

“Nào, nào, chàng Ái nị, dẫu sao bạn cũng nên nhìn qua lần cuối cơ ngơi của tớ ở đây, và mặc dầu e rằng không được khiêm tốn, tớ cũng phải nói là tớ hơi bị tự hào về nó. Chỉ mới khai trương gần đây thôi, nhưng” Russo gỡ đôi kính đen ra. Đôi mắt lão ta đỏ ngầu với một vòng xanh lè ở giữa. Lão cười, một cái cười bí hiểm, ghê rợn.

Cơn ớn lạnh chạy qua người Hagen không phải là hậu quả của việc xuất mồ hôi và của máy lạnh, mặc dầu anh tự nhủ như thế.

“ - Tớ biết một số người,” Russo nói. “Chưa từng ngao du trên chiếc gondola?”

“Không thể nói là tôi từng,” Hagen lưỡng lự.

Russo xua anh ra khỏi cửa. Những người với súng tiểu liên đứng lên. “Tiếp quản cái này,” Russo nói. “Chàng Ái nị đây chưa từng được thưởng thức một cuộc *viễn du không hẹn ngày về* trên du thuyền Gondola năm sao của chúng ta. Đấy chẳng phải là một trong những điều mà người ta phải làm trước khi xa rời cuộc đời hay sao. Rất mong Ngài *Consigliere* đây, khi sang đến cõi u minh, sẽ điện về cho tớ biết cao kiến!”

Joe Lucadello đi đến cửa trước của nhà Geraci, ngay vào lúc nửa đêm và bấm chuông. Geraci đã ngủ gục trên ghế trong “hồ trưởng” của anh ta ở nhà sau. Charlotte đã uống một viên thuốc ngủ và không còn biết chi đến cái sự đời nữa. Barb đang ở trường cao đẳng. Sau nhiều hồi chuông reo, Bev Geraci trả lời nhưng chỉ thông qua intercom.

“Nói với Bố cháu là chú Mike Rosen đến.”

“Liệu Bố cháu có biết chuyện gì không?”

“Biết chứ, tại sao không?”

“Chuyện gì xảy ra với mắt của ông vậy?” cô bé hỏi. “Có thật như thế không?”

“Thật đấy. Một vết thương từ thời chiến tranh.”

“Tôi không tin ông,” Bev nói.

Lucadello đẩy miếng che mắt lên. Mặc dầu chỉ nhìn qua lỗ cửa, nhưng sự thiếu một tròng mắt trông cũng đủ ghê sợ khiến cô gái hét lên và chạy đi. Lucadello thở dài, ngồi xuống trên bậc cửa và chờ cảnh sát đến. Đó là một chuyện xuất sắc khác mà những người này đã phát minh ra. Cảnh sát vận hành như lực lượng an ninh riêng của họ, và những người khác - những người dân sự - sẽ triệu tập họ khi cần.

Hai xe chở quân xuất hiện. Cảnh sát ủa ra, súng rút khỏi bao. Lucadello đưa hai tay lên. Anh xuất trình cho họ xem bằng lái xe mang tên Ike Rosen và nói với họ mình có công việc về xuất nhập khẩu cần trao đổi với Ông Geraci. Sở dĩ anh đến đây vào cái giờ rất bất tiện, phiền phức thế này chỉ vì một sự cố không may trong thủ tục hải quan. Vào lúc đó, sự chấn động âm ỉ đã đánh thức Nick Geraci. Anh cảm ơn những người cảnh sát và trấn an con gái mình. Rồi anh và tay điệp viên ra lại phía sau, vào “hồ trưởng” của mình để mặt nghỉ.

Lucadello ngồi xuống và cho Geraci biết tin tức về Carmine.

“Hãy yên tâm,” Geraci nói, “dầu chúng có làm gì đi nữa, cậu ta cũng không hé răng đâu. Tay này bản lĩnh kiên cường lắm.”

“Dầu cậu ta có nói gì đi nữa cũng chỉ có thể là vấn đề của các bạn.”

“Thế à?” Geraci không chắc lắm là tay điệp viên đang nói về chuyện gì, nhưng cách chọn đại từ của anh ta - *vấn đề của các bạn* chứ không phải là *vấn đề của chúng ta* - rõ ràng không báo hiệu điềm lành.

“Chính quyền Cuba có điên mới đi tra tấn cậu ta. Họ có điên mới đi làm bất kỳ chuyện gì ngoại trừ làm ồn lên trên các phương tiện truyền thông và trên các diễn đàn ngoại giao quốc tế về tay người nước ngoài này đã âm mưu sát hại “cục cưng” cách mạng yêu quý, đầy râu ria của họ (their bearded, beloved revolutionnary sweetheart). Bọn Nga sẽ đứng về phía họ. Liên hiệp quốc sẽ bị lôi kéo vào. Khi họ trục xuất cậu ta, chúng ta sẽ không còn cách nào khác là phải bỏ tù cậu ta, có thể phải khử cậu ta.”

“Đừng lo lắng về chuyện đó,” Geraci nói. “Carmine Marino vẫn còn là công dân Ý. Nếu họ trả cậu ta về lại nơi đó, cậu ta có một nghĩa phụ khá thể lực sẽ che chở cho cậu.”

Lucadello lắc đầu. “Bạn không hiểu. *Chúng tôi* cần khử cậu ta từ lâu trước khi bất kỳ chuyện gì đó xảy ra. Nhưng tôi e rằng đó chính là chỗ mà vấn đề của bạn bắt đầu.”

Geraci sẽ là tên ngốc biết mấy nếu anh ta để cho tên con hoang một mắt này giết mình ngay chính trong sân sau nhà mình. “Đứng lên!” Geraci nói. “Tôi cần lục soát bạn.”

“Thích thì chiều thôi. Có điều nếu mà mình muốn giết bạn thì bạn đã ăn đất từ lâu rồi. Và nếu bạn phí thời giờ quý báu về những chuyện như thế này, e rằng bạn sẽ kết thúc theo cách đó.”

Geraci vẫn cứ lục soát anh ta và lấy ra một khẩu súng và hai con dao.

“Hãy giữ chúng với lời khen tặng của tôi,” Lucadello nói. “Mình ở về phía bạn mà, bạn nhớ chứ?”

Geraci ra hiệu cho anh ta ngồi xuống lại. “Khuya rồi. Mình đang ngủ. Xin thứ lỗi nếu mình lẫn lộn về chuyện tại sao đây lại là vấn đề của mình mà không phải là của bạn.”

“Ồ cũng là vấn đề của mình đấy. Xem nào, mình có nghe một nhân vật hàng top - không phải chủ của mình mà là chủ của ông ấy - rằng FBI biết về trại quân của Tramonti đang hoạt động ở Jacksonville. Họ đã tiến hành điều tra. Tôi có nghe lời đồn trôi nổi đây đó rằng FBI cũng đã được báo trước về chiến dịch của chúng ta, nhưng không có vẻ đáng tin. Nhưng sau sự cố này, thì nó cũng không thành vấn đề. Nguy cơ một ai đó ở Cục nổi kết mọi chuyện là khá cao.”

“Và bạn không thể bảo vệ tôi từ đó? Bạn không làm gì được sao?”

“Rất ít trong những tình huống này,” anh ta nói. “Tôi muốn khử những tên đó.”

“Vậy thì, cứ làm đi,” Geraci nói. “Tôi không cản bạn đâu.”

“Không may là,” Lucadello nói, “đấy không phải là một lựa chọn. Dẫu thế nào nó cũng sẽ không giải quyết mọi chuyện cho bạn. Chúng tôi có nguồn tin tình báo đáng tin cậy cho biết rằng cổ nhân của bạn, Michael Corleone từng nhiều lần định giết bạn. Điều duy nhất trước nay anh ta chờ đợi là để cho bạn làm xong chuyện này. Bây giờ vì bạn chẳng làm được việc gì cả, chúng tôi tin rằng sinh mệnh của bạn đang đối diện nguy cơ trước mắt đấy. Thêm nữa là, chúng tôi còn có nguồn tình báo, kém tin cậy hơn một tí, nhưng cũng đáng nên lưu ý, đó là Louie Russo cũng dự định thủ tiêu bạn, hình như bởi vì, rằng thì là... , ờ, tôi không biết mọi chuyện diễn ra như thế nào trong nội bộ của các bạn, nhưng dường như có một cái gọi là... Ủy ban?”

Geraci nhún vai. “Chưa từng nghe đến bao giờ.”

“Tất nhiên là không. Điều khác biệt là, mọi chuyện Russo làm đều được sự chấp thuận của họ, còn, đáng tiếc là, chiến dịch của bạn lại không. Hình như đó là một sự phá vỡ nghi thức (a breach of protocol) đủ nghiêm trọng để họ cho phép... ờ, chúng tôi không chắc là ai. Giả định là Russo. Thủ tiêu bạn, chuyện là thế. Bạn không rung lắc gì cả à?”

“Nó đến và đi. Một hiện tượng thuần sinh lí.”

“Nếu điều gì đó giống như chuyện này xảy đến với tôi, e rằng tôi sẽ rung lắc dữ dội.”

“Đây chỉ là một dạng của hội chứng Parkinson. Không phải sợ hãi. Không liên quan gì đến sợ hãi. Vả chẳng, làm thế nào bạn biết được điều gì đó giống như chuyện này lại không xảy ra với bạn?”

“Ồ, mình chắc là nó đang xảy ra,” anh ta nói. “Bất cứ giá nào, thì mọi chuyện cũng đang di động nhanh và *bạn* cần phải di động còn nhanh hơn. Cái này, theo lời dạy của một bậc thầy về binh pháp - hình như là Tôn tử thì phải - gọi là *dĩ nhất biến ứng vạn biến*, hay gì gì đó. Tôi không chắc là về câu chữ mình có nhớ chính xác không nhưng đại khái nghĩa lí thì như thế.”

“Chứ không phải là *chúng ta*?”

“Ồ không,” Lucadello nói. “Không phải *chúng ta*. Chúng tôi chưa từng có liên hệ chút chi với bất kỳ chuyện gì. Bạn và tôi chưa bao giờ gặp nhau. Không hề có *chúng ta*. Cũng không có tôi. *Điệp viên Ike Rosen không hề tồn tại trên cái cõi đời ô trọc này.*”

Lucadello nói rằng điều tốt nhất mà anh ta có thể làm là đưa Nick Geraci và gia đình anh khỏi nơi đó. Những tấm vé một chiều dưới những cái tên giả định, đến bất cứ nơi nào trên trái đất. Chuyện khả thi là sẽ có người đón họ ở sân bay, cho vài hướng dẫn nhanh cần thiết về việc bắt đầu một cuộc đời mới ở bất kỳ nơi nào họ sẽ đến. Tất nhiên là chuyện này không phải khả thi ở mọi nơi, nhưng nếu Geraci muốn nêu lên một số địa điểm nào đó, thì anh ta có thể nói chúng có phải là lựa chọn tốt hay không.

Geraci nhìn vào khẩu súng trên bàn của mình. Tên láu cá này có bị giết có lẽ cũng là đáng đời. Giết hắn có lẽ cũng không làm cho mọi chuyện tệ hơn như chúng đang là.

Thế rồi, trong một tia chớp, hầu như một thị kiến, anh nhìn thấy đường ra khỏi mê cung này, hay ít nhất là một thế nào để mua thời gian.

“Đồng ý,” Geraci nói, đưa bàn tay phải ra, bắt chước, một cách có ý thức, nghĩa phụ của mình - Vincent Forlanza. “Có bốn điều. Trước tiên” - ngón trỏ chỉ lên - “Tôi sẽ đến Sicily. Như thế tôi không cần có người của bạn đón rước, hướng dẫn gì cả. Tôi có người thân ở đó rồi. Thứ nhì” - ngón giữa giơ lên - “Tôi không bay. Chấm. Miễn bàn tại sao. Nhưng bạn giúp tôi đến nơi tôi muốn đến, và cả gia đình tôi nữa. Thứ ba” - ngón tay đeo nhẫn - “Tôi đoán chắc với bạn, là Michael Corleone, cố nhân của tôi, sẽ không giết tôi đâu, vậy nên bạn có thể kiểm tra lại nguồn tin tình báo của bạn và xem nó chuệch choạc chỗ nào. Và thứ tư” - ngón út - “Tôi quyết liệt khuyên bạn không nên giết Carmine Marino hay cho người giết cậu ta.”

“Ba trong bốn điều bạn nêu ra chúng tôi hoàn toàn đáp ứng như bạn mong muốn. Nhưng còn với Carmine, thật lòng tôi cũng yêu thích cậu ta lắm. Cậu ta không hề làm điều gì sai. Cậu ta đã đến nơi cậu ta được lệnh đến, đã bắn một phát đúng y boong mục tiêu mà chúng tôi bảo cậu ta bắn, rồi cậu ta cũng đủ khôn ngoan để nuốt xuống lòng kiêu hãnh đàn ông và ăn mặc như một phụ nữ để cố tìm cách trốn thoát. Nếu đủ quyền quyết định, tôi sẽ tưởng thưởng và tuyển dụng tiếp cậu ta, thế nhưng... ờ, tôi chỉ có thể nói là chuyện đó ngoài tầm tay của tôi. *Lực bất tòng tâm*, xin bạn thông cảm.”

Geraci mỉm cười. “Tên thời con gái của bà mẹ Carmine là Bocchicchio.”

Ngay cả sau khi anh đã giải thích về tài năng đánh thuê khó ai bì kịp của bộ tộc Bocchicchio nhất là khi trả thù chính đáng, Lucadello vẫn không lay chuyển.

“Vậy họ sẽ đeo đuổi ai, hở?” Lucadello nói. “Chính quyền Mỹ?”

Geraci lắc đầu. “Họ giải quyết từng em một thôi.”

“Nghĩa là gì? Tôi? Hay, chờ tí, tôi biết rồi! Họ sẽ đeo đuổi Tổng thống!”

Đột ngột, Geraci lại run. Để kiên định lại, anh đi qua lại trong phòng, bất ngờ nắm chặt áo Lucadello, kéo giật thật mạnh khiến anh chàng này ngã xuống chân anh. “Carmine hiện còn sống,” anh thì thầm. “Hãy để hắn sống nhé và họ sẽ không đeo đuổi bất kỳ ai.”

Chỉ có một người chèo thuyền làm việc vào lúc sáng sớm như thế, nhưng các chiếc gondolas ở đây khá lớn với lòng thuyền rộng rãi. Như Hagen chờ đợi, thủ hạ của Russo đem theo súng tiểu liên lên thuyền.

“Đừng có nhìn như thế chứ, chàng Ố nị,” Louie Russo đổi giọng, ngồi vào phía trước. “Tớ biết chú em không phải là loại lính cơ bắp. Chú mày là *quân sư quạt mo* ngồi trong trướng quyết việc xa ngàn dặm mà! Đáng tiếc là chú mày lại quá khinh suất dám *thiên lí tẩu đơn kỳ* vào tận *lòng đàm hồ huyết* của ta. Giờ thì cá nằm trên thớt rồi đừng vùng vẫy, giãy nãy chỉ vô ích. Hãy

thư giãn và ta sẽ ân hận cho sống lâu hơn chút chút. Tin ta đi. Lời danh dự của *thống lĩnh* đấy.”

Mấy tên bộ hạ của lão cười hùa theo để nịnh thủ lĩnh của bọn chúng. Người chèo thuyền quay mắt đi và không nói năng gì. Anh ta bắt đầu đưa họ qua cái hồ nhân tạo hôi thối. Cuối cùng anh ta và Hagen giao tiếp bằng mắt. Hầu như không ai thấy, anh ta gật đầu.

Hagen thoi đổ mồ hôi. Một cảm giác yên bình tràn qua người anh. Russo đang ba hoa về chuyện bằng cách nào hắn ta gây dựng nên cơ ngơi này với vẻ đắc chí thấy rõ, và hắn muốn Hagen trước khi lìa đời cũng phải *tâm phục khẩu phục* tài trí của hắn, nhưng dĩ nhiên là Hagen đâu thèm nghe lời hắn, mà chỉ lo tập trung động não để ứng phó sao cho hữu hiệu nhất trong tình huống ngàn cân treo sợi tóc này. Anh quan sát bờ bên kia, dự kiến lúc đi đến giữa hồ, cúi người xuống vừa đủ để không ai lưu ý là anh đang tháo dây nịt (thắt lưng) ra.

Được nửa đường, người chèo thuyền rút mái dầm lên khỏi mặt nước. Anh ta đã thực hiện hàng vạn cuộc chèo thuyền qua lại cái hồ này rồi và công việc đó giúp cho anh ta có đôi cánh tay khỏe đến độ bất kỳ đại lực sĩ nào cũng phải ghen tị! Khi Hagen rút dây nịt ra và cầm hai đầu kéo thẳng ra, anh chàng chèo thuyền vung mái chèo, tháo xiềng xích cho cơn giận bị dồn nén từ lâu của một người đã bỏ ra bao nhiêu năm muốn làm chuyện này đối với tất cả những tên bố lão huênh hoang vẫn ngồi trên chiếc gondola mà anh ta phục dịch việc chèo qua lại trên hồ. Hôm nay, chiếc hồ này sẽ thành *dòng sông địa phủ Achéron* cho các người đây. Chiếc mái chèo của anh ta vụt đánh bốp - với tất cả sức mạnh cuồng nộ bị kìm hãm từ lâu nay - vào sọ của một trong hai tên vệ sĩ khiến y đổ gục xuống tức thì, không kịp kêu lên tiếng nào. Không thể có ngón tuyệt kỹ nào hiệu quả hơn!

Tên kia lúi một vòng để tránh nhưng trước khi kịp giương súng để bắn thì y đã bị giật đầu ngã ngược ra sau. Chiếc dây nịt da của Tom Hagen đã siết chặt vào cổ y và một đầu gối anh chèn sau lưng y khiến y ngược mặt lên trời rồi thè lưỡi ra, mắt trợn ngược, cửt đái cùng lúc tháo chạy tán loạn ra khỏi người y, thối um, khai ngáy!

Người chèo thuyền rất nhanh chóng bỏ mái chèo chộp lấy khẩu súng nơi người chết đầu tiên và chĩa mũi súng vào mặt Louie Russo.

Con mồi trong tay Hagen dẫy dụa, giật giật mấy cái, mặt tím tái rồi toàn thân cứng đờ. Tom Hagen đẩy y ngã sấp mặt xuống sàn thuyền.

Russo dợm nhảy và làm động tác bơi, nhưng trước khi y kịp ra khỏi thuyền, người chèo thuyền đã nắm vào phía sau cổ áo y rồi giữ chặt y lại. Cặp mắt kính của y rơi tòm xuống nước.

Ông Trùm với những ngón tay nhỏ nhắn, có phần ẻo lả, bắt đầu ca bài ca con cá. “Em cần rơm cần cỏ lạy quý ông anh tha cho cái mạng heo chó của em. Quý ông anh muốn gì em cũng xin chiều. Em không dám tiếc cái gì cả, miễn là được sống. Thế nhé, quý anh nhé!” Và lão cộp cộp cộp, đập đầu ba lần vào mạn thuyền, hành đại lễ xin tha mạng.

“Đừng có cợt nhả với ta bằng những trò ba hoa đó,” Hagen nói. Anh rút khẩu.22 có gắn bộ hãm thanh ra khỏi áo khoát của kẻ bị anh giết. Đồ chơi hàng tuyển của thích khách. Hai tay anh tê tê ngứa ran do cố gắng vận sức để siết cổ tên kia cho chết đứt đừ đừ. “Mi đã dự tính giết ta,” Hagen nói, giật giật khẩu súng trước mặt Russo. “Nhưng kiến đã không ăn được cá thì giờ đây cá lại xơi kiến. Có ý kiến ý ruồi gì không? Có buồn không dzậy? Nhưng buồn mà chi em. Ráng dzui lên trước khi chết thì sẽ được đi đầu thai sớm hơn. Hiểu được cái đạo lí đó không hở, bồ tèo?”

“Ông anh điên rồi,” Russo thút thít, rên rỉ. “Đó chỉ là khẩu súng. Nó đâu có nghĩa gì. Nó đâu có tội tình gì.” Trong cơn quỳnh quáng, y nói mà không còn biết mình nói gì, chỉ còn biết nói cho đỡ sợ, đồng thời cũng hy vọng mong manh là kẻ thù động lòng, nghĩ rằng tha cho mình thì có lợi hơn, hoặc là chùng chình chưa giết mình ngay thì biết đâu, nhờ phúc đức ông bà tổ tiên nhà

ta, mà sẽ có viện binh đến kịp lúc... *Sắp chết đuối thấy cộng rơm cũng vớ.* Là thế.

“Ờ, súng đạn thì chẳng có tội tình gì nhưng mi thì có đấy! Mà ngay cả nhà người có ngậy thơ vô (số) tội thì ta cũng đêch cần biết. Mi đã cho Roth ý tưởng cài bẫy cho Fredo phản bội Gia đình, và mi dàn dựng mọi chuyện với bộ hạ của mi ở L.A. Mi đã làm hàng trăm chuyện khác khiến ta giận sôi gan nên mới giết mi đây.”

“*Anh?*” Nước mắt Russo làm nhòa đi hiệu ứng của đôi mắt hiểm độc, quỷ quyết của y. Nước mũi chảy ròng ròng từ cái mũi giống như con c... t đỏ bầm nằm giữa mặt y. “Giết *tôi?* Anh đâu phải bên võ, anh bạn Ái nhĩ Lan. Anh là một luật sư, một Hạ nghị sĩ mà. Anh nghĩ là họ sẽ để yên cho anh sao, chàng Ái nhĩ Lan khôn ngoan, đa mưu túc trí.”

Suốt cuộc đời trưởng thành của Hagen thiên hạ đều nghĩ lầm về anh. Trước tiên và trên tất cả anh là một thằng nhóc Ái nhĩ Lan cùng khổ sống lang thang trên đường phố. Đứa bé ấy đã chui rúc trong những bụi cây và trong những đường ngầm suốt cả mùa đông ở New York và từng thắng trong những trận đánh đấm nhau với người lớn để giành lấy nửa ổ bánh mì đã mốc meo. Tính cạnh tranh khốc liệt để sinh tồn trong quãng đời niên thiếu đó đã giúp anh có những kỹ năng về cơ bắp và thể lực ít ai ngờ tới nếu chỉ biết anh như một học sinh, một sinh viên, con nuôi của một gia đình giàu có và quyền thế (cả trong thế giới nổi lẫn trong thế giới ngầm), rồi thành ông luật sư chỉ xách các -táp, ngồi bàn giấy và múa võ mồm. Khối người bé cái nhằm là vì thế.

Hagen nâng khẩu súng ngắn lên. Giờ đây đến lượt anh cười khẩy.

“Nếu bạn sống trong hang sói đủ lâu,” Hagen nói, “ắt bạn cũng biết tru như sói.”

Anh khạc lửa. Viên đạn xé vào não Louie, nhảy thia lia vòng quanh sọ lão ta, và không tạo ra lỗ thoát như kiểu một viên đạn có khẩu độ lớn sẽ tạo hiệu ứng như thế.

Hagen ném khẩu súng xuống hồ.

Anh và anh chàng chèo đò nhanh chóng, lẳng lẽ buột những vật nặng vào ba tử thi và ném chúng ra khỏi thuyền. Không ai thấy họ. Anh chàng chèo thuyền đưa Hagen trở lại bờ rồi đi cọ sạch chiếc thuyền với một dung dịch tẩy. Anh không thấy vết máu nào nhưng giữ an toàn vẫn tốt hơn. Ăn vụng trứng nếu chỉ chùi mép cho sạch thì vẫn chưa an toàn mà phải đánh răng súc miệng thật kỹ mới không sợ bị phát hiện. Nhớ nhé!

Hagen lấy xe của Louie Russo và lái để chuẩn đi. Anh chàng chèo thuyền sẽ sẵn sàng thề trên linh hồn bất tử của bà mẹ thánh thiện của mình rằng mình đã thấy tận mắt chiếc xe của Russo phóng đi xa.

Chiếc xe được tìm thấy hai ngày sau nơi bãi đậu xe của sân bay. Báo chí đăng tin rằng những hành khách với bất kỳ một trong nhiều biệt danh được biết là từng được Louie Mặt Đéo dùng đã lên máy bay ngày hôm đó. Không có cái nào trong những cái tên này tương ứng với người thật nào.

Những vệ sĩ là các chiến binh trung thành, tin cậy của Russo, những người mà rất khó, nếu không nói là bất khả cho nhà Corleones lung lạc, mua chuộc. Đàng khác, chàng chèo thuyền nọ, trong không đầy một năm, đã làm được việc đáng giá hơn cả kho tàng của Russo. Sau một tháng người ta tìm thấy xác của Russo và hai chiến binh của lão. Nhưng họ đâu phải là những cái xác duy nhất nơi đáy hồ nọ. Còn nhiều, nhiều những cái xác vô danh nữa chưa được nhận dạng và có lẽ cũng không ai “huấn” để nhọc công đi làm việc đó để mà ăn cái giải gì! *Requiescat in Pace!* Hãy để cho họ yên nghỉ. Cái hồ đầy axit đã tăng tốc quá trình phân hủy. Khi cảnh sát bang cho tháo nước rút cạn hồ và lớp bùn trên cùng được hút đi thì xương người lộ ra ngổn

ngang cũng gần bằng với khi người ta bốc mộ di dời cả một nghĩa trang, phần lớn được cho vào những bao súng tiểu liên, những vali lớn hay những thùng đựng dầu được chèn thêm những vật liệu nặng như sỏi đá, sắt thép...

Vào lúc đó thì tay chèo thuyền biến mất.

Không một nhân viên công lực nào cũng chẳng một ai trong bộ sưu Chicago tìm ra được chàng ta. Chàng ta sống hết những năm tháng còn lại dưới một cái tên khác trong một thị trấn nhỏ ở Nevada, quản lí một cửa hàng bán súng và một nghĩa trang tư nhân trên đất mua lại của chính quyền liên bang (bằng tiền của người khác), chỉ cách những vành đai ngoằn ngoèo, bị nhiễm phóng xạ của Doomtown có vài mươi dặm. Quả là một con người sống giữa thế kỉ hai mươi mà hành động như một hiệp khách thời Xuân Thu Chiến Quốc. *Sự liễu phát y khứ, Thâm tàng thân dữ danh* (Xong việc rũ áo biến, Ẩn sâu thân cùng danh - *Hiệp khách hành*. Lí Bạch, P.Q.Đ. dịch).

Joe Lucadello gọi từ một điện thoại trả tiền liền chỉ cách nhà Geraci chưa đầy một dặm và kể lại cho Michael Corleone mọi chuyện. Lời nói dối mà anh ta bịa ra về Russo, lời nói thật mà anh kể về Michael. Những chi tiết về chuyến tàu sẽ đưa Geraci đi Sicily. Một mình. Vợ con anh ta sẽ không đi chung với anh ta, điều này sẽ làm cho mọi chuyện dễ dàng hơn.

“Tiếc là chúng ta đã không cho thực hiện chuyện đó ở ngay đó,” Lucadello nói, ý chỉ Cuba. “Mình biết là bạn mong như vậy.”

“Chúng ta còn sống để chiến đấu vào một ngày khác nữa,” Michael nói. “Một người còn đòi hỏi gì hơn nữa ở cuộc đời?”

“Có thể hơn một chút thôi,” Joe nói. “Nhưng chỉ khi người ta trẻ.”

Tại tư dinh ở Chagrin Falls, Vincent Forlanza thức giấc trong bóng tối, thở một cách khó khăn, với cảm giác nhức buốt quen thuộc của một con voi đứng trên ngực mình. Ông cố bấm chuông để gọi cô điều dưỡng. Ông biết cú đột quỵ tim mạch khi ông có nó. Đây không phải là lần đầu, và cũng chẳng có cơ may là lần cuối. Song không đến nỗi tệ như những lần khác. Giống chú voi con hơn. Mặc dầu có lẽ là do ông đã quen với nó.

Cô điều dưỡng gọi xe cứu thương. Cô cố làm những gì mình có thể và nói với ông rằng ông sẽ ổn thôi. Cô không phải là một chuyên gia về tim mạch, nhưng cô hiểu điều mình nói. Bởi nhìn cho kỹ thì những dấu hiệu sự sống nơi ông còn tốt.

Vincent Forlanza là một người thận trọng. Ông Trời hình như cũng phải khó khăn để gọi lão già ngoan cố này về chào mình, và lão ta càng là một món dai nhách khó nhằn đối với người trần. Bởi mặc dầu tuổi cao sức yếu, bệnh tật hiểm nghèo như vậy nhưng ai dễ gì đụng đến lão. Biết bao nhiêu người thân tín lo chăm sóc, bảo vệ cho lão. Biết bao nhiêu tường thành kiên cố vây quanh lão. Tư dinh ở đây và khu phức hợp có phần nổi và phần ngầm của lão ở Rattlesnake Island (Đảo Rắn Rung chuông) được xây dựng vô cùng kiên cố và được canh giữ rất cẩn mật. Đã nhiều năm rồi kể từ lúc Forlanza bước vào một chiếc xe hay chiếc thuyền mà không bảo thuộc hạ kiểm tra kỹ có ám khí nào được cất giấu trong đó không. Thường lệ ông cho hai thuộc hạ làm việc đó mà hai kẻ này rất là không ưa nhau, luôn tranh công, kèn cựa nhau và luôn muốn phát hiện ra kẻ kia đang phản chủ. Ông không ăn món nào không được chế biến dưới sự chứng kiến của ông. Nhưng ngay cả Don Forlenza, trong giờ cần đến chăm sóc y tế, cũng không hề có ý nghĩ tra vấn những người đến để cứu mạng mình. Những người trông coi nhà cửa và các vệ sĩ cũng không. Cả cô điều dưỡng, vốn thấy không có gì bất thường trong cách xử lí người bệnh của những người trên xe cứu thương. Cũng không có gì bất thường nơi chiếc xe cứu thương - cho đến khi nó rời đi và chỉ một thời gian ngắn sau đó, một chiếc khác giống hệt trở tới.

Chiếc xe cứu thương thứ nhất được tìm thấy vào ngày hôm sau, một dãy phố cách nơi nó đã bị lấy trộm. Ông Trùm Do thái Vincent Forlana từ ngày ấy tuyệt tích giang hồ, *không hện nhân gian thấy bạc đầu*.

Trong lô dành cho gia đình nơi sân vận động, Tom và Theresa Hagen và cậu con đẹp trai của họ, Andrew đứng lên để chào quốc kỳ. Tom đặt nắm tay lên ngực và thấy mình đang hát theo.

Thường thì anh chỉ làm bầm thoi mà,” Theresa nói.

“Đây là một xứ sở quá vĩ đại,” Tom nói. “Không nên chỉ làm bầm khi hát quốc ca.”

Frankie Corleone là cầu thủ nhỏ người nhất trong hàng phòng ngự của đội Notre Dame, nhưng ở hiệp nhất ngay trong thời điểm chờ phát bóng cậu đã sút bóng vượt tuyến và bóng đập vào tay hậu vệ khổng lồ của đội Syracuse Orangemen mạnh đến nỗi đầu chàng ta bật ra sau rồi cả thân mình cũng ngã theo. Đám đông la hét nhào nhào nhưng Frankie vẫn lững thững chạy đến trước đám đông lộn xộn kia như thể cu cậu chẳng làm điều gì bất thường.

“Frankie!” Andrew hét lên.

“Cháu ơi!” Theresa gọi.

Tom và Theresa ôm nhau, còn chàng hậu vệ đội Syracuse lắc lư bước ra khỏi sân mà không cần cẳng.

Sang hiệp sau, Syracuse cố vượt lên. Khung thành của Notre Dame đang để hở vì thủ môn đã lao ra trái hướng. Ngay lúc quả bóng lừng lững sắp chui tọt vào khung thành thì Frankie vụt xuất hiện từ đâu không biết và đập mạnh cho quả bóng tạt ngang ra biên.

“Hay, hay quá!” Theresa hò reo. Tiến lên, Frankie!”

“Hảo Thủ!” Tom reo hò. Đó là biệt danh của cháu anh. Anh không cho phép mình nghĩ tới nghĩ lui gì về điều đó cả.

“Lẽ ra Má phải cổ vũ cho đội Syracuse chứ?” Andrew chế diễu mẹ mình (Vì Syracuse là trường cũ của Theresa).

Hôm ấy là một ngày đẹp trời của tháng mười một, rất thích hợp để chơi bóng, thời tiết khô lạnh và đang tranh đấu để có mặt trời. Mọi người còn nên đi xem một trận cầu ở Notre Dame nữa tại sân vận động Golden Dome.

“Chuyện này là khác,” Theresa trả lời con. “Gia đình mà.”

Nơi cảng Palermo, Michael Corleone ngồi trên boong của chiếc du thuyền yacht thuộc về ông bạn cũ của bố anh, Cesare Indelicato. Michael chưa bao giờ du hành với nhiều người tháp tùng đến thế vì lí do an ninh như trong lần này nhưng Don Cesare không lấy thế làm phiền lòng bởi họ đang sống trong thời buổi xáo trộn.

Michael ngồi vào một chỗ tiện nghi thoải mái, chỉ cách vài trăm mét đối với Geraci khi anh chàng này đến Sicily, để có được sự thống khoái lúc chứng kiến anh chàng này bị bắt khỏi thuyền bởi những sát thủ thiện nghệ nhất của Sicily.

Michael sẽ phải quay trở về New York. Khác với Hagen, những nhân vật xuất sắc mà Gia đình Corleone còn lại đều đặt ra những nguy cơ khó thể chấp nhận bởi những liên hệ của họ với Geraci. Những bộ mặt khác thì cũng vào hạng “lục lục thường tài” thôi như Eddie Paradise hay

anh em DiMiceli. Michael sẽ phải điều hành Gia đình trở lại, phải để mắt đến mọi mặt. Anh sẽ có thể làm cho có vẻ như anh đang quay về trong chiến thắng, anh chắc như thế - việc loại trừ Louie Russo và Vincent Forlanza sẽ củng cố điều đó, ít nhất là trong mắt của những tay chớp bu từ các Gia đình New York khác. Nhưng biết bao những điều mà Michael từng mong ước - tính hợp pháp, bình yên, tình yêu của vợ và con cho mình, một cuộc đời khác và tốt hơn là cuộc đời bố mình đã sống giờ đây đã ngoài tầm với của anh: trong nhiều năm và có lẽ là mãi mãi.

Vết thương nhức buốt này sẽ không hề dịu đi bởi việc giết Geraci. Anh biết thế.

Sẽ không có lạc thú nào để rút ra từ một điều như thế. Anh cũng biết như thế.

Tuy nhiên.

Trong khi họ chờ đợi, Don Cesare - theo cái cách gián tiếp kiểu Sicilian tiêu biểu của ông ta - bàn luận về những lợi ích của việc làm thành viên Tổ chức Tam điểm La mã (Roman Masonic Organization) mà tên gọi, *Propaganda Due*, ông ta không cần phát âm nhưng vẫn được hiểu ngầm giữa những người này. P2, như nó thường được gọi (mặc dầu Indelicato cũng không nói điều này), là một hội kín được đồn đãi là còn mạnh hơn cả Mafia, Tòa thánh Vatican, CIA và KGB cộng lại. Michael đang được lôi kéo làm thành viên, và nếu mọi chuyện suôn sẻ, anh sẽ là người Mỹ đầu tiên được chấp thuận vào hội. Ngay cả Bố anh xưa kia cũng chưa được xem xét vinh dự này. Đây là một dấu hiệu cho thấy rằng, ngay cả đang lúc dư luận còn ồn ào về thất bại của vụ ám sát nhà lãnh tụ Cuba, những nhóm quyền lực nặng kị nhất vẫn hiểu rằng Michael Corleone đã được an bài để đảm nhận vai trò như là thế lực khuynh loát nhất trong thế giới ngầm ở Mỹ. Bất kỳ người nào khác ở vào địa vị Michael cũng sẽ “thấy phê” vì được vuốt ve tự ái và anh mạo hiểm làm ra vẻ như thế.

Cuối cùng con tàu lọt vào tầm nhìn. Michael chiêu một ngụm nước lạnh và dõi mắt quan sát những người mà Indelicato đã cài cắm ở bến tàu.

Con tàu vào bến.

Hành khách lần lượt rời tàu.

Chẳng thấy bóng dáng Nick Geraci đâu.

Indelicato gật đầu ra hiệu cho một người ở trên mái chiếc du thuyền yacht, anh ta vẫy một lá cờ màu cam, ra hiệu cho những người trên bờ thâm nhập con tàu kia và đi tìm mục tiêu.

“Họ sẽ tìm ra hắn ta thôi,” Don Cesare nói. “Đây toàn là những tay thiện chiến, và hắn ta không có nơi nào khác để đi.”

Nhưng chẳng mấy chốc đài phát thanh từ tàu đến bờ rạn vỡ với tin xấu. Mục tiêu dường như đã “né đẹp” họ.

Nổi điên, Michael kêu đài phát thanh gọi về Mỹ.

Anh không tiếp xúc được với Joe Lucadello, nhưng phụ tá của anh ta bảo đảm với Michael rằng không có gì chuệch choạc cả. Họ đã phải dùng nhiều lớp trung gian để che giấu nhân thân của người đó, nhưng người phụ tá bảo đảm với anh rằng, trừ phi anh chàng kia nhảy ào xuống đầu đổ vào lòng Địa Trung Hải, thì anh ta phải ở trên con tàu đó. Tôi bảo đảm với anh đó là hắn ta,” người phụ tá nói. “Tôi có đầy đủ giấy tờ trước mặt đây. Fausto Geraci. Passport, hình ảnh, mọi thứ.”

Huýt sáo một điệu dân ca Palermo mà mẹ hát ru cho mình khi còn tằm bé, Fausto Geraci cha,

biến đi dưới vòm cung xưa bằng đá gần bến tàu vào khu thành nội Palermo.

Cesare thú nhận mình cũng bối rối trước các tình huống, chẳng khác chi Michael.

Chương 31

Chuông điện thoại của Michael Corleone reo lên vào lúc nửa đêm. Anh ta còn ngầy ngật vì chuyến bay dài đằng đặc từ Palermo trở về Mỹ.

“Xin lỗi vì đánh thức chú vào giờ này, chú Mike ạ. Nhưng mà... có một tai nạn.”

Anh ta không bao giờ có thể phân biệt được Francesca với Kathy, qua điện thoại hay ngay cả trước người thật.

“Francie!” Kathy Corleone gọi từ nhà bếp. Cô đã dẫn đặt cái máy đánh chữ của Billy và nhiều dây sách xếp hàng ngăn nắp nơi cái bàn trong nhà bếp của Francesca - mà chỉ mấy giờ sau khi chuyến xe lửa đến Washington D.C. cô đã báo phải thu xếp sẵn sàng cho cô để cô có thể làm việc cho luận án của mình. “Điện thoại!”

“Ai gọi thế?” Francesca hỏi. Nàng đang cắt tóc cho Sonny trên một cái ghế nơi phòng tắm.

Từ đôi môi của Kathy thoát ra những từ mà Francesca và Billy đã nhất trí không bao giờ được nói ra trong căn nhà này, đó là tên của cô gái tóc vàng cao người trong nhóm Những người Florida ủng hộ Shea.

Francesca thả rơi cây kéo. Trong một lúc điên rồ, nàng tức giận người chị em của mình vì lời đùa độc ác này, nhưng tất nhiên đó không phải là lời đùa. Kathy còn không biết là Billy có chuyện tình ái lãng nhăng nửa mà. “Ngồi yên,” nàng bảo Sonny. “Cứ ở yên tại chỗ.”

Cậu bé ắt đã nghe ra điều gì đó trong giọng nói của mẹ mình. Nó tê cóng người.

Trong phần lớn cuộc sống của họ, Kathy và Francesca đều biết cả đến những chi tiết tầm thường nhỏ nhất nhất của nhau. Chuyện đó đã thay đổi từ khi nào? Chắc không phải từ lúc đến những trường đại học khác nhau, Francesca nghĩ, đứng bên cái điện thoại bàn màu đen trong nhà bếp của mình, đang sôi máu lòng bùng trong tai. *Những đứa con trai*, nàng nghĩ. *Những thằng đàn ông*. Những vấn đề lớn nhất của đời sống còn được gây ra bởi cái gì khác hơn? Francesca muốn trở lại nhà tắm, khóa cửa lại, ôm chặt con vào lòng, hôn hít yêu thương con và cầu mong nó không trở thành một trong những anh chàng sở Khanh lôi cuốn và ích kỉ.

Nhưng thay vì thế, nàng đứng sững lại như chiếc xe chết máy, hít một hơi thở sâu, và nhấc điện thoại lên.

“Tôi xin lỗi vì gọi đến nhà bà.” Giọng nói của Con Đàn Bà Ấy vang lên như thể nàng ta vừa mới ngừng khóc. Đường như không cách xa lắm. “Chuyện này quả là không dễ dàng gì cho tôi.”

“Cô đang ở đâu?” Francesca hỏi.

“Xem nào, sẽ dễ hơn cho tôi nếu không gọi thay vì gọi cho bà,” nàng ta nói. “Dễ hơn nhiều. Tôi chỉ cố gắng làm điều gì đúng.”

“Cô hơi trễ rồi đấy, cô dĩ kia ạ,” Francesca nói. “Đừng có mà nói dối với ta và bảo rằng cô hiện không đang ở Washington.”

“Tôi không hề có ý định nói dối,” nàng ta nói. “Tôi không dẫn thân vào chuyện này để làm gì nếu không vì sự thật.”

Francesca cố chống lại sự thôi thúc muốn gác máy. Theo bản năng, nàng biết rằng bất kỳ điều gì mà người đàn bà kia sắp nói, đều là điều mình nên nghe, dầu không muốn nghe. “Giữ máy nhé,” nàng bảo. Nàng đặt một bàn tay bịt lại đầu nói và hỏi Kathy có thể giúp mình cắt tóc cho Sonny không. Francesca đóng và khóa cửa phòng ngủ của mình lại. Nàng dấm mạnh gót tay vào bức tường mới trát vữa và tạo ra một cái lỗ trên đó. Kathy gọi to để xem nàng có sao không. Francesca nói dối và bảo rằng mình ổn. Nàng cầm điện thoại lên và ngồi xuống. Nàng che đôi mắt mình bằng bàn tay phải phập phồng như thể để tránh không nhìn một con chó bị cán chết trên đường.

“Để bắt đầu,” người phụ nữ đó nói,” xin thưa rằng bà nói đúng. Tôi đang ở Washington. Tôi làm việc nơi văn phòng của một vị Hạ nghị sĩ. Khi tôi chuyển về đây lần đầu, thì không phải là vì Billy, mà vì công việc này, nhưng”

“Cô có thực sự nghĩ,” Francesca nói, “rằng cô có quyền khóc lóc về chuyện này?”

Người phụ nữ ấy lấy lại bình tĩnh và tự thú một cách ngắn gọn. Cô ta và Billy đã đan díu lại với nhau không lâu sau khi Francesca sẩy thai em bé. Họ đã mở tắt, tắt mở nhiều lần cho đến khi gần đây Billy tặng nàng quả bầu và rồi sau đó “tĩnh như ruồi” khi bảo nàng hãy triệt tiêu cái hậu quả ngoài ý muốn, nên nàng cũng nhanh chóng xóa sổ nợ đời. Tuy thế, nàng đã trải qua một thời gian nặng nề khi sống với chính mình và đã quyết định bỏ việc để quay về nhà ở Sarasota.

Francesca nghiêng răng và ép bàn tay sung phòng của mình mạnh vào chân giường, cố sử dụng sự đau đớn để kìm lại cơn giận đang dâng lên trong nàng không bùng vỡ ra. *Chưa đâu. Đừng cho con đi này thỏa mãn thói kiêu căng.*

Người phụ nữ ấy bảo cô ta đang gọi từ văn phòng của mình. Cô và Billy đã đi đến khách sạn ở Dupont Circle vào giờ ăn trưa. Tại đó - chuyện gì đã xảy ra cũng đâu thành vấn đề? - bất kỳ điều gì họ có với nhau cũng đi đến một đoạn kết nhiều nước mắt. Nàng ta cho rằng Billy cũng “mất lệ cho người” rần rụa chứa chan. Nghe mà ứa gan!

“Giờ cô thấy dễ chịu chưa?” Francesca rít ra câu ấy giữa đôi hàm răng nghiêng chặt. “Bây giờ cô sống với mình được rồi chứ?” Nàng đang giận run. Nếu nàng ở cùng phòng với con đàn bà ấy, thì chuyện giết cô ta sẽ chẳng là... cái nghĩa địa gì! Đập một phát cho cô ta té xuống rồi nắm cái sọ của cô ta động mạnh xuống sàn nhà cho đến khi nó nổ đánh bốp một cái. Thế là xong. Hoặc nhẹ nhàng hơn thì một nhát dao xuyên qua tim nàng ta. Ngọt lịm. Giết người vốn là... truyền thống của gia đình ta mà! Truyền thống đó hãy còn chảy mạnh mẽ trong huyết quản đang sục sôi của ta đây này!

“Không hẳn thế,” người phụ nữ kia nói. “Nghe này. Hãy nói với em bất kỳ điều gì chị muốn. Em đáng bị như thế. Hay hơn thế nữa cũng là... sự thương. Thật sự em không”

Lại thêm nước mắt. “Em muốn nói, em không phải là hạng người”

“Những kẻ xấu,” Francesca nói,” không bao giờ nghĩ họ là hạng người làm những điều họ đã làm. Ta có tin cho mi đây, con đi kia. Mi không phải là người mà mi nghĩ mi là. Không ai trong chúng ta là thế. Người ta là những gì người ta làm. Không hơn không kém. Mi hành động như một con đi, vậy mi là con đi. Thế thôi. Không có gì phải nhiều lời nữa. Ta có chuyện phải đi đây.”

“Đừng, chờ tí,” người phụ nữ ấy nói. “Có chuyện khác mà em cần nói với chị. Dầu xấu như những gì em đã nói, song chuyện này có lẽ... còn tệ hơn! Em nghĩ chắc là còn tệ hơn.”

“Mi không thể gây ấn tượng với ta như một kẻ biết sự khác biệt giữa thiện và ác.”

“Chuyện này liên quan đến gia đình chị.”

“Tôi biết tia nhìn ấy,” Kathy nói. “Đừng nghĩ rằng tôi không biết tia nhìn ấy.”

“Hãy giúp em băng lại bàn tay,” Francesca nói.

“Em cần gặp bác sĩ,” Kathy nói. “Cái gì xảy ra khiến”

“*Giúp em.*”

Sau nhiều năm xung đột lật vật và cảm tình trôi dạt, hai chị em cảm nhận một cú sốc thông cảm bắn qua người họ. Hai chị em đã có những khác biệt trong mấy năm vừa qua nhưng sợi dây ràng buộc họ như một cặp song sinh thì không mất đi đâu. Khi được triệu tập, nó luôn vâng lời. Không có gì phức tạp hơn và cũng không có gì ít phức tạp hơn là gia đình, không gì dễ hiểu hơn và đồng thời cũng khó biết được như gia đình. Với những cặp song sinh mọi chuyện còn gấp đôi.

Francesca không giải thích bất kỳ điểm đặc thù nào cho Kathy, thế nhưng Kathy hiểu những gì nàng cần hiểu. Nàng giúp Francesca chăm sóc bàn tay bị thương, giúp thay quần áo, nghe những hướng dẫn của nàng ta về việc chăm sóc Sonny. Kathy cố gắng vỗ về, làm dịu cơn đau mà không gây phản tác dụng.

Francesca hôn Sonny rồi chộp lấy chùm chìa khóa cho chiếc Dual-Ghia của Billy. Hai vợ chồng chỉ có một chiếc xe (dầu nó đáng giá hơn cả hai chiếc xe loại khá sang), và dĩ nhiên là xe của chàng, tên đàn ông ích kỷ, một chiếc xe lớn, rộng rãi, tiện nghi, đắt tiền mà thường chàng rất miễn cưỡng để cho nàng lái. Ít ra chàng cũng đã để lại xe cho nàng ngày hôm nay để nàng đi đón Kathy tại nhà ga xe lửa.

“Đừng làm điều gì mà ta không làm,” Kathy gọi theo lúc Francesca đóng mạnh cánh cửa căn hộ sau lưng nàng.

“Có lẽ em là chị,” Francesca hét lại.

Khi nàng lái xe đến nơi, bởi vì chỉ đích thân Billy mới được phép sử dụng garage làm chỗ đỗ xe, nên nàng phải chạy lòng vòng quanh cao ốc, tìm chỗ trống. Bàn tay bị thương được bó chặt của nàng nhức nhối. Cơn đau xuyên qua nó mỗi lần nàng xoay tay lái. Nói đúng ra sự đau đớn cũng không hẳn là khó chịu. Hầu như nó giúp nàng kiềm được tiếng khóc. Điều cuối cùng mà nàng muốn cho phép mình làm là khóc lóc.

Nàng đập mạnh nắm tay không băng bó lên cái tay lái bọc da, cố dập tắt cơn giận. Nhưng động tác đó chỉ càng làm cho cơn giận tệ hại thêm. *Người là những gì người làm, không có gì khác hơn.* Francesca cúi kính phải làm loại người đi tìm chỗ đậu xe hợp lệ vào một thời điểm như thế này. Nàng tru lên man dại như một con sói cái bị dồn vào chân tường và lao xe vào một khoảng hẹp nơi một khu cũng đầy xe.

Nàng sai bước nhưng không chạy, đến Bộ Tư pháp.

“Xin lỗi, Bà Van Arsdale,” cô tiếp tân nơi văn phòng Billy nói. “Ông Van Arsdale đang họp ở nơi khác với ngài Tổng chủ tịch. Đến sáng mai họ mới quay về đây.”

Chuyện đó thì Francesca biết rồi. Billy đã bảo nàng gặp chàng ở quán bar mà chàng và các bạn đồng nghiệp thích lui tới, gần bờ sông ở Georgetown, rồi đi ăn tối và xem phim. “Billy cần mấy tập hồ sơ,” Francesca nói. “Anh quên đem theo. Anh bảo tôi đến lấy để đem ngay đến cho anh

tham khảo.”

Điều tiếp theo mà Francesca biết - nàng đang một mình trong văn phòng của Billy - là đến nơi mà *con đi kia* đã chỉ nàng đến, nhìn vào nơi mà cô ta đã bảo nàng nhìn: nơi tập hồ sơ phía sau cùng ở trong hộc trên cùng. Tập hồ sơ khá dày và xộc xệch; cái nhãn viết tay - thủ bút của Billy - ghi *Bảo hiểm*.

Francesca không thể để người ta thấy nàng đọc lướt hồ sơ đó, tại nơi đó. Nàng kẹp nó vào dưới nách, cám ơn cô tiếp tân, và rời đi. Nàng trở lại tìm chiếc xe. Nó không bị kéo đi. Cũng không bị dán giấy phạt. Một điềm tốt, nàng nghĩ, mà không thật sự hy vọng là như thế.

Bên trong tập hồ sơ, như cô kia đã cho biết, chứa đựng những thông tin về gia đình nàng. Những mẫu cắt từ báo chí mà bất kỳ ai cũng có thể giữ, nhưng là từ báo chí trên cả nước. Hàng trăm bức hình chụp nhanh được sắp xếp theo đề mục cẩn thận, kể cả một số mà Francesca đã chụp bằng camera của chính nàng, ngay cả trước khi Billy gặp nàng: những bức hình của mọi người trong gia đình nàng, nhưng đặc biệt là những người bên nội. Có bức hình những người chú của nàng với ông nội tại lễ cưới cô Connie, bị cho là đã mất trong một lần dọn nhà. Có bốn quyển sổ đầy những ghi chú về gia đình nàng, và một bài tóm lược đánh máy độ khoảng bảy tám trang về nội dung của những quyển sổ kia. Nàng cố hình dung khi nào chàng bắt đầu làm chuyện này. Quyển đầu tiên bắt đầu từ tháng mười hai, 1955, vào cái ngày sau lần đầu họ làm tình với nhau. Nhưng không phải nói về chuyện đó, mà là mọi chuyện xảy ra tại nhà của Bà nội Carmela, không phải là dạng nhật ký, mà là những ghi chú, như thể từ một lớp học. Chúng là những chuyện mà chỉ Billy mới có thể biết, được viết bằng chữ viết tay rõ ràng là của chàng ta, không thể nhầm lẫn.

Em không thể nhận ra là Billy đến đây cốt chỉ để trải nghiệm một lễ Giáng sinh Mafia chính hiệu, hay sao?

Billy đã kể với cô đào tóc vàng của chàng ở Sarasota, rằng mình có hồ sơ này. Có lẽ anh ta còn *trưng ra* cho cô ả thấy. Có lẽ hai đứa chúng nó đã được một mẻ cười vui vẻ để làm món tráng miệng sau cuộc gian dân trong một phòng khách sạn nhìn xuống Dupont Circle.

Choáng váng, nàng đổ sụp người xuống, ngã đè lên cần sang số và chẳng thém để ý. Nàng để mặc cho mình khóc, không kiềm chế nữa. Điều ấy cũng chẳng đem lại cái gì tốt hơn. Nàng muốn *làm* chuyện gì đó chứ không phải ngồi trong chiếc xe đắt tiền của người chồng lừa dối, khóc lóc như một người đàn bà cô thế.

Nàng *không phải* là người đàn bà cô thế, vô vọng.

Nàng là người của Gia đình Corleone.

Nàng là con gái của một chiến tướng uy mãnh, Santino Corleone.

Lúc nhận ra mình đang thì thầm “Bố ơi, hãy giúp con” nàng lặp lại mấy lần và hạ quyết tâm. *Đút khoát ta sẽ làm điều ta phải làm.*

Một tay cảnh sát giao thông ở Capitol dừng lại để viết cho nàng giấy phạt, nhưng khi Francesca ngồi thẳng người lên - với khuôn mặt méo mó vì đau xót và phẫn hận, với mái tóc bù rối và đôi mắt phóng chiếu hung quang như một con thú hoang bị mắc bẫy của định mệnh oan nghiệt và đang vùng vẫy giằng dứ - thì tay cảnh sát vội đút quyển sổ phạt vào túi và lĩnh đi xa. Trông anh ta như thể vừa mới gặp ma. Anh ta quẹo vội qua con phố khác, vừa đi vừa lắc đầu như muốn xua đi một ám ảnh.

Nơi bãi đậu xe tối mờ bên sông Potomac, Francesca ngồi đợi trong chiếc xe màu đỏ của mình,

nhìn chùng vào quán bar bên kia đường, nơi nàng đã được Billy hẹn gặp. Nàng đã ở đó khá lâu, đủ lâu để đọc mọi lập luận và những bình luận trích thượng trong bộ hồ sơ đáng nguyên rủa đó. Nàng không mang đồng hồ đeo tay còn đồng hồ trong xe lại chỉ giờ lệch lạc. Trong ví nàng trước giờ vẫn để sẵn một mớ aspirin nhưng nay chẳng còn viên nào. Bàn tay nàng nhức nhối tệ hại hơn bao giờ hết. Nhưng nỗi đau thể chất và xúc cảm đang cùng tác động khiến nàng vượt qua được, giống như hai độc chất chết người hiện diện cùng lúc trong dòng máu lại có thể làm cho người ta vẫn sống, nhờ tính tương khắc giữa chúng.

Có lẽ khoảng một giờ trước đó Billy đã đi vào quán bar với nhiều tay luật sư trẻ khác.

Chàng đã không thấy nàng. Nếu gặp có lẽ đã có một màn cảnh om sòm.

Nàng tiếp tục nghĩ tới nghĩ lui giữa việc mong ước mình đã không mang theo con dao và việc sợ rằng nàng không thể làm điều này với bàn tay trái của mình.

Nàng tiếp tục nghĩ về cậu con trai hiếu động, buồn cười của mình, điều này khiến cho nàng cứ lưỡng lự khi nghĩ đến hành động, lúc thì hăng lên lúc lại muốn chùn tay.

Nàng tiếp tục nghĩ rằng nếu phải chi mình có thể điềm tĩnh lại, có lẽ mình sẽ suy nghĩ đúng đắn hơn.

Giờ đây nàng nhận thức rằng, điều này cũng thật là phi lí như nghĩ rằng nếu phải chi bố nàng còn sống bên cạnh nàng, thì toàn bộ cuộc đời nàng có lẽ đã khác đi và tốt hơn.

Nàng nghĩ nàng có thể sẽ đi xuống khi nàng thấy lại Billy, nhưng khi cuối cùng chàng ta ra khỏi quán bar, một mình và bước đi loạng choạng, lật cổ áo khoát lên để chống lạnh, thì điều ngược lại đã xảy ra.

Bảo hiểm.

Tim nàng đập rộn lên. Bàn tay nàng đau nhức dữ dội khiến nàng phải rên rỉ như một con thú hấp hối... Billy quẹo ở góc phố và đi ngược lối đi hẹp trái sỏi đến phố M. Nàng biết chàng ta đang làm gì. Chàng là công tử đại gia nên chàng mua chiếc xe đắt tiền này bởi vì đó là hiệu xe mà Johnny Fontane, Bobby Chadwick và Danny Shea đi, nhưng chàng cũng rất bủn xỉn để kêu một chiếc taxi nếu chỉ phải đi vòng một dãy phố. Ở phố M. chàng sẽ có thể kêu một chiếc taxi mà không phải tốn thêm cho một quãng vòng.

Francesca nổ máy xe. Dual-Ghia là loại xe có vận tốc cao, vọt rất nhanh. Một sự kết hợp hoàn hảo giữa động cơ cực nhạy của Ý với vẻ lộng lẫy phô trương kiểu Mỹ.

Chỉ trong chớp mắt và vài cú nhấn ga Francesca đã khiến chiếc xe phóng như tên bắn vào lối đi nhỏ kia.

Billy quay lại, che đôi mắt khỏi ánh sáng chói của hai đèn pha. Nàng dùng đôi tay giữ chắc tay lái. Billy đứng ngay trước đầu xe. Có một tia chớp trong nửa tích tắc của cái có vẻ như thoáng một nụ cười, và nàng tông xe thẳng vào người chàng. Lúc va chạm, đôi giày tut văng ra khỏi chân chàng, đôi cẳng chân chàng oằn lại bẹp dúm, thân người chàng giật tới trước, và đầu chàng đập vào nắp đậy xe mạnh đến nỗi tưởng chừng như chàng phóng từ tầng lầu thứ mười xuống. Chiếc xe quẩy đuôi nhưng vẫn tiếp tục chạy tới. Nàng cho xe chạy chậm lại nhưng không đạp thắng. Billy nằm vắt vẻo trên nắp đậy xe phía trước như thể đã bị gắn dính vào đó.

Francesca tóm lấy cặp hồ sơ và nhảy ra khỏi xe. Nàng đóng cửa xe lại như thể chẳng có chuyện gì bất thường vừa xảy ra và, không do dự, bước ra xa khỏi xe.

Nàng không bị thương. Dường như không có ai thấy nàng. Điều duy nhất nàng cảm thấy là kinh sợ. Nàng không la khóc. Nàng có đủ sức mạnh tinh thần để vượt qua bi kịch này và đủ sức mạnh thể chất để nắm chặt tay lái, ngay cả với một bàn tay bị thương khá nặng. Bàn tay đó bây giờ đang hành hạ nàng, nhưng lúc va chạm, nàng không cảm thấy gì.

Khoảng năm mươi yards cách chỗ xảy ra tai nạn (cố ý) nàng thấy một trong những chiếc giày của chàng nhưng vẫn không ngừng sải bước.

Nàng tự nhủ đừng nhìn. Nhưng khi nàng sắp quẹo vào phố M, nàng không thể không quay lại nhìn.

Từ trên đỉnh đồi, chiếc xe không có vẻ gì bị hư hại. Billy vẫn ở trên mui xe, bất động. Một vũng máu trải ra trên mặt đá cuội. Lúc đầu nàng không biết máu ở đâu ra nhiều thế cho đến khi nàng nhận thấy đôi cẳng chân chàng không chụm lại dưới cái cản phía trước. Đằng sau xa chiếc xe, dưới ánh đèn đường lẻ loi, nửa phần dưới cùng của cơ thể chàng bị cắt rời, nằm đó.

Dầu thể nàng không hề cảm thấy hối hận chút nào.

Cuộc đi bộ trở về nhà khiến nàng phải mất một phút hay cả một ngày nàng cũng không biết nữa. Trên suốt đường về, chịu đựng cơn đau nơi bàn tay và cơn đau còn khắc nghiệt hơn từ những cú thót tim mỗi khi nghe tiếng còi hụ, nàng không hề quay nhìn lại phía sau, dầu chỉ một lần.

Kathy đang ngồi ở bàn, đắm mình vào chuyện viết lách còn Sonny ngủ trong phòng của cu cậu.

Francesca thả phịch người xuống ghế xô-pha.

“Billy có gọi về nhà không?”

“Chị không biết,” Kathy nói, không nhìn lên. “Chị ngắt điện thoại để làm việc. Chị hy vọng em không phiền về chuyện đó. Sonny ngoan lắm, không quấy quá gì. Mọi chuyện đều ổn. Tay em thế nào?”

“Chị có nhớ khi em phát hiện Billy đang lừa dối mình, và chị bảo em nên giết hắn ta. Ờ, em đã làm chuyện đó rồi.”

Kathy bắt đầu cười, rồi nhìn gần hơn vào người chị em của mình và, mắt mở rộng, ngạt thở. Nàng nhào lên chiếc xô-pha. “Ồi, lạy Chúa! em”

“Hãy nhìn cái này,” Francesca nói, đưa cặp hồ sơ cho chị mình.

“Hãy kể cho chị mọi chuyện.” Kathy nói. “Cho chị biết mọi chuyện, nhanh lên.”

Cảnh sát đến nơi một giờ sau khi Francesca hành động, có lẽ khoảng năm phút sau khi Kathy lên xe buýt đưa nàng đến Nhà ga Union và chuyển xe lửa cuối cùng trong đêm quay về New York. Không có dấu vết nào của nàng trong căn hộ của Francesca. Kathy cũng không nói với mẹ nàng và vị hôn phu của mẹ nàng, Stan Người Bán Rượu, rằng nàng đi Washington vì nàng sợ Sandra, mẹ nàng, sẽ lập tức ca cẩm về chuyện từ bao lâu rồi kể từ lúc Kathy đến thăm họ ở Florida.

Khi cảnh sát cho Francesca biết tin, nàng chạy xuống sảnh đến phòng ngủ, la khóc có vẻ như loạn trí. Nàng đập vào tường với lòng bàn tay trái - mạnh nhưng tất nhiên là không mạnh đến nỗi làm tổn thương cái gì. Tuy vậy, âm thanh nó tạo ra nghe có sức thuyết phục! Khi họ đến giữ nàng lại, thì có một cái lỗ nơi bức tường và bàn tay của Francesca, theo ý họ, bị gãy xương và

bắt đầu sưng phồng lên. Nước đá để làm cho chỗ sưng phồng xẹp xuống đang tan ra trong bồn toilet.

Điều kỳ diệu là Sonny đã ngủ suốt thời gian xảy ra những chuyện này. Sau khi cảnh sát rời đi và sau khi ông bác sĩ, do thư kí riêng của Danny Shea gửi đến, cũng rời đi, Francesca ngắt điện thoại và đứng trước giường ngủ của con mình, ngắm nhìn con ngủ, với cái mũ chơi bóng màu vàng để trên gối kế bên cậu bé.

Nàng sẽ phải nói với con. Nàng sẽ gọi Kathy ở New York, và Kathy sẽ gọi cho mọi người khác: mẹ của họ, cả em của Billy và bố mẹ chàng ta. Nhưng Francesca sẽ phải, bằng cách nào đó, mang trên vai gánh nặng kể mọi chuyện cho Sonny.

Nàng quay lại nhà bếp và lấy tập hồ sơ ra khỏi đống sau những hũ, lọ, nơi nàng giấu nó. Nàng giở lại từng trang, ngạc nhiên rằng trên đời lại có người đi phản bội chính gia đình mình như thế này. Và vì cái gì? Sự nghiệp của hắn? Gia đình hắn quá giàu mà, còn gia đình Francesca thì có nhiều mối quan hệ rất sáng giá. Gia đình của nàng có thể là một bảo hiểm cho công danh sự nghiệp của Billy.

Francesca hiểu rõ cảnh ngộ của một đứa bé lớn lên mà không cha thì như thế nào. Nhưng nàng không biết một đứa bé lớn lên với một người cha muốn tàn phá chính gia đình mình thì nó sẽ như thế nào, sẽ cảm nhận ra sao về bố mình.

Nàng vẫn không thấy hối hận.

Trước mắt, nàng sẽ nói với Sonny rằng Bố con đã gặp tai nạn và đang ở trên Thiên đàng với bé Carmela. Nhưng một ngày nào đó, nàng thề với lòng, nàng sẽ kể lại toàn bộ sự thật cho con mình.

Nàng cắm điện thoại lại và gọi Kathy để kể chuyện gì đã xảy ra. Như một phần trong kế hoạch mà hai người đã vạch ra trong mấy giờ trước đây, Kathy đã bảo Francesca đừng để lộ chuyện gì qua điện thoại, đề phòng trường hợp Billy gần thiết bị nghe lén. Kathy và Francesca có một cuộc nói chuyện giả về những gì xảy ra và một cuộc trao đổi thật về người mà Kathy sẽ gọi.

Trời gần rạng sáng. Giờ này ở Nevada cũng đã muộn. Dầu thế, Francesca vẫn gọi. Vì nàng nghĩ chắc chú Mike muốn biết.

“Xin lỗi đánh thức chú vào giờ này, chú Mike à. Nhưng... nhưng một tai nạn đã xảy ra.”

Ngày hôm sau - như Kathy đã tiên đoán - cô thư kí ở văn phòng Billy khai rằng Francesca có ghé qua lấy một tập hồ sơ cho Billy. Không có gì sai trái hay bất thường về chuyện này. Francesca rời văn phòng mà không tỏ ra giận dữ hay quẫn trí gì cả. Billy có nhiều hồ sơ khác ở nhà và Francesca vẫn phụ giúp chồng lập hồ sơ. Còn tập hồ sơ ghi *Bảo hiểm* là một hồ sơ cá nhân của Billy. Chưa người nào từng yêu cầu được xem tập hồ sơ ấy.

Những nơi nào mà Francesca có mặt sau cuộc đi đến Bộ Tư pháp thì cũng dễ dàng để chứng minh thôi. Những người bán hàng ở Quán ăn Chợ Đông tất nhiên nói rằng họ có thấy Francesca và bé Sonny đến đây tối hôm trước (thực ra là bé Sonny đi với Kathy và bé vẫn gọi là Má nên đâu có ai biết là người khác).

Những người trong căn hộ trên lầu nói rằng họ đã thấy Francesca và Sonny về nhà không lâu sau khi trời tối. Trong ít nhất là hai tiếng sau đó, họ nghe tiếng đánh máy chữ đều đều từ căn hộ bên dưới vọng lên.

Francesca xác nhận điều này. Nàng nói là nàng viết một bức thư cho người chị ở New York, mà

nàng đã gửi đi không lâu trước khi cảnh sát đến. Nàng nói chuyện này với sự hiện diện của vị luật sư biện hộ về hình sự ở New York (một sự dàn xếp do Tom Hagen lặng lẽ thực hiện). Mấy ngày sau, Kathy (lúc ấy cũng được đại diện bởi cùng vị luật sư ấy) nói rằng nàng đã nhận bức thư nhưng đọc xong thì đã ném đi vì thấy không cần phải giữ lại làm gì. Như nhiều người bạn và bà con (kể cả mẹ của họ, Sandra) có thể và sẵn sàng xác nhận, cặp chị em sinh đôi này trong mấy năm gần đây, đã sống cách biệt nhau.

Một hậu quả hạnh phúc của câu chuyện bất hạnh này có lẽ là cách mà nó đem hai chị em sống gần nhau trở lại, thân thiết hơn cả trước đây.

Tay lái và cần sang số của chiếc Dual -Ghia dường như đã được chùi đi các dấu vân tay. Tuy nhiên, các thám tử vẫn nhận dạng được bốn bộ vân tay. Ba bộ đến từ các thành viên của gia đình mà chiếc xe này thuộc về - Billy, Francesca và Sonny Van Arsdale (còn Kathy vẫn mang gang tay khi lái chiếc xe đỏ từ Ga Union về căn hộ của người chị em nàng nên chẳng lưu lại gì). Bộ vân tay thứ tư - được tìm thấy cả ở ghế ngồi trước và ghế ngồi sau - đến từ một người đàn bà mà Billy Van Arsdale đang liên hệ lãng nhăng.

Cảnh sát có thể gặp nhiều người đã từng thấy người phụ nữ này vào đúng buổi chiều mà Billy chết, nhận phòng vào khách sạn Dupont Circle và khoảng chín mươi phút sau thì rời phòng, ràn rụa nước mắt. Người phụ nữ này đã thú nhận với nhiều người trong văn phòng của cô rằng Billy đã chấm dứt mối quan hệ với cô ta ngày hôm đó. Nhiều tháng trước nàng đã thú nhận với cùng những người bạn đó rằng Billy đã cho nàng dính bầu và bắt nàng phá thai.

Khi các thám tử hỏi nàng ta về chuyện này, nàng tỏ ra quần trí. Họ bắt giam cô ta và buộc tội giết người ở cấp độ thứ nhì (second-degree murder).

PHẦN IX

Mùa hè 1962

Chương 32

Việc bắt giữ Carmine Marino đã trở nên một biến cố quốc tế mà mọi người có dính líu đến chuyện “đi chơi” của anh chàng này đến Cuba đều phát hoảng.

Mức độ của những gì CIA đã làm ở Cuba đến như một cú sốc với Tổng thống Shea. Về mặt công khai, Tổng thống xác định rõ rằng Hoa Kỳ sẽ hợp tác bằng bất kỳ cách nào khả thi để mang Marino, một người dân Ý, ra trước công lí. Về phần mình, chính quyền Ý nói rằng họ có nhiều người mang tên Carmine Marino trên danh bạ, nhưng không có ai tương thích với sự mô tả về tay sát thủ danh tiếng này. Marino đã sống ở Mỹ được sáu năm. Nhà độc tài Cuba tuyên bố rằng đích thân Tổng thống Shea phải chịu trách nhiệm về vụ này. Thủ tướng Liên xô không ra tuyên bố chính thức về vấn đề nhưng lại đến Havana để dự đám tang được tổ chức linh đình cho hình nhân thể mạng kia.

Trong chỗ riêng tư, Tổng thống Shea dành nhiều thời gian gấp gờ và bàn mưu tính kế với đội ngũ an ninh quốc gia và khiển trách Giám đốc CIA. Nhưng trước khi Tổng thống có cơ hội chạm trán bố mình về những nghi ngờ của ông đối với sự dính líu của ông già vào vụ việc thì Ngài Đại sứ đã bị một cơn đột quỵ tim mạch nặng. Ông sẽ còn sống nhiều năm nữa nhưng vĩnh viễn “tĩnh khẩu” kể từ đây vì có muốn nói cũng nói không được nữa rồi!

Mối liên hệ giữa Marino với cái mà báo chí không ngừng gọi là “Gia đình tội ác Corleone” khá dễ để chứng minh bằng tư liệu. Ngay cả những tờ báo còn do Gia đình này kiểm soát cũng không có lựa chọn nào khác ngoài việc phải hòa theo những kẻ cạnh tranh và điều tra về những lời đồn rằng tay gang-x-tơ trẻ không hành động một mình.

Về mặt công khai, Tổng chương lí chế điều mọi khái niệm về mối liên hệ giữa chính quyền liên bang với cái mà bây giờ ông ta gọi là Mafia. Trong một cuộc gặp gở riêng tư với bộ tham mưu của mình, ông tiết lộ một kế hoạch mới, rất hiệu chiến, nhằm truy tố tội ác có tổ chức. Billy Van Arsdale là không thể thay thế, ông ta bảo với họ, nhưng những cố gắng của họ là dành để tưởng niệm anh.

Giám đốc FBI không quên cuộc gặp gở với Tom Hagen nhiều năm trước đây, khi ông Hạ nghị sĩ tương lai nhá cho ông ta thấy tấm hình đen trắng của ông ta đang mút c... cộng sự cao cấp nhất của mình. Tình cảnh của ông ta quả là dở khóc dở cười vì bị bọn họ “bắt thóp” nên tiến thoái lưỡng nan, tức chết đi được nhưng vẫn phải ngậm bồ hòn làm ngọt. Tuy nhiên, hiện nay giám đốc không có chọn lựa nào khác mà phải đồng thuận với sáng kiến táo bạo của Tổng chương lí.

Tại trụ sở Liên hiệp quốc, những trung gian thông thường - các quốc gia nhỏ với hệ thống giáo dục tốt và quân đội được giải thể - được gửi đi để tiến hành các cuộc thương lượng để trục xuất hoặc dẫn độ Carmine Marino hoặc là về sinh quán của anh ta hoặc về Mỹ nơi anh ta còn nhiều tháng nữa mới trở thành công dân. Còn không ít ra những nhà thương thuyết cũng muốn bảo đảm rằng Marino sẽ nhanh chóng được đưa ra tòa và được xét xử công khai, sòng phẳng ở Cuba. Chính quyền Cuba thực hiện những màn trình diễn lớn về vụ này để khuấy động dư luận quốc tế, để lên án Mỹ, để tranh thủ sự ủng hộ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, và kể cả khơi dậy cảm tình của những người tiến bộ trên toàn thế giới. Trong tình hình đó có lẽ Marino còn được giữ ở Cuba là tốt nhất cho sinh mạng của anh ta: được giam giữ cẩn mật và an toàn với lưới gươm công lí treo lơ lửng vô thời hạn trên đầu (vì để cho anh ta sống thì còn có một lợi khí để tuyên truyền chứ giết cho anh ta chết là hết chuyện. Như thế thì quá phí, người có chút đầu óc chính trị không ai dại gì làm thế).

Còn Marino có bị tra tấn tàn bạo hay không thì cho đến ngày ấy hãy còn là một vấn đề gây

tranh cãi. Nhưng tổng kết tất cả những thông tin liên quan thì có thể xác định là anh ta chưa hề khai bất kỳ điều gì với bất kỳ ai.

Nhưng chẳng bao lâu sau, những cuộc khủng hoảng khác, kể cả cuộc đối đầu cân não giữa Tổng thống Hoa kỳ và Thủ tướng Liên xô lúc đó - nhân vụ tàu ngầm nguyên tử của Liên xô vào Cuba - đã khiến cho cả thế giới nín thở vì đang đứng trước bờ vực của Thế chiến thứ ba (cũng có nghĩa là... sắp tận thế!), đã xua đẩy vụ ám sát kẻ song trùng của nhà độc tài và dư chấn gai góc của vụ đó ra khỏi trọng địa của báo chí thế giới. Vụ này nổi đình đám trở lại trên trang nhất tờ báo chính thức của Nhà nước Cuba khi Carmine Marino cố gắng vượt ngục và bị bắn chết. Rất ít tờ báo nào ở Mỹ đăng câu chuyện này gần trang nhất. Và chỉ là một mẩu tin thời sự ngắn trên Tivi. Không có trường hợp nào câu chuyện chính thức được điều tra, truy vấn nữa.

Ngồi trong một đường hầm bên dưới Madison Square Garden, hai giờ trước khi buổi hòa nhạc của Johnny Fontane bán hết vé, Michael Corleone trong một chiếc tuxedo mới nhưng theo phong cách cổ điển, ngồi chờ *consigliere* của anh ta đến. Michael đốt một điếu thuốc với cái bật lửa cũ của anh mình, Fredo. Anh ta nghĩ đây là vấn đề của việc đến sớm. Chờ đợi.

Việc Michael quay về New York đã được đồn đãi từ nhiều tháng nay. Người trong Gia đình anh và cả những Gia đình khác. Và tại sao không? Những ai còn hữu hảo với Michael đều giàu có thêm lên. Nhưng không phải những ai dấn thân vào cuộc suy luận về bước đi kế tiếp của Michael. Công chúng thì được kích động tính tò mò. Những lời đồn được đăng tải bởi mọi tờ báo trong thành phố. Anh ta kinh hoàng nhận ra là mình đã được biến thành một thứ “người hùng dân gian” (something of a folk hero). Hàng trăm tội ác được đồn đãi là thành tích xuất sắc của anh ta, thế mà anh ta chưa từng một lần bị kết án với bất kỳ tội nào. Những đầu sỏ ác ôn như Louie Russo và Emilio Barzini đã tiêu đời và Michael còn tiếp tục ra tay. Hầu hết các Ông Trùm ở Mỹ đều bị bắt ở Thượng New York, và Michael - theo nhận định của lương thức thông thường, hẳn là phải có mặt ở đó - nhưng lại không bị phát hiện, dầu là cách đó cả ngàn dặm (Thật ra lần đó anh ta thoát được chẳng qua là nhờ ăn may, hay không bằng hên, thế thôi. Nhưng công bằng mà nói, cũng có phần nhờ anh ta nhanh trí, xử lý tình huống tốt). Những nhân vật xuất sắc trong chính Gia đình anh ta - Sally Tessio, Nick Geraci - từng dám đặt vấn đề về quyền lực của anh ta thì đều không còn thấy lớn vồn ở gần để mà ý kiến ý ruồi gì nữa. Anh ta mặc tình làm mưa làm gió chẳng ai dám hó hé.

Anh ta cũng, không phải ngẫu nhiên, trông sang cả hơn lên về ngoại hình. Những bộ cánh của anh ta được cắt may rất đẹp, rất thanh nhã. Tóc anh ta được tạo mẫu hoàn hảo và hàm răng trắng bóng. Anh ta là một người hùng trong chiến tranh. Anh ta tự lái chiếc máy bay riêng của mình. Nếu anh ta lệnh cho thuộc hạ nhảy vào núi đao biển lửa, sẽ không có đứa nào dám từ nan. Anh ta chống chọi được *nổi buồn mất hai người anh yêu quý* (mà một người do chính anh ta sai thuộc hạ giết! Vâng, xin độc giả đừng quá khắt khe với anh ta về cái sự vụ hơi rối rắm này. Đây là cái *tình huống chẳng đáng* đừng khiến anh ta *giết thì giết nhưng thương thì thương* ấy mà! Xin thông “cỗm”). Anh ta đã yêu và chịu nhiều mất mát, hai lần, và vẫn dũng cảm mon men tìm con đường tình chúng ta đi! Trong thời gian này hiếm khi có một ngày qua đi mà báo chí lại không kể lể hoặc cả đăng hình quá trình diễn tiến khúc tình ca mới giữa anh ta với nữ diễn viên đẹp mê li, từng đoạt giải Tony - nàng Marguerite Duvall. Nàng hiện nay sống ở New York. Chỉ là vấn đề thời gian trước khi chàng cũng về sống lại nơi đó, đúng không nào?

Michael nghe Tom Hagen gọi tên mình.

Tom để lại các vệ sĩ của anh ta ở lại với đám vệ sĩ của Michael và đi xuống đường hầm một mình. Họ ôm nhau.

“Chú sẵn sàng?”

Michael gật đầu. “Chỉ là bữa ăn tối, phải không?”

“Chỉ là bữa ăn tối,” Tom nói. “Đúng. Đi lối này.”

Họ hướng về nơi thông thường là phòng thay quần áo của đội bóng rổ New York Knicks, nơi những người đứng đầu của Năm Gia đình ở New York và các *consiglieres* của họ gặp gỡ cho một buổi ăn tối trọng thể. Lần đầu tiên cả bốn Ông Trùm khác - Black Tony, Leo Người Bán sữa, Paulie Fortunato, và người mới nhất, Ozzie Altobello, người vừa tiếp quản quyền lực từ Ông Trùm quá cố Rico Tattaglia - đều là bằng hữu với nhà Corleones.

“Nào, Mike.” Tom đặt một cánh tay quanh người anh ta. “Mọi chuyện sắp ổn cả rồi. Chú đã thử làm những chuyện chưa ai làm được. chú đã thử làm điều tưởng chừng bất khả, và chú hầu như đã làm được. Rất gần mục tiêu rồi. Đừng bỏ lỡ cơ hội ngàn năm một thuở này.”

“Trông tôi có vẻ như đang bỏ lỡ cơ hội sao?”

“Với những con mắt chẳng tinh đời thì có vẻ như thế.” Tom bóp vai Mike, theo cái cách dịu dàng mà Vito Corleone vẫn thường làm khi yêu cầu ai một ân huệ. “Chú là loại người chỉ để ý đến những gì mình không có. Điều này làm cho chú trở thành một con người vĩ đại, nhưng sẽ đến một lúc chú phải lui bước và thẩm định những gì mình có.”

Michael bị cảm dỗ muốn nói rằng không có bất kỳ cái gì mình có mà mình thực sự mong muốn. Nhưng như thế là sai. Anh biết thế. Anh có hai đứa con rất tuyệt vời, một người anh và một người em gái yêu mến mình. Những hoài niệm về một tuổi thơ hạnh phúc. Ý chí muốn tái hợp và thử lại. Những khối tài sản khổng lồ nơi một xứ sở giàu mạnh nhất trên trái đất, nơi thực sự đòi hỏi người ta phải phát minh lại bản thân.

Tom buông cánh tay mình xuống. Hai anh em đang đứng ở ngưỡng cửa của đại sảnh nơi buổi tiệc sẽ diễn ra.

“Nếu hắn ta xuất hiện đâu đó,” Tom nói, “chúng ta sẽ tìm thấy hắn.” Anh không nhắc tên Geraci. Giờ đây đó là một từ úy kị. “Không ai có thể ẩn mình mãi mãi.”

Michael bảo rằng mình không chắc lắm như thế. Cả hai anh em từng nghe những câu chuyện về các tay Mafiosi ở Sicily tuyệt tích giang hồ, im hơi lặng tiếng cả hai mươi năm, thậm chí ba mươi năm, và nước Mỹ thì rộng gấp hơn hai trăm lần đảo Sicily.”

“Nhưng nước Mỹ cũng đầy những con người to mồm hơn rất nhiều. Nếu hắn ta lộ diện đâu đó, tôi tin rằng cuối cùng thế nào chúng ta cũng thấy hắn.”

“Anh phải tin điều đó sao?”

“Người ta sống phải có hy vọng, Mikey à.”

Từ tầng trên vọng xuống âm thanh thử giọng của Fontane. Bài quốc ca ngạo nghễ mà chàng ta vẫn luôn khẳng định là mình không thích.

“Tôi cũng có hy vọng,” Michael nói.

Tom Hagen mở cửa.

Các Ông Trùm khác kêu lớn tên Michael và tươi cười rạng rỡ ủa đến chúc mừng anh.

Trong một hang động với kích thước bằng một phòng khiêu vũ bên dưới khu liên hợp ở Đảo Rắn Rung Chuông, nơi anh đã sửa soạn để sống bao lâu trong mức độ có thể, Nick Geraci cuối

cùng cũng nhai nuốt hết bộ sử hai quyển về Chiến tranh La mã, những quyển sách duy nhất mà anh kịp đem theo với mình. Sống nơi hang động này một thời gian anh đã mất dấu ngày hay đêm, nhưng cứ khi nào mệt mỏi thì anh đi ngủ, khi nào ngủ đã giấc anh thức dậy, pha một bình cà-phê, lấy ra cuốn sổ ghi chép, và bắt đầu viết. *Cuộc mặc cả với định mệnh của Fausto*, anh định đặt nhan đề cho quyển sách của mình như thế. Một cuốn sách sẽ “bật nắp” thế giới tội ác ở Mỹ.

Anh biết gì về chuyện viết lách, nhất là viết cả một quyển sách?

Chẳng sao cả. Ai mà biết được cái gì? Cứ bắt đầu. Đó là điều người ta cần biết. Và anh bắt đầu - từ chỗ bắt đầu!

“Chúng tôi sống theo một luật lệ riêng,” anh viết, “vốn hơn là những gì các bạn có thể nói về chính quyền của mình, mà tôi đã thấy đủ từ bên trong để có thể đề cập với ít nhiều thẩm quyền. Trong khoảng thời gian mà các bạn cần để đọc quyển sách này, chính quyền của các bạn sẽ tham gia vào những cuộc chém giết và những tội ác khác nhiều hơn là bao nhiêu những người trong truyền thống của tôi đã làm trong bảy thế kỉ tồn tại. Tin tôi đi. Có lẽ là quý vị đểch thêm tin đâu. Chuyện đó thì tùy. Không phải là có ý bất kính đâu nhé, nhưng đấy chính là điều làm cho các bạn, độc giả yêu quý, thành kẻ dễ bị lừa. Nhân danh những công sự cũ của tôi, và nếu tôi được mạn phép bạo phổi một tí, nhân danh cả ông Tổng thống của các bạn, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.”

Anh dừng bút. Anh không thể lưu lại chốn này mãi mãi, nhưng đã có những dàn xếp để anh có thể lưu lại đây một thời gian dài. Hẳn là đủ lâu để viết một quyển sách.

Đôi khi ban đêm anh tưởng chừng như có thể nghe tiếng khoan - toán thợ đang đào hầm, dự định một ngày kia sẽ nối kết anh với tổng hành dinh ở Cleveland. Có lẽ anh đang tưởng tượng ra quá nhiều chuyện. Có lẽ đến khi họ hoàn tất, thì anh đã đi nơi khác, hay đã toi đời. Cơ may của anh không có nhiều. Mong manh và phù phiếm chẳng khác nào *trên trời mây nổi như áo trắng, thoáng chốc bỗng thành con chó rom*. Than ôi, *bức tranh vân cầu vẽ người tang thương*.

Nick Geraci cười lớn. Dầu rơi vào nghịch cảnh khiến nhiều người ắt phải phẫn hận mà ngâm câu *anh hùng nan dĩ mệnh tranh hoành* (anh hùng cũng khó có thể tranh đua ngang ngửa với số mệnh) nhưng chàng Geraci vẫn yêu thiết tha định mệnh của mình. *Amor Fati*. Chàng thật sự là một tâm hồn lớn.

Michael Corleone và Francesca Van Arsdale xuất hiện từ thang máy rồi đi vào căn hộ tầng mái(penthouse apartment) tuyền một màu trắng đến lóa mắt. Roger Cole theo sau. Al Neri ấn cái nút đỏ và chờ trong thang máy. Kathy Corleone ở lại bên dưới với nhóc Sonny, trong một dãy phòng mà, nếu Michael mua tòa cao ốc này, sẽ được chia phần cho cặp song sinh.

Tầng mái chiếm trọn toàn bộ tầng trên cùng - tầng thứ bốn mươi - nhưng đây là một cao ốc nhỏ. Michael sải bước ngang qua sàn nhà cẩm thạch bóng lộn, đến những cửa sổ nhìn ra East River (Sông Đông) và Queens. Nhìn từ bên ngoài, tòa cao ốc này có vẻ tầm thường, hầu như xấu xí nữa là khác, lại bị che khuất mặt trước bởi một cao ốc lớn hơn, trong một hẻm cụt ở cuối phố Bảy mươi hai. Những tầng dưới đầy các văn phòng. Nhân viên an ninh rải đều từ thang máy cho đến mọi căn hộ ở tầng trên cùng. Có thể dễ dàng thay đổi những nhân viên đó bằng những người do chính Neri chọn. Và tầng mái đòi hỏi một chìa khóa đặc biệt. Chỗ ở này sẽ an toàn hơn khu phức hợp ở Hồ Tahoe hay khu nhà ở Long Beach. Chính công ty của Cole đã phá hủy bên trong và thiết kế lại nội thất của căn hộ, rất lâu trước khi Michael nói với Cole mình muốn tìm kiếm cái gì, vậy nên sẽ không có cơ hội cho việc lặp lại chuyện cài thiết bị nghe lén như ở Tahoe.

Francesca đang dán mắt vào vẻ đẹp của quang cảnh và của căn hộ. Trong nhiều tuần, Michael

đã chờ đợi cú sốc của những gì xảy ra với Billy giảm nhẹ dần với nàng, nhưng chẳng có cú sốc nào. Mike bắt đầu nhận ra rằng sẽ chẳng có gì. Nàng đã trở thành, hơn cả cậu em ngôi sao bóng đá Mỹ, hiện thân sống động gần gũi nhất của tính thô bạo chất phát của cha nàng. Giết chồng nàng chính là hành động bùng bột nóng nảy mà Sonny có lẽ cũng đã làm. Nàng không cách nào biết rằng chú Mike đã lo liệu chuyện này. Tom Hagen đã đưa ra một đề xuất mà Billy khó lòng từ chối. Lẽ ra chàng ta đã là một nguồn tư liệu đáng giá cho nhà Corleones, chứ không phải là một sự báo oán. Với một mưu thuật nhẹ nhàng họ đã cài được người vào bên trong Bộ Tư pháp. Và rồi chàng ta lại bị cắt làm đôi bởi chính vợ mình, bằng chính chiếc xe của mình. Michael đã thu xếp để Francesca không bao giờ biết được sự thật.

Michael chỉ xuống lối đi. “Còn phòng ngủ của đám nhóc sẽ”

“Đúng” Cole nói. “Lối đó.”

Cole có lẽ là người kinh doanh địa ốc và nhà đầu tư bất động sản nổi tiếng nhất ở New York. Sinh ra với cái tên Ruggero Colombo, anh ta lớn lên trong một căn hộ tồi tàn gần nhà Corleones. Anh ta thường kể lại câu chuyện làm ấm lòng về cái ngày Vito Corleone thuyết phục chủ nhà của gia đình họ không đuổi nhà Colombos đi nhờ đó cậu bé Ruggero giữ được con chó con lai yêu quý của mình. Vito cũng trả học phí giúp Roger Cole tốt nghiệp Đại học Kinh doanh Fordham. Cole đã giúp Michael kiếm được nhiều triệu đô, lúc đầu lằng lẽ và bây giờ thì công khai. Nếu phải chỉ Michael có nhiều thời gian hơn để phát triển thêm một ít mối quan hệ như mối quan hệ anh đã có với Cole, có lẽ anh đã có thể giữ được lời hứa với Kay và với bố anh. Chưa phải là quá muộn. Anh vẫn có thể thử lại. Nhưng hiện nay anh lại đi về... đường xưa lối cũ.

“Anh có thường gặp họ không?”

“Ai chứ?”

“Gia đình anh,” Cole nói. “Tony và Mary.”

Trong một lúc, Michael đã nghĩ Roger muốn chỉ những cộng sự làm ăn trước đây của mình. “Ngày mai tôi sẽ đi thăm các cháu.”

Đối với khu Manhattan thì các phòng ở đây là rộng nhưng so với phòng ốc ở Tahoe thì lại khá nhỏ. “Mọi người sẽ thích nơi đây, tôi nghĩ vậy.”

“Còn anh thế nào?” Cole hỏi. “Anh thích chỗ này không? Bởi vì nếu anh không thích thì tôi còn vài chỗ khác cũng được lắm. Nếu anh có thời gian tôi sẽ dẫn anh xem qua.”

“Ai là người bán?” Michael hỏi.

Cole cười. “King Properties của chúng tôi chứ còn ai khác.”

Điều này có nghĩa là với tư cách đối tác thăm lạng của Cole, Michael đã có được một miếng rồi. “Và toàn bộ cao ốc này để bán?”

“Không chính thức như thế. Chỉ bán các căn hộ. Nhưng cho bạn thì tất nhiên rồi.”

Anh có thể kéo gia đình về gần mình, hơn lúc nào khác. Kathy đã có chỗ dạy ở City College; nàng và Francesca sẽ sống bên nhau và cùng nuôi dạy bé Sonny. Connie và các con của cô ấy sẽ dọn vào dãy phòng lớn khác ở tầng đó. Tom và Theresa sẽ sử dụng toàn bộ tầng dưới đó. Bất kỳ ai dọn đến đây anh cũng có chỗ cho họ và giữ cho họ được an toàn.

Họ bàn về các điều khoản của hợp đồng.

“VẬY là tốt lắm, Roger à.”

Francesca tán thành. Mọi người hôn nhau lên má và hướng về buồng thang máy.

“Đã từng là Người New York,” Cole nói. “Mình biết bạn sẽ trở về. Chúc mừng trở lại quê nhà, bạn quý!”

“Thật vui khi trở về,” Michael nói, lớn hơn là anh định nói. Khi hai cửa thang máy khép lại, những lời của anh còn vang vọng trong lối đi có mái che của căn nhà mới.

VỀ TÁC GIẢ



Mark Winegardner nhận bằng Thạc sĩ Văn chương về viết truyện (Master of Fine Arts in Fiction Writing) tại Đại học George Mason và xuất bản quyển sách đầu tay ở tuổi hai mươi sáu, khi còn trên ghế nhà trường. Những quyển sách của ông đã được chọn là những sách hay trong năm bởi *The New York Times Book Review*, *Los Angeles Times*, *Chicago Sun Times*, *USA Today* và Thư viện Công New York. Tác phẩm của ông đã xuất hiện trong nhiều ấn phẩm gồm *GQ*, *Playboy*, *Family Circle*, *American Short Fiction*, *Ladies' Home Journal*, *Parents* và *The New York Times Magazine*. Nhiều truyện của ông được chọn như là Truyện ngắn Xuất sắc của Năm trong *The Best American Short Stories*. Ông cũng là thành viên của các Chương trình Viết văn Liên kết. Hiện nay ông là Giáo sư và Giám đốc của Chương trình Viết Sáng tạo tại Đại học Bang Florida ở Tallahassee, Florida.

HẾT



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>